



HECKMAN

BINDERY, INC

FT 016695 @ 2 00



12/8/2005

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*Chúc mừng
Năm mới*



1

1-2005

UNIV. OF MICH.

DEC 31 2004

CURRENT SERIALS



Chủ tịch HĐQT:
K.S LƯU MINH TUYẾN

Hơn 40 năm qua, từ một vài đơn vị nhỏ làm nhiệm vụ đơn lẻ: Nạo vét, trục vớt, bảo đảm giao thông đường thủy. Ngày nay, Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Việt Nam (VINAWACO) trở thành Tổng công ty chuyên ngành duy nhất, hàng đầu của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình cảng đường thủy, thủy công, nạo vét mới và duy tu luồng vận tải biển, sông; san lấp mặt bằng, xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị và khu dân cư mới; dự án cầu, đường bộ; dự án các ngành kinh tế trọng điểm của đất nước như thủy điện, dầu khí, than, xi-măng, thép, thủy sản. Ngoài ra, Tổng Công ty còn dịch vụ tư vấn thiết kế các công trình thủy, xuất khẩu lao động, xuất khẩu và sửa chữa công nghiệp.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY

VIETNAM WATERWAY CONTRUCTION CORPORATION

TRỤ SỞ TỔNG CÔNG TY

Số 40 Phùng Hưng - Hà Nội * Tel: 04 9 285 109 - 9 285 106 - 8 252 460

Fax: 84-4 9 285 124 * Email: vinawaco@fpt.vn * Website: <http://www.vinawaco.com.vn>

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY TẠI TP. HCM

Số 18E3 Chu Văn An - P26 - Q. Bình Thạnh - Tp. HCM * Tel: (08) 5110 926; 5110 927 * Fax: (84-8) 8040 576

Chúc Mừng Năm Mới
2005



Đưa chân sông cảng Tiên Sa - Đà Nẵng

Tàu Bình Dương thi công mở luồng mới cảng Cái Lân



Tàu hút bùn Thái Bình Dương đóng mới 2003 tại CHLB Đức, có khả năng phun trực tiếp, phun xa 1000m



Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc:
Ts DUONG CHI DUNG

Với định hướng trở thành một tập đoàn mạnh, VINAWACO sẵn sàng kết nối hoạt động với các đối tác trên các lĩnh vực trong và ngoài nước. Khách hàng là trung tâm của mọi công việc, thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng từ chính thương hiệu của mình và cùng phát triển, luôn cầu mong cho khách hàng thành đạt

ĐỔI MỚI,

HỢP TÁC,

PHÁT TRIỂN LÀ

CON ĐƯỜNG VƯƠN

TỚI CỬA

VINAWACO



Đường Hồ Chí Minh



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 724

1

1-2005

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

**• Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :
<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Mừng Xuân mới 2005

Trình bày: Mai Linh

Tạp chí Cộng sản

**CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

MỤC LỤC

XÃ LUẬN: Năm 2005 - năm của những nhiệm vụ lớn và quyết tâm cao 3

NHÌN LẠI NĂM 2004 - CHÀO NĂM MỚI 2005

NGUYỄN SINH CÚC - Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2004 và dự báo năm 2005 6

PHAN DOÃN NAM - Tình hình thế giới và ngoại giao Việt Nam năm 2004 12

***** Hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương trong năm 2004** 18

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN BẠCH ĐẰNG - Vài suy nghĩ về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý 23

NHỊ LÊ - LÊ KHẢ THỌ - Một đảng lãnh đạo và thực thi dân chủ 26

CHU THÁI THÀNH - Bảo vệ môi trường trước những yêu cầu mới của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 32

PHẠM QUỐC TRUNG - Về hoạt động mỹ thuật nước ta giai đoạn hiện nay 37

PHẠM TIẾN DUẬT - Tiếng sáo của văn học, cây sáo của cuộc đời 43

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN THÁI BÌNH - Chính sách ưu đãi đầu tư đối với kinh tế trang trại ở tỉnh Trà Vinh 46

TRỌNG BẢO - Một số giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Gia Lai 51

NGUYỄN TẤN KHÓA - Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam hơn hai mươi năm đồng hành cùng dân tộc 56

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

ĐỖ MAI THÀNH - Bên lề hội thảo 60

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

HÊ-SU AI-SE SÔ-TÔ-LÔNG-GÔ - Cu-ba: kinh tế, xã hội và quan hệ với Việt Nam 62

NGUYỄN VĂN VINH - Từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc 67

QUA SÁCH BẢO NƯỚC NGOÀI

***** Việt Nam năm 2004, qua con mắt người nước ngoài** 70

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая: 2005 год – год грандиозных задач и большой решимости. • НГУЕН ШИНЬ КУК: Обзор о вьетнамской экономике в 2004 г. и прогнозы о ней в 2005 г. • ФАН ЗОАН НАМ: Мировая обстановка и дипломатия Вьетнама в 2004 г. • *** Деятельность Центрального теоретического совета в 2004 г. • ЧАН БАТЬ ДАНГ: Некоторые мнения о перестановке руководящих и управляющих кадров. • НЫИ ЛЕ – ЛЕ КУА ТХО: Проблема однопартийного руководства и осуществления демократии. • ТЮ ТХАЙ ТХАНЬ: Охрана окружающей среды перед новыми требованиями периода ускорения индустриализации и модернизации страны. • ФАМ КУОК ЧУНГ: О деятельности изящных искусств в нашей стране на данном этапе. • ФАМ ТИЕН ЗУАТ: Сладкозвучная флейта литературы, флейта жизни. • НГУЕН ТХАЙ БИНЬ: Льготная инвестиционная политика для фермерской экономики в провинции Чавинь. • ЧОНГ БАО: Некоторые меры по ускорению сдвигов в экономической структуре в провинции Жалай. • НГУЕН ТАН КУОА: Более 20 лет, Комитет солидарности католиков Вьетнама сопутствует нации. • ДЖЕСУС АЙСЕ СОТОЛОНГО: Куба: экономические, социальные проблемы и отношения с Вьетнамом. • НГУЕН ВАН ВИНЬ: Из процесса международной экономической интеграции Китая.

CONTENTS

Editorial: The year 2005 - the year of great tasks and elevated determination • NGUYỄN SINH CÚC: Overview of Vietnam's economy in 2004 and the forecast for 2005 • PHAN DOÃN NAM: The World situation and Vietnam's diplomacy in 2004 • ***Activities of the Central Theoretical Council in 2004 • TRẦN BACH ĐĂNG: Some thoughts on rotation of the leading and managing cadre • NHỊ LÊ - LÊ KHẢ THỌ: The issue of one party leading and implementing democracy • CHU THÁI THÀNH: Environment protection in the face of new demands of the period of accelerating the country's industrialisation and modernisation • PHẠM QUỐC TRUNG: Regarding fine-arts activities of our country in the present period • PHẠM TIẾN DUẬT: The flute sounds of literature, the flute of life • NGUYỄN THÁI BÌNH: Investment-priority policy for farm economy in Trà Vinh province • TRỌNG BẢO: Some solutions to accelerate the shift of economic structure in Gia Lai province • NGUYỄN T N KHÓA: The Committee of Christian Solidarity of Vietnam for over 20 years in a company with Nation • JESUS AISE SOTOLONGO: Cuba - economy, society and relations with Vietnam • NGUYỄN VĂN VINH: From China's process of World economic integration.

SOMMAIRE

Editorial : 2005 – année de grandes tâches et d'une haute détermination. • NGUYỄN SINH CÚC: Aperçu de l'économie vietnamienne de 2004 et prévision pour 2005. • PHAN DOÃN NAM: La diplomatie vietnamienne et la conjoncture mondiale en 2004. • *** Activités du Conseil théorique central en 2004. • TRẦN BACH ĐĂNG: Quelques réflexions sur la mutation des cadres dirigeants et gestionnaires. • NHỊ LÊ - LÊ KHẢ THỌ: La question d'un seul parti au pouvoir et la mise en pratique de la démocratie. • CHU THÁI THÀNH: La protection de l'environnement face aux nouvelles exigences de la période d'accélération de l'industrialisation et de la modernisation du pays. • PHẠM QUỐC TRUNG: Sur les activités des beaux-arts du Vietnam à l'heure actuelle. • PHẠM TIẾN DUẬT: Le son de flûte des lettres, la flûte de la vie. • NGUYỄN THÁI BÌNH: La politique de privilège d'investissement vis-à-vis de l'économie de ferme dans la province de Trà Vinh. • TRỌNG BẢO: Quelques solutions pour accélérer la restructuration économique dans la province de Gia Lai. • NGUYỄN TẤN KHÓA: Le Comité de solidarité catholique du Vietnam – plus de vingt ans côte à côte avec la nation. • JESUS AISE SOTOLONGO: Cuba: économie, société et relations avec le Vietnam. • NGUYỄN VĂN VINH: A partir du processus d'intégration économique de Chine.

SUMARIO

Editorial: 2005 – año de grandes tareas y alta determinación • NGUYỄN SINH CÚC: El panorama económico de Viet Nam de 2004 y los pronósticos de 2005 • PHAN DOÃN NAM: La situación mundial y la diplomacia vietnamita en el 2004 • ***Actividades del Consejo Central de Teorías en el 2004 • TRẦN BACH ĐĂNG: Ciertas meditaciones sobre la rotación de cuadros de dirección y de administración • NHỊ LÊ - LÊ KHẢ THỌ: Un partido en dirección y ejecución de la democracia • CHU THÁI THÀNH: La protección del medio ambiente ante las nuevas demandas del período del impulso de la industrialización y modernización nacional • PHẠM QUỐC TRUNG: Sobre las actividades artísticas de nuestro país en la actual etapa • PHẠM TIẾN DUẬT: Los sonidos de flauta de la literatura, flauta de la vida • NGUYỄN THÁI BÌNH: La política preferencial de inversión para con la economía de hacienda en la provincia de Trà Vinh • TRỌNG BẢO: Ciertas soluciones para impulsar la transmutación económica en la provincia de Gia Lai • NGUYỄN TẤN KHÓA: El Comité de Unidad Católica de Viet Nam, más de veinte años de marcha junto con la nación • JESUS AISE SOTOLONGO: Cuba: economía, sociedad y relaciones con Viet Nam • NGUYỄN VĂN VINH: A partir del proceso de integración económica internacional de China.

目錄

• 社论：2005 年的一些重大任务和大的决心 • 阮生菊：2004 年越南经济综观和 2005 年的预报 • 潘尹南：国际形势、越南外交和 2004 年 • ***2004 年中央理论委员会的活动 • 陈白藤：有关领导、管理干部轮换的一些想法 • 二黎、黎可寿：一党领导和实施民主的问题 • 周泰城：环保问题面临大力推动国家工业化现代化事业时期的新要求 • 范国忠：我国目前阶段的美术活动 • 范进幸：文学的笛声、人生的笛子 • 阮太平：茶荣省对庄园经济投资的优惠政策 • 仲宝：嘉莱省促进经济结构转移的一些措施 • 阮晋课：越南天主教团结委员会二十多年来与民族并肩前进 • JESUS AISE SOTOLONGO: 古巴的经济、社会及其与越南的关系 • 阮文永：从中国融入国际经济过程来看。



Chúc mừng năm mới

Xuân Ất Dậu
2005

TRẦN ĐỨC LƯƠNG
Chủ tịch
nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam



NĂM 2005 - NĂM CỦA NHỮNG NHIỆM VỤ LỚN VÀ QUYẾT TÂM CAO

NĂM 2005 là năm thứ 5 của thế kỷ XXI, năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với đất nước và dân tộc ta.

Là năm của những ngày kỷ niệm lớn: 75 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 30 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, 115 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 60 năm Cách mạng Tháng Tám và Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời.

Là năm cuối của kế hoạch 5 năm 2001-2005, kế hoạch đầu trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ nhằm đến năm 2010, đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém

phát triển và tạo nền tảng để đến năm 2020, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Năm 2005 còn là năm Đảng ta tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và chuẩn bị tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Ôn lại những ngày kỷ niệm lịch sử là ôn lại truyền thống vẻ vang của Đảng ta, của nhân dân và dân tộc ta. Trong 75 năm kể từ ngày có Đảng, cách mạng nước ta đã trải qua một cuộc hành trình dài với những chiến công vang dội, được coi là những thần kỳ lịch sử trong thời đại mới.

Thành công kỳ vĩ của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa mở ra trên đất nước ta một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do.

Thắng lợi vĩ đại của hai cuộc kháng chiến cứu nước nối tiếp nhau trong gần 30 năm mà các đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ và Đại thắng mùa Xuân 1975, đánh bại hai đế quốc to, đưa dân tộc ta đến độc lập thống nhất hoàn toàn, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới đánh sập chủ nghĩa thực dân cũ và đẩy lùi chủ nghĩa thực dân mới.

Cuộc trường chinh vì chủ nghĩa xã hội mà cột mốc có tính bước ngoặt là công cuộc Đổi mới toàn diện mở ra từ năm 1986. Công cuộc đổi mới ấy, trong gần 20 năm qua, đã đưa tới những thay đổi lớn lao: đất nước ta từ tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã vượt qua mấy chặng đường để trở thành một quốc gia tiến mạnh vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế.

Những thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng, những thần kỳ lịch sử làm nên trên đất nước ta đều gắn liền với tên tuổi vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ cao nhất của Đảng và của dân tộc ta, nhà yêu nước và cách mạng kiệt xuất, Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Tư tưởng của Người - tư tưởng Hồ Chí Minh - đã, đang và sẽ mãi mãi soi sáng con đường chúng ta đi.

Trước đây, hiện nay và cả về sau, sức mạnh của truyền thống, sức mạnh của văn hóa và văn hiến luôn luôn giữ vị trí cực kỳ quan trọng. Sức mạnh ấy đi vào cuộc sống hiển nhiên thành sức mạnh vật chất to lớn để chúng ta vượt qua bất cứ khó khăn nào, hoàn thành bất kỳ nhiệm vụ nào.

Năm 2005 là năm của những nhiệm vụ lớn. Đó là những nhiệm vụ để kết thúc thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001-2005, đồng thời hoàn thành toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chuẩn bị những điều kiện vật chất và tinh thần tốt nhất cho đất nước phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Nhìn lại bốn năm thực hiện những nhiệm vụ do Đại hội IX đề ra, từ 2001 đến 2004, bên cạnh những thuận lợi, đất nước ta còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức, vốn có hoặc mới phát sinh. Mặc dù vậy, bằng những cố gắng to lớn, nhân dân ta đã giành thêm nhiều thành tựu mới. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong bốn năm liên đều đạt mức năm sau cao hơn năm trước. Một số lĩnh vực xã hội, văn hóa, xây dựng đời sống mới có chuyển biến tích cực; đặc biệt là công tác xóa đói giảm nghèo có mặt thành công đáng ghi nhận. An ninh, quốc phòng được giữ vững. Quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng. Công tác xây dựng và

chỉnh đốn Đảng, các hoạt động lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp đều có những tiến bộ. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, tăng trưởng kinh tế còn đạt mức thấp so với mục tiêu đề ra và dưới tiềm năng thực tế; chất lượng và hiệu quả tăng trưởng còn thấp, cơ cấu kinh tế chưa có bước chuyển dịch mạnh theo hướng hiện đại hóa. Những thành tích và tiến bộ về xã hội, văn hóa cũng như khả năng giải quyết những vấn đề bức xúc trong các lĩnh vực này chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, chưa tương xứng với vai trò là những lĩnh vực thể hiện rõ nhất bản chất của chế độ mới. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII chưa đạt yêu cầu đề ra.

Chính vì vậy, năm 2005 phải là năm của quyết tâm cao. Quyết tâm hoàn thành những nhiệm vụ còn lại của 5 năm 2001-2005, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa các nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

Về kinh tế, nhất định phải phấn đấu cho sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, động viên tối đa các nguồn lực, đạt bằng được mức tăng trưởng GDP 8,5%, mức cao nhất trong 10 năm qua; đồng thời thúc đẩy mạnh hơn nữa việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới, sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, phát huy năng lực thành phần kinh tế, xây dựng đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu đẩy tới lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế mà mục tiêu trong năm là gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thực hiện hội nhập sâu hơn, cao hơn, có hiệu quả hơn.

Về văn hóa - xã hội, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, khoa học và công nghệ, giải quyết tốt hơn nữa các vấn đề bức xúc về việc làm, đời sống, học tập, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Về các vấn đề chính trị, tiếp tục đổi mới về tổ chức, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, và cải cách tư pháp, chống tham nhũng, lãng phí, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, trực tiếp là dân chủ ở cơ sở. Tăng cường hơn nữa các hoạt động nhằm giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng và an ninh, mở rộng các quan hệ đối ngoại.

Đối với Đảng, thông qua quá trình tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp và chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đạt kết quả thiết thực trong việc tăng cường rèn luyện cán bộ, đảng viên về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phấn đấu hoàn thành tốt đẹp những nhiệm vụ do Đại hội IX của Đảng đề ra và chuẩn bị tốt nhất cho việc tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng vào năm sau.

Tạo ra bước chuyển lớn trong tình hình phát triển đất nước không thể là chuyện của một năm. Nhưng năm 2005, với quyết tâm cao thực hiện bằng được phương hướng, mục tiêu và các giải pháp đề ra, nhất định sẽ đóng góp tích cực vào bước chuyển chung của 5 năm đầu thế kỷ. □



TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2004 VÀ DỰ BÁO NĂM 2005

NGUYỄN SINH CÚC*



1 - Tổng quan năm 2004

Năm 2004, kinh tế Việt Nam phát triển trong điều kiện có nhiều khó khăn. Đầu năm dịch cúm gia cầm xảy ra tại 57/61 tỉnh, thành phố gây thiệt hại nặng nề. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, thiệt hại do dịch cúm gia cầm có thể làm giảm khoảng 1% GDP của Việt Nam trong năm 2004. Thêm vào đó, thời tiết trong năm diễn biến phức tạp: đầu năm rét đậm kéo dài, giữa năm mưa lớn làm ngập úng và mất trắng hàng trăm nghìn héc-ta lúa mùa của các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng. Tiếp đến là hạn hán trên diện rộng, kéo dài nhiều tháng ở Tây Nguyên và các tỉnh Nam Trung Bộ. Cuối năm lũ lụt lớn ở các tỉnh miền Trung gây tổn thất nặng nề về người và của. Ở bên ngoài, thị trường thế giới diễn biến bất lợi cho xuất nhập khẩu, trong đó nổi bật là giá thép, hóa chất, vải sợi, xăng dầu, phân bón và nhiều loại vật tư khác tăng cao so với năm 2003.

Thị trường và giá cả nông sản xuất khẩu không ổn định, đã tác động trực tiếp đến sản xuất và kinh doanh. Nhờ có sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Chính phủ, sự nỗ lực của các ngành, các địa phương, kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển toàn diện và tăng trưởng khá. Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,69% so với năm 2003 (kế hoạch đề ra là tăng 7,5% đến 8%), trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,3%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,3%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%. Xu hướng tăng trưởng khá ổn định: quý sau cao hơn quý trước; quý I tăng 7%; 6 tháng tăng 7%; 9 tháng tăng 7,4% và cả năm tăng 7,6%. Đó là tốc độ tăng trưởng cao

* PGS, TS

nhất trong vòng 7 năm qua: năm 1998 tăng 5,76%, năm 1999 tăng 4,77%, năm 2000 tăng 6,79%, năm 2001 tăng 6,89%, năm 2002 tăng 7,08% và năm 2003 tăng 7,26%. Trong bối cảnh khó khăn về nhiều mặt, tốc độ tăng trưởng kinh tế 7,6% của năm 2004 là thành tựu đáng ghi nhận.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tiến bộ: tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng dần, tỷ trọng nông nghiệp giảm dần. Do kinh tế tăng trưởng khá nên thu ngân sách cả năm vượt dự toán 11,8% và tăng 17% so với năm 2003. Tổng thu nội địa năm 2004 vượt 18,9% so dự toán và tăng 21,6% so với năm 2003. Tất cả 64 cục thuế đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán, trong đó có 33 địa phương có số thu thuế trên 500 tỉ đồng. Hầu hết các khoản thu, sắc thuế chiếm tỷ trọng lớn đều đạt và vượt dự toán, có mức tăng trưởng cao. Chi ngân sách đạt kế hoạch, trong đó chi cho đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng lớn và vượt dự toán. Các ngành sản xuất và hoạt động dịch vụ phát triển toàn diện và đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn chỉ tiêu kế hoạch.

Nông nghiệp vẫn được mùa, thủy sản tăng trưởng khá. Sản lượng lương thực có hạt đạt mức cao nhất từ trước đến nay và tăng với tốc độ nhanh so với các năm trước. Năm 2004 đạt trên 39,3 triệu tấn, tăng 1,8 triệu tấn (4,5%) so với năm 2003 và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho năm 2005. Tốc độ tăng sản lượng lương thực cao hơn tốc độ tăng dân số (1,4%/năm). Nhờ đó lương thực bình quân nhân khẩu tăng nhanh: từ 462,9 kg năm 2003 lên 476 kg năm 2004. Sản xuất lúa đã giảm dần diện tích, tăng năng suất và chất lượng lúa gạo để phù hợp với yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Diện tích gieo cấy lúa giảm từ 7,45 triệu héc-ta năm 2003 xuống 7,42 triệu héc-ta năm 2004, trong đó phần lớn là diện tích

lúa vùng đất chua phèn, mặn, thiếu nước, lúa vụ mùa thường bị ngập úng... sang nuôi trồng thủy sản hoặc trồng màu, cây công nghiệp, cây ăn quả có lợi hơn. Năng suất lúa đạt 48,1 tạ/ha/vụ, tăng 1,6 tạ/ha so với năm 2003. Vì vậy, sản lượng lúa của Việt Nam từ 34,5 triệu tấn năm 2003 lên 35,7 triệu tấn năm 2004. Đi cùng với tăng năng suất là tăng chất lượng lúa gạo để tăng sức cạnh tranh của gạo Việt Nam. Các tỉnh trọng điểm lúa vùng đồng bằng sông Cửu Long đã đầu tư mở rộng diện tích vùng lúa chất lượng cao, hình thành "Cánh đồng vàng xuất khẩu gạo". Quy trình "3 giảm": giảm giống lúa, giảm phân bón hóa học và giảm thuốc trừ sâu trong sản xuất lúa vừa giảm chi phí đầu vào, vừa bảo vệ đất và nâng cao chất lượng lúa gạo. Vụ đông xuân có 150 nghìn héc-ta trồng lúa đặc sản để làm gạo xuất khẩu.

Sản lượng và chất lượng lúa tăng lên đã góp phần tích cực bảo đảm an toàn lương thực quốc gia trong điều kiện thời tiết không thuận. Số hộ thiếu đói giáp hạt năm 2004 giảm 35% so với năm 2003. Lượng gạo xuất khẩu: 3,9 triệu tấn tăng 100 nghìn tấn so với năm 2003. Vị trí thứ 2 về lượng gạo xuất khẩu của nước ta vẫn giữ vững (năm 2003 Việt Nam đứng thứ 3 sau Thái Lan 6,4 triệu tấn; Ấn Độ 4,2 triệu tấn). Không chỉ tăng số lượng mà chất lượng gạo xuất khẩu nước ta cũng có xu hướng tăng dần. Lượng ngoại tệ thu được từ xuất khẩu gạo tăng từ 734 triệu USD lên 900 triệu USD trong 2 năm tương ứng.

Nét mới trong sản xuất lương thực năm 2004 còn thể hiện ở sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng tăng dần tỷ trọng ngô và giảm dần tỷ trọng lúa nhưng lượng tuyệt đối vẫn tăng. Diện tích ngô đạt 965 nghìn héc-ta, năng suất 40,6 tạ/ha và sản lượng 3.417 nghìn tấn. Tỷ trọng ngô trong cơ cấu sản lượng lương thực đã tăng từ 8,4% năm 2003 lên 8,8% năm 2004.

Ngô đã trở thành một mặt hàng nông sản phục vụ công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi thay thế nhập khẩu và bước đầu xuất khẩu.

Sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rau đậu có nhiều khởi sắc. Năm 2004 so với năm 2003, sản lượng cây công nghiệp, cây ăn quả, rau đậu đều tăng: sản lượng lạc tăng 13,7%, đỗ tương tăng 5%; cao su tăng 11,3%, chè tăng 8,6%. Sản lượng cà phê tăng 4,8%, hạt tiêu tăng 7,6%, điều tăng 24%... đã góp phần tăng nông sản xuất khẩu và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Năm 2004 sản lượng cà phê nhân xuất khẩu tăng 21,6% so với năm 2003, tương tự như vậy cao su tăng 10,7%; hạt tiêu tăng 39,7%.

Các loại cây ăn quả đặc sản có chất lượng cao phát triển mạnh, nhất là nho, vải thiều, nhãn, mận hậu, cam, thanh long... đã đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ nét. Diện tích cây ăn quả đạt trên 800 nghìn héc-ta, tăng 3,6 % so với năm 2003, sản lượng đạt gần 6 triệu tấn, tăng 15%. Không chỉ tăng diện tích và sản lượng, chất lượng và chủng loại trái cây cũng đã có nhiều chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu. Quả tươi không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn xuất khẩu (kim ngạch xuất khẩu năm 2004 đạt 152 triệu USD).

Mặc dù có dịch cúm gia cầm trên diện rộng đầu năm nhưng tình hình chăn nuôi cả nước vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá. Nét mới của năm nay là chăn nuôi chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa rõ hơn, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng các đàn gia súc, gia cầm có nhiều thay đổi. Chăn nuôi trâu, bò phục vụ cày kéo giảm, đàn bò thịt tăng nhanh, nhất là bò lai sind, bò sữa. Năm 2004, nước ta có 4.907 nghìn con bò, tăng 11,6% so với năm 2003, trong đó bò sữa gần 98 nghìn con, tăng 20%; riêng thành phố Hồ Chí Minh có 44 nghìn con,

có 22 nghìn con cho sữa. Đàn lợn đạt 26,1 triệu con, tăng 5,6%. Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 2.504 nghìn tấn, tăng 5,9% . Cùng với các đàn gia súc truyền thống, năm 2004 các loại hình chăn nuôi mới mang tính hàng hóa như: cừu, đà điểu, lợn thịt hướng nạc, lợn sữa xuất khẩu, bò sữa nhập ngoại, ngan Pháp, vịt Thượng Hải... tiếp tục phát triển. Nhờ đó, sản phẩm chăn nuôi đã đa dạng hơn về chủng loại, cao hơn về chất lượng và phong phú về số lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường trong nước và tham gia xuất khẩu. Năm 2004, tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 21,2%, tuy thấp hơn năm 2003 nhưng vẫn cao hơn các năm trước.

Lâm nghiệp tuy có khó khăn nhưng kết quả trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng có tiến bộ. Diện tích rừng trồng tập trung đạt 180 nghìn héc-ta, bằng năm 2003. Sản lượng gỗ khai thác đạt 2.459,4 nghìn m³, tăng 1%, chủ yếu là gỗ rừng trồng. Diện tích rừng bị cháy, bị phá giảm 26,8%.

Sản lượng thủy sản cả năm tăng 8,2% so với năm 2003, trong đó thủy sản nuôi trồng tăng 16,9%, thủy sản đánh bắt tăng 3,5%. Diện tích nuôi tôm công nghiệp được mở rộng ở nhiều địa phương. Phong trào nuôi cá bè, cá hầm tiếp tục phát triển góp phần quan trọng vào tăng nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả năm đạt trên 2,35 tỉ USD, tăng 7% so với năm 2003.

Bên cạnh thành tựu về sản xuất, nông nghiệp năm 2004 đã hình thành một số mô hình sản xuất áp dụng công nghệ cao. Đó là mô hình trồng rau sạch chất lượng cao trong nhà kính ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt. Mô hình trồng hoa xuất khẩu ở Mê Linh (Vĩnh Phúc), Đông Anh (Hà Nội), Sa Pa (Lào Cai). Các mô hình khác về cải tạo vườn cây ăn quả theo công nghệ cao như trồng dưa

Cay-ren, bưởi Phúc Trạch, táo IPM, bưởi Năm Roi, nhà lưới vườn ươm cây giống ở Bến Tre...

Sản xuất công nghiệp phát triển ổn định và tăng trưởng cao. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2004 tăng 16% so với năm 2003, trong đó khu vực nhà nước tăng 11,4%, (trung ương tăng 14,5%, địa phương tăng 6%); khu vực ngoài quốc doanh tăng trưởng cao nhất: 22,8% và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng 15,7%. Nguyên nhân của xu hướng trên là do, trong năm nay, các sản phẩm công nghiệp chủ yếu vẫn duy trì tốc độ tăng cao: sản lượng than sạch tăng 36%, dầu thô khai thác tăng 15%, khí đốt thiên nhiên tăng 114%; thủy sản chế biến tăng 16%; quần áo may sẵn tăng 21,7%; giấy tăng 33,7%; phân hóa học tăng 28,5%; xe máy lắp ráp tăng 38,6%; xe đạp lắp ráp tăng 37,2%; thuốc viên tăng 20,9%; xà phòng tăng 25,3%; gạch lát tăng 22,1%; tivi lắp ráp tăng 19,8%.

Một số tỉnh và thành phố có giá trị sản xuất công nghiệp lớn, có tốc độ tăng cao hơn mức trung bình của cả nước là: Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương, Đồng Nai... Nguyên nhân chủ yếu của kết quả đó là do: nhu cầu sản phẩm công nghiệp của thị trường trong nước và xuất khẩu tăng lên; sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm công nghiệp như thủy sản chế biến, sản phẩm gỗ chế biến, dệt may, giày dép,... có nhiều tiến bộ, nhất là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; các doanh nghiệp công nghiệp mạnh dạn đầu tư đổi mới máy móc thiết bị và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất để tăng chất lượng, giảm chi phí; Luật Doanh nghiệp và các chính sách khuyến khích xuất khẩu của Nhà nước tiếp tục phát huy tác dụng tích cực. Với kết quả như trên, sản xuất công nghiệp đã vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (kế hoạch tăng 15%).

Đầu tư xây dựng cơ bản có tiến bộ trên một số mặt. Vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn

vốn ngân sách nhà nước tập trung thực hiện trong năm bằng 104,5% kế hoạch năm, trong đó vốn do trung ương quản lý đạt 107,8%, vốn địa phương quản lý đạt 101%.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng trưởng trở lại sau nhiều năm tăng chậm. Tính chung cả năm đã thu hút trên 4,1 tỉ USD, trong đó: 2,3 tỉ USD vốn đăng ký mới và 1,8 tỉ USD vốn đăng ký bổ sung, đạt mức cao nhất trong 5 năm gần đây. Các dự án tập trung vào ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 60,5% số vốn đăng ký, các tỉnh, thành phố phía Nam chiếm 64,6%, các tỉnh phía Bắc chiếm 35,4% số vốn đăng ký. Các tỉnh thành phố thu hút nhiều vốn đăng ký mới trong năm nay là: Đồng Nai, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh. Các quốc gia và vùng lãnh thổ có nhiều vốn đầu tư trong năm nay là: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ca-na-đa, Xin-ga-po, Trung Quốc, Hồng Kông... So với năm 2003, vốn đầu tư vào các dự án mới tăng nhanh. Đáng chú ý là, đã thu hút thêm vốn đầu tư bổ sung của các dự án cũ đạt mức cao. Đó là dấu hiệu môi trường đầu tư ở Việt Nam đã được cải thiện. Nguyên nhân cơ bản là do kinh tế thế giới hồi phục, môi trường đầu tư của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể, chính trị xã hội ổn định, Nhà nước có nhiều chính sách kinh tế - tài chính hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài...

Trong thương mại, xuất khẩu, du lịch, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội tính chung năm 2004 tăng 18,7% so với năm 2003 (khu vực kinh tế nhà nước tăng 8,5%; khu vực kinh tế cá thể tăng 17,8%, kinh tế tập thể tăng 22,7%, kinh tế tư nhân tăng 33%, kinh tế FDI tăng 13,8%). Nếu loại trừ yếu tố tăng giá thì tốc độ tăng đạt trên 10,2%. Trong các ngành, thương nghiệp chiếm 81,1% và tăng 19,8%, dịch vụ tăng 15,9%, khách sạn nhà hàng tăng 11,3% và du lịch tăng 24%. Về giá cả hàng

hóa và dịch vụ chung cả năm tăng 9,5% so với tháng 12-2003. Dù chưa đạt chỉ tiêu đề ra nhưng tốc độ tăng giá đã được khống chế dưới 2 con số. Có được kết quả này là do các giải pháp kìm chế tốc độ tăng giá của Chính phủ trong 6 tháng cuối năm đã phát huy tác dụng tích cực.

Kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt 26 tỉ USD, tăng 30% so với năm 2003, bình quân mỗi tháng đạt 2,16 tỉ USD. Xuất khẩu tăng trưởng cao là nét nổi bật nhất trong thành tựu kinh tế Việt Nam năm 2004 và là đánh dấu thành công trong 2 năm đầu thực hiện cam kết theo lộ trình tham gia CEPT/AFTA. Hầu hết các mặt hàng chủ yếu có kim ngạch xuất khẩu tăng so với năm 2003. Những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỉ USD có tốc độ tăng cao trong năm nay là: dầu thô tăng 53%, hàng dệt may tăng 19,6%, giày dép tăng 17,3%. Một số mặt hàng tuy có kim ngạch không lớn (khoảng 1 tỉ USD) nhưng cũng có tốc độ tăng khá như: hàng điện tử máy tính tăng 55,6%; đồ gỗ tăng 87%; gạo tăng 22%... Các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực đều tăng khá, trong đó cà phê tăng 33,4%, cao su tăng 35%, chè tăng 57%, hạt tiêu tăng 40%, hạt điều tăng 48%. Mặt hàng thủy sản tuy gặp khó khăn ở thị trường Mỹ, nhưng các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản đã chủ động mở rộng các thị trường khác như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN nên kim ngạch xuất khẩu tăng 7% so với năm 2003.

Nguyên nhân xuất khẩu tăng khá là do kinh tế thế giới hồi phục, giá dầu thô, gạo, cao su, hạt điều tăng cao. Sản xuất trong nước tăng trưởng khá, chất lượng sản phẩm xuất khẩu có tiến bộ, chính sách khuyến khích xuất khẩu của Nhà nước phát huy tác dụng; các hoạt động tiếp thị, hội chợ, triển lãm có hiệu quả.

Kim ngạch nhập khẩu năm 2004 ước đạt 31,5 tỉ USD, tăng 25% so với năm 2003. Nhập

siêu ước đạt 5,5 tỉ USD, bằng 21,2% kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch nhập khẩu tăng cao so với năm trước ở hầu hết các mặt hàng quan trọng phục vụ nhu cầu sản xuất trong nước và cho sản xuất hàng xuất khẩu: máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, nhiên liệu, nguyên liệu, xăng dầu, sắt thép, phân bón.

Lượng khách quốc tế đến Việt Nam năm 2004 đạt 2,9 triệu lượt khách tăng trên 24,9% so với năm 2003, trong đó khách du lịch tăng 34%; đến công tác tăng 12%; thăm thân nhân tăng 22,4% và các mục đích khác tăng 9,5%. Lượng khách đến nhiều nhất là từ Trung Quốc, tăng 19,7%; từ Nhật Bản tăng 30,8%. Nguyên nhân khách đến Việt Nam tăng cao là: Tình hình chính trị ổn định, dịch cúm gia cầm được dập tắt sớm. Nhà nước có chính sách thông thoáng hơn như mở rộng các đối tượng khách được miễn thị thực nhập cảnh, cải tiến thủ tục hành chính, hải quan, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, các di tích văn hóa, mở thêm nhiều đường bay quốc tế. Ngành du lịch có đổi mới trong công tác tổ chức, quản lý và quảng bá, tiếp thị, nâng cao chất lượng phục vụ.

Bên cạnh những thành tựu to lớn và cơ bản đã đạt được, kinh tế Việt Nam năm 2004 vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung còn ở mức thấp so với kế hoạch, chất lượng tăng trưởng, tính bền vững và độ đồng đều chưa cao. Điều này được thể hiện trong các ngành sản xuất và dịch vụ. Trong công nghiệp, giá trị sản xuất tăng 16% nhưng giá trị tăng thêm chỉ tăng 10,7%. Tốc độ tăng trưởng của một số sản phẩm công nghiệp khai thác lại phụ thuộc quá lớn vào thị trường ngoài nước, trong khi đó thị trường nội địa lại tăng chậm. Chất lượng và giá cả sản phẩm công nghiệp vẫn còn kém sức cạnh tranh. Tình hình tương tự cũng diễn ra trong các ngành trong nông nghiệp và thủy sản. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí trung gian

quá lớn, tình trạng lãng phí, thất thoát trong sản xuất và đầu tư xây dựng còn lớn nhưng chưa được khắc phục. Trình độ đồng đều giữa các ngành, các địa phương về phát triển sản xuất và dịch vụ còn thấp. Trong nông, lâm nghiệp và thủy sản, lâm nghiệp vẫn tăng không đáng kể. Nhiều sản phẩm công nghiệp chế biến giảm hoặc tăng chậm so với năm 2003. Rõ nét nhất là quần áo dệt kim, thuốc ống, thép cán, xi măng, máy công cụ, động cơ đi-ê-zen, động cơ điện, quạt điện dân dụng, đường, mật. Một số tỉnh, thành phố chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp lại tăng chậm, như thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong khu vực dịch vụ, chỉ có du lịch, xuất khẩu tăng trưởng cao còn các ngành dịch vụ khác vẫn tăng chậm dù tiềm năng còn lớn. Giá cả tăng cao, cho dù quý IV có chậm lại, đã và đang tác động đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Đây là nhược điểm lớn và là chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra (tăng dưới 5%).

2 - Dự báo triển vọng năm 2005

Nghị quyết của kỳ họp thứ VI Quốc hội khóa 11 đã đề ra các chỉ tiêu kinh tế cho năm 2005, theo đó: GDP tăng 8,5%; giá trị sản xuất nông lâm, ngư nghiệp tăng 5,2%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 16%, giá trị các ngành dịch vụ tăng 8,2%, kim ngạch xuất khẩu tăng 16%, tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm 38,5% GDP, chỉ số giá tiêu dùng không tăng quá 6,5%. Đó là những mục tiêu rất cao nhưng có cơ sở thực tế, dựa trên những kết quả đạt được trong năm 2004 và các năm qua, tiềm lực kinh tế - tài chính của đất nước có thể khai thác trong năm tới để phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ.

Về nông nghiệp: Triển vọng năm 2005 vẫn tiếp tục phát triển toàn diện và tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản hoàn toàn có thể đạt mục tiêu đề ra là tăng 5,2% đến

5,4% so với năm 2004, trong đó nông nghiệp sẽ tăng trên 4,5%. Sản lượng lương thực có hạt dự báo đạt trên 40 triệu tấn, trong đó lúa 36,5 triệu tấn, tăng 2,2% so năm 2004; sản lượng ngô đạt khoảng 3,6 triệu tấn, tăng 5,5%. Chăn nuôi sẽ hồi phục và tăng trưởng nhanh sau dịch gia cầm do giá cả thực phẩm năm 2005 vẫn ở mức cao có lợi cho người chăn nuôi. Dự báo, giá trị sản xuất chăn nuôi sẽ tăng trên 8% và cơ cấu chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp sẽ đạt trên 22%. Giá trị sản xuất thủy sản sẽ tiếp tục tăng trưởng trên 15%, do thị trường xuất khẩu có triển vọng mở rộng hơn năm 2004.

Về công nghiệp: Dự báo giá trị sản xuất sẽ tăng từ 16 đến 17%. Thực tế là năm 2004 đã tăng 16%, trong đó quý IV tăng trên 17%. Cơ sở của dự báo này là: các ngành công nghiệp chủ yếu như khai thác dầu thô, khí thiên nhiên, than đá vẫn tiếp tục tăng trưởng với tốc độ như năm 2004. Các sản phẩm công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu như dệt, may... có khả năng tăng trưởng cao do EU và Ca-na-đa đã bỏ hạn ngạch nhập khẩu đối với Việt Nam. Công nghiệp dân doanh và công nghiệp FDI có khả năng tăng khá do nguồn vốn đầu tư các năm trước đây đến thời kỳ phát huy tác dụng.

Về dịch vụ: Dự báo có khả năng tăng trưởng khoảng 8,5% vì tiềm năng còn rất lớn, nhất là xuất khẩu, du lịch, vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính...

Về xuất khẩu: Dự báo tốc độ tăng trưởng sẽ đạt trên 20% vì thực tế hai năm qua đều tăng trên mức đó (năm 2003 tăng 20,8%; năm 2004 tăng 30%). Sau 2 năm thực hiện lộ trình CEPT/AFTA (2003-2004), Việt Nam đã tích lũy được kinh nghiệm và mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa. Thêm vào đó sản xuất trong nước có nhiều chuyển biến tích cực nên chất lượng hàng hóa đã tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới. □

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ NGOẠI GIAO VIỆT NAM NĂM 2004

PHAN DOẢN NAM

I

Trong năm qua, tính phức tạp, bất trắc, không lường trước được, đặc trưng của thế giới sau sự kiện ngày 11-9-2001 ở Mỹ, vẫn tiếp tục chi phối tình hình thế giới và quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, có những dấu hiệu cho thấy, thế giới đang dần ổn định trở lại mặc dù đây là sự ổn định trong quá trình bất ổn. Vì sẽ là một điều ảo tưởng nếu chúng ta nói đến một sự ổn định tuyệt đối và lâu dài cho một thế giới đầy mâu thuẫn mà trong đó có hơn 6 tỉ người sinh sống ở hơn 250 quốc gia và vùng lãnh thổ với hàng trăm sắc tộc và tôn giáo khác nhau.

1 - Có nhiều dấu hiệu đáng khích lệ trong sự phát triển của tình hình thế giới và quan hệ quốc tế trong năm 2004

Một là, nền kinh tế thế giới, bất chấp giá năng lượng có lúc lên cao đến mức kỷ lục và giá vàng dao động mạnh, vẫn trên đà phát triển tích cực và khá đồng đều ở các khu vực. Theo dự báo của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB), tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới trong năm 2004 có thể đạt 5%, tức là mức cao nhất trong bốn năm nay. Động lực của sự tăng trưởng này là châu Á với mức tăng trưởng trung bình 7,4%, trong đó nổi bật là Trung Quốc với tốc độ tăng trưởng lên đến 9%. Dẫn đầu các nước công nghiệp phát triển là Mỹ với mức tăng 4,3%, Nhật 4,4% và châu Âu ở mức 2% (mức dự kiến ban đầu là 1,6%).

Kinh tế Mỹ La-tinh dự kiến tăng 3,9% và kinh tế châu Phi tiếp tục duy trì được tốc độ 4%. Như vậy, bức tranh kinh tế thế giới trong năm nay là khả quan, tuy còn chứa đựng nhiều yếu tố bất ổn như: hố ngăn cách giàu nghèo giữa các nước phát triển và đang phát triển và giữa các tầng lớp dân cư khác nhau trong một nước, ngày càng mở rộng; xu hướng bảo hộ mậu dịch ở một số nước công nghiệp phát triển có chiều hướng gia tăng; vòng đàm phán Đô-ha tuy được nối lại nhưng trước mắt còn rất nhiều trở ngại để có thể kết thúc thắng lợi vào năm 2005, v.v..

Hai là, quan hệ giữa các nước lớn có phần hòa dịu hơn sau một thời kỳ căng thẳng do bất đồng về vấn đề I-rắc. Các nước đều có cách nhìn thực tế hơn chung quanh vấn đề đơn cực hay đa cực, chủ nghĩa đơn phương hay đa phương. Mỹ phần nào tỏ ra mềm dẻo hơn trong quan hệ với đồng minh và các đối tác chính. Cách nhìn của những người bảo thủ mới trong chính quyền của G. Bu-sơ đã buộc phải điều chỉnh do thực tế diễn ra trong nước và trên thế giới. Đứng trước những khó khăn tổn thất cả về người và của trong cuộc chiến I-rắc, Mỹ đã phải kéo Liên hợp quốc tham gia vào tiến trình ổn định và tái thiết I-rắc, chuyển giao quyền lực cho I-rắc sớm hơn dự định (tuy là chỉ trước mấy ngày). Mỹ đã phải dựa vào Trung Quốc, Nga, Nhật để giải quyết vấn đề hạt nhân của Cộng hòa dân chủ nhân dân

Triều Tiên và dựa vào Anh, Pháp, Đức để dàn xếp vấn đề hạt nhân của I-ran. Mỹ buộc phải bỏ ý đồ chia rẽ châu Âu thành "châu Âu cũ và châu Âu mới". Thật ra, những sự điều chỉnh này tuy có lợi cho Mỹ nhưng đều xuất phát từ sự suy giảm cả thế và lực của Mỹ sau khi bị sa lầy ở I-rắc. Hiện nay ở I-rắc vẫn giam chân hơn 130.000 lính Mỹ. Theo Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Pôn Uôn-phô-uyt, tổng chi phí cho Áp-ga-ni-xtan và I-rắc năm 2005 có thể lên đến 50 - 60 tỉ USD, nghĩa là chi phí quốc phòng của Mỹ hiện nay mất 11.000 USD trong một giây. Trong lúc đó, chi phí về giáo dục cho mỗi trẻ em ở Mỹ một năm chỉ bằng 1/2 chi phí quốc phòng của Mỹ trong một giây (theo bà Phri-đa Béc-ri-gân - Viện chính sách thế giới của Mỹ). Trong nội bộ, số người ủng hộ chính sách của Bu-sơ về vấn đề I-rắc chỉ còn không quá 20% đến 30%.

Liên minh châu Âu (EU) mở rộng đang trở thành một thực thể kinh tế - chính trị lớn nhất thế giới gồm 25 nước với 455 triệu dân, nhưng chưa thể trở thành một cực đối đầu với Mỹ. Trong vấn đề I-rắc nói riêng và vấn đề quan hệ hai bờ Đại Tây Dương nói chung, EU bị chia rẽ nghiêm trọng. Như vậy trong tương lai gần, chưa thể có một EU có chính sách ngoại giao và quốc phòng chung. Trung Quốc đang phấn đấu để trở thành một xã hội khá giả vào giữa thế kỷ và thực hiện thống nhất Đài Loan nên chủ trương tránh không đi đầu, nhất là đối đầu với Mỹ. Nga trong quá trình tìm lại vị thế của mình trên thế giới, tuy có mâu thuẫn với Mỹ và phương Tây trong việc "Đông tiến" của NATO và EU, nhưng cũng không biến các mâu thuẫn này thành một kiểu đối đầu như thời kỳ "chiến tranh lạnh". Thái độ của Nga đối với cuộc khủng hoảng chính trị ở U-crai-na cũng theo xu hướng này. Trước mắt, Nga chỉ tập trung vào việc ổn định tình hình trong nước và đưa nước Nga trở lại một cường quốc bình thường trong vòng 20 - 30 năm tới. Ấn Độ, Nhật Bản đang đua tranh trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nên không

muốn làm mất lòng các nước, nhất là các nước lớn.

Tuy nhiên, sự hòa hoãn này không đồng nghĩa với việc các nước lớn không còn đề phòng ngăn chặn lẫn nhau. Điều đó được thấy rõ trong việc NATO và EU mở rộng, tiến sát biên giới Nga, và việc Mỹ, phương Tây tìm cách ủng hộ các lực lượng đối lập ở Gru-di-a và U-crai-na. Trong vấn đề Tre-xni-a, thái độ của Mỹ và các nước phương Tây là thực hiện chính sách chống khủng bố nước đôi. Đối với vấn đề Đài Loan, Mỹ tuy bề ngoài ủng hộ chủ trương "một nước Trung Hoa" nhưng thực chất là thi hành chính sách nước đôi, vừa chống lại việc Trung Quốc thống nhất Đài Loan, vừa chống lại việc Đài Loan tuyên bố độc lập. Tuyên bố của Bu-sơ ngày 16-8-2004 về việc bố trí lại lực lượng quân sự Mỹ ở nước ngoài cho thấy rõ ý đồ của Mỹ là tạo ra một hệ thống căn cứ quân sự mà người ta gọi là theo hình "hoa súng", nhằm di chuyển lực lượng phòng thủ của Mỹ sang phía Đông để đối phó với sự trỗi dậy của Nga và Trung Quốc và "vành đai khủng bố quốc tế" từ vùng biển Ca-ri-bê, châu Phi đến Cáp-ca-dơ, Trung Á, Nam Á và bán đảo Triều Tiên⁽¹⁾.

Ba là, đã có một sự nhất trí trên toàn thế giới về chống khủng bố quốc tế. Tuy còn khác nhau về cách định nghĩa thế nào là khủng bố quốc tế, nguồn gốc của nó cũng như cách đối phó với chủ nghĩa khủng bố nhưng ở tất cả các diễn đàn quốc tế, vấn đề chống khủng bố đều được đặt lên trước tiên của chương trình nghị sự. Mặt khác trong năm qua, các vụ khủng bố tiếp tục lan rộng ra nhiều khu vực như ở Trung Đông, Tây Ban Nha, Nga, U-dơ-bê-ki-xtan, In-đô-nê-xi-a, miền Nam Thái Lan nhưng đã không xảy ra những vụ khủng bố lớn như vụ tấn công nước Mỹ ngày 11-9-2001. Lực lượng của bọn khủng bố quốc tế đã bị tiêu hao

(1) Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, ngày 21-8-2004

đáng kể, nhưng quan trọng nhất là chúng đã bị mất "yếu tố bất ngờ" do sự đề phòng và cảnh giác của nhân dân thế giới.

Bốn là, Liên hợp quốc sau một thời gian uy tín bị giảm sút do chủ nghĩa đơn phương của Mỹ, đang lấy lại vai trò của mình. Quá trình cải tổ Liên hợp quốc đã bắt đầu khởi động từ phiên họp của Đại hội đồng khóa 59. Việc cải tổ Hội đồng Bảo an là một quá trình lâu dài và là một công việc rất phức tạp vì nó đụng đến nhiều nước vốn có lợi ích chông chéo nhau.

2 - Tình hình căng thẳng, xung đột vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới

Trung Đông là khu vực có tình hình diễn biến phức tạp nhất. Tuy Mỹ đã chuyển giao chính quyền cho I-rắc và đã định ra ngày 30-1-2005 là ngày tổng tuyển cử để bầu một chính quyền dân sự ở I-rắc nhưng quân Mỹ vẫn duy trì lực lượng chiếm đóng ở I-rắc ít nhất là vài ba năm tới. Chừng nào còn có quân đội chiếm đóng nước này thì tính hợp pháp của chính quyền I-rắc càng giảm và hoạt động chống đối sẽ còn tiếp tục.

Việc tìm giải pháp cho vấn đề I-xra-en - Pa-let-xtin vẫn bế tắc mặc dù đang có cố gắng trở lại "lộ trình hòa bình" Trung Đông. Sự ra đi của Tổng thống Y. A-ra-phát là một tổn thất lớn cho nhân dân Pa-let-xtin, để lại một khoảng trống quyền lực và làm cho nội bộ phong trào này thêm phức tạp.

Ở Mỹ La-tinh, tình hình xã hội và chính trị một số nước phát triển phức tạp. Tuy nhiên, đã có những dấu hiệu cho thấy chính sách can thiệp của Mỹ ở khu vực này đã thất bại, chẳng hạn như âm mưu lật đổ Tổng thống Huy-gô Cha-vét của Vê-nê-xu-ê-la. Tây Ban Nha quyết định thiết lập lại quan hệ ngoại giao với Cu-ba, nhiều nhà lãnh đạo châu Âu và châu Á lần lượt tới thăm Cu-ba. Đại hội đồng Liên hợp quốc tiếp tục lên án và bác bỏ chính sách bao vây cấm vận của Mỹ đối với Cu-ba.

Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực kinh tế phát triển cao và năng động. Xu thế

liên kết giữa Đông-Nam Á và Đông-Bắc Á được đẩy mạnh. Quan hệ giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, ở khu vực vẫn còn tồn tại những "điểm nóng" tiềm tàng như vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, vấn đề Đài Loan và vấn đề Biển Đông. Đông-Nam Á là nơi có cộng đồng Hồi giáo lớn nên vấn đề Hồi giáo đang trở thành một vấn đề phức tạp của khu vực, nhất là những sự kiện bi thảm xảy ra trong năm qua ở Nam Thái Lan.

II

Tình hình thế giới năm qua đã có những tác động nhất định đối với nước ta, cả về mặt tích cực lẫn tiêu cực. Mặt tích cực là trên thế giới và khu vực, xu thế hòa bình và phát triển vẫn tiếp tục là dòng chảy chính. Mặt không thuận lợi là giá năng lượng và một số vật liệu cần thiết cho công cuộc phát triển của ta tăng cao, cạnh tranh về thị trường và vốn đầu tư ngày càng gay gắt, viện trợ phát triển chính thức rất cá biệt, chi tiêu quân sự trên thế giới tổn gần 1.000 tỉ USD, nghĩa là bằng mức cao nhất trong thời kỳ "chiến tranh lạnh". Bên cạnh đó, các lực lượng thù địch lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo để chống phá nước ta, đe dọa nền an ninh đất nước. Tuy nhiên, những ảnh hưởng tiêu cực này là có giới hạn do tình hình chính trị - xã hội nước ta ổn định, nền kinh tế nước ta có tốc độ phát triển cao, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngoại giao Việt Nam không ngừng phấn đấu để vượt qua khó khăn, trở ngại, tận dụng những mặt tích cực của tình hình quốc tế và vai trò uy tín của nước ta trong khu vực, đã đạt được **những thành tích to lớn**.

1 - Thành tích nổi bật nhất của ngoại giao Việt Nam trong năm 2004 là việc ta đã đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ 5 (ASEM 5) từ ngày 7 đến ngày 10-10, với sự tham dự của lãnh đạo và đại diện tất cả 39 nước thành viên. Đây là lần đầu tiên

nước ta tổ chức một Hội nghị quốc tế lớn như vậy. Điều đó cho thấy khả năng gánh vác công việc quốc tế của nước ta ngày càng lớn, tạo đà cho việc đứng ra đăng cai và tổ chức các Hội nghị quốc tế lớn khác, trước mắt là Hội nghị APEC vào năm 2006. Qua Hội nghị này, vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế càng được nâng cao.

Một là, ta đã đóng góp một cách tích cực, tìm ra một công thức mà các bên đều có thể chấp nhận, đưa đến chỗ Hội nghị có thể họp được. Nói như vậy là vì cho đến phút chót, sự bất đồng giữa các nước châu Âu và châu Á vẫn còn tồn tại xung quanh việc kết nạp hội viên mới. Một số nước châu Âu không tán thành việc kết nạp và tham dự đối với Mi-an-ma. Do sự nỗ lực của các nước và cố gắng của ta đã đưa đến kết quả là tất cả 10 nước châu Âu và 3 nước châu Á, trong đó có Mi-an-ma đều được kết nạp. Mi-an-ma được tham dự với cấp Bộ trưởng Ngoại giao.

Hai là, ta đã đóng góp tích cực vào việc soạn thảo nội dung các văn kiện gồm ba tuyên bố (Tuyên bố của Chủ tịch Hội nghị; Tuyên bố Hà Nội về việc thúc đẩy quan hệ kinh tế Á - Âu; Tuyên bố về đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh). Ta là đồng tác giả của hai trong số chín sáng kiến được Hội nghị thông qua và là đồng tác giả của một trong hai sáng kiến được Hội nghị ghi nhận. Do vậy, hợp tác Á - Âu qua ASEM 5 đã trở nên sống động và thực chất hơn, đưa quan hệ hợp tác giữa hai châu lục lên một tầm cao mới. Hội nghị ASEM 5 đã có một sự đồng thuận cao giữa các nước thành viên về tương lai ASEM, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các thể chế, của các cơ quan của ASEM và vạch ra phương hướng cụ thể và thiết thực cho việc phát triển của tổ chức này trong tương lai.

Ba là, nước ta đã chủ động tổ chức hàng loạt các hoạt động khác trong khuôn khổ ASEM như Hội nghị đối tác nghị viện Á - Âu

lần thứ 3, Diễn đàn nhân dân ASEM, Diễn đàn doanh nghiệp Á - Âu, Diễn đàn thanh niên Á - Âu... làm cho tiến trình hợp tác Á - Âu trở nên phong phú và đa dạng, lôi cuốn được các tầng lớp nhân dân của hai châu lục tham gia tích cực vào quá trình này.

Bốn là, nước ta đã tranh thủ mở rộng tiếp xúc với các đối tác, đặc biệt là tổ chức thành công Hội nghị cấp cao Việt Nam - Liên minh châu Âu nhằm tăng cường quan hệ đối tác toàn diện với EU và đưa ra quyết định chính trị dẫn đến việc kết thúc đàm phán song phương giữa EU và Việt Nam về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Nhân dịp này chúng ta cũng đã đón tiếp những đoàn đại biểu cấp cao do người đứng đầu nhà nước và chính phủ lãnh đạo chính thức thăm nước ta.

Năm là, nước ta đã bảo đảm được an ninh và an toàn cho 39 đoàn cấp cao, tạo điều kiện cho các đoàn nhiều thuận lợi trong sinh hoạt cũng như trong quá trình dự Hội nghị, không để xảy ra sơ xuất. Tuy vấn đề này không liên quan đến nội dung Hội nghị nhưng trong lúc nạn khủng bố quốc tế đang gia tăng ở nhiều nơi trên thế giới thì việc bảo vệ an ninh cho Hội nghị là vấn đề quan trọng hàng đầu. Các đoàn đều hài lòng, đánh giá cao và có ấn tượng tốt đẹp về Việt Nam.

2 - Một thành tích khác không kém phần quan trọng là **lần đầu tiên kể từ khi thực hiện chính sách ngoại giao rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa đến nay, nước ta đã triển khai các hoạt động ngoại giao cấp cao đều khắp các châu lục**. Chẳng hạn các chuyến thăm chính thức của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh sang Cộng hòa Liên bang Đức, Cu-ba, Bỉ, Ủy ban châu Âu; Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm chính thức Băng-la-đét, Pa-ki-tan, Liên bang Nga, Hung-ga-ri, Vương quốc Anh, Ác-hen-ti-na, Bra-xin và Chi-lê, dự Hội nghị cấp cao APEC; Thủ tướng Phan Văn Khải thăm chính thức Ma-lai-xi-a, Trung Quốc, Mông Cổ, An-giê-ri, Ma-rốc, Nam Phi và dự Hội nghị cấp cao ASEAN tại Lào, v.v..

Ngoài ra, chúng ta đã đón nhiều đoàn nguyên thủ quốc gia và đứng đầu chính phủ nhiều nước đến thăm nước ta và tranh thủ có những cuộc gặp gỡ cấp cao với nhiều nước bên lề các hội nghị quốc tế và Liên hợp quốc.

Song song với các hoạt động ngoại giao cấp cao, chúng ta đã cử và đón tiếp các đoàn cấp thấp hơn đại diện cho tất cả các lĩnh vực hoạt động liên quan đến sự phát triển và an ninh của nước ta như kinh tế, thương mại, du lịch, an ninh - quốc phòng, văn hóa, văn học - nghệ thuật; các đoàn đại biểu của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức phi chính phủ. Kết quả là hàng chục hiệp định về tất cả các lĩnh vực đã được ký kết, thắt chặt thêm tình hữu nghị, sự hợp tác và sự tin cậy lẫn nhau giữa nước ta với nhân dân các nước trên thế giới. Qua các hoạt động này các nước thấy rõ Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của họ.

3 - Trong khi mở rộng hoạt động ngoại giao đều khắp trên thế giới, chúng ta không quên nhiệm vụ tăng cường và củng cố quan hệ với các đối tác chính hiện quan mật thiết đến an ninh và phát triển của nước ta. Đó là quan hệ với các nước láng giềng và các nước lớn trong và ngoài khu vực.

Quan hệ của nước ta với các nước ASEAN tiếp tục giữ được đà phát triển. Đóng góp của chúng ta vào công việc phát triển của Hiệp hội ngày càng nhiều và thực chất, thông qua các Hội nghị của ASEAN như Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao lần thứ 37 ở Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a), Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 tại Lào... Chúng ta ngày càng phát huy được vai trò là một hội viên tích cực của ASEAN và đã có nhiều đóng góp vào việc tăng cường sự đoàn kết, nhất trí của ASEAN.

Quan hệ của nước ta với Lào và Cam-pu-chia với tư cách vừa là thành viên ASEAN, vừa là láng giềng có truyền thống hữu nghị, hợp tác lâu đời, cũng tiếp tục được củng cố và tăng cường. Các cuộc họp giữa Thủ tướng ba nước đã thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các nước đồng thời tăng cường quan hệ song

phương giữa nước ta với Lào và với Cam-pu-chia. Với Lào, các cuộc tiếp xúc cấp cao, các cuộc họp giữa hai Bộ Chính trị, ủy ban hỗn hợp các bộ, các ngành đã giúp chỉ đạo và thúc đẩy sự phát triển của quan hệ giữa hai nước trong thời kỳ mới. Chúng ta đã tích cực hỗ trợ cho Lào trong việc lần đầu tiên bạn đảng cai tổ chức Hội nghị cấp cao ASEAN. Chúng ta cũng đã phối hợp tốt với Cam-pu-chia trong việc giải quyết vấn đề người Thượng vượt biên sang Cam-pu-chia, tiếp tục giải quyết vấn đề người Khơ-me Crom và các vấn đề liên quan đến kiều bào Việt Nam tại Cam-pu-chia.

Trung Quốc vừa là nước lớn vừa là nước láng giềng của ta. Cả hai bên đều coi quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Trung có tầm quan trọng đặc biệt. Chuyến đi thăm Việt Nam của Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo và cuộc gặp giữa Chủ tịch Trần Đức Lương và Chủ tịch Hồ Cẩm Đào bên lề Hội nghị APEC là bước tiến mới có ý nghĩa đối với quan hệ hai nước trong việc thực hiện các thỏa thuận đã được ký kết theo phương châm mà lãnh đạo hai Đảng và hai Nhà nước đã đề ra, đã thúc đẩy thêm một bước sự hợp tác toàn diện giữa hai bên. Nước ta và Trung Quốc đang thực hiện việc phân giới cắm mốc và quản lý trên đất liền, ký Nghị định thư bổ sung về hợp tác nghề cá, đã phê chuẩn Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ. Trên cơ sở sự tin cậy lẫn nhau, hai nước đã kịp thời xử lý những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện các thỏa thuận nói riêng cũng như trong quá trình hợp tác lâu dài nói chung.

Quan hệ Việt - Mỹ cũng đã có những mặt phát triển tốt, đặc biệt là quan hệ kinh tế - thương mại. Tổng thống G. Bu-sơ tại Hội nghị APEC đã ủng hộ việc Việt Nam gia nhập WTO. Mỹ cũng đã hỗ trợ chúng ta trong việc hợp tác chống ma túy, phòng chống căn bệnh HIV - AIDS...

Tuy nhiên, trong quan hệ với Mỹ không tránh khỏi có những vấn đề phức tạp như việc Mỹ luôn dùng vấn đề dân chủ, nhân quyền để gây sức ép với ta, tiến hành nhiều biện pháp

phân biệt đối xử chống lại hàng xuất khẩu của ta sang Mỹ.

Do đó, trong quan hệ với Mỹ, chúng ta tiếp tục đấu tranh chống lại các chính sách tiêu cực của họ trên cơ sở có lý có tình, không để cho các mâu thuẫn này cản trở sự hợp tác giữa hai nước.

Quan hệ giữa nước ta với Nhật Bản, EU, Ấn Độ... năm qua đều phát triển tốt đẹp trên nhiều lĩnh vực. Nhật Bản tiếp tục cam kết duy trì viện trợ phát triển chính thức (ODA) cho chúng ta ở mức tương đối cao. Hai bên đã trao đổi nhiều đoàn cấp cao nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hơn sự hợp tác về kinh tế, văn hóa và an ninh quốc phòng.

Qua Hội nghị ASEM 5 vừa qua, các nước EU đều đánh giá cao vai trò của Việt Nam và đã ký nhiều hiệp định nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa hai bên, nhất là về kinh tế - thương mại. Đặc biệt, EU đã nhất trí ủng hộ và hỗ trợ ta gia nhập WTO, tạo điều kiện thúc đẩy các cuộc đàm phán song phương khác giữa ta và các nước còn lại.

Quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta với Nga, Ấn Độ, Cu-ba, các nước Đông Âu, Mong Cổ đều có những bước phát triển tích cực. Theo sáng kiến của Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ, tháng 10 vừa qua tại Hà Nội, đã tổ chức Hội thảo và kỷ niệm 50 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Nê-ru gặp nhau. Qua cuộc hội thảo này, có thể thấy hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh rất sâu đậm trong lòng người Ấn Độ và Ấn Độ rất coi trọng quan hệ với Việt Nam.

4 - Một thành tích khác hết sức quan trọng của ngoại giao nước ta trong năm 2004 là ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế. Kinh tế được xem là một nội dung trọng tâm trong quan hệ của nước ta với các nước cũng như các tổ chức quốc tế. Do viện trợ phát triển chính thức của các nước công nghiệp phát triển bị giảm sút và sự cạnh tranh trong việc tranh thủ vốn đầu tư của nước ngoài cũng trở nên hết

sức gay gắt, song trong năm qua, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và ODA của các nước cho Việt Nam vẫn tiếp tục giữ vững. Cuối năm 2004, các nhà tài trợ quốc tế đã cam kết tài trợ 3,4 tỉ USD cho Việt Nam trong năm 2005. Đây là khoản viện trợ chính thức cao nhất trong 10 năm nay. Mặt khác, kim ngạch ngoại thương của ta tiếp tục tăng. Quan hệ kinh tế - thương mại với các nước, nhất là với các đối tác lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, EU và Mỹ vẫn được duy trì và tiếp tục phát triển. Quan hệ giữa nước ta với các tổ chức tài chính quốc tế có những bước phát triển mới. Những cố gắng của nước ta trong việc thực hiện lộ trình AFTA và tiến đến gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới có nhiều tiến triển khả quan.

Hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế được triển khai dưới nhiều hình thức phong phú. Chúng ta đã tổ chức cho nhiều đại diện các công ty, các ngành kinh tế, các nhà doanh nghiệp ra nước ngoài để trao đổi, tìm hiểu, thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai bên. Hàng chục hợp đồng kinh tế - thương mại đã được ký kết nhân các chuyến đi này. Nghị quyết 08 của Chính phủ về ngoại giao làm kinh tế đã tạo thuận lợi cho Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện của ta ở nước ngoài, thực sự trở thành cầu nối giữa các công ty nước ta với các doanh nghiệp nước ngoài. Sự đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đối với công cuộc xây dựng kinh tế ở trong nước ngày càng to lớn. Lượng kiều hối trong năm nay tăng hơn năm ngoái.

*

* *

Tóm lại, trong năm qua, thực hiện tốt nhiệm vụ đối ngoại mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra, mặt trận ngoại giao đã có bước tiến mới, tập hợp được sức mạnh của tất cả các ngành, đã đạt được những thành tích đáng khích lệ, góp phần quan trọng vào việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, nâng cao vị thế nước ta trong khu vực và trên trường quốc tế. □

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TRONG NĂM 2004

TRONG năm 2004, trên cơ sở quán triệt chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân công và thực hiện chương trình công tác của cả nhiệm kỳ 2001 - 2005, Hội đồng Lý luận Trung ương tiếp tục đẩy mạnh các mặt hoạt động, trọng tâm là tập trung đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tiếp tục đi sâu làm sáng tỏ lý luận về công cuộc đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, qua đó góp phần cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng.

1 - Về nhiệm vụ tham gia tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới.

Có thể nói, đây là nhiệm vụ trọng tâm của Hội đồng trong năm 2004.

Đầu năm 2003, Thường trực Hội đồng đã chủ động đề xuất với Bộ Chính trị về tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới. Ngày 1-3-2003, Bộ Chính trị đã quyết định tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới và lập Ban Chỉ đạo tổng kết ở Trung ương do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh làm Trưởng ban, giao Hội đồng Lý luận

Trung ương làm cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo; ngày 12-5-2004, Ban Bí thư ra Chỉ thị 24-CT/TW về mục đích, nhiệm vụ và phương pháp tổng kết.

Thực hiện nhiệm vụ được phân công, Thường trực Hội đồng và Tổ Biên tập đã chủ động xây dựng đề cương báo cáo tổng kết, tổ chức soạn thảo báo cáo, lấy ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng và Ban Chỉ đạo. Trong quá trình tổng kết, Thường trực Hội đồng thường xuyên liên hệ, phối hợp với 5 nhóm tổng kết ở trung ương (các thành viên Hội đồng đều tham gia các nhóm tổng kết này), đôn đốc, hướng dẫn các nhóm báo đảm tiến độ và chất lượng. Thường trực Hội đồng đã làm việc với 4 bộ, ban, ngành ở trung ương, tổ chức 8 đoàn đi 19 tỉnh, thành phố để khảo sát thực tế, nắm tình hình và hướng dẫn việc triển khai tổng kết của các bộ, ban, ngành và các địa phương.

Sau một năm rưỡi triển khai, hệ thống các báo cáo tổng kết đã hoàn tất với tổng số 740 trang bao gồm: Báo cáo tổng kết chung và Tờ trình; Báo cáo tổng kết của 5 nhóm tổng kết 5 vấn đề lý luận - thực tiễn lớn; Báo cáo tổng kết của 24 bộ, ban, ngành trung ương và 30 tỉnh, thành phố thực hiện tổng kết 15 chuyên đề thực tiễn.

Ngày 12 và 13-11-2004, Bộ Chính trị đã họp, cho ý kiến về Báo cáo tổng kết lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới và đánh giá đây là cuộc tổng kết có quy mô lớn, quan trọng, nội dung phong phú liên quan đến hầu hết các vấn đề về quan điểm, đường lối, chiến lược của cách mạng nước ta. Tham gia tổng kết có nhiều ban, ngành, cơ quan khoa học ở Trung ương và nhiều cấp ủy địa phương.

Báo cáo tổng kết được chuẩn bị công phu, nghiêm túc, phản ánh được bối cảnh và quá trình hình thành đường lối đổi mới; khẳng định những thành tựu, tiến bộ, chỉ ra những hạn chế, thiếu sót trong quá trình phát triển tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn của Đảng ta qua 20 năm đổi mới; phân tích nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm; lý giải, kết luận một số vấn đề lý luận - thực tiễn còn nhiều ý kiến khác nhau làm rõ thêm hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; cung cấp luận cứ khoa học cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng.

2 - Tổ chức Hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc về “Xây dựng Đảng cầm quyền - kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc”.

Tiếp theo cuộc Hội thảo lý luận giữa hai Đảng tại Bắc Kinh (Trung Quốc) năm 2003 với chủ đề “Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - kinh nghiệm của Trung Quốc, kinh nghiệm của Việt Nam”, đây là cuộc Hội thảo lớn, được hai Đảng cũng như giới nghiên cứu lý luận của hai nước rất quan tâm và đã được chuẩn bị chu đáo. Hội thảo tập hợp được nhiều thông tin quan trọng, bước đầu đúc rút được những

luận cứ khoa học phong phú và bài học kinh nghiệm về xây dựng Đảng. Hội thảo đã được tổ chức tại Hà Nội vào các ngày 16, 17 và 18-2-2004. Hội đồng Lý luận Trung ương đã báo cáo trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả Hội thảo, *trong đó có 6 nội dung chính* đã được đề cập: Nhận thức tầm quan trọng và một số vấn đề lý luận cơ bản về Đảng cầm quyền; Xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng; Xây dựng Đảng về tổ chức; Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ sức làm tròn nhiệm vụ cách mạng; Sự gắn bó máu thịt với nhân dân, nguồn gốc tạo nên sức mạnh và thể mạnh của Đảng; Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; Cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của Đảng. Từ kết quả Hội thảo, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã xuất bản thành cuốn sách chuyên khảo “Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - kinh nghiệm của Trung Quốc, kinh nghiệm của Việt Nam” và phát hành vào tháng 5-2004.

3 - Tổ chức nghiên cứu chuyên đề “Vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền và các hình thức thực hiện dân chủ”.

Đây cũng là một trong những nhiệm vụ của Hội đồng được Ban Bí thư giao. Để triển khai nhiệm vụ này, Thường trực Hội đồng đã phân công Tiểu ban Xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu và xây dựng Dự thảo Báo cáo.

Sau nhiều lần chỉnh sửa, Dự thảo Báo cáo lần cuối đã được gửi đến từng thành viên Hội đồng Lý luận Trung ương để lấy ý kiến đóng góp.

Ngày 21-7-2004, Thường trực Hội đồng đã trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương bản *Báo cáo kết quả nghiên cứu bước đầu “Vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền, các hình thức thực hiện dân chủ”*. Nội dung của bản Báo cáo đã góp phần làm rõ những vấn đề lý luận chung về dân chủ xã hội chủ nghĩa và cơ chế thực hiện; những vấn đề thực tiễn gắn với quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong điều kiện một đảng cầm quyền; đề xuất phương hướng và một số giải pháp nhằm nâng cao dân chủ ở nước ta hiện nay.

Từ Báo cáo nói trên, có thể rút ra được những luận cứ khoa học phục vụ cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng.

4 - Tiến hành nghiên cứu và tổ chức hai cuộc Hội thảo khoa học về “Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam” và về “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở Việt Nam hiện nay”.

Trong quá trình nghiên cứu và hội thảo về hai vấn đề nói trên, Hội đồng đã tập hợp được trí tuệ của đông đảo các nhà khoa học, các nhà quản lý trong và ngoài Hội đồng.

- Kết quả nghiên cứu về *“Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam”* đã được Hội đồng báo cáo trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ngày 22-5-2004; trong đó đã *góp phần làm rõ hơn những khía cạnh lý luận và thực tiễn đang có tính bức xúc đối với nước ta*: Luận chứng về tính tất yếu khách quan của việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và khẳng định, đó là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh

cụ thể của Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại; phân tích sâu hơn những nội dung cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được ghi trong các văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng *trên năm bình diện lớn* (mục tiêu phát triển; chế độ sở hữu; vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước; sự gắn kết hữu cơ giữa tăng trưởng kinh tế, hiệu suất thị trường với công bằng và tiến bộ xã hội ở tất cả các giai đoạn phát triển kinh tế thị trường; phân phối thu nhập chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội). Báo cáo còn *phân tích những điều kiện bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam* (vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; vai trò quản lý của Nhà nước; sự đồng thuận của nhân dân và dân chủ hóa xã hội). Báo cáo cũng đã *phản ánh một số vấn đề lý luận then chốt* có ảnh hưởng trực tiếp đến các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta: Về chế độ sở hữu; về phân định các thành phần kinh tế; về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Cùng với báo cáo tổng hợp, Hội đồng đã tổ chức biên tập các ý kiến tham luận và phát biểu của các nhà khoa học thành hai tập kỷ yếu để phản ánh đầy đủ hơn với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những thông tin phong phú về các vấn đề thực tiễn, lý luận và giải pháp phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- *“Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước”* là một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn đang có tính bức xúc, được Đảng ta nhấn mạnh

trong nhiều Nghị quyết của Đảng. Việc tổ chức nghiên cứu vấn đề nói trên, đã góp phần làm rõ quá trình đổi mới nhận thức về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; đánh giá, phân tích thực trạng phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong quá trình đổi mới, từ đó xác định những vấn đề bức xúc đang nảy sinh, nguyên nhân và bài học; hình thành những luận cứ khoa học và thực tiễn để đề xuất một số quan điểm, giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phù hợp với tình hình mới.

Kết quả nghiên cứu về vấn đề này được Hội đồng báo cáo trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ý kiến phát biểu tại Hội thảo được tập hợp trong Kỷ yếu của Hội thảo.

Từ hai cuộc hội thảo nói trên có thể khai thác được những luận cứ để phục vụ cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng.

5 - Tiến hành việc kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn nội dung nghiên cứu của các chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 2001 - 2005.

Trong năm 2004, Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, tổ chức các cuộc giao ban định kỳ với Ban Chủ nhiệm 8 chương trình. Trong kỳ họp thứ 10 (tháng 4-2004), Hội đồng đã dành thời gian để nghe một số chương trình và đề tài tiếp tục báo cáo về các kết quả nghiên cứu mới (ba chương trình: KX.05, KX.07, KX.08; và đề tài KX.02.03 về kinh tế tri thức).

Theo chức năng, nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, Thường trực Hội đồng đã yêu cầu các chương trình (bao gồm

79 đề tài) tiếp tục tăng cường khảo sát thực tế, tổng kết thực tiễn trong nước, theo dõi sát các kết quả nghiên cứu mới nhất của nước ngoài về vấn đề có liên quan, kết hợp nghiên cứu lý luận với đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng ta, hướng các hoạt động nghiên cứu vào các mục đích thiết thực, trọng tâm là góp phần phục vụ công tác chuẩn bị các dự thảo văn kiện Đại hội X của Đảng.

Ngay từ đầu năm 2004, Thường trực Hội đồng cũng đã hướng dẫn và yêu cầu Ban Chủ nhiệm 8 chương trình chỉ đạo các đề tài trực thuộc tập trung lực lượng và các điều kiện cần thiết bảo đảm tiến độ, chất lượng nghiên cứu, phấn đấu để cả 79 đề tài có thể nghiệm thu cấp cơ sở trong quý IV - 2004. Thường trực Hội đồng đã xác định rõ nhiệm vụ hàng đầu của các đề tài là phải đề xuất được những kiến nghị khả thi làm luận cứ khoa học phục vụ việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng.

Thực hiện yêu cầu trên, Ban Chủ nhiệm của 8 chương trình đã tích cực đôn đốc các đề tài trực thuộc đẩy mạnh hoạt động để bảo đảm tiến độ và chất lượng nghiên cứu.

6 - Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động khoa học, trên cơ sở đó đã hình thành được bản phác thảo kết quả nghiên cứu Đề tài độc lập cấp nhà nước “Đổi mới và phát triển ở Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn”.

Bản phác thảo này được xây dựng trên cơ sở *tổng hợp các kết quả nghiên cứu mới của 11 đề tài nhánh*, liên quan đến các vấn đề cốt lõi: thời đại của chúng ta và những đặc điểm chủ yếu của sự phát triển thế giới giai đoạn hiện nay; phân tích, đánh giá những đổi mới lý luận then chốt làm cơ sở cho đường lối

đổi mới và phát triển kinh tế, quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quan điểm mới về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta; về phát triển văn hóa và xây dựng con người trong quá trình đổi mới; về cơ cấu xã hội và một số vấn đề xã hội bức xúc; về đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân tộc, công tác tôn giáo; các vấn đề lý luận - thực tiễn về quốc phòng và an ninh qua 20 năm đổi mới; về đường lối đối ngoại trong thời kỳ mới; về xây dựng Đảng trong điều kiện mới; quan điểm tổng quát về



Hương sắc cho đời

Ảnh: *Hoàng Mỹ Hạnh*

chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của 11 nhánh, Đề tài đang gấp rút xử lý hệ thống tư liệu để viết Báo cáo tổng quan và biên soạn cuốn sách của Hội đồng trong nhiệm kỳ 2001 - 2005 về *“Đổi mới và phát triển ở Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*.

7 - Đã xây dựng và xuất bản cuốn sách “Lẽ phải của chúng ta” phát hành vào tháng 11-2004 bao gồm các bài viết của các đồng chí lãnh đạo, các nhà khoa học trong, ngoài Hội đồng và của một số nhân sĩ, nhằm góp phần tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái và thù địch, khắc phục những nhận thức không đúng về các vấn đề chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa và xã hội ở nước ta hiện nay.

Trên đây là những hoạt động chủ yếu của Hội đồng Lý luận Trung ương trong năm 2004.

Phát huy những thành tựu đạt được trong năm 2004, sang năm 2005, Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ nỗ lực phấn đấu, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn nhằm góp phần tham gia soạn thảo và đóng góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội X của Đảng; hoàn thành có chất lượng Đề tài độc lập cấp nhà nước của Hội đồng: *“Đổi mới và phát triển ở Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*; phối hợp với các cơ quan hữu quan để tổ chức việc nghiệm thu các đề tài trong 8 chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 2001 - 2005, chuẩn bị đề xuất các chương trình và đề tài khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 2006 - 2010 và tiến hành một số hoạt động khác của Hội đồng. □



VÀI SUY NGHĨ VỀ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

TRẦN BẠCH ĐĂNG*

NĂM 2002, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 11 về việc *"luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý"*, coi đây là một biện pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và rèn luyện cán bộ, nhất là tạo điều kiện cho cán bộ trẻ được trưởng thành trong thực tiễn, bảo đảm hình thành đội ngũ cán bộ kế cận có bản lĩnh.

Ở nước ta, dưới chế độ phong kiến, thực dân trước đây, vấn đề luân chuyển quan chức đã trở thành một nguyên tắc sử dụng quan chức. Qua thi cử, được tuyển dụng, các quan chức phải chấp nhận sự bổ nhiệm chức vụ ở bất cứ địa phương nào theo nhu cầu của Nhà nước. Sự vận dụng nguyên tắc đó được thể hiện như sau:

Một là, không bổ nhiệm quan cai trị tại quê quán của quan chức đó để tránh tình trạng "một người làm quan cả họ được nhờ", cả làng được ưu ái, tạo điều kiện cho việc thực thi pháp luật được vô tư, công bằng.

Hai là, không để quan cai trị ở một địa phương quá lâu, dễ nảy sinh bè cánh, độc đoán, lạm quyền, bị mua chuộc và tham nhũng. Một câu chuyện dân gian kể rằng: có một quan huyện mới đến nhận chức hỏi thầy lại về ông quan tiền nhiệm, được trả lời rằng: Năm đầu giữ được thanh liêm, năm thứ hai giữ được một nửa trong sạch, đến năm thứ ba thì ăn bẩn. Tân quan chép miệng thở dài: làm thế nào ta nhịn được đến năm thứ ba?

Đương nhiên, ngoài việc ngăn ngừa tiêu cực, biện pháp luân chuyển quan chức còn có tác dụng thử thách, sàng lọc qua thực tiễn hoạt động phong phú, từ đó những ai đứng vững, phát huy được tài năng sẽ trở thành đội ngũ cốt cán của chế độ đó.

Có thể kể vài ví dụ: Thời nhà Nguyễn, ông Phan Thanh Giản - tiến sĩ đầu tiên của Nam Kỳ, sinh ở Bến Tre nhưng hơn 40 năm phải công cán ở triều đình Huế qua ba đời vua: Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức với nhiều chức vụ quan trọng như: Thượng thư Bộ Hình, Thượng thư Bộ Lễ, Thượng thư Bộ Hộ, Cơ mật Đại thần, Hiệp biên Đại học sĩ v.v... Ông đã bị vua trách phạt bảy lần, trong đó có một lần che chở cho vị quan Vương Hữu Quang, vốn người cùng làng, được xử nhẹ tội, đến tai vua nên bị giáng chức từ Thị lang Bộ Hộ xuống coi kho. Thời Pháp thuộc, ông Phan Văn Chương, quê ở Vĩnh Long nhưng làm việc cho Soái phủ Nam Kỳ, rồi làm chủ quận Sóc Sãi, Cần Giuộc, Tân Uyên, đến năm 1947 nhận chức Đô trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn, từ đó ông tham gia kháng chiến chống Pháp. Rất nhiều quan chức Việt Nam công cán xa quê, khắp Bắc - Trung - Nam, thậm chí qua Cam-pu-chia, Lào - cũng là

* Cán bộ lão thành cách mạng, nhà nghiên cứu

chuyện bình thường. Thầy giáo Hoàng Minh Giám từng nhận chức ở Phnôm-pênh (Cam-pu-chia), Hoàng thân Xu-pha-nu-vông của Lào từng thực thi nhiệm vụ kỹ sư cầu đường ở Việt Nam v.v...

Dĩ nhiên, phải có chính sách đãi ngộ thích đáng, bao gồm cả lương bổng, nhà công vụ khang trang để quan chức và gia đình sống khá tốt, tính đến cả việc an cư khi đã về hưu. Dù vậy, có lúc chính sách đãi ngộ cũng bất cập, như Nguyễn Trường Tộ - một nhà cải cách thời vua Tự Đức - đã chỉ rõ:

"Các quan trong lúc còn khỏe mạnh, chấp hành mệnh lệnh của quốc gia, nay đi xứ này, mai đổi sang xứ khác, không kể đến thân mình, nói gì đến việc mưu sinh để nuôi vợ con. Tất cả chỉ nhờ vào đồng lương mà thôi. Dầu là kẻ làm thuê đi nữa, đã có cơm ăn, còn phải có tiền, huống chi là quan. Nếu mãn hạn về hưu, là lúc tuổi già sức yếu, mà quốc gia ruồng bỏ như thứ ngựa già, trâu yếu thì còn khuyến khích được ai ra làm việc nữa?"⁽¹⁾

Chỉ điểm qua vài nét cũng đã thấy tầm quan trọng của vấn đề luân chuyển quan chức trong các chế độ cũ. Điều đáng lưu ý là phải đặt khâu này *trên cơ sở thi tuyển viên chức*, chọn người tài, có triển vọng để đưa vào rèn luyện trong thực tế, đồng thời gắn với *chính sách đãi ngộ thỏa đáng*.

Hiện nay, chúng ta thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý dựa trên quy hoạch cán bộ ở các ngành và địa phương trong đó khâu tiên quyết vẫn là đánh giá và lựa chọn cán bộ cho chính xác. Mặt khác, *công tác quy hoạch cán bộ của chúng ta quá chậm và tầm nhìn còn hạn hẹp*. Chậm là so với yêu cầu của nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý từ chiến tranh sang hòa bình xây dựng, nhất là từ khi tiến hành công cuộc đổi mới đến nay. Nói cách khác trong công tác cán bộ, chúng ta vẫn trong tình trạng "vừa chạy, vừa xếp hàng", chưa

giành được thế chủ động. Tầm nhìn còn hạn hẹp là chưa có cơ chế chính sách tiến cử và tuyển chọn người tài thực sự khách quan, dân chủ, thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội. Hiện nay, nhân tài không thiếu trên bất cứ lĩnh vực nào và ở bất cứ địa phương nào, nhưng hoặc bị thui chột dần hoặc không muốn làm việc cho nhà nước. Gần đây, một số thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... đã chọn nhiều học sinh, sinh viên giỏi đài thọ cho tiếp tục học tập trong và ngoài nước để bổ sung cho đội ngũ cán bộ kế cận. Đó là một chủ trương đúng đắn. Trung Quốc có sáng kiến thí điểm tuyển dụng công khai đến chức phó tỉnh trưởng. Đó là một cách "xã hội hóa" việc tuyển chọn người tài vào bộ máy nhà nước.

Ngay trong đội ngũ cán bộ hiện nay, việc đánh giá, lựa chọn cán bộ theo các tiêu chuẩn đức, tài để đưa vào "luân chuyển" cũng gặp khó khăn do nhiều nguyên nhân, trong đó có vấn đề tham nhũng, ô dù và tư tưởng cục bộ, địa phương...

Như vậy, chuẩn bị thật tốt "đầu vào" của việc luân chuyển cán bộ là một *điều kiện tiên quyết để đạt mục đích đề ra*, bởi vì phải có ngọc thật thì mới "càng mài càng sáng".

Cho đến nay, việc luân chuyển cán bộ đã được triển khai mạnh giữa tỉnh, thành phố với quận, huyện, giữa phường, xã với quận, huyện. Tuy vậy, khá nhiều trường hợp gọi là luân chuyển nhưng *thực chất là điều động, bố trí lại cán bộ* cho phù hợp với năng lực, yếu quá phải thay người khác, thậm chí để ngăn ngừa sự đổ bể các vụ tiêu cực (mất đoàn kết, tham nhũng v.v...) Chủ tịch xã, phường có thể hoán vị với cấp phó phòng, ban quận, huyện vì cả hai bắt đầu có biểu hiện tiêu cực, thậm chí Chủ tịch và Bí thư quận, huyện kinh nhau,

(1) Trương Bá Cần: *Nguyễn Trường Tộ - con người và di thảo*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh 1988, tr 235

có thể đều được "luân chuyển" lên làm cấp phó, ban ngành của tỉnh, thành v.v... Coi như ổn thỏa về mặt cấp bậc và đãi ngộ. Do đó, cần có sự *ngghiêm túc, minh bạch* trong luân chuyển cán bộ và xét cho cùng, không thể qua mắt được đảng viên và quần chúng.

Một vấn đề cần được xem xét kỹ hơn trong việc luân chuyển *giữa cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp bộ đảng, chính quyền với các ngành chuyên môn*. Đây là hai loại cán bộ có chức năng, nhiệm vụ cũng như trình độ nghiệp vụ khác nhau: một bên phải lãnh đạo toàn diện, một bên cần nắm chuyên sâu những vấn đề mình phụ trách. Mỗi bên có quy trình đào tạo riêng, tuy cũng có một số trường hợp lẫn lộn, học chuyên ngành nhưng trong công tác lại phát huy tài năng lãnh đạo toàn diện, có thể đưa vào quy hoạch và cần xem xét cẩn trọng. Đã có những trường hợp đưa cán bộ văn hóa, tuyên huấn của quận, huyện về làm Bí thư xã, phường vào giữa nhiệm kỳ nhưng do không biết cách lãnh đạo toàn diện, đến kỳ đại hội không trúng cử, đành phải rút về, làm mất uy tín của các đồng chí đó. Khác với thời kỳ kháng chiến, công cuộc Đổi mới và xây dựng đất nước hiện nay đòi hỏi một trình độ tinh thông nghiệp vụ rất cao, dù là chính khách hay lãnh đạo chuyên ngành, không chấp nhận một loại cán bộ lãnh đạo, quản lý "đa năng", đặt vào đâu cũng được.

Để thực hiện tốt chủ trương luân chuyển cán bộ, cần phải làm cho *tất cả cán bộ, đảng viên thông suốt chủ trương chính sách này*, kể cả người được luân chuyển và cán bộ địa phương, cơ sở nơi được cử đến để có sự kết hợp hài hòa, giúp đỡ nhau vì sự nghiệp chung.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: *"Cán bộ phải đến, trình độ thường cao hơn, kinh nghiệm nhiều hơn. Nhưng cán bộ địa phương lại biết rõ nhân dân, quen thuộc công việc hơn. Hai hạng cán bộ phải giúp đỡ nhau, bồi đắp cho nhau, thì công việc mới chạy. Vì bệnh hẹp hòi*

mà cán bộ phải đến thường kiêu ngạo, khinh rẻ cán bộ địa phương, cho họ là dốt kém. Thành thử không thân mật hợp tác" (2)

Phải chăng lời dặn dò cán bộ của Bác Hồ vẫn mang tính thời sự trong tình hình luân chuyển cán bộ hiện nay. Có cán bộ mới về nhận nhiệm vụ chủ chốt ở địa phương, đơn vị muốn chứng tỏ phương pháp lãnh đạo mới của mình, vội vã điều chuyển các bộ phận giúp việc cũ, không nắm vững tình hình cơ bản tại chỗ nên có những quyết sách sai, thậm chí không biết lắng nghe ý kiến của các cán bộ tại chỗ, nhất là coi thường ý kiến của cán bộ cách mạng lão thành ở phường, xã nên bị cô lập. Mặt khác, trong cán bộ tại chỗ cũng có thái độ khác nhau: hoặc thẳng thắn phê bình cán bộ được phái đến nhưng ủng hộ để làm việc nếu chịu sửa chữa, hoặc có thái độ bất hợp tác, cũng không loại trừ mang nặng tư tưởng cục bộ, địa phương: *"Giang sơn nào anh hùng nấy"*. Không tạo được sự đoàn kết giữa hai bên thì thất bại là cầm chắc.

Cuối cùng là vấn đề *chính sách đãi ngộ thỏa đáng*. Hiện đã có chủ trương xây dựng nhà công vụ, chế độ lương, phụ cấp v.v... bảo đảm thu nhập cho cán bộ luân chuyển. Tuy nhiên, cần nhìn xa hơn, khi đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý dần dần được trẻ hóa, có trình độ đào tạo cao hơn hiện nay, việc luân chuyển cán bộ trở thành chuyện bình thường, từ đó mà tính toán thay đổi chế độ đãi ngộ một cách cơ bản. Điều than thở của Nguyễn Trường Tộ trước kia đáng để chúng ta suy ngẫm. Vừa qua có đại biểu Quốc hội đã phát biểu về chế độ lương bổng sao cho cán bộ công chức có thể tiết kiệm một khoảng tiền để sở hữu nhà ở cho gia đình sau một thời gian cống hiến. Được vậy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ mới yên tâm đem hết sức lực và tài năng phục vụ đất nước. □

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 236

Một đảng lãnh đạo và thực thi dân chủ

NHỊ LÊ - LÊ KHẢ THỌ*

GẦN đây, nhân những vụ gây rối mang màu sắc chính trị ở nơi này nơi khác, một số người được thể bối lại và tung hô lên vấn đề đa đảng hòng đánh lừa hoặc lôi kéo những người hồ đồ, nhẹ dạ cả tin theo ý đồ phản quốc hại dân của chúng. Họ nói là, "chừng nào ở Việt Nam chỉ có độc nhất một đảng lãnh đạo thì chừng đó không thể nói tới một nền dân chủ chân chính được"(!); rằng, "ở Việt Nam muốn có dân chủ thực sự thì phải hội nhập vào xu thế đa đảng như nước ngoài họ đã từng làm"(!). Thậm chí có người "tát nước theo mưa", "theo đám ăn tàn"... phụ họa cho điều "phát kiến" đó.

1 - VỀ VẤN ĐỀ DÂN CHỦ VÀ ĐẢNG CHÍNH TRỊ

a - Về vấn đề dân chủ

Có thể tiếp cận từ nhiều góc độ. Với nghĩa chung nhất, phổ biến nhất, dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân. Từ đây, có thể rút ra hai điều căn bản liên quan hữu cơ với nhau: một, dân chủ là chế độ chính trị của một giai cấp nhất định điều này nhằm *phân biệt thực chất* của các nền dân chủ thuộc các thể chế chính trị khác nhau; hai, dân chủ là *cơ chế thực hiện quyền làm chủ* cho ai, cho giai cấp nào?

b - Nói về đảng chính trị

Xét một cách khái lược, đảng là tổ chức chính trị mang tính chất giai cấp, là sự liên kết

tự nguyện của những người cùng chí hướng và cùng quyền lợi. Nói cho cùng, bản chất của đảng chính trị chính là bản chất giai cấp. Trong xã hội có giai cấp, thậm chí nhiều giai cấp, sự xuất hiện của nhiều đảng là lẽ bình thường. Dù dưới màu sắc dân tộc hoặc tôn giáo, tên gọi có khác nhau, nhưng đảng thực chất là đảng chính trị. Đảng thực hiện mục

đích chính trị của nó là giành chính quyền, là cầm quyền, dưới nhiều hình thức. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể: về tương quan lực lượng giữa các giai cấp, các bộ phận trong một giai cấp, mỗi nước có thể có một đảng hoặc nhiều đảng.

c - Mối quan hệ giữa đảng chính trị và dân chủ

Khi nói tới đảng chính trị và dân chủ trong điều kiện xã hội phân chia thành giai cấp và đấu tranh giai cấp dưới mọi hình thái thì đảng chính trị và dân chủ không thể không liên quan tới vấn đề giai cấp, không thể không liên quan tới vấn đề chấp chính, vấn đề cầm quyền. Không thể có đảng chung chung phi giai cấp, cũng như không thể có nền dân chủ trừu tượng không mang tính giai cấp. Hiện nay, xét cho cùng, hoặc chỉ có đảng vô sản và đảng tư sản và tương ứng là dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ tư sản mà thôi. Như vậy, nói tới đảng chính trị là nói tới quyền lãnh đạo xã hội; và nói tới dân chủ là nói tới mục đích của sự lãnh đạo. Bởi vậy, khi xem xét mối quan hệ giữa đảng và dân chủ, vấn đề đặt ra đảng nào cầm quyền hay lãnh đạo chính quyền, phải xem nó đem lại quyền lực cho ai và quyền lực đó đem lại lợi ích cho ai?

* TS, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học quốc gia Hà Nội



Trong thực tiễn, có thể là một đảng lãnh đạo, hoặc nhiều đảng tranh giành quyền lãnh đạo xã hội theo chế độ nghị trường. Không có một đảng lãnh đạo hoặc không lập được liên minh lãnh đạo giữa các đảng thì tất yếu đất nước sẽ rơi vào tình trạng vô chính phủ và hỗn loạn. Và dân chủ, dưới sự lãnh đạo của đảng chính trị, hoặc dành cho số đông hoặc dành cho thiểu số. Lịch sử nhân loại cho đến hôm nay, không nằm ngoài điều đó. Hiện nay, hoặc là đảng chính trị của giai cấp tư sản cầm quyền đem lại dân chủ cho số ít giai cấp tư sản hoặc là đảng vô sản cầm quyền đem lại dân chủ cho đông đảo người lao động. Không có con đường thứ ba trên lĩnh vực đảng chính trị và dân chủ.

2 - DÂN CHỦ Ở CÁC QUỐC GIA ĐA ĐẢNG CHÍNH TRỊ

Họ nói, dân chủ là phải đa đảng. Nhưng thực tế đang chống lại họ. Ở Mỹ, dù ở mức độ này khác, nhưng ai cũng thấy rằng, suốt hơn 220 năm qua, kể từ khi nước Mỹ ra đời chỉ có hai đảng - Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ - hai đảng lớn nhất của giai cấp tư sản lũng đoạn thay nhau cầm quyền. Tuy là hai đảng nhưng không ai có thể tìm thấy sự khác nhau về bản chất, về lập trường giai cấp và hệ tư tưởng giữa chúng, và nếu có khác chẳng thì chỉ ở tên gọi và một số chính sách rất nhỏ mà thôi. Trong lúc đó, Đảng Cộng sản Mỹ - với lịch sử hơn một

trăm năm, người đại diện và đấu tranh không mệt mỏi vì quyền lợi của hàng triệu công nhân Mỹ và những lý tưởng cao đẹp - có những thời kỳ bị loại ra ngoài vòng pháp luật, các đảng viên của Đảng luôn bị đe dọa, ám sát và bị khủng bố. Và ngày nay, luật pháp Mỹ đã khoanh tròn hoạt động của Đảng Cộng sản Mỹ trong không gian chính trị nhỏ bé và ngột ngạt nên chẳng có cơ may phát triển, còn nói gì

đến cái gọi là dân chủ trong việc đấu tranh giành vị trí cầm quyền. Phải chăng đó là dân chủ? là sự "thuận lý"? Ấy là chưa kể đến hàng loạt thủ đoạn tinh vi, bẩn thỉu: mua chuộc, đe dọa, ám sát lẫn nhau giữa hai đảng đó nhân những cuộc bầu cử, vận động chính trị.

Nếu họ cho rằng, phổ thông đầu phiếu là một trong những biểu hiện cao nhất của dân chủ, thì thật khó hiểu khi việc xác lập tư cách cử tri cũng là một cuộc vật lộn, thậm chí đầm máu ở các nước tư bản. Hẳn ai cũng biết, ở Anh - năm 1928; Pháp - 1944; I-ta-li-a - 1945; Tây Ban Nha - 1970; Thụy Sĩ - năm 1971, Mỹ phải đợi đến năm 1920, phụ nữ ở các nước này mới có quyền đi bầu cử. Nói rằng, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân thì quyền đó ở chỗ nào? Phải chăng như thế là dân chủ?

Điều mà họ cho là "thuận lý" khi nói tới chế độ tam quyền phân lập là cơ chế bảo đảm cho nền dân chủ, song thực tế thì sao?

Có thể thấy ngay, ở các quốc gia vừa nêu trên, nhà nước tam quyền nhưng không ở nơi đâu có sự phân lập hoàn toàn. Không ai có thể nhớ nổi các tổng thống đã bao lần phủ quyết các dự luật của quốc hội. Ở nhiều nước khác, tổng thống, thậm chí cả thủ tướng có quyền tuyên bố giải tán quốc hội, khi thấy nó trái với mình. Quyền ra dự luật chỉ thuộc thẩm quyền

các nghị sĩ chứ đâu thấy quyền đó ở các tổ chức chính trị và xã hội. Đương nhiên, người cộng dân thì bị "bỏ qua" hẳn trên lĩnh vực này. Phải chăng, lý tưởng của dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân được hiểu và làm như thế mới là "thuận lý", là dân chủ đích thực? Và nếu được xem là dân chủ thì tại sao các bộ máy của nền dân chủ phương Tây nhiều khi đã phải đầu hàng các thế lực ma-phi-a, các thế lực lũng đoạn nhà nước, các thế lực khủng bố và thủ tiêu các quyền dân chủ và quyền con người; nhưng lại làm tốt nhất trong việc xử những người vô tội, kiên tâm, dũng cảm đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội?

Vào thập niên cuối của thế kỷ XX, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, đảng cộng sản ở đó tan rã, và người ta đã quay sang buông xuôi, chấp nhận và đi vào con đường cổ vũ đa nguyên chính trị, đa đảng, nhưng vẫn không thoát khỏi sự khủng hoảng trầm trọng toàn diện. Có lẽ đại đa số nhân dân lao động Đông Âu và Liên Xô là người thấm thía sâu sắc thế nào là dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và dân chủ đa đảng. Những vụ xô xát đổ máu bùng lên. Những cuộc truy đuổi, đe dọa những người cộng sản liên tiếp xảy ra. Tất cả các lực lượng đối lập với Đảng cộng sản đều đồng thanh rằng, con đường dân chủ tốt nhất là để nhân dân lựa chọn đại biểu của mình trong hệ thống nhà nước. Song ở đâu, những người cộng sản thắng thế và đặc cử thì lập tức ở đó rõ lên sự chống phá, thậm chí cả đe dọa, khủng bố những người cộng sản. Thì ra, đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập không đồng nghĩa với việc mở rộng dân chủ; không có nghĩa là mọi người dân, mọi tầng lớp đều có quyền tham gia quản lý nhà nước. Toàn bộ những việc làm này được người ta che đậy bằng khẩu hiệu "dân chủ", "nhân quyền", được tụng ca "dân chủ thắng thế"(!). Hóa ra, tất cả đều chỉ là "những thủ đoạn chính trị tầm thường, những trò bịp bợm". Có lẽ chính trường một số nước ở châu Âu gần

đây là bài học tốt nhất về dân chủ cho những ai khát khao dân chủ thấy thế nào là dân chủ xã hội chủ nghĩa do một đảng lãnh đạo và thế nào là dân chủ đa đảng. Đó là sự phong phú và sinh động của "nền dân chủ đích thực" dưới thể chế đa đảng mà ai đó vẫn hằng ca ngợi không tiếc lời?

Mặc dù sự phác thảo trên chưa thật đầy đủ về các nền dân chủ ở các nước đa nguyên đa đảng, nhưng cũng cho thấy rõ ràng rằng quy mô, tính chất, mức độ và trình độ dân chủ không bị quyết định bởi thể chế đa đảng. Nếu như vậy thì vấn đề một đảng cộng sản duy nhất lãnh đạo xã hội Việt Nam thử hỏi có gì là nghịch lý đối với việc xây dựng và thực thi dân chủ ở Việt Nam!

3 - NỀN DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Gần nửa thế kỷ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là hơn 18 năm đổi mới vừa qua, chúng ta đã giành được những thành quả to lớn. Một trong những nguyên nhân cơ bản bảo đảm thành công đó là, chúng ta bước đầu xác lập rõ một cơ chế vận hành của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trên con đường phát triển đất nước.

Sự nghiệp đổi mới hiện nay, hơn bao giờ hết, tiếp tục đòi hỏi sức mạnh của cơ chế vận hành xã hội trên cơ sở phát huy dân chủ, một mặt tăng cường sức mạnh của các thành viên, mặt khác quan trọng hơn là tạo ra sức mạnh tổng thể của hệ thống chính trị nước ta với cơ chế "Đảng lãnh đạo - Nhân dân làm chủ - Nhà nước quản lý". Đây không chỉ là vấn đề nguyên tắc, mà là một giải pháp cơ bản trên con đường tiến tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

a - Những nguyên tắc và thực tiễn

- Về sự lãnh đạo của Đảng

Với tư cách là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, Đảng ta là người duy nhất lãnh đạo đất nước ta tiến lên chủ nghĩa

xã hội". Vai trò lãnh đạo của Đảng không phải là cái quyền đơn thuần do Hiến pháp ban cho, mà là do yêu cầu của lịch sử đất nước quy định và là yêu cầu của nhân dân.

Bản chất và quyền lãnh đạo của Đảng, là định hướng, vạch ra mục tiêu và tổ chức thực hiện sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Sứ mệnh lịch sử của Đảng là lãnh đạo, tổ chức và cổ vũ nhân dân xây dựng đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã được hoạch định. Thực chất và cốt lõi của sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội là sự chi phối bằng chính trị, tư tưởng và tổ chức, là thuyết phục sự thừa nhận cương lĩnh do Đảng đề ra, có thể vừa gây ảnh hưởng bằng quyền, thông qua cơ chế đối với Nhà nước, thông qua đảng viên và tổ chức của Đảng trong bộ máy của Nhà nước nhằm bảo đảm việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Đó là điều hợp quy luật và hợp lòng dân nhằm xây dựng một xã hội công dân, dứt khoát không phải là việc tự "đặt bộ máy của Đảng bên cạnh bộ máy Nhà nước", như ai đó rêu rao.

Chức năng lãnh đạo của Đảng được thể hiện ở các hoạt động sau:

Một là, luận chứng lý luận sự phát triển của xã hội mang tầm chiến lược. *Hai là*, đề ra đường lối chung về phát triển xã hội toàn diện và biến Cương lĩnh của Đảng thành thực tiễn hoạt động của Nhà nước và toàn bộ xã hội. *Ba là*, thông nhất và phối hợp hoạt động của các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội ngoài Nhà nước. *Bốn là* góp phần hình thành, phát triển hệ tư tưởng của giai cấp vô sản và xây dựng nền văn hóa chính trị của Đảng, Nhà nước và các thành viên trong hệ thống chính trị.

Tất cả đều nhằm bảo đảm tính chính trị, tính định hướng đúng đắn trên con đường đi lên của đất nước và sự phát triển của dân tộc.

- Về chức năng quản lý của Nhà nước

Dân chủ được quyết định bởi tính chất nhân dân của Nhà nước ta. Khi Đảng ta công khai thừa nhận tính chất giai cấp của Nhà nước và công khai phấn đấu xây dựng Nhà nước là "của

dân, do dân và vì dân" thì tính chất dân chủ triệt để của nước ta đã được quyết định. Thực hiện chức năng quản lý, trước hết và căn bản là, Nhà nước ta tổ chức việc thực hiện các chức năng quyền lực, bảo đảm cho mỗi công dân và toàn dân tham gia công việc của Nhà nước nhằm quản lý xã hội. Nói cụ thể, chức năng của Nhà nước là thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành pháp luật; định chế quyền, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động trong việc tham gia quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Đó cũng chính là bản chất của Nhà nước ta. Quản lý, phải thực hiện chức năng của mình bằng các văn bản, nhưng cũng không thể loại trừ việc Nhà nước thực hiện chức năng cưỡng chế. Để thực hiện công việc quản lý, Nhà nước ta nếu chỉ dùng đến quyền lực thì chưa đủ, mà đang nỗ lực làm tốt việc giáo dục, thuyết phục, nhằm giảm bớt những yếu tố tự phát, tăng tính tập trung và hướng đích của sự phát triển xã hội nước ta theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Về kinh tế, sự hiện diện của chế độ sở hữu toàn dân về toàn bộ đất đai, tài nguyên của đất nước, của các cơ sở kinh tế của Nhà nước nắm giữ những huyết mạch cơ bản và chủ yếu của nền kinh tế quốc dân với vị trí làm chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Về phương diện *chính trị*, Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, được nhân dân trao cho quyền lực, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Sức mạnh của Nhà nước ta được tạo ra từ trên cơ sở kinh tế và chính trị ấy. Nó thực thi nhiệm vụ quản lý thông qua một tổng thể các biện pháp từ kinh tế, hành chính đến luật pháp, giáo dục, trong đó các biện pháp kinh tế và luật pháp giữ vai trò quan trọng nhất... có khả năng điều tiết trên tầm vĩ mô, nhằm chế ngự và giải quyết những khuyết tật của nền kinh tế thị trường, đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, trong khi nhấn mạnh vai trò quản lý và tăng cường sức mạnh kinh tế và luật pháp,

Nhà nước cần và đã rất coi trọng phát huy sức mạnh của *văn hóa và giáo dục*. Xuất phát từ sự nhận thức tỉnh táo những nguy cơ nảy sinh từ mặt trái của cơ chế thị trường hiện nay mà vấn đề đấu tranh và xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được coi và đang trở thành vấn đề hữu cơ có tầm chiến lược đối với Đảng và Nhà nước ta trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

V.v..

- Về quyền và trách nhiệm làm chủ của nhân dân lao động

Mục tiêu của toàn bộ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước, xét cho cùng đều *nhằm bảo đảm, phát huy quyền và trách nhiệm làm chủ của nhân dân lao động*. Đó là *mục tiêu*, đồng thời là *thước đo* trình độ lãnh đạo của Đảng và năng lực quản lý của Nhà nước. Đó cũng chính là *thước đo* sự phát triển của nền dân chủ. Nếu nhân dân không được thực hiện quyền và trách nhiệm làm chủ của mình, thông qua Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì sự tồn tại của Đảng và Nhà nước trở nên vô nghĩa.

Nhưng cũng cần phải hiểu rằng, không thể chỉ nói đến trách nhiệm. Đương nhiên, đôi khi công dân cảm thấy hãnh diện, vinh dự vì được thực hiện trách nhiệm. Trách nhiệm phải gắn liền với quyền lợi, đó là nguyên tắc giao tiếp giữa cá nhân với cộng đồng, xét từ cả hai phía. Con người tất nhiên là nằm trong cộng đồng nhưng không nằm ngoài mỗi cá nhân. Do đó, "tạo ra sự phát triển tự do của mỗi con người là điều kiện cho sự phát triển tự do cho tất cả mọi người" là mục tiêu phấn đấu của Đảng, Nhà nước và toàn thể dân tộc ta. Đó là trách nhiệm, là phương châm hành động của Đảng, của Nhà nước, của cộng đồng và tất nhiên của mỗi con người.

b - Những điều kiện cơ bản và tất yếu bảo đảm thực hiện dân chủ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam

Dù bất cứ điều kiện lịch sử, tình huống nào, Đảng và Nhà nước ta phải giữ vững và nâng cao bản chất giai cấp công nhân, thống nhất triệt để mục tiêu và quán xuyên toàn bộ hoạt động là hướng tới dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là phẩm chất tiên quyết, là yêu cầu bất di bất dịch. Mặt khác, giữ vững sự ổn định chính trị xã hội, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa một cách toàn vẹn lãnh thổ, là điều kiện cơ bản. Đồng thời, Đảng và Nhà nước tiếp tục nỗ lực vươn lên thật sự ngang tầm với sự phát triển của đất nước về mọi mặt, bắt nhịp và vận động phù hợp với xu thế phát triển của thời đại hiện nay; đủ sức đề kháng với mọi âm mưu và hành động phá hoại từ bên ngoài, cảnh giác và khắc phục hữu hiệu mọi nguy cơ tha hóa, thoái hóa và tự tan rã từ trong nội bộ. Đây là vấn đề hết sức quan trọng có ý nghĩa tồn vong, trong bối cảnh hiện nay.

- Đối với Đảng: Không ngừng thâm thái, hội tụ và thể hiện một cách tập trung, sinh động những phẩm chất để xứng đáng là một Đảng cách mạng - Đảng trí tuệ - Đảng hành động - Đảng đoàn kết thống nhất - Đảng cầu thị tiến bộ, trên cơ sở và thông qua quá trình luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn mình theo những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tiếp tục xây dựng và phát triển sâu rộng cơ sở xã hội - chính trị của mình một cách vững chắc và hùng hậu; tập trung và sử dụng hiệu quả những phương tiện hiện đại và tốt nhất trong điều kiện cho phép và khả năng có thể phục vụ sự hoạt động toàn diện của mình. Là tấm gương về tinh thần và hành động đoàn kết quốc tế theo lập trường của giai cấp công nhân trên nền tảng truyền thống hòa bình, nhân nghĩa của dân tộc, của đất nước.

- Đối với Nhà nước: Thể hiện tập trung và tiêu biểu là nguyện vọng và kết quả của quyền làm chủ của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xứng đáng là Nhà nước pháp quyền xã

hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Ý thức một cách rõ ràng và tất yếu rằng, nhân dân lao động vừa là *đối tượng quản lý*, nhưng cũng vừa là *chủ thể quản lý* của mình, đồng thời vừa là người cùng tham gia quản lý xã hội, quản lý đất nước với mình một cách dân chủ, theo pháp luật; thấu hiểu nhân dân một cách sâu sắc về dân tâm, dân tình, dân ý và dân nguyện.

Xây dựng và tiến tới hoàn thiện một hệ thống công cụ quản lý pháp lý (pháp luật, các chính sách quản lý vĩ mô, hệ các chính sách đòn bẩy...) hiện đại và phù hợp với điều kiện đất nước, với xu thế phát triển của thời đại, với ý chí và nguyện vọng chính đáng của nhân dân lao động trên cơ sở kế thừa những tinh hoa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của nhân loại tiến bộ.

Tạo dựng một đội ngũ công chức đủ mạnh về số lượng, thành thạo công việc, tận tâm tận lực vừa là người quản lý vừa là "công bộc" của nhân dân; có phong cách và phương pháp quản lý dân chủ, hiện đại, phù hợp và hiệu quả. Trong những năm gần đây, bên cạnh những thành công trong đổi mới mở cửa, bộ máy Nhà nước ta cũng bộc lộ nhiều điểm yếu đặc biệt là đạo đức của một số cán bộ và trình độ quản lý của họ. Đã đến lúc phải tập trung cao độ khắc phục hai nhược điểm này một cách hữu hiệu để bứt lên nếu không sẽ bỏ lỡ cơ hội rất tốt hiện nay.

- *Đối với nhân dân lao động*: Quyền đương nhiên được hưởng tất cả những quyền mà pháp luật bảo vệ, trong đó có các quyền cơ bản và quyền chủ yếu của con người về dân sinh, dân chủ, dân quyền và dân trí. Bởi lẽ, đây là những đặc trưng cơ bản nhất để nhận biết thực chất của các nền dân chủ khác nhau. Đối với chúng ta, phải bảo đảm cho nhân dân quyền được thông tin, quyền được kiểm tra giám sát một cách trực tiếp hoặc thông qua các cơ quan đại diện và các tổ chức của nhân dân, các đoàn thể chính trị, các tổ chức nghề nghiệp, giới tính, lứa tuổi... nhằm lôi cuốn họ tham gia vào việc giải

quyết những vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Nếu không như thế thì phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" chỉ là một khẩu hiệu suông. Trái lại, nhân dân lao động cũng cần được giáo dục và tự giáo dục để hiểu rằng đâu là những quyền được bảo vệ và được hưởng, đâu là những việc làm trái pháp luật. Vượt quá những quyền hợp pháp là sự lạm quyền, lạm quyền trở thành vô chính phủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ. Nhân dân có *quyền lợi* làm chủ, thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bốn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân, tức là: - Tuân theo pháp luật Nhà nước - Tuân theo kỷ luật lao động - Giữ gìn trật tự chung - Đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung - Hăng hái tham gia công việc chung - Bảo vệ tài sản công cộng - Bảo vệ Tổ quốc"⁽¹⁾. Do đó, xây dựng và đổi mới toàn diện các tổ chức chính trị - xã hội của nhân dân với phương châm đại đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dựa trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam, mà đứng đầu là Đảng Cộng sản Việt Nam, vừa là yêu cầu chiến lược vừa có ý nghĩa cấp bách.

Dân chủ là khát vọng của toàn nhân loại, nó mang giá trị chung của nhân loại. Nhưng trên con đường vươn tới khát vọng đó nó bị chi phối bởi các đảng chính trị và mang dấu ấn của điều kiện kinh tế - xã hội. Đó là quy luật. Đất nước ta dù với muôn vàn khó khăn, điểm xuất phát kinh tế tương đối thấp, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, chúng ta có quyền tự hào rằng, đã có một nền dân chủ hiện thực không ngừng tiến bộ phù hợp với điều kiện của mình và xu thế thời đại. Đó là điều bất cứ ai cũng đều thấy. □

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 7, tr 452

Bảo vệ môi trường trước những yêu cầu mới của thời kỳ đẩy mạnh CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

CHU THÁI THÀNH

TRONG những năm gần đây, bảo vệ môi trường đang trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhiều quốc gia. Sự thay đổi khí hậu bất thường, suy giảm tầng ôzôn, tình trạng ô nhiễm gia tăng, suy thoái đất canh tác, nạn phá rừng, lụt, bão, suy giảm đa dạng sinh học... đang trở thành vấn đề bức bách mang tính toàn cầu. Cho nên, muốn bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội bền vững và hội nhập kinh tế thành công, không thể không quan tâm tới vấn đề bảo vệ môi trường.

Đối với nước ta, trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiệm vụ bảo vệ môi trường thường xuyên được Đảng và Nhà nước coi trọng và đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết liên quan. Đặc biệt, ngày 15-11-2004, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 41/NQ-TW Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây là Nghị quyết đầu tiên của Đảng ta chỉ đạo riêng về công tác bảo vệ môi trường. Nghị quyết nêu rõ: Công tác bảo vệ môi trường ở nước ta trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực. Hệ thống chính sách, thể chế từng bước được xây dựng và hoàn thiện, phục vụ ngày càng có hiệu quả

cho công tác bảo vệ môi trường. Nhận thức về bảo vệ môi trường trong các cấp các ngành và nhân dân đã được nâng lên; mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã từng bước được hạn chế; công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học đã đạt được những tiến bộ rõ rệt...

Mục tiêu phấn đấu của đất nước đã được Đảng và Nhà nước ta xác định là: *từ nay đến năm 2020, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại*. Theo định hướng mục tiêu đó, thời gian tới, tăng trưởng kinh tế nước ta phải ở mức cao hơn so với hiện tại và phải duy trì được mức độ ấy trong một vài thập kỷ. Dự báo trong vòng 15 đến 20 năm tới, GDP của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng từ 2 đến 3 lần, công nghiệp sẽ tăng 4 lần. Sự tăng trưởng như vậy làm cho đất nước nhanh chóng phát triển, hội nhập với nền kinh tế khu vực. Nhưng đồng thời nó cũng kéo theo một khối lượng lớn tài nguyên thiên nhiên được khai thác, chế biến và một khối lượng chất thải từ sản xuất và tiêu dùng thải vào môi trường ngày càng tăng. Những thách thức về môi trường càng khó giải quyết, vì vấn đề tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường cho ngày hôm nay và cho thế hệ mai sau thường mâu thuẫn trực tiếp với nhau.

Thực tế cho thấy, trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nước ta đang phải đương đầu với nhiều vấn đề về môi trường gay gắt, trong đó có những vấn đề nghiêm trọng như nạn phá rừng, sự khai thác quá mức

tài nguyên sinh học, sự xuống cấp của tài nguyên đất, nạn thiếu nước ngọt và ô nhiễm gia tăng...

Rừng là nguồn tài nguyên sinh vật quý giá nhất. Rừng không những là cơ sở phát triển kinh tế - xã hội mà còn giữ chức năng sinh thái rất quan trọng. Thế nhưng, trong quá trình phát triển, độ che phủ của rừng nước ta đã giảm sút đến mức báo động. Chất lượng của rừng ở các vùng còn rừng đã bị hạ thấp quá mức. Trên thực tế chỉ còn khoảng 10% là rừng nguyên thủy. Ở nhiều tỉnh miền núi, độ che phủ của rừng tự nhiên, nhất là rừng già còn lại rất thấp. Ví dụ, ở Lai Châu chỉ còn 7,88%, Sơn La là 11,95% và Lào Cai là 5,38%. Ở Tây Nguyên trung bình mỗi năm diện tích rừng tự nhiên mất 10.000 ha. Những tổn thất về rừng là không thể bù đắp được và gây ra nhiều tổn thất lớn về kinh tế, về công ăn việc làm và phát triển đất nước bền vững. Cho dù các chương trình trồng rừng sẽ đạt được những kết quả khả quan, thì cũng chưa thể bù đắp ngay được mức phá rừng hiện tại và cũng khó thực hiện được mục tiêu đề ra là đến năm 2010 tỷ lệ che phủ của rừng đạt 43% diện tích rừng tự nhiên cả nước.

Thoái hóa đất đang là xu thế phổ biến đối với nhiều vùng rộng lớn ở nước ta, nhất là vùng đồi núi, nơi tập trung hơn 3/4 quỹ đất. Các dạng thoái hóa đất chủ yếu là: xói mòn, rửa trôi, đất có độ phì nhiêu thấp và mất cân bằng dinh dưỡng, đất chua hóa, mặn hóa, phèn hóa, bạc màu, khô hạn và sa mạc hóa. Trên 50% diện tích đất (3,2 triệu ha) ở vùng đồng bằng và trên 60% diện tích đất (13 triệu ha) ở vùng đồi núi có những vấn đề liên quan đến suy thoái đất. Ở đồng bằng, thách thức về môi trường đất là nạn ngập úng, lũ, phèn hóa, mặn hóa, xói mòn và sạt lở bờ sông, bờ biển, ô nhiễm đất, vắt kiệt độ phì của đất để thu lợi ích ngắn hạn. Ở vùng miền núi, suy thoái môi trường đất do phương thức canh tác nương rẫy còn thô sơ, lạc hậu của đồng bào các dân tộc; tình trạng chặt phá, đốt rừng bừa bãi. Suy thoái

môi trường đất kéo theo sự suy thoái các quần thể động thực vật và chiều hướng giảm diện tích đất nông nghiệp trên đầu người đến mức báo động.

Việc *bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên nước* còn nhiều bất cập. Các nguồn nước đang bị suy thoái và nhiều nơi bị ô nhiễm trầm trọng. Nguy cơ nguồn nước bị cạn kiệt đang đe dọa thiếu nước cho phát triển kinh tế và đời sống ở một số vùng. Nguồn nước mặt ngày càng bị ô nhiễm do lượng lớn chất thải công nghiệp và sinh hoạt gây nên. Nguồn nước ngầm ở một số đô thị có biểu hiện chớm bị ô nhiễm bởi các chất gây ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy.

So với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực, nước ta có *những lợi thế quan trọng về tài nguyên khoáng sản*. Nếu biết bảo vệ, khai thác và sử dụng hợp lý, bền vững nguồn tài nguyên này thì chúng sẽ trở thành một lợi thế trong cạnh tranh quốc tế cả hiện tại và trong tương lai lâu dài. Tuy nhiên, do quản lý chưa chặt chẽ nên việc khai thác thiếu quy hoạch, bừa bãi đã gây ra tình trạng thất thoát tài nguyên khoáng sản, hủy hoại môi trường đất, thảm thực vật và gây nhiều sự cố môi trường như sụt lún, sập hầm lò khai thác... Bên cạnh việc lãng phí tài nguyên do không tận thu được hàm lượng khoáng sản hữu ích, việc khai thác bằng công nghệ lạc hậu còn gây ra tình trạng mất rừng, xói lở đất, bồi lắng và ô nhiễm sông, suối, ven biển.

Sức ép dân số và tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh ở các vùng ven biển gây ra nhiều hậu quả xấu đối với tài nguyên ven biển và trong lòng biển. Các thành phố, khu công nghiệp vùng ven biển đổ một lượng nước thải không qua xử lý và một phần chất thải rắn vào sông, biển gây nên ô nhiễm môi trường nước. Các trung tâm du lịch nằm ven biển hằng năm cũng xả ra một khối lượng lớn nước thải và rác thải ra biển. Hậu quả là các hệ sinh thái biển và ven biển bị suy thoái nghiêm trọng. Đa dạng sinh học bị đe dọa, diện tích rất lớn rừng

ngập mặn bị triệt phá để nuôi tôm, các bãi san hô bị khai thác một cách hủy diệt, đưa nước ta vào danh sách những vùng có mức độ đe dọa cao nhất thế giới. Nhiều nhóm động vật quý hiếm như thú biển, đồi mồi, chim biển, các thảm thực vật biển bị thu hẹp dần. Chất lượng môi trường sống trong các hệ sinh thái bị suy giảm, bị thay đổi theo chiều hướng xấu; đa dạng loài và nguồn gen đặc hữu bị tổn thất, hoặc suy thoái, có nơi đến mức nghiêm trọng.

Môi trường ở nhiều đô thị nước ta đang bị ô nhiễm do chất thải rắn chưa được thu gom, nước thải chưa được xử lý theo đúng quy định. Trong khi đó khí thải, tiếng ồn, bụi từ các phương tiện giao thông nội thị và mạng lưới sản xuất quy mô vừa và nhỏ cùng với kết cấu hạ tầng yếu kém càng làm cho điều kiện vệ sinh môi trường ở nhiều đô thị đang thực sự lâm vào tình trạng báo động. Hệ thống cấp thoát nước lạc hậu, xuống cấp, không đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng. Mức độ ô nhiễm về bụi và các khí thải độc hại nhiều nơi vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần, nhất là tại một số thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2 đến 3 lần.

Môi trường nông thôn đang bị ô nhiễm do các điều kiện vệ sinh và kết cấu hạ tầng yếu kém. Việc sử dụng không hợp lý các loại hóa chất nông nghiệp cũng đã và đang làm cho môi trường nông thôn bị ô nhiễm và suy thoái. Việc phát triển tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề và cơ sở chế biến ở một số vùng do công nghệ sản xuất lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, phân tán xen kẽ trong khu dân cư và hầu như không có thiết bị thu gom và xử lý chất thải, đã gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Hiện nay, ở nước ta có khoảng 1.450 làng nghề truyền thống, trong đó có hai phần ba tập trung ở đồng bằng sông Hồng. Nhiều làng nghề khác đang trên đường phục hồi. Kết quả điều tra mới đây cho biết, điều kiện và môi trường lao động tại các làng nghề là đáng lo ngại. Có 60 đến 90% số người lao động tiếp

xúc với bụi, hóa chất, độ nóng không có trang thiết bị phòng hộ. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề ngày càng tăng. Các chất thải rắn, lỏng, khí trong quá trình sản xuất không được xử lý, thu gom, thải bừa bãi ra môi trường xung quanh và trong các khu dân cư đã làm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Điều kiện vệ sinh môi trường nông thôn vẫn chưa được cải thiện đáng kể, tỷ lệ số hộ có hố xí hợp vệ sinh chỉ đạt 28 - 30% và số hộ ở nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh là 30 - 40%.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, nhưng nguyên nhân cơ bản nhất vẫn là do các cấp ủy và chính quyền các cấp chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, chưa biến nhận thức, trách nhiệm thành hành động cụ thể của từng cấp, từng ngành và từng người cho việc bảo vệ môi trường; chưa bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thường chỉ chú trọng đến tăng trưởng kinh tế mà ít quan tâm việc bảo vệ môi trường; nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường của Nhà nước, của các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư rất hạn chế. Bên cạnh đó, khuôn khổ pháp lý còn thiếu đồng bộ, năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu, mức đầu tư bảo vệ môi trường còn thấp, nhiều vấn đề chưa đặt ra và giải quyết đúng với tầm quan trọng của nó.

Trước tình hình đó, Nghị quyết 41/NQ-TW của Bộ Chính trị đã đặt ra nhiều nhiệm vụ mới, nhấn mạnh nhiều quan điểm mới, sâu sắc, có ý nghĩa chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường trong suốt thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ nhất, bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội; ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

Thứ hai, bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu,

vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương. Khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững.

Thứ ba, bảo vệ môi trường là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người, là biểu hiện của nếp sống văn hóa, đạo đức, là tiêu chí quan trọng của xã hội văn minh và là sự nối tiếp truyền thống yêu thiên nhiên, sống hài hòa với tự nhiên của ông cha ta.

Thứ tư, bảo vệ môi trường phải theo phương châm lấy phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường là chính kết hợp với xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên; kết hợp giữa sự đầu tư của Nhà nước với đẩy mạnh huy động nguồn lực trong xã hội và mở rộng hợp tác quốc tế; kết hợp giữa công nghệ hiện đại với các phương pháp truyền thống.

Thứ năm, bảo vệ môi trường là nhiệm vụ vừa phức tạp, vừa cấp bách, có tính đa ngành và liên vùng rất cao. Vì vậy, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Mục tiêu bảo vệ môi trường đặt ra trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là: ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra. Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường. Xây dựng nước ta trở thành một nước có môi trường tốt, có sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công

bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên.

Để đạt được những mục tiêu đó, trong những năm tới, chúng ta cần tập trung nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

Một là, đẩy mạnh công tác giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường của toàn dân. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, chủ trương, pháp luật và các thông tin về môi trường và phát triển bền vững cho mọi người, nhất là trong thanh niên, thiếu niên; đưa nội dung giáo dục môi trường vào chương trình, sách giáo khoa của hệ thống giáo dục quốc dân, tăng dần thời lượng và tiến tới hình thành môn học chính khóa đối với các cấp học phổ thông. Tạo thành dư luận xã hội lên án nghiêm khắc đối với các hành vi gây mất vệ sinh và ô nhiễm môi trường đi đôi với việc áp dụng các chế tài, xử phạt nghiêm, đúng mức mọi vi phạm. Xây dựng lối sống lành mạnh, hài hòa, gần gũi và yêu quý thiên nhiên.

Hai là, tăng cường công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường. Xác định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của Nhà nước, cá nhân, tổ chức và cộng đồng, đề cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất và dịch vụ. Tạo cơ sở pháp lý và cơ chế khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia công tác bảo vệ môi trường. Chú trọng xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước, cam kết về bảo vệ môi trường và các mô hình tự quản về môi trường của cộng đồng dân cư. Phát hiện các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường để khen thưởng, phổ biến và nhân rộng. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Đa dạng hóa các nguồn đầu tư cho môi trường. Huy động sự tham gia và đóng góp của mọi tầng lớp dân cư, của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội vào lĩnh vực bảo vệ môi trường. Phát triển các tổ chức tài chính, ngân hàng, tín dụng về môi trường nhằm nâng cao hiệu quả

sử dụng các nguồn vốn đầu tư bảo vệ môi trường. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về môi trường.

Ba là, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường phải được coi là một yếu tố không thể tách rời của quá trình phát triển. Tích cực và chủ động phòng ngừa, ngăn chặn những tác động xấu đối với môi trường do hoạt động của con người gây ra. Cần áp dụng rộng rãi nguyên tắc "người gây thiệt hại đối với tài nguyên môi trường thì phải bồi hoàn". Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ và có hiệu lực về công tác bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội, coi yêu cầu bảo vệ môi trường là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá phát triển bền vững.

Bốn là, chú trọng công tác quản lý môi trường ở các vùng kinh tế trọng điểm, vùng dân cư tập trung. Gắn mục tiêu bảo vệ môi trường với mục tiêu nâng cao mức sống của cộng đồng dân cư. Chú trọng ngăn ngừa sự cố môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường; trước hết xử lý nước thải, chất thải rắn, tập trung ở các bệnh viện lớn, nghiên cứu tái sử dụng chất thải và áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn. Tăng khả năng dự báo các sự cố thiên nhiên, thời tiết, bão lụt, động đất, giảm thiểu các thiệt hại do thiên tai gây ra. Hình thành khung pháp luật, chính sách về bảo vệ và cải thiện môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; quy định và áp dụng các chế tài cần thiết để xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Năm là, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng phải bảo đảm đáp ứng một cách công bằng nhu cầu của thế hệ hiện tại và không gây trở ngại tới cuộc sống của các thế hệ tương lai. Sử dụng tiết kiệm những nguồn tài nguyên không thể tái tạo lại được, gìn giữ và cải thiện môi trường sống, phát triển hệ thống sản xuất sạch và thân thiện với môi trường do quá trình toàn cầu hóa và hội nhập

kinh tế gây ra. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Sáu là, bảo đảm cho mọi người dân đều được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan và các nhân tố môi trường tự nhiên khác đạt chuẩn mực tối thiểu do Nhà nước quy định. Tập trung giải quyết tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông đúc, chật chội ở các thành phố lớn và một số vùng nông thôn. Kiểm soát ô nhiễm và ứng cứu sự cố môi trường do thiên tai lũ lụt gây ra; cải tạo, khắc phục ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, ao hồ, kênh mương... Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường, xây dựng vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh, giữ gìn đa dạng sinh học, bảo tồn các nguồn gen di truyền, xây dựng các công trình làm sạch môi trường. Áp dụng các công nghệ và quy trình sản xuất ít chất thải, ít gây ô nhiễm môi trường. Bảo đảm sử dụng hợp lý tài nguyên, phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bảy là, bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn Đảng, các cấp chính quyền, các bộ, ngành và địa phương, của các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mọi người dân. Phải huy động sự tham gia tối đa của mọi người có liên quan trong việc lựa chọn các quyết định về phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường ở địa phương và trên quy mô cả nước. Bảo đảm cho nhân dân có khả năng tiếp cận thông tin và nâng cao vai trò của các tầng lớp nhân dân, trước hết là đối với phụ nữ, thanh niên, đồng bào các dân tộc thiểu số trong việc đóng góp vào quá trình ra quyết định về các dự án đầu tư phát triển lớn, lâu dài của đất nước, thực hiện bằng được tiêu chí nâng cao chất lượng sống và phát triển bền vững. □

SAU năm 1986, trong thời kỳ đổi mới mỹ thuật là ngành văn hóa - nghệ thuật đã nhanh chóng phát triển nhiều phương thức hoạt động, trong tiến trình hòa nhập với thế giới. Cùng với văn học, sân khấu, mỹ thuật đã tạo được những hình ảnh rõ nét về sự phục hưng, sinh khí đổi mới của bộ mặt văn hóa nước nhà. Mỹ thuật đã đi trước một bước về sự tiếp thu, cách tân ngôn ngữ nghệ thuật, giao lưu bình đẳng với thế giới và khu vực.

Về hoạt động mỹ thuật nước ta giai đoạn hiện nay

PHẠM QUỐC TRUNG *

Khoảng mười năm (1987 - 1997), mỹ thuật thời kỳ đổi mới được xem như một "hiện tượng" từ sự năng động, đa dạng của nhiều loại hình nghệ thuật đến triển lãm cá nhân, triển lãm nhóm ngày một nhiều thay cho vị trí chủ đạo của các triển lãm định kỳ, mỹ thuật phong trào do nhà nước tổ chức như trước kia. Mỹ thuật Việt Nam sau bao năm chiến tranh, nay được "phát hiện lại" với bản sắc Á Đông riêng biệt, trữ tình, nguyên sơ, nhân bản đã thu hút làn sóng các nhà sưu tập và du khách nước ngoài, tạo điều kiện hình thành nên một thị trường mỹ thuật, tuy quy mô còn nhỏ và hết sức bấp bênh. Nhiều ga-le-ry nghệ thuật được mở, hoạt động mua bán, giao lưu triển lãm các tác phẩm của họa sĩ Việt Nam ở nước ngoài và các nghệ sĩ nước ngoài vào Việt Nam diễn ra

thường xuyên, góp phần đem lại nhiều lợi ích kinh tế, thông tin nghệ thuật, kích thích hoạt động sáng tác trong nước. Đây cũng có thể coi là một thế mạnh của hoạt động "ngoại giao nhân dân" góp phần giới thiệu có hiệu quả sự đa dạng, phong phú và thành tựu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài, cho thấy một Việt Nam đang năng động, đổi mới. Trong khi đó, do điều kiện còn khó khăn, rất ít các triển lãm mỹ thuật Việt Nam do các cơ quan có tính chất

nhà nước được trưng bày ở nước ngoài. Nếu có, cách tổ chức triển lãm cũng chưa chuyên nghiệp, các tác phẩm lựa chọn còn mang tính chất mặt trận, phong trào, thường không để lại ấn tượng gì đặc biệt.

Vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta có bước cải thiện, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần của nhân

dân, đồng thời kích thích trào lưu trở về cội nguồn, tìm lại các giá trị văn hóa truyền thống, văn hóa làng trong các hoạt động sáng tác nghệ thuật. Được khuyến khích tự do sáng tạo, sự phong phú đa chiều các thông tin nghệ thuật đã khiến cho nhiều trường phái, khuynh hướng sáng tác mỹ thuật được thể nghiệm:

1 - Bên cạnh phong cách mỹ thuật Đông Dương và bút pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa vẫn được nhiều họa sĩ lớp trước duy trì, nay đã xuất hiện các ảnh hưởng đa chiều của ngôn ngữ nghệ thuật quốc tế: hậu ấn tượng, lập thể, siêu thực, ngây thơ... đi kèm với sự thay đổi về quan niệm thẩm mỹ, nội dung nghệ thuật trong thị hiếu xã hội. Nhiều họa sĩ đã dần có

* Trường đại học Mỹ thuật Hà Nội, Viện Mỹ thuật

ý thức chuyên nghiệp trong hoạt động sáng tác và thành đạt trong nghề nghiệp, đời sống. Kinh tế thị trường có tác dụng kích thích sự phát triển của nghệ thuật thời kỳ đầu đổi mới, song từ cuối thập niên 90 của thế kỷ XX bắt đầu thể hiện những mặt trái của nó - đó là hiện tượng thương mại hóa nghệ thuật, sao chép, "sản xuất" tranh, làm tranh "du lịch"... Điều đó dẫn đến hệ quả, việc chạy theo thị hiếu khách hàng làm mòn dần cảm xúc của nhiều cá nhân nghệ sĩ có khả năng. Thị trường nghệ thuật đang phát triển non nớt đã bị suy thoái,

chưa tạo được uy tín và cung cách chuyên nghiệp. Chùng mực nào đó góp phần gây ra sự chững lại của hoạt động sáng tác hội họa những năm gần đây.

Nhìn chung trong sáng tác hội họa hiện nay ít dần đề tài về chiến tranh và lao động sản xuất, thay thế bằng hoài niệm, ký ức tuổi thơ, đồng quê. Phát triển mạnh các chủ đề nông thôn với lễ hội, tôn giáo, tín ngưỡng dân gian, phong tục tập quán, trang trí... trở về với văn hóa làng truyền thống và văn hóa thời kỳ tiền thực dân, thông qua đó tìm cách thể hiện bản

sắc dân tộc. Loạt tranh vẽ các thiếu nữ áo dài, những cảnh sinh hoạt của người dân tộc thiểu số với phục trang đặc sắc và nhất là cách vẽ theo xu hướng tạm gọi là "Dân gian mới" rất phát triển. Điều này chứng tỏ sự biến động thẩm mỹ, ngoài việc chiều theo thị hiếu khách du lịch, đời sống sinh hoạt nghệ thuật đang dần dần có hướng nghiệp dư, "bình dân" hóa. Xu hướng "dân gian mới" bao gồm các sáng tác về đồng quê, trẻ thơ, lễ hội... khai thác nhiều môtip trang trí theo thẩm mỹ dân gian hồn nhiên, tươi mát, phần nào dễ dãi, lạm dụng tính chất ước lệ, phóng túng của các thủ pháp tạo hình dân gian đôi khi cảm thấy rõ sự non tay, tùy tiện



Hai thiếu nữ và em bé - Sơn dầu - 1944

Tranh:: Tô Ngọc Vân

trong tạo hình và cấu trúc tác phẩm. Điều quan trọng nhất là tác phẩm phải có đề tài và nội dung nhẹ nhàng, hình thức trang trí sắc sảo phù hợp với nội thất của tầng lớp thị dân. Xu hướng này đang có được thị trường và dần trở thành chủ đạo trong thẩm mỹ tạo hình qua các sáng tác thời gian gần đây, thay cho loạt tranh bố cục vẽ theo bút pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa về lao động và chiến đấu, đòi hỏi cao về kỹ thuật, thời gian thực tế, công phu để tạo nên một tác phẩm có sức thuyết phục (nhưng lại không có được thị trường). Kết quả điều tra xã hội học nghệ thuật do Viện Mỹ thuật tổ chức nhân triển lãm mỹ thuật toàn quốc 1980 đã cho thấy, phần lớn công chúng nghệ thuật ở các ngành nghề đều tỏ ra ưa thích xem các tác phẩm: tĩnh vật, chân dung, phong cảnh hơn các đề tài lao động sản xuất, chiến đấu... Điều này cũng hoàn toàn tương đồng với thị hiếu xã hội hiện nay. Gần đây, thông qua Hội Mỹ thuật Việt Nam, nhà nước đã đầu tư khá nhiều tiền cho hơn 300 sáng tác về đề tài lực lượng vũ trang, nhưng rõ ràng chúng ta chưa thấy có được tác phẩm nào có chất lượng xuất sắc, nổi bật như những giai đoạn trước. Mặc dù, Hội Mỹ thuật Việt Nam đã cố gắng làm tốt vai trò của mình, tập hợp lực lượng sáng tác, đi thực tế, tài trợ... nhưng dường như tâm thế xã hội đã khác, các nghệ sĩ có nhiều mối bận tâm đời thường hơn trước.

Việc tài trợ sáng tác cho những đề tài phục vụ nhiệm vụ chính trị - xã hội của Đảng, Nhà nước là cần thiết, nhưng có lẽ cần tìm phương thức thích hợp, có cân nhắc tới khả năng của từng cá nhân nghệ sĩ, tránh tính bình quân, phong trào... Chỉ có những hạt giống tốt, được chăm bón trong vùng thổ nhưỡng thích hợp mới mong hứa hẹn những vụ mùa bội thu.

Một nội dung khác trong hội họa hiện nay là hướng tới đời sống nội tâm, tình cảm riêng

tư như tình yêu, giới tính, thân phận... Các vấn đề của xã hội hiện đại như ô nhiễm môi trường, chiến tranh, bạo lực, toàn cầu hóa... cũng được đề cập, song số lượng chưa nhiều. Hội họa ngày càng nhiều hư cấu, tưởng tượng mang tính chủ quan cá nhân. Nội dung đa dạng, nhiều lớp ký hiệu, ẩn dụ buộc phải giải mã, liên tưởng, thể hiện sự phức tạp của tư duy con người và xã hội hiện đại.

Ngoài sự đổi mới về nội dung, đời sống mỹ thuật cũng xuất hiện nhiều xu hướng mới có sự tìm tòi, thay đổi bạo dạn về kỹ thuật, chất liệu... Các trường phái nghệ thuật hiện đại cho tới hậu hiện đại (post modernism) trên thế giới đều được thử nghiệm, trưng bày, không còn lạ lẫm với công chúng nghệ thuật như giai đoạn trước. Tuy nhiên, các ảnh hưởng nghệ thuật trong nhiều trường hợp đã ánh xạ qua lối tư duy thị giác và thẩm mỹ riêng biệt của người Việt Nam, còn nguyên sơ cảm xúc gắn với làng mạc, thiên nhiên và đời sống văn hóa đậm tính dân gian và tín ngưỡng. Cho nên, mỹ thuật Việt Nam nhìn chung có phần quốc tế hóa nhưng vẫn bộc lộ bản sắc riêng. Không tính đến dòng tranh thương mại, ở những sáng tác của lớp họa sĩ trẻ, dường như có sự đảo lộn về quan niệm thẩm mỹ so với trước kia, rồi bỏ cái đẹp mỹ miều, trữ tình thuần khiết để tìm đến ngôn ngữ tạo hình mới thô mộc, mạnh bạo, pha tạp gần hơn với tính chất hiện đại và mỹ cảm hậu hiện đại. Nghệ thuật trừu tượng được quan tâm bởi nhiều họa sĩ, đặc biệt phát triển ở miền Nam, từng là tâm điểm của nhiều ý kiến, dư luận báo giới và nhà quản lý nay không còn là "thời sự", thời thượng nữa. Bởi mọi người dần hiểu ra rằng sáng tạo nghệ thuật thuộc về từng cá nhân và tác phẩm có tồn tại được với công chúng, với thời gian hay không, lại hoàn toàn phụ thuộc vào chất lượng "nội giới" của nghệ sĩ thông qua tác phẩm.

2 - Sự thay đổi mạnh về quan niệm nghệ thuật, thẩm mỹ và tính quốc tế hóa thể hiện rõ hơn cả ở các hình thức nghệ thuật hậu hiện đại, xuất hiện lẻ tẻ từ giữa thập niên 90 của thế kỷ XX ở Việt Nam như: pop-art (nghệ thuật đại chúng), installation (sắp đặt), performance art (trình diễn), video art (nghệ thuật vi-di-ô)... Những hình thức nghệ thuật đương đại này có mặt ở Việt Nam thời kỳ đổi mới như một lẽ tự nhiên của quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế, thông tin... trong xu hướng chung của nghệ thuật quốc tế, nhằm tiến tới xã hội hóa nghệ thuật, đồng thời qua đó cho thấy những thay đổi, bức xúc của con người trước những vấn đề phức tạp mới của xã hội tiêu dùng, công nghệ cao, tin học cuối thế kỷ XX. Những hình thức nghệ thuật đương đại đang phát triển thành một trào lưu trong hoạt động mỹ thuật ở một số thành phố lớn Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... chứng tỏ những hình thức đó thực sự có nhu cầu xã hội. Mặc dù hiện nay, các hình thức sắp đặt, trình diễn (installation, performance)... là nghệ thuật phi thương mại ở Việt Nam, các nghệ sĩ phải chịu sức ép rất lớn, trong hoàn cảnh kinh tế chung là khá "xa xỉ" vì không có khả năng thu hồi vốn để đầu tư "tái sản xuất", chỉ có một số lượng khiêm tốn công chúng chia sẻ quan điểm... Tuy vẫn sẽ phát triển chậm nhưng tiềm năng của các loại hình là rất lớn bởi thế mạnh của những loại hình nghệ thuật này đề cập thẳng tới những vấn đề thời sự, chính trị - xã hội: môi trường, chiến tranh, dân số, toàn cầu hóa... tác động trực tiếp tới tâm lý, tình cảm, hành động của người xem trong một môi trường mỹ thuật công cộng, xã hội hóa. Hiện nay, sáng tác của các nghệ sĩ đương đại Việt Nam đã dần thoát khỏi những chập chững, ấu trĩ ban đầu của quá trình thử nghiệm, nhập cuộc và ngày càng chuyên nghiệp với thông

diệp nghệ thuật rõ ràng hơn. Vấn đề là các cấp quản lý cần nhìn nhận thực tế và nắm lấy cơ hội, có những giải pháp khuyến khích, tạo hành lang pháp lý, định hướng cho sự phát triển của các loại hình nghệ thuật đương đại này, nhằm làm phong phú hơn đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

3 - Trong khi hội họa có được thị trường và ngày càng nhanh chóng trở nên kiểu cách, mất đi sức sống tự nhiên, thì điêu khắc Việt Nam vẫn chưa có thị trường và biết đâu đó chính là điều may mắn cho chất lượng nghệ thuật điêu khắc trong giai đoạn hiện tại. Không có thị trường (tuy còn rất manh mún và không bảo đảm được tác quyền) tránh được nguy cơ tha hóa nghệ thuật cũng đồng nghĩa mỗi sáng tác điêu khắc là một nỗ lực của nghệ sĩ cả về khía cạnh mưu sinh lẫn nghệ thuật. Sáng tác ra không có chỗ trưng bày, đặt, để, mặc dù nhu cầu trang trí các tụ điểm văn hóa, nơi công cộng rất lớn. Thừa hưởng truyền thống điêu khắc rực rỡ của cha ông, điêu khắc hiện đại Việt Nam có được lợi thế trong việc ứng dụng các bài học kinh nghiệm của truyền thống vào trong các sáng tác tượng tròn nội thất. Thẩm mỹ điêu khắc sa lon đang quán xuyến toàn bộ điêu khắc hiện đại Việt Nam từ tượng tròn cho tới các sáng tác tượng đài.

Trong những năm gần đây, chất liệu kim loại lên ngôi với nhiều gương mặt điêu khắc trẻ được khẳng định. Các xu hướng điêu khắc kế thừa truyền thống cũng như bài học của các bậc thầy điêu khắc hiện đại trên thế giới được phát huy, đem lại cho điêu khắc tượng tròn và phù điêu những thành tựu nhất định. Trong khi đó, điêu khắc tượng đài không được như vậy, gây tốn phí rất nhiều tiền của nhà nước và phần lớn công trình không tạo được hiệu quả thẩm mỹ môi trường. Kể từ những tượng đài đầu tiên của điêu khắc Việt Nam hiện đại được

xây dựng vào năm 1967 - 1968, cho đến nay, mặc dù đã có hàng chục năm kinh nghiệm với hàng trăm công trình lớn, nhỏ xây dựng khắp các tỉnh, thành cả nước nhưng rất ít tác phẩm thành công, được dư luận trong giới đánh giá cao về nghệ thuật.

Từ những năm sau 1975, nhu cầu xây dựng tượng đài và tranh tượng hoành tráng để kỷ niệm những sự kiện chiến thắng lịch sử, danh nhân dân tộc đã tạo ra sự phát triển nhanh chóng của phong trào tượng đài ở nhiều địa phương. Tuy nhiên, sự nghèo nàn về kết cấu hạ tầng, sự thiếu hụt về cảm thức hoành tráng do môi trường kiến trúc lẫn thói quen thẩm mỹ nhỏ, sự hẫng hụt về kiến thức trong nhà trường mỹ thuật và rất nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan khác dẫn đến việc sáng tác tượng đài và tranh hoành tráng chưa đạt tới đúng tầm ý nghĩa và giá trị của thể loại này. Điều khắc tượng đài còn nặng tính minh họa, cổ động nhất thời, ngôn ngữ điêu khắc còn mang tính chất của điêu khắc sa lon phóng to, chưa tìm được tiếng nói thích hợp với không gian, môi trường. Một số tượng đài lạm dụng các mô típ nghệ thuật cổ, hoặc chiết trung sai lệch trong mọi chỗ, làm cho cái nhìn về bản sắc truyền thống ngày càng giản đơn, tầm thường, phản thẩm mỹ. Đã có nhiều ý kiến của các kiến trúc sư, họa sĩ, nhà phê bình mỹ thuật... báo động về thực trạng nghệ thuật của các công trình tượng đài ở Việt Nam. Các cơ quan quản lý đã có quy chế về việc xây dựng tượng đài nhưng chưa đủ, nên chăng cần tổ chức một cuộc hội thảo, thống kê, tổng kết đánh giá toàn bộ hiện trạng, chất lượng nghệ thuật các công trình tượng đài trên toàn quốc để rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho loại hình nghệ thuật này. Và có lẽ, các nhà điêu khắc nên bình tĩnh, cân nhắc, hãm lại nhịp độ phong trào xây dựng tượng đài như hiện nay. Chỉ chấp nhận những dự án đã được đa số quần chúng nhân

dân tán thành và có sự đóng góp, tư vấn về kỹ thuật, nghệ thuật của Hội Mỹ thuật Việt Nam.

4 - Hiện nay, số lượng đầu sách mỹ thuật, thời lượng đưa tin, bài về các vấn đề mỹ thuật trên truyền hình, báo chí cho chúng ta cảm giác là ngành mỹ thuật được sự quan tâm của dư luận và phê bình mỹ thuật khởi sắc, nhưng thực tế chưa được như vậy. Nghiên cứu, phê bình mỹ thuật vẫn mang tính nghiệp dư với sự nỗ lực của từng cá nhân, chưa có sự bảo đảm cơ sở vật chất và tinh thần cho hoạt động phê bình mỹ thuật ở những chính sách, chiến lược cụ thể. Phê bình mỹ thuật tồn tại trong xã hội "cho có mặt" là một thực tế, có thể tạm chia ra hai nhóm phê bình mỹ thuật:

- *Nhóm các tác giả nước ngoài:* sau giai đoạn "đổi mới" cùng với cơn lốc săn tìm các tác phẩm mỹ thuật Việt Nam hiện đại, dẫn đến sự xuất hiện các bài viết về mỹ thuật Việt Nam của các nhà phê bình mỹ thuật nước ngoài. Nếu thống kê có thể có đến hàng trăm bài viết với đủ dạng từ sách khảo cứu, phim tài liệu, tiểu luận, báo, đề từ cho các triển lãm của họa sĩ Việt Nam ở nước ngoài... số lượng gấp nhiều lần so với sự ít ỏi các bài viết về mỹ thuật Việt Nam ở những giai đoạn trước đây. Phải thừa nhận rằng, nhiều sự kiện của mỹ thuật Việt Nam, tác giả tác phẩm mỹ thuật Việt Nam đương đại nhờ kênh thông tin này mà công chúng mỹ thuật thế giới biết tới. Tuy nhiên, ngoại trừ một số nhà mỹ thuật Việt Nam chuyên nghiệp, độc lập còn phần lớn cây bút nước ngoài không am hiểu kỹ tình hình mỹ thuật nước ta. Họ nghĩ khác với quan niệm nghệ thuật của cộng đồng nghệ sĩ, cơ chế vận hành của văn hóa Việt Nam. Điều này, biểu hiện một phần sự yếu kém của nghiên cứu, phê bình mỹ thuật nước nhà. Mặc dù đủ cả Viện nghiên cứu Mỹ thuật, Bảo tàng Mỹ thuật đã tồn tại hàng chục năm nay, vẫn không tạo được cơ sở dữ liệu, thông tin đầy đủ, chính xác

về các sự kiện lịch sử mỹ thuật Việt Nam một cách hệ thống, khoa học cho công chúng. Do đó, mọi cách tiếp cận, nghiên cứu về mỹ thuật Việt Nam của các tác giả nước ngoài phải từ nhiều nguồn tản mạn khác nhau, chính thống và không chính thống, không khỏi có sự phiến diện nhất định. Dẫu sao, những đóng góp của các cây bút phê bình mỹ thuật nước ngoài đối với mỹ thuật Việt Nam là không nhỏ: mặc dù còn nhiều khác nhau về quan niệm nghệ thuật, tư tưởng nhưng với cái nhìn từ bên ngoài, họ đã cung cấp cho độc giả ngoài nước nhiều thông tin đa dạng về mỹ thuật Việt Nam, và cũng khách quan hơn, ít giao đãi, "ve vuốt", trong ngôn ngữ phê bình. Cũng như cách thức làm việc chuyên nghiệp, tính hệ thống, khoa học trong tư liệu, khả năng tư vấn, khuyến khích một sự kiện nghệ thuật là điều giới phê bình mỹ thuật Việt Nam có thể học hỏi ở họ.

- *Các tác giả trong nước*: các xuất bản mỹ thuật ngày càng nhiều và chất lượng (cả về nội dung và công nghệ in ấn ngày một nâng cao). Việc các tác giả tư nhân bằng nhiều nguồn tài trợ bỏ tiền ra in sách, có quan điểm nghệ thuật riêng, bảo đảm nguyên tắc về tính nguyên bản tác phẩm đang là đòi hỏi khi trình độ công chúng mỹ thuật ngày một cao. Mặc dù vậy, không thể ngạo mạn về số lượng mọi kết quả do cơ chế cởi mở của kinh tế thị trường trong xuất bản mang lại.

Trên thực tế, những người viết phê bình mỹ thuật trong cả nước có thể lên đến cả trăm người. Đội ngũ này sẽ có ảnh hưởng tích cực đến thị hiếu thẩm mỹ của cả xã hội nếu như có chuyên môn hơn và được sự quan tâm, đầu tư đúng đắn bằng những chính sách cụ thể, chiến lược của nhà nước. Nhìn lại kết quả đạt được của phê bình mỹ thuật thời gian qua, số lượng công việc không phải ít, chủ yếu do nỗ lực tự thân của cá nhân, nhưng có thể thấy trước

trong vòng 10 năm tới, ngành phê bình mỹ thuật sẽ không có sự phát triển tiến bộ nào đáng kể, thậm chí bị thụt lùi so với sự phát triển của dân trí và sáng tác văn học - nghệ thuật nếu không có sự quan tâm đầu tư, nâng cấp cho phê bình mỹ thuật ngay từ bây giờ. Đội ngũ phê bình mỹ thuật chưa cập nhật được thông tin mỹ thuật trên thế giới, phần lớn trình độ ngoại ngữ rất hạn chế, chủ yếu nghiên cứu "chay" không có điều kiện nghiên cứu trực tiếp với các tác phẩm nguyên bản nổi tiếng, không có điều kiện tham quan, học tập ở các trường, các viện bảo tàng trên thế giới (thậm chí cả các sự kiện mỹ thuật trên nhiều địa phương ở Việt Nam). Ngoài ra, còn vấn đề thiếu hụt lớn nền tảng kiến thức văn hóa, xã hội trong đào tạo, chế độ lương, nhuận bút hạn hẹp... cũng là những khó khăn không dễ vượt qua với những ai định theo đuổi phê bình mỹ thuật.

Nhìn nhận thực tế hoạt động mỹ thuật Việt Nam thời gian qua là để hy vọng vào tương lai sắp tới. Xã hội hóa mỹ thuật đưa mỹ thuật trở thành nhu cầu hưởng thụ tinh thần thiết yếu, nhằm nâng cao chất lượng sống của nhân dân là công việc cần thời gian. Để nâng cao nhận thức thẩm mỹ trong toàn xã hội, cần có những điều chỉnh cơ bản về quan niệm đào tạo mỹ thuật trong nhà trường phổ thông. *Thay cho việc dạy vẽ như hiện nay bằng việc tăng cường giáo dục nghệ thuật, giáo dục thẩm mỹ cho các cấp học.* Nhà nước cần có chính sách thuế ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức nhà nước sở hữu, sưu tập các tác phẩm nghệ thuật. Phát triển mỹ thuật công cộng, tăng thời lượng các chuyên mục văn học - nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm lấy văn hóa làm động lực để phát triển kinh tế. Với một dân tộc có truyền thống tạo hình lâu đời lại có nhiều thế hệ nghệ sĩ tài năng kế tiếp nhau, chúng ta hoàn toàn có quyền tự tin vào sự phát triển tiếp theo của mỹ thuật Việt Nam. □



1

Có một nhà thơ Mỹ định nghĩa văn học theo cách riêng của ông ta, đại ý như sau: Người da đỏ Mỹ có tục tế thần vào ngày đầu năm. Họ đào một cái hố thật sâu ở ngoài đồng vắng; sâu đến mức, thả người xuống đó không thể lên được. Vào lúc không giờ của năm mới, hội đồng tù trưởng chọn một anh thanh niên thanh sạch đến làm lễ. Rồi tù trưởng đích thân đưa anh ta ra cánh đồng thả xuống hố sâu. Mười ngày dành cho sự chết để dâng hiến thần. Đến ngày thứ mười một, vị tù trưởng đem theo một cây sáo ra cánh đồng, thả cây sáo xuống hố. Nếu người con trai còn sống, nếu người con trai còn có thể thổi sáo, nếu tiếng sáo còn có thể bay đến các vùng xung quanh thì mọi người có thể mang dây đến cứu, kéo chàng trai lên. Phong tục là thế chứ không mấy ai chết. Kỳ lạ thay, các chàng trai không những không chết đói, không những thổi được sáo mà tiếng sáo lại tròn, lại vút cao, lại lạnh lót hơn bao giờ hết. Đường như sự thèm sống, khát sống từ trong ruột, máu, từ trong mỗi tế bào của cơ thể đã cất lên tiếng sáo ấy. Cây sáo

ấy là cuộc đời chẳng và tiếng sáo ấy là văn học chẳng?

Với tôi, cách định nghĩa văn học ấy đạt đến trình độ hàm súc. Trước hết là về cây sáo. Cây sáo không phải do nhà thơ (mà ở đây là chàng trai da đỏ) làm ra. Cây sáo là điều kiện tối thiểu để nghệ sĩ ấy có thể giao tiếp với cuộc sống. Tôi buồn cười hỏi, trước mặt nhà thơ Việt Nam Nguyễn

Quang Thiều, nhà thơ Mỹ Ke-ri Bô-en (Keri Bowen) rằng, nếu ông tù trưởng thả xuống hố một cây sáo "đều", không kêu, chắc chàng trai sẽ chết. Cây sáo ấy với chúng ta hôm nay thì sao? Với Truyền hình Việt Nam (trong đó có các chương trình văn hóa, văn học - nghệ thuật, chiếm tỷ trọng thời lượng lớn) là khoảng 40 tỉ đồng từ nguồn ngân sách. Đó là cây sáo Nhà nước cho. Cây sáo cần có sáu lỗ mà mới có ba. Truyền hình phải đục thêm ba lỗ nữa mới thành cây sáo thổi được.

Ba lỗ nữa của cây sáo, không thể trông chờ vào ngân sách thì phải nhờ mấy ông kinh tế thị trường, chứ biết làm sao! Đây là cây sáo của truyền hình. Thế còn cây sáo của giới văn nghệ sĩ? Tôi dùng chữ *giới văn nghệ* là để nói tắt cơ quan: Ủy ban toàn quốc các Hội Văn học và Nghệ thuật Việt Nam; thời kháng chiến, gọi là: *Hội Văn nghệ Việt Nam*, nay được thêm mấy chữ *Ủy ban toàn quốc*. Nhưng cây sáo của văn nghệ cũng không vì thế mà

* Nhà thơ, Tổng Biên tập Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ

đủ lỗ. Tiền hành chính phí một năm chưa đầy 800 triệu đồng, không bằng một nhà văn hóa cấp thành phố. Chỉ vì cái sáo ít lỗ, phải tính tiền để đục thêm các lỗ khác.

Tôi lại đi lang thang trong sân. Bây giờ, sau 18 năm Đổi mới, ta sắp vào Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) các văn nghệ sĩ mới làm reo, đòi Nhà nước phải cấp cho văn nghệ cái sáo đủ sáu lỗ. Ơ hay, cả hai cuộc kháng chiến lớn của dân tộc, có ai đòi Nhà nước cung phụng đâu. Không những không đòi Nhà nước cấp cây sáo sáu lỗ mà còn tự nguyện dùng thân thể mình, mạng sống của chính mình cho sự nghiệp văn nghệ cách mạng. Cây sáo của nhà văn và nghệ sĩ do chính họ làm ra bằng chính vật liệu tâm hồn và thể xác mỗi người. Bây giờ mới nghe đến chuyện chu cấp. Rằng hội này, chỉ chơi cây cảnh, và hội kia, chỉ bàn chuyện thấp khóp đã đành, hội chúng tôi có thêm hai chữ *chính trị* thì phải cấp tiền chứ. Lẽ ra phải sòng phẳng hơn. Tôi thối sáo theo yêu cầu của anh thì anh phải mua sáo cho tôi. Cơ chế *xin - cho* nên dẹp bỏ trong đời sống kinh tế, trong văn học - nghệ thuật thì không nên hiểu đơn giản như vậy.

Tôi ngần ngại đi tìm, đi ngắm những cây sáo mà văn nghệ sĩ đang dùng. Có một cây sáo mang tên một nhà máy đường. Nhà máy ấy cũng gọi là tạm tạm so với các doanh nghiệp nhà nước khác. Nhưng họ đã bỏ ra một đồng tiền để thuê nhạc sĩ viết nhạc ca tụng xí nghiệp của mình. Nhiều bài hát ra đời. Hầu hết chẳng ra gì vì viết nhanh, làm hàng chợ. Cứ làm các cây sáo như cây sáo ấy thì chàng trai văn nghệ chết đói còn hơn vực dậy thổi tiếng sáo hèn đốn.

Chúng ta, nghĩa là toàn Đảng, toàn Dân, đều tỏ ý yêu mến và khoan dung với văn học - nghệ thuật. Nhưng trong thực hành không phải không còn có người coi đám văn nghệ là thứ mua vui. Thừa thì cho một ít gọi là hào phóng. Văn nghệ chưa được coi là

hạt nhân của văn hóa. Tôi đã thấy điều này ở Ma-lai-xi-a khi dự cuộc *Giao lưu thơ quốc tế* mùa hè 2004. Trên giấy mời, tôi thấy đề "*Bộ văn hóa, nghệ thuật và di sản*". Tôi hỏi ông Bộ trưởng của xứ ấy, rằng sao tên bộ dài thế. Rằng văn hóa đã chứa *nghệ thuật*, đã chứa đựng *di sản* rồi kia mà. Ông Bộ trưởng Ma-lai-xi-a trả lời rằng, phải nhấn mạnh *nghệ thuật*, bởi đỉnh cao bây giờ; còn nhắc *di sản*, bởi đây là đỉnh cao của quá khứ. Văn hóa không còn là văn hóa nữa nếu không có đỉnh cao. Tôi ngồi im và ngẫm nghĩ. Nếu văn hóa Việt Nam hôm nay đã được tựa vào nền văn hóa đỉnh cao của mọi thời kỳ thì sao lại để tồn tại tình trạng dung tục. Vấn đề là tại cây sáo.

Cây sáo, nói một cách cải lương, để chỉ quyền lực mà Nhà nước cấp cho văn nghệ sĩ là một dụng cụ giới hạn. Chẳng hạn, để cấp được 15 tỉ cho văn nghệ các địa phương thì Quốc hội phải bàn đi tính lại, nhưng một bộ phim chả ai khen ngợi có thể được cấp trên 10 tỉ đồng. Không, hãy nói trung thực, một số người lãnh đạo, quản lý hôm nay mới coi văn nghệ như trang sức hoặc là tác nhân tuyên truyền quan trọng, chứ chưa coi văn nghệ là lẽ sống, là nguồn cội văn hóa của mỗi chặng đường.

Vật liệu làm nên cây sáo là cây gỗ, cây tre, cây trúc. Vật liệu làm nên cây sáo trù tượng của văn nghệ sĩ làm bằng tư tưởng. Không có tư tưởng không có cây sáo của một thời đại. Tư tưởng ấy được đan bện từ tình cảm và lý tưởng của văn nghệ sĩ. Thế mà hiện nay, yếu tố tình cảm và lý tưởng thật đang thiếu vắng trong nhiều tác phẩm văn học - nghệ thuật. Quá nhiều tranh về chùa, về sư, về phong cảnh mà rất thiếu tranh về người lao động. Quá nhiều thơ tình, thơ thất tình mà quá ít thơ về người lao động. Quá nhiều bài hát huê tình, quá nhiều bài hát ở dạng "Công ty ca" mà quá ít xúc động âm nhạc từ người lao động. Thật buồn khô là các cây sáo mà văn nghệ sĩ thổi được làm bằng vật liệu tài chính. Hy vọng là chúng ta sớm thoát khỏi tình trạng này.

2

Lấy sự ví von từ một câu nói của một nhà thơ Mỹ chỉ là một cớ. Từ xa xưa, dân gian Việt Nam đã có chuyện *Trương Chi*. Cây sáo của Trương Chi được làm từ gỗ bạch đàn của tâm hồn Trương Chi. Cô gái mà Trương Chi mê đắm lẽ ra không đáng được mê đến thế mà Trương Chi vẫn mê. Cây sáo của Trương Chi chính là hồn Trương Chi. Đó là ngụ ngôn quý giá nhất về văn học, nghệ thuật. Người làm cây sáo thế nào, người nghe thế nào là một việc. Việc đầu tiên là phải thổi sáo cho hay. Nghe tưởng dễ mà làm khó thay.

Về mặt phương pháp nghệ thuật, "cây sáo" văn học của chúng ta đã được thừa hưởng tinh hoa quý giá. Về trong nước, nền văn học ta nếu chỉ kể văn học thành văn thì cũng đã được nền móng từ quá sớm. Ấy là chưa kể kho tàng dân gian đồ sộ và phong phú. Những tác giả lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm là những tác giả không chỉ là tác giả lớn trong nước. Cách đây gần hai năm, một nhà thơ Mỹ hợp tác với người Việt ta ở Mỹ có dịch thơ Hồ Xuân Hương sang tiếng Anh. Một việc làm mà người Việt nào nghe nói cũng hồ nghi vì Hồ Xuân Hương là trường hợp gần như không dịch được. Cái đáng ngạc nhiên là qua bản tiếng Anh, các thuật chơi chữ đã không còn hoặc rơi rụng gần hết mà người Mỹ vẫn trầm trồ khen ngợi. Đó là những di sản thừa kế vô giá cho các nhà văn, nhà thơ ta hiện nay. Về văn học nước ngoài, mặc dầu bị ngoại xâm dày xéo, chiến tranh kéo dài biết bao nhiêu năm, ấy vậy mà chúng ta đã tiếp cận được rất sớm đến những nền văn học lớn như Trung Hoa, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Nga và nhiều nước khác. Cây sáo văn học Việt Nam không chỉ kêu căng ngan lên từ lưng trâu và cánh đồng Việt Nam mà còn tự nguyện hòa cùng dàn nhạc của các bản giao hưởng.

Vào chặng đường lịch sử hơn nửa thế kỷ qua, tiếng sáo văn học đã vút cao, lãnh lót, cổ vũ lòng hăng hái của hàng chục triệu người, cả quân và dân đứng lên đuổi giặc, giải phóng quê hương.

Tuy nhiên, bên cạnh cái nồng nàn làm nên cái tuyệt diệu của cây sáo một thời, chúng ta không thể không nghiêm túc nói rằng, bên cạnh một số không nhiều là tác phẩm tốt, văn học ta đang nhạt đi, cả về hình thức cả về nội dung. Lấy một ví dụ, sau cuộc canh tân của phong trào Thơ Mới và sự đổi mới của các nhà thơ Đệ nhất (Vệ quốc đoàn) để có thơ 8 chữ, thơ chuyển thể, thơ không vần thì suốt mấy chục năm nay, các nhà thơ loay hoay đi tìm nhưng có thêm thất được bao nhiêu đâu. Ấy là không nói, sự cựa quậy hình thức lại tựa trên sự quay quắt về nội dung là sự đáng báo động lắm.

Nhà thơ Huy Cận có lần nói rằng, văn chương là tiếng chim gọi đàn, tiếng sáo gọi đàn. Sự ích kỷ, sự tách mình ra khỏi cộng đồng, kể cả thơ viết về sự cô đơn là sự tự tiêu diệt. Tính cộng đồng là đặc tính quan trọng nhất của văn nghệ mặc dầu nó được chứng minh bằng sự khác biệt của từng cá thể.

Tiếng sáo của chàng trai da đỏ kia cũng là để gọi cộng đồng. Nếu anh ta thổi chỉ để anh ta nghe là đồng nghĩa với sự chết.

3

Trong bản nhạc *Múa sạp*, dựa trên dân ca Thái, các nhạc sĩ của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam thấy phối khí có cây sáo. Thật hay. Cây sáo ấy là tre, là trúc của đồng bào Sơn La, Lai Châu ở Tây Bắc. Tiếng sáo dù hay nhưng cũng phải hòa đồng với cả dàn nhạc. *Sồn sồn sồn đô sồn*. Đến nốt sồn thì người múa phải nhảy lên để khỏi bị gậy tre đập vào chân. Chao ơi, văn chương là thế chẳng: cây sáo phải tốt, người thổi phải hay và còn phải thổi đúng nhịp nữa. Khó thay. □



CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KINH TẾ TRANG TRẠI Ở TỈNH TRÀ VINH

NGUYỄN THÁI BÌNH *

TRÀ Vinh là một tỉnh ven biển thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 222.567 ha, trong đó, đất nông nghiệp là 175.077 ha (đất lúa - màu 112.894 ha, chuyên màu và cây công nghiệp 8.019 ha, trồng cây lâu năm 36.116 ha, (với 25.666 ha vườn cây ăn trái),

diện tích nuôi trồng thủy sản 35.000 ha, đất rừng 8.019 ha. Dân số của Trà Vinh hơn 1 triệu người, có 30% là đồng bào dân tộc Khơ-me và 90,14% hộ nông - lâm - ngư nghiệp, riêng nông nghiệp có 134.364 hộ, với 641.674 người.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh



Phát triển Kinh tế trang trại.

Ảnh: TTXVN

Trà Vinh là một tỉnh thuần nông, diện tích đất sử dụng trên lao động thấp. Mặt khác, phần lớn dân cư, nhất là đồng bào Khơ-me còn nghèo, trình độ ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ còn hạn chế. Có thể nói trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Trà Vinh là một tỉnh điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn (tỉnh nghèo).

Tuy nhiên, nhờ chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, sự tập trung chỉ đạo quyết liệt của Đảng bộ và các cấp chính quyền trong tỉnh, nhất là sự đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp nên đã góp phần tạo những điều kiện, tiền đề cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Đến nay, hơn 80% diện tích canh tác của tỉnh đã có nguồn nước tưới, mức độ cơ giới hóa các khâu cơ bản trong sản xuất như: làm đất, tưới tiêu... được nâng lên đáng kể. Nhờ đẩy mạnh thâm canh, thay đổi cơ cấu giống và thời vụ nên hệ số sử dụng đất được nâng cao, sản xuất nông nghiệp có hiệu quả hơn trước, giá trị sản xuất không ngừng gia tăng, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm (1995 - 2000) đạt 5,98%. Sản lượng lương thực năm 2000 đạt 1.035.000 tấn, trong đó sản lượng lúa là 1 triệu tấn (năm 1995 là 667.100 tấn); diện tích và sản lượng cây trồng, vật nuôi khác đều tăng.

Đặc biệt, nhờ sự đầu tư mạnh mẽ và đồng bộ của tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp (bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, rừng...), nên đã xuất hiện những mô hình kinh tế mới - kinh tế trang trại trong nông nghiệp, nông thôn. Hiện nay ở Trà Vinh có 2.955 hộ tích tụ và tập trung từ 2 ha đất trở lên, chiếm 1,58%, trong đó có 1.505 hộ vượt hạn điền (trên 3 ha), chiếm 0,81% số hộ ở nông thôn. Điều đó đã tạo những tiền đề cần thiết để phát triển nền kinh tế hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Được sự chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy Trà Vinh chủ trương thực

hiện chính sách ưu đãi đầu tư đối với kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 2-2-2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra Quyết định số 57/2001/QĐ-UBT ngày 8-10-2001, "Ban hành quy định về việc thực hiện một số chính sách ưu đãi đầu tư đối với kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh" và được bổ sung bằng Quyết định số 42/2002/QĐ-UBT ngày 7-8-2002. Theo đó, kinh tế trang trại ở Trà Vinh được xác định căn cứ vào 2 tiêu chí định lượng. Giá trị sản lượng sản xuất hàng hóa và dịch vụ nông - lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản bình quân 1 năm đạt từ 50 triệu đồng trở lên. Quy mô sản xuất phải tương đối lớn và vượt trội so với kinh tế nông hộ, tương ứng với từng ngành sản xuất và vùng kinh tế. Trên cơ sở đó, cụ thể hóa thành các nhóm trang trại với các tiêu chí định lượng cụ thể như, trang trại trồng trọt, trang trại chăn nuôi, trang trại nuôi trồng thủy sản, trang trại nuôi trồng các loại sản phẩm nông - lâm nghiệp, thủy sản có tính đặc thù.

Sau khi xác định các tiêu chí định lượng cụ thể cho các loại hình trang trại trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư cho trang trại theo hai hướng sau:

- Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi chung hiện hành của Nhà nước về đất đai, tín dụng, miễn giảm thuế thu nhập, thuế sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất đối với kinh tế trang trại và các ưu đãi khác của Nhà nước

Theo đó, hộ gia đình nào có nhu cầu và khả năng sử dụng đất sẽ được giao đất hoặc cho thuê đất, ổn định, lâu dài. Ưu tiên giao đất, cho thuê đất đối với những hộ nông dân có vốn, kinh nghiệm sản xuất, quản lý, có yêu cầu mở rộng quy mô sản xuất trong lĩnh vực

nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn. Chủ trang trại được vay vốn tín dụng thương mại, tín dụng đầu tư phát triển theo pháp luật hiện hành. Đối với chủ trang trại có dự án sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu và các dự án sản xuất nông nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư từ quỹ hỗ trợ phát triển. Riêng đối với địa bàn điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, các chủ trang trại được vay vốn thuộc chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, tham gia các dự án phát triển nông - lâm - ngư nghiệp... để mở rộng quy mô sản xuất.

- Hình thành những chính sách ưu đãi đầu tư riêng về kinh tế trang trại

Thứ nhất, bao tiêu giá mua cao hơn thị trường và hỗ trợ về công cụ sản xuất đối với các sản phẩm giống cây trồng; các trang trại nuôi tôm.

Đối với giống cây trồng theo hợp đồng ký kết với cơ quan sản xuất giống của nhà nước, sẽ được nhà nước mua lại sản phẩm giống với giá cao hơn giá thị trường tại thời điểm là 30%. Với sản xuất giống lúa xác nhận có quy mô diện tích từ 1 héc-ta trở lên, được đầu tư không thu hồi 1 dụng cụ sạ hàng và 1 máy sấy loại nhỏ (1 tấn/m^2). Riêng đối với các trang trại nuôi tôm sú, tôm càng xanh và các loại tôm khác có giá trị xuất khẩu, có diện tích mặt nước ao nuôi từ 1 héc-ta trở lên sẽ được hỗ trợ 10 triệu đồng để mua sắm động cơ và hệ thống quạt nước.

Thứ hai, hỗ trợ tiền hoặc lãi suất tiền vay cho khâu giống con, giống cây, các loại thức ăn chăn nuôi và các dịch vụ trong nuôi trồng ở các trang trại.

Nếu là trang trại nuôi bò cái theo hướng sản xuất con giống bò sữa, hoặc trang trại nuôi bò sữa thì được hỗ trợ miễn phí tinh bò sữa và 300 kg thức ăn hỗn hợp; hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay mua bò giống trong 3 năm đầu

(đối với chăn nuôi bò sữa). Riêng trang trại nuôi bò cái sinh sản có quy mô từ 10 đến 14 con, được cho mượn 6 triệu đồng để mua 1 con bò đực giống trưởng thành và cấp 0,5 kg hạt cỏ giống để trồng, sau thời gian 3 năm chỉ thu hồi lại 3 triệu đồng (tiền cho mượn mua bò đực giống đầu tư ban đầu). Trang trại có từ 15 con trở lên, được hỗ trợ 6 triệu đồng để mua bò đực giống trưởng thành và hạt cỏ giống. Trang trại nuôi bò thịt được miễn 100% chi phí tiêm phòng định kỳ các loại vắc-xin phòng dịch, được cấp hạt cỏ giống để trồng đáp ứng đủ nhu cầu thức ăn cho tổng đàn bò nuôi. Đối với trang trại nuôi heo nái sinh sản bằng giống ngoại hoặc lai nhiều máu có quy mô từ 20 con trở lên, được hỗ trợ 3,5 triệu đồng để mua heo đực giống trưởng thành đạt tiêu chuẩn chất lượng, hoặc được gieo tinh nhân tạo trong 3 năm. Ngoài ra, trang trại nuôi heo thịt, dê thịt và gia cầm được miễn 100% chi phí tiêm phòng định kỳ các loại vắc-xin phòng dịch.

Đối với trang trại nuôi cá bè có giá trị xuất khẩu, được hỗ trợ tiền mua con giống một lần đầu là 6 triệu đồng/bè. Trang trại lâm nghiệp trồng rừng phòng hộ ven biển được hỗ trợ 100% giống cây lâm nghiệp và được hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc rừng. Nuôi tôm càng xanh được hỗ trợ thêm 40% tiền tôm giống cho lần thả nuôi đầu tiên.

Các trang trại trồng cây ăn trái chuyên canh, trồng cây lâu năm khác và cây lâm nghiệp (gọi chung trang trại trồng cây lâu năm) được hỗ trợ 100% tiền mua cây giống ban đầu theo định mức kỹ thuật chuyên ngành, nhưng không vượt quá 3 triệu đồng/ha. Trường hợp trang trại trồng cây lâu năm có kết hợp nuôi thủy sản, gia súc, gia cầm... được hỗ trợ một lần đối với phần chi phí mua con giống theo định mức kỹ thuật chuyên ngành, nhưng không vượt quá 3 triệu đồng. Các trang trại trồng cây hàng năm thực

hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo kế hoạch chuyển đổi của huyện, thị xã có diện tích chuyển đổi từ 1 héc-ta trở lên, được hỗ trợ một lần 4 triệu đồng để mua cây, con giống hoặc công cụ sản xuất.

Thứ ba, hỗ trợ lãi suất tiền vay cho đầu tư xây dựng cơ bản chuồng trại ban đầu.

Ngoài các chính sách ưu đãi như trên, các trang trại còn được hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay từ 2 đến 3 năm cho phần chi phí xây dựng cơ bản ban đầu, đầu tư mới hoặc nâng cấp mở rộng quy mô sản xuất theo định mức và quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật. Đồng thời, các chủ trang trại được ưu tiên hưởng các chính sách khuyến nông, khuyến ngư chung của trung ương và của tỉnh; được trực tiếp hướng dẫn, tư vấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; được tham gia hội thảo trao đổi kinh nghiệm và đi tham quan các mô hình kinh tế trang trại làm ăn có hiệu quả.

Bằng các chính sách ưu đãi kinh tế trang trại nêu trên, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành trong tỉnh và ý thức vươn lên làm giàu của nhân dân, nhất là nhân dân ở vùng nông thôn, qua gần 3 năm thực hiện mô hình kinh tế trang trại ở Trà Vinh đã có sự chuyển biến tích cực. Từ chỗ chỉ mới có 478 trang trại trong năm 2003, đến tháng 6-2004 trên địa bàn tỉnh đã có 2.589 trang trại, trong đó sản xuất nông nghiệp có 875 trang trại (chiếm tỷ lệ 33,79%), và số trang trại của bà con dân tộc Khơ-me là 201 trang trại (7,76%); số còn lại thuộc lĩnh vực thủy sản. Vốn đầu tư bình quân mỗi trang trại là 405,75 triệu đồng. Nhìn chung hiệu quả hoạt động của các trang trại khá tốt: Có 32,8% trang trại đạt mức lãi trên 50 triệu đồng/năm; 59,31% có mức lãi dưới 50 triệu đồng/năm; chỉ có 7,88% số trang trại làm ăn không có lãi.

Từ thực tiễn hoạt động của mô hình kinh tế trang trại ở Trà Vinh cho thấy:

Một là, thông qua mô hình kinh tế trang trại, tỉnh đã huy động được nguồn vốn khá lớn của các thành phần kinh tế, của các tầng lớp dân cư trong và ngoài tỉnh đầu tư vào sản xuất nông nghiệp nông thôn - một lĩnh vực còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội hiện nay ở Trà Vinh; đồng thời, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng của nhà nước và xã hội vào những mục tiêu kinh tế của tỉnh.

Hai là, kinh tế trang trại đã thu hút một lực lượng lao động đáng kể, do đó đã góp phần giải quyết việc làm cho người lao động (kể cả sử dụng lao động nhàn rỗi) ở nông thôn.

Ba là, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao các tiến bộ khoa học - công nghệ vào trong sản xuất nông nghiệp nông thôn. Từ đó, làm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, làm tăng sức cạnh tranh của các loại hàng hóa nông - thủy sản của tỉnh trên thị trường trong và ngoài nước.

Bốn là, do huy động được nguồn vốn lớn hơn kinh tế hộ nên kinh tế trang trại có ưu thế trong việc tổ chức sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, sử dụng lao động theo hướng hợp lý hơn..., nhanh chóng nâng cao giá trị kinh tế, mức sinh lợi trên cùng một đơn vị diện tích, nhất là diện tích nuôi trồng thủy sản; góp phần nâng cao đời sống nhân dân, đổi mới bộ mặt ở nông thôn.

Năm là, sự thành công của các loại hình kinh tế trang trại, nhất là ở khu vực có đồng bằng bèo Khơ-me, đã có tác dụng tích cực cho sự thay đổi thói quen, tập quán và tư duy kinh tế của đồng bào theo hướng năng động, từng bước đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Tuy đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ, song, ở Trà Vinh vẫn còn 7,88% trang trại làm ăn không có lãi mà

nguyên nhân là do: Về phía nhận thức công tác tổ chức thẩm định dự án trang trại có nơi làm chưa đúng; công tác quản lý, kiểm tra đối với kinh tế trang trại chưa thật sự được chú trọng; tình trạng lợi dụng chính sách ưu đãi trang trại tuy ít nhưng vẫn còn xảy ra; thiếu các hình thức tổ chức hiệp hội nghề nghiệp tương trợ để các chủ trang trại tham gia, nhằm hỗ trợ nhau trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và cùng thống nhất bảo vệ lợi ích chính đáng của chủ trang trại. Mặt khác hầu hết các chủ trang trại chưa chủ động trong việc thực hiện liên kết "bốn nhà" theo Quyết định 80 của Thủ tướng Chính phủ, vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào nhà nước; thiếu kiến thức khoa học - kỹ thuật và trình độ quản lý cho sản xuất có quy mô lớn; việc nắm bắt các thông tin về thị trường, khoa học công nghệ... còn hạn chế.

Các giải pháp cơ bản để tiếp tục đẩy mạnh phát triển loại hình kinh tế trang trại ở Trà Vinh

1 - Hoàn thiện quy hoạch về phát triển hệ thống kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh cho giai đoạn 2001 - 2010 một cách cụ thể, theo đúng định hướng, tránh tình trạng phát triển một cách tự phát, dẫn đến hiệu quả không cao.

2 - Tiếp tục tăng cường tổ chức bộ máy, lực lượng cán bộ chuyên trách từ các Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thủy sản, Khoa học và Công nghệ; các Trung tâm khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm phục vụ cho sự phát triển kinh tế trang trại. Đặc biệt là sự chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị bảo đảm thực hiện nghiêm túc việc tổ chức thẩm định dự án, kiểm tra tình hình thực hiện và xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm. Hằng năm tiến hành sơ, tổng kết rút kinh nghiệm, chọn lựa mô hình kinh tế trang trại hiệu quả để tổ chức giới thiệu và nhân rộng.

3 - Thông qua các phương tiện thông tin, cung cấp cho chủ trang trại về thị trường, sản phẩm, giá cả, tiến bộ khoa học - công nghệ, thông tin khác có liên quan đến sự phát triển của trang trại. Chỉ đạo ngành nông nghiệp, thủy sản, khoa học - công nghệ... có kế hoạch tập huấn nghiệp vụ tổ chức quản lý trang trại, chuyển giao kết quả nghiên cứu, ứng dụng, triển khai đề tài khoa học vào sản xuất ở các trang trại.

4 - Tiếp tục thực hiện các chính sách hiện hành về ưu đãi đầu tư đối với kinh tế trang trại. Tập trung chỉ đạo và có sự ưu đãi hơn nữa đối với các loại hình kinh tế trang trại có thể mạnh trong tỉnh; các trang trại sản xuất những sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao trong xuất khẩu... Chú ý đến yêu cầu bảo vệ môi trường từ phía các trang trại.

5 - Tổ chức và đưa các hiệp hội nghề nghiệp vào hoạt động của các trang trại; nghiên cứu thực hiện loại hình hợp tác xã mà thành viên là các chủ trang trại; chủ động thực hiện sự liên kết "bốn nhà" theo Quyết định 80 của Thủ tướng Chính phủ.

Với sự tích tụ sản xuất và tập trung sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn, kinh tế trang trại xuất hiện và phát triển là xu hướng tất yếu khách quan, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển nền sản xuất hàng hóa ở nông thôn hiện nay. Tuy nhiên, ở góc độ xã hội, kinh tế trang trại phát triển đến mức độ nhất định sẽ trở thành kinh tế tư bản tư nhân trong nông nghiệp. Điều đó sẽ đặt ra những thách thức. Đó là sự phân hóa giai tầng trong xã hội sẽ ngày càng sâu sắc, diễn ra trên một địa bàn nông thôn rộng lớn và nhạy cảm, có liên quan mật thiết đến việc củng cố khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Do đó, sự phát triển kinh tế trang trại chỉ có thể mang tính bền vững khi nó được gắn với các chính sách chung về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn của tỉnh và cả nước. □

Một số giải pháp kinh tế - tài chính thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở GIA LAI

TRỌNG BẢO *

GIA Lai là tỉnh miền núi, có độ cao trung bình khoảng 700 m so với mặt biển, có diện tích tự nhiên 15.495 km²; trong đó đất nông nghiệp 380.117 ha, đất lâm nghiệp 829.726 ha. Đây là vùng đất đỏ ba-dan rất phù hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, chè, điều, tiêu... Với dân số trên 1 triệu người (30,7% là đồng bào Ja Rai, 12,4% là Ba Na), tỉnh có 72,4% dân số sản xuất nông nghiệp. Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Gia Lai đã tìm ra hướng đi phù hợp mà tập trung là tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa đi đôi với phát triển bền vững, đa dạng hóa cây trồng, con vật nuôi phù hợp đặc điểm sinh thái từng vùng, có lợi thế cạnh tranh. Gần nông nghiệp với công nghiệp chế biến, gắn chế biến với thị trường tiêu thụ, hình thành sự liên kết nông - công nghiệp - dịch vụ ngay ở thị trường nông thôn. Tốc độ tăng GDP năm 2001 đạt 7,91%, năm 2002 đạt 9,05%, năm 2003 đạt 11,9%.

Mặc dầu vậy, sau một thời gian dài (1995 - 2003), chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Gia Lai vẫn chưa có nhiều thay đổi. Những lợi thế so

sánh trong từng ngành, từng vùng, mặc dù đã từng bước được khai thác và phát huy song chưa đúng mức so với yêu cầu và tiềm năng của tỉnh. Tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP chưa có sự thay đổi đáng kể theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (xem bảng 1).

Bảng 1: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành (đơn vị %)

<i>Ngành</i>	<i>Năm</i>	1995	2001	2002	2003
Nông - lâm nghiệp		55,58	56,43	55,59	53,09
Công nghiệp và xây dựng		17,94	17,04	17,74	20,25
Dịch vụ		26,48	26,53	26,57	26,66

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Gia Lai

Trong cơ cấu thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước tiếp tục được đổi mới, sắp xếp lại, bước đầu hoạt động có hiệu quả hơn, phát huy được vai trò tích cực và chủ động trong các hoạt động kinh tế - xã hội, nếu năm 1995 đóng góp khoảng 40% GDP (569.754 triệu đồng) thì đến năm 2002 - giá trị tuyệt đối có tăng (1.185.374 triệu đồng) nhưng tỷ trọng lại giảm, chỉ còn 36% GDP, song không vì thế mà vai trò chủ đạo đối với nền kinh tế suy giảm, ngược lại trở nên tinh gọn và mạnh mẽ hơn. Kinh tế tập thể được tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã. Xuất hiện nhiều hợp tác xã hoạt động có hiệu quả. Một số mô hình liên kết giữa hợp tác xã nông nghiệp với các cơ sở chế biến đã ra đời, thu hút đáng kể lực lượng lao động ở cả thành thị và nông thôn. Kinh tế

* Cục thuế Gia Lai

cá thể trong các lĩnh vực nông, lâm, công nghiệp và đầu tư nước ngoài là một bộ phận không tách rời trong sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh. Những năm qua các thành phần kinh tế đều đã có bước phát triển khá, tạo thêm một số mặt hàng mới, thị trường mới, tăng thêm sức cạnh tranh của sản phẩm, đã góp phần quan trọng vào các thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh (xem bảng 2).

Bảng 2: Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế (đơn vị %)

Thành phần kinh tế \ Năm	1995	2002
Kinh tế nhà nước	41,87	36,30
Kinh tế tập thể	0,45	2,54
Kinh tế tư nhân	2,98	3,87
Kinh tế cá thể, tiểu chủ	53	54,59
Kinh tế hỗn hợp	1,33	1,48
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	0,37	1,22

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Gia Lai

Có thể nói sự chuyển dịch cơ cấu của tỉnh Gia Lai trong những năm qua tuy đã có những chuyển biến tích cực, nhưng những tiến bộ đạt được về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng ngành, từng vùng chưa tạo bước đột phá về chất lượng và hiệu quả, thể hiện trên một số nhận xét tổng quát sau:

Một là, cơ cấu cây trồng vật nuôi chưa có thay đổi đáng kể, sản phẩm nông nghiệp vẫn đơn điệu, chất lượng kém, giá thành cao, hạn chế khả năng tiêu thụ trong và ngoài nước, ứng dụng khoa học công nghệ còn ít. Sản xuất nông nghiệp còn mang nặng tính truyền thống, phương thức canh tác giản đơn, ngành nghề kém phát triển, năng suất cây trồng, con vật nuôi còn thấp. Tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản phẩm nông nghiệp giảm từ 10,87% năm 2002 xuống còn 6,2% năm 2003 là hiện tượng cần được lưu ý; dịch vụ nông nghiệp không có chuyển biến đáng kể. Thêm vào đó, công tác điều tra tài nguyên, quy hoạch chung cho lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và nông thôn nói chung và các ngành nghề, cây con nói

riêng, đặc biệt là về quy hoạch đất đai, việc xác định giống cây, giống con phù hợp với các điều kiện về thổ nhưỡng, khí hậu và môi trường để làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện các phương án chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp chưa được tiến hành đồng bộ, khẩn trương.

Hai là, sản xuất công nghiệp phát triển khá nhanh, nhưng chưa ổn định, còn thiếu nhiều yếu tố và cơ sở cho phát triển lâu dài, hội nhập và cạnh tranh. Cơ cấu nội ngành và cơ cấu sản phẩm chậm chuyển dịch theo hướng hiệu quả, tăng sức cạnh tranh và phát huy lợi thế so sánh của từng lĩnh vực sản xuất. Công tác dự báo, xây dựng và quản lý quy hoạch chưa tốt dẫn tới sự phát triển một số sản phẩm chưa tìm được đầu ra hoặc thua lỗ, như sản phẩm gạch tuy-nen, sản phẩm đường, sản phẩm của nhà máy MDF... Việc hình thành và phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp chế biến mà tỉnh có điều kiện vẫn còn chậm hoặc chưa thực hiện được.

Ba là, dịch vụ phát triển chậm so với tiềm năng và khả năng có thể khai thác được. Mặc dù tỷ trọng các ngành dịch vụ trong GDP hầu như ít biến động nhưng thương nghiệp đã vươn lên chiếm 50% GDP trong ngành là đáng khích lệ. Dịch vụ vận tải, thông tin liên lạc... đã có những bước tiến khá nhanh, chiếm trên 7% GDP. Ngành du lịch do yếu kém cả về cơ sở vật chất lẫn phương thức hoạt động khách sạn nên mới đóng góp khoảng 1% GDP. Các loại hình dịch vụ khác như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm... chậm phát triển nên đóng góp vào GDP không nhiều.

Bốn là, cơ cấu thành phần kinh tế còn có điểm bất hợp lý: khu vực kinh tế nhà nước chiếm đại bộ phận trong các ngành quan trọng, giành vị trí có lợi nhất trong kinh doanh và được hưởng nhiều ưu đãi của Nhà nước (về khoanh nợ, xóa nợ, trợ giá, bù lãi suất) nhưng hiệu quả sản xuất, kinh doanh kém, đó là dấu hiệu đáng lo ngại. Trong khi khu vực kinh tế hợp tác, kinh tế dân doanh chậm được củng cố

và phát triển, các cơ chế chính sách còn phân biệt đối xử giữa khu vực nhà nước và phi nhà nước, làm cho các thành phần kinh tế dân doanh còn có biểu hiện dè dặt trong đầu tư, chưa phát huy mạnh nội lực, chưa thực sự khuyến khích mọi thành phần kinh tế mạnh dạn bỏ vốn đầu tư.

Năm là, cơ cấu vùng lãnh thổ chưa phát huy rõ nét lợi thế của từng tiểu vùng, lúng túng trong việc hình thành cơ cấu kinh tế có hiệu quả của mỗi vùng và mối liên kết với các vùng khác. Các vùng động lực (Plây-cu - An Khê - AunPa) tuy đã có bước phát triển khá nhanh, nhưng chưa phát huy đầy đủ vai trò là "đầu tàu" lôi kéo các vùng khác cùng phát triển.

Sáu là, hoạt động khoa học, công nghệ đã có bước chuyển theo hướng phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một số đề tài được đưa vào ứng dụng, sản xuất. Thế nhưng việc đổi mới cơ chế quản lý khoa học - một khâu then chốt để đẩy mạnh sự phát triển khoa học, công nghệ Gia Lai làm được chưa nhiều. Sự gắn kết giữa nghiên cứu khoa học, công nghệ với sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy sự hình thành thị trường khoa học, công nghệ còn lỏng lẻo, các hoạt động nghiên cứu và triển khai vẫn dựa chủ yếu vào ngân sách nhà nước.

Những hạn chế nói trên do nhiều nguyên nhân, nhưng cơ bản là công tác quy hoạch làm định hướng cho việc xây dựng kế hoạch phát triển và hình thành cơ cấu kinh tế còn nhiều mặt yếu kém. Phương pháp luận và phương pháp xây dựng các luận chứng quy hoạch chưa được xác định hoàn chỉnh nên chất lượng quy hoạch bị hạn chế, có phần mang nặng tính chủ quan, duy ý chí; chưa chú trọng tính cân đối, đồng bộ, hiện thực, chưa tính được nhu cầu thị trường và hiệu quả nên tác dụng của quy hoạch trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực chưa tốt. Mặt khác, tính pháp lý của quy hoạch còn lỏng lẻo, chưa thực hiện thống nhất ở các ngành, các cấp và các địa phương. Vấn đề định hình cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất của từng

vùng, từng ngành còn nhiều lúng túng; khả năng dự báo, đánh giá các nguồn tiềm năng của từng vùng, ngành, sản phẩm còn hạn chế đã làm tăng thêm sự lúng túng trong việc xác định cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, cơ cấu vật nuôi. Chưa chú trọng tìm các cơ chế chính sách, các biện pháp nhằm phát huy các tiềm năng của từng vùng, từng ngành gắn kết giữa sản xuất với thị trường tiêu thụ.

Để chuyển dịch cơ cấu kinh tế có hiệu quả, phát huy lợi thế, tăng tính cạnh tranh, hiệu quả trong từng ngành, vùng, sản phẩm, khai thác tối đa các nguồn lực của tỉnh, thiết nghĩ trong thời gian tới Gia Lai cần tập trung vào các giải pháp sau:

Một là, về công tác quy hoạch: Cần nâng cao chất lượng các quy hoạch, gắn quy hoạch với kế hoạch để thúc đẩy chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế. Giải pháp này đòi hỏi các huyện trong tỉnh phải rà soát lại các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tại từng địa phương; cập nhật các dự báo, xem xét lại tính thực tế của các tiềm năng, xác định lại cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy các nguồn tiềm năng của địa phương, gắn kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và nâng cao mức sống của dân cư. Sớm hoàn thiện và công khai hóa quy hoạch các vùng sản xuất cây, con đặc sản, các vùng cây cần thanh lý để trồng cây mới có chất lượng và năng suất cao, dễ tiêu thụ. Thực hiện một số chính sách ưu đãi về thuế, tiền thu từ sử dụng đất để khuyến khích đầu tư vào các khu theo quy hoạch chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực và trình độ, trang bị phương tiện làm việc để nâng cao chất lượng công tác dự báo, nhất là dự báo thị trường trong và ngoài nước, cập nhật và thông báo thường xuyên những dự báo cho các địa phương để có sự điều chỉnh kịp thời cơ cấu sản xuất. Rà soát lại tất cả các quy hoạch ngành và sản phẩm quan trọng để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới, đi đôi với tăng cường chỉ đạo thực hiện đúng quy hoạch, bảo đảm kỷ cương trong công tác quy hoạch.

Hai là, về nguồn vốn đầu tư: Để thực hiện quy hoạch phát triển, một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải huy động đủ nguồn vốn đầu tư cần thiết. Trong điều kiện khả năng tích lũy từ nội bộ còn thấp, mâu thuẫn giữa nhu cầu với khả năng về nguồn vốn đầu tư đòi hỏi phải được giải quyết một cách hài hòa, phù hợp với nguồn lực hiện có cũng như khai thác tối đa các nguồn tiềm năng khác. Dự báo đúng nhu cầu vốn đầu tư có ý nghĩa rất lớn trong việc tổ chức huy động vốn. Việc dự báo nhu cầu vốn đầu tư thường được thực hiện dựa vào mục tiêu phát triển theo quy hoạch tổng thể trên cơ sở tổng hợp nhu cầu từ các hạng mục công trình và dự án cụ thể. Nhu cầu vốn cũng có thể được dự báo một cách đơn giản hơn dựa vào mối tương quan giữa lượng vốn đầu tư so với GDP thông qua hệ số ICOR.

Căn cứ vào mức vốn dự báo và khả năng huy động qua từng năm, thực hiện mục tiêu

chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mấy hướng sau:

- Tăng cường nguồn vốn đầu tư hướng vào các mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong các ngành, các vùng kinh tế. Các chương trình đầu tư trong các năm tới tại Gia Lai cần hướng vào mục tiêu thúc đẩy nhanh chóng việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu sản phẩm trong các ngành và các vùng kinh tế.

- Việc đầu tư cho kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, phát triển các lĩnh vực văn hóa, hỗ trợ đầu tư cho vùng miền núi, vùng khó khăn... cũng phải hướng vào mục tiêu tạo khả năng chuyển dịch nhanh chóng cơ cấu kinh tế.

- Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cần đóng vai trò hạt nhân, tạo "môi" hướng dẫn và thu hút các nguồn vốn trong nền kinh tế để bảo đảm đáp ứng vốn cho chuyển dịch cơ cấu kinh



Một trang trại nuôi heo ở Gia Lai

Ảnh: Sỹ Huynh

tế; tập trung hỗ trợ chương trình giống cây - con, đổi mới và áp dụng công nghệ hiện đại, ưu tiên cân đối vốn cho các kết cấu hạ tầng thiết yếu để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng vùng, từng ngành. Tăng cường vốn ngân sách nhà nước cho các ngành mũi nhọn, vùng kinh tế trọng điểm, thực hiện kiên cố hóa kênh mương, xây dựng kết cấu hạ tầng làng nghề, nuôi trồng thủy sản và giao thông nông thôn, nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở chế biến, nâng cấp các thiết bị cho những lĩnh vực sản xuất công nghiệp có lợi thế để thúc đẩy nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu sản phẩm mũi nhọn.

- Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn vay nước ngoài, nhất là vốn ODA phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phân bổ vốn ODA chủ yếu cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các vùng đặc biệt khó khăn.

Ba là, về chính sách thuế và tín dụng nhà nước cần tập trung theo hướng:

- Tăng cường hiệu lực và vai trò điều tiết vĩ mô của thuế để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đặc biệt, cần có chính sách miễn giảm thuế để hấp dẫn, thu hút vốn đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, khu vực cần khuyến khích theo định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế; áp dụng thuế suất ưu đãi và thống nhất các điều kiện ưu đãi để khuyến khích các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tập thể đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu của toàn bộ nền kinh tế.

- Đề xuất Chính phủ mở rộng quyền phát hành trái phiếu đầu tư để huy động vốn phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đổi mới phương thức và cơ chế hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho Quỹ chủ động huy động vốn dài hạn cho đầu tư phát triển. Vốn tín dụng nhà nước phải tập trung cho vay các chương trình, dự án, mục tiêu theo định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ưu tiên vào một số ngành mũi nhọn, các

vùng trọng điểm, các dự án đầu tư có khả năng tạo ra tăng trưởng kinh tế cao. Nâng cao khả năng hỗ trợ của tín dụng nhà nước và trách nhiệm của các đơn vị sử dụng vốn vay thông qua xác định mức vốn vay và lãi suất cho vay hợp lý; nhất là đối với những dự án thuộc các ngành nghề, vùng, miền cần khuyến khích lãi suất nên ở mức thấp hơn cho vay trung và dài hạn của các ngân hàng thương mại.

Bốn là, về nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Cần khẳng định vai trò quan trọng của khoa học, công nghệ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tác động để chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản phẩm trong từng vùng, từng ngành và trong toàn bộ nền kinh tế. Do vậy, cần nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý khoa học, công nghệ; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học, các viện khoa học trực tiếp ký hợp đồng với các cơ sở sản xuất, các địa phương trong việc nghiên cứu đề tài, thực hiện cơ chế thưởng thích đáng cho những công trình có ý nghĩa lớn, mang tính khoa học và thực tiễn cao, tạo ra nhiều cơ hội chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng vùng, từng sản phẩm. Hỗ trợ kinh phí cho các đề tài nghiên cứu phục vụ trực tiếp cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; thực hiện cơ chế đặt hàng trực tiếp giữa Nhà nước, doanh nghiệp với các cơ sở nghiên cứu khoa học, tránh tình trạng lãng phí vốn đầu tư do tách rời giữa sản phẩm nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn. Tăng kinh phí đào tạo, nhất là đào tạo mới và đào tạo bổ sung đội ngũ lao động chất lượng cao, chú trọng đội ngũ công nhân lành nghề, giỏi việc, làm chủ được những công nghệ mới để hỗ trợ đắc lực cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ở nông thôn, mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn chặt với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao các quy trình sản xuất, quy trình canh tác. □

CÁCH đây hơn hai mươi năm, từ ngày 8 đến 10-11-1983, với 299 đại biểu, bao gồm 142 linh mục, 11 tu sĩ và 146 giáo dân đã tham dự Đại hội lần thứ nhất những người công giáo Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu hòa bình. Đại hội đã bầu 74 vị vào Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam do linh mục Nguyễn Thế Vĩnh làm Chủ tịch và cố linh mục Nguyễn Thái Bá là Tổng thư ký. Từ đó đến nay, Ủy ban đã qua các kỳ đại hội vào các năm 1990, 1997 và 2003. Số đại biểu tham gia đại hội ngày càng đông, đặc biệt số linh mục, tu sĩ có mặt trong Ủy ban cũng nhiều hơn, trẻ hơn và năng động hơn. Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam hiện đã có mặt ở 38 tỉnh thành. Số các linh mục tham gia Ủy ban trung ương và Ủy ban các địa phương lên tới gần 500 vị. Điều này đã đủ nói lên sự lớn mạnh, trưởng thành và uy tín của Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam trong đời sống xã hội cũng như giáo hội ở Việt Nam. Có thể khẳng định, thành quả lớn nhất của Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam trong hơn 1/5 thế kỷ vừa qua là *đã tập hợp và hướng dẫn phong trào công giáo yêu nước luôn đồng hành với dân tộc* theo tinh thần Thư chung năm 1980, 2001 của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Bất kỳ một phong trào nào do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khởi xướng, Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam triển khai trong giới công giáo, đều thu được kết quả tốt đẹp. Khi Mặt trận phát động phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng khu dân cư văn hóa", Ủy ban đã triển khai thành cuộc

Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam, hơn hai mươi năm đồng hành cùng dân tộc

NGUYỄN TẤN KHÓA*

vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng xứ họ đạo gương mẫu, sống tốt đời đẹp đạo". Khi Nhà nước vận động: nhà nhà làm việc thiện, người người làm việc thiện thì xứ họ nào, dòng tu nào cũng đẩy mạnh hoạt động từ thiện, bác ái theo khả năng của mình. Nhiều Tòa Giám mục còn ra thông cáo nhắc nhở giáo dân không tổ chức ăn uống linh đình trong đám ma, đám cưới hay vận động quyền góp ủng hộ các nạn nhân gặp thiên tai. Có những vấn đề rất nhạy cảm lâu nay khó đề cập như vấn đề dân số, sinh sản, vấn đề học hành của thanh thiếu niên hay các tệ nạn xã hội... đến nay đều đã được các Giám mục hướng dẫn cách giải quyết có lý, có tình, vì vậy người giáo dân được tự do tham gia vào các hoạt động xã hội một cách chủ động và sáng tạo.

Ngày nay, đi đến bất cứ địa phương nào có đông đồng bào công giáo sinh sống, đều có thể nghe được những nhận xét tốt về đời sống

* Linh mục, Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam



Đồng chí Phạm Thế Duyệt gặp gỡ chúc mừng bà con giáo dân
xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Tây

Ảnh: Đức Tám

đạo đức, về trật tự trị an; thấy được những lớp học tình thương, những phòng khám bệnh từ thiện, những suất học bổng cho học sinh nghèo, những nồi cháo tình thương không bao giờ cạn; thấy được những nhà chăm sóc người bị AIDS giai đoạn cuối, do giới công giáo phụ trách, không chỉ đem lại niềm an ủi cho những người không may mắn, thiết thòi mà còn phát huy nét đẹp trong đời sống nhân văn cao thượng ở xã hội ta. Hình ảnh các nữ tu tận tụy phục vụ ở các trại phong hay các trung tâm săn sóc trẻ mồ côi tàn tật được báo chí biểu dương như những tấm gương sáng trong cộng đồng hiện nay.

Khi có phong trào xây dựng nhà tình nghĩa, giới công giáo đã quyên góp, làm được hàng ngàn ngôi nhà trao cho các đối tượng chính

sách, các hộ neo đơn, khó khăn ở các địa phương như ở Đồng Nai, Vĩnh Long, thành phố Hồ Chí Minh. Các xứ họ đã cùng góp công, của để làm đường, xây trường, làm cho làng xóm khang trang hơn, văn minh hơn. Đã có hàng ngàn làng có nhiều giáo dân được công nhận là làng văn hóa. Một số địa phương có thành tích xuất sắc được tặng danh hiệu anh hùng của thời kỳ đổi mới như Xuân Phương (Nam Định), Yên Trì (Quảng Ninh)...

Nếu như trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, người công giáo luôn có mặt ở khắp các trận tuyến, dũng cảm ở tiền phương, đảm đang tại hậu phương và nhiều người đã được tặng danh hiệu anh hùng lao động, anh hùng quân đội thì ngày nay, cũng có nhiều người được tặng các danh hiệu cao quý

như Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, hay đạt được học vị, học hàm như: giáo sư, tiến sĩ... Rất nhiều người công giáo đã vươn lên làm giàu cho mình và cho xã hội, tạo công ăn việc làm ổn định cho nhiều lao động ở địa phương.

Một thành tích không thể không nhắc đến trong thời gian vừa qua của Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam là làm tốt *vai trò cầu nối giữa đạo và đời, giữa giáo dân, giáo hội với các cơ quan chính quyền các cấp*. Ngay từ lúc ra đời, Đảng ta đã có quan điểm đúng đắn, rõ ràng về vấn đề tôn giáo. Trong Chỉ thị của Trung ương ngày 18-11-1930 về việc thành lập Hội đồng minh phản đế, tiền thân của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay đã ghi rõ: bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Đây cũng là quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và đã được thể chế hóa trong Sắc lệnh số 234 ngày 14-6-1955 do chính tay Người phê chuẩn. Từ đó đến nay, Đảng và Nhà nước ta vẫn tiếp tục tinh thần đó và được phát triển lên ở mức cao hơn cho phù hợp với sự vận động của lịch sử. Điều này đã được thể hiện ở Nghị quyết 25-NQ/TU Về vấn đề tôn giáo mới được thông qua đầu năm 2003. Vì vậy, thời gian qua đã có hàng ngàn cơ sở thờ tự công giáo được sửa chữa, xây mới; hàng ngàn tu sĩ được tuyên khấn vĩnh viễn, được truyền chức linh mục. Riêng số các Giám mục được tấn phong là người Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2004 đã có 44 vị trong số 86 vị được phong kể từ năm 1933 đến nay, (năm 1933 là năm có người Việt Nam đầu tiên được phong Giám mục). Điều này vừa nói lên chính sách thông thoáng về tôn giáo của Nhà nước ta, vừa nói lên công lao của Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam các cấp đã gặp gỡ, đối thoại với các cơ quan chức năng để trình bày những nguyện vọng chính đáng của người công giáo nhằm thực thi quyền tự do tín

ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm sinh hoạt tôn giáo bình thường của người có đạo. Tiếng nói của đồng bào công giáo cả nước đã được phản ánh qua cơ quan ngôn luận của Ủy ban là tờ báo *Người công giáo Việt Nam* và ở thành phố Hồ Chí Minh là tờ *Công giáo và dân tộc*. Một số vụ việc khiếu nại liên quan đến công giáo được các Ủy viên Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam tham gia làm rõ. Các linh mục là đại biểu Quốc hội đã trực tiếp tìm hiểu và gặp gỡ các cơ quan hữu quan để kiến nghị giải quyết có lý, có tình, làm cho giáo dân tin tưởng vào chế độ và kỷ cương phép nước.

Thời gian qua, nhất là sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, hoạt động đối ngoại của Ủy ban có bị thu hẹp lại nhưng không vì thế mà Ủy ban coi nhẹ *nhiệm vụ bảo vệ hòa bình thế giới*. Trong các thư mừng Giáng sinh hay báo cáo, Ủy ban luôn bày tỏ lập trường phản đối chiến tranh và ủng hộ các giải pháp đối thoại tìm kiếm hòa bình. Hơn nữa, Ủy ban cho rằng, xây dựng nước Việt Nam ổn định, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh cũng là trực tiếp góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

Nhìn lại hoạt động của Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam hơn 20 năm qua có thể khẳng định, Ủy ban thực sự là tổ chức xã hội của người công giáo để dẫn dắt phong trào công giáo yêu nước đồng hành cùng dân tộc. Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khi gặp gỡ các đại biểu của Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam nhiệm kỳ IV vào đầu năm 2003 có nói: *Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam những năm qua đã có những đóng góp rất xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là việc động viên đồng bào công giáo tích cực lao động sản xuất, phát triển kinh tế, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Người công giáo đã có mặt trên các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, văn hóa, xã*

hội, đặc biệt tinh thần dân thân chia sẻ trong các hoạt động xã hội, từ thiện, bác ái...

Từ kinh nghiệm của hơn 20 năm hoạt động của Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam, có thể rút ra 3 bài học lớn:

- Thứ nhất, giữ được hiệp thông mật thiết với Giáo hội Việt Nam

Khi mới thành lập Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam, không ít người trong và ngoài nước đã lo lắng, Ủy ban sẽ biến thành một tổ chức công giáo tự trị như một số nước. Nhưng, thực tế đã chứng tỏ lo lắng trên là không có cơ sở. Có được điều này, chúng ta phải cảm ơn những linh mục tiên khởi của phong trào đã kiên định giữ vững sự hiệp thông để ngày nay chúng ta tiếp tục đi trên con đường đó. Có được sự hiệp thông, Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam mới nhận được sự ủng hộ tích cực của mọi thành phần trong Giáo hội từ giáo dân, tu sĩ đến linh mục, giám mục... Điều đó đã chứng tỏ uy tín của Ủy ban với Giáo hội. Chỉ có ở trong Giáo hội, cùng với Giáo hội, Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam mới có thể tồn tại và phát triển.

- Thứ hai, tăng cường mối quan hệ mật thiết với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp

Muốn triển khai mọi hoạt động của Ủy ban, muốn đưa phong trào công giáo yêu nước đi lên, muốn là chiếc cầu nối giữa đạo và đời, không có con đường nào khác là phải liên hệ mật thiết với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp. Sự liên hệ gắn bó này vừa tạo ra sự phối hợp nhịp nhàng cho việc triển khai các phong trào, tạo ra sức mạnh cả về vật chất và tinh thần cho phong trào. Ủy ban sẽ nắm bắt được phương hướng chỉ đạo của chính quyền, Mặt trận và cũng phản ánh được tâm tư nguyện vọng của bà con giáo dân lên các cơ quan công quyền của Nhà nước.

- Thứ ba, luôn đồng hành cùng dân tộc

Góp phần xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước, thực hiện đẹp đời tốt đạo... là phương hướng của Giáo hội Việt Nam và phương châm của Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam và nguyện vọng của đông đảo đồng bào có đạo trong nước. Có đồng hành cùng dân tộc, Ủy ban mới tập hợp được đông đảo đồng bào công giáo tham gia vào phong trào công giáo yêu nước. Có đồng hành cùng dân tộc, Ủy ban mới được sự giúp đỡ của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp và đương nhiên cũng được mọi thành phần trong Giáo hội ủng hộ. Đồng hành cùng dân tộc là sự lựa chọn đúng đắn của Giáo hội công giáo Việt Nam sau hơn 400 năm có mặt ở mảnh đất này với bao biến cố thăng trầm của lịch sử. Bởi vậy, đó cũng là đường hướng đúng đắn của phong trào công giáo yêu nước ngày nay và tương lai.

Từ thành quả đạt được hơn 20 năm qua, chúng tôi cùng bày tỏ lòng tri ân đến các vị lãnh đạo Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã luôn quan tâm, giúp đỡ phong trào. Chúng tôi cũng bày tỏ lòng biết ơn với các vị tiền bối, đã sáng lập nên phong trào công giáo yêu nước nói chung và Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam nói riêng. Chúng tôi cũng cảm ơn sự quan tâm dẫn dắt của các vị chủ chăn ở Hội đồng Giám mục Việt Nam cũng như các Giám mục ở các giáo phận đối với hoạt động của Ủy ban. Cảm ơn sự cộng tác tích cực của các linh mục, nam nữ tu sĩ và anh chị em giáo dân với phong trào và tổ chức xã hội của giới công giáo. Với những kinh nghiệm và bài học trong hơn 20 năm qua của Ủy ban Đoàn kết công giáo Việt Nam, chúng tôi có quyền hy vọng vào một phong trào công giáo yêu nước phát triển mạnh mẽ ngang tầm với thời đại. □



Bên lề hội thảo

ĐỖ MAI THÀNH

MỘT lần tôi được cử đi dự cuộc hội thảo khoa học của một bộ tổ chức ở vùng biển cách Hà Nội tương đối xa. Ngay từ hôm trước, các đại biểu, khách mời của các ban, bộ, ngành ở trung ương và địa phương đã có mặt ở bãi biển thơ mộng, nổi tiếng này. Mọi người đều được ban tổ chức bố trí ăn, nghỉ tại khách sạn sang trọng vào loại bậc nhất của tỉnh.

Những lần như vậy, cánh nhà báo chúng tôi cũng có dịp gặp nhau khá đông để "hàn huyên" chuyện nghề, chuyện đời. Trong chuyến đi lần này, tôi gặp được chị B, là một người đã lớn tuổi, hiện làm ở một cơ quan báo chí trung ương. Vốn nghe tiếng chị từ lâu, lại biết chị có nhiều kinh nghiệm đưa tin, viết bài về những cuộc hội thảo, tôi liền sang gặp chị tại phòng bên, để nắm trước nội dung hội thảo, kịp ngày mai sau khai mạc, nghe và đọc một số bài tham luận, sẽ fax

về cho tòa soạn nhằm đưa tin kịp thời.

Thế nhưng, sau khi đặt vấn đề, chị bèn nói như không cần quan tâm gì tới nội dung của hội thảo ngày hôm sau:

- "Ôi dào, tớ đi nhiều cuộc hội thảo rồi. Lắm lúc mục đích chính lại hóa ra là phụ, mà phụ lại trở thành chính. Theo tớ, hội thảo khoa học gì đâu?, chẳng qua là tạo điều kiện để các đại biểu của trung ương nghỉ ngơi và thăm thú, gặp gỡ nhau vui vẻ là chính. Đồng thời nhân cơ hội này để địa phương "chiều chuộng" các quan chức cấp trên nhằm sau này chạy dục án, xin cấp kinh phí... thuận lợi hơn. Tình hình bây giờ nó là thế!"

Nghe vậy, tôi nghĩ chị nói hơi quá lời và cảm thấy không tiện hỏi thêm, liền chuyển sang vấn đề khác, rồi sau đó rủ chị cùng đi dọc bờ biển ngắm trăng và nghe sóng vỗ.

Hôm sau, đúng 8 giờ sáng cuộc hội thảo bắt đầu theo đúng chương trình, có bài phát biểu và và báo cáo đề dẫn khá công phu. Tôi chăm chú theo dõi. Quả thật vấn đề đưa ra bàn luận tại hội thảo có tính thời sự và rất cấp thiết hiện nay. Nhưng các tham luận phát biểu sau đó thì mỗi người mỗi phách, ai chuẩn bị được cái gì cứ thế "lên bục" đọc. Những đại biểu ngồi dưới, người thì nói chuyện, nghe điện thoại di động, người thì lật từng trang kỷ yếu làm ra vẻ tập trung, nhưng lại nhanh chóng gấp lại. Thế rồi cũng hết giờ buổi sáng. Hội thảo được tổng kết và vị chủ tịch đoàn phát biểu kết luận:

- "Vấn đề được nêu ra tại hội thảo là rất hay, có nhiều ý kiến bổ ích, thiết thực, nhưng theo chúng tôi, hội thảo cũng mới chỉ xới xáo lên những vấn đề cơ bản, chính yếu, đề nghị các đại biểu tiếp tục đi sâu nghiên cứu để lần sau chúng ta tiếp tục làm rõ thêm những vấn đề mà hội thảo lần này đặt ra".

Sau hội thảo tất nhiên là có bữa tiệc chiêu đãi của lãnh đạo địa phương mời các đại biểu, các nhà báo ở trung ương, các địa phương cùng dự.

Sau lần ấy, tôi để ý khai thác những khía cạnh "bên lề hội thảo" như chị nhà báo trên đã thổ lộ hôm đó, tôi phát hiện ra quả là những chuyện lý thú. Trong đó có chuyện một số cán bộ trung ương nắm quyền cấp phát một thứ gì đó, từ dự án đến cô-ta xuất khẩu, tài chính, ngân sách... thì những lần xuống địa phương công tác hay dự hội thảo đều nhanh chóng giành được "tình cảm" đặc biệt và sự tiếp đón chu đáo của địa phương. Tôi còn được nghe sau các cuộc hội thảo khoa học như vậy, có nơi đã lập "ban đặc biệt", cử người chuyên lo "chạy" dự

án, chạy xin kinh phí trên cấp... Điều này làm tôi suy nghĩ: nếu như các nguồn lực của đất nước mà cứ "chảy theo dòng" ấy thì làm sao tránh khỏi được sai lệch, méo mó, tình trạng quy hoạch treo, quy hoạch có cũng như không... chưa thể chấm dứt. Chưa kể những khoản phần trăm thất thoát làm tha hóa cán bộ, gây mất đoàn kết nội bộ, thì việc hô hào hiệu quả sử dụng vốn đầu tư vẫn chỉ là khẩu hiệu suông mà thôi, bởi chính sách, chủ trương của Nhà nước đã bị những tác động chủ quan, duy ý chí của không ít người thiếu công tâm, khách quan.

Ngẫm lại câu mà chị nhà báo lớn tuổi nói mục đích chính, mục đích phụ của các cuộc hội thảo khoa học mà tôi đã vội cho là chị nói quá lời hôm nào, giờ đây xem ra có cơ sở. Tôi cảm thấy thật đáng tiếc cho những cuộc hội thảo như vậy hằng năm vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi. Điều đáng nói hơn nữa, có lẽ là, vẫn còn thiếu một hội thảo đưa thẳng vấn đề trên ra bàn một cách thực chất để khắc phục tình trạng hội thảo khoa học kiểu như vậy. Và tôi chưa hình dung nổi câu chuyện bên lề hội thảo lúc đó sẽ là gì?. □



Đầm sen TP Hồ Chí Minh

Ảnh: Hoàng Nhiệm



CU-BA: KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ QUAN HỆ VỚI VIỆT NAM

HÊ-SU AI-SE SÔ-TÔ-LÔNG-GÔ *

TRONG những năm đầu của thế kỷ XXI, Cu-ba đã đạt được một số thành quả nhất định về mặt kinh tế và có sự phát triển đáng kể mặc dù Cu-ba bị ảnh hưởng nghiêm trọng do chính sách bao vây kinh tế, thương mại và tài chính của chính phủ Mỹ trong suốt 45 năm qua. Đó là kết quả của việc áp dụng những biện pháp cách mạng đúng đắn và mới mẻ của Đảng, Nhà nước Cu-ba. Cũng trong thời gian này, mối quan hệ mẫu mực giữa Cu-ba và Việt Nam tiếp tục phát triển tốt đẹp hơn bao giờ hết trên tất cả các lĩnh vực và là một tấm gương cho thế giới nói chung và cho các dân tộc kém phát triển nói riêng noi theo.

1 - Vài nét về kinh tế - xã hội Cu-ba

Trên thực tế, sự phát triển kinh tế của Cu-ba đạt được rất khiêm tốn, bình quân mỗi năm không vượt quá 2,5%. Điều này do nguyên nhân tình hình kinh tế thế giới không ổn định và do nhược điểm trong cách tính GDP (chỉ tiêu kinh tế được tạo ra để tính GDP theo sự phát triển của giao dịch thương mại), nhưng điều đó không có khả năng phản ánh công bằng xã hội, cải tiến cuộc sống của con người và sự tiếp cận với nền văn hóa. Theo Bộ Kinh tế Cu-ba, nếu tính thêm giá trị gia tăng vào kết quả đạt được trong lĩnh vực dịch vụ xã hội thì sự tăng trưởng đó ít nhất sẽ được cộng

thêm 1% so với kết quả đã đạt được, nghĩa là khoảng 3,5% mỗi năm.

Một số đặc điểm khác của nền kinh tế Cu-ba là một vài năm đã đi theo xu hướng kinh tế không tập trung, nhất là trong lĩnh vực bảo đảm vật liệu và tài chính. Vào cuối năm 2002 và trong năm 2003, Cu-ba áp dụng một số biện pháp như: thành lập một Ủy ban mua bán hàng hóa nhập khẩu và bắt buộc các công ty tham gia vào ủy ban đó; giao cho Ngân hàng trung ương quyền được mua hàng hóa bằng tiền USD của những công ty nhà nước và thay thế tiền USD bằng tiền pê-xô chuyển đổi của Cu-ba trong các hoạt động giao dịch thương mại giữa các công ty... và những biện pháp theo xu hướng kinh tế tập trung. Bản chất của những biện pháp đó là do thiếu ngoại tệ, buộc Cu-ba phải xử lý một cách hợp lý tất cả những chi phí bằng ngoại tệ.

Trong những năm qua, sự tăng trưởng kinh tế của đất nước Cu-ba đã chịu sự tác động rất phức tạp về ngân sách và tiền tệ. Mối quan hệ bội chi - GDP chiếm tỉ lệ trên 4%, trong khi vốn luân chuyển tiếp tục tăng trưởng. Tình hình này đã được khắc phục từ năm 2003.

* TS, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Cu-ba tại Việt Nam

Phân tích hai nhân tố nói trên cho thấy, đối với quan hệ bội chi - GDP như sau:

1 - Mỗi quan hệ này liên quan đến chính sách ưu tiên về việc chi ngân sách đối với các hoạt động có liên quan đến giáo dục, y tế, văn hóa và bảo hiểm xã hội và các chi phí quốc phòng. Những hoạt động đó những năm vừa qua đã tăng một cách đáng kể.

2 - Sự tăng trưởng giao dịch thương mại trong các doanh nghiệp nhà nước, chủ yếu là duy trì chính sách bao cấp đối với những doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, đối với sản phẩm và giá cả, với tỉ lệ là 90%. Chính sách bao cấp hiện nay tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực nông nghiệp và sản xuất mía đường.

Vấn đề gia tăng vốn lưu động (do nhà nước cấp) đã nảy sinh do: 1 - Tăng lương tháng cho công nhân và nhân viên nhà nước, chủ yếu trong các lĩnh vực dịch vụ công cộng như giáo dục, y tế và trợ giúp xã hội; 2 - Sự tồn tại của một số lớn công nhân và nhân viên không có việc làm được hưởng từ 60 đến 70% lương tháng, trong khi có rất nhiều nhà máy không hoạt động và một số khác chưa đạt được mức sản xuất tối đa.

Tuy nhiên, trong năm 2003, Cu-ba giảm được 2,3% tỷ lệ vốn luân chuyển, khoảng hơn 13 tỉ pê-xô Cu-ba. Đó là một dấu hiệu tốt trong hoạt động của nền kinh tế vĩ mô. Xu hướng này được tiếp tục duy trì trong năm 2004.

Liên quan đến vấn đề trao đổi ngoại tệ, tỷ giá giao dịch chính thức là 1USD = 1 pê-xô chuyển đổi và đổi tại các điểm đổi tiền (CADECA) thì 1 USD = 26 pê-xô Cu-ba. Tỷ giá cuối cùng này vẫn còn cao đối với lương trung bình của người lao động Cu-ba, nhưng tỷ giá đó đã được giữ trong 3 năm qua một cách ổn định ⁽¹⁾.

Trong những năm gần đây, quan hệ lương tháng - thu nhập của những xã viên tương đối ổn định. Tuy nhiên, điều đó lại trái ngược với

nguồn thu nhập năng động của những người nông dân kinh doanh cá thể, người lao động kinh doanh cá thể và những người được nhận ngoại hối ngay từ khi Cu-ba cho phép tiền đô la Mỹ lưu hành tự do trên thị trường. Do đó, thu nhập của họ cao hơn những người khác trong xã hội và điều này là nguyên nhân chính của sự bất công hiện nay.

Như vậy, có thể hiểu được vì sao có sự bất cân đối trong nền kinh tế vĩ mô mà đất nước Cu-ba phải đối đầu. Tuy nhiên, phân tích trên một số lĩnh vực, chúng ta có thể nhận thấy nền kinh tế của đất nước Cu-ba có sự cải tiến đáng kể.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, ngoài mía đường, sản lượng các nông sản phẩm đang dần dần phát triển. Tuy nhiên trong thực tế, sản lượng đó vẫn còn rất thấp so với nhu cầu của người dân. Sản lượng trái cây đạt mức tăng trưởng là 72%, trong khi sản lượng xi gà đạt được năng suất cao nhất từ năm 1959 đến nay với tỷ lệ từ 11,2 đến 13,4 tấn trên một héc ta.

Sản lượng ni ken đạt mức tăng trưởng ổn định trong những năm vừa qua và hiện nay đã trở thành ngành xuất khẩu chính của Cu-ba. Cùng với sự cải tiến công nghệ của các nhà máy sản xuất đã dẫn tới việc tổng sản lượng ni ken trong năm 2002 đạt được khoảng 3 nghìn tấn; và giá ni ken trên thị trường thế giới tăng, tạo ra lợi thế giúp Cu-ba thu được khoảng 120 triệu đô la.

Các ngành công nghiệp khác tiếp tục tăng trưởng, mặc dù về tổng thể vẫn còn rất chậm. Nổi bật là công nghiệp giấy, đạt mức tăng

(1) Trong tháng 11-2004, do quyết định của Ngân hàng trung ương Cu-ba đã loại bỏ sự lưu hành đồng USD ở các siêu thị bán hàng thu tiền bằng ngoại tệ. Trong điều kiện mới này, người ta phải đổi tiền USD lấy "pê-xô chuyển đổi" với tỉ lệ thuế là 10%. Đối với những ngoại tệ khác kể cả đồng ơ-rô, cũng phải đổi sang đồng pê-xô chuyển đổi nhưng không phải nộp thuế.



Hội đồng doanh nghiệp Cu-ba - Việt Nam họp phiên đầu tiên tại La Ha-ba-na (2-11-2004) Ảnh: *Duy Tuyên*

trưởng 23,2% nhờ ưu thế của những chương trình liên quan đến lĩnh vực giáo dục. Một số lĩnh vực khác cũng đạt mức tăng trưởng đáng kể là các ngành chế biến dầu, muối, thủy tinh, thuốc, NaOH. Trong khi đó, sản lượng xi măng, lốp xe, giày dép và bìa các-tôn... sau khi đạt sự tăng trưởng gần bằng năm 1989, đến năm 2003 lại giảm xuống.

Sản lượng dầu và khí ga có một sự tăng trưởng khá ổn định. Điều này đã tạo điều kiện cho ngành xi măng bảo đảm sản xuất 100% sản lượng và cung cấp 84% khí đốt cho sản xuất điện. Hiện nay, Cu-ba đang hợp tác với một số công ty nước ngoài có uy tín như REPSOL-YPF S.A của Tây Ban Nha và SHERRITT INTERNATIONAL của Ca-na-đa để khai thác dầu khí ở khu vực phía Bắc của đất nước, mở ra một triển vọng tốt đẹp trong lĩnh vực này của Cu-ba. Công ty Tây Ban Nha đã thuê một dân khoan nổi Eirik Raude của Na-uy để khai thác dầu ở vùng nước sâu thuộc hải phận Cu-ba nằm trên vịnh Mê-hi-cô.

Đối với ngành du lịch, số lượng khách nước ngoài tiếp tục tăng (trừ năm 2002), nhất là năm 2003 số lượng khách đã tăng lên tới 2 triệu 52 nghìn người. Du lịch đã trở thành mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân ở Cu-ba.

Trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, việc mua bán hàng hóa đang từng bước tăng dần, mặc dù vẫn chưa khắc phục được sự bội chi trong thương mại. Do bội chi đã gây ra sự thiếu hụt về ngân sách. Để giải quyết vấn đề này, Cu-ba phải vay ngắn hạn với lãi suất từ 5% đến 7%. Tuy nhiên, nguồn thu nhập trong lĩnh vực xuất khẩu ni ken lại tăng do giá ni ken trên thị trường lên cao. Những bạn hàng chính của Cu-ba trong lĩnh vực thương mại là: Vê-nê-xu-ê-la, Tây Ban Nha, Trung Quốc, I-ta-li-a, Mỹ, Ca-na-đa, Mê-hi-cô, Pháp, Đức và Nhật Bản, chiếm 71% tổng số giao dịch thương mại của Cu-ba.

Mặc dù quan hệ Cu-ba - Mỹ hiện đang rơi vào tình trạng căng thẳng, nhưng quan hệ thương mại giữa hai nước vẫn có sự phát triển năng động và Mỹ, với một nền kinh tế mạnh

của thế giới đã trở thành bạn hàng thương mại chính của Cu-ba. Năm 2001 đến 2003, khi bắt đầu những giao dịch thương mại, Công ty Nhập khẩu thực phẩm ALIMIMPORT của Cu-ba đã ký nhiều hợp đồng mua thực phẩm, nguyên liệu như đậu tương, bột nở và ngô trị giá hơn 600 triệu USD để sản xuất thực phẩm trong nước cho nhân dân⁽²⁾.

Chính sách bao vây kinh tế do Chính phủ Mỹ áp đặt chống Cu-ba đã làm nhụt ý chí của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, đầu tư nước ngoài vào Cu-ba những năm qua không có sự tăng trưởng đáng kể. Trong năm 2003, đầu tư nước ngoài vào Cu-ba giảm mạnh do xu hướng thế giới giảm đầu tư vào những nước kém phát triển và điều đó đã tạo một rào cản đối với thị trường nhỏ bé của Cu-ba - nơi hội tụ nhiều lĩnh vực kinh tế hấp dẫn.

Những nhà đầu tư nước ngoài chính vào Cu-ba là Tây Ban Nha, Ca-na-đa và I-ta-li-a. Hiện nay có khoảng 350 tổ chức khác nhau đang hoạt động ở Cu-ba, chủ yếu là sản xuất liên doanh.

Bốn năm đầu thế kỷ này là giai đoạn nổi bật nhất của sự phát triển kinh tế ở Cu-ba. Những chương trình xã hội đạt mức ổn định trong đó giáo dục, y tế và văn hóa là những lĩnh vực nổi bật nhất. Mục đích của những chương trình trên là giành lại những gì đã mất trong những năm khủng hoảng kinh tế. Đó là:

- Giáo dục tiểu học: chương trình 20 học sinh/thầy giáo, 1 vô tuyến/lớp, 100 học sinh/dầu Vi-đê-ô và 24 nghìn máy vi tính.

- Giáo dục trung học cơ sở: ngày học hai buổi, 15 học sinh/thầy giáo, xây mới 567 lớp tại 98 trường học, xây 13 khu tập thể giáo viên ở Thủ đô, 4.000 sinh viên sư phạm tốt nghiệp loại giỏi.

- Khóa học bổ túc toàn diện có 107.303 học sinh xin nhập học.

- Phổ cập giáo dục đại học tới các quận huyện với tổng số 146.913 sinh viên tại 732 trung tâm.

- Sửa chữa 927 hiệu thuốc.

- Sửa chữa 27 bệnh viện tại Thủ đô và 36 bệnh viện tại các tỉnh thành.

- Đào tạo 16 nghìn học sinh tại các trường nghệ thuật.

Giáo dục là một lĩnh vực luôn được ưu tiên, luôn được Chủ tịch Phi-đen Ca-xơ-rô và nhiều nhà lãnh đạo cấp cao nhấn mạnh vì đó là nhân tố bảo đảm sự phát triển của đất nước trong tương lai, phù hợp với xu hướng phát triển của kinh tế tri thức trên thế giới. Trong lĩnh vực y tế với những nguyên tắc chính như: miễn phí, phổ biến và dễ dàng, được trang bị với những điều kiện kỹ thuật - vật chất cần thiết, đội ngũ bác sỹ, y sỹ được đánh giá cao và dựa trên cơ sở phòng bệnh là chủ yếu.

Lĩnh vực văn hóa có quan hệ khăng khít với lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhân lực. Lĩnh vực này đang tiến từng bước vững chắc, dẫn đến hình thành một nền văn hóa phổ biến và toàn diện cho xã hội. Để làm được điều đó, Cu-ba đã tiến hành nhiều biện pháp để người dân có thể dễ dàng tiếp cận và trao đổi với nền văn hóa trong nước và thế giới.

2 - Quan hệ Việt Nam - Cu-ba

Khí phách anh hùng của dân tộc Việt Nam trong đấu tranh giải phóng đất nước và những kết quả đạt được trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt từ khi Việt Nam thực hiện đường lối Đổi mới, là điều mà nhân dân Cu-ba luôn khâm phục và tôn trọng.

Mối quan hệ truyền thống về tình đoàn kết, hữu nghị giữa hai dân tộc Cu-ba và Việt Nam

(2) Hợp đồng mua thực phẩm với các công ty của Mỹ vào cuối năm 2004 đạt hơn 1 tỉ USD, và tất cả đều được trả ngay bao gồm cả tiền vận chuyển và dịch vụ tài chính để chuyển tiền tới Mỹ qua một nước thứ ba

được phát triển trong suốt 45 năm qua, được củng cố trong những năm gần đây bằng nhiều hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau, dựa trên nền tảng mối quan hệ chính trị mẫu mực giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước.

Sự trao đổi các đoàn đại biểu của nhiều ban, ngành giữa Việt Nam và Cu-ba trong thời gian qua, trong đó có đoàn đại biểu cấp cao nhất, đã tạo cơ sở quan trọng thúc đẩy mối quan hệ giữa hai nước trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Nổi bật nhất là chuyến thăm chính thức Việt Nam vào tháng 2-2003 của Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Cu-ba, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng Cu-ba và chuyến thăm Cu-ba vào tháng 3-2004 của đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đã đánh dấu một giai đoạn mới trong quan hệ giữa hai nước. Hiện nay, quan hệ giữa hai nước chúng ta đã giành được nhiều kết quả khả quan.

Chẳng hạn như Cu-ba đã mua 400 nghìn tấn gạo của Việt Nam và con số này sẽ tiếp tục tăng trong tương lai. Cu-ba đã hợp đồng mua 10 nghìn bộ máy vi tính của Việt Nam đưa vào sử dụng trong hệ thống y tế và giáo dục. Một số lượng tương tự máy tính từ thị trường Việt Nam sẽ chuyển tới Cu-ba trong thời gian tới. Than đá, một sản phẩm không thể thiếu trong sản xuất ni ken mà Cu-ba có nhu cầu cao cũng được hợp đồng mua từ Việt Nam và theo đánh giá của chúng tôi thì chất lượng than đá ở Việt Nam là rất tốt. Những sản phẩm nói trên và nhiều sản phẩm khác mà các bạn Việt Nam đã bán cho Cu-ba với sự thanh toán dễ dàng, lãi suất thấp so với thị trường thế giới hoặc không lấy lãi. Hành động cao cả này là một biểu hiện cụ thể của tình hữu nghị giữa hai nước, trong những điều kiện nền kinh tế Cu-ba còn gặp nhiều khó khăn.

Ngoài ra, nhiều lĩnh vực hợp tác khác đã góp phần vào sự phát triển kinh tế của hai nước. Có thể thấy rõ điều đó qua sự tham gia của những chuyên gia Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ở Cu-ba và sự tham gia của những kỹ sư Cu-ba trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam. Nổi bật là công trình xây dựng tuyến đường cao tốc mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Hợp tác Cu-ba - Việt Nam trong các lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, y tế, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, kiểm soát môi trường, quy hoạch đô thị, v.v.. cũng đã được đẩy mạnh trong thời gian qua.

Kỳ họp liên Chính phủ lần thứ 22 và những trao đổi giữa Bộ Thương mại hai nước dự tính nâng mức mậu dịch lên ngang tầm mối quan hệ chính trị giữa hai nước.

Hai Đảng thường xuyên trao đổi về lĩnh vực tư tưởng, đấu tranh chống tham nhũng và lĩnh vực quan hệ đối ngoại.

Đồng hoạt động trong quan hệ đối ngoại và đồng ý kiến trong những phương diện chính của hoàn cảnh chính trị quốc tế phức tạp hiện nay là thể hiện quan trọng trong quan hệ giữa Cu-ba và Việt Nam. Cả hai nước đều hợp tác trong nhiều lĩnh vực khác nhau của hệ thống đa phương.

Thất chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Cu-ba và Việt Nam trong tương lai, hai nhà lãnh đạo Phi-đen Ca-xtơ-rô và Nông Đức Mạnh đều nhất trí rằng đó là một nhu cầu thiết yếu và là một nghĩa vụ lịch sử; những thế hệ trẻ phải noi gương hai vị anh hùng dân tộc Hô-xê Mác-ti và Hồ Chí Minh, phải giữ vững cao lá cờ của tình đoàn kết và tình hữu nghị của hai dân tộc, ủng hộ phong trào giải phóng, phát triển kinh tế - xã hội của thế giới thứ ba và đấu tranh chống lại sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc. □

TỪ QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA TRUNG QUỐC

NGUYỄN VĂN VINH *

NHẬN thức sâu sắc về những biến đổi của tình hình quốc tế và trong nước, Trung Quốc đã từng bước chủ động thực hiện quá trình hội nhập kinh tế quốc tế từ cuối thập niên 70 của thế kỷ XX và coi đây thực sự là một quyết sách trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. Với việc gia nhập Diễn đàn Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1991 và Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2001, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu, đưa nền kinh tế liên tục đạt tốc độ tăng trưởng cao trong hơn hai thập niên qua.

Bước vào thế kỷ XXI, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã khẳng định về việc cần thiết phải mở cửa hơn nữa theo hướng đa phương hóa, nhiều tầng nấc, nhiều lĩnh vực để tiếp tục hội nhập kinh tế thế giới sâu hơn và hiệu quả hơn. Xét về tổng thể và từ góc độ nghiên cứu, quá trình mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 1979 đến nay của Trung Quốc có thể tạm thời chia thành 2 giai đoạn chính.

Giai đoạn thứ nhất (1979-1990) là giai đoạn hội nhập theo chiều rộng, với nội dung chủ yếu là mở cửa từng bước, từ xây dựng 4 "đặc khu kinh tế mở", coi đây như là khâu đột phá cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đến mở cửa các thành phố ven biển, ven sông, các thành phố biên giới rồi lan rộng ra toàn quốc. Mục đích là nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư

nước ngoài, hướng sản xuất vào xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng lao động và nguyên liệu cao, phù hợp với lợi thế so sánh của Trung Quốc. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm lịch sử của việc phát triển kinh tế và nghiên cứu xu thế phát triển kinh tế thế giới, Trung Quốc đã áp dụng sách lược "thăm dò từng bước mở rộng, thúc đẩy từng nấc", khiến cho khu vực mở cửa đối ngoại dần dần được triển khai từ Nam lên Bắc, từ Đông sang Tây.

Giai đoạn thứ hai (từ 1990 đến nay) là giai đoạn hội nhập theo chiều sâu. Trung Quốc kết hợp giữa mở cửa theo khu vực địa lý với mở cửa theo lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ, tài chính, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động thương lượng, điều chỉnh về mặt thể chế để hội nhập khu vực và thế giới. Trung Quốc đã chuyển mạnh sang vừa mở cửa toàn diện, vừa xúc tiến điều chỉnh môi trường đầu tư, vừa nâng cao năng lực thể chế phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Ưu tiên điều chỉnh của Trung Quốc được tập trung vào việc thống nhất và tạo môi trường bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước; chuyển mạnh từ ưu đãi thuế lâu dài và theo khu vực sang ưu đãi thuế có thời hạn và theo lĩnh vực cần ưu tiên phát triển. Mức thuế quan trung bình của Trung Quốc đã giảm từ 43,2% (năm 1992) xuống

* TS, Viện đại học mở Hà Nội

17% (năm 1997) và dưới 15% (năm 2000), tức là trong vòng 8 năm thuế suất đã giảm 3 lần.

Bước sang thế kỷ XXI, Trung Quốc nhấn mạnh cần nắm thời cơ, nắm vững toàn cục, nêu rõ hơn quyết sách chiến lược tăng nhanh tốc độ mở cửa, khai thác miền Trung và miền Tây. Trong quá trình hội nhập vào các cơ cấu, thiết chế kinh tế - thương mại khu vực và thế giới, Trung Quốc đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng: Tham gia các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB); gia nhập APEC và đàm phán gia nhập WTO.

Từ khi trở thành thành viên APEC (năm 1991), thị trường và nguồn vốn nước ngoài của Trung Quốc chủ yếu là từ khu vực châu Á - Thái Bình Dương (chiếm 70% kim ngạch xuất nhập khẩu, 70% đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)). Thông qua cơ chế hoạt động của APEC, Trung Quốc đã xây dựng và phát triển mối quan hệ gắn bó với các nước thành viên trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Mốc quan trọng nhất trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc là việc nước này đã chính thức trở thành thành viên của WTO (tháng 11-2001). Đây là kết quả thắng lợi của một quá trình 15 năm (kể từ năm 1986) đàm phán và đấu tranh bền bỉ. Mặc dù phải trải qua nhiều khó khăn sóng gió trong những bước đi ban đầu, nhưng Trung Quốc vẫn nỗ lực để đạt được mục tiêu bằng cách tiến hành một loạt biện pháp mở cửa và cải cách thể chế kinh tế thị trường, tăng cường đàm phán với các bên trên những nguyên tắc cơ bản bảo vệ lợi ích quốc gia và chủ quyền đất nước. Có thể khái quát rằng, trong quá trình đó Trung Quốc đã áp dụng hai biện pháp chính:

Thứ nhất, đẩy mạnh cải cách kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, làm cho thể chế kinh tế thích ứng với yêu cầu của GATT/WTO. Mặt khác, cải cách thể chế quản lý ngoại thương, hủy bỏ trợ cấp xuất

khẩu, thực hiện tự chịu lỗ lãi. Từ năm 1994, hủy bỏ kế hoạch có tính mệnh lệnh đối với tổng mức nhập khẩu, thu ngoại hối xuất khẩu và dùng ngoại hối để nhập khẩu, thực hiện chế độ từng bước điều chỉnh tỷ giá ngoại hối cho sát với thực tế. Năm 1996, thực hiện chính sách chuyển đổi đồng nhân dân tệ trong các hạng mục thông thường.

Thứ hai, từng bước mở cửa thị trường một cách cân bằng. Để đạt được tiêu chuẩn gia nhập WTO, từ năm 1992 đến năm 1997, Trung Quốc đã 5 lần hạ thấp tỷ lệ thuế quan với phạm vi lớn. Mức chung của thuế quan từ 46% giảm xuống còn 17% (năm 1999), 13-15% (năm 2000) để đến năm 2005 bình quân thuế quan các sản phẩm công nghiệp giảm còn 10,8%. Trung Quốc dần dần hủy bỏ những quy định phi thuế quan như cô-ta, giấy phép xuất nhập khẩu, v.v..

Hơn hai thập niên mở cửa đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, đời sống kinh tế - xã hội, văn hóa và trình độ khoa học, kỹ thuật, công nghệ của Trung Quốc đã đạt được những bước phát triển chưa từng thấy, nhiều năm liền là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi của việc gia nhập WTO, Trung Quốc cũng đứng trước nhiều thách thức to lớn. Trở thành thành viên của WTO cũng có nghĩa là phải giữ được sự cân bằng giữa nghĩa vụ và quyền lợi. Căn cứ vào yêu cầu "cho phép vào thị trường", sản phẩm và dịch vụ của nước ngoài có sức cạnh tranh mạnh sẽ thâm nhập vào thị trường trong nước, gây nhiều tác động và ảnh hưởng lớn đối với các ngành sản xuất. Mặt khác, thể chế quản lý kinh tế của Trung Quốc vẫn còn một số bất cập trong cơ chế đầu tư, nhập khẩu, ngân hàng, tài chính, thuế và trong chính sách giá cả... Trong điều kiện không còn những biện pháp bảo hộ, ngành công nghiệp Trung Quốc sẽ phải cạnh tranh gay gắt với ngành công nghiệp của các nước phát triển trên thị trường, đặc biệt là một số ngành có giá trị gia tăng cao, gia công phức tạp như máy tính, ô-tô, thiết bị

thông tin... vì quy mô sản xuất và chất lượng kỹ thuật của Trung Quốc chưa thể vượt được các nước phương Tây. Ngoài một số ít các ngành, sản phẩm cụ thể được nhà nước bảo hộ đặc biệt (cũng chỉ có tính chất nhất thời), còn tuyệt đại đa số sẽ mất đi lá chắn bảo hộ, hoàn toàn đặt mình vào môi trường cạnh tranh quốc tế khốc liệt.

Bên cạnh đó, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Trung Quốc đã phải tiến hành điều chỉnh cơ cấu, trong đó rất chú trọng cải cách các doanh nghiệp nhà nước, điều chỉnh cơ cấu đào tạo nguồn nhân lực. Theo ước tính, hơn 30% số doanh nghiệp nhà nước phải đóng cửa, mạnh dạn chấp nhận tình trạng gia tăng số người thất nghiệp trong khu vực nhà nước. Đồng thời, khoảng cách chênh lệch giữa các tầng lớp dân cư, giữa thành thị với nông thôn, giữa các địa phương miền Đông (nơi được hưởng nhiều lợi ích từ việc mở cửa) với miền Tây (chưa mở cửa được nhiều) vẫn còn khá lớn (câu khái quát là tình trạng Đông phú, Tây bần). Tình trạng tham nhũng, lợi dụng mở cửa để làm ăn phi pháp, trục lợi cá nhân bất chính khá trầm trọng, gây ra nhiều bất bình trong nhân dân.

Nếu nói đến bài học kinh nghiệm có thể rút ra được từ thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế của Trung Quốc trong hơn hai thập niên qua để các nước đang phát triển nói chung và đối với nước ta nói riêng tham khảo, thì trước hết là:

1 - Mở cửa đối ngoại để hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả là chiến lược quan trọng để phát triển đất nước. Trung Quốc luôn xác định, mở cửa đối ngoại là quốc sách cơ bản, sẽ luôn song hành trong suốt chiều dài xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

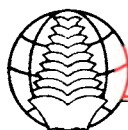
2 - Trong quá trình mở cửa, Đảng Cộng sản Trung Quốc luôn nắm vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện. Sự lãnh đạo đó không những khắc phục được những tư tưởng giáo điều, xơ cứng, chủ quan duy ý chí, mà còn tập hợp được lực lượng, phát huy sức mạnh tổng hợp của khối quần chúng đông đảo, phát huy

dân chủ và sức sáng tạo của quần chúng để có sách lược linh hoạt trong từng thời kỳ, từng giai đoạn, kịp thời điều chỉnh những vấn đề bất cập, chưa sát hợp với thực tiễn.

3 - Sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất trong bối cảnh toàn cầu hóa khiến cho giao lưu kinh tế thế giới mang tính phổ biến. Mặt khác, thế giới ngày nay đang tồn tại nhiều chế độ xã hội khác nhau. Chủ nghĩa đế quốc vẫn ráo riết đẩy mạnh "diễn biến hòa bình" nhằm từng bước thủ tiêu chế độ chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa. Do vậy, giao lưu quốc tế về các mặt, tham gia cạnh tranh kinh tế quốc tế, áp dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến là những quá trình hết sức phức tạp. Nếu không đánh giá, xem xét một cách thận trọng sẽ bị thua thiệt, nhưng nếu quá thận trọng, thiếu tỉnh táo thì dễ bị mất thời cơ, kìm hãm sự phát triển. Người Trung Quốc xác định hội nhập kinh tế quốc tế chỉ là một phương tiện chứ không phải là mục đích tối cao duy nhất cho nên rất cần có sự nghiên cứu và áp dụng phù hợp theo từng giai đoạn khác nhau, với các mức độ nông sâu khác nhau.

4 - Mở cửa đối ngoại dựa trên cơ sở phát huy sức mạnh bên trong (nội lực) thông qua cải cách, đồng thời cải cách là để mở cửa được nhiều hơn. Trong quá trình mở cửa, Trung Quốc hết sức chú trọng bảo vệ lợi ích và chủ quyền quốc gia, không mở cửa bằng mọi giá. Cái gì có thể nhân nhượng để thu hút đầu tư nước ngoài, có lợi cho phát triển kinh tế thì có thể nhân nhượng, nhưng những gì thuộc về nguyên tắc thì không thể nhân nhượng.

5 - Bên cạnh việc nhấn mạnh mở cửa toàn diện, Trung Quốc cũng rất chú ý đến trọng điểm. Hiện nay, Trung Quốc nhấn mạnh trọng điểm mở cửa chủ yếu gồm: mở cửa với các nước có trình độ phát triển cao về kinh tế, khoa học, kỹ thuật và công nghệ, chú trọng mở cửa với khu vực châu Á - Thái Bình Dương; trên cơ sở đó góp phần tích cực vào việc thúc đẩy hội nhập kinh tế trên toàn thế giới. □



VIỆT NAM NĂM 2004

QUA CON MẮT NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

KHÔNG chỉ đạt được thành tựu nổi bật trong lĩnh vực đối ngoại (như đăng cai và tổ chức thành công Hội nghị ASEM 5), năm 2004 còn là năm Việt Nam đạt được nhiều thành tựu nổi bật trên tất cả các lĩnh vực. Những thành tựu này đã tạo sự phấn khởi trong nhân dân và góp phần nâng cao vị thế của nước ta trong khu vực và trên thế giới. Điều đó đã được thể hiện qua đánh giá của bạn bè quốc tế.

Thứ nhất: Nền kinh tế phát triển không thể ngăn cản!

Giới thiệu về nền kinh tế Việt Nam, tờ *Nhà kinh tế* của Mỹ, số ra ngày 6-5-2004, bình luận rằng, sau Trung Quốc, Việt Nam có nền kinh tế phát triển tốt nhất châu Á với tăng trưởng bình quân 7,4% trong thập niên vừa qua. Cho đến nay, nền kinh tế Việt Nam phát triển không ngừng cản được, bất chấp cả dịch SARS năm 2003 và dịch cúm gia cầm năm 2004. Cải cách nông nghiệp đã khởi động sự bùng nổ tăng trưởng, nhưng gần đây, xuất khẩu đã bắt đầu dẫn dắt nền kinh tế. Sự đa dạng trong xuất khẩu giúp cân đối lại sự dao động trong một loạt sản phẩm xuất khẩu. Các doanh nghiệp nhỏ cũng phát triển mạnh.

Tạp chí *Tem-pô* của In-đô-nê-xi-a, số ra cuối tháng 10-2004, đã đăng bài viết ca ngợi Việt Nam với tựa đề: *Việt Nam - con rồng đang trỗi dậy*. Bài báo viết: "Luồng gió trong lành xuất hiện ở Việt Nam từ năm 1986 khi Việt Nam quyết định tiến hành *Đổi mới*, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa, cải tiến các quy định và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Những biện pháp này đã và đang làm thay đổi diện mạo của Việt Nam. Về kinh tế, Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến vượt bậc... Từ một nước phải nhập khẩu lương thực, Việt Nam đã vươn lên thành một trong những nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới. Ngành du lịch Việt Nam cũng đang phát triển mạnh. Việt Nam có nhiều điểm du lịch thơ mộng và lãng mạn, như Sa Pa với nhiều nét văn hóa truyền thống, trang phục độc đáo của các dân tộc miền núi; cảnh đẹp thiên nhiên trên đỉnh Phan-xi-păng với những thửa ruộng bậc thang đầy ấn tượng". Bài báo kết luận: "Công cuộc đổi mới đang biến Việt Nam thành con rồng nhỏ" của châu Á.

Một trong những nước phát triển nhanh nhất châu Á là nhận định về Việt Nam của tờ *Kinh tế* (Anh) số ra gần đây. Tờ báo cho rằng, Việt Nam hiện đang là một trong những nước có tốc độ phát triển nhanh nhất tại châu Á với tỷ lệ tăng trưởng kinh tế trung bình trong hai năm qua là 7,4%. Cách đây gần một thập niên, Ngân hàng thế giới (WB) cho biết, có khoảng 58% dân số Việt Nam sống ở mức nghèo khổ. Thế nhưng chỉ hai năm trở lại đây, tỷ lệ này đã giảm xuống chỉ còn 29%. Một trong những lý do đưa đến thành công vượt bậc này là Chính phủ Việt Nam đã thi hành chính sách cải cách nông nghiệp hợp lý, cung cấp đất đai canh tác cho dân nghèo. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ngày càng tăng nhờ có

đội ngũ nhân công rẻ, hiệu quả. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài đổ vào thị trường Việt Nam trong những năm qua cũng không ngừng gia tăng, khiến cho tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vươn lên mạnh mẽ trong khu vực.

Việt Nam thành công trên nhiều phương diện là nhận xét của cựu Phó thủ tướng Ba Lan, G. Cô-lô-cốp (một chuyên gia kinh tế nổi tiếng thế giới), về những thành tựu vượt bậc của công cuộc đổi mới tại Việt Nam. G. Cô-lô-cốp cũng bày tỏ sự thân phục về chính sách ổn định hóa của Việt Nam và cho rằng, các chính sách này đã thành công trên nhiều phương diện. Theo Ông, thành công lớn nhất mà Việt Nam đạt được là tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong gần 20 năm qua (GDP tăng gần 3 lần). Điều này được thể hiện qua mức sống của người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Việt Nam không những bảo đảm nền kinh tế phát triển ổn định mà còn giảm được lạm phát xuống mức thấp. Ngoài ra, việc Việt Nam đang chuyển đổi mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường cũng là một thành công lớn. Nguyên nhân quan trọng dẫn đến thành công này là do Việt Nam đã xác định được tầm nhìn đúng đắn, và các nhà lãnh đạo cũng như các nhà hoạch định chính sách Việt Nam đã nhận thức rõ tầm nhìn đó.

Kinh nghiệm đổi mới của Việt Nam rất giá trị là nhận xét của Tổng Bí thư Đảng những người Cộng sản I-ta-li-a (PdCI), Di-li-béc-tô, khi trả lời phỏng vấn của phóng viên Thông tấn xã Việt Nam mới đây, tại Rô-ma (I-ta-li-a). Ông đánh giá cao đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng từ năm 1986 và cho rằng, những kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chứng tỏ, chỉ có sự đổi mới mang tính nguyên tắc mới có thể bảo vệ được chủ quyền dân tộc. Một kinh nghiệm đáng quý là, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chú trọng tới sự phát triển đất nước, đồng thời kiên quyết bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống mọi mặt của người lao động.

Tấm gương sáng cho các nước đang phát triển là nhận xét của Tổng thống Buốc-ki-na Pha-xô, Blai-dơ Công-pa-ô-rê, nhân chuyến thăm hữu nghị chính thức Buốc-ki-na Pha-xô của Phó chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa. Tổng thống Blai-dơ Công-pa-ô-rê bày tỏ sự khâm phục đối với cuộc đấu tranh anh dũng vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam trước đây, và ca ngợi những thành tựu quan trọng trong công cuộc đổi mới, trong chính sách đối ngoại độc lập, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ gần hai thập niên qua. Tổng thống Blai-dơ Công-pa-ô-rê coi Việt Nam là tấm gương sáng cổ vũ các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước châu Phi. Tổng thống tin tưởng rằng, nhân dân Việt Nam, với truyền thống lao động cần cù và sáng tạo, nhất định sẽ đạt nhiều thành tựu mới to lớn hơn nữa trong sự nghiệp đổi mới.

Thứ hai: Xóa đói giảm nghèo - ngôi sao đang lên!

Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc xóa đói giảm nghèo là nhận xét của bà Bê-la-bét Bóc, Giám đốc văn phòng Bộ Phát triển quốc tế Anh tại Việt Nam. Phát biểu nhân dịp Hội nghị giữa kỳ các nhà tài trợ cho Việt Nam, Bê-la-bét Bóc ca ngợi thành tích xóa đói giảm nghèo của Chính phủ ta và nhấn mạnh: Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc giảm nghèo, là một trong những nước đứng đầu thế giới về nỗ lực xóa đói giảm nghèo. Bê-la-bét Bóc cũng nhận xét, Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực không nhỏ và đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc cải thiện các quyền dân sự của người dân về y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo.

Tỷ lệ đói nghèo giảm hơn 50%. Trong hai ngày, từ ngày 10 đến 11-6-2004, tại Hà Nội đã diễn ra hội thảo quốc tế với chủ đề "Xóa đói giảm nghèo: Kinh nghiệm Việt Nam và một số nước châu Á" trong khuôn khổ Diễn đàn Đối thoại hợp tác châu Á (ACD). Hơn 100 đại biểu quốc tế và trong nước đã thảo luận, trao đổi kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo của các nước

thuộc ACD, đặc biệt là thành tích ấn tượng mà Chính phủ Việt Nam đã đạt được. Các đại biểu nhận xét, phát triển kinh tế đi đôi với xóa đói giảm nghèo là hai bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Chính vì vậy, trong hai thập niên qua, tỷ lệ đói nghèo ở Việt Nam đã giảm hơn 50%; khoảng cách phát triển giữa các vùng trong nước ngày càng được thu hẹp. Cộng đồng quốc tế và các nhà tài trợ đánh giá rất cao Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo của Việt Nam và đang tăng cường trợ giúp Việt Nam trong các nỗ lực nhằm phát triển toàn diện và bền vững.

Ngôi sao đang lên ở Đông - Nam Á là nhận định của A-lê-dan-đo trên tờ Diễn đàn (Tribune), ngày 26-7-2004. Đây là bài phân tích bức "Thông điệp quốc gia" của Tổng thống Phi-líp-pin A-rô-giô. Tác giả nhận định, muốn xóa bỏ đói nghèo và tạo ra nhiều việc làm, Phi-líp-pin phải thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa như mô hình của Việt Nam. Tác giả ca ngợi, trong 10 năm, Việt Nam đã giảm được 1/2 mức nghèo khó, từ 60% xuống còn 30%. Đồng thời, đã duy trì được mức tăng trưởng 7,4% trong suốt thời gian đó.

Việt Nam đạt được bước tiến ấn tượng về xóa đói giảm nghèo là nhận xét của Trợ lý Tổng thư ký Liên hợp quốc, TS. Ha-phi Pa-xa. Trong buổi gặp gỡ với các cán bộ cao cấp của một số bộ, ngành Việt Nam để trao đổi về một số thách thức mà Việt Nam đang phải đối mặt, TS. H. Pa-xa nhận xét, Việt Nam đã đạt được những bước tiến đầy ấn tượng trong lĩnh vực xóa đói giảm nghèo và phát triển con người. TS. H. Pa-xa cam kết, Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) sẽ tập trung giúp Việt Nam thúc đẩy quá trình phát triển cân bằng và bền vững, cũng như tiếp tục hỗ trợ các hoạt động cải cách về quản lý quốc gia.

Việt Nam đạt thành tựu to lớn trong phát triển nông nghiệp là nhận xét của ông Rôn Can-trên, Tổng giám đốc Viện nghiên cứu lúa

quốc tế (IRRI), trong chuyến thăm, làm việc tại nước ta. R. Can-trên bày tỏ ấn tượng sâu sắc về những thành tựu to lớn mà nhân dân ta đã giành được trong công cuộc đổi mới, nhất là trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp và xóa đói giảm nghèo. Tổng giám đốc IRRI nhấn mạnh, từ một nước nhập khẩu lương thực, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới. Đạt được thành tựu này là do Việt Nam có nhiều tiềm năng về nông nghiệp, đồng thời lại có chính sách phát triển đúng hướng, hiệu quả và có một đội ngũ chuyên gia nhiều kinh nghiệm. R. Can-trên cũng bày tỏ tin tưởng rằng, quan hệ hợp tác truyền thống giữa IRRI và Việt Nam sẽ ngày càng mở rộng và phát triển.

Thứ ba: Thị trường hấp dẫn nhất khu vực!

Việt Nam là thị trường hoạt động tốt nhất châu Á là nhận định được đưa ra trong báo cáo mới nhất của Ngân hàng thế giới (WB) về các nền kinh tế khu vực Đông Á - Thái Bình Dương. WB đánh giá, mặc dù quá trình cải tổ các xí nghiệp quốc doanh và ngân hàng thương mại quốc doanh ở Việt Nam diễn ra chậm hơn so với mong đợi, song Chính phủ Việt Nam đã có nhiều thay đổi mạnh mẽ trong chính sách chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước lớn và có các bước đi tích cực nhằm thúc đẩy thị trường chứng khoán còn non trẻ. Các quan chức WB khẳng định rằng, thị trường Việt Nam đã và đang là thị trường hoạt động tốt nhất châu Á trong năm 2004.

Điểm hấp dẫn các nhà đầu tư Thụy Sĩ là nhận định của *Swissinfo* - cơ quan thông tin của Thụy Sĩ. *Swissinfo* cho rằng, Việt Nam đang là một trong những nước có tốc độ phát triển kinh tế cao. Nhiều công ty lớn của Thụy Sĩ, như Nestle và Novatis, đã có mặt ở Việt Nam, nhưng các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào đây còn khá khiêm tốn. *Swissinfo* cho biết, các nhà kinh tế Thụy Sĩ đánh giá rằng, Việt Nam đang có một bước nhảy vọt về kinh tế tương tự như Trung Quốc. 60% dân số Việt Nam đang

ở độ tuổi dưới 30, đội ngũ công nhân được đào tạo tốt, những thủ tục hành chính đơn giản đang là những điểm mạnh của Việt Nam.

Dan Mạch coi Việt Nam là thị trường ưu tiên, giàu tiềm năng. Tại các buổi tiếp xúc và làm việc với Phó thủ tướng Vũ Khoan, trong thời gian Phó thủ tướng ở thăm Đan Mạch, từ ngày 15 đến 16-11-2004, các nhà lãnh đạo Đan Mạch đã đánh giá cao những thành tựu đổi mới, hội nhập quốc tế của Việt Nam. Các nhà lãnh đạo Đan Mạch khẳng định, trong những năm tới, Đan Mạch sẽ tiếp tục ưu tiên viện trợ phát triển cho Việt Nam trong các lĩnh vực nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo, y tế, giáo dục, thủy sản, cải cách hành chính, tư pháp, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời khuyến khích các công ty Đan Mạch tăng cường đầu tư, buôn bán với Việt Nam. Hiện nay, nhiều tập đoàn lớn của Đan Mạch coi Việt Nam là thị trường ưu tiên, có nhiều tiềm năng, do đó muốn mở rộng quy mô hợp tác trên cơ sở lâu dài và cùng có lợi. Đan Mạch cũng cam kết tiếp tục ủng hộ Việt Nam sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tăng cường quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với EU.

Nơi các nhà đầu tư Đức được tạo điều kiện nhất châu Á là nhận định của Đại sứ Đức tại Việt Nam, L.W. Löt-sơ. Nhân cuộc gặp gỡ giữa các doanh nghiệp Đức và Việt Nam trong lĩnh vực chế tạo máy và thiết bị, ngày 22-11-2004, Đại sứ Đức nhấn mạnh, chưa có nước thứ hai nào ở châu Á tạo được những điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư Đức như ở Việt Nam. Với thị phần 26%, Đức là một trong những đối tác thương mại lớn nhất của châu Âu ở Việt Nam.

Một trong bốn quốc gia được các nhà đầu tư Nhật Bản ưu ái là kết quả điều tra về hoạt động kinh doanh ở nước ngoài của các công ty Nhật Bản (JBIC). Trong cuộc điều tra này, Việt Nam được các nhà đầu tư Nhật Bản xếp thứ 4 trong số 10 nước có nhiều triển vọng nhất đối với các hoạt động kinh doanh ở nước ngoài của họ. Ba

nguyên nhân chính để Việt Nam được đánh giá cao là: lực lượng nhân công rẻ, thị trường tiềm năng lớn mạnh và nguồn nhân lực giỏi. Bên cạnh những thành tựu phát triển kinh tế ấn tượng gần đây, sự ổn định chính trị - xã hội và những điều kiện ưu đãi của Chính phủ Việt Nam được coi là những yếu tố quan trọng và là điều kiện tiên quyết thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ tư: Điểm đến an toàn và thú vị đối với du khách quốc tế!

Điểm đến đầy hứa hẹn với du khách nước ngoài là nhận xét của Hãng thông tấn Tây Ban Nha (EFE) trong *Bản tin điện tử* ngày 9-11-2004. Bài báo ca ngợi cảnh quan tươi đẹp của đất nước Việt Nam và lòng hiếu khách của con người Việt Nam, và xem đây là hai yếu tố cơ bản thúc đẩy nền du lịch Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong nhiều năm qua. Bài báo viết: "Đến Việt Nam ngày nay, không ai có thể nhận ra đây là đất nước đã từng bị hai cuộc chiến tranh tàn phá. Đó là một đất nước tươi đẹp với nhiều ngôi nhà khang trang, đường phố sạch đẹp và những người dân đón khách với nụ cười thường trực trên môi". Theo bài báo, với nhiều cảnh quan tươi đẹp và lòng hiếu khách, Việt Nam sẽ là điểm đến đầy hứa hẹn với khách du lịch nước ngoài.

Điểm hấp dẫn các du khách Nhật Bản là nhận xét của tờ *Asahi* (Nhật Bản), số ra ngày 28-5-2004. Tờ báo viết: "Sau khi xảy ra dịch SARS và cúm gia cầm, lượng khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam đang tăng trở lại, đặc biệt là khách du lịch Mỹ và Nhật Bản. Năm 2003, có 219 nghìn du khách Mỹ và 209 nghìn du khách Nhật Bản đã chọn Việt Nam làm điểm đến. Từ đầu năm 2004 đến nay, đã có 97 nghìn du khách Nhật Bản đến Việt Nam, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm ngoái". Tờ báo cũng cho biết, theo các công ty du lịch Nhật Bản, Việt Nam hiện đang trở thành điểm hấp dẫn du khách Nhật Bản vì có nhiều phong cảnh đẹp, nền

văn hóa đặc sắc, con người thân thiện và giá cả sinh hoạt thấp.

Trong khi đó, mạng phân tích tin *Oxford Analytika* (OA), ngày 7-12-2004, đánh giá rằng, *Việt Nam đang dẫn đầu khu vực Đông - Nam Á trong việc phục hồi các hoạt động của ngành du lịch*. Theo OA, kết quả này là nhờ những thành công của Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, chẳng hạn như: Việt Nam là quốc gia đầu tiên trong khu vực tuyên bố khống chế được dịch SARS; được thế giới đánh giá là một trong những điểm đến an toàn nhất ở châu Á... Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam cũng đã thực hiện một số sáng kiến để thu hút du khách, như: rút ngắn thời gian và chi phí trong việc cấp thị thực nhập cảnh, xóa bỏ cơ chế đánh thuế hai lần của Hãng hàng không quốc gia Việt Nam, đầu tư mua máy bay mới để lập các đường bay trực tiếp đến các thị trường nước ngoài. Những nỗ lực này đã tạo nên sự bùng nổ về số lượng khách du lịch đến Việt Nam trong năm 2004, với kết quả, chỉ trong 8 tháng đầu năm 2004, số lượng du khách đến Việt Nam đã tăng 30% so với cùng kỳ năm ngoái.

Việt Nam là điểm đến an toàn và thú vị đối với du khách quốc tế là nhận định của báo *Nước Mỹ ngày nay*, số ra ngày 10-12-2004. Trong bài báo "Chào Việt Nam", *Nước Mỹ ngày nay* (tờ báo có số lượng phát hành lớn nhất nước Mỹ) đã giới thiệu với du khách Mỹ về Việt Nam, điểm đến đang thu hút số lượng du khách ngày càng nhiều từ khắp nơi trên thế giới. Nhân dịp Hãng hàng không United Airlines có chuyến bay thương mại đầu tiên từ thành phố Xan Phran-xi-xcô đến thành phố Hồ Chí Minh (ngày 9-12-2004), tờ báo muốn gửi thông điệp đến du khách Mỹ là: "Việt Nam là điểm đến an toàn, thú vị với dịch vụ du lịch ngày càng hoàn thiện, phong phú, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch Mỹ". "Chào Việt Nam" còn muốn giới thiệu với du khách Mỹ rằng, Việt Nam là một quốc gia vẫn giữ được những nét đặc sắc, riêng biệt của một nước nông nghiệp châu Á đang trên đường đổi mới và hội

nhập. Người dân Việt Nam luôn vui vẻ, thân thiện, có thái độ "gác lại quá khứ, hướng tới tương lai" trong cư xử với du khách Mỹ.

Việt Nam đã khắc sâu trong tâm trí người Pháp là cảm tưởng của Phó thị trưởng thành phố Mác-xây (Pháp), A. Man-rê, tại Lễ khai mạc "Ngày Việt Nam tại Pháp" ở thành phố Mác-xây - một hoạt động nhằm giới thiệu và quảng bá nền văn hóa, du lịch và kinh tế của Việt Nam. Phó thị trưởng thành phố Mác-xây nói rằng, Việt Nam đã khắc sâu trong trái tim của những người Pháp. Ngày Việt Nam tại Mác-xây lần này diễn ra sau khi Tổng thống Pháp kết thúc tốt đẹp chuyến thăm Việt Nam và sau khi Việt Nam đã tổ chức rất thành công Hội nghị Cấp cao ASEM 5. Đây là dịp để hai nước phát triển về chiều sâu các mối quan hệ và trao đổi, tạo điều kiện cho nhân dân hai nước hiểu nhau hơn. A. Man-rê nhấn mạnh, quan hệ giữa Việt Nam và Pháp là mối quan hệ của trái tim, là một trong những mối quan hệ mạnh mẽ nhất. Bởi vì, nhân dân Việt Nam và nhân dân Pháp có cùng một mối quan tâm đến bản sắc dân tộc, văn hóa, di sản lịch sử... A. Man-rê khẳng định, thành phố Mác-xây sẽ huy động mọi sức lực vì sự tiến bộ và phồn vinh của đất nước Việt Nam tươi đẹp.

Việt Nam như quê hương thứ hai của tôi là cảm tưởng của ông A. Ta-ta-ri-nốp, Đại sứ Liên bang Nga tại Việt Nam. Trong cuộc Gặp mặt truyền thống lần thứ IX những người đã từng học tập, công tác tại Liên Xô, tối 7-11-2004, A. Ta-ta-ri-nốp nói: "Tôi sắp phải từ biệt Hà Nội để trở về Mát-xcơ-va nhận nhiệm vụ mới sau 30 năm gắn bó với Việt Nam. Tôi sang đây công tác từ năm 21 tuổi và Việt Nam đã thực sự trở thành quê hương thứ hai của tôi. Trước các bạn, tôi xin hứa, sau khi rời Việt Nam, dù ở bất cứ cương vị nào tôi vẫn sẽ tiếp tục cống hiến để thắt chặt mối quan hệ truyền thống giữa hai nhà nước, hai dân tộc chúng ta". □

TUẤN ANH

(Tổng thuật)



BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐIỆN THOẠI TÂY THÀNH PHỐ

WESTERN HO CHI MINH CITY TELEPHONE COMPANY-WHTC

Số 02 Hùng Vương, phường 1, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-8 336 666 - Fax: 08-8 396 688

E-mail: whtc@hcmpt.com.vn - Website : <http://www.whtc.com.vn>



CÔNG TY ĐIỆN THOẠI TÂY THÀNH PHỐ

Trân trọng cảm ơn Quý khách hàng
đã quan tâm và tin nhiệm sử dụng dịch vụ điện thoại cố định
của Công ty chúng tôi trong năm vừa qua.

Nhân dịp năm mới 2005, Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên

Kính chúc Quý khách hàng một năm mới

An Khang - Thịnh Vượng

Chúng tôi rất hân hạnh được tiếp tục phục vụ Quý khách trong thời gian tới
và mong ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm và ủng hộ của Quý khách.

Trân trọng kính chào

SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG LÀ MỤC TIÊU CỦA CHÚNG TÔI



TRUNG TÂM TRIỂN LÃM VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

VIETNAM EXHIBITION CENTRE FOR CULTURE & ART (VECCA)

Địa chỉ: Số 2, đường Hoa Lư (Vân Hồ), Hà Nội * Điện thoại: 04.8 215 202, 9 764 104, 9 763 804

Fax: 04.8 215 968 * E-mail: trienlamvanho@hn.vnn.vn



Giám đốc: TS NGUYỄN TRUNG NHẬT

Chúc Mừng
Năm Mới
Xuân Ất Dâu

TRUNG TÂM TRIỂN LÃM VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

Là đơn vị sự nghiệp văn hóa - thông tin thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin

Tổ chức triển lãm, hội chợ - triển lãm tổng hợp, chuyên đề, chuyên ngành về văn hóa - nghệ thuật, chính trị, xã hội, giáo dục, khoa học công nghệ và kinh tế ở trong và ngoài nước.

Tổ chức các hoạt động giao lưu giới thiệu văn hóa nghệ thuật các dân tộc Việt Nam ở trong và ngoài nước.

Tổ chức các hoạt động dịch vụ triển lãm, giao lưu văn hóa nghệ thuật, hội chợ-triển lãm và các dịch vụ khác cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

Thực hiện giao lưu hợp tác với các tổ chức, cá nhân nước ngoài để tổ chức các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của Trung tâm ở trong nước và quốc tế.



TRUNG TÂM TRIỂN LÃM VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

THÀNH LẬP TỪ NĂM 1958 ĐÃ XÂY DỰNG LẠI HIỆN ĐẠI

- ☐ Diện tích trưng bày hơn 4.000m² trong nhà và 5.000m² ngoài trời với trang thiết bị triển lãm - hội chợ tiêu chuẩn quốc tế.
- ☐ Phòng hội thảo, họp báo và biểu diễn nghệ thuật 300 chỗ với hệ thống thiết bị âm thanh ánh sáng hiện đại.
- ☐ Nhà triển lãm 29 Hàng Bài, Hà Nội với diện tích 400m² từ 40 năm nay là nơi tổ chức các cuộc triển lãm trong nước và quốc tế đã được trang thiết bị triển lãm hiện đại.

Địa chỉ :183 Nguyễn Văn Cừ - phường An Hòa - quận Ninh Kiều - TP Cần Thơ
Điện thoại: 071.891690 * Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc: **NGUYỄN VĂN ĐÀU**

Chúc Mừng Năm Mới Xuân Ất Dậu

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Xây dựng dân dụng, công nghiệp.

Các công trình cấp thoát nước.

Khoan giếng.

Xây dựng cầu đường.

Xây lắp điện.

Xây dựng và cải tạo công trình thủy lợi.

Sửa chữa điện, lắp đặt hệ thống cứu hỏa.

Các công trình do công ty xây lắp bảo đảm chất lượng, được chủ đầu tư và nhân dân đánh giá cao, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề, giá thành hợp lý.

**CÔNG
TY
CỔ
PHẦN
ĐẠI
LỢI**



CÔNG TY CAO SU DAKLAK DAKLAK RUBBER COMPANY

Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak. *Điện thoại: 050 865 015 * Fax: 050 865 041
Email: caosu@dng.vnn.vn * Website: http://www.dakruco.com; www.dakruco.com.vn



Đc: **NGUYỄN KHÁNH PHÙNG**
Bí thư Đảng ủy - P. Giám đốc

HOẠT ĐỘNG:

- ▲ Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su thiên nhiên
- ▲ Xuất khẩu trực tiếp và tiêu thụ nội địa cao su thiên nhiên
- ▲ Nhập khẩu vật tư

máy móc thiết bị chế biến cao-su

- ▲ Sản xuất sản phẩm gỗ và mộc gia dụng
- ▲ Thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng
- ▲ Kinh doanh khách sạn, du lịch và kho bãi

SẢN PHẨM:

- ▲ Cao su khối: SVRL, SVR3L, SVR5, SVR10, SVR20, SVR CV50, SVRCV60, SVR10CV, SVR20CV

- ▲ Hàng gỗ và mộc gia dụng

THỊ TRƯỜNG:

- ▲ Sản phẩm được xuất khẩu sang châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản, Đài Loan, Nam Mỹ, Bắc Mỹ...
- ▲ Công ty được nhận chứng chỉ hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000; Bộ phận thử nghiệm của Công ty được cấp chứng chỉ ISO/IEC 17025.

Chúc Mừng Năm Mới Xuân Ất Dậu

Công ty Cao su DakLak mong muốn hợp tác, liên doanh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước



Vườn cây KTCB



Văn phòng Công ty



Khởi công xây dựng nhà máy chế biến mủ kem



TỔNG CÔNG TY
XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP &
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CÔNG TY XÂY LẮP & VẬT TƯ XÂY DỰNG 3

ĐỊA CHỈ: 244/52A - CÁCH MẠNG THÁNG 8 -
QUẬN BÌNH THỦY - TP. CẦN THƠ

ĐIỆN THOẠI: 071. 826407 - 071. 826408

FAX: 071.826407

Email: ctylvtxd3@hcm.vnn.vn

GIÁM ĐỐC: NGÔ VĂN MƯỜI

Chúc Mừng Năm Mới 2005



CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG:

- Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến thế điện từ 35KV trở xuống.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh phát triển nhà, sửa chữa và trang trí nội thất.
- Ép và đóng cọc bê tông trong thi công xây dựng.
- Sản xuất vật liệu xây dựng.



TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM CÔNG TY CAO SU CHƯ SÊ

Địa chỉ: 420 Hùng Vương - thị trấn Chư Sê - huyện Chư Sê - tỉnh Gia Lai.

Điện thoại : (059) 851 159 - 851 059. Fax : (059) 851 744

Email: Ctycaosucs@dnv.vnn.vn



Chúc Mừng Năm Mới Xuân Ất Dậu

Công ty Cao su Chư Sê sẵn sàng hợp tác, liên doanh với các đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước

1/ Chức năng hoạt động:

- * Khai hoang, xây dựng vườn cây.
- * Trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su.
- * Thương nghiệp bán buôn và sản xuất phân bón phức hợp hữu cơ vi sinh.
- * Kinh doanh, chế biến nông sản, phát triển chăn nuôi bò giống lai sind, bò sữa.
- * Đầu tư và góp vốn các dự án xây dựng, công nghiệp, dịch vụ trong và ngoài ngành.
- * Xây lắp các công trình kiến trúc dân dụng, công nghiệp và giao thông.

2/ Các nhà máy chế biến:

- * Nhà máy chế biến cao su có công suất :6.000 Tấn/năm; dự kiến phát triển lên 12.000 tấn/năm vào năm 2005. Thiết bị, công nghệ của nhà máy được nhập từ Mã Lai, tiên tiến nhất khu vực Tây Nguyên. Sản phẩm cao su chế biến : SVR 3L; SVR 5; SVR 10; SVR 20.
- * Nhà máy chế biến sản xuất phân phức hợp hữu cơ vi sinh, hiện có công suất 12.000 tấn/năm. Sản phẩm sử dụng bốn cho các loại cây trồng : Cao su, mía, cà phê, hồ tiêu... với nguyên liệu men vi sinh được sản xuất độc quyền, có chất lượng sản phẩm cao được nhiều người sử dụng.

3/ Chăn nuôi bò :

- Phát triển trại giống bò lai sind, bò sữa với quy mô trên 200 ha; tổng đàn đạt 400 đến 500 con giống/năm. Phát triển đàn bò lai trong hộ CB-CNV : 2.500 con bò cái nền lai sind (F1&F2).



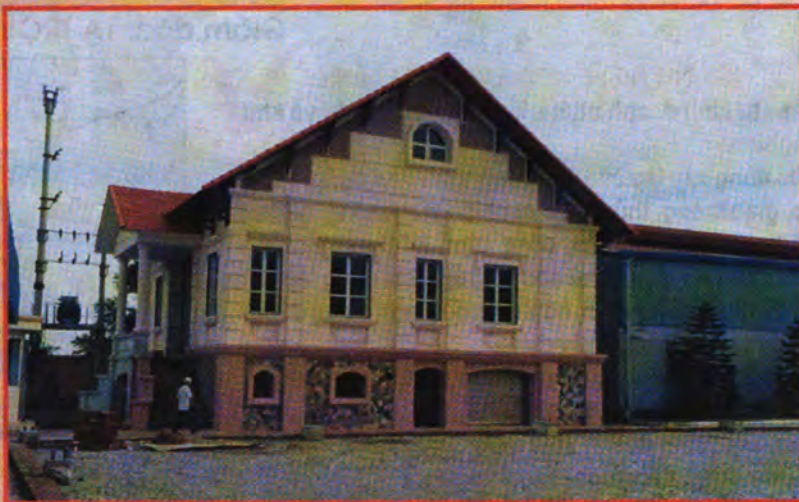
BI CO CÔNG TY TNHH BÌNH KHÁNH

Địa chỉ: Lô 15 Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng * ĐT: 84-31.742 927 - 742 925

Fax: 84-31.742 926 * Email: binhkhanhco@hn.vnn.vn

Giám đốc: **LÊ BẮC DŨNG**

Công ty TNHH Bình Khánh được thành lập ngày 23 - 11 - 1991. Khởi điểm là một xưởng sửa chữa ô-tô - xe máy nhỏ. Đến nay, Công ty đã trở thành một doanh nghiệp có vị thế của thành phố Hải Phòng và đang có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển chung của thành phố.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ✧ Sản xuất sản phẩm cơ khí dân dụng công nghiệp: Khung nhà thép tiền chế, sản phẩm bằng nhựa.
- ✧ Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, điện trung hạ thế, cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng và nạo vét đường sông, kênh, mương, ao hồ.
- ✧ Sản xuất nước uống tinh khiết, sản xuất chất tẩy rửa bề mặt sản phẩm da thuộc.
- ✧ Kinh doanh nhà hàng dịch vụ ăn uống.

— 2005 —

Digitized by Google



ISO 9001: 2000



TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD1

HUDI INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 168 đường Giải Phóng - Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: 04 - 8 606 539 - 8 686 559 * Fax: 04 - 8 686 557

Chủ tịch HĐQT: **NGUYỄN ĐĂNG NAM**

Giám đốc: **TẠ TRỌNG TẤN**

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp.

- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và khu công nghiệp. Thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng.

- Tư vấn thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng

- Xuất khẩu lao động, xuất khẩu xây dựng.

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.



CHUNG CƯ CAO TẮNG B7 - B10 KIM LIÊN



Chúc mừng năm mới

FICO

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1



Since 1950

CÔNG TY SỬ

Thiên Thanh



ISO 9001:2000



DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN

**Chúc Mừng Năm Mới
Ất Dậu 2005**



Địa chỉ: 59 Ngô Tất Tố, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại: (84-8) 8400593 - 8990692 - 8993126
Fax: (84-8) 8990095
Email: thienthanh@hcm.vnn.vn
Website: www.thienthanhvn.com

Digitized by Google



BIDV

CƠ HỘI TRÚNG XE TOYOTA ALTIS

cùng nhiều giải thưởng khác
VỚI TIẾT KIỆM DỰ THƯỜNG



01 Giải đặc biệt:
TOYOTA ALTIS



03 Giải Nhì:
xe máy Attila



06 Giải Nhì:
ti vi SONY 29 inch

- 010 Giải ba: 5 triệu đồng bằng tiền mặt
- 0100 Giải tư: 3 triệu đồng bằng tiền mặt
- 0300 Giải năm: 1 triệu đồng bằng tiền mặt
- 01000 Giải khuyến khích: 500 ngàn đồng bằng tiền mặt

cứ 100.000 số dự thưởng đã có 1.420 giải thưởng trị giá 1,8 tỉ đồng
Cơ hội trúng giải thưởng lớn nhất!

Điều kiện tham gia:

- Khách hàng tham gia là cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài đang sinh sống và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Thời gian, địa điểm:

- 60 ngày, kể từ ngày 15/11 đến ngày 15/01/2005, tại tất cả các chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trên toàn quốc.

Nội dung chương trình:

- Ứng với mỗi mức tiền gửi tối thiểu và kỳ hạn nhất định, khách hàng sẽ được cấp một số dự thưởng. Càng gửi nhiều, khách hàng càng nhận được nhiều số dự thưởng bằng bội số của số tiền gửi tối thiểu ứng với kỳ hạn gửi, loại tiền gửi quy định, cụ thể như sau:

Kỳ hạn	Mức tiền gửi tối thiểu		Lãi suất (%/năm)	
	VND	USD	VND	USD
3 tháng	30.000.000	3.000	6,60	1,39
6 tháng	15.000.000	1.500	6,96	1,61
9 tháng	10.000.000	1.000	7,44	1,72
12 tháng	8.000.000	800	7,56	2,24
13 tháng	7.000.000	-	7,80	-
24 tháng	-	400	-	2,90

Lãi suất hấp dẫn, cơ hội trúng thưởng cao!

Chi tiết xin liên hệ:

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Bank for Investment and Development

Địa chỉ: 194 Lê Lợi, Hà Nội
4 826 759



HUYỆN TAM NÔNG

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN



Địa chỉ: Thị trấn Hưng Hóa - huyện Tam Nông - tỉnh Phú Thọ * Điện thoại: 0210 879 176/ 879 103

Huyện Tam Nông nằm ở phía Đông - Nam của tỉnh Phú Thọ, cách Hà Nội 70 km về phía Tây - Bắc, có diện tích tự nhiên 155,5 km², dân số 80 000 người. Đây là vùng đất cổ từ thời các vua Hùng dựng nước, giàu truyền thống cách mạng và văn hóa, nơi đã được Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Trung ương chọn làm điểm dừng chân làm việc tại xã Cổ Tiêt 14 ngày để chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Cũng tại nơi đây Bác đã đặt tên "Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi" cho những đồng chí giúp việc của Người.



Khu di tích tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại xã Cổ Tiêt, Tam Nông



Bí thư Huyện ủy
ĐẶNG VĂN VŨ

Qua 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXVI nhiệm kỳ 2001-2005, hầu hết các mục tiêu đã hoàn thành ở mức cao, cụ thể là:

1. Về kinh tế - xã hội:

* Tổng giá trị sản xuất tăng 194% so với năm 2000, tăng bình quân hàng năm 18,8%. Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản tăng 164% so với năm 2000 tăng bình quân hàng năm 12,8%. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 316,9% so với năm 2000, tăng bình quân hàng năm 43%. Thương mại - dịch vụ tăng 238% so với năm 2000, tăng bình quân hàng năm 27,8%. Tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Giá trị nông - lâm - ngư nghiệp năm 2000 chiếm trên

70%, năm 2004 xuống còn 60%; Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 10%; Giá trị sản xuất dịch vụ năm 2000 dưới 20%, năm 2004 tăng 30%.

* Tổng sản lượng lương thực trên 30.000 tấn. Tỷ lệ hộ khá, giàu tăng, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm còn 9,1%. Giá trị thu nhập bình quân/người tăng 1,5 lần so với năm 2000.

* Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp có hiệu quả theo hướng hàng hóa, chuyển một phần diện tích nông nghiệp sang nuôi trồng cây, con có giá trị kinh tế cao. Sind hóa đàn bò vàng địa phương, thực hiện Dự án nuôi bò sữa. Phát triển cây sơn bản địa, đạt đến 50 triệu đồng/ha trên đất đồi.

* Công tác giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm toàn diện, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 24,3%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%. Hàng năm có 25 30% các em học sinh PTTH thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng.

* Toàn huyện có 11 940 hộ đạt gia đình văn hóa, 140 khu đạt khu dân cư văn hóa.

* Hoàn thành tốt nhiệm vụ an ninh

quốc phòng. Hệ thống chính trị được củng cố vững chắc.

2. Công tác xây dựng Đảng:

* Đảng bộ huyện coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện bản lĩnh, truyền thống cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (lần 2), khóa VIII. Nâng cao tính chiến đấu tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng. Tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ và nhân dân.

* Hàng năm có trên 70% cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh. Đảng bộ huyện nhiều năm liên tục đạt trong sạch vững mạnh, Chính quyền vững mạnh.

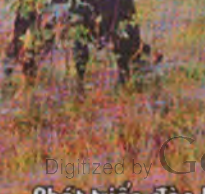
3. Thành tích tiêu biểu của Huyện:

* 01 xã Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

* 02 Huân chương Chiến công (Chống Pháp và chống Mỹ).

* 06 Huân chương Lao động.

* Nhiệt cờ, bằng khen, giấy khen các loại của Trung ương, của tỉnh tặng cho tập thể và cá nhân xuất sắc.





Bí thư Quận ủy

TRẦN THỊ THANH NHÂN

QUẬN HOÀNG MAI

Địa chỉ: Khu dân Lũ 2 - Hoàng Mai - Hà Nội * Điện thoại: 04.8.629 808

Nằm ở phía Nam Thủ đô, là quận mới được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ 01 - 01 - 2004 theo Nghị định số 132/2003/NĐ-CP của Chính phủ; Hoàng Mai nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn thử thách, đưa NQ của Đảng đi vào cuộc sống, kinh tế - xã hội trên địa bàn quận tiếp tục phát triển, an ninh và tinh thần của nhân dân được cải thiện, tạo dựng nên một diện mạo, khí thế mới cho Đảng bộ và nhân dân quận hoàn thành và hoàn thành vượt mức những chỉ tiêu kinh tế - xã hội được giao.



KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2004

1. LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

* Lãnh đạo phát triển kinh tế:

Quận đã xác định cơ cấu kinh tế của quận cần tập trung lãnh đạo, thực hiện là: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp - đô thị sinh thái. Tổng giá trị sản xuất năm 2004 (do quận quản lý) đạt 1.185 tỉ đồng (bằng 115,1% KH/năm). Trong đó:

- Giá trị CN-TTCN, XD đạt 654 tỉ đồng (bằng 129% KH năm).
- Giá trị TM-DV đạt 446 tỉ đồng (bằng 101% KH năm).
- Giá trị sản xuất NN thủy sản - chăn nuôi đạt 85,3 tỉ đồng (bằng 101,7% KH năm).
- Cơ cấu kinh tế chuyển dần theo hướng tích cực: tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp theo chủ trương định hướng của BCH Đảng bộ quận.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 67.467 tỉ đồng, trong đó quận trực tiếp thực hiện đạt 55 tỉ đồng (bằng 149% KH thành phố giao).

* Đầu tư xây dựng cơ bản: Quận đã được thành phố phê duyệt dự án "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, định hướng phát triển đến năm 2020", đang tích cực triển khai thực hiện. Nhiều dự án xây dựng mới và cải tạo phục vụ nhu cầu dân sinh và xã hội trên địa bàn đã và đang thực hiện có hiệu quả. Thành phố đã cho phép quận phối hợp với một số doanh nghiệp nghiên cứu quy hoạch, lập dự án cải tạo

cảnh quan, quản lý và khai thác vùng đất bãi ngoài đê sông Hồng, để nghiên cứu tận dụng tốt tiềm năng vùng đất bãi, phục vụ sản xuất kinh doanh.

* Quản lý đất đai, trật tự xây dựng và quản lý đô thị:

Công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng được quận rất quan tâm; nhiều biện pháp quản lý tích cực được triển khai trong hoạt động này. Trong năm 2004, quận đã tiến hành khẩn trương việc cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho nhân dân: đã cấp được 6.550 GCN, đạt 109% KH thành phố giao. Trong quản lý đô thị, quận duy trì thường xuyên hoạt động giữ gìn trật tự an toàn giao thông, văn minh đô thị tại các tuyến đường và địa bàn công cộng trong điểm. Làm tốt công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án.

* Công tác văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực:

Tập trung nhiều hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, xây dựng các khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa; đầu tư nâng cấp trường học, trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; tích cực chăm lo giải quyết việc làm, xóa hộ nghèo - tăng hộ giàu; thực hiện nghiêm chỉnh sách đối với người có công; chăm lo giáo dục toàn diện về thể chất và tinh thần cho trẻ em.

2. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

* Quận hiện có 61 tổ chức cơ sở đảng với 7.500 đảng viên. Ngay từ quý I/2004, BCH Đảng bộ quận đã ban hành 6 chương trình

công tác (đến năm 2005) và 3 đề án của Quận ủy về "cải cách hành chính"; "nâng cao hiệu quả kinh tế"; "cải thiện môi trường xã hội" để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Quận ủy triển khai tốt việc quán triệt, nghiên cứu các NQ của TW, Thành ủy, gắn với việc xây dựng các chương trình hành động cụ thể, phù hợp với tình hình địa phương. Thường xuyên thực hiện tốt công tác tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên; bảo đảm nắm bắt kịp thời tình hình dư luận xã hội để có định hướng chỉ đạo.

* Tập trung nhiệm vụ củng cố tổ chức cơ sở đảng, xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh; chăm lo xây dựng quy hoạch; bồi dưỡng cán bộ; chú trọng công tác phát triển đảng viên; tăng cường công tác kiểm tra đảng. Năm 2004, quận đã tổ chức thành công Hội thi bí thư chi bộ giỏi ở 2 cấp (cơ sở và quận); kết nạp mới 93 đảng viên; đổi, phát thẻ đảng viên (theo mẫu mới) cho 7.248 đồng chí. Quận ủy đã lãnh đạo sâu sát và trực tiếp cuộc bầu cử đại biểu HĐND các cấp, bảo đảm yêu cầu, kiện toàn đủ các chức danh cán bộ chủ chốt của HĐND và UBND quận và phường.

Trên cơ sở những thành công bước đầu, Đảng bộ và nhân dân quận Hoàng Mai đã từng bước khắc phục khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh, phấn đấu xây dựng quận giàu đẹp, văn minh và hiện đại

THÀNH PHỐ LẠNG SƠN



lượng ngành CN - TCN tăng bình quân 31% năm. Trên địa bàn thành phố hiện có 275 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, 12 dự án liên doanh nước ngoài với tổng số vốn đã đầu tư hơn 28 triệu USD.

❖ Về sản xuất nông - lâm nghiệp, Thành phố tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi áp dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh tăng vụ, xây dựng vùng chuyên canh rau. Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng hàng năm từ 4-5%.

❖ Công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng... đang từng bước được chấn chỉnh đi vào nề nếp, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng, xây dựng nhiều công trình mới, như khu tái định cư Phai Luông, các khu đô thị mới như Phú Lộc, Mai Pha làm cho diện mạo thành phố ngày càng khang trang.

❖ Nhiều tuyến đường, trục đường lớn, nút giao thông quan trọng được mở rộng mang dáng dấp của tuyến phố hiện đại.

❖ Thành phố đã chủ động huy động các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng và xây dựng vỉa hè theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

❖ Phong trào làm đường giao thông nông thôn, đường ngõ, phố phát triển sâu rộng, 100% thôn bản đã có điện lưới quốc gia, trên 90% số hộ nội thành và một số vùng ngoại thành đã được dùng nước sạch.

2. VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI:

❖ Công tác giáo dục đào tạo không ngừng được mở rộng và nâng cao chất lượng. Năm 2000 thành phố đã hoàn thành

phổ cập THCS, đến nay thành phố đã có 5 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

❖ Mạng lưới y tế được kiện toàn, 100% các phường xã đều có trạm y tế, có bác sĩ phụ trách.

❖ Việc xây dựng môi trường văn hóa, môi trường xã hội, xây dựng con người mới có nhiều chuyển biến tích cực, các cuộc vận động "Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa", "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"... được duy trì và có tác dụng tốt.

❖ Số hộ nghèo còn 0,5%; Hàng năm tạo việc làm cho 1.600 - 1.800 lao động.

Cùng với việc chăm lo phát triển kinh tế xã hội, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh luôn được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên làm tốt công tác giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang trong sạch vững mạnh, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững.

Phát huy truyền thống và kinh nghiệm 54 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Lạng Sơn nguyện ra sức xây dựng thành phố ngày càng phát triển - trở thành một thành phố vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về an ninh quốc phòng. Từng bước xây dựng TP. Lạng Sơn thành trung tâm thương mại, du lịch và dịch vụ trọng điểm của vùng Đông Bắc và cả nước.



Sau 2 năm thành lập, thành phố Lạng Sơn đã có bước phát triển mới cả về tầm vóc, diện mạo. Cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật được tăng cường, kinh tế phát triển khá hoàn thiện. Lạng Sơn đã ra sức khắc phục mọi khó khăn, thử thách, triệt để khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh về thương mại - du lịch và dịch vụ để phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể là:

1. VỀ KINH TẾ:

❖ Nền kinh tế đang từng bước phát triển có nhiều khởi sắc:

❖ Trong 5 năm đầu đổi mới (1986-1990) tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm là 5,1%; giai đoạn 1991-1996 là 10,6%; giai đoạn 1996-2000 là 12,5%; giai đoạn 2001 đến năm 2003 là 14%.

❖ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từng bước theo hướng CNH - HĐH. Tỷ trọng ngành thương mại - du lịch - dịch vụ là 61,6%; CN-XDCB là 32,6%; nông lâm nghiệp là 5,8%.

❖ Hoạt động thương mại - du lịch, dịch vụ phát triển mạnh, chất lượng các loại hình dịch vụ từng bước được nâng lên, thị trường Lạng Sơn ngày càng sôi động, hàng hóa đa dạng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Đến tháng 9 năm 2004 tổng số hộ kinh doanh thương mại - du lịch và dịch vụ là 4.148 hộ.

❖ Thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Năm 2003 thu được 43 tỉ 867 triệu đồng; 9 tháng đầu năm 2004 thu xấp xỉ 41 tỉ đồng đạt 76% kế hoạch tỉnh giao.

❖ Sản xuất công nghiệp - thủ công nghiệp ngày càng phát triển, giá trị sản



Bí thư Huyện ủy

DƯƠNG CÔNG TUẤT

Địa chỉ Huyện ủy: Thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn * Điện thoại: 025 837 203 * Fax: 025 837 333

TỈNH LẠNG SƠN

HUYỆN BẮC SƠN

Bắc Sơn là huyện miền núi vùng cao, có 19 xã và 1 thị trấn, có 14/20 xã vùng cao, trong đó 11 xã vùng cao đặc biệt khó khăn. Bắc Sơn có truyền thống kiên cường, làm nên cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn lịch sử, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Huyện Bắc Sơn có đường Quốc lộ 1B đi thành phố Lạng Sơn và Thái Nguyên rất thuận tiện cho việc giao lưu buôn bán và du lịch. Trong những năm gần đây Đảng bộ và nhân dân Bắc Sơn đang từng bước khắc phục khó khăn, phát huy thế mạnh, cùng với các địa phương trên cả nước phấn đấu thực hiện thành công nhiệm vụ mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đề ra.



Đóng chỉ Bí thư Huyện ủy Dương Công Tuất và các đồng chí lãnh đạo huyện đang đi thực tế và chỉ đạo thi công xây dựng những công trình trọng điểm của Bắc Sơn

THÀNH TỰU CƠ BẢN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN TRONG HƠN 3 NĂM QUA

KINH TẾ ĐƯỢC GIỮ VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH

Hầu hết các chỉ tiêu quan trọng đều đạt và vượt so với kế hoạch được giao, đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện

* GDP bình quân trong 3 năm đạt 9,2%. Trong đó:

+ Nông - lâm nghiệp tăng bình quân: 6%

+ Công nghiệp xây dựng: 19%

+ Dịch vụ: 14%

* Bình quân lương thực đầu người đạt 422kg/người/năm

* Đầu tư cho xây dựng cơ bản được tăng cường, trong 3 năm (2002 - 2004) được đầu tư với tổng số vốn hơn 56 tỉ đồng

* Hình thành được vùng quýt đặc sản với diện tích 1100ha, sản lượng hàng năm đạt trên 3000 tấn

* Trong chăn nuôi: Đàn gia súc và gia cầm phát triển mạnh, đang tập trung chăn nuôi theo hướng công nghiệp, sản xuất hàng hóa.

* Tổng giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp từ năm 2001 đến tháng 6 năm 2004 đạt 21,5 tỉ

* Hoạt động thương mại dịch vụ tiếp tục phát triển: 6/12 chợ trên địa bàn Huyện được đầu tư mái che; thị trường hàng hóa được lưu thông mạnh, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường. Là địa phương có tiềm năng về du lịch (có Khu Di tích văn hóa - lịch sử Bắc Sơn và nhiều danh lam thắng cảnh đẹp, có đường giao thông thuận tiện...), Bắc Sơn mong được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước và các doanh nghiệp.

VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI

* Giáo dục:

+ Cơ sở vật chất tiếp tục được tăng cường, 100% trường, lớp học được kiên cố hóa, không còn lớp học ca 3

+ Đội ngũ giáo viên cơ bản đã được chuẩn hóa

+ Toàn huyện đã có 16/20 đơn vị xã, thị trấn đạt chuẩn về phổ cập trung học cơ sở; đến năm 2005 phấn đấu có ít nhất 5 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (hiện nay là 2 trường)

* Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

+ Xây dựng và kiên cố hóa 100% các trạm y tế, các máy móc, dụng cụ y tế được trang bị đầy đủ và từng bước hiện đại

+ Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng

+ Các chương trình mục tiêu về y tế được thực hiện và duy trì tốt. Hàng năm, từ 95 - 99% trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng 6 loại vắc-xin.

* Công tác khác

+ Trong 3 năm, huyện đã duyệt 58 dự án 120, cho vay 1121 triệu đồng, giải quyết việc làm cho 235 lao động.

+ Năm 2003, huyện tạo điều kiện cho nhân dân vay xóa đói, giảm nghèo với tổng số tiền là 64 tỉ đồng.

+ Đẩy mạnh việc áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Hiện nay, toàn huyện có 1500 máy cày tay, 821 máy bơm các loại, 1070 máy xay xát, 1935 máy thủy điện nhỏ...

+ Công tác chính trị, tư tưởng, an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm đặc biệt, không để xảy ra những điểm nóng. Diễn biến tư tưởng trong nhân dân ổn định, hoàn toàn tin tưởng vào Đảng và các cấp lãnh đạo địa phương.

Huyện CÔ TÔ

Địa chỉ Huyện ủy: Thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh * Điện thoại: 033 889 234 - 889 216



Đồng chí Nguyễn Thanh Sửu
(Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy,
Chủ tịch HĐND huyện)



Huyện đảo Cô Tô có trên 40 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó có 3 đảo lớn là: Cô Tô, Thanh Lân, đảo Trán. Tổng diện tích đất nổi của Huyện là 46,2 km², trong đó: Đảo Cô Tô lớn là 17,8 km²; đảo Thanh Lân là 18,87 km²; đảo Trán 5,12 km², còn lại là diện tích các đảo nhỏ, lẻ. Dân số 5040 người. Cô Tô nằm ở tuyến khơi Bắc bộ, giữa một ngư trường rộng lớn, trọng điểm của phía Bắc, nơi đây có nhiều loại hải sản quý hiếm như:

Tôm he, mực ống, trai ngọc, bào ngư; có những dãy san hô rộng lớn, có nhiều bãi tắm lý tưởng, có cảnh quan môi trường trong sạch, có khu di tích lịch sử nên trong tương lai, du lịch sẽ là ngành kinh tế trọng điểm thứ hai sau ngành thủy sản.

Huyện đảo Cô Tô còn có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng - an ninh ở khu vực Đông-Bắc của Tổ quốc, là một địa danh giàu truyền thống lịch sử chống giặc

ngoại xâm của dân tộc, nhất là trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Năm 1961, Bác Hồ ra thăm đảo, nơi đây duy nhất được Bác cho dựng tượng khi người còn sống. Ngày 9-5-1997, Bộ Văn hóa đã cấp bằng công nhận Khu di tích lịch sử văn hóa. Nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã đến Cô Tô. Điều đó càng khẳng định vị trí quan trọng về kinh tế, quốc phòng an ninh của huyện đảo tiền tiêu này.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN 2005

Tập trung khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý và tài nguyên để xây dựng huyện phát triển và tăng cường chính trị, an ninh, trật tự, kỷ cương và kỷ luật, đẩy mạnh thực sự là trung tâm du lịch hậu cần nghề cá vịnh Bắc bộ. Đưa giống mới có năng suất cao vào gieo cấy 2 vụ, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng hợp lý nhằm tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế cao phục vụ tốt cho nhu cầu tiêu dùng và phát triển các dịch vụ du lịch trên địa bàn.

Phát triển các hoạt động du lịch biển trên địa bàn

Về văn hóa - xã hội:

Thực hiện thành công đề án xây dựng Cô Tô - huyện điểm văn hóa giai đoạn 2003-2010 do UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4294/QĐ-UB ngày 25-10-2003

UBND TỈNH HÀ GIANG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HÀ GIANG

ĐC: Nguyễn Trãi- Tx Hà Giang * ĐT: 019 866 418 * Fax: 019 867 623 * Giám đốc: NGUYỄN TRƯỜNG TÔ

Quý hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang giai đoạn 1995 - 2010 đã được hoàn thành năm 1995. Sau 5 năm thực hiện quy hoạch (1996 - 2000), tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong nước và thế giới đã có nhiều thay đổi, tác động lớn đến việc thực hiện quy hoạch, vì vậy một số mục tiêu đề ra trong quy hoạch trước đây cần được rà soát điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới.

Thực hiện Chỉ thị 32/1998/CT-TTg, ngày 23-09-1998, của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và công văn số 7698/BKH-VCL, ngày 06-11-1998, của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chỉ thị trên, UBND tỉnh Hà Giang đã giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các ban, ngành trong tỉnh triển khai xây dựng báo cáo rà soát Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2010.

ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ GIANG ĐẾN NĂM 2010

Quan điểm phát triển:

1. **Đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế**, theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao sức cạnh tranh hàng hóa của Hà Giang trên thị trường trong nước và quốc tế.

2. **Tăng cường cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội**, khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực, phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo.

3. **Bảo vệ vững chắc chủ quyền**, xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị; **Giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội**.

4. **Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái**.

Mục tiêu chủ yếu:

1. **Tăng trưởng kinh tế**: **Phấn đấu** đưa nhịp độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2001-2010 đạt trên 11%/năm, đến năm 2010 có giá trị GDP tăng gấp 2,87 lần. GDP/người tăng gấp 2,5 lần so với năm 2000. **Rút ngắn khoảng cách GDP/người** so với cả nước: từ gần 31% so với cả nước năm 2000, lên 55% vào năm 2010.

2. **Cơ cấu kinh tế vào năm 2010**: Nông nghiệp chiếm 33,5%; Công nghiệp chiếm 30,1%; Dịch vụ chiếm 36,4%.

3. **Về thu nhập trên đầu người năm 2010 tăng 2,45 lần** so với năm 2000.

4. **Về tỷ lệ huy động GDP, ngân sách**: tăng từ 7% năm lên 10% năm 2010.

5. **Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm tỷ lệ lao động Nông nghiệp từ 90,3% năm 2000 xuống 83,5% năm 2010; tăng tỷ lệ lao động công nghiệp và xây dựng từ 2,2% lên 4,6% năm 2010, lao động ngành dịch vụ tăng từ 7,5% hiện nay lên 11,9% năm 2010.**

6. **Xóa đói giảm nghèo**: Đến năm 2010, **phấn đấu không còn hộ đói, giảm 80-90% hộ nghèo, tăng 2-3 lần số hộ khá và giàu** so với hiện nay.

7. **Về xuất nhập khẩu**: **Đưa kim ngạch xuất khẩu từ 3 triệu USD hiện nay lên 30 triệu USD vào năm 2010.**

8. **Sản xuất lương thực**: **Phấn đấu** đưa sản lượng lương thực bình quân đầu người từ 310kg hiện nay lên 360kg vào năm 2010.

9. **Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường tăng từ 95,3% lên 99% vào năm 2010.**

10. **Đưa số xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục THCS từ khoảng 10% lên 70% vào năm 2010.**

11. **Nâng tỷ lệ số xã có bác sỹ từ dưới 10% lên 80% vào năm 2010; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 5 tuổi từ 41,4% xuống 15% vào năm 2010.**

12. **Thực hiện tốt công tác dân số KHHGD, phấn đấu hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,92% xuống còn 1,5% vào năm 2010.**

CÁC GIẢI PHÁP VÀ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. **Giải pháp về vốn đầu tư**: **Vốn đầu tư giai đoạn 2001-2010 cần khoảng 6.214 tỉ đồng**, bình quân vào khoảng hơn 600 tỉ đồng/năm. Dự kiến nguồn vốn trong nước sẽ chiếm vào khoảng 70-80%, nguồn vốn ngoài nước chiếm 20-30%.

2. **Chính sách thị trường**: **Chú ý đặc biệt đến thị trường Tây Nam Trung Quốc, mở rộng thị trường với khu vực Đông Nam Á về nông lâm đặc sản...** **Coi trọng thị trường trong nước, trước mắt tập trung xây dựng cửa khẩu Thanh Thủy.**

3. **Chính sách khoa học và công nghệ**: **Coi trọng công tác khoa học phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, đời sống. Đổi mới thiết bị và trang bị công nghệ hiện đại cho sản phẩm mũi nhọn.**

4. **Chính sách phát triển nguồn nhân lực**: **Đào tạo đội ngũ các nhà doanh nghiệp giỏi. Có các chính sách đào tạo nhân tài, thu hút các chuyên gia giỏi về góp sức xây dựng kinh tế tỉnh.**

5. **Tăng cường các biện pháp nhằm đảm bảo an ninh, quốc phòng, đảm bảo trật tự an toàn xã hội và bảo vệ biên giới quốc gia.**



**Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Ất Dậu**

UBND TỈNH HÀ GIANG

SỞ THƯƠNG MẠI - DU LỊCH

Địa chỉ: thị xã Hà Giang - tỉnh Hà Giang * ĐT: 019 866 771 * Fax: 019 863 566

Hà Giang là tỉnh miền núi cực Bắc của Tổ quốc Việt Nam, có đường biên giới Việt - Trung dài trên 274km, và là nơi đầu nguồn con sông Lô chảy vào đất Việt. Phía Bắc giáp Trung Quốc có cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy đang được đầu tư xây dựng, mở rộng; phía Nam giáp tỉnh Tuyên Quang; phía Đông giáp tỉnh Cao Bằng; phía Tây giáp tỉnh Lào Cai và Yên Bái; tỉnh lỵ Hà Giang cách Hà Nội 318km; tổng diện tích tự nhiên của Hà Giang là 7.884,3km²; có trên 62 vạn dân, cùng 22 dân tộc anh em như: Mông, Tày, Dao, Giáy, Nùng, Bô Y, Lô Lô... sinh sống tại đây.

Thiên nhiên hùng vĩ, trữ tình, một vùng văn hóa đa sắc tộc phong phú, con người vùng cao chân tình mến khách - đó là nét đặc trưng nhất của Hà Giang, là chấm son, là điểm hẹn của du khách:

CĂNG BẮC MÈ: là một di tích lịch sử nằm trên địa phận bản Sáp, Yên Phú, Bắc Mê, tựa lưng vào đỉnh Pu Luông, Phia Khao, dưới tán rừng tếch cổ thụ - núi non hùng vĩ nên thơ, đặc biệt ấn tượng là rừng Trầu vàng lá đẹp như tác phẩm hội họa thời Phục hưng...

PHỐ CỔ ĐỒNG VÂN: đã tồn tại hơn 100 năm, với kiến trúc đặc biệt của vùng sơn cước, nền lát đá, tường trình đất, mái lợp ngói âm dương, các căn phòng nhỏ trong nhà được bố trí đặc biệt phù hợp với tập quán của nơi đây.

DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT NHÀ VƯƠNG: ở xã Sà Phìn, Đồng Văn - là dinh thự của dòng họ Vương. Kiến trúc nhà Vương độc đáo có giá trị nghệ thuật, mô phỏng theo kiến trúc cổ Trung Hoa (đời Mãn Thanh).

CHÙA SÙNG KHÁCH: gọi là Chùa làng Nùng do chủ của Phụ Đạo (Tù trưởng) Nguyễn ấn dựng lên từ tháng Giêng năm Bính Thân thời Thiệu Phong (1356).

RỪNG NGUYÊN SINH VẮN CHẢI: rộng gần 500 héc-ta, chủ yếu là thông đỏ.

HỒ NOONG - CON MẮT CỦA RỪNG: Mặt nước rộng 20 héc-ta, huyền ảo lung linh bên cạnh là rừng nguyên sinh rộng gần 100 héc-ta bao quanh hồ, tạo nên cảnh sắc hoang sơ kỳ thú.

ĐỘNG NGUYỆT: vòm hang rộng, nhũ đá mang nhiều hình thù kỳ thú, có ngách hang rộng thông về phía sau hàng trăm mét. Đặc biệt, vòm hang chính có một lỗ thủng lên trời, ánh sáng mờ ảo như trăng thượng tuần. Trong hang chim én nhiều vô kể, đầy sức hấp dẫn du khách.

ĐỈNH MÃ PÌ LÈNG: "Danh bất hư truyền", còn là "đệ nhất hùng quan bậc nhất đất nước". Đây là kỳ quan thiên nhiên, là tượng đài của lòng quả cảm, ý chí vượt khó của đồng bào các dân tộc Hà Giang.

SÔNG NHO QUẾ: Du khách sẽ cảm thấy choáng ngợp bởi những khối đá khổng lồ, ngút ngàn... xa xa, dưới độ sâu hun hút hàng ngàn thước, dòng sông Nho Quế mỏng mảnh như dải lụa ẩn hiện, lặng lẽ trôi như bất chấp sự khắc nghiệt của không gian và thời gian.

MIỀN ĐÁ CỔNG TRỜI: Đồng Văn - Quản Bạ, vùng đá khắc nghiệt, nhưng cũng là vẻ đẹp kỳ diệu của miền đá Cổng trời.

KHU NGHỈ MẮT TAM SƠN: Du khách có cảm giác lâng lâng khó tả khi đang đi trên bình đồ 1.000m so với mặt nước biển. Thật bất ngờ khi đứng trên Cổng trời Quản Bạ, ấn tượng đầu tiên của du khách là bắt gặp "Thạch nhũ đôi" ngay trong tầm mắt mình.

MÙA XUÂN LỄ HỘI TÙNG BỪNG: Mùa xuân cũng là mùa lễ hội của cộng đồng các dân tộc Hà Giang, rực rỡ, náo nhiệt đầy tinh thần văn.

LỄ HỘI NHẢY LỬA ĐỘC ĐÁO: Hàng năm sau khi gặt lúa xong là khoảng thời gian diễn ra lễ hội nhảy lửa của dân tộc Pà Thẻn (màn đặc sắc của lễ hội là một số người được chọn lựa sẽ nhảy múa trên than hồng bằng đôi chân trần).

LỄ HỘI LỒNG TỐNG: Là lễ hội của dân tộc Tày, thường tổ chức vào ngày mồng 5 tháng Giêng tại một cánh đồng bằng phẳng gần làng. Trung tâm của lễ hội là cây Nêu, làm bằng tre cao vút, trên ngọn có vòng nguyệt dấy dân giấy đỏ.

LỄ HỘI CẦU TÁO: (hay hội chơi núi mùa xuân) của dân tộc Mông, mang màu sắc tín ngưỡng dân gian, được tổ chức từ mồng 3 đến mồng 5 Tết Nguyên đán.

CHỢ TÌNH KHAU VAI - CHỢ TÌNH PHONG LƯU: nơi hội tụ của những đôi trai gái đi tìm bạn tình, của đôi lứa yêu nhau - Một tình tượng văn hóa đặc sắc, hiếm có ở Việt Nam và có lẽ cả trên thế giới.



Đỉnh Lũng Cú



Mùa xuân cao nguyên



Toàn cảnh khu di tích Nhà họ Vương



Thạch Nhũ đôi

Chúc Mừng Năm Mới Xuân Ất Tân

S Fone
Nghe là thấy



**CHƯƠNG TRÌNH
SỬ DỤNG
MIỄN PHÍ
DIỆN THOẠI**

Bạn đã có điện thoại miễn phí chưa?

Thật hấp dẫn! Chỉ với 700.000 đồng, bạn sẽ được sử dụng miễn phí ngay điện thoại SKY IM-3000 và cước phí cuộc gọi đến 6 tháng.

- Thẻ đa năng NH Đồng Á = Cơ hội miễn phí sử dụng máy SKY IM-3000 + trả góp 700.000 đồng giá trị cuộc gọi*

(*Tỷ lệ DT áp dụng từ 1/10/2004 tại Tp. HCM và 318 NOK. 700.000 đồng được trả góp (không tính lãi) là giá trị cuộc gọi sử dụng trong 6 tháng. Liên hệ NH Đồng Á để biết thêm chi tiết. ĐT: 06 3634 436



SKY IM-3000



LG SD-2130

Nhận điện thoại miễn phí từ S-Fone ngay!

- Chỉ với một khoản cước phí trả trước, bạn sẽ được sử dụng miễn phí 01 máy điện thoại CDMA LG SD-2130 (được bảo hành 12 tháng), SKY IM-3000 (được bảo hành 6 tháng) dưới hình thức cho mượn.
- Sau thời hạn cam kết, bạn sẽ được quyền sở hữu máy mà không phải trả thêm bất cứ khoản chi phí nào.

Và còn nhiều quà tặng hấp dẫn nữa sau thời gian cam kết sử dụng.

TP. HỒ CHÍ MINH:

CH Bán hàng trực tiếp S-Fone:
34 đường 92 Q.10
139 Hai Bà Trưng, Q.3
CH. Ủy vụ SES:
Q.1: 196A Nguyễn Trãi
38 Bà Th. Xuân
277-279 Lý Tự Trọng
50 Camellie
Q.5: 855 D3 Trần Hưng Đạo
23-25 Hùng Vương
Q. Tân Bình: 07 Công Hòa

25/12 Trưng Chi, F15

Q.5: 484-42 Kinh Dương Vương
Q.10: 133A Tô Hiến Thành
Q. Bình Thạnh: 245 XVNT
116 Đinh Tiên Hoàng
Q. Gò Vấp: 480 Quang Trung, P.10
42 - 4H Quang Trung
Đông Hải: 104-136 Quốc Lộ 1
8 Dương: 19-21, D1, Bình Dương
Vũng Tàu: 109 E-4 Lã H. Phong
Long An: 1 Nguyễn Trung Trực
Tiền Giang: 53 Ấp Bắc, Mỹ Tho

HÀ NỘI:

CH Bán hàng trực tiếp S-Fone:
49 Hai Bà Trưng
VKS-148 Giảng Võ, Q. Ba Đình
CH. Ủy vụ SES:
Q. Đống Đa: 208 Thái Hà
Q. Hai Bà Trưng: 38 Nguyễn Du
12 Nguyễn Du
Q. Ba Đình: 16 Trần Vũ, 303 Kim Mã
Quảng Ninh: 36 Lê Thánh Tông, HL
Hải Dương: 86 Phạm Ngũ Lão
Hải Phòng: 24 Đinh Tiên Hoàng

Hãy gọi

1800 095

Hoặc

08 4040 095, ext: 2525
04 9332 388, ext: 213

HIX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

*Phúc Mừng
Năm Mới*

UNIV. OF MICH.

DEC 31 2004

CURRENT SERIALS

2

1-2005

Digitized by Google

Huyện Yên Lập

Địa chỉ: Thị trấn Yên Lập - huyện Yên Lập - tỉnh Phú thọ * Điện thoại: 0210 870115 * Fax: 0210 870 048



Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy

NGUYỄN TIẾN THI

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND và các sở, ban ngành của tỉnh, những cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích kinh tế-xã hội miền núi phát triển, các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở tiếp tục được đầu tư nhất là các xã đặc biệt khó khăn, chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được nâng lên, an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, thi đua lao động sản xuất và quyết tâm thực hiện xóa đói giảm nghèo.



Hái chè trên nương



Trang trại nông, lâm kết hợp

MỘT SỐ THÀNH TỰU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA HUYỆN TRONG NĂM 2004

1. VỀ KINH TẾ:

- * Tổng giá trị sản xuất đạt 219,377 triệu đồng bằng 99,49% KH.
- * Nông - lâm nghiệp: Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp đạt 160,540 triệu đồng đạt 98,75% KH năm.
- * Chăn nuôi: Có xu hướng phát triển khá, đạt 47.495,5 triệu đồng bằng 88% KH năm. Trồng rừng, chăm sóc khoanh nuôi tái sinh rừng đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.
- * Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp xây dựng cơ bản: Toàn huyện có 582 cơ sở sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp đạt 38,800 triệu đồng vượt 2,11% kế hoạch, giá trị sản xuất tăng trưởng khá. Một số ngành nghề như: Sản xuất chiếu tre cao cấp, dưa xuất khẩu, sản xuất nguyên vật liệu xây dựng như: Gạch, vôi, đá, sơ chế chè, trồng nấm, chế biến tinh bột sắn... đi vào hoạt động có nề nếp, tạo việc làm và tăng thu nhập cho hàng trăm lao động tại chỗ.
- * Xây dựng kết cấu hạ tầng: Các dự án thuộc chương trình 135, WB... tiếp tục đầu tư và hoàn thiện.
- * Tài chính - tín dụng: Tổng thu ngân sách 3250 triệu đồng tăng 34% so với cùng kỳ.

2. VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- * Các hoạt động văn hóa xã hội có chuyển biến rõ nét. Công tác thông tin tuyên truyền hoạt động có nề nếp. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được đông đảo nhân dân ủng hộ và thực hiện có hiệu quả.
- * Giáo dục - đào tạo toàn diện có sự chuyển biến tích cực. Công tác xã hội hóa giáo dục thực hiện có hiệu quả, cơ sở vật chất các bậc học tiếp tục được đầu tư theo hướng kiên cố hóa.
- * Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng.
- * Chính sách xã hội đối với gia đình thương binh liệt sỹ, người có công với cách mạng được quan tâm.

3. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

- * Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được các cấp ủy hết sức chú trọng, tạo sự thống nhất cao hơn về đường lối đổi mới của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, củng cố niềm tin tuyệt đối của cán bộ đảng viên và nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.
- * Công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng được tiến hành thường xuyên, đã rà soát, điều chỉnh quy hoạch các chức danh cấp ủy cơ sở, cán bộ lãnh đạo các phòng ban.





THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 725

2

1-2005

BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại : (04) 7 753 605

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

Cơ quan thường trú

tại miền Trung :

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080) 51301

Fax : (080) 51303

Cơ quan thường trú

tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8 274 638

Fax : (08) 8 231 664

Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Xuân về với vùng cao

Ảnh: Ngô Dư

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

NHÂN KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3-2-1930 - 3-2-2005)

TRẦN ĐỨC LƯƠNG - Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, nhằm làm sáng tỏ hơn nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	3
VŨ HỮU NGOẠN - Đường lối chính trị đúng đắn là yếu tố quyết định sự nghiệp lãnh đạo của Đảng	11
ĐẶNG VĂN THANH - Lựa chọn và triển khai các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2005	16

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TỔNG ĐỨC THẢO - Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ con người	22
HÀ QUANG NGỌC - Cải cách cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương	27
DƯƠNG TÙNG - Phương pháp tiếp cận vấn đề phát triển nông thôn ở nước ta	31
VŨ DUY THÔNG - Thông tin đại chúng trong xu thế toàn cầu hóa	37

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN PHÚ BÌNH - Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài và những bài học thực tế	44
NGUYỄN VĂN THẠO - Sơn La tiếp tục đổi mới để nắm bắt thời cơ, đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội	49
NGUYỄN VĂN HIẾN - Hải quân nhân dân với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong tình hình mới	53

HỘI THẢO VỀ NHÂN QUYỀN

*** Tổng thuật Hội thảo	56
-------------------------	----

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NHỊ LÊ - Ngẫm việc dùng người	59
-------------------------------	----

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

CAO VĂN UY - Xây dựng nếp sống văn hóa mới trong việc tổ chức lễ cưới	61
---	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN HUY QUÝ - 55 năm quan hệ Việt - Trung: Nhìn lại quá khứ và hướng tới tương lai	64
TRỊNH THỊ THANH THỦY - Phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Liên bang Nga	68

СОДЕРЖАНИЕ

• ЧАН ДЫК ЛЬОНГ: Дальнейшая активизация теоретического изучения, практического обобщения в целях наиболее четкого освещения сознания о социализме и пути к социализму в нашей стране. • ВУ ХЬУ НГОАН: Правильная политическая линия есть решающий фактор руководящего дела Партии. • ДАНГ ВАН ТХАНЬ: Выбор и развёртывание осуществления мероприятий по социально-экономическому развитию в 2005 г. • ТОНГ ДЫК ТХАО: Идеи Хо Ши Мина о роли законов в защите человека. • ХА КУАНГ НГОК: Реформа организационного механизма и деятельности аппарата местной власти. • ЗЬОНГ ТУНГ: Метод подхода к проблеме развития сельских районов в нашей стране. • ВУ ЗУЙ ТХОНГ: Массовая информация при тенденции глобализации. • НГУЕН ФУ БИНЬ: Агитационная работа среди вьетнамских соотечественников за границей и практические уроки. • НГУЕН ВАН ХИЕН: Народные морские войска и дело защиты суверенитета морского региона и островов нашей Родины. • НГУЕН ХУ КУИ: 55 лет вьетнамо-китайских отношений: ретроспективный взгляд на прошлое и обращение к будущему. • ЧИНЬ ТХИ ТХАНЬ ТХУ: Развитие вьетнамо-российских торговых отношений.

CONTENTS

• TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Continuing to accelerate theoretical research and practical summary in order to enlighten more the awareness of socialism and the path to it in our country. • VŨ HỮU NGOAN: Right political lines are the decisive element of the Party's leadership cause. • ĐẶNG VĂN THANH: Opting and deploying socio - economic developmental solutions in 2005. • TỔNG ĐỨC THẢO: Hồ Chí Minh's thoughts on laws' role in man protection • HÀ QUANG NGỌC: Reforming organisational structure and activities of local authority apparatus • DUONG TÙNG: Methods of approaching to the problem of rural development in our country • VŨ DUY THÔNG: Masses information in the globalisation trend • NGUYỄN PHÚ BÌNH: Matter of agitation among oversea Vietnamese and the practical lessons • NGUYỄN VĂN HIẾN: The People's Navy and the matter of protecting Motherland's marine and island sovereignty in the new situation • VŨ HUY HÙNG: Hanoi House Investment and Development General Company is striving to assert itself • NGUYỄN HUY QUÝ: 55 years of Vietnam - China relations: looking back at the past and ahead into the future • TRỊNH THỊ THANH THỦY: Developing Vietnam - Federative Russia trade relations • NGUYỄN HOÀNG GIÁP: A retrospective look at World's safety and politics circumstances in 2004.

SOMMAIRE

• TRẦN ĐỨC LƯƠNG : Renforcer la recherche théorique et faire le bilan de la réalité afin de rendre plus élucidée la théorie du socialisme et la voie vers le socialisme du Vietnam. • VŨ HỮU NGOAN : La saine ligne politique constitue le facteur décisif de la direction du Parti. • ĐẶNG VĂN THANH : Le choix et la mise en œuvres des solutions du développement socio-économique pour 2005. • TỔNG ĐỨC THẢO : La pensée de Hồ Chí Minh sur le rôle de la loi dans la défense de l'homme. • HÀ QUANG NGỌC : La réforme de la structure d'organisation et du fonctionnement de l'appareil de pouvoir local. • DUONG TÙNG : Méthode d'approche au développement rural au Vietnam. • VŨ DUY THÔNG : Le média dans la tendance de globalisation. • NGUYỄN PHÚ BÌNH : Le travail de mobilisation auprès des Vietnamiens d'outre-mer et ses leçons réelles. • NGUYỄN VĂN HIẾN : Le Marine populaire et la défense de la souveraineté de mer et des îles de la patrie dans la nouvelle conjoncture. • VŨ HUY HÙNG : La compagnie générale d'Investissements et de Développement des Maisons de Hanoi fait des efforts pour s'affirmer. • NGUYỄN HUY QUÝ : 55 ans de relations Vietnam-Chine : Regard sur le passé et vers l'avenir. • TRỊNH THỊ THANH THỦY : Développer les relations commerciales entre le Vietnam et la fédération de Russie. • NGUYỄN HOÀNG GIÁP : Sur la sûreté politique mondiale de 2004.

SUMARIO

• TRẦN ĐỨC LƯƠNG: Continuar impulsando el estudio teórico y haciendo el resumen de la práctica a fin de aclarar más la concepción sobre el socialismo y el camino hacia el socialismo en nuestro país • VŨ HỮU NGOAN: La justa línea política constituye el factor decidido de la obra de dirección del Partido • ĐẶNG VĂN THANH: La selección y la adopción de soluciones para el desarrollo socioeconómico de 2005 • TỔNG ĐỨC THẢO: El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre el papel de leyes en la protección humana • HÀ QUANG NGỌC: La reformación de estructura de la organización y actividades del aparato de poder local • DUONG TÙNG: Métodos de acceso de los asuntos de desarrollo rural en nuestro país • VŨ DUY THÔNG: El mass media en la tendencia de globalización • NGUYỄN PHÚ BÌNH: La movilización de residentes vietnamitas en el extranjero y las lecciones prácticas • NGUYỄN VĂN HIẾN: Las fuerzas navales del pueblo de Viet Nam y su causa de defensa de la soberanía nacional de mar e islas en nueva coyuntura • VŨ HUY HÙNG: El esfuerzo de la Corporación de Inversión y Desarrollo de Viviendas de Ha Noi para afirmarse • NGUYỄN HUY QUÝ: 55 años de relaciones Viet Nam-China: vistazo retrospectivo y orientación hacia el futuro • TRỊNH THỊ THANH THỦY: El desarrollo de relaciones comerciales entre Viet Nam y la Federación Rusa • NGUYỄN HOÀNG GIÁP: Un vistazo retrospectivo de la situación de seguridad política mundial de 2004.

目 录

• 陈德良：继续加强理论研究、总结实践，旨在更明确我国关于社会主义认识和迈向社会主义的道路 • 武友玩：正确的政治路线是我党领导事业的决定要素 • 邓文清：选择及展开发展 2005 年经济、社会的措施 • 宋德章：胡志明思想有关法律在保护人民中所取的作用 • 何光玉：革新地方政权机构的组织机构及其活动 • 杨松：贴近我国发展农村问题的措施 • 武唯通：新闻媒体在全球化趋势中 • 阮富平：发动国外越南人的工作及实际运作中的一些教训 • 阮文献：在新形势下越南人民海军与捍卫祖国海疆、海岛主权的事业 • 阮辉季：越中关系 55 周年：回顾过去，面向未来 • 郑氏清水：发展越南和俄罗斯联邦的贸易关系。

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN, TỔNG KẾT THỰC TIỄN, NHẪM LÀM SÁNG TỎ HƠN NHẬN THỨC VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA*

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam

Lời Bộ Biên tập: Ngày 8-1-2005, đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Nước đã đến thăm và phát biểu với Hội đồng Lý luận Trung ương tại kỳ họp thứ 13 của Hội đồng. Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu bài phát biểu quan trọng này với bạn đọc.

Hôm nay, tôi rất vui mừng được gặp các đồng chí trong Hội đồng Lý luận Trung ương cùng các đồng chí phụ trách các chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước và nhiều đồng chí đại diện cho các cơ quan, ban, ngành, học viện, viện nghiên cứu, trường đại học đang trực tiếp quản lý và nghiên cứu lý luận. Nhân dịp đầu năm mới - 2005 và Tết Ất Dậu sắp đến, tôi chúc các đồng chí và đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận thuộc các thể hệ trên mọi miền đất nước, cùng gia đình luôn mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt trong công tác và cuộc sống, có nhiều đóng góp tích cực hơn nữa cho sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tôi được biết, trong hơn 3 năm qua, Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2001 - 2005 đã kế thừa, phát huy tốt kinh nghiệm của Hội đồng tiền nhiệm, thường xuyên bám sát

chức năng và nhiệm vụ được Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, tích cực đổi mới cách thức hoạt động, thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan hữu quan, các chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước và nhiều nhà khoa học bên ngoài Hội đồng để triển khai tổng kết thực tiễn và nghiên cứu có kết quả nhiều vấn đề lý luận chính trị cơ bản phục vụ cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng mà trực tiếp là cho việc soạn thảo một số nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, và quan trọng hơn là cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Chỉ chưa đầy 4 năm, các đồng chí đã làm được nhiều việc:

- Góp phần xây dựng và trình Trung ương báo cáo "Về nhiệm vụ chủ yếu của công tác

* Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

tư tưởng, lý luận trong tình hình mới", góp phần cung cấp những luận cứ khoa học có độ tin cậy cao để Trung ương ra Nghị quyết về vấn đề này. Bên cạnh đó, Hội đồng còn tích cực đóng góp ý kiến và cung cấp thông tin phục vụ soạn thảo các nghị quyết của Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân; về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

- Các đồng chí đã tổ chức 3 Hội thảo lớn góp phần làm rõ hơn một số vấn đề lý luận và thực tiễn bức xúc mà Đảng và nhân dân đang có sự quan tâm đặc biệt, như: vấn đề "Đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân"; "Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam"; "Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở Việt Nam hiện nay". Ngoài ra, thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, Hội đồng đã tham gia Hội thảo Trung - Việt về "Chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường - Kinh nghiệm của Trung Quốc, kinh nghiệm của Việt Nam", đứng ra tổ chức Hội thảo Việt - Trung về "Xây dựng Đảng cầm quyền - Kinh nghiệm của Việt Nam, kinh nghiệm của Trung Quốc".

- Các đồng chí đã thực hiện có kết quả tốt một số chuyên đề do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao: "Vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ trong điều kiện một đảng cầm quyền, các hình thức thực hiện dân chủ"; "Quan niệm của một số Đảng Cộng sản về chủ nghĩa xã hội", "Tác động nhiều mặt của toàn cầu hóa đến công cuộc phát triển của đất nước ta". Các chuyên đề này đã cung cấp những thông tin có giá trị tham khảo bổ ích.

- Đã phối hợp với các cơ quan hữu quan, bước đầu chuẩn bị các chuyên đề để giới thiệu với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề

quan trọng về lý luận và những thông tin mới có liên quan tới việc hoạch định đường lối phát triển đất nước. Hai chuyên đề đầu tiên đã được thực hiện về "Quan niệm mới trên thế giới về chủ nghĩa xã hội" và "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", nhìn chung được đánh giá tốt.

- Đã tích cực tham gia nghiên cứu, đề xuất luận cứ khoa học để đấu tranh bác bỏ những quan điểm sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng. Từ hàng trăm bài viết của các nhà khoa học trong giới nghiên cứu lý luận nước ta, các đồng chí đã tuyển chọn và xuất bản hai tập sách "Vững bước trên con đường đã chọn" và "Lẽ phải của chúng ta", cung cấp những luận cứ *khoa học* góp phần vào cuộc đấu tranh bác bỏ những luận điểm sai trái.

- Để góp phần cung cấp thông tin cho các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, Hội đồng đã có một Bản tin. Chúng tôi thường xuyên nhận được Bản tin đó và nhận được từ Bản tin nhiều thông tin bổ ích. Nếu từ Bản tin này, rồi đây nâng lên thành một tạp chí nội bộ để thảo luận những vấn đề lý luận - thực tiễn không thể công bố rộng rãi, tôi tin chắc sẽ có hiệu quả cao hơn.

- Một kết quả nổi bật, mang đậm dấu ấn trong hoạt động của Hội đồng nhiệm kỳ này là đã chủ động đề xuất chủ trương tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới nhằm làm sáng tỏ hơn một số vấn đề chủ yếu về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc soạn thảo các văn kiện Đại hội X của Đảng. Đề xuất đó đã được Bộ Chính trị chấp thuận. Hội đồng đã hoàn thành tốt chức trách là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tổng kết.

Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương những kết quả bước đầu của Hội đồng Lý luận Trung ương, mong các đồng chí có nhiều đóng góp to lớn hơn nữa trong các hoạt động tổng kết thực tiễn,

nghiên cứu lý luận, tập trung vào những vấn đề bức xúc và cơ bản để tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước. Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2005 của các đồng chí là tham gia thật sự có chất lượng việc soạn thảo văn kiện Đại hội X của Đảng.

Trong nhiệm kỳ này, Hội đồng chúng ta đứng trước nhiều vấn đề thực tiễn và lý luận bức xúc đòi hỏi phải tích cực góp phần giải quyết.

Nhờ đường lối đổi mới đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, lòng quyết tâm của nhân dân được nâng cao, chúng ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn. Mặc dầu vậy, chúng ta vẫn ở tình trạng một nước kém phát triển về kinh tế, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn rất thấp; nhiều vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc chậm được giải quyết; tình trạng quan liêu, tham nhũng còn rất trầm trọng; hoạt động của các thế lực thù địch sử dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo hòng làm cho đất nước mất ổn định diễn ra không lúc nào ngừng.

Về mặt lý luận, cũng còn nhiều vấn đề cơ bản cần tiếp tục nghiên cứu để làm rõ thế nào là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa? Hướng đi của một số bước tiếp theo là gì? Những yếu tố nào bảo đảm nó thực sự là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa? Những điều cần phải thường xuyên quan tâm để bảo đảm định hướng đã lựa chọn, ví như hành lang của từng giai đoạn phát triển quan hệ sản xuất, phân hóa giàu nghèo nhưng làm sao không trở thành phân cực xã hội, phân hóa giai cấp, không hình thành giai cấp đối kháng, ...? Vấn đề chế độ sở hữu, và thành phần kinh tế như thế nào để bảo đảm thực sự là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa? Thêm vào đó, vấn đề đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân tuy có phần nào được làm rõ qua Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành

Trung ương khóa IX, nhưng trong Đảng và trong xã hội cũng còn nhiều ý kiến? Những tiêu chí nào để phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020?

Để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, cùng với việc bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, còn cần giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện. Liên quan đến vai trò của Đảng, việc nâng cao năng lực trí tuệ, phẩm chất đạo đức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là những vấn đề lý luận và thực tiễn bức xúc. Về Nhà nước, tuy từ Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII chúng ta đã chính thức sử dụng khái niệm Nhà nước pháp quyền, và chủ trương phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, xem đó là một nhân tố cơ bản để phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng đây vẫn là một vấn đề mới về lý luận và thực tiễn. Nguyên tắc phổ quát của thiết chế chính trị - xã hội của nước ta: "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" vẫn còn nhiều vấn đề rất cơ bản chưa đủ sáng tỏ.

Ý thức rõ trách nhiệm phải góp phần làm rõ những vấn đề đó, Hội đồng đã phối hợp với nhiều cơ quan khoa học và cơ quan chỉ đạo thực tiễn để nghiên cứu và đã mang lại những kết quả, đóng góp nhất định. Cuộc sống đang không ngừng vận động, nhiều vấn đề lý luận - thực tiễn đang trong quá trình tìm tòi. Cho nên, việc nghiên cứu không nên chót lại, mà phải gợi mở, tham khảo ý kiến rộng rãi của nhiều người, kể cả những sách báo nước ngoài, sàng lọc, phân tích, rút ra kết luận.

Sau đây, tôi xin gợi một vài vấn đề nghiên cứu lý luận trong thời gian tới để các đồng chí tham khảo.

Thứ nhất, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Tôi nghĩ rằng, "xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" là sự phát triển mang tính đường lối của Đảng ta về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ những thành quả quan trọng và những kinh nghiệm đã được tích lũy, đúc rút sau gần 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ hơn sự gắn bó hữu cơ, biện chứng giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội. Muốn có chủ nghĩa xã hội, phải áp dụng những quy luật phổ biến của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phải biết khai thác triệt để những ưu thế của kinh tế thị trường, đồng thời phải xác định rõ hành lang (định hướng) cho từng giai đoạn phát triển, để có tác động tích cực và chủ động của mình làm giảm tác động tiêu cực của kinh tế thị trường. Chúng ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội và quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa theo đường lối đổi mới, một phương hướng cơ bản và lâu dài để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhờ những bước tiến bộ của Nhà nước trong quản lý kinh tế và đặc biệt là, nhờ tinh thần phấn đấu, lao động cần cù, sáng tạo, tích cực của nhân dân ta nên 20 năm đổi mới vừa qua chúng ta đã gặt hái được những thành tựu to lớn trên mặt trận kinh tế và các mặt hoạt động khác của xã hội. Bộ mặt của đất nước đã từng bước thay đổi, đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt, mặc dù chúng ta còn rất nhiều việc phải làm trên lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội.

Tuy nhiên, cũng phải nói rằng trong quá trình hoạch định đường lối phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội đang còn có những ý kiến khác nhau, còn lẩn cẩn trong cách đánh giá. Có xu hướng hạ thấp hoặc phủ nhận kinh tế nhà nước, đề cao một chiều vai trò kinh tế tư nhân và muốn tập trung phát triển kinh tế tư nhân, muốn

cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước bằng bất cứ giá nào. Vấn đề đặt ra là nếu tư nhân hóa toàn bộ nền kinh tế thì liệu nền kinh tế đó có phục vụ cho lợi ích chung của mọi tầng lớp nhân dân không? Trên thực tế, rất ít công ty tư nhân chịu bán hàng hóa với giá do Nhà nước quy định, ngay cả khi tình thế bắt buộc. Vừa qua, một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến giá thuốc chữa bệnh bị đẩy lên rất cao là do việc nhập khẩu và phân phối thuốc bị tư nhân chi phối. Vậy nếu chỉ tập trung vào phát triển kinh tế tư nhân, không coi trọng đúng mức phát triển kinh tế nhà nước có đúng không? Ngược lại, nếu chỉ tập trung các điều kiện vật chất vào phát triển kinh tế nhà nước, coi nhẹ phát triển kinh tế tư nhân thì làm sao huy động được nguồn nội lực to lớn (bao gồm nguồn lực vật chất và nguồn lực trí tuệ) trong xã hội để phát triển nhanh, để tạo công ăn việc làm cho nền kinh tế chuyển đổi từ nông nghiệp sang công nghiệp? Vậy, quan niệm phát triển kinh tế ở Việt Nam trong thời kỳ mới như thế nào cho đúng? Điều này, tôi thấy đã được các đồng chí giải đáp phần nào trong tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới ở Việt Nam, nhưng vẫn còn không ít vấn đề cần tiếp tục làm rõ. Chẳng hạn, hiểu như thế nào về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, và quan trọng hơn - là làm thế nào để kinh tế nhà nước đóng được vai trò chủ đạo trong khi hiện nay số doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả cao, có sức cạnh tranh lớn, năng động... không nhiều?

Tổng kết lần này, các đồng chí nêu những ý kiến, phương án khác nhau về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế. Các đồng chí kiến nghị phương án xác định ở nước ta hiện nay có 3 chế độ sở hữu cơ bản (toàn dân, tập thể, tư nhân), thể hiện dưới 4 hình thức sở hữu: sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, sở hữu hỗn hợp; trên cơ sở đó, hình thành 4 thành phần kinh tế tương ứng (kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân; kinh tế hỗn hợp). Trong

các thành phần kinh tế đó, kinh tế nhà nước nắm vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng. Tôi thấy phương án đó rất đáng được xem xét, nghiên cứu.

Thứ hai, về tăng trưởng, phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội

Có lẽ điểm phân định rõ nét kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là ở mối tương quan giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội vì sự phát triển của con người. Vấn đề này, theo tôi, phát triển kinh tế đúng hướng phải gắn rất chặt với phát triển văn hóa và tiến bộ, công bằng xã hội, đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển, coi trọng phát triển nguồn lực con người; gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn khó tránh khỏi sự chênh lệch về xã hội và phân hóa thu nhập giữa các giai tầng xã hội và giữa các vùng khác nhau... Vấn đề đặt ra là sự phân hóa đến mức nào thì chấp nhận được và vẫn còn là một động lực cho sự phát triển, vượt quá "ngưỡng" đó sẽ trở thành phân cực xã hội, phân hóa giai cấp đưa xã hội tới trạng thái xung đột, là nguồn gốc của sự mất ổn định, kìm hãm sự phát triển, thậm chí đưa sự nghiệp đến tiêu vong? Trả lời đúng đắn câu hỏi này vẫn đang là một vấn đề lý luận - thực tiễn nóng hổi ở nước ta và với nhiều nước đang phát triển trên thế giới. Chúng ta cần chỉ ra sự khác biệt khá rõ về vấn đề này giữa nước ta hiện nay và các nước đang phát triển theo con đường tự phát tư bản chủ nghĩa mặc dù có không ít nước có thu nhập quốc dân đầu người cao hơn nước ta nhiều. Tôi nghĩ, vấn đề này cần được Hội đồng Lý luận Trung ương nghiên cứu sâu.

Thứ ba, về mối tương quan giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; phát triển kinh tế và ổn định chính trị

Trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, chúng ta tập trung cao độ vào đổi mới chính sách kinh tế, đồng thời cũng từng bước đổi mới hệ thống chính trị là chủ trương rất đúng đắn. Nay đã đến lúc phải đẩy mạnh đổi mới đồng bộ hơn, làm cho hệ thống chính trị của chúng ta có tác động mạnh mẽ hơn tới sự phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở giữ vững ổn định chính trị. Có người lập luận rằng, khi kinh tế phát triển cao, tự nó sẽ giải quyết được vấn đề xã hội, nhờ vậy, ổn định chính trị được tăng cường và giữ vững. Nhận thức như vậy có đúng không?. Có những nước kinh tế phát triển rất cao, nhưng vấn đề xã hội lại trở nên bức xúc, chính trị lại mất ổn định hơn bao giờ hết, kể cả các nước xã hội chủ nghĩa trước đây như Liên Xô và ở Đông Âu. Vì vậy, vấn đề đặt ra là trong quá trình phát triển kinh tế, chúng ta phải hết sức quan tâm đến vấn đề xã hội. Phát triển kinh tế để giải quyết vấn đề xã hội và việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh, bền vững. Hơn nữa, cũng cần nói rằng, sự ổn định chính trị không có nghĩa mọi mặt của đời sống chính trị cứ mãi như thế. Để ổn định chính trị, hệ thống chính trị cũng phải không ngừng đổi mới. Nếu không, đó sẽ là sự ổn định trong trì trệ, trở thành lực cản của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Để thể chế chính trị của chúng ta ổn định trong quá trình phát triển, việc phát triển kinh tế - xã hội phải được gắn chặt với an ninh - quốc phòng. Đây thực chất là mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhằm bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, hệ thống chính trị, bảo vệ kinh tế, văn hóa, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Phải tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ quan điểm về chiến tranh nhân dân, hậu phương trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao; tiếp tục làm sáng rõ quan điểm chiến lược mới về bảo vệ Tổ quốc, chiến lược quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Để phát triển kinh tế, ổn định chính trị, cũng phải tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc

tế, biến ngoại lực thành nội lực cho sự phát triển đất nước. Về mặt lý luận, cần làm rõ quan điểm của Việt Nam là tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác với các nước; lấy việc bảo đảm lợi ích quốc gia là nguyên tắc cao nhất của hội nhập và hợp tác quốc tế. Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, vì hòa bình, độc lập và phát triển. Để nâng cao hiệu quả hội nhập và hợp tác quốc tế, việc xây dựng một hệ thống chính trị vững mạnh, một nền kinh tế độc lập tự chủ có ý nghĩa quyết định.

Thứ tư, về Đảng lãnh đạo Nhà nước và vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Đây là một trong những vấn đề lớn mà các đồng chí đã nghiên cứu, tổng kết. Trong chế độ ta, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, mọi quyền lực đều ở nơi dân. Để bảo đảm cho quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và bảo vệ bản chất chính trị của Nhà nước, phải bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước vẫn là một vấn đề lý luận và thực tiễn cần được đi sâu hơn để làm sao việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng có tác động tích cực tới việc phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò và hiệu lực của Nhà nước, nâng cao quyền làm chủ của nhân dân. Đảng lãnh đạo thông qua Nhà nước và hệ thống chính trị. Hội đồng đã chú ý nghiên cứu vấn đề này. Những kết quả mà các đồng chí đã đạt được trong quá trình nghiên cứu, tổng kết về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, về cơ bản tôi tán thành. Nhưng trong thực tế, tình trạng một số cơ quan đảng vẫn giải quyết một số vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của cơ quan nhà nước; cũng có tình hình một số đồng chí lãnh đạo các cấp chính quyền, cơ quan nhà nước còn thụ động, thậm chí ý lại, dựa dẫm dưới hình thức "xin ý kiến" của cơ quan đảng ngay cả trong việc giải quyết những vấn đề thuộc chức

trách, thẩm quyền của mình hoặc ngược lại. Làm thế nào để khắc phục được tình trạng này, để sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ngày một tăng lên nhưng hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước cũng ngày một hiệu quả hơn, quyền lực của nhân dân được tăng cường hơn? Đó vẫn là một vấn đề lý luận - thực tiễn bức xúc mà các cơ quan lý luận, các nhà chỉ đạo thực tiễn phải quan tâm giải quyết.

Nghiên cứu vấn đề trên không thể tách rời với việc nghiên cứu luận cứ khoa học về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; về thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân để mối quan hệ đó thực sự được vận hành trong cuộc sống; về nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; về vị trí tối thượng của luật pháp trong việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội; về quan hệ trách nhiệm pháp lý qua lại giữa Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân; về Quốc hội thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp và thực hiện quyền giám sát tối cao; về nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa; về nền tư pháp trong sạch, độc lập, việc chủ động thực hiện chức trách đúng hiến pháp, pháp luật, của tòa án là biểu hiện trung tâm của công lý, công bằng;... Đây là những vấn đề lớn mà dưới góc độ nghiên cứu lý luận, chúng ta cần phải sớm có lời giải đáp.

Chế độ ta là chế độ nhân dân làm chủ, nhân dân là chủ thể duy nhất và tối cao của mọi quyền lực. Các cơ quan nhà nước tự nó không có quyền nào khác ngoài quyền lực do nhân dân ủy quyền. Trong vấn đề này, một vấn đề rất khó, rất quan trọng về lý luận và thực tiễn mà giới lý luận nước nhà phải giải đáp, là cần làm thế nào để hình thành, hoàn thiện cho được cơ chế sao cho không xảy ra tình trạng nhân dân ủy quyền cho Nhà nước rồi nhân dân lại mất quyền. Nếu để xảy ra tình trạng nhân dân mất quyền thì cán bộ nhà nước sẽ trở thành "ông quan cách mạng"; hành chính ở một số nơi trở

thành "hành dân là chính" như một vài báo chí đã nêu. Đây phải chăng là nguồn gốc sâu xa nhất của tình trạng quan liêu trong bộ máy nhà nước?

Để góp phần khắc phục tình trạng quan liêu của Nhà nước, phải hoàn thiện các cơ chế, quy chế để nhân dân thực hiện quyền tham gia quyết định trong toàn bộ chu trình ra đời, tồn tại và hoạt động của Nhà nước; cần mang lại giá trị pháp lý cho những quy định đó.

Nhân dân lập ra nhà nước thông qua cơ chế phổ thông đầu phiếu và bỏ phiếu kín; mọi hoạt động của nhà nước phải đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân; nhân dân có quyền bày tỏ tín nhiệm hay bất tín nhiệm với những bộ phận, những cá nhân giữ cương vị nhất định trong hệ thống tổ chức nhà nước... Trong chuỗi vấn đề này, có lẽ chúng ta phải hoàn thiện hơn nữa thiết chế bầu cử bắt đầu ngay từ khâu ứng cử, đề cử, giới thiệu nhân sự cho các danh sách bầu cử ở tất cả các cấp, ở tất cả các khâu để lựa chọn được đúng những người có phẩm chất đạo đức, có năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; cần nâng cao vai trò tranh cử trong thực chất.

Cơ chế bảo đảm để nhân dân thực hiện trên thực tế vị trí chủ thể quyền lực nhà nước hiện nay được thực hiện dưới hai hình thức là dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện (thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp). Cơ chế dân chủ trực tiếp được thực hiện thông qua nhân dân trực tiếp bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân và gần đây là thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Các cơ chế này đang từng bước được hoàn thiện. Ngoài ra, dân chủ của nhân dân còn được thực hiện qua hình thức tự quản của nhân dân. Hoàn thiện phương thức dân chủ tự quản là một vấn đề có ý nghĩa lớn đối với chúng ta bởi vì phương thức này kết hợp được sức mạnh của luật pháp và bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của đạo đức xã hội.

Hiện nay, chúng ta chưa có cơ chế giám sát của nhân dân đối với chính quyền, nên nhân

dân cũng không biết giám sát chính quyền như thế nào, bằng cách nào? Đây là một trong những vấn đề mà chúng ta cần nghiên cứu để bảo đảm cho sự giám sát của nhân dân có hiệu lực, hiệu quả.

Tôi được biết vừa qua Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình bày đề án về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát đảng viên, cán bộ, công chức ở khu dân cư, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Đây là một trong những đề xuất quan trọng, thể hiện một khía cạnh giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức và chính quyền nhà nước. Cũng phải tạo nên nhiều kênh giám sát khác mới có thể bảo đảm được sự giám sát của nhân dân đối với chính quyền nhà nước.

Chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong tình hình này, Nhà nước phải luôn chú trọng kết hợp thực hiện tốt chức năng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phải luôn gắn bó chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chức năng đối nội, đối ngoại, hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và chính sách; trong khi nhấn mạnh chức năng giai cấp của nhà nước, chúng ta cũng cần thấy rằng việc thực hiện có hiệu quả chức năng công quyền là điều kiện thực hiện có hiệu quả chức năng giai cấp. Cũng cần lưu ý thêm rằng, chúng ta đang từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền trong điều kiện một đảng cầm quyền. Tổ chức Nhà nước pháp quyền hiểu theo thiết chế dân chủ tư sản đòi hỏi phân lập các quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp. Để giải quyết xung đột giữa 3 nhánh quyền lực này có Tòa án Hiến pháp. Còn trong thiết chế Nhà nước của mình, chúng ta không chủ trương phân lập mà là phân công, phối hợp. Vai trò điều hòa, phối hợp là một trong những nội dung lãnh đạo của Đảng?

tế, biến ngoại lực thành nội lực cho sự phát triển đất nước. Về mặt lý luận, cần làm rõ quan điểm của Việt Nam là tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác với các nước; lấy việc bảo đảm lợi ích quốc gia là nguyên tắc cao nhất của hội nhập và hợp tác quốc tế. Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, vì hòa bình, độc lập và phát triển. Để nâng cao hiệu quả hội nhập và hợp tác quốc tế, việc xây dựng một hệ thống chính trị vững mạnh, một nền kinh tế độc lập tự chủ có ý nghĩa quyết định.

Thứ tư, về Đảng lãnh đạo Nhà nước và vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Đây là một trong những vấn đề lớn mà các đồng chí đã nghiên cứu, tổng kết. Trong chế độ ta, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, mọi quyền lực đều ở nơi dân. Để bảo đảm cho quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân và bảo vệ bản chất chính trị của Nhà nước, phải bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước vẫn là một vấn đề lý luận và thực tiễn cần được đi sâu hơn để làm sao việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng có tác động tích cực tới việc phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò và hiệu lực của Nhà nước, nâng cao quyền làm chủ của nhân dân. Đảng lãnh đạo thông qua Nhà nước và hệ thống chính trị. Hội đồng đã chú ý nghiên cứu vấn đề này. Những kết quả mà các đồng chí đã đạt được trong quá trình nghiên cứu, tổng kết về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, về cơ bản tôi tán thành. Nhưng trong thực tế, tình trạng một số cơ quan đảng vẫn giải quyết một số vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của cơ quan nhà nước; cũng có tình hình một số đồng chí lãnh đạo các cấp chính quyền, cơ quan nhà nước còn thụ động, thậm chí ý lại, dựa dẫm dưới hình thức "xin ý kiến" của cơ quan đảng ngay cả trong việc giải quyết những vấn đề thuộc chức

trách, thẩm quyền của mình hoặc ngược lại. Làm thế nào để khắc phục được tình trạng này, để sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ngày một tăng lên nhưng hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước cũng ngày một hiệu quả hơn, quyền lực của nhân dân được tăng cường hơn? Đó vẫn là một vấn đề lý luận - thực tiễn bức xúc mà các cơ quan lý luận, các nhà chỉ đạo thực tiễn phải quan tâm giải quyết.

Nghiên cứu vấn đề trên không thể tách rời với việc nghiên cứu luận cứ khoa học về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; về thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân để mối quan hệ đó thực sự được vận hành trong cuộc sống; về nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; về vị trí tối thượng của luật pháp trong việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội; về quan hệ trách nhiệm pháp lý qua lại giữa Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân; về Quốc hội thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp và thực hiện quyền giám sát tối cao; về nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa; về nền tư pháp trong sạch, độc lập, việc chủ động thực hiện chức trách đúng hiến pháp, pháp luật, của tòa án là biểu hiện trung tâm của công lý, công bằng;... Đây là những vấn đề lớn mà dưới góc độ nghiên cứu lý luận, chúng ta cần phải sớm có lời giải đáp.

Chế độ ta là chế độ nhân dân làm chủ, nhân dân là chủ thể duy nhất và tối cao của mọi quyền lực. Các cơ quan nhà nước tự nó không có quyền nào khác ngoài quyền lực do nhân dân ủy quyền. Trong vấn đề này, một vấn đề rất khó, rất quan trọng về lý luận và thực tiễn mà giới lý luận nước nhà phải giải đáp, là cần làm thế nào để hình thành, hoàn thiện cho được cơ chế sao cho không xảy ra tình trạng nhân dân ủy quyền cho Nhà nước rồi nhân dân lại mất quyền. Nếu để xảy ra tình trạng nhân dân mất quyền thì cán bộ nhà nước sẽ trở thành "ông quan cách mạng"; hành chính ở một số nơi trở

thành "hành dân là chính" như một vài báo chí đã nêu. Đây phải chăng là nguồn gốc sâu xa nhất của tình trạng quan liêu trong bộ máy nhà nước?

Để góp phần khắc phục tình trạng quan liêu của Nhà nước, phải hoàn thiện các cơ chế, quy chế để nhân dân thực hiện quyền tham gia quyết định trong toàn bộ chu trình ra đời, tồn tại và hoạt động của Nhà nước; cần mang lại giá trị pháp lý cho những quy định đó.

Nhân dân lập ra nhà nước thông qua cơ chế phổ thông đầu phiếu và bỏ phiếu kín; mọi hoạt động của nhà nước phải đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân; nhân dân có quyền bày tỏ tín nhiệm hay bất tín nhiệm với những bộ phận, những cá nhân giữ cương vị nhất định trong hệ thống tổ chức nhà nước... Trong chuỗi vấn đề này, có lẽ chúng ta phải hoàn thiện hơn nữa thiết chế bầu cử bắt đầu ngay từ khâu ứng cử, đề cử, giới thiệu nhân sự cho các danh sách bầu cử ở tất cả các cấp, ở tất cả các khâu để lựa chọn được đúng những người có phẩm chất đạo đức, có năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; cần nâng cao vai trò tranh cử trong thực chất.

Cơ chế bảo đảm để nhân dân thực hiện trên thực tế vị trí chủ thể quyền lực nhà nước hiện nay được thực hiện dưới hai hình thức là dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện (thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp). Cơ chế dân chủ trực tiếp được thực hiện thông qua nhân dân trực tiếp bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân và gần đây là thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Các cơ chế này đang từng bước được hoàn thiện. Ngoài ra, dân chủ của nhân dân còn được thực hiện qua hình thức tự quản của nhân dân. Hoàn thiện phương thức dân chủ tự quản là một vấn đề có ý nghĩa lớn đối với chúng ta bởi vì phương thức này kết hợp được sức mạnh của luật pháp và bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, của đạo đức xã hội.

Hiện nay, chúng ta chưa có cơ chế giám sát của nhân dân đối với chính quyền, nên nhân

dân cũng không biết giám sát chính quyền như thế nào, bằng cách nào? Đây là một trong những vấn đề mà chúng ta cần nghiên cứu để bảo đảm cho sự giám sát của nhân dân có hiệu lực, hiệu quả.

Tôi được biết vừa qua Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình bày đề án về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát đảng viên, cán bộ, công chức ở khu dân cư, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Đây là một trong những đề xuất quan trọng, thể hiện một khía cạnh giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức và chính quyền nhà nước. Cũng phải tạo nên nhiều kênh giám sát khác mới có thể bảo đảm được sự giám sát của nhân dân đối với chính quyền nhà nước.

Chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong tình hình này, Nhà nước phải luôn chú trọng kết hợp thực hiện tốt chức năng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phải luôn gắn bó chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chức năng đối nội, đối ngoại, hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và chính sách; trong khi nhấn mạnh chức năng giai cấp của nhà nước, chúng ta cũng cần thấy rằng việc thực hiện có hiệu quả chức năng công quyền là điều kiện thực hiện có hiệu quả chức năng giai cấp. Cũng cần lưu ý thêm rằng, chúng ta đang từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền trong điều kiện một đảng cầm quyền. Tổ chức Nhà nước pháp quyền hiểu theo thiết chế dân chủ tư sản đòi hỏi phân lập các quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp. Để giải quyết xung đột giữa 3 nhánh quyền lực này có Tòa án Hiến pháp. Còn trong thiết chế Nhà nước của mình, chúng ta không chủ trương phân lập mà là phân công, phối hợp. Vai trò điều hòa, phối hợp là một trong những nội dung lãnh đạo của Đảng?

Cùng với việc bảo đảm và nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, chúng ta phải dựa vào lực lượng của nhân dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, có hệ thống pháp luật vững chắc. Phải tổ chức thật tốt các cơ quan nhà nước, phải xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất cách mạng, đạo đức trong sạch, năng lực chuyên môn giỏi, có ý thức phục vụ nhân dân cao.

Để phát huy vai trò là cơ quan tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề lý luận nhằm cung cấp cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng cũng như việc định hướng các chương trình, đề tài cấp nhà nước về lý luận chính trị phục vụ trực tiếp cho công tác lãnh đạo của Đảng, Hội đồng Lý luận Trung ương cần quy tụ, khai thác và phát huy mạnh mẽ hơn nữa tiềm lực nghiên cứu khoa học của tất cả các cơ quan lý luận, các học viện, viện, trường đại học, các cán bộ khoa học và tăng cường trao đổi khoa học với các nước. Mặt khác, phải bám sát thực tiễn cuộc sống, qua đó công tác nghiên cứu sẽ đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thực tiễn, cần đặt việc tăng cường thâm nhập thực tiễn, tổng kết thực tiễn là một điều kiện tiên quyết. Việc Hội đồng làm tốt chức năng là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới mang lại cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý giá trong vấn đề này. Trong các năm tới, tôi mong Hội đồng tiếp tục phát huy tốt hơn nữa việc nghiên cứu lý luận gắn với thực tiễn đất nước để có nhiều đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân.

Muốn nghiên cứu có kết quả, điều quan trọng là chúng ta phải nắm bắt thật nhanh nhạy tình hình trong nước và tình hình thế giới. Dưới tác động của cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa, mọi sự vật và hiện tượng đang diễn biến mau lẹ, những người làm công tác nghiên cứu lý luận phải bám sát cuộc sống để phản ánh đúng cuộc sống và có những

kiến nghị kịp thời với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị. Chúng ta phải đưa lý luận vào cuộc sống và lấy cuộc sống để kiểm nghiệm lý luận.

Để tìm ra chân lý, việc bám sát thực tiễn, lấy thực tiễn là cơ sở và dùng thực tiễn để kiểm tra kết quả nghiên cứu là những vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng. Song, dựa trên tiền đề là thực tiễn, chân lý còn được phát hiện ra qua tranh luận, thảo luận. Trong thảo luận, cần hết sức dân chủ, hết sức tránh quy chụp, áp đặt. Để mở rộng dân chủ trong nghiên cứu, thảo luận lý luận, Hội đồng cần có đóng góp tích cực vào việc hoàn thiện Dự thảo Quy chế Dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn mà Thủ tướng Chính phủ đã giao cho Viện Khoa học Xã hội Việt Nam chủ trì soạn thảo. Trong khi nghiên cứu, cũng cần phải phân ra cái ngắn hạn, cái trung hạn, cái dài hạn, nhằm vừa đáp ứng được những vấn đề trước mắt, vừa đáp ứng được những vấn đề lâu dài.

Điều cuối cùng, tôi muốn đề cập là ngoài việc tổ chức nghiên cứu tham mưu cho Đảng, hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, các cơ quan, các nhà nghiên cứu lý luận chính trị, tư tưởng cần đi đầu trong sinh hoạt chính trị tư tưởng của Đảng, qua đó vừa củng cố vững chắc niềm tin vào lý tưởng cách mạng của Đảng, của nhân dân ta, vừa đấu tranh kiên quyết và sắc bén đập tan mọi luận điệu xuyên tạc, "tâm lý chiến" mà các thế lực thù địch đang hằng ngày, hằng giờ gieo rắc nhằm chống lại Đảng, Nhà nước và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Nhân dịp đầu năm mới, chúc Hội đồng Lý luận Trung ương tiếp tục phát huy vai trò trách nhiệm của mình, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Chúc tất cả các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt, cống hiến nhiều hơn nữa cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc ta. □

ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ ĐÚNG ĐẮN LÀ YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH SỰ NGHIỆP LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

VŨ HỮU NGOẠN*

ĐẢNG Cộng sản Việt Nam ra đời là cột mốc chói lọi của lịch sử hiện đại dân tộc ta, là bước nhảy vọt to lớn của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, đưa phong trào yêu nước Việt Nam lên trình độ tự giác cao, có lý luận khoa học soi đường, có giai cấp tiên phong dẫn dắt, gắn liền cách mạng nước ta với cách mạng vô sản thế giới. Từ đây, lực lượng nhân dân, vốn là động lực chân chính của lịch sử, được nhân lên gấp bội. Từ đây, cách mạng nước ta có một lực lượng lãnh đạo gắn liền với một phương thức sản xuất và ý thức hệ tiên tiến, thì dù khó khăn gian khổ hy sinh đến mấy nhất định sẽ giành thắng lợi. Nhìn lại chặng đường 75 năm, kể từ khi có Đảng, cách mạng Việt Nam thật phong phú, có sức sống và phát triển mạnh mẽ. Sức sống và sức phát triển ấy bắt nguồn từ đường lối chính trị đúng đắn cùng trách nhiệm và năng lực tổ chức thực hiện đường lối đó của Đảng.

Một chính đảng có tính cách mạng và khoa học phải thể hiện trước hết ở một đường lối chính trị đúng đắn mang tính cách mạng và khoa học. Bởi vì, đường lối chính trị đúng đắn mang tính cách mạng và khoa học là yếu tố quyết định làm cho Đảng vững mạnh, nhân dân anh hùng, sự nghiệp cách mạng thắng lợi. *Đường lối chính trị xác định mục tiêu và phương pháp cơ bản để đạt mục tiêu đó của*

cách mạng trong thời gian dài và trong từng giai đoạn cách mạng nhất định, thể hiện bản chất của Đảng và là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ, động viên quần chúng; nó quyết định vận mệnh của Đảng và của dân tộc. Kinh nghiệm từ thực tiễn phong trào cộng sản và công nhân trên thế giới cho thấy trong cách mạng không có nguy cơ nào lớn hơn nguy cơ sai lầm về đường lối, không có sai lầm nào nghiêm trọng hơn sai lầm về đường lối. Đường lối chính trị đúng đắn là xuất phát của thắng lợi, đường lối chính trị sai lầm là xuất phát của thất bại. Đường lối chính trị quyết định công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ. Đường nhiên, công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ lại có ảnh hưởng đến việc xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối chính trị. Cho nên xây dựng Đảng đồng bộ trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó xây dựng Đảng về chính trị, trước hết về đường lối chính trị là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

Trong *Chính cương vắn tắt* mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc đề ra khi tiến hành hội nghị hợp nhất thành lập Đảng, cũng như trong Cương lĩnh chính trị được thông qua tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung

* Thường trực Ban chỉ đạo biên soạn Toàn tập Văn kiện Đảng

ương Đảng tháng 10-1930, đều cho thấy ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã xác định đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam là **trước làm cách mạng tư sản dân quyền, sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa**. Sự vận động của thực tiễn càng cho thấy đó là đường lối tổng quát, bao trùm, quán xuyên các thời kỳ cách mạng. Đường lối này cũng có thể diễn đạt là trong điều kiện, hoàn cảnh của nước ta thì tiến hành cách mạng giải phóng nhân dân, giải phóng dân tộc phải gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Đường lối đó đã phản ánh trung thành nhu cầu và lợi ích sâu xa của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, muốn được giải phóng thực sự, giải phóng triệt để, vĩnh viễn; dựa trên tinh thần và khả năng cách mạng không ngừng, có phân chia giai đoạn, bước đi kế tiếp nhau; dựa trên nhận thức quy luật tiến hóa của lịch sử loài người, nhận thức về số phận cuối cùng của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc và về tiền đồ rộng lớn của chủ nghĩa xã hội ... Cái thực chất của tính cách mạng và khoa học ở đây là sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa. Sự lựa chọn này phản ánh xu thế phát triển tất yếu của lịch sử nước ta, phù hợp quy luật khách quan và trào lưu của thời đại, đã trở thành lý tưởng phấn đấu suốt đời của Hồ Chí Minh kể từ khi Người phát hiện ra con đường cách mạng Việt Nam là cách mạng vô sản; đồng thời, trở thành lý tưởng phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân ta suốt 75 năm qua.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta đã xây dựng được đường lối chính trị đúng. Đó là thực hiện nhiệm vụ phản đế và phản phong một cách khăng khít, không thể tách rời, thực hiện dân tộc độc lập và người cày có ruộng. Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi là kết quả trực tiếp của đường lối đúng đắn này. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, đường lối của ta có sự kết hợp tuyệt vời giữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa

xã hội, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, thống nhất nước nhà, đi lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng ta thể hiện sự kiên định về chiến lược, sự sắc sảo, mềm dẻo về sách lược, sự phong phú, sáng tạo và linh hoạt về phương pháp cách mạng, và thực tiễn chứng tỏ nó đóng vai trò nhân tố quyết định hàng đầu cho thắng lợi.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Đảng ta đã kịp thời đề ra *đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta*. Đường lối này lần đầu tiên được xác định tại Đại hội III của Đảng (1960) - một cột mốc hết sức quan trọng trên con đường phát triển của Đảng và của cách mạng nước ta. Nó đánh dấu sự hình thành đường lối cơ bản về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trải qua 40 năm cuối của thế kỷ XX và 5 năm đầu thế kỷ XXI, thực tiễn cách mạng vô cùng phong phú đi đôi với sự phát triển tư duy lý luận, *đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng đã được bổ sung, phát triển liên tục qua các Đại hội, các hội nghị Trung ương và Bộ Chính trị*. Và, dĩ nhiên *đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội được bổ sung, phát triển liên tục ấy đã tác động trở lại đến thực tiễn, tạo nên những biến đổi cho thế và lực của cách mạng nước ta hiện nay*.

Chỉ mấy năm sau Đại hội III, cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Hội nghị Trung ương 12 khóa III, năm 1965 đã quyết định, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, là hậu phương lớn cho miền Nam và miền Nam tiếp tục làm nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ. Đây là một biểu hiện rất đặc thù của cách mạng Việt Nam : *Dưới sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản, nhưng tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Đảng ta đã giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa hai chiến lược đó, phục vụ nhiệm vụ chung giải phóng hoàn toàn đất nước và*

thống nhất Tổ quốc. Ở đây, thể hiện rất sinh động đường lối được hoạch định ngay từ ngày thành lập Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng bào ta ở miền Nam, trong khi đang chiến đấu vẫn luôn luôn hướng về miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng bào ta ở miền Bắc, trong khi xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn luôn luôn góp sức vào công cuộc giải phóng miền Nam; nhân dân cả nước hướng tiến tới thống nhất nước nhà.

Tuy nhiên, ở giai đoạn này, Đảng ta cũng phạm một số khuyết điểm trong việc lãnh đạo và quản lý kinh tế. Yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng chung của cả nước cũng như thực tiễn chiến đấu quyết liệt lúc bấy giờ đã làm nổi bật ưu điểm và phần nào che lấp khuyết điểm. Quản lý kinh tế, xã hội với cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp trong điều kiện lúc đó chưa dễ dàng tránh khỏi. Một "chủ nghĩa xã hội thời chiến" trên mức độ nào đó là có lý do lịch sử. Cũng có khuyết điểm mà chúng ta đã bắt đầu nhìn thấy, song chưa dễ dàng sửa. Chính trong lúc đang còn chiến tranh, Nghị quyết 20 của Ban Chấp hành Trung ương khóa III (4-1972), đã định ra chủ trương cải tiến quản lý kinh tế, xóa bỏ quản lý hành chính bao cấp, thực hiện phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, song một mặt do nhận thức bị giới hạn bởi trình độ chung của cả hệ thống xã hội chủ nghĩa, mặt khác do hoàn cảnh khách quan lúc đó chưa cho phép sửa chữa một cách căn bản, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang dốc sức vào trận chiến đấu toàn diện cuối cùng khi tình thế cách mạng xuất hiện khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Đảng ta đã xác định đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một quyết định lịch sử đúng đắn, trung thành với Cương lĩnh 1930 của Đảng, phù hợp với sự vận động của thực tiễn, bù đắp cho sự hy sinh vô cùng to lớn của đồng bào và chiến sĩ cả nước vì lý tưởng cách mạng suốt 45 năm. *Đại hội IV*

của Đảng đã đề ra đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Trong việc xác định đường lối, Đảng ta đã cố gắng vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, phát triển một bước đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được hoạch định từ Đại hội III và được bổ sung trong quá trình thực hiện, thể hiện ý thức độc lập, tự chủ, sáng tạo, sự trăn trở tìm tòi một mô hình chủ nghĩa xã hội thích hợp với dân tộc ta và điều kiện mới trên thế giới.

Trên cơ sở kiên trì học thuyết Mác - Lê-nin về vấn đề Nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV đề ra đã có điểm phát triển mới là: nhấn mạnh phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động, với mong muốn bảo đảm cho dân thật sự là chủ và làm chủ đất nước. Đó thực chất cũng muốn nói là dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng do chưa tính hết các điều kiện thực tế, chúng ta đã nhấn mạnh quá mức và đưa ra một số chủ trương chưa phù hợp; đồng thời, đề ra đường lối chung là: tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt... công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm suốt thời kỳ quá độ. Điều này phù hợp với đặc điểm và đòi hỏi của một nước từ sản xuất nhỏ, kinh tế nghèo nàn và lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, lúc đó xác định việc hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, kết thúc thời kỳ quá độ, trong vòng 15 - 20 năm, là không đánh giá đúng tình hình trong nước và quốc tế. Từ đó dẫn đến chủ trương bỏ qua "bước đi ban đầu"; bố trí cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư không hợp lý, vượt quá nguồn lực có sẵn; tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa các thành phần kinh tế cá thể và tư bản tư doanh ở miền Nam một cách vội vã, ồ ạt; tổ chức lại sản xuất theo quy mô lớn trong nông nghiệp, kéo theo mở rộng quy mô hợp tác xã, quy mô xã,

huyện, tỉnh; mở rộng và duy trì quá lâu cơ chế quản lý thời chiến... đã làm mất động lực phát triển khi chuyển sang lấy xây dựng kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm.

Tuy đã xây dựng được một số công trình và cơ sở công nghiệp quan trọng tạo thuận lợi cho việc ổn định và phát triển kinh tế sau này, nhưng nhìn chung việc thực hiện đường lối Đại hội IV đề ra là không đưa lại hiệu quả mong muốn, đời sống nhân dân tiếp tục khó khăn, kinh tế - xã hội rơi vào khủng hoảng. Vốn có truyền thống, bản lĩnh cách mạng và khoa học, xuất phát từ thực tiễn, Đảng ta đã kịp thời đề ra những quyết định quan trọng tại Hội nghị Trung ương 4 khóa IV (7-1978) và Hội nghị Trung ương 6, khóa IV (8-1979), đánh dấu sự khởi đầu của đổi mới tư duy kinh tế. *Đại hội V của Đảng (3-1982) đã có quyết định điều chỉnh một bước về đường lối, về bước đi của công nghiệp hóa: xác định nước ta còn đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ; lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu để ổn định kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất hàng tiêu dùng, xây dựng một số cơ sở công nghiệp nặng phục vụ nông nghiệp và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, coi đó là nội dung của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu.*

Mặc dù, có điều chỉnh một bước về đường lối, nhưng tình hình kinh tế - xã hội vẫn tiếp tục khó khăn và diễn biến xấu, thực tiễn đòi hỏi gay gắt phải có lối ra căn bản để thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trong khi chuẩn bị cho Đại hội VI, những kết luận của Bộ Chính trị, khóa V về ba quan điểm kinh tế (cải tạo quan hệ sản xuất, đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý) là đánh dấu sự hình thành cốt lõi của tư duy kinh tế mới. *Đại hội VI của Đảng (12-1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu bước ngoặt về phát triển đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, đánh dấu bước chuyển rất quan trọng trong nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.*

Chỉ 5 năm sau, kể từ Đại hội VI, chiều hướng phát triển của tình hình kinh tế - xã hội cho thấy đường lối đổi mới là đúng đắn, hợp quy luật, có sức sống, hợp lòng dân. Trước tình hình sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và diễn biến xấu của công cuộc cải tổ ở Liên Xô, Đại hội VII của Đảng ta (6-1991), đã xây dựng được một hệ quan điểm đổi mới, thể hiện tính cách mạng và tính khoa học là tiếp tục đổi mới và đổi mới có nguyên tắc; đặc biệt đã đề ra *Cương lĩnh "xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"*. Cương lĩnh này là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng trong giai đoạn ấy và cả trong những thập niên tới. Đó là kết quả tổng kết thực tiễn không chỉ của 5 năm đổi mới mà của cả nhiều năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, không chỉ của nước ta mà cả những kinh nghiệm thành công và thất bại của các nước xã hội chủ nghĩa, là kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới.

Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng (1-1994) và tiếp đó là, Đại hội VIII (6-1996) và Đại hội IX (4-2001) đều xác định nước ta đang trong thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã chỉ ra nội dung, phương pháp, bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện hiện nay, đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Nhìn lại gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, bộ mặt xã hội nước ta có nhiều thay đổi tích cực, tăng trưởng kinh tế cao, đời sống nhân dân được cải thiện, chính trị ổn định, an ninh - quốc phòng được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế quốc tế tăng lên, tạo nên thế và lực mới của cách mạng nước ta. Điều ấy, một lần nữa chứng tỏ *một đường lối chính trị đúng đắn sẽ có sức sống to lớn trong đời sống xã hội, trong sự nghiệp lãnh đạo của Đảng.*

Trong 75 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta không phải không có lúc vấp vấp, phạm sai lầm, khuyết điểm. Đó là những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo đấu tranh những năm đầu sau khi thành lập Đảng, trong cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, trong lãnh đạo kinh tế dẫn đến tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội... Nhưng một đảng vững mạnh là biết nhận ra sai lầm, có thái độ kiên quyết, dũng cảm sửa chữa sai lầm và biết cách sửa chữa sai lầm có hiệu quả. Đảng ta là như thế. Đảng đã tự phê bình những khuyết điểm trọng tổ chức đấu tranh những ngày đầu sau khi thành lập, rồi phong trào đấu tranh lại lên cao với những hình thức mới và khi thời cơ đến đã lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 đại thắng lợi. Năm 1956, Đảng đã nhận lỗi trước dân về sai lầm trong cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, rồi kiên quyết sửa sai, biết cách sửa sai có hiệu quả, bảo đảm đại đoàn kết toàn dân, ổn định xã hội. Năm 1986, Đảng cũng dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật về thực trạng đất nước và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, rồi kiên quyết, dũng cảm tiến hành công cuộc đổi mới.

Biết nhận sai lầm, khuyết điểm, kiên quyết sửa chữa có hiệu quả, là phẩm chất và năng lực không thể thiếu của người lãnh đạo, nhằm có những điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cần thiết đối với đường lối chính trị, bảo đảm cho đường lối chính trị luôn luôn đúng đắn, mang tính cách mạng và khoa học, bảo đảm cho sự nghiệp lãnh đạo của Đảng, cho lợi ích của nhân dân và toàn thể dân tộc. *Chỉ có đường lối chính trị đúng đắn, có tính cách mạng và khoa học mới đoàn kết nhất trí trong Đảng, đoàn kết nhất trí trong xã hội, tiến lên giành những thắng lợi to lớn.*

Bảy mươi lăm năm qua cho Đảng ta những kinh nghiệm quý giá để có được đường lối chính trị đúng đắn, có tính cách mạng và khoa học. Đó là :

Một, trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, là

nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và nhân dân ta, trước hết là nền tảng tư tưởng của đường lối chính trị do Đảng đề ra.

Hai, trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc, kế thừa và phát huy truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; biết tham khảo kinh nghiệm đấu tranh của nhân dân thế giới, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Ba, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo ngay từ khi xây dựng đường lối chính trị. Kinh nghiệm xương máu cho thấy hễ khi nào độc lập, tự chủ, sáng tạo là thành công, hễ khi nào giáo điều, rập khuôn máy móc, thiếu tinh thần độc lập, tự chủ là sai lầm, tổn thất; bởi lẽ, mỗi nước, mỗi dân tộc, mỗi đảng, mỗi thời điểm lịch sử đều có những đặc điểm và hoàn cảnh không giống nhau.

Bốn, phát huy dân chủ, phát huy trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân. Thành công trong việc sửa chữa sai lầm và xác định đúng đắn đường lối đổi mới vừa qua, một nguyên nhân quan trọng là Đảng ta đã giữ vững nguyên tắc sinh hoạt, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội, biết lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, không chủ quan, thỏa mãn. Kinh nghiệm này cũng có nghĩa là phải thường xuyên bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, kết hợp chặt chẽ và nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn. Thực tiễn công cuộc đổi mới đang đặt ra nhiều vấn đề cần nghiên cứu, tổng kết, trả lời, nhằm bổ sung, hoàn thiện đường lối chính trị của Đảng. Đó là: bối cảnh mới vô cùng phong phú và đầy phức tạp của tình hình thế giới; mô hình cụ thể của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển kinh tế nhiều thành phần; thực hiện cơ chế thị trường

(Xem tiếp trang 43)

LỰA CHỌN VÀ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2005

ĐẶNG VĂN THANH *

THEO đánh giá của Chính phủ, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2004, các chỉ tiêu do Quốc hội đề ra sẽ hoàn thành và hoàn thành vượt mức, có chỉ tiêu vượt mức khá cao (*có 3 chỉ tiêu: mức tăng giá cả, mức giảm tỷ lệ sinh, tổng mức vốn đầu tư toàn xã hội là có thể không đạt hoặc chỉ đạt xấp xỉ kế hoạch đề ra*). Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) là 7,7%, trong đó khu vực nông - lâm - ngư nghiệp tăng 3,3%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,2%, khu vực dịch vụ tăng 7,3%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 7 năm gần đây và liên tục năm sau cao hơn năm trước.

Nhiệm vụ đặt ra cho năm 2005 rất nặng nề và cũng rất cụ thể. Năm 2005, năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), nền kinh tế Việt Nam đứng trước những thuận lợi lớn do kết quả phát triển kinh tế - xã hội 4 năm qua, do các cuộc cải cách kinh tế nhiều nước sau thời kỳ khủng hoảng kinh tế có tác dụng tích cực cho phát triển kinh tế thế giới. Xu hướng liên kết kinh tế khu vực và song phương có sự điều chỉnh đáng kể đang diễn ra nhanh có tác động đến quá trình phát triển

kinh tế - xã hội nước ta. Tuy nhiên, tình hình chính trị thế giới còn diễn biến phức tạp, khó lường; giá dầu mỏ thế giới đang ở mức cao và đang biến động bất thường có tác động mạnh đến giá cả hàng tiêu dùng và dịch vụ. Những thách thức của toàn cầu hóa kinh tế đang đòi hỏi Việt Nam phải quan tâm giải quyết hàng loạt vấn đề từ tạo dựng khuôn khổ pháp lý đến nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Mục tiêu và chỉ tiêu của kế hoạch năm 2005 là phải phấn đấu với mức cao nhất, đạt cho được nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), vừa tăng trưởng cao, vừa bảo đảm sự ổn định bền vững của nền kinh tế. Mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước là 8 - 8,5% đòi hỏi quyết tâm cao, có nhiều giải pháp đột phá. Nhưng mức tăng trưởng này vẫn còn mang tính tuần tự (năm 2001: 6,89%; năm 2002: 7,08%; năm 2003: 7,26%; năm 2004: 7,6%). Nếu đạt tốc độ tăng trưởng cận trên là 8,5%, vẫn chưa đạt được chỉ tiêu tăng trưởng bình quân 7,5%/năm do Đại hội IX của Đảng đề ra, vậy

* PGS, TS, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách của Quốc hội

cần phấn đấu cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2005 ở mức 8,5% - 8,8%.

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2005, cần tập trung lựa chọn và triển khai một cách tích cực, có hiệu quả các giải pháp sau:

Thứ nhất: Phải bằng các hình thức phong phú đa dạng, các giải pháp cụ thể, thiết thực để khai thác và huy động tối đa mọi nguồn lực trong và ngoài nước, chủ yếu là trong nước cho đầu tư phát triển. Đồng thời sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích từng nguồn vốn, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng cao, ổn định và bền vững.

Nhờ phát huy nội lực, năm 2004 vốn đầu tư trong nước tăng cả về số tuyệt đối và tỷ trọng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 251 nghìn tỉ đồng. Vốn đầu tư trong nước chiếm 72% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Chính phủ đã phát hành trái phiếu chính phủ, công trái giáo dục để có thêm vốn đẩy nhanh việc xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi trọng điểm, kiên cố hóa trường học. Đây là nguồn vốn quan trọng hỗ trợ cho đầu tư trong cân đối ngân sách nhà nước. Nhờ nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được xây dựng thêm và nâng cấp.

Tuy nhiên, trong việc sử dụng vốn nhà nước vẫn thiếu tập trung, bị co kéo nhiều mục tiêu, bố trí dàn trải nhiều dự án, công trình. Tình trạng dàn trải trong đầu tư diễn ra ngay từ chủ trương đầu tư đến quyết định và kế hoạch đầu tư vốn. Có nhiều công trình, dự án triển khai chậm, kéo dài, khối lượng đầu tư xây dựng dở dang lớn, gây lãng phí và kém hiệu quả. Có công trình, dự án đầu tư đã không đúng từ quy hoạch. Tình trạng thất thoát, lãng phí vốn đầu tư xây dựng cơ bản

trong các giai đoạn, các khâu của quá trình đầu tư. Việc thực hiện và giải ngân các nguồn vốn tín dụng đầu tư nhà nước, nguồn vốn ODA, nguồn vốn trái phiếu chính phủ, công trái giáo dục đều chậm, không bảo đảm tiến độ như đã phê duyệt.

Tình trạng đầu tư trên đã ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả tăng trưởng kinh tế. Mức chênh lệch giữa tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất và giá trị gia tăng còn lớn, vừa do cơ cấu đầu tư có phần chưa hợp lý, quyết định đầu tư chưa sát, vừa do tình trạng thất thoát, lãng phí khá nghiêm trọng. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp. Đầu tư cho một chỗ làm mới cao hơn so với hiệu quả mang lại (để tạo ra một chỗ việc làm mới cần đầu tư gần 1000 USD, trong khi đó năng suất lao động chỉ đạt 750 USD/người lao động). Hiệu quả đầu tư thấp còn biểu hiện rõ qua sự tăng lên quá nhanh của hệ số ICOR, tăng từ 3,9 ở thời kỳ 1996 - 2000, đã lên gần 5,0 trong giai đoạn 2001 - 2004. Năng suất sản xuất một số ngành chưa cao. Trong nông nghiệp, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích chỉ đạt bình quân 19 triệu đồng/ha/năm. Trong lâm nghiệp, năng suất sinh khối rừng trồng sản xuất bình quân mới đạt 7 - 8 m³/ha/năm; chất lượng rừng thấp, đất trống còn nhiều. Bên cạnh một số ngành công nghiệp tăng khá như lắp ráp xe máy, điện, khai thác dầu, than đá, phân bón..., một số sản phẩm có mức tăng không tương ứng với nhu cầu của các ngành trong nước như: thép, sản phẩm thép (tăng 7,5%), động cơ đi-ê-zen (tăng 4,6%), máy bơm công nghiệp (tăng 4,4%), thuốc trừ sâu (tăng 4,2%), xi-măng (tăng 7%) v.v..

Cần có sự đánh giá một cách toàn diện và xử lý hợp lý mối quan hệ giữa nguồn lực trong nước và ngoài nước. Khai thác và sử dụng tốt hơn các nguồn lực trong nước, nhất

là nguồn lực trong dân, nguồn lực từ đất đai, tài sản công. Tiếp tục giữ tỷ lệ động viên vào ngân sách nhà nước trên 22% GDP. Bảo đảm tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt xấp xỉ 300 nghìn tỉ đồng, tăng 17,5% - 19,5% so với năm 2004, bằng 36,5% GDP. Đa dạng hóa các phương thức để mở rộng phạm vi xã hội hóa cả trong kinh tế và xã hội. Áp dụng các cơ chế phù hợp, bình đẳng cho kinh tế dân doanh về mặt bằng kinh doanh, tiếp cận với các nguồn tín dụng, tiếp nhận những chính sách khuyến khích của Nhà nước, tham gia thị trường. Xóa bỏ sự phân biệt đối xử và bảo đảm quyền bình đẳng thực sự giữa các chủ thể kinh tế. Tiếp tục cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài, kể cả đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp. Xây dựng và ban hành Luật Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư áp dụng chung cho các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Bảo đảm quyền kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được mở rộng phù hợp với các cam kết mở cửa thị trường theo các hiệp định thương mại song phương, trong đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới. Khắc phục các trở ngại trong giải ngân vốn ODA như phối hợp với các nhà đầu tư, các nhà tài trợ cải tiến thủ tục, bố trí đủ vốn đối ứng, giải phóng và bàn giao mặt bằng đúng tiến độ...

Tạo lập và phát triển mạnh thị trường vốn trung hạn và dài hạn, nhất là thị trường chứng khoán, hoạt động thuê mua tài chính, cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu lại nợ của nền kinh tế, nợ của ngân hàng... nhằm tăng khả năng huy động và cung ứng vốn dài hạn, trung hạn cho nền kinh tế. Chủ động điều hành chính sách tài chính tiền tệ, tỷ giá và lãi suất, sử dụng có hiệu quả các công cụ nợ để huy động và điều

hòa các nguồn vốn. Có cơ chế bảo đảm, tạo niềm tin cho nhân dân, cho các nhà đầu tư đối với pháp luật và sự ổn định chính sách để họ yên tâm đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.

Tạo môi trường thuận lợi để ngày càng có nhiều tổ chức, cá nhân cùng Nhà nước đầu tư phát triển một số ngành, lĩnh vực. Có chính sách ưu đãi, cơ chế thông thoáng và ổn định trong các lĩnh vực y tế, đào tạo đại học, cao đẳng, dạy nghề, văn hóa, giải trí, giáo dục mầm non, thể dục - thể thao..., trước hết tại các đô thị, thành phố lớn. Thực hiện chuyển một phần vốn ngân sách nhà nước đang đầu tư ở đô thị, thành phố sang đầu tư cho địa bàn nông thôn, miền núi, biên giới có nhiều khó khăn, khó có điều kiện xã hội hóa.

Thứ hai: Theo dõi sát diễn biến thị trường, giá cả; tập trung chọn lựa và triển khai có hiệu quả các giải pháp ổn định thị trường, kiểm soát và kiềm chế sự tăng giá hàng hóa, dịch vụ. Đồng thời, cần chủ động vận hành nền kinh tế phù hợp với mặt bằng giá mới đã được tạo lập.

Thực tế cho thấy, ngay trong 4 tháng đầu năm 2004, chỉ số giá hàng tiêu dùng và dịch vụ đã tăng 5,4%, vượt mức cả năm theo Nghị quyết của Quốc hội (tăng không quá 5%) và đến tháng 12-2004 tăng 9,5%. Đó là mức tăng cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Khác với các năm trước, giá cả thường tăng trong 2 - 3 tháng đầu năm, sau đó giảm và giữ ổn định, còn năm 2004, giá tăng liên tục qua các tháng và tăng ở hầu hết các mặt hàng. Giá lương thực và thực phẩm tăng cao (giá thực phẩm tăng 16,8%, lương thực tăng 12,5%). Giá nguyên liệu, vật liệu công nghiệp, vật tư nông nghiệp, dịch vụ cũng tăng ở mức cao. Giá tăng ở diện rộng, chưa có dấu hiệu giảm đã ảnh hưởng đến đời sống của những người làm công ăn lương, tầng lớp

lao động nghèo thành thị và nông thôn. Đối với sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giá nguyên liệu đầu vào tăng đã trực tiếp làm giảm sức cạnh tranh, làm chậm tiến độ đầu tư xây dựng cơ bản, tiêu tốn thêm vốn đầu tư.

Trong năm 2005 giá cả sẽ còn biến động do những yếu tố khách quan và nguyên nhân chủ quan của nền kinh tế. Muốn giữ mức tăng giá, năm 2005 dưới 6,5%, cần chủ động chọn lựa và áp dụng các giải pháp ổn định, kiểm soát giá cả, xử lý các ảnh hưởng của giá cả đến tăng trưởng kinh tế, lạm phát và thu chi ngân sách nhà nước. Thời gian qua, các biện pháp kiểm soát giá độc quyền, giám sát các kênh phân phối một số hàng hóa, chính sách thắt chặt tiền tệ, neo tỷ giá, giảm thuế nhập khẩu, bù giá dầu, áp dụng giá trần cho một số mặt hàng chiến lược, điều chỉnh giá xăng, dầu, các quy định xử lý vi phạm pháp luật về giá... đã được triển khai, góp phần kiềm chế tăng giá, nhưng chưa kịp thời và kết quả còn hạn chế. Cần đánh giá đúng mức độ lạm phát và nguyên nhân của nó để có giải pháp kịp thời. Các giải pháp bình ổn thị trường giá cả, kiềm chế tăng giá phải đi cùng với việc chủ động xử lý các vấn đề kinh tế - tài chính, xử lý các mối quan hệ trên mặt bằng giá mới.

Giá cả, lạm phát, tăng trưởng kinh tế và đời sống có mối quan hệ hữu cơ, nhân quả. Việc ổn định thị trường, kiểm soát giá cả phải áp dụng đồng bộ các biện pháp bằng tập trung có trọng điểm cho sản xuất, cho tăng trưởng kinh tế để điều chỉnh quan hệ cung - cầu, áp dụng linh hoạt chính sách thuế, phí, chi tiêu công quỹ, trong đó có ngân sách nhà nước, chính sách tiền tệ, tín dụng, vấn đề lãi suất tiền gửi, tiền cho vay, tỷ giá, dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi. Thực hiện việc cơ cấu,

cơ cấu lại các nguồn vốn của nền kinh tế, của ngân hàng, cơ cấu lại nợ, giảm nợ xấu và sử dụng có hiệu quả các công cụ nợ. Xem lại và duy trì mối quan hệ hợp lý giữa tăng vốn huy động và tăng dư nợ cho vay tín dụng. Để đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 8,5%, chúng ta không thể thắt chặt tín dụng, áp dụng chính sách tài khóa thắt chặt, mà tiếp tục duy trì tăng chi tiêu của Chính phủ, tăng trưởng tín dụng ở mức hợp lý. Nâng cao hiệu quả đầu tư, xử lý linh hoạt các công cụ của chính sách tiền tệ, bảo đảm cân đối tổng thể quan hệ tiền hàng bằng sự kiểm soát khối lượng tiền lưu thông phù hợp tốc độ tăng khối lượng hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ. Có giải pháp mạnh giảm nợ xấu của nền kinh tế, việc sử dụng vốn tiền gửi ngắn hạn cho vay trung và dài hạn cần đảm bảo trong giới hạn, tăng cường sử dụng linh hoạt các công cụ nợ có tính thanh khoản cao.

Tổ chức tốt hơn thị trường và lưu thông các mặt hàng trọng yếu. Hình thành các kênh phân phối hợp lý, kiểm soát tình trạng độc quyền. Ngăn ngừa và xử lý nghiêm tình trạng lũng đoạn giá, không để xảy ra tình trạng tăng giá thép, giá thuốc như đầu năm 2004. Kiểm soát giá cả một số mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất, đời sống nhân dân như lương thực, một số thuốc chữa bệnh, dầu, sắt thép, xi-măng... Vấn đề rất quan trọng là áp dụng kiên quyết các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng. Năm 2005 hãy là năm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí công quỹ nhà nước (chứ không chỉ ngân sách nhà nước), chống lãng phí thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản. Kiểm soát chặt chẽ và thực hiện bằng được các chủ trương tiết kiệm 10% chi tiêu thường xuyên, tiết kiệm mua sắm, chi tiêu tài sản công trong lễ khởi công, khánh thành,

tổng kết, kỷ niệm... kiểm soát việc cung ứng tiền cho nền kinh tế, thực hiện kiên quyết các biện pháp kinh tế, biện pháp hành chính - kinh tế vào những thời điểm và phạm vi thích hợp đối với hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho sản xuất và đời sống v.v..

Thứ ba: Phải tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Năm 2005 là năm đột phá trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Có biện pháp tích cực, đẩy nhanh tiến độ và mở rộng diện cổ phần hóa, hoàn thành tốt kế hoạch cổ phần hóa

Tổ chức lại, sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm củng cố, nâng cao vai trò chủ động và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện vừa qua còn rất chậm. Theo báo cáo của Bộ Tài chính và Ban Chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp nhà nước, tính chung từ 2001 đến 8-2004, cả nước có 2.068 doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp hoàn thành việc sắp xếp lại. Trong đó, 8 tháng đầu năm 2004, có 615 doanh nghiệp nhà nước đã hoàn thành sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước, nhưng so với kế hoạch 2004 (tính cả 700 doanh nghiệp thuộc đối tượng cổ phần hóa năm 2003 chuyển sang) thì mới đạt hơn 40%. Cổ phần hóa còn khép kín; chỉ có 8% cổ phần thuộc về các cổ đông bên ngoài doanh nghiệp, còn lại cán bộ quản lý và người lao động trong doanh nghiệp nắm 54%, Nhà nước nắm 38%. Doanh nghiệp cổ phần thuộc diện nhà nước nắm tối thiểu 51% cổ phần phát hành lần đầu vẫn chiếm 46,6%. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước chưa

thu hút được các nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư có tiềm năng trong và ngoài nước. Quan trọng hơn, với cơ cấu vốn như vậy không thể thay đổi được phương thức quản trị doanh nghiệp và phương thức kinh doanh có hiệu quả hơn. Vốn nhà nước được cổ phần hóa còn quá ít (6%), các doanh nghiệp cổ phần hóa có quy mô nhỏ chiếm 84%. Trong chỉ đạo, điều hành, nhận thức cũng như trong cơ chế, chính sách liên quan đến việc định giá tài sản, xử lý tài chính, giải quyết lao động dôi dư... của các doanh nghiệp được tổ chức lại, cổ phần hóa còn nhiều vướng mắc.

Để đẩy mạnh hơn nữa việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, cần đặt ra mục tiêu đến cuối năm 2005 tổ chức lại, cổ phần hóa, chuyển đổi được ít nhất 30% tổng số doanh nghiệp nhà nước còn lại hiện nay; rút được khoảng 1/3 số vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước để bổ sung đủ vốn cần thiết cho một số doanh nghiệp nhà nước trọng yếu và đầu tư vào một số mục đích khác có hiệu quả kinh tế cao. Sớm hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến tổ chức lại, cổ phần hóa, chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến quy trình cổ phần hóa, đến định giá tài sản, việc đưa giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp, xác định phần vốn góp của doanh nghiệp nhà nước trong liên doanh, xử lý nợ của doanh nghiệp, giải quyết lao động dôi dư. Sửa đổi tiêu chí phân loại để sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo hướng mở rộng diện cổ phần hóa và đa dạng hóa sở hữu doanh nghiệp nhà nước. Sớm có văn bản hướng dẫn chế độ, chính sách đối với các chức danh quản lý và điều hành doanh nghiệp như chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng

giám đốc (phó giám đốc) và kế toán trưởng nếu không được Nhà nước cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa. Đổi mới cơ chế quản lý đối với phần vốn nhà nước trong doanh nghiệp cổ phần, đối với doanh nghiệp nhà nước sau khi đã cổ phần hóa hoặc chuyển đổi để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đổi mới công nghệ, cung cách quản lý, tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển. Mở rộng đối tượng là người nước ngoài được tham gia mua cổ phần trong các doanh nghiệp nhà nước.

Thứ tư: Cần có biện pháp cụ thể nâng cao chất lượng công tác quản lý và điều hành ngân sách nhà nước. Cơ cấu lại nguồn thu và chi. Tăng tỷ lệ thu nội địa, thu từ hoạt động kinh tế, tăng chi đầu tư cho vùng kinh tế động lực và ưu tiên đầu tư phát triển cho các vùng còn nhiều khó khăn. Nâng cao hiệu quả các khoản chi ngân sách nhà nước.

Theo đánh giá bước đầu, thu ngân sách nhà nước năm 2004 vượt dự toán và tăng so với thực hiện năm 2003 ở mức cao, tỷ lệ động viên đạt 23,5% GDP. Tỷ trọng thu nội địa đạt 55,1% tổng thu ngân sách nhà nước, cơ cấu nguồn thu chuyển dịch theo hướng tích cực. Nếu dự toán thu sát với thực tế sẽ là công cụ hữu hiệu đòi hỏi và thúc đẩy các ngành, các địa phương phát triển mạnh nguồn thu và khai thác triệt để nguồn thu, chủ động bố trí chi và theo đó làm tăng tính minh bạch trong quản lý ngân sách nhà nước. Năm 2004, thu ngân sách nhà nước tăng, nhưng số tăng thu từ sản xuất, kinh doanh (nguồn thu có tính vững chắc) đạt thấp, chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số tăng thu ngân sách nhà nước (19,3%). Đặc biệt, thu từ doanh nghiệp nhà nước giảm so với dự toán và so với năm 2003, chỉ tăng bằng một nửa tốc độ tăng thu của khu vực doanh nghiệp có

vốn đầu tư nước ngoài và khu vực dân doanh. Số tăng thu từ dầu thô chiếm 33,4% tổng số tăng thu và thu từ nhà, đất chiếm 29,8%. Thực trạng và nguyên nhân của thu ngân sách nhà nước nói trên cần được quan tâm trong điều hành kinh tế, tài chính vĩ mô.

Dự toán ngân sách nhà nước năm 2005 được tính toán sát thực tế sẽ chủ động hơn trong bố trí chi ngân sách nhà nước. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước một cách tích cực theo hướng tỷ lệ tăng thu (kể cả yếu tố tăng giá) phải lớn hơn tốc độ tăng trưởng GDP; tốc độ tăng thu phải cao hơn tốc độ tăng chi; tốc độ tăng chi đầu tư phát triển phải cao hơn tốc độ tăng chi thường xuyên. Vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển cần được bố trí tập trung hơn. Chi ngân sách nhà nước cần bố trí trong một kế hoạch chi trung hạn. Số vượt thu phải quan tâm bố trí thêm cho đầu tư phát triển, tăng đầu tư cho vùng kinh tế động lực, ngành và lĩnh vực kinh tế quan trọng, có tiềm năng và năng lực cạnh tranh, các công trình trọng điểm; đồng thời ưu tiên tăng đầu tư cho các vùng đồng bào dân tộc có nhiều khó khăn, khu vực biên giới, tăng khả năng bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, trật tự ở mọi địa bàn trong cả nước, giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc.

Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2005 rất nặng nề, không chỉ cho năm 2005 mà cho cả nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Chỉ có phấn đấu với quyết tâm cao, dưới sự chỉ đạo sát sao của các cấp ủy, chính quyền chủ động triển khai một cách đồng bộ các giải pháp, phát huy năng lực cao nhất của từng người, từng đơn vị, từng ngành, từng địa phương... mới có thể đạt được nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra. □



TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT TRONG VIỆC BẢO VỆ CON NGƯỜI

TỔNG ĐỨC THẢO *

TRONG hệ thống lý luận cách mạng của Hồ Chí Minh, *tư tưởng của Người về pháp luật và vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ con người chiếm một vị trí quan trọng*. Pháp luật được Người đề cập là pháp luật mới, pháp luật xã hội chủ nghĩa. *Pháp luật xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân lao động - chủ thể của cách mạng với sự ra đời của Nhà nước mới - Nhà nước xã hội chủ nghĩa - Nhà nước của nhân dân lao động*. Pháp luật xã hội chủ nghĩa có bản chất tiến bộ khác hẳn các kiểu pháp luật trong chế độ có áp bức, bóc lột trước đó, vì nó được hình thành dựa trên chế độ sở hữu công cộng. Pháp luật xã hội chủ nghĩa ghi nhận địa vị chủ thể xã hội, nhà nước, quyền lực chính trị của nhân dân lao động mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức. Nó cũng là công cụ để tổ chức bộ máy nhà nước phục vụ nhân dân, ghi nhận và bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Tư tưởng của Người về pháp luật và vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ con người được hình thành từ rất sớm. Ngay từ năm 1919, trong bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" gửi Hội nghị Véc-xây, Người đã đòi hỏi phải thay thế chế độ cai trị dựa vào sắc lệnh bằng chế độ cai trị theo luật. Trong bản yêu sách đó, Người cũng đòi hỏi cải cách nền pháp lý ở Đông

Dương, người bản xứ cũng phải được hưởng những bảo đảm về mặt pháp lý như người Âu.

Tư tưởng của Người về pháp luật là làm cho pháp luật thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Người đặc biệt lưu ý đến vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ con người. Con người ở đây chính là toàn thể nhân dân lao động Việt Nam, mà cụ thể là giai cấp công nhân, nông dân, đội ngũ trí thức và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Người khẳng định, việc xây dựng nhà nước và hệ thống pháp luật bảo đảm nguyên tắc nhất quán: *Bao nhiêu lợi ích là vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân*. Nguyên tắc này, thể hiện tư tưởng của Người về việc xây dựng nhà nước, hệ thống pháp luật phục vụ nhân dân. Bởi vì, quyền lực nhà nước, pháp luật nhà nước đều xuất phát từ dân mà ra. Nói cách khác, nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước, còn pháp luật xuất phát từ cuộc sống chứ không phải từ trên trời rơi xuống. Pháp luật thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Người khẳng định, vai trò quan trọng nhất của pháp luật là ghi nhận địa vị pháp lý làm chủ của nhân dân lao động và sự thay đổi địa vị có tính lịch sử của nhân dân ta, từ người dân nô lệ trở thành người chủ thực sự của đất nước.

* ThS, Viện Khoa học Chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Để ghi nhận địa vị pháp lý làm chủ của nhân dân thì phải có Hiến pháp và hệ thống pháp luật, vì *Hiến pháp là đạo luật quan trọng nhất quy định những nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng nhà nước, xác định địa vị pháp lý của nhân dân, bảo vệ quyền con người, quyền công dân*. Người viết: "Trước chúng ta bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nhân dân ta không có hiến pháp, nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một bản hiến pháp dân chủ" ⁽¹⁾. Chính vì vậy, chỉ sau khi giành chính quyền chưa đầy một tháng, ngày 20-9-1945, trên cương vị Chủ tịch Chính phủ lâm thời, Người đã ký sắc lệnh thành lập Ban Dự thảo Hiến pháp, do Người làm Trưởng ban. Trong phiên họp ngày 9-1-1946, Quốc hội khóa I, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã chính thức thông qua bản Dự thảo Hiến pháp đầu tiên của nước ta. Ngay Điều 1, Hiến pháp năm 1946 đã thể hiện rõ tư tưởng của Người: *Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa, tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo*. Ý nghĩa to lớn của bản Hiến pháp này, được Người khẳng định trong bài phát biểu bế mạc kỳ họp Quốc hội thông qua nó: *Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã độc lập, Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do*. Những luận điểm cơ bản đó đã thể hiện vai trò to lớn của pháp luật trong việc ghi nhận vị thế làm chủ đất nước của nhân dân, xác lập nguyên tắc của pháp luật hiện đại - nguyên tắc chủ quyền của nhân dân và tiếp tục được thể hiện trong các Hiến pháp Việt Nam sau này.

Người cho rằng, *pháp luật bao giờ cũng phản ánh lợi ích, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị: Luật pháp cũ là ý chí của thực dân Pháp, không phải ý chí chung của toàn thể nhân dân ta. Luật pháp cũ đặt ra để giữ gìn trật tự xã hội thật, nhưng trật tự ấy chỉ có lợi cho thực dân, phong*

kiến. Tư bản đặt ra luật pháp để trừng trị công nhân và nông dân lao động. Vai trò của pháp luật cũ là thể hiện ý chí, bảo vệ quyền lợi, duy trì sự thống trị của giai cấp thống trị, công cụ để đàn áp của giai cấp thống trị đối với quần chúng nhân dân lao động. Có nghĩa là pháp luật đó thực hiện vai trò trấn áp của thiểu số giai cấp thống trị với đa số nhân dân lao động. Còn, *pháp luật của chúng ta thể hiện ý chí, nguyện vọng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động được nâng lên thành luật*. Nó bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động chiếm đa số trong xã hội. Theo Người, pháp luật của chúng ta *thật sự dân chủ* vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Pháp luật của chúng ta tồn tại trên cơ sở tiền đề là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất mà ở đó *lợi ích của nhà nước, của tập thể cùng lợi ích của cá nhân căn bản là nhất trí*.

Vai trò của pháp luật còn thể hiện ở chỗ *pháp luật là cơ sở pháp lý để xây dựng nhà nước phục vụ nhân dân*. Pháp luật quy định tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, quy định quyền hạn, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức để bảo đảm họ thực sự là "công bộc" của nhân dân. Bản chất của pháp luật thể hiện bản chất của Nhà nước ta mà theo tư tưởng của Người là, "nhà nước của dân, do dân, vì dân". Theo Người, chúng ta phải xây dựng một bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh để phục vụ nhân dân. "Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do, hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi nhân dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm, việc gì có hại cho dân thì tránh" ⁽²⁾. Muốn nhà nước thực sự vững mạnh phục vụ nhân dân thì tổ chức và hoạt động của nó phải tuân theo pháp luật. Quyền hạn và trách nhiệm

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 8, tr 22

của các nhân viên trong bộ máy công quyền phải được quy định chặt chẽ và tuân theo pháp luật. Bộ máy nhà nước dân chủ được hình thành theo một trình tự thủ tục nhất định do pháp luật quy định. Theo Người, *phương thức tốt nhất để hình thành nhà nước của dân là nhà nước được lập ra bằng con đường bầu cử, nhân viên nhà nước thực thi, thừa hành quyền hạn thông qua sự ủy thác của nhân dân*, và: *tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà*.

Trong tư tưởng của Người, tổ chức bộ máy nhà nước, là không theo tam quyền phân lập kiểu tư sản, nhưng phải phân định chức năng của các yếu tố cấu thành bộ máy nhà nước để bộ máy đó hoạt động thông suốt và có hiệu lực, hiệu quả phục vụ cao nhất quyền lợi của nhân dân. Hiến pháp năm 1946 xác định quyền lực nhà nước là thống nhất. Theo đó, Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền lực cao nhất của Nhà nước ta. Sự phân công trong bộ máy nhà nước sẽ tránh được việc lạm quyền gây thiệt hại đến lợi ích của nhân dân, vẫn bảo đảm được quyền lực nhà nước là thống nhất vì nó là quyền lực của nhân dân.

Theo Người, *vai trò của pháp luật còn được thể hiện trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân*. Khi trở thành quyền pháp định, quyền con người, quyền công dân là ý chí chung của toàn xã hội, được xã hội phục tùng, được quyền lực nhà nước bảo vệ. Quyền con người, quyền công dân khi được Hiến pháp, pháp luật ghi nhận trở nên độc lập với bất kỳ quyền uy nào, kể cả các cơ quan, viên chức nhà nước cao nhất. Ngay sau khi giành được chính quyền, Người đã trực tiếp soạn thảo Tuyên ngôn độc lập để khẳng định quyền tự do, độc lập, quyền bất khả xâm phạm của một dân tộc. Trong văn kiện bất hủ đó, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc ta, vấn đề quyền con người được chính thức đề cập: *Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình*

đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Và, Người đã nâng quyền con người thành quyền của dân tộc: *Nghĩa là tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*.

Nhà nước ta đã chú trọng bảo vệ những quyền mà nhân dân ta chưa được hưởng nếu không có sự thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đưa tới sự ra đời của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Hiến pháp năm 1946 đã ghi nhận một loạt quyền rất cơ bản của công dân Việt Nam trên các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Một loạt quyền rất tiến bộ cũng được Hiến pháp này ghi nhận như: quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng. Hiến pháp này quy định: *"Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện"* (Điều 9) và *"Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc"* (Điều 7). Như vậy, mặc dù ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhưng Hiến pháp năm 1946 đã long trọng tuyên bố ghi nhận, bảo vệ những giá trị quyền con người mà nhân dân ta đã giành được, xem nó là cốt lõi của Hiến pháp dân chủ. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân được tiếp tục thể hiện ở các bản hiến pháp tiếp theo của nước ta với xu hướng ngày càng mở rộng các quyền con người, quyền công dân; đồng thời, xác định những nghĩa vụ mà công dân phải thực hiện đối với nhà nước và xã hội.

Pháp luật còn thể hiện vai trò *xác định mối quan hệ bình đẳng giữa Nhà nước với công dân*. Cụ thể là quan hệ giữa các cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước với công dân. Đây là mối quan hệ đa dạng, phức tạp, mang tính quyền lực nhà nước, khi cơ quan nhà nước, nhân viên nhà nước là người thừa hành có quyền ra lệnh

đối với công dân. Ngược lại, công dân lại là người chủ của nhà nước. Pháp luật ghi nhận địa vị làm chủ đất nước của công dân, quy định những quyền con người cơ bản, trong đó có quyền bầu cử, ứng cử, quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội để công dân xây dựng nhà nước. Trong tư tưởng của Người, "làm chủ" không bao giờ chỉ là quyền mà đó còn là nghĩa vụ, trách nhiệm đạo đức và nghĩa vụ pháp lý. Trong quan hệ giữa nhà nước và công dân, trong sinh hoạt cộng đồng, quan hệ giữa công dân với công dân trong một chế độ xã hội đang phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa thì quyền luôn đi liền với nghĩa vụ. Người nhấn mạnh: "Nhân dân có *quyền lợi* làm chủ thì phải có *nghĩa vụ* làm tròn bốn phận công dân" (3).

Quan điểm trên đây của Người bắt nguồn sâu xa từ nguyên lý bao quát về "Nhà nước do dân". Đối với nhà nước, nguồn gốc quyền lực và cả nguồn gốc sức mạnh đều ở nơi dân, mọi hoạt động của nhà nước đều dựa vào sức dân với tư cách là một cộng đồng. Nhưng cộng đồng là do các cá nhân công dân, thành viên cộng đồng hợp lại mà thành. Chính vì vậy, trách nhiệm của mỗi thành viên công dân là phải xây dựng nhà nước, trách nhiệm đó phải được pháp luật hóa thành "nghĩa vụ công dân". Theo Người, *trong chế độ ta, lợi ích của nhà nước, lợi ích tập thể, cùng lợi ích của cá nhân căn bản là nhất trí*. Cho nên, khi được hưởng những quyền lợi do nhà nước và tập thể mang lại cho mình thì mọi người công dân phải tự giác làm tròn nghĩa vụ với nhà nước, với tập thể. Trong trường hợp này, nhà nước chỉ đóng vai trò là người điều phối, quản trị, tổ chức, phân phối lại. Trong tư tưởng của Người, khi mối quan hệ với dân, nhà nước không bao giờ là người ban ơn, làm phúc. Nguyên tắc bình đẳng trong mối quan hệ giữa nhà nước và công dân được Hiến pháp và pháp luật Việt Nam ghi nhận và bảo vệ. Hiến pháp năm 1946 bên cạnh việc ghi nhận quyền lợi cơ bản của công dân cũng có chế định "Nghĩa vụ của công dân". Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm những

quyền con người, quyền công dân, đồng thời, công dân phải có nghĩa vụ tuân thủ sự điều hành của nhà nước, có nghĩa là nhà nước có quyền yêu cầu công dân thực hiện các nghĩa vụ đã được pháp luật quy định. Có thể khái quát mối quan hệ giữa nhà nước và công dân mà ở đó quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại. Mối quan hệ này được pháp luật ghi nhận và bảo đảm với mục đích duy trì sức mạnh của nhà nước, đồng thời, hiện thực hóa những quyền lợi của nhân dân.

Một nội dung quan trọng nữa trong tư tưởng của Người về vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ con người là *vai trò quản lý xã hội bằng pháp luật*. Nếu đặt yêu sách thứ bảy trong bản "Yêu sách của nhân dân An Nam": "Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật" bên cạnh cũng yêu sách thứ bảy nhưng đã được diễn ca: "Bảy xin Hiến pháp ban hành/ Trăm điều phải có thần linh pháp quyền"⁽⁴⁾, chúng ta sẽ dễ dàng nhận thấy sự định hình rất sớm ở Người một quan niệm hoàn chỉnh về yêu cầu quản lý xã hội bằng pháp luật trong một xã hội, nhà nước dân chủ. Khi đề ra yêu sách thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật, Người đã mặc nhiên thừa nhận cần có pháp luật, nhưng không phải là pháp luật bất kỳ, mà là pháp luật của một chế độ dân chủ, thể hiện được ý chí của đa số bằng một cơ quan đại diện do cử tri bầu ra và ban hành bằng hình thức luật. Nhưng để có một nhà nước pháp quyền thực thụ, một nhà nước dân chủ, thực sự quản lý xã hội bằng pháp luật mà chỉ đề cập, hoặc dù có nhấn mạnh sự cần thiết thay đổi hình thức văn bản sắc lệnh bằng hình thức luật nhằm đem lại sự thay đổi về chất, xét về mặt dân chủ của hình thức văn bản, thì điều đó tuy rất quan trọng, rất cần, nhưng dù sao vẫn chưa thể bao quát. Vì vậy, khi yêu sách được diễn ca, vấn đề lại được đề cập từ một phương diện hoàn toàn mới và được

(3) Hồ Chí Minh: *Sổđ*, t 7, tr 452

(4) Hồ Chí Minh: *Sổđ*, t 1, tr 436, 438

nâng cấp thành yêu sách: "Bây xin Hiến pháp ban hành". Vì ai cũng rõ, Hiến pháp là hình thức văn bản pháp luật không chỉ cao hơn luật về mặt hiệu lực pháp lý mà còn cả về mặt dân chủ, về mặt pháp quyền; đồng thời, lại đề cập đến một phương diện cơ bản mới: "Trăm điều phải có thần linh pháp quyền". "Trăm điều" là một đại lượng có tính tuyệt đối, nhưng rất cụ thể, được sử dụng theo cách ẩn dụ để đề cập đến một cái chung, bao quát. Còn "thần linh pháp quyền", lại là một cách nói theo ngôn ngữ ngày nay, là ý thức, tinh thần pháp luật, nhưng rõ ràng khi Người nói đến "thần linh pháp quyền" là muốn đề cập đến một phạm trù mà tính chất và ý nghĩa của nó cao hơn ý thức, tinh thần pháp luật. Theo Người, "trăm điều" là mọi hành vi, mọi hoạt động ở mọi nơi, mọi lúc của các cơ quan, nhân viên nhà nước, của mọi công dân phải thể hiện được "thần linh pháp quyền". Ý thức, tinh thần pháp luật phải chi phối, chỉ đạo mọi hành vi, hoạt động của bộ máy nhà nước, mọi cơ quan nhà nước, môi trường pháp chế bao trùm đời sống xã hội. Nói đến phát huy vai trò của pháp luật trong xã hội, Người thường xuyên quan tâm đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Năm 1950, khi nói chuyện với cán bộ ngành tư pháp, Người lưu ý: *Chúng ta cần thấy luật pháp nước ta chưa đủ. Chúng ta phải có trách nhiệm góp phần làm cho luật pháp của ta tốt hơn, ngày càng phong phú hơn; cố gắng làm cho luật pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn.*

Trung thành với tư tưởng của Hồ Chí Minh, các bản Hiến pháp năm 1959, 1980 và 1992 tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng *mang tính quyết định* của pháp luật trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân ở nước ta. Có thể khẳng định, lịch sử hình thành và phát triển hệ thống pháp luật nước ta cũng chính là sự bảo vệ quyền con người, quyền công dân bằng pháp luật. Bảo vệ quyền con người, quyền công dân trở thành *nguyên tắc cơ bản* của Hiến pháp và hệ thống pháp luật Việt Nam. Điều 50, Hiến

pháp năm 1992, khẳng định: *Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật.* Điều này khẳng định vai trò quan trọng của pháp luật trong việc ghi nhận và bảo vệ quyền con người, quyền công dân cơ bản. Không những quyền con người, quyền công dân được pháp luật nói chung bảo vệ mà cụ thể là Hiến pháp và luật do Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất ban hành. Có nghĩa là chỉ có Hiến pháp và luật - những văn bản có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật nước ta mới được quy định những quyền con người, quyền công dân còn các văn bản dưới luật khác không được quy định mà chỉ được hướng dẫn để các quyền đó được hiện thực hóa trong đời sống xã hội. Pháp luật quy định một hệ thống các quyền con người, quyền công dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội tạo ra cơ chế pháp lý cho việc hiện thực hóa quyền con người, quyền công dân ở nước ta hiện nay.

Pháp luật của nhà nước ta thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, ghi nhận địa vị làm chủ đất nước của nhân dân, xác lập những nguyên tắc trong việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước trong việc phục vụ nhân dân, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, xác lập mối quan hệ bình đẳng giữa nhà nước và công dân và bảo đảm ổn định xã hội và tôn trọng con người. Ngày nay, những tư tưởng của Người về vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân tiếp tục được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta vận dụng một cách sáng tạo. Hiến pháp và hệ thống pháp luật nước ta luôn hướng đến việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tạo ra cơ chế pháp lý nhằm hiện thực hóa quyền con người, quyền công dân trên thực tế. Đó cũng chính là những biểu hiện sinh động sự trung thành của chúng ta đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. □

Cải cách cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương

HÀ QUANG NGỌC *

CHÍNH quyền địa phương là bộ phận cấu thành hữu cơ của hệ thống chính quyền nhà nước, có vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và phục vụ nhân dân. Gần 60 năm qua, cùng với sự lớn mạnh của nhà nước cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, chính quyền địa phương cũng không ngừng được củng cố, tăng cường và phát triển, đáp ứng kịp thời yêu cầu cách mạng của mỗi thời kỳ, đóng góp to lớn vào sự nghiệp chung của đất nước, của dân tộc.

Trong giai đoạn đổi mới, chính quyền địa phương đã có bước phát triển mới về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động. Chức năng, nhiệm vụ chính quyền địa phương đã được xác định lại, không còn trực tiếp thực hiện tổ chức quản lý kinh doanh mà tập trung cho việc quản lý nhà nước trong phạm vi lãnh thổ và tổ chức cung ứng các dịch vụ công. Tổ chức bộ máy cũng được sắp xếp cho phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và trình độ năng lực cán bộ công chức. Các đơn vị hành chính địa phương ở cả ba cấp phần lớn đã có quy mô nhỏ hơn. Hội đồng nhân dân - cơ quan đại biểu và quyền lực của địa phương được củng cố. Thường trực hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh, huyện được hình thành. Số lượng

đại biểu cho cấp xã được tăng thêm. Phương thức lựa chọn đại biểu vào hội đồng nhân dân mặc dù vẫn ưu tiên cho cơ cấu nhưng đã có sự chú trọng hơn đến chất lượng, trình độ đại biểu. Ủy ban nhân dân cũng được tổ chức sắp xếp lại. Ở cấp tỉnh số các ủy viên ủy ban là trưởng các sở, ban, ngành đã giảm.

Các cơ quan giúp việc của

Ủy ban nhân dân - sở, ngành ở tỉnh, phòng, ban ở huyện, được tổ chức lại, được điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ theo hướng quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực ở địa phương phù hợp với những điều chỉnh của các bộ, ngành trung ương. Số lượng các sở, ban, ngành ở tỉnh đã giảm từ 38 đến 40 xuống còn 20 - 24 đầu mối; các phòng, ban ở huyện từ 20 đến 27 xuống 10 - 15 đầu mối. Tổ chức bộ máy hành chính cấp xã cũng có những sự điều chỉnh cho phù hợp hơn với đặc điểm, tính chất công tác của chính quyền cơ sở trong tình hình mới, hình thành các chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân. Những thay đổi này đã góp phần làm cho các cấp chính quyền địa phương trong thời gian qua hoạt động có hiệu quả hơn, đóng góp thiết thực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Tuy nhiên, những đổi mới, cải cách về cơ cấu tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương mới chỉ là bước đầu, còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục đổi mới, cải cách. Tổ chức bộ máy chính quyền địa phương ở đô thị và ở nông thôn chưa có sự phân biệt, nên quản lý của

* TS, Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức Nhà nước, Bộ Nội vụ

chính quyền đô thị có nhiều bất cập kém hiệu quả. Việc phân chia chính quyền địa phương làm nhiều cấp khiến cho bộ máy hành chính ở đây chồng chéo, nhiều nấc trung gian, không rõ chức năng thẩm quyền dẫn đến chồng chéo, đùn đẩy công việc. Việc tổ chức Hội đồng nhân dân đồng đều ở tất cả các cấp chính quyền địa phương đã cho thấy tính hình thức, nhất là, ở cấp huyện và các cấp chính quyền nội thị. Cơ chế bầu cử theo cơ cấu và hoạt động mang tính hành chính càng làm cho tính hình thức của Hội đồng nhân dân trở nên đậm nét. Việc tổ chức các cơ quan chuyên môn giúp việc Ủy ban nhân dân hiện cũng đang còn phải tính toán kỹ, nhất là cấp tỉnh. Do cơ chế bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và sự can thiệp quá sâu của các bộ, ngành, khiến các sở, ngành của tỉnh ở vào vị trí là cơ quan tản quyền của các bộ, ngành ở địa phương hơn là cơ quan giúp việc của Ủy ban nhân dân và có số lượng giống nhau trong các tỉnh có đặc điểm, quy mô khác nhau. Việc xây dựng cơ quan hành chính cấp xã cũng còn có sự lúng túng trong việc lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy - hình thành các ban, khối chuyên môn với việc sử dụng các công chức chuyên môn phụ trách.

Để giải quyết các vấn đề này, trong công cuộc cải cách hành chính vừa qua, nhiều biện pháp, giải pháp nhằm đổi mới tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương các cấp đã được đề xuất. Nhưng những cải cách về tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương vẫn còn rất hạn chế. Nguyên nhân của tình trạng này là:

Thứ nhất, các giải pháp về cải cách tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương thời gian qua, thực chất mới nêu ra phương hướng cải cách, mô hình, mà chưa có các biện pháp cụ thể để đạt được mục tiêu trong thực tế. Nói cách khác, là mới nêu ra điều kiện cần, còn điều kiện đủ thì chưa có hoặc có nhưng còn nhiều hạn chế. Đó là hạn chế phổ biến ở tất cả các cấp khi tiến hành cải cách tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương. Thật vậy, không ít ý kiến nêu ra cần xây dựng

chính quyền địa phương hai cấp, hay thực hiện mô hình cấp quận, phường chỉ có cơ quan hành chính để bảo đảm việc quản lý đô thị được thông suốt đúng với đặc điểm tổ chức đô thị..., nhưng làm thế nào để cho các mục tiêu này trở thành hiện thực thì rất lúng túng, không có sự thống nhất và nhất quán. Vì vậy, ý tưởng cải cách thì nhiều nhưng để triển khai vào được thực tiễn lại rất ít.

Thứ hai, cùng với việc đồng nhất các giải pháp với mô hình, mục tiêu cải cách còn có vấn đề là chính các mô hình, mục tiêu được nêu ra còn thiếu căn cứ, luận cứ khoa học thực tiễn xác đáng. Những vấn đề như: quy mô cấp tỉnh như thế nào thì hợp lý? Nên tiếp tục chia nhỏ các tỉnh ra như mô hình của Pháp hay tập trung lớn như mô hình của Trung Quốc? Số lượng các sở, ban, ngành của tỉnh; phòng, ban của huyện bao nhiêu là vừa?... Để có những đáp án trả lời chính xác và dứt khoát những vấn đề này thật không đơn giản. Vì vậy, nhiều mô hình, mục tiêu ngay từ khi nêu ra đã khó được chấp nhận về mặt nhận thức nên càng khó được triển khai trong thực tế.

Thứ ba, việc chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền đối với vấn đề cải cách hành chính nói chung, cải cách tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương nói riêng còn chưa được tiến hành một cách quyết liệt, triệt để. Phương châm chỉ đạo chung là đồng bộ, thống nhất, nhưng trong nhiều trường hợp cụ thể lại vận dụng là trường hợp đặc biệt để giải quyết, không có một tiêu chuẩn xác định nhất quán từ ban đầu. Mặt khác, cải cách hành chính nói chung, cải cách tổ chức bộ máy nói riêng luôn là vấn đề nhạy cảm, đụng chạm tới vị trí, quyền lợi của cán bộ, công chức. Do đó, không chỉ những người trực tiếp bị ảnh hưởng, ngại không muốn làm, mà cả những người làm chính sách, cơ quan làm chính sách cũng phải đắn đo, cân nhắc.

Thứ tư, trình độ cán bộ, công chức của các cấp chính quyền địa phương còn nhiều bất cập khi tiến hành cải cách, đổi mới về tổ chức bộ máy hoạt động. Phần lớn cán bộ, công chức

chưa quen với phương thức hoạt động quản lý hành chính mới trong điều kiện nền kinh tế thị trường, mang tính đa ngành, đa lĩnh vực. Kỹ năng hành chính vẫn là khâu yếu nhất trong trình độ, năng lực của cán bộ, công chức các cấp chính quyền địa phương. Vì vậy, mọi cải cách về tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của chính quyền địa phương luôn gặp khó khăn. Đó là chưa kể những cải cách này luôn được cán bộ, công chức địa phương nhìn nhận và thực hiện qua lăng kính lợi ích cục bộ.

Thứ năm, việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết như: tài chính, kỹ thuật để thực hiện cải cách, đổi mới mô hình tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của chính quyền địa phương chưa được kỹ. Những nguồn lực tài chính để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ, công chức, để thực hiện việc đưa ra khỏi nền công vụ những người không có đủ trình độ, năng lực và tuyển mới những cán bộ, công chức có đủ trình độ còn rất hạn chế. Việc hiện đại hóa công sở, kết nối hệ thống tin học trong toàn bộ hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước, sử dụng phương thức quản lý hành chính qua mạng - cơ sở vật chất cho những thay đổi về cách thức làm việc của chính quyền địa phương, chưa được thiết lập một cách rộng rãi và áp dụng bắt buộc.

Từ những điều nêu trên, để đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương trong thời gian tới, cần phải nắm chắc các giải pháp sau:

1 - Nắm vững các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về cải cách tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương đã được nêu trong các Nghị quyết Đại hội VII, VIII, IX, các Hội nghị Trung ương 8, khóa VII; 3 và 7, khóa VIII; 5, 6, khóa IX, cũng như các phương hướng về cải cách chính quyền địa phương nêu trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2010. Những phương hướng cải cách chính quyền địa phương đã được các kỳ Đại hội, Hội nghị Trung ương xác định rõ và cụ thể, bao gồm: Cải cách về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm

của chính quyền địa phương. Về hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, phân biệt sự khác nhau giữa hoạt động của Hội đồng nhân dân và nhiệm vụ quản lý hành chính ở đô thị với hoạt động của Hội đồng nhân dân và nhiệm vụ quản lý ở nông thôn để tổ chức bộ máy hành chính thành phố, thị xã phù hợp với đặc điểm quản lý đô thị, kiện toàn Hội đồng nhân dân cấp xã, phường, thị trấn. Về sắp xếp tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp theo hướng trách nhiệm rõ ràng, phân công rành mạch, bộ máy gọn nhẹ, tăng cường tính chuyên nghiệp, giải quyết nhanh công việc của cá nhân, tổ chức, cải tiến phương thức quản lý, lề lối làm việc của cơ quan hành chính các cấp. Về các nguyên tắc làm việc và quy chế phối hợp trong sự vận hành bộ máy hành chính. Định rõ phân sự, thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị về kết quả hoạt động của bộ máy do mình phụ trách...

2 - Trên cơ sở tình hình thực tiễn trong nước và những kinh nghiệm quốc tế xác định rõ mục tiêu, mô hình của tổ chức bộ máy chính quyền địa phương một cách sát hợp với điều kiện, hoàn cảnh, bảo đảm tính khả thi. Đây là một giải pháp quan trọng có ý nghĩa trực tiếp đối với việc đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động chính quyền địa phương. Nó trực tiếp xác định những khâu, yếu tố của bộ máy chính quyền địa phương cần phải sửa đổi và sẽ sửa đổi, điều chỉnh trong thời gian tới. Chính vì vậy, xác định càng sát đúng, thì tính hiện thực, tính khả thi càng cao. Thời gian qua, đã có những công trình nghiên cứu về vấn đề này. Mặc dù còn một số điểm cần phải tiếp tục nghiên cứu, tranh luận nhưng các kết quả nghiên cứu đạt được đã có sự nhất trí về những nét chính đối với việc cải cách mô hình tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương. Cụ thể:

- Về tổ chức bộ máy có sự phân biệt giữa tổ chức bộ máy chính quyền đô thị và nông thôn; giảm bớt các cấp trung gian, các cơ quan chuyên môn giúp việc của cơ quan hành chính.

Cần xây dựng chính quyền một cấp ở các đô thị vừa và nhỏ, hai cấp ở các đô thị lớn. Nghĩa là, chỉ các thành phố trực thuộc trung ương có tổ chức hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính ở cấp thành phố và cấp quận, dưới cấp đó chỉ có cơ quan hành chính tại các khu vực dân cư. Các đô thị nhỏ - thành phố, thị xã thuộc tỉnh chỉ có Hội đồng nhân dân ở cấp thành phố, thị xã. Đối với hệ thống tổ chức bộ máy chính quyền các tỉnh trong điều kiện quy mô của tỉnh nhỏ có thể lựa chọn mô hình tổ chức các cấp chính quyền dưới tỉnh theo hai hướng. *Một là*, dưới tỉnh vẫn có hai cấp: huyện và xã, nhưng cấp huyện chỉ có cơ quan hành chính không có Hội đồng nhân dân. *Hai là*, tỉnh nắm trực tiếp cấp xã bỏ hẳn cấp huyện. Cấp xã được mở rộng hơn về quy mô và hình thành những ban chuyên môn có đầy đủ chức năng, thẩm quyền như đã được Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, khóa IX khẳng định.

- Từ mô hình tổ chức bộ máy như vậy, nên nguyên tắc, cơ chế làm việc mới giữa người đứng đầu cơ quan hành pháp với các cơ quan giúp việc và Hội đồng nhân dân cũng cần có sự thay đổi tương ứng. Có thể hình thành chế độ thủ trưởng hành chính thay chế độ ủy ban, trước hết, ở các đô thị, sau đó mở rộng ra các tỉnh. Trong các quyết định của Hội đồng nhân dân cần chú trọng tới tính chất tự quản và tự chịu trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là của những người đứng đầu. Người đứng đầu cơ quan hành chính địa phương chỉ đạo, điều hành trực tiếp các cơ quan chuyên môn giúp việc.

Những hình dung về mô hình cơ cấu tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương nêu trên có thể còn có nhiều ý kiến, nhưng đó là kết quả của nhiều công trình nghiên cứu và của nhiều nhà khoa học tiến hành trong nhiều năm rất đáng chú ý.

3 - Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đối với cải cách tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương. Các cấp ủy phải là người chịu trách nhiệm và trực tiếp tham gia vào công việc cải cách tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương. Đặc biệt,

việc cải cách này phụ thuộc rất nhiều vào quyết tâm chính trị của toàn Đảng. Có như vậy, các biện pháp cải cách mới được tích cực thực hiện, các mục tiêu cải cách mới đạt kết quả.

4 - Nâng cao thẩm quyền của các cơ quan đặc trách về cải cách hành chính. Hiện nay Chính phủ đã có Ban Chỉ đạo cải cách hành chính. Hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng đã thành lập Ban Chỉ đạo cải cách hành chính. Tuy nhiên, các ban này mới chỉ là cơ quan tư vấn. Hơn nữa, ở các tỉnh, thành phố, Ban Chỉ đạo phần lớn tập trung các cán bộ lãnh đạo của tỉnh, hoạt động kiêm nhiệm nên công việc cải cách hành chính chỉ được xem là công việc làm thêm. Mặt khác, cải cách hành chính đụng chạm tới những người có liên quan, nên họ không mấy nhiệt tình. Vì thế, cần có cơ quan đặc trách về vấn đề này và trao cho cơ quan này những thẩm quyền nhất định trong việc đề xuất cũng như chỉ đạo trực tiếp quá trình cải cách ở mỗi địa phương.

5 - Chuẩn bị các nguồn lực cần thiết gồm: tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật... Như đã phân tích, các nguồn lực này không phải là nội dung trực tiếp, cũng không phải là điều kiện tiên quyết của quá trình cải cách cơ cấu tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, nhưng có vai trò quan trọng, nhất là trong điều kiện xã hội phát triển hiện nay. Cải cách cơ cấu tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương mà không tính tới các vấn đề này thì hiệu quả sẽ không cao hoặc khó có thể thành công.

6 - Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, phát triển nguồn nhân lực. Đây là một trong những mấu chốt cho việc đẩy mạnh tiến trình cải cách hành chính nói chung và cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương nói riêng. Cải cách sẽ đâm chân tại chỗ hoặc sẽ thất bại nếu không có những con người thực hiện nó. Chính vì thế, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức sẽ là một trong những giải pháp quan trọng để thúc đẩy cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương.

(Xem tiếp trang 36)

Phương pháp tiếp cận vấn đề phát triển nông thôn ở nước ta

DƯƠNG TÙNG

I - Dân số thế giới theo báo cáo của Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA), năm 2003 là hơn 6,3 tỉ người. Trong số này, các nước đang phát triển chiếm tới 80%; số người sống ở nông thôn chiếm tỷ lệ khá cao (64% dân số). Theo công bố của Liên hợp quốc những năm gần đây trên thế giới chỉ có 75% dân số các nước đang phát triển sống ở nông thôn tiếp cận dịch vụ y tế, 60% được dùng nước sạch, 20% có hệ thống xử lý vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn. Làn sóng di dân tự do ra thành thị ào ạt, đến mức có những thành phố như Can-cút-ta (Ấn Độ), Mê-xi-cô (Mê-xi-cô) số dân lên tới 25 - 30 triệu người.

Nạn nghèo đói luôn rình rập, đe dọa các nước kém phát triển và đang phát triển... Riêng vùng châu Á - Thái Bình Dương số người nghèo đói ở vùng nông thôn chiếm tới 3/4 tổng số người nghèo đói toàn khu vực. Vì thế, người ta thường nói: Quá trình phát triển nông thôn ở khu vực này trên thực chất là quá trình vươn lên xóa đói, giảm nghèo... Đối với các nước đang phát triển, nơi mà người làm nghề nông chiếm đa số trong thành phần dân số thì việc phát triển nông thôn toàn diện, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn là con

đường chính căn bản để giải quyết hàng loạt vấn đề, không chỉ trước mắt mà cho cả tương lai lâu dài của quốc gia đó.

Để phát triển nông thôn toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa bên cạnh biện pháp đòn bẩy, dùng chính sách kinh tế thúc đẩy tăng năng suất lao động, chuyển dịch cơ

cấu kinh tế, đầu tư cho công nghiệp nhỏ, phục vụ chế biến..., mỗi quốc gia đều có cách tiếp cận mới, nhằm tạo kết cấu hạ tầng tiến bộ, văn minh, hiện đại. Chẳng hạn, ở Hàn Quốc, năm 1975, vẫn còn đến 46% lực lượng làm nông nghiệp và thu nhập thực tế mỗi hộ nông dân chỉ bằng 62% thu nhập của hộ phi nông nghiệp. Một luồng dân di cư từ nông thôn đổ ra thành thị gây sức ép lớn về mặt xã hội. Làm thế nào giảm bớt khoảng cách thu nhập giữa nông thôn và thành thị? Cùng với câu hỏi này, Hàn Quốc còn phải đối mặt với một thực tế là cán cân thanh toán xấu dần đi do thế giới lúc đó dư thừa hàng công nghiệp, song lương thực, giá cả lại tăng đột biến. Cuối cùng, Hàn Quốc phải chấp nhận con đường tự túc sản phẩm nông nghiệp cơ bản.

Mùa đông năm 1971, phong trào xây dựng "nông thôn mới" được dấy lên khắp Hàn Quốc. Điện khí hóa và mở các tuyến giao thông đã thực sự mang lại nhiều lợi ích cho người nông dân Hàn Quốc đã phân bố lại ruộng đất, phổ biến rộng rãi kỹ thuật mới trong trồng trọt, chăn nuôi; phát triển giống lúa mới, tìm mọi biện pháp phòng trừ sâu bệnh. Kết quả thật bất ngờ: chỉ sau 7 năm, đến năm 1977, Hàn Quốc đã thực hiện được mục tiêu tự túc lương thực

và từ năm 1967 - 1998, tỷ lệ nghèo khổ đã giảm từ 33,7% xuống còn 6,5%.

Hiện nay, số dân nông thôn của Hàn Quốc chỉ chiếm khoảng dưới 20% dân số toàn quốc. Năm 1995, ở Hàn Quốc 100% dân số nông thôn được hưởng các dịch vụ y tế và các dịch vụ xử lý vệ sinh, rác thải, ô nhiễm.

Ở Đài Loan, từ những năm 50 của thế kỷ XX, chính quyền đã lựa chọn khu vực nông thôn, nông nghiệp làm nền tảng và động lực của tăng trưởng kinh tế; hình thành ở Đài Loan một mạng lưới công nghiệp nông thôn, chủ yếu là công nghiệp chế biến thực phẩm, phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa. Sau chiến tranh, Đài Loan đã có một số kết cấu hạ tầng nông nghiệp khá tốt. Việc tiến hành cải cách ruộng đất thành công đã tạo bước ngoặt lớn giúp khu vực nông nghiệp và cùng với nó là tiền bộ kinh tế khởi sắc. Với khẩu hiệu "Đất cho mỗi người dân cày", chính quyền đã bán hoặc cho nông dân thuê dài hạn tới 30% đất canh tác (khoảng 270.000 ha).

Với chính sách coi nông nghiệp là khu vực đầu tàu cho tăng trưởng, Đài Loan đã định rõ ba vai trò mang tính chiến lược của nông nghiệp, đó là: 1 - Đáp ứng đầy đủ nhu cầu lương thực trong nội địa; 2 - Giải phóng lao động nông nghiệp nhằm cung ứng nhân lực cho khu vực công nghiệp và các khu vực kinh tế phi nông nghiệp khác; 3 - Thông qua xuất khẩu nông sản, thu ngoại tệ về để tích lũy vốn, tạo đà cho quá trình công nghiệp hóa. Đài Loan thực hiện tái phân phối thỏa đáng thu nhập từ khu vực nông nghiệp phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa; đây là bước thành công nổi bật.

Nông nghiệp Đài Loan suốt những thập niên 50, 60, 70 của thế kỷ XX nhận được ưu đãi về vốn do Mỹ viện trợ (1,5 tỉ USD từ năm 1951 - 1965), thực hiện cải cách ruộng đất và ứng dụng công nghệ mới. Một biện pháp khác nhằm kích nông nghiệp phát triển là chính

quyền có chủ trương giảm địa tô cho nông dân (mới đầu là 37,5% tổng thu nhập, sau xuống chỉ còn 28%). Mức tăng trưởng trong nông nghiệp vì vậy đã tăng lên khá đều đặn (từ 5 - 6,4%).

Từ năm 1950 - 1970 (20 năm) hằng năm trung bình có khoảng 30.000 lao động nông nghiệp chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ, chiếm hơn 2% lao động nông nghiệp ở Đài Loan. Mạng lưới công nghiệp nhỏ (dưới 50 công nhân) ở nông thôn Đài Loan đã tận dụng được sức người, nguyên liệu sẵn có và tiết kiệm được khâu chuyên chở làm cho nông dân Đài Loan tăng nhanh về thu nhập và góp phần đẩy mạnh xuất khẩu. Ở Đài Loan đã xây dựng các xí nghiệp nhỏ và vừa chống lại việc hình thành các tổ chức độc quyền; duy trì môi trường cạnh tranh trong kinh tế; giảm thiểu bất bình đẳng xã hội, giảm khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, người giàu và người nghèo.

Phân tích tình hình nông thôn các nước đang phát triển ở châu Á, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, mặc dù hoàn cảnh địa lý, lịch sử, truyền thống văn hóa có khác nhau song về cơ bản, tình hình nông thôn các nước này đều có nét chung: mù chữ vẫn là một thách thức gay gắt; vấn đề bình đẳng, dân chủ, công bằng trong giáo dục đặt ra bức thiết; tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên vẫn ở mức cao (châu Á - Thái Bình Dương chỉ có 23% diện tích đất đai, chiếm tới 58% dân số toàn thế giới); kết cấu hạ tầng văn hóa - xã hội còn quá lạc hậu; cơ cấu kinh tế, phân công lao động xã hội ở nông thôn đang biến đổi từng ngày. Thị trường lao động đang xảy ra mâu thuẫn giữa chất lượng và số lượng; lao động có trình độ, tay nghề, sức khỏe thường ra thành phố làm ăn. Cơ chế thị trường, sự bùng nổ thông tin, giao lưu văn hóa, bên cạnh mặt tích cực có nhiều mặt tiêu cực tác động đến các giá trị truyền thống, đạo đức, làm méo mó các mối quan hệ tốt đẹp trong gia đình, cộng đồng

ở nông thôn. Nhiều chủ trương, chính sách nóng vội, duy ý chí, tập trung vào giác độ kinh tế - kỹ thuật, học tập nước ngoài một cách máy móc, rập khuôn, làm cho sự phát triển ở nông thôn nhiều nước trở nên mất cân đối, phá vỡ môi trường sinh thái, ô nhiễm môi trường xã hội.

Xem xét các mô hình phát triển, yếu tố quan trọng và điều kiện tiên quyết để tăng trưởng là con người được trang bị đầy đủ về mặt thể chất, trí tuệ, tay nghề...; lao động được đào tạo và đào tạo lại liên tục, hút vốn đầu tư vào khu vực nông thôn, giúp nông dân nhanh chóng tiếp thu công nghệ mới.

Ở đây rất cần đến vai trò hỗ trợ của Nhà nước, nhất là trong giai đoạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn. Nhà nước cần lưu ý phân phối lợi ích về y tế, giáo dục và văn hóa - xã hội trên cơ sở nhu cầu của người dân hơn là theo khả năng chi trả, thanh toán. Song qua kinh nghiệm nhiều nước, bước đầu tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nguồn lực Nhà nước vô cùng eo hẹp. Vì vậy, việc phân loại, xác định các mục tiêu ưu tiên đột phá mới tránh được sự dàn trải vật lực, tài lực, có như vậy chiến lược phát triển nông thôn mới trở thành chiến lược khả thi.

II - Hiện nay nông thôn Việt Nam có khoảng hơn 10 triệu hộ (sống trên 70.000 thôn, xóm, ấp, bản thuộc 9.000 xã); với 80% dân số, 84% lao động xã hội, chủ yếu tập trung ở các ngành trồng trọt, chăn nuôi, đang làm ra trên 40% giá trị sản phẩm xã hội, khoảng 50% thu nhập quốc dân và 30% tổng giá trị xuất khẩu. Phát triển mạnh mẽ kinh tế là điều kiện quan trọng để giải quyết việc làm, cải thiện đời sống, thay đổi dần lối sống cũ, củng cố các quan hệ xã hội, văn hóa ở nông thôn, xây dựng một nông thôn phát triển lành mạnh, bền vững.

Trên thực tế, sau những năm tiến hành công cuộc đổi mới, bộ mặt kinh tế - xã hội nông thôn

nước ta đã thay đổi rõ rệt. Đời sống phần lớn dân cư đã được cải thiện. Vấn đề an toàn lương thực đã được giải quyết căn bản. Một lực lượng nông dân có vốn, có kinh nghiệm sản xuất, có kỹ thuật đã giàu lên nhanh chóng. Nông thôn nước ta đang thích nghi dần với sản xuất hàng hóa. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội từng bước được nâng lên. Phát triển điện, đường, trường, trạm là những tiêu chí phản ánh sự tiến bộ rõ rệt của nông thôn nước ta ngày nay.

Tuy nhiên, thực trạng kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam vẫn đang đứng trước những mâu thuẫn gay gắt:

Thứ nhất, trên tổng thể nền kinh tế khu vực nông thôn nước ta vẫn trong tình trạng phát triển chưa vững chắc; một số vùng có nguy cơ tụt hậu so với đô thị và khu công nghiệp tập trung, nhất là đối với vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường xảy ra thiên tai, bão lũ, mất mùa.

Đầu tư của Nhà nước vào vùng nông thôn chỉ mới chiếm khoảng trên 1/3 tổng số vốn đầu tư. Chiến lược phát triển nông thôn nước ta vẫn dựa chủ yếu vào việc lập ra các chương trình, dự án. Tuy vậy, những bước đi cụ thể, sự lồng ghép giữa các chương trình dự án, sự phối hợp đồng bộ giữa các chính sách vẫn đang là vấn đề còn nhiều bất cập.

Thứ hai, nông nghiệp nước ta đã có bước chuyển dịch cơ cấu, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường. Song quá trình chuyển dịch diễn ra chậm chạp, thiếu những điều kiện cơ bản. Đó là kết cấu hạ tầng còn thấp kém; vấn đề dạy nghề, truyền nghề, chuyển giao kỹ thuật, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm chưa trở thành phong trào rầm rộ của nông dân. Nông thôn hiện tại vẫn thiếu vốn nghiêm trọng.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa ổn định, giá cả bấp bênh, chung là sản phẩm nông nghiệp thường có giá thấp hơn giá trị. Cây con trong

chưa trở thành mục tiêu chiến lược được tính toán kỹ lưỡng; hiện tượng chặt phá sản phẩm nông nghiệp lập đi lập lại rất phức tạp và khá phổ biến ở nhiều nơi.

Ba là, phát triển kinh tế thị trường, bên cạnh mặt tích cực là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khơi dậy tiềm năng sáng tạo, nâng cao tính năng động xã hội, tạo động lực mới trong phát triển lại có nhiều vấn đề nổi cộm, có nơi, có lúc tạo thành những "điểm nóng"; nạn thất nghiệp và nửa thất nghiệp diễn ra khá phổ biến; số người nghèo và tái nghèo ở một số địa phương chưa giảm mạnh; chi phí y tế, giáo dục thường vượt quá khả năng thực tế của nông dân; các tệ nạn xã hội có xu hướng tăng và lây lan nhanh. Đang có sự mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế và bảo đảm công bằng xã hội. Những hậu quả về mặt xã hội, về môi trường sinh thái đang phát triển ở nông thôn dường như lại phải hứng chịu nhiều và nặng nề hơn các vùng khác.

Có thể nói rằng, nông thôn nước ta là khu vực có địa bàn rộng lớn, dân số đông, nhiều nơi có các dân tộc sống xen kẽ, trình độ không đồng đều, điều kiện khí hậu quá khắc nghiệt, xuất phát điểm kinh tế - xã hội quá thấp, chịu hậu quả của chiến tranh trước kia, nay lại chịu sự tác động của mặt trái của cơ chế thị trường khá nặng nề. Bên cạnh việc học tập kinh nghiệm quý báu của nước ngoài giải quyết vấn đề nông thôn, điều có ý nghĩa quyết định là cần hình thành nội dung phương pháp tiếp cận vấn đề nông thôn và phát triển nông thôn ở Việt Nam một cách đúng đắn. Có thể nêu một số phương pháp tiếp cận sau: Nhìn nhận nông thôn trên cơ sở kinh tế - xã hội; làm sao kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; làm sao kết hợp giữa làm giàu chân chính và xóa đói giảm nghèo; bảo vệ và khẳng định những giá trị tốt đẹp ở nông thôn; xây dựng và củng cố thiết chế chính trị - văn hóa - xã hội ở nông thôn.

Ở đây chỉ xin đi vào phân tích hai cách tiếp cận đầu tiên:

1 - Cơ sở kinh tế - xã hội ở nông thôn Việt Nam trong quá trình đổi mới đất nước

Sau "khoản 10", các vùng nông thôn nước ta có bước chuyển mạnh: Hộ gia đình trở thành chủ thể kinh tế - xã hội hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Cá nhân người nông dân là thực thể đặt trong mối quan hệ với đối tượng khác mà trước hết là họ tộc, gia đình. Hộ gia đình và cá nhân người nông dân là đơn vị sản xuất và tiêu dùng. Về mặt xã hội, hộ gia đình có chức năng quan trọng trong sinh sản, nuôi dưỡng, giáo dục, nơi trao, truyền những giá trị văn hóa truyền thống cho các thế hệ cháu con.

Công cuộc đổi mới đất nước lấy việc giải phóng sức sản xuất cho hộ gia đình làm trọng tâm, làm đòn bẩy nội lực thúc đẩy sự phát triển. Mối liên hệ tự nhiên khá chặt chẽ giữa gia đình, họ tộc, dòng tộc là cơ sở mang ý nghĩa xã hội trong quản lý. Ở các vùng dân tộc thiểu số, thiết chế dòng họ cũng có vị trí quan trọng: tộc trưởng có vai trò điều hành cả kinh tế, văn hóa và tín ngưỡng... Việc thờ cúng tổ tiên, lập gia phả, lập quỹ dòng họ, xây dựng tộc ước, hương ước, tổ chức lễ hội ở người Kinh là những hiện tượng có mặt tích cực, có mặt tiêu cực. Cần phát huy mặt tích cực nhưng cũng cần chú ý loại bỏ những mặt tiêu cực như tư tưởng hẹp hòi, cục bộ, kéo bè kéo cánh cả trong kinh tế và trong quan hệ quyền lực; tổ chức lễ hội thì rườm rà, tốn kém, một số nơi còn mang nhiều tính vụ lợi, thương mại hóa.

Theo đà phát triển hộ gia đình, kinh tế hàng hóa nông thôn nảy sinh nhiều yếu tố đáng chú ý. Xuất hiện các hình thức hợp tác mới, đa dạng phù hợp với nhu cầu bức xúc của nông dân. Các hình thức hợp tác ra đời nhiều nhất ở các tỉnh Nam Bộ, Trung du và ven biển. Riêng ở Phú Yên các hộ gia đình nông thôn đã

tự nguyện tổ chức gần 500 tổ hợp tác kinh tế - xã hội. Sau "khoán 10", nông thôn nước ta có hàng loạt "Hội" xuất hiện: Hội có tính chất hỗ trợ trong sản xuất, chuyển giao kỹ thuật; Hội có tính từ thiện giúp nhau làm việc nghĩa, giải trừ tai biến, xóa đói giảm nghèo; Hội khuyến học, khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư, dịch vụ; có cả hội mang yếu tố tâm linh, tín ngưỡng...

Thời bao cấp, hộ gia đình phụ thuộc vào hợp tác xã. Tất cả đều do hợp tác lo. Ngày nay trong cơ chế thị trường, hộ gia đình là chủ thể, các quan hệ kinh tế - xã hội có nhiều nét mới, trở nên phức tạp hơn:

- Xuất hiện sự tranh chấp, chuyển nhượng đất đai; một bộ phận nông dân không còn ruộng đất canh tác có khả năng bị bỏ cùng hóa.

- Lực lượng thất nghiệp ở nông thôn ngày càng tăng.

- Hiện tượng di dân tự do trở thành phổ biến.

- Đã có sự phân tầng xã hội, sự phân hóa giàu nghèo.

Đảng và Nhà nước ta đã có hàng loạt chủ trương, chính sách điều chỉnh uốn nắn các hiện tượng trên.

2 - Kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Cơ sở khoa học và thực tiễn đánh giá chất lượng phát triển nông thôn là xem xét mối quan hệ giữa chính sách phát triển kinh tế và chính sách phát triển xã hội; cũng có nghĩa, phải làm rõ tính chất xã hội, mục tiêu xã hội trong chính sách kinh tế; những điều kiện kinh tế, khả năng kinh tế trong việc thực thi (trên thực tế) chính sách xã hội ở nông thôn.

Sự kết hợp giữa mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội trong hệ thống chính sách thực chất là xem xét tương quan giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng và nâng cao tiến bộ xã hội.

Điểm xuất phát mối quan hệ này chính là dựa trên nền tảng chiến lược phát triển con người của Đảng và Nhà nước ta... Con người ở đây được nhìn nhận ở hai khía cạnh: Đóng góp sáng tạo ra mọi của cải vật chất, tinh thần và hưởng thụ, tiêu dùng. Thực ra hai mặt cung cầu này cùng tồn tại thống nhất trong thực thể con người.

Qua nhiều kinh nghiệm thấy rằng, mô hình giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội là sự lựa chọn đúng đắn, mang tính chiến lược của nhiều quốc gia. Trên thực tế đã có không ít quốc gia thất bại hoặc đi đến đổ vỡ, mất chính quyền lại không vì vấn đề kinh tế mà là lúng túng trong giải quyết vấn đề xã hội.

Nếu có chính sách phát triển nông thôn phù hợp có thể làm tăng công bằng ngay trong giai đoạn đầu của sự phát triển. Điều này xét trên hai ý nghĩa: 1) Tập trung vào khía cạnh xã hội trong những chính sách kinh tế và 2) Khai thác, chú ý tới mặt thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội để đạt mục tiêu chung.

Sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội có thể được biểu hiện ở các mặt:

- a) Thống nhất ngay trong mục tiêu chung của hai loại chính sách.

- b) Chính sách xã hội là yếu tố góp trực tiếp vào sự phát triển, vì vậy đầu tư cho chính sách xã hội là đầu tư cho phát triển; không thể coi chính sách xã hội là cái đuôi đi sau chính sách kinh tế.

- c) Tăng trưởng kinh tế không thể tự nó giải quyết hết các vấn đề xã hội, không bao chứa tất cả các vấn đề xã hội mà trên thực tế phải có chính sách riêng, có chương trình xã hội riêng để giải quyết các đối tượng, các địa bàn, các vấn đề cụ thể trong một không gian hoặc thời gian nhất định. Tốt nhất chương trình giải quyết các vấn đề xã hội phải được tiến hành

song song, hòa nhập với các chương trình phát triển kinh tế. Chẳng hạn, khi xây dựng các khu công nghiệp phải nghĩ ngay đến chuyện giải phóng mặt bằng, đến thiết lập các khu giãn dân, ổn định đời sống, tạo điều kiện học hành, chữa bệnh cho các cộng đồng dân cư. Xây một nhà máy thủy điện phải tính đến hàng loạt vấn đề liên quan đến đời sống của người dân quanh lòng hồ... Chương trình giải quyết việc làm, giảm nghèo khổ ở vùng nông thôn tuy là chương trình xã hội lớn song giải quyết nó phải thông qua hàng loạt biện pháp kinh tế như chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng đầu tư, tạo vốn cho người nghèo vay với lãi suất thấp, phát triển dịch vụ dạy nghề, chuyển giao công nghệ...

d) Nhìn nhận sự tiến bộ xã hội phải trên cơ sở chất lượng của phát triển xã hội. Điều này ở nước ta là sự thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Thực chất định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nông thôn Việt Nam xét cho cùng là vừa phải tăng trưởng kinh tế, và từng bước giải quyết công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường để đạt chất lượng của tiến bộ xã hội, đúng với bản chất của nó là phục vụ sự phát triển con người (của con người, vì con người, do con người).

Ở đây cần nhắc lại và nhấn mạnh một trong những quan điểm cơ bản mà Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX *Về đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010* có ghi: "Kết hợp chặt chẽ các vấn đề kinh tế và xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội và phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của người dân nông thôn nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; giữ gìn phát huy truyền thống văn hóa và thuần phong mỹ tục". □

CẢI CÁCH CƠ CẤU TỔ CHỨC...

(Tiếp theo trang 30)

7 - Sửa đổi thể chế cần thiết để mở đường cho những thay đổi về tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương. Đây là một việc hết sức nhạy cảm. Việc sửa đổi những điều đã được quy định trong luật pháp phải được căn cứ trên những yêu cầu của thực tiễn và đã được nghiên cứu đánh giá kiểm nghiệm. Tuy nhiên, nhiều cải cách, đổi mới muốn thực hiện được, muốn mở rộng lại phải dựa trên những quy định sửa đổi của luật pháp. Do đó, để thúc đẩy những cải cách hành chính nói chung, cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương nói riêng, đồng thời, phải có những sửa đổi cần thiết trong các quy định pháp luật hiện hành ở mức độ nhất định để có thể thí điểm, mở rộng.

8 - Đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học tổ chức nhà nước, tổng kết thực tiễn để làm căn cứ cho các hoạt động cải cách. Các hoạt động nghiên cứu khoa học vừa qua đã có những đóng góp quan trọng vào công cuộc đổi mới và cải cách hành chính, nhưng những kết quả thu được vẫn còn nhiều hạn chế. Những mô hình, mục tiêu về cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương được nêu ở trên là sự tổng hợp các kết quả của các công trình nghiên cứu của nhiều cơ quan khoa học trong thời gian qua, nhưng rõ ràng, các mô hình, mục tiêu đó còn thiếu sức thuyết phục. Vì vậy, để thúc đẩy việc cải cách tổ chức bộ máy và hoạt động chính quyền địa phương cần phải tiếp tục làm rõ cả mô hình, mục tiêu lẫn các biện pháp để đạt tới nó.

9 - Cần tuyên truyền sâu rộng hơn về công cuộc cải cách hành chính trong cán bộ, công chức và trong nhân dân. Việc nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, đi kèm với nó là những chính sách hỗ trợ khác sẽ là điều kiện tốt để lôi cuốn họ tham gia tích cực vào quá trình cải cách. Việc tuyên truyền sâu rộng về công cuộc cải cách hành chính sẽ làm cho nhân dân đồng tình và ủng hộ, cũng như giám sát cho các quá trình cải cách đạt kết quả. □

Thông tin đại chúng trong xu thế TOÀN CẦU HÓA

VŨ DUY THÔNG*

TOÀN cầu hóa là sự thâm nhập và giao thoa nhiều mặt chủ yếu của đời sống con người trên phạm vi toàn thế giới. Nguyên nhân sâu xa của xu hướng toàn cầu hóa là sự phát triển của sức sản xuất đã đạt tới độ đòi hỏi một cuộc cách mạng về giao lưu thương mại và công nghệ. Sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các quốc gia và khu vực, quy luật cung và cầu trong nền kinh tế hàng hóa ở trình độ cao đã dẫn đến một tất yếu là: trong khi các hệ thống chính trị vẫn tồn tại những dạng khác biệt thì sự thông thương kinh tế và công nghệ đã phá vỡ các rào cản biên giới tư tưởng và quốc gia, hướng tới sự nhất thể hóa. Ngày nay, thật khó hình dung nền kinh tế của một quốc gia lại có thể phát triển được nếu nó đứng ngoài nền kinh tế thế giới. Sự liên kết kinh tế mang tính hỗ trợ và ràng buộc lẫn nhau trên những khu vực rộng lớn của thế giới là xu thế không thể đảo ngược trong thời đại chúng ta. Sự xuất hiện của các liên minh kinh tế như Liên minh châu Âu (EU), Liên minh châu Phi (OAU), Liên minh Bắc Mỹ và Ca-ri-bê (CONSACAF), gần chúng ta hơn là Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN) và rất nhiều các

phức hợp kinh tế như nhóm G.7, nhóm G.8, nhóm G.8+1 cũng như Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là những thí dụ. Xu hướng thống nhất tiền tệ là một trong những biểu hiện nổi bật của quá trình toàn cầu hóa với sự xuất hiện của những nhà băng cho toàn thế giới như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), đồng tiền chung Ô-rô cho 500 triệu người của 25 nước trên hầu hết

lãnh thổ châu Âu. Việc sử dụng chung công nghệ, dịch chuyển tư bản, trao đổi thương mại trên phạm vi thế giới đã trở nên phổ biến. Có thể nói ngày nay sự phát triển kinh tế và cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật, công nghệ đang giữ vai trò chủ đạo chi phối mối quan hệ giữa các quốc gia.

Quá trình toàn cầu hóa kinh tế kéo theo nó sự biến đổi sâu sắc trên hầu khắp các lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hóa, làm thay đổi bộ mặt thế giới. Toàn cầu hóa thúc đẩy văn hóa nhân loại phát triển với nhịp độ một ngày bằng cả năm trước đây, ngày càng tạo lập trên thực tế một mặt bằng chung cho nền văn minh tinh thần của nhân loại, điều sẽ là không tưởng một khi văn hóa còn bị ngăn cách bởi ranh giới quốc gia, chủng tộc, tôn giáo, hệ tư tưởng. Mặt khác, toàn cầu hóa cũng đang trở thành hiểm họa của không ít nền văn hóa dân tộc, văn hóa địa phương bởi sự xâm nhập của các nền văn hóa mạnh, của thương mại hóa văn hóa - một trong những mặt trái của toàn cầu hóa - và sự suy thoái của những nền văn hóa yếu trong quá trình bị

* PGS, TS, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

hòa tan. Khi văn hóa của từng dân tộc, của từng địa phương trên thế giới bị mất đi bản sắc riêng của nó, bị nhất thể hóa thì nền văn hóa nhân loại - một thể thống nhất trong đa dạng của tập hợp các nền văn hóa riêng biệt - cũng vì thế mà trở nên nghèo nàn, đơn điệu. Đề kháng mặt tiêu cực của toàn cầu hóa đối với văn hóa không thể bằng sự khép kín để bảo tồn những cái cũ từng là hoặc bị nhầm lẫn là truyền thống. Truyền thống lịch sử hay truyền thống văn hóa chính là những gì của quá khứ đang cần thiết với hôm nay và cả những gì của hôm nay cần thiết cho ngày mai. Ngay đến sự lựa chọn để bảo tồn hay thải loại cũng mang tính truyền thống vì mỗi dân tộc đều có những đặc trưng bền vững trong sự lựa chọn, cần gìn giữ cái gì trong kho tàng di sản và đưa ra khỏi đời sống của mình cái gì. Truyền thống là những giá trị tinh thần vừa ổn định vừa vận động không ngừng. Bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống trong thời đại ngày nay là quá trình thông thương với văn hóa toàn nhân loại, loại bỏ những gì tiêu cực, tiếp thu và bản địa hóa để những tinh hoa văn hóa nhân loại trở thành truyền thống mới của dân tộc, từ đó tiếp tục hội nhập ở một trình độ cao hơn. Quy luật tồn tại của văn hóa trong xu thế hội nhập cũng là quy luật tồn tại và phát triển của thông tin đại chúng, một lĩnh vực của văn hóa vừa là động lực vừa là sản phẩm của hội nhập.

Thế kỷ XX được ghi nhận là thế kỷ đánh dấu bước tiến bộ đột biến trong lịch sử phát triển của loài người với việc ra đời của khoa học điện tử - tin học cùng với ứng dụng của nó là công nghệ thông tin. Sự phát triển nhanh chóng đến kinh ngạc cũng như những thành tựu to lớn của công nghệ thông tin là tiền đề khoa học và vật chất cho cuộc cách mạng thông tin diễn ra trong các nước phát triển và đang phát triển mà bản chất của nó là cuộc

cách mạng trong giao tiếp và sở hữu trí tuệ xã hội. Thông tin đại chúng bao gồm các loại hình báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử) xét trên bình diện nhận thức là một bộ phận cấu thành văn hóa, nền tảng tinh thần của một xã hội đồng thời là sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin, xét trên bình diện thông tin học. Thông tin đại chúng (từ đây gọi là *báo chí*) là phần quan trọng nhất của các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tham gia vào quá trình hình thành ý thức xã hội. Là sản phẩm và cũng là động lực thúc đẩy toàn cầu hóa, báo chí xét trên phạm vi thế giới giờ đây đã mang nhiều đặc điểm mới cần được nghiên cứu kỹ càng trong chiến lược thông tin của mỗi quốc gia

Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ điện tử và tin học, không gian thông tin của báo chí ngày nay trên lý thuyết, đã không còn giới hạn. Cùng với sự ra đời của máy in công nghiệp, hơn ba thế kỷ qua, báo in đã trở thành phương tiện điều tiết dư luận xã hội khi nó bảo đảm cho hàng triệu người ở những không gian khác nhau có thể cùng tiếp nhận những thông tin như nhau, không phân biệt giai tầng xã hội, giới tính, tuổi tác, trình độ văn hóa, thị hiếu... Tuy nhiên, báo in gặp trở ngại không nhỏ trong quá trình vận chuyển, kiểm soát, trao đổi thương mại nên không thể bảo đảm tính đồng thời trong tiếp nhận thông tin ở những đối tượng và không gian khác nhau. Những trở ngại đó đã được khắc phục đáng kể với sự ra đời của phát thanh và truyền hình có sự hỗ trợ của hệ thống vệ tinh địa tĩnh. Về thời gian, với phát thanh, truyền hình khoảng cách từ sự kiện đến hình thành thông tin và tiếp nhận thông tin tiệm cận tới không, nghĩa là gần như đồng thời, hàng tỉ người trên thế giới có thể cùng chứng kiến một sự kiện đang xảy ra với sự chênh lệch về thời gian chỉ tính bằng giây. Khả năng kịp thời, không còn

rào cản không gian càng đi tới tuyệt đối hơn khi xuất hiện mạng thông tin toàn cầu (In-tơ-nét). Được phát minh vào năm 1989, In-tơ-nét là mạng thông tin tập trung những thành tựu cơ bản nhất của cuộc cách mạng công nghệ thông tin. Với khả năng thông tin đa phương tiện (chữ, ảnh tĩnh, hình động, âm thanh, tiếng động) của nó, In-tơ-nét đã làm đảo lộn cuộc sống của nhân loại, chi phối sự phát triển của thế giới. Sức mạnh của nó đã khiến nhiều người định nghĩa toàn cầu hóa là "sự thu nhỏ địa cầu bởi tốc độ giao tiếp, là sự xuyên thấu vào nhau cũng như tương thuộc lẫn nhau về thông tin, là quá trình *In-tơ-nét hóa* nhiều mặt trong đời sống hiện đại với tư cách là hệ quả của sự tiến bộ khoa học - kỹ thuật".

Sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình báo chí trong đó có In-tơ-nét không chỉ làm thay đổi nhiều quan niệm thuộc về bản chất của thông tin và tiếp nhận thông tin, về không gian cũng như về thời gian trong thông tin mà còn thay đổi nhiều quan niệm về chính trị, địa chính trị, quân sự, kinh tế. Ngày nay qua In-tơ-nét, đã hình thành trên thực tế những Chính phủ điện tử; nền dân chủ điện tử ở đó mọi công dân không chỉ hưởng thụ các thành quả dân chủ mà còn trực tiếp điều hành hoạt động xã hội thông qua công luận; liên minh quân sự điện tử; những hoạt động ngoại giao quốc tế qua điện thoại hội nghị hoặc qua mạng. Một thách thức không nhỏ với nhiều quốc gia hiện nay là báo chí đã trở thành một vũ khí vô cùng lợi hại trong việc sắp đặt lại trật tự thế giới. Sự sụp đổ của Liên bang Xô-viết và chính quyền xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước châu Âu; cuộc khủng hoảng Ban-căng; cục diện chiến tranh I-rắc; chiến lược "bàn tay nhung" để can thiệp vào công việc nội bộ, thay đổi chế độ chính trị ở nhiều nước theo hướng có lợi cho chủ nghĩa đơn cực với sự sắp đặt của Mỹ... đều có vai trò của báo chí. Cuộc

chiến tranh thông tin trên các phương tiện truyền thông nổi bật là trên In-tơ-nét trong nhiều trường hợp đã thay thế các hành động xung đột quân sự, các biện pháp tình báo thông thường. Việc kiểm soát thông tin trên báo chí bằng các biện pháp kỹ thuật và hành chính trong phạm vi quốc gia đã trở nên vô cùng khó khăn. Trong một hội nghị quốc tế gần đây, gần 80 nước đã kiến nghị cần thành lập một tổ chức của Liên hợp quốc để giám sát, hạn chế sự độc hại cũng như ngăn chặn cuộc xâm lăng thông tin và văn hóa trên mạng In-tơ-nét. Thay vì các biện pháp kiểm soát cổ điển, người ta đang có xu hướng tăng cường khả năng đề kháng thông tin xấu cho chính các đối tượng tiếp nhận thông qua việc nâng cao dân trí, giáo dục tư tưởng, đạo đức cho công dân nhưng hiệu quả cụ thể cũng còn nhiều hạn chế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, báo chí bị tác động mạnh mẽ của xu hướng thương mại hóa và chính hoạt động báo chí đang trở thành một ngành kinh tế phát triển, là một bộ phận không thể tách rời của nền kinh tế thế giới. Cùng với ý nghĩa là vũ khí chính trị, báo chí còn là hàng hóa, một loại hàng hóa đặc biệt hiểu theo nghĩa đó là hàng hóa phục vụ nhu cầu tinh thần. Là hàng hóa, báo chí hoạt động theo quy luật của nền kinh tế thị trường trong đó nổi trội là quy luật cung - cầu. Nền báo chí tư sản hoạt động theo phương châm "hãy đưa đến cho người tiêu dùng cái họ cần", lấy nhu cầu độc giả làm mục đích phục vụ. Vấn đề là ở chỗ các nhu cầu tinh thần của con người rất đa dạng và phức tạp. Bên cạnh nhu cầu tự hoàn thiện con người với tư cách một động vật cấp cao, có ý thức duy nhất trên trái đất, con người còn có xu hướng thỏa mãn những đòi hỏi bản năng cấp thấp của đời sống động vật thông thường. Chức năng cao cả của báo chí là không chỉ thỏa mãn nhu cầu *thuộc* về

con người mang tính người của độc giả mà còn phải hình thành những nhu cầu nhân bản cho độc giả của mình. Thương mại hóa báo chí là chối bỏ chức năng giáo dục nhân văn của báo chí, chiều theo mọi thị hiếu để thu lợi nhuận cao.

Mục đích của việc chạy theo thị hiếu, chiều chuộng độc giả là để tăng lượng phát hành, tăng công chúng còn vì từ đó thu hút được nhiều quảng cáo. Ở các nước tư bản, 80% thu nhập của các tòa soạn là từ nguồn quảng cáo. Tiền quảng cáo trên các báo có lượng phát hành lớn thường rất đắt. Ở Việt Nam, tuy quảng cáo còn chưa phát triển, Hiệp hội quảng cáo Việt Nam cho biết doanh thu từ quảng cáo ở nước ta là 1 tỉ đô-la vào năm 2003 nhưng 85% thuộc về 20 doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài, chỉ 15% còn lại là doanh thu của gần 1.000 doanh nghiệp quảng cáo trong nước và Hiệp hội đã đưa ra lời kêu gọi hãy giành lấy phần lợi nhuận này về cho đất nước.

Nguồn lợi nhuận khổng lồ từ hoạt động báo chí đã biến lĩnh vực này thành một thị trường kinh doanh độc quyền. Ngày càng có nhiều công ty kinh doanh truyền thông xuyên quốc gia, có tầm ảnh hưởng tài chính và chính trị rất lớn. Từ lĩnh vực truyền thông, các tập đoàn tư bản báo chí thâm nhập vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa ở nhiều quốc gia, tham gia hoạch định các chính sách điều hành đất nước ở những quốc gia đó

Vừa là một ngành kinh tế mũi nhọn, báo chí còn tham gia vào mọi hoạt động kinh tế khác, từ thông tin thị trường, giới thiệu sản phẩm, bảo vệ quyền lợi của nhà sản xuất và người tiêu dùng, xúc tiến thương mại quốc tế đến xuất hiện các thị trường buôn bán trên báo chí. Mua bán trên mạng hay còn gọi là *thị trường ảo* ngày nay đã là phương thức giao dịch khá phổ biến ở nhiều nước. Trên thị

trường tiền tệ cũng đã hình thành hệ thống tài *chính điện tử* bao quát các lĩnh vực giao dịch ngân hàng, thị trường chứng khoán, thanh toán tài chính... qua In-tơ-nét. Theo số liệu được công bố trên tạp chí "Những vấn đề Viễn Đông" số 2-2003 của Liên bang Nga trích theo nguồn của Bộ Tài chính Mỹ, số người thực hiện các giao dịch tài chính thường xuyên qua mạng ở Đức là 12%, ở Thụy Điển là 31% còn giao dịch không thường xuyên cao hơn nhiều, trong đó 8 nước và lãnh thổ là Ô-trây-li-a, Nhật Bản, Thụy Điển, Anh, Mỹ, Hồng Kông, Hàn Quốc, Mê-xi-cô có tỷ lệ từ 22% đến 65%.

Nhưng vai trò của báo chí trong chính trị, quân sự, kinh tế chưa phải là tất cả nếu không nói là còn có vị trí ít quan trọng hơn so với văn hóa. Báo chí ngày nay đã trở thành kênh giáo dục mang tính phổ cập ở hầu hết các quốc gia phát triển và đang phát triển. Tính đa năng của báo chí, nhất là các loại hình báo chí sử dụng các phương tiện nghe - nhìn đã thể hiện sự ưu việt không phải bàn cãi trong việc nâng cao dân trí nhất là ở những nước nghèo, giáo dục chưa phát triển. Với các nước giàu, các hình thức phổ cập giáo dục từ xa đã giảm thiểu hàng nghìn tỉ đô-la nhờ giảm bớt chi phí xây dựng trường lớp, giảng dạy, thực nghiệm... tập trung. Báo chí còn tạo lập môi trường văn hóa và trở thành các địa chỉ sáng tạo văn hóa thỏa mãn nhu cầu giải trí của người dân. Nhiều sinh hoạt văn hóa, giải thưởng âm nhạc, văn học, điện ảnh, thể thao có uy tín trên thế giới là do các cơ quan báo chí đứng ra tài trợ và tổ chức.

Quá trình toàn cầu hóa kinh tế và cùng với nó là toàn cầu hóa báo chí trong một không gian thông tin mở là một bước phát triển của văn minh nhân loại, là thành tựu chung của loài người. Tuy nhiên, không vì điều đó mà báo chí trong toàn cầu hóa mất đi bản chất

chính trị của nó là vũ khí trong cuộc đấu tranh giữa các giai cấp, các dân tộc, các khu vực trên thế giới nhằm bảo vệ quyền lợi của mình. Sự phát triển mạnh mẽ của báo chí vừa mang chiều hướng tích cực vừa là vũ khí vô cùng lợi hại trong tay những lực lượng phản tiến bộ, phản văn hóa, phi nhân bản đặt ra những thách thức không thể xem thường đối với loài người. Gần như đã thành quy luật, mọi âm mưu lật đổ, mọi cuộc xung đột dân tộc hoặc tôn giáo, mọi cuộc chiến tranh trong thế giới hiện đại đều xảy ra sau các cuộc chiến tranh thông tin. Chưa bao giờ chiến tranh thông tin lại diễn ra gay gắt, quyết liệt trên một phạm vi rộng lớn như ngày nay. Điều này chỉ có thể giải thích được bằng nguyên nhân sâu xa của nó, đó là quá trình sắp xếp lại trật tự thế giới mới sau thời kỳ "chiến tranh lạnh". Báo chí cũng đang là mối đe dọa đối với nền văn hóa của nhiều nước và nhiều dân tộc khi dường như không có cách gì ngăn chặn được sự thâm nhập của mặt tiêu cực ngoại lai trong lối sống, đạo đức, thị hiếu của người dân cũng như sự suy thoái văn hóa bản địa trong một xã hội tiêu dùng nếu không có chiến lược thông tin trên phạm vi quốc gia và sự hợp tác toàn cầu.

Ở Việt Nam, sau hai mươi năm đổi mới và hội nhập quốc tế, báo chí đã có bước phát triển mạnh mẽ chưa từng có. Từ chỗ chỉ có 2 tờ báo in hằng ngày và hơn mười tờ báo hằng tuần, một Đài Phát thanh và một Đài Truyền hình quốc gia với diện phủ sóng rất hạn chế, ngày nay cả nước đã có 517 cơ quan báo cung cấp cho bạn đọc gần 700 ấn phẩm với khoảng 550 triệu bản báo mỗi năm; 64 đài phát thanh và truyền hình cấp tỉnh và thành phố, trên 500 đài phát thanh cấp huyện, hàng ngàn đài truyền thanh phường xã. Sóng phát thanh hiện đã tới 5 châu lục và 90% lãnh thổ nước ta, sóng truyền hình đã phủ phần lớn diện tích châu Âu, Bắc Mỹ và 85% diện tích cả nước. Tuy mới bước đầu phát triển, nước ta hiện đã

có 50 tờ báo điện tử, 2 500 trang tin điện tử (Website) được cấp phép hoạt động, phục vụ 3,4 triệu thuê bao và hàng chục triệu người sử dụng In-tơ-nét không thường xuyên. Đi đôi với sự phát triển về số lượng, trình độ kỹ thuật của báo chí cũng được nâng lên không ngừng, nhiều lĩnh vực như phát thanh, truyền hình, thông tin trên mạng tin học, in ấn đã đạt trình độ trung bình tiên tiến của thế giới.

Tiến bộ nổi bật của báo chí nước ta sau 20 năm đổi mới thể hiện chủ yếu trên lĩnh vực nội dung thông tin. Thông tin trên báo chí ngày càng phong phú, chất lượng được nâng cao với chức năng là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội, đồng thời là diễn đàn của nhân dân. Cách thông tin sinh động, đa dạng, hình thức đẹp, từng bước tiếp cận trình độ của báo chí hiện đại. Đọc báo, nghe phát thanh, xem truyền hình đã trở thành sinh hoạt văn hóa quan trọng, không thể thiếu trong đời sống tinh thần của xã hội. Có được điều đó là do báo chí đã góp phần tích cực vào việc giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát hiện, phản ánh tâm tư nguyện vọng và những vấn đề bức xúc trong đời sống của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí và sự suy thoái đạo đức, lối sống; cổ vũ tinh tích cực của toàn dân trong sự nghiệp đổi mới; động viên phong trào thi đua yêu nước, biểu dương nhân tố mới và điển hình tiên tiến trong quá trình thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Báo chí cũng đóng vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; góp phần tổng kết thực tiễn, làm phong phú và cụ thể hóa đường lối cách mạng của Đảng; mở rộng và nâng cao chất lượng thông tin đối ngoại, góp phần nâng cao

uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế; kiên quyết đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình", chống những luận điệu xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội, bất mãn, phản động.

Đi đôi với hoạt động thông tin, nhiều cơ quan báo đã trực tiếp tổ chức các hoạt động văn hóa, đáp ứng nhu cầu giải trí, nghỉ ngơi lành mạnh của công chúng; tham gia các hoạt động xã hội như xoá đói, giảm nghèo, giúp đỡ những người cô đơn, tàn tật, hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc những người và gia đình có công, khuyến khích phát triển tài năng trẻ...

Nhờ sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng, ngày càng thỏa mãn nhu cầu thông tin của nhân dân, báo chí đã đứng vững trong cơ chế thị trường, tự chủ về tài chính, nhiều cơ quan báo có tích lũy lớn. Đã hình thành ngành kinh tế báo chí mang lại lợi nhuận cao, nhất là trong quảng cáo, in ấn, xuất bản, mỗi năm mang lại hàng nghìn tỉ đồng cho ngân sách nhà nước.

Nguyên nhân chủ yếu của bước phát triển đó bắt nguồn từ đường lối đổi mới toàn diện của Đảng trong đó có đổi mới công tác tư tưởng và văn hóa. Đảng ta coi báo chí là một trong những lĩnh vực quan trọng hàng đầu của nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đặt báo chí vào vị trí xung kích trong sự nghiệp dân chủ hóa đời sống xã hội, cổ vũ, phát hiện, giám sát công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng và bộ máy nhà nước; bảo vệ chủ quyền quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế; nâng cao dân trí; thỏa mãn nhu cầu thông tin của nhân dân. Tiếp theo các nghị quyết, chỉ thị của các khóa trước, chỉ tính từ Đại hội IX đến nay, Ban Bí thư đã có các chỉ thị về tăng cường và đổi mới hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam; nâng cao chất lượng, hiệu quả xuất bản, phát hành sách lý luận chính trị; ra thông tri về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII về báo chí, xuất

bản; ban hành các thông báo về tăng cường lãnh đạo, quản lý thông tin về các vụ án trọng điểm; tăng cường sự phối hợp giữa Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin trong giao ban báo chí; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chủ quản trong hoạt động báo chí. Năm 2000, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí. Chính phủ cũng đã có nhiều nghị định, thông tư, quyết định, văn bản hướng dẫn kèm theo các luật, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động báo chí, đầu tư lớn cho một số báo, tạp chí chuyên ngành, cung cấp thông tin miễn phí cho đồng bào miền núi, dân tộc thiểu số góp phần quan trọng trong việc định hướng tuyên truyền, nâng cao chất lượng thông tin. Hội Nhà báo đã phát huy vai trò tích cực trong việc vận động, tổ chức hội viên nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, trau dồi đạo đức nghề nghiệp, đẩy mạnh giao lưu hội nhập giữa giới báo chí nước ta với các tổ chức và các nhà báo trong khu vực và thế giới.

Sự phát triển của báo chí cũng không tách rời xu thế toàn cầu hóa văn hóa. Khi văn hóa nói chung trong đó có báo chí đã trở thành cầu nối chính trị, kinh tế thì phát triển báo chí là một đòi hỏi tất yếu của phát triển. Sự tiến bộ và đổi mới của công nghệ thông tin bắt buộc mọi quốc gia phải chi những khoản tiền lớn để đầu tư phương tiện kỹ thuật mới cho báo chí nếu không muốn bị tụt hậu, cô lập. Đời sống vật chất và trình độ dân trí tăng lên dẫn đến nhu cầu thông tin - một trong những quyền sống cơ bản của con người hiện đại - cũng tăng lên không ngừng. Nghiệp vụ báo chí trên thế giới ngày nay đã đạt đến trình độ rất cao, trở thành yếu tố kích thích những người làm báo. Cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng là báo chí đã trở thành một nghề nghiệp hấp dẫn, hoạt động báo chí đã trở

thành một trong những ngành kinh tế có lợi nhuận cao.

Những đặc điểm đó của báo chí trong xu thế toàn cầu hóa đã tác động tích cực đến hoạt động báo chí đồng thời cũng là nguyên nhân của nhiều yếu kém, khuyết điểm. Khuyết điểm rõ nhất của báo chí nước ta là xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, chưa bám sát nhiệm vụ chính trị, đối tượng phục vụ; chạy theo những thông tin giật gân, tầm thường, ít tác dụng giáo dục để câu khách vì mục đích lợi nhuận đơn thuần. Thông tin sai sự thật còn chiếm tỷ lệ đáng kể. Mặt trái xã hội được đề cập quá nhiều và không thích đáng gây ấn tượng sai lạc về đất nước và chế độ ta. Trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhà báo bị suy giảm nhiều. Cơ chế hoạt động và hệ thống luật pháp còn nhiều mặt trì trệ, lúng túng, hạn chế khả năng phát triển lành mạnh của báo chí.

Hội nhập quốc tế, tham gia vào quá trình toàn cầu hóa là xu thế tất yếu của nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Quan điểm xuyên suốt của Đảng đối với báo chí trong quá trình hội nhập là kiên quyết giữ vững định hướng chính trị, cổ vũ mạnh mẽ sự nghiệp đổi mới, bảo vệ vững chắc chủ quyền đất nước và định hướng xã hội chủ nghĩa đồng thời thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu thông tin, nhu cầu dân chủ hóa đời sống tinh thần của nhân dân. Thực hiện nhiệm vụ đó, báo chí cần nâng cao chất lượng, kiên quyết khắc phục xu hướng thương mại hóa, xa rời tôn chỉ mục đích đồng thời không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật, trình độ chuyên môn theo hướng hiện đại hóa, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế nâng cao khả năng hội nhập với báo chí thế giới. Phát triển trong môi trường được quản lý tốt, quản lý tốt để tiếp tục phát triển hơn nữa là con đường đồng hành cùng dân tộc và đất nước của báo chí nước ta. □

ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ...

(Tiếp theo trang 15)

định hướng xã hội chủ nghĩa; vấn đề chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng hệ thống chính trị trong điều kiện mới ... Những vấn đề đó càng đòi hỏi phát huy dân chủ, đúc kết trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, bám sát thực tiễn, tổng kết thực tiễn, để làm sáng tỏ, làm cơ sở cho việc hoàn thiện đường lối chính trị đúng đắn có tính cách mạng và khoa học.

Năm, phẩm chất và năng lực của Đảng, của tất cả cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng lên. Bởi vì, đường lối chính trị là do cán bộ, đảng viên, do các tổ chức đảng từ cơ sở cho đến Đại hội toàn quốc của Đảng xây dựng và lãnh đạo tổ chức thực hiện. Đảng phải luôn luôn tự rèn luyện, tự chỉnh đốn, nâng cao trình độ tổ chức thực tiễn, làm cho đường lối đi vào cuộc sống và biến thành hiện thực sinh động; đồng thời, qua thực tiễn mà cụ thể hóa, thể chế hóa, bổ sung, hoàn thiện đường lối.

Các nhà kinh điển đã từng chỉ ra rằng nguy cơ lớn nhất của các đảng cầm quyền là quan liêu và sai lầm về đường lối. Chúng ta, những người cộng sản và nhân dân Việt Nam rất tự hào về Đảng ta, trước hết, tự hào về đường lối chính trị đúng đắn, sáng suốt, có tính cách mạng và khoa học do Đảng đề ra. Thông qua đường lối đó, suốt 75 năm qua, Đảng đã tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nhờ đường lối đúng, tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối đó mà nhân dân ta đứng vững và tiếp tục đi lên trong bối cảnh sóng gió của thế giới trong thập niên cuối của thế kỷ XX và thập niên đầu thế kỷ XXI. Với thế và lực mới của cách mạng nước ta hiện nay, chúng ta hoàn toàn có lý do phấn khởi hướng tới Đại hội X của Đảng, tin tưởng ở Đại hội sẽ đánh dấu bước quan trọng củng cố vững chắc và thực hiện sáng tạo đường lối chính trị của Đảng, đưa dân tộc Việt Nam ta tiếp tục vững bước trong thế kỷ XXI. □



CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI VÀ NHỮNG BÀI HỌC THỰC TẾ

NGUYỄN PHÚ BÌNH*

1 - Vài nét về người Việt Nam ở nước ngoài

Cách đây hàng trăm năm đã có người Việt Nam ra nước ngoài sinh sống. Sử sách còn ghi lại, vào thế kỷ XII, con cháu nhà Lý đã sang Hàn Quốc lập nghiệp; thế kỷ XVII có người Việt Nam sang làm ăn tại Cam-pu-chia; thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, có nhiều người Việt Nam sang lánh nạn và làm ăn tại Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan, Trung Quốc.

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai, một số người Việt Nam đi du học, làm công chức tại Pháp, hoặc bị động viên đi lính, đi phu tại một số thuộc địa của Pháp. Trong thời kỳ chiến tranh, có thêm một số người ra đi lánh nạn, kiếm sống, theo chồng hồi hương, hoặc đi tu nghiệp, du học ở nước ngoài. Tuy nhiên, trước năm 1975, số lượng người Việt Nam ở nước ngoài không lớn, chỉ có khoảng 16 - 20 vạn người ở 10 nước, nhưng phần đông có tư tưởng sinh sống tạm thời, chờ khi có điều kiện thuận lợi thì trở về nước.

Sau năm 1975, đã có sự thay đổi sâu sắc về số lượng, thành phần, tính chất cũng như địa bàn sinh sống của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Số người ra đi (di tản trước tháng 4-1975, vượt biên trong các năm 1978 - 1980, theo chương trình ra đi có trật tự và các chương trình nhân đạo 1980 - 1996) đã lên tới khoảng

2 triệu người, chủ yếu tới Mỹ, Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa, Nhật Bản, các nước Tây và Tây - Bắc Âu... Thêm vào đó, sau năm 1980, có một số khá đông sinh viên, thực tập sinh và lao động Việt Nam ở Liên Xô và Đông Âu đã ở lại các nước này làm ăn.

Đến nay, theo thống kê chưa đầy đủ, có khoảng 2,7 triệu người Việt Nam đang sinh sống ở gần 90 nước và vùng lãnh thổ, trong đó hơn 80% ở các nước công nghiệp phát triển (Hoa Kỳ khoảng 1,3 triệu người; Pháp và Ô-xtrây-li-a: mỗi nước khoảng 250 nghìn người; Ca-na-đa: 200 nghìn người; Cam-pu-chia, Thái Lan, Đức và Nga: mỗi nước khoảng 100 nghìn người; Đài Loan: 65 nghìn người; Anh: 35 nghìn người; Séc: 25 nghìn người; Lào: 18 nghìn người; Trung Quốc, Ba Lan, Bỉ và Thụy Điển: mỗi nước trên dưới 10 nghìn người...). Phần đông bà con ngày càng ổn định cuộc sống và hòa nhập vào xã hội nơi cư trú, có vị trí nhất định trong đời sống kinh tế, chính trị - xã hội ở nước sở tại, có tác động ở mức độ khác nhau tới mối quan hệ giữa các nước đó với Việt Nam. Bên cạnh đó, trong những năm qua, hàng trăm nghìn người Việt Nam đã ra nước ngoài lao động, học tập, tu nghiệp,

* Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài

đoàn tụ gia đình, hình thành nên các cộng đồng người Việt Nam tại một số địa bàn mới như Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a...

So với các cộng đồng thiểu số khác, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là cộng đồng trẻ, năng động, nhanh chóng hòa nhập vào xã hội nước sở tại. Đại đa số người Việt Nam ở Mỹ, Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa và các nước Tây Âu có xu hướng định cư lâu dài (khoảng 80% đã nhập quốc tịch nước cư trú, nhưng hầu hết chưa thôi quốc tịch Việt Nam). Trong khi phần lớn người Việt Nam tại Nga, Đông Âu chỉ tạm cư, khi có điều kiện sẽ trở về nước. Tuy nhiên, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là cộng đồng phức tạp về thành phần xã hội, xu hướng chính trị và đa dạng về nghề nghiệp, tôn giáo, dân tộc, đặc biệt bị chi phối, phân hóa bởi sự khác biệt về giai tầng, chính kiến và hoàn cảnh ra đi. Chính vì vậy, tính liên kết, gắn bó trong cộng đồng không cao. Mặt khác, do sinh sống phân tán, nên sinh hoạt cộng đồng gặp khó khăn, dẫn tới việc duy trì tiếng Việt và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đang là thách thức lớn đối với tương lai của cộng đồng.

Dù được coi là thành đạt nhanh ở Mỹ và phương Tây, nhưng tiềm lực kinh tế của cộng đồng người Việt Nam còn hạn chế, thu nhập bình quân đầu người nhìn chung thấp so với mức bình quân của người bản xứ (chỉ có 55% người Việt Nam có cuộc sống ổn định; nhiều người vẫn phải sống nhờ vào trợ cấp xã hội). Trong khi đó, tiềm lực chất xám, trí tuệ của cộng đồng người Việt Nam khá lớn, nhất là ở phương Tây, Nga và Đông Âu. Ước tính, hiện trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có khoảng 300.000 người được đào tạo ở trình độ đại học, trên đại học và công nhân kỹ thuật bậc cao, có kiến thức hiện đại về khoa học - công nghệ và quản lý kinh tế. Trong đó, có nhiều người đã đạt được vị trí quan trọng trong các viện nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện, công ty kinh doanh và các tổ chức quốc tế. Một thế hệ trí thức mới người Việt Nam ở nhiều lĩnh vực khoa học chuyên ngành và kinh tế mũi

nhọn như tin học, viễn thông, điện tử, vật liệu mới, chế tạo máy, điều khiển học, sinh học, quản lý kinh tế, chứng khoán... đang hình thành và phát triển tập trung ở Bắc Mỹ, Tây Âu và châu Đại Dương.

Đáng chú ý là dù sống ở bất cứ nơi nào trên thế giới, cộng đồng người Việt Nam vẫn luôn duy trì mối quan hệ gần gũi với quê hương đất nước, mong muốn đất nước phát triển và hội nhập quốc tế nhanh chóng. Tuy nhiên, có một bộ phận đồng bào do chưa hiểu đúng về tình hình đất nước nên còn có thái độ tiêu cực hoặc dè dặt, thậm chí có một số ít người đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc. Bên cạnh đó, sự đóng góp của bà con vào công cuộc xây dựng đất nước, nhất là về tri thức còn ít, chưa phản ánh đúng tiềm năng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

2 - Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài

Phát huy truyền thống "lấy dân làm gốc" của cha ông và lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công", Đảng và Nhà nước ta thường xuyên quan tâm tới công tác vận động quần chúng, trong đó có công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, nhằm huy động mọi nguồn lực phục vụ cho sự nghiệp cách mạng chung của toàn dân tộc. Chính vì vậy, công tác vận động đồng bào ta ở nước ngoài từ lâu đã được coi là một nhiệm vụ quan trọng, gắn liền với nhiệm vụ của các thời kỳ cách mạng.

Từ trước khi Đảng ta ra đời, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và sau đó, nhiều đảng viên và các vị lãnh đạo của Đảng đã vận động, xây dựng cơ sở cách mạng ở Pháp, Trung Quốc, Thái Lan và các nước khác, với sự dùm bọc, chở che của bà con ta ở nước ngoài. Nhiều thế hệ cán bộ đầu tiên của Đảng đã đồng cam, cộng khổ cùng kiêu bào, chia sẻ nỗi đau của một dân tộc đang làm nô lệ, thấp sáng lên tinh thần cách mạng trong những người con xa xứ.

Ngày khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời (2-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh

đã kêu gọi đồng bào, cả ở trong và ngoài nước, ủng hộ và bảo vệ chính quyền cách mạng, kêu gọi đồng bào ta ở nước ngoài phát huy tinh thần yêu nước, tham gia kháng chiến. Nhiều bà con kiều bào tại Pháp đã tham gia phục vụ, bảo vệ phái đoàn Chính phủ Việt Nam dự Hội nghị Phông-ten-nơ-blo (Fontainebleau), vận động dư luận Pháp ủng hộ nền độc lập của Việt Nam. Nhiều trí thức kiều bào đã theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước tham gia kháng chiến, như các giáo sư Trần Đại Nghĩa, Phạm Ngọc Thạch, Đặng Văn Ngữ... Phong trào yêu nước của Tổng hội Việt kiều cứu quốc ở Thái Lan hoạt động rất mạnh, phối hợp chặt chẽ với trong nước. Hơn 6.000 Việt kiều ở Thái Lan trực tiếp tham gia chiến đấu trong lực lượng vũ trang tại mặt trận Lào. Nhiều người đã hy sinh cho công cuộc kháng chiến chống Pháp, giành độc lập cho dân tộc.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ - 1954, công tác về người Việt Nam ở nước ngoài tập trung vào việc vận động đồng bào tham gia các phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Tại Pháp và nhiều nước, kiều bào tham gia mít tinh, lấy chữ ký vận động nhân dân và dư luận sở tại, đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định, chống đàn áp những người kháng chiến. Nhiều trí thức kiều bào chuẩn bị hồi hương, đem kiến thức và tài sản tích lũy được về góp phần xây dựng đất nước.

Ngày 23-11-1959, Ban Việt kiều Trung ương được thành lập, đánh dấu mốc phát triển quan trọng của công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Đây là lần đầu tiên một tổ chức chuyên trách của Chính phủ được thành lập để vận động, hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi của bà con ta ở nước ngoài; giúp Chính phủ theo dõi công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Nhiệm vụ của công tác vận động kiều bào thời kỳ này là đón tiếp kiều bào yêu nước ở Thái Lan, Tân Đảo và một số nơi khác hồi hương; đồng thời tiếp tục vận động kiều bào xây dựng cơ sở nòng cốt của phong trào Việt kiều yêu nước, ủng hộ kháng chiến chống Mỹ. Nhiều

thành viên của phong trào sinh viên phản chiến đã trở thành nòng cốt của phong trào Việt kiều yêu nước sau này ở Mỹ, Pháp, Bỉ, Ca-na-đa... có quan hệ chặt chẽ với trong nước. Các tổ chức người Việt Nam ở một số nước láng giềng tham gia vào các hoạt động nuôi giấu cán bộ, ủng hộ kinh tế tài chính, cho con em về tham gia chiến đấu. Kiều bào ta tại Pháp đã hỗ trợ cho phái đoàn Việt Nam tham gia Hội nghị Pa-ri về tinh thần, vật chất và nhân lực v.v...

Tiếp theo đó, Ban Việt kiều Trung ương trở thành đầu mối tổ chức, phối hợp, vận động kiều bào đấu tranh cho hòa bình, thống nhất đất nước, xây dựng các phong trào Việt kiều yêu nước đi đầu trong việc vận động nhân dân các nước sở tại và bạn bè khắp năm châu hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta.

Từ sau năm 1975, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài tập trung vào việc huy động kiều bào tham gia vào công cuộc khôi phục, xây dựng và bảo vệ đất nước; đồng thời, chống bao vây cấm vận và âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch từ bên ngoài. Các Hội Việt kiều yêu nước tại nhiều nước phát triển mạnh, thu hút đông đảo kiều bào tham gia. Nhiều trí thức Việt kiều đã về nước trao đổi, giảng dạy, giới thiệu công nghệ mới. Nguồn kiều hối, hàng hóa do kiều bào gửi về đã góp phần giảm bớt những khó khăn trong nước. Nhưng cũng trong thời gian này, các Hội Việt kiều cũng gặp không ít khó khăn do sự chống phá quyết liệt của lực lượng phản động người Việt. Vào những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, do ảnh hưởng của tình hình Liên Xô và Đông Âu, phong trào Việt kiều có sự rạn nứt; ở một số nơi, hội kiều bào tự giải tán. Tuy nhiên, xu hướng gắn bó và hướng về Tổ quốc vẫn không ngừng phát triển. Đã xuất hiện nhiều hình thức tập hợp mới của kiều bào với các hoạt động phong phú và đa dạng.

Từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài gắn liền với nhiệm vụ phát huy sức mạnh

của toàn dân tộc, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh". Đây cũng là thời gian mà bộ máy tổ chức cũng như chức năng của Ban Việt kiều Trung ương được kiện toàn. Tháng 7-1994, sau Nghị quyết 08-NQ-TW của Bộ Chính trị, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài được thành lập, thay thế cho Ban Việt kiều Trung ương, và tháng 11-1995, Chính phủ đã ra Nghị định số 77/CP, đặt Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Bộ Ngoại giao.

Từ đó đến nay, phát huy truyền thống, tiếp tục phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã giao, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, với đặc thù công tác vừa mang tính quản lý hành chính nhà nước, vừa thực hiện công tác vận động quần chúng, đã tham mưu cho Đảng và Nhà nước những chủ trương, chính sách có liên quan đến cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là Nghị quyết 36-NQ/TW (ngày 26-3-2004) của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, cũng như Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 36 của Chính phủ.

Nghị quyết 36-NQ/TW có ý nghĩa rất to lớn đối với công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. *Thứ nhất*, Nghị quyết đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước đối với công tác này và khẳng định quan điểm nhất quán của Đảng luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời, một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam. *Thứ hai*, Nghị quyết là cơ sở chính trị, pháp lý cho việc kiện toàn bộ máy, cơ chế phối hợp trong xây dựng và thực thi các thể chế pháp luật nhằm thúc đẩy công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. *Thứ ba*, Nghị quyết góp phần tăng cường sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, khơi dậy trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài lòng yêu nước, tự hào dân tộc, cùng chung sức xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, hùng cường, một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. *Thứ tư*, Nghị

quyết góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam với các nước, củng cố vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài cũng đã phối hợp với nhiều cơ quan liên quan, ban hành và triển khai thực hiện nhiều chủ trương, chính sách mới, theo hướng tạo thuận lợi, đề kiêu bào ngày càng gắn bó với quê hương đất nước, từng bước tạo sự bình đẳng giữa đồng bào ở nước ngoài và đồng bào trong nước, đáp ứng những nguyện vọng chính đáng và lợi ích hợp pháp của kiều bào, làm cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có những chuyển biến tích cực, ngày càng tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới cũng như hội nhập quốc tế của đất nước.

Kết quả của công tác vận động đã thể hiện rất rõ qua việc những năm gần đây, số bà con ta ở nước ngoài về nước thăm người thân, du lịch, về đầu tư, đóng góp đã lên đến gần 400.000 lượt người mỗi năm. Lượng kiều hối gửi về nước năm 2003 đạt gần 2,7 tỉ USD và có thể đạt trên 3 tỉ USD trong năm 2004. Đầu tư của kiều bào theo Luật Đầu tư nước ngoài đạt 540 triệu USD, theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước đạt khoảng 2.500 tỉ đồng. Hàng trăm lượt kiều bào đã về nước đóng góp tri thức, chuyển giao công nghệ.

Bộ máy công tác của Ủy ban ngày càng được củng cố. Năm 2003, Quỹ hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài được thành lập và đi vào hoạt động, đã và đang có những đóng góp hiệu quả cho công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

Do những thành tích, đóng góp của nhiều thế hệ cán bộ trong 45 năm, kể từ ngày thành lập, Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài đã vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng nhất (năm 1999) và Huân chương Lao động hạng nhất (năm 2004).

3 - Những bài học thực tế

Trải qua thời gian mấy chục năm, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài đã đạt

được nhiều thành tựu, có một thực tiễn hết sức phong phú và đã kinh qua những bước phát triển lúc thăng lúc trầm. Qua quá trình phát triển đó, có thể rút ra những bài học thực tiễn sau:

Thứ nhất, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận và đại đoàn kết dân tộc, tăng cường mối liên hệ gắn bó giữa cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với cộng đồng dân tộc là nhân tố quyết định đối với thắng lợi của công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ hai, thể chế hóa các chủ trương của Đảng, Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài bằng các chính sách cụ thể, tạo cơ sở pháp lý cũng như cơ chế tổ chức, phối hợp thực hiện để sớm đưa các chủ trương chính sách đi vào cuộc sống.

Thứ ba, đổi mới các hình thức vận động cho phù hợp với sự phát triển của tình hình, trên cơ sở xây dựng, củng cố và phát triển các nhân tố, tổ chức nòng cốt trong cộng đồng.

Thứ tư, tăng cường công tác thông tin - tuyên truyền, phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một trong những yếu tố đem lại thành công cho công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ năm, có chính sách động viên khen thưởng kịp thời nhằm tạo động lực thi đua yêu nước, hướng về Tổ quốc của người Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ sáu, vận động người Việt Nam ở nước ngoài gắn liền với công tác vận động thân nhân của họ ở trong nước.

Thứ bảy, tăng cường vai trò của cơ quan chuyên trách, cơ quan đại diện ngoại giao trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ tám, kết hợp chặt chẽ giữa vận động và đấu tranh; đấu tranh chống lại các thế lực đi ngược lại lợi ích của dân tộc, đất nước.

Thứ chín, tăng cường năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài.

Thứ mười, công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, trong đó chính quyền có vai trò quan trọng đặc biệt.

Đảng và Nhà nước ta luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời, đồng thời là một nguồn lực của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài luôn được xác định là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược trong hệ thống công tác dân vận của Đảng và Nhà nước, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Trong tình hình mới, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới. Đó là thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, động viên bà con phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, ổn định, phát triển cuộc sống, hội nhập vào xã hội sở tại và làm cầu nối hữu nghị cho quan hệ giữa Việt Nam với các nước; đồng thời, tạo thuận lợi để bà con duy trì bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc, tăng cường các mối quan hệ, giao lưu gắn bó với trong nước. Chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là: lấy mục tiêu độc lập dân tộc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, chấp nhận những điểm khác nhau, miễn là không trái với lợi ích chung của dân tộc; gác lại quá khứ, hướng tới tương lai; mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, địa vị xã hội, nguồn gốc xuất thân, lý do ra nước ngoài, hễ ai mong muốn đóng góp vào mục tiêu trên thì đều có chỗ đứng trong khối đại đoàn kết dân tộc. Từ đó, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tiềm lực kinh tế và chất xám của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, góp sức cùng đồng bào trong nước tạo ra động lực mạnh mẽ và vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

NĂM ở biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc, có diện tích trên 14.000 km², địa hình đồi núi cao là chính, với số dân hơn 96 vạn người thuộc 12 dân tộc anh em, Sơn La có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi nhưng cũng đang đứng trước những khó khăn, thử thách không nhỏ trong phát triển kinh tế - xã hội.

Với quyết tâm đưa Sơn La ra khỏi danh sách những tỉnh đặc biệt khó khăn vào năm 2005 và trở thành một tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc vào năm 2010, Đảng bộ Sơn La đã xác định một trong những vấn đề hết sức quan trọng là phải đổi mới mạnh mẽ nhận thức, tư duy trong mỗi cán bộ, đảng viên, công chức và mỗi người dân Sơn La. Bởi chỉ khi có đổi mới trong nhận thức, tư duy mới tạo ra tiền đề cho sự đổi mới mạnh mẽ trong hành động thực tiễn. Xuất phát từ đó, chúng tôi xác định một số nội dung đổi mới nhận thức, tư duy ở Sơn La như sau:

I - Nhận thức đúng đắn, đầy đủ về thời cơ và thách thức

Đây là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi chỉ có trên cơ sở nhận thức đúng đắn và đầy đủ về thời cơ và thách thức mới có thể xây dựng quyết tâm để nắm chắc thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội. Nếu không có quyết tâm cao, nỗ lực phấn đấu thì không chỉ bỏ lỡ thời cơ hết sức đáng tiếc, mà còn có thể để lại những hậu quả rất nặng nề.

Hiện nay, việc xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La đặt ra cho Đảng bộ và nhân dân Sơn La những nhiệm vụ mới rất nặng nề, nhưng cũng mang lại thời cơ rất lớn để đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thời cơ đó thể hiện trên một số khía cạnh chủ yếu sau:

Một là, được Nhà nước đầu tư rất lớn để mở rộng, nâng cấp đường quốc lộ 6, quốc lộ 37, xây dựng nhiều tuyến đường mới từ thị xã, cảng Tà Hộc (Mai Sơn) vào Mường La, tới nhà máy; xây dựng nhiều cầu vượt sông Đà ở Bắc Yên,

Mường La; nâng cấp cảng Tà Hộc, sân bay Nà Sản... Với nhiều tuyến giao thông huyết mạch được xây dựng, nâng cấp, khoảng cách về không gian giữa Sơn La với Hà Nội và các trung tâm kinh tế của đất nước, giữa các vùng trong tỉnh, được rút ngắn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước lên Sơn La tìm cơ hội đầu tư, hợp tác kinh doanh, phát triển các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo và sửa chữa

các thiết bị xây dựng, vận tải, chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng...; sản xuất nông nghiệp; phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Hai là, phát triển đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật tham gia xây dựng công trình thủy điện, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao trình độ dân trí, cải thiện đời sống vật chất và

tinh thần cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa và phát triển các đô thị của tỉnh (các thị xã, thị trấn, thị tứ).

Ba là, Chương trình di dân tái định cư cho hơn 12 nghìn hộ trong tỉnh là cơ hội để Sơn La xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc... đến cả những vùng sâu, vùng xa; sắp xếp lại dân cư; khai thác, sử dụng tiềm năng đất đai hợp lý; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh, tạo cơ sở cho phát triển công nghiệp chế biến; mở rộng quan hệ giao lưu giữa các vùng, giữa các cộng đồng dân tộc...

II - Xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc về thời cơ, yêu cầu đặt ra là phải xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo để tạo ra sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả, bền vững. Đảng bộ Sơn La xác định các nhiệm vụ đó là:

* Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Sơn La

SƠN LA tiếp tục đổi mới để nắm bắt thời cơ, đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội

NGUYỄN VĂN THẠO *

1. Thực hiện tốt, đúng tiến độ, có chất lượng nhiệm vụ di dân tái định cư phục vụ cho xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La

Xây dựng nhà máy thủy điện, tỉnh Sơn La phải di dân tái định cư cho hơn 12 nghìn hộ vùng mặt bằng công trình và vùng sẽ bị ngập nước (chưa kể hàng nghìn hộ cũng phải di chuyển tái định cư khi mở các tuyến đường phục vụ xây dựng công trình). Việc di dân phải bảo đảm tiến độ theo yêu cầu xây dựng công trình cũng như bảo đảm cho đồng bào di dân tái định cư và đồng bào nơi đón nhận người tái định cư phải có cuộc sống tốt hơn nơi ở cũ, cố định, lâu dài. Sơn La xác định rõ đây là nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chính quyền các cấp và nhân dân trong tỉnh, hơn nữa phải tận dụng cơ hội này để đẩy nhanh sự phát triển của tỉnh.

2. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc trong tỉnh

Hiện nay, hệ thống đường giao thông trong tỉnh (quốc lộ, tỉnh lộ, đường từ tỉnh xuống trung tâm huyện, cụm xã...) đã được phát triển, nâng cấp lên rất nhiều: mở đường ô tô tới 199/201 xã, phường, tiểu khu trong toàn tỉnh. Tuy nhiên, giao thông vẫn là vấn đề lớn cần phải tập trung tháo gỡ ở Sơn La.

Trong những năm qua, hệ thống thủy lợi phục vụ cho sản xuất đã được củng cố, nhưng thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt vào mùa khô vẫn còn là vấn đề lớn của tỉnh. Đất ở Sơn La màu mỡ, nhưng thiếu nước nên một phần lớn diện tích chỉ trồng trọt được một vụ trong năm. Để khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng đất đai, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, cần xây dựng hệ thống mương, phai, kênh dẫn, quản lý khai thác các công trình thủy lợi, trong đó quan trọng nhất là phải xây dựng các hồ chứa giữ nước, tạo nguồn cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt trong mùa khô. Đây là nhiệm vụ lớn, không chỉ cần có vốn đầu tư lớn, mà còn phải có trình độ khoa học công nghệ cao.

Bên cạnh đó, tỉnh chủ trương xây dựng hệ thống điện, thông tin liên lạc không chỉ ở các đô thị, mà tới tất cả các xã, bản trong tỉnh để phục vụ cho sản xuất, đời sống của nhân dân, phục vụ cho bảo đảm quốc phòng - an ninh.

3. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị thu nhập trên một héc-ta đất canh tác, làm tốt nhiệm vụ trồng rừng và bảo vệ rừng

Sơn La hiện nay và trong nhiều năm tới vẫn còn là tỉnh nông nghiệp, bởi vậy, vấn đề chuyển

dịch cơ cấu sản xuất, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp là một nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ và nhân dân Sơn La. Do đó, tỉnh sẽ tiếp tục đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng hệ số sử dụng đất trên đất trồng lúa nước, sử dụng các loại giống lúa, ngô, rau, đậu có năng suất, chất lượng cao.

Điều kiện đất đai, khí hậu Sơn La rất phù hợp cho việc trồng nhiều loại cây công nghiệp có chất lượng cao như: chè Tuyết san Mộc Châu, Tà Xùa, chè Ô long, Bát tiên, cà phê, mía, dâu tằm, bông, đại mạch (nguyên liệu làm bia), măng tre lục trúc, bát độ. Tuy nhiên, diện tích và sản lượng các loại cây công nghiệp này vẫn còn quá nhỏ bé, việc phát triển, mở rộng quy mô gặp nhiều khó khăn do quy hoạch sử dụng đất cho từng loại cây chưa rõ, thiếu vốn đầu tư, thiếu giống mới, công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến. Để phát triển nhanh, có hiệu quả, bền vững các loại cây công nghiệp có thế mạnh, Sơn La rất cần có các doanh nghiệp "đỡ đầu" ứng vốn, chuyển giao công nghệ và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân theo mô hình "liên kết 4 nhà".

Một trong những thế mạnh của Sơn La là phát triển chăn nuôi đại gia súc: trâu, bò, nhất là bò sữa. Để phát huy lợi thế tự nhiên, cung cấp thực phẩm cho công trường xây dựng nhà máy thủy điện, tỉnh cần phát triển mạnh chăn nuôi trâu, bò, kể cả trâu, bò giống của địa phương, bò sữa, bò thịt chất lượng cao, dê, lợn hướng nạc và các loại gia cầm.

Với hơn 8.000 ha mặt nước hồ thủy điện Hòa Bình và sau này là hàng chục nghìn héc-ta mặt nước hồ thủy điện, Sơn La có điều kiện thuận lợi cho phát triển ngành nuôi trồng, đánh bắt thủy sản. Trong khi nhu cầu đối với mặt hàng thủy hải sản trên địa bàn rất lớn, nhưng sản lượng thủy sản nuôi, đánh bắt được hằng năm của tỉnh còn rất thấp. Bởi thế, đây là lĩnh vực cần được đẩy mạnh hơn nữa với sự phát triển của Công ty thủy sản của tỉnh, của các hoạt động khuyến ngư, khuyến khích, hỗ trợ cho hộ nông dân nuôi thủy sản ở những nơi có điều kiện cũng như sự hỗ trợ, giúp đỡ của các ngành, các cấp.

Đất rừng chiếm hơn 80% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh nên lâm nghiệp là một tiềm năng, thế mạnh. Là tỉnh đầu nguồn của 2 dòng sông lớn là sông Đà và sông Mã, có hai hồ thủy điện lớn là hồ thủy điện Hòa Bình và hồ thủy điện Sơn La, việc trồng và bảo vệ rừng đối với Sơn La có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt: là nguồn lực cho phát triển kinh tế; tạo việc làm, thu nhập cho đồng bào

các dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái cho tỉnh và cả khu vực; giữ và điều hòa nguồn nước cho các dòng sông; chống xói lở, rửa trôi đất; chống bồi lấp, bảo đảm hiệu quả hoạt động lâu dài cho các hồ thủy điện.

4. Làm tốt chính sách thu hút, khuyến khích đầu tư, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, phát triển đô thị và kinh tế đô thị

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của nông, lâm, ngư nghiệp, cung cấp và sửa chữa các công cụ, thiết bị từ đơn giản đến phức tạp cho sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm của nông dân; để phục vụ cho sự phát triển giao thông - vận tải, xây dựng đô thị, phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng... trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng công trình thủy điện, Sơn La cần phát triển công nghiệp cơ khí phù hợp với khả năng và điều kiện thực tế của mình (cơ khí xây dựng, cơ khí giao thông vận tải, cơ khí sửa chữa, cơ khí lắp ráp, cơ khí sản xuất chế tạo các thiết bị nhỏ, phụ tùng, linh kiện...).

Trong những năm qua, kinh tế của tỉnh đã có bước phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa; đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; sự phát triển nhanh của các đô thị, thị trấn, thị tứ và nhất là việc hàng vạn công nhân sẽ tới Sơn La tham gia xây dựng công trình thủy điện trong hàng chục năm tới sẽ tạo ra nhu cầu và cơ hội rất lớn để phát triển thương mại, dịch vụ.

Với hai cao nguyên Mộc Châu, Nà Sản có độ cao hơn 1.000 m so với mực nước biển, đất đai rộng rãi, phì nhiêu, khí hậu mát mẻ, nhiều danh lam thắng cảnh, nhiều di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, đồng bào các dân tộc: Thái, Mông, Mường, Dao... có bản sắc văn hóa đặc sắc, độc đáo, Sơn La sẽ có sức hút lớn đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Hiện nay, tỉnh đang nỗ lực để phát huy tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa.

5. Quan tâm phát triển lĩnh vực giáo dục đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, trình độ cho người lao động, phát triển nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh

Một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Sơn La là phát triển lĩnh vực giáo dục, đào tạo, từ giáo dục phổ thông tới dạy nghề, đẩy mạnh các hoạt động phổ biến kiến thức, chuyển giao công nghệ rộng khắp cho tất cả các đối tượng, bằng nhiều

hình thức. Bởi vậy, cùng với việc tiếp tục phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, củng cố vững chắc kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, đẩy mạnh phổ cập giáo dục trung học cơ sở, Sơn La đang mở rộng các hoạt động giáo dục thường xuyên, giáo dục cộng đồng, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ, cần gì học nấy của các loại đối tượng. Công tác đào tạo nghề tại các trường dạy nghề của tỉnh, của các tổng công ty, các bộ, ngành, trung ương cho con em đồng bào các dân tộc trong tỉnh, cho đồng bào các vùng phải di dân tái định cư, các hộ gia đình bị mất đất trong quá trình đô thị hóa, xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông - vận tải... được đẩy mạnh để giúp đồng bào chuyển đổi nghề nghiệp.

Tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, có ý chí và quyết tâm thoát khỏi nghèo đói, vươn lên làm giàu, có kiến thức, tay nghề, kỹ năng lao động đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển là cơ sở để Sơn La nhanh chóng thoát nghèo.

III - Đổi mới về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đặt ra

Sau khi xác định đúng các nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung chỉ đạo, thì việc tổ chức thực hiện là khâu quan trọng, có ý nghĩa quyết định. Đây cũng là khâu hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém. Bởi vậy, Sơn La xác định, đổi mới tư duy về cách làm, về tổ chức thực hiện trên một số khía cạnh sau:

Một là, khi xây dựng, lựa chọn các dự án, phương án sản xuất kinh doanh thì yêu cầu quan trọng hàng đầu là phải tính đến việc tiêu thụ sản phẩm. Tư duy về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh phải được phổ biến, quán triệt tới từng người sản xuất, từng đơn vị sản xuất kinh doanh. Khi đã có sản phẩm đạt chất lượng cao, có uy tín thì phải xây dựng, đăng ký thương hiệu cho sản phẩm, đồng thời phải giữ vững chất lượng sản phẩm để giữ uy tín cho thương hiệu.

Hai là, coi trọng công tác quy hoạch, nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch, từ quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển vùng đến quy hoạch phát triển các ngành, các sản phẩm chủ lực...

Công tác quy hoạch phải xuất phát từ thực tế, được bổ sung, điều chỉnh phù hợp với những diễn biến của tình hình. Chỉ trên cơ sở có quy hoạch, quy hoạch có chất lượng, có căn cứ khoa học mới có các quyết định đầu tư đúng đắn, có hiệu quả.

Đồng thời, quy hoạch cũng là cơ sở để triển khai thực hiện nhanh các chương trình, dự án, rút ngắn thời gian xét duyệt, thời gian giao đất cho dự án. Cùng với nâng cao chất lượng quy hoạch, tránh quy hoạch treo, quy hoạch hình thức, cần kiên quyết trong công tác quản lý thực hiện quy hoạch, không phê duyệt các dự án không có, không phù hợp với quy hoạch, không giao đất đã quy hoạch để sử dụng vào việc khác, cũng như không để xảy ra tình trạng lấn chiếm đất quy hoạch...

Ba là, đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh, vào công tác quản lý.

Công tác vận động tuyên truyền của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng, công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, các hình thức giáo dục thường xuyên, giáo dục cộng đồng... phải hướng vào việc nâng cao nhận thức của đồng bào các dân tộc trong tỉnh về vai trò và hiệu quả của việc ứng dụng khoa học công nghệ đối với sản xuất.

Bên cạnh đó, cần làm tốt công tác tư vấn, thẩm định, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, các dây chuyền công nghệ, thiết bị, các giống cây, giống con mới, các mô hình sản xuất và quản lý trước khi đưa vào hoạt động...

Bốn là, xây dựng cơ chế, chính sách tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích, động viên, hướng dẫn các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ, đúng hướng; đa dạng hóa các hình thức tổ chức kinh doanh, phát huy tiềm năng, thế mạnh của mỗi thành phần kinh tế, bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả nền kinh tế.

Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa IX bằng các hình thức phù hợp: cổ phần hóa, bán, khoán, cho thuê, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật. KIỆN TOÀN tổ chức, đổi mới công tác quản lý, công nghệ, thiết bị và lành mạnh hóa tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp sau khi được đổi mới; nghiên cứu thành lập doanh nghiệp cổ phần mới có sự tham gia góp vốn của Nhà nước trong một số lĩnh vực cần thiết của tỉnh.

Tích cực thực hiện rà soát tình hình sử dụng đất của các nông trường, lâm trường, đề ra các phương án sản xuất kinh doanh, cơ chế quản lý để xây dựng đề án, sắp xếp, đổi mới sao cho nông, lâm trường thực sự là các trung tâm kinh tế, trung

tâm khoa học - công nghệ hỗ trợ, giúp đỡ hộ nông dân, trung tâm văn hóa trong khu vực đồng bào các dân tộc.

Khuyến khích, hỗ trợ, giúp đỡ (về vốn, giống, kỹ thuật sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, kể cả bằng việc thu hút các doanh nghiệp làm đầu tàu trong liên kết "4 nhà") để phát triển kinh tế hộ của đồng bào các dân tộc, đặc biệt chú trọng phát triển kinh tế trang trại trong các lĩnh vực trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, trồng và bảo vệ rừng...

Đổi mới, củng cố và phát triển kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, các tổ hợp tác sản xuất, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Đổi mới các hợp tác xã cả về tổ chức và phương thức hoạt động; giải thể các hợp tác xã mang tính hình thức, thành lập các hợp tác xã, các tổ hợp tác sản xuất theo mô hình mới.

Năm là, đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở các cấp, các ngành, từ tỉnh tới cơ sở.

Tiếp tục rà soát, kiện toàn về tổ chức, chức năng nhiệm vụ các cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong tỉnh trước yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ trong thời kỳ mới; khắc phục tình trạng các cơ quan quản lý nhà nước "chạy" theo các chương trình, dự án, làm chủ các dự án đầu tư mà không thực hiện đúng, đầy đủ chức năng của cơ quan quản lý nhà nước của mình.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp nhiều hơn, mạnh hơn, tăng thêm quyền hạn đi đôi với trách nhiệm cho các sở, ngành, các huyện thị và cơ sở; loại bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà cho nhân dân và các doanh nghiệp; sơ kết, rút kinh nghiệm, mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của các mô hình cải cách hành chính "một cửa".

Quan tâm hơn nữa tới công tác đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức cả về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cả về phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm với công việc, đặc biệt là quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ công chức là người các dân tộc thiểu số, cán bộ ở cơ sở xã, phường.

Khó khăn, thách thức đặt ra đối với Sơn La trên con đường phát triển còn rất lớn, nhưng với sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, với những tiềm năng to lớn, những thành tựu và kinh nghiệm đã có, với thời cơ do xây dựng công trình thủy điện lớn của quốc gia trên địa bàn tạo ra, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, chắc chắn Sơn La sẽ đẩy nhanh tốc độ và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội, đạt được mục tiêu đã đề ra. □

HẢI QUÂN NHÂN DÂN

với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc trong tình hình mới

NGUYỄN VĂN HIẾN*

VIỆT Nam là một quốc gia có bờ biển dài 3.260 km trên cả ba hướng Đông, Nam và Tây Nam. Trung bình 100 km² diện tích đất liền nước ta có 1 km bờ biển, là nước có tỉ lệ bờ/điện tích vào loại cao của thế giới (trung bình của thế giới là 1 km bờ/600km² diện tích). Trên vùng biển nước ta có hàng nghìn đảo, có vị trí hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế và củng cố an ninh - quốc phòng của đất nước, đặc biệt hai quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa nằm giữa biển Đông, án ngữ đường hàng hải quốc tế thông thương giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Các nhà quân sự thế giới đánh giá vị trí chiến lược của biển Đông đứng thứ hai thế giới chỉ sau Địa Trung Hải. Ngoài ra, biển Đông còn được đánh giá có trữ lượng dầu khí lớn, nguồn hải sản phong phú và tiềm năng vận tải biển, du lịch hết sức dồi dào. Nếu được khai thác tốt sẽ đem lại cho nước ta một nguồn thu lớn, góp phần phát triển kinh tế trong những năm tới.

Việt Nam nằm ở vị trí chiến lược hết sức quan trọng. Trong các cuộc chiến tranh xâm lược nước ta từ trước đến nay, biển là một trong những hướng tiến công chủ yếu luôn được kẻ thù sử dụng.

Trong các cuộc chiến tranh gần đây, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch luôn lợi dụng biển nói chung và hải quân nói riêng, để tiến hành chiến tranh xâm lược. Khi tình hình thế giới có nhiều biến động, quan hệ quốc tế hết sức phức tạp, các nước không muốn cho mượn lãnh thổ nước mình để tấn công nước thứ ba láng giềng, thì biển sẽ là "cứu cánh" kẻ thù sử dụng để tấn công xâm lược. Đối với nước ta hiện nay

chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn không từ bỏ dã tâm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng ta, ráo riết thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", tạo cơ để tiến hành xâm lược. Do vậy, vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Ngoài ra, biển Đông là một biển nửa kín, diện tích không lớn và theo Công ước 1982 của Liên hợp quốc về Luật Biển, hầu hết các vùng biển của các nước là chồng lấn, cần đàm phán thương lượng để giải quyết. Đến nay, Việt Nam mới giải quyết phân định vùng biển với Thái Lan năm 1997, với In-đô-nê-xi-a năm 2003 và với Trung Quốc (phân định Vịnh Bắc Bộ) năm 2000.

Biển Đông không những được các nước ven bờ hết sức quan tâm, mà các nước ngoài khu vực như Mỹ, các nước Đông - Bắc Á, Nga, Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a... cũng hết sức chú ý. Biển Đông còn là nơi hội tụ các quan điểm, lợi ích, mục đích và quyền lợi của nhiều nước, chính vì thế vai trò, vị trí chiến lược của biển Đông càng được đề cao.

* Phó Đô đốc, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Quân chủng Hải quân

Đối với nước ta, biển Đông có vị trí chiến lược hết sức trọng yếu trong phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng - an ninh. Những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, nguồn ngoại tệ mà Việt Nam thu được qua khai thác dầu khí, vận tải biển và nuôi trồng, khai thác hải sản đã góp phần quan trọng đưa nước ta vượt qua khó khăn về kinh tế để phát triển. Những năm gần đây, dầu khí, vận tải biển, khai thác hải sản và du lịch tiếp tục phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã ghi bao chiến công oai hùng trên chiến trường sông biển, tiêu diệt cả những đạo quân lớn của giặc. Tiêu biểu là chiến thắng Bạch Đằng (năm 938) của Ngô Quyền đánh tan đoàn chiến thuyền của quân Nam Hán, chấm dứt ách thống trị của phong kiến phương Bắc gần 1.000 năm; chiến thắng Bạch Đằng lần thứ hai (năm 981), do Tướng quân Lê Hoàn chỉ huy đánh tan quân xâm lược nhà Tống; Lý Thường Kiệt thống lĩnh 10 vạn quân thủy bộ chủ động lập phòng tuyến trên sông Như Nguyệt, đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược với quy mô lớn vào thế kỷ XI. Thế kỷ XIII, dưới thời nhà Trần, quân dân ta đã 3 lần đánh tan giặc Nguyên - Mông lập nên những chiến công hiển hách như Chương Dương, Hàm Tử, Vân Đồn, Bạch Đằng, Vạn Kiếp... Đặc biệt, năm 1288, quân và dân ta dưới sự chỉ huy thiên tài của Trần Quốc Tuấn, đã lập nên chiến công vang dội trên sông Bạch Đằng lịch sử, tiêu diệt toàn bộ 6 vạn thủy quân địch. Sau này, vào thế kỷ XVIII, thời Tây Sơn, dưới sự lãnh đạo của ba anh em Nguyễn Huệ quân dân ta đã lập nên chiến công oanh liệt trên sông Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh tan 20 vạn quân Xiêm xâm lược.

Tri thức phong phú và tài thao lược của ông cha ta trong đánh giặc trên chiến trường sông biển, đã được Hải quân nhân dân Việt Nam kế thừa, phát triển trong cuộc chiến tranh nhân

dân giải phóng bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong lịch sử gần 50 năm hình thành và phát triển, Hải quân nhân dân Việt Nam có quyền tự hào đã cùng quân và dân cả nước viết lên những trang sử hào hùng, với những chiến công hiển hách như chiến thắng trận đầu ngày 2 và 5-8 -1964, đối với không quân và hải quân Mỹ. Hay như những trận đánh của lực lượng đặc công Hải quân với những chiến công vang dội trên khắp chiến trường sông biển miền Nam, đánh chìm và cháy hàng trăm tàu, thuyền; đánh sập hàng trăm cầu cống, hàng chục kho xăng dầu và nhiều công trình quân sự khác của Mỹ - ngụy; giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, cùng các lực lượng vũ trang khác giải phóng các đảo ven bờ, góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo của Tổ quốc, tạo thuận lợi cho đất nước củng cố an ninh - quốc phòng và phát triển kinh tế sau chiến tranh.

Sau khi nước nhà thống nhất, Hải quân nhân dân Việt Nam ngoài nhiệm vụ củng cố lực lượng, bảo vệ các vùng biển trọng yếu của đất nước còn phải đối phó với sự xâm nhập và đánh chiếm của bọn phản động đối với các đảo của ta ở vùng biển Tây Nam. Để bảo vệ, vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc, giúp nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi thảm họa diệt chủng, Hải quân nhân dân Việt Nam cùng các lực lượng vũ trang cả nước đã chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với đất nước Cam-pu-chia. Kết thúc chiến dịch, bộ đội Hải quân đã được Quốc hội và Chính phủ tặng 14 Huân chương Quân công, 999 đơn vị và cá nhân được tặng Huân chương Chiến công các loại; 8 đơn vị và 1 cá nhân được tuyên dương danh hiệu Đơn vị anh hùng và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng, xây dựng và bảo vệ vững chắc chủ quyền Việt Nam trên quần đảo

Trường Sa, làm lực lượng nòng cốt xây dựng các đảo tiền tiêu của Tổ quốc.

Trong giai đoạn mới Hải quân nhân dân Việt Nam tiếp tục làm tốt nhiệm vụ tuần tiễu bảo vệ các vùng biển như Trường Sa, DK-1, DK-2, Vịnh Bắc Bộ, vùng biển Tây Nam... góp phần ngăn chặn âm mưu lấn chiếm của các đối tượng, xua đuổi, bắt giữ các tàu thuyền nước ngoài vi phạm chủ quyền vùng biển Việt Nam, bảo vệ ngư dân, đơn vị, lực lượng và các ngành kinh tế của đất nước (đặc biệt là ngành dầu khí), giữ vững môi trường hòa bình, an ninh trên biển. Ngoài ra, các lực lượng của bộ đội Hải quân còn tham gia tích cực tìm kiếm cứu nạn trên biển, không những cho các tàu, thuyền của nước ta, mà còn cho cả tàu, thuyền các nước khi gặp nạn trong vùng biển Việt Nam, trở thành lực lượng đáng tin cậy, được bà con ngư dân, các ngành kinh tế hết sức tin tưởng và yên tâm làm ăn phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.

Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" nhằm xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, tình hình giải quyết biên giới biển giữa nước ta với các nước trong khu vực còn nhiều phức tạp... Những yếu tố này ảnh hưởng và tác động rất lớn đến nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc là nhiệm vụ của cả dân tộc, của các thế hệ người Việt Nam. Quân chủng Hải quân được Đảng, Nhà nước tin tưởng giao nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng khác của Bộ Quốc phòng, các ngành, các cấp, các cơ quan thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng nhưng vô cùng trọng đại này. Nhiệm vụ đó đòi hỏi Quân chủng Hải quân cần phải phát huy mọi tiềm năng của mình, tham mưu cho Đảng, Nhà nước về chiến lược biển nói chung và chiến lược bảo vệ biển, đảo nói riêng; đồng thời tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong toàn lực lượng, nâng cao chất lượng về chính trị, tư tưởng ngang tầm với yêu

cầu, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới. Ngoài ra, bộ đội Hải quân phải ra sức phấn đấu củng cố và xây dựng lực lượng theo hướng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu cùng với các lực lượng vũ trang khác chiến thắng mọi loại hình chiến tranh, trong đó có chiến tranh công nghệ cao. Để hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang, nhưng vô cùng to lớn trong những năm tới, Hải quân nhân dân Việt Nam cần làm tốt các nhiệm vụ cụ thể sau:

Thứ nhất: Tiếp tục củng cố tổ chức lực lượng theo hướng tinh, gọn, mạnh, linh hoạt, có khả năng cơ động nhanh, có sức chiến đấu cao; tập trung xây dựng và củng cố lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, lực lượng bảo vệ các vùng biển, đảo trọng điểm xây dựng các vùng Hải quân kết hợp chặt chẽ với các khu vực phòng thủ, bảo đảm tốt quản lý và bảo vệ các vùng biển trong thời chiến. Về lâu dài phải xây dựng Quân chủng Hải quân có đủ các thành phần và các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hệ thống chỉ huy và thông tin liên lạc tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên biển Đông. Để giải quyết vấn đề này Đảng và Nhà nước cần quan tâm đầu tư để Quân chủng Hải quân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thứ hai: Đi đôi với việc đầu tư của Đảng, Nhà nước, Hải quân nhân dân Việt Nam cần phát huy hơn nữa nội lực, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, khắc phục khó khăn để giữ gìn và phát huy tốt trang bị, vũ khí hiện có. Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học - công nghệ, nghiên cứu cải tiến trang bị vũ khí, tận dụng tối đa thành tựu nghiên cứu khoa học của các ngành, cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội. Tập trung nâng cao khả năng và trình độ sẵn sàng chiến đấu của bộ đội Hải quân lên một bước vững chắc hơn, đối phó hiệu quả với mọi tình huống xảy ra trên các

(Xem tiếp trang 72)

TỔNG THUẬT HỘI THẢO

TRONG hai ngày 9 và 10-12-2004, tại Hà Nội, đã diễn ra **Hội thảo về nhân quyền lần thứ sáu do Na-uy, Trung Quốc, Ca-na-đa, Việt Nam đồng tổ chức và Việt Nam đăng cai.**

Hội thảo lần này có sự tham dự của các đại biểu đến từ 19 quốc gia: Na-uy, Trung Quốc, Ca-na-đa, Áp-ga-ni-xtan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Mông Cổ, Nê-pan, Pa-ki-xtan, Phi-lip-pin, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Thái Lan, Việt Nam, Ô-xtrây-li-a, Nhật Bản, Niu-di-lân, Lào, Đông-ti-mo (trong đó, Lào và Đông-ti-mo tham dự lần đầu, Việt Nam tham dự từ 3 năm trước).

Trong phát biểu khai mạc, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Văn Bằng, thay mặt Chính phủ Việt Nam nêu rõ: việc Việt Nam đăng cai Hội thảo chứng tỏ mong muốn và quyết tâm của Việt Nam nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế thúc đẩy việc bảo đảm quyền con người. Là một quốc gia trải qua nhiều thế kỷ đấu tranh giành độc lập và đang nỗ lực phát triển nhanh, bền vững, Việt Nam hiểu rõ mục tiêu phát triển đất nước là vì quyền con người, mà trước hết là quyền được sống trong quốc gia độc lập tự do. Chính phủ Việt Nam chia sẻ nhận thức chung về tính phổ biến của quyền con người và quyền con người không thể tách rời các quyền dân sự, chính trị với các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Tuy nhiên, trong một thế giới đa dạng, tính phổ biến của nhân quyền cần được xem xét từ điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia. Việc bảo đảm, tôn trọng quyền tự do cá nhân phải phù hợp và tôn trọng lợi ích chung của quốc gia, cộng đồng; trước hết là thuộc trách nhiệm mỗi quốc gia và không bị áp đặt từ bên ngoài. Mọi sự áp đặt từ bên ngoài luôn thất bại. Quan điểm của Việt Nam được chia sẻ rộng rãi trong các nước châu Á.

Việt Nam luôn ủng hộ các nỗ lực phát triển, nội dung hợp tác quốc tế trên cơ sở mang tính đối thoại và hiểu biết lẫn nhau vì lợi ích của việc thúc đẩy bảo đảm quyền con người; luôn xem con người là mục tiêu và động lực của các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế cao, duy trì ổn định chính trị và nâng cao mức sống của nhân dân; đồng thời, đã có những nỗ lực không mệt mỏi trong việc củng cố hệ thống pháp luật, nhằm xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh. Những thành tựu của Việt Nam trong xóa đói nghèo, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế được Liên hợp quốc đánh giá cao và dư luận thế giới thừa nhận. Mặt khác, Việt Nam đang phải đối mặt với những khó khăn về tập tục, tư duy, hệ thống luật pháp, những yếu tố tiêu cực của kinh tế thị trường. Việt Nam sẵn sàng trao đổi, chia sẻ quan điểm và kinh nghiệm với các nước về những vấn đề liên quan, nhằm thúc đẩy sự phát triển đất nước.

Hội thảo đã tập trung thảo luận bốn chủ đề

1. Về chủ đề "Trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp - quan hệ lao động"

Với tư cách là chủ tọa của chủ đề này, các đại biểu đến từ Na-uy nêu kinh nghiệm trong việc thực hiện "cơ chế ba bên" (cơ chế bao gồm chủ doanh nghiệp, nhà nước, người lao động; được ra đời từ năm 1899 và định hình từ năm 1935) trong giải quyết các tranh chấp. Ở Na-uy, cơ chế ba bên được xem là công cụ quan trọng để giải quyết xung đột giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua đối thoại; nhờ đó tránh được đình công. Theo các diễn giả, Tổ chức lao động quốc tế (ILO) đã coi cơ chế ba bên là giải pháp tốt để thúc đẩy điều kiện sống và làm việc của người lao

động, nhưng thách thức của vấn đề này là cần phải có tổ chức độc lập với chính phủ, vì đã có nơi, nhà nước thường bảo vệ lợi ích không trùng hợp với lợi ích của người lao động.

Thông qua cơ chế ba bên, doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội. "Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp" không bao hàm các hoạt động nhân đạo, từ thiện; hiện khái niệm này còn mới mẻ ở nhiều nước. Hàn Quốc đã sử dụng cơ chế ba bên để giải quyết khó khăn trong cuộc khủng hoảng năm 1998 (Ủy ban theo cơ chế này có vai trò lớn khuyến khích ba bên tìm giải pháp khắc phục khó khăn, cơ cấu lại nền kinh tế và cải thiện đời sống công nhân); Trung Quốc áp dụng cơ chế này từ năm 2001; nhiều nước tham gia diễn đàn này cũng mới đưa cơ chế ba bên vào hoạt động. Qua đó, doanh nghiệp ở nhiều nước ngày càng nhận thức rõ trách nhiệm xã hội của mình, đẩy mạnh việc sử dụng các tiêu chuẩn lao động, làm sao để lợi nhuận doanh nghiệp hài hòa với việc bảo vệ môi trường và bảo đảm lợi ích người lao động. Mặc dù đã cố gắng, song quan hệ chủ - thợ ở nhiều nước vẫn rất căng thẳng, công nhân đình công nhiều. Mặt khác, trước xu hướng bảo hộ mậu dịch của các nước phát triển, sự tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường và khoảng cách giàu nghèo giữa các nước Bắc-Nam đang tăng nhanh... doanh nghiệp ở các nước đang phát triển phải thực hiện trách nhiệm xã hội như thế nào, trong khi cần bảo vệ tính cạnh tranh của hàng hóa, phát triển lợi nhuận doanh nghiệp? Các công ty đa quốc gia đang được hưởng lợi nhiều nhất từ toàn cầu hóa, cần thực hiện trách nhiệm xã hội như thế nào?... Đây thực sự là những thách thức đối với các nước đang phát triển.

2. Về chủ đề "Quyền của phụ nữ"

Đại biểu Trung Quốc (chủ tọa) giới thiệu những thành tựu của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa trong việc bảo đảm quyền phụ nữ những năm gần đây, như hoàn thiện pháp luật, xây dựng chương trình hành động quốc gia, thành lập cơ quan tư vấn pháp lý trên toàn quốc...

Đại biểu nhiều nước đã khẳng định lại nhận thức chung về tầm quan trọng của các quyền phụ nữ được nêu trong Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Hầu hết các nước đã xây dựng luật bảo vệ phụ nữ, vạch kế hoạch thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ và thành lập cơ quan chính phủ theo dõi vấn đề này. Trong năm qua, Na-uy cũng đã đưa ra Luật Môi trường làm việc và sắp thông qua Luật Chống phân biệt chủng tộc, hy vọng cải thiện hơn nữa điều kiện lao động của nữ công nhân và một số nhóm người bị gạt ra ngoài rìa xã hội. Điều này cũng cho thấy nhận thức mới đối với nhóm quyền kinh tế, xã hội.

Đến nay nhiều thành tựu quan trọng đã đạt được so với hơn 20 năm trước, kể từ khi Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ ra đời. Tuy nhiên, các ý kiến đều lo ngại về sự tiến bộ chậm chạp trong vấn đề này. Việc thực hiện đầy đủ các quyền của phụ nữ vẫn là thách thức đối với tất cả các quốc gia. Ở nhiều nơi, nạn bạo lực trong gia đình, phân biệt đối xử (nhất là trong lao động, việc làm), lạm dụng tình dục, mại dâm và buôn bán phụ nữ vẫn diễn ra nghiêm trọng. Nhiều đại biểu đề nghị cần đánh giá đầy đủ tình hình và đưa ra những biện pháp mạnh mẽ hơn ở Hội nghị sắp tới sẽ được tổ chức tại Bắc Kinh.

3. Về chủ đề "Tác động của toàn cầu hóa đối với nhân quyền"

Các đại biểu đều cho rằng, toàn cầu hóa đang là xu hướng lớn tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có nhân quyền. Toàn cầu hóa thúc đẩy các yếu tố ngăn cản chiến tranh, tăng cường khái niệm nhân quyền, nhiều vi phạm nhân quyền nhanh chóng bị phanh phui; người tiêu dùng có cơ hội được mua nhiều hàng hóa hơn; đời sống nhân dân có thể được cải thiện hơn... Toàn cầu hóa mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng tạo ra những thách thức nghiêm trọng. Phân cực giữa nước giàu và nghèo tăng lên và xu hướng bảo hộ mậu dịch đã làm suy yếu các quyền kinh tế, xã hội ở các nước đang phát triển; xu hướng nhất thể hóa

làm giảm tính đa dạng văn hóa, do đó dễ dẫn đến xung đột giữa các nền văn minh. Các công ty đa quốc gia với sức mạnh kinh tế, tài chính đẩy mạnh khai thác tài nguyên, tối đa hóa lợi nhuận, đã tạo ra sự phân chia bất bình đẳng các nguồn tài sản trong xã hội và gây thảm họa về môi trường sinh thái. Lao động nhập cư trở thành nạn nhân của tệ phân biệt chủng tộc và phân biệt đối xử. Các quyền của phụ nữ, trẻ em bị vi phạm nặng nề. Cá nhân phải đối mặt với bệnh dịch, an ninh con người và dễ chui vào cái vòng luẩn quẩn: nghèo đói - vi phạm quyền con người - nghèo đói... Trước những thách thức to lớn đó, nhiệm vụ cấp bách đặt ra là các nước cần hợp tác chặt chẽ để tăng tính tích cực, hạn chế tính tiêu cực, làm cho mọi người đều được hưởng lợi một cách công bằng từ toàn cầu hóa. Các nước đang phát triển cần xây dựng chính sách, chủ động tiếp nhận quá trình này; các nước phát triển cần xóa nợ, giảm xu hướng áp đặt, bảo hộ và hỗ trợ các nước đang phát triển để các nước này phát triển ổn định.

Các đại biểu đưa ra ý kiến: Cần đi tới nhận thức chung rằng, hòa bình bao giờ cũng phải là mục tiêu ưu tiên; phải bảo vệ những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, tôn trọng nhân quyền của các nước trên thế giới, tôn trọng những niềm tin khác nhau; đối thoại hơn đối đầu.

4. Về chủ đề "Tự do ngôn luận"

Đại biểu Ca-na-đa (chủ tọa) tập trung vào quyền tự do báo chí, những lợi ích mà tự do báo chí đưa lại, nhất là vai trò của in-tơ-nét, như đưa thông tin mới, thúc đẩy quyền con người, kiềm chế tham nhũng... Nhưng, tự do báo chí không phải bao giờ cũng chuẩn tắc và dễ bị lợi dụng vào các mục đích cá nhân; vì thế cần nâng cao trách nhiệm của nhà báo bằng việc xây dựng một nền báo chí chuyên nghiệp.

Nhiều đại biểu khẳng định vai trò của tự do ngôn luận, trong đó có tự do báo chí; đánh giá cao những lợi ích mà tiến bộ kỹ thuật đưa lại, song cũng bày tỏ sự lo ngại về những tác hại của phim ảnh đồi trụy và bạo lực (được đưa lên

mạng in-tơ-nét) đối với trẻ em; chia sẻ những khó khăn khi giải quyết mối quan hệ giữa quản lý báo chí (như tránh để bị lợi dụng vào việc vu cáo, xuyên tạc đối với một quốc gia hay xâm hại quyền tự do của người khác) với tự do báo chí, tự do ngôn luận.

Đại biểu Hàn Quốc nêu kinh nghiệm xây dựng Luật về đạo đức nhà báo và lập ra một tòa án để giải quyết những quyền cá nhân bị báo chí xâm phạm. Nhiều đại biểu đồng tình với ý tưởng xây dựng nền báo chí chuyên nghiệp, nhằm tạo ra những nhà báo có chuyên môn cao, giàu đạo đức và trách nhiệm với xã hội.

Đại biểu Nhật Bản đánh giá cao quyền tự do phát biểu chính kiến ở Việt Nam. Ông cho rằng, trong 2 thập niên vừa qua, ở Việt Nam quyền này được phát triển rất mạnh; tự do báo chí được mở rộng và báo chí Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng trong chống khủng bố, chống tham nhũng và góp phần thúc đẩy xã hội phát triển...

Phát biểu tổng kết Hội thảo, Trưởng đoàn đại biểu Na-uy (đồng Chủ tịch Hội thảo) khẳng định, Hội thảo đã trao đổi toàn diện, hiệu quả, với tinh thần cởi mở, thẳng thắn, xây dựng; các đại biểu thừa nhận Hội thảo này đã góp phần phát triển cơ chế đối thoại và hợp tác nhân quyền trong khu vực...

Các đại biểu Việt Nam đã tham gia tích cực vào các chủ đề của Hội thảo. Bằng phát biểu chính thức và cung cấp tài liệu, các đại biểu nước chủ nhà đã giúp bạn bè quốc tế hiểu rõ hơn quan điểm và cách tiếp cận vấn đề nhân quyền của Việt Nam, những thành tựu to lớn đã đạt được trong việc bảo đảm nhân quyền ở Việt Nam. Hội thảo này thêm một bằng chứng sinh động cho thấy Nhà nước ta sẵn sàng hợp tác, học tập và chia sẻ kinh nghiệm trên lĩnh vực nhân quyền, vì lợi ích của nhân dân Việt Nam, nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới.

ĐẶNG DŨNG CHÍ
(*Tổng thuật*)



Ngâm việc

DÙNG NGƯỜI

NHỊ LÊ

TRONG trời đất không gì quý bằng con người. Trong con người không gì quý bằng hiền tài. Bởi, hiền tài là nguyên khí của quốc gia. Theo thế, việc dùng người được xếp vào một trong mấy việc hệ trọng và khó vào bậc nhất xưa nay ở đời. Xã tắc phồn vinh hay non sông suy sụp, sự nghiệp anh hùng lưu danh muôn thuở hay nước nát nhà tan, thân bại danh liệt... một phần quyết định phụ thuộc vào việc dùng người. Cũng theo đó, việc dùng người được ông cha ta coi là việc lớn lao, hệ trọng hơn cả. Ngâm việc dùng người, tôi lại nhớ tới dòng chữ khắc trên bia mộ một vị tổng thống ở phương Tây: "Nơi đây yên nghỉ một người tài biết dùng những người tài hơn mình".

Thế mới hay, trải suốt cổ kim, ngang dọc, Đông Tây, việc dùng người đúng đắn là nỗi bận tâm và nan giải vào hàng thứ nhất trong muôn sự ở đời của mọi thời và mọi quốc gia.

Nghĩ việc dùng người, khiến tôi nhớ tới câu chuyện đối đáp đã lưu truyền trong dân gian suốt hơn 2400 năm nay. Rằng, một bữa, Văn Quân người đất Lỗ Dương, hỏi Mặc Tử: "Có kẻ nói trung thần là người bắt cúi thì cúi, bắt ngẩng thì ngẩng, để thì im, gọi thì thưa, như thế có coi là trung thần và dùng họ được không?". Mặc Tử cười đáp: "Bắt cúi thì cúi, bắt ngẩng thì ngẩng, như thế khác gì cái bóng. Để thì im, gọi thì thưa, như thế khác gì tiếng vang. Nếu dùng những kẻ như bóng như vang ấy,

phỏng được ích gì. Theo tôi đây, đã gọi là bậc trung thần thì khi vua có nhầm lẫn, phải liệu cách can ngăn mà đưa vào điều thiện. Khi mình có điều hay, phải tìm đường bày tỏ, mà không lộ ra ngoài; trên thì thành thực, một lòng một dạ với vua; dưới thì không a dua, vào bè kết đảng với ai. Những sự tốt lành, yên vui thì để phần vua hưởng; những điều oán trách, lo lắng thì một mình húng chịu trước. Ai có được như thế, tôi mới cho là bậc trung thần và họ xứng đáng được tin cậy và ủy thác cho việc lớn trong thiên hạ".

Lời ấy thật chí lý, chí tình lắm thay!

Nhưng chạnh buồn rằng, lại từ Đông sang Tây, tự cổ chí kim, nhìn và ngẫm, thấy lắm chuyện việc dùng người đáng phải trừ bỏ. Tỉ như sách *Hoài Nam Tử* ghi lại: "Trong thiên hạ, có ba cái nguy: Đức ít mà được ân sủng nhiều, tài kém mà địa vị cao, thân không lập được công to mà bổng lộc lắm". Nhiều thời đã phạm vào những điều cấm kỵ ấy, khiến

cho bậc trung thần phải thất thế, kẻ hiền sĩ phải bó tay và đám loạn thần lên ngôi vênh váo, chà đạp những bậc trung thần. Quả báo không thể nào tránh nổi. Ấy là lúc lòng người ly tán, xã hội trầm luân, quốc gia điêu đảo. Nghĩ mà đau lòng!

Bởi thế, thời nào ông cha ta cũng dành những nỗi bận tâm bậc nhất tính chuyện dùng người, những mưu xa tắc muôn đời bền vững.

Thế kỷ thứ X, Đinh Tiên Hoàng lòng lầy và lăm liết là thế, nhưng cuối đời, vì dùng bọn người Đỗ Thích, Đỗ Sơn nên cơ đồ nhà Đinh sụp đổ. Nhưng còn kịp may mắn để lại cho hậu thế một bài học dùng người thấm đẫm máu đào và nước mắt.

Thế kỷ thứ XI, thời nhà Lý, có vị Thái úy là Tô Hiến Thành. Ông tài đức song toàn. Lúc ông nhuốm bạo bệnh, người ta thấy, có quan Tham tri chính sự là Vũ Tán Đường ngày đêm châu chực hầu hạ, rất là "mẫn cán". Ai cũng nghĩ, người ấy sẽ thay Tô Hiến Thành, khi ông sắp lâm chung, bà Đỗ Thái hậu - mẹ vua Lý Cao Tông- đến thăm và hỏi ông: "Ai có thể thay ông được?". Chẳng cần nghĩ,

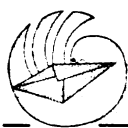
ông đáp ngay: "Thưa Thái hậu! Là Trần Trung Tá". Bà chưa hết ngạc nhiên, ông tiếp: "Nếu Thái hậu hỏi người cúc cung hầu hạ thì tôi xin cử Vũ Tán Đường, còn hỏi người làm tướng thì tôi phải tiến cử quan Giám nghị đại phu Trần Trung Tá".

Thời Trần được xếp vào hàng những thời thịnh trị nhất lịch sử nước nhà, với hào khí Đông A lung lay. Và Trần Hưng Đạo được lưu truyền và ca tụng nhiều nhất trong việc dùng người. Lúc thường ngày, ông bỏ thù riêng, gạt hiềm cũ để cầu người mưu việc đại sự quốc gia. Ông giới nước cho Thượng tướng Trần Quang Khải tẩm cốt bỏ hiềm xưa, những tỏ lòng mình trong sạch. Chuyện ấy còn truyền mãi với nhân gian. Khi lâm đại sự, ông thường khuyên các tướng: "Thận trọng từ cái nhỏ, mưu trí ở việc lớn, què mùa vì bỏ người hiền, mắc vạ vì ham lợi lộc, không tường tận vì ghét nghe kẻ lỗi mình, không sáng suốt bởi nghe lời gièm pha, không chắc chắn vì hay nhẹ dạ". Theo phương châm ấy, ông đối đãi hết lòng với người và hết sức khắc kỷ với mình. Và nhân gian còn nhớ mãi, dưới quyền Hưng Đạo

Vương, kẻ nịnh hót gièm pha đâu thấy; người thích phỉnh nịnh phải tỉnh ngộ; kẻ tham lam, vị kỷ buộc nghiêng rắng lấy đó làm điều phải tự răn mình; bao bậc hiền tài tha hồ mở lòng giúp nước. Thật là lăm liết lăm thay!

Tới thời hậu Lê, dấu bản thân mình bao bận thăng trầm, thậm chí về cuối đời, bị thất sủng và gánh họa "tru di tam tộc", nhưng Nguyễn Trãi vẫn treo văng vặc giữa nhân thế một vì sao Khuê. Ông từng nói với các vị quan đồng triều rằng: "Yêu người gần vị tình riêng. Họ hàng thì người thấp cũng tôn quý, tiểu nhân mà người nịnh cũng tin dùng. Nhân mừng mà thường khen, nhân giận mà phạt giết. Người trung thực phải khóa miệng, kẻ lương thiện thì ngậm oan. Thế mà còn cứ kiêu ngạo, không sợ mệnh trời gieo họa". Và, chẳng phải đợi lâu, lời tiên báo ấy đã thành ứng nghiệm với nhà Lê, như là quả báo.

Một quốc gia may mắn là một quốc gia có nhiều bậc hiền tài. Nhưng, để trở nên mạnh mẽ và trường tồn chỉ khi người ta biết trọng dụng con người, nhất là những bậc hiền tài ấy. Ông cha ta đã và vẫn hành xử như thế. □



Xây dựng nếp sống văn hóa mới trong việc tổ chức lễ cưới

CAO VĂN UY*

Thực trạng về lễ cưới ở nước ta hiện nay

Ất hẳn nhiều người trong chúng ta còn nhớ, vào các thập niên sáu mươi, bảy mươi và tám mươi của thế kỷ XX, việc cưới và đi dự cưới sao đơn giản, nhẹ nhàng và thân thiết đến thế. Lễ cưới được tổ chức theo kiểu "đời sống mới", có đại diện chính quyền và đông đảo bạn bè thân thích, quan viên hai họ tới dự và mừng cho cô dâu, chú rể "bách niên giai lão", "đầu bạc răng long". Trong lễ cưới ngày ấy, chỉ có nước chè, thuốc lá "Tam Đảo", hạt dưa, hạt bí, kẹo Hải Hà, vài đĩa trầu cau, nhưng vẫn ngập tràn không khí vui tươi, hạnh phúc. Người đi dự cưới nhẹ nhàng, phấn khởi, vui vẻ. Quà mừng thật đơn giản và có ý nghĩa. Chẳng hạn, cái chậu men Hải Dương, cái xoong nhôm Hải Phòng, đôi gối

trắng tinh thêu hai con chim bồ câu quấn quýt bên nhau, đôi khăn mùi xoa hoặc cuốn sổ tay, cái bút máy "Trường Sơn", v.v.. Thế là xong. Còn bây giờ, như mọi người đều thấy, việc cưới không biết từ lúc nào đã trở nên rườm rà và phức tạp quá. Có lẽ điều chủ yếu làm cho việc tổ chức lễ cưới ngày nay trở nên công thức, gượng gạo và nặng nề, đó là chuyện mời khách, đặt cỗ cưới và đi ăn cỗ cưới, nó gây phiền phức và khó khăn cho cả chủ và khách.

Về phía người tổ chức, đúng ra là đang có xu hướng vụ lợi, hoặc ít ra là cân bằng thu chi. Nhưng không phải tất cả mọi người đều có mục đích như thế. Có nhiều người do trào lưu, dù không muốn cũng cố phải làm như bao người khác đã và đang làm. Cho dù mục đích thế nào thì cũng thật là khổ khi phải tính toán trong

việc mời khách và đặt cỗ cưới. Ví dụ, phát giấy mời một trăm thì đặt bao nhiêu là vừa? Thừa, thiếu nhiều quá là chuyện không hay rồi. Vẫn biết có nhiều người trong họ hàng, ruột thịt hay bạn hữu thân quen đang khó khăn, nhưng nếu không mời thì sợ bị mang tiếng, mà mời thì đúng là đem đến cho người ta thêm một khó khăn nữa. Biết vậy nhưng vẫn phải mời. Đối với những người làm việc ở các công sở, tốt nhất là cứ mời tất cả theo danh sách bảng lương của cơ quan, để tránh tiếng nhất trọng, nhất khinh. Lại còn chuyện đặt ở khách sạn hay nhà hàng nào cho phù hợp cũng phải suy tính, nơi sang quá khách ngại đến, nơi bình thường ngại người ta chê.

Đối với khách được mời dự đám cưới, cũng là cả một vấn đề đáng nói. Tôi có một anh bạn là giáo viên ở một trường đại học tâm sự, từ đầu mùa cưới đến giờ anh đã "phải" đi dự 18 đám cưới rồi, mà toàn là những đám không thể không đi. Mỗi đám phong bì mừng là một trăm nghìn đồng, như vậy là hết một triệu tám. Cũng may là khả năng kinh tế của anh khá khá do cố gắng dạy thêm giờ, nên không ảnh hưởng lắm đến ngân sách

* Hà Nội

gia đình. Có chị nhân viên nơi tôi làm việc, lương tháng chưa đầy năm trăm nghìn. Mùa cưới năm nay, chị đã nhận được năm tám thiệp mời, toàn là những đám nhất định phải đi. Kinh tế nhà chị chủ yếu trông vào đồng lương của chị, thế thì việc "mừng" trở thành việc "lo" mất rồi. Mấy bác về hưu ở cùng chung cư với tôi, lương hưu từ khoảng ba, bốn trăm đến sáu bảy trăm nghìn đồng một tháng, mỗi năm đến mùa cưới không biết trốn đi đâu! Có những đám có thể không đi. Nhưng có đám nhất thiết phải đi. Nếu không may, vâng, phải nói là "không may", tháng nào nhận được ba hay bốn cái thiệp mời là "run" lắm!. Lương hưu có hạn, tất cả trông vào đấy. Dẫu đi mừng có năm mươi nghìn đồng thôi (ở quê "đi" hai mươi nghìn), cũng là một sự khó khăn lắm.

Điều đáng nói hơn nữa, tuy không phổ biến nhưng không phải là không có đó là, nhiều cơ quan, đơn vị còn bố trí xe ô tô, thậm chí đến ba, bốn xe đủ các loại rầm rộ như đi họp, đưa cán bộ, công chức đi ăn cỗ cưới ngay cả trong giờ hành chính. Đặc biệt, khi thủ trưởng hoặc cán bộ chủ chốt của cơ quan tổ chức cưới cho con, em thì bộ phận văn phòng coi như một công vụ quan trọng đột xuất.

Ngay tại bữa cỗ cưới cũng có nhiều chuyện thật khôi hài. Nhiều khi sáu người ngồi một mâm không biết nhau, cùng

ăn mà chẳng biết nói chuyện gì, đành cứ phải gượng cười, gượng chúc như đang phải đóng một vai kịch nhạt nhẽo. Rồi bố mẹ cô dâu, chú rể đến, đưa vôi phong bì, như đưa một món nợ phải trả, có khi cũng chẳng kịp nói câu chúc mừng nữa. Bao nhiêu ý nghĩa thiêng liêng, cảm động, mừng vui của một đám lễ cưới, được thay bằng một sự nhộn nhạo, xô bồ ấy.

Chủ trương của Đảng và Nhà nước

Trước thực trạng về việc cưới như hiện nay như thế, thời gian qua dư luận đã có những phê phán đúng đắn, mang tính tích cực. Đã đến lúc cần phải xây dựng và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới theo các thủ tục và nghi lễ đơn giản, trang trọng, tiết kiệm, và chấm dứt việc tổ chức lễ cưới một cách linh đình, phô trương, xa hoa, lãng phí. Bởi vậy, dư luận rất đồng tình và hoan nghênh việc Chính phủ có công văn số 1546/CP-VX ngày 30-11-2002 về việc cưới trong cán bộ, công chức. Tại văn bản này, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu "Cán bộ, công chức, nhất là thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, khi tổ chức cưới cho bản thân hoặc cho con, em phải thực hiện đúng Luật Hôn nhân và Gia đình, gương mẫu thực hiện các Chỉ thị của Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ, tổ chức lễ cưới văn minh, tiết kiệm trong gia đình, họ

hàng và những người thân thích; không tổ chức lễ cưới phô trương, xa hoa, lãng phí; không để việc tổ chức lễ cưới ảnh hưởng đến chế độ giờ làm việc của cơ quan; chống vụ lợi, cầm chừng công quỹ làm quà mừng cưới". Đây là một chủ trương đúng đắn và kiên quyết, nhằm tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 12-1-1998 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 14/1998/CT-TTg ngày 28-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội ở nước ta hiện nay.

Tuy nhiên, để các chỉ thị trên được thực hiện một cách triệt để, trở thành hiện thực và đi vào cuộc sống, tạo nên thói quen mới trong nhân dân, là cả một quá trình xây dựng tích cực, kiên trì và cần phải có những biện pháp kiên quyết, cụ thể là:

- Tất cả các thành viên của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở, phải nghiêm túc thực hiện yêu cầu trên của Thủ tướng Chính phủ. Đây phải coi là một quy định bắt buộc, mang tính pháp lý. Mọi cán bộ, đảng viên phải có trách nhiệm thực hiện một cách nghiêm túc. Các cơ quan, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể (đặc biệt là Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ) tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và đưa nội dung này vào chế độ kiểm điểm đảng viên, cán bộ,

công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên định kỳ hằng năm. Nếu những cán bộ, đảng viên, công chức nào cố tình không thực hiện thì phải bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm túc.

- Các cơ quan, tổ chức, đoàn thể liên quan cần khẩn trương nghiên cứu và sớm đề ra một số mẫu hình về tổ chức một đám cưới theo nếp sống văn hóa mới. Có lẽ, đây mới là vấn đề mang tính quyết định cho việc xây dựng và định hình một phong tục văn hóa mới trong việc cưới. Bởi vì, thực tế cho thấy, chỉ khi nào xây dựng được một mẫu hình mới tiến bộ, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng và trở thành phong tục, trở thành văn hóa thì cái cũ mới có thể bị loại bỏ một cách căn bản. Các biện pháp hành chính là quan trọng nhưng chỉ là biện pháp tình thế. Vấn đề cốt lõi là phải xây dựng được cái mới tiến bộ, thay thế cái cũ lạc hậu.

Để lễ cưới phù hợp với nếp sống văn hóa mới

Về mẫu hình một đám cưới tiến bộ, phù hợp với phong tục, tập quán và nếp sống văn hóa mới, cần tham khảo dư luận một cách rộng rãi. Chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất một mẫu hình lễ cưới mới, khả dĩ có thể đáp ứng được những yêu cầu cơ bản trên, như sau:

Việc đầu tiên cũng là quan trọng nhất, mang tính pháp lý, bắt buộc, không thể thiếu là

đăng ký kết hôn. Chỉ cần hoàn thành thủ tục này, đôi nam nữ đã trở thành vợ chồng một cách hợp lệ, hợp pháp và bắt đầu cuộc sống chung với nhau, mà không cần phải tiến hành thêm bất cứ một thủ tục hoặc nghi thức nào khác (nếu muốn).

Từ nguyên tắc này, có thể hình dung ra một nghi lễ mới, đơn giản và trang trọng để tổ chức một lễ cưới, theo trình tự dưới đây:

+ Tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã, phường (hoặc Nhà văn hóa), bố trí một phòng sang trọng, có bàn ghế đủ cho khoảng một trăm người ngồi, trang trí theo nghi thức lễ cưới. Đúng ngày đã định, lễ thành hôn được tổ chức tại đây.

+ Thành phần mời dự gồm có: cô dâu, chú rể, đại diện họ hàng hai bên, đại diện hai cơ quan, đoàn thể (nếu có) của cô dâu, chú rể, một số bạn hữu thân thiết và đại diện của Ủy ban nhân dân xã, phường và đoàn thể.

+ Bắt đầu buổi lễ, sau khi người chủ hôn giới thiệu thành phần, đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường lên đọc (hoặc tuyên bố) quyết định công nhận đăng ký kết hôn và trao cho cô dâu, chú rể **Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn** và chúc hạnh phúc đôi vợ chồng mới.

+ Đại diện họ hàng hai bên, cơ quan, đoàn thể, bạn hữu

chúc cô dâu, chú rể hạnh phúc và trao tặng quà mừng.

+ Chủ hôn, đại diện cho cô dâu, chú rể, hai họ cảm ơn quan khách và tuyên bố kết thúc lễ thành hôn.

Thời gian để thực hiện các nghi thức trên trong khoảng một giờ đồng hồ. Về tiếp tân, có thể bố trí nước chè, bánh kẹo và rượu vang để nâng cốc và chúc hạnh phúc cô dâu, chú rể.

Như vậy và chỉ như vậy, lễ thành hôn coi như đã xong.

Còn cỗ cưới, tổ chức ở đâu là tùy gia chủ, nhưng cũng nên chỉ giới hạn trong phạm vi nội bộ gia đình và một số bạn hữu thân thiết, không nên mời tràn lan, rộng khắp.

Tuy nhiên, để bảo đảm có sự thông báo rộng rãi cho đồng nghiệp, bạn hữu gần xa biết, nên trở lại việc dùng *Thiệp báo hỷ*, mà trong một thời gian dài chúng ta đã bỏ quên nó. Đây là một hình thức văn minh và tiến bộ, rất nên khôi phục lại. Về quà mừng đám cưới, theo chúng tôi, trừ việc ông bà, cha mẹ có chút tài sản muốn hỗ trợ bước đầu trong việc xây dựng cuộc sống gia đình cho con, cháu (nếu có cũng nên đưa riêng), thì những người bạn hữu, đồng nghiệp nên tặng bằng hiện vật, mang giá trị tinh thần là chính. Mặt khác, quà mừng còn mang tính chất kỷ niệm nữa, mà đã là kỷ niệm thì không nên bằng tiền. □



55 NĂM QUAN HỆ VIỆT - TRUNG: NHÌN LẠI QUÁ KHỨ VÀ HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

NGUYỄN HUY QUÝ *

Kể từ ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (18-1-1950) tới nay, quan hệ Việt - Trung đã trải qua 55 năm. Trong 55 năm qua, cùng với diễn biến của tình hình quốc tế và tình hình mỗi nước, quan hệ Việt - Trung đã có những bước thăng trầm, nhưng nền tảng của quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước vẫn không hề thay đổi. Đó là nhân tố căn bản tạo sức bền cho quan hệ Việt - Trung vượt qua những thử thách trong quá khứ và tạo niềm tin cho quan hệ hai nước hướng tới những triển vọng trong tương lai.

Bước sang thế kỷ XXI, trong tình hình mới của quốc tế, khu vực và của mỗi nước, quan hệ Việt - Trung đang có những thuận lợi có thể phát huy, nhưng cũng đứng trước những vấn đề, thử thách mới cần nỗ lực giải quyết, vượt qua để đưa quan hệ hai nước lên một tầm cao mới, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước, mang lại lợi ích cho đất nước, đóng góp vào hòa bình và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

I - NHÌN LẠI 55 NĂM QUA

Việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ngày 18-1-1950 là kết quả tất yếu của mối quan hệ "vừa là đồng chí, vừa là anh em" giữa nhân dân hai nước trong quá trình

lâu dài chống chủ nghĩa thực dân và chế độ phong kiến, giành độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân dưới ánh sáng của chủ nghĩa xã hội. Trong mấy nghìn năm lịch sử, nhân dân hai nước Việt - Trung vừa là "đồng văn", "đồng chủng", trong cách mạng dân tộc, dân chủ và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa là "đồng chí". Quan hệ "tam đồng" đã gắn bó nhân dân hai nước Việt - Trung trong những thập niên đầu của công cuộc bảo vệ độc lập và xây dựng đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

Những năm tháng không bình thường xuất hiện trong quan hệ Việt - Trung một mặt do những nhân tố trong quan hệ song phương, mặt khác cũng do tác động của quan hệ quốc tế thời kỳ "chiến tranh lạnh". Ngày nay nhìn lại, rõ ràng điều đó đi ngược lại với ý nguyện của nhân dân và lợi ích của đất nước, đối với Trung Quốc cũng như đối với Việt Nam. Nhưng nhờ có cơ sở vững vàng, sức sống bền chắc mà quan hệ Việt - Trung vượt qua được thử thách. Thời kỳ không bình thường đã như đám mây đen thoáng qua.

* PGS, Ủy viên Thường vụ Trung ương Hội Hữu nghị Việt - Trung

Cũng nhờ có cơ sở vững vàng và sức sống bền chắc mà trong mười mấy năm qua, kể từ sau ngày bình thường hóa, quan hệ Việt - Trung đã có những bước phát triển nhanh chóng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa...

Hệ thống chính trị của hai nước (Đảng, chính quyền nhà nước và các đoàn thể xã hội từ trung ương đến các cấp địa phương) đã nhanh chóng khôi phục quan hệ bình thường. Các cuộc gặp cấp cao giữa lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam - Trung Quốc diễn ra đều đặn hằng năm. Những cuộc viếng thăm lẫn nhau giữa các ngành, các giới, các đoàn thể xã hội đã làm tăng thêm sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa nhân dân nhất là đối với thế hệ trẻ hai nước. Đầu năm 1999, lãnh đạo hai nước đã xác định phương châm chiến lược của quan hệ Việt - Trung là "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai". Cuối năm 1999, Hiệp định biên giới trên đất liền, cuối năm 2000 Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã được ký kết. Đó là những sự kiện quan trọng thể hiện quan hệ chính trị Việt - Trung thập niên cuối của thế kỷ trước, tạo cơ sở phát triển cho thập niên đầu của thế kỷ mới.

Quan hệ kinh tế - thương mại Việt - Trung trong hơn 10 năm qua đã có bước phát triển tương đối nhanh, với phương thức quan hệ mới phù hợp với điều kiện hai nước đều chuyển sang kinh tế thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa. Chỉ tiêu mà hai chính phủ đề ra là kim ngạch thương mại giữa hai nước năm 2005 đạt 5 tỉ USD có thể hoàn thành trước thời hạn trong năm 2004. Đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam trong mấy năm đầu triển khai chậm, nhưng những năm gần đây đã tăng nhanh. Tiềm năng hợp tác kinh tế và hoạt động du lịch giữa hai nước đã bước đầu được khai thác. Qua giao lưu kinh tế - thương mại, hai nền kinh tế Việt - Trung đã bước đầu phát huy vai trò bổ sung cho nhau, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế, cải thiện dân sinh, nhất là đối với các khu vực dân cư hai bên biên giới.

Giao lưu hợp tác văn hóa Việt - Trung trong thời gian qua được khôi phục nhanh chóng và

phát triển rộng rãi trên tất cả các lĩnh vực khoa học, giáo dục, y tế, văn nghệ, thể dục - thể thao v.v.. Sự đồng cảm trong văn hóa truyền thống và tinh thần văn hóa hiện đại xã hội chủ nghĩa là hai nhân tố gắn bó, thúc đẩy giao lưu hợp tác văn hóa Việt - Trung.

Gần mười lăm năm đã qua, kể từ khi bình thường hóa quan hệ Việt - Trung. Đây là một giai đoạn rất có ý nghĩa trong lịch sử lâu dài của quan hệ giữa hai nước. Sự bình thường hóa và phát triển trong giai đoạn này đã tạo bước chuyển tiếp cho quan hệ Việt - Trung bước sang thế kỷ XXI, trong bối cảnh quốc tế và khu vực đang diễn ra hết sức phức tạp, tạo ra nhiều cơ hội, nhưng cũng dẫn tới những khó khăn thách thức rất gay gắt.

II - HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Quan hệ Việt - Trung đang hướng tới những nội dung và phương thức mới, phù hợp với sự chuyển biến của tình hình mỗi nước và bối cảnh khu vực, quan hệ quốc tế.

Toàn cầu hóa tạo điều kiện tăng cường quan hệ kinh tế Việt - Trung và thắt chặt giao lưu hợp tác giữa hai nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa.

Trên lĩnh vực kinh tế - thương mại, quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc sẽ không chỉ là quan hệ song phương, mà còn là quan hệ khu vực (nhất là trong khuôn khổ ASEAN + Trung Quốc) và quan hệ toàn cầu (nhất là trong khuôn khổ WTO). Quan hệ song phương và quan hệ đa phương sẽ thúc đẩy lẫn nhau. Ý tưởng về việc hình thành các hành lang kinh tế Trung - Việt theo tuyến Côn Minh qua Hà Khẩu - Lào Cai tới Hà Nội - Hải Phòng, Quảng Ninh, tuyến Nam Ninh qua Bằng Tường - Lạng Sơn tới Hà Nội - Hải Phòng, Quảng Ninh, và vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ mà lãnh đạo hai nước đã đồng thuận nhân chuyển thăm chính thức Trung Quốc năm vừa qua của Thủ tướng Phan Văn Khải, có thể nói là một quy hoạch "lồng ghép" quan hệ song phương với quan hệ đa phương. Nếu các hành lang kinh tế đó được hình thành và phát triển thuận lợi sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho khu vực miền Nam Trung Quốc và miền Bắc Việt

Nam trong giao lưu kinh tế - thương mại với khu vực và thế giới.

Quan hệ kinh tế - thương mại Trung Quốc - ASEAN trong mấy năm qua đã có sự phát triển nhanh chóng. Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và sự hình thành khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN đã tạo điều kiện khách quan cho các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam, đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường rộng lớn với hơn 1,3 tỉ dân, GDP bình quân đầu người trên 1.000 USD, đồng thời cũng tạo điều kiện cho Trung Quốc tăng cường xuất khẩu hàng tiêu dùng và nhập khẩu các mặt hàng khoáng sản, hải sản, nông sản từ các nước Đông - Nam Á. Sau 25 năm cải cách và phát triển, nền kinh tế Trung Quốc đứng thứ hai thế giới, sau Mỹ; nếu tính theo sức mua tương đương (PPP) chiếm 13% GDP toàn cầu, đứng thứ bảy thế giới; nếu tính theo tỉ giá hối đoái, chiếm 4% GDP toàn cầu. Dự kiến sau 20 năm "xây dựng toàn diện xã hội khá giả", đến năm 2020, Trung Quốc sẽ đạt GDP khoảng 4.000 tỉ USD. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc đang và sẽ tác động mạnh mẽ tới kinh tế toàn khu vực Đông Á và Đông - Nam Á nói riêng. Theo thống kê của Bộ Thương mại Trung Quốc, trong 10 năm qua, thương mại song phương Trung Quốc - ASEAN tăng bình quân hằng năm 20%, năm 2003 đạt 78,2 tỉ USD, tăng 43% (Trung Quốc nhập từ ASEAN 47,3 tỉ USD, xuất sang ASEAN 30,9 tỉ USD), từ tháng 1 đến tháng 10-2004 đạt 84,6 tỉ USD (tăng 35% so với cùng kỳ năm 2003). Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam còn ở mức khiêm tốn, trên 500 triệu USD, nhưng đang có xu thế tăng nhanh. Cuộc gặp thượng đỉnh ASEAN - Trung Quốc cuối tháng 11 vừa qua tại Viêng Chăn là một bước tiến quan trọng trên lộ trình hình thành khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, một khu mậu dịch tự do lớn nhất thế giới bao gồm 1,8 tỉ dân với GDP khoảng 2.000 tỉ USD. Trong quan hệ kinh tế, bao giờ cũng có hai mặt hợp tác và cạnh tranh. Nhưng nếu có chính sách và hành động đúng đắn, thì hợp tác hay cạnh tranh đều có tác động thúc đẩy nền kinh tế mỗi nước phát triển. Giữa Việt Nam và

Trung Quốc có nhiều điều kiện thuận lợi về địa lý kinh tế và địa lý nhân văn để phát triển quan hệ kinh tế - thương mại song phương trong bối cảnh chung của khu vực Đông Á.

Về phương diện chính trị, Việt Nam và Trung Quốc cần thiết và có thể tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác, vì lợi ích của mỗi nước trong bối cảnh quốc tế đầy phức tạp và biến động khôn lường hiện nay. Đường lối đối ngoại bao giờ cũng phục vụ đường lối đối nội, vì lợi ích của đất nước. Trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc hiện nay và trong tương lai, sự tương đồng về truyền thống văn hóa và chế độ chính trị là nhân tố quan trọng tạo nên nền tảng của chính sách đối ngoại, phù hợp với lợi ích quốc gia của mỗi nước. Trong bối cảnh chính trị thế giới những thập niên đầu của thế kỷ XXI, tình đoàn kết và sự hợp tác trên lĩnh vực chính trị giữa Việt Nam và Trung Quốc không những có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với tình hình chính trị của hai nước mà còn là một đóng góp thiết thực vào phong trào xã hội chủ nghĩa trên thế giới, vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ. Hợp tác nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam đã được nâng lên qua các cuộc Hội thảo cấp cao trong mấy năm gần đây cần được tiếp tục phát triển trong thời gian tới, để hai bên có thể thảo luận, giải quyết nhiều vấn đề lý luận và trao đổi những kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa của mỗi nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế tác động mạnh mẽ tới nền chính trị thế giới và quan hệ quốc tế, Việt Nam và Trung Quốc có nhiều quan điểm tương đồng về các vấn đề toàn cầu và khu vực. Đoàn kết hợp tác Việt - Trung về lĩnh vực chính trị không chỉ thể hiện trong quan hệ song phương mà cả trong quan hệ đa phương.

Giao lưu hợp tác Việt - Trung trong lĩnh vực văn hóa cũng có tiềm năng rất lớn và đang đứng trước những triển vọng mở rộng. Việt Nam và Trung Quốc đều chủ trương phát triển nền văn hóa hiện đại trên cơ sở kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống của văn hóa phương Đông dưới ánh sáng của chủ nghĩa xã hội, ngăn

chặn những tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa đối với đời sống tinh thần của nhân dân. Trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục, y tế v.v., Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng, có tiềm năng hợp tác rất lớn.

Có thể nói quan hệ giao lưu, hợp tác hữu nghị giữa Việt Nam và Trung Quốc trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa v.v., có nhiều cơ sở, tiềm năng và thuận lợi cũng như triển vọng tốt đẹp

Tuy nhiên, chúng ta cũng đang đứng trước một thực tế là quan hệ Việt - Trung bước sang thế kỷ mới có những khó khăn, thử thách phải cùng nhau giải quyết để vượt qua.

Trong quan hệ kinh tế, quan hệ song phương Việt - Trung cần có sự điều chỉnh phù hợp các quan hệ đa phương quốc tế và khu vực như Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN (CAFTA) v.v.. Toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế tạo ra những phương thức hợp tác mới và những hình thức cạnh tranh mới. Quan hệ kinh tế - thương mại Việt - Trung thời gian qua tuy đã có những bước phát triển đáng khích lệ, nhưng còn những tồn tại như: vấn đề quản lý buôn bán qua biên giới, vấn đề cơ cấu đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam v.v... Phát triển quan hệ kinh tế đa phương càng thúc đẩy phát triển chứ không phải làm phương hại đến quan hệ kinh tế song phương. Kết hợp hợp tác với cạnh tranh, thúc đẩy cùng nhau phát triển, là vấn đề đặt ra cần được giải quyết trong quan hệ kinh tế Việt - Trung trong thời gian tới.

Nhưng vấn đề quan trọng nhất cần xử lý trong quan hệ Việt - Trung hiện nay và trong tương lai là vấn đề biên giới lãnh thổ, lãnh hải. Lãnh đạo hai nước đã nhiều lần cam kết sẵn sàng hợp tác để sớm hoàn thành công việc cắm mốc biên giới trên bộ. Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ sau hơn 3 năm ký kết cũng đã được Quốc hội hai nước phê chuẩn và bắt đầu có hiệu lực. Tuy nhiên, quá trình thực thi hai Hiệp định trên còn đòi hỏi hai bên tiếp tục thực tâm hợp tác, tích cực và nghiêm chỉnh thực hiện các điều khoản đã được quy định.

Vấn đề Biển Đông với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hiện là vấn đề khó khăn phức tạp nhất trong quan hệ Việt - Trung. Về vấn đề này, lãnh đạo hai nước đã nhiều lần thỏa thuận "tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán hiện nay về các vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hòa bình để tìm ra một giải pháp cơ bản, lâu dài mà hai bên có thể chấp nhận được. Trong khi tiến hành đàm phán, hai bên không tiến hành những hoạt động làm phức tạp tình hình, không sử dụng vũ lực và đe dọa sử dụng vũ lực, bàn bạc kịp thời và giải quyết thỏa đáng những bất đồng nảy sinh trên tinh thần xây dựng. Hai bên tiếp tục nỗ lực đóng góp vào việc duy trì hòa bình và ổn định ở trên Biển Đông"⁽¹⁾. Lập trường đó của lãnh đạo hai nước Việt Nam và Trung Quốc phù hợp với tuyên bố về vấn đề Biển Đông của cuộc gặp cấp cao ASEAN - Trung Quốc tại Phnôm Pênh năm 2002. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc thực hiện cam kết ấy không phải bao giờ cũng dễ dàng. Vấn đề này đòi hỏi các bên có liên quan phải thực sự thiện chí, lấy hòa hảo làm trọng, tự kiềm chế để bảo đảm ổn định khu vực trong khi "kiên trì thông qua đàm phán hòa bình để tìm ra một giải pháp cơ bản, lâu dài mà hai bên có thể chấp nhận được".

Có thể nói một cách khái quát rằng quan hệ Việt - Trung bước sang thế kỷ XXI đang đứng trước những thời cơ và thách thức mới, đòi hỏi tư duy và phương thức mới, phù hợp với nội dung của quan hệ song phương, đa phương trong bối cảnh mới của quốc tế và khu vực.

Quan hệ Việt - Trung vốn có cơ sở vững bền, tăng cường hợp tác hữu nghị là nguyện vọng chung của nhân dân hai nước, phù hợp với lợi ích căn bản hai quốc gia. Chúng ta hy vọng quan hệ hợp tác hữu nghị Việt - Trung trong những thập niên tới sẽ được nâng lên tầm cao mới, thúc đẩy cùng nhau phát triển, đáp ứng ý nguyện của nhân dân, đem lại lợi ích cho hai nước, góp phần vào hòa bình, ổn định, phát triển trong khu vực và trên thế giới. □

(1) Thông báo về chuyển thăm hữu nghị chính thức Việt Nam của đồng chí Giang Trạch Dân, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Báo *Nhân Dân*, ngày 1-3-2002

PHÁT TRIỂN QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA

TRINH THỊ THANH THỦY *

QUAN hệ thương mại giữa Việt Nam và Liên bang Nga chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi truyền thống hợp tác - hữu nghị giữa các thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV). Sau khi Liên Xô tan rã, quan hệ thương mại giữa hai nước bước sang một thời kỳ mới, phương thức hoạt động dựa trên nhu cầu của thị trường, thay vì trao đổi hàng hóa qua hiệp định thư và các hiệp định được ký kết giữa hai bên như trước đây. Từ năm 1991, Việt Nam và Liên bang Nga đã thỏa thuận việc buôn bán giữa hai nước được thực hiện trên cơ sở giá cả thế giới và bằng ngoại tệ chuyển đổi. Quan hệ thương mại giữa hai nước có lúc đã bị trầm lắng, buôn bán hai chiều giảm sút. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam mất dần khả năng cạnh tranh trên thị trường Liên bang Nga. Nhiều doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu của Việt Nam đã phải từ bỏ thị trường này do có quá nhiều rủi ro. Cùng thời kỳ đó, Việt Nam đã thực hiện chiến lược đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, chuyển hướng sang buôn bán với nhiều nước và khu vực khác.

Tuy có những khó khăn trong lúc giao thời, nhưng chủ trương của Đảng và Nhà nước ta vẫn luôn coi Liên bang Nga là thị trường rộng lớn, giàu tiềm năng để phát huy lợi thế so sánh của mình, đẩy mạnh xuất nhập khẩu, tăng cường quan hệ thương mại song phương. Hơn nữa, Liên bang Nga là thị trường mà Việt Nam đã có quan hệ, gắn bó từ lâu, các doanh nghiệp

Việt Nam có bề dày kinh nghiệm trong tiếp cận và thâm nhập thị trường. Trang mới trong quan hệ Việt - Nga nói chung và quan hệ thương mại nói riêng, được đánh dấu bằng sự kiện Tổng thống V.Pu-tin đắc cử vào năm 2000. Mở đầu cho trang mới này là chuyến thăm chính thức Liên bang Nga của Thủ tướng Phan Văn Khải (tháng 9- 2000). Tiếp theo đó là chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống Nga V.Pu-tin (từ 28-2 đến 2-3-2001). Những động thái chính trị càng khẳng định rõ thêm trong chính sách đối ngoại cân bằng Đông - Tây của Liên bang Nga có sự ưu tiên chiến lược cho việc phát triển quan hệ với Việt Nam. Tuyên bố chung Nga - Việt và một loạt hiệp định được ký kết trong thời gian qua đã củng cố và tạo dựng thêm cơ sở pháp lý cho một số lĩnh vực hợp tác mũi nhọn, nhất là hợp tác phát triển kinh tế - thương mại.

Đến nay, tuy kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng kim ngạch ngoại thương của mỗi nước (chiếm xấp xỉ 0,2% trong tổng kim ngạch ngoại thương của Liên bang Nga và xấp xỉ 2% trong tổng kim ngạch ngoại thương của Việt Nam), nhưng nhìn chung quan hệ thương mại Việt Nam - Liên bang Nga đã từng bước phục hồi và đáp ứng được phần nào nhu cầu của thị trường mỗi nước (xem bảng).

* ThS, Bộ Thương mại

Bảng: Bức tranh thương mại giữa hai nước Việt Nam - Liên Bang Nga

Năm	Kim ngạch xuất nhập khẩu (1000USD)	Xuất khẩu		Nhập khẩu	
		Kim ngạch (1000 USD)	Tỷ lệ (%)	Kim ngạch (1000 USD)	Tỷ lệ (%)
1992	204.887	104.826	51	100.061	49
1993	279.670	135.410	48	144.260	52
1994	378.940	90.227	24	288.713	76
1995	225.629	80.806	36	144.823	64
1996	154.000	32.000	21	122.000	79
1997	278.913	119.803	43	159.110	57
1998	357.400	132.600	37	224.800	63
1999	353.632	114.547	30	239.085	70
2000	363.117	122.548	34	240.569	66
2001	571.287	194.488	34	376.799	66
2002	687.620	187.017	27	500.603	73
2003	651.302	159.481	24	491.821	76
6 tháng /2004	421.491	78.229	19	343.262	81

Nguồn: Số liệu thống kê kinh tế - xã hội của Việt Nam từ 1985 - 1995 của Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan

Số liệu trên cho thấy, từ năm 1992 đến nay kim ngạch buôn bán giữa hai nước ngày càng tăng. Mặt hàng nhập khẩu từ Nga chủ yếu là xăng dầu, ô tô và linh kiện, máy móc thiết bị, phân bón, sắt thép..., trong khi Việt Nam chủ yếu xuất hàng nông, lâm, thủy sản, hàng thủ công nghiệp, dệt may, đồ gỗ mỹ nghệ. Có thể nói quan hệ thương mại giữa hai nước đã đạt được những thành tựu đáng kể và bước đầu phát huy lợi thế so sánh của mỗi nước. Tuy nhiên, những bất cập và tồn tại đều bắt nguồn từ mấy nguyên nhân cơ bản như sau:

Một là, phía Việt Nam chưa kịp thời đưa ra những chính sách cụ thể, hấp dẫn để định hướng, khuyến khích, hỗ trợ và hạn chế rủi ro cho các doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Liên bang Nga. Các vấn đề trong thanh toán giữa hai nước chưa được giải quyết triệt để. Năng lực kinh doanh, khả năng thâm nhập thị trường của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung còn yếu nên bỏ qua nhiều cơ hội kinh doanh tốt.

Hai là, các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam cơ bản vẫn còn ở dạng thô, hàm lượng công

nghệ thấp, chất lượng chưa cao, bao bì mầu mã chưa phù hợp và hấp dẫn khách hàng, ít có sự thay đổi, cải tiến cả về số lượng mặt hàng và chất lượng sản phẩm, trong khi thị trường Liên bang Nga đã thay đổi rất nhiều. Đó cũng chính là nguyên nhân cơ bản làm giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường thế giới nói chung và trên thị trường Liên bang Nga nói riêng.

Ba là, sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga chuyển sang nền kinh tế thị trường, khủng hoảng kinh tế - xã hội sâu sắc, lạm phát cao triền miên, đồng rúp liên tục bị mất giá, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về tài chính. Môi trường kinh doanh ở Nga đầy rẫy những rủi ro. Thế nhưng, nhiều hãng kinh doanh lớn của nước ngoài đã nhanh chóng xây dựng được mạng lưới cung cấp và tiêu thụ hàng hóa với chất lượng cao, sức cạnh tranh lớn ở Liên bang Nga..., làm cho khả năng "chen chân" của hàng hóa Việt Nam vào các kênh phân phối sở tại bị hạn chế.

Bốn là, trong những năm đầu của thập niên 90, thế kỷ XX, Liên bang Nga chủ trương tập trung phát triển quan hệ với các nước phương Tây. Quan hệ thương mại với các nước châu Á nói chung, các nước Đông - Nam Á nói riêng (trong đó có Việt Nam) nhìn chung đã không được chú ý đúng mức. Nhiều vướng mắc, cản trở trong hoạt động thương mại song phương không được giải quyết thỏa đáng và kịp thời đã làm hạn chế việc phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước.

Năm là, thị trường Liên bang Nga vẫn còn nhiều rào cản thương mại và kỹ thuật như: thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng cao, nhất là thuế đánh vào hàng tiêu dùng trung bình từ 20 - 30% trị giá kèm theo mức thuế tối thiểu áp dụng cho một số mặt hàng; các quy định của luật pháp Nga đối với hàng hóa nhập khẩu rất chặt chẽ, các quy định về quản lý tài chính tín dụng của Liên bang Nga còn rất phức tạp.

Chính vì vậy đã gây cản trở và khó khăn cho các đối tác yếu về năng lực kinh doanh quốc tế và còn nhỏ bé về tiềm lực như Việt Nam.

Sáu là, phía Việt Nam, có đặt ra mục tiêu khôi phục và phát triển quan hệ thương mại truyền thống giữa Việt Nam - Liên bang Nga, nhưng chưa xây dựng được chiến lược, chính sách cụ thể cũng như định ra những bước đi thích hợp để khôi phục và mở rộng quan hệ thương mại giữa hai nước nhằm khai thác thị trường rộng lớn và đầy tiềm năng này. Việc trao đổi, buôn bán hàng hóa với Liên bang Nga chủ yếu do các doanh nghiệp tư nhân và tư thương người Việt làm ăn, sinh sống tại Nga thực hiện, nên còn mang tính chất manh mún và không có tính chiến lược. Ngoài ra, hoạt động thương mại ấy đã không thực hiện được chức năng phản hồi và chuyển tải những tín hiệu của thị trường cho sản xuất trong nước. Công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường ngoài nước đã được chú trọng hơn trước, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Các doanh nghiệp vẫn phải tự lo là chính, nên thiếu sự phối hợp, thiếu thông tin về các đối tác, cũng như về thị trường hai nước.

Việc khôi phục và phát triển quan hệ thương mại Việt Nam - Liên bang Nga trong giai đoạn hiện nay đặt ra yêu cầu tiếp cận theo tư duy mới. Thực tế Liên bang Nga không còn là thị trường để Việt Nam tiếp tục khai thác theo phương thức truyền thống, mà *phải coi Nga như một thị trường mới, không còn "dễ tính" như trước*. Trong hoạt động ngoại thương, Việt Nam cần nhập khẩu từ Nga nhiều mặt hàng có ý nghĩa chiến lược đối với nền kinh tế như nguyên - nhiên vật liệu, hóa chất, máy móc, thiết bị giao thông - vận tải..., kể cả các loại hàng hóa đặc biệt phục vụ cho an ninh - quốc phòng. Các loại hàng hóa này phù hợp với trình độ tiếp nhận và khả năng thanh toán của Việt Nam. Liên bang Nga là thị trường xuất khẩu quan trọng và giàu tiềm năng với khoảng 150 triệu dân, thu nhập và sức mua đang tăng, thị trường có nhu cầu về một số hàng

hóa Việt Nam có lợi thế so sánh và có khả năng cung cấp. Bởi vậy, muốn tiến tới cân bằng hơn trong cán cân thương mại và đạt tới mục tiêu một tỉ USD kim ngạch buôn bán hai chiều giữa hai nước trong thời gian tới, xin nêu một số kiến nghị bước đầu như sau:

- *Xúc tiến nhanh việc thương thảo để đi đến ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên bang Nga*. Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, bởi lẽ các khung pháp lý đã có, nhưng các cản trở trong hoạt động thương mại song phương còn khá nhiều. Hy vọng Hiệp định Thương mại tự do sẽ giảm dần các rào cản để tạo điều kiện thông thoáng cho hoạt động thương mại giữa hai nước.

- *Ký kết các thỏa thuận về thủ tục kiểm tra hàng hóa nhập khẩu*. Cần có sự thống nhất giữa hai quốc gia về các thủ tục kiểm tra thú y, đồng thời thỏa thuận công nhận lẫn nhau về các giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa nhập khẩu và tiêu thụ trên thị trường hai nước; hoặc thừa nhận giấy chứng nhận chất lượng của một số hàng hóa giám định.

- *Ký kết các thỏa thuận về thanh toán*. Các ngân hàng thương mại Việt Nam cần thỏa thuận với các ngân hàng thương mại Liên bang Nga thực hiện chiết khấu chứng từ xuất khẩu thông qua các công ty tài chính hoặc ngân hàng nước thứ ba. Trong trường hợp cần thiết cho phép họ cấp hạn mức tín dụng cho ngân hàng thương mại Nga, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp Nga được tài trợ, bảo lãnh khi nhập hàng của Việt Nam. Ngoài ra, cần đàm phán tiếp tục với ngân hàng của Liên bang Nga về hình thức thanh toán hàng đổi hàng... để giúp các doanh nghiệp Việt Nam có độ an toàn trên thị trường Liên bang Nga, mở rộng quan hệ bạn hàng, tăng kim ngạch trao đổi hàng hóa lẫn nhau.

- *Đàm phán để Liên bang Nga tạo điều kiện cho Việt Nam trong việc phát triển hạ tầng cho thương mại*, nhất là mặt bằng để thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm giới thiệu

sản phẩm hay các cơ sở liên doanh chế biến hàng nông sản của Việt Nam trên lãnh thổ của Nga.

- *Hoàn thiện quản lý các chiến lược cấp quốc gia về phát triển các ngành hàng xuất khẩu và phát huy lợi thế so sánh.* Tổ chức thực hiện và kiểm soát các chiến lược cho từng ngành hàng xuất khẩu. Xác định lợi thế của từng loại hay từng nhóm hàng hóa của Việt Nam ở thị trường Liên bang Nga. Bên cạnh đó, xác định lại một số mặt hàng trọng điểm trong cơ cấu xuất nhập khẩu với Liên bang Nga để tập trung vốn đầu tư cho có hiệu quả. Nên chọn ra một số mặt hàng tiềm năng để tập trung khuyến khích đầu tư. Nghiên cứu kỹ thị trường Liên bang Nga để tiến tới có thể xuất khẩu những hàng hóa có giá trị lớn, có hàm lượng chất xám cao như linh kiện điện tử, vi tính, sản phẩm công nghệ phần mềm...

- *Hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam xúc tiến thương mại.* Tổ chức triển lãm định kỳ hàng xuất khẩu Việt Nam tại Liên bang Nga, U-crai-na, U-dơ-bê-ki-stan. Tăng cường hoạt động quảng bá hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường Liên bang Nga, kể cả thông qua việc tham gia triển lãm, hội chợ, giới thiệu hàng mẫu, ca-ta-lô, phim, băng hình v.v... Tổ chức và hỗ trợ các phái đoàn thương mại của Việt Nam đi khảo sát thị trường, trao đổi thông tin và xúc tiến thương mại, cũng như tìm kiếm các cơ hội kinh doanh, đầu tư mới. Tổ chức kênh thông tin về thị trường Liên bang Nga cho các doanh nghiệp Việt Nam.

- *Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ hỗ trợ cho xuất khẩu.* Nhà nước nên có chính sách khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu bao gồm: nghiên cứu, dự báo thị trường, phân tích thông tin tư vấn cho doanh nghiệp; dịch vụ giao nhận và thông quan; dịch vụ phân tích tài chính (cả phân tích rủi ro về tỷ giá...); dịch vụ pháp lý... Việt Nam cần có các chính sách phù hợp, kể cả mở cửa thị trường

cho các công ty cung ứng dịch vụ nước ngoài, để nhanh chóng phát triển các loại hình dịch vụ này.

- *Có các giải pháp nâng cao sức cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.* Tập trung nâng cao chất lượng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Liên bang Nga theo các chiến lược sản phẩm cho từng loại hàng hóa xuất khẩu. Thực hiện nghiêm ngặt chế độ giao hàng, đúng mẫu và đúng chất lượng đã thỏa thuận. Loại trừ hẳn việc giao "hàng chợ", hàng thứ cấp, chất lượng và quy cách không bảo đảm sang thị trường Liên bang Nga. Phấn đấu hạ giá thành sản xuất, giảm bớt chi phí trung gian, xử lý tham số vận tải trong giá để tạo thêm sức cạnh tranh cho hàng của Việt Nam tại thị trường Liên bang Nga. Từ những nghiên cứu về thị trường Liên bang Nga, cần sớm quy hoạch những vùng sản xuất và chế biến tập trung (nhất là những hàng hóa nông sản thực phẩm) theo yêu cầu chất lượng của thị trường để hạ giá thành sản phẩm. Phương tiện vận chuyển phổ biến nhất hiện nay là công-te-nơ nhưng chi phí vẫn còn cao, lại không chuyên chở được những lô hàng lớn, nên cần nghiên cứu để khai thác các loại phương tiện khác, như: khai thông đường sắt liên vận quốc tế để phục vụ chuyên chở hàng hóa; thành lập Công ty vận tải biển chuyên chở hàng hóa đi Viễn Đông và Biển Đen với hành trình ổn định để chuyên chở khối lượng lớn hàng hóa nhằm tạo thuận lợi và giảm chi phí cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Tính toán để áp dụng phương thức liên hợp cho việc vận chuyển hàng hóa từ Việt Nam đến Liên bang Nga và ngược lại.

Kịp thời đổi mới phương thức kinh doanh cho phù hợp với tình hình và đặc điểm thị trường Liên bang Nga hiện nay. Tạo các điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam thực hiện phương thức bán hàng ký gửi, lập kho ngoại quan, mở các chuỗi cửa hàng bán lẻ hàng hóa Việt Nam tại các thành phố lớn ở Liên bang

Nga, trước mắt tập trung thực hiện ở một số trung tâm kinh tế và các thành phố lớn như Mát-xcơ-va, Xanh Pê-téc-bua, Nhe-giơ-nưi Nô-vơ-gô-rôt.

- Cần có một cơ chế quản lý thông thoáng hơn để doanh nghiệp chủ động trong các giao dịch tìm kiếm bạn hàng mới. Phải chăng nên có các chính sách đặc thù cho các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh trên thị trường Liên bang Nga. Khi đã giao vốn và thuê vốn, nên bỏ thuế lợi tức mà áp dụng tỷ lệ tăng trưởng vốn. Việc kiểm tra các doanh nghiệp nên xem xét trên phương diện bảo toàn và tăng trưởng vốn, cũng như khả năng hoạt động có hiệu quả, chứ không tiến hành thường xuyên các biện pháp thanh tra, kiểm tra tài chính như hiện nay. Ngoài ra, cần đẩy mạnh hợp tác theo vùng lãnh thổ và địa phương để khai thác thêm tiềm năng và thế mạnh của cả hai bên trong hợp tác sản xuất, đầu tư và trao đổi hàng hóa.

- Nâng cao kỹ năng xuất khẩu và văn hóa kinh doanh, thúc đẩy sự hợp tác giữa các doanh nghiệp. Xuất khẩu sẽ không thể tăng trưởng bền vững nếu không thường xuyên trau dồi kỹ năng xuất khẩu và văn hóa kinh doanh. Kỹ năng xuất khẩu tiên tiến bao gồm những vấn đề như sản phẩm giao dịch, thương mại điện tử... trong khi văn hóa xuất khẩu chứa đựng những nội dung như liên kết dọc, liên kết ngang, liên kết ngược, coi trọng người tiêu dùng và chữ tín trong kinh doanh...

- Đẩy mạnh việc hình thành các mối liên kết tiêu thụ - sản xuất (liên kết ngược). Cần có quy định hợp lý trên cơ sở kết hợp vận động, nâng cao nhận thức cho các đối tác trong việc thực hiện các hợp đồng ký kết về đặt hàng và cung cấp sản phẩm cho xuất khẩu. Với một cơ chế thích hợp thông qua chính sách giá, thuế, tín dụng xuất khẩu, cước phí vận tải, cơ chế thanh toán, tư cách pháp lý cho số người Việt Nam đang kinh doanh trên thị trường Liên bang Nga, sẽ từng bước phục hồi và tiếp tục phát triển khả năng tiêu thụ hàng Việt Nam trên thị trường này. □

HẢI QUÂN NHÂN DÂN...

(Tiếp theo trang 55)

vùng biển và hải đảo. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục và huấn luyện bộ đội một cách tích cực, hiệu quả theo đúng phương châm "cơ bản, thiết thực, vững chắc"; coi trọng huấn luyện đồng bộ và chuyên sâu, bám sát đối tượng tác chiến dự kiến, phù hợp với lực lượng, biên chế tổ chức hiện có và cách đánh truyền thống của Hải quân nhân dân Việt Nam.

Thứ ba: Làm tốt công tác chính trị tư tưởng; công tác xây dựng đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ. Để làm tốt vấn đề này, các cơ quan, đơn vị trong toàn Quân chủng phải quán triệt sâu sắc và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX và Chương trình hành động của Đảng ủy Quân chủng Hải quân thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, khóa IX "Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới".

Coi trọng giáo dục truyền thống đánh giặc giữ nước của ông, cha ta nói chung, truyền thống bảo vệ biển, đảo nói riêng, đặc biệt là những kinh nghiệm và truyền thống trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Hải quân nhân dân Việt Nam như: "Chiến đấu anh dũng, mưu trí sáng tạo, làm chủ vùng biển, quyết chiến quyết thắng".

Trước yêu cầu và nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới, phát huy truyền thống đánh giặc giữ nước của ông cha ta và truyền thống xây dựng, chiến đấu, trưởng thành trong gần nửa thế kỷ qua, Hải quân nhân dân Việt Nam nêu cao quyết tâm nỗ lực phấn đấu, phát huy mọi tiềm năng, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nắm vững thời cơ thuận lợi để củng cố xây dựng lực lượng vững mạnh, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, xứng đáng với niềm tin yêu của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. □



CÔNG TY DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SAIGON PETRO

Trụ sở chính: 27 Nguyễn Thông, Q.3, TP.HCM

Tel: (84.8) 930 7989 - 930 7037 Fax: (84.8) 930 7642

*Chúc Mừng
năm mới*

**XUÂN
ẤT DẬU
2005**



- Một trong các đơn vị lớn tại Việt Nam vừa sản xuất vừa kinh doanh các sản phẩm từ dầu mỏ: xăng không pha chì, dầu các loại, khí đốt hóa lỏng (LPG) dùng cho dân dụng và công nghiệp.
- Là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam có nhà máy chế

biến các sản phẩm từ dầu thô và các loại condensate trong và ngoài nước.

- Kho bãi Saigon Petro với tổng sức chứa trên 200.000m³ xăng dầu và 2000 tấn LPG đảm bảo nguồn hàng ổn định cho khách hàng.

NHÀ MÁY LỌC DẦU CÁT LÁI

P.Thanh Mỹ Lợi, Q.2, TP.HCM

Tel: 08.8976114 - Fax: 08.7421249

XUỞNG LPG

P.Thanh Mỹ Lợi, Q.2, TP.HCM

Tel: 08.8976113 - Fax: 08.7420890

CHI NHÁNH SAIGON PETRO TẠI CẦN THƠ

144B Cách Mạng Tháng 8, TP. Cần Thơ

Tel: 071.834476 - Fax: 071.833746

CHI NHÁNH SAIGON PETRO TẠI ĐỒNG NAI

Quốc lộ 51, Phước Tân, Long Thành

Tel: 061.939678 - Fax: 061.930405

CHI NHÁNH SAIGON PETRO TẠI TIỀN GIANG

559A Lý Thường Kiệt, P.5, TP. Mỹ Tho

Tel: 073.888294 - Fax: 073.888293

CHI NHÁNH SAIGON PETRO TẠI VŨNG TÀU

75 Trần Đồng, TP. Vũng Tàu

Tel: 064.857742 - Fax: 064.807412



Chúc
mừng
năm
mới

Thị xã PHAN RANG - THÁP CHÀM

Phan Rang - Tháp Chàm là Thị xã tỉnh lỵ của tỉnh Ninh Thuận, nằm dọc theo đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ. Có bờ biển dài 8 km, có đường sắt Bắc - Nam chạy ngang qua thị xã, là ngã ba giao thông giữa Quốc lộ 1A và Quốc lộ 27 đi Lâm Đồng; nằm ở vị trí trung tâm giữa 3 Thành phố đang phát triển là: Phan Thiết, Đà Lạt và Nha Trang nên có điều kiện thuận lợi để giao lưu phát triển kinh tế - xã hội.

Thị xã có 15 đơn vị hành chính trực thuộc (12 phường, 03 xã) với diện tích tự nhiên 79,38km²; dân số có 158.675 người, chủ yếu là dân tộc Kinh (chiếm 98%).

Thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết 03 của Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận thời kỳ 2001-2005 và đến năm 2010, trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị xã đã phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, nỗ lực, phấn đấu vượt qua những khó khăn thử thách, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, xây dựng thị xã đạt chuẩn đô thị loại 3 vào năm 2005. Cụ thể trong năm 2004:

1. KINH TẾ: Tốc độ tăng trưởng đạt 16%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng là công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nông nghiệp thủy sản. Trong đó

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Giá trị sản xuất tăng 17,75% so với năm 2003, chiếm tỷ trọng 43,23% trong cơ cấu kinh tế chung.

- Thương mại - dịch vụ: Giá trị sản xuất tăng 18,3% so với năm 2003, chiếm tỷ trọng 36,5% trong cơ cấu kinh tế.

- Nông nghiệp - thủy sản: Giá trị sản xuất tăng 8,67% so với năm 2003, chiếm tỷ trọng 20,27% trong cơ cấu kinh tế.

2. TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước đạt 185 tỉ đồng, tăng 45,7% so với năm 2003. Trong đó: Thị xã đảm nhiệm thu 47,7 tỉ đồng, tăng 67% so với năm 2003.

3. VỀ ĐẦU TƯ NÂNG CẤP THỊ XÃ: Tổng đầu tư cho chương trình

nâng cấp đô thị loại 3 trong 3 năm 2001-2004 đạt gần 400 tỉ đồng, đã tạo bộ mặt mới cho đô thị. Đặc biệt, trong năm 2004 Thị xã đã tập trung huy động mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị. Hệ thống các công viên, cây xanh, đường giao thông, điện chiếu sáng, các khu dân cư mới, khu du lịch được đầu tư xây dựng khá hoàn chỉnh... Đến nay, đã đạt các tiêu chí cơ bản và hoàn thành thủ tục đề nghị công nhận Thị xã đạt chuẩn đô thị loại 3.

4. VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được phát triển, cơ sở trường lớp được đầu tư theo hướng lâu hóa, chất lượng giáo dục được giữ vững và phát triển ổn định, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 97,1%; tốt nghiệp Tiểu học đạt 100%. Có 14/15 phường, xã được công nhận hoàn thành phổ cập THCS.

- Mạng lưới y tế được chú trọng đầu tư, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu giải trí của nhân dân, củng cố phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

- Thực hiện có hiệu quả các mặt công tác xã hội. Số hộ nghèo giảm đáng kể, đến nay tỷ lệ hộ nghèo của Thị xã còn 7,4%; lao động chưa có việc làm 4,09%.

5. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ:

được triển khai tích cực trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức; đã xây dựng được 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh.

Năm 2004, thị xã Phan Rang - Tháp Chàm được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Trong những năm tới, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thị xã Phan Rang - Tháp Chàm tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng cách mạng ra sức đoàn kết, nâng động sáng tạo, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng.



KHU DU LỊCH HOÀN CẦU



NHO PHAN RANG



Chủ tịch:
NGUYỄN NGỌC ĐOÀN

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG

TỈNH THÁI BÌNH

Chúc Mừng Năm Mới Xuân Ất Dậu

Năm 2004, năm thứ tư thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, năm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội IX Công đoàn Việt Nam, Đại hội XX Công đoàn Thái Bình, kỷ niệm 75 năm thành lập Công Đoàn Việt Nam. Công đoàn tỉnh Thái Bình đã đạt được các kết quả sau:

1/ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC CNVC- LĐ:

- Chỉ đạo các cấp Công đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục trong CNVC-LĐ như: nâng cao nhận thức chính trị cơ bản ở 80% CĐCS, phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền về những điển hình trong sản xuất-công tác với trên 100 tin, bài và xuất bản Bản tin hoạt động Công đoàn mỗi quý 1 số để kịp thời phản ánh mọi hoạt động của các cấp Công đoàn.

- Kỷ niệm 75 năm Thành lập Công đoàn Việt Nam, LĐLĐ tỉnh đã có nhiều hoạt động sôi nổi thiết thực như: tổ chức giải cầu lông- kéo co trong CNVC- LĐ toàn tỉnh với 25 đơn vị tham gia trong thời gian 2 ngày; tổ chức lễ dâng hương báo công trước tượng đài đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, lãnh tụ đầu tiên của tổ chức Công đoàn Việt Nam; tổ chức diễu hành đi bộ với hơn 1000 người để ủng hộ quỹ "Vì người nghèo". Tổ chức "Ngày hội sản phẩm chất lượng" của CNVC- LĐ trong thời gian 4 ngày, thu hút 130 gian hàng của trên 100 doanh nghiệp trong và ngoài

tỉnh tham gia.

2/ TỔ CHỨC CÁC PHONG TRÀO HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG:

- Chỉ đạo các cấp Công đoàn đẩy mạnh phong trào thi đua "Lao động giỏi- Lao động sáng tạo", năm 2004 có 61 công trình sản phẩm chất lượng được tổ chức gắn biển, 26 đồng chí được cấp Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn. Có 1953 đề tài khoa học- sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng vào sản xuất và đời sống, giá trị làm lợi trên 40 tỉ đồng.

- Tiếp tục chỉ đạo phong trào thi đua liên kết phục vụ nông nghiệp. Phối hợp chỉ đạo xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/héc- ta/năm, đẩy mạnh phong trào thi đua liên kết "4 nhà" và chỉ đạo tổng kết 5 năm phục vụ nông nghiệp (1999- 2004).

- Tiến tới Đại hội thi đua toàn tỉnh và toàn quốc, LĐLĐ tỉnh đã tổ chức gặp mặt biểu dương 115 đại biểu ưu tú là những anh hùng lao động, chiến sỹ đua toàn quốc, những doanh nhân, doanh nghiệp giỏi và những đồng chí được TLĐ cấp bằng LĐST.

3/ THAM GIA QUẢN LÝ, BẢO VỆ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CHÍNH ĐÁNG CỦA CNVC- LĐ:

- Tiếp tục triển khai quán triệt Nghị định 41/CP về chế độ chính sách cho người lao động dôi dư và Nghị định 64/CP về CPH. Năm 2004, toàn tỉnh

cho có 15 doanh nghiệp thực hiện CPH, 20 DN đang tiến hành CPH, 19 doanh nghiệp thực hiện giải thể phá sản.

- Để góp phần thúc đẩy quá trình CPH, tăng cường vai trò tham gia quản lý của các cấp Công đoàn, LĐLĐ tỉnh tổ chức CLB giám đốc các doanh nghiệp, tổ chức hội nghị với giám đốc và chủ tịch Công đoàn các đơn đã và đang thực hiện CPH để bàn biện pháp tháo gỡ khó khăn.

- Thực hiện Nghị quyết 09 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xóa nhà ở dột nát cho hộ nghèo các cấp Công đoàn trong tỉnh đã tổ chức vận động mỗi CNVC- LĐ đóng góp từ 3 ngày lương, tổng số tiền ước tính trên 1,9 tỷ đồng, đã hỗ trợ xây dựng 241 nhà tình thương...

4/ CÔNG TÁC XÂY DỰNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN:

- Năm 2004 có: 80,1% CĐCS vững mạnh trong đó 30% CĐCS vững mạnh xuất sắc, 14,9% CĐCS khá, 5% CĐCS trung bình, không có CĐCS yếu kém.

- Thực hiện chương trình mục tiêu phát triển 1 triệu đoàn viên của TLĐ, năm 2004 đã phát triển được 33 CĐCS, trong đó 17 CĐCS và 16 Công đoàn xã, phường, thị trấn với tổng số 2 180 đoàn viên.

- Duy trì tốt các lớp bồi dưỡng lý luận nghiệp vụ Công đoàn, có 12 đơn vị tổ chức tập huấn cho 875 người, LĐLĐ tỉnh tổ chức tập huấn cho trên 1000 người trong thời gian 3 ngày.



Đồng chí Đặng Ngọc Tùng - P. Chủ tịch TLĐLĐ Việt Nam cùng các Chủ tịch LĐLĐ Thái Bình thăm, tặng quà các cháu nhiễm chất độc da cam



Đồng chí Lê Duy Cường
(Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy)

HUYỆN THÁI THỤY

Địa chỉ: Thị trấn Diêm Điền - Thái Thụy - Thái Bình * Điện thoại: (036) 853 357

CHÚC MỪNG

NĂM MỚI



Thái Thụy là huyện ven biển của tỉnh Thái Bình, diện tích tự nhiên 24 425 héc- ta, gồm 48 xã, thị trấn với 27 vạn dân, có 27 km đường bờ biển, có cảng thương mại Diêm Điền, có tiềm năng phát triển kinh tế đa dạng và có vị trí quan trọng về chiến lược an ninh quốc phòng.

I/ TRUYỀN THỐNG VỀ VANG CỦA ĐỊA PHƯƠNG:

- * Thái Thụy có truyền thống cách mạng sớm, năm 1927 Thái Thụy là một trong những huyện có nhiều tổ chức Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh một trong những người đầu tiên của Việt Nam tham gia thành lập Đảng Cộng sản, đến nay Đảng bộ huyện có 97 đầu mối tổ chức cơ sở Đảng, trên 11.400 đảng viên.
- * Trong 2 cuộc kháng chiến cứu nước Thái Thụy có trên 60 000 lượt thanh niên tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, nối tiếp ghi dấu mốc son lịch sử dân tộc. Tiêu biểu như: Đ/c Tạ Quốc Luật: người bắt sống tướng Đờ- cat- tơ-ri chiến dịch Điện Biên Phủ; Đ/c Bùi Quang Thận: người cầm cờ trên Dinh Độc lập ngày 30/04/1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- * Đảng bộ và nhân dân Thái Thụy được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, toàn huyện có 306 Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

II/ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2004

1/ Về kinh tế: Tổng giá trị sản xuất năm 2004 đạt 1 749,6 tỉ đồng. Tốc độ tăng trưởng 13,53%

* Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh, nông nghiệp 53,5%, công nghiệp- TTCN- XDCB đạt 21,03%, thương mại dịch vụ 25,44%.

* Trong số 48 xã hiện có 26 xã với 60 cánh đồng (845 héc-ta) đạt giá trị sản xuất trên 50 triệu đồng/1 héc-ta, có 1.658 héc-ta nuôi trồng thủy sản.

* Toàn huyện có 19 làng nghề truyền thống; 3 cụm công nghiệp (khu kinh tế Diêm Điền, cụm công nghiệp Thái Thọ, cụm công nghiệp Trà Linh).

* Thương mại dịch vụ, giao thông vận tải phát triển mạnh, toàn huyện có 12 vạn tấn phương tiện, 1 cảng thương mại, 1 cảng thủy sản, 1 khu vực chế biến rau quả, 1 nhà máy bột cá...

2/ Văn hóa- xã hội: phong trào văn hóa phát triển mạnh, 91 làng khai trương xây dựng làng văn hóa, 75% số hộ sử dụng nước sạch, 100% xã và hộ gia đình có điện thắp sáng, 100% tuyến đường trong xã thôn được rải đá, lát nhựa và đổ bê tông, 2,2% hộ sử dụng điện thoại, 100% số trường học được kiên cố hóa và cao tầng, 29 trường đạt chuẩn quốc gia.

III/ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ AN NINH QUỐC PHÒNG

* Hệ thống chính trị tiếp tục được xây dựng củng cố vững chắc: 60% số tổ chức Đảng đạt trong sạch vững mạnh; tổ chức chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân không ngừng được củng cố, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa- hiện đại hóa.

* Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, phòng tuyến ven biển được bảo vệ vững chắc.

IV/ MỤC TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2005

* Tổng giá trị sản xuất đạt 1.956 tỉ đồng. Trong đó: Tỷ trọng nông nghiệp: 46%; công nghiệp- XDCB: 26%; thương mại dịch vụ: 28%. Năng suất lúa bình quân trên 12 tấn/héc- ta; giá trị sản xuất đạt 36,5 triệu đồng/héc-ta/năm.

* 100% cơ sở y tế, trường học được kiên cố hóa, 85- 90% hộ nông dân dùng nước sạch. Giải quyết thêm việc làm cho 1.500 - 2.000 lao động cơ bản xóa xong hộ đói nghèo; giảm tỷ lệ sinh dưới 1,3%.

* Phấn đấu 65% số cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh.

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH BẮC GIANG



Địa chỉ: số 39 đường Nguyễn Khắc Nhu- thị xã Bắc Giang- Bắc Giang * Điện thoại: (0240) 854 281



Chủ tịch: **NGUYỄN DUY ĐẢNG**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN NĂM 2004

Theo thống kê, ở những đơn vị đã thành lập Công đoàn cơ sở, toàn tỉnh Bắc Giang có 45.461 CNVC - lao động, trong đó có 26.090 là nữ. Toàn tỉnh có 41.200 đoàn viên với 1.080 Công đoàn cơ sở.

1. Công tác tuyên truyền giáo dục:

Năm 2004 ngoài việc tổ chức tuyên truyền thành công cho cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân ba cấp, LĐLĐ tỉnh đã trực tiếp chỉ đạo các hoạt động tuyên truyền cho các ngày kỷ niệm lớn trong năm: 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, 75 năm thành lập Công đoàn Việt Nam...

Thực hiện sự chỉ đạo của LĐLĐ tỉnh, 100% các CDCS treo băng rôn, khẩu hiệu trước trụ sở cơ quan, doanh nghiệp để tuyên truyền những ngày kỷ niệm.

2. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được các cấp CĐ cơ sở duy trì thường xuyên. Các hoạt động tuyên truyền giáo dục CĐ đã góp phần tạo không khí phấn khởi trong CNVC- lao động.

3. Tổ chức phong trào hành động cách mạng trong CNVC- lao động: tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua "Lao động giỏi", "Lao động sáng tạo" trong CNVC- lao động. Các cấp CĐ đã vận động CNVC- lao động thực hiện 65 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giá trị làm lợi 731 triệu đồng, được thưởng 43,6 triệu đồng. Tiêu biểu là Công ty Phân đạm Hà Bắc, Công ty Cổ phần nhựa, Xi nghiệp Gạch Hồng Thái...

4. Chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC-

lao động, hoạt động xã hội của CĐ:

+ 06 tháng đầu năm LĐLĐ tỉnh đã hướng dẫn 06 đơn vị làm dự án vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm, tổng giá trị 300 triệu đồng.

+ Các CDCS đã vận động CNVC- lao động xây dựng 374 triệu đồng quỹ tương trợ đời sống CNVC- lao động.

+ Tín chấp cho CNVC- lao động vay vốn ngân hàng 13.600 triệu đồng để phát triển kinh tế gia đình.

+ Tổ chức trao 50 suất quà của Quỹ Tấm lòng Vàng- Báo Lao động cho CNVC- lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... Đặc biệt, Trung tâm dịch vụ việc làm CĐ Bắc Giang đã tư vấn lao động cho 1.100 lượt người, giới thiệu việc làm và cùng ứng lao động được 408 người, mở 2 lớp đào tạo nghề cơ khí cho 36 người, mở 1 lớp may công nghiệp cho 158 người.

5. Công tác nữ công: phong trào nữ CNVC- lao động phát triển ngày càng sâu rộng. Mỗi năm có 90% nữ CNVC- lao động trở lên được tiếp cận với các hoạt động tuyên truyền giáo dục của tổ chức công đoàn.

+ Năm 2004 có 21.837/ 26.090 chị em đăng ký thực hiện các phong trào thi đua: "Lao động giỏi", "Lao động sáng tạo", "Giải việc nước đảm việc nhà"... chiếm tỷ lệ 83,68%.

+ Từ năm 2001- 2003 có 294 lượt nữ công CNVC- lao động LĐLĐ tỉnh tặng bằng khen, 16 chị được tặng bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam, 04 chị được Tổng LĐLĐ Việt Nam cấp bằng lao động sáng tạo, 19 chị được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, hàng ngàn chị đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua các cấp, được tặng bằng khen giấy khen của các cấp, các ngành.





CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

LIÊN ĐOÀN INTERGEO

(LIÊN ĐOÀN ĐỊA CHẤT HỢP TÁC VỚI NƯỚC NGOÀI)

Địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng - Từ Liêm - Hà Nội * Điện thoại: 84-4-7 543 483 - 7 542 279 * Fax: 84-4-7 543 054



Đại hội Đảng bộ

Liên đoàn Địa chất hợp tác với nước ngoài



Lễ ký kết Hiệp định Hợp tác Địa chất 3 nước
Cam-pu-chia, Lào, Việt Nam năm 1987

Liên đoàn được thành lập năm 1966, thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam - Bộ Tài nguyên và Môi trường

Địa bàn hoạt động của đơn vị trên toàn lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài. Thế mạnh của Liên đoàn là tìm kiếm, thăm dò khoáng sản, lập bản đồ địa chất, khoan thăm dò khoáng sản, khoan khai thác nước ngầm. Đo vẽ phục vụ quy hoạch, lập bản đồ địa hình. Đo địa vật lý tìm kiếm khoáng sản, nước ngầm, phân tích mẫu, đánh giá tác động môi trường.

**TRONG GẦN 40 NĂM QUA
LIÊN ĐOÀN ĐÃ BẠT ĐƯỢC NHỮNG
THÀNH TÍCH SAU**

Được Đảng và Nhà nước trao tặng 1 Huân chương Lao động Hạng Nhất, 2 Huân chương Lao động Hạng Ba cho các cá nhân.

Nhà nước Lào trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhất và nhiều bằng khen của chính phủ 2 nước Việt Nam và Lào.



Máy chuyên dụng khoan thăm dò Longyear - 38



BỆNH VIỆN CHỢ RẪY



Chúc mừng năm mới

- ★ Chân thành cảm ơn quý bệnh nhân đã tin tưởng vào đội ngũ Thầy thuốc của bệnh viện
- ★ Chân thành cảm ơn quý đồng nghiệp đã hợp tác với bệnh viện vì sự phát triển và chất lượng phục vụ bệnh nhân
- ★ Chân thành cảm ơn quý cơ quan, ban ngành đã hợp tác, giúp đỡ bệnh viện hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2004

Mừng Xuân Ất Dậu 2005, kính chúc Quý khách

**Sức khỏe, Hạnh phúc, Thành đạt
và quan hệ hợp tác ngày càng bền vững**

201B, Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 8 554 137, 8 554 138; Fax: 8 557 267; Email: bvchoray@hcm.vnn.vn; Trang chủ: www.choray.org.vn

Digitized by Google

Happy New Year

2005
Xin chào

Chúc
mừng
năm
mới

Website: www.sai-gon2-sanding.com



Hàng Thời Trang



SANDING



Double One
Nhân Hiệu Hàng Nữ Cao Cấp

besosi
Nhân Hiệu Hàng Trẻ Sơ Sinh

CS
Nhân Hiệu Hàng Nam



15 TRẦN TRIỆU LUẬT, Q. TÂN BÌNH TP. HỒ CHÍ MINH

• TEL: (84.8) 9716774 - 8645331

• FAX: (84.8) 9714363

• Email: Sanding@hcm.fpt.vn

TRƯỜNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT THÁI BÌNH



HIỆU TRƯỞNG

KỶ SÚC PHẠM DINH TRỌNG

Trường Công nhân Kỹ thuật Thái Bình (CNKTTB) là một cơ sở đào tạo đa ngành nghề lớn nhất của tỉnh, được thành lập ngày 15 tháng 11 năm 1971, là một trong 14 trường nghề trọng điểm của Quốc gia.

⇒ Trường CNKTTB với phương châm đào tạo "Giỏi lý thuyết - vững chuyên môn, rèn đức, luyện tài vì ngày mai lập nghiệp". Hàng năm Trường đã đào tạo ra hàng ngàn công nhân lành nghề kỹ thuật cao cung cấp cho các xí nghiệp, khu công nghiệp tỉnh nhà và tỉnh bạn. Trường không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo bằng một đội ngũ 70 giảng viên có trình độ chuyên môn - tay nghề cao và đồng đều, cùng hàng loạt giáo viên thỉnh giảng giàu kinh nghiệm.

Trong năm qua bằng những đóng góp, cống hiến trong đào tạo nghề, Trường CNKTTB đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các cấp, các ngành cùng xã hội tin nhiệm và đánh giá cao. Trong thời kỳ đổi mới nhà trường đã phát huy truyền thống, quyết tâm đổi mới từng bước và an diện các mặt hoạt động, đặc biệt chú trọng tới nhiệm vụ chính trị là nâng cao chất lượng dạy và học.

Đến nay vai trò và vị thế của Trường CNKTTB được giữ vững và ngày càng phát triển tốt đẹp. Thể hiện ở chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu, đào tạo gắn với sản xuất, học đi đôi với hành, học làm ra sản phẩm cho xã hội.

⇒ Trường được đánh giá là một trong 14 trường trọng điểm quốc gia và là trường đào tạo nghề lớn nhất tỉnh Thái Bình.

⇒ Trường dạy nghề mũi nhọn của Tỉnh, đào tạo 5 ngành và 34 chuyên ngành, chất lượng và hiệu quả của trường ngày càng được nâng cao. 100% học sinh ra trường vừa qua thi tốt nghiệp đạt yêu cầu, 55% học sinh được tuyển dụng vào các cơ quan, doanh nghiệp.

⇒ Trường là một trong 5.018 học sinh, sinh viên.

Cơ sở 1 (Khu A): xã Tân Bình - H. Vũ Thư - I. Thái Bình
ĐT: 036.842.790 - 036.616.133 Fax: 036.826.723
Cơ sở 2 (Khu B): P. Quang Trung - TP. Thái Bình - I. Thái Bình

⇒ Quy mô đào tạo ngày càng lớn, gấp 3 lần so với năm 2002 và gấp 10 lần so với các năm trước đây.

⇒ Khả năng, hiệu quả nghiên cứu, trình độ giảng dạy, trình độ công tác của cán bộ, giáo viên, CNV nhà trường ngày càng được nâng cao.

⇒ Khả năng chủ động hội nhập trong tỉnh, trong nước và Quốc tế ngày càng cao. Từ đầu năm đến nay nhà trường đã giới thiệu đi làm việc ở trong nước 459 học sinh, đi Hàn Quốc 10 học sinh, Ma-lai-si-a 50 học sinh.

NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO GỒM

- * Ngành Cơ khí: Nghề tiện, nghề phay, nghề bào, nghề mài, nghề hàn, nghề nguội, nghề dập...
- * Ngành Điện: Điện công nghiệp, điện dân dụng, điện thủy nông, điện lạnh, điện tử dân dụng, điện nước.
- * Ngành Động lực: Bảo dưỡng sửa chữa ô tô, xe máy, máy kéo, máy nông nghiệp, máy xúc...
- * Ngành May: May công nghiệp, may dân dụng...
- * Ngành Xây dựng

MỤC TIÊU TỪ NĂM 2004 ĐẾN 2010

- * Ổn định quy mô 6.000 - 8.000 học sinh.
- * Hiện đại hóa trong công tác dạy và học (khu mới).
- * Nâng trường lên thành cao đẳng nghề.
- * Đội ngũ cán bộ giỏi, có trình độ cao, năng động sáng tạo, có hoài bão và tâm huyết.
- * Tạo mọi điều kiện khai thác nhiều nguồn tài chính để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật để đào tạo công nhân nghề chất lượng cao.
- * Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác trong đào tạo. Nâng cao đời sống cán bộ giáo viên một cách bền vững.



Hợp tác liên kết đào tạo với nước ngoài



Học sinh Khoa Động lực



Học sinh Khoa Cơ khí

*Chào Mừng Năm Mới
Xuân Ất Dậu*



Địa chỉ Thị ủy: Số 3A Trần Phú, thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum • Điện thoại: 060 862 433

Thị xã Kon Tum nằm ở cực Bắc Tây Nguyên, là tỉnh lỵ của tỉnh Kon Tum. Diện tích tự nhiên 42.636 héc-ta, với dân số 129.046 nghìn người, trong đó có 40.468 người đồng bằng dân tộc thiểu số (tỷ lệ 31,36%), chủ yếu là Bahnha, Gia rai. Thị xã nằm trên ngã ba quốc lộ 14 và 24, gần ngã ba Đồng Dương có đường Hồ Chí Minh sẽ đi qua thị xã, giúp cho thị xã phát huy các tiềm năng, thế mạnh của mình cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, đặc biệt là du lịch sinh thái, lịch sử, văn hóa trong và ngoài nước.

1. VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI:

- ✓ Gần 20 năm đổi mới, nhất là hơn 10 năm chia tách tỉnh, thị xã Kon Tum duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân từ 14-16%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Năm 2004 tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 42,46%; Thương mại - dịch vụ chiếm 40,22%; Nông - lâm - thủy sản chiếm 17,32% trong GDP. Thu nhập bình quân đầu người 6,8 triệu đồng/người/năm. Thị xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học năm 1997 và hiện nay đã có 10/20 xã, phường hoàn thành phổ cập trung học cơ sở.
- ✓ Công tác xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh, xuất hiện nhiều mô hình mới về xã hội hóa trong công tác xóa đói giảm nghèo. Hiện nay thị xã không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm mạnh từ 29,8% năm 1995 xuống còn 5,5% năm 2004 (Năm 2004 toàn thị xã đã giảm 501 hộ

nghèo, 2.530 khẩu, trong đó người đồng bào DTTS giảm 214 hộ với 1.087 khẩu).

- ✓ Những năm qua đảng bộ thị xã triển khai nhiều chủ trương lớn, đã trở thành phong trào thi đua sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân như: Chủ trương dân dân - tách hộ - lập vườn; di dời gia súc ra khỏi gắm sàn nhà trong các làng đồng bào DTTS; phong trào hộ khá, giàu giúp đỡ hộ nghèo DTTS phát triển kinh tế; cuộc vận động xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết trên địa bàn... Đến nay toàn thị xã đã vận động được 93,23% hộ đồng bào DTTS thực hiện dân dân - tách hộ - lập vườn; 94,5% hộ DTTS chăn nuôi có chuồng trại nhốt gia súc và xây dựng 339 ngôi nhà đại đoàn kết cho các hộ nghèo với tổng trị giá 2.556,114 triệu đồng.
- ✓ Phát huy nội lực trong nhân dân xây dựng cơ sở hạ tầng, trong 4 năm (2000-2004) toàn thị xã đã huy động nhân dân đóng góp trên 22 tỉ đồng và hàng ngàn ngày công lao động để đổ bê tông, làm vỉa hè đường hẻm ở thị; cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn, xây dựng cổng chào làng văn hóa; tu sửa và làm mới 48/61 nhà rồng văn hóa làng đồng bào DTTS.

2. VỀ AN NINH QUỐC PHÒNG - XÂY DỰNG ĐẢNG:

- ✓ BTV Thị ủy đã ban hành 16 công điện khẩn và nhiều văn bản quan trọng khác chỉ đạo giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn.
- ✓ Tổ chức hàng trăm lượt phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc TTATXH trên địa bàn thị xã.
- ✓ Đảng bộ thị xã hiện có 61 TCCSD trực



Đổng chí Ngô Bình - Bí thư Thị ủy



Nhà rồng văn hóa

thuộc với 2.102 đảng viên, trong đó có 171 đảng viên là người đồng bào DTTS.

- ✓ Trong những năm qua BCH Đảng bộ thị xã đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng đảng, củng cố hệ thống chính trị từ thị xã đến cơ sở, thường xuyên làm tốt công tác tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết TW6 (lần 2). Hàng năm có 70% TCCSD trong sạch vững mạnh, 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và Đảng bộ thị xã luôn giữ vững TSVM.
- ✓ Năm 1998, cán bộ và nhân dân thị xã được Chủ tịch nước phong tặng Danh hiệu Anh hùng LLVTND

THỊ XÃ KON TUM ĐANG TỪNG NGÀY "THAY DA ĐỔI THỊT", VỮNG BƯỚC ĐI LÊN TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI. BCH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ LẦN THỨ 17 HỌP NGÀY 15-12-2004 ĐÃ THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG NĂM 2005 VỚI MỤC TIÊU DUY TRÌ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 16%; ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP THCS; GIẢM HỘ NGHÈO XUỐNG DƯỚI 3%, CƠ BẢN "XÓA" HẾT NHÀ TẠM VÀ "XÓA" THÔN, LÀNG TRẮNG ĐẢNG VIÊN; THỊ XÃ ĐẠT ĐỘ THỊ LOẠI III.



Một lần đi qua
ấn tượng theo mãi...

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

E-mail: vnsaatsn@hcm.vnn.vn. Số điện thoại: 08.8485383. Số fax: 08.8445127



CỤC CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN NAM
SOUTHERN AIRPORTS AUTHORITY

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*Mừng Đảng
Mừng Xuân
Mừng Đất nước*

75
năm

UNIV. OF MICH.

MAR 03 2005

CURRENT SERIALS

3

2-2005



Chúc mừng năm mới
2005

FICO

SẢN XUẤT & KINH DOANH
VẬT LIỆU XÂY DỰNG

XÂY LẬP CÔNG TRÌNH
DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP

KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN
& CƠ SỞ HẠ TẦNG

TƯ VẤN & ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG

ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG CHO NGÀNH
XÂY DỰNG & VẬT LIỆU XÂY DỰNG



VITALY

FICO.PA

HOME

CBMS

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - FICO / FICO - BUILDING MATERIALS CORPORATION No.1

Trụ sở: Lầu 4, số 9 - 19 Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP. HCM / 4th Floor, 9 - 19 Ho Tung Mau St., Dist.1, HCMC, Viet Nam
Tel: (84.8) 8230809 - 8212960 - 8216206 - Fax: (84.8) 8213233 - Email: tctvld1@hcm.vnn.vn - Website: www.fico.com.vn

CHI NHÁNH FICO - HÀ NỘI / FICO - HA NOI BRANCH

20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội / 20 Ngo Quyen St., Hoan Kiem Dist., Ha Noi Capital, Vietnam
Tel: (84.4) 9363312 - Fax: (84.4) 9363312 - Email: fico-cnhn@viettel.com.vn - Website: www.fico.com.vn

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VLXD FICO / FICO BUILDING MATERIALS TRADE CENTER

453 Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình, TP. HCM / 453 Ly Thuong Kiet St., Ward 8, Tan Binh Dist., HCMC, Viet Nam
Tel: (84.8) 9713827 - 9713564 - Fax: (84.8) 9713865 - Email: fico-sg@hcm.vnn.vn - Website: www.fico.com.vn



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 726

3

2-2005

● **BỘ BIÊN TẬP :**

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email : bbtccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● **Tổng Biên tập :**
LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Tự hào về Đảng quang vinh

Trình bày: **Mai Linh**

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

Thông báo Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX 3

NHÂN KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3-2-1930 - 3-2-2005)

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về xây dựng, chỉnh đốn Đảng 5
XÃ LUẬN - Phát huy truyền thống vẻ vang tiếp tục xứng đáng là 6
người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân
NÔNG ĐỨC MẠNH - Năm Ất Dậu 2005 - năm của quyết tâm cao 10
và triển vọng sáng sủa
NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Đổi mới tư duy lý luận vì sự nghiệp 15
xây dựng chủ nghĩa xã hội
HÀ ĐĂNG - Những điều thần kỳ giữa hai Ất Dậu 26

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN DY NIÊN - Nhìn lại thế giới và hoạt động đối ngoại 32
của Việt Nam năm 2004
NGUYỄN SINH HÙNG - Quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước 36
trong tiến trình cải cách tài chính công

ĐẤT NƯỚC - MÙA XUÂN

LÊ NAM GIỚI - Thành phố trẻ Cần Thơ một năm nhìn lại 41
NGỌC HỒ - Xuân về trên đất Lai Châu 45
TẤN VŨ - HẢI QUỲNH - "Nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt" 50
TRẦN QUANG HẢI - Đảo ngục ngày xưa, bây giờ... đảo ngọc 55

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

HỒ TRỌNG HOÀI - Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực nhân quyền 59
hiện nay
PHAN TRỌNG THƯỜNG - Đổi mới, phát triển lý luận văn học và 64
mỹ học phù hợp với thực tiễn lịch sử và thực tiễn nghệ thuật mới

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

DƯƠNG VĂN ĐIỀU - Tự phê bình và phê bình phải nhìn thẳng 69
vào sự thật và nói thật

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Nhìn lại tình hình an ninh chính trị 71
thế giới năm 2004
NGUYỄN VIỆT THẢO - Cu-ba: màu xanh của sức sống và 76
hy vọng

СОДЕРЖАНИЕ

Сообщение о 11-ом Пленуме Центрального комитета КПВ 9-го созыва. • **Передовая:** Развивая славные традиции Партии, быть достойной руководителя, верного слуги народа. • **НОНГ ДЫК МАНЬ:** 2005 год «Ат Зау» - год высокой решимости и светлой перспективы. • **НГУЕН ФУ ЧОНГ:** Обновление теоретического мышления ради дела социалистического строительства. • **ХА ДАНГ:** Чуда между двумя годами «Ат Зау». • **НГУЕН ЗИ НИЕН:** Мировая обстановка и внешнеполитическая деятельность Вьетнама в 2004 г. • **НГУЕН ШИНЬ ХУНГ:** Управление госбюджетом и его исполнение в процессе реформы системы публичных финансов. • **ЛЕ НАМ ЖОЙ:** Обзор о молодом городе Канто за год. • **НГОК ХО:** Весна приходит на земле провинции Ляйтяу. • **ТАН ВУ – ХАЙ КУИНЬ:** «Где Красная река втекает во вьетнамскую землю». • **ЧАН КУАНГ ХАЙ:** Когда-то тюремный остров, а теперь... жемчужный остров. • **ХО ЧОНГ ХОАЙ:** Борьба в области прав человек на данном этапе. • **ФАН ЧОНГ ТХЫОНГ:** Обновление, развитие теорий литературы и эстетики в соответствии с новой исторической практикой и новой практикой искусства. • **НГУЕН ХОАНГ ЖАП:** Международная политическая безопасность в 2004 г. • **НГУЕН ВЬЕТ ТХАО:** Куба: голубой цвет жизненной силы и надежды.

CONTENTS

Announcement of the 11th Plenum of CPV Central Committee (IX tenure) • **Editorial:** Promoting the Party's glorious traditions, further deserving to be a very loyal leader, a servant of the People • **NÔNG ĐỨC MẠNH:** The Ất Dậu year 2005 - the year of elevated determination and bright prospects • **NGUYỄN PHÚ TRỌNG:** Renovating theoretical thinking for building socialist **cause** • **HÀ ĐĂNG:** The wonders between two Ất Dậu years (1945- 2005). • **NGUYỄN DUY NIÊN:** A retrospective look at the World and Vietnam's foreign activities in 2004 • **NGUYỄN SINH HÙNG:** Managing and using state budget in the process of public financial reforms • **LÊ NAM GIỚI:** The young city Cần Thơ - a retrospective look at it after one year • **NGỌC HỒ:** Spring's coming in the Lai Châu land • **TẤN VŨ - HẢI QUỲNH:** "Where the Red River flows into the Việt land" • **TRẦN QUANG HẢI:** The former prison island now has become a pearl island • **HỒ TRỌNG HOÀI:** The struggle in the field of human rights at the present • **PHAN TRỌNG THƯỜNG:** Renovating, developing literary and aesthetical theory in accordance with new historical and arts practices • **NGUYỄN HOÀNG GIÁP:** Review the World's security and politics situation in 2004 • **NGUYỄN VIỆT THẢO:** Cuba - the green colour of vitality and hopes.

SOMMAIRE

Communiqué du 11^e Plénum du Comité central du Parti (issu du IX^e Congrès) • **Editorial :** En mettant en valeur les traditions glorieuses du Parti, continuons de mériter d'être les dirigeants et servants fidèles du peuple. • **NÔNG ĐỨC MẠNH:** L'année Ất Dậu 2005 – année d'une haute détermination et d'une perspective prometteuse. • **NGUYỄN PHÚ TRỌNG:** Renouveler la pensée théorique pour l'œuvre d'édification du socialisme. • **HÀ ĐĂNG:** Miracles entre deux années Ất Dậu (1945 et 2005). • **NGUYỄN DUY NIÊN:** Revue de la situation mondiale et des activités diplomatiques du Vietnam en 2004. • **NGUYỄN SINH HÙNG:** Gestion et exécution du budget étatique dans le processus de réforme financière publique. • **LÊ NAM GIỚI:** La jeune ville de Cần Thơ après une année. • **NGỌC HỒ:** L'arrivée du printemps sur la terre de Lai Châu. • **TẤN VŨ – HẢI QUỲNH:** « Là où le fleuve Rouge rejoint le territoire vietnamien ». • **TRẦN QUANG HẢI:** Autrefois île-prison, aujourd'hui île-perle. • **HỒ TRỌNG HOÀI:** Lutte dans le domaine des droits de l'homme à l'heure actuelle. • **PHAN TRỌNG THƯỜNG:** Renouveler et développer les théories de littérature et d'esthétique conformément à la nouvelle pratique de l'histoire et des arts. • **NGUYỄN HOÀNG GIÁP:** Regard rétrospectif sur la sécurité et la situation politique dans le monde en 2004. • **NGUYỄN VIỆT THẢO:** Cuba – la couleur verte de la vitalité et de l'espoir.

SUMARIO

Comunicado de XI Pleno del CC del PCV (IX Congreso). • **Editorial:** Desplegar la gloriosa tradición del Partido, continuar siendo merecido el dirigente y servidor fiel del pueblo. • **NÔNG ĐỨC MẠNH:** El año Ất Dậu de 2005 – el de elevada decisión y de espléndida perspectiva. • **NGUYỄN PHÚ TRỌNG:** Renovar el pensamiento teórico por la construcción socialista. • **HÀ ĐĂNG:** Los milagros entre dos años de Ất Dậu. • **NGUYỄN DUY NIÊN:** Un vistazo retrospectivo del mundo y de las actividades exteriores de Việt Nam en 2004. • **NGUYỄN SINH HÙNG:** La gestión y el uso del presupuesto estatal en el proceso de renovación de finanza pública. • **LÊ NAM GIỚI:** La joven ciudad de Cần Thơ, un año de mirada retrospectiva. • **NGỌC HỒ:** La primavera en llegada a la tierra de Lai Châu. • **TẤN VŨ-HẢI QUỲNH:** "Donde el río Rojo entra en la tierra de Việt Nam". • **TRẦN QUANG HẢI:** La antigua isla-cárcel, ahora...una isla de perla. • **HỒ TRỌNG HOÀI:** La actual lucha en el terreno de derecho del hombre. • **PHAN TRỌNG THƯỜNG:** Renovar, desarrollar la teoría literaria y estética conforme a la realidad histórica y la realidad del nuevo arte. • **NGUYỄN HOÀNG GIÁP:** En vistazo retrospectivo de la situación de seguridad política mundial en 2004. • **NGUYỄN VIỆT THẢO:** Cuba: verdor de vida y esperanza.

目录

越共九届十一次全体会议通告 • 社论：发挥党的光荣传统，继续无愧于是人民的领导和忠诚的奴仆 • 农德孟：2005年乙酉——高度决心和展望辉煌的一年 • 阮富仲：为建设社会主义事业而更新理论思维 • 何登：两个乙酉年之间的神奇 • 阮怡年：回顾2004年世界形势和越南的对外活动 • 阮生雄：公共财政革新进程中国家预算管理使用 • 黎南界：回顾一年来的年轻城市——宜芹 • 玉胡：春到莱州省 • 晋武、海琼：“红河流入越南之处” • 陈光海：昔日监狱岛，今日之玉岛 • 胡仲怀：目前关于人权方面的斗争 • 潘仲赏：更新发展文学和美学理论，使之符合于历史实践和新的艺术实践 • 阮黄甲：回顾2004年的世界政治安全形势 • 阮白草：古巴——活力和希望的绿色。

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG KHÓA IX

Từ ngày 17 đến ngày 25-01-2005, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11, khóa IX đã được tổ chức tại Hà Nội. Hội nghị lần này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm chuẩn bị các văn kiện cho Đại hội X của Đảng. Hội nghị đã nghe và thảo luận về nội dung Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới và các Đề cương chi tiết Báo cáo Chính trị, Báo cáo bổ sung một số nội dung trong Cương lĩnh Chính trị năm 1991, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Báo cáo xây dựng Đảng và Báo cáo bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và một số vấn đề quan trọng khác. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh có bài phát biểu quan trọng trong phiên khai mạc và bế mạc.

Sau khi nghe các bản trình bày của Bộ Chính trị, với 261 ý kiến phát biểu tại các tổ và tại Hội trường, các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thảo luận và tranh luận dân chủ, sôi nổi, thẳng thắn, tập trung vào những vấn đề chủ yếu, quan trọng nêu trong các tờ trình của Bộ Chính trị, đánh giá một cách khách quan, trung thực với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc, chỉ ra những mặt mạnh, mặt yếu của Đảng qua 20 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới và gần 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Các ý kiến phát biểu đều bày tỏ sự tán thành về cơ bản với các vấn đề nêu ra trong các dự thảo Đề cương và các vấn đề Bộ Chính trị nêu lên, đồng thời bổ sung, phân tích, làm sáng rõ nhiều vấn đề quan trọng. Nhiều ý kiến cho rằng, nội dung các báo cáo được chuẩn bị công phu, có chất lượng cao, trình bày rõ ràng, bố cục hợp lý, nhất là đã nêu lên nhiều điểm mới về lý luận và thực tiễn. Hội nghị cho rằng, những điểm mới đó nếu được bổ sung hoàn chỉnh và diễn đạt chính xác hơn, được Hội nghị Trung ương nhất trí và Đại hội X thông qua thì sẽ tạo ra bước đột phá mới đối với sự phát triển của đất nước ta.

Về Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới và các đề cương chi tiết của các báo cáo dự kiến trình tại Đại hội X, Hội nghị thống nhất cao với nhận định về những thành tựu, hạn chế trên các lĩnh vực chủ yếu cùng với những bài học rút ra qua 20 năm đổi mới cũng như những kết quả và thiếu sót, yếu kém qua gần 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Đây là cơ sở cho việc chỉ đạo biên tập các bản dự thảo văn kiện Đại hội để trình Hội nghị Trung ương 12 sắp tới xem xét. Nhìn lại gần 20 năm đổi mới, Hội nghị nhất trí rằng, thành tựu đạt được trong 20 năm qua là to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử. Đến nay, Đảng ta đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị cũng nhận định rằng, tuy mới được 4 năm, nhưng những gì đã đạt được, nhất là trong năm 2004 vừa qua đã thể hiện sự nỗ lực phấn đấu cao của các tầng lớp nhân dân ta, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặc dù tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, song toàn Đảng, toàn dân ta đã tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhờ vậy, đất nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và trên các lĩnh vực khác. Tuy vậy, nhìn chung phát triển kinh tế - xã hội trong gần 4 năm qua nhiều mặt vẫn còn chậm và chưa vững chắc, hiệu quả, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế chưa theo kịp yêu cầu; văn hóa - xã hội phát triển chưa ngang tầm và còn nhiều vấn đề bức xúc.

Hội nghị đã dành nhiều thời gian thảo luận và cho ý kiến về tình hình Đảng và công tác xây dựng Đảng, nhất là tình hình tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; tình hình công tác tổ chức, cán bộ của Đảng, nhất là tình hình tổ chức cơ sở đảng; vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng; xem xét nguyên nhân của tình hình cũng như rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng; trên cơ sở đó xác định phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong những năm tới nhằm nâng cao, xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới.

Ban Chấp hành Trung ương khẳng định quyết tâm to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong 5 năm tới là:

Ra sức nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh đổi mới toàn diện và đồng bộ, phấn đấu đạt bằng được mục tiêu đến năm 2010 đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên tinh thần ấy, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 11 đã giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương để biên tập các dự thảo văn kiện Đại hội trình Hội nghị Trung ương lần thứ 12 sắp tới.

Hội nghị cũng đã thảo luận và thông qua một số vấn đề quan trọng khác.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11 nhấn mạnh, thời gian từ nay đến Đại hội X của Đảng chỉ còn hơn một năm. Năm 2005 là năm cuối cùng thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005, cũng là năm Đảng ta tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến đến Đại hội X của Đảng, đồng thời là năm có nhiều ngày kỷ niệm trọng đại. Hội nghị kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hướng về kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh (03-02-1930 - 03-02-2005), hãy phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, vẻ vang của dân tộc ta, của Đảng ta, biến chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thành sức mạnh tinh thần và vật chất to lớn, thúc đẩy mạnh mẽ các phong trào thi đua lao động sáng tạo nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2005, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị mọi điều kiện thuận lợi cho các bước phát triển tiếp theo, góp phần tích cực vào thành công Đại hội X của Đảng. □



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
NGƯỜI SÁNG LẬP, RÈN LUYỆN VÀ GIÁO DỤC ĐẢNG TA

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

“Đảng ta vĩ đại, vì ngoài lợi ích của giai cấp, của nhân dân, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích gì khác.”

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 4

“Sức mạnh vô địch của Đảng là ở *tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức* nghiêm chỉnh của các cán bộ và đảng viên.”

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 311

“Mỗi đảng viên, mỗi chi bộ, mỗi cấp ủy đảng phải luôn luôn tăng cường công tác tư tưởng của Đảng, nâng cao đạo đức cách mạng, bảo đảm chặt chẽ kỷ luật và tổ chức của Đảng.”

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 11, tr 301

“Biết bao đảng viên cộng sản là anh hùng, chiến sĩ trên mặt trận sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và trong các ngành hoạt động khác. Họ không đòi danh, đòi lợi. Họ một lòng một dạ phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Họ là những đảng viên bình thường nhưng phẩm chất cách mạng của họ thật là cao quý. Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng ấy của giai cấp và của dân tộc.”

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 11, tr 373

“... việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi.”

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 503



PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VẄ VANG TIẾP TỤC XỨNG ĐÁNG LÀ NGƯỜI LÃNH ĐẠO, NGƯỜI ĐẪY TỎ THẬT TRUNG THÀNH CỦA NHÂN DÂN

N GÀY 3-2-1930, tức ngày 5 – tháng Giêng – năm Canh Ngọ, vào Mùa Xuân cách đây 75 năm, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đảng với Mùa Xuân hồn hậu như một lẽ tự nhiên, một cuộc hội ngộ "đẹp như cùng hẹn trước".

Sự kiện lịch sử trọng đại đó là kết quả tất yếu của cuộc gặp gỡ giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam được hun đúc và sục sôi suốt mấy chục năm đầy gan góc, đầy hy sinh oanh liệt của nhiều thế hệ người Việt Nam yêu nước, thương nòi. Mốc son lịch sử chói lọi đó là sự kết tinh đòi hỏi của lịch sử, của thời đại; là sự đáp lại khát vọng chân chính của nhân dân lao động Việt Nam, của Tổ quốc Việt Nam, không gì cưỡng được và cản nổi. Sự kiện lịch sử trọng đại đó, mốc son lịch sử chói lọi đó gắn liền với sự nỗ lực không mệt mỏi và sự chỉ đạo sáng suốt của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Vừa ra đời, Đảng đã trở thành người lãnh đạo, người tổ chức của cách mạng Việt Nam. Và, suốt 75 năm qua, dưới ngọn cờ của Đảng, đất nước ta, dân tộc ta và nhân dân ta vượt lên muôn vàn thử thách, giành hết thắng lợi này tới thắng lợi khác, lập nên biết bao kỳ tích vẻ vang.

Mười lăm tuổi, Đảng lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 kết liễu hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp và ách áp bức hàng nghìn năm của chế độ phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ lên địa vị người làm chủ nước nhà; mở ra kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc – kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Cuộc cách mạng đó trực tiếp cổ vũ phong trào chống đế quốc và phong kiến của hai nước láng giềng trên bán đảo Đông Dương là Lào và Cam-pu-chia; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, nhất là các nước trong khu vực Đông – Nam Á và những nước thuộc địa của thực dân Pháp ở các châu lục khác. "Đó là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam, mà cũng là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác – Lê-nin ở một nước thuộc địa"⁽¹⁾. Đó là một bước đi ngắn của cách mạng nhưng là

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 11

bước tiến dài, có ý nghĩa mệnh hệ của đất nước ở giữa thế kỷ XX, phù hợp với xu thế vận động của thời đại ngày nay.

Đảng lãnh đạo dân tộc tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp, với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", đánh sập chủ nghĩa thực dân cũ, đưa miền Bắc vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam và cổ vũ các dân tộc trên thế giới vùng dậy lật nhào ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên quy mô toàn cầu. "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Một lần nữa, chủ nghĩa Mác – Lê–nin đã soi đường cho giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam kháng chiến cứu nước thành công, giữ gìn thành quả cách mạng của mình" (2).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng: vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai thực hiện thống nhất nước nhà. Hơn 20 năm, toàn dân tộc kiên cường đứng dưới ngọn cờ của Đảng, được sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình của đồng chí, bạn bè quốc tế và nhân loại tiến bộ, chúng ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Với Đại thắng Mùa Xuân năm 1975, "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", dân tộc ta hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa thực dân mới sụp đổ thảm hại. Việt Nam được vinh dự đứng trong hàng ngũ tiên phong chống đế quốc, là biểu tượng của lòng dũng cảm, là lương tri, là phẩm giá loài người trong thế kỷ XX.

Thắng lợi đó là sự thể hiện bản lĩnh, trí tuệ của Đảng ta, sự đoàn kết, ý chí quyết tâm và lòng nhân hậu của dân tộc Việt Nam.

Những thành tựu của gần 20 năm đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo kể từ Đại hội VI của Đảng (12-1986) đến nay đã đưa đất nước ta vượt qua muôn vàn thách thức hiểm nghèo, chủ động phá thế bao vây cấm vận của kẻ thù, tranh thủ mọi thời cơ, nhân lên những thuận lợi, ra sức phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo tiền đề vững chắc, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Bảy mươi lăm năm qua, sự kiên định, thống nhất lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, sự phấn đấu và hy sinh không sờn lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm thực hiện lý tưởng cao cả, trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê–nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã xây nên một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần gìn giữ hòa bình thế giới, vì sự phát triển và tiến bộ xã hội của loài người trong thế kỷ XX. Thực tiễn cách mạng phong phú hào hùng đó đã để lại nhiều bài học vô giá, đặc biệt là những bài học xây dựng Đảng ngang tầm trọng trách mà lịch sử dân tộc giao phó, trong cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhân

(2) Hồ Chí Minh: *Sổđ*, t 10, tr 12

dân ta, vì sự trường tồn, phát triển và tiến bộ của đất nước, để chúng ta càng thêm tự hào về Đảng, về dân tộc và đất nước anh hùng.

*

* *

Bước vào năm thứ 5 của thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang nỗ lực chuẩn bị tiến tới **Đại hội lần thứ X** của Đảng – Đại hội tổng kết 20 năm đổi mới đất nước, Đại hội mang ý nghĩa quyết định sự thành bại của tiến trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đưa nước ta đến năm 2020 về cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trong một thế giới biến động đến khôn lường, với nhiều thách thức to lớn hơn bao giờ hết, truyền thống 75 năm oanh liệt của Đảng phải được không ngừng nâng niu, bảo vệ và phát huy cao độ, nhằm tranh thủ thời cơ, vượt qua nguy cơ, nhân lên thành sức mạnh to lớn và mạnh mẽ trên hành trình đi tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Đó là trọng trách mà lịch sử giao phó cho Đảng ta, cho toàn thể dân tộc ta với hơn 82 triệu đồng bào Việt Nam dù ở trong nước hay sinh sống ở nước ngoài, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc... đang nguyện một lòng đứng dưới ngọn cờ của Đảng.

Kiên định chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nguồn gốc và bài học chiến thắng của Đảng ta, của dân tộc và đất nước chúng ta. **Đó cũng là lẽ sống còn, là quyết tâm chính trị không gì lay chuyển của Đảng ta; là nhân tố căn bản của nền văn hóa phát triển bền vững và nhân văn của dân tộc, đất nước ta, trong thời đại ngày nay.**

Để đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, như Nghị quyết của Đảng đã chỉ rõ chúng ta phải không ngừng thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước hết phải lấy phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy tốt nội lực, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển lực lượng sản xuất xã hội không chỉ về quy mô, tốc độ mà cả chiều sâu của nó. Đồng thời, phải chủ động xây dựng một quan hệ sản xuất phù hợp với nó, trọng tâm là thể chế quản lý, cơ chế vận hành nền kinh tế phù hợp, đủ mạnh và có hiệu quả, bảo đảm đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Phải chủ động và tích cực thực hiện có hiệu quả hơn nữa tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, để tăng cường sức mạnh và động lực phát triển.

Trong bối cảnh mới của thế kỷ XXI, nhằm bảo đảm sự ổn định, phát triển và tiến bộ của đất nước, chúng ta phải xây dựng và phát triển **một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**, như Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII đề ra và Kết luận của Hội nghị Trung ương 10, khóa IX đã nhấn mạnh. Đây là một nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa cấp bách.

Thể chế xã hội chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động nước ta làm chủ. Theo đó, phải tiếp tục **xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân**. Trước mắt, chúng ta tiếp tục cải cách toàn diện nền hành chính quốc gia; xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức thực sự là "công bộc" của nhân dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong mỏi; hoàn thiện nền pháp chế xã hội chủ nghĩa; không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt cả kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng và đạo đức của nhân

dân. Để thực hiện thành công nhiệm vụ đó, chúng ta phải dựa vào nhân dân. Bởi lẽ, có nhân dân là chúng ta có tất cả.

Trước bối cảnh mới, trước yêu cầu phát triển mới của cách mạng, Đảng phải **tiếp tục thực hiện mạnh mẽ, sâu sắc và hiệu quả hơn nữa nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng**, bảo đảm cho Đảng ta thực sự vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức với một đội ngũ đảng viên có phẩm chất, đạo đức tốt, liên hệ và gắn bó mật thiết với nhân dân; đồng thời phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Phải không ngừng kiên định, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng của Đảng nhằm bảo đảm sự thành công của công cuộc đổi mới.

Phải tiếp tục xây dựng, tăng cường **bầu không khí dân chủ và đoàn kết thống nhất trong Đảng**. Từ các cấp ủy tới mỗi đảng viên phải xem việc giữ gìn và phát huy dân chủ, tăng cường khối đoàn kết thống nhất của Đảng là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý, là lương tâm và đạo lý sống, là một trong những thước đo căn bản phẩm chất chính trị, đạo đức của mỗi tổ chức đảng và đảng viên.

Tiếp tục xây dựng một **đội ngũ cán bộ, đảng viên ngang tầm nhiệm vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**. Đó là một trong những vấn đề quyết định sự thành bại vị trí và vai trò cầm quyền của Đảng. Đó là trọng trách của Đảng ta trong thế kỷ XXI. Muốn làm tốt nhiệm vụ đó đòi hỏi các tổ chức đảng phải quan tâm thường xuyên, toàn diện tới việc lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo, quy hoạch, sử dụng cán bộ. Bảo đảm đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành vừa có đủ năng lực, phẩm chất, sự tin nhiệm của quần chúng và có sự kế tiếp liên tục giữa các thế hệ cán bộ của Đảng. Đồng thời phải kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn và loại bỏ những tiêu cực trong Đảng, nhất là tệ tham nhũng, quan liêu..., sự suy thoái tư tưởng chính trị và phẩm chất đạo đức trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Phải không ngừng đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác của Đảng. Nghĩa là phải xác định rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng và mối quan hệ giữa Đảng với các tổ chức của hệ thống chính trị các cấp. Phải tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành vô điều kiện kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Phải lắng nghe, thấu hiểu và giải quyết tường tận, cụ thể những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; ngăn chặn và trừng trị những gì làm tổn hại tới Đảng và nhân dân... Đồng thời phải thường xuyên quan tâm đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra của Đảng vì kiểm tra là nội dung quan trọng trong hoạt động của Đảng, là một nhiệm vụ trọng yếu của công tác xây dựng Đảng.

Chúng ta đang bước vào năm thứ năm của thiên niên kỷ thứ III và chuẩn bị tiến tới Đại hội X của Đảng. Dân tộc ta đang mừng đón Tết Nguyên đán Ất Dậu cổ truyền và thiêng liêng. Một tương lai tươi sáng tiếp tục mở ra! Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhất định thành công! Đảng Cộng sản Việt Nam – đưa con nòi, người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân lao động nước nhà – là Mùa Xuân bất diệt! □

NĂM ẤT DẬU 2005 - NĂM CỦA QUYẾT TÂM CAO VÀ TRIỂN VỌNG SÁNG SỬA*

NÔNG ĐỨC MẠNH

**Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam**

Lời Bộ Biên tập: Như mấy năm trước đây, vào dịp đầu Xuân Ất Dậu 2005 này, đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh lại dành thời gian trò chuyện thân mật với Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản về tình hình đất nước, đặc biệt là về các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội và xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tạp chí Cộng sản trân trọng giới thiệu nội dung buổi trò chuyện thân mật đầu Xuân này.

Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản: Thưa đồng chí Tổng Bí thư, năm Ất Dậu 2005 này là năm của những ngày kỷ niệm lớn, năm cuối của kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 2001 – 2005, cũng là năm cuối của 5 năm thực hiện những nhiệm vụ do Đại hội IX của Đảng đề ra. Xin đồng chí cho biết những nhiệm vụ lớn của năm này và triển vọng của việc thực hiện những nhiệm vụ đó ?

Đồng chí Tổng Bí thư: Đến cuối năm 2004, chúng ta đã đi được bốn phần năm đoạn đường 2001 - 2005. Trong bốn năm qua, thành tựu đạt được trên tất cả các lĩnh vực là rất quan trọng, mặc dù trong mỗi lĩnh vực đều còn có những mặt yếu kém và khuyết điểm. Song nói đạt được thành tựu quan trọng không có nghĩa là nói trong bốn

* Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

phần năm thời gian đã trải qua, chúng ta đã thực hiện trọn vẹn bốn phần năm nhiệm vụ của thời kỳ 5 năm. Không phải như vậy. Có những mặt chúng ta đã vươn tới mục tiêu của 5 năm. Có những mặt còn cách xa mục tiêu đó.

Chính vì vậy, năm 2005 có nhiệm vụ rất to lớn là vừa phải phát huy cao nhất những thành tựu đạt được trong bốn năm qua, vừa phải nỗ lực vượt bậc để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại nhằm kết thúc thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005, đồng thời hoàn thành toàn diện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chuẩn bị những điều kiện vật chất và tinh thần tốt nhất cho đất nước phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Tinh thần cơ bản của năm 2005 và cả những năm về sau là dựa chắc vào ba trụ cột của chiến lược phát triển đất nước, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt với không ngừng phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

Kinh tế phải phấn đấu cho sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, động viên tối đa các nguồn lực, đạt bằng được mục tiêu tăng trưởng GDP 8,5%, đồng thời coi trọng chất lượng tăng trưởng, hiệu quả đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện đồng bộ hơn các yếu tố của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Văn hóa, xã hội, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ phải đổi mới mạnh mẽ hơn nữa và giải quyết tốt hơn nữa các

vấn đề bức xúc về xóa đói giảm nghèo, việc làm, đời sống, học tập, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, chăm sóc những người có công và các đối tượng chính sách, sao cho xứng đáng là lĩnh vực thể hiện rõ nét bản chất và tính ưu việt của chế độ mới.

Đi đôi với đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, cần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, thúc đẩy cải cách hành chính và cải cách tư pháp, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại.

Đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhằm đạt kết quả thiết thực trong việc tăng cường rèn luyện cán bộ, đảng viên về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Ý nghĩa quan trọng của việc kỷ niệm những ngày lễ lớn là ôn lại lịch sử vẻ vang của dân tộc, của Đảng để nâng cao thêm lòng tự tôn và tự hào dân tộc, niềm tin vào con đường cách mạng và sức mạnh của nhân dân, không ngừng phát huy sức mạnh của truyền thống, của văn hóa và văn hiến, biến sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất để hoàn thành những nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Trước mặt chúng ta, như vẫn thường nói, thời cơ đan xen với thách thức. Mà thách thức, nhất là những thách thức khách quan, thì không thể lường hết được. Dầu sao chúng ta vẫn phải sẵn sàng tinh thần tranh thủ tối đa thời cơ và vượt qua bất cứ thách

thức nào. Tôi tin rằng triển vọng việc thực hiện những nhiệm vụ của năm Ất Dậu 2005 là rất sáng sủa. Song điều đó còn tùy thuộc ở quyết tâm cao và sự phấn đấu quyết liệt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản: *Thưa đồng chí Tổng Bí thư, phải chăng việc hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ của 5 năm 2001 – 2005 sẽ là một đóng góp quan trọng vào thành tựu của 20 năm đổi mới. Xin đồng chí cho biết đánh giá tổng quát về những thành tựu đó ?*

Đồng chí Tổng Bí thư : Có thể nói gọn một câu là : Công cuộc đổi mới trên đất nước ta trong 20 năm qua đã giành được những thắng lợi to lớn, toàn diện, có ý nghĩa lịch sử. Diện mạo của đất nước ta có những thay đổi lớn lao, cơ bản; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta được cải thiện đáng kể; sự đúng đắn của đường lối được khẳng định; được nhân dân đồng tình, ủng hộ và tích cực hưởng ứng, được thế giới thừa nhận, đánh giá cao.

Nói một cách cụ thể thì chúng ta phải nhìn nhận những thắng lợi ấy trên cả hai mặt thực tiễn và lý luận.

Về thực tiễn: Sau 20 năm đổi mới, mặc dù còn không ít khó khăn, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; kinh tế tăng trưởng nhanh, bước đầu xây dựng được nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo ra những cơ sở quan trọng để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nền tảng là liên minh công nhân - nông dân - trí thức do Đảng lãnh đạo ngày càng tăng cường và củng cố. Hệ thống chính trị từng bước được đổi mới. Nền quốc phòng toàn dân và an

ninh nhân dân với lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ngày càng lớn mạnh. Quan hệ đối ngoại được mở rộng. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của đất nước có bước phát triển rất quan trọng. Xã hội ổn định. Nhân dân tin tưởng ở đường lối đổi mới của Đảng. Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý.

Về lý luận: Cái được lớn nhất là nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn.

Chúng ta đã xác định được mục tiêu và bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đó là một xã hội do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, bền vững với một hệ thống quan hệ sản xuất tiên tiến, phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; có Đảng Cộng sản lãnh đạo; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Chúng ta cũng đã làm sáng tỏ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là: Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng kinh tế tri thức; phát triển con người và nguồn nhân lực; coi

phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; đổi mới hệ thống chính trị, phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng cầm quyền vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần cho xã hội; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, v.v..

Đương nhiên, khi nói đến những mặt được, chúng ta không quên những mặt còn chưa được. Thực tiễn đổi mới đang tiếp tục phát triển. Lý luận về đổi mới, xuất phát từ thực tiễn đổi mới cũng sẽ không ngừng phát triển, không ngừng được bổ sung bằng những nhận thức mới, tổng kết mới.

Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản: *Thưa đồng chí, một trong những thế mạnh của công tác lý luận của Đảng ta là luôn luôn xuất phát từ thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn và từ tổng kết mà đưa ra những kết luận có tính lý luận. Vậy trong lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta rút ra những bài học gì là quan trọng nhất ?*

Đồng chí Tổng Bí thư : Đây là một vấn đề lớn, Đảng ta còn đang tổng kết. Tuy nhiên, có 5 bài học nổi bật nhất đã được rút ra qua 20 năm đổi mới.

Một là, trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác -

Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ mãi mãi soi sáng con đường chúng ta đi.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động sáng tạo của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phải phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ và khai thác có hiệu quả ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Nội dung của từng bài học được nêu lên là rất phong phú. Nhưng chúng ta sẽ có thể đề cập tới trong một dịp khác.

Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản: *Thưa đồng chí, xin trở lại chủ đề của năm Ất Dậu 2005. Trong năm này, về xây dựng Đảng, những nhiệm vụ nào là quan trọng nhất ?*

Đồng chí Tổng Bí thư: Năm 2005, chúng ta phải đồng thời tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp và chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Đây là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, xuyên suốt từ đầu đến cuối năm. Đợt sinh hoạt chính trị này gắn rất chặt với quá trình động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phấn đấu hoàn thành tốt đẹp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

5 năm 2001 - 2005 và những nhiệm vụ do Đại hội IX của Đảng đề ra trong nhiệm kỳ.

Không một đảng bộ nào, một tổ chức nào của Đảng được lấy lý do chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp để sao nhãng hoặc làm chậm trễ việc thực hiện những nhiệm vụ cấp bách về kinh tế - xã hội và về các lĩnh vực hoạt động khác, về xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị thông qua các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cải cách bộ máy nhà nước, cải cách hành chính và cải cách tư pháp.

Đại hội đảng bộ các cấp phải được coi là một giai đoạn quan trọng của quá trình chuẩn bị Đại hội toàn quốc của Đảng. Việc chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng bao gồm nhiều nội dung: Tổng kết một số vấn đề lý luận, thực tiễn của 20 năm đổi mới, chuẩn bị các văn kiện của Đại hội Đảng mà quan trọng nhất là Báo cáo Chính trị và các báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, về xây dựng Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; chuẩn bị nhân sự để bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa mới.

Đại hội X có ý nghĩa trọng đại, sẽ là Đại hội của những quyết sách mới cho thời kỳ phát triển mới. Thành công của Đại hội được quyết định trước hết từ công tác chuẩn bị, chuẩn bị càng chu đáo, thành công càng lớn.

Công việc rất khẩn trương. Thời gian không còn nhiều. Toàn Đảng phải vào cuộc.

Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản: *Thưa đồng chí, nhân dịp đầu xuân, trước những*

nhiệm vụ lớn như trên, đồng chí có căn dặn điều gì với chúng tôi ?

Đồng chí Tổng Bí thư: Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, Tạp chí Cộng sản phải là người tuyên truyền, giáo dục đặc lực cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những vấn đề lý luận và chính trị lớn của Đảng, của đất nước. Ngôn ngữ của Tạp chí là ngôn ngữ lý luận, nhưng là lý luận gắn liền với thực tiễn và xuất phát từ thực tiễn, ngôn ngữ không chỉ dành riêng cho các nhà lý luận mà là cho đông đảo cán bộ và nhân dân. Chính trị của Tạp chí cần hết sức sắc bén, kịp thời giải đáp những vấn đề cán bộ và nhân dân quan tâm.

Để góp phần vào việc chuẩn bị Đại hội X của Đảng, các đồng chí hãy đóng góp công sức và trí tuệ vào việc tổng kết lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới, đồng thời chuyển đạt một cách thuyết phục kết quả tổng kết lý luận, thực tiễn như tôi đã nêu trên. Các đồng chí hãy cùng các cơ quan báo chí khác phản ánh trung thực, khách quan quá trình tiến hành Đại hội đảng bộ các cấp theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, làm tốt công tác tuyên truyền vận động cho một phong trào toàn dân thi đua hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ của năm 2005 để từ những kết quả đạt được trong 5 năm 2001 - 2005, tiến tới Đại hội X của Đảng với sức mạnh mới, khí thế mới.

Nhân dịp đầu xuân, tôi thân ái gửi tới tập thể Bộ Biên tập Tạp chí cùng toàn thể bạn đọc của Tạp chí Cộng sản, đồng thời gửi tới tất cả các cơ quan báo chí và các nhà báo nước ta lời chúc an khang, thành đạt và hạnh phúc. □

ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN PHÚ TRỌNG *

Kể từ Đại hội VI (năm 1986) đến nay, tư duy lý luận của Đảng ta đã từng bước đổi mới và có tiến bộ rõ rệt. Các quan điểm cơ bản của Đảng chỉ đạo sự nghiệp đổi mới thể hiện lập trường kiên định và sự vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể Việt Nam trong thời kỳ mới. Những thành tựu nghiên cứu lý luận gắn với tổng kết thực tiễn đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối của Đảng, tăng cường sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội; góp phần vào những thành công to lớn của sự nghiệp đổi mới. Tuy nhiên, công tác lý luận chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu của cách mạng, chưa làm sáng tỏ một số vấn đề mà công cuộc đổi mới đặt ra.

Tại phiên họp ngày 1-3-2003, Bộ Chính trị đã quyết định tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới nhằm khẳng định những thành tựu, chỉ rõ những hạn chế trong quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng ta, phân tích nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm; phát hiện những nhân tố mới và những vấn đề mới về lý luận, làm sáng tỏ hơn một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

ở Việt Nam; lý giải, kết luận một số vấn đề còn có ý kiến khác nhau, góp phần bổ sung, phát triển đường lối đổi mới của Đảng, cung cấp luận cứ khoa học cho việc chuẩn bị các văn kiện Đại hội X của Đảng. Ngày 12-5-2003, Ban Bí thư Trung ương Đảng cũng đã ra chỉ thị về vấn đề này, giao trách nhiệm tổng kết cho các Ban Đảng, Ban Cán sự đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng Lý luận Trung ương (cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo tổng kết) và các cơ quan nghiên cứu lý luận.

Sau hơn một năm rưỡi triển khai thực hiện, các đơn vị được giao nhiệm vụ đã quán triệt đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, và đã thu được những kết quả tốt đẹp. Trong hai ngày 12 và 13-11-2004, sau khi nghe Ban Chỉ đạo Tổng kết lý luận Trung ương báo cáo kết quả tổng kết, Bộ Chính trị đã thảo luận và cho ý kiến đánh giá: "Đây là lần đầu tiên Đảng ta có điều kiện nhìn lại toàn diện chặng đường đổi mới đã qua; là cuộc tổng kết có quy mô lớn, quan trọng, nội dung phong phú, liên quan đến hầu hết các vấn đề quan điểm, đường lối,

* GS, TS, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

chiến lược của cách mạng nước ta... Bộ Chính trị biểu dương và đánh giá cao sự cố gắng, tinh thần làm việc nghiêm túc, dân chủ, khoa học và kết quả đạt được của Ban Chỉ đạo và các lực lượng tham gia tổng kết". Tại Hội nghị Trung ương 11 khóa IX (tháng 1-2005), đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhận xét: "Với cách nhìn nhận khách quan, trung thực, đánh giá đúng cả hai mặt thành tựu và hạn chế, khuyết điểm, tổng kết 20 năm đổi mới không chỉ đem lại cho chúng ta niềm tin vững chắc vào con đường đi lên mà còn là cơ sở lý luận - thực tiễn cho Đảng ta hoạch định chiến lược phát triển..."

*
* *

Một trong những kết quả quan trọng nổi bật của cuộc tổng kết lần này là, qua việc phân tích, tổng hợp quá trình hình thành đường lối đổi mới, phát triển tư duy lý luận của Đảng, cũng như thực tiễn đổi mới toàn diện của đất nước, đã làm rõ hơn một số vấn đề lý luận cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hội nghị Trung ương 11 khóa IX khẳng định, sau 20 năm đổi mới, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, công cuộc đổi mới của chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử cả về hoạt động thực tiễn và nhận thức lý luận.

Cho đến nay, mặc dù còn không ít khó khăn, hạn chế, đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế đã ra khỏi khủng hoảng và có sự tăng trưởng khá nhanh; bước đầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và tạo ra những cơ sở quan trọng để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tích lũy nội bộ của nền kinh tế từ chỗ không có gì nay đã đạt khoảng 30% GDP. Từ tình trạng khan hiếm hàng tiêu dùng và lương thực, hàng năm

thiếu đói phải nhập lương thực nay đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai, thứ ba trên thế giới. Từ chỗ lạm phát có lúc lên tới ba con số đến nay cơ bản không còn lạm phát. Từ thế bị bao vây, cấm vận nay đã có quan hệ đối ngoại rộng mở với đại đa số các quốc gia, vùng lãnh thổ, với nhiều tổ chức và diễn đàn quốc tế. Trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, trước những cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính ở khu vực và thế giới, nước ta chẳng những không bị cuốn theo mà đã từng bước vượt qua khó khăn để đi lên. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể. Khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được tăng cường và củng cố. Hệ thống chính trị từng bước được đổi mới. Nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân với lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt ngày càng vững mạnh. Chính trị xã hội ổn định. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp có bước phát triển rất quan trọng, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý.

Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn và sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Riêng về mặt lý luận, qua 20 năm đổi mới, nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn. Sau nhiều năm tìm tòi, thử nghiệm, đấu tranh tư tưởng, tổng kết thực tiễn gắn với vận dụng lý luận, đến nay Đảng ta đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới và con đường đi

lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

Tập trung ở một số vấn đề cơ bản sau đây:

1 – Về mục tiêu, bản chất của chủ nghĩa xã hội

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng ta luôn khẳng định, *chủ nghĩa xã hội* là mục tiêu lý tưởng của Đảng và nhân dân ta; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Gần đây, mặc dù chủ nghĩa xã hội thế giới đang trong giai đoạn khủng hoảng, thoái trào, gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Đảng ta vẫn khẳng định: *"Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh"*⁽¹⁾. Điều đó hoàn toàn phù hợp với xu thế vận động, phát triển của lịch sử. Nhiều đảng cộng sản, đảng cánh tả mác-xít trên thế giới đều khẳng định loài người tất yếu sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội. Gần đây, Hội nghị Trung ương 4 khóa XVI (tháng 9-2004) của Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh: *"Cần phải kiên trì thúc đẩy chủ nghĩa xã hội,... chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể cứu được Trung Quốc"*⁽²⁾. Trong Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Nhật Bản thông qua tại Đại hội XXIII (tháng 1-2004) ghi rõ: *"Trong thế kỷ XXI, trào lưu hướng tới một xã hội mới vượt lên trên chủ nghĩa tư bản nhất định sẽ lớn mạnh và phát triển... Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan, dù quanh co, khúc khuỷu, song cuối cùng chủ nghĩa xã hội nhất định thắng lợi"*.

Tuy nhiên, đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào? Làm thế nào để xây dựng được chủ nghĩa xã hội? Mỗi quốc gia, dân tộc đều phải suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn để làm sao vừa theo đúng quy luật chung vừa phù hợp với điều kiện, đặc điểm của nước mình. Đây là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn, gian khổ. Riêng đối với Việt Nam, từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, đi lên chủ nghĩa xã hội lại càng khó khăn, phải trải qua nhiều thời kỳ, nhiều chặng đường. Hiện nay, nước ta còn đang ở thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, có rất nhiều vấn đề cần được nhận thức, vận dụng đúng đắn, phù hợp với thực tế và quy luật khách quan; không thể nôn nóng, giáo điều, máy móc.

Trong những năm đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, *chúng ta đã nhận thức ngày càng đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội*, về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, từng bước khắc phục được một số quan niệm đơn giản, ấu trĩ, sai lầm trước đây như: nhấn mạnh một chiều vai trò của quan hệ sản xuất, của chế độ công hữu, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản, coi nhẹ những giá trị, những thành tựu mà nhân loại đạt được trong chủ nghĩa tư bản; muốn nhanh chóng xóa bỏ sản xuất hàng hóa, xóa bỏ sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, v.v..

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 83

(2) Xem: Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về việc tăng cường xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng (Tài liệu do Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch, Hà Nội, 2004)

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991) đã đưa ra những quan niệm mới về chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là một bước tiến lớn trong tư duy lý luận của Đảng ta, vừa quán triệt tinh thần cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội, vừa thể hiện sự vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam trong thời đại mới. Cho đến nay, tuy thực tiễn đã phát triển, chúng ta phải nghiên cứu, tổng kết để tiếp tục bổ sung, nhưng tư tưởng cơ bản của *Cương lĩnh* vẫn đúng; *Cương lĩnh* vẫn là ngọn cờ dẫn dắt nhân dân ta tiến lên trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2 – Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Để thực hiện được mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, trong thời kỳ quá độ, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; mà muốn xây dựng được cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội thì nhất thiết phải phát triển được lực lượng sản xuất, giải phóng triệt để sức sản xuất; đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Đối với nước ta trong giai đoạn hiện nay, giải phóng và phát triển sức sản xuất, bảo đảm cho kinh tế tăng trưởng nhanh, phát triển bền vững phải là nhiệm vụ chính trị trọng đại số một, nhiệm vụ trọng tâm. Bởi vì không như thế thì sẽ không thể có "dân giàu, nước mạnh", tức là không thể có chủ nghĩa xã hội.

Muốn phát triển được lực lượng sản xuất, kinh nghiệm thực tế cho thấy, không thể áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, mà phải phát triển kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đưa ra quan niệm phát triển *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Sau một thời gian tìm tòi, thử nghiệm, tổng kết thực tiễn, từ Đại hội VI, Đảng ta đã dứt khoát từ bỏ mô hình kinh tế phi hàng hóa, phi thị trường, mô hình kinh tế tập trung bao cấp, chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) khẳng định: "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước". Đại hội VIII đưa ra quan niệm mới, rất quan trọng về kinh tế hàng hóa và chủ nghĩa xã hội: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng". Nhưng vào thời điểm Đại hội VIII, chúng ta vẫn chưa gọi là *kinh tế thị trường*. Phải đến Đại hội IX khái niệm "kinh tế thị trường" mới chính thức được nêu trong văn kiện của Đảng. Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường của ta không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa (vì mục đích của chúng ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội), và cũng chưa phải là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa (vì chúng ta còn đang trong thời kỳ quá độ). Đại hội IX đưa ra khái niệm "*kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*", xem đó là *mô hình kinh tế tổng quát* trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nền kinh tế dựa trên cơ sở

kết hợp ưu thế của chế độ kinh tế năng động với ưu thế của chế độ chính trị tiên tiến; kết hợp mặt tích cực của cơ chế thị trường với sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước nhằm hạn chế, khắc phục các mặt tiêu cực (như tính tự phát, mù quáng) của cơ chế thị trường; kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế cùng phát triển, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể dần dần trở thành nền tảng; kinh tế tư nhân, kể cả kinh tế tư bản tư nhân, là bộ phận quan trọng hợp thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, *định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện ngay trong sự vận động của các thành tố kinh tế thị trường, phản ánh xu thế phát triển tất yếu của kinh tế trong thời đại ngày nay, chứ không phải là sự gán ghép từ bên ngoài vào*. Vì lợi ích của đất nước và chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà nước ta chủ trương khuyến khích và có những chính sách, biện pháp tạo điều kiện để các thành phần kinh tế cùng phát triển, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, vừa không làm mất động lực phát triển, vừa chủ động khống chế phân hóa hai đầu, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta cũng đã nhận thức sâu hơn muốn thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vấn đề cơ bản nhất trong thời kỳ hiện nay là phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cố gắng để khoảng vài ba thập kỷ nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Từ thực hiện công nghiệp hóa kiểu khép kín, hướng nội, không gắn với hiện đại hóa, thiên về phát triển công nghiệp nặng, chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên... chúng ta đã chuyển sang

thực hiện công nghiệp hóa mở, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ; gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa và từng bước phát triển kinh tế tri thức.

Thực tế những năm qua cho thấy, nhờ có chủ trương đúng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, áp dụng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế nước ta đã có bước phát triển khá nhanh, mang lại hiệu quả rõ rệt. Mặc dù mới là bước đầu, còn không ít hạn chế, nhưng có thể khẳng định phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một chủ trương đúng, là phương thức, là con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ. Nhiều bạn bè quốc tế đã ghi nhận điều đó. Trong Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Nhật Bản thông qua tại Đại hội XXIII (tháng 1-2004) đã nhận định: *"Quá trình tìm tòi mới tiến lên chủ nghĩa xã hội thông qua kinh tế thị trường ở Việt Nam và Trung Quốc đang trở thành một hướng đi quan trọng của thế giới trong thế kỷ XXI"*. Đảng Cộng sản Nhật Bản cho rằng: *"Tiến lên chủ nghĩa xã hội thông qua kinh tế thị trường là phương hướng phát triển có tính quy luật của chủ nghĩa xã hội"*. Đảng Cộng sản Trung Quốc đánh giá về chủ trương phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc *"là sáng tạo vĩ đại chưa từng có, là cống hiến lịch sử của những người cộng sản Trung Quốc đối với sự phát triển của chủ nghĩa Mác, thể hiện rõ lòng dũng cảm to lớn của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc kiên trì sáng tạo lý luận, tiến cùng thời đại,... là bước đột phá lịch sử mới,..."*

3 – Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Một trong những thành tựu quan trọng đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta là đã

nhận rõ sự thống nhất biện chứng giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội. Tại Đại hội VI lần đầu tiên trong quan niệm về chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã đặt đúng tầm vấn đề xã hội trong mối quan hệ với kinh tế. Và càng về sau Đảng ta càng khẳng định phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, coi đây là *một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng mang tính quy luật của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội ta*. Phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng đòi hỏi phải có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững. Chỉ có một nền kinh tế như thế thì mới có khả năng huy động các nguồn lực vật chất cho việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Ngược lại, cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững nếu trong xã hội không có sự công bằng nhất định, đa số dân chúng sống nghèo khổ, thấp kém về trí tuệ, ốm yếu về thể chất, và một bộ phận đáng kể lao động lâm vào cảnh thất nghiệp, nghèo đói, bị đẩy ra ngoài lề xã hội.

Phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng phải được tiến hành ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển kinh tế. Không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không "hy sinh" tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Muốn vậy, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hay lâu dài. Điều này vừa thể hiện đúng quy luật của sự phát triển lành mạnh, bền vững trong thời đại ngày nay, vừa nói lên mục đích, bản chất của xã hội ta. Nếu

không giải quyết được vấn đề xã hội thì không thể nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là không hơn gì kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, càng không thể nói đến tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Phát triển xã hội trên nguyên tắc công bằng cũng không có nghĩa là cào bằng, là thực hiện chủ nghĩa bình quân, chia đều các nguồn lực và của cải làm ra, bất chấp chất lượng, hiệu quả của sản xuất kinh doanh và sự đóng góp của mỗi người cho sự phát triển chung của cộng đồng. Hơn nữa, nếu dồn mọi nguồn lực cho phát triển xã hội vượt quá khả năng mà nền kinh tế cho phép thì sẽ làm giảm những điều kiện cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khiến cho nền kinh tế trì trệ hoặc khủng hoảng, và rốt cuộc cũng không thực hiện được các kế hoạch phát triển xã hội. Do đó, trong mỗi bước đi, mỗi thời kỳ cụ thể phải tìm ra đúng cái "độ" tương thích giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, sao cho hai mặt này không cản trở nhau, không triệt tiêu nhau, mà hỗ trợ cho nhau cùng tiến lên.

Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thực hiện công bằng xã hội không thể chỉ dựa vào chính sách điều tiết và phân phối lại thu nhập của các tầng lớp dân cư. Kế thừa và phát huy thành quả cách mạng hơn nửa thế kỷ qua, ngày nay chúng ta có những tiền đề và điều kiện cần thiết để bảo đảm cho mọi người dân, kể cả những người có hoàn cảnh khó khăn, đều có cơ hội công bằng trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, y tế, việc làm, tín dụng, thông tin, mạng lưới an sinh xã hội... để họ có thể lo liệu và cải thiện đời sống của bản thân, gia đình, đồng thời góp phần xây dựng đất nước. Để quản lý sự phát triển xã hội đạt hiệu quả cao, cần kết hợp sử dụng và phát huy sức mạnh của cả Nhà nước, cộng đồng và bản thân

mỗi người dân. Nhà nước tiến hành thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành luật pháp, chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển xã hội và đề ra các biện pháp tổ chức và quản lý phù hợp. Nhà nước vừa phải quan tâm đầu tư thỏa đáng, vừa coi trọng huy động các nguồn lực trong nhân dân theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân".

4 – Phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm cho văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội

Phát triển văn hóa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, tiến bộ chính trị, là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thể hiện sự nhận thức mới, sự phát triển tư duy lý luận của Đảng ta. Trong nhiều nghị quyết, Đảng đã xác định phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, khoa học - công nghệ là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là một *nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng*.

Để nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, cần làm cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; xây dựng một xã hội vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của

loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội; bảo vệ nền văn hóa dân tộc trước sự xâm lăng văn hóa.

Hiện nay, bên cạnh mặt tích cực và tiến bộ, có nhiều biểu hiện rất đáng lo ngại về sự xuống cấp của các giá trị văn hóa, đạo đức, sự băng hoại về nền nếp gia phong, về quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, ngay trong mỗi gia đình, mỗi cộng đồng,... Nhiệm vụ bao quát hàng đầu của sự nghiệp văn hóa ở nước ta là bằng mọi cách xây dựng con người Việt Nam thấm nhuần những giá trị và những chuẩn mực văn hóa mới phù hợp với đặc điểm dân tộc và yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn cách mạng mới.

5 – Giữ vững môi trường hòa bình, hữu nghị vì sự phát triển của đất nước

Qua những năm đổi mới, càng ngày chúng ta càng nhận thức rõ hơn các vấn đề về nội dung, tính chất thời đại, về đường lối đối ngoại của Đảng ta, Nhà nước ta. Trong khi tiếp tục khẳng định mặc dù chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại (loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội), chúng ta đồng thời làm rõ thêm một số nội dung chủ yếu của giai đoạn hiện nay, như vai trò của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại; toàn cầu hóa kinh tế; kinh tế tri thức; đặc điểm mới của chủ nghĩa tư bản hiện đại; tính chất phức tạp và gay gắt của cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp trong điều kiện mới; xu thế hòa bình hợp tác và nguy cơ chiến tranh; cục diện mới của thế giới và khu vực,... Trên cơ sở đó nhấn mạnh: Một trong những nhiệm vụ cơ bản của Đảng và nhân dân ta lúc này là củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng

xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã đổi mới nhận thức về tình hình thế giới và khu vực; chuyển từ cách nhìn thế giới chỉ dưới góc độ một vũ đài đấu tranh sang cách nhìn toàn diện hơn; coi thế giới như môi trường tồn tại và phát triển của Việt Nam; đổi mới tư duy đối ngoại theo tinh thần "thêm bạn bớt thù", "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, vì hòa bình, độc lập và phát triển"; chủ động hội nhập và lấy việc bảo đảm lợi ích quốc gia là nguyên tắc tối cao của hội nhập. Từ đó đã kiên trì đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, vì hòa bình, hợp tác và phát triển; thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế.

Môi trường đối ngoại và các mối quan hệ đối ngoại luôn ở trạng thái động, biến đổi từng ngày, rất nhanh, muôn hình muôn vẻ, tác động đến đời sống mọi mặt của các quốc gia, trong đó có nước ta. Vì vậy, cần kiên định những vấn đề chiến lược, những vấn đề có tính nguyên tắc; đồng thời mềm dẻo, linh hoạt về sách lược; nhanh nhạy, nắm bắt thời cơ và có cách xử lý thích hợp. Thực hiện tư tưởng và phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh: "dĩ bất biến ứng vạn biến", biết mình, biết người; khiêm tốn, tự trọng; không cực đoan, cứng nhắc máy móc; giữ vững lợi ích quốc gia đồng thời tôn trọng lợi ích chính đáng và bản sắc của nước khác, dân tộc khác; góp phần xác lập một nền ngoại giao Việt Nam, nâng cao giá trị Việt Nam trong con mắt bạn bè thế giới.

Tranh thủ lợi thế về ổn định chính trị - xã hội của ta và tình cảm tốt đẹp của nhiều quốc gia, dân tộc đối với nhân dân ta, phát huy các quan hệ quốc tế trên các lĩnh vực Đảng, Nhà nước và nhân dân, phát huy các nguồn lực bên ngoài. Kết hợp tổng kết lý luận - thực tiễn về công tác đối ngoại trong thời kỳ đổi mới với việc đi sâu nghiên cứu, học tập kinh

nghiệm lịch sử của ông cha ta trong lĩnh vực đối ngoại.

6 – Xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Cùng với quá trình đổi mới, chúng ta đã từng bước nhận thức sâu sắc hơn, cụ thể hơn về mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa kinh tế và quốc phòng - an ninh - đối ngoại; nhận thức toàn diện hơn về khái niệm "*an ninh quốc gia*" và "*bảo vệ Tổ quốc*". An ninh quốc gia không chỉ là an ninh chính trị mà còn là an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh tư tưởng, an ninh xã hội,... Bảo vệ Tổ quốc không chỉ là bảo vệ lãnh thổ, biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển mà còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ kinh tế, văn hóa dân tộc, sự nghiệp đổi mới... Đã xác định rõ hơn các nguy cơ đối với an ninh quốc gia, các nhân tố có khả năng gây mất ổn định chính trị - xã hội, phá hoại an ninh quốc gia. Chúng ta cũng đã bước đầu xây dựng hệ quan điểm mới về chiến tranh nhân dân, về hậu phương trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao; làm sáng tỏ nội dung mới của chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược quốc phòng toàn dân.

Trên cơ sở những nhận thức đó, trong quá trình xây dựng kinh tế, phát triển đất nước, chúng ta đã thường xuyên quan tâm nhiệm vụ chống âm mưu "diễn biến hòa bình" và bạo loạn lật đổ; kết hợp chặt chẽ xây dựng tiềm lực với củng cố thế trận quốc phòng vững chắc, có trọng điểm; xây dựng thế trận phòng thủ quốc gia trên cơ sở đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ địa phương; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân thực sự là nòng cốt trong sức mạnh quốc phòng và an ninh; tập trung xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy,

tinh nhuệ, từng bước hiện đại... Kết hợp hậu phương trên cả nước với hậu phương trên từng địa bàn, từng vùng chiến lược; phát huy truyền thống xây dựng hậu phương tại chỗ, hậu phương trong lòng dân. Chủ động xây dựng và sớm triển khai các phương án phòng ngừa, xử lý các tình huống phức tạp, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia.

7 – Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ chính trị ở nước ta. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng nước ta, là mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện được điều đó, cùng với việc nâng cao nhận thức, thống nhất tư tưởng, phải có cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành một cách khoa học, có hiệu quả. Cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành đó ở nước ta chính là *hệ thống chính trị*. Khái niệm "*hệ thống chính trị*" được Đảng ta chính thức sử dụng từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (tháng 3-1989) thay cho khái niệm "*hệ thống chuyên chính vô sản*" được dùng một thời gian khá dài trước đây. Hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; trong đó Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước đóng vai trò quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* khẳng định: "Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm

quyền lực thuộc về nhân dân". Báo cáo Chính trị tại Đại hội VII của Đảng cũng chỉ rõ: *Thực chất của công cuộc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị ở nước ta là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*; dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

Với tư cách là thiết chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* phải thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hành đều ở nơi dân, mọi quyền lực mà Nhà nước có được đều do nhân dân ủy quyền. Nhà nước pháp quyền không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản; chủ nghĩa xã hội cũng phải thực hiện nhà nước pháp quyền. Nhưng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa khác về bản chất với nhà nước pháp quyền tư sản ở chỗ: Pháp quyền dưới chủ nghĩa tư bản, về thực chất, là công cụ của giai cấp tư sản, bảo vệ lợi ích của chủ nghĩa tư bản; còn pháp quyền dưới chủ nghĩa xã hội là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân; thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, thống nhất cả ở trung ương và địa phương. Có cơ chế phân công và phối hợp giữa các cơ quan quyền lực nhà nước, tạo ra thiết chế giám sát quyền lực nhà nước. Đổi mới bộ máy nhà nước, làm cho bộ máy nhà nước thực sự là thiết chế phục vụ nhân dân;

hoạt động theo phương châm: việc gì có lợi cho dân, phải hết sức làm; việc gì có hại cho dân, phải hết sức tránh.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội là các tổ chức đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, vừa tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân, vừa là cơ quan thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu chung là độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

8 – Nâng cao vai trò lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng

Thực tiễn 20 năm qua một lần nữa khẳng định: Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới cũng như toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường mở cửa hội nhập, một cách khách quan, *càng phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng, coi đây là vấn đề nguyên tắc, vấn đề sống còn, bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không có sự lãnh đạo của đảng cộng sản thì không thể nói gì đến xây dựng chủ nghĩa xã hội.* Không phải ngẫu nhiên mà các thế lực thù địch muốn xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa trước tiên phải tập trung đánh vào đảng cộng sản, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản.

Đương nhiên, để có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo đúng đắn và có hiệu quả, với tư cách là một đảng cầm quyền, Đảng càng phải *thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn,*

coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Trong tình hình phức tạp của thế giới và trong nước hiện nay, phải đặc biệt coi trọng việc phát huy truyền thống cách mạng và khoa học, giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, gắn bó mật thiết với nhân dân, đủ sức đoàn kết lãnh đạo toàn dân vượt mọi khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng. Nói tóm lại, phải làm cho Đảng thật sự là Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, luôn luôn là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Muốn thế, Đảng phải tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, làm tốt công tác tư tưởng chính trị, nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo chính trị, năng lực cầm quyền, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng; phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, tăng cường đoàn kết thống nhất; làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tệ quan liêu, tham nhũng, khôi phục và nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng; chấn chỉnh tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, làm cho Đảng có đủ bản lĩnh chính trị, có kiến thức, năng lực và sức chiến đấu cao trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập, môi trường quốc tế rất phức tạp, có nhiều nguy cơ và thách thức mới.

Qua tổng kết thực tiễn, Đảng ta nêu rõ nguy cơ lớn nhất của Đảng cầm quyền là sự sai lầm về đường lối, tệ quan liêu, xa dân, thoái hóa, biến chất, đi đến mất phương hướng chính trị. Trong điều kiện kinh tế thị trường và toàn cầu hóa, càng cần cảnh giác

và có giải pháp khắc phục nguy cơ nói trên. Đảng kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định nguyên tắc tổ chức của Đảng là nguyên tắc tập trung dân chủ, kết hợp chặt chẽ việc phát huy dân chủ trong Đảng với giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng; chỉ có *một Đảng lãnh đạo* là Đảng Cộng sản, không chấp nhận "đa nguyên, đa đảng". Tiếp tục cụ thể hóa, quy chế hóa để thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng, trong đó chú trọng nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; làm cho tổ chức cơ sở đảng thực sự là hạt nhân chính trị ở cơ sở, có khả năng lãnh đạo quy tụ sức mạnh của đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; làm tốt công tác giáo dục, rèn luyện, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên cả về năng lực, phẩm chất, đạo đức và tác phong công tác; gần gũi nhân dân, nêu cao tinh thần tận tụy phục vụ nhân dân.

Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng cương lĩnh, đường lối, chủ trương, nguyên tắc giải quyết các vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh; xử lý những vấn đề cụ thể có ý nghĩa chính trị quan trọng, quan hệ tới nhiều tầng lớp, những vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế. Lãnh đạo tốt khâu hoạch định đường lối; quyết định nhân sự; lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng. Tổ chức việc phối hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tạo điều kiện cho Nhà nước hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ, bảo đảm cho nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, biến thành hiện thực.

*

* *

Bên cạnh kết quả đã đạt được, cho đến nay, vẫn còn không ít vấn đề nhận thức lý

luận chưa đủ rõ, hoặc chưa thống nhất; nhiều vấn đề mới đặt ra chưa được nghiên cứu, giải đáp có sức thuyết phục. Chẳng hạn như các vấn đề về: giải pháp phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vai trò và mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường; quan niệm về chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế, về lao động và bóc lột; vai trò của kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; giữa độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; làm sao để giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập; mô hình tổ chức bộ máy hệ thống chính trị thế nào là hợp lý; làm thế nào phòng chống có hiệu quả tệ quan liêu, tham nhũng; v.v..

Những vấn đề nêu trên đòi hỏi phải được tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết, làm sáng tỏ, nhằm làm cho hệ quan điểm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện, sâu sắc, soi đường cho hoạt động thực tiễn kịp thời, có hiệu quả. Đương nhiên, đây là nhiệm vụ không đơn giản, bởi vì đổi mới vì chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp vô cùng khó khăn, mới mẻ, chưa có tiền lệ, thực tiễn còn đang vận động, ý kiến thường rất khác nhau. Chỉ có tiếp tục đổi mới tư duy, thực sự cầu thị, phát huy tự do tư tưởng, vừa kiên định vừa vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đi sâu vào tổng kết thực tiễn, chúng ta mới có thể từng bước giải đáp được những vấn đề đặt ra, nâng công tác lý luận lên một tầm cao mới. □

NHỮNG ĐIỀU THẦN KỲ GIỮA HAI



HÀ ĐĂNG

SÁU mươi năm đã qua kể từ Ất Dậu 1945 đến Ất Dậu 2005. Thời gian của một "lục thập hoa giáp" là tương đối dài với một đời người, mặc dù tuổi thọ trung bình của người Việt Nam ta ngày nay đã gần 70, cái tuổi từng được coi là "xưa nay hiếm". Nhưng thời gian ấy lại là rất ngắn với một đất nước, một dân tộc, hướng chi đối với dân tộc ta, một dân tộc đã có mấy nghìn năm lịch sử, kể từ thời các Vua Hùng dựng nước. Vậy mà trong cái "lục thập hoa giáp" ngắn ngủi ấy, dân tộc ta đã viết nên những trang sử rất oai hùng, lập nên biết bao nhiêu điều thần kỳ mà ngày nay và mãi mãi về sau sẽ còn lưu truyền.

Thần kỳ của Cách mạng Tháng Tám 1945. Năm ấy dân tộc ta một cổ hai tròng, vừa bị ách thống trị của thực dân Pháp, vừa bị ách chiếm đóng của phát xít Nhật. Năm ấy hai triệu người chết đói do hậu quả sự cướp bóc của bọn xâm lược và lũ lụt tàn phá. Cũng năm ấy, giữa lúc bọn phát xít bị đánh sập tại hang ổ khi còn đang say giấc mộng bá chủ châu Á thì dưới trời thu đất Việt, một cuộc khởi nghĩa chưa từng có trong lịch sử nước nhà thời hiện đại đã nổ ra. Cách mạng Tháng Tám thành công đập tan ách thống trị thực dân đè nặng trên đất nước ta suốt tám mươi năm, đồng thời xóa bỏ cả chế độ chiếm đóng phát xít trên đất nước ta. Nhà nước Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa thành lập, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên trên vùng trời Đông - Nam Á. Giang sơn vang vọng lời hịch của Bác Hồ trong *Tuyên ngôn Độc lập*. Từ lời nói bất hủ trong *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc", Người khẳng định một chân lý: "Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Và từ cái lẽ phải đó, cũng từ cái lẽ phải được nêu trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của nước Pháp năm 1791: "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi", Người đã vạch trần bộ mặt thật và những tội ác của chế độ thực dân Pháp trên đất nước ta, nêu cao cuộc chiến đấu chính nghĩa và anh dũng của nhân dân ta nhằm giành độc lập tự do và đi đến thắng lợi. Người tuyên bố trước toàn thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thật sự mở ra trên đất nước ta một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, nhân dân làm chủ đất nước và làm chủ vận mệnh của mình.

Thần kỳ về cuộc kháng chiến chống Pháp. Điều trở trêu của lịch sử là kẻ thù thực dân mà ách thống trị bị lật đổ bởi cuộc cách mạng của nhân dân, cũng từng là kẻ đầu hàng phát xít Nhật trong chiến tranh Đông Dương, kẻ đó đã núp bóng quân Đồng minh dưới cái chiêu bài tước vũ khí của Nhật, đã đưa quân trở lại Việt Nam mưu đồ đặt ách thống trị thực dân một lần nữa. Những cuộc gây hấn của kẻ thù và cuộc kháng chiến của nhân dân bùng lên, hết Sài Gòn và Nam Bộ đến các tỉnh miền Trung, cuối cùng là Hải Phòng, rồi Hà Nội... Kẻ thù mong muốn ở chúng ta "những kinh thành thất thủ", những "hiệp ước đầu hàng" như đã từng xảy ra ở thế kỷ trước. Nhưng đối phương của chúng giữa thế kỷ XX đã hoàn toàn khác xưa. Chúng đã phải đương đầu với một cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, ai không có vũ khí thì dùng gậy gộc mà đánh. Khắp nước ta đâu cũng là trận địa, ai cũng là chiến sỹ, lĩnh vực nào cũng là mặt trận. *"Ruộng rẫy là chiến trường/ Cày cấy là vũ khí/ Nhà nông là chiến sỹ/ Hậu phương thì đưa voi tiên phương"*. Cuộc ra quân của dân tộc lần này kéo dài gần một thập kỷ. Để rồi *"Chín năm làm một Điện Biên/ Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng"*. Điện Biên Phủ là cái bẫy quân xâm lược giăng ra hồng tiêu diệt quân kháng chiến, nhưng đối với quân ta đó lại là trận quyết chiến chiến lược nhằm kết thúc cuộc chiến tranh. Điện Biên Phủ là cuộc đọ sức quyết liệt giữa hai đối thủ, cuộc đối chọi giữa hai ý chí và mưu lược. Điện Biên Phủ là "sấm vang, chớp giật" giáng vào đầu thù, ở đó kẻ đầu hàng không phải ai khác chính là đội

quân nhà nghề của một thế lực xâm lược có thời được coi là một trong những đế quốc hàng đầu thiên hạ. Điện Biên Phủ dẫn tới Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến sự ở Đông Dương và một Tuyên bố chung công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Đất nước tạm chia làm hai miền để đi đến một cuộc tổng tuyển cử. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng và chọn con đường phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội. Tầm vóc vĩ đại của chiến thắng Điện Biên Phủ vượt khỏi ranh giới một quốc gia hay khu vực. Điện Biên Phủ gõ tiếng chuông báo hiệu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới và mở đường cho một phong trào giải phóng dân tộc quy mô lớn trên nhiều châu lục.

Thần kỳ về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Lại một điều trở trêu nữa của lịch sử là thế lực thực dân cũ chưa hết bàng hoàng về thảm bại thì thế lực thực dân mới, kẻ đã hậu thuẫn cho cuộc chiến tranh Đông Dương, lại muốn thay chân chúng, lao vào vết xe đổ của kẻ bại trận. Với âm mưu chia cắt lâu dài nước Việt Nam, chúng chống đến cùng tổng tuyển cử, chống lại những điều cam kết trong Hiệp định Giơ-ne-vơ khi còn chưa ráo mực. Chúng xây dựng ở miền Nam một chính quyền bù nhìn, một quân đội tay sai, và dưới chiêu bài "tố cộng", "diệt cộng", tiến hành cuộc chiến tranh đơn phương đàn áp những người yêu nước và kháng chiến, tiếp đó là cuộc "chiến tranh đặc biệt", một kiểu chiến tranh thực dân mới, một loại hình trong chiến lược quân sự của Mỹ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai. Vấp phải sự giáng trả quyết liệt của nhân dân, chiến lược "chiến tranh đặc biệt" phá sản. Trái với toan tính ban đầu của chúng, kẻ thù buộc phải trực tiếp đưa quân xâm lược vào miền Nam nước ta, tiến hành cuộc "chiến tranh cục bộ" như đã từng diễn ra ở Triều Tiên, và ở đó cũng đã từng ném mùi thất bại. Con cháu Lạc Hồng lại một lần nữa ra quân, và lần này là

trực tiếp đối đầu với một đế quốc đầu sỏ giàu tiền, lắm vũ khí, nhiều mưu mô. Chúng đổ vào miền Nam năm vạn, mười vạn, hai mươi vạn, ba mươi vạn rồi hơn nửa triệu quân, bao gồm cả hải, lục, không quân và nhiều binh chủng khác, huy động cả quân chư hầu và bọn lính đánh thuê. Chúng đẩy tới tột đỉnh cuộc chiến tranh ở miền Nam, đồng thời gây chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, mở rộng chiến tranh ra cả nước ta. Chúng liên tiếp tung ra những đòn chiến lược, hết mùa khô này đến mùa khô khác và mỗi lần bị giáng trả, bị thất bại trên chiến trường, lại một lần chúng thay đổi chiến lược, thay đổi tướng cầm quân. Bất ngờ lớn nhất của chúng trong chiến tranh là Tết Mậu Thân năm 1968, ta mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt khắp các đô thị miền Nam, rung chuyển chỗ đứng của chúng ngay tại sào huyệt, gây chấn động cả dư luận Mỹ và dư luận khắp năm châu, báo hiệu rằng kẻ xâm lược nhất định bị thất bại. Hội nghị Pa-ri về Việt Nam đã nhóm họp, ở đó, ta mở thêm mặt trận ngoại giao để phối hợp cùng các mặt trận quân sự và chính trị nhằm giành thắng lợi cuối cùng. Hiệp định Pa-ri về Việt Nam ký kết, Mỹ buộc phải cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, chấp nhận rút toàn bộ quân đội và vũ khí ra khỏi miền Nam Việt Nam. Nhưng rồi chúng nào vãn tật ấy. Chúng tiếp sức cho quân đội Sài Gòn và qua tay chính quyền và quân đội tay sai phá hoại ngay từ đầu việc thi hành Hiệp định. Chiến tranh tiếp tục kéo dài thêm hai năm. Cuối cùng, dân tộc ta, sau hai mươi năm ròng rã chiến đấu, hy sinh gian khổ đến tận cùng, oanh liệt và vinh quang cũng đến tột độ, lại làm nên một Đại thắng mùa Xuân 1975, trong thế trúc chẻ ngói tan của Chiến dịch Hồ Chí Minh, đã quét đổ tên đế quốc đầu sỏ của thời đại, hoàn toàn giải phóng miền Nam, thu giang sơn về một mối. Thật xúc động biết bao khi nghe nhận định của Đại hội lần thứ IV của

Đảng: Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời của sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc.

Thần kỳ về sự nghiệp Đổi mới. Sau ba mươi năm chiến tranh, dân tộc ta lại tiến hành một cuộc trường chinh mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của cả dân tộc và của mỗi con người. Cuộc trường chinh ấy bắt đầu ngay sau khi nước nhà thống nhất mà mốc son chói lọi là cuộc đổi mới toàn diện mở ra từ năm 1986. Đây là thời điểm chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới lâm vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc về kinh tế và xã hội. Nhiều nước tìm lối ra bằng con đường cải tổ và cải cách. Đổi mới của chúng ta cũng nằm trong trào lưu chung ấy nhưng lại được tiến hành theo một chiến lược phù hợp với tình hình và đặc điểm Việt Nam. Chúng ta đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức, cán bộ, đổi mới phương pháp lãnh đạo và phong cách hoạt động; từ đổi mới kinh tế đến đổi mới hệ thống chính trị và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trong khi chủ trương đổi mới toàn diện, chúng ta đã dành sự chú ý đặc biệt cho đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; song cũng chỉ ra rằng, đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn, mà là tìm ra những phương thức, con đường để đạt mục tiêu đó với hiệu quả cao hơn; không phải là thay đổi hệ tư tưởng mà là kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách

mạng. Chúng ta chủ trương đổi mới đồng bộ nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp, tiến hành đổi mới trên tất cả các lĩnh vực nhưng không làm dàn đều mà có trọng tâm, trọng điểm, làm tích cực nhưng không vội vã, hấp tấp, gây ra mất ổn định, luôn luôn coi đổi mới là động lực, ổn định là tiền đề, phát triển là mục đích. Thật vinh hạnh cho chúng ta: hai từ *"Đổi Mới"* được thế giới nhắc đến bằng nguyên chữ và nguyên nghĩa Việt Nam. Cũng thật vinh hạnh cho chàng dũng sĩ Đổi Mới của chúng ta, mới hai mươi tuổi mà đã làm nên nghiệp lớn. Sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ta có sự thay đổi cơ bản và toàn diện: đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng nhanh, bước đầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân ta do Đảng lãnh đạo được củng cố và tăng cường; sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên nhiều; vị thế của nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Điều quan trọng nữa là, sau hai mươi năm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn.

Trong cuộc hành trình lịch sử giữa hai Át Dậu (1945 - 2005), nếu lấy Đại thắng mùa Xuân năm 1975 làm cái mốc phân định, thì dân tộc ta đã trải qua 30 năm chiến tranh và 30 năm hòa bình xây dựng. Sự thật thì trong 30 năm hòa bình xây dựng đó, chúng ta còn mất thêm 10 năm đối phó với một cuộc chiến tranh mới và đất nước ở tình trạng vừa có hòa bình vừa phải đề phòng nguy cơ chiến tranh. Nói điều đó để khẳng định cái vĩ đại của những

chiến công trong chiến tranh đồng thời cũng nói lên cái lớn lao của những chiến công trong hòa bình xây dựng.

Đất nước nào, dân tộc nào cũng có những trang sử thi, những câu chuyện huyền thoại. Huyền thoại không phải thực tế mà chỉ có trong trí tưởng tượng của con người. Nhưng giá trị của huyền thoại là ở chỗ xuất phát từ lòng mong muốn và những khát vọng của con người về cuộc sống. Việt Nam ta là một đất nước có nhiều huyền thoại, huyền thoại của ngày xưa và của ngày nay. Đúng là có những thực tế lịch sử của ngày nay mà cứ như huyền thoại!

Trước hết là về đất nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam. Đất nước ta, dân tộc ta, từ Văn Lang, Âu Lạc cho đến Đại Việt rồi Việt Nam, đã trải qua mấy nghìn năm lịch sử, một lịch sử lâu dài có thể sánh ngang cùng lịch sử các quốc gia, dân tộc hình thành sớm nhất trên thế giới. Trong lịch sử ấy, dẫu một thuở nghìn năm Bắc thuộc, đất nước vẫn chói sáng với những cuộc khởi nghĩa vũ trang, những anh hùng dân tộc, chói sáng tinh thần quật cường và quật khởi. Ý chí độc lập dân tộc bùng lên với sự nghiệp *"Đô kỳ đóng cõi Mê Linh/ Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta"*, với khí phách *"Quyết đạp con sóng dữ, chém cá kình trên biển Đông chứ nhất định không chịu làm tù thiếp người ta"*, với một Vạn Xuân rạng rỡ giữa đêm đen nô lệ, với một chiến thắng Bạch Đằng lừng lẫy trong thế kỷ thứ X của thiên niên kỷ thứ nhất. Đến lúc nước nhà đã khôi phục được nền độc lập, tự chủ thì *"Nam quốc sơn hà nam đế cư/ Tiệt nhiên định phận tại thiên thư/ Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm/ Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư"*. Và khi giặc đến thì *"Đánh một trận sạch sạch kình ngạc/ Đánh hai trận tan tác chim muông"*, *"Đánh cho lịch sử ghi rằng nước Nam anh hùng là có chủ"*. Vậy mà chỉ vì một sự lầm lạc và như

nhược của một vương triều, đất nước ta đã rơi vào vòng nô lệ của chủ nghĩa thực dân trong suốt 80 năm. Tên tuổi của Việt Nam bị xoá trên bản đồ thế giới. Đất nước bị chia cắt thành ba kỳ với ba chế độ cai trị khác nhau. Tù nhục biết mấy khi người Việt bị gọi là "An-nam-mít". Song quy luật của lịch sử là nơi nào áp bức càng nhiều, sự vùng lên càng mạnh. Cách mạng Tháng Tám như triều dâng thác đổ, chỉ trong 12 ngày, từ Bắc chí Nam, đã cuốn sạch cả ách thống trị thực dân lẫn Nam triều bù nhìn. Tên tuổi Việt Nam không chỉ được khôi phục mà còn ngày thêm rạng rỡ trước toàn thế giới. Dân tộc Việt Nam ngẩng cao đầu đi lên, trở thành người chiến thắng hai đế quốc to, và ngày nay tiêu biểu cho một cuộc đổi mới có ý nghĩa lịch sử. Việt Nam của Hồ Chí Minh, Việt Nam của Cách mạng Tháng Tám, Việt Nam của Điện Biên Phủ, Việt Nam của Đại thắng mùa Xuân 1975 được thế giới biết đến như một biểu tượng của những khát vọng cháy bỏng về độc lập, tự do, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và niềm tự hào dân tộc, của lương tri và nhân phẩm loài người.

Hai là, về Đảng Cộng sản Việt Nam.

75 năm trước, khi mới ra đời, Đảng ta còn rất nhỏ bé, chỉ mấy trăm đảng viên, vậy mà chỉ 15 năm sau đã trở thành đảng cầm quyền trong cả nước, và từ đó trở đi, liên tục cầm quyền trong suốt 60 năm, ngày nay vẫn tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo. Đảng ta là đảng của giai cấp công nhân, là "đứa con nôi xuất thân từ giai cấp lao động", đồng thời là con đẻ của phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta. Đảng kết hợp ngay từ đầu chủ nghĩa yêu nước truyền thống của dân tộc và tư tưởng cách mạng tiên phong của giai cấp vô sản thời đại mới, luôn luôn lấy độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội làm ngọn cờ chiến đấu và chiến thắng của mình. Đảng nhận thức một cách sâu sắc rằng đất nước và dân tộc là người sinh thành, nuôi dưỡng mình nhưng Đảng lại là đội

tiên phong chiến đấu, có trách nhiệm hoàn thành những trọng trách do Tổ quốc và dân tộc giao phó. Mục đích cao nhất của Đảng không gì khác là đấu tranh cho đất nước độc lập, tự do, nhân dân được ấm no, hạnh phúc. Đảng coi sự gắn bó máu thịt với nhân dân là nguồn sống của mình, luôn hòa mình với nhân dân, cùng với nhân dân chiến đấu và giành thắng lợi. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ buổi đầu thành lập Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: Muốn cách mạng thành công, "trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy". Cũng không phải ngẫu nhiên khi đánh giá về thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc". Càng không phải ngẫu nhiên mà trước lúc đi xa, trong Di chúc để lại, Người trước hết nói về Đảng. Người căn dặn "phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình", "phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Trên thực tế, trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình, bản lĩnh chính trị của Đảng không ngừng thể hiện, không chỉ ở chỗ đề ra đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, dẫn dắt cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác mà còn ở chỗ dám nhìn thẳng vào sự thật, biết phát hiện sai lầm khuyết điểm, kiên quyết tự phê bình và phê bình để sửa chữa.

Ba là, về lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh. Rời bến Nhà Rồng, ra đi tìm đường cứu nước từ lúc 21 tuổi, chỉ 9 năm sau, 30 tuổi đã trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, 10 năm sau nữa lại sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam, rồi đúng 55 tuổi, trở thành Chủ tịch nước Việt Nam độc lập, tự do. Dân tộc ta biết đến Người là một nhà yêu nước và cách mạng vĩ đại, người khai sinh ra Đảng, cũng là người khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một Bác Hồ nhân đức, hiền từ, giản dị, thân dân, trọng dân, gần dân. "*Người là Cha, là Bác, là Anh. Trái tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ*". Thế giới biết đến Người như là một ngôi sao rực sáng trên bầu trời Á Đông, một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, người "anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới". Thật lạ lùng. Người mà ngay từ thuở thiếu thời, trên đất nước sản sinh ra chủ nghĩa thực dân, đã dũng cảm và quyết liệt kết án chế độ thuộc địa qua "Bản án chế độ thực dân", người mà qua hoạt động thực tiễn của bản thân và của tổ chức cách mạng của mình, đã lãnh đạo nhân dân làm lay chuyển đến tận gốc rễ chế độ thuộc địa, con người đó không có bất cứ ham muốn cá nhân nào, ngoài ham muốn tột bậc là đất nước được độc lập, tự do, nhân dân ai cũng có cơm ăn, có áo mặc và được học hành. Cũng thật lạ lùng. Con người đó, ngay từ những năm 20 của thế kỷ trước, khi được tiếp xúc, một nhà văn phương Tây đã nhận xét rằng, Người là hiện thân của một nền văn hóa trong tương lai! Con người đó, với việc truyền bá con đường cách mạng gắn chặt độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vào Việt Nam, đã được nhà yêu nước và tư tưởng lớn Phan Bội Châu ví như: "Thình lình đang giữa khi khói đục, mây mù, có trận gió xuân thổi tới; Thình lình đang giữa lúc trời khuya đất ngủ, có tia thái dương mọc

lên. Trận gió xuân ấy, tia thái dương ấy chính là chủ nghĩa xã hội vậy". Sự nghiệp của Người là sự nghiệp của Đảng, của nhân dân. Công lao của Người đối với dân tộc ta cao như núi, dài như sông. Những điều thần kỳ mà nhân dân ta làm nên qua một "lục thập hoa giáp" như đã nêu trên đều gắn liền với tên tuổi của Người. Còn đọng mãi trong trái tim mỗi người chúng ta lời điều của Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn đọc trước anh linh Người: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta". "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*" là tư tưởng xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động cách mạng của Người. Tư tưởng Hồ Chí Minh, như Đại hội IX của Đảng nêu lên "là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại..." "Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta".

Nhân dịp đón Xuân Ất Dậu, và kỷ niệm lần thứ 75 Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, ghi lại những **điều thần kỳ** mà dân tộc ta đã làm nên trong cuộc hành trình giữa hai Ất Dậu (1945 - 2005), nói lên những thực tế lịch sử mà cứ **như huyền thoại**, người viết bài này không có ý một chiều ca ngợi mà chỉ muốn nêu lên một chân lý: Nước Việt Nam ta mãi mãi trường tồn! Dân tộc ta anh hùng và vĩ đại! Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta rất vẻ vang. Đảng ta là người lãnh đạo tài năng và đáng tin cậy. Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi sáng con đường chúng ta đi! □



NHÌN LẠI THẾ GIỚI VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM NĂM 2004

NGUYỄN DY NIÊN *

NĂM 2004, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục biến động phức tạp, ảnh hưởng sâu rộng tới môi trường đối ngoại của nước ta. Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo và tham gia trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, hoạt động đối ngoại của Việt Nam tiếp tục được triển khai một cách chủ động, toàn diện, đồng bộ và đạt những kết quả có ý nghĩa nổi bật. Những thành tựu này đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ được ngày càng nhiều các điều kiện quốc tế thuận lợi để phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đi đôi với bảo vệ Tổ quốc, đồng thời để lại những dấu ấn sâu đậm trong cộng đồng quốc tế và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Tình hình thế giới năm 2004 diễn biến phức tạp

Nhìn lại năm 2004 cho phép chúng ta có được đánh giá tổng thể và chính xác hơn về đặc điểm tình hình thế giới. Bức tranh chung về tình hình chính trị, an ninh và kinh tế thế giới năm 2004 nổi lên mấy điểm lớn như sau:

Một là, trong khi hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo thì xung đột, bạo lực và căng thẳng cục bộ vẫn diễn ra ở một vài khu vực, nổi bật là Trung Đông, Nam Á và châu Phi. Tại I-rắc, chiến tranh lớn như trong

năm 2003 đã không xảy ra, nhưng bạo lực vẫn tiếp tục diễn ra và có xu hướng ngày càng nghiêm trọng. Tiến trình hòa bình Trung Đông vẫn gặp nhiều bế tắc và phức tạp sau khi Tổng thống Y.A-ra-phát qua đời. Quan hệ giữa Mỹ và I-ran trở nên căng thẳng do vấn đề hạt nhân... Tình hình trên đã tác động tiêu cực đến việc giải quyết các cuộc xung đột, ảnh hưởng không nhỏ tới hòa bình, an ninh và ổn định ở các khu vực và trên toàn thế giới.

Hai là, khủng bố không những chưa bị loại trừ mà còn tiếp tục lây lan ra nhiều nơi như Nga, Tây Ban Nha, In-đô-nê-xi-a, miền Nam Thái Lan... Mục tiêu và biện pháp thực hiện của chủ nghĩa khủng bố cũng trở nên đa dạng và tàn bạo hơn. Chính vì thế, hậu quả mà các nước phải gánh chịu về an ninh, chính trị, kinh tế và xã hội cũng lớn hơn. Vấn đề khủng bố và chống khủng bố đã tác động mạnh tới hệ thống chính trị và bầu cử ở nhiều nơi như Mỹ, Tây Ban Nha, Nga... buộc các nước phải chú trọng bảo đảm an ninh nội địa, tăng cường hợp tác chống khủng bố cả trong khuôn khổ song phương và đa phương, trong phạm vi khu vực và trên phạm vi toàn cầu.

Ba là, các hình thái tập hợp lực lượng trên thế giới diễn ra rất đa dạng và linh hoạt trên

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

từng vấn đề và trong từng thời điểm cụ thể. Các nước lớn tiếp tục đẩy mạnh cải thiện quan hệ và tranh thủ lẫn nhau vì lợi ích riêng của mỗi nước. Cho dù không tránh khỏi những va chạm về lợi ích, nhưng nhìn chung mối quan hệ giữa các nước lớn đi vào ổn định hơn trong khuôn khổ vừa đấu tranh vừa thỏa hiệp, tránh đối đầu trong các vấn đề an ninh chính trị, hợp tác trong vấn đề chống khủng bố và chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, nhưng cạnh tranh gay gắt trong các vấn đề chiến lược và quan hệ kinh tế, thương mại. Tương quan lực lượng đang có những thay đổi với sự vươn lên mạnh mẽ của Liên minh châu Âu mở rộng và một Trung Quốc phát triển năng động.

Các nước đang phát triển và các lực lượng khác trên thế giới tiếp tục đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, công bằng và tiến bộ xã hội, chống chiến tranh, cường quyền và sự can thiệp từ bên ngoài trong quan hệ quốc tế.

Bốn là, kinh tế thế giới năm 2004 có bước phục hồi khả quan và diễn ra tương đối đồng đều ở nhiều khu vực với tốc độ trung bình từ 4% đến 5%. Dù vậy, tương lai tăng trưởng của kinh tế thế giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn do giá dầu lửa tiếp tục biến động ở mức độ cao, bất ổn định ở nhiều quốc gia, sự lan rộng của chủ nghĩa khủng bố quốc tế, xung đột vũ trang, sự lây lan của các loại dịch bệnh truyền nhiễm, hậu quả thiên tai...

Năm là, khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực phát triển kinh tế năng động với tốc độ cao. Dự kiến tốc độ tăng trưởng cả năm 2004 của khu vực đạt 7,6%, dẫn đầu so với các khu vực khác. Tiến trình liên kết giữa các tiểu khu vực hai bờ Thái Bình Dương tiếp tục được đẩy mạnh. Tuy nhiên, một số điểm nóng như vấn đề eo biển Đài Loan, biển Đông, vấn đề khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên... vẫn chưa được giải quyết và tiếp tục tác động không thuận tới môi trường an ninh khu vực.

Thứ sáu, quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa gắn liền với tự do hóa thương mại, đầu tư và các liên kết kinh tế quốc tế tiếp tục phát triển, song xu hướng bảo hộ mậu dịch cũng có chiều hướng gia tăng. Trong bối cảnh đó, xu hướng liên kết và thiết lập các khu vực mậu dịch tự do song phương và khu vực được đẩy mạnh nhằm tận dụng triệt để lợi thế so sánh và tránh những rủi ro do quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa mang lại.

Những đặc điểm trên đã đưa lại nhiều bất trắc trong môi trường đối ngoại của các quốc gia, nhưng đồng thời cũng tạo ra nhiều cơ hội để phát triển và chi phối mạnh mẽ sự điều chỉnh chính sách của các nước.

2. Hoạt động đối ngoại sôi động và hiệu quả

Trong bối cảnh đó, hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta đã được triển khai rất chủ động và đồng bộ với nhiều hình thức và nội dung phong phú, xử lý kịp thời và đúng đắn các vấn đề đối ngoại nảy sinh, thu được nhiều thành tựu khích lệ, góp phần thiết thực vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Kết quả quan trọng nhất của hoạt động đối ngoại năm 2004 đã tiếp tục góp phần duy trì được môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Năm 2004 là năm chúng ta đã thúc đẩy mối quan hệ hợp tác thiết thực, hiệu quả; thiết lập được các khuôn khổ quan hệ vững chắc với nhiều nước láng giềng trong khu vực và các nước lớn, qua đó tăng cường sự đan xen về lợi ích, sự ràng buộc về quan hệ và pháp lý, tạo chuyển biến về chất trong quan hệ với các đối tác quan trọng này. Đây cũng là thành tựu nổi bật so với các năm trước. Công tác hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực đã được đẩy mạnh, góp phần tranh thủ hợp tác, nhất là hợp tác về kinh tế, thương mại, đầu tư và du lịch... Vị thế quốc tế của đất nước được nâng cao.

Việc tổ chức rất thành công Hội nghị Cấp cao ASEM 5 tại Hà Nội không những tạo

được ấn tượng sâu sắc đối với cộng đồng quốc tế và có những đóng góp thiết thực vào quá trình phát triển của ASEM mà còn mở ra nhiều cơ hội hợp tác song phương với nhiều đối tác trong ASEM ở nhiều lĩnh vực với 45 Hiệp định và Thỏa thuận được ký kết. Trên cơ sở những thành công của Hội nghị Thượng đỉnh cộng đồng Pháp ngữ (*Francophonie*) năm 1997 và Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 năm 1998 tại Hà Nội, Hội nghị ASEM 5 lần này đã tạo một bước tiến xa hơn cả về nội dung, lề tân, hậu cần và an ninh, thể hiện bước trưởng thành vượt bậc của ngoại giao đa phương Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới. Không những thế chúng ta tiếp tục chủ động tham gia và có những đóng góp thiết thực tại các diễn đàn quốc tế và khu vực như Hội nghị Cấp cao ASEAN 10 tại Lào, Hội nghị AIPO tại Cam-pu-chia, Hội nghị Cấp cao APEC tại Chi-lê, Hội nghị Thượng đỉnh cộng đồng Pháp ngữ tại Buốc-ki-na Phát-xô... Sự tham gia tích cực và những đóng góp thiết thực của Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá cao đã góp phần nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế và khu vực.

Năm 2004 cũng là năm có nhiều vấn đề đối ngoại phức tạp nảy sinh đòi hỏi chúng ta phải xử lý linh hoạt, kịp thời như khủng bố, dịch bệnh gia cầm, đấu tranh chống những mưu toan lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc... để can thiệp vào công việc nội bộ và chống phá nước ta, giải quyết những vấn đề về biên giới lãnh thổ. Cách thức xử lý khẩn trương, linh hoạt, kịp thời và đúng đắn các vấn đề này đã giúp chúng ta hạn chế những tác động tiêu cực từ diễn biến phức tạp của tình hình, tránh bị rơi vào những tình huống khó xử, không làm tổn hại các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước.

Công tác ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế đã có bước chuyển rõ rệt cả về nhận thức và hành động. Việc Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 08 về việc các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế

đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng và góp phần nâng cao vai trò của ngoại giao trong việc duy trì và mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại, du lịch, đầu tư với các nước... Quỹ ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế đã có nhiều hoạt động hiệu quả. Các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài đã tích cực, chủ động tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại, đầu tư, bảo hộ quyền lợi chính đáng của người lao động Việt Nam và tích cực tham gia giải quyết những tranh chấp kinh tế, thương mại...

Công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài đã đạt được những kết quả đáng khích lệ và được đổi mới với việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 36. Việc học tập và phổ biến Nghị quyết này đã được triển khai sâu rộng ở trong và ngoài nước. Công tác xây dựng chính sách đối với kiều bào cũng đang được từng bước hoàn thiện. Các biện pháp vận động cộng đồng ngày càng cụ thể và thiết thực, hướng tới nhiều đối tượng kiều bào ở nhiều địa bàn khác nhau. Chẳng hạn, việc tổ chức Trại hè 2004 cho con em một số Việt kiều đã có tác dụng thiết thực đối với việc giáo dục các thế hệ Việt kiều trẻ tuổi hướng về Tổ quốc; việc cho phép một số nhân vật cao cấp trong chế độ cũ về nước đã góp phần thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, nêu cao tính nhân văn trong chính sách của Đảng và Nhà nước ta nhằm chủ động khép lại quá khứ và hướng tới tương lai; việc thu hút tri thức và tiềm lực kinh tế của kiều bào cũng đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ; Hội liên lạc người Việt Nam ở nước ngoài và Quỹ hỗ trợ cộng đồng đã chủ động triển khai nhiều hoạt động thiết thực, có hiệu quả, tạo thêm cầu nối gắn bó bà con với quê hương.

Công tác thông tin - văn hóa đối ngoại tiếp tục được đổi mới nhằm định hướng dư luận, giải tỏa một số dư luận không thuận, góp phần hạn chế những luận điệu vu cáo, xuyên tạc về tình hình đất nước và góp phần tuyên truyền, quảng bá về đất nước và con người Việt Nam trên trường quốc tế.

Hoạt động đối ngoại của các ngành, các cấp, nhất là trong lĩnh vực an ninh và quốc phòng, đã được coi trọng và thúc đẩy. Công tác ngoại vụ địa phương của các tỉnh, thành trong cả nước đã được đẩy mạnh, góp phần quan trọng vào việc tăng cường hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, tác động thiết thực tới việc thúc đẩy quan hệ nhiều mặt với các đối tác. Sự phối hợp giữa đối ngoại Nhà nước với các hoạt động đối ngoại của Đảng, Quốc hội và đối ngoại nhân dân được tăng cường, tạo sự đan xen nhiều tầng nấc về quan hệ và lợi ích, tăng cường giao lưu giữa các tổ chức và nhân dân Việt Nam với thế giới, qua đó góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước.

Những thành tựu trên đã góp phần không ngừng nâng cao tiềm lực đất nước và vị thế quốc tế của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

3. Phương hướng đối ngoại năm 2005

Năm 2005 là năm cuối cùng thực hiện kế hoạch 5 năm 2001-2005 và cũng là năm chúng ta tiến hành Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội X. Trong bối cảnh tình hình thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, hoạt động đối ngoại phải phát huy tính chủ động trong việc đề ra và triển khai các biện pháp cụ thể, phát huy tốt những thành tựu đối ngoại từ những năm trước, tranh thủ những thuận lợi mới và phải hạn chế tối đa những tác động không thuận từ bên ngoài. Phương châm xử lý trong hoạt động đối ngoại thời gian tới vẫn là kiên trì nguyên tắc, giữ vững mục tiêu độc lập, tự chủ và chủ nghĩa xã hội đi đôi với đa dạng hóa, đa phương hóa, xử lý linh hoạt, nhạy bén những vấn đề nảy sinh.

Để hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, đặc biệt là mục tiêu duy trì và củng cố môi trường hòa bình, ổn định, đồng thời không ngừng nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, hoạt động đối ngoại của chúng ta thời gian tới sẽ tập trung vào các hướng chính sau:

Một là, tiếp tục đa phát triển quan hệ với các nước láng giềng chung biên giới và các đối tác quan trọng hàng đầu theo hướng tăng cường quan hệ và nâng cao hiệu quả hợp tác thiết thực trong khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài mà chúng ta đã xây dựng được với các đối tác.

Hai là, đẩy mạnh công tác hội nhập quốc tế, đặc biệt là đẩy nhanh và kết thúc các cuộc đàm phán song phương và đa phương về việc Việt Nam sớm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các diễn đàn đa phương, đồng thời gắn các nội dung kinh tế trong các hoạt động chính trị đối ngoại, phát huy tốt hơn nữa vai trò của ngoại giao trong phát triển kinh tế, xã hội.

Ba là, trong công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, cần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài cũng như công tác thông tin - văn hóa đối ngoại, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động cụ thể và thiết thực đối với kiều bào, nhất là thế hệ Việt kiều trẻ tuổi, thành đạt..., qua đó thu hút ngày càng nhiều sự tham gia và đóng góp của kiều bào vào công cuộc xây dựng đất nước.

Chúng ta đang có những thuận lợi rất cơ bản, nhưng không phải vì thế mà chủ quan trước những khó khăn và biến đổi của thời cuộc. Nhìn lại năm 2004 và các năm trước càng cho ta thấy rõ, bên cạnh nỗ lực của toàn ngành ngoại giao, một nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi của đối ngoại là sự phối hợp hài hòa và hiệu quả giữa các lực lượng trên mặt trận đối ngoại, từ đối ngoại của Đảng tới đối ngoại của các đoàn thể, nhân dân. Phấn đấu thực hiện tốt hơn nữa và hiệu quả hơn nữa sự phối hợp đó, dưới sự chỉ đạo thống nhất và tuyệt đối của Đảng sẽ góp phần quyết định vào việc phát huy sức mạnh và trí tuệ của toàn dân tộc trong hoạt động đối ngoại. Đó nhân tố then chốt bảo đảm thắng lợi ngoại nước ta thời gian tới. □

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG TIẾN TRÌNH CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

NGUYỄN SINH HÙNG*

I

Năm 2004, nền kinh tế nước ta đạt được nhiều thành tựu to lớn, một mặt, do đã phát huy có hiệu quả nhiều yếu tố thuận lợi; mặt khác, đã vượt qua nhiều khó khăn, phức tạp khó lường cả ở trong nước lẫn ngoài nước, như: thời tiết diễn biến phức tạp, thiên tai, mưa lũ, hạn hán gây thiệt hại lớn; dịch cúm gia cầm xảy ra ở nhiều địa phương gây hậu quả nặng nề; giá cả thị trường thế giới nhiều mặt hàng quan trọng như thép, xăng dầu, phân bón, bông, chất dẻo, thuốc tân dược... tăng đột biến, gây tác động xấu đến sản xuất, đời sống của nhân dân và việc triển khai nhiệm vụ tài chính - ngân sách theo chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ.

Trong công tác tài chính, năm 2004 là năm đầu tiên thực hiện Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi), trong đó công tác lập và chấp hành dự toán ngân sách nhà nước đã tăng cường phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách địa phương, nhất là cấp xã, nên đã nâng cao tính chủ động của Hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định ngân sách địa phương. Tăng trách nhiệm, quyền hạn của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong quản lý và sử dụng ngân sách; quy định rõ, đơn giản các thủ tục của quy trình và nội dung thực hiện ngân sách nhà nước. Nhờ vậy, chúng ta đã huy động và quản lý, sử dụng tốt hơn nguồn lực tài chính của đất nước thực hiện

nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

Đánh giá chung nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2004 đã hoàn thành vượt mức Quốc hội giao 11,8%, tăng khá so với năm trước (17,3%), cơ cấu thu có tiến bộ, thu nội địa chiếm 51,1% tổng thu ngân sách nhà nước (năm 2002 là 50,2%, năm 2003 là 53,7%). Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách cơ bản đều vượt dự toán Quốc hội, Chính phủ giao ở tất cả 64 tỉnh, thành phố. Đáng chú ý là một số địa phương mặc dù còn có khó khăn tạm thời, nhưng đã phấn đấu tích cực để hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, vượt khá so với dự toán. Đạt được kết quả trên là do công tác triển khai các luật thuế mới đã được tổ chức tốt, kịp thời, những ưu đãi của các luật thuế mới đã được thực hiện khá đầy đủ, tác động tốt đến sản xuất kinh doanh. Công tác kiểm tra chống thất thu, chống gian lận thương mại, trốn lậu thuế, thu hồi nợ đọng ở nhiều lĩnh vực, địa bàn đạt được nhiều kết quả quan trọng. Công tác cải cách hành chính trong quản lý thu ngân sách được nhiều địa phương, cơ quan thuế, hải quan tích cực triển khai thực hiện; đã định kỳ tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, tổng hợp kịp thời những vướng mắc, khó khăn, để có giải pháp xử lý hiệu quả góp

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính

phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, mở rộng nguồn thu.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số tồn tại trong công tác thu ngân sách nhà nước là do quy mô, hiệu quả của sản xuất kinh doanh còn hạn chế, mức tăng trưởng thấp nên cơ cấu thu chưa bảo đảm tính vững chắc. Tỷ trọng thu nội địa chưa thực sự giữ vai trò chủ đạo, quyết định trong tổng thu ngân sách nhà nước. Trong tổng số tăng thu của năm 2004 so với dự toán giao, số tăng thu từ sản xuất kinh doanh chỉ đóng góp khoảng 17,8%; tăng thu chủ yếu từ nguồn từ dầu thô và tiền sử dụng đất, chiếm khoảng 63,2%. Thu từ doanh nghiệp nhà nước tuy chiếm tỷ trọng lớn trong thu nội địa (khoảng 36%), nhưng tốc độ tăng chậm, do nhiều doanh nghiệp nhà nước đạt hiệu quả thấp, số doanh nghiệp thua lỗ còn lớn, không tương xứng với nguồn vốn được đầu tư. Công tác quản lý tài chính đầu tư xây dựng của doanh nghiệp nhà nước thiếu một cơ chế kiểm tra, giám sát có hiệu quả. Công tác phối hợp của các ngành, các cấp ở một số nơi còn thiếu đồng bộ, chưa kịp thời; công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, kinh doanh trốn thuế hiệu quả chưa cao, nhất là đối với hoạt động mua bán, chuyển nhượng nhà, đất, thuế thu nhập, thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản...; nợ đọng thuế, thất thu ngân sách lớn ở một số địa phương. Công tác cải cách hành chính trong đăng ký, kê khai nộp thuế, hoàn thuế, sử dụng hóa đơn, tuy có một số tiến bộ bước đầu, nhưng kết quả còn hạn chế, chưa đồng bộ, chưa tạo thuận lợi đầy đủ cho sản xuất kinh doanh phát triển.

Nhờ tăng thu khá, công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước không những bảo đảm chi theo dự toán đầu năm đề ra, mà còn tăng vốn đầu tư những công trình trọng điểm quốc gia, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng đầu tư phát triển hạ tầng... Đáng chú ý là cơ cấu chi ngân sách có những tiến bộ quan trọng, chi đầu tư phát triển đạt 28,6%; chi

giáo dục - đào tạo, dạy nghề đạt 17,1%; chi khoa học, công nghệ đạt trên 2%. Tiếp tục thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển đối với vùng kinh tế trọng điểm; tăng mức đầu tư ngân sách hỗ trợ phát triển đối với miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có khó khăn; ngân sách bảo đảm thanh toán các khoản nợ đến hạn. Đặc biệt là giữ mức bội chi ngân sách nhà nước ở mức 4,9% GDP, giữ mức dư nợ chính phủ (đến 31-12-2004) bằng 34,7% GDP, dư nợ nước ngoài của quốc gia bằng 31,5% GDP, góp phần bảo đảm an ninh tài chính quốc gia và ổn định kinh tế vĩ mô.

Công tác thanh tra, kiểm tra tài chính - ngân sách đã phát hiện ngăn chặn nhiều sai phạm trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, góp phần chống lãng phí, thất thoát. Kho Bạc nhà nước đã ngăn chặn kịp thời hàng ngàn trường hợp chi không đúng chế độ, với mức kinh phí hàng trăm tỉ đồng. Công tác xử lý vi phạm theo kết quả thanh tra, kiểm toán, kiểm tra tài chính - ngân sách đã được thực hiện khá hơn, xử lý thu hồi ngân sách, xuất toán, giảm chi, giảm trừ cấp phát ngân sách, chuyển vào quyết toán năm sau được trên 70% những khoản phải truy thu, giảm chi theo kết luận của cơ quan thanh tra tài chính, kiểm toán nhà nước.

Bên cạnh kết quả đã đạt được nêu trên, công tác quản lý điều hành ngân sách nhà nước còn một số tồn tại cần khắc phục. Công tác phân bổ, giao nhiệm vụ ngân sách nhà nước còn chậm. Một số địa phương bố trí giảm chi lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề, khoa học, công nghệ; bố trí dự phòng ngân sách thấp hơn so với mức dự toán đã được Thủ tướng Chính phủ giao; bố trí ngân sách cho y tế dự phòng, kinh phí thực hiện chế độ khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo thấp hơn mức ngân sách trung ương đã hỗ trợ. Chỉ có một số bộ thực hiện phân bổ, giao dự toán ngân sách đúng thời gian quy định, còn đa số đều thực hiện chậm, gây khó khăn cho

các đơn vị sử dụng ngân sách. Bố trí vốn đầu tư dàn trải, phân tán. Số dự án, công trình đầu tư từ ngân sách tăng nhanh (năm 2003 có 10.596 dự án, năm 2004 lên tới 12.355 dự án). Nhiều bộ, địa phương chưa chủ động sử dụng dự toán ngân sách được giao để bố trí thanh toán nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản, do đó nợ đọng vốn xây dựng cơ bản còn ở mức cao, kéo dài và có xu hướng tăng. Tình trạng thất thoát, lãng phí trong quản lý sử dụng ngân sách còn lớn cả trong chi đầu tư và chi thường xuyên; cả trong chi đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng nhà nước và đầu tư trong khu vực doanh nghiệp nhà nước. Công tác thanh tra, kiểm tra tài chính được thực hiện khá hơn trước, nhưng còn thiếu cơ chế ngăn ngừa và phát hiện từ xa, chưa kết hợp được việc xử lý tài chính với xử lý cán bộ vi phạm.

II

Nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2005 rất nặng nề vì phải "gánh" không chỉ cho riêng năm 2005 mà cho cả nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Quốc hội, Chính phủ đã xác định mục tiêu của công tác tài chính - ngân sách năm 2005 là: *Thực hiện chính sách động viên hợp lý, phân phối có hiệu quả nhằm góp phần đạt chỉ tiêu tăng trưởng GDP 8,5%; tập trung nguồn lực tạo bước phát triển mới cả về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội nhất là ở những vùng khó khăn; giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của xã hội; bảo đảm quốc phòng - an ninh; thực hiện cải cách tiền lương; tiếp tục phân cấp nhằm tăng quyền hạn, trách nhiệm của các ngành, các cấp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý sử dụng ngân sách; bảo đảm an ninh tài chính quốc gia.* Đồng thời, Chính phủ đã đề ra nhiệm vụ cơ bản của ngân sách nhà nước năm 2005:

- Thực hiện chính sách động viên hợp lý ở mức 21 - 22% GDP; trên cơ sở thực hiện các luật thuế, chính sách thu, đồng thời thực hiện

đầy đủ các ưu đãi đầu tư nhằm khuyến khích các doanh nghiệp huy động, tích tụ vốn phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng nguồn thu ngân sách nhà nước. Thực hiện ổn định tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, tạo động lực cho các địa phương, nhất là vùng kinh tế trọng điểm tăng đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển nguồn thu ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới chính sách tài chính, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tăng tích lũy cho đầu tư phát triển, phấn đấu mức đầu tư toàn xã hội đạt 36 - 37% GDP. Đổi mới phương thức quản lý, tổ chức thực hiện chỉ đạo điều hành bố trí tập trung, quản lý, sử dụng hiệu quả nhằm nhanh chóng phát huy hiệu quả vốn đầu tư. Đẩy mạnh công tác sắp xếp lại và tăng hiệu quả vốn đầu tư, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước; tiếp tục thực hiện cổ phần hóa, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn đầu tư đối với một số tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước lớn.

- Bố trí tăng chi đầu tư phát triển đạt trên 30% tổng chi ngân sách nhà nước (bao gồm cả huy động công trái, trái phiếu chính phủ). Tập trung vốn thực hiện các công trình trọng điểm quốc gia; ưu tiên tăng đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực Tây Nguyên, Tây Bắc và Tây Nam.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong bố trí, quản lý sử dụng ngân sách, thực hiện công khai, minh bạch ngân sách nhà nước.

- Đổi mới cơ chế quản lý tài chính, giao quyền tự chủ gắn với trách nhiệm tài chính - ngân sách, về tổ chức bộ máy, về xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính, cải cách hành chính lĩnh vực tài chính - ngân sách; thực hiện phân cấp, tăng tính tự chủ, quyền hạn và trách nhiệm đối với các ngành, các cấp trong quản lý sử dụng ngân sách.

Để thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ tài chính - ngân sách trên đây, ngành tài chính cần tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

Một là: *Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh; huy động tối đa các nguồn lực phát triển; tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.*

Để hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả cần coi trọng phát triển thị trường vốn, thị trường tài chính. Nghiên cứu xây dựng Luật Chứng khoán tạo cơ sở pháp lý để từng bước hoàn thiện và mở rộng thị trường chứng khoán. Tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo phương án kế hoạch đã được quyết định trên cơ sở: sửa đổi, bổ sung những quy định về định giá doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp thuộc loại hình bảo hiểm, ngân hàng...; nghiên cứu điều chỉnh tỷ lệ đầu tư bên ngoài được tham gia cổ phần; chế độ và nguồn kinh phí giải quyết lao động dôi dư; chế độ và kinh phí xử lý công nợ. Tập trung chỉ đạo thực hiện cổ phần hóa đối với những doanh nghiệp có quy mô lớn, làm ăn có hiệu quả để huy động thêm vốn cho sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu thực hiện thí điểm phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu công ty lớn ra thị trường quốc tế. Thành lập Công ty đầu tư tài chính để đổi mới cơ chế quản lý (kinh doanh) vốn nhà nước tại doanh nghiệp và huy động vốn đầu tư cho các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Nghiên cứu cơ chế quản lý và phát triển đối với thị trường bất động sản. Đổi mới cơ chế quản lý Quỹ hỗ trợ xuất khẩu, bỏ những nhiệm vụ chỉ có tính bao cấp; tăng chi hỗ trợ mở rộng thị trường; ưu tiên các chương trình xúc tiến thương mại ngành hàng trọng điểm. Các tỉnh, thành phố thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa để khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh.

Hai là: *Thực hiện nhiệm vụ động viên ngân sách nhà nước, khuyến khích địa phương*

phấn đấu tăng thu, tăng nguồn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Muốn tăng thu cho ngân sách nhà nước cần nghiên cứu hoàn thiện chính sách động viên ngân sách (nghiên cứu xây dựng Luật Thuế sử dụng đất, thuế tài nguyên, thuế tài sản...). Từng bước thực hiện giảm mức thuế nhập khẩu theo lộ trình hội nhập, chủ động chuẩn bị các điều kiện để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới. Năm 2005 thực hiện cơ chế thưởng vượt thu từ khoản thu phân chia giữa trung ương và địa phương cho địa phương đối với số tăng thu ngân sách trung ương theo Quyết định số 194/2004/QĐ-TTg, ngày 17-11-2004 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, thực hiện cơ chế tài chính - ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh để khuyến khích hai trung tâm lớn của cả nước phát triển, làm động lực thúc đẩy các địa phương trong cả nước. Điều cần chú ý là trong dự toán năm 2005 Thủ tướng Chính phủ đã giao bổ sung từ ngân sách trung ương cho địa phương để hỗ trợ đầu tư cho các công trình, dự án quan trọng nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các địa phương khó khăn, hỗ trợ thực hiện các chính sách chế độ nhà nước mới ban hành. Các địa phương cần thực hiện đúng mục tiêu ngân sách trung ương đã hỗ trợ, đồng thời chủ động bố trí ngân sách địa phương để thực hiện đúng chế độ quy định. Không nên sử dụng ngân sách bổ sung có mục tiêu từ trung ương trái mục tiêu đã quy định, dẫn đến tình trạng phân tán, dàn trải, nợ đọng.

Ba là: *Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, tạo bước chuyển quan trọng trong bố trí, sử dụng ngân sách theo hướng tập trung, chống dàn trải; thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách tiền lương.*

Quán triệt, tổ chức thực hiện đầy đủ các giải pháp chống lãng phí, chống phân tán trong bố trí xây dựng cơ bản theo Nghị quyết của Quốc hội: Bố trí đủ vốn theo tiến độ đối

với các công trình, dự án quan trọng đang thực hiện; bố trí vốn đối ứng các dự án ODA. Các bộ, địa phương chủ động bố trí ngân sách năm 2005 được giao để sớm trả dứt điểm nợ xây dựng cơ bản; kiên quyết đình hoãn những dự án không hiệu quả; không bố trí vốn những dự án không đủ thủ tục đầu tư; không phê duyệt dự án nếu không xác định được nguồn vốn thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần quản lý chặt chẽ, không để phát sinh nợ mới, bảo đảm lành mạnh tài chính - ngân sách.

Cùng với việc nâng cao sử dụng ngân sách nhà nước, cần coi trọng thực hiện các giải pháp tạo nguồn để cải cách tiền lương theo Nghị quyết của Quốc hội: Tiết kiệm 10% chi thường xuyên; sử dụng 50% nguồn tăng thu ngân sách; sử dụng một phần (35 - 40%) nguồn thu ở đơn vị sự nghiệp (đối với viện phí không bao gồm phần mua máu, thuốc, dịch truyền và hóa chất) để thực hiện cải cách tiền lương. Sau khi các bộ, địa phương đã thực hiện đầy đủ các giải pháp nêu trên, ngân sách trung ương sẽ hỗ trợ bảo đảm nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

Bốn là: *Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển các hoạt động sự nghiệp.*

Để thực hiện giải pháp trên cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 10/2002/NĐ-CP, ngày 16-1-2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu; sửa đổi chế độ thu (mức thu, cơ chế quản lý, sử dụng nguồn thu...), một số phí, lệ phí quan trọng (học phí, viện phí...) nhằm giao đầy đủ hơn quyền chủ động, tự chủ cho đơn vị sự nghiệp cả về nhiệm vụ, tổ chức và ngân sách tạo động lực phát triển đối với khu vực này; mở rộng khoán kinh phí hành chính và biên chế đối với cơ quan quản lý nhà nước. Tập trung chỉ đạo và bố trí ngân sách để hỗ trợ thực hiện các biện pháp ưu đãi về thuế, tín dụng,

giao và cho thuê đất nhằm đẩy mạnh xã hội hóa đối với các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao; khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư các lĩnh vực này tại Việt Nam.

Năm là: *Đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao năng lực quản lý tài chính nhà nước; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực, tham nhũng; tăng cường công tác thanh tra kiểm tra tài chính.*

Thực hiện phối - kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra tài chính, tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với đơn vị thu nộp ngân sách cũng như đơn vị sử dụng ngân sách. Mặt khác, cần xử lý đầy đủ, kịp thời đối với những cá nhân tập thể vi phạm theo kết luận của các cơ quan có thẩm quyền về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Thực hiện công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kết quả xử lý. Thực hiện chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những khoản chi sai chế độ, thất thoát lãng phí ở đơn vị được giao phụ trách. Thực hiện chế độ công bố công khai ngân sách nhà nước các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn đóng góp của nhân dân để tăng cường giám sát của các đoàn thể xã hội, người lao động và nhân dân. Thực hiện rà soát các thủ tục hành chính, quy định rõ thủ tục, quy trình, thời gian thực hiện và chế độ trách nhiệm của từng bộ phận cán bộ trong việc thực hiện thu, chi ngân sách, hoàn thuế. Các cơ quan tài chính, thuế, hải quan tiếp tục định kỳ tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời phát hiện, giải quyết những khó khăn, vướng mắc. □

THÀNH PHỐ TRÈ CẦN THƠ MỘT NĂM NHÌN LẠI

LÊ NAM GIỚI *

NĂM 2004 đã khép lại, cũng là thời khắc đánh dấu tròn một năm thành phố Cần Thơ trực thuộc Trung ương. Một năm với nhiều thách thức, khó khăn, nhưng nhờ sự giúp đỡ của Trung ương, các bộ, ngành, các tỉnh bạn và sự đồng thuận của nhân dân, thành phố đã đạt được những thành tựu ban đầu rất đáng khích lệ. Tình hình kinh tế - xã hội có những chuyển biến tích cực, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của thành phố đều đạt và vượt kế hoạch cả năm, đánh dấu bước ngoặt mới, tạo đà cho những năm tiếp theo phát triển toàn diện, bền vững của Cần Thơ.

Trong năm qua tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố tiếp tục duy trì ở mức cao là 14,93%, nền kinh tế có bước phát triển tiến bộ, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng ngày càng cao, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, đời sống nhân dân được cải thiện, bình quân thu nhập đầu người đã đạt 10,023 triệu đồng (tương đương 647 USD), tăng 102 USD so với năm 2003.

Cơ cấu kinh tế năm 2004 của Cần Thơ có sự chuyển dịch tích cực, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng tăng nhanh nhất là khu vực kinh tế ngoài quốc doanh có bước phát triển khá mạnh, vượt 20,1% kế hoạch và tăng 63,6% so với năm trước; thương mại, dịch vụ phát triển đa dạng; nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa và tăng tỷ trọng trong chăn nuôi, từng bước gắn nông nghiệp với công nghiệp hóa đạt hiệu quả.

Thành phố đã huy động được các nguồn lực đáng kể cho đầu tư phát triển. Công tác xây dựng cơ bản có nhiều chuyển biến tích cực, xây dựng các khu đô thị mới được quan tâm nâng cấp, gắn việc chỉnh trang các khu phố đã có theo quy hoạch với xây dựng và phát triển vùng ngoại ô. Công tác quản lý trật tự, cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường có sự chuyển biến. Vai trò của quận, huyện được phát huy từ đó đã tạo ra một số mô hình tốt.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội có tiến bộ, nhất là công tác chăm sóc người có công, người dân tộc thiểu số và xóa đói giảm nghèo... Các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng tốt hơn.

Chính trị được ổn định, an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững. Hệ thống chính trị, nhất là tổ chức đảng không ngừng được củng cố, kiện toàn. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng tiếp tục được duy trì, đẩy mạnh, gắn liền với cải cách hành chính, chống tiêu cực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, chính sách cán bộ và công tác vận động quần chúng được quan tâm đúng mức.

Trân trọng, tự hào với những thành quả đã đạt được, Đảng bộ thành phố Cần Thơ cũng chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm để tiếp tục điều chỉnh, khắc phục, đó là:

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Lâm thời thành phố Cần Thơ

Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, vị thế của một thành phố trung tâm khu vực và chưa thật sự vững chắc, chất lượng chưa cao, chuyển dịch cơ cấu chậm, khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế còn yếu. Thành phố chưa có ngành kinh tế nào là mũi nhọn, sản phẩm nào là chủ lực. Kinh tế nhà nước chưa mạnh, kinh tế hợp tác còn nhiều yếu kém; tiềm năng của kinh tế tư nhân chưa được khơi dậy và phát huy tốt. Vai trò trung tâm, sức lan tỏa về thu hút đầu tư của Cần Thơ đối với kinh tế trong vùng còn hạn chế.

Hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội còn nhiều yếu kém, thiếu đồng bộ, lạc hậu so với yêu cầu phát triển của một thành phố trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Chất lượng nguồn nhân lực còn thiếu hụt so với yêu cầu, trong đó đáng quan tâm nhất là đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ vừa thiếu, vừa yếu, lại chưa được phát huy đúng mức, chưa có chính sách hữu hiệu để đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, thu hút chất xám.

Công tác xây dựng đảng ở một số địa phương, đơn vị chưa có sự chuyển biến đồng bộ và mạnh mẽ, nhất là cấp cơ sở nên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Công tác cán bộ vẫn còn bất cập; chưa có giải pháp đồng bộ mang tính chiến lược, chưa có khâu đột phá để xây dựng đội ngũ cán bộ đủ mạnh, có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển của thành phố trước yêu cầu nhiệm vụ mới.

Phong trào quần chúng phát triển chưa đều, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở có mặt yếu, chưa sâu sát quần chúng.

Tuy còn có những yếu kém và khó khăn nêu trên, nhưng trong năm qua, phấn khởi và tự hào với những thành tựu bước đầu đã đạt được sau một năm tách tỉnh và thành phố Cần Thơ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, Đảng bộ, nhân dân thành phố như được tiếp thêm sức mạnh để bước vào năm 2005, năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm (2001 - 2005), năm tiến hành đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Phát huy

truyền thống lịch sử và tiềm năng sẵn có, Đảng bộ và nhân dân thành phố tiếp tục quán triệt Nghị quyết Đại hội IX và Nghị quyết 21 của Bộ Chính trị để từ đó vận dụng vào điều kiện cụ thể, chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức; phát huy tính năng động, sáng tạo xây dựng Cần Thơ đến năm 2010 thành một thành phố hiện đại, văn minh, sạch đẹp, có quy mô dân số và không gian hợp lý, một trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ, đầu mối giao thông quan trọng, quốc phòng - an ninh vững mạnh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước.

Để thực hiện được phương hướng và mục tiêu trên, Đảng bộ, nhân dân thành phố Cần Thơ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

Một là, tận dụng mọi cơ hội, khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững, có hiệu quả. Phát triển các ngành sản xuất - dịch vụ theo chiều sâu, xem tri thức và thông tin là yếu tố quan trọng của tăng trưởng, có nhiều sản phẩm đặc thù, có sự cạnh tranh cao, mở ra khả năng hội nhập kinh tế quốc tế; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Để thực hiện kết quả nhiệm vụ đó, cần phải quy hoạch, sắp xếp lại công nghiệp thành phố theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, sản phẩm có hàm lượng khoa học, công nghệ cao, sử dụng công nghệ hiện đại, ít gây ô nhiễm, tập trung vào các ngành chế biến nông sản, thủy sản, rau quả, dệt may, hóa công nghiệp, hóa dược chế phẩm từ dầu khí thiên nhiên, chế phẩm sinh học, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, sản xuất vật liệu mới, công nghiệp đóng tàu, những sản phẩm tiêu dùng có lợi thế cạnh tranh trong nước và trên thế giới; xây dựng và phát triển các khu công nghiệp tập trung, xóa dần cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phân tán, manh mún, gây ô nhiễm môi trường.

Phát triển mạnh các ngành dịch vụ như: thương mại, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, du lịch, vận tải, quản lý tốt thị trường hàng hóa, thị trường tài chính, thị trường

bất động sản, thị trường khoa học công nghệ... để từng bước xây dựng thành phố trở thành trung tâm thương mại, tài chính, khoa học công nghệ lớn của đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Tiến hành quy hoạch, phát triển nông nghiệp, sắp xếp lại vùng chuyên canh gắn với bố trí lại dân cư phù hợp với yêu cầu đô thị hóa, công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại. Mục tiêu chủ yếu là cung ứng cho các siêu thị, xuất khẩu, cung cấp dịch vụ nông nghiệp cho vùng đồng bằng sông Cửu Long (nhất là giống cây trồng, vật nuôi, dịch vụ khoa học - công nghệ). Sản phẩm chính của nông nghiệp Cần Thơ là lúa gạo, hoa quả, thủy sản, thịt gia súc, với chất lượng cao, xây dựng nhiều thương hiệu đặc sản nông nghiệp của thành phố.

Coi trọng hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư để thu hút mạnh hơn đầu tư trong và nước ngoài; mở rộng dần đầu tư đến các tỉnh và ra nước ngoài.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật. Đẩy mạnh việc sắp xếp, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; phát triển kinh tế tập thể.

Đẩy nhanh xây dựng kết cấu hạ tầng và kiến thiết đô thị. Phát triển hệ thống giao thông thông suốt, bao gồm đường bộ, đường thủy, đường hàng không; nâng cấp mạng lưới điện, thông tin liên lạc, công viên cây xanh, hệ thống cấp thoát nước, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường bằng nhiều nguồn vốn. Khai thác nguồn vốn từ quỹ nhà đất trên địa bàn và huy động tối đa nguồn lực của dân. Đầu tư nâng cấp, chỉnh trang đô thị, xây dựng khu đô thị mới hiện đại "Nam Hưng Phú", khu đô thị sinh thái "Tây Vọng Cung". Thiết lập chuỗi đô thị phù hợp quy hoạch của thành phố.

Hai là, chăm lo phát triển con người một cách toàn diện. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo để nhanh chóng nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa,

hiện đại hóa, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng một xã hội học tập.

Mở rộng nâng cấp mạng lưới y tế từ thành phố đến cơ sở, làm tốt công tác y tế dự phòng, khám và chữa bệnh cho nhân dân ở Cần Thơ và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Đẩy mạnh phong trào thể dục - thể thao quần chúng rộng khắp, phát triển thể thao thành tích cao, nhất là các môn có truyền thống, có ưu thế để sớm trở thành trung tâm của vùng.

Triển khai thực hiện tốt Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 (khóa IX) nhất là những mục tiêu, nhiệm vụ về xây dựng và phát triển nền văn hóa từ nay đến năm 2010. Cụ thể là phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa quần chúng, xây dựng nếp sống văn hóa trên địa bàn dân cư, xây dựng khu Trung tâm văn hóa của thành phố đúng tầm cỡ. Tăng cường đầu tư phát triển các hoạt động văn hóa; chỉ đạo quản lý chặt chẽ các hoạt động phát thanh, truyền hình, In-tơ-nét, báo chí, xuất bản. Tạo lập môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh. Xây dựng con người theo 5 nội dung mà Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII đã đề ra phù hợp với đặc điểm của Cần Thơ là: trí tuệ - năng động - nhân ái - hào hiệp - thanh lịch.

Thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng; quan tâm chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, những người có hoàn cảnh khó khăn. Giải quyết có hiệu quả việc làm cho người lao động, nhất là cho thanh niên, cho các gia đình thuộc diện chính sách và bộ đội xuất ngũ.

Ba là, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố trong mọi tình huống. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa IX: Về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Củng cố lực lượng quân đội, Công an trong sạch, vững mạnh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; ngăn chặn và kịp thời đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch.

Bốn là, tiếp tục củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là hệ thống chính trị cơ sở. Kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”; làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo các Nghị quyết của Trung ương; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ thành phố nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng, phát triển và bảo vệ thành phố trong thời kỳ mới. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của các cấp chính quyền thành phố. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, thực hiện phân cấp quản lý; đẩy mạnh cải cách hành chính, từng bước xây dựng nền hành chính văn minh, hiện đại. Nâng cao chất lượng hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; xây dựng nền tảng chính trị vững chắc bảo đảm cho sự phát triển của thành phố. Trọng tâm của chương trình hành động là đầu tư cho công tác cán bộ, trong đó tập trung vào việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng 3 loại cán bộ: cán bộ lãnh đạo chính trị và quản lý nhà nước; cán bộ khoa học - công nghệ, văn hóa - nghệ thuật và cán bộ quản lý doanh nghiệp.

Xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ, an ninh - quốc phòng của khu vực đồng bằng sông Cửu Long và cả nước là đòi hỏi khách quan không chỉ đối với Cần Thơ mà là vấn đề có tính chiến lược của vùng và của cả nước. Để thực hiện được nhiệm vụ lịch sử trọng đại và vẻ vang này, một mặt đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Cần Thơ tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, khai thác mọi nguồn lực trong và ngoài thành phố, nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn thử thách, tự lực tự cường, phấn đấu vươn lên mạnh mẽ trong thời kỳ mới. Mặt khác thành phố cũng đề nghị Trung ương, Chính phủ, Quốc hội quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời; đề nghị các bộ, ban, ngành đoàn thể nhân dân và các địa phương trong cả nước sự giúp đỡ và phối hợp chặt chẽ. Với sức mạnh tổng hợp ấy Đảng bộ và nhân dân Cần Thơ tin tưởng rằng việc xây dựng, phát triển thành phố trở thành một trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của cả vùng, từ nay

đến năm 2020 nhất định đạt được mục tiêu đề ra. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhân chuyến về thăm thành phố, ngày 21-12-2004, Cần Thơ đang tập trung đầu tư công sức, nghiên cứu xác định rõ hơn, đầy đủ hơn vị thế của mình để xây dựng thành phố thành trung tâm sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ rộng mở, giao lưu với các địa phương và các nước trong khu vực.

Nhìn lại một năm chặng đường đã đi qua, thành phố Cần Thơ tự tin vững bước cùng cả nước, vì cả nước, xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng và nhân dân.

Mặt khác thành phố cũng đề nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội cần có sự chỉ đạo sát sao kịp thời; đề nghị các bộ, ban, ngành, đoàn thể nhân dân và các địa phương trong cả nước sự giúp đỡ và phối hợp chặt chẽ. Với sức mạnh tổng hợp ấy Đảng bộ và nhân dân Cần Thơ tin tưởng rằng việc xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trở thành “Tây Đô” và là Trung tâm kinh tế văn hóa - chính trị của cả vùng, từ nay đến năm 2020 nhất định đạt được mục tiêu đề ra. Thực hiện bằng được ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị trong buổi làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy lâm thời ngày 31-12-2004, tại Hà Nội: Cần Thơ phải là thành phố đồng bằng cấp quốc gia với nhiều chức năng, là đô thị xanh, văn minh, hiện đại, là thành phố cửa ngõ hạ du lưu vực sông Mê Công; là trung tâm khu công nghiệp, trung tâm thương mại - dịch vụ; trung tâm giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ; trung tâm y tế - văn hóa; là đầu mối giao thông vận tải quan trọng của vùng và liên vận quốc tế; là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược của vùng và liên vận quốc tế; là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng - an ninh của vùng Tây Nam Bộ và cả nước. Việc xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ phải được đặt trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội khu vực đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, trong đó thành phố Cần Thơ là một cực phát triển đóng vai trò động lực thúc đẩy sự phát triển của vùng. Đồng thời phải xác định Cần Thơ là một trung tâm kinh tế nông nghiệp của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. □

MANG chút hăm hở, lãng mạn của người làm báo mới vào nghề, xuân này tôi bồi hồi ngược miền Tây Bắc... Cơn lạnh cuối năm kèm theo mưa phùn gió bắc như cắt da, cắt thịt làm cho chuyến đi thêm vất vả nhưng không kém phần thơ mộng.

Rời Hà Nội 5 giờ sáng, 20 giờ tối tôi đã đến thị xã Lai Châu. Sương trắng giăng đầy trời, mây, núi điệp trùng, kỳ vĩ tinh khôi đến vô cùng... tình đất, tình người ngát ngậy, quần quýt trong hương vị nồng cay của chén rượu ngô Sùng Phài, và bát xôi nếp Tan thơm dẻo... Đó là tất cả những gì tôi nhận được trong thời khắc đầu tiên của mùa xuân trên thị xã Lai Châu.

Đồng chí Lò Văn Giàng, Phó bí thư Thường trực Tỉnh ủy Lai Châu cho biết, trong tương lai, thị xã Lai Châu sẽ trở thành một khu đô thị đặc thù của vùng núi cao, biên giới với kiến trúc độc đáo và hiện đại, mang đậm sắc thái văn hóa các dân tộc... Sẽ có trục đường nội thị với 4 làn đường rộng từ 60 - 80 m, chạy từ phía đỉnh đèo Hồng Thu Mán đến sườn phía đông dãy Pu Sam Cáp, sẽ có những khu công sở, những khu biệt thự, những mái trường, khu dân cư tọa lạc trên sườn các dải đồi thấp bao quanh thung lũng Nậm Lởong, Bản Đông, Nông trường Tam Đường... lung linh ánh điện.

Lai Châu đầu xuân nhịp sống sôi động, thay đổi từng giờ. Mùa xuân là mùa lễ hội, cũng là mùa khô, mùa của vận tải và xây dựng... Khắp các vùng quê, bừng bừng một không khí lao động khẩn trương, người người, nhà nhà đều đổ ra đồng, ra công trường..., lên

núi, vào rừng, đến trường, đến công sở... Trăm ngàn công việc níu kéo lúc xuân về tết đến, thật khó tìm một người nhàn rỗi, nhõn nhõn trước 21 giờ đêm ở chốn này. Cần cù, chịu khó, ham say lao động, chăm chỉ học hành..., đó là phẩm chất đặc biệt của đồng bào các dân

tộc Lai Châu, phẩm chất đó đã ghi dấu ấn trong dáng đi, gương mặt, giọng nói, tiếng cười và cử chỉ của từng người, trở thành nét văn hóa không dễ trộn lẫn. Đồng bào Lai Châu vốn kiêu hãnh, yêu công việc, quen chịu đựng gian khổ. Cuộc sống tuy còn nhiều khó khăn thiếu thốn nhưng rất lãng mạn, rất yêu đời... Càng tiếp xúc với họ càng chiêm nghiệm được nhiều điều kỳ thú. Đúng là "đi một ngày đàng, học một sàng khôn".

Mùa xuân Lai Châu, thời tiết khắc nghiệt, không mưa, không nắng nhưng rất khô hanh. Sương muối, gió bắc quạt khô trắng những vạt rừng, đất đai kiệt nước, nứt nẻ như rang. Khô hạn, thiếu nước sinh hoạt, sản xuất, nguy cơ cháy rừng, hỏa hoạn là những nỗi lo thường trực của đồng bào miền núi trong mỗi dịp Tết đến. Hệ thống sông suối rất nhiều, lưu lượng nước vào mùa mưa rất lớn, nhưng mùa khô hầu hết đều cạn kiệt, nhiều con suối trông tro đá sỏi. Hiện nay, tỉnh chỉ giải quyết được một phần rất nhỏ nước sạch phục vụ sinh hoạt cho đồng bào ở khu vực thị xã. Hơn ba trăm ngàn người dân trong tỉnh, chủ yếu dựa vào nguồn nước tự nhiên từ sông, suối, ao hồ. Tỉnh chưa có nhà máy sản xuất nước sạch nên mùa khô nguồn nước sinh hoạt hoàn toàn bị động. Ở vùng cao, đồng bào sử dụng nước nguồn, nước mạch, có nơi phải đi cả ngày đường mới lấy được nước.



Không có nước tưới, nương ruộng, đồi vườn để hoang hóa, sản xuất không phát triển, đời sống đồng bào khó khăn lại càng thêm vất vả. Giải quyết vấn đề nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nước tưới phục vụ sản xuất trong mùa khô ở Lai Châu còn là một bài toán nan giải trong nhiều năm nữa.

Trong khó khăn chung hiện nay của Lai Châu, đồng bào ở những vùng nằm trong chương trình quy hoạch sắp xếp lại dân cư, tái định cư là những người chịu nhiều ảnh hưởng nhất. Thị trấn Phong Thổ, huyện lỵ Tam Đường vừa được chia tách (từ huyện Phong Thổ) cuối năm 2002, chưa kịp ổn định đã phải nhanh chóng di dời về Bình Lư nhường cơ ngơi nhỏ nhoi cho cơ quan tỉnh. Ở khu vực thị xã Lai Châu tình trạng quá tải về nhiều mặt chưa thể khắc phục được nên đời sống, sinh hoạt của nhân dân và cán bộ còn gặp nhiều khó khăn; nơi ăn chốn ở chật chội, giá cả đắt đỏ, cung không đủ cầu. Phần lớn hàng hóa và nhu yếu phẩm phục vụ sinh hoạt cho nhân dân ở khu vực này đều được chuyển từ Điện Biên, Lào Cai đến và từ miền xuôi lên, vì vậy thường bị động về nguồn hàng và giá cả. Khu vực Phong Thổ, Tam Đường, Bình Lư đã mở ra một thị trường tiêu thụ nông sản, thực phẩm lớn, nhưng đồng bào đã bỏ lỡ thời cơ, do tập quán canh tác lạc hậu, thói quen sản xuất tự cung tự cấp, chưa quen sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường, chậm đổi mới về tư duy, cơ cấu vật nuôi cây trồng chưa chuyển đổi kịp...

Tuy Lai Châu còn nghèo, nhưng xuân về thật tung bừng náo nhiệt. Mùa xuân rực rỡ, độc đáo, đậm đà, sâu lắng, pha chút trầm tư, ý nhị, kín đáo, trong sự giao hòa thú vị của bản sắc văn hóa các dân tộc. Sự đồng điệu, nét đặc thù, điểm chung, nét riêng, dấu ấn của bản sắc văn hóa các dân tộc hiện hình trong nếp sống, trang phục, cách ứng xử giao tiếp hàng ngày của đồng bào các dân tộc. Dễ dàng nhận thấy

nét văn hóa phong phú, đa dạng trong mỗi ngôi nhà, mỗi tà áo, vành khăn... Cô gái Mông tay thoăn thoắt xe lanh, càng thêm hấp dẫn trong tấm khăn Piêu của đồng bào Thái; cô gái Thái, duyên dáng, tình nghịch, mặt ửng hồng thưởng thức món Thắng cố - đặc sản của đồng bào Mông mỗi dịp lễ tết, hội hè. Chàng trai Dao, chàng trai Mảng, chàng trai Khơ Mú mơ màng cạn bát rượu ngô Sùng Phài, ngào ngạt men say; cô gái kinh đầu mang khăn Piêu, vai khoác túi thổ cẩm rực rỡ uyển chuyển tung quả Còn xanh, đỏ lên cây nêu đầu chợ; chàng trai Giáy, cô gái Dao, chàng trai Lào, cô gái Hoa náo nức trong nhịp tính tẩu rộn ràng, trong điệu khèn gọi bạn, thướt tha trong điệu Khắp, điệu Xòe, điệu múa Sạp, mượt mà điệu hát Văn buổi đầu xuân... Trong công sở, trên công trường, ngoài đồng ruộng, quanh bàn tiệc, trong ngày chợ phiên, hay đêm lễ hội... người Mông, người Thái, người Dao, người Hà Nhì, Xạ Phang..., gần bó với nhau khăng khít chẳng rời, tình thân ấy thấm đẫm trong giọng nói, tiếng cười, ẩn sâu trong tâm hồn, tình cảm mỗi con người, khăng khít keo sơn như anh em một cội. Cùng chung sống, cùng xây dựng quê hương Lai Châu thành vùng quê giàu đẹp xứng đáng với truyền thống quê hương cách mạng. Văn hóa Việt, Mông, Thái, Hoa, Lô Lô, Cống, Lào, Khơ Mú, Mảng, Na U, Hà Nhì, Xạ Phang, Dao, Giáy... văn hóa của hơn 20 dân tộc sinh tụ trên vùng đất Lai Châu đã đan xen, hòa quyện trong nhau, kết thành nền tảng văn hóa đặc thù bền chặt không nhạt nhòa, pha trộn, *đó là tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, là niềm tin son sắt, là tình yêu sâu sắc đối với Đảng và Bác Hồ.*

Đồng chí Nguyễn Minh Quang, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cho biết, sau Hội nghị già làng trưởng bản toàn tỉnh (tháng 11-2004), tỉnh đã cử nhiều đoàn cán bộ về cơ sở, giúp đồng bào đẩy

manh sản xuất và chuẩn bị mọi điều kiện tinh thần, vật chất đón xuân. Lai Châu hiện đang là tỉnh nghèo nhất cả nước, nhưng Đảng bộ Lai Châu quyết tâm phấn đấu không để đồng bào thiếu thốn về tinh thần vật chất trong dịp tết. Lai Châu lại được sự giúp đỡ nhiều mặt của trung ương và đồng bào cả nước. Một lượng hàng hóa lớn đã và đang ngày đêm được vận chuyển từ miền xuôi lên; đồng bào nghèo được giúp đỡ kịp thời về tinh thần, vật chất, các gia đình thương binh, liệt sĩ, các gia đình chính sách, người có công được động viên, chăm sóc chu đáo để kịp đón xuân.

Chúng tôi về hợp tác xã Duy Phong, xã San Thàng, nơi định cư của đồng bào quê ở huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, lên xây dựng vùng kinh tế mới từ những năm 70 của thế kỷ XX. Những đồi "chè Shan" ngút ngàn tầm mắt, vừa được đón tia công phu, phô ra những cảnh khắng khiu trắng mốc đang âm thầm tích nhựa, góp hương thơm, mật ngọt của nắng gió, đất trời, chờ đâm chồi nảy lộc vào dịp mưa xuân. Những ngôi nhà mái ngói đỏ tươi, những vật su hào, cải bắp ngời xanh, đàn trâu, đàn lợn sênh sang trong chuồng. Nhìn cảnh trù mật của làng bản, chẳng thể nào nhận ra đây là vùng đang khô hạn, cằn không sao tưởng tượng được cách đây hơn ba chục năm vùng này còn chưa có đường đi, còn bạt ngàn cỏ tranh, lau, lách, đá tai mèo. Đồng chí Nguyễn Văn Công, Bí thư Đảng ủy xã, cho hay, Duy Phong là một trong những mô hình làm ăn khá của tỉnh. Cây chè Duy Phong đã có chỗ đứng trên thị trường trong và ngoài nước, trở thành hàng hóa từ nhiều năm nay, đời sống của bà con ngày càng khấm khá. Duy Phong đang tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển chăn nuôi, làm kinh tế đồi rừng, vườn rừng, xây dựng mô hình kinh tế trang trại, đẩy mạnh chế biến, thương mại dịch vụ..., khuyến khích người dân làm giàu. Duy Phong không còn hộ

đói, đã cơ bản xóa hộ nghèo, từng bước đẩy lùi tệ nạn ma túy. Tỉnh đã có chủ trương nhân rộng mô hình này ra những vùng di dân tái định cư thủy điện Sơn La trong những năm trước mắt. Trong căn nhà nhỏ còn thơm mùi vôi mới, cô giáo Trần Thị Bắc (giáo viên trường mầm non) rung rung nước mắt bày tỏ lòng biết ơn Đảng, chính quyền và nhân dân trong tỉnh đã nhường cơm, sẻ áo tạo điều kiện cho mẹ con cô được vui xuân trong ngôi nhà mới nặng tình nghĩa đồng bào. Cũng như cô giáo Bắc, năm qua hàng ngàn gia đình nghèo trong tỉnh Lai Châu đã được hỗ trợ mái nhà, đồng vốn, mảnh ruộng, con trâu yên tâm làm ăn sinh sống, vươn lên chiến thắng đói nghèo.

Dừng chân ở bản Chu Va (xã Bình Lư - Tam Đường) - một bản đồng bào Mông mới xuống núi định cư khoảng 5 năm trở lại đây, chúng tôi đã nhận thấy sự đổi đời của người dân qua mái trường tươi màu ngói mới, gương mặt học trò sáng rỡ nụ cười. Ông trưởng bản cho biết đó là kết quả chương trình xóa đói giảm nghèo và định canh định cư của tỉnh. Từ chỗ du canh, du cư phá rừng làm nương đồi sống thiếu thốn trăm bề, ngày nay người dân Chu Va đã có ruộng, có rừng, điện, đường, trường trạm, bể nước, con bò, mái nhà, Khang trang, ẩm cúng. Tập quán canh tác lạc hậu xưa kia đã dần bị xóa bỏ, nếp nghĩ mới, lối làm ăn mới đã gõ cửa từng nhà. Không chỉ lo ăn, lo mặc, đồng bào đã biết lo tích lũy làm giàu. Mô hình định canh định cư, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng, bỏ tập quán phá rừng làm nương, phát triển chăn nuôi trâu bò, làm kinh tế rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng của Chu Va, đang được nhân ra diện rộng. Tỉnh đã tập trung thực hiện tốt các chính sách: khai hoang, tín dụng, thực hiện khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ nhà ở, khám chữa bệnh miễn phí, ưu đãi trong giáo dục cho người nghèo. Tổng kinh phí chi cho các chính sách này khoảng 20 tỉ

đồng một năm. Mục tiêu: mái nhà, bể nước, con bò (trâu), 0,5 ha ruộng nước hoặc ruộng bậc thang, 2 ha rừng... cho mỗi hộ nghèo ở Lai Châu đang từng bước trở thành hiện thực.

Ngày xuân, nán náu lại Lai Châu, chúng tôi được tiếp xúc nhiều với đồng bào các dân tộc và cán bộ cơ sở. Ấn tượng về người cán bộ Lai Châu - những công bộc mẫn cán, sẵn sàng chịu thiệt thòi, dám đương đầu với khó khăn, hết lòng vì hạnh phúc của đồng bào đã in đậm trong tâm trí chúng tôi. Từ đồng chí lãnh đạo cao nhất của tỉnh đến những công chức bình thường ai cũng sẵn sàng mì tôm, cơm nắm, ống nước trên vai lội bộ hai ba ngày đường, vượt hàng trăm cây số để đến với đồng bào các bản xa, nơi cái đói cái nghèo còn đêm ngày rình rập. Nhiều đồng chí cán bộ quê ở miền xuôi đã gắn bó trọn đời nơi vùng cao biên giới, trở thành những thần tượng tinh thần trong đời sống đồng bào, được đồng bào tin yêu, kính trọng và tôn vinh như già làng, trưởng bản, nương tựa, chia sẻ như người thân trong gia đình, dòng họ. Họ không chỉ là cầu nối giữa dân với chính quyền, với Đảng mà còn là hiện thân của chính quyền, của Đảng. Đó chính là mạch nguồn, là mảnh đất tốt tươi cho những mầm xanh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đâm chồi nảy lộc.

Đội ngũ cán bộ ở Lai Châu hiện nay còn bộc lộ nhiều bất cập về trình độ và năng lực chuyên môn, nhưng lại rất giàu sức trẻ, nhiệt tình, năng động, có phẩm chất đạo đức trong sáng, được tôi luyện và trưởng thành trong thực tiễn, dám nghĩ, dám làm, tâm huyết với quê hương, khao khát xây dựng Lai Châu nhanh chóng thoát khỏi tình trạng tỉnh đặc biệt khó khăn. Lai Châu đang xúc tiến công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ về mọi mặt, đáp ứng được những yêu cầu và nhiệm vụ mới. Cùng với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị

qua các trường lớp, Lai Châu còn chú trọng đào tạo cán bộ trong thực tiễn. Thực hiện chủ trương luân chuyển, đưa cán bộ về cơ sở, với phương châm 3 cùng “*cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc*” với nhân dân, tăng cường năng lực lãnh đạo cho chính quyền cơ sở, tạo dựng bầu không khí dân chủ, cởi mở trong nhân dân, thu hẹp khoảng cách giữa dân với Đảng, với chính quyền.

Năm 2004 đã kết thúc, đánh dấu một chặng đường mới - sự khởi đầu đầy ý nghĩa của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lai Châu. Mười hai *Chương trình phát triển kinh tế - xã hội lớn của tỉnh, giai đoạn 2004-2010* đã được hoạch định và bước đầu triển khai thực hiện. Trong đó, chương trình xóa đói giảm nghèo được đặc biệt ưu tiên. Sau một năm khởi động với 2 dự án lớn: *xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào La Hủ và Mảng* (2 dân tộc đặc biệt khó khăn chỉ cư trú trên địa bàn tỉnh Lai Châu) và *xóa đói giảm nghèo cho 10 xã đặc biệt khó khăn của tỉnh* đã đạt được một số kết quả khả quan. Với phương châm, tỉnh nắm huyện, huyện nắm xã và xã nắm đến hộ gia đình. Lai Châu đã giao cho các ban, ngành, đoàn thể trong toàn tỉnh, mỗi đơn vị trực tiếp giúp đỡ một xã nghèo. Bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng thêm nhiều nét tươi mới. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt kế hoạch, trong đó: xây dựng cơ bản đạt 131,137 tỉ đồng, tăng 15,6% so với năm 2003; du lịch dịch vụ đạt 150,261 tỉ đồng, tăng 9,18% so với năm 2003; tổng sản lượng lương thực đạt 100.000 tấn, vượt 3% chỉ tiêu kế hoạch; thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 30 tỉ đồng... Đời sống nhân dân ngày càng ổn định, tỷ lệ hộ đói nghèo ngày càng giảm.

Năm 2005, tỉnh Lai Châu xác định *phấn đấu hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch 5 năm 2001 - 2005*. Tập trung nguồn lực phát triển mạnh các ngành có tiềm năng, lợi thế với

các chương trình, dự án ưu tiên; bằng nhiều biện pháp tăng thu ngân sách. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, theo hướng khai thác tiềm năng, thế mạnh, tạo nhiều sản phẩm hàng hóa, tăng nhanh sản phẩm xã hội. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa và xóa đói giảm nghèo, giải quyết các tệ nạn xã hội, lấy năm 2005 là năm xóa đói giảm nghèo. Gắn phát triển kinh tế với xây dựng hệ thống chính trị, nhất là hệ thống chính trị cơ sở. Xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh vững mạnh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. Phát huy cao độ các nguồn lực trong và ngoài nước, thực hiện tái định cư cho đồng bào nằm trong vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, Bản Chát theo phương châm đầu tư có hiệu quả, không dàn trải. Làm sao cho 100% thôn bản có cán bộ y tế, 100% xã có y sĩ, 13 xã có bác sĩ, 10 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế cơ sở. Giảm tỷ lệ sinh hằng năm xuống 1,2%; đạt 64% xã có điện, 90% xã có điểm bưu điện văn hóa xã và thêm 7 xã có đường ô tô đến trung tâm. Thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm: Chương trình thâm canh lúa cao sản cánh đồng Than Uyên; Chương trình phát triển chăn nuôi đại gia súc; Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản; trồng rừng nguyên liệu giấy, gỗ ván ép; Chương trình phát triển giao thông nông thôn.

Bước sang năm mới, Lai Châu còn nhiều việc phải làm. Trước hết là, tuyên truyền rộng rãi, nâng cao nhận thức cho nhân dân, nhất là đối với nhân dân vùng cao, vùng sâu, vùng xa, các bản, các xã có tỷ lệ đói nghèo cao về công tác xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm; từng bước xóa bỏ tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước và cộng đồng, phải tự vươn lên xóa đói giảm nghèo.

Xây dựng tổ chức các cơ sở đảng tại các xã nghèo đạt trong sạch vững mạnh đủ sức lãnh đạo hoàn thành mọi nhiệm vụ. củng cố Ban

chỉ đạo xóa đói giảm nghèo các cấp; phân công nhiệm vụ cho các cơ sở, ban, ngành, đoàn thể phụ trách giúp đỡ các xã, bản trong công tác xóa đói giảm nghèo.

Phát triển các Trường dân tộc nội trú, Trường trung học Sư phạm, Trường Y, Trường dạy nghề để đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh, góp phần giải quyết việc làm. Gắn xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp với bố trí sắp xếp lại dân cư từ những nơi thiếu đất canh tác, khan hiếm nguồn nước đến những nơi có tiềm năng về đất đai, nguồn nước và tiện đường giao thông để ổn định cuộc sống lâu dài.

Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển. Xây dựng chính sách thu hút các nhà đầu tư, các nguồn lực đầu tư vào Lai Châu bằng các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ khai thác các lợi thế của tỉnh nhà để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

Sớm ban hành các chính sách hỗ trợ kinh tế tư nhân để thành phần kinh tế này phát triển mạnh, không hạn chế về quy mô, kể cả doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn. Ổn định tổ chức các cơ quan cấp tỉnh và các huyện mới chia tách; xây dựng bộ máy tỉnh gọn nhẹ với hiệu lực và hiệu quả cao. Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cấp, chuyên gia các ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện chính sách thu hút nhân tài và sử dụng chuyên gia phục vụ những yêu cầu phát triển của tỉnh.

Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành trong xây dựng, triển khai kế hoạch. Thực hiện nghiêm chỉnh, triệt để công tác giám sát, đánh giá đầu tư để quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư, bảo đảm đầu tư có hiệu quả. Thực hiện thắng lợi những mục tiêu đó, không chỉ làm cho xuân nay, mà cả những mùa xuân sau Lai Châu thêm tươi đẹp và no ấm. □

NOI con sông Hồng chảy vào đất Việt" là một phần ca từ của bài hát về các chiến sỹ biên phòng ở Lào Cai - nơi địa đầu Tổ quốc. Và như một lẽ bình thường, phần ca từ này đã trở thành đầu đề của nhiều tác phẩm báo chí phản ánh cuộc sống, sự cống hiến với tinh thần "vì nước quên thân, vì dân phục vụ" của cán bộ, chiến sỹ biên phòng trên miền biên cương điệp trùng của Tổ quốc. Lần này, trong bài báo đầu xuân Ất Dậu, chúng tôi cũng lấy lại những ca từ làm đầu đề, nhưng không phải viết về các chiến sỹ biên phòng nơi đây mà viết về Lào Cai trên con đường đổi mới và phát triển.

Ngược dòng lịch sử

Theo các tư liệu lịch sử, trước công nguyên, Lào Cai đã từng là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của người Việt cổ. Những hiện vật khai quật được tại các di chỉ khảo cổ trên đất Lào Cai đã cho thấy sự xuất hiện rất sớm của nền văn hóa Đông Sơn trên mảnh đất này. Những hiện vật về văn hóa Đông Sơn tìm thấy tại Lào Cai đã chứng minh nơi đây là địa bàn sinh sống của tộc người Âu Việt. Tộc người này hồi thế kỷ thứ III trước công nguyên đã cùng với bộ tộc Lạc Việt làm nên cuộc hợp nguồn lịch sử, lập lên nước Âu Lạc thời Thục Phán. Hơn hai nghìn năm trước, Lào Cai là đô thị sầm uất, nối liền Giao Chỉ (Bắc Bộ) với các quốc gia vùng Điền (Vân Nam), Thục (Tứ Xuyên) của Trung Quốc và Thân Độc (Ấn Độ).

Lịch sử cận đại Việt Nam ghi nhận rằng, vào đầu thế kỷ XIX, Lào Cai là một trong ba cửa khẩu lớn trong toàn quốc "có tuần ty trông nom việc thu thuế, hằng năm thu được hàng ngàn lạng bạc". Đầu thập niên 80 của thế

"Nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt"

TẤN VŨ - HẢI QUỲNH

kỷ XIX, hằng tháng có tới 30 - 40 lượt tàu, thuyền cập bến Lão Nhai (tên cổ của Lào Cai). Từ khi cầu Hồ Kiều được xây dựng (năm 1898) nối Lào Cai với Hà Khẩu (Vân Nam - Trung Quốc) và tuyến đường sắt Hải Phòng - Lào Cai - Côn Minh được đưa vào sử dụng (năm 1912) thì hoạt động giao thương giữa hai nước lại càng trở nên nhộn nhịp. Sau năm 1954, cửa khẩu Lào Cai lại tiếp tục đưa đón những đoàn tàu của sự giao thương kinh tế giữa Việt Nam với vùng Tây Nam Trung Quốc, tiếp nhận sự chi viện của các nước bạn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Lịch sử đã giao phó cho Lào Cai giữ vị trí cửa ngõ của Việt Nam vào Tây Nam Trung Quốc với nhiều lợi thế so sánh. Thiên nhiên lại ưu đãi, ban tặng cho Lào Cai nhiều tài nguyên khoáng sản. Ba mươi lăm loại khoáng sản khác nhau với trên 150 điểm mỏ có giá trị công nghiệp, trong đó có nhiều khoáng sản quý có chất lượng cao, trữ lượng lớn như apatit, đồng, sắt, graphit, đất hiếm... cùng với tiềm năng dồi dào về thủy điện là lợi thế của Lào Cai để phát triển công nghiệp. Nhiều danh lam, thắng cảnh nổi tiếng như Sa Pa, Bắc Hà, Mường Hum, Mường Vi với nền văn hóa truyền thống độc đáo, nguyên sơ của các dân tộc anh em... là những điểm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến với Lào Cai.

Hơn nữa, Lào Cai lại tiếp giáp với Vân Nam, là một trong 4 tỉnh, thành phố của Trung Quốc, có ngành kinh tế du lịch phát triển nhất. Tỉnh Vân Nam có 43 triệu người, nhưng năm 2003 đã đón 52 triệu lượt khách du lịch. Đây cũng là cơ hội để du lịch Lào Cai học hỏi, hợp tác và phát triển. Sự hợp tác chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước, nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc trên tinh thần 16 chữ vàng **"Láng giềng thân thiện, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai"** vì lợi ích giữa hai dân tộc đã mở ra cho Lào Cai lợi thế về thương mại mà ít nơi có được. Nằm trên tuyến hành lang kinh tế động lực Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, lại có cửa khẩu quốc tế với Hà Khẩu (Trung Quốc), Lào Cai đã trở thành cửa ngõ thông thương lớn nhất ở phía Bắc, nối nước ta, các nước trong khu vực Đông - Nam Á với thị trường gần 400 triệu dân thuộc miền Tây rộng lớn của Trung Quốc. So với các cửa khẩu mở đến thị trường Trung Quốc bao la đầy tiềm năng, Lào Cai là một cứ điểm thuận lợi nhất. Hiếm có cửa khẩu quốc tế nào lại hội đủ các loại hình vận tải như đường sắt, đường bộ, đường sông và khả năng phát triển hàng không như cửa khẩu quốc tế Lào Cai. Đây cũng chính là lợi thế quan trọng của Lào Cai khi được chọn lựa xây dựng khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc trong tương lai gần.

Hiện thực sôi động

Tính đến nay, việc bình thường hóa quan hệ Việt - Trung đã được hơn 10 năm. Kể từ khi tỉnh Lào Cai được tái lập (tháng 10 - 1991), quan hệ giao lưu kinh tế - xã hội giữa Lào Cai với các tỉnh Tây Nam Trung Quốc, nhất là với tỉnh Vân Nam ngày càng được đẩy mạnh và có những bước phát triển tốt. Ai đã đến cửa khẩu quốc tế Lào Cai mười năm về trước hẳn sẽ ngỡ ngàng trước một cơ ngơi khang trang, hiện đại ngày hôm nay. Các hoạt động thương mại trao đổi hàng hóa, hoạt động đầu tư liên doanh, liên

kết, hợp tác kinh doanh, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa,... ngày càng sôi động, đa dạng và phong phú. Đời sống kinh tế - xã hội cư dân biên giới được nâng cao, an ninh - quốc phòng được củng cố, mối quan hệ hữu nghị, hợp tác được tăng cường và phát triển. Việc Chính phủ mỗi nước cũng như chính quyền địa phương hai tỉnh Lào Cai và Vân Nam ban hành, áp dụng các chính sách ưu đãi, các biện pháp quản lý hữu hiệu tại khu kinh tế cửa khẩu với mục đích phát huy tối đa lợi thế của mỗi bên, bảo vệ nền sản xuất và thị trường nội địa, tạo động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường mối quan hệ giao lưu kinh tế, cải thiện quan hệ hữu nghị ... trong đó hoạt động trao đổi hàng hóa giữa hai bên qua cửa khẩu Lào Cai là yếu tố có vai trò quyết định. Hiệu ứng của những chính sách này thể hiện rất rõ qua nhịp sống sôi động thường nhật không chỉ ở khu vực cửa khẩu mà ngay trên những nẻo đường tới Lào Cai cũng dễ nhận thấy điều này. Hàng đoàn xe tải chất đầy hàng hướng tới Lào Cai và từ Lào Cai tỏa về các tỉnh thành trong cả nước; tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai đã hoạt động hết công suất, nhưng dường như vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của Lào Cai. Chỉ trong 10 năm, kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Lào Cai đã tăng xấp xỉ 25 lần, từ 14 triệu USD (năm 1994) lên 340 triệu USD (năm 2004). Kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh Lào Cai với Vân Nam (Trung Quốc) kể từ năm 1996 trở lại đây cũng có bước tăng trưởng đáng kể, từ 11,3 triệu USD năm 1996 lên gần 30 triệu USD năm 2004. Mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc qua cửa khẩu Lào Cai là khoáng sản (quặng sắt, quặng đồng, crôm...) chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 30%); hàng nông, lâm, hải sản (gỗ rừng trồng, cao-su nguyên liệu, mía cây nguyên liệu, sản khô, rau hoa quả tươi, hải sản đông lạnh và khô...); hàng tiêu dùng (hóa

mỹ phẩm, giày dép, bàn ghế nhựa, đồ thủ công mỹ nghệ...). Từ Trung Quốc qua cửa khẩu Lào Cai, hàng nghìn tấn thiết bị, máy móc, phụ tùng, nguyên liệu phục vụ sản xuất, phân bón, giống cây trồng, vật liệu xây dựng, hàng nông sản như hoa, rau, củ, quả tươi, hàng tiêu dùng... được nhập vào nước ta.

Tại Hà Khẩu (Vân Nam - Trung Quốc), chính quyền địa phương cho quy hoạch và quyết định xây dựng khu "Chợ Việt Nam" quy mô tương đối lớn, với các thủ tục và điều kiện để người Việt Nam được hưởng lưu trú, kinh doanh thuận lợi nên đã thu hút trên 400 thương nhân Việt Nam sang kinh doanh ổn định. Phía Trung Quốc đã quy hoạch và xúc tiến đầu tư xây dựng khu thương mại tự do Trường Thành với vai trò là chợ hải sản với các chính sách ưu đãi, nhằm thu hút được nhiều hàng hóa là các sản vật có giá trị của Lào Cai cũng như của Việt Nam, nhất là hải sản; đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của Trung Quốc vào Việt Nam qua cửa khẩu Lào Cai.

Nét chấm phá quan trọng nhất trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở nơi địa đầu Tổ quốc là hoạt động của khu kinh tế cửa khẩu. Hiện nay, Lào Cai đã thực hiện quy hoạch và di chuyển trung tâm hành chính tỉnh lỵ về khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường, dành toàn bộ thị xã Lào Cai hiện nay để phát triển thương mại, dịch vụ, trong đó bốn cụm kinh tế trọng điểm: Cửa khẩu quốc tế, Khu Thương mại Kim Thành, Khu Công nghiệp Bắc duyên hải và Đông Phố Mới giữ vai trò "kéo - đẩy" khu kinh tế cửa khẩu phát triển và hội nhập. Kể từ khi hình thành và đi vào hoạt động đến nay, khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đã thực sự đóng góp rất lớn cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng thương mại - dịch vụ, tăng nguồn thu cho ngân sách của tỉnh, thúc đẩy sản xuất, tạo nhiều việc làm và nâng cao đời

sống nhân dân biên giới, làm sôi động các hoạt động thương mại và đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu. Diện mạo khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đang thay đổi từng ngày. Mạng lưới thương mại khu vực biên giới với hệ thống đường giao thông, bến bãi, kho tàng, chợ, cửa hàng miễn thuế, trung tâm thương mại, khu thương mại, kho ngoại quan,...cùng các hoạt động dịch vụ như vận tải, ngân hàng, bưu chính - viễn thông, tư vấn, du lịch, hội chợ triển lãm,... đã và đang được hình thành, tuy chưa được trang bị đầy đủ, hiện đại nhưng đã đáp ứng được nhu cầu giao lưu kinh tế và phát triển quan hệ giữa hai bên biên giới. Hội chợ Thương mại quốc tế Việt - Trung được tổ chức luân phiên hằng năm đang dần trở thành hoạt động giao lưu không thể thiếu trong đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân hai nước.

Từ tháng 7-2004, Lào Cai và Vân Nam đã thực hiện kéo dài thời gian mở cửa khẩu 24/24 giờ đối với đường sắt và từ 7 giờ đến 22 giờ đối với đường bộ vào tất cả các ngày trong tuần. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc kéo dài sự sôi động của vùng biên giới bất kể ngày, đêm. Nhờ sự đơn giản hóa các thủ tục hành chính mà số lượng doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tăng nhanh. Năm 1999 có 172 doanh nghiệp tham gia, đến năm 2004 số doanh nghiệp tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh lên tới hơn 530 đơn vị. "Sông Hồng" của hội nhập kinh tế quốc tế đang được khơi dòng ở nơi đây. Các hoạt động xúc tiến thương mại như hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu và quảng cáo sản phẩm, đàm phán giữa các cơ quan quản lý của hai nước, tổ chức gặp gỡ, trao đổi, tham quan tìm hiểu, ký kết hợp đồng giữa các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp Lào Cai - Vân Nam, Tứ Xuyên (Trung Quốc) được tổ chức hằng năm đã trở thành thường xuyên và luân phiên đang góp phần nâng quan hệ giao lưu kinh tế qua biên giới Lào Cai - Vân Nam

lên một tầm cao mới. Tổng giá trị giao dịch thương mại đạt hơn 70 triệu USD, gần 20 hợp đồng kinh tế được ký kết giữa doanh nghiệp hai nước. Chỉ riêng trong Hội chợ biên giới Việt - Trung được tổ chức cuối tháng 11-2004 tại Hà Khẩu (Trung Quốc) đã cho thấy vai trò cầu nối quan trọng của Lào Cai trong giao lưu kinh tế thương mại giữa Việt Nam và vùng Tây Nam Trung Quốc. Các văn phòng đại diện và chi nhánh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước có mặt ở đây đã làm cho hoạt động thương mại, du lịch tại khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai trở nên sôi động, nhộn nhịp và góp phần thúc đẩy quan hệ giao lưu kinh tế với thị trường Vân Nam (Trung Quốc).

Từ năm 1999 đến nay, khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đã thu hút 7 nhà đầu tư người Trung Quốc với số vốn là 12,6 triệu USD, trong đó vốn pháp định là 10,1 triệu USD, kinh doanh trong các lĩnh vực sản xuất hàng điện tử, đồ điện gia dụng, bếp ga, máy khâu, sửa chữa ô-tô, kinh doanh thương mại, vận tải công cộng, chế biến nông - lâm sản, chế biến khoáng sản, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng... Tuy mới chỉ có số ít dự án đã hoạt động và chưa đánh giá được hiệu quả, nhưng điều đó cho thấy Lào Cai còn có lợi thế tiềm năng để các nhà đầu tư quan tâm. Đặc biệt đối với các nhà đầu tư lớn từ Trung Quốc, thì Lào Cai là vị trí cầu nối rất thuận lợi và hiệu quả kinh tế giữa khu Tây Nam Trung Quốc với các nước trong khu vực. Nhằm cung cấp thông tin về vùng Tây Nam Trung Quốc, về cơ hội đầu tư vào Lào Cai cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tỉnh đã phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức các cuộc hội thảo thu hút đầu tư, xây dựng Ngân hàng dữ liệu về vùng Tây Nam Trung Quốc. Nhờ đó, hàng trăm doanh nghiệp đã tìm đến Lào Cai, tạo nên không khí sôi động trong lĩnh vực đầu tư ở miền đất địa đầu. Riêng các dự án đầu tư về

thủy điện giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2006 đã có gần 12.000 tỉ đồng vốn đăng ký.

Nói đến sự sôi động của Lào Cai không thể không nói đến hoạt động du lịch. Mục đích hướng tới của du lịch Lào Cai là phát huy được lợi thế, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khẩu Lào Cai; tạo nhiều công ăn việc làm; giới thiệu với bè bạn quốc tế nền văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc của các dân tộc anh em trong tỉnh,... Vì vậy, ngành "công nghiệp không khói" đang được tỉnh quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất - kỹ thuật, các chính sách ưu đãi và các thủ tục ngày càng thông thoáng hơn. Các lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ như vận tải hành khách, khu vui chơi giải trí, bưu chính - viễn thông, ngân hàng cũng được đầu tư nâng cấp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ mọi đối tượng khách, nhất là khách quốc tế. Năm 2004, gần nửa triệu lượt khách du lịch đã đến Lào Cai, mang về cho tỉnh 180 tỉ đồng doanh thu. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng nhiều khu du lịch, điểm du lịch đã được cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới, nhiều loại hình du lịch mới như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, đi bộ, leo núi... đang trở thành những sản phẩm du lịch hấp dẫn, thu hút khách du lịch trong nước và nước ngoài. Để khai thác du lịch, Lào Cai đang tập trung vào phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đường giao thông. Các quốc lộ 4D, 279, 32 đang được đầu tư xây dựng, nâng cấp. Quốc lộ 70 - trục chính trong hành lang kinh tế thương mại Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng cũng đang được gấp rút thi công.

Hướng tới tương lai

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của Lào Cai trong quan hệ thương mại, đầu tư giữa Lào Cai và Vân Nam, với tinh thần "cả nước vì Lào Cai, Lào Cai vì cả nước", Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương, chính

sách cụ thể để Lào Cai phát huy mạnh mẽ tiềm năng, lợi thế trong phát triển kinh tế - xã hội, xứng đáng là cầu nối các khu vực kinh tế của nước ta với khu vực Tây Nam Trung Quốc. Trên con đường đi tới tương lai, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai đang hướng tới những mục tiêu quan trọng: chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng cơ bản và thương mại - dịch vụ để đến năm 2005 đạt tỷ lệ: nông - lâm nghiệp chiếm 41%; công nghiệp - xây dựng cơ bản 25%; thương mại - dịch vụ 34%, giảm tỉ lệ hộ đói nghèo xuống còn dưới 15%; thực hiện thắng lợi 7 chương trình công tác trọng tâm với 27 đề án, kế hoạch và nghị quyết chuyên đề cùng với các công trình trọng điểm... Để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỉnh đề ra nhiều giải pháp khai thác các nguồn thu trên địa bàn, ban hành nhiều chính sách thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, thực hiện xã hội hóa các hoạt động văn hóa - xã hội, đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, dịch vụ du lịch; đề ra chính sách ưu đãi, thu hút cán bộ đến làm việc tại Lào Cai, nhất là các chuyên gia đầu đàn về các ngành kinh tế trọng yếu của tỉnh; tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại cán bộ với nhiều hình thức, nhiều ngành nghề mà tỉnh đang có nhu cầu... Trong bộn bề công việc của một vùng kinh tế đang chuyển mình đi lên, có những vấn đề chỉ với nội lực không thì chưa đủ. Lào Cai đang rất cần sự hỗ trợ thiết thực và hiệu quả hơn nữa từ các cấp, các ngành. Chẳng hạn như phân cấp quyền hạn cho địa phương hơn nữa trong việc quản lý kinh tế cửa khẩu để Lào Cai xây dựng các chính sách ưu đãi đặc thù, phù hợp với đặc điểm riêng có của tỉnh và của khu vực Tây Bắc, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tiến tới hình thành khu chế xuất, bảo đảm hoạt động xuất nhập khẩu và hợp tác đầu tư bền vững.

Đồng chí Nguyễn Đức Thăng - Phó bí thư Thường trực Tỉnh ủy cho biết: trong những năm tới, trọng tâm của công tác quy hoạch đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của tỉnh là Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lào Cai. Tại đây, hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt và tương lai là đường sông, đường hàng không, kho tàng, bến bãi, cảng sông, trung tâm thương mại, trung tâm hội chợ triển lãm, hệ thống chợ biên giới, chợ cửa khẩu... sẽ được đầu tư xây dựng. Các hoạt động dịch vụ ngân hàng, bưu chính viễn thông, vận tải, giám định, kiểm định, nhà hàng, khách sạn, du lịch, dịch vụ... sẽ từng bước được hiện đại hóa theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm phục vụ tốt hơn cho hoạt động giao lưu kinh tế, trao đổi hàng hóa qua biên giới và phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh. Lào Cai sẽ phối hợp chặt chẽ hơn với các địa phương trong toàn quốc, các trung tâm kinh tế lớn của đất nước và đặc biệt là nghiên cứu khả năng hợp tác sản xuất, gia công, chế biến với nước bạn Trung Quốc để tạo được nguồn hàng lớn có chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh, mở rộng thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu. Ngoài việc tiếp tục phát triển các loại hình dịch vụ hiện có tại khu vực cửa khẩu biên giới, những ngành còn nhiều tiềm năng như dịch vụ y tế, xây dựng, kiểm toán, bảo hiểm, giám định hàng hóa,...cũng sẽ có cơ hội đầu tư phát triển. Các dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, chuyển tải, quá cảnh dựa vào thế mạnh vị trí địa lý của tỉnh Lào Cai là cầu nối trực tiếp kinh tế Đông Tây; Hải Phòng - Lào Cai - Côn Minh và khu vực Tây Nam rộng lớn của Trung Quốc để vươn lên cạnh tranh, giữ vị trí ưu thế trong lĩnh vực vận tải.

Một mùa xuân mới lại về trên mọi miền của Tổ quốc. Đến Lào Cai - "nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt" trong những ngày đầu năm 2005, chúng tôi thấy mùa xuân như đến sớm hơn trong sự đổi thay và nhịp sống nơi này. □

Đảo ngục ngày xưa, bây giờ... ĐẢO NGỌC

TRẦN QUANG HẢI

Đã từ lâu, tôi ước có ngày được đặt chân lên Côn Đảo - một phần máu thịt thiêng liêng nằm ở phía Đông Nam của Tổ quốc; nơi từng được mệnh danh là "địa ngục trần gian" với lịch sử bi hùng, ngày nay đang "tiếng lành đồn xa" là một hòn đảo ngọc.

Thế rồi một ngày cuối năm Giáp Thân, từ thành phố Hồ Chí Minh, sau chưa đầy một giờ băng qua biển bằng máy bay, bỗng ngỡ ngàng mở ra trước mắt tôi cả "tập đoàn" điệp trùng núi non Côn Đảo.

Côn Đảo từng có tên gọi là quần đảo Côn Lôn (theo nghĩa Hán văn, *côn lôn* nhằm chỉ một vùng biên địa xa xôi hẻo lánh), với những cái tên nghe thiêng liêng và rất đời Việt Nam: núi Con Ngựa, núi Chúa; mũi Cá Mập, mũi Lò Vôi; hòn Bà, hòn Vung, hòn Trứng; bãi Vông, bãi Cạn... Cả quần đảo có 16 hòn đảo lớn nhỏ, tổng diện tích 76 km². Nhưng toàn bộ đời sống kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội của cả quần đảo lại được tập trung ở hòn Côn Lôn lớn, rộng 51,5 km², bằng 2/3 diện tích quần đảo. Toàn huyện được chia làm 9 khu, dân số chỉ có 4.466 người (số liệu năm 2003), nhưng mảnh đất đầu sóng này là nơi gặp gỡ của cư dân 56 tỉnh, thành cả nước.

Côn Đảo đau thương và kiên dũng

Đầu thế kỷ XVIII, thực dân Pháp đã đặt chân lên Côn Đảo. Sang thế kỷ XIX, sau khi chiếm Nam Kỳ, năm 1862, chúng đã thiết lập ở đây một nhà tù gồm 4 trại giam. Sau này, cùng với tiếp quản các trại đã có, chính quyền Mỹ - ngụy còn xây thêm 4 trại mới để giam giữ những người Việt Nam yêu nước. Giữa muôn trùng sông nước, hoàn toàn biệt lập với đất liền, dằng dặc núi cao và vực thẳm... Côn Đảo quả là một vùng địa lợi "lý tưởng" để thực dân rồi đế quốc kế tiếp nhau biến nơi đây thành một "địa ngục trần gian" "có một không hai" ở xứ Đông Dương.

Với cái gọi là sứ mệnh "khai hóa văn minh" của người Pháp và "bảo vệ tự do" của người Mỹ; đằng sau những cái tên mỹ miều như trại Bắc Ái, trại Cộng Hòa hay Phú Hải, Phú Sơn, Phú Hưng, Phú Bình... kẻ thù đã không từ một thủ đoạn nào để khủng bố tinh thần và dày dọa hàng vạn người Việt Nam yêu nước. Sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ (1940), các trại tù Côn Đảo đã trở nên chật chội, bởi số người tù chúng đưa tới đây đã lên tới 4.403 người. Những năm 1941 - 1942, mỗi ngày trôi qua, có từ 10 đến 20 người tù chỗ "sống nương núi Chúa" đã phải lần lượt "chết về Hàng Dương"; để chỉ trong 2 năm ấy, đã có 1.000 người nằm xuống! Còn Mỹ - ngụy, với "sứ mệnh" "bảo vệ tự do" đã đưa số tù nhân ở Côn Đảo (những năm 1969 - 1973) lúc bình thường là 8.000 người, lúc cao điểm từ 10.000 đến 12.000 người, (cả miền Nam lúc ấy có 5 nhà tù lớn, 44 nhà tù cấp tỉnh, 176 nhà tù cấp quận). Để bùng bít dư luận và "đánh tráo" các khái niệm, sau lần phát hiện "chuồng cọp" của đoàn dân biểu Mỹ (năm 1970), Mỹ - ngụy cho đập bỏ 120 phòng giam "chuồng cọp" kiểu Pháp, nhưng liền sau đó đã bí mật xây dựng mới 8 khu với 384 phòng giam, đặt

tên là trại 7, hay còn gọi là trại Phú Bình - chính là "chuồng cọp kiểu Mỹ". Dù thực dân hay đế quốc, chúng đều tự cho mình quyền được áp dụng những biện pháp vô cùng dã man, thâm độc; với những phương tiện tinh vi và tàn bạo nhất đối với người tù: xiềng chân, còng tay; biệt giam cô độc trong xà lim, trong hầm tối; thường xuyên cho "thở" vôi, "ngâm" phân, "tắm" roi; bị trần trụi giữa những bầy mặt người dạ thú; bắt lao động khổ sai để chết dần chết mòn vì đá đè, cây đổ; vì thiếu ăn, thiếu thuốc, thiếu cả ánh sáng và khí trời... Chỉ với hai mố cầu Ma Thiên Lãnh đã khiến 356 người phải bỏ mạng, nhưng mố cầu để làm gì thì không ai giải thích được - nó chỉ là những mố cầu! Chỉ vài trăm mét cầu tàu đã phải "xây" bởi 914 mạng sống của người tù... Ai có thể biện minh và biện minh thế nào đây, khi mà mỗi phòng giam tập thể chừng 60 - 70 m² chúng đã "lên" 140 - 150 người tù, đến nỗi họ phải ngày đêm thay nhau để ai cũng được nằm gần cửa ra vào mong được thở chút khí trời của chính đất nước mình!. Mỗi ngăn của "chuồng cọp Pháp" chừng 3 - 4 m² chúng "nhồi" 6 - 8 người. Trên đầu là những thùng vôi bột và nước bẩn, bất cứ khi nào chúng cũng có thể dội xuống đầu người tù, cả khi bị cấp trên phê bình hay được lên lon, lên chức! Và tột cùng của "lòng nhân đạo" ấy phải kể đến "hầm phân bò". Hầm này được xây từ năm 1930, chia thành 2 ngăn, có hố sâu 3 mét. Đây là nơi chứa phân và nước thải từ chuồng bò, dùng để tra tấn người tù bằng cách ngâm họ dưới đó suốt ngày đêm! Thời ấy, việc vận chuyển vật liệu xây dựng ra đảo thật khó khăn. Nhưng một khi mầm ác đã nảy sinh trong lòng những kẻ phi nhân tính, lại được xây đắp bằng chính xương máu của những người tù, thì cả hệ thống nhà trại, tường thành đặng đặc và cao ngất này vẫn cứ được xây lên. "Chuồng cọp kiểu Mỹ" thì chật chội và bí bưng, được dựng lên bằng sắt thép lạnh lùng và quét sơn đen kịt để đạt "tiêu chuẩn" nóng nực về mùa hè, lạnh buốt về mùa đông!

Để rồi kết thúc 113 năm "khai hóa" và "bảo vệ", khu đất gần 20 ha có tên gọi Nghĩa trang Hàng Dương đã gần như kín chỗ, đã ôm vào lòng nó gần 2 vạn con người - bằng gấp 4 lần dân số của huyện Côn Đảo hiện nay. Chiến tranh quả là điều bất bình thường của lịch sử! Cũng như bao người khác, tôi đến Côn Đảo để lòng cứ bật lên những tiếng ghen ngào trước những "bằng chứng sống". Đó là niềm xúc cảm trước nỗi đau mất mát, sự hy sinh lớn lao ngoài sức tưởng tượng của đồng chí, đồng bào mình; là sự không thể nào cắt nghĩa nổi về cái gọi là "văn minh" và "nhân quyền" của thực dân - đế quốc. Tất cả còn phơi bày ra đó những chứng tích bi thương không thể xóa nhòa! Một người Pháp tên là A. Duy-xan, sau khi tận mắt chứng kiến những chứng tích ở Côn Đảo đã thốt lên: "Làm sao có thể hiểu nổi con người tàn bạo với con người đến thế!".

Nhưng những di tích lịch sử ấy cũng chính là những bằng chứng sinh động và hùng hồn về lòng kiên trung, bất khuất; về ý chí và niềm tin sắt đá của những người cộng sản Việt Nam. Trong đau khổ tột cùng về thể xác, những chiến sỹ cách mạng ấy vẫn không mảy may nao núng tinh thần. Ngược lại, họ vẫn luôn lạc quan, tin tưởng, luôn trăn trở về phong trào, về tương lai của cách mạng. Trong tù ngục tối tăm, họ vẫn làm thơ, vẫn tổ chức học tập văn hóa, lý luận; biểu diễn văn nghệ, văn may vá thêu thùa... Ở trại Phú Hải, trên một bức tường còn lưu lại một dòng được viết bằng máu: "Kiên nhẫn + vững tin". Còn hai câu thơ dưới đây cũng được viết bằng máu ở trại chuồng bò: "Máu ta quý cả hơn vàng. Tổ quốc cần đến sẵn sàng ta dâng". Là một nhà báo, tôi không thể nào gìm nổi xúc động khi được đọc một cuốn sổ nhỏ còn lưu những trang viết tay rất công phu bài học về ngữ pháp Việt Nam: liên từ, phụ thuộc liên từ, giới từ, nhóm bổ túc từ... Ở khám 7 khét tiếng hà khắc, lại là nơi ra đời của tờ báo bí mật "Tiến lên" tồn tại suốt 10 năm do các đồng chí Phạm Hùng, Lê Văn Lương phụ trách.

Và trong chốn lao tù tối tăm, vẻ đẹp tâm hồn của người cộng sản càng lung linh ngời sáng. Đó là sự đoàn kết, đùm bọc giữa những người đồng chí, là những hành động cao cả: cởi áo trao lại bạn tù, nhận hết trách nhiệm về mình trước khi vào hầm tối, trước giờ ra pháp trường,... Họ quả đã biến chốn tù đầy thành trường học cách mạng; biến toàn bộ nhà tù thành một trường đại học cộng sản. Ý chí sắt đá, lòng lạc quan cách mạng, tình người cao đẹp ấy đã giúp những người cộng sản, dù không một tác sắt trong tay và trong hoàn cảnh tột cùng đau khổ, vẫn bền gan chiến đấu, vẫn lạc quan hy vọng và cuối cùng đã chiến thắng một cách oai hùng.

Chiều cuối năm, mặt đất Côn Đảo nơi nào cũng đẹp như tranh. Một vẻ đẹp hoang sơ, chân thực đến nao lòng! Thật khó tin! Cũng với bầu trời này, mặt đất này, thế mà gần ba mươi năm về trước, đây lại là nơi chỉ có người tù và những kẻ coi tù với bao khổ đau và hận thù chồng chất! Trên đường trở lại nghĩa trang Hàng Dương, lòng tôi lại rung rung khi như nghe rừng dương già rì rào hát về người con gái Đất Đỏ đã trở thành huyền thoại: "Người thiếu nữ ấy như mùa xuân. Chị đã dâng trọn cuộc đời. Để chiến đấu với bao niềm tin...". Nghĩa trang Hàng Dương năm nay mùa hoa anh đào đến sớm!

Nỗ lực, trở trần, mong đợi...

Trong nhiều năm qua, nhất là từ năm 2001 đến nay, cơ cấu kinh tế của Côn Đảo được xác định là dịch vụ - công nghiệp; trong đó kinh tế dịch vụ chiếm khoảng 56,52% với các hoạt động khá đa dạng gồm: dịch vụ hậu cần nghề cá, dịch vụ du lịch, vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường biển; các dịch vụ hàng không, bưu chính viễn thông, thương mại, y tế v.v... Trước mắt, Côn Đảo đang tập trung mọi điều kiện để quy hoạch và đầu tư trọng điểm cho phát triển kết cấu hạ tầng du lịch như nâng cấp sân bay, bến tàu; phát triển phương tiện tàu biển, mở rộng hệ thống khách sạn - nhà hàng,

tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng, hấp dẫn; hoàn chỉnh hệ thống giao thông đến các điểm du lịch... mà mục tiêu chung nhất là nhằm đưa Côn Đảo trở thành một *đặc khu kinh tế du lịch và dịch vụ*.

Là huyện đảo với những khó khăn đặc thù, nhưng những năm qua, Đảng bộ và nhân dân Côn Đảo vẫn vững vàng nơi đầu sóng. Mức tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 12,2%/ năm; rừng và các nguồn lợi vẫn được gìn giữ và bảo vệ chu đáo. Nhưng cái được lớn nhất - theo chúng tôi - là Côn Đảo vẫn giữ vững danh hiệu là huyện văn hóa. Bởi vì Côn Đảo không hề có ma túy, không hề có mại dâm và cũng không có tội phạm. Đêm ở Côn Đảo, nhà nhà vẫn đề xe máy, xe đạp ngoài đường; cửa hàng, quán xá vẫn đề hàng hóa, đồ đạc sơ sài mà không hề mất cắp. Có lẽ điều khác lạ này, cùng với một quá khứ bi hùng; cảnh quan hùng vĩ, tươi đẹp, môi trường trong lành, yên tĩnh; người dân hiền lành, chăm chỉ và cởi mở... mà tuy chưa được như mong muốn nhưng bình quân mỗi năm, Côn Đảo đã đón khoảng 13.000 lượt khách đến du lịch.

Nếu để nói một điều gì đó có tính kinh nghiệm ở Côn Đảo những năm qua, thì bài học chung và bao quát nhất vẫn là nhờ *sự đoàn kết gắn bó keo sơn giữa Đảng bộ và chính quyền; giữa Đảng bộ, chính quyền với quân và dân huyện đảo*. Và, *khi sự đoàn kết ấy càng được phát huy thì nhiệm vụ chính trị càng được triển khai thực hiện một cách thuận lợi với hiệu quả xã hội cao nhất*. Đó cũng là tinh thần chung mà Đảng bộ và nhân dân Côn Đảo đang cùng nhau tâm đắc: "*Xưa đoàn kết đấu tranh phá ngục/ Nay chung tay xây đảo anh hùng*".

Tuy nhiên, là một huyện đảo cách biệt với đất liền, Côn Đảo vẫn đang ngày đêm đương đầu với biết bao thiệt thòi, gian khổ. Đảng bộ và nhân dân Côn Đảo hiện vẫn còn "ba cái thiếu", cũng là những trở trở không dễ giải quyết "một sớm một chiều". Đó là *thiếu cán bộ cho công việc, thiếu điều kiện học hành cho*

con em, thiếu điều kiện y tế để khám và chữa bệnh; mà nguyên nhân là do sự trở ngại trong đi lại giữa đảo và đất liền. Dù tỉnh đã cho biên chế nhưng Côn Đảo vẫn đang thiếu tới 10% cán bộ tất cả các ngành. Lý do là ở đảo thiết thời nhiều nhưng nhà nước chưa có nhiều chính sách cụ thể để động viên, khuyến khích. Thành ra, như đồng chí Trương Hoàng Phục Phó bí thư đảng bộ huyện tâm sự: " Vì kiểm không ra nên cả huyện được chừng ấy con người, năm nào cũng sắp đi, sắp lại...". Tuy đã có một hệ thống giáo dục khá hoàn chỉnh từ mầm non đến phổ thông trung học, nhưng cùng với cơ sở vật chất thiếu thốn thì các trường đang thiếu giáo viên (nhất là giáo viên trung học). Do chất lượng dạy và học thấp nên mấy năm nay, Côn Đảo không có học sinh nào được vào đại học. Toàn huyện hiện chỉ có một bệnh viện quân - dân y với 30 giường bệnh; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; nhất là đội ngũ y, bác sĩ rất "mỏng", nên khi người dân ốm đau nguy kịch chỉ còn biết lo chạy vào đất liền. Giao thông giữa Côn Đảo và đất liền bằng cả đường biển và đường không nhưng chủ yếu vẫn là đường biển. Đường hàng không tuy tiện lợi nhưng giá cả không phù hợp với túi tiền của đa số người dân. Đường biển thì nửa năm là mùa gió chướng và biển động, tàu chỉ chịu được sóng cấp 4, cấp 5 như hiện nay không thể vào bờ.

Trả lời câu hỏi: nếu được kiến nghị với Trung ương, đồng chí sẽ nói gì? Đồng chí Phó bí thư tâm tư: "Một là, Côn Đảo đã nhiều lần đề nghị để được công nhận là hải đảo. Bởi nếu là hải đảo, thì kèm theo đó nhà nước có các chính sách, chế độ thiết thực có lợi cho cán bộ và người dân. Nhưng Côn Đảo đến giờ vẫn là... huyện đảo. Hai là, Côn Đảo cũng rất mong Trung ương có các cơ chế, chính sách thật rõ và sát với tình hình thực tế của huyện để thực sự thu hút các nhà đầu tư tìm đến nhằm "đánh thức" những tiềm năng to lớn của Côn Đảo...". Quả vậy. Côn Đảo hiện đang

trong trạng thái cái cũ không thể tiếp tục làm, còn cái mới thì chưa được phê duyệt. Đã có một đề án "*Phát triển tổng thể Côn Đảo đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020*" của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vừa trình Chính phủ. Theo đó, Côn Đảo được xác định sẽ phát triển theo các hướng: Bảo tồn di tích lịch sử cách mạng; phát triển du lịch lịch sử và du lịch sinh thái; dịch vụ cảng cá, cảng hàng hải quốc gia và quốc tế; phát triển kinh tế kết hợp củng cố an ninh quốc phòng vùng biển.

Điều cần thiết nhất đối với Côn Đảo trước hết là phải có một quy hoạch, không chỉ là quy hoạch tổng thể về kinh tế - xã hội, mà còn là quy hoạch tổng thể từng lĩnh vực. Đi kèm theo đó là các quan điểm rõ ràng về từng vấn đề, và phải bảo đảm giữa chúng có sự nhất quán với nhau nhờ sự thống nhất cao giữa các bộ, ngành trung ương. Khi ấy, Côn Đảo chỉ còn mỗi việc là căn cứ trên quy hoạch và sự thống nhất ấy mà triển khai thực hiện.

Côn Đảo quả xứng danh là hòn ngọc quý không chỉ bởi đây là nơi có di tích lịch sử nhà tù lớn nhất Việt Nam, mà còn là nơi có thiên nhiên kỳ vĩ và rất giàu có tiềm năng. Côn Đảo là một thị trấn cổ với những ngôi biệt thự hơn trăm tuổi, với những nét kiến trúc đơn sơ, lạ lẫm của phương Tây luôn níu giữ chân người. Thị trấn Côn Đảo có những hàng cây cổ thụ, nhiều nhất là bàng nên còn được gọi là "thị trấn cây bàng". Du khách có thể đến thăm nhà Bảo tàng Côn Đảo (nơi từng là dinh thự của 53 đời chúa đảo); thăm nhà tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Võ Thị Sáu; thăm di tích: cầu tàu lịch sử 914, di tích cầu Ma Thiên Lãnh, viếng nghĩa trang Hàng Dương,... Có thể thăm vịnh Đầm Tre thơ mộng, cảng cá Bến Đầm nhộn nhịp tàu thuyền, hay vịnh Côn Sơn khoáng đạt; chiêm ngưỡng những bãi tắm hoang sơ đẹp mê hồn, mà điển hình là bãi Đất Dốc, bãi Đầm Trầu. Có thể ngắm nhìn những ngọn núi hùng vĩ và

(Xem tiếp trang 70)



CUỘC ĐẤU TRANH TRÊN LĨNH VỰC NHÂN QUYỀN HIỆN NAY

HỒ TRỌNG HOÀI

1 - Trong điều kiện quốc tế phức tạp hiện nay, đấu tranh giữa các lực lượng xã hội có thêm một mặt trận mới rất nóng bỏng - đấu tranh trên lĩnh vực pháp lý quốc tế mà quyền con người là một hệ vấn đề lớn được quan tâm đặc biệt.

Phải thừa nhận rằng, việc Liên hợp quốc và một số tổ chức quốc tế khác quan tâm đến vấn đề quyền con người, ban hành nhiều văn bản luật pháp quốc tế về lĩnh vực này là sự thể hiện, *một là*, tầm quan trọng của vấn đề và *hai là*: phản ánh sự nỗ lực chung của nhân loại trong tiến trình hướng đến sự tôn trọng con người về phẩm giá và sự tự do lựa chọn các mục tiêu, các giá trị riêng. Vì lẽ ấy, khi hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu chưa sụp đổ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa rất quan tâm và ủng hộ tinh thần của các văn kiện này. Chẳng hạn, trong khi chính phủ của nhiều quốc gia tư sản chưa phê chuẩn Công ước về Quyền dân sự và chính trị (Liên hợp quốc ban hành năm 1966) thì chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn vào năm 1982.

Tuy nhiên, do cuộc đấu tranh trong lĩnh vực quyền con người về thực chất là đấu tranh giữa các ý thức hệ khác nhau nên nhiều khi mục tiêu của việc vươn tới thực hiện các quyền chân chính của con người ở nhiều quốc gia bị biến dạng. Trong tay các thế lực phản động quốc tế, quyền con người đã trở thành một công cụ phổ biến để chống chủ nghĩa xã hội, chống những khuynh hướng không có lợi cho sự thống trị của các tập đoàn tư bản phương Tây đứng đầu

là Mỹ. Nhân danh bảo vệ quyền con người, Mỹ và đồng minh của Mỹ đã tiến hành nhiều hoạt động can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của nhiều quốc gia có chủ quyền. Thậm chí còn phát động các cuộc chiến tranh bất chấp sự phản đối của cộng đồng quốc tế. Việc Mỹ và đồng minh tấn công Nam Tư, tấn công I-rắc, ngang nhiên thành lập "Ủy Ban về tự do tôn giáo quốc tế" nhằm trừng phạt các quốc gia "vi phạm" là những ví dụ. Vì lẽ ấy, việc tìm hiểu thực trạng cuộc đấu tranh trên lĩnh vực quyền con người mà quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một bộ phận nhằm bảo đảm cho việc thực hiện quyền con người một cách đầy đủ, đúng đắn hơn trên thực tế trở nên quan trọng và cấp bách.

2 - Có thể nói, tư tưởng về quyền con người đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử (có thể bắt đầu khi con người tự ý thức được mình như một bộ phận tự nhiên đặc thù so với phần còn lại của vũ trụ) song chỉ đến khi giai cấp tư sản trở thành giai cấp thống trị xã hội thì quyền con người mới được định hình, được hiến định và thực thi với những mức độ khác nhau trong thực tế. Chẳng hạn, năm 1689 nước Anh có "Luật về các quyền", năm 1776 nước Mỹ có "Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ", năm 1789 nước Pháp có "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền"...

Từ đó đến nay, nhân loại đã thực thi quyền con người trên thực tế với những mức độ khác nhau song trong lòng xã hội vẫn diễn ra cuộc đấu tranh mà trước hết là cách hiểu về quyền

con người. Theo nghĩa chung nhất, quyền là cái con người (với tư cách là cá nhân, nhóm) được lựa chọn, được thực hiện..., vì vậy, xuất hiện một khuynh hướng quan niệm có ảnh hưởng đến luật pháp của nhiều quốc gia tư sản là việc thừa nhận quyền con người là bẩm sinh. Theo đó quyền con người là tự nhiên, hiển nhiên, gắn chặt với đối tượng người. Các nhà tư tưởng tư sản như Thô-mát Hóp-bơ hay Đê-đơ-rô là những đại biểu nổi tiếng của khuynh hướng này. Theo nghĩa như vậy, tự do tư tưởng và tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một bộ phận cũng được xem là quyền tự nhiên, có tính bẩm sinh của con người.

Rõ ràng quan niệm này chứa đựng những hợp lý nhất định bởi, chỉ có con người có ý thức mới có khả năng ý thức về những cái mình có, hơn nữa quan niệm trên còn phản ánh sự phản kháng của con người trước thực trạng chính con người (nhất là người lao động bị áp bức) bị tước đoạt những dấu hiệu của con người. Chẳng hạn, trong xã hội chiếm hữu nô lệ nó bị đồng nhất với các công cụ vật chất khác, còn trong xã hội phong kiến thì chỉ có một người (vua) có quyền về thực chất.

Tuy nhiên, thực tế lịch sử cho thấy, việc tuyệt đối hóa mặt tự nhiên của nhân quyền cũng có những hạn chế bởi con người tồn tại không chỉ với tư cách con người tự nhiên mà cơ bản còn tồn tại với tư cách con người xã hội. Vì vậy nó bị lệ thuộc vào xã hội, vào những bước tiến chung của xã hội. Về vấn đề này, C.Mác cho rằng, nhân quyền không phải là bẩm sinh mà là sản sinh ra trong lịch sử. Như vậy, nhân quyền có mặt tự nhiên nhưng còn có mặt khác, đó là quyền tùy thuộc vào xã hội, quyền được thay đổi, quyền phụ thuộc vào sự thay đổi của xã hội. Tư tưởng này của C.Mác có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là hiện nay nhiều thế lực phương Tây đang tìm mọi cách để áp đặt những giá trị, những tiêu chuẩn về nhân quyền của họ cho các quốc gia khác mà Việt Nam là một đối tượng. Vì lẽ ấy, ở nhiều nước trên thế giới kể cả nhiều nước ở Đông - Nam Á không chấp nhận sự áp đặt đó. Theo họ quyền con người có những tiêu chuẩn chung, giá trị chung mang tính phổ quát song cũng bao chứa những

đặc thù bởi quyền này chịu sự tương tác, chế định của những điều kiện về kinh tế, chính trị, xã hội, về truyền thống văn hóa... của từng nhóm người, từng quốc gia, khu vực. Về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo cũng vì vậy không thể áp đặt một thứ niềm tin nào đó của một quốc gia nào đó cho mọi cá nhân, mọi quốc gia trên thế giới. Lịch sử đã cho thấy những hành động áp đặt tín ngưỡng phải trả giá. Việc người phương Tây một thời áp đặt niềm tin Ky-tô cho các dân tộc khác đã thổi bùng ngọn lửa chiến tranh và ngày nay sự kỳ thị tôn giáo cũng đang là nguyên nhân, nguyên cơ cho các xung đột thảm khốc ở nhiều khu vực trên thế giới là những kinh nghiệm lịch sử quý báu để nhân loại phản tỉnh, tự điều chỉnh mình trên cơ sở khoan dung. Cũng ở phương diện này, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo phải có thêm nội dung. Đó là *quyền được tự do không tín ngưỡng, tôn giáo; quyền được giữ đức tin, thay đổi đức tin, bày tỏ đức tin...*

Ngoài những vấn đề như đã trình bày, việc tuyệt đối hóa mặt tự nhiên của quyền con người còn là sự *dung dưỡng, mở đường cho luận điểm đề cao nhân quyền cao hơn chủ quyền quốc gia* mà liên quan đến vấn đề này là việc tuyệt đối hóa quyền của cá nhân tách khỏi quyền của nhóm, của cộng đồng, của nhân loại.

Chúng ta thấy rằng, xã hội là tổng thể đa dạng của cá nhân và sự đa dạng về nhân cách của cá nhân trong xã hội là do tác động của 2 nhân tố - cái tự nhiên mà mỗi cá nhân có và môi trường sống, hoạt động của họ. Tương tự như vậy, trong giá trị văn hóa chung của nhân loại cũng bao hàm những đặc biệt, đặc thù, đặc sắc biểu hiện trong từng cá nhân, nhóm, cộng đồng. Theo ý nghĩa đó, quyền con người vừa mang tính phổ quát, vừa mang tính đặc thù. Đó vừa là quyền của cá nhân, vừa là quyền của nhóm, cộng đồng hay xã hội nói chung. Tuy nhiên, trong lĩnh vực nhân quyền lại xuất hiện một loại quan niệm khác - *tuyệt đối hóa quyền cá nhân* mà hậu quả của nó là gây phương hại cho xã hội khi những cá nhân cô tình theo đuổi những giá trị riêng mà bất chấp phần thế giới còn lại.

Đối với thế giới tự nhiên, đó là việc tước đoạt tự nhiên một cách tùy tiện. Đối với xã hội là sự chà đạp những giá trị chung của cộng đồng. Những thái cực đó đều không thể chấp nhận trong thế giới ngày nay.

Nhìn tổng thể toàn nhân loại ta thấy, do những tác động của lịch sử khác nhau nên sự phát triển của nhân loại vừa mang tính phổ biến vừa chứa đựng những dị biệt. Cũng là nhân loại song ở phương Tây, dường như giá trị cá nhân được đề cao còn ở phương Đông là giá trị cộng đồng. Vì thế có người cho rằng, phương Tây theo chủ nghĩa "Cá nhân" và phương Đông theo chủ nghĩa "Cộng đồng". Hiểu như vậy chưa hẳn đã chính xác bởi cá nhân không thể tồn tại nếu không có những hoạt động đáp ứng yêu cầu chung của cộng đồng và ngược lại, cộng đồng không thể tồn tại nếu không dựa trên cơ sở của cá nhân. Vì lẽ ấy, vấn đề nên được hiểu là, *khí cần phải lựa chọn một hành vi, một giá trị của cá nhân thì hành vi ấy, giá trị ấy phải phù hợp lợi ích của cộng đồng*. Và cũng vì vậy, khi cá nhân hành động phù hợp lợi ích cộng đồng thì cá nhân ấy được khẳng định, được tôn vinh. Vấn đề này đã được phản ánh trong nhiều văn kiện của Liên hợp quốc. Ở đó, bên cạnh việc khẳng định cá nhân có quyền đồng thời cũng khẳng định những giới hạn của quyền đó là cần thiết cho việc bảo vệ an toàn, trật tự cộng đồng, sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng hoặc quyền và tự do cơ bản của người khác⁽¹⁾. Ngay cả Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1789 của nước Pháp ở điều 4 cũng đã ghi "Tự do bao gồm quyền có thể làm mọi điều không gây hại cho người khác"⁽²⁾.

Những giới hạn về quyền của cá nhân như quy định của luật pháp quốc tế là đúng đắn bởi các văn bản đó cảnh báo về sự cần thiết phải ngăn ngừa những hành vi "thái quá" của cá nhân trong quá trình thực hiện quyền tự do của mình, song ngược lại cũng nhấn mạnh việc không được lạm dụng hay nhân danh lợi ích xã hội để hạn chế các quyền tự do chân chính của cá nhân nhằm đạt được sự tương thích giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của nhóm, cộng đồng, xã hội.

Trên thực tế, nhiều nhà nước đã thực hiện những quy định nhằm loại bỏ những hành vi gây hại cho xã hội mặc dù những quy định đó xét về mặt quyền con người thuần túy lại dường như quá khắt khe. Chẳng hạn, Nhật Bản cấm giáo phái Aum hoạt động khi nhóm này có các hoạt động chống xã hội. Trung Quốc cấm giáo phái Pháp luân công, hay chính phủ Mỹ sau sự kiện 11-9-2001 đã thắt chặt việc kiểm soát tư trang, hành lý của cá nhân ở sân bay, bến cảng... nhất là đối với những tín đồ Hồi giáo.

Như vậy, có thể nói, mặc dù có khuynh hướng tuyệt đối hóa quyền tự do của cá nhân và nhiều nhà nước ở phương Tây cũng thường nhấn mạnh đến quyền cá nhân song trên thực tế thì *quyền đó không thể cao hơn quyền của nhóm, cộng đồng, xã hội, không thể cao hơn những lợi ích chung của quốc gia*. Tuy nhiên, với các thể lực phản động quốc tế hiện nay, việc nhấn mạnh đến quyền cá nhân trừu tượng lại là sự cất nghĩa cho các hành động can thiệp vào tình hình của các quốc gia. Nhân danh bảo vệ thiếu số người gốc An-ba-ni ở Nam Tư, Mỹ và đồng minh đã phát động chiến tranh để dẫn đến kết cục là, đất nước Nam Tư bị tàn phá, bị chia tách thành từng mảnh nhỏ.

Ngoài những khuynh hướng trên, trong lĩnh vực nhân quyền còn diễn ra cuộc đấu tranh giữa khuynh hướng đề cao Quyền dân sự, chính trị hoặc Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Nhìn chung, các quốc gia tư sản phương Tây đề cao quyền dân sự, chính trị và nhóm các nước xã hội chủ nghĩa trước đây và một số quốc gia khác ở châu Á hiện nay lại coi trọng quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

Những khác biệt trong cách đề cập đến vấn đề quyền con người trên đây xuất phát từ nhiều

(1) Trung tâm nghiên cứu quyền con người - Các văn kiện quốc tế về quyền con người. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr 186

(2) Trung tâm nghiên cứu quyền con người và Viện Thông tin khoa học thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Văn kiện quốc tế về quyền con người, Hà Nội, 2000, tr 22

lý do mà trước hết là lý do lịch sử. Ở các quốc gia tư sản đã phát triển dĩ nhiên trình độ kinh tế cao hơn các quốc gia khác. Vì vậy, sự quan tâm hơn đến quyền dân sự, chính trị cũng là lẽ tự nhiên. Ngược lại, ở các quốc gia khác do trình độ kinh tế thấp hơn nên sự quan tâm lại là quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Tuy vậy, những khác biệt trong cách quan niệm về quyền con người còn do cách tiếp cận vấn đề khác nhau. Khi thừa nhận, con người, để thực hiện được các quyền của họ, trước hết họ phải tồn tại, tức phải sống và muốn sống phải được đáp ứng quyền kinh tế, xã hội, văn hóa sẽ dẫn đến việc coi trọng quyền kinh tế, xã hội và văn hóa và ngược lại, nếu căn cứ vào quyền con người trừu tượng thì sẽ đề cao quyền dân sự, chính trị.

Trong điều kiện hiện nay, việc tuyệt đối hóa một hoặc một nhóm quyền con người nào đấy tách khỏi các quyền cơ bản khác là không đúng đắn bởi thực chất con người là một chỉnh thể toàn vẹn, có những nhu cầu đa dạng mà không thể có sự chia tách rạch ròi giữa các nhu cầu. Việc thỏa mãn thuần túy các nhu cầu về kinh tế sẽ vô nghĩa nếu như không giúp con người tồn tại xứng đáng hơn với tư cách là con người, do vậy, phải đồng thời thỏa mãn các nhu cầu khác và ngược lại, các nhu cầu khác được thỏa mãn chỉ có giá trị đích thực khi các nhu cầu để tồn tại được bảo đảm. Quyền con người, vì vậy, *được quan niệm như một chỉnh thể thống nhất, sống động, luôn thay đổi tùy thuộc vào bước tiến chung của xã hội.* Nếu thừa nhận như vậy, chắc chắn cũng đồng thời phải thừa nhận, nhân quyền chứa đựng những giá trị phổ quát song cũng chứa đựng những giá trị riêng bởi một cá nhân, một nhóm, một cộng đồng cũng có những dị biệt. Tuy nhiên, điều trở trêu là, hiện vẫn tồn tại những mưu toan muốn áp đặt một tiêu chuẩn chung về nhân quyền cho mọi quốc gia và sẵn sàng dùng vũ lực để can thiệp bất chấp sự phản đối của cộng đồng quốc tế, kể cả của Liên hợp quốc.

Như vậy, cuộc đấu tranh trên lĩnh vực nhân quyền không chỉ dừng lại ở phương diện lý

luận thuần túy mà về thực chất, trở thành một mặt trận để thực hiện các mục tiêu ngoài nhân quyền. Đó là một hình thức nguy hiểm, nhất là khi bị các thế lực chống tiến bộ xã hội thao túng.

3 - Nước Việt Nam mới được ra đời sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Sự kiện vĩ đại này cũng đồng nghĩa với việc khẳng định sự thắng lợi của những tiến bộ về lĩnh vực nhân quyền, bởi, đây là lần đầu tiên trong lịch sử, quyền con người được thừa nhận và thực thi từng bước trong thực tế. Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 cùng các đạo luật khác của Chính phủ Việt Nam đã thực sự trở thành cơ sở cho việc thực hiện quyền con người. Vì lẽ ấy, nhân quyền ở Việt Nam càng ngày càng được thực hiện tốt hơn mặc cho sự xuyên tạc, bóp méo của các thế lực phản động ngày càng tinh vi và quyết liệt. Không ai có quyền phán xét một dân tộc nô lệ, biết và dám đứng dậy giành quyền tự do, độc lập là chống lại quyền con người; biết và dám đứng dậy đấu tranh, giữ quyền tự do, độc lập cho dân tộc là vi phạm nhân quyền. Vì thế, suốt mấy chục năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Việt Nam trở thành điểm hội tụ lương tri và phẩm giá của con người, được đông đảo nhân loại đồng tình và chia sẻ.

Sau ngày đất nước thống nhất, nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do, đó là điều kiện thuận lợi để mọi người Việt Nam yêu nước bắt tay xây dựng Tổ quốc giàu mạnh, làm cơ sở cho việc thực hiện quyền con người đầy đủ hơn. Tuy nhiên, công cuộc xây dựng hòa bình đó lại bị các thế lực tự nhận là "kẻ bảo vệ quyền con người" chống phá ngày càng quyết liệt, cố tình bỏ qua những cố gắng không mệt mỏi của Chính phủ và nhân dân Việt Nam trong quá trình khắc phục hậu quả của chiến tranh, khoan dung với các phần tử chống chế độ, thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, quyết tâm vươn lên thoát khỏi tình trạng nước nghèo và chậm phát triển. Trong giai đoạn hiện nay, ngoài các thủ đoạn truyền thống, các thế lực phản động còn tăng cường chống Việt Nam

trên lĩnh vực nhân quyền, cố tình tạo ra một hình ảnh đất nước Việt Nam bị bóp méo trong cộng đồng quốc tế; họ cho rằng, ở đó không có tự do chính trị, không có nhân quyền, tôn giáo bị đàn áp, dân tộc bị kỳ thị...(!) Đối với vấn đề dân tộc, tôn giáo, các âm mưu lợi dụng chiêu bài nhân quyền đang tìm mọi cách hướng đến các mục tiêu cụ thể sau đây:

Thứ nhất: Làm thay đổi nhận thức của người dân về quyền con người theo hướng *đề cao nhân quyền hơn chủ quyền*.

Trên thực tế, các thế lực phản động đang tìm cách đề cao vai trò của một số phần tử chống đối chế độ trong cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số và trong các tôn giáo, biến các đối tượng này thành các biểu tượng của cuộc đấu tranh cho cái gọi là "quyền tự do của con người".

Thứ hai: Lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc để phá hoại nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc. Để thực hiện mục tiêu này, các thế lực phản động quốc tế đã cấu kết với các thế lực cực đoan ở trong nước mưu đồ tạo ra những bất ổn xã hội - chính trị nhằm dựng lên cái gọi là "Vương quốc H'Mông", "Nhà nước Đê Ga" và "nhà nước Khơ-me Crôm"...

Thứ ba: Phê phán Đảng Cộng sản Việt Nam là cực quyền, độc đảng trị, hô hào chủ nghĩa đa nguyên chính trị, tìm cách biến các tổ chức tôn giáo thành các Đảng chính trị đối lập.

Thứ tư: Thúc đẩy khuynh hướng thoát ly khỏi sự quản lý của nhà nước nhằm biến các tổ chức tôn giáo thành cái gọi là "Nhà nước trong nhà nước". Để thực hiện mục tiêu này, các thế lực phản động đang tìm cách lên án về cái gọi là "nhà nước can thiệp vào công việc nội bộ của tôn giáo", thúc đẩy các hành động "vượt rào", "xé rào", lấn lướt chính quyền của một số cá nhân, tổ chức tôn giáo ở một số nơi.

Thứ năm: Kích động tâm lý dân tộc cực đoan, khoét sâu những khác biệt giữa các dân tộc, tôn giáo, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc hòng gây sự rạn nứt, sự xáo trộn trong lòng xã hội, làm suy yếu sức mạnh dân tộc từ bên trong.

Thứ sáu: Tạo ra các "hiện tượng thiêng" gây sự chú ý của nhân dân hòng tạo tâm lý hoang mang, nghi ngờ vào năng lực hiện thực của con người.

Thứ bảy: Lợi dụng triệt để các diễn đàn quốc tế kể cả mạng thông tin toàn cầu và các phương tiện thông tin khác để tập hợp lực lượng chống chủ nghĩa xã hội, chống Việt Nam thông qua chiến lược vu khống, bôi nhọ có hệ thống. Khai thác những sơ hở, hạn chế của ta để thổi phồng tầm quan trọng của các sự kiện, tạo cảm giác trong dư luận quốc tế về một nước Việt Nam có vấn đề về nhân quyền mà vấn đề dân tộc, tôn giáo là một trong các hướng được ưu tiên.

Bất chấp các thủ đoạn chống phá của kẻ thù, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhân dân ta đã liên tục phấn đấu và đã đạt được những thành tựu quan trọng kể cả trong kinh tế, chính trị và cả trong các vấn đề xã hội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thời gian qua là liên tục và ở mức cao đã tạo thêm tiềm lực để thực hiện tốt hơn chủ trương xóa đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, kiềm chế sự chênh lệch về phát triển giữa các dân tộc, giữa các vùng miền. Cùng với quá trình trên, dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội cũng được đẩy mạnh, làm cho mọi người dân ngày càng có cơ hội tham gia công việc của đất nước, được tự do hơn trong các hoạt động phù hợp luật định. Ngoài ra, công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia được tiến hành hơn 10 năm qua cũng đã góp phần làm trong sạch bộ máy nhà nước, giảm phiền hà cho nhân dân và tạo điều kiện ngày càng tự do hơn cho sinh hoạt của quảng đại dân chúng. Đối với lĩnh vực tôn giáo, vừa qua Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã ký lệnh công bố Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo. Có thể nói, pháp lệnh này là biểu hiện về sự nỗ lực theo hướng bảo đảm quyền tự do của công dân ngày càng tốt hơn của Nhà nước Việt Nam. Những thành tựu trên đây của đất nước cho phép chúng ta tin tưởng vào sự nghiệp phát triển con người của Đảng và Nhà nước ta, tạo cơ sở để đấu tranh thắng lợi với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực nhân quyền. □

**1 - Đánh giá thành tựu
lý luận văn học Việt Nam
thế kỷ XX**

Từ những thập niên đầu của thế kỷ XX, đồng thời với sự xuất hiện một thực tiễn lịch sử và thực tiễn nghệ thuật mới, khoa nghiên cứu văn học nói chung, bộ môn lý luận văn học nói riêng đã từng bước được hình thành. Bước sang thời kỳ 1930-1945, với một thực tiễn văn học phát triển phong phú chưa từng thấy cả về nội dung, hình thức và chất lượng nghệ thuật, về thể loại, trào lưu, khuynh hướng, tác giả, tác phẩm, tạo nên một thời đại hiếm có trong lịch sử văn học thì lý luận văn học lại có thêm những điều kiện thuận lợi mới để phát triển. Dưới ảnh hưởng của phương Tây, trực tiếp là Pháp, các trào lưu tư tưởng triết học, mỹ học và lý luận văn học hiện đại trên thế giới đã thâm nhập vào nước ta ở những phạm vi, mức độ khác nhau, chi phối sự vận động của các trào lưu, khuynh hướng văn học. Đặc biệt là từ năm 1930 trở đi, với sự ra đời của Đảng Cộng sản, khuynh hướng tư tưởng mỹ học mác-xít đã hình thành, chi phối mạnh mẽ và sâu sắc tiến trình lịch sử và văn học. Vào đầu những năm bốn mươi, với các văn kiện *Đề cương về văn hóa Việt Nam* (1943), *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hóa mới Việt Nam lúc này* (1944) do đồng chí Trường Chinh chấp bút và *Văn học khái luận* (1944) của Đặng Thai Mai, lý luận văn học mác-xít đã thực sự bám rễ vào thực tiễn văn học Việt Nam để trở thành một bộ phận hữu cơ trong lý luận đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, góp phần quan trọng vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám.

Từ năm 1945 trở đi, trong điều kiện kháng chiến, một thực tiễn văn học mới với những phẩm chất mới đã hình thành và phát triển trên cơ sở

Đổi mới, phát triển lý luận văn học và mỹ học phù hợp với thực tiễn lịch sử và thực tiễn nghệ thuật mới

PHAN TRỌNG THƯỜNG *

kế thừa những thành tựu lý luận văn học mác-xít và thành tựu sáng tác của văn học cách mạng đã đạt được ở thời kỳ trước. Bên cạnh việc học tập, tiếp thu các quan điểm lý luận văn học và mỹ học từ Liên Xô, Trung Quốc và các nền văn học tiến bộ khác, các nhà lý luận đã tiếp tục truyền bá, cụ thể hóa những quan điểm lý luận văn học mác-xít, gắn sự nghiệp văn học với sự nghiệp cách mạng văn hóa và sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Văn kiện *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* (1948) của đồng chí Trường Chinh là văn kiện quan trọng thể hiện những quan điểm cơ bản nhất về lý luận văn hóa và văn học được xây dựng trên cơ sở kết hợp những nguyên tắc của mỹ học Mác - Lê-nin với thực tiễn văn học dân tộc dân chủ nhân dân thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Tuy nhiên, phải đợi đến khi kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, đất nước bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà; khi các trường đại học, các viện nghiên cứu được thành lập thì khoa nghiên cứu văn học nói chung và lý luận văn học như một

* PGS, TS, Viện trưởng Viện văn học

bộ môn của khoa nghiên cứu văn học nói riêng mới chính thức được hình thành và phát triển. Từ đây, khoa học văn học và bộ môn lý luận văn học mới được xác định rõ đối tượng nghiên cứu, được soạn thành giáo trình giảng dạy và học tập trong nhà trường một cách tương đối quy củ và bài bản.

Trong suốt thời kỳ chống Mỹ cứu nước, dưới ánh sáng tư tưởng mỹ học Mác - Lê-nin, quan điểm, đường lối văn nghệ của Đảng, sự tiếp thu thành tựu lý luận văn học của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đặc biệt là sự khái quát, đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn văn học cách mạng, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống lý luận phù hợp với sự vận động nội tại của tiến trình văn học, đáp ứng yêu cầu khách quan của cuộc đấu tranh vì mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đó là tiền đề quan trọng tạo nên thành quả văn học cách mạng với đội ngũ nhà văn nhiều thế hệ, với khối lượng tác phẩm đáng trân trọng gồm nhiều thể loại, có giá trị hiện thực lịch sử, mang đậm dấu ấn tinh thần của thời đại, phản ánh trung thực cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ và anh dũng của nhân dân ta. Cũng trong thời gian này, giới nghiên cứu Việt Nam cũng có dịp tiếp xúc với một số trào lưu tư tưởng triết học, mỹ học và lý luận văn học xuất hiện ở châu Âu và phương Tây hiện đại.

Nhìn chung, thời kỳ 1954 - 1975 là thời kỳ phát triển độc tôn của lý luận văn học và mỹ học hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Bắt đầu từ cuối những năm bảy mươi, đầu những năm tám mươi, đặc biệt là từ 1986; khi công cuộc đổi mới được Đảng ta khởi xướng và phát động; khi các quy luật tác động của thời chiến dần dần tỏ ra hết hiệu lực; khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường, khi tư duy đã được đổi mới; và nhất là khi hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã; khi nhu cầu giao lưu và hội nhập với thế giới đặt ra như một thách thức sống còn... thì trên lĩnh vực văn học - nghệ thuật nói chung, lý luận văn học và mỹ học nói riêng thực sự diễn ra một nhu cầu nhận thức lại, nhu cầu phát triển, bổ sung và hoàn thiện trên rất nhiều vấn đề của lý luận và lịch sử văn học. Có thể nói, thập niên cuối cùng của thế kỷ XX là thập niên thức tỉnh của tư

duy lý luận, trong đó có cả lý luận chung về học thuyết phát triển, về mô hình xã hội, về môi trường sống của con người; có cả lý luận văn học và mỹ học đặt ra như một hệ quả đương nhiên của quá trình đổi mới và phát triển. Cần phải ghi nhận sự thức tỉnh này như là một thành tựu quan trọng có ý nghĩa lịch sử của lý luận văn học Việt Nam thế kỷ XX. Đó cũng là thành tựu có ý nghĩa mở đường cho lý luận văn học các thế kỷ tiếp theo.

2 - Thực trạng lý luận văn học hiện nay - những vấn đề cần nhìn nhận lại

Có một thực tế hiển nhiên là, từ năm 1986 đến nay, khi công cuộc đổi mới được khởi xướng, thực tiễn sáng tác văn học một mặt tiếp tục bám vào văn mạch cũ, một mặt khơi thêm những nguồn mạch mới để phát triển khá phong phú và đa dạng. Ở tất cả các thể loại đều xuất hiện một đội ngũ tác giả mới với những sáng tạo mới mang dấu ấn phong cách cá nhân, thể hiện những trăn trở tìm tòi về nghệ thuật và những hình thức biểu hiện mới.

Trái lại, lý luận văn học lại tỏ ra xơ cứng, kém năng động so với thực tiễn sáng tác, không cập nhật được so với trình độ lý luận văn học và mỹ học chung của thế giới. Dường như sau sự thức tỉnh của tư duy, sự hăm hở phát hiện và nhận thức lại diễn ra vào thời kỳ đầu đổi mới, từ những năm chín mươi đến nay, không khí chung có vẻ chững lại, dè chừng hơn, thận trọng hơn trong việc nhìn nhận, đề xuất và kiến giải vấn đề. Tinh thần dân chủ lý luận không được phát huy mạnh mẽ và đến độ như lúc mới khởi xướng. Bình tĩnh nhìn lại những vấn đề lý luận văn học được giới nghiên cứu xới lên trong khoảng 10 năm từ 1979 đến 1989 chúng ta sẽ thấy hầu hết rơi vào tình trạng bỏ lửng, "đánh trống bỏ dùi", không có được sự thống nhất chỉ ít là trên những quan điểm chung, nguyên tắc chung. Hàng loạt đề xuất xung quanh tính chân thực nghệ thuật; xung quanh mối quan hệ giữa văn học và hiện thực; xung quanh chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa và phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, xung quanh bản chất, chức năng văn học - nghệ thuật; xung quanh các nguyên lý tính giai cấp, tính đảng, tính dân tộc và tính quốc tế... ngay cả vấn đề mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị, cho đến nay vẫn còn là những câu hỏi

buông xuôi, vừa có vẻ như là những nguyên tắc bất di bất dịch, lại vừa có vẻ như là những khu vực còn bỏ ngỏ, tồn đọng nhiều vấn đề chưa được minh định rõ ràng.

Tình hình đó đưa cục diện lý luận văn học lâm vào bế tắc và khủng hoảng. Trong khi những yếu tố bất cập, lỗi thời của hệ thống lý luận hiện hành chưa được chỉ ra, phân tích có căn cứ, có cơ sở khoa học thuyết phục thì những yếu tố mới lại chậm được nghiên cứu, khẳng định để đi đến hoàn thiện. Chương trình giảng dạy và học tập bộ môn Lý luận văn học trong nhà trường các cấp hiện nay, một phần cũng vì thế mà trở nên thiếu ổn định, không cập nhật được với tri thức lý luận mới nhất, thiếu sức hấp dẫn so với thực tế văn học đang không ngừng vận động và biến đổi.

Trong khi đó, giới nghiên cứu và dịch thuật dường như nhận thức ra những thiếu hụt, những hiểu biết hạn hẹp, không đến nơi đến chốn về các trường phái tư tưởng triết học, mỹ học và lý luận văn học phương Tây, về những thành tựu lý thuyết tiêu biểu của khoa nghiên cứu văn học... nên đã và đang nỗ lực dịch, giới thiệu và phổ biến những lý thuyết, trường phái đó ở Việt Nam với động cơ khách quan và nhu cầu khoa học thực sự. Tuy nhiên, kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu so với yêu cầu nghiên cứu, tham khảo. Ở thời điểm này, nhìn lại khoa nghiên cứu văn học của ta, trong đó có bộ môn lý luận văn học, có thể nhận thấy nguy cơ tụt hậu so với yêu cầu phát triển của bộ môn, so với sự phát triển của thực tiễn nghệ thuật, và nhất là so với mặt bằng lý luận nghệ thuật chung của thế giới. Nhiều lý thuyết đối với chúng ta là mới thì hầu hết đều đã xuất hiện từ những năm năm mươi trở về trước và đều đã bị thế giới bỏ xa khá lâu. Nhưng, muộn còn hơn không, chúng ta vẫn phải tiếp xúc toàn diện, phải dịch, giới thiệu một cách cơ bản để có căn cứ phê phán và tiếp thu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong khi tiếp xúc với các trường phái phương Tây chúng ta đã có những biểu hiện quá vồ vập, sùng bái, thiếu tỉnh táo trong việc nhận ra những cái không phù hợp với quan điểm lựa chọn, với bản chất xã hội và nhân văn của hệ thống mỹ học mác-xít. Đồng thời, có cả những biểu hiện kỳ thị, những định kiến tư tưởng và

học thuật, phê phán thiếu khách quan, thiếu cơ sở lịch sử, thiếu căn cứ khoa học và thực tế, dẫn đến bỏ qua, bỏ sót phần hợp lý có thể tiếp thu để mở rộng khả năng nghiên cứu và sáng tạo. Suy cho cùng, cả hai thái độ đó đều cần phải được điều chỉnh vì nó trái với nguyên lý phát triển.

Mười năm cuối thế kỷ XX, thế giới rung chuyển vì những biến động xã hội - chính trị lớn. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu lâm vào khủng hoảng và tan rã. Thực tế cho thấy, ở nước ta do sự thâm nhập và chi phối sâu sắc của yếu tố thị trường vào hoạt động văn chương nên trong những năm qua, ít nhiều có biểu hiện lẩn lộn, nhập nhằng giữa giá trị văn chương với giá trị hàng hóa, khiến cho không ít trường hợp rơi vào tình trạng khó thẩm định, khó đánh giá vì tiêu chí không thống nhất. Thực tế đó đang phản biện lại lý luận, đặt ra cho lý luận nhiều yêu cầu cần phải giải quyết. Song, chính thực tiễn cho thấy lý luận văn học của chúng ta trong thời gian qua có nhiều lúng túng, bế tắc, không giữ được vai trò chỉ đạo thực tiễn, soi sáng thực tiễn.

Một thực trạng lý luận khác rất đáng quan tâm là không chỉ thực tiễn nghệ thuật thời kỳ đổi mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa chậm được tổng kết, đúc rút kinh nghiệm lý luận, kinh nghiệm nghệ thuật cần thiết, mà ngay cả thực tiễn văn học cách mạng - một thành tựu quan trọng của văn học thế kỷ XX đã có độ lùi 30 năm cũng vẫn chưa được tổng kết, đúc rút bao nhiêu về mặt lý luận. Chỉ riêng thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay, trên bình diện lý luận chung đã có rất nhiều vấn đề cần được làm sáng tỏ như các vấn đề: dân tộc - hiện đại, bản sắc - hội nhập, thị trường - xã hội chủ nghĩa, chủ trương xã hội hóa các hoạt động nghệ thuật v.v... Lý luận văn học với tư cách là một hệ thống năng động và nhạy cảm không thể tự tách ra khỏi các vấn đề trên.

Cuối cùng, cho đến thời điểm này, nhận thức và tư duy lý luận của chúng ta còn bộc lộ khá nhiều hạn chế. Không ít người quan niệm lý luận văn học như một bộ luật sáng tác, một tổ hợp các nguyên tắc tư tưởng, nguyên tắc sáng tạo nghệ thuật. Thực ra, cách hiểu đó không hoàn toàn sai nhưng hết sức phiến diện. Ngay cả bản chất triết học, mỹ học

trong lý luận văn học cũng chưa được ý thức rõ ràng. Cho nên khuynh hướng lược quy, đơn giản hóa lý luận bằng những khái niệm, những phạm trù thô thiển, làm nghèo hệ thống mỹ học và lý luận văn học mác-xít đã diễn ra trong thực tế sáng tác và nghiên cứu văn học thời gian qua là điều dễ hiểu.

3 - Luận chứng đổi mới và phát triển lý luận văn học

Định hướng tư tưởng lý luận làm nền tảng xây dựng học thuyết phát triển của đất nước ta hiện nay được xác định là *chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*. Trong định hướng đó, *lý luận văn học và mỹ học mác-xít* cần phải được tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo, là sự lựa chọn có tính nguyên tắc cho sự tồn tại và phát triển của nền văn học.

Tuy nhiên, chính những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã xây dựng học thuyết triết học và mỹ học của mình trên cơ sở tiếp thu có phê phán, kế thừa và phát triển các học thuyết triết học và mỹ học trước đó của Kan-tơ, Hê-gen và Phoi-ơ-bắc. Cho nên, chúng ta cũng không thể tiếp thu một cách máy móc, thụ động, biến học thuyết triết học và mỹ học của Mác, Ăng-ghe-n, Lênin vốn được xem là một học thuyết có tính khoa học và cách mạng thành một giáo điều tư tưởng - nghệ thuật, một công thức cứng nhắc, gò bó mà phải chủ động sáng tạo, phát triển học thuyết Mác trong những điều kiện lịch sử mới, phù hợp với thực tiễn văn hóa, văn học mang đậm bản sắc của mỗi quốc gia, khu vực. Tinh thần đó sẽ làm cho các chân lý phổ biến của học thuyết Mác được kiểm chứng trong thực tiễn mang vẻ đặc thù của các quốc gia, dân tộc. Lập trường khẳng định vai trò chủ đạo của lý luận văn học và mỹ học mác-xít vào thời điểm lịch sử hiện nay bao hàm trong đó yêu cầu đổi mới và phát triển. Tách rời các yêu cầu này, hệ thống lý luận của chúng ta sẽ trở nên xơ cứng, không thỏa mãn được các yêu cầu mới của lịch sử và nghệ thuật và trái với tinh thần cơ bản của học thuyết Mác.

- Hệ thống lý luận văn học và mỹ học của ta hiện nay, về cơ bản được thiết lập và lưu hành từ 1985 trở về trước, chủ yếu dựa trên hệ thống quan điểm của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin và quan điểm của

Đảng ta về văn học nghệ thuật; trên những yêu cầu của thực tiễn lịch sử và văn học thời kỳ chiến tranh cách mạng. Trong quá trình đó, tuy chúng ta có nhiều cơ hội để thừa hưởng thành quả nghiên cứu từ Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác cùng lấy quan điểm mác-xít làm nền tảng, nhưng nhìn chung vẫn còn thiếu tính hệ thống, tính khách quan vốn rất cần cho việc tiếp cận khoa học. Nhiều điểm khả thủ của hệ thống chưa được nghiên cứu, phát triển trong khi việc tiếp thu lại có khuynh hướng công thức, giáo điều, chưa chú trọng đầy đủ đến đặc trưng mỹ học và văn học.

Đối với những hệ thống triết học, mỹ học và lý luận văn học phi mác-xít của Âu - Mỹ hiện đại, do chưa có quan điểm tiếp cận, thu một cách khách quan, khoa học và biện chứng nên trong một thời gian dài, chúng ta duy trì một thái độ đơn thuần phê phán, loại bỏ. Thái độ đó đã bỏ qua cơ hội tiếp xúc sớm với những thành tựu hợp lý của khoa nghiên cứu văn học, tìm hiểu tư duy lý luận, tự hạn chế khả năng của hệ thống lý luận văn học và mỹ học trong việc khám phá bản chất đích thực và phát hiện các quy luật của nghệ thuật.

Ngay cả đối với hệ thống quan niệm lý luận văn học và mỹ học truyền thống phương Đông, trong đó có các quan điểm về văn học của ông cha ta, việc nghiên cứu, tiếp thu chưa phải khi nào cũng thấu đáo, cặn kẽ, khi nào các đặc điểm của tư duy phương Đông cũng tìm được biện chứng phát triển. Trong bối cảnh quốc tế mới, nhiều giá trị dân tộc đang được phát huy. Mặc dù chúng ta chưa có truyền thống lập thuyết, di sản lý luận văn học chưa nhiều, nhưng từ thực tiễn và ứng xử văn chương dân tộc, chúng ta có thể tiếp thu được nhiều kinh nghiệm lịch sử và nghệ thuật quý báu.

Đến nay, tiến trình đổi mới đã diễn ra trên đất nước ta ngót 20 năm. Những thành tựu của sự nghiệp đổi mới, trong đó có đổi mới về tư duy, đổi mới về cơ chế dân chủ, về cơ chế quản lý kinh tế và điều hành đất nước... đã tạo ra những thay đổi căn bản về mọi mặt. Đó là những tiền đề mới, thực tiễn mới cho sự nảy nở và phát triển của tư duy lý luận. Trong thực tiễn này, hệ thống lý luận văn học và mỹ học của chúng ta có điều kiện để nhận thức những yếu tố bất cập, không còn phù hợp với

thực tiễn lịch sử mới, thực tiễn nghệ thuật mới, với tư duy lý luận văn học mới. Đồng thời, phát hiện, bổ sung, đúc kết những thành tựu lý luận mới để hoàn bị hệ thống trên tinh thần gắn lý luận với thực tiễn.

4 - Phương hướng đổi mới và phát triển lý luận văn học

- Trên cơ sở khẳng định vai trò chủ đạo của lý luận văn học và mỹ học mác-xít; quán triệt quan điểm của Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng; bám sát những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn lịch sử và thực tiễn nghệ thuật thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tiếp tục nghiên cứu, đổi mới, phát triển và hoàn thiện hệ thống lý luận văn học và mỹ học phù hợp với thực tiễn Việt Nam, phù hợp với thực tiễn nghệ thuật mới của thế giới, làm cơ sở cho hoạt động nghiên cứu, sáng tạo và thưởng thức nghệ thuật; xây dựng bộ môn lý luận văn học tương xứng với vị thế là triết học của văn học.

- Nhìn nhận lại vấn đề nghiên cứu, tiếp xúc với các lý thuyết, các quan điểm lý luận văn học và mỹ học hiện đại phương Tây một cách khách quan hơn, khoa học hơn, với thái độ điềm tĩnh hơn, nghiên cứu một cách toàn diện và thấu đáo hơn để có cơ sở phê phán và tiếp thu hợp lý. Thực tế cho thấy trong các lý thuyết, các quan điểm lý luận văn học và mỹ học đó không phải lý thuyết nào, quan điểm nào cũng hoàn toàn phù hợp và cần thiết đối với chúng ta; nhưng không phải lý thuyết nào cũng không đáng nghiên cứu, tham khảo và cần phủ định. Vấn đề là ở chỗ quan điểm nghiên cứu, tiếp thu và phê phán như thế nào cho phù hợp. Tinh thần tiếp thu một cách thận trọng, có cơ sở khoa học đối với các lý thuyết, các quan điểm lý luận văn học và mỹ học này, trong tình hình thế giới hiện nay sẽ là cơ sở để mở rộng giới hạn và khả năng của hệ thống lý luận văn học và mỹ học mác-xít trước thực tiễn nghệ thuật phong phú, rộng lớn của thế giới. Trước mắt, cần có kế hoạch tổ chức dịch một cách khá cơ bản các tài liệu tham khảo cần thiết để làm căn cứ tiếp thu.

- Nhìn nhận lại việc nghiên cứu, tiếp thu các quan điểm lý luận văn học và mỹ học phương Đông, trong đó có quan điểm văn học và mỹ học

truyền thống của Việt Nam theo một quan điểm giá trị mới, một tư duy học thuật và tư duy lý luận mới để phát hiện những nét độc đáo của dân tộc, những đặc thù phương Đông làm căn cứ cho việc hoàn thiện hệ thống lý luận văn học và mỹ học hiện đại. Lịch sử cho thấy từ cuối thế kỷ XIX, phương Đông đã có sức hấp dẫn đối với nhiều nhà nghiên cứu phương Tây. Sự kết hợp nhuần nhuyễn Đông-Tây sẽ là tiền đề để tạo ra tính ưu việt trong hệ thống quan điểm lý luận văn học và mỹ học mà chúng ta phấn đấu, xây dựng.

- Nghiên cứu, quán triệt một cách nghiêm túc các quan điểm về văn học - nghệ thuật của Đảng; kết hợp lý luận với thực tiễn để xây dựng một hệ thống lý luận văn học tiên tiến, vừa phù hợp với thực tiễn phát triển văn học - nghệ thuật của đất nước ta giai đoạn hiện tại, vừa cập nhật được với trình độ thông tin lý luận của thế giới, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển tiến bộ trong tương lai.

- Tiến hành nghiên cứu, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm nghệ thuật từ thực tiễn văn học Việt Nam thế kỷ XX, đặc biệt là từ thực tiễn lịch sử, thực tiễn nghệ thuật thời kỳ đổi mới; đồng thời mở rộng tầm nhìn, tầm khái quát thực tiễn phát triển của văn học thế giới để đề xuất, kiến giải những luận điểm lý luận mới, giúp cho việc hoàn bị hệ thống lý luận văn học.

- Về phương pháp, cần xúc tiến việc nghiên cứu văn học nói chung, lý luận văn học và mỹ học nói riêng theo quan điểm văn hóa- lịch sử, xem văn học như một bộ phận quan trọng của văn hóa và lý luận văn học như một phạm trù lịch sử vừa có tính khái quát, vừa có tính cụ thể. Đồng thời, sử dụng thành tựu nghiên cứu liên ngành và những phương pháp khoa học tiên tiến để tiếp cận đối tượng, bản chất và những vấn đề của lý luận văn học, tạo ra những thành tựu lý luận văn học mới.

- Đổi mới quan niệm và tư duy lý luận; tăng cường năng lực tư duy lý thuyết, khả năng tiếp thu và cảm nhận lý luận trừu tượng; mở rộng giới hạn nhận thức lý tính; thông qua giảng dạy, học tập và thực tiễn nghiên cứu để xây dựng hệ thống thuật ngữ, khái niệm lý luận văn học chính xác; kiến tạo hệ thống chuẩn mực lý luận nghệ thuật phù hợp với yêu cầu của đời sống văn học.□



TỰ PHÊ BÌNH VÀ PHÊ BÌNH

phải nhìn thẳng vào sự thật và nói thật

DƯƠNG VĂN ĐIỀU *

đều lớn lên, hoàn thiện hơn, trở nên đúng đắn hơn, trong sáng hơn, tràn đầy sinh lực mới. Lê-nin nói: "Chủ nghĩa Mác là vô địch vì nó đúng". Chúng ta sẽ là vô địch, nếu chúng ta ngày càng nắm vững, càng thâm nhuần quán triệt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tự phê bình và phê bình phải nhìn thẳng vào sự thật, phải nói thật. Trước đây, chúng ta cũng có nhiều cuộc tự phê bình và phê bình, nhưng phần lớn là hình thức, nói vòng vo, quanh co, né tránh.

Tự phê bình và phê bình phải nhất mực nhìn thẳng vào sự thật. Không phải ngẫu nhiên mà Lê-nin tuyên bố: Sức mạnh của chúng ta nằm ở tiếng nói của sự thật... Nguyên tắc làm việc của chúng ta là phải nói sự thật trước quần chúng. Nhân dân sẽ làm nên những điều kỳ diệu nếu xung quanh họ ngự trị sự thật. Giai cấp vô sản Nga đã thật sự làm nên sự diệu kỳ vì lãnh tụ Lê-nin đã thẳng thắn vạch trần sự tàn bạo và thối nát của chế độ Sa hoàng và cũng thẳng thắn vạch rõ cho quần chúng lao động Nga thấy họ sẽ chẳng mất gì mà chỉ mất có xiềng xích khi họ đứng lên lật đổ kẻ thù giai cấp.

Chúng ta có bài học đau xót thời chống Mỹ. Cuộc bình định cấp tốc của Mỹ - nguy cho chúng ta nhiều

đau xót
bình định
gây thật

chính sách cũng như về việc triển khai thực hiện. Kiểm điểm cả lãnh đạo và cả từng đảng viên.

Tự phê bình và phê bình là quy luật, vì Đảng ta là một cơ thể sống. Cũng như mọi cơ thể khác trong tự nhiên, xã hội, tất cả đều không nằm ngoài sự vận động thường xuyên và bất tận là thay cũ, đổi mới, thay cái già cỗi, lỗi thời, hấp thu cái mới, cái đúng, cái tốt, cái tiến bộ, phù hợp hơn với điều kiện hoàn cảnh, với thời gian và không gian. Cuộc sống là một cuộc vận động đổi mới không ngừng, ngưng đọng là chết; cỏ cây, con người đều thế cả.

Thực hiện tự phê bình là thanh xuân hoá Đảng. Trong tự phê bình và phê bình, tổ chức đảng và mỗi đảng viên đều tự soi rọi mình, đem tư tưởng, đạo đức, nếp sống của chúng ta đối chiếu với chân lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, với đường lối, nghị quyết của Đảng, thấy cái gì chưa đúng, chưa phù hợp thì sửa chữa cho đúng, cho phù hợp. Và qua sự đối chiếu, tự kiểm tra, qua ngọn lửa đấu tranh tự phê bình, các tổ chức đảng và từng đảng viên

LÊ-NIN nói: tiêu chí để phân biệt một đảng chân chính cách mạng với một đảng cơ hội là ở chỗ đảng đó có thực hiện tự phê bình và phê bình một cách nghiêm chỉnh hay không?. Tự phê bình và phê bình là quy luật xây dựng và phát triển của Đảng ta. Sau khi thành lập Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ đã viết tác phẩm "Tự chỉ trích" nhằm giáo dục và rèn luyện Đảng ta theo nguyên tắc mác-xít - lê-nin-nít.

Tự phê bình và phê bình là yêu cầu trong sinh hoạt đảng bởi vì sinh hoạt đảng mà không có tự phê bình và phê bình thì không có nội dung, nhất là nội dung chiến đấu. Đảng ta là một đảng cầm quyền, và lãnh đạo toàn diện. Mọi đường lối kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng... của đất nước đều do Đảng đề ra và chỉ đạo thực hiện.

Đồng thời Đảng chịu trách nhiệm trước quốc dân, đồng bào, trước lịch sử.

Ngoài việc vận động nhân dân góp ý kiến về mọi mặt với lãnh đạo, điều quan trọng đầu tiên là trong Đảng ta phải có sự kiểm điểm nội bộ. Kiểm điểm cả về đường lối chủ trương,

* Cán bộ lão thành thành phố Hồ Chí Minh

nhất là về mặt cán bộ. Vì mang nặng tư tưởng thành tích và cũng nhằm báo cáo cho "hợp với khẩu vị lãnh đạo", nên cấp dưới che giấu bớt những thiệt hại về người và của của chúng ta, không phản ánh đầy đủ và kịp thời thực tế của tình hình, làm cho lãnh đạo không có đủ cơ sở để sớm chuyển hướng chỉ đạo chiến lược. Do đó mà cách mạng phải trả giá đắt.

Sinh thời, Mác rất ghét bọn cơ hội, bọn đờn nịnh hót, bọn sợ sự thật như cú sợ ánh sáng. Mác gọi những cái đó là cái "xấu xa nhất", cái "bỉ ỉ nhất".

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: trong phê bình và tự phê bình điều quan trọng bậc nhất là mỗi người nói thẳng, nói thật, nói hết ý mình, không sa

vào tình trạng nể nang, né tránh hoặc là nói phớt qua không có tác dụng gì.

Lê-nin đã khẳng định: chỉ khi nào chúng ta nhìn thẳng vào sự thật dù là sự thật đáng buồn nhất đi nữa, chỉ khi đó mới học được cách chiến thắng. Chúng ta không sợ tự phê bình và phê bình sẽ gây mất đoàn kết nội bộ, nếu chúng ta thật sự thương nước, thương dân, vì Đảng, vì cách mạng, nếu chúng ta thật sự chí công vô tư, không có mây may động cơ cá nhân. Thái độ trung thực, chân tình, không đao to búa lớn trong tự phê bình và phê bình, thì nhất định sau khi phê bình và tự phê bình, nội bộ chúng ta sẽ đoàn kết yêu thương nhau hơn, Đảng ta sẽ trong sạch vững mạnh hơn. Vì sự thật, như lời một nhà văn, là

trắng tinh, là trời trong, còn nói dối là nổi đau kinh khủng của lương tâm. Thử tưởng tượng, nếu trong tự phê bình, kê khai tài sản, ai cũng giấu giếm, không nói thật khai thật và góp ý kiến đấu tranh để mọi người kê khai thành khẩn, thì làm sao nhân dân tin vào Đảng ta?

Nhân dân ta có truyền thống tin yêu và bảo vệ chân lý, bảo vệ Đảng, cách mạng, bảo vệ lẽ phải và đạo lý bằng cả xương máu của mình. Và không có sự việc gì lọt khỏi tai mắt, của nhân dân.

Thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, lòng tin của nhân dân đối với Đảng ta chắc chắn đi vào chiều sâu bền vững, làm cho hình ảnh của Đảng ta tỏa sáng hơn trong trái tim của toàn dân tộc. □

ĐẢO NGỤC NGÀY XUA,...

(Tiếp theo trang 58)

nên thơ như núi Chúa, đỉnh Tinh Yêu. Và dù là biển hay rừng, chỗ nào ở Côn Đảo cũng như những bức tranh sơn thủy hữu tình; chỗ nào cũng dễ dàng ngắm bình minh hay hoàng hôn trên biển. Côn Đảo có một hệ thống động - thực vật phong phú, đặc trưng cho nhiều vùng khác nhau như là một "Việt Nam thu nhỏ". Đó là vườn quốc gia Côn Đảo rộng 15.043 ha, với những khu rừng nguyên sinh đa dạng; những khu rừng ngập mặn giàu tài nguyên với 650 loài thực vật bậc cao, trong đó có 81 loài cây gỗ lớn, 194 loài cây gỗ nhỏ và vừa; 165 loài cây thuốc; 30 loài động - thực vật quý hiếm trong sách đỏ Việt Nam. Về tài nguyên thực vật biển, Côn Đảo hiện có 160 loài cá, 84 loài san hô; cùng những đặc sản quý và hiếm như vích, đồi mồi, rùa biển, ngọc trai, yến sào v.v...

Tôi tin, ngàn ấy tiềm năng cũng đủ thay cho lời mời gọi vừa hấp dẫn vừa tha thiết của Côn Đảo với đất liền.

Xin được kết thúc bài viết này trong niềm mong mỏi chân thành của một người vừa trở về từ Côn Đảo. Đó là mỗi người Việt Nam, nhất là các bạn trẻ, hãy ít nhất một lần tìm đến Côn Đảo thiêng liêng! Bởi có lẽ hơn bất kỳ nơi nào, Côn Đảo sẽ cho chúng ta những bài học vô cùng sâu sắc về tình yêu Tổ quốc; về lòng kiên trung, bất khuất trước bạo ngược, cường quyền; về niềm tin sắt đá vào lẽ phải và công bằng không gì lay chuyển nổi... Đó cũng là những bài học sống động về tinh thần cảnh giác; về giá trị đích thực của độc lập tự do; về đức vị tha và lòng bao dung của dân tộc Việt. Nói tóm lại, quá khứ của Côn Đảo đang nhắc nhở những người đang sống rất nhiều; và cũng đang để lại rất nhiều những bài học quý cho cả hiện tại và tương lai. □



NHÌN LẠI TÌNH HÌNH AN NINH CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI NĂM 2004

NGUYỄN HOÀNG GIÁP *

NĂM thứ tư của thiên niên kỷ mới đã trôi qua, để lại trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội thế giới hàng loạt sự kiện quan trọng liên tiếp diễn ra theo những khuynh hướng phức tạp đan xen nhau. Xét trên bình diện an ninh chính trị, có thể thấy bức tranh toàn cảnh thế giới năm 2004 bên cạnh những mảng sáng thể hiện nỗ lực của cộng đồng quốc tế nhằm kiến tạo một nền hòa bình bền vững, vẫn còn nhiều khoảng tối của xung đột, bạo lực và bất ổn định tiềm tàng ở không ít khu vực.

Năm 2004, tuy không xảy ra những cuộc chiến tranh quy mô lớn, nhưng thế giới vẫn bị chấn động bởi những cuộc xung đột cục bộ gay gắt, căng thẳng và những vụ khủng bố đẫm máu... Tình hình này khiến cho ước vọng của nhân loại về một thế giới thực sự an bình và thịnh vượng vẫn còn mong manh. Kể từ sau sự kiện ngày 11-9-2001, mặc dù cộng đồng quốc tế, nhất là các nước lớn đã có nhiều cố gắng hợp tác trong cuộc chiến chống khủng bố, song chủ nghĩa khủng bố quốc tế hiện vẫn là một vấn đề nhức nhối và là nỗi ám ảnh nặng nề đe dọa an ninh, chính trị thế giới. Năm 2004, thế giới tiếp tục phải đối mặt trước nhiều vụ khủng bố lớn, với mức độ thiệt hại rất lớn xảy ra ở Tây Ban Nha và Liên bang Nga.

Vụ đánh bom hàng loạt tại nhà ga xe lửa ở Ma-đrít (Tây Ban Nha) ngày 11-3-2004 đã cướp

đi sinh mạng của hơn một trăm người và làm khoảng 1.400 người khác bị thương. Đây là vụ khủng bố tồi tệ nhất trong lịch sử Tây Ban Nha và là một trong những vụ gây thương vong nhiều nhất ở Tây Âu kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai tới nay. Những kẻ đứng ra nhận trách nhiệm tiến hành vụ khủng bố coi đây là hành động phản đối việc Tây Ban Nha trở thành đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến chống I-rắc. Máu của những người dân thường vô tội Tây Ban Nha đã đổ sau khi Chính phủ nước này quyết định ủng hộ Mỹ mở cuộc tấn công phi nghĩa vào I-rắc. Sự kiện bi thảm này đã gây một áp lực mạnh trên chính trường Tây Ban Nha, buộc Chính phủ của những người xã hội dân chủ Tây Ban Nha được thành lập sau thắng lợi tại cuộc bầu cử Nghị viện phải tuyên bố rút toàn bộ lực lượng quân sự đóng ở I-rắc về nước.

Sáu tháng sau, ngày 1-9-2004, cả nước Nga và thế giới lại trải qua một chấn động khác, khi một nhóm khủng bố chiếm Trường phổ thông trung học số 1 tại thành phố Be-xlan (Bắc Ô-xê-ti-a), bắt hơn 1.000 học sinh, phụ huynh và cả giáo viên làm con tin đòi Chính phủ Nga thả tất cả những phần tử khủng bố bị bắt giữ trước đây ở I-gu-xê-ti-a (thuộc Nga). Việc giải th

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Bọn khủng bố đã kích nổ những khối thuốc nổ làm chết và bị thương nhiều người.

Các vụ khủng bố nêu trên tuy động cơ và mục đích không hoàn toàn giống nhau, song đều là những hành động tàn bạo, phi nhân tính đến cực độ, không thể chấp nhận trong đời sống nhân loại hiện đại. Thế giới rõ ràng không thể bình yên khi hoạt động khủng bố vẫn hoành hành. Vấn đề đặt ra là cộng đồng quốc tế cần nhận thức một cách đúng đắn nguồn gốc kinh tế - xã hội sâu xa của chủ nghĩa khủng bố, cùng tìm ra giải pháp thiết thực và phối hợp hành động chống khủng bố một cách hiệu quả.

Bên cạnh những vụ khủng bố, sự bất ổn của tình hình an ninh chính trị thế giới năm 2004 còn được thể hiện qua những diễn biến phức tạp tại nhiều khu vực được coi là "điểm nóng".

Trung Cận Đông tiếp tục ẩn chứa những biến cố khó lường nhất và vẫn là điểm nóng nhất trên thế giới năm qua với hai tâm điểm: I-rắc và cuộc xung đột I-xra-en - Pa-le-xtin.

Tại I-rắc, mặc dù chính quyền Mỹ đã từng tuyên bố rằng cuộc chiến tranh về cơ bản đã kết thúc từ giữa năm 2003, song, một năm qua, nơi đây chưa có một ngày ngơi tiếng súng và không có chết chóc. Các lực lượng nổi dậy phản kháng quyết liệt, liên tiếp tấn công vào quân Mỹ, vào các lực lượng quân đội nước ngoài khác và cả binh lính của Chính phủ I-rắc, gây ra những tổn thất không nhỏ, đe dọa tiến trình tái thiết I-rắc, nhất là đối với cuộc bầu cử sắp tới. Cho đến nay, đã gần 1.500 lính Mỹ và hàng trăm binh lính nước ngoài bị thiệt mạng, nước Mỹ đang phải đối mặt trước nguy cơ bị sa lầy tại I-rắc. Các nhóm khủng bố và lực lượng nổi dậy còn tiến hành hàng loạt các vụ bắt cóc con tin người nước ngoài nhằm tạo áp lực buộc chính phủ của các nước có con tin phải rút quân về nước hoặc thỏa mãn những yêu sách cụ thể. Để bình ổn tình hình và tiêu diệt hoàn toàn các lực lượng nổi dậy, liên quân Mỹ - Anh đã tiến hành các chiến dịch quân sự quy mô lớn, đặc biệt vào Pha-lu-gia, nơi mà Mỹ cho là điểm ẩn náu cuối cùng của lực lượng nổi dậy. Tuy nhiên, làn sóng bạo lực ở I-rắc vẫn

không lắng dịu, những cuộc tấn công của lực lượng chống đối vẫn tiếp tục nổ ra hằng ngày, gây tổn thất không nhỏ cho liên quân chiếm đóng. Với chiều hướng diễn biến như hiện nay, cho dù cuộc bầu cử Tổng thống ấn định vào ngày 30-1-2005 có được tiến hành, thì tình hình I-rắc cũng chưa thể nhanh chóng đi vào ổn định.

Năm 2004, cuộc xung đột I-xra-en - Pa-le-xtin liên tiếp có những bước leo thang nguy hiểm bởi hàng chục vụ tấn công bạo lực trả đũa lẫn nhau từ hai phía. Tiến trình hòa bình Trung Đông luôn bị phủ những bóng đen ảm đạm, trở nên bế tắc và đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn.

Khủng hoảng chính trị đã diễn ra sâu sắc trong nội bộ Pa-le-xtin sau sự thay đổi cương vị Thủ tướng của nước này. Sự ra đi của Tổng thống Y.A-ra-phát, người chiến sĩ đấu tranh kiên cường cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Pa-le-xtin, đã tạo ra khoảng trống quyền lực tại đây. Các phái chính trị của Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin (PLO) mặc dù đã đưa ông M.Ap-bát lên vị trí Chủ tịch PLO, nhưng vẫn còn nhiều bất đồng xung quanh vấn đề giải quyết xung đột với I-xra-en cũng như tương lai chính trị của Pa-le-xtin, nhất là sau cuộc bầu cử ngày 9-1-2005.

Những rạn nứt sâu sắc trong nội bộ Đảng Li-cút và Chính phủ liên hiệp của ông A.Sa-rôn ngày càng tăng sau khi ông A.Sa-rôn đưa ra kế hoạch đơn phương rút quân khỏi dải Ga-da đã đẩy I-xra-en vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Dư luận Pa-le-xtin và quốc tế có những nhận định khác nhau về kế hoạch rút quân đơn phương của ông A.Sa-rôn. Liệu có thể coi đây là một dấu hiệu đáng ghi nhận nhằm cứu vãn tiến trình hòa bình tại Trung Cận Đông vốn đang lâm vào ngõ cụt bế tắc trong nhiều năm qua? Nếu điều đó được thực hiện thì ước nguyện về việc thành lập một nhà nước độc lập của người Pa-le-xtin sẽ có thêm một cơ hội mới?

Ngoài Trung Cận Đông, tình hình tại một số "điểm nóng" khác của thế giới năm qua cũng không mấy sáng sủa. Cuộc khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên trở nên gay gắt hơn

khi Hàn Quốc bị phát hiện đã tiến hành làm giàu u-ra-ni-om trong phòng thí nghiệm. Điều này đã gây trở ngại lớn không những đối với việc khởi động lại vòng đàm phán 6 bên vốn đã bị bế tắc do bất đồng quan điểm giữa các bên đàm phán về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, mà còn đối với tiến trình hòa bình tại khu vực rất nhạy cảm này. Vấn đề hạt nhân của I-ran cũng chưa thể tìm ra giải pháp khả thi, bất chấp các nỗ lực ngoại giao con thoi của Liên minh châu Âu (EU) và cộng đồng quốc tế. Bạo lực leo thang mạnh tại Cốt-đi-voa khi quân nổi dậy và Chính phủ nước này tố cáo lẫn nhau vi phạm thỏa thuận ngừng bắn, khiến cho hàng chục ngàn người dân vô tội bị thiệt mạng hoặc rơi vào cảnh khốn khó. Lực lượng quân sự Pháp được triển khai tại đây bị tấn công và gặp rất nhiều khó khăn trong việc văn hòa bình. Căng thẳng giữa Cộng hòa dân chủ Công-gô và Ru-an-đa, xung đột và bạo lực tại Đa-phơ (Xu-đăng) v.v.. đã khiến châu Phi trở thành nơi xảy ra nhiều "điểm nóng" xung đột nhất trong năm qua.

Tại châu Âu, năm 2004 được ghi nhận với hai sự kiện nổi bật có tác động sâu rộng đến cục diện an ninh, chính trị châu lục và thế giới. Đó là việc Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) và EU tiếp tục mở rộng sang phía Đông. Ngày 2-4-2004, NATO chính thức kết nạp thêm 7 thành viên mới là: Bun-ga-ri, E-xtô-ni-a, Lát-vi-a, Lít-va, Ru-ma-ni, Xlô-va-ki-a và Xlô-vê-ni-a, nâng số thành viên của khối này từ 19 lên 26. Sự kiện này đánh dấu bước "Đông tiến" lớn nhất trong lịch sử 55 năm tồn tại của NATO. Bản đồ chiến lược của NATO đã được mở rộng áp sát biên giới nước Nga. Tầm ảnh hưởng của nó trải dài từ vùng vịnh Phần Lan ở biển Bắc tới tận biển Đen và biển A-đri-a-tíc ở phía Nam.

Hơn bất cứ quốc gia nào, Nga là nước quan tâm sâu sắc mọi động thái của NATO, bởi NATO mở rộng sẽ tác động trực tiếp đến an ninh, chủ quyền, cũng như chính sách quốc phòng của Nga. Để đối phó, Nga buộc phải điều chỉnh chiến lược an ninh - quốc phòng, tìm kiếm

các mối liên minh làm đối trọng hạn chế tác động tiêu cực của việc mở rộng NATO. Lực lượng vũ trang Nga đã tiến hành nhiều cuộc diễn tập quy mô lớn liên tiếp trong năm 2004 với sự tham gia của các quân chủng, quân khu và các hạm đội của nước này. Nga cũng đã phóng thử thành công một thế hệ tên lửa hành trình mới có khả năng mang nhiều đầu đạn, đột ngột thay đổi hướng nhằm vô hiệu hóa các hệ thống chống tên lửa hiện đại.

Việc mở rộng NATO hoàn toàn nằm trong ý đồ chiến lược của Mỹ. Sau khi Khối quân sự này mở rộng, Mỹ có một đội quân đông đảo hơn và có thể vươn dài tầm với đến các địa bàn chiến lược khác để thực hiện các mục tiêu do Mỹ lựa chọn. Nhưng, sự kiện này cũng tác động trực tiếp đến Mỹ theo chiều ngược lại. Thậm chí, theo nhiều nhà phân tích, đây còn là một thách thức không nhỏ đối với Mỹ, vì muốn giữ vai trò chỉ huy Mỹ phải đổ nhiều tiền của cho các chương trình hiện đại hóa quân sự của NATO. Hơn nữa, các thành viên châu Âu chủ chốt khác như Đức và Pháp hoàn toàn không muốn quá lệ thuộc vào Mỹ. NATO mở rộng đã trở nên lớn hơn nhưng chưa chắc sẽ thống nhất hơn và mạnh mẽ hơn. Không những thế nó còn đặt ra nhiều vấn đề cho cả Mỹ và những thành viên mới của NATO.

Sau lần mở rộng năm 1995, đầu tháng 5-2004, EU đã tiến thêm một bước chưa từng thấy trên lộ trình nhất thể hóa châu lục, với việc chính thức kết nạp thêm 10 thành viên mới gồm 4 nước Trung Âu (Hung-ga-ri, Ba Lan, Séc và Xlô-va-ki-a), 3 nước thuộc Liên xô cũ (E-xtô-ni-a, Lát-vi-a và Lít-va), 1 nước thuộc Nam Tư cũ (Xlô-vê-ni-a) và 2 quốc đảo trên Địa Trung Hải (Síp và Man-ta). Với sự mở rộng này, bản đồ địa - chính trị châu Âu đổi thay diện mạo một cách cơ bản. Liên minh châu Âu sẽ trở thành một khối thống nhất bao gồm 25 nước, với thực lực kinh tế hùng mạnh hơn. Lãnh thổ của EU sẽ tăng thêm 34% và dân số tăng thêm 29% sẽ trở thành một thị trường lớn trên thế giới với 500 triệu dân. Tuy nhiên, EU mở rộng cũng đối mặt trước không ít vấn đề khó khăn nan giải.

Năm 2004 là năm có nhiều cuộc bầu cử quan trọng trên thế giới. Nếu như cuộc bầu cử Tổng thống tại Liên bang Nga diễn ra suôn sẻ và không có bất ngờ nào do uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước của Tổng thống đương nhiệm V. Putin - ứng cử viên số 1 của cuộc bầu cử Tổng thống lần này - vượt xa các ứng cử viên khác, thì cuộc bầu cử Tổng thống tại Mỹ lại diễn ra căng thẳng, kịch tính đến phút chót. Trong quá trình vận động tranh cử, hai ứng cử viên của hai Đảng Dân chủ và Cộng hòa là đương kim Tổng thống Mỹ G.Bu-sơ và ông G.Ke-ry thay nhau giành lợi thế trước các cử tri Mỹ. Tuy nhiên, cuối cùng đa số cử tri Mỹ đã lựa chọn "gương mặt cũ" và ông G.Bu-sơ đã tái đắc cử nhiệm kỳ Tổng thống lần thứ hai. Sau khi tái đắc cử, Tổng thống G.Bu-sơ đã tiến hành cải tổ nội các Chính phủ. Việc Tổng thống Mỹ chọn Bà C.Rai-xơ, cố vấn an ninh quốc gia, thay thế Ngoại trưởng C.Pao-oen cho thấy ông G.Bu-sơ vẫn tiếp tục theo đuổi chính sách đối ngoại đã thực hiện trong nhiệm kỳ đầu.

Diễn biến căng thẳng nhất trong các cuộc bầu cử Tổng thống trong năm 2004 lại xảy ra tại U-crai-na. Sự căng thẳng xung quanh cuộc bầu cử đã dẫn đến một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc mà kết quả là cử tri tại đây đã phải tham gia cuộc bầu cử lại vòng hai vào ngày 26-12-2004 với phần thắng thuộc về ông Y-u-sen-cô. Vấn đề là vị Tổng thống mới có tìm ra được lối đi đúng đắn, khả dĩ bảo đảm cho một nước U-crai-na ổn định và phát triển hay không mới là điều mà mọi người dân nước này mong đợi.

Năm 2004 đã chứng kiến những cuộc họp Thượng đỉnh của các tổ chức quốc tế lớn như Liên minh châu Phi, Liên minh châu Âu, Hội nghị ASEM, ASEAN. Các hội nghị này đã đóng góp thiết thực vào sự phát triển của xu thế hợp tác, ổn định ở nhiều khu vực, châu lục và trên thế giới. Đây thực sự là những mảng sáng ấn tượng của bức tranh toàn cảnh thế giới năm qua. Trong chương trình nghị sự của các hội nghị này, những nội dung cơ bản được đề cập là chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, hợp tác để phát triển, kết nạp thành viên mới và những thỏa thuận song phương trên nhiều lĩnh vực.

Hội nghị Thượng đỉnh Liên minh châu Phi lần thứ ba họp tại A-di A-bê-ba (Ê-ti-ô-pi) từ ngày 6 đến 8-7-2004 đã xem xét việc thực hiện sáng kiến *Đối tác mới vì sự phát triển của châu Phi* (NEPAD) nhằm mục tiêu trước hết là khắc phục những bất ổn vì xung đột và nhất là nạn nghèo đói ở châu lục này. Hội nghị nhất trí tăng ngân sách khoảng 1,7 tỉ USD cho Liên minh châu Phi để thực hiện các mục tiêu đã đề ra trong ba năm tới. Các nhà lãnh đạo châu Phi cũng nhấn mạnh việc đẩy mạnh hội nhập châu lục và đa dạng hóa các nền kinh tế.

Hội nghị Thượng đỉnh EU diễn ra trong hai ngày 4 và 5-11 tại Brúc-xen (Bỉ) lần này có quy mô lớn nhất trong lịch sử EU. Hội nghị tuyên bố lấy việc thực hiện Chiến lược Li-xbon (thúc đẩy phát triển kinh tế, giảm thất nghiệp, đưa EU thành nền kinh tế có tiềm lực lớn nhất thế giới vượt cả Mỹ vào năm 2010) làm trọng tâm của Ủy ban châu Âu (EC) khóa mới. Hội nghị đã thảo luận về vấn đề I-rắc và đưa ra chương trình trọn gói về viện trợ cho Chính phủ lâm thời nước này. Trong thời điểm EU còn hàng loạt vấn đề còn bỏ ngỏ cần được giải quyết, Hội nghị Thượng đỉnh lần này được kỳ vọng sẽ làm xoay chuyển được tình thế, đặt cột mốc mới cho tiến trình phát triển của ngôi nhà chung châu Âu. Tuy vậy, thực tế cho thấy từ bản nghị sự tới việc thực thi là cả quá trình không hề đơn giản chút nào.

Hội nghị Cấp cao lần thứ 12 của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) đã được tổ chức tại Xan-ti-a-gô (Chi-lê) trong hai ngày 20 và 21-1-2004. Nguyên thủ của 21 quốc gia thành viên đã thống nhất đi đến các quyết định quan trọng, như khẳng định quyết tâm chống khủng bố; cam kết thực hiện thỏa thuận mới về thương mại toàn cầu được đưa ra đàm phán tại Tổ chức Thương mại thế giới (WTO); ủng hộ nỗ lực của Việt Nam và Nga gia nhập WTO; cam kết hợp tác chống sự lây lan của đại dịch AIDS; kêu gọi tăng cường những nỗ lực chống lại tệ tham nhũng, v.v.. Hội nghị các Bộ trưởng Thương mại và Ngoại giao APEC trước đó nhằm chuẩn bị cho Hội nghị Thượng đỉnh đã đưa ra một số giải pháp về chống khủng bố, xóa

bỏ nguy cơ phổ biến vũ khí giết người hàng loạt, tập trung kiểm soát xuất khẩu, nhất là các nguyên liệu dùng cho vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Tại Đông - Nam Á, Hội nghị Cấp cao hàng năm của các nhà lãnh đạo ASEAN đã khai mạc ngày 29-11-2004 tại Viêng Chăn (Lào). Lãnh đạo các quốc gia Đông - Nam Á đã thảo luận về những vấn đề chống khủng bố, dịch bệnh và có những cuộc gặp cấp cao ASEAN +3, ASEAN +1. Tuy nhiên, điều được giới quan sát quan tâm nhất là việc ASEAN và Trung Quốc nhất trí thông qua *Kế hoạch hành động* nhằm thực hiện Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về đối tác chiến lược vì hòa bình và thịnh vượng; ký *Hiệp định về buôn bán hàng hóa* trong Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện giữa Trung Quốc - ASEAN và *Hiệp định về cơ chế giải quyết tranh chấp* ASEAN - Trung Quốc. Trong khuôn khổ cuộc gặp gỡ ASEAN + 3, các nước ASEAN cùng với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc nhất trí tổ chức Hội nghị Cấp cao Đông Á tại Ma-lai-xi-a vào năm 2005, mở ra triển vọng cho tiến trình hợp tác, liên kết, nhất thể hóa Đông Á trong tương lai. Những sự kiện trên không phải là ngẫu nhiên, mà nó là đòi hỏi tự thân trong quá trình phát triển của mỗi bên và là kết quả khách quan của xu thế hợp tác toàn khu vực trong bối cảnh quá trình khu vực hóa và toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ trên thế giới hiện nay.

Hội nghị Cấp cao Á - Âu lần thứ 5 (ASEM 5) đã được khai mạc tại Hà Nội vào ngày 8-9-2004 với chủ đề *Tiến tới quan hệ đối tác Á - Âu sống động và thực chất hơn* đã trở thành một sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng trong quan hệ đối tác giữa hai châu lục và với Việt Nam trong tiến trình tích cực và chủ động hội nhập quốc tế. Sau hai ngày làm việc, Hội nghị đã thành công tốt đẹp, và nổi bật nhất là việc kết nạp thêm 13 nước thành viên mới. Nước chủ nhà trong vai trò điều phối viên thường trực châu Á nhóm ASEAN đã góp phần tích cực đưa ASEM vượt qua những bất đồng trong việc mở rộng thành viên của mình.

Tại Hội nghị, các nhà lãnh đạo đã trao đổi, thảo luận thẳng thắn quan điểm với nhau và đề

xuất nhiều ý tưởng về hợp tác trong hàng loạt các lĩnh vực ngoài những vấn đề thường được nhắc tới nhiều như chống khủng bố, an ninh chung mà còn có những lĩnh vực mới như năng lượng, sinh thái... Các nhà lãnh đạo của ASEM đã thông qua 3 văn kiện lớn gồm *Tuyên bố của chủ tịch*, *Tuyên bố Hà Nội về quan hệ đối tác kinh tế Á - Âu chặt chẽ hơn* và *Tuyên bố ASEM về đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh*. Mong muốn mang lại một sức sống mới có ý nghĩa thiết thực đối với xã hội và nhân dân các nước thành viên, nước chủ nhà Việt Nam đã làm hết sức mình để Hội Nghị thông qua một văn kiện chuyên đề về kinh tế. Đây là lần đầu tiên các vị lãnh đạo cao cấp đưa ra tuyên bố đối thoại giữa các nền văn hóa - văn minh và cũng là lần đầu tiên có sự giao lưu giữa các vị lãnh đạo với doanh nghiệp trong khuôn khổ Diễn đàn Doanh nghiệp Á - Âu. Ngoài việc thúc đẩy hợp tác giữa hai châu lục, Hội nghị ASEM lần này còn mang đến một vị thế mới của nước chủ nhà Việt Nam trên trường quốc tế, xứng đáng là một điểm đến an toàn cho du khách và các nhà đầu tư, là một điểm hẹn lý tưởng cho các ý tưởng và sáng kiến phát triển tình hữu nghị và hợp tác phát triển ở khu vực và quốc tế. Thành công của ASEM 5 thêm một lần nữa khẳng định tính đúng đắn của đường lối đối ngoại, độc lập tự chủ, rộng mở của Đảng và Nhà nước ta thời kỳ đổi mới.

Nhìn khái quát, tuy tình hình an ninh chính trị thế giới năm 2004 vẫn tiếp tục diễn biến rất phức tạp thể hiện sự vận động không đồng chiều và những mâu thuẫn trong tương quan lợi ích giữa các quốc gia; song những nhân tố quan trọng, tích cực, có lợi cho hòa bình, ổn định và hợp tác cũng có chiều hướng được củng cố. Tiến trình vận động chính trị quốc tế và việc xây dựng khuôn khổ cho một nền an ninh chung bền vững trong năm tới chắc chắn đòi hỏi sự nỗ lực hợp tác hơn nữa của cộng đồng quốc tế trên tất cả các lĩnh vực. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể hy vọng vào tương lai hòa bình bền vững trên phạm vi toàn thế giới. □

CU-BA: MÀU XANH CỦA SỨC SỐNG VÀ HY VỌNG

NGUYỄN VIỆT THẢO *

Từ cuộc tấn công Pháo đài Môn-ca-đa ngày 26-7-1953 đến nay, cách mạng Cu-ba đã trải qua hơn nửa thế kỷ đấu tranh kiên cường và thắng lợi vẻ vang. Từ thắng lợi ngày 1-1-1959, chính quyền cách mạng và chế độ xã hội chủ nghĩa của Cu-ba đã có hơn 45 năm xây dựng, củng cố và phát triển. Nhìn lại thời gian đã qua, những người cộng sản và bạn bè cách mạng toàn thế giới thật sự khâm phục tư thế hiên ngang, bản lĩnh vững vàng và trí tuệ sáng tạo của Đảng và hơn 11 triệu nhân dân Hòn đảo Anh hùng.

Cách đây 13 - 14 năm, khi trụ cột của cách mạng thế giới là Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết tan rã và chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở hàng loạt quốc gia Đông Âu, biết bao tấm lòng thiện chí đã từng lo âu cho số phận của Cu-ba xã hội chủ nghĩa trước muôn vàn sóng gió trên "mảnh sân sau" của đế quốc Mỹ ở Tây bán cầu. Từng bước tiến của năm tháng trong gần 15 năm qua đã kéo theo những bước đi kiên định và hiệu quả của Đảng và nhân dân Cu-ba trong cuộc chiến sống còn nhằm bảo vệ, cải cách và củng cố chủ nghĩa xã hội. Trước mắt toàn nhân loại hôm nay, vẫn hiên ngang tư thế Cu-ba, từng bước cải cách, ổn định kinh tế, giữ vững ổn định chính trị và trở thành quốc gia phát triển về mặt xã hội bằng một nền giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao tiên tiến. Cu-ba thời kỳ hậu Liên Xô đúng là một "điều thần kỳ" tràn đầy màu xanh của sự sống và hy vọng.

Bất lực trong âm mưu lợi dụng tình thế hiểm nghèo từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX hòng tiêu diệt chế độ xã hội chủ nghĩa ở Cu-ba, các thế lực tư bản đế quốc đứng đầu là Mỹ, lại tung ra hàng mớ luận điệu xuyên tạc. Chúng cho rằng Cu-ba là hiện thân của những thất bại kinh tế và của những thắng lợi không tương xứng trên lĩnh vực xã hội; rằng sự tồn tại của chế độ cộng sản trên Hòn đảo xanh chỉ là tạm thời bởi chế độ này đang được duy trì bằng nền chuyên chế quân sự của Phi-đen Ca-xtrô-rô! Để đánh giá hiện tại và tương lai của Cu-ba, rất cần phải hiểu nhân dân Cu-ba đã đi từ đâu đến chế độ xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội ở đây đã và đang được xây dựng như thế nào ?

Mỗi lực lượng cộng sản đến với chủ nghĩa Mác- Lê-nin, mỗi quốc gia xã hội chủ nghĩa đến với chủ nghĩa xã hội bằng một con đường riêng. Lực lượng lãnh đạo chủ yếu của cách mạng Cu-ba, với tên gọi giản dị Phong trào 26-7, khi mở đầu sự nghiệp giải phóng dân tộc chưa hề được ánh sáng của chủ nghĩa Mác- Lê-nin dẫn dắt. Ngay cả sau cột mốc 1-1-1959, khi lãnh đạo chính quyền nhân dân tiến hành các cuộc cải tạo kinh tế - xã hội sâu sắc (cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa công thương nghiệp, xóa nạn mù chữ...), đội tiền phong chính trị của cách mạng Cu-ba cũng chỉ hành động trên nền tảng tư tưởng tiến bộ của dân tộc, kết tinh trong

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

tư tưởng Hô-xê Mác-ti. Sự vận động tiếp theo của cuộc cách mạng, nhất là từ thời điểm phải đương đầu với sức mạnh của đế quốc Mỹ trên bãi biển Hy-rông (4-1961), đã đưa những người cách mạng Cu-ba từ mục tiêu độc lập dân tộc đến chủ nghĩa xã hội một cách rất tự nhiên và đáp ứng đúng đắn đòi hỏi nội tại của đất nước. Sự gặp gỡ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sản phẩm tất yếu của lịch sử ở quốc đảo Ca-ri-bê. Tư tưởng Hô-xê Mác-ti về cuộc cách mạng dân chủ, nhân dân, chống đế quốc, giải phóng dân tộc nhằm xây dựng một chế độ xã hội vì hạnh phúc cho người nghèo đã kết hợp hữu cơ với tư tưởng mác-xít làm nền tảng cho cách mạng Cu-ba tiếp tục lộ trình hợp lô-gíc. Không thể có sự "xuất khẩu" chủ nghĩa xã hội nào từ bên kia Đại Tây Dương trong hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Cu-ba. Cũng không cá nhân và đảng phái nào áp đặt được chủ nghĩa xã hội vào xã hội Cu-ba ngày ấy. Chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba là sự lựa chọn của lịch sử, bởi vậy vận mệnh của nó không bị quyết định bởi các nhân tố bên ngoài.

Trong hơn 3 thập niên (1959-1991), Đảng và nhân dân Cu-ba đã cải tạo căn bản nền kinh tế đất nước, tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu quan trọng cho chế độ xã hội chủ nghĩa. Trước cách mạng, hòn đảo Cu-ba là một thuộc địa, kinh tế lệ thuộc nặng nề vào tư bản và thị trường Mỹ. Gần 60% sản lượng đường, hơn 60% thương mại, 70% đất đai Cu-ba nằm trong tay các tập đoàn tư bản độc quyền Mỹ⁽¹⁾. Chỉ trong thời gian rất ngắn, nền kinh tế Cu-ba đã thoát khỏi sự lệ thuộc nguy hiểm này; đồng thời đạt mức tăng trưởng cao, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại. Từ năm 1976 đến 1980, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 4% trong khi năng suất lao động tăng 3,4%/năm. Đây là 5 năm Cu-ba tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đạt trình độ hiện đại. Những năm của thập niên 80 thế kỷ XX là giai đoạn khởi sắc nhất của kinh tế Cu-ba. Những thành tựu kinh tế đó đã đem lại cho chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba nội lực vật chất tuy chưa lớn về số lượng, nhưng

có giá trị củng cố nền móng ban đầu và chống đỡ những khó khăn, tai họa dồn dập vừa qua.

Cũng như các nền kinh tế xã hội chủ nghĩa khác, đến giữa thập niên 80 của thế kỷ XX? kinh tế Cu-ba bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém như: sự tụt hậu về trình độ công nghệ, chất lượng sản xuất nguyên vật liệu thấp, quản lý kinh tế không hiệu quả, sử dụng lao động bất hợp lý, mất cân đối nghiêm trọng giữa mức lương bình quân khá cao và năng suất lao động thấp... Giữa năm 1986, trước khi Liên Xô tiến hành cải tổ, Đảng Cộng sản Cu-ba tổ chức Đại hội lần thứ III khởi xướng quá trình sửa chữa sai lầm và các khuynh hướng tiêu cực. Các biện pháp cải cách cần thiết đã được triển khai trên lĩnh vực kinh tế như: chấm dứt kiểu kế hoạch hóa hành chính đối với kinh tế; áp dụng chế độ sử dụng hợp lý các nguồn lực vật chất; phê phán khuynh hướng nhập khẩu tràn lan; khuyến khích các giải pháp trong nước thay thế nhập khẩu nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc của kinh tế đất nước vào các yếu tố bên ngoài; thử nghiệm mô hình tổ chức - quản lý sản xuất mới bằng cách thành lập các đội lao động tự quản, tự hạch toán và trả lương theo sản phẩm trong ngành xây dựng; áp dụng chính sách khuyến khích vật chất và tinh thần đối với người lao động; cắt giảm một số dịch vụ miễn phí... Những bước đi đầu tiên mang tính tự chủ, cải cách và sáng tạo này đem lại kết quả khả quan: tạo ra động lực mới cho một số ngành kinh tế; đẩy mạnh áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào sản xuất như công nghệ gen, công nghệ sinh học, công nghệ điện tử, phát triển các chương trình quốc gia sản xuất lương thực - thực phẩm, trồng rừng và du lịch; khôi phục năng lực thủy điện; tăng quy mô xây dựng đường giao thông, trường học, bệnh viện... Trước khi Liên Xô tan rã, Cu-ba đã có 4 - 5 năm chủ động cải cách kinh tế với các biện pháp phù hợp, sự đồng thuận, tham gia của đông đảo các tầng lớp

(1) Tất cả các số liệu dùng trong bài viết đều các tài liệu chính thức của Đảng, Nhà nước trong đó có www.cubaweb.cu, www.granma.cu

nhân dân và đạt kết quả thực tế. Tuy quy mô và hiệu quả của các cải cách ban đầu còn rất khiêm tốn, nhưng lại là sự *chuẩn bị quan trọng trên nhiều mặt* để đất nước đổi mới thành công với ngút ngàn sóng cồn, gió cả từ năm 1991 trở đi.

Sự tan rã của Liên Xô và các chế độ xã hội chủ nghĩa Đông Âu làm Cu-ba đột ngột mất đi 85% thị trường xuất - nhập khẩu. Cùng lúc đó, thị trường thế giới có biến động bất lợi đối với các mặt hàng mũi nhọn của Cu-ba: giá đường và ni-ken hạ từ 20% đến 25%, trong khi giá lương thực - thực phẩm đều tăng đáng kể. Những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX cũng là giai đoạn xuất hiện lần sóng các chính phủ cánh hữu trên chính trường thế giới, câu kết chặt chẽ với chính quyền Mỹ trong cuộc phản công chống phá chủ nghĩa cộng sản mà một trong những trọng điểm là Cu-ba. Thêm vào đó là những đợt thiên tai liên tiếp đổ về với các cơn bão và nạn hạn hán chưa từng có trong suốt 50 năm qua của Hòn đảo xanh. Tất cả những khó khăn đó cộng hưởng với nhau gây ra hậu quả nặng nề: trong thời gian từ năm 1989 đến năm 1993, GDP giảm 34%, trong đó cao điểm là năm 1993 tăng trưởng - 14,9%, kim ngạch nhập khẩu gấp đôi xuất khẩu, bội chi ngân sách trên 5 tỉ pê-xô chuyển đổi (tương đương 5,5 tỉ USD theo tỉ giá hối đoái chính thức của Cu-ba); chỉ 14% tổng khối lượng tín dụng đã tương đương với 82% tổng lượng tiền lưu thông trên thị trường cả nước. Đất nước rơi vào hoàn cảnh chưa hề có tiền lệ, được Trung ương xác định là *thời kỳ đặc biệt*. Chưa bao giờ, sự sống còn của chế độ bị thách thức nghiêm ngặt như thời gian nêu trên, nhất là vào năm 1993, được xem như thời điểm *chạm đáy* của Cu-ba xã hội chủ nghĩa.

Vào đúng thời điểm tột đỉnh của thử thách lịch sử, cuối năm 1993, Trung ương Đảng và Chính phủ Cu-ba tuyên bố cải cách và mở cửa kinh tế. Tiếp đó, Đảng và Nhà nước lãnh đạo, chỉ đạo triển khai hàng loạt chủ trương, chính sách, biện pháp trên mọi lĩnh vực nhằm duy trì, cải cách và củng cố chủ nghĩa xã hội. Có thể khẳng định rằng, trong quá trình cải cách và

phát triển gần 15 năm qua, Đảng và Chính phủ Cu-ba đã nêu cao ý chí chính trị trong việc bảo đảm có hiệu quả các quan điểm, nguyên tắc sau đây: *Một là*, kiên quyết bảo vệ những thành quả xã hội đã đạt được trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội. *Hai là*, kiên trì tính chất xã hội chủ nghĩa của mô hình phát triển kinh tế - xã hội. *Ba là*, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật cho nhân dân. *Bốn là*, xây dựng nguồn tư bản con người có năng lực cạnh tranh (capital humano de competencia)

Trên lĩnh vực kinh tế, Nhà nước cho phép lưu hành tự do đô la Mỹ cùng với đồng pê-xô, khai thông nhiều trở ngại trong hệ thống tài chính - tiền tệ quốc gia. Tháng 11 năm 2004 vừa qua, Chính phủ áp dụng biện pháp không sử dụng trực tiếp đô la Mỹ trong các giao dịch kinh tế trong nước nhằm bảo vệ kinh tế và tiền tệ quốc gia trước đạo luật của chính quyền Mỹ cấm Cu-ba sử dụng đô la trong các quan hệ thương mại quốc tế. Chính phủ không hạn chế, cấm đoán nhân dân và khách nước ngoài có đô la Mỹ, nhưng để sử dụng, phải đổi đô la Mỹ ra các ngoại tệ khác, hoặc ra pê-xô chuyển đổi.

Trên thực tế, ngay từ năm 1982 Nhà nước Cu-ba đã ban hành Luật Đầu tư nước ngoài. Trong thời kỳ đặc biệt, Đảng và Chính phủ xác định đầu tư nước ngoài là thành tố quan trọng của sự phát triển đất nước, nên đã tạo hành lang thuận lợi cho tư bản nước ngoài xâm nhập thị trường Cu-ba, trừ các lĩnh vực quốc phòng, giáo dục và y tế. Đối với vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất, Cu-ba duy trì chế độ sở hữu xã hội, không tư nhân hóa, nhưng có giao quyền sử dụng các tư liệu sản xuất nông nghiệp cho nông dân; đa dạng hóa kết cấu sở hữu; đa dạng hóa kinh tế hợp tác; thành lập các doanh nghiệp hỗn hợp và áp dụng một số hình thức liên doanh kinh tế quốc tế. Đến nay, Chính phủ Cu-ba đã ký Hiệp định tương hỗ Xúc tiến và Bảo vệ Đầu tư với hơn 60 quốc gia; có hơn 800 doanh nghiệp nước ngoài đang làm ăn ở Cu-ba, đứng đầu là Tây Ban Nha, Pa-na-ma, I-ta-li-a, Mê-hi-cô, Ca-na-đa; hơn 400 doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động

trong các khu chế xuất, tạo ra giá trị xuất khẩu hàng năm hàng chục triệu đô la Mỹ.

Quá trình cải cách doanh nghiệp được triển khai mạnh mẽ trong những năm vừa qua. Sau thời gian thử nghiệm trong các doanh nghiệp quốc phòng, Hệ thống Hoàn thiện doanh nghiệp được triển khai rộng rãi trên quy mô toàn quốc theo Đạo luật 187 do Hội đồng Nhà nước ban hành năm 1999. Đến cuối năm 2003, đã có 296 doanh nghiệp (tương đương 8,5% tổng số doanh nghiệp cả nước) áp dụng cơ chế quản lý kinh tế cải cách này. Biên chế lao động được cắt giảm đáng kể, có trường hợp giảm 50%; doanh nghiệp được quyền tự chủ quyết định tài chính, biên chế, cơ cấu lao động, hình thức trả lương, đối tác, khách hàng, thị trường.

Ngành công nghiệp đường là mũi nhọn truyền thống hàng đầu của kinh tế Cu-ba. Do tác động của nhiều loại nhân tố, từ năm 2002 Chính phủ tiến hành tái cấu trúc, điều chỉnh quy mô sản xuất, chỉ duy trì ngành công nghiệp đường đủ đáp ứng nhu cầu trong nước (6 - 7 triệu tấn đường/năm); đã ngừng hoạt động đối với 70 nông trường trồng mía, 20 nhà máy sản xuất đường và một số cơ sở sản xuất phụ trợ, tiết kiệm 300 triệu USD/năm cho ngân sách Nhà nước. Hàng chục nghìn người lao động được điều động sang các lĩnh vực khác, hoặc được đi học tập, đào tạo chuyên môn.

Những chính sách, biện pháp cải cách kinh tế đã đem lại kết quả tích cực. Năm 1995 đánh dấu cột mốc khởi sắc, nền kinh tế dần dần khôi phục sự cân bằng. Tăng trưởng bình quân hàng năm (từ 1995-2001) đạt 3,5%, so với 0,7% năm 1994; năm 2002 đạt 1,1% và năm 2003 đạt 3,2%. Sản xuất lương thực, thực phẩm được đẩy mạnh về cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Du lịch tăng trưởng cao, điển hình là năm 2000 đạt 23% so với năm 1999. Sản lượng khai thác dầu thô và khí năm 2003 đạt 4,7 triệu tấn, bảo đảm gần 100% nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện của đất nước. Từ năm 1996 đến 2003, Nhà nước xây dựng gần 250.000 căn hộ và lắp thêm trên 50.000 thuê bao điện thoại cho nhân dân. Xét về

chất lượng, kinh tế Cu-ba ngày nay có bước tiến quan trọng so với trước kia. Đó là kết quả của một đường lối *tự chủ, chủ động*; là một mô hình *sáng tạo, phù hợp* với điều kiện và đặc thù của Cu-ba; là một nền kinh tế chứa đựng sự *tham dự rộng lớn* của các tầng lớp nhân dân - những người quyết định mọi giải pháp chiến lược và biện pháp cụ thể. Trong bối cảnh hết sức khó khăn của thời kỳ đặc biệt và trong khi hầu hết các nền kinh tế Mỹ La-tinh lâm vào suy thoái, khủng hoảng, thì sự thành công trong *trụ vững và bứt phá kinh tế* đó tạo ra một điều thần kỳ trên Hòn đảo Cu-ba tràn đầy sức sống. Hiện thực tự nó là câu trả lời thuyết phục nhất trước mọi giọng điệu mỉa mai, xuyên tạc từ phía các thế lực thù địch.

Cách mạng và chế độ xã hội chủ nghĩa Cu-ba tự tạo ra một dân tộc - chiến sĩ bảo vệ trung thành và kiên quyết. Đó là 11 triệu dân đã và đang được bảo đảm các quyền cơ bản của con người, trong đó có nhân phẩm, danh dự, việc làm, vui chơi, giải trí; được hưởng mọi dịch vụ giáo dục, y tế, thể thao, văn hóa miễn phí và với chất lượng cao. Trước cách mạng, gần 7 triệu dân lao động Cu-ba sống trong thân phận làm thuê, lệ thuộc; 20% dân số là những kẻ giàu nhất chiếm 58% tổng thu nhập và 20% khác là những người nghèo nhất chỉ được hưởng 2% tổng thu nhập quốc gia. Gần 30% người dân trên 12 tuổi trở lên mù chữ... Cách mạng và chế độ xã hội chủ nghĩa đã đem lại cho quần chúng lao động địa vị chủ nhân của một đất nước mà chỉ trong vòng hơn 4 thập niên đã trở thành một trong những quốc gia phát triển về mặt xã hội, vượt cả một số nước tư bản phát triển trên nhiều chỉ số phát triển con người.

Trong thời kỳ đặc biệt, Đảng và Chính phủ không những không xem nhẹ chính sách xã hội, mà trái lại đang triển khai hơn 150 chương trình xã hội nhằm củng cố các ưu việt xã hội chủ nghĩa, trong đó có công tác giáo dục, y tế, thể thao, văn hóa. Ngân sách dành cho y tế và cho giáo dục đều tăng gấp 1,5 lần. Nhà nước đang triển khai cuộc cách mạng giáo dục với các

chương trình mở rộng giáo dục đại học đến quận, huyện. Xã hội Cu-ba có thêm một khái niệm, một giá trị mới - đó là *việc đi học*: học tập không chỉ là quyền lợi, mà còn là một trách nhiệm, một việc làm được trả lương như các việc làm khác. Các cơ quan chuyên môn của Mỹ La - tinh và UNESCO đều thống nhất xếp học sinh Cu-ba vào vị trí thứ nhất khu vực về trình độ văn hóa tổng hợp. Năm 2002, hơn 8 triệu dân cả nước ký tên vào bản kiến nghị bổ sung vào Hiến pháp sự khẳng định nhân dân Cu-ba kiên trì chủ nghĩa xã hội trong bất cứ tình huống nào. Những giá trị con người đích thực và những lợi ích thiết thân, to lớn chính là những nhân tố tạo động lực cho hàng triệu bàn tay cầm bút ký, và cũng là hàng triệu cánh tay sẵn sàng cầm vũ khí chiến đấu bảo vệ *chế độ xã hội chủ nghĩa của chính họ*.

Từ cuối năm 1999, đầu năm 2000 đến nay, toàn dân Cu-ba tiến hành một hoạt động rộng lớn, sâu sắc được mang tên Cuộc chiến tư tưởng (*batalla de ideas*) với mục đích giáo dục cho nhân dân, trước hết là thanh niên, thiếu niên, những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần cách mạng, chủ nghĩa quốc tế và các giá trị xã hội chủ nghĩa khác. Để đấu tranh thắng lợi đối với các chiến dịch thông tin - tư tưởng thù địch, phương châm của Đảng và Nhà nước Cu-ba là nói hết, nói kịp thời cho dân biết toàn bộ sự thật; đồng thời lắng nghe dân nói, dân trực tiếp trình bày nhận thức, quan điểm về các vấn đề của quốc gia và thế giới. Sáng thứ bảy hằng tuần, Đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức ở một quận, huyện cuộc sinh hoạt tư tưởng quần chúng mang tên Diễn đàn mở. Tham gia Diễn đàn có đông đảo quần chúng nhân dân: hàng chục nghìn, thậm chí hàng trăm nghìn người từ sáng sớm đi bộ đến quảng trường hô vang các khẩu hiệu cách mạng. Diễn đàn mở không có đoàn chủ tịch, đại diện lãnh đạo Trung ương và các cấp đều ngồi cùng với quần chúng nghe các diễn giả phát biểu trực tiếp, không đọc diễn văn. Đã có hơn 200 diễn đàn được tổ chức và hơn 1.000 diễn giả diễn thuyết, chủ yếu là thanh - thiếu niên. Nguyên lý

cách mạng xã hội chủ nghĩa là ngày hội của quần chúng lao động đang được thể hiện sinh động nơi tiền đồn xã hội chủ nghĩa ở Tây bán cầu. Những ai có dịp thăm Cu-ba đều thật sự cảm phục *không khí cách mạng* mà nhân dân Hòn đảo Anh hùng đang duy trì, giương cao ngay trong bối cảnh khủng hoảng, thoái trào của cách mạng thế giới. Bản lĩnh và tư thế ấy, như thực tế chứng minh, đang biến Cu-ba thành một trong những pháo đài vững chắc của chủ nghĩa xã hội.

Sức sống của cách mạng và chế độ xã hội chủ nghĩa Cu-ba cũng được duy trì bởi một nhân tố quan trọng nữa, đó là *chủ nghĩa quốc tế trong hành động, vô tư, trong sáng, thủy chung*. Mấy chục năm qua, nhân dân Cu-ba đã chia sẻ từng cân đường, từng quyển vở, từng viên thuốc, thậm chí cả xương máu cho nhân dân nhiều dân tộc Á, Phi, Mỹ La-tinh trong cuộc chiến đấu vì những giá trị cao quý của con người. Từ năm 1961 đến 2001, có tổng số xấp xỉ 40.000 sinh viên nước ngoài được đào tạo miễn phí và tốt nghiệp tại Cu-ba. Hiện nay, tuy phải giải quyết nhiều khó khăn, đối mặt với nhiều thiếu thốn, Đảng và nhân dân Cu-ba vẫn đang nuôi dưỡng, đào tạo 17.000 sinh viên nước ngoài đến từ các nước kém phát triển và một số tầng lớp nghèo khổ của Mỹ; đồng thời có 26.000 người, chủ yếu là giáo viên và bác sĩ, đang làm nhiệm vụ quốc tế ở nước ngoài, do Chính phủ Cu-ba trả lương và bảo đảm các điều kiện làm việc khác. Nghĩa cử hào hiệp này đã tạo ra trên khắp thế giới biết bao vòng tay đoàn kết, hữu nghị, chiến đấu bên cạnh Cu-ba chống lại các thế lực đế quốc hiếu chiến. Với tính cách là diễn đàn và tổ chức quốc tế rộng lớn nhất, Liên hợp quốc đã 11 năm liên tiếp bỏ phiếu (với mức đa số tuyệt đối) phê phán chính sách bao vây, cấm vận của chính quyền Mỹ chống phá Cu-ba. Bằng lá phiếu bảo vệ Cu-ba, cộng đồng quốc tế khẳng định nhân dân Cu-ba đang hành quân trên con đường duy nhất đúng đắn, con đường dẫn dân tộc đến nền hòa bình chân chính, độc lập thật sự và phát triển toàn diện.□

Vietcombank

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

**Chúc
Mừng
Năm
Mới
2005**



198 TRẦN QUANG KHAI-HÀ NỘI - VIỆT NAM
TEL: (84-4) 9 343 137 / (84-4) 8 248 876
FAX: (84-4) 8 269 867 *TELEX: 411504 UCB-VT

Website:

Digitized by Google
www.vietcombank.com.vn



BAN TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ THÀNH ỦY
CÔNG TY XÂY DỰNG & KINH DOANH NHÀ
PHÚ NHUẬN



PHU NHUAN CONTRUCTION AND HOUSING TRADING COMPANY

ĐC: 99 Nguyễn Văn Trỗi, P12, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

ĐT: (84.8) 8 447 959 – 8 420 076 – 8 442 842 – 8 455 730

Fax: (84.8) 8 445 410/Email: nhaphunco@hcm.vnu.vn

CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG & KINH DOANH NHÀ ĐẤT
SPECIALIZING IN BUILDING AND TRADING REAL ESTATE

Chúc mừng năm mới



PHỐI CẢNH GÓC



 **Nhà cao tầng
hiện đại, tiện
ngghi, thanh lịch,
tổ chức quản lý
tốt, nơi ở lý tưởng
của bạn.**

**Khu đô thị mới An Phú, cao 15 đến 26 tầng
ở Xa lộ Hà Nội, Quận 2, TP.HCM**

**Uy tín, phục vụ tận tình, chu đáo,
chất lượng cao**



TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - KINH DOANH NHÀ

INVESTMENT AND TRADING OF REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

TRỤ SỞ: 18 NGUYỄN BÌNH KHIÊM, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT: (848) 8230 256 - 8225 213 - 8225 985 • FAX: (848) 8293 764 • Email: dautu.resco@az.com.vn



Huân chương
Lao Động hạng Nhì



Huân chương
Lao Động hạng Ba



Huy Chương Vàng Chất Lượng Cao



Trụ sở văn phòng công ty mới

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

■ Đầu tư kinh doanh địa ốc:

- Kinh doanh địa ốc.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác nhà ở và các công trình.
- Cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuê nhà.
- Thực hiện: Dịch vụ pháp lý, định giá, tư vấn và môi giới bất động sản.

■ Sản xuất kinh doanh vật liệu - xuất, nhập khẩu:

- Sản xuất, cung ứng bê tông tươi, cọc, ống cống, bê tông đúc sẵn, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.
- Cho thuê xe vận chuyển và thiết bị bơm bê tông tươi.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, máy móc, thiết bị thuộc ngành xây dựng.

■ Tư vấn thiết kế xây dựng và trang trí nội thất:

- Lập dự án đầu tư qui hoạch, thiết kế công trình.
- Tư vấn đấu thầu - giám sát kỹ thuật xây dựng.
- Thực hiện các dịch vụ đo, vẽ, đánh giá hiện trạng.
- Thi công xây dựng và trang trí nội thất các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dự án Khu dân cư Intresco và Công trình công cộng (6A): 47,207 héc-ta
2. Dự án Khu dân cư Intresco (6B): 15,816 héc-ta
3. Khu dân cư Intresco Phong Phú: 32,7212 héc-ta
4. Cao ốc An Cư 16 tầng (An Phú - An Khánh)
5. Dự án 14 Cao ốc Nguyễn Văn Cừ nổi dài (Xã Bình Hưng - Bình Chánh)
6. Dự án Phước Long B
7. Khu Công nghiệp Cát Lái
8. Khu Nhân Đức - Nhà Bè
9. Khu dân cư Phú Hữu - Q.9
10. Cao ốc 20 tầng (An Phú - An Khánh)

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 1

235 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q.BT, TP.HCM
ĐT: (848) 8 994 144 - Fax: (848) 8 982 206

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG SỐ 2

83 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM
ĐT: (848) 8 484 852 - Fax: (848) 8 435 833
Email: xaydung283@hcm.fpt.vn

XÍ NGHIỆP BÊ TÔNG HẢI ÂU

*Trạm bê tông Hải Âu 1:

Km 9 Xa Lộ Hà Nội, P. Hiệp Phú, Q.9, TP.HCM

ĐT: (848) 8 963 021 - 8 960 036 - 7 305 930 • Fax: (848) 8 961 983

*Trạm bê tông Hải Âu 2:

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch - Đồng Nai

ĐT: (061) 521 075 - Fax: (061) 521 076

*Trạm bê tông Hải Âu 3:

Khu 6A - Xã Bình Hưng - H. Bình Chánh



Khu công nghệ & thương mại
dân cư INTRESCO
(Xã Bình Hưng, Bình Chánh)



Làng Việt Kiều
(Xã Phong Phú, Bình Chánh)



Chung cư An Phú - An Khánh



Cao ốc An Cư
(An Phú, An Khánh)



14 Cao ốc Nguyễn Văn Cừ nổi dài
(Bình Hưng, Bình Chánh)

DAF QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN



TRỤ SỞ: 25A CÁT LINH QUẬN ĐỐNG ĐA HÀ NỘI
TEL: 04 7 365 673 * FAX: 04 7 365 672 * E-MAIL: qh@chung@hn.vnn.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

64 CHI NHÁNH QUỸ HTPT TẠI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Là một tổ chức tài chính nhà nước, thành lập và hoạt động theo Nghị định số 50/1999/NĐ-CP, ngày 08/7/1999 của Chính phủ. Theo quy định tại Nghị định số 106/2004/NĐ-CP, ngày 01/04/2004 và Quyết định số 133/2001/QĐ-TTg, ngày 10/09/2001, của Thủ tướng Chính phủ, Quỹ có chức năng huy động vốn trung và dài hạn, tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn (bao gồm vốn trong và ngoài nước) nhằm hỗ trợ các dự án đầu tư phát triển của các thành phần kinh tế thuộc một số ngành, lĩnh vực quan trọng, chương trình kinh tế lớn có tác động trực tiếp đến cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

NHIỆM VỤ

- + Huy động, tiếp nhận và quản lý các nguồn vốn của Nhà nước dành cho tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo quy định.
- + Thực hiện các hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 106/2004/NĐ-CP, ngày 01/04/2004, của Chính phủ.
- + Nhận cấp phát, cho vay từ các nguồn vốn do các địa phương, các tổ chức trong và ngoài nước ủy thác.
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.
- + Tổ chức thanh toán cho khách hàng có quan hệ trực tiếp và tham gia hệ thống thanh toán theo quy định của pháp luật.

NGUỒN VỐN TÍN DỤNG

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC

1. Vốn ngân sách nhà nước:
 - a. Vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ phát triển.
 - b. Vốn ngân sách Nhà nước cấp bổ sung hằng năm để thực hiện các hình thức tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.
 - c. Vốn các dự án, chương trình được Chính phủ giao cho Quỹ HTPT thực hiện.
 - d. Vốn của Chính phủ Việt Nam cho các dự án nước ngoài vay theo hiệp định của Chính phủ.
2. Vốn do Quỹ HTPT huy động
 - a. Vốn từ phát hành trái phiếu Chính phủ.
 - b. Vốn từ các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.
 - c. Huy động khác theo quy định của pháp luật.
3. Vốn ODA, vốn vay nợ nước ngoài của Chính phủ dùng để cho vay lại.

TÍN DỤNG

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC

1. Cho vay đầu tư phát triển:
 - a. Cho vay đầu tư.
 - b. Cho dự án vay theo hiệp định của Chính phủ.
2. Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.
3. Bảo lãnh tín dụng đầu tư.

TÍN DỤNG

HỖ TRỢ XUẤT KHẨU NGẮN HẠN

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Ất Dán



LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 4 Hà Huy Tập, phố Ngô Quyền, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định * ĐT: 0350 849 663

Chúc Mừng Năm Mới Xuân Ất Dã



Đ/c Bùi Huy Liên Tỉnh ủy viên - UV BCH Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng khen cho các đơn vị có thành tích



Lễ Thành lập công đoàn cơ sở Công ty TNHH Garnet Nam Định 100% vốn Hàn Quốc



Lãnh đạo Tổng Liên đoàn và lãnh đạo LĐLĐ tỉnh thăm CNVLD tại KCN Hòa Xá ND



Lãnh đạo Tổng Liên đoàn và lãnh đạo LĐLĐ tỉnh thăm CB-CNVCLĐ Công ty Cấp nước ND



Đồng chí Bùi Huy Liên - Chủ tịch LĐLĐ tỉnh trao quà Quỹ Tấm lòng vàng cho CNLĐ

Năm 2004, Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định đã bám sát định hướng chỉ đạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Tỉnh ủy Nam Định, tập trung chỉ đạo các cấp Công đoàn trên địa bàn tỉnh hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, mục tiêu đặt ra. Cụ thể là:

1/ Công tác tuyên truyền: dưới sự chỉ đạo sát sao của TLDLĐ tỉnh hoạt động văn hóa thể thao trong CNVC- LĐ trên địa bàn tỉnh luôn được duy trì tốt ở các cấp Công đoàn. Hằng tháng, LĐLĐ tỉnh đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng chuyên mục "Công nhân lao động- Công đoàn Nam Định" được phát với thời lượng 17- 20 phút và trên trang chuyên đề Báo Nam Định, phản ánh phong trào thi đua yêu nước trong CNVC- LĐ toàn tỉnh.

2/ Kết quả phong trào hành động cách mạng, thi đua yêu nước trong CNVC- LĐ:

+ Hướng ứng phong trào thi đua do LĐLĐ tỉnh phát động đã có 100% LĐLĐ các huyện, thành phố, Công đoàn ngành, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, tiêu biểu là: Công đoàn ngành giáo dục đã đẩy mạnh phong trào thi đua "Hai tốt", giữ vững truyền thống là đơn vị dẫn đầu toàn quốc về giáo dục, đào tạo; Công đoàn Công ty Dệt Nam Định phát động thi thợ giỏi, kết quả có 887 thợ giỏi cấp tổ, 389 thợ giỏi cấp ngành, 119 thợ giỏi cấp nhà máy, 79 thợ giỏi cấp công ty...

+ Nhiều công trình sản phẩm có hiệu quả cao, nhiều sáng kiến tiết kiệm có giá trị được áp dụng trong quản lý và sản xuất, tiêu biểu là: LĐLĐ thành phố Nam Định đã có 48 sáng kiến, làm lợi 435 triệu đồng, giải quyết việc làm cho 345 lao động...

+ Phong trào thi đua phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp và phát triển nông thôn được các cấp Công đoàn duy trì và đẩy mạnh. Tổng kết 5 năm phát động phong trào cho thấy: phong trào đã hoạt động có chiều sâu và đạt kết quả thiết thực góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa. Được Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng cờ xuất sắc trong phong trào thi đua phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Phong trào bảo đảm an toàn cơ quan, doanh nghiệp, phòng chống tệ nạn xã hội trong CNVC- LĐ, phong trào Đến ơn đáp nghĩa, phong trào Xanh- sạch- đẹp, đảm bảo an toàn lao động được duy trì có hiệu quả, không để xảy ra cháy, nổ, bệnh nghề nghiệp giảm đáng kể.

3/ Chăm lo đời sống bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng của CNVC- LĐ:

+ Các cấp Công đoàn trong tỉnh đã tích cực tham gia vào việc mở Đại hội CNVC và hội nghị



Chủ tịch: BÙI HUY LIÊN

cán bộ công chức cơ quan đạt trên 90%, kỷ thỏa ước lao động tập thể trong các doanh nghiệp nhà nước đạt 85%, ký hợp đồng lao động đạt trên 90%.

+ Các hoạt động xã hội nhân đạo, từ thiện được các cấp Công đoàn tham gia tích cực và luôn được CNVC- LĐ hưởng ứng. Kết quả đã ủng hộ 87 triệu đồng mua vé xổ số xây dựng quỹ Vì người nghèo, trợ cấp khó khăn cho trên 500 lượt người với số tiền là 200 triệu đồng, trong dịp 75 năm thành lập ĐCVN, Liên đoàn Lao Động tỉnh đã tổ chức vận động quyên góp xây dựng 75 nhà tình nghĩa Công đoàn cho công nhân LĐ có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở.

+ Tiến hành cho vay 1,994 tỉ đồng từ quỹ hỗ trợ việc làm, tạo việc làm cho 1.475 lao động, góp phần tăng thêm thu nhập từ 150.000- 200.000 đồng/người/tháng. Các hộ vay đều sử dụng đúng mục đích, đến hạn trả đủ vốn, lãi.

+ Công tác bảo hộ lao động được các cấp Công đoàn tham gia có hiệu quả, LĐLĐ tỉnh đã phối hợp tổ chức kiểm tra BHLĐ tại 20 doanh nghiệp SXKD thuộc các thành phần kinh tế trong tỉnh; Tổ chức các lớp tập huấn về BHLĐ cho các cán bộ phụ trách công đoàn ở cả khối hành chính sự nghiệp lẫn doanh nghiệp nhà nước và tư nhân.

+ Tham gia hướng dẫn 10 đơn vị xây dựng phương án sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp.

+ Một số đơn thư khiếu kiện, khiếu nại của CNVC- LĐ đã được các cấp CĐ giải quyết kịp thời, thể hiện rõ vai trò của tổ chức CĐ thông qua chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của CNVC- LĐ.

4/ Hoạt động nữ công:

Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao năng lực cán bộ nữ được quan tâm.

Phong trào thi đua: "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" gắn với phong trào "Phụ nữ tích cực học tập, nâng động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc" luôn được các cấp CĐ thực hiện, nhiều chị em đã trưởng thành từ các phong trào này.



XÃ ĐÌNH BẢNG

Địa chỉ: xã Đình Bảng
 - H. Từ Sơn - T. Bắc Ninh
 ĐT + Fax: (0241) 831 858
 Bí Thư: **TRẦN VĂN LỢI**
 Chủ tịch: **NGUYỄN THẠCH VINH**

Đình Bảng là một trong 11 đơn vị xã, thị trấn của huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, là xã duy nhất có 15 thôn hợp lại thành một làng, cả làng thành một xã. Đây là một vùng đất giàu truyền thống văn hiến và cách mạng, địa linh nhân kiệt, nơi phát tích Vương triều Lý, khai phá nền văn minh Đại Việt.



Lễ đón nhận cờ "Đơn vị Anh hùng LLVTND"
 do nhà nước tặng xã Đình Bảng

Hiện nay, xã Đình Bảng có diện tích đất tự nhiên là 812 héc- ta trong đó đất canh tác là 469 héc- ta, dân số có 3.800 hộ với số khẩu là 15.000 người, là một trong những địa phương có tốc độ đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh của tỉnh. Năm 2004 Đảng bộ và nhân dân xã đã tích cực triển khai thực hiện thành công những chủ trương đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội. Cụ thể là:

1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ:

- Sản xuất nông nghiệp:

+ Tổng sản lượng lương thực đạt 4.120 tấn, giá trị sản lượng trên 1 héc-ta đạt 35 triệu đồng. Xã chủ trọng phát triển sản xuất các loại lúa nếp hàng hóa, khuyến khích trồng hoa, rau sạch trong các nhà lưới, nhà phủ ni lông.

+ Thực hiện hỗ trợ kinh tế đối với các hộ chăn nuôi gia cầm trong hai đợt dịch cúm gia cầm xảy ra đầu năm với tổng số tiền là 187.914.000 đồng. Đến nay, toàn xã có 300 hộ chăn nuôi, tổng số 263.016 con gia cầm các loại.

+ Tích cực chỉ đạo nạo vét kênh mương, công tác tưới tiêu được phục vụ kịp thời, đúng thời vụ. Tổng chiều dài kênh rạch của toàn xã là 25,5 km. Công tác khuyến nông cũng được chú trọng duy trì tốt.

- Các đường giao thông trong xã được cứng hóa 100%.

- Sản xuất CN- TTCN- thương mại- dịch vụ: toàn xã có 45 công ty TNHH, 32 HTX, 10 DN tư nhân và trên 1.372 hộ kinh doanh buôn bán nhỏ. Hiện nay 2 cụm công nghiệp tập trung Lỗ Xung, Mả Ông của xã đã cơ bản xây dựng xong phần hạ tầng kỹ thuật.

- Công tác quản lý đất đai được tiến hành chặt chẽ, toàn bộ đất đai do xã quản lý đã được Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường của tỉnh đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính, cấp GCNQSDĐ theo thửa và xây dựng hệ thống quản lý đất đai bằng công nghệ thông tin trong toàn xã.



Lá cờ của Hội đồng đội Trung ương
 Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh tặng
 nhân dịp kỷ niệm 50 năm đội Thiếu niên du kích Đình Bảng

2. VĂN HÓA XÃ HỘI:

- Xã đang tích cực phối hợp triển khai đầu tư cơ sở vật chất cho trường THCS phấn đấu đến tháng 4 năm 2005 Đình Bảng sẽ là xã đầu tiên trong cả nước có ba trường đạt chuẩn quốc gia (trường mầm non, trường tiểu học, trường THCS).

- Phấn đấu đến tháng 4/2005, 100% nhân dân được dùng nước máy theo tiêu chuẩn quốc gia.

- Phong trào khuyến học ở các thôn và các dòng họ được quan tâm sát sao, kịp thời.

- Công tác xây dựng làng văn hóa được chỉ đạo sâu sát. Năm 2003 số hộ đạt gia đình văn hóa là 92%; năm 2004 số gia đình đăng ký gia đình văn hóa là 100%.

- Hoạt động TDTT thu hút được đông đảo quần chúng tham gia: xã có 1000 hội viên các CLB (bóng bàn, cầu lông, tập dưỡng sinh).

- Phong trào văn nghệ diễn ra sôi nổi trong các phường quan họ, chèo, tuồng... đã đạt được những giải cao trong các kỳ thi do huyện tổ chức.

- Hệ thống y tế đã làm tốt công tác phòng dịch và khám chữa bệnh, tốc độ tăng dân số năm 2004 là 0,80%, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong 3 năm gần đây là 0,48%.

Nhiều năm liền Đảng bộ xã Đình Bảng luôn giữ vững danh hiệu là Đảng bộ trong sạch vững mạnh, các đoàn thể quần chúng nhân dân như hội CCB, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn TNCSHCM, Hội Người cao tuổi đều được huyện công nhận là đơn vị tiên tiến xuất sắc.



Đình Đình Bảng - di tích được Nhà nước xếp hạng

FICO

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1

HOME CÔNG TY ĐỊA ỐC FICO

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH : 28A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP.HCM

Tel: (08) 8 278 730, 8 279 959 * Fax: (08) 8 279 729

Email: ficorec@hcm.vnn.vn

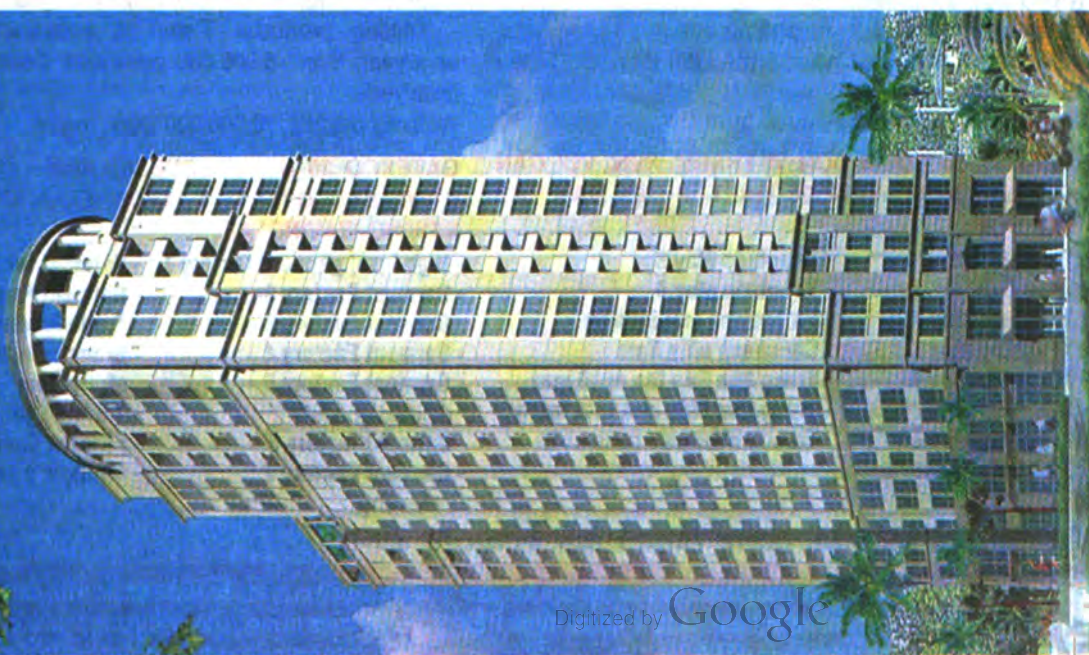
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Đầu tư và kinh doanh bất động sản
- Kinh doanh phát triển nhà
- Tư vấn đầu tư xây dựng
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp
- Sản xuất công nghiệp.

CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI

- Chung cư Vạn Đô tại 348 Bến Vân Đồn, quận 4
- Chung cư Thế hệ mới tại số 17 Hồ Hảo Hớn, quận 1
- Căn hộ cao cấp Horizon tại 214 Trần Quang Khải, quận 1
- Cao ốc văn phòng cao cấp FICO Tower tại 927 Trần Hưng Đạo, quận 5
- Dự án khu dân cư 59 Ngõ Tất Tố, quận Bình Thạnh
- Dự án khu tái định cư thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Dự án Khu dân cư An Thới - BMT, thành phố Cần Thơ
- Dự án Khu du lịch Resort Bãi Dài tại Cam Ranh - Khánh Hoà.

"FICO HOME cùng bạn nâng niu mái ấm gia đình"





Giám đốc: Đại tá TRẦN BANG
Anh hùng Lao động, Cờ nhân Kinh tế - Luật

CÔNG TY 20 GATEXCO 20

ĐƠN VỊ HAI LẦN ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Trụ sở: 35 PHỐ PHAN ĐÌNH GIÓT - PHƯƠNG LIỆT - QUẬN THANH XUÂN - HÀ NỘI

Điện thoại: (84.4) 864 1617 - 864 5077 - 864 3381 - Fax: (84.4) 864 1208

Website: www.gatexco20.com.vn - Email: gatexco20@fpt.vn

Head Office: 35 PHAN DINH GIOT - PHUONG LIET - THANH XUAN - HA NOI

Tel: (84.4) 8641617 - 864 5077 - 864 3381- Fax: (84.4) 8641208

Website: www.gatexco20.com.vn - Email: gatexco20@fpt.vn



*Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Ất Dậu, 2005*

TÊN GIAO DỊCH: CÔNG TY 20

Công ty thành lập năm 1957, được Nhà nước phong tặng hai lần danh hiệu "Đơn vị anh hùng lao động" năm 1989 và 2001. Là doanh nghiệp chuyên sản xuất các mặt hàng quân trang phục vụ quân đội, đồng thời kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc, hàng dệt kim, dệt vải, kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị ngành may - dệt vải - dệt kim. Sản xuất kinh doanh hàng dệt nhuộm. Kinh doanh vật tư thiết bị, nguyên liệu, hóa chất phục vụ hàng dệt - nhuộm.

SẢN PHẨM CHỦ YẾU:

- Trang phục quân đội, đồng phục công chức.
- Các loại áo jacket, sơ mi nam nữ - váy thời trang - quần áo đua mô tô. Quần áo thể thao, complete, veston
- Các sản phẩm dệt kim (khăn mặt, T-shirt-Polo-shirt, tất).
- Vải các loại: 100% Cotton, Pc 65/35, Tc 65/35, 100% polyester.

NĂNG LỰC SẢN XUẤT:

- May mặc: 6 triệu bộ sản phẩm/năm
- Dệt kim: 6,4 triệu áo/năm. 6 triệu đôi tất/năm, 3 triệu khăn mặt/năm
- Dệt vải: 19 triệu mét/năm

CÔNG TY 20 CÓ 14 ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN, VỚI GẦN 5000 LAO ĐỘNG VÀ 4500 THIẾT BỊ DỆT MAY CÁC LOẠI GỒM:

- | | |
|---------------------------------------|--------------------------------|
| - Xi nghiệp May 1
(Đo may cao cấp) | - Xi nghiệp May 8 |
| - Xi nghiệp May 2 | - Xi nghiệp May 9 |
| - Xi nghiệp May 3 | - XN Thương mại Dịch vụ |
| - Xi nghiệp May 4 | - Chi nhánh phía Nam |
| - Xi nghiệp 5 (dệt kim) | - Trung tâm Đào tạo nghề may |
| - Xi nghiệp May 6 | - Trung tâm Mẫu mới thời trang |
| - Xi nghiệp 7 (dệt vải) | - Trường Mẫu giáo mầm non |

THE BUSINESS NAME: Army producing trading garment-Textile Company 20 (Gatexco 20)

The company was established in 1957. It was awarded The Labour hero unit in both of 1989 and 2001. The Company specializes in producing - trading and import-export garment-fabric-knitting products and garment uniform for army. Trading import-export sewing-wearing-knitting machines and equipment. Producing trading weaving dyeing products. Trading materials, equipments and chemicals for weaving, dyeing.

MAIN PRODUCTS:

- Garment uniform for army, garment uniform for office.
- Jackets, clothes-shirts for men&women, fashion skirts, moto racing uniform. Sport wears, Complete, Veston.
- Knitting products (Towel, T'shirt, Polo-shirt, sock).
- All kinds of fabric: 100% cotton, PC 65/35, TC 65/35, 100% polyester

PRODUCTION CAPACITY:

- Garment products: 6.000.000 uniforms/year.
- Knitting products: T'shirt & polo-shirt 6.400.000 units/year. Sock: 6.000.000 pairs/year, Towel: 3.000.000 units/year.
- Weaving product: 19.000.000 fabric m/year.

GATEXCO 20 HAS 14 SUBSIDLARIES (WITH OVER 5.000 EMPLOYEES & 4.500 EQUIPMENTS FOR SEWING-WAVING) AS:

- | | |
|--|-----------------------------------|
| - High level garment factory 1 | - Garment factory 8 |
| - Garment Factory 2 | - Garment Factory 9 |
| - Garment Factory 3 | - Trade Production Factory |
| - Garment Factory 4 | - Branche in the South of Vietnam |
| - Garment Factory 5
(knitted-goods) | - Training garment Center |
| - Garment factory 6 | - Fashion Center |
| - Garment Factory 7
(Weaving) | - Children's School |

Chào mừng 49 năm ngày thành lập Công ty 20 - TET (18/2/1957 - 18/2/2005)

Công ty sẵn sàng hợp tác đầu tư phát triển, liên doanh liên kết sản xuất kinh doanh với các doanh nghiệp trong & ngoài nước trên nguyên tắc hợp tác bình đẳng cùng có lợi

Gatexco 20 is ready to make deals with domestic & foreign partners in investment projects producing & marketing cooperation based on equality & mutual benefits.

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Quận Long Biên

Bí thư: LÊ ANH Hào

Các Màng Năm Mới
Xanh Ất Dậu

Quận Long Biên được thành lập trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính của huyện Gia Lâm theo Nghị định 132/2003/NĐ-CP ngày 06-11-2003 của Chính phủ. Quận có diện tích 6028,34 héc-ta, dân số trên 170.000 người, gồm 14 phường, 56 chi Đảng bộ, gần 8.000 đảng viên, có trên 200 doanh nghiệp TW, Thành phố, trên 700 doanh nghiệp ngoài quốc doanh đóng trên địa bàn.

Trong năm 2004, dưới sự chỉ đạo của Thành ủy - HĐND - UBND, sự phối kết hợp với các ban Đảng, sở, ngành của Thành phố; Ban Thường vụ Quận ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện đạt những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực:

1. VỀ KINH TẾ:

☆ Là một quận có vị trí chiến lược về phát triển kinh tế, cùng với quá trình đô thị hóa nhanh, hoạt động thương mại, dịch vụ ngày càng sôi động và phát triển, diện tích đất nông nghiệp giảm dần nhường chỗ cho sự phát triển của các khu công nghiệp, khu đô thị. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu do quận quản lý ước đạt 2.133,9 tỉ đồng, các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ có mức tăng trưởng khá.

☆ Tiếp tục phát triển công nghiệp theo định hướng khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao. Trong nông nghiệp đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, giảm dần diện tích lúa, ngô sang các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

☆ Thương mại - dịch vụ: Tập trung quy hoạch hệ thống chợ, trung tâm thương mại của quận, khẩn trương triển khai dự án xây dựng chợ đầu mối Gia Thụy, lập kế hoạch xây dựng, chỉnh trang hầu hết các chợ trên địa bàn quận.

☆ Tổng thu ngân sách ước đạt 203,390 tỉ đồng, đạt 106% so với kế hoạch.

☆ Quận đã tập trung chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết của quận về giao thông và quản lý đất đai, quy hoạch đô thị, xây dựng dự án phát triển kinh tế - xã hội của quận đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 làm cơ sở để triển khai chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội của quận.

☆ Tăng cường các biện pháp quản lý đất đai, quản lý đô thị và trật tự xây dựng đô thị.

☆ Kiên quyết xử lý những sai phạm trong việc lấn chiếm, xây dựng trên đất công, đất nông nghiệp đạt được kết quả cao.

Kiên toàn tổ chức bộ máy từ quận đến cơ sở sớm đi vào hoạt động ổn định, quan tâm đến công tác quy hoạch, coi quy hoạch là cơ sở để triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quận; công tác quản lý đất đai, TTXĐĐT được tập trung chỉ đạo; trật tự giao thông, trật tự đô thị dần đi vào nề nếp. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; công tác xây dựng Đảng, hoạt động của bộ máy chính quyền được chú trọng... Những kết quả trên đánh dấu 01 năm ổn định và có bước phát triển mới của quận, tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển cho những năm tiếp theo.

2. CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI:

☆ Phát động cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", trọng tâm là đẩy mạnh phong trào gia đình văn hóa, tổ dân phố văn hóa được triển khai đồng bộ.

☆ Quận luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục - đào tạo trong nhà trường, tăng cường trang thiết bị, đồ dùng dạy học, nâng cấp cơ sở vật chất trong nhà trường, thực hiện kế hoạch xóa phòng học cấp 4...

☆ Thực hiện tốt chính sách đối với người có công, các đối tượng hưởng chính sách xã hội, quan tâm chăm sóc đến người cao tuổi, các bậc lão thành cách mạng.

☆ Đầu tư các trang thiết bị y tế trị giá trên 7 tỉ đồng cho các trạm y tế, các phòng khám chữa bệnh đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

3. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

☆ Nghiêm túc tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, chương trình trọng tâm của cấp ủy đến cán bộ, đảng viên và nhân dân.

☆ Thành lập trung tâm bồi dưỡng chính trị, đã tổ chức 43 lớp cho 6.781 học viên.

☆ Công tác phát triển Đảng và quản lý đảng viên được quan tâm, xét kết nạp 202 đảng viên, tặng Huy hiệu 40, 50 tuổi Đảng cho 19 đảng viên.

☆ Xây dựng phương án cán bộ chủ chốt HĐND quận và phường nhiệm kỳ 2004-2009; thực hiện công tác quy hoạch cán bộ từ quận đến cơ sở, tiến hành quy hoạch đội ngũ cán bộ chuẩn bị nhân sự đại hội Đảng các cấp và nguồn cán bộ lâu dài.

☆ Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công tác dân vận. Lãnh đạo khối đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, nhân dân, đoàn viên, hội viên thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Quỵ Nhơn đô thị loại 2, là đô thị tỉnh lỵ của tỉnh Bình Định, hội tụ nhiều thuận lợi để phát triển. Từ lâu, Quy Nhơn đã là nơi hội tụ và giao lưu giữa miền núi và miền biển, là một trong ba trung tâm thương mại, dịch vụ lớn của miền Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đồng thời cũng là thị trường đầu mối có sức lan tỏa hàng hóa giữa các tỉnh trong nước và khu vực.

Trong những năm qua, nền kinh tế - xã hội của thành phố Quy Nhơn đã có những bước phát triển ngoạn mục. Cụ thể trên các lĩnh vực sau:

★ Tổng sản phẩm địa phương năm 2004 tăng 12,83%.

★ Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 172,8 triệu USD.

★ Năm 2004, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: Công nghiệp - xây dựng 44,62%, dịch vụ 43,06%, nông nghiệp 10,42%.

★ Cảng Quy Nhơn là một thương cảng tổng hợp, tiếp nhận các tàu trọng tải đến 30 000 DWT phục vụ giao lưu hàng hóa phát triển kinh tế của Bình Định cũng như các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và tiếp chuyển hàng hóa qua cảnh của Lào, Cam-pu-chia và Trung Thái Lan.

★ Ngoài KCN Phú Tài chủ yếu phát triển công nghiệp chế biến lâm sản, chế biến đá granite xuất khẩu, thành phố còn có cụm công nghiệp Quang Trung với 32 doanh nghiệp đã đăng ký thuê đất, một số đã đi vào hoạt động, cụm công nghiệp Nhơn Bình đang khẩn trương xây dựng.

★ Các lĩnh vực thương mại dịch vụ đang phát triển mạnh mẽ, cơ sở hạ tầng du lịch cũng đã và đang được đầu tư như Cosevco, Hải Âu, Quy Nhơn.

★ Khu kinh tế và đô thị mới Nhơn Hội sẽ hình thành trên bán đảo Phương Mai, mở rộng thành phố Quy Nhơn về phía Đông Bắc trong đó cầu vượt Đầm Thị Nại dài trên 2,7km sẽ hoàn thành vào đầu năm 2006, sẽ hình thành khu đô thị trên 80.000 dân, khu kinh tế bao gồm cảng nước sâu, khu công nghiệp gắn liền với cảng, khu phi thuế quan... Quy Nhơn khi đó sẽ có tổng diện tích trên 33.000 héc-ta.

★ Cùng với việc xây dựng khu kinh tế Nhơn Hội, Quy Nhơn sẽ có tuyến du lịch ven biển từ Hải Giang (xã Nhơn Hải) đến Trung Lương Thanh, Vĩnh Hội (xã Cát Tiến huyện Phù Cát) với nhiều bãi tắm đẹp. Sự phát triển không gian này tạo điều kiện cho Quy Nhơn phát triển mạnh công nghiệp và du lịch.

★ Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định đưa Bình Định vào vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, trong đó thành phố Quy Nhơn được xem là trung tâm phía Nam, là động lực phát triển của vùng kinh tế trọng điểm.

★ Quy hoạch tổng thể thành phố Quy Nhơn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tổng Cục Du lịch cũng đã đề nghị đưa Bình Định vào tuyến du lịch trọng điểm quốc gia, là điều kiện thuận lợi để thành phố Quy Nhơn phát triển du lịch.

Trước vận hội mới đang mở ra cho thành phố, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Quy Nhơn trong những năm tới được xác định là: Phát huy cao nhất nội lực, khai thác và sử dụng tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển, đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng, quy hoạch và chỉnh trang đô thị. Năm 2005, tốc độ GDP phải đạt 13,5-14%. Trong đó, công nghiệp tăng 24-25%, kim ngạch xuất khẩu đạt giá trị trên 200 triệu USD... Thành phố cũng đang chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, vật lực để đón đầu thời cơ phát triển đang đến.

Thành phố Quy Nhơn, trong tầm nhìn tương lai, sẽ không chỉ là một đô thị ven biển miền Trung có biển xanh và cát trắng, mà còn là một khu kinh tế năng động, những khu du lịch và nghỉ dưỡng tuyệt vời cùng một hệ thống cảng biển rộng cửa cho cả miền Trung Tây Nguyên.

THÀNH PHỐ QUY NHƠN

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐƯỢC ĐẠT VÀ NHÀ NƯỚC BÌNH KHÂN

- Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng Huân chương thành đồng hạng Ba năm 1976.

- Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân năm 2000; 02 Huân chương Lao động hạng Ba vào các năm 1984, 1986; Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1998, Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2003.

- Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc năm 1997.

- Thành phố có 3 đơn vị, 1 tập thể được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; 4 đơn vị được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất; 3 tập thể được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì; 5 tập thể và 5 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.



Chào
mừng
năm
mới

2005

Thành phố Quy Nhơn đã và sẽ là điểm hấp dẫn,
luôn mở rộng cửa chào đón các nhà đầu tư

Địa chỉ Thành ủy: 32 đường Nguyễn Huệ, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 056 822 133 * Fax: 056 815 031

THÀNH PHỐ QUY NHƠN

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH PHÚ THỌ

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành - thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ * Điện thoại: 0210.846 842



Chủ tịch
Nguyễn Văn Hưng

Thống Nhất Thống Nhất Xuân 2005

Thông tin tổ chức lớp học tập quán triệt kết luận hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX cho cán bộ công đoàn.

- Năm 2004, có nhiều ngày lễ kỷ niệm lớn, Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với ngành văn hóa - thông tin tổ chức hội diễn tiếng hát công nhân viên chức, hội thao truyền thống công nhân viên chức, lao động từ cơ sở tới tỉnh.

Các cấp công đoàn tổ chức lễ kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Công đoàn Việt Nam trang trọng tiết kiệm và để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp.

- Liên đoàn Lao động tỉnh đã ký chương trình phối hợp và chủ động phối hợp với các cơ sở ban ngành, đoàn thể, các ban chỉ đạo của tỉnh để tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, các chế độ chính sách... tới công nhân viên chức, lao động.

2. Phong trào hành động cách mạng

Phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất được đẩy mạnh. Đến nay, đã có 4.397 đề tài khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sáng kiến tiết kiệm được thực hiện đưa vào sản xuất.

3. Công tác chăm lo đời sống, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho CNVC, LĐ

- Công đoàn các cấp tiến hành kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách với đơn vị sản xuất kinh doanh, tập trung kiểm tra ngoài quốc doanh, kiểm tra thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở và phối hợp với các ngành chức năng tổ chức

241 cuộc kiểm tra việc thực hiện Bộ luật Lao động, Pháp lệnh Bảo hộ lao động ở doanh nghiệp.

- Tăng cường chỉ đạo mạng lưới an toàn vệ sinh lao động ở các doanh nghiệp được duy trì thường xuyên, hoạt động có hiệu quả.

- Công đoàn trực tiếp tham gia giải quyết những vấn đề bức xúc của công nhân về việc làm, bố trí lao động hợp lý, số công nhân được đào tạo, đào tạo lại hoặc về nghỉ hưu, nghỉ chế độ theo Nghị định 41/NĐ-CP đều được đảm bảo đúng chế độ.

- Hoạt động nhân đạo từ thiện cũng đặc biệt được chú trọng. Các cấp công đoàn đã phối hợp với chuyên môn thăm hỏi và tặng quà cho công nhân lao động khó khăn, gia đình chính sách, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các cháu mồ côi, tàn tật, công nhân không có việc làm, công nhân lao động bị tai nạn, bệnh nghề nghiệp...

4. Công tác xây dựng tổ chức công đoàn

- Năm 2004, đã thành lập được 156 công đoàn cơ sở, kết nạp 6.267 đoàn viên, vượt hơn 1.000 đoàn viên so với kế hoạch, tỷ lệ tập hợp đoàn viên đạt trên 93,2% trong đơn vị có tổ chức công đoàn và đạt 77% so tổng số công nhân viên chức trên địa bàn toàn tỉnh.

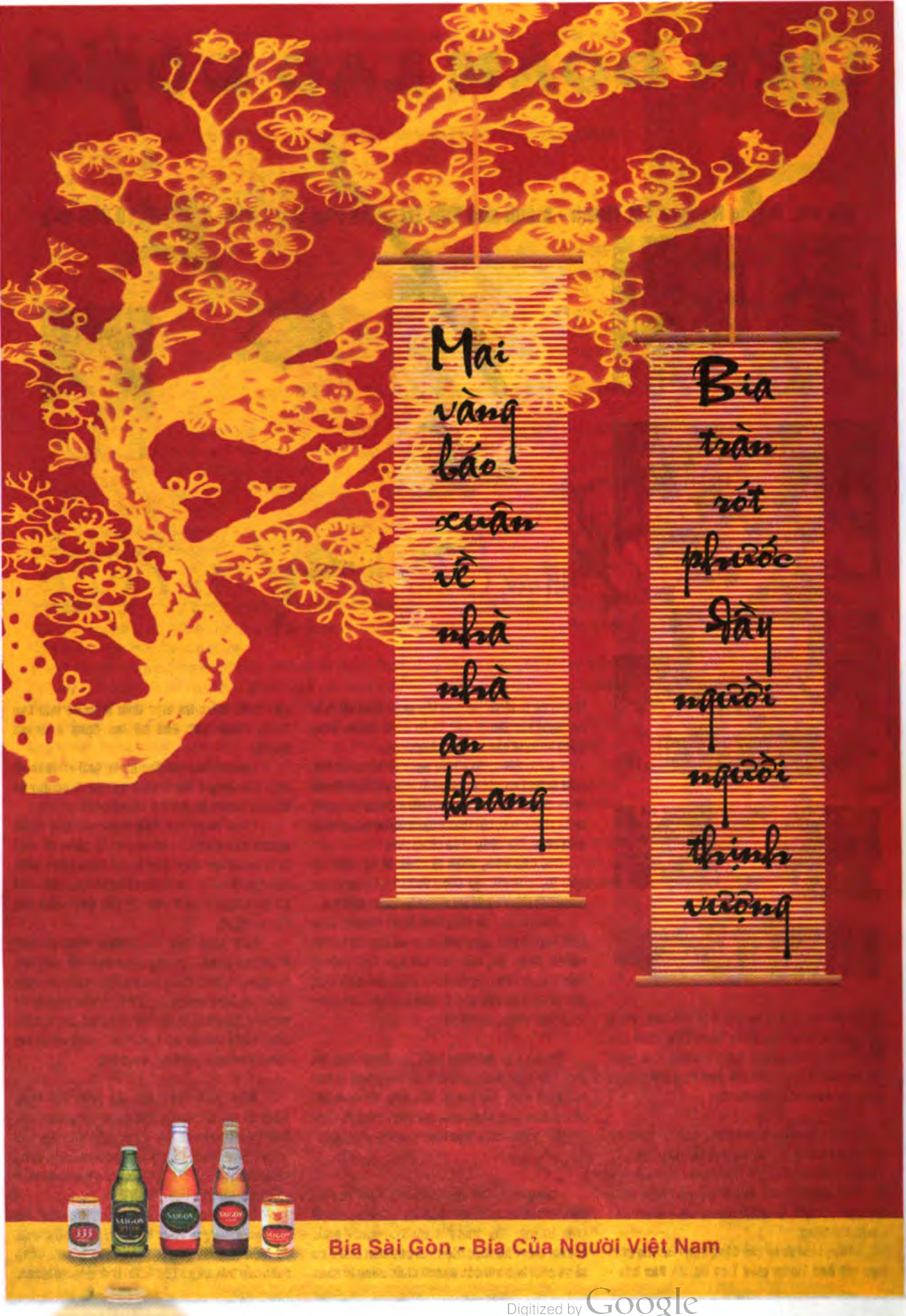
- Các cấp công đoàn đã tập trung công tác chỉ đạo xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh. Dự kiến năm 2004 đạt 76% vững mạnh, công đoàn cấp trên cơ sở 100% đạt khá và vững mạnh.

Bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh, trong năm qua, Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh đã xây dựng chương trình công tác cụ thể và tập trung chỉ đạo hoạt động công đoàn đạt được kết quả như sau:

1. Công tác tuyên truyền giáo dục CNVC, LĐ

- Các cấp công đoàn trong tỉnh đã bám sát kế hoạch công tác tuyên truyền giáo dục của Tỉnh ủy Phú Thọ và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để xây dựng kế hoạch và triển khai công tác tuyên truyền giáo dục trong công nhân viên chức, lao động.

- Tổng Liên đoàn Lao động tỉnh Phú Thọ phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Văn hóa -



Mai
vàng
bão
xuân
về
nhà
nhà
an
khang

Bia
trần
rót
phước
Đầy
người
người
thịnh
vượng



Bia Sài Gòn - Bia Của Người Việt Nam



®

ĐẠM PHÚ MỸ[®]

cho mùa bội thu



TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY PHÂN ĐẠM & HÓA CHẤT DẦU KHÍ - PVFCCO.
Số 10 Phố Quang - Phường 2 - Quận Tân Bình - TP. HCM
Tel: 08. 9 974748 - Fax: 08. 9 974757
Nhà máy đạm Phú Mỹ
Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I - Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu
Tel: 064. 921468 - Fax: 064. 921477

Thời gian quá ít ỏi.

Làm sao bạn vẫn có thể

chăm sóc

người thân?



Công việc quá bận rộn hay điều kiện công tác xa nhà làm bạn không còn nhiều thời gian dành cho gia đình. Nay bạn có thể yên tâm vì chương trình H Plus sẽ thay bạn chăm sóc những người thân yêu với dịch vụ chu đáo và hiệu quả nhất.

H Plus là chương trình chăm sóc sức khỏe trọn gói bao gồm kiểm tra sức khỏe miễn phí, tư vấn miễn phí với bác sĩ đa khoa và các chế độ giảm giá, ưu đãi khác trong suốt một năm.

Hãy liên hệ với phòng dịch vụ khách hàng để có thêm chi tiết.



Sự chăm sóc tận tụy
trong tầm tay



L'HÔPITAL
FRANÇAIS
DE HANOÏ

BỆNH VIỆN VIỆT PHÁP

Chăm sóc tích cực * Nội đa khoa & chuyên khoa * Nhi & Ngoại nhi * Nha & Chính nha * Nhân khoa * Tai - Mũi - Họng * Phẫu thuật Răng - Hàm - Mặt * Da liễu * Dị ứng - Miễn dịch * Tim mạch & Các thủ thuật tim mạch * Sản Phụ Khoa * Phẫu thuật thẩm mỹ * Phẫu thuật xương khớp * Tiết niệu * Phẫu thuật ổ bụng * Phẫu thuật thần kinh * Tiêu hóa * Phẫu thuật lồng ngực * Hô hấp * Tâm lý * Vật lý trị liệu * Xét nghiệm * Chẩn đoán hình ảnh * Dược khoa.

Địa chỉ: 1 Phương Mai, Hà Nội, Tel: (84-4) 5 740 740, Fax: (84-4) 5 764 443.

E-mail: cares_hfh@hn.vnn.vn / Website: www.hfh.com.vn

ĐIỆN
THOẠI

24h/24
Đặt hẹn: 5 740 740
Cấp cứu: 5 741 111



Digitized by Google

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

QUẬN BA ĐÌNH

Địa chỉ: 25 Liễu Giai - Ba Đình - Hà Nội * ĐT (04) 7.625 100

Chào mừng năm mới



Đồng chí LƯU TIẾN ĐÌNH
Bí thư Quận ủy

Là một quận nằm ở phía Bắc Thủ đô, từ bao đời nay Ba Đình được chọn là trung tâm chính trị của cả nước. Nổi tiếng về nhiều sự tích phản ánh tinh thần lao động sáng tạo, lòng yêu nước và ý trí đấu tranh kiên cường, bất khuất, vì độc lập tự do. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, vẫn còn đó của Đoàn Mòn, Hậu Lâu, nền điện Kinh Thiên với bậc thềm rồng đá và của thành có ba chữ "chính Bắc Môn"... Các công trình kiến trúc như: Chùa Một Cột, Cột Cờ, đền Voi phục, đền Quán Thánh... và nhiều di tích lịch sử văn hóa khác, phản ánh quá trình phát triển phố phường trên vùng đất này. Ở mọi thời kỳ lịch sử và cách mạng, dù thuộc đơn vị hành chính, địa dư nào, người dân Ba Đình đều có những đóng góp xứng đáng làm giàu thêm truyền thống dân tộc, góp phần tạo nên cốt cách, tinh hoa của người Thăng Long - Hà Nội.

Quận Ba Đình có diện tích tự nhiên là 9,2km²; dân số gần 2,4 vạn người; gồm 12 phường. Đảng bộ quận Ba Đình có 13.400 đảng viên, sinh hoạt ở 122 tổ chức cơ sở Đảng (46 đảng bộ, 76 chi bộ).

Trong những năm qua, Đảng bộ tập trung vào thực hiện giải pháp then chốt là công tác

xây dựng đảng và giải pháp động lực là tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Qua 4 năm thực hiện NQ Đại hội Đảng bộ lần thứ 22 (nhiệm kỳ 2001 - 2005), được sự quan tâm chỉ đạo của Thành ủy - HĐND - UBND Thành phố, sự phối hợp giúp đỡ có hiệu quả của các sở, ban, ngành, Đảng bộ và nhân dân quận Ba Đình đã phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao:

- ★ Thu ngân sách Nhà nước tăng bình quân 15%.
- ★ Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm 20%.
- ★ Nhiều hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt chất lượng cao.
 - Là quận đầu tiên trong cả nước đạt phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, xóa lớp học ca 3, phòng học cấp 4, có 5 trường đạt chuẩn quốc gia.
 - Hoạt động văn hóa - thể dục thể thao sôi nổi, hiệu quả.
 - Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hàng trăm nhà cho các gia đình chính sách, phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam Anh hùng, xây dựng quỹ "đền ơn đáp nghĩa" hàng tỉ đồng, không còn hộ đói nghèo diện chính sách, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,12%, phấn đấu cơ bản xóa hộ nghèo vào năm 2005.
- ★ Tập trung phát triển đô thị đi đôi với quản lý và xây dựng nếp sống văn hóa, kỷ cương, giữ gìn đô thị

Với thành tích toàn diện trên các mặt, Đảng bộ và nhân dân quận Ba Đình được tặng thưởng: Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ; Huân chương các loại; Huân chương Độc lập hạng Ba; Huân chương Quân công; Huân chương Chiến công; 26 Huân chương Lao động các loại; Bằng khen của các cấp; nhiều năm liền được nhận Cờ thưởng Luân lưu của Chính phủ.

Vinh dự và tự hào về những thành tích mà các thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân quận Ba Đình đã đạt được, phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, phấn đấu lao động, học tập, sáng tạo hoàn thành xuất sắc 2 nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh - xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến vào thiên niên kỷ mới, xứng đáng là Ba Đình lịch sử - Ba Đình Anh hùng

sáng - xanh - sạch - đẹp, bộ mặt đô thị được cải thiện, nhiều tuyến đường, công trình mới hoàn thành.

★ Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, các hoạt động đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

★ Là một trong những đơn vị của thành phố đi đầu trong công tác cải cách hành chính.

★ Công tác xây dựng Đảng:

- Đảng bộ tập trung quán triệt kịp thời NQ của các cấp, các chương trình công tác của Thành ủy, Quận ủy, thực hiện gần học tập Nghị quyết với xây dựng chương trình, kế hoạch hành động sát hợp với đơn vị, cơ sở. Theo đánh giá hằng năm, có trên 70% số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, không có tổ chức cơ sở Đảng yếu kém. Mỗi năm kết nạp được 300 đảng viên.

- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo chủ trương, kế hoạch của TW, của Thành ủy.

- Cấp ủy các cấp không ngừng được kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng qua các kỳ đại hội, đoàn kết thống nhất ngày càng được củng cố.

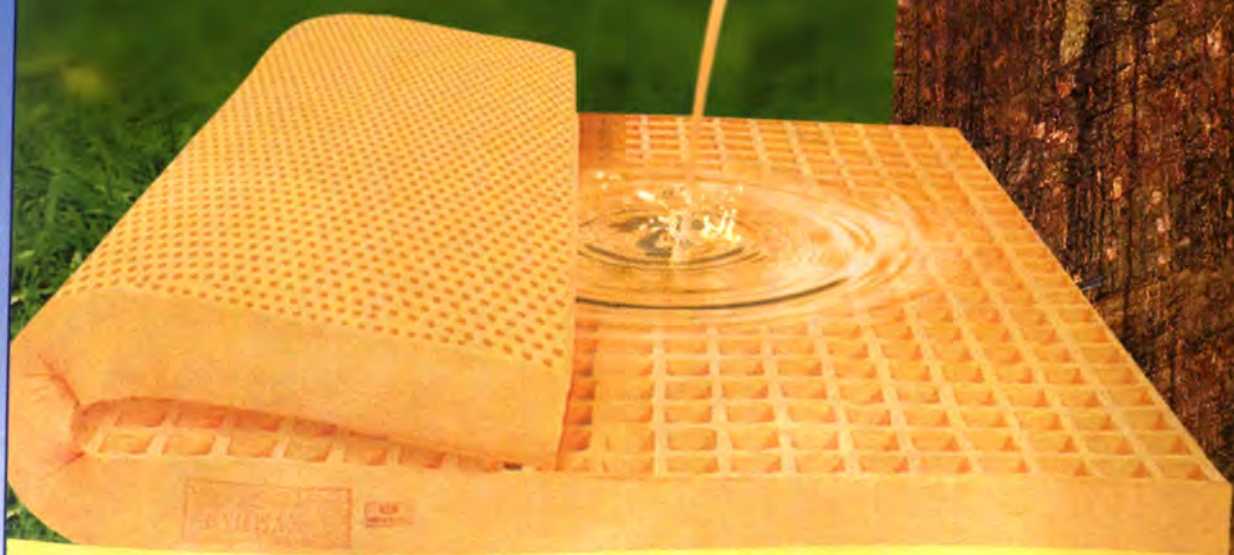
- Công tác quản lý và bồi dưỡng đảng viên được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ và toàn diện, thông qua sinh hoạt chi bộ gắn với thực hiện Quyết định 19.



KD
KYMDAN
 SINCE 1954

**CHÚC MỪNG
 NĂM MỚI**

Xuân Ất Dậu
 2 0 0 5



Kymdan - Chăm Sóc Sức Khỏe Của Bạn Từ Giấc Ngủ



Do người tiêu dùng bình chọn
 do Nhà Liễu
 từ năm 2004



Chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản
 phẩm & khả năng chống cháy
 được phép sản xuất tại Châu Âu



Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng
 ISO 9001:2000 do QUACERT và AJA cấp



Đạt tiêu chuẩn trách nhiệm
 xã hội SA 8000:2001



Sử dụng công nghệ
 của NIFCO, có tiêu chí đạt
 Liên Hợp Quốc



Chứng nhận sản phẩm không chứa
 và được phép lưu hành tại Hoa Kỳ
 (Các quốc gia sản phẩm nội thất &
 sinh hoạt trong California - Hoa Kỳ chấp)

Bảo hành 5 năm - Độ bền trên 20 năm - Sử dụng KYMDAN là hiệu quả và tiết kiệm !

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 60000

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*Mừng
Xuân
Ất
Dậu*

75

1930 - 2005

UNIV. OF MICH.

MAR 25 2005

CURRENT SERIALS

4

2-2005

Digitized by Google



THỊ XÃ SƠN LA



Bí thư Thị ủy
LÒ AN TOÀN

Thị xã Sơn La nằm ở trung tâm cao nguyên Sơn la, phía Bắc giáp huyện Mường La, phía Đông giáp huyện Mai Sơn, Phía Tây giáp huyện Thuận Châu. Cư trú trên địa bàn thị xã có 12 dân tộc: Thái, Kinh, Hơ-Mông, Sinh Mun, Mường, Dao, Khơ Mú, La Ha, Kháng, Tày, Hoa, Lào. Diện tích tự nhiên toàn thị là 33.005 héc-ta, trong đó đất nông nghiệp chiếm 19,4%, đất lâm nghiệp chiếm 67,2%, còn lại là núi đá. Thị xã Sơn La có quốc lộ 6 chạy qua, nối liền Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Lai Châu, thuận lợi cho giao lưu ngược xuôi. Nơi đây còn tập trung đầu mối giao thông đi các huyện trong tỉnh. Là điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế.

1. KINH TẾ

Thị xã tiếp tục phát triển theo hướng tích cực và khá toàn diện.

* Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Sản xuất công nghiệp phát triển khá. Giá trị sản xuất trên địa bàn theo giá hiện hành ước đạt 218 tỉ đồng, tăng 15,8% so với năm 2003. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển mạnh cả về số lượng và các loại hình doanh nghiệp, công ty tư nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp được thành lập, bước đầu hoạt động có hiệu quả.

* Thương mại dịch vụ - du lịch: Hoạt động thương mại dịch vụ và du lịch có nhiều khởi sắc, tốc độ tăng trưởng đạt 17,47%, chiếm 44,29% tỷ trọng GDP.

* Sản xuất Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản:

- Về trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt 1.959,1 héc-ta giảm 8,9% so với năm 2003. Tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm hiện có là 2.485,2 héc-ta. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 9.125 tấn, đạt 98% kế hoạch. Hệ số quay vòng đất nhất là đất ruộng 2 vụ lúa tăng lên từ 2,5 đến 3 lần.

- Về chăn nuôi: Nhìn chung đàn gia súc, gia cầm phát triển khá và ổn định. Đàn trâu: 2.805 con, tăng 28 con so với năm 2003. Đàn dê: 3.243 con, tăng 2.128 con so với năm 2003. Đàn lợn: 31.138 con, tăng 9.138 con so với năm 2003.

- Về lâm nghiệp: Sản xuất lâm nghiệp có bước chuyển biến rõ rệt, rừng đã được khoanh nuôi bảo vệ tốt. Năm 2004 đã khoanh nuôi bảo vệ rừng hiện còn và rừng trồng 14.300 héc-ta.

- Về thủy sản: Sản lượng cá thịt ước đạt 274,5 tấn. Triển khai thực hiện mô hình nuôi trồng cá + lúa.

* Thu chi ngân sách: Tổng thu ngân sách năm 2004 ước đạt 75.621 triệu đồng. Tổng chi ngân sách ước thực hiện 69.186 triệu đồng.

Năm 2004 dù phải đứng trước nhiều khó khăn và thử thách mới, song kết quả thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch năm 2004 đã đạt được những thành tựu quan trọng, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế xã hội đều đạt và vượt mức kế hoạch.

2. THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

+ Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân.

+ Huân chương Quân công và Chiến công hạng Nhất.

+ Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba.

+ Ba bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Bốn cá nhân Anh hùng.

+ Cùng nhiều cờ thi đua, bằng khen các loại của Chính phủ, các ngành, của Trung ương và tỉnh.





THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 726

4

2-2005

● **BỘ BIÊN TẬP :**

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● **Tổng Biên tập :**

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Hướng về Đảng

Trình bày: Mai Linh

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

NHÂN KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3-2-1930 - 3-2-2005)

NÔNG ĐỨC MẠNH - Vững bước tiến lên dưới ngọn cờ của Đảng quang vinh	3
PHAN VĂN KHẢI - Mấy vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội năm 2005	12
ĐẶNG ĐÌNH PHÚ - Để Đảng tiếp tục xứng đáng là đội tiên phong cách mạng	19
ĐÀO DUY QUÁT - Triệu tấm lòng dân với Đảng	24

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐẶNG HỮU - Đào tạo nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên tri thức ở nước ta hiện nay	29
TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN - Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ y tế trước những yêu cầu mới của sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân	34
NGUYỄN VĂN NAM - Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế	39

ĐẤT NƯỚC - MÙA XUÂN

LÊ THANH HẢI - Vững vàng đi qua năm cũ, tự tin bước vào năm mới với nhiều nỗ lực, hứa hẹn mới	44
PHẠM HIỆP - Tây Nguyên trên con đường đổi mới và phát triển	48
LÊ XUÂN ĐÌNH - Những bước tăng trưởng kinh tế nhanh ở tỉnh Vĩnh Phúc	54
PHAN TRUNG NGHĨA - Về miền sông nước Hậu Giang	59

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NHỊ LÊ - Đường lên, nẻo... xuống	62
---	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

TRỊNH CƯỜNG - Ấn Độ với mục tiêu trở thành cường quốc	63
VŨ TUYẾT LOAN - Môi trường - thách thức đối với nhân loại	68

СОДЕРЖАНИЕ

• НОНГ ДЫК МАНЬ: Уверенно шагаем вперед под знаменем славной Партии. • ФАН ВАН КХАЙ: Некоторые главные проблемы в социально-экономическом развитии на 2005 г. • ДАНГ ДИНЬ ФУ: Чтобы Партия всегда была достойной передового революционного отряда. • ДАО ЗУЙ КУАТ: Благородное чувство миллионов людей к Партии. • ДАНГ ХЫУ: Подготовка трудовых ресурсов для дела индустриализации, модернизации на основе знаний во Вьетнаме на данном этапе. • ЧАН ТХИ ЧУНГ ТЬЕН: Формирование и развитие отряда медицинских кадров, работников в условиях новых требований дела здравоохранения населения. • НГУЕН ВАН НАМ: Повышение конкурентоспособности государства за активную интеграцию в международную экономику. • ЛЕ ТХАНЬ ХАЙ: Успешно закончили старый год, самоуверенно начнем новый год с новыми усилиями и ожиданиями. • ФАМ ХИЕП: Район Тэйнгуен на пути обновления и развития. • ЛЕ СУАН ДИНЬ: Быстрые темпы экономического роста в провинции Виньфук. • ФАН ЧУНГ НГИА: О речном районе провинции Хаузянг • ЧИНЬ КЫОНГ: Индия и цель становления великой державой. • ВУ ТУЕТ ЛОАН: Окружающая среда – один вызов человечеству.

CONTENTS

• NÔNG ĐỨC MẠNH: Steadily advancing under the flag of the glorious Party • PHAN VĂN KHẢI: Some major problems of socio-economic development in 2005 • ĐẶNG ĐÌNH PHÚ: So that the Party could further deserve to be the revolutionary vanguard troop • ĐÀO DUY QUÁT: Sincerity of millions of people to the Party • ĐẶNG HỮU: Training human resources for the matter of knowledge - based industrialisation and modernisation in our country at the present time • TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN: Building and developing the health-service cadres to meet with new demands of the cause of the people's health care • NGUYỄN VĂN NAM: Enhancing national competitiveness to take the initiative in World economic integration • LÊ THANH HẢI: Steadily passing over the old year, confidently entering the New year with many new efforts and prospects • PHẠM HIỆP: Tây Nguyên on the path of renovation and development • LÊ XUÂN ĐÌNH: Steps of rapid economic growth in Vĩnh Phúc province • PHAN TRUNG NGHĨA: Coming to the rivers-rich Hậu Giang province • TRỊNH CUÔNG: India and the goal to be a Great Power • VŨ TUYẾT LOAN: Environment - a challenge for mankind.

SOMMAIRE

• NÔNG ĐỨC MẠNH: Avancons à pas sûrs sous le drapeau de notre glorieux Parti. • PHAN VĂN KHẢI: Quelques grandes questions du développement socio-économique de 2005. • ĐẶNG ĐÌNH PHÚ: Pour que le Parti mérite toujours d'être l'avant-garde révolutionnaire. • ĐÀO DUY QUÁT: Des millions de cœurs pour le Parti. • ĐẶNG HỮU: La formation de la main-d'œuvre pour l'industrialisation et la modernisation basées sur le savoir dans notre pays à l'heure actuelle. • TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN: Edifier et développer un contingent de cadres médicaux répondant aux nouvelles exigences du soin sanitaire prodigué au peuple. • NGUYỄN VĂN NAM: Améliorer la compétitivité nationale pour une intégration active à l'économie mondiale. • LÊ THANH HẢI: En finissant fermement la vieille année, entrons à pas sûrs dans la nouvelle année avec de nouveaux efforts et promesses. • PHẠM HIỆP: Le Tây Nguyên en voie de rénovation et de développement. • LÊ XUÂN ĐÌNH: Les grands pas de la croissance économique à la province de Vĩnh Phúc. • PHAN TRUNG NGHĨA: Au pays des cours d'eau Hậu Giang. • TRỊNH CUÔNG: L'Inde et son objectif de devenir puissance. • VŨ TUYẾT LOAN: L'environnement – défi à toute l'humanité.

SUMARIO

• NÔNG ĐỨC MẠNH: Avanzamos con firmes pasos bajo la bandera del glorioso Partido. • PHAN VĂN KHẢI: Algunos grandes problemas en el desarrollo socioeconómico de 2005. • ĐẶNG ĐÌNH PHÚ: Para que el Partido continúe siendo digno de la vanguardia de la revolución. • ĐÀO DUY QUÁT: Millones de corazón del pueblo hacia el Partido. • ĐẶNG HỮU: La actual formación de recursos humanos para la industrialización y modernización basada en el conocimiento en nuestro país. • TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN: Formar y desarrollar el cuerpo de cuadros sanitarios ante las nuevas demandas de la atención de salud del pueblo. • NGUYỄN VĂN NAM: Elevar la competitividad nacional para ser activo en la integración económica internacional. • LÊ THANH HẢI: Con firmeza hemos atravesado el viejo año y entramos en el nuevo año con confianza en sí, muchos esfuerzos y nuevas promesas. • PHẠM HIỆP: La Meseta Occidental en vía de renovación y desarrollo. • LÊ XUÂN ĐÌNH: El rápido crecimiento económico de la provincia de Vĩnh Phúc. • PHAN TRUNG NGHĨA: La tierra de agua y ríos de Hậu Giang. • TRỊNH CUÔNG: India con el objetivo de convertirse en una potencia. • VŨ TUYẾT LOAN: El medio ambiente – reto para la humanidad.

目录

• 农德孟：在党的旗帜下稳步前进 • 潘文凯：2005年经济—社会发展中的几个重大问题 • 邓庭富：让党继续以革命的先鋒队的称号相称 • 阮春早：执政党及党员、干部的道德和作风 • 陶唯括：亿万人民的心向誓党 • 邓友：根据我国目前的素质状况为工业化、现代化事业培训人材 • 陈氏忠战：在关心人民健康的新要求下，建设和发展医疗卫生干部队伍 • 阮文南：提高国家竞争能力以主动融入国际经济 • 黎青海：稳步走过旧的一年，以更大的努力，新的希望自信地迈进新的一年 • 范协：西原在革新和发展的道路上前进 • 黎春庭：永福省经济快速增长 • 潘忠义：后江水乡 • 郑强：印度及其成为强国的目标 • 武雪鸾：生态环境—对人类的挑战。

VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN DƯỚI NGỌN CỜ CỦA ĐẢNG QUANG VINH *

NÔNG ĐỨC MẠNH

***Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam***

HÔM nay, chúng ta họp mặt tại đây để cùng đồng bào và chiến sỹ cả nước kỷ niệm lần thứ 75 Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Trong ngày kỷ niệm trọng thể này, chúng ta tỏ lòng thành kính tưởng nhớ và biết ơn vô hạn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, lãnh tụ kính yêu của dân tộc và cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, người đã suốt đời “hết lòng, hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân” và khi “đi xa”, đã “để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng”. Chúng ta tưởng nhớ biết bao thế hệ những chiến sỹ cộng sản kiên cường, những nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, của nhân dân; tưởng nhớ các anh hùng, liệt sỹ, đồng chí, đồng bào đã trọn đời hy sinh, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Sự hy sinh anh dũng của lớp lớp thế hệ đồng chí, đồng bào càng tô thắm thêm lá cờ cách mạng quang vinh

của Đảng, làm “nở hoa độc lập, kết trái tự do” và mở đường cho dân tộc ta đi tới ấm no, hạnh phúc. Chúng ta đời đời ghi nhớ công ơn các thế hệ cha anh; quyết noi theo tinh thần xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, tiếp tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang mà các thế hệ trước đã dày công gây dựng.

Với niềm tự hào sâu sắc, chúng ta cùng nhau ôn lại chặng đường lịch sử vẻ vang 75 năm qua của Đảng ta.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ phát súng đầu tiên ở Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược để biến nước ta thành thuộc địa. Ngay từ những ngày đó, nhân dân ta với ý chí quật cường và lòng yêu nước nồng nàn đã liên tiếp vùng dậy, hình thành nhiều phong trào yêu nước và nhiều tổ chức chính trị, đẩy lên hàng trăm cuộc khởi nghĩa vũ trang từ Nam đến Bắc. Các phong trào cứu nước và các cuộc khởi nghĩa vũ trang ấy, dù tràn đầy nhiệt huyết yêu nước, đức hy sinh cao cả, với nhiều tấm gương oanh liệt,

* Diễn văn kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3-2-1930 - 3-2-2005. Đầu đề là của Bảo Nhân dân

nhưng đều thất bại do thiếu đường lối đúng đắn. Nước ta đứng trước một cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước.

Trong bối cảnh ấy, năm 1911, mới hơn 20 tuổi, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Với lòng yêu nước nồng nàn, tầm nhìn xa trông rộng và trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng, Người đã phân tích các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới, nhận ra nguyên nhân thất bại của các phong trào cứu nước ở Việt Nam, dẫn đến cuộc gặp gỡ lịch sử giữa tư tưởng yêu nước của Nguyễn Ái Quốc với chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào năm 1920, khi Người đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của V.I.Lê-nin.

Người đã tiếp thu được bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin - đỉnh cao trí tuệ của nhân loại và đưa ra kết luận: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Kết luận lịch sử này đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc trong quỹ đạo của cách mạng xã hội chủ nghĩa; đặt sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người của dân tộc ta vào dòng chảy của thời đại mới. Người đi tới sự lựa chọn duy nhất đúng đắn về con đường cứu nước, cứu dân - con đường gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Nhà yêu nước lớn Phan Bội Châu đã đánh giá sự kiện Nguyễn Ái Quốc truyền bá tư tưởng gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội vào Việt Nam như “Thình lình đang giữa khi khòic đực, mây mù, có trận gió xuân thổi tới; thình lình đang giữa lúc trời khuya, đất ngủ, có tia thái dương mọc lên. Trận gió xuân ấy, tia thái dương ấy chính là chủ nghĩa xã hội vậy”.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cho rằng muốn cách mạng thành công: “Trước hết phải có Đảng cách mạng, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc

bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”. Người còn chỉ rõ: Cách mạng ở các nước thuộc địa không nhất thiết phụ thuộc vào cách mạng ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc và tạo điều kiện cho cách mạng chính quốc phát triển, lấy sức ta mà giải phóng cho ta. Người phát triển sáng tạo nguyên lý về Đảng Cộng sản của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thành lập tổ chức Việt Nam cách mạng thanh niên, đào tạo một đội ngũ cán bộ cốt cán đưa về nước lãnh đạo phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam phát triển mạnh mẽ, sâu rộng. Từ phong trào này ba tổ chức cộng sản đã hình thành: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Nhận thức sâu sắc sự cần thiết và tầm quan trọng của một tổ chức thống nhất, có đường lối đúng đắn để lãnh đạo phong trào cách mạng trong cả nước, ngày 3-2-1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập đại biểu của ba tổ chức cộng sản để họp Hội nghị hợp nhất và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đánh dấu một mốc son lịch sử trong sự nghiệp của Đảng ta, dân tộc ta.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, kết hợp giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và thời đại, chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng; là bước ngoặt quyết định của cách mạng Việt Nam. Từ đây, giai cấp công nhân Việt Nam thông qua Đảng tiên phong của mình bước lên vũ đài chính trị, thực hiện sứ mệnh lịch sử vẻ vang: lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Ngay từ khi ra đời, Đảng đã bắt rễ sâu trong lòng dân tộc, đồng hành cùng dân tộc.

Trong Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, được Hội nghị thành lập Đảng thông qua và Luận cương chính trị 1930, Đảng ta đã xác định con đường đi lên của cách mạng Việt Nam là đánh đổ đế quốc, phong kiến, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, lấy công nông làm lực lượng chính của cách mạng, làm cơ sở cho việc thành lập Mặt trận thống nhất phản đế, đoàn kết với giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, dùng bạo lực và phương pháp cách mạng thích hợp để giành chính quyền.

Với đường lối cách mạng đúng đắn ấy, ngay từ khi mới ra đời, dù mới có 40 chi bộ và 565 đảng viên, Đảng ta đã tuyên truyền, vận động, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đẩy lên phong trào cách mạng rộng khắp cả nước mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ Tĩnh. Cao trào cách mạng 1930 - 1931 đã khẳng định trong thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng, đội tiên phong của giai cấp công nhân nước ta đối với cách mạng Việt Nam, đồng thời thể hiện sức mạnh vĩ đại, lực lượng cách mạng to lớn của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và toàn thể dân tộc Việt Nam.

Hoảng sợ trước sự phát triển mạnh mẽ của các lực lượng cách mạng do Đảng lãnh đạo, thực dân Pháp điên cuồng khủng bố. Hàng ngàn chiến sỹ cách mạng và quần chúng ưu tú của Đảng đã anh dũng hy sinh trong các cuộc đấu tranh và trong nhà tù đế quốc. Cách mạng bị tổn thất lớn, nhưng Đảng ta vẫn kiên cường củng cố lực lượng, phát triển tổ chức và tiếp tục lãnh đạo nhân dân đẩy lên cao trào Mặt trận dân chủ Đông Dương 1936 - 1939, gần cách mạng nước ta với phong trào nhân dân thế giới đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít và chiến tranh đế quốc, chống chủ nghĩa thực dân, đòi tự do, cơm áo, hòa bình. Trong cao trào này, Đảng ta đã động viên và giáo dục chính trị sâu rộng, sử dụng thành công nhiều hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh phong phú, kết hợp chặt

chẽ hoạt động bí mật với hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp, lôi cuốn hàng triệu người thuộc các tầng lớp nhân dân từ thành thị đến nông thôn đấu tranh ở mọi nơi, phối hợp với đấu tranh trong nghị viện.

Đầu năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng. Tháng 5 - 1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám lịch sử do Người chủ trì đã đưa ra nhận định hết sức quan trọng về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp: “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”. Hội nghị đã quyết định chuyển hướng chiến lược, thành lập Mặt trận Việt Minh, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Một cao trào cứu nước được phát động, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh đánh đuổi phát-xít Nhật, thực dân Pháp. Đảng lãnh đạo xây dựng các căn cứ địa cách mạng ở nhiều vùng, xây dựng lực lượng vũ trang, tổ chức và tập dượt quần chúng nổi dậy; vừa tiến hành chiến tranh du kích, khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, vừa xây dựng lực lượng chính trị quần chúng và đấu tranh chính trị ở cả nông thôn và thành thị. Với sự lãnh đạo kiên quyết và nhạy bén, Đảng ta đã kịp thời nắm bắt thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thắng lợi điển hình của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do chính đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, lần đầu tiên thắng lợi ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá, với thắng lợi vĩ đại này, “chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi, đã lãnh đạo thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.

Ngay sau khi ra đời, Nhà nước ta đã phải đương đầu với thù trong, giặc ngoài; cùng lúc phải đấu tranh chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Đảng ta - đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh - đã lãnh đạo nhân dân kiên quyết chiến đấu bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc, đồng thời vận dụng khôn khéo sách lược phân hóa, loại bỏ từng kẻ thù, tranh thủ thời gian xây dựng lực lượng, chuẩn bị cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Hưởng ứng “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân Việt Nam đã nhất tề đứng lên đánh giặc, cứu nước, càng đánh càng mạnh, cuối cùng đi đến chiến thắng oanh liệt Điện Biên Phủ.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Hiệp nghị Giơ-ne-vơ 1954 đã mở đường đưa miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ trên đất nước ta. Nhưng ngay sau đó, cách mạng Việt Nam lại phải đương đầu với đế quốc Mỹ xâm lược. Trong tình thế cực kỳ nghiêm trọng của đất nước và bối cảnh quốc tế phức tạp, Đảng ta đã tỏ rõ bản lĩnh vững vàng, kiên định, độc lập tự chủ quyết định đường lối tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, hình thành mối quan hệ hợp đồng chiến đấu giữa tiền tuyến lớn miền Nam và hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa, gắn cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc ta với cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới, tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ quốc tế ngày càng rộng lớn, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, liên tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh của địch, giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh, hoàn thành sứ mệnh lịch sử thiêng liêng: giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ

quốc, đưa cả nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đánh giá thắng lợi này, Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng năm 1976 đã khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời của sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

Lịch sử 30 năm tiến hành hai cuộc kháng chiến oanh liệt, đánh thắng hai đế quốc hùng mạnh nhất, hoàn thành trọn vẹn sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã khẳng định: Một dân tộc có sự lãnh đạo của một chính đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, có đường lối đúng đắn, có sách lược khôn khéo, phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa yêu nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp chặt chẽ sức mạnh của truyền thống và hiện đại, sức mạnh dân tộc và thời đại, tập hợp trên thực tế mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết ủng hộ, giúp đỡ thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi thế lực đế quốc xâm lược, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đã quyết định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước. Đại hội đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của cách mạng Việt Nam, cổ vũ nhân dân ta hăng hái tiến quân vào sự nghiệp xây dựng lại đất nước, cải tạo và phát triển kinh tế, nhằm đưa nước ta tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Do hậu quả chiến tranh hết sức nặng nề, đất nước bị tàn phá, công nghiệp còn hết sức nhỏ

bé, nông nghiệp thì lạc hậu, lại bị các thế lực thù địch bao vây, cấm vận toàn diện về kinh tế, cô lập về ngoại giao, âm mưu gây bạo loạn lật đổ, do phải tập trung sức lực trong cuộc chiến đấu mới bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và do cả những sai lầm về một số chủ trương và chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, nhất là nhận thức chưa thật đúng, thật phù hợp về chủ nghĩa xã hội, chủ quan, nóng vội trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho nên nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng.

Tổng kết sâu sắc thực tiễn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, trên cơ sở đánh giá đúng đắn quyết tâm và những cố gắng lớn lao cùng với sự trăn trở, tìm tòi con đường phát triển trong thời kỳ mới vừa khẳng định những thành tựu, vừa chỉ rõ những yếu kém, khuyết điểm, Đại hội lần thứ VI năm 1986 của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu một bước ngoặt đột phá trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đem lại luồng sinh khí mới trong xã hội, làm xoay chuyển cục diện tình hình, đưa đất nước tiến lên.

Đại hội VII của Đảng đã thông qua "Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" và Đảng ta tiếp tục bổ sung, phát triển nội dung đường lối tại các Đại hội VIII và Đại hội IX.

Sự nghiệp đổi mới trong gần 20 năm qua, tuy vẫn còn những mặt yếu kém và khuyết điểm, song đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ta có sự thay đổi cơ bản và toàn diện, đã khắc phục được một bước quan trọng hậu quả của chiến tranh, ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế với nhịp độ tương đối nhanh, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, hệ

thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân do Đảng lãnh đạo được củng cố và tăng cường; sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên nhiều; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Điều rất quan trọng là sau 20 năm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm; nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn.

Ôn lại chặng đường 75 năm lịch sử vẻ vang của Đảng và của cách mạng Việt Nam, chúng ta vô cùng tự hào về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam, về sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện của đất nước ta. Với những thắng lợi giành được của cách mạng kể từ ngày có Đảng, nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng được nâng cao ở khu vực và trên thế giới... Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chúng ta tự hào về Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, trung thành vô hạn với giai cấp và dân tộc, kiên định, vững vàng trước mọi thách thức hiểm nghèo, sáng suốt lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta tiến lên. Đúng như lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng: Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: Đảng ta thật là vĩ đại.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, cũng có lúc Đảng mắc phải những sai lầm, khuyết điểm. Có những việc nhân dân đòi hỏi Đảng phải làm nhiều hơn, tốt hơn. Nhưng sự lớn lao của Đảng ta không chỉ thể hiện ở những cống hiến có tính lịch sử trong suốt 75 năm qua mà còn ở chỗ Đảng ta dám nhìn thẳng vào sự thật, trân trọng, lắng nghe sự phê bình, góp ý của nhân dân, kiên quyết sửa chữa các sai lầm, khuyết điểm để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Chúng ta tự hào về dân tộc ta, nhân dân ta anh hùng, người đã có công sinh thành và dưỡng dục Đảng ta, một lòng đi theo Đảng trong suốt những chặng đường dài của cách mạng. Trí tuệ và sức mạnh của Đảng bắt nguồn trước hết và quan trọng nhất là từ trí tuệ và sức mạnh của dân tộc ta, nhân dân ta, từ truyền thống yêu nước và văn hóa, từ những sáng kiến và sáng tạo trong chiến đấu và xây dựng, từ sự ủng hộ hết mình, sự cứu mang, đùm bọc, chở che cho cán bộ, đảng viên, nhất là trong những lúc hiểm nguy.

Càng tự hào về dân tộc và nhân dân anh hùng, về Đảng quang vinh, chúng ta càng biết ơn sâu sắc Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - người sáng lập, rèn luyện Đảng ta. Người đã để lại cho dân tộc ta, Đảng ta một sự nghiệp vẻ vang, một di sản vô giá, đó là tư tưởng Hồ Chí Minh, và một tấm gương trong sáng, mẫu mực, trọn đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Chúng ta ghi nhớ Lời điều của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đọc trước anh linh của Người: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta".

Trong ngày kỷ niệm trọng thể này, chúng ta bày tỏ những tình cảm hữu nghị và lòng biết ơn tới các Đảng Cộng sản và công nhân, giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc yêu

chuộng hòa bình và tiến bộ trên toàn thế giới đã và đang dành cho Đảng ta và nhân dân ta sự ủng hộ, giúp đỡ vô cùng quý báu.

Đất nước ta đã bước vào năm 2005 - năm kết thúc kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, năm cuối cùng thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội IX đề ra, đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp và tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Chúng ta thực hiện những nhiệm vụ lớn lao đó trong bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước tiếp tục có nhiều thuận lợi và thời cơ lớn đan xen với nhiều khó khăn và thách thức lớn.

Đường lối phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa do Đại hội IX đề ra và được các Hội nghị Trung ương cụ thể hóa là kết tinh trí tuệ, ý chí của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, tạo cơ sở rất quan trọng để tiếp tục củng cố sự thống nhất ý chí trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, sự ổn định chính trị của đất nước.

Những thành tựu trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và 20 năm đổi mới đã làm cho thế và lực của đất nước tăng lên nhiều. Những kết quả bước đầu của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đổi mới hệ thống chính trị tạo điều kiện thuận lợi mới để Đảng ta tiếp tục xây dựng Đảng, Nhà nước vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả cao hơn. Xu thế hòa bình, hợp tác cùng với sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ, sự phát triển của kinh tế tri thức, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện để nước ta rút ngắn thời gian, tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể, đất nước vẫn còn trong tình trạng kém phát triển. Sự tụt hậu về kinh tế càng gay gắt khi hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam còn thấp.

Những hiện tượng phân cực xã hội và phân hóa giàu nghèo, suy giảm về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng và sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn, đang là những nỗi bức xúc trong xã hội. Các thế lực thù địch đang tăng cường chống phá cách mạng Việt Nam bằng chiến lược “diễn biến hòa bình”, âm mưu gây bạo loạn, lật đổ cùng nhiều thủ đoạn nham hiểm. Trong khi đó, tình hình thế giới lại đang diễn biến phức tạp, nhiều thảm họa do thiên tai, dịch bệnh khó dự báo trước...

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ do Đại hội IX của Đảng đề ra, trước mắt là những nhiệm vụ năm 2005, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân cần tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, tập trung vào các mục tiêu quan trọng nhất trong chiến lược phát triển của đất nước: Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, mạnh và bền vững là nhiệm vụ trung tâm; xây dựng Đảng trong sạch và vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ then chốt; xây dựng nền văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển.

Trong phát triển kinh tế, chúng ta phải tiếp tục xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, phát huy cao độ tiềm năng của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước phải vững mạnh, kinh doanh có hiệu quả, giữ vai trò chủ đạo. Đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn liền với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển. Khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng, đồng thời tích cực xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc đời sống những gia đình có công với nước, những người có số phận rủi ro, quan tâm hơn nữa việc phát triển kinh tế - xã

hội của vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Suốt 75 năm qua, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua bao gian nan thử thách, đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, của sự nghiệp đổi mới có hiệu quả và đúng hướng. Ngày nay, để thực hiện sứ mệnh lịch sử vẻ vang lãnh đạo nhân dân ta xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, Đảng ta càng phải thường xuyên được củng cố, đổi mới, ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Là Đảng lãnh đạo đất nước, chúng ta cần luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nhiệm vụ của Đảng là một lòng, một dạ phục vụ Tổ quốc và nhân dân. Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác”. Đảng phải hết lòng chăm lo đời sống của nhân dân, liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Đảng cầm quyền, nhân dân làm chủ là quan điểm rất quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Toàn Đảng phải đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Phải tăng cường giáo dục chính trị, giữ vững truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng, nâng cao dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt đảng, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giáo dục, rèn luyện về đạo đức, lối sống, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng.

Mọi cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối, chính sách của Đảng, kiên định các quan điểm có tính nguyên tắc: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu lý tưởng của Đảng ta, dân tộc ta; chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư

tướng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, của cách mạng; Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, lãng phí, tham nhũng với thái độ kiên quyết, bằng các giải pháp đồng bộ: chính trị, tư tưởng, hành chính, kinh tế, pháp luật, cơ chế, chính sách. Cán bộ các cấp của Đảng, Nhà nước, nhất là cán bộ chủ chốt, phải là những đồng chí gương mẫu trong việc giữ gìn phẩm chất và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Tất cả các đảng bộ, chi bộ ở cơ sở đều phải nắm vững và thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, ra sức nâng cao tính chiến đấu, khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại, buông lỏng vai trò lãnh đạo hoặc bao biện làm thay; đổi mới và nâng cao thực sự chất lượng sinh hoạt. Coi trọng phát triển Đảng đối với những người ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức, lao động thuộc các thành phần kinh tế, đoàn viên thanh niên, học sinh, sinh viên; trước mắt tập trung sức làm tốt đợt phát triển đảng viên lớp Hồ Chí Minh trong năm 2005.

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, nâng cao năng lực và trình độ cầm quyền, thể hiện ở trình độ trí tuệ, năng lực tổ chức thực tiễn, năng lực dự báo tình hình và xử lý đúng đắn các tình huống xảy ra; ở sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng mà khâu mấu chốt là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở cấp trung ương và với cơ quan chính quyền ở cấp địa phương, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết, quy định, nguyên tắc giải quyết những vấn đề trọng đại nhất về quốc kế dân sinh; thể chế hóa, cụ

thể hóa đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách lớn của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch của Nhà nước.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Phát huy kết quả tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn của 20 năm đổi mới, tiếp tục nghiên cứu làm rõ thêm và giải đáp một cách có sức thuyết phục những vấn đề quan trọng do cuộc sống đặt ra trong sự nghiệp của chúng ta.

Đẩy mạnh việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đặt lên hàng đầu nhiệm vụ giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; phát triển nguồn nhân lực, phát huy nhân tố con người, bồi dưỡng và xây dựng con người Việt Nam có lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có phẩm chất tốt đẹp, có bản lĩnh chính trị, năng lực trí tuệ và nghề nghiệp, có khả năng tiếp cận nền kinh tế tri thức, có trình độ văn hóa ngày càng cao. Coi trọng việc phát hiện, bồi dưỡng, tôn vinh và sử dụng những tài năng thuộc mọi lĩnh vực. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đẩy lùi các tệ nạn, tiêu cực xã hội, xây dựng môi trường văn hóa, lối sống văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh.

Xây dựng văn hóa trong các tổ chức đảng, phấn đấu để mỗi chi bộ, đảng viên đều là tấm gương văn hóa trong xã hội.

Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân, đồng bào ở trong nước cũng như đồng bào định cư ở nước ngoài vì sự nghiệp chung. Trong nhận thức cũng như trong hành động, phải thật sự xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử do quá khứ, thành phần, giai cấp, nghề nghiệp, vị trí xã hội, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Phát huy hơn nữa nền dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn liền với việc xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức và hình thức dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và tự quản của nhân dân. Thực hiện tốt sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích của cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, thực sự coi trọng lợi ích trực tiếp của người lao động. Lấy việc xây dựng bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức thực sự của dân, do dân, vì dân làm tiền đề xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi chúng ta không ngừng tăng cường nền quốc phòng, an ninh, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, đặc biệt chú trọng xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành vững chắc, xây dựng an ninh nhân dân, tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tăng cường sức mạnh tổng hợp để bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ lợi ích quốc gia, lợi ích của nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế trên tinh thần Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trên thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển. Chúng ta ra sức giữ vững môi trường hòa bình và tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực khác; vừa phát huy cao độ nội lực vừa tranh thủ tốt nhất mọi nguồn lực bên ngoài để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong năm 2005, đất nước ta kỷ niệm nhiều sự kiện lịch sử trọng đại: 75 năm Ngày thành lập Đảng, kỷ niệm năm chẵn Ngày Giỗ tổ Hùng Vương, 30 năm Ngày giải phóng hoàn

toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, 115 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 60 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, tiến hành Đại hội đảng các cấp và chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Đại hội X sẽ là sự kiện chính trị trọng đại trong đời sống chính trị của Đảng ta và dân tộc ta. Đại hội X sẽ kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005, tiếp tục hoàn thiện và cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới toàn diện và đồng bộ, quyết tâm thực hiện bằng được mục tiêu đến năm 2010 đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, đồng bào và chiến sỹ cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, đẩy mạnh phong trào thi đua lập nên những thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế, xây dựng văn hóa, xây dựng Đảng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với niềm tự hào và niềm tin sâu sắc vào Đảng quang vinh và Bác Hồ vĩ đại, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy mạnh mẽ truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, vững bước tiến lên.

Đảng Cộng sản Việt Nam – người lãnh đạo, tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta! □

MẤY VẤN ĐỀ LỚN TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2005

*(Lược trích Báo cáo của Thủ tướng PHAN VĂN KHÁI
trình bày tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XI, ngày 25-10-2004)*

NĂM 2005 là năm cuối cùng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 với nhiệm vụ còn rất nặng nề, cũng là năm chuẩn bị kế hoạch 5 năm tiếp theo trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thuận lợi và cơ hội đan xen những khó khăn thách thức. Để tạo được bước phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ, vững chắc hơn các năm trước, Chương trình công tác năm 2005 của Chính phủ đặt trọng tâm chỉ đạo, điều hành vào mấy vấn đề dưới đây:

I - ĐẨY MẠNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CẢ VỀ TỐC ĐỘ VÀ CHẤT LƯỢNG

1 - Nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước

a) Tạo được chuyển biến rõ nét về hiệu quả đầu tư, đặc biệt là chống lãng phí và bị đục khoét đang ở mức nghiêm trọng. Biện pháp quan trọng hàng đầu là phải hạn chế tới mức thấp nhất các sai sót về chủ trương đầu tư. Đầu tư sai chẳng những gây lãng phí lớn, mà còn rất khó sửa. Vốn ngân sách dành cho đầu tư phát triển phải được các cơ quan dân cử bàn, quyết định, tập trung chủ yếu cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và thực hiện các chương trình quốc gia, nhất là các chương trình

hỗ trợ phát triển các vùng có nhiều khó khăn. Quy định cụ thể loại dự án cần được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân từng cấp xét duyệt chủ trương đầu tư.

Tích cực giải quyết nợ tồn đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản. Chấm dứt tình trạng tùy tiện triển khai công trình khi dự án chưa được duyệt như ở một số địa phương vừa qua. Từ nay, các ngành, các cấp không được ra quyết định đầu tư bằng vốn nhà nước khi chưa xác định rõ nguồn vốn thực hiện.

Đối với những công trình dựa vào huy động trái phiếu thì phải có dự án khả thi sẵn sàng trước khi quyết định phát hành trái phiếu.

Đặc biệt chú ý bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước. Tiếp tục tranh thủ và chú trọng đẩy nhanh tốc độ giải ngân nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA). Dành ưu tiên nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước cho các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng có thu hồi vốn, một số cơ sở công nghiệp then chốt về tư liệu sản xuất phát huy được lợi thế của nền kinh tế, bảo đảm hiệu quả, hạn chế cho vay ưu đãi các dự án đầu tư kinh doanh, ngăn ngừa phát sinh thêm nợ xấu (hiện đã quá cao ở các doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn này).

Chính phủ đã bổ sung quy chế đấu thầu, chuẩn bị trình Pháp lệnh Đấu thầu mua sắm tài sản công, ban hành quy chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án đầu tư bằng vốn nhà nước và sẽ cùng với các cơ quan của Quốc hội xây dựng quy chế để các cơ quan dân cử và nhân dân giám sát các công trình đầu tư của Nhà nước một cách thiết thực, hiệu quả, ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng.

b) **Đẩy mạnh thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước** nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước được thực hiện trong thời gian qua đã đem lại những kết quả tích cực; hầu hết các doanh nghiệp sau khi thực hiện cổ phần hóa, hoặc bán, cho thuê, khoán kinh doanh đều hoạt động có hiệu quả hơn trước. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện còn chậm. Chính phủ sẽ đẩy nhanh việc xóa bỏ cơ chế bao cấp và đặc quyền kinh doanh đang áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, góp phần khắc phục tâm lý của nhiều doanh nghiệp nhà nước muốn bám víu vào những ưu đãi được hưởng lâu nay, không tích cực thực hiện chủ trương và kế hoạch cổ phần hóa.

Trong thời gian tới, những lĩnh vực còn duy trì doanh nghiệp nhà nước giữ toàn bộ hoặc phần lớn vốn nhà nước sẽ được thu hẹp nhiều so với trước; diện cổ phần hóa được mở rộng, không khép kín trong doanh nghiệp, tạo điều kiện tập trung nguồn lực xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh, đủ sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới. Đặc biệt coi trọng việc đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động cả các tổng công ty hiện đang nắm giữ 70% tổng số vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước.

2 – Phát huy mạnh mẽ khả năng đầu tư phát triển của khu vực dân doanh và của nước ngoài

Mấy năm qua, đầu tư của khu vực dân doanh (cả kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, kinh

tế hợp tác và hợp tác xã) tăng nhanh hơn đầu tư của khu vực nhà nước. Đó là xu hướng lành mạnh cần phát huy trong thời gian tới. Bằng việc phát huy mạnh mẽ tiềm năng còn dồi dào của khu vực kinh tế dân doanh, chúng ta hoàn toàn có thể tăng gấp đôi số doanh nghiệp mới đăng ký hằng năm, phấn đấu đưa tổng số doanh nghiệp từ 15 vạn hiện nay lên khoảng 50 vạn vào năm 2010, trở thành một lực lượng hùng hậu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm. Muốn vậy, phải tích cực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, trước hết là tháo gỡ những vướng mắc, những rào cản về thể chế và thủ tục đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Đội ngũ doanh nhân và các doanh nghiệp được công nhận và tôn vinh vai trò xung kích trong sự nghiệp chấn hưng kinh tế cần nâng cao hơn nữa khát vọng làm giàu cho mình và cho đất nước, ý thức trách nhiệm đối với xã hội và ý chí phấn đấu vươn lên ngang tầm khu vực và thế giới, không cam chịu tụt hậu. Cộng đồng doanh nghiệp thông qua các tổ chức, các hiệp hội của mình phải chú trọng xây dựng văn hóa kinh doanh, phát triển đội ngũ doanh nhân giỏi, đấu tranh với những hoạt động trái pháp luật, trái đạo đức của doanh nghiệp.

Tận dụng các cơ hội mới để đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở các chính sách mới về mở rộng phạm vi và hình thức đầu tư của nước ngoài, xúc tiến việc xây dựng Luật Đầu tư áp dụng thống nhất cho các nhà kinh doanh trong nước và nước ngoài, theo kịp tiến trình thực hiện các cam kết quốc tế trong quá trình hội nhập.

3 – Gắn kết sản xuất nông nghiệp với thị trường

Trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta hiện nay, kinh tế hộ gia đình có vai trò chủ yếu và đang chuyển từ kinh tế tự túc, tự cấp sang kinh tế hàng hóa, gắn với thị trường trong và ngoài nước. Điều đó đòi hỏi phải có sự gắn kết giữa nông dân với các doanh nghiệp (kể cả các hợp tác xã và các cơ sở kinh doanh cá thể) làm công việc chế biến, tiêu thụ nông sản, cung ứng vật

tư và tín dụng, dịch vụ kỹ thuật... Cần phát triển mạnh các loại doanh nghiệp này dưới nhiều hình thức, đồng thời xây dựng quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân, ngư dân; từ mua bán theo thời vụ tới quan hệ ổn định theo hợp đồng gắn lợi ích với trách nhiệm (như giữa người cung cấp nguyên liệu với doanh nghiệp chế biến) và nơi có điều kiện thì áp dụng hình thức liên kết cao hơn (nông dân góp cổ phần vào hợp tác xã hoặc trở thành cổ đông của công ty sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản...). Quan tâm phát triển hợp tác xã và các hình thức kinh tế hợp tác khác nhau làm các dịch vụ sản xuất và đời sống cho nông dân, nhất là cung ứng vật tư nông nghiệp và chế biến, tiêu thụ nông sản.

Phát triển các hợp tác xã và các loại hình doanh nghiệp ngay trên địa bàn nông thôn sẽ tạo thuận lợi cho quan hệ liên kết nông dân với thị trường, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Vừa qua đã xuất hiện một số mô hình tốt, nhưng vẫn còn nhiều nông sản chưa tạo được mối quan hệ liên kết này.

Trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn nhiều hiện tượng tự phát, nông dân còn bị động, chịu thua thiệt trước những biến động bất lợi của thị trường.

Sự hướng dẫn, hỗ trợ của Nhà nước đối với nông dân không chỉ tập trung cho sản xuất, mà còn phải quan tâm hơn nữa đến sự gắn kết giữa sản xuất với thị trường. Phải phân tích thực trạng sản xuất, chế biến, tiêu thụ từng loại nông sản chính, nhất là nông sản xuất khẩu, để có chủ trương, biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với ứng dụng công nghệ mới, phát triển doanh nghiệp và tăng cường quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân. Đối với những nông sản xuất khẩu khối lượng lớn cần tạo quan hệ liên kết với các công ty nước ngoài, nhất là công ty xuyên quốc gia đang nắm giữ thị phần lớn trên thế giới để có chỗ đứng vững chắc trên thị trường quốc tế.

Các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước, các hiệp hội kinh doanh nông sản, thủy sản phải coi trọng nắm bắt thông tin, nâng cao năng lực dự báo thị trường để có biện pháp chủ động ứng phó, giúp nông dân và doanh nghiệp điều chỉnh sản xuất kịp thời, hạn chế thua thiệt trước những biến động bất lợi. Khuyến khích áp dụng các hình thức bảo hiểm đối với nông sản. Nhà nước đẩy mạnh công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ mới, giống mới cho nông dân, kiểm soát chất lượng vật tư và dịch vụ sản xuất nông nghiệp, áp dụng các biện pháp tác động đến điều tiết cung - cầu để ổn định giá và ngăn ngừa những hành vi lợi dụng bất chệt nông dân.

4 – Tạo bước phát triển mới của khu vực dịch vụ

Mấy năm qua, tuy có một số lĩnh vực dịch vụ phát triển khá nhanh, như: thương mại, vận tải, hàng không, viễn thông, du lịch..., nhưng tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ chậm hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế, do đó giảm tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế. Chiều hướng đó không phù hợp với xu thế phát triển kinh tế hiện nay và sẽ gặp thách thức lớn khi chúng ta thực hiện các cam kết mở cửa khu vực dịch vụ. Chúng ta không chỉ chú trọng thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển các ngành dịch vụ truyền thống, mà còn phải nhanh chóng mở rộng các loại hình dịch vụ mới, nhất là những loại dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, chuyển từng bước các hoạt động sự nghiệp công ích sang cơ chế hoạt động dịch vụ... phấn đấu nâng tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ không thấp hơn tốc độ tăng GDP trong năm 2005 và sẽ cao hơn trong những năm sau.

5 – Nâng tầm hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu

Thành công tốt đẹp của Hội nghị Cấp cao Á - Âu (ASEM 5) được tiến hành trong tháng 10 năm 2004 ở nước ta, vừa đóng góp tích cực vào sự phát triển quan hệ hợp tác giữa hai châu lục, vừa mở ra tầm nhìn mới của đông đảo bạn

bề quốc tế về đất nước, con người và triển vọng phát triển của Việt Nam, nâng cao vị thế và cơ hội hợp tác trên nhiều mặt giữa nước ta với các thành viên cộng đồng Á - Âu và các nước khác. Trong thời gian hội nghị, bên cạnh những thành công về hợp tác đa phương, chúng ta đã tranh thủ ký được 45 hiệp định và thỏa thuận hợp tác song phương và hoàn thành tốt bước đàm phán với Liên minh châu Âu (EU) về việc nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Trong lịch trình đàm phán gia nhập WTO, chúng ta đã đi được một số bước quan trọng, có thêm thuận lợi để xúc tiến khẩn trương hơn các bước còn lại, không để lỡ cơ hội được kết nạp vào thời điểm thích hợp. Phía trước, chúng ta còn nhiều công việc quan trọng và phức tạp phải làm; cấp bách nhất là thực hiện chương trình điều chỉnh, bổ sung hệ thống thể chế phù hợp với luật lệ chung của WTO; đồng thời tích cực, chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và của nền kinh tế.

Chúng ta chuẩn bị thực hiện đầy đủ những cam kết với Khối mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) vào đầu năm 2006; đồng thời tích cực tham gia tiến trình liên kết của ASEAN với một số nước, tăng cường quan hệ song phương với những đối tác chiến lược; tận dụng mọi cơ hội để đẩy mạnh quan hệ thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài.

Năm 2005 phải tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu, không những chú trọng những mặt hàng xuất khẩu lớn, kim ngạch cao, mà phải nỗ lực phát triển những mặt hàng và cả những sản phẩm dịch vụ có kim ngạch chưa lớn, nhưng có tốc độ tăng trưởng nhanh, có tiềm năng về sản xuất và thị trường; hỗ trợ thiết thực cho các ngành hàng xuất khẩu đang gặp khó khăn. Đối với những mặt hàng còn phải xuất khẩu, nhập khẩu theo hạn ngạch, cần chấn chỉnh việc phân bổ, bảo đảm công khai, minh bạch. Ngoài ra, đi đôi với đẩy mạnh xuất khẩu cần có biện pháp cải thiện cơ cấu nhập khẩu phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế để giảm dần tỷ lệ nhập siêu.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tận dụng mọi cơ hội mở rộng thị trường nước ngoài; đặc biệt chú ý thâm nhập các thị trường quan trọng như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc, các nước thành viên ASEAN.

Các cơ quan hành chính có quan hệ tới hoạt động xuất khẩu phải thực hiện tốt luật pháp, chính sách với tinh thần hỗ trợ và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, giảm thủ tục phiền hà, bảo đảm tính công khai, minh bạch về thể chế, tăng cường đối thoại với doanh nghiệp và thực hiện các biện pháp mạnh mẽ để ngăn chặn tệ tham nhũng, sách nhiễu doanh nghiệp.

II - TĂNG CƯỜNG ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

Trong năm 2004, chúng ta đã áp dụng nhiều biện pháp để giảm tốc độ tăng giá trong những tháng cuối năm, nhưng chỉ số giá tiêu dùng cả năm vẫn ở mức tăng 9,5%. Năm 2005 phải tiếp tục thực hiện những biện pháp về tài chính - tiền tệ và cân đối cung - cầu đã đề ra để kiểm soát và bình ổn giá cả theo tinh thần đối mặt và làm quen với sự biến động giá cả trên thị trường thế giới để chủ động ứng phó, hạn chế tác động bất lợi, không thể duy ý chí, trở lại cách quản lý giá theo cơ chế bao cấp. Tinh thần này cần được thấu suốt trong các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân để cùng Chính phủ thực hiện tốt các biện pháp kiềm chế tốc độ tăng giá, chấp nhận cùng chia sẻ với Nhà nước những thua thiệt khó tránh khỏi do sự biến động giá cả trên thị trường thế giới.

Trong việc bình ổn thị trường những mặt hàng thiết yếu, bên cạnh những biện pháp tác động đến quan hệ cung - cầu thông qua sản xuất và xuất - nhập khẩu, cần quan tâm đến hệ thống phân phối, lưu thông, ngăn chặn những hiện tượng lũng đoạn giá cả, gây rối thị trường. Nâng dự trữ ngoại tệ và bổ sung dự trữ về một số mặt hàng thiết yếu để tăng khả năng ứng phó khi có biến động lớn về giá cả.

Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp hành chính về tiết kiệm xăng dầu và

xây dựng một chương trình ở tầm chiến lược về tiết kiệm năng lượng cả trong sản xuất và tiêu dùng.

Vấn đề tiết kiệm chi tiêu ngân sách lúc này càng trở nên bức xúc. Đi đôi với việc nâng cao hiệu quả chi đầu tư phát triển, năm 2005 cần tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên; ngăn chặn lãng phí và chi vượt quy định trong việc mua sắm tài sản, xây trụ sở, tiếp tân, hội nghị, đi nước ngoài, đi công tác địa phương tốn kém nhiều mà hiệu quả ít...; chấn chỉnh quản lý tài sản công, đặc biệt là đất đai; công khai hóa tài chính, tài sản công của cơ quan, doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường kiểm toán, thanh tra, biểu dương những đơn vị thực hành tiết kiệm tốt, xử lý những trường hợp vi phạm luật pháp về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

Trong các biện pháp bình ổn giá, ổn định kinh tế vĩ mô, phải chú trọng nâng cao hiệu quả điều hành chính sách tài chính - tiền tệ và làm lành mạnh hệ thống tín dụng. Thực hành chính sách tiền tệ, tăng giá, lãi suất linh hoạt, thích nghi với sự biến động của thị trường, kiểm soát chặt chẽ khối lượng tiền lưu thông và mức tăng tín dụng đầu tư. Làm lành mạnh tình hình tài chính của hệ thống ngân hàng, tích cực xử lý nợ tồn đọng đi đôi với xóa bỏ bao cấp, bù lỗ, giãn nợ, khoan nợ qua tín dụng, bảo đảm cho các ngân hàng thật sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh.

III - CHUYỂN LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP CÔNG ÍCH SANG CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Hiện nay, trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa, thể dục - thể thao, các đơn vị công lập đang chiếm tỷ trọng cao, phần lớn hoạt động theo cơ chế sự nghiệp công ích, với nguồn kinh phí dựa chủ yếu vào ngân sách nhà nước. Việc duy trì cơ chế này dần tới tình trạng vừa bất cập, vừa không hợp lý trong hoạt động dịch vụ và là một nguyên

nhân khiến cho lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển chậm hơn lĩnh vực kinh tế.

Chế độ xã hội của chúng ta luôn luôn coi trọng yêu cầu nâng cao các phúc lợi cơ bản của nhân dân. Song, việc thực hiện yêu cầu đó không thể chỉ dựa vào ngân sách nhà nước, duy trì bao cấp tràn lan, mà phải chuyển sang hoạt động theo cơ chế dịch vụ phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó Nhà nước mới có điều kiện để tập trung cho các mục tiêu ưu tiên trong những lĩnh vực dịch vụ phát huy nhân tố con người. Các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực này phải hạch toán chi phí đầy đủ, tự bù đắp chi phí theo cơ chế phi lợi nhuận, có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động dịch vụ, nhất là về tài chính và nhân sự, tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh lành mạnh. Có như vậy mới tạo ra được động lực thường xuyên quan tâm giảm giá thành đi đôi với bảo đảm chất lượng dịch vụ. Có loại dịch vụ Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ và thanh toán theo khối lượng hoặc kết quả thực hiện công việc. Có loại dịch vụ Nhà nước chỉ bù đắp một phần chi phí. Người sử dụng được lựa chọn cơ sở dịch vụ theo nhu cầu của mình, trả phí dịch vụ được công bố minh bạch, chấm dứt các khoản chi "ngầm". Xây dựng chế độ lương thỏa đáng đối với người làm dịch vụ để có động lực chăm lo làm tốt nhiệm vụ, nêu cao đạo đức nghề nghiệp, không làm việc tắc trách và chấm dứt mọi hành vi sách nhiễu.

Nhà nước sẽ bổ sung chính sách và biện pháp để trợ giúp người nghèo được cung ứng dịch vụ công, trước hết là trong học tập, khám và chữa bệnh. Đi đôi với việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách trợ giúp của Nhà nước, cần phát triển các hình thức hoạt động từ thiện. Xây dựng khung pháp lý đi đôi với chính sách khuyến khích thành lập các quỹ từ thiện, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động; phát huy vai trò vận động và làm nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Để từng bước xây dựng chế độ bảo hiểm y tế toàn dân, một mặt, cần mở rộng phạm vi bảo hiểm y tế bắt buộc, điều chỉnh mức thu và đổi mới phương thức thanh toán nhằm bảo đảm công bằng, hợp lý và xóa bỏ tình trạng phân biệt đối xử trong khám, chữa bệnh. Mặt khác, xây dựng khung pháp lý cho các hình thức bảo hiểm y tế tự nguyện, bảo hiểm y tế cộng đồng, tạo môi trường cạnh tranh giữa các quỹ bảo hiểm; bảo đảm cho mọi người dân đều được tiếp cận với các dịch vụ y tế cơ bản, thông qua một hình thức bảo hiểm y tế phù hợp; người có thu nhập khá hơn có thể cùng một lúc tham gia nhiều hình thức bảo hiểm y tế khác nhau.

Việc bổ sung chính sách và biện pháp trợ giúp cho người nghèo được tiến hành trước một bước sẽ góp phần tạo đồng thuận xã hội cho việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công ích sang cơ chế dịch vụ.

Nhà nước tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng theo pháp luật để thúc đẩy các cơ sở dịch vụ công lập và ngoài công lập phát triển và nâng cao chất lượng, có những cơ sở đạt trình độ tiên tiến ở khu vực và thế giới; xử lý nghiêm minh các đơn vị, cá nhân vi phạm pháp luật, do chạy theo lợi nhuận mà đi chệch các mục tiêu xã hội, trái đạo đức nghề nghiệp.

IV - CẢI THIẾN QUAN HỆ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VỚI NHÂN DÂN

1 - Loại bỏ phiền hà về thủ tục hành chính khi giải quyết công việc của dân và của doanh nghiệp

Các quy định về thể chế và thủ tục hành chính phải xuất phát từ thực tế, đáp ứng nhu cầu và lợi ích của nhân dân, khắc phục cách nghĩ, cách làm chỉ quan tâm bảo đảm tiện lợi cho việc quản lý của cơ quan nhà nước; tôn trọng quyền tự quyết, tự kiểm tra và tự chịu trách nhiệm của nhân dân trước pháp luật về các hành vi của mình, đề cao tinh thần tự giác của nhân dân trong thực hiện pháp luật. Việc lấy ý

kiến của dân và doanh nghiệp trước khi ban hành văn bản pháp quy cần được quy định cụ thể và thực hiện nghiêm túc, không làm một cách hình thức.

Theo tinh thần đó, khẩn trương thực hiện chương trình rà soát và điều chỉnh các quy định hiện hành, loại bỏ các thủ tục không cần thiết; những thủ tục còn phải giữ thì cố gắng đơn giản hóa để cho dân và doanh nghiệp dễ thực hiện. Hệ thống hóa những quy định về các thủ tục giấy tờ cần thiết đối với từng loại công việc, công bố công khai, minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng và nơi công sở. Nghiêm cấm các cơ quan, đơn vị tùy tiện đề ra các thủ tục hành chính ngoài những quy định đã được công bố.

Đặc biệt coi trọng nâng cao hiệu lực thực thi thể chế. Hoàn thiện mô hình "một cửa", bảo đảm giải quyết thông suốt các yêu cầu của dân. Mở rộng việc phân cấp cho chính quyền cấp huyện, cấp xã giải quyết những thủ tục liên quan trực tiếp đến công việc hằng ngày của dân. Mỗi cơ quan đều phải có quy trình giải quyết các loại công việc; đối với từng công đoạn phải quy định rõ thời hạn trả lời dân; khâu nào ách tắc, chậm trễ phải quy định trách nhiệm cá nhân; thường xuyên kiểm tra, khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm túc. Công khai số điện thoại của người đứng đầu cơ quan tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các công việc để dân liên hệ khi cần thiết.

2 - Chấn chỉnh bộ máy, ngăn chặn và đẩy lùi quan liêu, tham nhũng

Một là, các cơ quan hành chính phải xây dựng văn hóa lãnh đạo và quản lý, văn hóa nơi công sở thể hiện trước hết ở trách nhiệm và thái độ ứng xử khi giải quyết công việc của dân. Thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan và trong quan hệ với dân, kết hợp với những thông tin qua báo chí và dư luận quần chúng để tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Hết sức coi trọng trau dồi đạo đức, phẩm chất, ý thức trách nhiệm

của công chức. Gắn việc bình xét công chức hằng năm với việc sắp xếp ngạch, bậc theo hệ thống thang lương mới; khen thưởng và xử phạt công minh. Coi việc đề cao trách nhiệm và vai trò gương mẫu của người đứng đầu cơ quan là yếu tố quyết định để xây dựng cơ quan hành chính trong sạch, vững mạnh. Ban hành quy định về chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan để xảy ra những vụ việc tiêu cực nghiêm trọng.

Chú ý xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc của chính quyền cấp cơ sở, trước hết là chế độ giải quyết công việc của dân. Kết hợp chấn chỉnh hoạt động của bộ máy chính quyền với việc thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Tình trạng hầu hết các vụ tham nhũng xảy ra vừa qua đều không do cơ quan tự phát hiện và đấu tranh, mặc dù có đủ các tổ chức chính quyền, Đảng, đoàn thể chứng tỏ dân chủ nội bộ bị kìm hãm, cần phân tích rõ nguyên nhân để có biện pháp khắc phục hữu hiệu.

Hai là, bảo đảm tính công khai, minh bạch và tăng cường sự giám sát, kiểm tra các hoạt động của cơ quan hành chính, trước hết là trong quan hệ với dân. Thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai, minh bạch với dân, trước hết là các thủ tục hành chính và quy chế giải quyết từng loại công việc của dân. Đồng thời, khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi người dân phát huy tinh thần làm chủ theo pháp luật, phát hiện và đấu tranh với những hiện tượng vi phạm, những nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ công vụ của cán bộ, công chức. Đi đôi với việc thường xuyên tự kiểm tra nội bộ, cơ quan hành chính cấp trên có trách nhiệm kiểm tra và xử lý nghiêm những người có trách nhiệm ở cơ quan, đơn vị cấp dưới để xảy ra sự chậm trễ, phiền hà, những nhiễu khi giải quyết công việc với dân. Các cơ quan dân cử, các đoàn thể nhân dân, các hội nghề nghiệp tăng cường kiểm tra, giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ đối với các cơ quan hành chính. Các

phương tiện thông tin đại chúng chú trọng nêu gương "người tốt, việc tốt" trong đội ngũ cán bộ, công chức và kịp thời đưa ra công luận những vụ việc vi phạm pháp luật, tham nhũng, gây phiền hà cho dân và doanh nghiệp. Những sự việc dân đã phát hiện, các phương tiện thông tin đại chúng đã nêu, thuộc trách nhiệm của cơ quan nào, thì cơ quan đó phải kiểm điểm, xác minh và thông tin phản hồi với dân, với báo chí, không được im lặng trước công luận. Cơ quan hành chính cấp trên phải theo dõi việc trả lời công luận của cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của mình. Trường hợp báo chí đưa tin không đúng cũng phải trả lời rõ ràng. Xử lý theo Luật Báo chí, kết hợp với đấu tranh thẳng thắn của công luận, trước hết từ giới báo chí và Hội Nhà báo đối với những trường hợp đưa tin sai do dụng ý xấu.

Ba là, tích cực giải quyết khiếu nại, tố cáo của dân.

Năm 2005 phải giải quyết về cơ bản các vụ khiếu kiện còn tồn đọng. Các cơ quan có trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết khiếu kiện phải nắm sát tình hình và kịp thời giải quyết ngay từ cơ sở những vụ việc khiếu tố đông người, làm rõ nguyên nhân, đặc biệt là những sai sót trong công tác quản lý nhà nước để chấn chỉnh và xử lý những cán bộ, công chức có quyết định hoặc hành vi trái pháp luật khiến dân phải khiếu kiện.

Chính phủ giao cho Tổng thanh tra Chính phủ xây dựng đề án thành lập cơ quan tài phán hành chính thuộc hệ thống hành pháp để tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của dân đối với quyết định của cơ quan hành chính, bảo đảm cho dân được tranh tụng bình đẳng, công khai; đồng thời đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung các quy định về nội dung, thẩm quyền xét xử và hệ thống tổ chức, quản lý của Tòa án hành chính, đáp ứng yêu cầu xử lý những vụ khiếu kiện mà kết luận của cơ quan tài phán hành chính chưa đạt được sự đồng thuận. □

ĐỂ ĐẢNG TIẾP TỤC XỨNG ĐẢNG LÀ ĐỘI TIÊN PHONG CÁCH MẠNG

ĐẢNG ĐÌNH PHÚ *

NHIỀU thập niên qua, các học giả tư sản, các phần tử cơ hội, xét lại ra sức xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Điểm bắt đầu và trọng tâm của sự xuyên tạc, phủ nhận đó là sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân và nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng - nguyên tắc tập trung dân chủ.

Ở nước ta, bên cạnh một số kẻ công khai tuyên truyền xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, có một số người đã dao động, hoài nghi, phụ họa với những quan điểm, hành động sai trái đó. Họ lập luận rằng, trong thời đại ngày nay, khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, giai cấp công nhân không còn những đặc điểm như giai cấp công nhân thời kỳ C.Mác, Ph.Ăng-ghe-n còn sống, không còn tính triệt để cách mạng và không còn là lực lượng tiêu biểu giữ vai trò lãnh đạo xã hội nữa(!).

Chúng ta biết rằng giai cấp công nhân ra đời và phát triển gắn liền với lực lượng sản xuất tiên tiến nhất là nền đại công nghiệp - nhân tố quan trọng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sau khi giành được chính quyền, giai cấp công nhân - đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, là người duy nhất có khả năng lãnh đạo xã hội, xây dựng cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất mới.

Điều kiện kinh tế - xã hội khách quan không chỉ khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp triệt để cách mạng nhất mà còn tạo ra cho họ khả năng làm được sự nghiệp vẻ vang đó. Nhưng điều kiện kinh tế - xã hội khách quan không tự phát đem lại cho giai cấp công nhân ý thức đầy đủ về sứ mệnh lịch sử của mình. Để vươn tới trình độ giác ngộ về giai cấp, giai cấp công nhân phải được trang bị lý luận cách mạng và khoa học, phải tự tổ chức ra chính đảng.

Chính đảng của giai cấp công nhân ra đời là một đòi hỏi tất yếu khách quan của cuộc đấu tranh giai cấp. Mục tiêu đấu tranh của Đảng Cộng sản là giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động thoát khỏi ách áp bức, bóc lột, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, đưa dân tộc đến chế độ tự do, ấm no và hạnh phúc. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng không ngoài quy luật đó.

Đảng Cộng sản là sự kết hợp phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội khoa học. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp lại được thực hiện bằng những con đường đặc biệt tùy theo điều kiện lịch sử - cụ thể. Ở nước ta, phù hợp với thực tế lịch sử chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được kết hợp với phong trào công nhân và

* TS, Phó Viện trưởng Viện Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

phong trào yêu nước để dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam viết: "Đảng là đội tiên phong" là để luôn khẳng định rằng Đảng là một bộ phận của giai cấp, do đó gắn bó hữu cơ với giai cấp và thông qua đó gắn bó mật thiết với nhân dân lao động, gắn bó với dân tộc.

Một trong những nguyên tắc cơ bản của Đảng ta là: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; Đảng phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Điều đó thể hiện Đảng ta tự nguyện là đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Quan điểm của Đảng ta hoàn toàn phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin: Đảng là của giai cấp công nhân, luôn luôn đứng trên lập trường của giai cấp công nhân để xem xét, giải quyết các vấn đề và mọi chủ trương, chiến lược, sách lược của Đảng phải xuất phát từ lợi ích của giai cấp công nhân, nhưng Đảng không chỉ đại biểu cho quyền lợi của giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho quyền lợi nhân dân lao động. Bởi giai cấp công nhân chỉ có thể tự giải phóng mình nếu đồng thời giải phóng cho các tầng lớp nhân dân lao động khác trong xã hội thoát khỏi ách áp bức, bóc lột.

Đảng - đội tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân - phải được vũ trang bằng lý luận tiên tiến, có trình độ giác ngộ cao. Lý luận tiên tiến đó không gì khác chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà Đảng ta đã chọn. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Chủ nghĩa Lê-nin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái "cầm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới

thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"⁽¹⁾.

Là đội tiên phong của giai cấp công nhân, điều đó có nghĩa là Đảng chỉ là một bộ phận của giai cấp chứ không phải toàn bộ giai cấp. Theo V.I. Lê-nin, Đảng là đội tiên phong chính trị và là đội ngũ có tổ chức chặt chẽ, có giác ngộ nhất của giai cấp, là người đưa yếu tố tự giác vào phong trào công nhân, là người định hướng chính trị và là người giáo dục, động viên, tổ chức cho quần chúng hành động cách mạng. Do đó, theo Người: "Không được lẫn lộn đảng tức là đội tiên phong của giai cấp công nhân, với toàn bộ giai cấp".

Trải qua 75 năm hoạt động và trưởng thành của Đảng ta cho thấy tính tiên phong, tư cách đại biểu lợi ích dân tộc nêu trong Điều lệ là đúng đắn và khoa học, thể hiện ngay ở đặc trưng của Đảng, ở lý tưởng hành động của mỗi đảng viên là vào Đảng để phục vụ Đảng, phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân và dân tộc. Đảng là lãnh tụ chính trị, đề ra đường lối và lãnh đạo, tổ chức thực hiện, biến đường lối thành hiện thực. Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi cách mạng Việt Nam. Ở nước ta, muốn thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể thiếu sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bao gồm những người cùng chung mục tiêu, lý tưởng. Lý tưởng của người cộng sản là xóa bỏ áp bức bóc lột, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Đảng là đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân, Đảng có hệ tư tưởng khoa học là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng hành động theo nguyên tắc tổ chức khoa học là tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình. Đảng liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Chính các

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 128

nguyên tắc tổ chức này làm cho Đảng thống nhất ý chí, thống nhất hành động. Đảng có lực lượng vật chất cách mạng và khoa học, có hệ thống tổ chức chặt chẽ và đội ngũ cán bộ, đảng viên ăn sâu, bám chắc trong quần chúng. Đội ngũ này tiên phong về lý luận và tiên phong trong hành động, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Từ ngày thành lập tới nay, Đảng ta luôn được nhân dân và dân tộc thừa nhận là người lãnh đạo, là người đại diện lợi ích của mình. Bởi Đảng mang bản chất của giai cấp công nhân, song xét về mặt lợi ích và với tư cách là lực lượng lãnh đạo cách mạng thì Đảng là của nhân dân lao động và của cả dân tộc chứ không riêng giai cấp công nhân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lợi ích giai cấp thống nhất với lợi ích dân tộc. Hơn nữa, trong điều kiện ta đã được các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động bằng kinh nghiệm lâu dài của bản thân coi là Đảng của mình, thì càng rõ ràng Đảng là đại biểu trung thành cho lợi ích của toàn dân tộc.

Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta đã phát huy tốt bản chất giai cấp công nhân. Đảng đã lãnh đạo giai cấp công nhân và toàn dân tộc hoàn thành xuất sắc cuộc cách mạng đó và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng có nhiều cố gắng tìm tòi xây dựng đường lối, xác định đúng mục tiêu, phương hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện có hiệu quả những mục tiêu, phương hướng đó; bảo đảm ổn định chính trị; kinh tế phát triển nhanh, quan hệ đối ngoại mở rộng, tạo thế đi lên và khẳng định con đường Đảng ta đã vạch ra là hoàn toàn đúng đắn.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, trước yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong Đảng đang bộc lộ những yếu kém, bất cập mà Đại hội IX của Đảng đã chỉ ra:

Công tác giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa tốt, do đó chưa ngăn chặn, đẩy lùi được sự suy thoái chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên; một số tổ chức đảng chưa được chỉnh đốn, dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, nội bộ không đoàn kết, chất lượng sinh hoạt đảng giảm sút; công tác tổ chức cán bộ còn nhiều yếu kém; việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn lúng túng; việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước còn yếu.

Chính những yếu kém trên làm cho bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta có lúc, có nơi bị giảm sút. Hiện nay, Đảng lãnh đạo đất nước phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu đối với Đảng ta.

Để giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, Đảng ta xác định:

1 - Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ tình huống khó khăn nào cũng không dao động, xa rời mục tiêu đó. Đây là lý tưởng của giai cấp công nhân, là mục tiêu, con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. 75 năm qua, Đảng ta luôn kiên định mục tiêu, lý tưởng đó. Ngày nay, đất nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới trong điều kiện tình hình thế giới hết sức phức tạp. Những mặt trái của kinh tế thị trường đang tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội và các thế lực thù địch triệt để lợi dụng những mặt trái đó để chống phá ta. Vai trò lãnh đạo và việc giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng đang đứng trước những thử thách mới. Bởi vậy, việc kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội càng có vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng, nhằm bảo đảm sự thành công của cách mạng.

2 - Kiên định, vận dụng sáng tạo, đồng thời góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bởi đây là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân Việt Nam, là nguồn gốc

thắng lợi của cách mạng nước ta. Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: *"Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh"* ⁽²⁾. Để thực hiện điều đó cần làm tốt 4 điểm:

Thứ nhất, các cấp ủy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ lý luận phải phấn đấu nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, trên cơ sở nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, biết vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, đơn vị, cơ sở. Sự hiểu biết và khả năng kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn có ý nghĩa quyết định. Chỉ có như vậy, mới khắc phục được tình trạng lý luận tụt hậu, thực tiễn lại thiếu sự chỉ dẫn, soi đường của lý luận.

Thứ ba, từ thực tiễn cách mạng cần tổng kết, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giải đáp những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ nhân loại, bổ sung, phát triển lý luận và đề ra những đường lối, chính sách đúng đắn.

Thứ tư, kiên quyết đấu tranh để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Một mặt chủ động chống mọi thủ đoạn, luận điệu xuyên tạc, phủ nhận, hạ thấp chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh của các thế lực thù địch; mặt khác đấu tranh với tư tưởng và việc làm bảo thủ, giáo điều khi vận dụng lý luận vào thực tiễn.

3 - Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đây là những nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của Đảng Cộng sản, đồng thời cũng là tiêu chí xác định bản chất giai cấp công nhân của Đảng. Phủ nhận những nguyên tắc này là phủ nhận Đảng từ bản chất. Xóa bỏ những nguyên tắc

này là phá hoại tận gốc sức mạnh của Đảng. Kinh nghiệm lịch sử các Đảng Cộng sản cho thấy, hễ xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng sẽ mất sức chiến đấu, mở đường cho chủ nghĩa cơ hội, bè phái, vô chính phủ trong Đảng tồn tại, phát triển, cuối cùng làm tan rã Đảng. Trong tình hình hiện nay, quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ cần chú ý hai vấn đề quan trọng là nhận thức đúng và thực hiện tốt, kiên quyết đấu tranh chống những tư tưởng phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Đảng ta tuy nhiều nhưng khi hành động thì phải như một người. Nếu không tập trung ý chí và hành động sẽ không thể tạo được sức mạnh cho cách mạng.

Cần có quy trình dân chủ bàn bạc, thảo luận, tập hợp trí tuệ tập thể để có quyết định đúng đắn. Cần có những quy định cụ thể về điều kiện thực hiện nguyên tắc để ngăn ngừa những phần tử lợi dụng nguyên tắc thực hiện ý đồ cá nhân chống phá Đảng. Nguyên tắc tập trung dân chủ chỉ có thể thực hiện tốt đối với những tổ chức đảng cơ bản tốt, đa số tốt. Ở những nơi mất đoàn kết nghiêm trọng, đa số thành viên trong cấp ủy yếu kém, lệch lạc, có sai lầm, khuyết điểm, đảng viên ý thức giác ngộ kém thì nguyên tắc tập trung dân chủ sẽ bị vô hiệu hóa. "Đối với những cấp ủy, tổ chức đảng vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cán bộ lãnh đạo độc đoán, chuyên quyền, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ, cấp ủy cấp trên phải chỉ đạo kiểm điểm làm rõ đúng sai, xử lý nghiêm những người có khuyết điểm, kiện toàn tổ chức cán bộ; nơi không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định của Điều lệ Đảng" ⁽³⁾.

4 - Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 83

(3) Văn kiện đã dẫn, tr 144

công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng biểu hiện thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng không chỉ đơn thuần ở tỷ lệ đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân mà quan trọng và quyết định ở những tiêu chí: Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân; lợi ích của Đảng không có gì khác ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam; toàn bộ sự hoạt động của Đảng là vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; Đảng vừa là đũa con nôi vừa là người lãnh đạo và là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân... Theo đó, việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên phải theo quan điểm của giai cấp công nhân.

5 - Củng cố mối liên hệ mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Chăm lo đời sống, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Sức mạnh của Đảng chính là từ nhân dân. Nhờ có cơ sở xã hội trong nhân dân mà Đảng đã được nuôi dưỡng, bảo vệ và trưởng thành như ngày nay. Liên hệ mật thiết với nhân dân là vấn đề sống còn của Đảng. Giai cấp công nhân muốn thực hiện được lý tưởng của mình, muốn giành và bảo vệ được lợi ích của mình trước hết phải giải phóng nhân dân lao động, mang lại lợi ích cho nhân dân lao động. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng phải thể hiện được vấn đề đó trong toàn bộ hoạt động của mình.

6 - Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Gắn bó với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phấn đấu hết mình để làm tốt nghĩa vụ quốc tế cao cả, đó là truyền thống quý báu thể hiện bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta. Trong tình hình mới, Đảng ta chủ trương mở rộng quan hệ, hợp tác với tất cả các nước, nhưng luôn luôn chú trọng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, kết

hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đảng ta khẳng định: Củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, các phong trào giải phóng và độc lập dân tộc, với các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

7 - Tiếp tục xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Đại hội IX của Đảng. Trước mắt, cần không ngừng làm tốt những nội dung sau:

a - *Giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân.* Toàn Đảng nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi cấp ủy, mỗi chi bộ có kế hoạch định kỳ kiểm điểm việc thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, chống tham nhũng. Tiếp tục đưa việc tự phê bình và phê bình trong các cấp ủy và tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở thành nền nếp thường xuyên và theo định kỳ, vận động nhân dân góp ý phê bình cán bộ, đảng viên.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, thảo luận dân chủ, sớm làm rõ và kết luận những vấn đề mới, bức xúc nảy sinh từ thực tiễn, từng bước cụ thể hóa, bổ sung phát triển đường lối, chính sách của Đảng; đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái.

b - *Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ.* Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân. Đánh giá và sử dụng đúng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và

(Xem tiếp trang 38)

TRIỆU TÂM LÒNG DÂN VỚI ĐẢNG

**(Từ cuộc thi tìm hiểu “75 năm lịch sử vẻ vang
của Đảng Cộng sản Việt Nam”)**

ĐÀO DUY QUÁT *

N NGÀY 9-2-2004, Bộ Chính trị đã có Nghị quyết số 35-NQ/TW “Về tổ chức các ngày lễ lớn trong hai năm 2004 – 2005”. Hướng tới mục tiêu góp phần tuyên truyền sâu rộng cho những ngày lễ lớn Website Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm đề xuất kế hoạch tổ chức cuộc thi mới về chủ đề Đảng Cộng sản Việt Nam. Được sự đồng ý của lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Chỉ đạo Website Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Biên tập Website Đảng Cộng sản Việt Nam đã phối hợp với Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức trên quy mô toàn quốc cuộc thi tìm hiểu **“75 năm lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam”**.

Ngày 14-9-2004, tại Hà Nội, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Website Đảng Cộng sản Việt Nam và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã chính thức phát động cuộc thi. Trong lời phát biểu tại Lễ phát động, đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, coi đây là một hình thức tuyên truyền và giáo dục chính trị - tư tưởng có hiệu quả tốt, là một dịp thuận lợi để đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân

dân nâng cao thêm nhận thức và tình cảm đối với Đảng ta, cũng như đó Đảng lắng nghe, nắm được tâm tư nguyện vọng và những ý kiến tâm huyết đóng góp xây dựng Đảng từ đông đảo quần chúng nhân dân. Công văn liên tịch số 03 - KHLT/TTVH - TWĐ ngày 09-9-2004, của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Website Đảng Cộng sản Việt Nam và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, được phát trên mạng của Website Đảng Cộng sản Việt Nam ngay sau đó, cũng đã nêu rõ: Cuộc thi được tổ chức nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục thanh niên và các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức về lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam, nâng cao nhận thức đối với Cương lĩnh, đường lối đổi mới của Đảng, qua đó nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, trách nhiệm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, tích cực tham gia xây dựng Đảng; cổ vũ, động viên tuổi trẻ Việt Nam tiếp tục rèn luyện, cống hiến nhiều hơn nữa cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

* PGS, TS, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Tổng Biên tập Website Đảng Cộng sản Việt Nam, Trưởng Ban Tổ chức cuộc thi cấp trung ương

Về mặt tổ chức, cuộc thi được tiến hành trong toàn quốc theo hai cấp chính là: trung ương và tỉnh, bộ, ngành. Ở mỗi cấp lại có các vòng chấm thi sơ khảo và chung khảo. Phương thức này đã góp phần bảo đảm nâng cao chất lượng cuộc thi một cách rõ rệt. Nội dung chính của cuộc thi tập trung ở 10 câu hỏi. Trong đó, 8 câu hỏi đầu đề cập tới những sự kiện có ý nghĩa trọng đại, các lãnh tụ và đường lối, chủ trương quan trọng nổi bật qua 75 năm lịch sử vẻ vang của Đảng. Hai câu hỏi sau tạo điều kiện cho người dự thi bày tỏ tâm tư tình cảm và suy nghĩ của mình về Đảng, cũng như về những tấm gương sáng đảng viên; trình bày, đề xuất các kiến nghị, giải pháp tâm huyết để đóng góp xây dựng Đảng thực sự trong sạch vững mạnh. Hai câu hỏi này là thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phan Diễn.

Sau hai tháng kể từ ngày chính thức phát động đến thời điểm cuối cùng nhận bài, Ban tổ chức đã nhận được hơn 11 triệu bài dự thi. Cuộc thi đã thực sự trở thành một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trên quy mô toàn quốc, có ý nghĩa quan trọng nhiều mặt, góp phần nâng cao nhận thức và tình cảm của nhân dân ta, trước hết là cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên đối với Đảng quang vinh, thiết thực động viên, thu hút quần chúng hướng tới kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Đảng. Cũng qua cuộc thi, những cơ quan chuyên trách về công tác tư tưởng - văn hóa và các cơ quan tham mưu khác của Đảng ở các cấp, có dịp nắm bắt cụ thể, rõ ràng hơn tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội, tâm tư và nguyện vọng của nhân dân với Đảng, với sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo; đồng thời, Website Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện tốt hơn chức năng của tờ báo điện tử - cơ quan ngôn luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Cuộc thi còn đạt được những kết quả cụ thể, quan trọng sau:

- Tất cả 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc đều tổ chức phát động và tiến hành cuộc thi; có địa phương số người dự thi đạt tỷ lệ từ 30 đến 40% tổng số dân.

- Hầu hết các bộ, ngành, đảng ủy khối, tổng công ty đều tổ chức phát động và tiến hành cuộc thi.

- Cả nước đã có hơn 11 triệu bài dự thi trong đó nhiều bài cả gia đình cùng làm và của cả tập thể, do đó thực tế có trên 12 triệu người dự thi.

- Thành phần người dự thi bao gồm: đồng bào hầu hết các dân tộc trên khắp mọi vùng, miền đất nước từ các thành phố đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, hay nơi biên giới, hải đảo xa xôi; nhiều giáo dân và chức sắc tôn giáo trong nước; đông đảo các giai cấp, tầng lớp dân cư, các độ tuổi, nghề nghiệp, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài làm việc và học tập ở Việt Nam; các nạn nhân chiến tranh, người khuyết tật...

- Các bài thi đều trả lời đúng 8 câu hỏi đầu; đối với hai câu hỏi cuối nhiều bài thi có câu trả lời đạt trình độ nhận thức khoa học cao, thể hiện tình cảm rất sâu sắc, chân thành và xúc động.

- Nhiều bài thi được đóng thành nhiều tập, dài hàng nghìn trang với nhiều tranh ảnh, tài liệu minh họa phong phú; có bài viết bằng 5 thứ tiếng trên giấy cứng khổ lớn, đóng quyển trang trọng, in ấn công phu; làm bằng thơ; bằng băng ghi âm (của người khiếm thị); bằng thư điện tử...

- Nhiều bài thi bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc, niềm tự hào vô hạn về Đảng Cộng sản Việt Nam, đánh giá cao những công lao vĩ đại của Đảng đã cống hiến cho đất nước, cho dân tộc ta.

Với tình cảm biết ơn vô hạn đối với công lao vĩ đại của Đảng, bà *Phạm Thị Thanh Thuý (Hội Phụ nữ tỉnh Thanh Hóa)* viết:

"Không biết có nơi nào trên thế gian này, có một chính đảng được nhân dân tôn vinh gọi là "Đảng ta" thân thương, gần gũi như Đảng Cộng sản Việt Nam? Chỉ có một Đảng sinh ra từ nhân dân, là "con của đồng bào", gắn bó máu thịt với nhân dân, phấn đấu không vì lợi ích nào khác ngoài lợi ích của nhân dân,... được nhân dân tin yêu mới có được vinh dự ấy. "Đảng đã cho ta mùa xuân" không chỉ là câu ca mà còn là sự thừa nhận, là tình cảm của nhân dân dành cho Đảng". Thật xúc động khi đọc những dòng của ông *Vũ Xuân Thủy (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)* cảm nhận về Đảng qua hình ảnh của người cha - một đảng viên đã hy sinh anh dũng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước: Thuở nhỏ, tôi hiểu về Đảng chính là từ hình ảnh gần gũi và thiêng liêng nhất mà tôi cảm nhận được từ người cha thân yêu của mình chưa một lần tôi được biết mặt. Khi tôi sinh ra chỉ còn có mẹ bởi chiến tranh đã lấy đi người cha của tôi - một đảng viên Đảng Cộng sản. Cha tôi và nhiều đồng đội của ông đã hy sinh trong những trận đánh khốc liệt chống quân thù trên mảnh đất Vĩnh Linh năm 1968. Đọc lại những trang nhật ký của cha mình và nghe những người đồng đội của ông kể lại, từ tâm khảm tôi đã cảm nghĩ sâu sắc về hình ảnh một người đảng viên Đảng Cộng sản, đó là lòng dũng cảm, đức hy sinh vì nhân dân quên mình. Ông *Vũ Xuân Thủy* viết tiếp: "Chưa bao giờ tôi thấy mình nhiều nhiệt huyết để viết tìm hiểu về Đảng như bây giờ. Không phải là những lời hoa mỹ, sáo mòn, không phải cố tạo ra chút ấn tượng nào đấy để đạt giải trong cuộc thi này. Tôi coi đây là cơ hội tốt nhất để hiểu hơn về Đảng, phần nữa khẳng định niềm tin tuyệt đối vào Đảng và để viết nên những tình cảm chân thành nhất, tâm huyết nhất từ đáy lòng mình như thế góp thêm một lời ca dâng lên Đảng kính yêu"

Bà *Bùi Kim Oanh (phường Tô Hiệu, thị xã Sơn La)* thể hiện tình cảm đối với Đảng:

"Với trách nhiệm của người đảng viên cộng sản, tôi tự thấy mình cần phải thường xuyên phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện, nêu cao tính tiên phong gương mẫu trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đồng thời tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng đến với nhân dân, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, thực hiện tốt nhiệm vụ của người đảng viên".

Bà *Tống Thị Quyên (tỉnh Đắk Nông)* tâm sự: "Ôn lại truyền thống vẻ vang oanh liệt của Đảng, chúng con càng vững lòng tin vào tương lai tươi sáng của dân tộc. Mặc dù đây đó còn có "con sâu làm rầu nồi canh", còn có kẻ tham ô, trục lợi, biến chất... nhưng với quan điểm "Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt", Đảng tự chỉnh đốn mình để xứng đáng "người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Niềm tin sắt son ấy không hề phai mờ trong tâm trí và việc làm của những người thanh niên thời đại Hồ Chí Minh như chúng con. Tin vào tương lai tươi sáng của đất nước, của dân tộc, con nguyện thực hiện tốt: "Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên" và "Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Với tình cảm sâu sắc đó, người dự thi đã có những ý kiến góp ý hết sức chân thành đối với Đảng để làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, mãi mãi xứng đáng là Đảng của giai cấp công nhân, người đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.

Về giáo dục chủ nghĩa Mác- Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên: Các ý kiến tập trung góp ý về việc Đảng cần phải thường xuyên đổi mới các hình thức tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, chủ yếu phải thông qua các

phương tiện thông tin đại chúng, qua sách báo, phim ảnh (nhất là những phim tài liệu có giá trị giáo dục cao), qua băng rôn, áp phích, qua các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, về Bác Hồ... (Ông Bùi Vĩnh Trường (tỉnh Quảng Bình) viết: "Đảng cần phải tuyên truyền sâu rộng hơn nữa cho mọi người dân hiểu rõ về âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch áp dụng để chống phá cách mạng Việt Nam... Chúng đánh vào lợi ích kinh tế trước mắt của một số người cả tin, phai nhạt lý tưởng hoặc chưa nhận thức được bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội và âm mưu đen tối của chúng. Vì vậy, công tác tuyên truyền, giáo dục của Đảng có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc định hướng nhận thức, giác ngộ của người dân"

Về chống tham nhũng, lãng phí: Phần lớn các ý kiến góp ý cho Đảng tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ chống tham nhũng, lãng phí hiện nay, coi đó là một "quốc nạn" cần phải nghiêm trị. Để chống tham nhũng có hiệu quả phải đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phải nghiêm khắc hơn nữa trong tự phê bình và phê bình. Một số ý kiến nêu: đề hạn chế và ngăn chặn tham nhũng một cách có hiệu quả thì người lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải nêu gương, phải thực sự thanh liêm, chính trực.

Về nguyên tắc hoạt động của Đảng: Hầu hết các ý kiến đều nhấn mạnh việc Đảng phải thực hiện tốt hơn nữa nguyên tắc hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ, trong đó một số ý kiến cho rằng: muốn thực hiện tốt dân chủ thì phải tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở một cách đúng đắn, nghiêm túc. Về nguyên tắc tự phê bình và phê bình, đa số ý kiến cho rằng: Vấn đề tự phê bình và phê bình hiện nay chưa đi vào thực chất, nhiều nơi còn mang tính hình thức. Đảng cần thường xuyên vận động, giúp đỡ tạo mọi điều

kiện thuận lợi để quần chúng tham gia góp ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên, nhất là đối với đảng viên lãnh đạo, quản lý. Anh Nguyễn Quang Tuấn (22 tuổi – Đại học Vinh) góp ý: "Đảng viên có quyền phê bình nhưng chỉ nên phê bình trong phạm vi chi bộ, chứ không nên tùy tiện phê bình ngoài chi bộ". "Trong sinh hoạt chi bộ cần gắn tự phê bình và phê bình với việc đánh giá, xếp loại đảng viên cuối năm, xét chuyển đảng viên dự bị thành chính thức, bình bầu các danh hiệu thi đua. Nếu một đảng viên trong cả năm sinh hoạt không tiến hành tự phê bình và phê bình thì không thể xếp là đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ".

Nhiều ý kiến cho rằng, cần đẩy mạnh **công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**, đặc biệt là giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Khi đánh giá và sử dụng cán bộ cần trên cơ sở tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tín nhiệm của nhân dân làm thước đo chủ yếu. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần đổi mới theo hướng trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Bà Lê Thị Quỳnh Hương (Trường Chính trị tỉnh Lào Cai) viết: "Khi xây dựng quy hoạch cán bộ cơ sở cần chú ý đến khâu tạo nguồn để có lực lượng đông đảo cán bộ kế cận, bổ sung cho đội ngũ cán bộ cơ sở, bảo đảm sự kế thừa, phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ cơ sở, khắc phục tình trạng hụt hẫng cán bộ đã xảy ra ở nhiều nơi".

Về quan hệ đối với quần chúng: Các ý kiến đều khẳng định sức mạnh của Đảng chính là dựa vào sự đoàn kết một lòng của quần chúng "Đảng với dân một ý chí". Đảng phải dựa vào dân, phải lắng nghe ý kiến góp ý của dân, phải sát dân thì Đảng mới ngày càng vững mạnh.

Nhiều người đề cập đến vấn đề củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Họ đưa ra biện pháp để tăng cường mối quan hệ này, như: phải có cơ chế kiểm tra, giám sát của người dân đối với cán bộ, đảng viên. Ông *Lâm Kỳ Dao* (*Công ty Điện lực Trà Vinh*) viết: "Các cán bộ, đảng viên xuống cơ sở làm việc phải thường xuyên, đều đặn hơn nhưng không phải chỉ xuống xã mà phải xuống xóm, ấp, phải thấy tận mắt các hoạt động của người dân". Bà *Hoàng Thị Kim Thanh* (*Trường Chính trị tỉnh Lào Cai*) viết: "Để đổi mới công tác quản chúng của Đảng, củng cố và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân, Đảng và Nhà nước ta phải làm rất nhiều việc cụ thể và thiết thực như: chăm lo đầy đủ đến đời sống nhân dân; đề ra chủ trương, chính sách hợp lòng dân, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân".

Về phát triển Đảng: Nhiều ý kiến cho rằng, Đảng cần chú trọng hơn nữa đến việc phát triển Đảng trong tầng lớp trí thức, sinh viên, thanh niên, trên các địa bàn dân cư, người dân tộc thiểu số. Kết nạp người vào đảng phải chú trọng đến chất lượng, không chạy theo số lượng.

Về nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng: Để góp phần nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng nói chung, của tổ chức cơ sở đảng nói riêng, nhiều bài dự thi cho rằng điều cốt lõi là phải củng cố tinh thần đoàn kết. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự đoàn kết, có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau. Một vấn đề quan trọng nữa là Đảng cần kiện toàn, đổi mới phương thức lãnh đạo gắn với cải cách, đổi mới tổ chức bộ máy của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội, đồng thời, phải thực hiện tốt Quy chế Dân chủ cơ sở, phát huy dân chủ trong sinh hoạt Đảng, đặc biệt là tăng cường công tác kiểm tra. Bà *Lê Thị Phụng* (*Vietsovpetro*) viết: "Muốn nâng cao sức

chiến đấu ở cơ sở đảng, mỗi đảng viên phải tự hoàn thiện mình, phải thật sự là người đầy tớ trung thành của nhân dân".

Về đánh giá, phân loại đảng viên: Nhiều ý kiến cho rằng, "Đảng cần xem xét chấn chỉnh lại việc đánh giá phân loại đảng viên... cách làm, cách phân tích, đánh giá và phân loại sao cho sát hợp và đúng với từng đảng viên. Chính cách đánh giá đảng viên không đúng thực chất, chạy theo thành tích, không dám nhìn thẳng vào sự thật sẽ tiềm ẩn nguy cơ làm cho Đảng tự thoái hóa".

Về khen thưởng và kỷ luật trong Đảng: Nhiều ý kiến cho rằng cần khen thưởng kịp thời đối với những cán bộ, đảng viên có thành tích xuất sắc, đặc biệt là có chế độ động viên, khen thưởng đối với những người dân có công phát hiện đúng những cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật, cần có cơ chế bảo vệ những người đó. Gia đình cháu *Nguyễn Thị Ly* (*huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây*) góp ý: "Đối với những đảng viên suy thoái về lối sống, về đạo đức, làm mất lòng tin của nhân dân thì Đảng cần phải nhanh chóng đưa ra khỏi tổ chức đảng; không phải xử lý nội bộ mà phải công khai làm gương cho người khác, tuyệt đối tránh tình trạng cả nể, không dám làm hoặc làm không đến nơi đến chốn, lâu rồi bỏ qua".

Tất cả ý kiến góp ý trên đều xuất phát từ tấm lòng, từ tình cảm biết ơn vô hạn của mỗi người dân đối với công lao vĩ đại của Đảng, qua đó cũng chứng tỏ mối quan hệ giữa Dân với Đảng vẫn luôn luôn là mối quan hệ gắn bó máu thịt, son sắt thủy chung.

Có thể khẳng định rằng, cuộc thi đã thành công tốt đẹp. Kết quả cuộc thi thể hiện ý chí của nhân dân ta đoàn kết chung quanh Đảng, quyết tâm bảo vệ và xây dựng đất nước ta theo con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □



ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CHO SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA DỰA TRÊN TRI THỨC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ĐẶNG HỮU *

I. GIÁO DỤC TRƯỚC ĐÒI HỎI CỦA KINH TẾ TRI THỨC

Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại với đặc trưng là cách mạng tri thức, cách mạng thông tin phát triển như vũ bão, đang tạo ra những thay đổi mạnh mẽ, sâu sắc trong mọi hoạt động của xã hội loài người, từ cách sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý, đến quan hệ xã hội, văn hóa, lối sống, làm thay đổi cả những khái niệm và phương pháp tư duy. Xã hội thông tin, nền kinh tế tri thức đang hình thành và phát triển, loài người đang bước vào nền văn minh trí tuệ. Con người phải có đủ năng lực để thích nghi và thúc đẩy xu thế phát triển đó. Nước nào không có nguồn nhân lực tài năng sẽ bị gạt ra ngoài lề. Trên phạm vi toàn thế giới đang diễn ra một cuộc cải cách giáo dục sâu rộng để thích ứng với sự phát triển mới.

Nhân tố cơ bản nhất để phát triển kinh tế tri thức là nguồn nhân lực chất lượng cao dựa trên nền giáo dục tiên tiến. Kinh tế tri thức có nhiều khác biệt cơ bản so với kinh tế công nghiệp, do đó đòi hỏi phải đổi mới, cải cách nền giáo dục. Bởi vì, *thứ nhất*, trong nền kinh tế tri thức vốn tri thức trở thành yếu tố quan trọng nhất của sản xuất, hơn cả lao động và tài nguyên; giáo dục - đào tạo với chức năng tạo ra và nhân lên vốn tri thức *trở thành ngành sản xuất cơ bản nhất*. Do đó, vị trí, vai trò của giáo dục thay đổi

cơ bản. *Thứ hai, sáng tạo* đã trở thành động lực quan trọng nhất. Nếu như trong nền kinh tế công nghiệp hiện nay, năng lực cạnh tranh và việc tạo ra giá trị mới chủ yếu là do hoàn thiện, tối ưu hóa cái đã có, thì trong kinh tế tri thức việc nâng cao năng lực cạnh tranh chủ yếu là *do sáng tạo ra cái mới*. Cái có giá trị nhất là cái chưa biết, cái đã biết thì giá trị sẽ dần dần mất đi. Đổi mới, phát triển *chủ yếu* là dựa vào sự sáng tạo ra cái mới, chứ không chỉ là hoàn thiện cái đã có. Con người không có năng lực sáng tạo thì không có chỗ đứng trong kinh tế tri thức. *Thứ ba, tốc độ đổi mới* rất nhanh. Trong nền kinh tế công nghiệp, chu kỳ công nghệ, sản phẩm có thể tính bằng thập kỷ, còn trong nền kinh tế tri thức, chu kỳ tính bằng năm, thậm chí bằng tháng. Sản phẩm mới tăng lên không ngừng, vòng đời công nghệ và sản phẩm rút ngắn, tốc độ đổi mới ngày càng tăng nhanh trong tất cả các ngành, các doanh nghiệp. *Tốc độ* trở thành cái trên hết, người ta *làm việc theo tốc độ của tư duy*. Các doanh nghiệp buộc phải đổi mới, doanh nghiệp nào không kịp thời đổi mới sẽ bị tiêu vong. Cứ mỗi sáng chế ra đời là xuất hiện một doanh nghiệp mới, đó là những *doanh nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học*.

* GS, Trưởng Ban chỉ đạo Công nghệ - Thông tin của các cơ quan Đảng

Hoạt động chính trong nền kinh tế tri thức là *tạo ra, truyền bá và sử dụng tri thức*. Tạo ra tri thức là mục đích của các hoạt động nghiên cứu sáng tạo do những người được đào tạo tốt tiến hành. Truyền bá tri thức tức là nhân lên vốn tri thức, làm cho vốn tri thức xã hội tăng lên nhanh chóng, đó chính là nhiệm vụ chủ yếu của giáo dục. Giáo dục góp phần vào việc tạo ra tri thức đồng thời góp phần quảng bá tri thức. Vì vậy, người ta coi giáo dục là ngành sản xuất cơ bản nhất trong nền kinh tế tri thức. Sử dụng tri thức là quá trình đổi mới, biến tri thức thành giá trị, đưa tri thức vào trong các hoạt động xã hội của con người. Đó cũng là nhiệm vụ của giáo dục, nhất là giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời, học kết hợp với hành, giáo dục kết hợp hoạt động thực tiễn... Trong thời đại cách mạng thông tin, cách mạng tri thức, quá trình tạo ra tri thức, truyền bá tri thức và sử dụng tri thức không còn là quá trình kế tiếp nhau mà trở thành đan xen nhau, tương tác nhau; và cái quan trọng nhất là sử dụng tri thức, *biến tri thức thành giá trị*. Giáo dục phải đào tạo ra con người có tri thức và biết sử dụng tri thức trong hoạt động thực tiễn để tạo ra nhiều giá trị mới.

Quá trình biến tri thức thành giá trị chính là quá trình *đổi mới*. Sử dụng tri thức là để đổi mới, chỉ có thông qua quá trình đổi mới, tri thức mới có thể biến thành giá trị. Để phát triển nhanh kinh tế tri thức các nước đều rất coi trọng xây dựng *hệ thống đổi mới quốc gia*. Đó là hệ thống chính sách, thể chế và tổ chức gắn kết chặt chẽ khoa học với sản xuất, tức là gắn chặt việc tạo ra tri thức với sử dụng tri thức, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng tri thức để đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh, khuyến khích các cơ quan khoa học nhanh chóng thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu của mình, thúc đẩy nhanh quá trình đổi mới. Ngày nay tri thức trở nên lạc hậu rất nhanh chóng, sinh viên học xong đại học ra trường thì tri thức của những năm đầu đã có phần lạc hậu; nếu sau 1 - 2 năm không cập nhật tri thức thì sẽ khó đảm đương được công việc. Cho nên người lao

động buộc phải luôn nâng cao tri thức, nâng cao kỹ năng, không ngừng bồi dưỡng, đào tạo. Công việc của họ dễ bị thay đổi, không ổn định lâu dài, có thể nay làm việc này, mai chuyển sang việc khác, cái cũ mất đi được thay thế bằng cái mới; quá trình đổi mới diễn ra nhanh chóng, liên tục.

Trên thế giới, mô hình giáo dục đang thay đổi, chuyển từ *mô hình giáo dục truyền thống*, coi đào tạo và làm việc là hai giai đoạn tách biệt sang *mô hình đào tạo (học tập) suốt đời*. Trong mô hình giáo dục *truyền thống*, nhà trường đào tạo, rèn luyện để người học có được vốn tri thức, kỹ năng nhất định để có thể làm việc suốt đời. Trong mô hình học tập *suốt đời*, nhà trường trang bị cho người học vốn tri thức và kỹ năng cơ bản để người đó có thể sớm ra làm việc, tiếp tục giúp đỡ người lao động vừa làm vừa tiếp tục học tập, học tập suốt đời, phát triển kỹ năng liên tục. Như vậy, việc đào tạo gắn chặt với việc sử dụng, giáo dục gắn với việc làm, với thị trường lao động.

II. CẢI CÁCH GIÁO DỤC ĐỂ ĐÁY NHANH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Đảng ta từ rất sớm đã quan tâm sự nghiệp giáo dục - đào tạo, coi giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Đến nay đã có hơn 20% số người lao động qua đào tạo, trong đó có khoảng 1,5 triệu người tốt nghiệp đại học và cao đẳng; 14 nghìn tiến sĩ và 16 nghìn thạc sĩ. Trình độ học vấn của đội ngũ công nhân kỹ thuật được nâng cao khá nhanh. Nguồn nhân lực ấy đã có đóng góp lớn cho sự đổi mới và phát triển đất nước ta trong những năm qua. Tuy nhiên, trước yêu cầu hội nhập nền kinh tế tri thức toàn cầu hóa, yêu cầu "đi tắt đón đầu", đẩy nhanh và rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nguồn nhân lực hiện có của nước ta còn nhiều yếu kém, bất cập. So với các nước trong khu vực, nguồn nhân lực nước ta thua kém về số lượng, cơ cấu, cũng như về trình độ, năng lực.

Để giáo dục thực sự là quốc sách hàng đầu, trước hết Nhà nước phải có chính sách trọng dụng nhân tài, thực sự coi "hiền tài là nguyên khí quốc gia", tạo điều kiện làm việc thuận lợi, phát huy năng lực của những cán bộ giỏi, đầu đàn trong các lĩnh vực (khoa học - công nghệ, quản lý kinh doanh, văn học - nghệ thuật, các nghệ nhân "bàn tay vàng"....). Thực hiện việc đánh giá đúng và trả thù lao xứng đáng với kết quả lao động sáng tạo của đội ngũ trí thức; không để lẫn lộn người có tài với kẻ bất tài; có chính sách tích cực để khuyến khích cán bộ khoa học tiến thân bằng những cống hiến do năng lực chuyên môn của mình. Xây dựng và thực hiện cơ chế đánh giá, tuyển chọn, sử dụng, sàng lọc hợp lý; thường xuyên giáo dục chính trị, đạo đức, không ngừng nâng cao chất lượng toàn diện của đội ngũ trí thức. Thiết lập hệ thống kiểm tra đánh giá trình độ và năng lực trong quá trình sử dụng, có chế độ đãi ngộ tương xứng với sự cống hiến. **Có sử dụng tốt thì mới có giáo dục tốt. Có trọng dụng người tài thì mới có nhiều người tài.**

Nền giáo dục nước ta phải thực sự đổi mới để bảo đảm đào tạo được một thế hệ trẻ có đủ năng lực làm chủ đất nước. Không có nền giáo dục tốt thì không tạo dựng được năng lực nội sinh về khoa học - công nghệ để trụ vững trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay nhằm phát triển nhanh đất nước. Ai đó còn nghĩ rằng, nếu có nhiều vốn thì có thể mua tri thức, mua công nghệ của nước ngoài để phát triển, thì hãy nhìn lại những bài học không thành công của một số nước giàu tài nguyên mà không có năng lực nội sinh về khoa học - công nghệ. Truy cập vào kho tri thức toàn cầu, mua công nghệ là việc nhất thiết phải làm đối với các nước đi sau, nhưng nếu không có đủ năng lực tri thức nội sinh thì chỉ có được tăng trưởng nhất thời, sau đó là sự tụt hậu và lệ thuộc.

Nền giáo dục phải thực hiện được ba nhiệm vụ cơ bản. Một là, nâng cao mặt bằng dân trí, mỗi người dân đều có khả năng nắm bắt và vận dụng những tri thức mới cần thiết cho công việc

của mình. Mặt bằng dân trí phải theo kịp mức các nước tiên tiến trong khu vực. Hai là, phải đào tạo ra được nguồn nhân lực có chất lượng cao thích nghi với sự đổi mới và phát triển nhanh, đáp ứng được nhu cầu rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa vào tri thức. Ba là, phải chăm lo bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân tài. Nếu đến năm 2010 nước ta không có được ít nhất khoảng một vạn các chuyên gia giỏi, đầu đàn trong tất cả các lĩnh vực thì khó tạo được bước chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế theo hướng dựa vào tri thức.

Đi đôi với nâng cao chất lượng giáo dục, cần phát triển nhanh quy mô giáo dục. Đây nhanh phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào trước năm 2010, phổ cập giáo dục trung học vào khoảng năm 2015, nâng số năm đi học bình quân của người trong độ tuổi lao động lên 9 năm vào năm 2010, lên 12 năm vào năm 2020. Nâng tỷ lệ sinh viên đại học, cao đẳng trên một vạn dân ngang với các nước xung quanh. Tuy số người đi học hiện nay so với số dân khá cao, số người học đại học, cao đẳng, chuyên nghiệp tăng khá nhanh, nhưng so với yêu cầu của hiện đại hóa dựa vào tri thức cũng như so với yêu cầu của các nước đang phát triển thì còn thấp. Xét về tỷ lệ đi học trong độ tuổi ở bậc trung học, số sinh viên đại học, cao đẳng trên một vạn dân, nước ta kém xa Thái Lan, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a⁽¹⁾. Hiện nay, có hiện tượng sinh viên học xong ra trường không có việc làm, nhưng đó chỉ là tạm thời, do sản xuất, kinh doanh chưa bùng phát; và cũng do chất lượng đào tạo thấp nên nhiều người không tìm được việc làm bởi họ không đủ năng lực, tiêu chuẩn của nhà tuyển dụng yêu cầu.

(1) Tỷ lệ đi học trong độ tuổi bậc trung học: Việt Nam: 84%, Phi-lip-pin: 88%, Thái Lan: 93%, Ma-lai-xi-a: 98%. Tỷ lệ đi học trong độ tuổi bậc đại học, cao đẳng: Việt Nam: 10%, Phi-lip-pin: 31%, Thái Lan: 37%, Ma-lai-xi-a: 29%; Tổng số sinh viên đang học đại học, cao đẳng: Việt Nam là 785.000, Phi-lip-pin là 246.000, Thái Lan là 2.155.000, Ma-lai-xi-a là 55.000 (Theo Educa 2004 - các số liệu được dẫn thuộc năm học 2003-2004).

Nếu đào tạo tốt, người học ra trường có nhiều khả năng sáng tạo, biết tổ chức tạo ra việc làm mới, thì các doanh nghiệp mới sẽ phát triển và thu hút nhiều việc làm. Các doanh nghiệp nếu biết đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm nhanh thì cũng sẽ thu hút nhiều lao động có tay nghề. Một trong những mục tiêu của giáo dục ở nhà trường là đào tạo cho các học sinh, sinh viên *khả năng tự tạo việc làm*. Như vậy, chúng ta phải phát triển mạnh giáo dục phổ thông và giáo dục cho mọi người. Cần hết sức quan tâm giáo dục trẻ thơ (nhà trẻ, mẫu giáo) vì đó là nền tảng cho phát triển nền giáo dục sau này. Đầu tư nhiều vào đây thì sẽ bớt được chi phí cho sự khắc phục những khiếm khuyết về chất lượng giáo dục trong tương lai.

Phát triển *hệ thống học tập suốt đời và xây dựng xã học tập* là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để bồi dưỡng nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn dựa trên tri thức. Trong một nền kinh tế dựa vào tri thức thì mọi người đều phải học tập thường xuyên, học tập suốt đời để có thể thích nghi với sự phát triển và đổi mới nhanh của khoa học - công nghệ, sản xuất, kinh doanh. Xã hội học tập và xã hội thông tin là tiền đề cho nền kinh tế tri thức. Hệ thống giáo dục có trách nhiệm tạo điều kiện cho mọi người ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào cũng có thể tham gia vào học tập nâng cao trình độ để theo kịp sự phát triển của thời đại. *Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa giáo dục*. Huy động sức mạnh của mọi thành phần kinh tế, mọi tổ chức, cá nhân tham gia phát triển giáo dục; đồng thời phát huy vai trò chủ đạo của Nhà nước trong việc hình thành *xã hội học tập* và chế độ *học tập suốt đời*. Triển khai mạnh chủ trương *đa dạng hóa* các loại hình trường, lớp, các hình thức đào tạo. Có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân và nhân dân tham gia phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập; khuyến khích các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo ở nước ta. *Đa dạng hóa phải đi đôi với chuẩn hóa. Coi trọng cả giáo dục cơ bản và giáo dục đại học; cả giáo dục cho mọi người và giáo dục*

tinh hoa. Nhiệm vụ cấp bách là tiến hành ngay một cuộc cách mạng toàn diện trong giáo dục, cải cách triệt để, sâu sắc cả về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, hệ thống giáo dục và phương thức tổ chức quản lý giáo dục - đào tạo.

Mục tiêu giáo dục là đào tạo ra những con người có đủ khả năng, bản lĩnh thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện: dạy người, dạy chữ, dạy nghề. Học là để xây dựng nhân cách, xây dựng năng lực cho con người; học để có thể làm việc trong cộng đồng, cống hiến cho xã hội, để có thể tự khẳng định mình trong cuộc sống. Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định, học để làm việc trong cộng đồng. Kiên quyết khắc phục nạn đi học chỉ cốt để lấy bằng cấp, mà không quan tâm đến xây dựng năng lực. Chuyển trọng tâm của giáo dục từ trang bị kiến thức sang bồi dưỡng rèn luyện *phương pháp tư duy, phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, khả năng tự đào tạo, thích nghi sự phát triển*. Kiên quyết khắc phục phương pháp giảng dạy cũ kỹ, lạc hậu, thầy giảng trò ghi, thụ động, một chiều. Nội dung chương trình phải hiện đại nhưng tinh giản. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất, "đĩ bất biến, ứng vạn biến", và giúp người học biết nhân lên vốn tri thức cho mình, hướng dẫn người học phương pháp tiếp thu tri thức mới, bồi dưỡng cho họ những kỹ năng cần thiết, phương pháp tư duy, trí sáng tạo, phương pháp tự đào tạo..., thông qua các trường hợp điển hình để bồi dưỡng phương pháp và năng lực giải quyết vấn đề. Tăng cường sự tương tác giữa thầy giáo và sinh viên, sử dụng công nghệ mới, nhất là công nghệ thông tin trong giảng dạy. Tăng cường dạy công nghệ thông tin trong tất cả các bậc học. Giáo dục đại học đi theo xu thế đào tạo theo diện rộng; đào tạo chuyên ngành hẹp không còn phù hợp với sự thay đổi ngành nghề, thay đổi việc làm đang diễn ra ngày càng nhanh hiện nay.

Chuyển từ mô hình giáo dục truyền thống - đào tạo kỹ năng để ra làm việc cho đến nghỉ hưu, sang mô hình giáo dục mới: *học tập suốt đời, phát triển nghề nghiệp liên tục*, theo đó nhà trường đào tạo những kỹ năng cơ bản để người học ra trường vừa lao động, vừa học tập (đào tạo) suốt đời. Theo mô hình này, khi kết thúc mỗi bậc học, người học có hai khả năng lựa chọn: hoặc là học tiếp, hoặc ra trường vừa lao động vừa tiếp tục học tập; người lao động bất cứ lúc nào, ở trình độ nào cũng có thể về trường (hoặc qua mạng) học tiếp. Phát triển hình thức học tập qua mạng (e-learning). Hệ thống giáo dục trở nên linh hoạt hơn, đa dạng hơn, mở cửa hơn cho mọi người, nó cũng gắn bó hơn với cuộc sống, với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Đổi mới mạnh mẽ hệ thống quản lý giáo dục, tập trung vào vấn đề quản lý chất lượng. *Xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng đào tạo, tăng cường thanh tra kiểm tra*, thay đổi cách tổ chức thi cử, tuyển sinh (hiện nay chỉ nặng về kiến thức sách vở), khắc phục tình trạng nặng về quản lý đầu vào, nhẹ quản lý đầu ra; kiên quyết chống bệnh thành tích đang ngăn cản con đường đi tới chất lượng. Tăng quyền chủ động cho các trường công lập cũng như các trường ngoài công lập. Bộ và các Sở Giáo dục - Đào tạo tăng cường chức năng quản lý nhà nước, nhất là thanh tra chất lượng giáo dục đối với tất cả các trường, không làm thay các công việc của trường, xóa bỏ cơ chế xin - cho. Các trường chủ động tổ chức thực hiện quá trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo. Trong nền kinh tế thị trường, có thị trường lao động, thì sản phẩm của giáo dục cũng là một thứ hàng hóa (phi vật thể), là hàng hóa đặc biệt, là dịch vụ công, phải được thị trường đánh giá, lựa chọn, chấp nhận. Không cho phép "thương mại hóa" giáo dục, biến trường thành chợ, vì lợi nhuận tối đa; nhưng cần vận dụng cơ chế thị trường để huy động các nguồn lực và tạo thêm động lực cho phát triển

giáo dục. Trong một xã hội có hệ thống đánh giá, sử dụng, đãi ngộ đúng đắn thì sự *cạnh tranh* giữa các trường sẽ thúc đẩy nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà nước vừa chăm lo xây dựng một số trường trọng điểm chất lượng cao, ngang tầm quốc tế; vừa thực hiện chính sách công bằng xã hội, tạo điều kiện để cho người nghèo, những đối tượng chính sách, có hoàn cảnh khó khăn đều có cơ hội học tập để phát huy hết khả năng của mình.

Mở rộng quan hệ hợp tác giáo dục - đào tạo với nước ngoài. Cần mở rộng giao lưu về giáo dục với các nước, tiếp cận với những mô hình giáo dục tiên tiến nhất, để vận dụng sáng tạo vào nước ta. Có chính sách tuyển cử đông đảo giáo viên, sinh viên đi học tập, nghiên cứu và làm việc ở các nước phát triển và thu hút nhiều giáo sư, chuyên gia nước ngoài vào nước ta giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm. Mở rộng các hình thức hợp tác, liên kết các trường đại học nước ta với các trường đại học nước ngoài để đào tạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế; đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các đại học quốc tế ở nước ta, được các trường có uy tín trên thế giới cấp bằng.

Cải cách giáo dục là cuộc cách mạng sâu sắc không chỉ trong ngành giáo dục mà còn trong cả xã hội, bắt nguồn từ sự đổi mới tư duy về giáo dục. Ngành giáo dục đã cố gắng xử lý rất nhiều vấn đề, nhưng hầu như chỉ là những vấn đề "ngọn", cắt gọt được cái này thì phát sinh cái khác, đối phó, giải quyết từng vụ việc, chưa thay đổi tận gốc, có thể do còn vương mắc trong tư duy. Nếu không có quyết tâm cao trong cải cách giáo dục, không có bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục, thì sẽ không tránh khỏi sự tụt hậu ngày càng xa so với các nước, trước hết là các nước ASEAN. Muốn chấn hưng đất nước cần phải cải cách giáo dục, nhanh chóng đưa nền giáo dục nước ta lên ngang mức tiên tiến của các nước trong khu vực. □

CÁN bộ là nhân tố quyết định mọi thành công trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước và coi cán bộ, công chức là lực lượng then chốt để bảo đảm cho sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tư tưởng và nội dung xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ đã được thể hiện rõ trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước ta.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* đã chỉ rõ: Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước, và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Đất nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiệm vụ chính trị mới rất nặng nề, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi Đảng ta phải xây dựng được một đội ngũ cán bộ ngang tầm, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định: "Xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, có kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân". (1)

Để thực hiện các nghị quyết của Đảng, ngày 17-9-2001, Thủ tướng Chính phủ đã có

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ y tế trước những yêu cầu mới của sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân

TRẦN THỊ TRUNG CHIẾN *

Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 đến 2010. Mục tiêu cụ thể của Chương trình là đến năm 2010, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp, hiện đại. Tuyệt đại bộ phận cán bộ, công chức có phẩm chất tốt và đủ năng lực thi hành công vụ, tận tụy phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước và phục vụ nhân dân.

Quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ, trong nhiều năm qua, ngành y tế đã luôn quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức để đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Ban Cán sự đảng và lãnh đạo Bộ Y tế luôn xác định nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế là một trong những nhiệm vụ then chốt để phát triển ngành y tế và nâng cao chất lượng chăm sóc

* PGS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, tr 141

sức khỏe của nhân dân, cũng như tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế. Công tác quy hoạch cán bộ được đặc biệt chú trọng nhằm phát hiện, lựa chọn những cán bộ, công chức, viên chức y tế có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý và có đạo đức tốt để đào tạo, bồi dưỡng, bố trí vào những vị trí trọng yếu của ngành. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức y tế từng bước được đổi mới cả về nội dung và phương thức đào tạo. Bên cạnh việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, Bộ Y tế đã chú trọng bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức y tế. Chính vì vậy trong những năm qua, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức y tế đã phát triển không ngừng cả về số lượng và chất lượng.

Đến tháng 12-2003, toàn ngành y tế có 241.498 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có 28.561 người (chiếm 12,2%) làm việc ở các cơ sở y tế tuyến trung ương, 202.471 người (chiếm 83,8%) làm việc ở tuyến địa phương và 9.466 người (chiếm 3,9%) làm việc ở y tế các ngành. Nhờ chính sách khuyến khích cán bộ y tế học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, đến nay trong toàn ngành đã có 2.967 tiến sĩ và thạc sĩ y khoa, 307 tiến sĩ và thạc sĩ dược khoa, 44.620 bác sĩ, 5.959 dược sĩ đại học. Toàn quốc đã có 61,4% số trạm y tế xã có bác sĩ. Cán bộ y tế tuyến xã đã được tiêu chuẩn hóa và được xếp vào các ngạch, bậc theo quy định của Nhà nước. Mạng lưới y tế thôn, bản cũng được khôi phục, cả nước có 96.604/116.359 thôn, bản, tổ dân phố có nhân viên y tế hoạt động (đạt 83%). Điểm nổi bật trong công tác cán bộ của ngành y tế những năm qua là số lượng cán bộ không ngừng tăng lên, đồng thời chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cũng có những bước tiến đáng phấn khởi.

Đội ngũ cán bộ y tế không ngừng tăng lên về số lượng, chất lượng đã góp phần quan trọng làm nên những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng đất nước và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thật không sao kể xiết những hy sinh thầm lặng và tấm lòng tận tụy của những người thầy thuốc đang công tác trên mọi nẻo đường Tổ quốc. Ở đâu có người dân cần chăm sóc sức khỏe, ở đó có cán bộ y tế. Trước đây, trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống giặc ngoại xâm, người chiến sỹ áo trắng đã vượt qua "mưa bom, bão đạn" cứu chữa thương binh, bệnh binh và nhân dân góp phần lập nên những chiến công hiển hách của dân tộc. Ngày nay, người "chiến sỹ áo trắng" lại đi đầu trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đấu tranh không mệt mỏi với thiên tai dịch bệnh; đặc biệt là đại dịch HIV/AIDS, dịch SARS... Họ là người làm nên mạng lưới y tế rộng khắp trong cả nước, thực hiện sứ mệnh chăm sóc khỏe ban đầu cho nhân dân, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta không thể hình dung được sự nghiệp đổi mới, yêu cầu nâng cao sức khỏe nhân dân mà thiếu vai trò của người cán bộ y tế... Với những cống hiến to lớn cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhiều đơn vị và cán bộ, nhân viên ngành y tế đã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, chiến sỹ thi đua, Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc Ưu tú trong thời kỳ đổi mới.⁽²⁾

Tuy nhiên, trước những yêu cầu của công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đội ngũ cán bộ công chức viên chức

(2) Ngành Y tế có 100 Thầy thuốc Nhân dân, 22 đơn vị Anh hùng Lao động và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, 17 cá nhân Anh hùng Lao động và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới. Năm 2004 có 32 chiến sỹ thi đua

y tế còn nhiều bất cập cả về số lượng và chất lượng. Chúng ta thiếu cán bộ y tế tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và trong các lĩnh vực độc hại nguy hiểm như y tế dự phòng, điều trị lao, điều trị HIV/AIDS... Tỷ lệ bác sĩ tính trên đầu dân còn rất thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Theo số liệu thống kê của Bộ Y tế năm 2003, Việt Nam mới chỉ có 5,6 bác sĩ trên một vạn dân (trong khi tỷ lệ này ở Cu-ba là 59,6, ở Trung Quốc là 16,4, Xin-ga-po là 14,0 và Phi-lip-pin là 11,5); để duy trì con số này mỗi năm chúng ta cần tăng thêm ít nhất 583 bác sĩ. Cả nước ta hiện nay mới chỉ có 0,75 dược sĩ đại học trên một vạn dân. Tỷ lệ này là quá thấp. Một số nước như Bồ Đào Nha có 7,5 dược sĩ, Phần Lan có 14,5 dược sĩ và Pháp có 10 dược sĩ trên một vạn dân. Để đạt được mục tiêu có 1 dược sĩ trên một vạn dân, trong thời gian tới, chúng ta cần phải đào tạo thêm ít nhất 2.000 dược sĩ.

Bên cạnh sự thiếu hụt về đội ngũ bác sĩ và dược sĩ, cơ cấu bác sĩ và điều dưỡng của Việt Nam cũng mất cân đối. Tỷ suất bác sĩ/điều dưỡng viên của Việt Nam mới chỉ đạt mức 1/1,3, trong khi đó ở Thái Lan là 1/12, In-đô-nê-xi-a là 1/3,5, Ma-lai-xi-a là 1/4,7 và Cam-pu-chia là 1/2,3. Chỉ số này phản ánh chất lượng chăm sóc toàn diện cho người bệnh tại các bệnh viện. Theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới, tỷ lệ này cần phải từ 1/4 cho tới 1/8. Với tỷ suất bác sĩ/điều dưỡng viên như hiện nay, chúng ta không thể đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc bệnh nhân. Để đạt mức 1 bác sĩ/4 điều dưỡng viên, trong thời gian tới, chúng ta đã cần phải đào tạo thêm 106.060 y tá điều dưỡng.

Sự mất cân đối về cơ cấu cán bộ giữa tuyến trung ương và tuyến địa phương, giữa đồng bằng và miền núi, ảnh hưởng đến việc bảo đảm công bằng trong việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe. Phần lớn cán bộ y tế, tập trung ở các thành phố lớn, gây nên

tình trạng "thừa" giả tạo, trong khi đó thiếu cán bộ y tế nhất là dược sĩ đại học và dược tá ở tuyến tỉnh, huyện, và các vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. Chất lượng đội ngũ, cán bộ, công chức, viên chức y tế không đồng đều, trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ của một bộ phận đội ngũ đó chưa đáp ứng được nhu cầu của sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có một bộ phận cán bộ y tế suy giảm về lối sống, đạo đức, trong ngành có những biểu hiện tiêu cực có nơi, có lúc gây bức xúc trong xã hội, mặc dù đã chấn chỉnh nhưng vẫn chưa được gắn chặt. Việc đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế còn chậm. Đội ngũ cán bộ quản lý y tế phần lớn là cán bộ chuyên môn chuyển sang nên năng lực quản lý chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trong ngành còn nhiều bất cập, chưa chủ động và chưa có kế hoạch dài hạn.

Các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với thầy thuốc chưa tương xứng với công lao học tập và công sức phục vụ của họ đối với người bệnh. Lương cán bộ y tế còn quá thấp, đứng hàng thứ 17/18 ngành được điều tra. Một số chính sách khác như quy định về định biên công chức, viên chức y tế, tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức, viên chức y tế, quy hoạch cán bộ,... còn chậm sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế. Những điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng chung của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế.

Tình hình trên, đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức y tế một cách toàn diện nhằm chuẩn hóa về chất lượng, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, cân đối giữa các chuyên ngành. Cần xây dựng một đội ngũ cán bộ y tế không những giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ y tế, có tinh thần trách nhiệm

và phẩm chất tốt của người thầy thuốc, mà còn phải có những kiến thức sâu rộng về xã hội học, tâm lý học và văn hóa học, để có thể nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và làm tốt nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Để đáp ứng được những yêu cầu bức thiết về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong thời gian tới, công tác cán bộ của ngành y tế cần tập trung vào những nhiệm vụ sau:

Một là: đánh giá toàn diện thực trạng đội ngũ cán bộ, viên chức y tế nhằm xác định những mặt được và chưa được, tìm ra nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong xây dựng đội ngũ. Trên cơ sở đó, xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, đặc biệt là quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý trong ngành; chú trọng việc tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý từ những cán bộ trẻ có năng lực, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Xây dựng dự án "Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế" nhằm từng bước củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động cung cấp dịch vụ y tế.

Hai là: xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức y tế theo chức danh và công việc dự kiến bố trí sắp xếp. Đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức y tế; chú trọng đến phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn nghề nghiệp và năng lực thực tiễn. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng những chuyên ngành còn thiếu. Tiếp tục đào tạo cán bộ y tế theo địa chỉ, đào tạo, theo hình thức cử tuyển đối với các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Có kế

hoạch cử cán bộ ưu tú đi đào tạo ở nước ngoài với số lượng và cơ cấu phù hợp để tiếp thu những thành tựu khoa học tiên tiến về y, dược học trên thế giới.

Ba là: thực hiện tốt việc tuyển dụng, bố trí, sắp xếp cán bộ y tế theo hướng tinh giản biên chế hành chính sự nghiệp, nhưng vẫn bảo đảm đủ số lượng cán bộ và cân đối giữa các chuyên ngành, giữa các tuyến, các vùng, miền trong cả nước. Thực hiện việc luân chuyển cán bộ, tăng cường cán bộ y tế về tuyến cơ sở. Kết hợp việc luân chuyển để đào tạo rèn luyện cán bộ lãnh đạo, quản lý với việc xây dựng đội ngũ cán bộ y tế chuyên sâu. Thực hiện việc điều chuyển những cán bộ, viên chức y tế không đủ tiêu chuẩn năng lực và phẩm chất đạo đức theo yêu cầu nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt chế độ nghỉ hưu cho đội ngũ cán bộ, viên chức y tế.

Đối với công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ ngành y tế, từ nay đến hết năm 2007, Bộ Y tế sẽ chú trọng nghiên cứu bổ sung các ngạch viên chức mới (bổ sung thêm 9 ngạch, đổi tên 11 ngạch). Xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức y tế, các chức danh lãnh đạo, quản lý đối với các loại hình đơn vị sự nghiệp trong toàn ngành bao gồm: cấp trưởng, phó các đơn vị; cấp trưởng, phó các bộ phận cấu thành đơn vị sự nghiệp y tế. Bổ sung, sửa đổi quy chế tuyển dụng công chức về công tác tại cơ quan Bộ Y tế. Cụ thể hóa quy chế tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ. Xây dựng quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, đánh giá cán bộ, công chức trong cơ quan Bộ Y tế cũng như các đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Xây dựng nội dung thi tuyển các ngạch viên chức y tế và quy chế đánh giá chuẩn xác. Nghiên cứu, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu để quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế.

Bốn là: sớm hoàn thiện các chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên

chức y tế, đặc biệt là các chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp độc hại nguy hiểm, phụ cấp thu hút cán bộ về công tác tại các tuyến y tế cơ sở, vùng kinh tế còn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các chế độ, chính sách phải thực sự là động lực thu hút, thúc đẩy, động viên cán bộ y tế toàn tâm, toàn ý phục vụ sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, là giải pháp để hạn chế những biểu hiện tiêu cực và nâng cao y đức.

Năm là: tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm và đạo đức của người cán bộ y tế, thực hiện tốt việc phân cấp quản lý; công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành chính sách, pháp luật và các quy chế chuyên môn, quy định về y đức của cán bộ, công chức, viên chức y tế. Giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc, xử lý nghiêm minh các cán bộ vi phạm kỷ luật nhằm ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình, thực hiện tốt hình thức giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức, viên chức y tế tại nơi làm việc và tại cộng đồng.

Sáu là: đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức y tế. Phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm, quyền hạn của các cấp ủy đảng trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ y tế; thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định trong công tác cán bộ, đồng thời coi trọng vai trò và quyền hạn của người đứng đầu các cơ quan đơn vị trong việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức y tế.

Chúng ta tin tưởng rằng, với sự nỗ lực và tâm huyết của đội ngũ cán bộ ngành y tế, nhất định sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân trong thời gian tới sẽ đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

ĐỀ ĐẢNG TIẾP TỤC...

(Tiếp theo trang 23)

quản lý theo quy định ở các ngành và địa phương.

c - Xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng. Tất cả các đảng bộ, chi bộ ở cơ sở đều nắm vững và thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở. Phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác, học tập và lối sống, giữ mối liên hệ với quần chúng nơi công tác, với chi bộ và nhân dân nơi cư trú. Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

d - Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy ở cơ sở đến Ban Chấp hành Trung ương, trong công tác cán bộ và trong xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Chống dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị. Xử lý nghiêm những người có khuyết điểm, nơi không có khả năng khắc phục khuyết điểm thì giải tán về tổ chức, lập tổ chức mới theo quy định Điều lệ Đảng. Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; bảo đảm chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân. Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, của ủy ban kiểm tra các cấp, tập trung vào các nội dung: thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; củng cố đoàn kết nội bộ, giáo dục, rèn luyện nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. □

Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

NGUYỄN VĂN NAM *

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IX của Đảng khẳng định: khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế với lộ trình hợp lý và chương trình hành động cụ thể, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế (1).

Những năm vừa qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực nhằm ban hành và sửa đổi kịp thời những chủ trương, chính sách, tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là các doanh nghiệp, đã có cố gắng vươn lên chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu sản xuất, duy trì tốc độ tăng trưởng cao của nền kinh tế, tạo được một số mặt hàng có năng lực cạnh tranh khá. Vừa qua nước ta được thế giới đánh giá cao về: các lợi thế cạnh tranh như: sự ổn định chính trị; an ninh và trật tự, an toàn xã hội; vị trí địa lý có nhiều thuận lợi do nằm trong khu vực kinh tế năng động,

có tốc độ tăng trưởng cao; có tài nguyên thiên nhiên đa dạng. Những lợi thế đó cần được tiếp tục duy trì và phát huy.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể, năng lực cạnh tranh trên cả ba cấp độ: nền kinh tế, doanh nghiệp, hàng hóa và dịch vụ vẫn còn yếu; chưa phát huy hết tiềm năng sẵn có và tranh thủ sự hợp tác nhiều mặt với quốc tế. Việc nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ là một vấn đề rất bức xúc, vì nhiều doanh nghiệp vẫn chưa ý thức được tính chất khốc liệt của cạnh tranh quốc tế, chưa có các bước chuẩn bị kỹ lưỡng cho quá trình hội nhập sắp tới. Thêm vào đó bối cảnh chung của quốc tế lại đang có nhiều biến động khó lường. Vấn đề nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ Việt Nam lại đang chịu nhiều tác động tiêu cực từ năng lực cạnh tranh quốc gia thấp. Cụ thể là:

1. Hệ thống pháp luật của nước ta vẫn còn thiếu nhiều quy định quan trọng. Nhiều nội dung của một số luật hiện hành chưa phù hợp với các nguyên tắc của WTO và chậm được điều chỉnh, bổ sung.

Luật pháp chưa chặt chẽ, còn chồng chéo, có thể vận dụng khác nhau do được thiết kế để phục vụ quá nhiều mục tiêu. Chẳng hạn, có nhiều mức thuế, nhiều quy định ưu đãi, miễn giảm, nhiều mức áp giá để tính thuế v.v... làm cho việc thực hiện luật trở nên phức tạp, dễ vận dụng tùy tiện, ưu đãi doanh nghiệp này gây khó khăn cho doanh nghiệp khác, tình

* PGS, TS, Viện Nghiên cứu Thương mại

(1) Xem: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 120

trạng quan liêu trong bộ máy hành chính chậm được khắc phục.

Các thông tư hướng dẫn của các bộ (như quyết định về thuế suất thuế nhập khẩu đối với phụ tùng xe máy, phụ tùng xe ô-tô) có những thay đổi đột ngột làm cho môi trường kinh doanh của nước ta trở nên khó dự đoán, thiếu tính ổn định, gây tâm lý lo lắng cho các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước, giảm năng lực cạnh tranh quốc gia trong thu hút vốn đầu tư.

Tính minh bạch, công khai của nền kinh tế, bao gồm cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước còn thấp. Chính quyền địa phương ở một số nơi còn can thiệp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp không phù hợp với cơ chế thị trường. Hiện tượng hình sự hóa các quan hệ dân sự, quan hệ kinh tế đang rất nặng nề, cơ quan bảo vệ pháp luật hành động quá quy định của pháp luật, thiên vị trong xử lý tranh chấp còn tiếp diễn ở một số nơi. Cơ quan xét xử, hòa giải, trọng tài còn có những quyết định thiếu khách quan.

Đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng tuy đã đạt được một số kết quả, song vẫn còn khá nghiêm trọng, nhất là ở những khâu liên quan đến lợi ích của doanh nghiệp, chưa có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu. Chi phí kinh doanh cao hơn một số nước khác trong khu vực.

2. Mặc dầu đã có nhiều nỗ lực cải cách và có những tiến bộ trên nhiều mặt, nhưng hệ thống tài chính - tiền tệ ở Việt Nam còn kém phát triển, thiếu sự đa dạng, khả năng tài chính nhỏ bé, không đáp ứng yêu cầu phát triển. Các chỉ tiêu về độ sâu tài chính, dư nợ tín dụng trên GDP, các chỉ số chất lượng hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại theo Quy định Basel còn thấp xa so với các nước trong khu vực. Năng lực đánh giá dự án đầu tư, trình độ công nghệ của các nghiệp vụ ngân hàng còn nhiều hạn chế, lạc hậu.

Việc Chính phủ tiếp tục khoanh nợ, dãn nợ, xóa nợ đối với một số doanh nghiệp nhà nước chưa phải là giải pháp đầy đủ để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và ngân

hàng thương mại. Kinh nghiệm kinh doanh tài chính quốc tế còn ít. Đồng tiền Việt Nam chưa có giá trị chuyển đổi ngay cả đối với các giao dịch vãng lai làm hạn chế tốc độ kinh doanh xuất - nhập khẩu.

Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, người có ý tưởng kinh doanh mới khó tiếp cận với tín dụng. Gần đây, việc phát triển quá nhiều quỹ hỗ trợ đầu tư khác nhau dưới sự quản lý của Bộ Tài chính tạo ra mặt bằng tín dụng không đồng đều cho các doanh nghiệp và có nguy cơ tạo ra một thị trường tiền tệ khắp khênh, ngoài sự kiểm soát thống nhất của Ngân hàng nhà nước.

Thị trường chứng khoán còn quá nhỏ bé, chậm phát triển, chưa bao gồm những doanh nghiệp quan trọng và hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài. Hệ thống quỹ đầu tư mạo hiểm (venture capital) chưa phát triển.

3. Một lợi thế cạnh tranh rõ rệt của Việt Nam là lực lượng lao động trẻ, đông đảo, được giáo dục phổ thông tương đối cao so với những nước có mức GDP bình quân đầu người tương đương; người lao động được đánh giá là thông minh, khéo tay, cần cù, chịu khó và giá nhân công còn ở mức tương đối thấp so với khu vực. Song, lợi thế đó mới được phát huy ở mức rất hạn chế và đang có nguy cơ bị giảm sút do tỷ lệ lao động được đào tạo nghề ở Việt Nam còn quá thấp (dưới 18%), nhất là lao động từ nông thôn, không đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, lao động có trình độ cao (về kỹ thuật, công nghệ, quản lý) còn quá ít so với nhu cầu tăng lên nhanh chóng của nền kinh tế. Sức khỏe người lao động chưa đáp ứng yêu cầu lao động công nghiệp, chất lượng giáo dục phổ thông thấp, trình độ đào tạo về ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hán v.v...) thấp xa so với các nước khác trong khu vực.

Người lao động chưa được đào tạo và chuẩn bị tốt về tác phong, kỷ luật lao động công nghiệp, về tinh thần, thái độ, ý thức lao động trong tập thể. Các yếu tố đó dẫn đến việc người sử dụng lao động phải tăng thêm chi phí đào tạo.

Các cơ sở đào tạo, từ đào tạo nghề đến đào tạo đại học và sau đại học, còn nhiều yếu kém, lạc hậu về nhiều mặt, chưa đáp ứng nhu cầu cả về số lượng lẫn chất lượng. Thị trường lao động chưa phát triển. Các quy chế về bảo hiểm xã hội, an toàn lao động, về các trách nhiệm xã hội chưa đầy đủ và chưa được thực hiện tốt. Số vụ đình công, phản đối có tính tập thể và xung đột giữa người lao động với người sử dụng lao động đang có chiều hướng tăng... có thể trở thành một cản trở trong quá trình phát huy lợi thế cạnh tranh về lao động ở trong nước cũng như xuất khẩu lao động ra nước ngoài.

Hiện tượng khan hiếm lao động có đào tạo ở các trung tâm công nghiệp, các khu công nghiệp diễn ra khá phổ biến. Hiện tượng cạnh tranh lao động có chất lượng giữa các doanh nghiệp, lao động có đào tạo bỏ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác mà chi phí đào tạo không được hoàn trả vừa làm tăng thêm chi phí sử dụng lao động, vừa không tạo động lực để các doanh nghiệp đầu tư cho đào tạo tay nghề.

Mức khởi điểm để tính thuế thu nhập cá nhân đối với lao động Việt Nam quá thấp, tốc độ thuế suất lũy tiến lại cao, trong mức thuế thu trên tổng thu nhập không được khấu trừ những khoản chi phí tối thiểu cho sinh hoạt theo thông lệ quốc tế, làm cho tổng chi phí tiền lương cá nhân của chuyên gia Việt Nam trở nên quá cao, trở thành một yếu tố thiếu hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài khi sử dụng lao động tay nghề cao của Việt Nam. Mặt khác, lao động rẻ là một yếu tố cạnh tranh luôn luôn ở trạng thái động, khi đời sống được nâng lên, thì giá nhân công cũng tăng lên, và do đó lợi thế này đang trong xu hướng mất dần theo chiều phát triển của nền kinh tế.

4. Trình độ khoa học, công nghệ của nước ta còn ở mức thấp và chậm tiến bộ. Công nghệ trong các doanh nghiệp đang bị lạc hậu nhiều thế hệ so với khu vực. Việc chuyển giao công nghệ từ đầu tư nước ngoài, từ các công ty đa quốc gia và các nguồn khác chưa có sự tiên bộ rõ rệt. Đặc biệt, trình độ công nghệ thông tin

còn rất thấp và sự phát triển gặp nhiều rào cản do độc quyền và các quy định hành chính gò bó. Xuất hiện sự phân hóa sâu sắc về tiếp cận thông tin giữa các vùng, miền và các tầng lớp dân cư.

Tiềm lực khoa học, công nghệ vốn còn ít ỏi, lại chưa được sử dụng tốt do cơ chế quản lý chậm được đổi mới, mối liên kết giữa khoa học, công nghệ (nghiên cứu) - trường đại học (giảng dạy) - doanh nghiệp còn thiếu chặt chẽ, phần nhiều do các trở ngại về hành chính và cơ chế tài chính.

Các viện nghiên cứu chưa thực sự tự chủ trong nghiên cứu, huy động vốn, tham gia đấu thầu trong nước và quốc tế do thiếu tư cách pháp nhân đầy đủ. Sự quan tâm và đầu tư từ khu vực doanh nghiệp cho khoa học, công nghệ còn thấp do nhiều lý do, trong đó có lý do bắt nguồn từ cơ chế độc quyền, tình trạng cục bộ ngành và địa phương, chưa thực sự trọng dụng người có tài, chưa chấp nhận cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động khoa học, công nghệ.

Mặc dầu khoa học, công nghệ được coi là "quốc sách hàng đầu" và sự thực đất nước đang có tiềm năng không nhỏ, song trong thực tế, vai trò của khoa học, công nghệ chưa tương xứng, tư vấn khoa học, công nghệ chưa được coi trọng đúng mức. Không ít quyết định đầu tư và quyết sách quan trọng thiếu căn cứ khoa học vững chắc, nhất là trong việc thẩm định các dự án, tư vấn cho hoạch định chính sách, quy hoạch phát triển.

5. Những năm gần đây kết cấu hạ tầng đã được đầu tư và có cải thiện đáng kể, nhưng cản trở từ kết cấu hạ tầng đối với năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là tình trạng độc quyền, áp đặt giá quá cao với chất lượng dịch vụ thấp, năng suất lao động và hiệu quả sử dụng phương tiện rất thấp. Chi phí về kết cấu hạ tầng ở nước ta quá cao so với các nước trong khu vực. Chẳng hạn, giá bán điện đang cao hơn của các nước trong khối ASEAN. Đã vậy, theo tính toán, ở Việt Nam chi phí điện năng cho sản xuất (chi phí đầu vào) tăng thêm

8 - 12% so với giá công bố do yếu tố chất lượng cung cấp điện thấp.

Doanh nghiệp công nghệ cao chưa dám đầu tư vào nước ta trong đó có lý do về kết cấu hạ tầng. Chi phí cao và chất lượng thấp của các loại dịch vụ thuộc kết cấu hạ tầng là một trở ngại lớn trong các nỗ lực giảm giá đầu vào của các doanh nghiệp.

6. Trong xuất khẩu, nhiều hạn chế đã được dỡ bỏ, cũng không còn thuế xuất khẩu, song, vẫn còn những hạn chế về định lượng nhập khẩu, mức thuế nhập khẩu cao để bảo hộ một số sản phẩm. Đầu tư nước ngoài vào một số lĩnh vực do các tổng công ty nhà nước nắm giữ còn chịu nhiều cản trở.

Các dịch vụ tài chính phục vụ xuất, nhập khẩu và đầu tư nước ngoài như tín dụng, bảo lãnh tín dụng xuất, nhập khẩu, v.v... còn chậm phát triển. Các dịch vụ về thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tiếp thị, triển lãm, hội chợ, khuyến mại, nghiên cứu thị trường, tiếp cận khách hàng, tư vấn luật pháp và kinh doanh còn kém phát triển.

7. Việc thực hiện Luật Doanh nghiệp, bãi bỏ và thay thế khoảng 160 giấy phép kinh doanh đã cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh ở tầm vĩ mô cho doanh nghiệp. Tuy vậy, năng lực quản lý doanh nghiệp nói chung còn thấp. Nhiều doanh nghiệp chưa đăng ký thương hiệu, xây dựng chiến lược kinh doanh, nghiên cứu thị trường, do đó chưa biết rõ khách hàng và đánh giá đúng đối thủ cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Doanh nghiệp cũng chưa có hiểu biết đầy đủ về pháp luật, về thị trường công nghệ. Nhiều doanh nghiệp chưa có chiến lược về nhân sự, chưa quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động. Chất lượng quản lý doanh nghiệp còn thấp, không ít doanh nghiệp chưa xây dựng nội quy, cũng như thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quyền dân chủ của cổ đông, chưa tôn trọng vai trò của hội đồng quản trị v.v.. Các mặt yếu kém này là nguồn gốc tiềm tàng dẫn đến tranh chấp, thậm chí có thể làm cho doanh nghiệp mất ổn định nghiêm trọng.

Trước thực tế đó, giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia cần tập trung vào mấy hướng chính, như sau :

Thứ nhất, cần tuyên truyền rộng rãi về những thách thức của nền kinh tế đòi hỏi phải sớm cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia. Tạo bước đột phá mới về tư duy kinh tế, đẩy nhanh tiến độ thiết lập thị trường các yếu tố sản xuất đầy đủ và đồng bộ, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhất quán quan điểm về định hướng xuất khẩu của nền kinh tế, không duy trì bảo hộ lâu dài để thay thế nhập khẩu bằng mọi giá để bảo đảm phát triển bền vững. Độc lập tự chủ của nền kinh tế phải được thể hiện rõ trong việc lựa chọn hướng đầu tư, đối tác đầu tư, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chí hàng đầu để xét duyệt các dự án đầu tư và vay vốn nước ngoài. Quyết không để tình trạng đầu tư kiểu phong trào, phân tán, dàn trải, phá vỡ quy hoạch tổng thể dẫn đến hậu quả xấu cho những năm sau. Khắc phục tình trạng xin - cho trong cấp phát vốn đầu tư ngân sách. Sớm chuyển cơ chế cấp phát vốn cho các doanh nghiệp nhà nước sang cơ chế tín dụng đầu tư, có tiêu chí khoa học, rõ ràng và thống nhất cả nước về đánh giá hiệu quả đầu tư ngay từ giai đoạn tiền khả thi của các dự án. Đồng vốn của nhà nước phải có chủ cụ thể, bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả, các định chế ràng buộc về quyền hạn và trách nhiệm phải cụ thể và rõ ràng.

Thứ hai, giảm chi phí đầu vào. Các bước giảm cước, phí và lệ phí vừa qua của các ngành độc quyền nhà nước chủ yếu vẫn nặng về lợi ích cục bộ của từng ngành mà chưa xuất phát từ nhu cầu cấp thiết của việc tăng năng lực cạnh tranh quốc gia. Giảm các chi phí khác có tính chất vô hình, như tốn kém thời gian làm các thủ tục hành chính phiền hà để thực hiện sản phẩm. Những loại chi phí gián tiếp này khó xuất đầu lộ diện, nhưng gây tác hại vô cùng lớn, làm cho doanh nhân dễ bị mất thời cơ kinh doanh, tốn kém, nhất là tình trạng không minh bạch, rõ ràng, dẫn đến cạnh tranh

không lành mạnh, người làm ăn giỏi có sản phẩm tốt chưa được tôn vinh thỏa đáng.

Một yếu tố rất quan trọng liên quan đến giảm chi phí đầu vào đó là vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Trong đó khâu còn nhiều vấn đề nhất hiện nay là tuân thủ quy hoạch. Có ý kiến cho rằng, quy hoạch không sai, nhưng nhiều dự án lớn làm sai, chạy theo lợi ích cục bộ, địa phương trên cơ sở xin - cho, chủ quan duy ý chí... làm phá vỡ quy hoạch chung, gây lãng phí, sản xuất thừa. Nếu sử dụng vốn đầu tư không hiệu quả sẽ để lại một gánh nặng nợ nần rất nguy hiểm cho vài ba chục năm sau.

Thứ ba, khẩn trương thực hiện kế hoạch điều chỉnh, bổ sung luật pháp hiện hành để phù hợp với các cam kết quốc tế. Sớm tiến tới hình thành khung pháp lý thống nhất đối với các loại hình doanh nghiệp có hình thức tổ chức, sở hữu khác nhau thuộc các thành phần kinh tế. Sớm có các văn bản dưới luật về cạnh tranh và kiểm soát độc quyền, quy định rõ về các lĩnh vực và tổ chức được độc quyền tự nhiên.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục rà soát các giấy phép kinh doanh hiện hành và điều kiện kinh doanh đối với những ngành có điều kiện, nhất là trên những ngành, lĩnh vực cho đến nay chưa được rà soát. Đơn giản hóa các thủ tục hoàn thuế, hải quan, đất đai, xây dựng, hộ khẩu, công chứng phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Xây dựng quy chế công bố thông tin của các cơ quan nhà nước về quy hoạch, về chính sách có liên quan, quy chế trả lời ý kiến công dân và doanh nghiệp. Thể chế hóa việc tổ chức đối thoại giữa doanh nghiệp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương; quy định trách nhiệm thực hiện các cam kết và thời hạn giải quyết. Khẩn trương thực hiện chương trình sử dụng công nghệ thông tin trong hệ thống quản lý nhà nước, từng bước xây dựng "chính phủ điện tử".

Sớm ban hành luật về đấu thầu để việc chi tiêu tiền công được đưa vào tay những chủ thể

thực sự làm tốt và có hiệu quả cao. Trong luật đó phải bảo đảm chặt chẽ để tránh tình trạng móc ngoặc, "đi đêm", "quân xanh, quân đỏ"... Tình trạng móc ngoặc trong đấu thầu không minh bạch đã làm cho tiền và tài sản nhà nước thất thoát, lãng phí còn công trình và sản phẩm thì chất lượng thấp, đang trở thành hiện tượng rất phổ biến hiện nay trong xây dựng cơ bản.

Điều chỉnh cơ chế chi tiêu ngân sách nhà nước, tăng tỷ lệ chi cho hạ tầng kinh tế - xã hội trên cơ sở giảm các khoản chi không thuộc chi phát triển như xây dựng trụ sở. Xóa bỏ các hình thức bao cấp cho doanh nghiệp nhà nước, chuyển sang trợ cấp gián tiếp theo các hình thức phù hợp với yêu cầu của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cho doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo tiêu chuẩn quy định chung để tiến tới hội nhập sâu hơn về kinh tế. Mở rộng yêu cầu công khai ngân sách đối với các cấp.

Thứ tư, tăng cường thâm nhập thị trường quốc tế, thực hiện chính sách khuyến khích xuất khẩu phù hợp với yêu cầu WTO. Phát triển thương mại điện tử. Tìm kiếm các hình thức mới hỗ trợ xúc tiến thương mại, đổi mới cơ chế sử dụng Quỹ xúc tiến thương mại. Xây dựng chương trình xúc tiến thương mại cho một số sản phẩm có năng lực cạnh tranh trong tương lai. Nghiên cứu thành lập trung tâm xúc tiến thương mại tại một số thị trường trọng điểm. Hợp tác với công ty thương mại nước ngoài, ngân hàng nước ngoài để tổ chức hoạt động xúc tiến trên thị trường quốc tế. Tổ chức nghiên cứu thị trường, xây dựng hệ thống thông tin dự báo thị trường. Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thương mại và ngoại giao ở nước ngoài về thu thập và phân tích thông tin.

Đào tạo năng lực đàm phán cho đội ngũ chuyên trách về đàm phán thuộc Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế. Ký kết các hiệp định hỗ trợ thương mại như hiệp định về

(Xem tiếp trang 47)

VŨNG VÀNG ĐI QUA NĂM CŨ, TỰ TIN BƯỚC VÀO NĂM MỚI VỚI NHIỀU NỖ LỰC, HỨA HẸN MỚI

LÊ THANH HẢI *

TRONG những tháng đầu năm 2004 vừa qua, người lạc quan nhất cũng không khỏi băn khoăn khi kinh tế thành phố có những tín hiệu không mấy sáng sủa. Dịch cúm gia cầm, bệnh đốm trắng ở tôm, rồi giá xăng dầu, sắt thép, vật tư, nguyên liệu tăng cao, v.v.. đã làm cho tốc độ phát triển sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp ở thành phố Hồ Chí Minh chậm lại. Kết thúc quý I, GDP trên địa bàn thành phố chỉ tăng 8,5%, thấp hơn cùng kỳ năm trước 1%. Sang quý II, kinh tế tuy có chuyển biến tích cực hơn, nhưng tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp của thành phố vẫn tiếp tục chậm hơn cùng kỳ; giá trị sản xuất nông nghiệp cũng thấp hơn cùng kỳ năm trước 21,7%.v.v.. Công nghiệp thành phố có xu hướng mất dần các lợi thế so với các địa phương khác như về quỹ đất, giá đất, giá nhân công và các chi phí đầu vào khác, v.v..

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật; khách quan và nghiêm túc, Đảng bộ, chính quyền thành phố đã đánh giá đúng thực trạng, chỉ rõ nguyên nhân của từng mặt, từng vấn đề; nhất là cùng đồng tâm, hiệp lực tìm cách tháo gỡ khó khăn. Các biện pháp cơ bản

là đẩy mạnh khu vực dịch vụ, hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, tích cực mở rộng thị trường trong nước và nước ngoài, tạo môi trường đầu tư thực sự thông thoáng, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp các cơ sở kinh doanh thương mại, du lịch v.v..

Sau một năm nỗ lực phấn đấu, hòa cùng những thành tựu rất đáng phấn khởi của cả nước, thành phố Hồ Chí Minh đã vượt qua khó khăn, thu được nhiều thành quả rất đáng khích lệ trên nhiều lĩnh vực. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội do Thành ủy và Hội đồng Nhân dân thành phố đề ra đầu năm 2004 đều đã đạt và vượt kế hoạch với những con số đầy sức thuyết phục; trong đó nổi bật nhất là 5 thành tựu sau đây:

Một là, đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế 11,6%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 6 năm qua và năm sau cao hơn năm trước. Đáng chú ý là khu vực kinh tế dân doanh dẫn đầu về mức tăng trưởng, đạt 14,5% (khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 12% và khu vực kinh tế nhà nước là 8,8%.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Đây cũng là năm kim ngạch xuất - nhập khẩu của thành phố tăng 33,6% cao nhất từ trước đến nay. Dịch vụ - thương mại chiếm tỷ trọng 50,1%, tăng 11,1% trở thành ngành đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của thành phố. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2004 tăng 16,3% (năm 2003 là 9,1%). Doanh thu du lịch tăng 37% và lượng khách du lịch quốc tế đến thành phố tăng 23%. Nhiều loại hình dịch vụ mới đang hình thành và được khẳng định, nhất là sản xuất phần mềm và công nghệ cao, kéo theo tỷ trọng kinh tế tri thức tăng lên.

Hai là, thu ngân sách và huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Năm 2004, thành phố thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 49.000 tỉ đồng, vượt 3,2% so với dự toán và tăng 17,9% so với năm 2003. Trong đó thu thuế xuất - nhập khẩu là 18.500 tỉ đồng, bằng 87,3% dự toán, thu thuế nội địa đạt gần 27.300 tỉ đồng, vượt 7,6% so với dự toán. Tổng chi ngân sách địa phương trên 15.800 tỉ đồng. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt gần 43.000 tỉ đồng, tăng 15,6% so với năm trước. Trong tổng vốn đầu tư năm 2004, có 10.000 tỉ đồng vốn ngân sách (chiếm 1/4 vốn đầu tư toàn xã hội) được đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội của thành phố. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong những năm tiếp theo.

Ba là, những chỉ tiêu liên quan đến chất lượng sống của người dân thành phố đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể là đến cuối năm có 82% hộ dân được cung cấp nước sạch, 150 triệu lượt người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng. Thành phố đã đầu tư xây dựng được gần 3 triệu m² nhà ở bằng nhiều nguồn vốn. Thu nhập bình quân đầu người đạt 1.800 USD/năm.

Bốn là, hoàn thành chương trình xóa đói giảm nghèo theo tiêu chí của thành phố và tiếp tục thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo theo tiêu chí mới là đạt mức thu nhập dưới 6 triệu đồng/người/năm đối với những hộ trong chương trình xóa đói giảm nghèo.

Năm là, bước đầu thực hiện thành công đề án "Tổ chức quản lý, giáo dục dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện". Thành phố đã ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư và tăng cường cơ sở vật chất, giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện. Đến nay đã có gần 10.500 học viên và khoảng 5.400 người sau cai nghiện có việc làm. Thành phố cũng đã tạo được sự chuyển biến tích cực về trị an và trật tự đô thị; tệ nạn ma túy được xử lý quyết liệt; các hoạt động xã hội - từ thiện được tổ chức rộng khắp, sôi nổi và đạt hiệu quả cao. Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", trong năm qua tiếp tục được thực hiện có kết quả với trên 63.000 điển hình "người tốt, việc tốt", hơn 770.000 hộ dân đạt tiêu chuẩn "gia đình văn hóa". Hoạt động văn học - nghệ thuật, thông tin báo chí, xây dựng các thiết chế văn hóa... của thành phố đều đạt được những tiến bộ rõ rệt.

Những thành tựu quan trọng đó là kết quả của sự phấn đấu, năng động, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân; của các ngành, các cấp và lực lượng vũ trang; đồng thời được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ hiệu quả của Trung ương; của các nhà khoa học, các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước, của kiều bào ở nước ngoài; của các địa phương bạn; sự thông tin và động viên kịp thời của các cơ quan thông tin đại chúng... Những thành quả quan tâm, ủng hộ, trên đây là cơ sở để phố vững tin hơn thực hiện thắng lợi vụ năm cuối của kế hoạch 5 năm (2005) với những nỗ lực, quyết tâm m

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn có những khó khăn thách thức, đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân phải ra sức phấn đấu để vượt qua, đưa thành phố tiếp tục ổn định và phát triển trong thời gian tới.

Một là, kinh tế tăng trưởng nhanh, nhưng chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng chưa cao, từ đó dẫn đến sức cạnh tranh của nền kinh tế cũng như của các doanh nghiệp còn yếu. Đây cũng là một thách thức rất lớn đối với thành phố trước yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Hai là, việc phát triển đô thị tuy có nhiều chuyển biến nhưng chưa có các thay đổi mang tính đột phá, nhằm bảo đảm yêu cầu tăng trưởng kinh tế, cải thiện dân sinh. Việc quản lý đô thị còn nhiều yếu kém, bất cập, nhất là trong các vấn đề quy hoạch và quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, xây dựng, vệ sinh môi trường; những thách thức về nhà ở, việc làm, an ninh trật tự v.v.. trong đó có những vấn đề bức xúc như ùn tắc giao thông, ngập nước trong mùa mưa do triều cường.

Ba là, về cải cách hành chính, tuy đã có nhiều nỗ lực trong cải cách hành chính, nhất là cải tiến thủ tục trong giao đất, cho thuê đất, trong xây dựng nhà ở, thu hút đầu tư nước ngoài v.v.. nhưng nhìn chung tiến triển còn chậm. Nơi này, nơi khác cán bộ, viên chức còn gây phiền hà, những nhiều nhân dân và doanh nghiệp, nhất là tình trạng tiêu cực, tham nhũng trong một bộ phận cán bộ, viên chức của bộ máy nhà nước.

Năm 2005 là năm có ý nghĩa rất lớn đối với cả nước và thành phố Hồ Chí Minh. Đây là năm có những sự kiện trọng đại của đất nước: 75 năm Ngày thành lập Đảng, 60 năm Quốc khánh, 115 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 30 năm Ngày giải phóng

miền Nam, thống nhất đất nước. Đây cũng là năm mà Đảng bộ thành phố tiến hành Đại hội Đảng các cấp. Để thiết thực chào mừng các sự kiện trọng đại đó, thành phố ra sức huy động nguồn lực toàn xã hội để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong kế hoạch 5 năm đầu của thế kỷ XXI. Tất cả các chỉ tiêu chủ yếu như tăng trưởng kinh tế, quản lý đô thị, giải quyết việc làm, nhà ở, cung cấp nước sạch, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe v.v.. đều phải đạt mức cao hơn năm 2004. Bên cạnh đó, an ninh chính trị trên địa bàn của một thành phố trung tâm phía Nam phải được giữ vững, bảo đảm cuộc sống yên lành để nhân dân yên tâm làm ăn, sinh sống. Đây cũng là năm thành phố sẽ tiếp tục đối mặt với những thách thức lớn hơn của quá trình chủ động hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế.

Để vượt qua những trở ngại đó và hoàn thành tốt những nhiệm vụ quan trọng đã đặt ra, thiết thực chào mừng những ngày lễ trọng đại của dân tộc, thành phố phát động phong trào thi đua yêu nước sâu rộng ở tất cả các ngành, các cấp; đồng thời tích cực hưởng ứng cuộc vận động "chống lãng phí, thực hành tiết kiệm", trước hết là trong bộ máy chính quyền các cấp, nhằm tạo ra động lực và niềm tin mới để xây dựng và phát triển thành phố theo hướng ngày càng văn minh, hiện đại.

Một trong những tín hiệu vui trong những ngày đầu của năm mới là thành phố vừa đón 243 khách quốc tế đầu tiên thuộc các nước châu Âu đến "xông đất" qua cửa khẩu sân bay Tân Sơn Nhất. Lượng khách du lịch quốc tế đăng ký đến thành phố Hồ Chí Minh trong 5 ngày đầu năm mới gần 7.500 người; Việt kiều về quê ăn Tết năm nay qua thành phố Hồ Chí Minh dự đoán sẽ vượt ngưỡng 100.000 người. Điều này cho thấy thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục là địa chỉ có sức hấp dẫn đối với bè bạn năm châu.

Năm 2005, thành phố sẽ khởi công hàng loạt công trình lớn đánh dấu sự phát triển mới cả về lượng và chất. Đó là dự án đại lộ đông - tây và đường hầm qua Thủ Thiêm nối liền 8 quận, huyện của thành phố. Dự án khởi công vào tháng 1-2005 và hoàn thành cuối năm 2007. Dự án cầu Thủ Thiêm qua sông Sài Gòn kết nối trung tâm thành phố với khu đô thị mới Thủ Thiêm và dự án cầu Phú Mỹ - cầu dây văng hiện đại của thành phố cũng sẽ được khởi công trong năm 2005. Công trình cầu Tân Thuận 2 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2005. Cũng trong năm nay, thành phố sẽ khởi công một số hạng mục trong dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm; nâng cấp, mở rộng đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Nguyễn Văn Trỗi; khẩn trương chuẩn bị dự án xây dựng hai tuyến tàu điện ngầm ở thành phố.

Tiềm năng phát triển của thành phố Hồ Chí Minh còn rất lớn, bởi nó hội tụ cả "thiên thời", "địa lợi" và "nhân hòa". Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố bằng những việc làm cụ thể, thiết thực đang thể hiện rõ quyết tâm đổi mới theo đường lối của Đảng đề ra như: xây dựng các mô hình quản lý phù hợp; có sự định hướng cho từng giai đoạn, với sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành tập trung, trọng tâm, trọng điểm tìm cách khơi nguồn tiềm năng, tạo nên các nguồn lực mạnh mẽ, để thúc đẩy kinh tế thành phố phát triển nhanh, mạnh, xứng đáng là thành phố năng động và sáng tạo trong quá trình, phát triển.

Bước vào năm mới Ất Dậu 2005, với những nhiệm vụ mới và nỗ lực mới Đảng bộ, chính quyền, nhân dân thành phố nhất định sẽ tiếp tục giành được nhiều thành tựu to lớn, xứng đáng với vinh dự thành phố được mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

NÂNG CAO NĂNG LỰC...

(Tiếp theo trang 43)

vận tải, thanh toán, công nhận kết quả kiểm tra vệ sinh, kiểm dịch, tiêu chuẩn và chất lượng hàng hóa. Hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết những vấn đề mới trong hội nhập như tranh chấp thương mại, đáp ứng yêu cầu chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn lao động.

Thực hiện các cam kết về giảm thuế, xóa bỏ hàng rào phi thuế. Thay thế chế độ giá tính thuế tối thiểu bằng giá ghi trên hợp đồng phù hợp với Hiệp định về trị giá hải quan của WTO. Cải cách thủ tục hải quan theo hướng đơn giản hóa và hài hòa thủ tục với chuẩn mực quốc tế. Ban hành các biện pháp phòng vệ và tự vệ phù hợp với quy định của WTO.

Thứ năm, tăng cường năng lực công nghệ của doanh nghiệp, trợ giúp doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, tiến tới cạnh tranh bằng sản phẩm có hàm lượng tri thức cao và có tính độc đáo. Đơn giản hóa thủ tục đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Xây dựng khung pháp lý cho thị trường khoa học công nghệ, mở rộng phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với quy định của WTO và các điều ước quốc tế đã ký kết.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục - đào tạo, dạy nghề trong việc tuyển sinh, lựa chọn chương trình bổ sung cho chương trình bắt buộc. Khuyến khích hợp tác, trao đổi, liên doanh với tổ chức nước ngoài. Tiếp tục thực hiện chương trình cử người ra nước ngoài học tập và mời chuyên gia nước ngoài vào đào tạo cho giảng viên trong nước.

Sớm thống nhất quy định về tiền lương tối thiểu cho các khu vực kinh tế và thành thị trong nước. Xóa bỏ chế độ duyệt thang bảng Sửa đổi chế độ lao động và tiền lương phù hợp với quy định của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO). □

TÂY Nguyên bao gồm 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng có diện tích khoảng 54.451 km², dân số 4.498.372 người, với 47 dân tộc anh em cư trú. Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, vùng đất Tây Nguyên là căn cứ kháng chiến của ta, và đồng bào các dân tộc Tây Nguyên luôn gắn bó, thủy chung với cách mạng.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Tây Nguyên là một vùng kinh tế động lực, đồng thời là một địa bàn chiến lược trọng yếu về quốc phòng và an ninh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc Tây Nguyên đã vượt lên thử thách, khó khăn, đoàn kết nhất trí trong xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội và luôn sẵn sàng đập tan âm mưu, hành động của các thế lực phản động thù địch, củng cố niềm tin với cả nước.

TỪ TỈNH KON TUM...

Nằm ở cực Bắc Tây Nguyên, so với các tỉnh trong vùng, Kon Tum là tỉnh nghèo nhưng đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Chính phủ nên trong nhiều năm qua, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh đã đạt thành quả quan trọng về tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị trong xu thế phát triển bền vững. Bình quân giai đoạn 2001 - 2005, mức tăng trưởng GDP đạt 11,6%. Do không thuận lợi cho việc trồng các loại cây công nghiệp nên tỉnh đã tập trung vào công tác khuyến nông, khuyến lâm đầu tư nghiên cứu triển khai

và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chuyển giao công nghệ, nhân rộng các mô hình sản xuất trang trại, cải tạo giống cây trồng vật nuôi, tăng giá trị thu nhập trên từng đơn vị diện tích. Một trong những bức xúc của Tây Nguyên là giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Năm

2004, Kon Tum đã tập trung khai hoang 114 ha, thu hồi hơn 41 nghìn ha đất chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, đã giải quyết đất ở cho hơn 2.811 hộ với 4.407 ha. Chín tháng đầu năm 2004, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 12,8%; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 7,4 triệu USD, tăng 22,7%; tổng mức thu ngân sách trên địa bàn tăng đáng kể. Thêm nhiều nhà máy, xí nghiệp mới đi vào sản xuất như: Dây chuyền 2 sản xuất gạch

tuy-nen, nhà máy sản xuất tinh bột sắn Sa Thầy, Đắk Tô, xí nghiệp liên doanh sản xuất bê - tông ly tâm. Các công trình thủy điện sau Yaly như: Thủy điện PreiKrông, Sê San 3A; Dự án thủy điện nhỏ ĐakRosa, ĐakRe, ĐakPone 1, ĐakPosi cũng đang được đầu tư xây dựng.

Năm học 2004 - 2005, toàn tỉnh có thêm 9 trường phổ thông, số phòng học tăng thêm 552 phòng; đội ngũ giáo viên phổ thông có 4.897 người và 874 giáo viên mẫu giáo; số học sinh phổ thông đến trường tăng 2,8%, 11/92 xã, phường, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỉnh đã sử dụng kinh phí 4,5 tỉ đồng cấp vở và sách giáo khoa cho học sinh dân tộc thiểu số. Mạng lưới trường lớp phát triển đã duy trì việc học tập tốt

TÂY NGUYÊN trên con đường đổi mới và phát triển

PHẠM HIỆP

ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc tại chỗ. Đến nay, 73/92 xã, phường, thị trấn có trường trung học cơ sở, 97,3% học sinh tiểu học đúng độ tuổi được huy động đến lớp. Chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng được quan tâm. Có 225.356 người được cấp thẻ khám chữa bệnh theo Quyết định 139/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ... Từ năm 2001 đến nay, Kon Tum đã phấn đấu giảm tỉ lệ hộ nghèo từ 16,46% xuống còn 13%. Trong năm 2004, tỉnh đã hoàn thành xây dựng 2.391 căn nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, giúp bà con ổn định đời sống, chấm dứt nạn du canh, du cư, chặt phá rừng đầu nguồn. Kinh tế khởi sắc và tăng trưởng. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đường giao thông được nâng cấp về đến các trung tâm xã. Có 85/92 xã, phường, thị trấn với 90% số hộ dùng điện thắp sáng và sản xuất, 100% điểm dân cư được phủ sóng phát thanh, 85% số hộ được xem truyền hình.

Cùng với sự phát triển về kinh tế, văn hóa - xã hội; quốc phòng - an ninh ở Kon Tum được củng cố, tạo nên một thế trận vững chắc trên địa bàn. Khối đại đoàn kết giữa các dân tộc trong tỉnh được tăng cường. Năm 2004, nhân dân Kon Tum đã phát hiện, ngăn chặn hàng trăm vụ xâm nhập và truyền đạo Tin Lành Đê Ga trái phép, vạch mặt những kẻ phản động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và chống phá trên địa bàn, không để xảy ra các "điểm nóng", góp phần làm thất bại những âm mưu của các thế lực thù địch. Tỉnh ủy đã lãnh đạo tập trung xây dựng thực lực chính trị, bám sát cơ sở, phát huy quyền làm chủ của dân, tập trung, phát triển kinh tế, nâng cao mức sống của nhân dân, khơi dậy truyền thống cách mạng và đưa Kon Tum vươn lên toàn diện.

GIA LAI...

Tại hội nghị Tỉnh ủy mở rộng vào cuối năm 2004 đồng chí Nguyễn Tuấn Khanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai vui

mừng thông báo những thành tựu quan trọng mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh giành được với một quyết tâm cao. 11/16 chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh đề ra trong toàn khóa đã được hoàn thành, về trước kế hoạch một năm. Sáu chỉ tiêu còn lại, chắc chắn sẽ được hoàn thành vào năm 2005. Thành tựu đạt được khá toàn diện trên các lĩnh vực đã tạo cho Gia Lai một thế và lực, để tự tin bước vào năm mới. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2004 đạt trên 13%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, hợp lý và cân đối. Mức thu nhập bình quân đạt xấp xỉ 5 triệu đồng/người/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 1.070 tỉ đồng, tăng 25,7% so với năm 2003; giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng 18%. Diện tích trồng rừng phòng hộ đạt 105%, rừng sản xuất đạt 106%. Có 4.600 hộ đồng bào dân tộc thiểu số đã được tạo việc làm và thu nhập khá ổn định. Về nông nghiệp, năm 2004 là năm thời tiết biến đổi khắc nghiệt và dịch bệnh gia cầm gây những tổn thất không nhỏ nhưng tổng diện tích gieo trồng vẫn vượt kế hoạch 3%, đàn gia súc, gia cầm tăng 2%. Cũng như Kon Tum, tỉnh Gia Lai đã tập trung giải quyết đất ở và đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đạt kết quả tốt. Hơn 64% số hộ đồng bào dân tộc đã được cấp đất sản xuất. Huy động vốn đầu tư cho toàn xã hội ước đạt 3.000 tỉ đồng, tăng 29% so với năm 2003. Thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp và chế biến nông, lâm sản tại khu công nghiệp của tỉnh đạt được hơn 54 tỉ đồng. Con số này chưa lớn nhưng là mức thu cao nhất từ trước tới nay và mở ra triển vọng tốt đẹp. Một số nhà máy được đầu tư xây dựng và đưa vào sản xuất như Nhà máy cán sợi bông, Nhà máy chế biến tiêu sạch Chư Sê, Nhà máy chế biến tinh bột sắn Krông Pa...

Kinh tế tăng trưởng khá nên đời sống nhân dân được cải thiện, văn hóa - xã hội cũng đạt được kết quả rất đáng phấn khởi. Giáo dục tăng về quy mô và chất lượng ở tất cả các cấp

học, bậc học. Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở được triển khai mạnh. Nhiều chương trình đổi mới giáo dục được thực hiện có hiệu quả rõ rệt. Năm học 2004 - 2005, Gia Lai đã xóa xong tình trạng học ba ca và trường học tranh, tre, nứa, lá. Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đi học được huy động đến lớp đạt 95%. Năm học 2003 - 2004, tỷ lệ tốt nghiệp các cấp học đạt được khá cao. Số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp tăng, trong đó nhiều học sinh là người dân tộc thiểu số. Các chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt được bước tiến mới. Tỉnh không còn xã trống về cán bộ y tế. 100% phòng khám khu vực và 26% trạm y tế xã đã có bác sĩ. Đến hết năm 2004 đã cấp 77.177 thẻ khám chữa bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào người Kinh nghèo. Tiếp tục giảm được 2% số hộ nghèo theo tiêu chí mới của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội. Phong trào xây dựng thôn, buôn văn hóa đã lan rộng đến các vùng xa trung tâm. Mức hưởng thụ về văn hóa của người dân được nâng cao. Diện phủ sóng phát thanh, truyền hình đạt 85%. Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy, trong đó có văn hóa cồng chiêng đang được Nhà nước đề nghị UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

Ở Tây Nguyên nói chung, đặc biệt là Gia Lai, mô hình kết hợp kinh tế và quốc phòng của các đơn vị quân đội đã đem lại hiệu quả nhiều mặt. Cùng với địa phương, Binh đoàn 15 anh hùng đã góp công sức và trí tuệ chăm lo việc làm, bảo đảm đời sống cho nhân dân địa phương. Có 4.076 hộ dân trên địa bàn được Binh đoàn giao nhận khoán 6.327 ha vườn cây các loại, bình quân mỗi hộ 1,55 ha. Các hộ dân còn được giao đất sản xuất, đất ở, được hướng dẫn các mô hình thực hiện và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi. Công ty Bình Dương đã nhận 80% công nhân lao động là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Ngoài ra, công ty còn giải quyết cho đồng bào nhận

khoán chăm sóc và khai thác cao su, cà phê tạo thu nhập ổn định. Nhiều hộ dân được thưởng vượt khoán hàng năm từ 5 triệu đến 13 triệu đồng. Đồng bào các dân tộc thực sự phấn khởi, yên tâm lao động sản xuất xây dựng thôn, buôn ngày thêm đổi mới, giàu đẹp.

ĐỀN ĐẮC LẮC...

Những năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng, trong đó có Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định 168 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh đã tạo nhiều thuận lợi cho Tây Nguyên nói chung, Đắc Lắc nói riêng phát triển toàn diện, bền vững.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2002 - 2004 ở Đắc Lắc bình quân 7,8%/năm, trong đó nông - lâm nghiệp tăng 5,4% (năm 2004 khoảng 6,5%), công nghiệp - xây dựng 21,1%/năm (năm 2004 khoảng 24,4%), các ngành dịch vụ 14,2 %/năm (năm 2004 khoảng 17,5%). Cơ cấu kinh tế: nông - lâm nghiệp 75,89%, công nghiệp - xây dựng 8,89% và dịch vụ 15,22%. Tổng sản lượng lương thực đạt trên 729 nghìn tấn. Sản xuất công nghiệp có bước phát triển khá. Trên địa bàn có 92 nhà máy đang hoạt động; có 12 dự án đang xây dựng với tổng vốn đầu tư 4.430 tỉ đồng và 37 dự án đang chuẩn bị đầu tư với tổng số vốn là 1.500 tỉ đồng. Đến nay có 100% số xã có điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện khoảng 80%. 100% xã, phường, thị trấn có điện thoại, bình quân 3,8 máy/100 dân. Tổng kim ngạch xuất khẩu 3 năm đạt 591 triệu USD, giá trị xuất khẩu đạt 250 triệu USD. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 3 năm 2002 - 2004 đạt 5.979 tỉ đồng. Bằng nguồn vốn địa phương quản lý tập trung, 3 năm qua, tỉnh đã xây dựng 1.414 công trình các loại, trong đó 541 công trình đường giao thông nông thôn, đô thị, 215 công trình thủy lợi, 89 trường học, trong đó 9 trường nội trú và 21 công trình y tế. Riêng nguồn vốn thuộc Chương trình 168 đã đầu tư 318 công trình cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số (gồm 145 công

trình giao thông, 52 công trình thủy lợi, 22 trường học, 107 nhà văn hóa cộng đồng thôn, buôn)... Vốn chương trình mục tiêu quốc gia trong 3 năm đã dành 194 tỉ đồng cho: Chương trình xóa đói, giảm nghèo: 21%; Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: 4,9%; Chương trình giáo dục - đào tạo: 7,7%; Chương trình 135: 52,1%. Việc lồng ghép các nguồn vốn đã tạo điều kiện cho nhiều hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển ổn định đời sống, thoát đói, giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo từ 27% (năm 2000) giảm còn 11,9% (năm 2004).

Giáo dục có bước phát triển khá cả về chất lượng dạy và học lẫn xây dựng cơ sở vật chất. Số học sinh phổ thông hằng năm tăng 4 - 5%, riêng học sinh là con em đồng bào dân tộc thiểu số tăng 7 - 8%/năm. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học được giữ vững, phổ cập giáo dục trung học cơ sở được 30% số xã. Đến nay có 11/12 huyện đã xây dựng xong trường dân tộc nội trú giai đoạn I. Tỉnh đã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là việc tăng cường cơ sở vật chất ngành y tế và thực hiện các chính sách y tế đối với người nghèo. Đến nay có 82% trạm y tế có đủ điện, thiết bị và cán bộ y tế, 76% số bệnh xá có bác sĩ; mỗi năm có trên 550 nghìn lượt người đến khám và chữa bệnh theo Quyết định 139 của Chính phủ.

Hoạt động văn hóa - thông tin đã tập trung hướng về cơ sở, phát triển văn hóa làng xã, văn hóa cộng đồng, thôn, buôn, đặc biệt là phát triển các loại hình văn hóa dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Toàn tỉnh có 205.300 hộ đăng ký gia đình văn hóa, trong đó có 172.777 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Có 80% số dân được xem truyền hình, 90% số dân được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam; chương trình phát thanh và truyền hình tiếng đồng bào dân tộc thiểu số đã tăng cả thời lượng và chất lượng phát sóng.

Các Quyết định 132/QĐ-TTg về giải quyết vấn đề đất ở và đất sản xuất cho đồng bào dân

tộc tại chỗ; Quyết định 154/QĐ-TTg về bố trí nhà ở cho gia đình chính sách và hộ nghèo; Quyết định 159/QĐ-TTg về xây dựng cơ sở vật chất trường học và Quyết định 139 về khám chữa bệnh cho người nghèo của Thủ tướng Chính phủ đã được các cấp ủy và chính quyền trong tỉnh thực hiện có hiệu quả.

Đắc Lắc luôn quán triệt và xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và bảo đảm quốc phòng - an ninh là chiến lược quan trọng. Tỉnh ủy đã xây dựng Chương trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng giai đoạn 2001 - 2005 và đến 2010; Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 30-1-2004 về "xây dựng khu vực phòng thủ cơ bản, liên hoàn, vững chắc, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN". Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Đã chỉ đạo đầu tư tập trung xây dựng các công trình phòng thủ; triển khai thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh và bố trí thêm các điểm dân cư ở các xã dọc biên giới; phối hợp và tạo điều kiện cho các đơn vị thuộc Binh đoàn 16 thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh dọc tuyến biên giới của tỉnh. Bổ sung, hoàn chỉnh và tổ chức diễn tập các phương án phòng thủ, phương án chống biểu tình, bạo loạn ở các cấp, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và xử lý khi tình huống xảy ra.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và phát triển đảng viên đã được các cấp ủy chú trọng, tăng cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, toàn tỉnh có 18 đảng bộ trực thuộc với 727 tổ chức cơ sở đảng và 2.870 chi bộ trực thuộc. Số thôn, buôn, tổ dân phố có đảng viên là 2.016/2.188, chiếm 92,56%.

Hiện nay, hàng loạt dự án trọng điểm từ nguồn vốn bên ngoài đang được triển khai. Đắc Lắc như một công trường xây dựng đang hồi hả về đích. Điểm nổi bật trong xây dựng cơ bản ở Đắc Lắc là việc thu hút vốn đầu tư vào phát triển thủy điện với 6 dự án đang tiến hành

xây dựng, tổng vốn khoảng 15 nghìn tỉ đồng. Mục tiêu của Đắc Lắc năm 2005 là: Tăng trưởng kinh tế từ 11 - 12%, phấn đấu thu ngân sách đạt 815 tỉ đồng, tổng số vốn đầu tư toàn xã hội 3.496 tỉ đồng, tạo việc làm cho 31.500 lao động, phổ cập giáo dục trung học cơ sở cho 23% xã, giảm hộ nghèo xuống dưới 10%... Phấn đấu đến năm 2006 trở thành thành viên 1.000 tỉ đồng.

Đắc Lắc đang chuyển mình vươn dậy, những tiềm năng và thế mạnh đang được khai thác, phát huy. Những dự án phát triển ở Đắc Lắc đang được tiếp sức mới từ sự quan tâm, giúp đỡ của Đảng và Nhà nước, của các tỉnh bạn, các tổ chức đơn vị... Điều đó giúp cho Đắc Lắc phát huy thế mạnh của mình để tiếp tục đi lên mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

...VÀ ĐẮC NÔNG, LÂM ĐỒNG

Đắc Nông và Lâm Đồng là hai tỉnh ở cực nam Tây Nguyên. Trong sự khởi sắc chung của Tây Nguyên năm 2004, hai tỉnh này đã đạt được những thành tựu to lớn.

Tỉnh Đắc Nông bước vào năm 2004 như bước vào một chặng mới trong lịch sử phát triển của mình. Đó là sự chia tách từ tỉnh Đắc Lắc, thành lập nên một tỉnh mới. Mặc dù được Trung ương Đảng và Chính phủ quan tâm, đặc biệt là tỉnh bạn Đắc Lắc dành cho nhiều điều kiện thuận lợi, song nhìn chung vẫn là một trong những tỉnh khó khăn nhất của cả nước. Trung tâm hành chính, kinh tế - xã hội của tỉnh là thị trấn Gia Nghĩa với cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng thấp kém. Để có thể mang được vóc dáng và hình hài của một thị xã trung tâm tỉnh trong tương lai gần, đảng bộ, chính quyền và quân dân Đắc Nông còn phải vượt qua nhiều khó khăn, phát huy mọi nguồn lực và trải qua một thời gian để bứt phá. Ngay từ những ngày đầu lập tỉnh, Ban Chấp hành Lâm thời Đảng bộ tỉnh đã xác định tập trung khai thác tốt nhất các nguồn lực, khắc phục khó khăn, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, củng cố hệ

thống chính trị và xây dựng tỉnh thành địa bàn phòng thủ vững chắc. Tỉnh đã dành sự quan tâm đặc biệt đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, vùng biên giới. Sau một năm nhìn lại, thành quả đạt được đã khẳng định hướng đi đúng của lãnh đạo, chính quyền tỉnh Đắc Nông. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 10,5%; tổng thu ngân sách, chủ yếu là ngân sách nội địa đạt 130,3 tỉ đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt 50 triệu USD, bằng 167% kế hoạch; huy động 500 tỉ đồng đầu tư cho các chương trình phát triển toàn xã hội; giá trị sản xuất công nghiệp đạt 290 tỉ đồng; tổng sản lượng lương thực đạt 122,5 nghìn tấn...

Với hơn 400 nghìn dân khi tỉnh mới thành lập, diện hộ nghèo là 15%, nhờ tập trung chỉ đạo và đầu tư theo chương trình mục tiêu, tỉnh đã hạ tỷ lệ này xuống còn 9,95%. Đến nay 100% xã, thị trấn, 88% thôn, buôn và 67% hộ gia đình có điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Đường ô tô đã đến được 100% số xã; 60% số xã có bác sĩ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu chủ yếu của Đắc Nông trong năm 2005 là: Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế 13,1%; thu ngân sách 145 tỉ đồng; huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 1.200 tỉ đồng, giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 7,5%; thu nhập bình quân đầu người trong năm đạt 5 triệu đồng; hoàn thành việc giải quyết đất ở và đất sản xuất, cung cấp nước sạch cho đồng bào dân tộc thiểu số... là những chỉ số phấn đấu có tính hiện thực trước thềm năm mới.

Tỉnh Lâm Đồng hầu hết các chỉ tiêu đặt ra trong sáu chương trình trọng tâm, sáu công trình trọng điểm vừa qua đều đạt và vượt mức kế hoạch: tốc độ tăng trưởng GDP năm 2004 là 15,8%, trong đó nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 16,1%; công nghiệp và xây dựng tăng 15,7%, dịch vụ tăng 14,5%.

Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 16,2% so với năm 2003. Trồng rừng tập trung được 1.550 ha; giao khoán bảo vệ, khoán nuôi tái sinh rừng được 244.993 ha, trong đó giao

khoản là 166.532 ha cho 6.944 hộ dân tộc thiểu số. Trong năm, tỉnh đã phê duyệt bốn dự án quy hoạch phát triển nông nghiệp công nghệ cao về sản xuất rau, hoa, dâu tây, chè, phát triển nông - lâm, kết hợp chăn nuôi bò sữa, bò thịt. Các dự án thủy lợi lớn như hồ Đăk Long Thượng, hồ Ka La đang được xây dựng và chuẩn bị khởi công hồ Đa Lây, Đa Si; nâng cấp công trình đầu mối và hệ thống kênh chính công trình thủy lợi Tuyên Lâm.

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 1.532 tỉ đồng, tăng 14,75% so với năm 2003. Khu công nghiệp Lộc Sơn có 19 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký 180 tỉ đồng, trong đó có 4 dự án đã đi vào sản xuất, kinh doanh. Năm 2004, tỉnh đã rà soát lại quy hoạch hệ thống thủy điện vừa và nhỏ, chủ trương đầu tư 15 dự án với tổng công suất thiết kế 200,8 MW; phối hợp với các ngành của trung ương xây dựng các dự án thủy điện lớn tại Đại Ninh, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4; cải tạo, nâng cấp thủy điện Suối Vàng và lưới điện thành phố Đà Lạt.

Lâm Đồng chủ trương xây dựng ngành du lịch - dịch vụ trở thành ngành kinh tế động lực. Tỉnh đã tập trung triển khai hai khu du lịch trọng điểm của tỉnh, trong đó: Khu du lịch chuyên đề hồ Tuyên Lâm đã có chủ trương đầu tư 15 dự án với số vốn đăng ký 3.246 tỉ đồng; Khu du lịch tổng hợp Đan Kia - Suối Vàng có 11 dự án đăng ký đầu tư với tổng mức vốn là 3.000 tỉ đồng. Số khách qua lưu trú đạt hơn 1 triệu lượt người (tăng 15%), trong đó khách quốc tế 86.000 lượt (tăng 25%). Riêng thành phố Đà Lạt thu hút 910 nghìn lượt khách (tăng 22,4%), khách quốc tế 83 nghìn (tăng 21,6%). Kim ngạch xuất khẩu đạt 107,8 triệu USD (tăng 82,4%). Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 968.763 triệu đồng, vượt kế hoạch 46,3%; thu ngân sách địa phương đạt 1.648,1 tỉ đồng. Các thành phần kinh tế đều phát triển, trong đó kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 21,2%. Cấp giấy phép đầu tư cho 6 dự án 100% vốn nước ngoài với số vốn đăng ký 7,85 triệu USD; điều chỉnh 6 dự án, với vốn đăng

ký tăng thêm 9,55 triệu USD. Trên địa bàn có 255 doanh nghiệp và 91 chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước đăng ký kinh doanh với tổng vốn 624,5 tỉ đồng.

Trong năm 2004, tiếp tục thực hiện chủ trương lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia về lĩnh vực **văn hóa - xã hội**, gắn với triển khai các dự án đầu tư của tỉnh trên từng địa bàn nhằm phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, cải thiện và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân, trọng tâm là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Cả tỉnh hiện có 572 trường phổ thông với 330 nghìn học sinh các cấp theo học, trong đó 70 nghìn học sinh là người dân tộc thiểu số, nhu cầu học tập của con em nhân dân được thỏa mãn. Toàn tỉnh cũng đã cấp 137.681 thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách; tiếp tục mở rộng mạng lưới y tế đến vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đau ốm được khám chữa bệnh.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tiếp tục phát triển. Ban chỉ đạo xây dựng nếp sống văn hóa tỉnh đã kiểm tra công nhận 92 thôn, buôn, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa cấp tỉnh; cấp huyện là 138 và 120.132 gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa. Tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh năm 2004 giảm còn 8,26%, là mức thấp nhất trong các tỉnh trên địa bàn khu vực Tây Nguyên.

Cả nước vì Tây Nguyên. Tây Nguyên cũng đang vì cả nước. Đảng bộ, chính quyền và quân dân các dân tộc Tây Nguyên đang đoàn kết, nhất trí vượt qua khó khăn thách thức, làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước, làm cho Tây Nguyên ngày thêm khởi sắc, trở thành một vùng có kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển, chính trị **ổn định, quốc phòng - an ninh vững chắc.** □

TRẢI qua 55 năm từ ngày thành lập tỉnh (12-02-1950 - 12-02-2005), với những thành tích và nỗ lực to lớn của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh, Vĩnh Phúc đã vươn lên đứng thứ 7 trong cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp; là một trong số 15 tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách và có đóng góp cho ngân sách Trung ương.

Vĩnh Phúc nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của đất nước, có các trục giao thông chính, cả về đường bộ, đường sắt và đường thủy đi qua, lại tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội, - trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của cả nước, Vĩnh Phúc có nhiều lợi thế trong việc giao thương với các trung tâm buôn bán, tiêu thụ hàng hóa lớn của Thủ đô, cũng như với các trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, và nhất là thu hút vốn đầu tư phát triển các lĩnh vực công nghiệp. Ngoài ra, Vĩnh Phúc còn nằm gần Sân bay quốc tế Nội Bài.

Là một tỉnh ở đồng bằng trung du Bắc Bộ, Vĩnh Phúc có đầy đủ ba vùng sinh thái: đồng bằng, trung du và miền núi. Diện tích đất tự nhiên không nhiều, khoảng 1.370 km², nhưng có nhiều địa điểm có thể phát triển thành những danh lam thắng cảnh đẹp để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Chỉ cách Thủ đô khoảng 60 km, trong những ngày nghỉ cuối tuần mọi người từ Hà Nội có thể lên đây để tận hưởng không khí trong lành, thưởng thức những món ăn đặc sản tại các khu nghỉ mát và du lịch sinh thái như Tam Đảo, đầm Vạc, hồ Đại Lải... Không phải ngẫu nhiên mà Chính phủ đã đưa Vĩnh Phúc vào Chương trình đầu tư phát triển du lịch như các khu du lịch trọng điểm của quốc gia.

Những bước tăng trưởng kinh tế nhanh ở **TỈNH VĨNH PHÚC**

LÊ XUÂN ĐÌNH

Nhưng trong một thời gian dài, những tiềm năng ấy hầu như chưa được "đánh thức". Khoảng 7 - 8 năm về trước, tỉnh vẫn "dậm chân" ở trình độ thuần nông, trên 90% dân số sống ở nông thôn, công nghiệp chưa phát triển, thu nhập bình quân đầu người thấp và tăng chậm. Cho dù Vĩnh Phúc là địa phương luôn có nhiều cuộc "bút phá" như hiện tượng "phá rào" mà người ta thường nói để chỉ những cách làm táo bạo trong việc khoán sản phẩm đến hộ và người lao động trước đây; hay như việc hình thành chợ lao động ở xã Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường. Nhiều người cao tuổi kể lại rằng, loại hình chợ lao động này đã có ở Thổ Tang từ thời phong kiến. Như thế để thấy rằng, con người của Vĩnh Phúc đã có truyền thống siêng năng, cần cù, có nhiều sáng tạo và năng động, chịu khó tìm tòi cái mới, mạnh dạn đi trước trên nhiều lĩnh vực trong làm ăn kinh tế, làm giàu cho mình và cho xã hội.

Tỉnh Vĩnh Phúc được tái lập từ tháng 1-1997, đến nay đã ngót 8 năm. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó có thể tạm phân chia thành hai giai đoạn. Trong gần 4 năm đầu, tỉnh chủ yếu tập trung vào tìm tòi đường hướng phát triển kinh tế theo đường lối của Đảng là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những năm sau đánh dấu kết quả và kiểm nghiệm bằng

thực tiễn những chủ trương, chính sách đã được ban hành.

Trong khoảng 3 năm đầu của nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2001 - 2005, kinh tế của tỉnh tăng trưởng nhanh và tương đối toàn diện. Nhiều mục tiêu do Đại hội đề ra đều thực hiện vượt mức, có chỉ tiêu của 5 năm đã hoàn thành trong 2 - 3 năm, như thu ngân sách thời kỳ 2001 - 2005, chỉ tiêu đề ra trung bình 600 tỉ đồng/năm, thì năm 2002 tỉnh đã thu được 1.612 tỉ đồng. Kết quả đáng phấn khởi là thu nội địa đạt trên 55% chứng tỏ sức sản xuất trong tỉnh đã được tăng lên đáng kể. Có nhiều chỉ tiêu kế hoạch khác đề ra cho năm 2005 tỉnh đã hoàn thành vào năm 2002 và 2003. Từ một tỉnh nghèo, đến nay Vĩnh Phúc đã vươn lên thành một trong mười tỉnh đầu tiên của cả nước có số thu ngân sách trên 1.000 tỉ đồng, gia nhập "câu lạc bộ một ngàn tỉ đồng thu ngân sách". Nếu tính riêng giá trị tuyệt đối sản xuất công nghiệp, Vĩnh Phúc đã vượt lên trên nhiều tỉnh và thành phố, đứng thứ bảy trong cả nước và đứng thứ ba ở phía Bắc, sau Hà Nội và Hải Phòng.

Theo Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004, cơ cấu kinh tế của Vĩnh Phúc tiếp tục chuyển biến mạnh mẽ theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông, lâm nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt trên 14%. Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng 20,4%; nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,6%; dịch vụ tăng 7%. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 2.375 tỉ đồng, trong đó nét nổi bật là thu nội địa đạt trên 1.346,7 tỉ đồng, chiếm gần 57%. Thu hút 25 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và 130 dự án đầu tư trực tiếp trong nước (DDI), đưa tổng các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh lên 387 dự án, trong đó có 69 dự án FDI. Kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh, đạt 132,6 triệu USD. Tỉnh không có hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 6,6% theo tiêu chí mới. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 25%. Giải quyết việc làm cho khoảng 19 ngàn lao động. Với đà đó tỉnh đặt mục tiêu phấn đấu năm 2005

cơ cấu kinh tế sẽ là: công nghiệp - xây dựng 50,1%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 21,5%; dịch vụ 28,4% ⁽¹⁾.

Điều đáng ghi nhận là có nhiều dự án đầu tư trực tiếp vào các lĩnh vực sản xuất những mặt hàng mũi nhọn vốn đã được xác định trong các chủ trương của tỉnh để khai thác lợi thế hiện có, như chế tạo cơ khí, ô-tô, xe máy, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông sản, may mặc và da giày...

Những thành tựu đã đạt được trên, tuy mới chỉ là bước đầu, nhưng là kết quả của cả một quá trình nghiên cứu, bàn bạc dân chủ trong Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Qua khảo sát ở Vĩnh Phúc, chúng tôi nhận thấy điều đáng trân trọng, đồng thời có thể trở thành *những bài học bổ ích* cho các địa phương khác thể hiện ở chỗ, trong những cuộc bàn bạc ấy của lãnh đạo tỉnh, những khó khăn, cản trở và mâu thuẫn của sự phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện cụ thể của Vĩnh Phúc đã được nhìn nhận một cách khách quan, thấu đáo, đánh giá đúng thực tế, từ đó bàn bạc dân chủ để tìm ra những phương án tối ưu nhằm mục tiêu phát triển nhanh kinh tế trong những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, đó là:

Điều kiện đất chật, người đông, thuần nông là chính thì không thể vươn lên giàu có bằng con đường phát triển nông nghiệp theo lối truyền thống. Mặc dầu, điều kiện tự nhiên của tỉnh được phân thành 3 vùng sinh thái rõ rệt: miền núi, trung du và đồng bằng, nhưng trong đó đất canh tác lại rất ít, chỉ có khoảng 30% diện tích tự nhiên. Khó khăn đối với Vĩnh Phúc trong phát triển nông nghiệp cũng tập trung ở điều kiện tự nhiên đó. Trong bối cảnh "đất chật người đông", mật độ dân số trung bình toàn tỉnh là 814 người/km², có huyện tới 1.200 người/km² tích đất canh tác bình quân chỉ 400 m² nhưng Vĩnh Phúc lại có trên dưới 85% thuần túy sinh sống bằng nghề nông.

(1) Theo www.vinhphuc.gov.vn

Có nhà kinh tế đã làm một phép so sánh "khôì hài" rằng, nếu chỉ có thuần nông thì mỗi người dân Vĩnh Phúc mỗi ngày chỉ sống bằng nguồn thu nhập từ 1 m² đất canh tác. Họ đã và đang sống bằng cách nào?!. Nếu thậm chí có đạt được mức thu nhập 50 triệu đồng/1 ha như mục tiêu phấn đấu của phong trào sản xuất nông nghiệp đang được phát động khắp cả nước hiện nay, thì với 400 m²/người một năm người dân Vĩnh Phúc cũng chỉ thu được 2 triệu đồng/năm, chưa đầy 130 USD/năm, trong khi mức trung bình chung của cả nước đã đạt khoảng 483 USD (con số ước tính cho năm 2003 của Tổng cục Thống kê).

Đây chính là điểm yếu do điều kiện khách quan, nhưng lãnh đạo tỉnh lại coi đấy như là một mâu thuẫn trên con đường phát triển, thôi thúc mọi người tìm ra lời giải tối ưu mới có thể làm cho Vĩnh Phúc sớm thoát khỏi tình trạng tỉnh nghèo.

Do điểm xuất phát thấp về phát triển kinh tế, nên muốn tiến nhanh, không còn cách nào khác là phải xác định đúng khâu đột phá để tạo thế "đi tắt, đón đầu". Nếu lấy mốc tái lập tỉnh để xác định điểm xuất phát, thì Vĩnh Phúc là một tỉnh nông nghiệp. Thu nhập GDP bình quân đầu người lúc đó mới chỉ bằng 48% mức trung bình của cả nước. Năm 1997 thu ngân sách của tỉnh dưới 100 tỉ đồng, nhiều khoản mục chi thường xuyên phải do ngân sách trung ương trợ cấp. Cơ cấu sản xuất còn rất nặng về nông nghiệp (chiếm 52% trong GDP), trong khi công nghiệp mới chỉ chiếm khoảng 12%, còn lại 36% GDP là thương mại dịch vụ, nhưng chủ yếu mới chỉ là buôn bán nhỏ lẻ. Tỷ lệ dân số sống trong nông thôn còn rất cao (năm 2002 chiếm gần 87%), đa số sống bằng nghề nông, trong đó thuần nông là chủ yếu, thu nhập của người dân rất thấp, luôn nằm dưới mức sống trung bình chung của cả nước. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội kém phát triển, nhiều hạng mục công trình về kết cấu hạ tầng lâu ngày chưa được tu sửa nên xuống cấp nghiêm trọng. Trong khi đó tích lũy từ nội bộ nền kinh tế rất hạn hẹp... Nhưng do sớm xác định đúng khâu đột phá là phát triển mạnh các

khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thu hút vốn đầu tư vào tỉnh, đồng thời khai thác các lợi thế về du lịch và dịch vụ, nên những khó khăn trên đã được giải quyết và đời sống nhân dân được cải thiện, tích lũy nội bộ nền kinh tế của tỉnh được tăng nhanh.

Đến nay, cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển dịch cơ bản theo hướng công nghiệp hóa, công nghiệp - xây dựng chiếm 49,7% GDP toàn tỉnh; dịch vụ và thương mại chiếm 26,2%; nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn tăng trưởng đều qua các năm nhưng giảm xuống về mặt tỷ trọng, còn chiếm 24,1%.

Gần Hà Nội là một thuận lợi lớn cho sự phát triển, nhưng cũng vừa là một thách thức đối với Vĩnh Phúc bởi giá cả sinh hoạt, giá đất đai, mặt bằng sản xuất rất nhạy cảm với thị trường, dễ bị ảnh hưởng của mức giá cao trong khu vực thành phố. Đối với Vĩnh Phúc "cái gút" của mọi vấn đề có lẽ đã được tháo gỡ một cách khéo léo, tinh tế, đó là *quy hoạch và đền bù giải phóng mặt bằng cho phát triển công nghiệp*. Không riêng gì tỉnh Vĩnh Phúc, một số địa phương khác lân cận Hà Nội và các thành phố lớn đều coi vấn đề giải phóng mặt bằng để phát triển công nghiệp theo quy hoạch là một trong những vấn đề nan giải. Thậm chí có tỉnh còn bị trì trệ, làm chậm lại nhiều dự án đầu tư lớn. Thực tế ở nhiều địa phương cho thấy, để đưa công nghiệp về nông thôn khâu khó khăn nhất, gặp nhiều gay cấn nhất, liên quan đến sự thành bại của mọi dự án đầu tư, đều tập trung ở khâu đền bù, giải phóng mặt bằng, chứ không phải là vốn.

Ông cha ta có câu "phi nông bất ổn", nhưng để ổn định cuộc sống của trên dưới 90% dân số trong khu vực nông thôn bảo đảm được ruộng đất canh tác cho họ vừa thực hiện được quá trình giải phóng mặt bằng để xây dựng và phát triển các khu công nghiệp là điều không đơn giản. Vĩnh Phúc không những đã thành công trong công tác vận động nông dân sớm nhận đền bù, lo cùng với cái lo chung của toàn tỉnh, đẩy mạnh phát triển kinh tế bằng cách chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, mà còn tìm

mọi cách để chia sẻ khó khăn với các nhà đầu tư, làm cho họ thật sự yên tâm, tin tưởng khi đến gây dựng cơ ngơi, đầu tư, làm ăn lâu dài ở tỉnh Vĩnh Phúc.

Muốn tăng trưởng nhanh phải bằng phát triển công nghiệp, nhưng phải có giải pháp để phát triển nông nghiệp bền vững. Vĩnh Phúc đã tìm được lối ra tương đối vững chắc trên lĩnh vực nông nghiệp. Lãnh đạo tỉnh xác định phương hướng cơ bản trong phát triển nông nghiệp là công nghiệp hóa, tập trung hóa và chuyên môn hóa với phương châm *năm tăng* (tăng hiệu quả trên một đơn vị diện tích; tăng năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi; tăng sản lượng lương thực hàng hóa; tăng kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản; tăng thu nhập cho hộ nông dân) và *năm giảm* (giảm trồng cây lương thực những nơi đất xấu năng suất thấp; giảm đất trống, đồi núi trọc; giảm thấp nhất ô nhiễm môi trường; giảm thiểu các thiệt hại do thiên tai; và giảm hộ nông dân nghèo).

Nhờ xác định đúng các chính sách phát triển nông nghiệp, triển khai thực hiện đồng bộ trên các lĩnh vực đất đai, vốn, kỹ thuật - công nghệ, thị trường, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư và tổ chức sản xuất mà Vĩnh Phúc đã làm được những điều kỳ diệu, tưởng chừng như không thể làm được, đó là: biến khó thành dễ, biến yếu thành mạnh. Sử dụng đất là một ví dụ điển hình. Trong quá trình phân loại, những vùng đất có khả năng canh tác được nhiều mùa vụ được xếp hạng cao, do đó thường rơi vào những vùng, những khoảnh đất ba vụ, nghĩa là trồng được cả lúa lẫn màu, điều kiện tưới tiêu thuận lợi. Nhưng nhờ tinh thần sáng tạo, sau một thời gian mảy mò, tìm kiếm người dân đã chủ động chuyển từ trồng lúa một vụ không ăn chắc sang kết hợp nuôi thả cá đồng trên đất vùng trũng, vốn trước đây được xếp vào loại đất xấu nay lại có giá trị kinh tế cao, thu hoạch cá mỗi năm đem lại giá trị kinh tế hơn cả hai vụ lúa và một vụ màu cộng lại.

Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc chủ trương chuyển 4 ngàn héc-ta đất trồng cây lương

thực sang trồng dâu tằm, rau, hoa, quả và nuôi trồng thủy sản, nhưng an ninh lương thực trong tỉnh vẫn bảo đảm bền vững. Điều đó thể hiện ở chỗ, năng suất lúa bình quân đã tăng từ 43,6 tạ của năm 2000 lên gần 53 tạ năm 2004. Trong bối cảnh diện tích canh tác, số lao động trong nông nghiệp đang có xu hướng giảm dần, nhưng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng nhanh, bình quân khoảng gần 8%/năm, giảm tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi... để có một nền sản xuất nông nghiệp thực sự có cơ cấu sản xuất theo hướng *nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích*.

Yếu tố chủ quan có tính chất quyết định là tạo sự thống nhất về mặt nhận thức, quan điểm ngay từ trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo để từ đó thuyết phục được quần chúng nhân dân. Chẳng hạn, nhận thức được rằng, trong những bước đi ban đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại một tỉnh nghèo, thuần nông là chính thì khâu tích lũy ban đầu từ nội bộ không thể đẩy nhanh tốc độ phát triển, bởi vậy lãnh đạo tỉnh đã coi việc *huy động nguồn lực từ bên ngoài tỉnh là yếu tố quyết định*, và tìm cách chuyển hóa chúng, biến ngoại lực thành nội lực để phát triển.

Công tác tuyên truyền, vận động, giải thích đã làm cho mọi người dân nhận thức được rằng, thu hút được các nhà đầu tư vào làm ăn trên địa bàn tỉnh là được lợi về nhiều mặt, đồng thời thực hiện một cách nghiêm túc, công tâm, khách quan những quy định của Chính phủ về chính sách giải phóng mặt bằng, trong đó phải đặc biệt quan tâm đến quyền lợi chính đáng của người dân trong khâu đền bù giải tỏa. Làm được như vậy, suy đến cùng, là nhờ sự đồng tâm nhất trí của cán bộ lãnh đạo, nhất là trong hàng ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh. Bí quyết là lấy công việc, lấy nhiệm vụ chính trị làm trung tâm để hướng tất cả mọi suy nghĩ, năng lực, trí tuệ của đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ vào một mối. Nhờ đó, hai bài toán hóc búa đối với nhiều địa phương là tạo lập môi trường kinh doanh

thông thoáng và giải phóng mặt bằng, có thể nói, đã được giải quyết thỏa đáng ở Vĩnh Phúc.

Đồng tâm, nhất trí trong hàng ngũ cán bộ chủ chốt vừa là động lực, vừa là bí quyết để khuyến khích tinh thần giám nghĩ, giám làm của cấp dưới và đông đảo nhân dân trong tỉnh. Trong nhiều trường hợp, thậm chí chấp nhận cả những thất bại ban đầu, nhưng vẫn vững tin ở thắng lợi, không từ bỏ mục tiêu. Việc sind hóa đàn bò ở Vĩnh Phúc là một ví dụ điển hình. Đến nay đàn bò của Vĩnh Phúc cơ bản đã được sind hóa, tạo thành một vùng nguyên liệu thịt quan trọng cung cấp cho thị trường Hà Nội và xuất khẩu.

Khi quan điểm nhận thức đã thống nhất, mục tiêu nhiệm vụ chính trị đã xác định rõ và đúng đắn, thì khâu tiếp theo là bố trí cán bộ để triển khai thực hiện và nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, đi đầu của đảng viên. Thực tế ở Vĩnh Phúc đã chỉ ra rằng, bố trí sai cán bộ hoặc chậm luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý sẽ khó có bước đột phá, chưa nói đến việc phân công, phân nhiệm phải trúng và phù hợp với sở trường, năng lực của cán bộ mới đem lại thành công. Một đồng chí lãnh đạo ở Vĩnh Phúc có cách so sánh thật dí dỏm rằng, luân chuyển cán bộ cũng giống như xếp quân trong trò chơi "ru-bích cu-bích", nếu tuân thủ đúng nguyên tắc cho phép con người có thể xếp chúng theo từng màu riêng biệt một cách nhanh chóng, nếu không thì chỉ làm cho rối thêm mà thôi.

Muốn thấy được vai trò gương mẫu của đảng viên được phát huy tác dụng như thế nào hãy đến với xã Thổ Tang huyện Vĩnh Tường. Đại đa số người dân trong xã đều đi buôn bán xa quê hương, nhưng không để một tấc đất hoang hóa. Dân buôn thường hay mê tín, tin vào những vận may, rủi trong làm ăn, thế mà một số quy định lại rất được người dân hưởng ứng, cụ thể như cưới xin cho con cháu chỉ tổ chức trong một ngày nhất định của năm, cải mả cho ông bà cũng được quy định cụ thể và đảng viên không những phải gương mẫu thực hiện trước, Đảng ủy xã Thổ Tang còn có quy định đối với đảng viên

không được ăn uống "bê tha" ở quán sá, đến công sở không được uống rượu, bia... Những việc làm đó tuy nhỏ mà có ý nghĩa rất lớn trong nhân dân, làm cho nhiều người thấy sự gương mẫu của những đảng viên ở cơ sở để họ noi theo, trở thành phong trào của quần chúng.

Trong bước đường đi tới, Vĩnh Phúc còn rất nhiều việc phải tiên lượng, phải giải quyết, như: tăng trưởng kinh tế như thế nào cho vừa nhanh, vừa bền vững; quy hoạch các khu công nghiệp như thế nào cho hiệu quả, vừa không làm mất đi những mảnh đất màu mỡ, vừa đem lại nhiều lợi ích cho dân chúng, nhất là nông dân bị mất đất để giải phóng mặt bằng; đào tạo nguồn nhân lực trong tỉnh đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cơ chế tài chính vĩ mô cũng cần được hoàn thiện để thành quả của sự phát triển nhanh các khu công nghiệp vừa làm lợi cho ngân sách quốc gia, vừa giúp địa phương một cách thỏa đáng trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh về xã hội và môi trường. Từ kinh nghiệm thực tiễn và cách làm của Vĩnh Phúc, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng rằng với đà phát triển đã có, với những con người và bộ máy năng động sáng tạo, thì Vĩnh Phúc hoàn toàn có thể "về đích" sớm để trở thành một tỉnh công nghiệp trước năm 2020, giàu có và bền vững.

Trong không khí Xuân Ất Dậu nhân dân Vĩnh Phúc bồi hồi nhớ lại những lời dặn dò ân cần của Bác Hồ trong dịp Người về thăm Vĩnh Phúc, ngày 02-03-1963: "Muốn làm tốt mọi công việc thì phải *lãnh đạo tốt* từ Tỉnh ủy đến chi bộ. Lãnh đạo tốt nghĩa là thực hiện đầy đủ những nghị quyết của Đảng, biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của nhân dân. Phải đi đúng đường lối quần chúng... Cán bộ lãnh đạo phải thật sự cần, kiệm, liêm, chính chí công vô tư... phải làm cho Vĩnh Phúc thành một trong những tỉnh giàu có, phồn thịnh nhất ở miền Bắc nước ta" (2). □

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, t 11, tr 30-31

Về *miền sông nước* **HẬU GIANG**

PHAN TRUNG NGHĨA*

NGUỜI phương xa đến đồng bằng châu thổ sông Cửu Long đều có cùng một ý tưởng: đi về miền sông nước. Đặc điểm địa lý ấy thật là rõ rệt khi càng tiến sâu về phương Nam mạng lưới sông ngòi càng chằng chịt. Ví như đồng bằng sông Cửu Long sông ngòi nhiều vào bậc nhất nước, thì ở miệt Hậu Giang sông rạch chằng chịt nhất đồng bằng sông Cửu Long. Từ xưa, con người ở vùng sông nước đã có đời sống vô cùng phong phú, làm cho các dòng sông vô tri trở nên có hồn. Chính vì thế mà người ta bảo: sau văn minh sông Hồng, nước ta còn có một nền văn minh sông nước miền Tây.

Vùng phía Nam sông Mê-công chạy dài đến mũi Cà Mau xưa được gọi là miệt Hậu Giang. Tôi không có các dữ liệu về sông rạch của khu vực này, nên chỉ xin được nói đôi điều về mạng lưới sông rạch của 2 tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau. Thuở tỉnh Minh Hải chưa chia tách đã có lần tôi đến các sở: Thủy sản, Giao thông - Vận tải, Thủy lợi... để tìm tài liệu về sông rạch, đều nhận được nụ cười thay câu trả lời rất duyên, bởi ở đây chưa ai "kip" chuẩn bị để trả lời câu hỏi này. Thế nên tôi đành hóa thân thành một kẻ lang bạt men theo các bờ sông, bằng đôi mắt trần tục của kẻ hậu sinh luận về những dòng sông già cỗi. Bạc Liêu, Cà Mau có 7 con sông tự nhiên, trong đó phải kể đến sông Cửa Lớn rộng 600 mét và sâu 12 mét. Bắt đầu từ 7 cửa biển tương đối lớn (và các cửa nhỏ) đi dần về thượng nguồn chúng ta sẽ thấy bàn tay khéo léo

của tạo hóa: trên đôi bờ các dòng sông là dày đặc các con kênh, nhánh rạch, mương... lan tỏa, ăn sâu vào ruột đất như một trận đồ bát quái. Đã thế, từ thế kỷ XIX cho đến giữa thế kỷ XX, với mục đích giao thông thủy bộ, tiêu thoát nước... nhằm tạo điều kiện cho việc vỡ vét của cải xứ An Nam, người Pháp đã cho đào rất nhiều kênh lớn nhỏ. Những người già kể rằng, thuở ấy mông muội, dân ta chưa hiểu khoa học - kỹ thuật, nghe tiếng cơ giới (tàu cuốc - tàu xáng) rít ầm ầm thì sợ lắm, bảo rằng "xáng la" đòi ăn thịt con nít. Ngoài việc sử dụng cơ giới người Pháp còn bắt dân ta làm xâu đào kênh, đắp lộ. Có lúc họ huy động hàng chục ngàn người để đào kênh xáng và đắp lộ Bạc Liêu - Cà Mau vào năm 1908. Đến thời kỳ Mỹ - ngụy, chế độ cũ cũng có triển khai việc đào kênh. Đặc biệt là từ sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã đào một hệ thống kênh mương để tiêu úng xổ phèn, làm thủy lợi nội đồng rất lớn. Người ta ước tính, chiều dài của sông rạch Bạc Liêu - Cà Mau lên đến hơn mười một ngàn ki-lô-mét, gấp 8 lần chiều dài đất nước. Và Bạc Liêu - Cà Mau trở thành một vùng đất nhiều sông rạch nhất đồng bằng sông Cửu Long.

Nhờ lợi thế này mà dân mọi miền đất nước đã quy tụ về đây. Dân đến miền sông nước này định cư có nhiều đợt và liên tục, nhưng đông nhất vẫn là đợt sau biến cố giặc Pháp chiếm Sài Gòn - Gia Định rồi truy lùng nghĩa quân Trương Định ở miệt Tiền Giang. Nguyễn Đình Chiểu viết:

Bến Nghé cửa Tiền tan bọt nước,

Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây.

Nhà văn Nga K.Xta-nhin Kê-vich, có dịp đến Việt Nam năm 1981, khi đi thuyền dạo trên sông Đồng Nai ông đã viết trong cuốn hồi ký "Vòng quanh thế giới trên tàu Cooc-xum": rằng "nguyên nhân của sự quạnh vắng này là do cuộc chiến tranh mới đây gây ra khắp nơi, những

* Nhà văn, nhà báo, Thư ký Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Bạc Liêu

đồng đồ nát, những xóm làng bị thiêu hủy. Trong cuộc chiến tranh này người Pháp đã đốt từng làng, từng nhà...". Từ đó dân Sài Gòn - Gia Định và miệt Tiền Giang khoác đời lưu dân, bồng bế nhau lên những chiếc ghe cui, ghe bầu... vượt sông Tiền, sông Hậu tiến vào miệt Hậu Giang. Họ cứ luôn lách theo sông rạch chằng chịt của đồng bằng mà đi miệt, ngo nhìn hai bên bờ thấy nơi nào có người ở thì ghé vào, hoặc các vàm sông nơi có địa thế dễ làm thủy lợi, chống úng, xô phèn... mà lên bờ khai phá. Ở miệt sông nước này không có những mâu thuẫn vật chất giữa kẻ mới và người cũ. Nghĩa là đất đai thì hăng hà, ai muốn khai phá bao nhiêu cũng được. Người ở càng đông thì càng có lợi. Trộm cướp không dám bén mảng. Thú rừng ít phá hoại mùa màng. Ví như cây một công ruộng thì chuột cắn hết, còn cây một trăm công thì sức tàn phá của chuột giãn dần ra, mỗi nhà thiệt hại ít đi. Thế cho nên nó hình thành tính cách mến khách đặc biệt của người Hậu Giang. Tính cách này đã được thể hiện rất rõ từ đầu thế kỷ XX trở về trước. Trong nhà nông dân kha khá một chút bao giờ cũng có hai bộ ngựa gỗ để ở nhà trước dành cho khách. Khách đến bất luận thân sơ, quen lạ đều được chủ nhà tiếp cơm, rượu ngày 3 bữa, chỉ đất hoang cho khai phá, cho mượn trâu cày bừa... Việc chứa khách trong nhà 2 - 3 năm mà chẳng nói đến gạo thóc là chuyện bình thường của người Hậu Giang. Có một tính toán cho rằng ngôi nhà của nông dân ở Nam Bộ không gian tiếp khách chiếm tới 35% diện tích. Chính yếu tố hiếu khách cộng với sự diễn biến của thời cuộc đã thu hút một nguồn nhân lực lớn và dồi dào về miền sông nước Hậu Giang.

Cư dân đến với khát vọng cháy bỏng là để khai phá, xây dựng một mảnh vườn thửa ruộng nơi quê mới. Công cuộc khẩn hoang để triển khai nền nông nghiệp được tiến hành trong bối cảnh chưa có những giải pháp kỹ thuật tác động, chủ yếu là dựa vào thiên nhiên, cho nên nông dân phải tìm một miếng đất có địa thế tiện cho việc chống úng, xô phèn, tưới nước. Đó chính là mảnh đất nằm kề sông rạch. Đồng thời cộng với bối cảnh lúc bấy giờ giao thông thủy là chủ yếu... nên nông dân khẩn hoang chỉ định cư ven

các tuyến sông rạch. Ngày nay chúng ta nhìn tổng thể vẫn dễ dàng nhận thấy đại bộ phận dân cư vùng sông nước đều được bố trí định cư trên sông rạch. Đây là một truyền thống cư trú lâu đời. Nếu có ai đến vùng này bằng giao thông bộ cũng dễ ngộ nhận: "Dân cư sống tập trung theo quốc lộ đấy chứ". Xin thưa rằng trước khi có quốc lộ 1A tuyến Bạc Liêu - Cà Mau đã có sông Bạc Liêu - Cà Mau rồi. Và kể từ đây, đời sống sôi động của con người phả vào những dòng sông già cỗi và lạnh giá kia một luồng sinh khí ấm áp để mà nuôi dưỡng, hình thành cái hồn sông rạch.

Sống ở ven sông thì việc đầu tiên là cư dân phải dần thích nghi với sông rạch. Ở quê tôi con nít 5 tuổi có thể "phóng" xuống sông lội "ùm" qua sông rộng hàng chục mét. Nông dân hay bảo: "lội như rái". Sau đó người ta lợi dụng tài nguyên sông rạch mà sáng tạo ra cung cách làm ăn rồi khai triển một đời sống vô cùng phong phú trên sông rạch. Mới đây đại diện của một ngân hàng thế giới đến khảo sát đã phải kinh ngạc trước năng lực vận tải thủy của đồng bằng sông Cửu Long. Năng lực này cư dân vùng sông nước đã khai thác lâu đời. Ở vùng này có một câu nói cửa miệng rồi dần hóa thành thành ngữ: "không có chiếc xuồng như chặt cái chân". Đại bộ phận gia đình cư dân đều có chiếc xuồng. Đó là phương tiện di chuyển chủ yếu của họ. Lại có một bộ phận cư dân không cần sống trên đất liền, vợ chồng con cái sống trên ghe, khoác kiếp thương hồ rày đây mai đó. Họ làm ăn trên ghe, cưới vợ, gả chồng, ma chay, đình đám... đều trên ghe. Ghe là nhà, sông nước là "mảnh đất" phì nhiêu của họ. Không có đâu mà lạ lùng như sông nước miền Tây với hiện tượng chợ nổi trên sông. Chợ cũng nhóm họp có phiên, cũng mua bán ỳ xèo và hàng hóa thì vô cùng phong phú.

Sông nước phương Nam vốn có trữ lượng tôm cá vào bậc nhất nước. Một đục đáy sông có thể đổ ra đầy một xuồng ba lá cá kèo. Xin kể một cách ăn cá kèo của các chủ trại đục Bạc Liêu hầu bạn đọc: họ lấy đũa gấp ngang đầu con cá kèo bằng ngón tay cái rồi bỏ tuốt vào miệng, sau đó "vuốt" một cái... trên đũa họ chỉ còn cái đầu cá kèo và bộ xương lơ lửng. Và họ

giải thích: "khúc đuôi và khúc bụng có vị ngon khác nhau, mỗi người thích một thứ. Khách đến nhà biết tánh ý dân mà lựa, thôi thì cứ "đẩy" nguyên con vừa đẹp lòng nhau, đã miệng, vừa xứng với "tâm vóc" xứ cá kèo. Chính sự giàu có của sông rạch đã làm nảy sinh những địa danh lạ lùng như: xóm Chày, xóm Đáy, xóm Câu, xóm Lưỡi... Ở đó, cư dân triển khai một đời sống vô cùng phong phú trên sông nước. Việc này nếu nói hết có thể làm tốn rất nhiều giấy mực. Chỉ xin kể đôi điều về làng quê tôi để minh họa mấy nét văn minh sông nước.

Làng tôi nằm ven sông Bạc Liêu và được người ta đặt cho một cái tên chân quê là xóm Chà. Chẳng biết tên gọi có tự bao giờ, người của làng cứ suy luận rằng, nó xuất hiện từ khi có nghề chắt chà truyền thống. Hằng năm khi gió chướng chớm thổi, cây so đũa trước nhà trở bông, ta bắt đầu thấy thềm nồi canh chua cá chốt bằng cẳng cái nấu với bông so đũa... là bắt đầu mùa chắt chà của xóm tôi. Cả xóm đổ xô về các bến sông. Nếu như vụ lúa là để có cái ăn suốt năm, thì mùa chắt chà là mọi nỗ lực cho một cái tết được vui vẻ. Quần áo mới, nồi bánh tét, vài cặp dưa hấu... Tất tất đều trông cậy vào mùa chà. Đầu tiên người ta hạ những cây bần, cây mắm cho chúng rụng lá, sau đó đi tìm nơi định vị cho những đồng chà, quê tôi gọi nôm na là "bến chà". Tìm được bến chà trúng cá, tôm là một việc rất khó. Ở quê tôi vì có nghề chắt chà lâu đời nên xuất hiện nhiều người chọn bến chà rất nổi tiếng. Quanh họ có rất nhiều chuyện kỳ bí như: lập đàn khấn vái "bà thủy" rồi xoa tóc lạng xuống sông làm phép kêu gọi âm binh lừa cá về chà. Việc ấy linh ứng đến cỡ nào thì tôi không biết, chỉ biết rằng có những đồng chà cách nhau 20 - 30 mét mà một đồng thì dăm ba ký cá, một đồng lại vài trăm ký. Bến chà được cào hết sinh non, rồi cặm gượng (thành ô chữ nhật) dài 30 mét, ngang 0,5 mét, sau đó chắt chà vô cho đầy. Thông thường từ 2 - 25 ngày dỡ chà một lần, tùy thuộc vào dự báo chà có cá nhiều hay ít. Trước khi dỡ, người ta rang cám, hoặc bỏ thuốc bắc (toa thuốc này rất bí mật) để thả xuống dụ cá. Khuya chủ chà đến rình ghe cá "ăn mông" trong chà rồi mới quyết định dỡ. Dỡ chà cần từ

7 - 10 người kinh nghiệm, trong đó có hai người lặn giỏi, người ta đem đăng, lưới bao xung quanh, đưa chà lên bờ xong, thì lặn "rạng" vào, chừa cái rọ chừng 2 mét vuông. Khi này cá, tôm đã đặc cứng, chỉ cần đưa vợt xuống xúc. Hồi đó tôm, cá nhiều vô kể, có những đồng chà thu từ 5 - 7 chục kg cá chẽm, 2 - 3 chục ký tôm, rồi cá lóc, cá ngát, cá lăng, cá nâu... Có những con cá chẽm nặng 5 - 7 kg. Đồng chà nào xui xẻo thì xúc đầy một xuống tam bản cá chốt, bán chẳng ai mua, chỉ đem làm mắm. Mà hồi đó tôm, cá rẻ như bèo. Tôm càng xanh bán như cho, ai muốn ăn bao nhiêu tùy thích.

Xứ tôi mỗi nhà đều có từ 5 - 7 đồng chà, tùy khả năng lao động của gia đình. Chà mọc liền nhau, đặc kín hai bờ sông. Mỗi lần dỡ chà, gia chủ thông báo thì trai tráng ở xóm tự giác mang dụng cụ đến giúp, bất kể khuya sớm. Có những đêm rất khuya, giá buốt lạnh thấu xương (vì dỡ chà phụ thuộc vào thủy triều) phải lặn xuống nước nhưng người ta cũng vạn dân đôi công đều đặn. Mỗi quan hệ thân ái này đã thành nếp sống lâu đời ở xóm Chà. Những đêm khuya dỡ chà thì tiếng í ới vang động một khúc sông. Người ta nghỉ tay nướng tôm, mỗi người cầm một con tôm càng bằng nắm tay để nhâm nhi với rượu để cho ấm. Người đến giúp được gia chủ đãi một bữa cơm rượu thật ngon, muốn ăn bao nhiêu tôm, cá tùy thích. Khi về được biếu tôm, cá làm quà.

Chuyện mà tôi kể ở xóm Chà của tôi đã cách đây 20 năm. Sông nước thì lạnh lẽo và vô tri, vậy mà từ khi nghề chắt chà xuất hiện thì tự nhiên dòng sông quê tôi có hồn. Những năm lớn lên đi xa cái hồn sông nước ấy cứ bám theo tôi để gọi thương, gọi nhớ quê nhà.

Cần Thơ gạo trắng nước trong,

Ai đi đến đó lòng không muốn về.

Thế hệ chúng tôi, những người lớn lên sau chiến tranh xa quê tỏa đi khắp mọi miền đất nước. Nhớ về quê, chúng tôi nhớ về con sông tuổi thơ, kỷ niệm một thời tràn về đầy ắp. Ngày nay công nghiệp hóa và cuộc sống đô thị đang làm cho sông quê không còn bóng dáng như xưa. Vậy mà cứ mỗi lần về quê, tôi đứng lặng trên sông tiếc nuối một thời. Mong rằng tất cả chúng ta không ai vô cảm với dòng sông. □



CÁC cụ xưa nói: Trên mặt đất vốn chưa có con đường, con người đi mãi sẽ thành đường. Do đó, hiểu một cách thông thường, đường là lối đi lại nhất định được con người tạo ra để nối liền các điểm cần giao lưu với nhau. Theo đó, nẻo, có thể hiểu là lối đi về một phía nào đó, không cố định. Và trong đời sống, đường được hiểu là cái chỉ sự rộng lớn, quang minh chính đại, tí như đường lớn, đường cái quan... mà người đi trên đó thật đường hoàng, hiên ngang, đĩnh đạc; nẻo là cái chỉ sự nhỏ nhoi, kín đáo... như là nẻo khuya, khuất nẻo... mà con người ta đi qua đó cần phải nín lặng, âm thầm, thậm chí lén lút lách mình mới qua nổi. Tôi giải thích như vậy cho cháu bé đang học lớp tư. Nó gật đầu và nói nó rất hiểu.

Ấy là chuyện sự thường.

Nhắc tới cái sự thường này, bỗng lại chợt nhớ tới một lời than đượm vẻ bất thường đã cô lại tưởng cứng như thép, giống y như câu thành ngữ dân gian: *Lên toàn dân, xuống... đại biểu*. Tôi nghe, không cần nhập tâm mà thuộc ngay nhưng tịnh không hiểu. Một bạn, hỏi kỹ bác nông dân thốt ra câu mà tôi cho là thành ngữ ấy, thì sau cái giật mình, tôi được bác giải thích một cách rành rẽ, đến mức đầm buồn: - Thì tôi nói về các đại biểu của tôi đấy - những người mà báo chí các cậu thường gọi là *đại biểu của nhân dân*. Tôi băn khoăn: - Sao lại *lên toàn dân, xuống... đại biểu*, thưa bác?! - Tôi hỏi, khi không phải - bác nhìn thẳng vào mặt tôi - năm nay, cậu bao nhiêu tuổi?! Đến lượt mình, tôi giật mình,

ĐƯỜNG LÊN, NẴO... XUỐNG

NHỊ LÊ

áp ứng: - Dạ, ba mươi ạ. Bác nhăm: - Mười hai năm đã mấy lần đi bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp rồi còn gì. Tôi: - Vâng. Bác tiếp: - Thế cậu không thấy gì à?! Tôi thật thà: - Không ạ. Bác nói luôn: - Ngủ như cậu, tưởng từng trải và thông minh lắm, ai dè, ừ... mà không thì cũng phải. Mấy lần thấy cậu về, định lại chào, thì thoát cái, biến mất vào tiệc tùng, hỉ hả đỏ mặt, rồi cầm cái phong bao của xã, thì còn thấy cái gì nữa. Mặt tôi như lửa táp. Nhưng bác bỗng ôn tồn một cách lạ lùng, làm tai tôi cứ như thùng dẫn, thùng dẫn ra: - Cậu xem, các đại biểu Quốc hội, các đại biểu Hội đồng nhân dân về ứng cử ở đây, ai bầu? *Toàn dân bầu*. Trước khi chúng tôi đến hòm phiếu bầu, họ đi tiếp xúc cử tri. Hăng hái lắm, tới từng nhà, thăm từng người, nghe mọi nhẽ, chẳng bỏ một ai, một việc gì. Đến như tôi, vừa mãn hạn tù về tội đánh bạc, còn được vỗ về, hứa hẹn thử hỏi còn ai mà họ không gặp. Để đến dăm bảy bận như thế. Họ chu đáo, ân cần tưởng đến thế là cùng, ai nỡ lòng nào gạch tên họ trên đường tới danh hiệu *đại biểu của nhân dân*. Xứng đáng quá đi chứ. Rồi họ đắc cử.

Tọt ngum nước chè, đẩy phất chiếc điều bát ra góc bàn ngõ như liệng đi, bác buồng thông một câu: - Rồi từ đấy, họ cũng mất tăm luôn. Thắng hoặc có vẻ trước và sau mỗi bận họp, thì ở xã, họ chỉ gặp đại biểu cử tri thôi. Nghe đâu, đại biểu cử tri là do xã cử ra đấy chứ, chúng tôi có bầu đâu. Một bữa, tôi đánh bạo, tới gặp hai vị đến nhà tôi hỏi gọi là đi tiếp xúc cử tri, và hỏi về điều các vị ấy hứa, nếu họ đắc cử. Một cái nhìn khó chịu phả vào tôi và chân họ đảo quay nhanh, như sợ... dịch hạch. Tôi cả thẹn. Thì ra, bây giờ, họ là *đại biểu của... đại biểu* rồi, còn đâu...

Kể đến đây, nhân nhĩ về chuyện đường, chuyện nẻo mà tôi đang cố giải thích cho cháu nhỏ học lớp tư về ngôn từ tiếng Việt, chỉ mong sao, *những đại biểu của nhân dân* mà bác nông dân nọ nói, lên danh hiệu *đại biểu của nhân dân* bằng đường thì xuống với cử tri cũng bằng đường, không sợ vì thế mà tiếng Việt ta mất đi tiếng *nẻo* đâu. Và chẳng, như thế mới có thể kịp làm tan đi những nỗi buồn không đáng có, của những cử tri đã từng... tin tưởng và *đắp đường cho mình*, như bác nông dân đón hậu ấy. □



ẤN ĐỘ VỚI MỤC TIÊU TRỞ THÀNH CƯỜNG QUỐC

TRINH CƯỜNG

1 – Điều kiện để Ấn Độ trở thành cường quốc

Theo quan niệm của các nhà nghiên cứu chiến lược, một nước được xem là cường quốc nếu có đầy đủ 3 yếu tố: *một là thực lực cứng* đủ mạnh, bao gồm thực lực về kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ; *hai là thực lực mềm* đạt giới hạn, bao gồm chế độ chính trị, tổ chức người dân, mức độ đoàn kết xã hội, tình trạng giáo dục, khả năng điều tiết của nhà nước, khả năng phát huy ảnh hưởng trong cộng đồng quốc tế; *ba là dân số lớn* (dân số hơn 50 triệu). Tổng hợp các yếu tố trên, các nhà nghiên cứu chiến lược trên thế giới cho rằng, Ấn Độ có điều kiện để trở thành cường quốc.

Thứ nhất, Ấn Độ có diện tích 3,3 triệu km², có số dân khoảng 1 tỉ người, GDP đạt 490 tỉ USD. Liên tục trong 10 năm liền, kinh tế tăng trưởng bình quân trên 6%; dự trữ ngoại tệ đạt trên 100 tỉ USD. Với tất cả những chỉ tiêu này, Ấn Độ không những chỉ là nước lớn ở Nam Á mà còn được coi là nước lớn ở châu Á và sẽ trở thành một trung tâm của thế giới trong tương lai.

Tính theo sức mua quốc tế, các nước phương Tây cho rằng, GDP của Ấn Độ đã đạt 2.500 tỉ USD, đứng thứ 5 thế giới (và đứng thứ 3 châu Á, sau Nhật Bản và Trung Quốc). Ấn Độ được giới kinh tế nhận định là sẽ cùng với Trung Quốc trở thành "đầu tàu", dẫn dắt kinh tế châu Á đi lên. Một công ty thăm dò dư luận

của Mỹ thậm chí còn cho rằng, với tốc độ phát triển như hiện nay, đến năm 2050, Ấn Độ sẽ trở thành nước có nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Mỹ.

Thứ hai, Ấn Độ đang không ngừng mở rộng các mối quan hệ quốc tế cũng như không gian chiến lược. Qua việc không ít nhân vật quan trọng của các nước công khai bày tỏ sự ủng hộ Ấn Độ trở thành nước thường trực mới của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, có thể thấy Ấn Độ ngày càng giành được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.

Tiến trình hiện đại hóa quốc phòng của Ấn Độ cũng từng bước được thúc đẩy; nhiều năm liền tăng dự toán ngân sách quốc phòng.

2 – Nỗ lực phát triển kinh tế

Chính sách cải cách kinh tế được chính phủ Ấn Độ tiến hành từ năm 1991. So với nhiều nước, đó là sự khởi đầu muộn, nhưng cho đến nay, công cuộc cải cách đã đem lại cho nền kinh tế Ấn Độ những bước phát triển đáng kể. Từ sau năm 1991, GDP của Ấn Độ đã tăng trưởng nhanh chóng, bình quân hàng năm tăng 6,5%. Mấy năm gần đây, tốc độ tăng trưởng còn đạt trên 8%. Xét về con số tuyệt đối, nền kinh tế Ấn Độ hiện đứng hàng thứ 5, sau Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Đức. Đặc biệt, do nắm được cơ hội phát triển ngành kinh tế mũi nhọn trong thời đại công nghệ thông tin, ngành công nghiệp phần mềm của Ấn Độ đã

phát triển mạnh mẽ. Xuất khẩu phần mềm tăng bình quân 50% mỗi năm. Hiện nay, khoảng 65% nhu cầu phần mềm của Mỹ là do Ấn Độ, hoặc người Ấn Độ nói chung, cung cấp. Các sản phẩm tin học của Ấn Độ chiếm 30% thị trường phần mềm thế giới và trở thành nước có phần mềm máy tính lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Mỹ.

Năm 2003, kinh tế Ấn Độ có bước phát triển vượt bậc: GDP tăng trưởng trên 10%; lạm phát ở mức vừa phải (4,5%); xuất khẩu tăng 10%, nhập khẩu tăng 21,4%; xuất khẩu phần mềm đạt 6 tỉ USD; đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt khoảng 4 tỉ USD, tăng 40% so với năm 2002; thị trường chứng khoán ổn định; dự trữ ngoại tệ tăng mạnh (trên 100 tỉ USD). Những kết quả này là nhờ Ấn Độ đã điều chỉnh kịp thời một số chính sách tài chính, tiền tệ. Ngoài ra, còn do các yếu tố như thời tiết thuận lợi, kinh tế thế giới phục hồi. Nhất là do Chính phủ Ấn Độ đã quan tâm tạo ra các mối quan hệ kinh tế đối ngoại với các đối tác lớn trên thế giới như ASEAN, Khối thị trường chung Mỹ La-tinh (MERCOSUR), Liên minh châu Âu (EU), Trung Quốc v.v..

Thủ tướng Ấn Độ, M. Xinh, đã tuyên bố, mục tiêu bao trùm của Chính phủ Liên minh Tiến bộ Thống nhất là đưa Ấn Độ trở thành một cường quốc kinh tế và phấn đấu để thế kỷ XXI là "thế kỷ của Ấn Độ". Chương trình của Chính phủ bao gồm sáu nguyên tắc cơ bản: *một là*, duy trì tỷ lệ tăng trưởng kinh tế bền vững (7% - 8%/năm); *hai là*, bảo đảm giáo dục và chăm sóc y tế cơ bản cho mọi người dân; *ba là*, tăng cường sử dụng nội lực, khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài; *bốn là*, tập trung cải cách nông thôn, phát triển nông nghiệp và kết cấu hạ tầng; *năm là*, đẩy mạnh cải cách tài chính; *sáu là*, giải phóng tiềm năng sáng tạo của các doanh nghiệp và lực lượng sản xuất.

Về kinh tế vĩ mô, ưu tiên cho phát triển để tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao; nỗ lực giảm thâm hụt ngân sách (hiện nay

gần 10% GDP, vào loại cao nhất thế giới); tăng mức dự trữ lương thực và ngoại tệ; nỗ lực giảm thâm hụt cán cân thương mại (hiện ở mức 13 tỉ USD)...

Về thương mại, đặt trọng tâm vào đẩy mạnh xuất khẩu nông nghiệp và tập trung tạo thêm nhiều việc làm; đặt ra mục tiêu nâng kim ngạch xuất khẩu của Ấn Độ lên 300 tỉ USD vào năm 2009.

Về dịch vụ, ngoài lĩnh vực công nghệ thông tin, Chính phủ Ấn Độ cũng quan tâm đẩy mạnh hoạt động du lịch; chăm sóc sức khỏe và giáo dục.

Năm 2003, tạp chí *Nhà kinh tế* đã thực hiện một cuộc điều tra so sánh giữa Ấn Độ và Trung Quốc và đã đi đến kết luận rằng, Ấn Độ có khả năng đuổi kịp nước láng giềng khổng lồ của mình về mặt kinh tế (mặc dù, Trung Quốc đi trước Ấn Độ rất xa trong việc chấp nhận các chính sách thị trường liên quan đến phát triển và đầu tư trực tiếp nước ngoài). Hiện nay, rất nhiều những người trẻ tuổi, được đào tạo tốt của Ấn Độ, đã lao vào lĩnh vực máy tính hiện đại và thông tin, biến nước này trở thành một trong những trung tâm công nghệ cao quan trọng nhất thế giới. Các công ty công nghệ thông tin và máy tính của Ấn Độ ở Ban-ga-lo, được gọi là *Thung lũng Si-li-côn thứ hai* của thế giới, đã đem lại cho Ấn Độ những khoản ngoại tệ rất cần thiết.

3 - Tăng cường thực lực quân sự

Cùng với nỗ lực phát triển kinh tế, Ấn Độ cũng dần tăng cường sức mạnh quân sự. Hiện nay, chi phí quốc phòng của Ấn Độ là khoảng trên 3%, đứng hàng thứ tư thế giới về mặt số lượng cũng như chi phí quân sự. Ấn Độ hiện đã có một lực lượng vũ trang thuộc loại lớn nhất thế giới; đã chế tạo thành công mọi thứ, từ xe tăng và xe bọc thép đến máy bay chiến đấu và tàu chiến hiện đại.

Ấn Độ cũng tăng cường mua sắm tàu thuyền, trang thiết bị, xây dựng một lực lượng hải quân khá mạnh. Lực lượng hải quân của

Ấn Độ là một trong những lực lượng hải quân mạnh nhất khu vực, hiện đang duy trì sự hiện diện lớn thứ hai ở Ấn Độ Dương (chỉ sau Mỹ), và đã triển khai một tàu sân bay, cho phép mở rộng các hoạt động ra ngoài phạm vi Ấn Độ.

Lực lượng không quân của Ấn Độ là một trong những lực lượng hàng đầu thế giới. Ấn Độ hiện có các loại máy bay chiến đấu hiện đại, bao gồm máy bay SU - 30, Mig - 29, Jagura và Mirage 2000, những máy bay ném bom tầm xa, có khả năng hoạt động bên ngoài lãnh thổ mà không bị thách thức.

Từ năm 1998, Ấn Độ trở thành nước có vũ khí hạt nhân. Với tiềm lực quân sự được cải thiện, Ấn Độ bắt đầu mở rộng quan hệ quốc phòng ra ngoài khu vực, sang các nước láng giềng. Ngoài quan hệ thân thiện vốn có với Nga, gần đây, Ấn Độ đã tăng cường quan hệ quốc phòng với một số nước châu Á khác.

Hiện nay, tất cả các quân chủng của Ấn Độ đang thực hiện việc tăng cường mạnh mẽ các loại vũ khí thông thường; tìm kiếm những cách thức phóng vũ khí hạt nhân và chuẩn bị các hệ thống phòng thủ để chống lại tên lửa hạt nhân, thông qua việc cải tiến các hệ thống thông tin liên lạc và trinh thám.

4 – Mở rộng ảnh hưởng đối ngoại

Sau "chiến tranh lạnh", cùng với sự lớn mạnh về kinh tế và quân sự của đất nước, sự thay đổi, điều chỉnh của quan hệ giữa các nước lớn đã tạo cơ hội cho Ấn Độ phát huy tác dụng cân bằng và điều chỉnh chính sách ngoại giao của mình.

Trong những năm gần đây, Ấn Độ tiếp tục điều chỉnh mạnh chính sách đối ngoại theo hướng phát triển toàn diện, liên tục, nhằm đa dạng hóa quan hệ trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, an ninh và quốc phòng; tạo môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ hợp tác kinh tế với tất cả các đối tác. Chính phủ Ấn Độ đã tiến hành nhiều bước đi nhằm thúc đẩy và tạo mặt bằng chung tương đối cân bằng với các nước lớn, nhưng vẫn chủ động giữ giới hạn với từng

đối tượng. Trên các diễn đàn đa phương, Ấn Độ cũng có nhiều động thái nhằm tăng cường vai trò của Ấn Độ, như tích cực vận động để trở thành Ủy viên Thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc mở rộng; lập diễn đàn ba nước, gồm Ấn Độ - Bra-xin - Nam Phi; thống nhất lập trường về nông nghiệp của nhóm các nước đang phát triển tại các hội nghị của WTO. Đối với các vấn đề quốc tế lớn, Ấn Độ nói chung có thái độ thực tế, nhưng giữ nguyên tắc. Những điều chỉnh chính sách và hoạt động đối ngoại của Ấn Độ được giới quan sát chính trị đánh giá là đúng hướng và hiệu quả, đã tạo vị thế khá thuận lợi cho Ấn Độ trên bàn cờ chính trị quốc tế.

Ấn Độ chú ý phát triển quan hệ với các nước phát triển, nhất là đối với Mỹ. Ấn Độ đã phối hợp với Mỹ trên nhiều lĩnh vực, tích cực ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố, ủng hộ Mỹ phát triển hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia, rút khỏi Hiệp ước ABM... Mấy năm gần đây, Mỹ cũng cải thiện quan hệ với Ấn Độ, nhưng Mỹ lại không muốn một Ấn Độ hùng mạnh, chiếm cứ khu vực Nam Á, kiểm soát Ấn Độ Dương và tạo nên mối đe dọa với Mỹ.

Ấn Độ coi trọng quan hệ hữu nghị truyền thống với Nga, tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với Nga, tăng cường giao lưu và hợp tác quân sự song phương, thúc đẩy việc đổi mới vũ khí mà Ấn Độ mua của Liên Xô và mua một số vũ khí chiến lược mà phương Tây không muốn bán cho Ấn Độ. Hiện nay, quan hệ giữa hai nước đang chuyển dần từ quan hệ quốc phòng sang quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư và khoa học - công nghệ.

Quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc đang ngày càng tốt đẹp. Năm 2003 đánh dấu bước phát triển mới trọng quan hệ giữa hai nước sau chuyến thăm Trung Quốc trong tháng 5 của Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ và chuyến thăm vào cuối tháng 6 của Thủ tướng Ấn Độ. Hai nước đã tiến hành đàm phán về biên giới; đã tập trận hải quân chung; nhân nhượng nhau trong

vấn đề Tây tạng và Xích Kim... Hai nước đã tăng cường mở rộng hợp tác thương mại và đầu tư, tăng cường hợp tác trong WTO. Nhờ mối quan hệ kinh tế và thương mại ngày càng tăng, hai nước sẽ tận dụng lĩnh vực này để mở ra mối quan hệ trong tương lai.

Tiến trình hòa bình giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan được bắt đầu ở I-xla-ma-bát, ngày 6-1-2004, là một trong những sự kiện chính trị của thế giới vừa qua. Ấn Độ và Pa-ki-xtan đã ra Tuyên bố chung khẳng định sẽ nối lại các cuộc thảo luận về tất cả các vấn đề, kể cả vấn đề Ca-sơ-mia - nguyên nhân dẫn đến 2 trong số 3 cuộc chiến tranh giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan trong suốt 56 năm qua và nhiều lần suýt đẩy hai nước vào các cuộc chiến tranh khác. Tuy nhiên, tiến trình đi tới một nền hòa bình bền vững giữa Ấn Độ và Pa-ki-xtan có thể vẫn còn dài và còn nhiều khó khăn, do giữa hai nước có nhiều bất đồng không dễ giải quyết, nhất là vấn đề Ca-sơ-mia, kể cả sau một số tiến bộ đã đạt được trong cuộc gặp chính thức ở cấp Bộ trưởng Ngoại giao giữa hai nước, đầu tháng 9-2004.

Mấy năm gần đây, Ấn Độ thúc đẩy chính sách đối ngoại "hướng Đông", phát triển quan hệ hợp tác toàn diện với các nước ASEAN; thông qua các cuộc gặp gỡ và đối thoại định kỳ với nguyên thủ các nước ASEAN để thúc đẩy sự tin tưởng lẫn nhau, thúc đẩy việc xây dựng Khu vực mậu dịch tự do Ấn Độ - ASEAN. Tại Lễ khai mạc Hội nghị kinh doanh Ấn Độ - ASEAN lần thứ ba, ở Nju Đê-li (ngày 19-10-2004), Thủ tướng Ấn Độ, M. Xinh, đã đề nghị thành lập Cộng đồng kinh tế châu Á, bao gồm các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ để cạnh tranh với Bắc Mỹ và EU v.v..

5 - Những thách thức

Cuộc cải cách của Ấn Độ, gần 15 năm qua, đã thu được nhiều thành tựu. Tuy nhiên, đến cuối năm 1996, kinh tế Ấn Độ bắt đầu chững lại. Nguyên nhân là do tình hình chính trị không ổn định.

Lên cầm quyền tháng 3-1998, Chính phủ liên hiệp của Thủ tướng A. Va-giơ-pai (Đảng Nhân dân - BJP) phải đối phó với rất nhiều khó khăn: môi trường quốc tế bất lợi do khủng hoảng tài chính tiền tệ Đông Á (xuất khẩu sang Đông Á chiếm 20% tổng xuất khẩu của Ấn Độ); bị Mỹ và phương Tây cấm vận sau vụ thử hạt nhân tháng 5 - 1998; kinh tế tiếp tục suy giảm. Chính phủ của Thủ tướng A. Va-giơ-pai đã đẩy mạnh cải cách kinh tế, đề ra chiến lược cải cách kinh tế mới, bao gồm hướng về xuất khẩu, cải thiện nông thôn và ổn định kinh tế vĩ mô. Nhờ những chính sách tích cực và kịp thời đó, kinh tế Ấn Độ đã dần phục hồi và phát triển: tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 1998 - 1999 tăng 6%, lạm phát giảm xuống dưới 5%, dự trữ ngoại tệ đạt trên 100 tỉ USD. Từ năm 2001 trở lại đây, GDP tăng trung bình 6,6%/năm (năm 2003, GDP tăng trên 10%), thu nhập bình quân đầu người tăng từ 370 USD lên 510 USD. Ấn Độ vững bước hướng tới mục tiêu: trong 10 năm sẽ xóa nạn đói, tăng gấp đôi sản lượng lương thực; trong 5 năm đưa nước sạch và điện về mọi miền đất nước, nhanh chóng mở rộng và cải thiện cơ sở hạ tầng; trong 10 năm trở thành một cường quốc công nghệ thông tin và trở thành nước cung cấp phần mềm lớn nhất thế giới; phấn đấu đến năm 2010 trở thành một nước công nghiệp phát triển.

Tuy nhiên, hiện nay ở Ấn Độ, khoảng cách giàu nghèo, khoảng cách giữa thành thị và nông thôn vẫn rất lớn (60% trong số hơn 1 tỉ dân Ấn Độ sống ở vùng nông thôn thiếu điện, nước, lương thực), khoảng 250 triệu người vẫn sống dưới mức nghèo khổ. Sự bất mãn của người nghèo ngày càng tăng.

Liên minh Tiến bộ thống nhất (UPA) do Đảng Quốc Đại lãnh đạo đã giành thắng lợi ngoạn mục trong cuộc bầu cử Quốc hội Ấn Độ lần thứ 14 (tháng 4-2004). Sau khi giành thắng lợi và trở thành thủ lĩnh của nhóm nghị sỹ của Đảng Quốc Đại trong Quốc hội Ấn Độ, bà X. Gan-đi, vợ góa cố Thủ tướng R. Gan-đi, đã giới thiệu nhà kinh tế học, tiến sỹ M. Xinh,

một người theo đạo Xích, làm Thủ tướng Ấn Độ. Tiến sĩ M. Xinh là một người nổi tiếng khắp Ấn Độ như một nhà kinh tế học theo đường lối cải cách, từng giữ chức Bộ trưởng Tài chính và đã đóng góp tích cực vào sự phục hồi và tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ.

Là một thành viên lâu năm của Đảng Quốc Đại, M. Xinh rất quan tâm tới tầng lớp dân nghèo. Quan niệm của ông là, chỉ có phát triển kinh tế mới có thể xóa bỏ tình trạng nghèo đói ở Ấn Độ. Trong lộ trình chính sách 5 năm, được gọi là Chương trình tối thiểu chung, Chính phủ của Thủ tướng M. Xinh đã nhắc lại cam kết cải cách kinh tế, với trọng tâm là con người, nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng, đầu tư và việc làm. Chính phủ của Thủ tướng M. Xinh cũng có kế hoạch dành thêm quỹ cho giáo dục, tín dụng nông thôn và chấm dứt việc nợ nông dân. Người nông dân cũng sẽ được bảo vệ trước hàng hóa nhập khẩu giá rẻ. Thủ tướng M. Xinh nói rằng, chương trình này sẽ tìm cách thúc đẩy tốc độ biến đổi kinh tế và xã hội, đặc biệt chú trọng tới những nhu cầu của ngành nông nghiệp, người nông dân, các ngành công nghiệp nhỏ, thợ thủ công và các khu vực bị lãng quên khác của nền kinh tế.

Các nhà phân tích cho rằng, chính sách này có thiện chí, nhưng vẫn băn khoăn không biết chúng sẽ được tài trợ bằng cách nào. Sự bùng nổ kinh tế, được thúc đẩy bởi việc cắt giảm thuế, tư nhân hóa các ngành công nghiệp nhà nước và cắt giảm tệ quan liêu, là ở trong phạm vi hẹp, không giúp được gì cho 650 triệu người Ấn Độ sống bằng các sản phẩm nông nghiệp (gần 60% số người Ấn Độ có công ăn việc làm là nhờ lĩnh vực nông nghiệp). Và của cải của đất nước rõ ràng đã được chuyển tới các thành phố. Vào năm 1970, người dân thành thị chỉ giàu gấp hai lần người dân nông thôn, nhưng hiện nay đã giàu gấp tám lần. Số người nghèo đói ở Ấn Độ (thể hiện qua tỷ lệ số người có đủ lương thực cơ bản) đã giảm từ 36% năm 1993 xuống còn 26% năm 1996. Nhưng nhiều người dân nông thôn Ấn Độ vẫn thấy cuộc sống của

họ trở nên tồi tệ hơn. Trong khi đó, hệ thống điều phối giáo dục tiểu học, chăm sóc sức khỏe, đường sá nông thôn và hệ thống cung cấp nước sạch đã cũ kỹ và xuống cấp.

Một vấn đề khác cũng gây sức ép đối với Ấn Độ là tình trạng tồi tệ của ngành tài chính công. Trong khi mức thâm hụt tài chính của chính phủ trung ương vẫn duy trì tương đối ổn định thì thâm hụt tài chính của các bang ở Ấn Độ đã tăng từ tổng cộng 2,6% GDP của nước này vào giữa những năm 90 (thế kỷ XX) lên đến 4,7% vào năm 2002.

Công ăn việc làm cũng là một vấn đề nan giải cần được giải quyết. Trước sự phản đối của cánh tả, Đảng Quốc Đại đã phải gạt sang một bên kế hoạch cho phép các công ty lớn thêm quyền sa thải nhân công của chính phủ A. Va-giơ-pai. Sự tăng trưởng kinh tế ở Ấn Độ trong những năm gần đây ít tạo ra việc làm. Tỷ lệ thất nghiệp chính thức là 8%, nhưng thực tế có lẽ còn cao hơn v.v...

Mặc dù còn nhiều khó khăn, song đưa Ấn Độ trở thành một nước phát triển toàn diện, có vị thế ngang hàng với các cường quốc trên thế giới là mục tiêu của các nhà lãnh đạo Ấn Độ. Sau hơn 50 năm phát triển, Ấn Độ đã xây dựng được một hệ thống những ngành công nghiệp cơ bản, đa dạng, có khả năng trang bị cho hầu hết các ngành kinh tế quốc dân. Ngoài ra, Ấn Độ còn có những ngành kinh tế mũi nhọn hiện nay như công nghệ thông tin, di truyền học, điện nguyên tử, vật liệu mới. Ấn Độ cũng đang là một địa chỉ thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. *Tờ Thời báo châu Á*, số ra ngày 25-12-2003, viết: "Từ nhiều năm nay, các nhà phân tích đã cho rằng, vào đầu thế kỷ XXI, Ấn Độ sẽ trở thành một nước có sức mạnh và ảnh hưởng quan trọng ở châu Á. Quả thực, những bằng chứng gần đây cho thấy, Chính phủ Ấn Độ đã quyết định theo đuổi mục tiêu này để biến Ấn Độ trở thành một cường quốc thế giới, có ảnh hưởng khắp Ấn Độ Dương, vịnh A-rập và toàn bộ khu vực châu Á". □

MÔI TRƯỜNG - THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NHÂN LOẠI

VŨ TUYẾT LOAN *

MỘT số thách thức về môi trường, như khí hậu, đa dạng sinh học, nguồn nước, đã trở thành yếu tố quyết định tương lai của cả hành tinh cũng như sự ổn định chính trị của nhiều khu vực trên thế giới. Mức độ phụ thuộc của từng quốc gia vào các yếu tố này rất khác nhau. Trước hết, mức độ này tùy thuộc vào điều kiện địa lý, khí hậu và sinh học của từng quốc gia, đồng thời nó còn tùy thuộc vào khả năng tổ chức của mỗi quốc gia trước những thách thức đặt ra. Mong muốn duy trì một sự phát triển bền vững⁽¹⁾, tức là *thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ hiện nay mà không làm tổn hại tới khả năng thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ mai sau* (theo lời Thủ tướng Na Uy, Gro Harlem Brundtland, 1987), đòi hỏi một sự quản lý sáng suốt và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên trên toàn Trái đất.

1 - Thách thức về vấn đề hiệu ứng nhà kính toàn cầu

Một trong những vấn đề quốc tế chứa đựng những nguy cơ lớn nhất là "hiệu ứng nhà kính" ngày càng trở nên trầm trọng hơn, nhìn dưới các góc độ thời tiết, hàng hải, y tế, tài chính, kinh tế (đặc biệt là nông nghiệp và giao thông - vận tải), cũng như nếu ta xem xét hậu quả mà nó có thể gây ra đối với hệ sinh thái. Theo các kết quả nghiên cứu, việc con người sử dụng nhiên liệu hóa thạch (hoạt động doanh nghiệp, giao thông - vận tải, sưởi ấm v.v.), thải khí các-bô-níc, hoặc làm thoát một số khí khác

(khí mê-tan nông nghiệp hoặc công nghiệp...), đã nhanh chóng làm thay đổi thành phần của khí quyển, làm cho trái đất ngày càng nóng lên. Hậu quả của những diễn biến này, được IPCC⁽²⁾ trình bày trong báo cáo năm 1995, đã được những người đứng đầu chính phủ của 116 quốc gia thông qua, là rất đáng lo ngại; nguyên nhân không chỉ vì quá trình đô thị hóa và chính sách quy hoạch lãnh thổ của các quốc gia đã tạo ra những khu tập trung dân cư đông đúc, làm tăng mức độ tàn phá của thiên tai, mà còn vì nhiều thảm họa thiên nhiên đang có khả năng xảy ra thường xuyên hơn. Như vậy, trong thế kỷ XXI, mực nước của các đại dương sẽ tăng lên từ 50 cm đến 1 m, và nhiệt độ trung bình sẽ tăng lên từ 2 đến 2,5 độ. Các kết quả nghiên cứu gần đây đều cho thấy, khả năng dễ xảy ra nhất là sẽ có những diễn biến bất thường của khí hậu do tác động của con người, và các hậu quả có thể xảy ra đủ nguy hiểm để buộc nhân loại phải thức tỉnh và thay đổi cách sống của mình.

* TS, Viện Nghiên cứu Đông - Nam Á, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

(1) *Phát triển bền vững* có nghĩa là một sự phát triển của con người và kinh tế để không những con người và môi trường tự nhiên có thể chịu đựng được, mà còn phải phù hợp với lối sống, thuần phong mỹ tục (Christian Garnier, tại Hội thảo MEDCITE, Bắc-xê-lô-na, Tây Ban Nha, ngày 23-11-1991)

(2) Nhóm công tác liên chính phủ về sự thay đổi khí hậu (thành lập tháng 11-1988)

Chính vì vậy, khí hậu và đa dạng sinh học, cùng với việc đấu tranh chống lại hiện tượng sa mạc hóa, đã trở thành nội dung của một loạt những công ước được đưa ra tại Hội nghị Thượng đỉnh về trái đất, với chủ đề *Phát triển bền vững*, tại Ri-ô đê Gia-nê-rô (Bra-xin), năm 1992. Cam kết của Hội nghị Ri-ô năm 1992 nhằm ổn định khí hậu toàn cầu là, trong thế kỷ XXI, duy trì mức thải khí gây hiệu ứng nhà kính của toàn thế giới như năm 1990, sau đó sẽ giảm xuống còn 1/3. Vụ Môi trường của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đã đề xuất một giải pháp nhằm giảm 50% khí thải CO₂ trong ngành giao thông từ năm 1990 đến năm 2030, có nghĩa là các nước phải giảm 80% khí thải. Tỷ lệ này có thể thực hiện được nếu kết hợp các tiến bộ công nghệ với cách thức tổ chức mới. Nhưng thách thức đặt ra là vô cùng to lớn.

Theo những dự đoán mà Cơ quan Năng lượng quốc tế đưa ra, xu hướng tiêu thụ năng lượng như hiện nay cho 30 - 40 năm tới sẽ dẫn đến những nguy cơ như: biến đổi khí hậu, thiếu lương thực, cạn kiệt dầu mỏ, và sự cố hạt nhân. Việc kiểm soát nhu cầu năng lượng trong giao thông - vận tải - lĩnh vực thải khí gây hiệu ứng nhà kính nhiều nhất, và đặc biệt có tốc độ phát triển rất cao (đáng lo ngại nhất là hai lĩnh vực vận tải đường bộ và đường hàng không) - là một thách thức rất lớn, có thể trở thành yếu tố then chốt, mang tính định hướng cho những lựa chọn trong chính sách kinh tế.

Theo nhận định của các chuyên gia IPCC, vì hiệu ứng nhà kính là một hiện tượng tự nhiên, do kết quả của việc thải khí tích tụ từ nhiều năm sinh ra, chứ không phải là một hiện tượng tăng đơn thuần mang tính cơ học của khí thải gây hiệu ứng nhà kính, nên tiến độ của việc triển khai các biện pháp trên thực tế sẽ quyết định quy mô của các biện pháp triển khai. Có nghĩa là phải chọn thời điểm, bởi các yếu tố gây ra hiện tượng trái đất nóng lên đã tích tụ và có ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. Các quốc gia phải chủ động ý thức được điều này và tích cực chuẩn bị để đương đầu với những hậu quả

xảy ra, trong khi vẫn phải tiếp tục các biện pháp phòng ngừa.

2 - Thách thức đối với hệ sinh thái

Hệ sinh thái toàn cầu chỉ có thể vận hành tốt khi các hệ sinh thái nhỏ vận hành tốt. Với tinh thần đó, năm 1986, các nước châu Âu đã thông qua một *chỉ thị*, được gọi là *Chỉ thị Habitats* (những môi trường sống), quy định một hệ thống các sinh thái cần phải được quản lý đặc biệt. Tên gọi của hệ thống này là *Hệ thống Natura 2000*, với mục tiêu duy trì điều kiện sống tự nhiên của các động, thực vật hoang dã. Bởi vì, các hoạt động nông, lâm và ngư nghiệp không những tác động tới toàn bộ các hệ sinh thái trên mặt đất, vùng duyên hải và mặt biển mà còn tác động nặng nề tới thế giới sinh vật với mức độ bằng các đợt diệt chủng lớn nhất thời tiền sử⁽³⁾.

Trước nguy cơ ngày càng lớn này, từ đầu thế kỷ XX, giới khoa học đã lên tiếng cảnh báo (Ví dụ, đưa ra Chiến lược Bảo tồn thiên nhiên toàn cầu vào năm 1980) và khởi xướng ký kết nhiều công ước quốc tế, nhưng các công ước này ít có hiệu lực trên thực tế.

Các nhà nghiên cứu của Mỹ và Anh đã gợi ý một giải pháp bảo tồn chừng 30 vùng tự nhiên mang tính đại diện cho các hệ sinh thái toàn cầu, và cho rằng, như vậy là đủ để bảo đảm cho các nguồn tài nguyên sinh học duy trì được khả năng thích nghi và tồn tại. Một giải pháp khác thường được đề cập là, chỉ cần duy trì bộ mã gen và đem ra sử dụng trong trường hợp một loài nào đó có nguy cơ bị diệt chủng. Nhưng, duy trì các giống loài mà không duy trì hệ sinh thái tương ứng là một việc hết sức mạo hiểm.

(3) Từ kỷ thứ ba đến nay, tốc độ diệt vong tối đa của sinh vật là 150 loài/triệu năm, tức là trong khoảng thời gian 50 đến 100 năm chỉ cùng lắm là một loài bị diệt vong. Tuy nhiên sang kỷ thứ tư, lần diệt chủng hàng loạt cuối cùng đã vượt xa kỷ lục này. Theo đánh giá của Raven, từ nay đến năm 2050 sẽ có khoảng 50.000 loài cây bị biến mất. Nếu trung bình có 20 loài côn trùng và các loài thân đốt khác sống ký sinh trên mỗi loài cây đó thì tối thiểu sẽ có khoảng một triệu loài bị diệt vong (Ramade, 1993)

Thực tế chứng minh rằng, để bảo đảm giữ được tính thích nghi của các loài hoang dã và vật nuôi cây trồng, đòi hỏi công tác bảo tồn phải duy trì một nguồn gen tự nhiên đa dạng.

Mặc dù thiệt hại gây ra đối với hệ sinh thái và con người là vô cùng lớn, nhưng việc đưa ra một phương án tổng thể nhằm bảo vệ thiên nhiên như một cơ sở sống còn đối với hành tinh vẫn chỉ là giấc mơ.

3 – Thách thức về những nguy cơ đe dọa sức khỏe con người

Sức sống về sinh học và nông nghiệp của một lãnh thổ đang trở thành một bảo đảm cho ổn định và an ninh, và trở thành một thách thức không chỉ đặt ra cho một quốc gia. Những vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa các quốc gia, hiện đang được đặt ra, là những nguy cơ mới xuất hiện trong lĩnh vực vệ sinh sức khỏe do nguyên nhân môi trường. Đó là:

- Sự lan truyền vi-rút và vi khuẩn qua các phương tiện giao thông - vận tải, và do khí hậu nóng lên làm cho các tác nhân gây bệnh nhiệt đới chuyển dịch dần đến các vùng ôn đới;

- Khả năng kháng lại thuốc kháng sinh và các thuốc vệ sinh thực phẩm ngày càng tăng, nhất là việc lạm dụng thái quá các sản phẩm này và việc vận chuyển động thực vật từ vùng này sang vùng khác;

- Nguy cơ dịch tễ bắt nguồn từ các chất chuyển hóa làm suy thoái tế bào cơ thể, do các thực vật được biến đổi gen thải ra;

- Nguyên nhân bệnh tật có thể xuất hiện từ một số chất gây ô nhiễm tích tụ trong khí quyển: phân tử nhỏ li ti (đường kính dưới 10 mi-crô-mét, gây bệnh hen suyễn và tim mạch), hy-đrô các-bua dạng khí (tô-lu-en, xi-len, ben-zen...) do các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch thải ra, khí ô-zôn trong quyển đối lưu làm tăng nguy cơ nhiễm bệnh và thiếu năng hô hấp, các chất bảo vệ thực vật tồn tại trong nước mưa...;

- Tác dụng phụ của những xáo trộn hệ sinh thái: hiện tượng loạn dưỡng do thừa chất dinh

dưỡng (ni-tơ, photphát) có thể gây xáo trộn lớn trong các loài phù du và tạo ra độc tố, hay làm cho nước ao hồ bị nhiễm độc; cấu trúc của tầng đất ngầm nước ngầm bị đảo lộn do con người hút kiệt nguồn nước, làm thay đổi các điều kiện ô-xy hóa khử và do đó làm tăng hoạt tính của các chất độc trong lòng đất...(4).

Những nguy cơ kể trên cho thấy, việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa không phải chỉ là một "chính sách xa xỉ của các nước giàu" mà còn mang tính sống còn đối với cả các nước đang gặp khó khăn, là những nước bị đe dọa nhiều nhất và không có phương tiện để đối phó. Điều này một lần nữa cho thấy sự phụ thuộc lẫn nhau về môi trường, chính trị, kinh tế giữa tất cả các nước trên thế giới, đồng thời cho thấy việc áp dụng khoa học và công nghệ của con người đã gây ra những tác động và xáo trộn đối với tự nhiên ở một mức độ tương ứng với phạm vi và tốc độ của các công nghệ được áp dụng. Chính vì nhận thức được những hiện tượng mới, do con người gây ra, chứa đựng nhiều nguy cơ đó, ngay từ đầu thập niên 90 (thế kỷ XX), nguyên tắc cẩn trọng và tinh thần trách nhiệm tập thể đối với tài sản mang tính sống còn của nhân loại đã trở thành nguyên tắc chủ đạo trên phạm vi quốc tế.

4 – Thách thức về vấn đề nước

Nước được xem như một nguồn tài nguyên mang tính sống còn, một khi khan hiếm có thể gây ra xung đột; cũng như vấn đề đất, vấn đề các đại dương. Thực tế đã chứng tỏ rằng, sự tùy thuộc lẫn nhau của các hệ sinh thái trên phạm vi toàn cầu đã khiến cho việc mỗi quốc gia quản lý riêng rẽ các nguồn tài nguyên và môi trường thiên nhiên ngày càng trở nên khó khăn hơn. Vấn đề nước và lương thực đang trở thành vấn đề quan trọng trong các cuộc thảo luận ngoại giao trong khu vực và trên thế giới.

Trong số hơn 6 tỉ dân trên trái đất, cứ 4 người thì có một người không được dùng

(4) Xem Ramses: Sdd, tr 148

nước bảo đảm vệ sinh, và cứ 2 người thì có một người không được sử dụng nguồn nước sạch theo tiêu chuẩn. Mỗi năm, có hàng triệu người chết vì những căn bệnh có liên quan đến việc dùng nước (phần lớn là do mắc bệnh tiêu chảy). Một nửa số nạn nhân này là trẻ em. Lu-i Pát-tơ đã nói: "Chín mươi phần trăm bệnh của chúng ta bắt nguồn từ nước uống", và điều này hiện vẫn đúng đối với phần lớn nhân loại ⁽⁵⁾. Do đó, việc tìm ra giải pháp cho các vấn đề vệ sinh dịch tễ nêu trên đã trở thành cấp thiết. Cho đến bây giờ, phần nước thải sau khi sử dụng đã biến chất rất nhiều, vì vậy việc tái sử dụng là rất khó, đòi hỏi chi phí cao và đôi khi còn nguy hiểm.

Ngày nay, nông nghiệp sử dụng khoảng 70% lượng nước khai thác trên thế giới (nước dùng cho sinh hoạt: 10%, công nghiệp: 20%). Tình trạng khai thác quá độ các nguồn nước bắt nguồn từ nhu cầu sử dụng nước trong nông nghiệp. Việc các nguồn nước đang cạn kiệt buộc chúng ta phải xem xét lại chính sách tự bảo đảm nhu cầu lương thực của các quốc gia không được thiên nhiên ưu đãi về nguồn nước. Thách thức chủ yếu đặt ra là, làm sao nâng cao được "năng suất của nước". Điều này đòi hỏi phải có những biện pháp kinh tế và thể chế (quy trách nhiệm cho người sử dụng, phân cấp quản lý, công khai...), cũng như tính khả thi về mặt kỹ thuật.

Nước là trung tâm của các cuộc xung đột ⁽⁶⁾, trở thành một vũ khí đáng sợ, là một trong những thách thức đối với an ninh quốc gia. Vấn đề sử dụng nước trong các khu vực mà sự phát triển kinh tế và xã hội hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn tài nguyên nhỏ nhoi nhưng lại bị khai thác quá mức đã trở nên hết sức căng thẳng; và nước đã trở thành vũ khí chiến lược vô cùng quan trọng, là mục tiêu tranh giành giữa các quốc gia ở thượng lưu và hạ lưu ở các sông.

Sẽ không có hòa bình nếu không phân chia các nguồn nước, nhưng cũng không có được các giải pháp cho các nguồn nước nếu không có hòa bình.

Từ vài chục năm nay, nhiều dự báo đáng lo ngại về việc tăng nhu cầu nước đã được đăng tải trên các trang báo. Mức tăng thực tế tuy thấp hơn nhiều so với dự báo ban đầu, nhưng cũng đáng kể. *Tầm nhìn 2025 về nước* cho thấy mức độ của các bất trắc ⁽⁷⁾:

- Có những khả năng kỹ thuật nào để nâng cao năng suất nước trong nông nghiệp? Đây là thách thức về lượng;

- Thị trường thế giới về lương thực liệu có bảo đảm đầy đủ cho các quốc gia trong điều kiện phụ thuộc lẫn nhau không?

- Thói quen ăn uống, nhất là đối với thực phẩm có thịt ở những nước có truyền thống dùng thức ăn thực vật sẽ thay đổi như thế nào? Trong trường hợp có thay đổi, lượng nước cần thiết tất nhiên sẽ khác;

- Xã hội có thể chấp nhận việc tăng khả năng tích trữ nước và tăng thủy điện đến mức độ nào? Mục tiêu của kế hoạch *Tầm nhìn 2025 về nước* là làm giảm khối lượng nước tích trữ (các kho chứa);

- Các chính phủ và khu vực tư nhân liệu có tìm ra đối tác cần thiết để phát triển một phương thức "hướng về hình thức dịch vụ" mà mọi người sử dụng đều được hưởng và chấp nhận được hay không? Điều này đòi hỏi phải tìm ra sự cân bằng trong việc cấp kinh phí cho các

(5) *Số người chết và bệnh tật liên quan đến nước*: Nhiễm bệnh qua đường tiêu hóa và bài tiết, bệnh tả và thương hàn, nguyên nhân do nước uống và nước rửa (5 triệu người chết ở mọi lứa tuổi); nhiễm bệnh do thiếu vệ sinh, bệnh đau mắt hột, ghê... (146 triệu ca, 6 triệu người mù); nhiễm bệnh do ăn uống không hợp vệ sinh (700 triệu người mắc). *Nguồn*: Hoek, Konradsen và Jehangir (1999).

(6) Trên thế giới có khoảng 200 lưu vực các con sông chảy qua nhiều nước và các mạch nước ngầm không phụ thuộc vào nước trên mặt đất, do đó, không thể xác định được ranh giới các dòng nước. Vấn đề quản lý việc phân chia các nguồn nước, cũng như quản lý cách thức sử dụng nước không phải là vấn đề mới, nhưng đã trở thành vấn đề chiến lược lớn trước sức ép tăng dân số. Xem: Ramses, *Sdd*, tr 119

(7) *Sdd*, tr 116

dự án tùy theo từng trường hợp cụ thể, và đưa ra được một hệ thống bảo đảm độ tin cậy trên bình diện quốc tế, nhằm thúc đẩy việc cấp kinh phí cần thiết cho khai thác nước dùng trong sinh hoạt và vệ sinh. Những nguồn tài chính tương trợ Bắc - Nam liệu có được sử dụng một cách có hiệu quả và tạm đủ để giảm nghèo và thỏa mãn những nhu cầu về sử dụng nước của người sử dụng không có khả năng thanh toán không?;

- Liệu hoạt động phân cấp quản lý và giao trách nhiệm cho người sử dụng và việc xác định các nguyên tắc quản lý nước có được tiếp tục hay không? Bởi chỉ có như vậy mới giảm lãng phí và đem lại được một dịch vụ thích hợp hơn;

- Việc trang trải toàn bộ mọi chi phí (đặc biệt là yêu cầu hạn chế ảnh hưởng tới môi trường) có thể được thực hiện tới mức nào và tác động của nó lên các chính sách được áp dụng như thế nào? Đây là yếu tố bất trắc nhất, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp.

6 – Vấn đề môi trường ở nước ta

Chúng ta thấy rằng, quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh ở các đô thị lớn của nước ta đã và đang làm gia tăng quá mức việc khai thác và lạm dụng các tài nguyên thiên nhiên như đất, nước, tài nguyên khoáng sản... Điều đó đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng về môi trường, như làm suy giảm và phá vỡ sự cân bằng sinh thái, gây ô nhiễm môi trường đô thị, và gây tác động tiêu cực trở lại đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Điều dễ nhận thấy là, dân số ở các thành phố lớn ngày càng tăng nhanh, người dân thành phố ngày càng có nhiều nhu cầu sử dụng nước⁽⁸⁾. Nước sạch phục vụ sinh hoạt trong nhiều năm qua luôn luôn là nỗi trăn trở của không ít người dân các thành phố lớn. Việc cung cấp nước chưa ổn định và thường xuyên, các dự án cung cấp nước được triển khai chậm trễ khiến Hà Nội luôn là "vùng khát" (Ví dụ, UBND TP. Hà Nội đã đề nghị Bộ Xây dựng để cho Tổng công ty VINACONEX thực hiện Dự án xử lý nước sông

Hồng thành nước sạch). Tình hình cung cấp nước sạch ở Hà Nội vẫn chưa được cải thiện, cung không đủ cầu. Vì vậy, bao giờ Hà Nội có đủ nước sạch phục vụ sinh hoạt vẫn là câu hỏi chưa có lời giải đáp.

Để có thể kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, cần đưa vấn đề môi trường vào công tác nghiên cứu quy hoạch, hoạch định và triển khai chính sách kinh tế, đồng thời đưa ra một số giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các đô thị lớn. Một giải pháp là *phương cách mệnh lệnh và kiểm soát và phương cách kinh tế*⁽⁹⁾. *Phương cách mệnh lệnh và kiểm soát* chủ yếu dựa vào các công cụ pháp lý như các tiêu chuẩn, các giấy phép và các công tác kiểm soát việc sử dụng đất và nước. *Phương cách kinh tế* được xem như là phương cách hiện đại, mới được đưa vào áp dụng, để kiểm soát và quản lý ô nhiễm môi trường ở hầu hết các nước trên thế giới, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Phương cách này chủ yếu dựa trên cơ sở của các công cụ pháp lý như các loại phí, các giấy phép có thể bán được, hệ thống ký quỹ và hoàn trả, các khoản trợ cấp và khuyến khích thực thi.

Chính phủ cần ban hành chính sách bảo vệ môi trường, bao gồm: xây dựng một hệ thống đồng bộ các văn bản pháp quy về bảo vệ môi trường; chính sách phân loại, thu gom và vận chuyển chất thải; chính sách giảm thiểu chất thải; chính sách xử lý và tiêu hủy chất thải; chính sách xã hội hóa về môi trường. □

(8) Theo tính toán, với quy mô dân số như hiện nay, mỗi ngày thành phố Hà Nội cần 750 000 m³ nước sạch, nhưng hiện nay công suất của các nhà máy và trạm cấp nước chỉ đạt 400.000 m³/ngày đêm. Vào những đợt nắng nóng cao điểm, công suất tối đa đạt 430.000 m³/ngày đêm. Dự báo đến năm 2005, công suất nước tại Hà Nội cần đạt 850.000 m³/ngày đêm

(9) Xem: TS. Nguyễn Ngọc Tuấn (chủ biên): *Những vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường vùng ven các đô thị lớn trong quá trình phát triển bền vững*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003

THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên * Điện thoại: 0280 855 541

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Ất Dậu



Bí thư:

PHẠM XUÂN DƯƠNG



Lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên và TP thăm và làm việc tại Nhật Bản



Lãnh đạo TP thăm và làm việc tại Nhật Bản và Hàn Quốc

Năm 2004, thành phố đã hoàn thành toàn diện và vượt mức nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đề ra. Kinh tế có nhịp độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế Công nghiệp - Dịch vụ - Nông, lâm nghiệp chuyển dịch đúng hướng. Nguồn lực huy động cho đầu tư phát triển đa dạng hơn, phát huy nội lực tốt hơn, nhất là nguồn vốn đầu tư của dân. Các lĩnh vực xã hội có nhiều tiến bộ; An ninh - Quốc phòng được giữ vững; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có những chuyển biến mới. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) ước đạt 11,57% vượt 0,57% so với kế hoạch (trong đó công nghiệp - xây dựng chiếm 6,72%; thương mại dịch vụ chiếm 4,49%, nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 0,36%). Cùng với tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế chiếm 49,85%; thương mại dịch vụ chiếm 43,3%; nông lâm nghiệp chiếm 6,85% (NQ Đại hội XIV của Đảng bộ đề ra đến năm 2005: công nghiệp xây dựng 50%; thương mại dịch vụ 42%; nông lâm nghiệp 8%).

2. Giá trị sản xuất CN - TTCN trên địa bàn ước đạt 3.190,76% tỉ đồng, tăng 11,9% so với năm 2003. Trong đó giá trị sản xuất CN - TTCN ngoài quốc doanh đạt 385,58 tỉ đồng, bằng 128,52% KH, tăng 34,15% so với năm 2003.

3. Giá trị sản phẩm trên 1 héc-ta canh tác đạt 21,7 triệu đồng, tăng 17,06% so với năm 2003 (vượt 20,5% so với NQ Đại hội đề ra). Trong đó giá trị sản phẩm trên 1 héc-ta trồng chè, ăn quả đạt 39,8 triệu đồng (vượt 15,5% so với NQ đại hội).

4. Thu ngân sách ước đạt 142.472 triệu đồng, bằng 136% KH tỉnh giao và bằng 103,9% KH thành phố, bình quân hàng năm

vượt 28,2% KH tỉnh giao (NQ đề ra vượt 10% KH tỉnh giao). Chi ngân sách ước đạt 173.410 triệu đồng, bằng 93,3%.

5. Giảm tỷ suất sinh thô 1‰, vượt 0,75‰ so với KH.

6. Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 1,35%, giảm 0,55% so với năm 2003, cơ bản xóa hộ nghèo chính sách.

7. Giải quyết việc làm cho 6.000 lao động, bằng 100% KH.

8. Hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2004.

9. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm. Công tác phòng chống tệ nạn ma túy có chuyển biến tích cực.

10. Công tác xây dựng Đảng:

- Công tác xây dựng Đảng: Ban chấp Đảng bộ đã chỉ đạo các cấp ủy cơ sở tổ chức học tập quán triệt gắn với xây dựng chương trình hành động thực hiện các NQ của BCH Trung ương (khóa IX).

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm, năm qua Thành ủy đã tổ chức được 52 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng, công tác đoàn thể, công tác quản lý nhà nước, bồi dưỡng kết nạp Đảng, đảng viên mới cho 6.214 lượt học viên.

- Công tác phát triển đảng được các cấp ủy quan tâm, kết nạp được 311 người vào Đảng, bằng 103,7% kế hoạch năm.

Mục tiêu của năm 2005 là phải tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ cả về tốc độ và chất lượng tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng GDP tăng 12% trở lên. Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Quan tâm chăm lo giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế. Bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội. Chỉ đạo tốt việc chuẩn bị đại hội đảng bộ cơ sở và Đại hội đảng bộ thành phố lần thứ 15, tạo thế và lực mới cho việc phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2005 - 2010.



XÃ NINH HIỆP

Địa chỉ: Ninh Hiệp - Gia Lâm - Hà Nội * Điện thoại: (04) 8 785 274

Xã Ninh Hiệp nằm ở phía Đông Bắc huyện Gia Lâm, tiếp giáp với huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Tổng diện tích đất tự nhiên 488,86 héc-ta, trong đó: diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 341,85 héc-ta. Toàn xã có hơn 3.000 hộ với trên 14 nghìn dân, 120 tổ liên gia, tập trung ở 9 thôn liền kề nhau, phong tục tập quán giống nhau.

1/ CƠ CẤU KINH TẾ CỦA XÃ:

Nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - thương mại và dịch vụ.

+ Đối với sản xuất nông nghiệp: hàng năm gieo cấy hết diện tích trong khung thời vụ tốt nhất, năng suất lúa bình quân đạt 4,5 tấn/héc-ta, việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đưa các loại cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao vào sản xuất đã thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế nông nghiệp của xã.

+ Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp: phát triển mạnh với các ngành nghề truyền thống như: kinh doanh vải- may mặc, chế biến nông sản, dược liệu. Nhiều hộ gia đình đầu tư công nghệ, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để nâng cao chất lượng hàng hóa, mở rộng thị trường trong lĩnh vực chế biến nông sản dược liệu, may mặc đồng thời tạo việc làm ổn định cho nhiều lao động ở trong xã và thu hút được một phần lao động của các xã quanh vùng.

2/ VĂN HÓA - GIÁO DỤC, XÃ HỘI VÀ ĐỜI SỐNG:

+ Thực hiện mục tiêu lễ cưới: "Trang trọng- Lành mạnh- Tiết kiệm", UBND xã tổ chức "Lễ trao giấy chứng nhận kết hôn" tại trụ sở UBND xã, cuộc vận động nhân dân không sử dụng thuốc lá trong việc cưới, việc tang được nhiều gia đình nhân dân thực hiện.

+ Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được các ban, ngành từ xã đến thôn triển khai tích cực bằng các hình thức phát thanh, tuyên truyền, cổ động, tọa đàm...

+ Phong trào văn hóa- văn nghệ, được Đảng- chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể tổ chức thường xuyên, hoạt động TDTT được duy trì đều đặn và giữ vững danh hiệu đơn vị tiên tiến xuất sắc 15 năm liền cấp thành phố.

Giáo dục - đào tạo: Sự nghiệp giáo dục được quan tâm, các trường học, hội khuyến học và các ban, ngành đoàn thể thực hiện tốt công tác khuyến học. Tỷ lệ học sinh đổ vào các trường đại học hàng năm tăng: Năm 1999 có 19, năm 2001 có 28, năm 2004 có 27 em, xã được công nhận hoàn thành phổ cập THCS từ năm 1998.

Chính sách xã hội: các đối tượng chính sách xã hội được quan tâm, chế độ trợ cấp hàng tháng, trợ cấp khó khăn đột xuất được chi trả đúng, đủ và kịp thời.

Năm 1999 và năm 2003, bằng nguồn vốn ngân sách và vận động nhân dân đóng góp đã xây dựng được 3 nhà tình thương cho 2 hộ nghèo, một hộ tàn tật.

3/ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI: các công trình hạ tầng, phúc lợi xã hội được quan tâm đầu tư như: cứng hóa kênh mương, điện- đường- trường- trạm... Tổng số tiền đầu tư xây dựng trong 5 năm qua là hơn chục tỉ đồng đã thực sự tạo ra bộ mặt nông thôn mới

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Ất Dậu

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy - UBND huyện, sự chỉ đạo giúp đỡ của UBND và các phòng, ban chức năng huyện Gia Lâm, cùng với sự phấn đấu nỗ lực của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. 5 năm qua xã luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và thu được kết quả toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhiều chỉ tiêu cơ bản về kinh tế đều đạt và vượt mức, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tệ nạn xã hội được kiềm chế chặt chẽ. Năm 2004, xã Ninh Hiệp được UBND thành phố Hà Nội tặng cờ "Đơn vị Xuất sắc dẫn đầu trong phong trào thi đua".



CÔNG TY CAO-SU ĐỒNG NAI

DONG NAI RUBBER COMPANY (DONARUCO)

Địa chỉ: Xã Xuân Lập - thị xã Long Khánh - tỉnh Đồng Nai * Điện thoại: 061 724 444 * Fax: 061 724 123

E-mail: donaruco@hcm.vnn.vn * Website: www.donaruco.com

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh: 39 Bến Vân Đồn - quận 4 - TP. Hồ Chí Minh

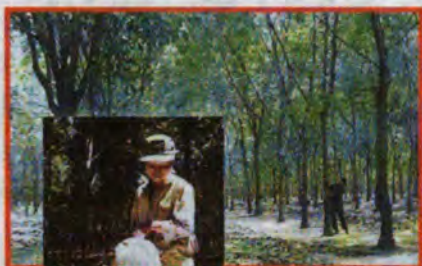
Điện thoại: 08 9 400 345 * Fax: 08 9 400 874



Giải thưởng chất lượng
của Hiệp hội cao-su thế giới
tặng sản phẩm cao-su Đồng Nai

LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH

- + Trồng và khai thác cao-su thiên nhiên.
- + Thương nghiệp bán buôn.
- + Sản xuất các sản phẩm bằng hạt PE.
- + Sản xuất các sản phẩm bằng nguyên liệu cao-su.
- + Xây dựng kết cấu hạ tầng, cụm dân cư, kinh doanh địa ốc.
- + Xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông.
- + Xây lắp thủy lợi.
- + Chế biến các loại đá xây dựng.
- + Sản xuất bao bì và sản phẩm mộc gia dụng
- + Dịch vụ vận tải hàng hóa.
- + Chế tạo, gia công sửa chữa thiết bị và sản phẩm cơ khí.
- + Thiết kế thi công hệ thống điện sinh hoạt và công nghiệp.



Khai thác mủ cao-su



Vườn cao-su giống

Công ty Cao-su Đồng Nai sẵn sàng liên doanh hợp tác thương mại với tất cả các thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực: Tiêu thụ sản phẩm cao-su; sản xuất hàng hóa từ nguyên liệu cao-su; hợp tác khoa học - kỹ thuật về cao-su và các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh.



Văn phòng Công ty

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO



Trụ sở chính: 105 Lê Lợi, Vũng Tàu * Điện thoại: 064. 839 871 * Fax: 064.839857 * Email: hq@vietsov.com.vn

SẴN SÀNG HỢP TÁC, LIÊN DOANH VỚI CÁC CÔNG TY DẦU KHÍ KHÁC TRONG CÁC LĨNH VỰC:

*Thiết kế, lắp ráp,
xây dựng các công
trình dầu khí biển,
khoan thăm dò -
khai thác dầu khí,
dịch vụ cảng, vận tải
biển, phòng chống
phun trào dầu khí,
bảo vệ môi trường.*

Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro thành lập trên cơ sở Hiệp định Liên chính phủ ký ngày 19/6/1981 giữa Cộng hòa XHCN Việt Nam và Liên bang các nước CHXHCN Xô viết, là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất ở Việt Nam.

Hoạt động trên 2 mỏ:

Bạch Hổ và Rồng.

* Sản lượng:

+ 33 - 34 ngàn tấn dầu thô/ ngày đêm

+ 6 triệu m³ khí/ ngày đêm.

* Từ năm 1986 - 2004 đạt 140 triệu tấn dầu thô và 13 tỉ m³ khí.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 5



CÔNG TY ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG 579

Civil Engineering Construction and Investment Company 579

Chúc mừng Năm mới Xuân Ất Dậu 2005
“LỢI ÍCH MUÔN ĐỜI CỦA BẠN”

NHỮNG HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY



**GIÁM ĐỐC
ĐẠI QUANG TUẤN**



**ĐÔ THỊ MỚI
PHÚ MỸ AN**

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÚ MỸ AN



**CECICO 579
NHÀ MÁY THÉP VITASTEEL**

KHU CÔNG NGHIỆP P. VĨNH LỘC - T.P. BỐ CHÉ BÌNH - Đ.T. 05.4352803

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY THÉP CIENCO 5-2



TÀU CAO TỐC BÀ NẮNG - CỬ LẠO CHÀM - LẠNG CỎ

DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG THỦY VÀ ĐƯỜNG BỘ



ĐÀO TẠO CÔNG NHÂN CHO CÁC NGÀNH NGHỀ



CÔNG TY ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG 579
TRUNG TÂM TƯ VẤN THIẾT KẾ 79.1
OFFICE: 12 - NGUYỄN VĂN LINH - Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG
TEL: 0511 582 891; 0511 582 852; FAX: 84 511 583 101

TVTT CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

ĐỊA CHỈ: 12 NGUYỄN VĂN LINH, TP. ĐÀ NẴNG. TEL: 0511.582 851. FAX: 0511.583 101



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG

HAI PHONG PAINT JOINT STOCK COMPANY

ĐƯỢC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ CỦA HÃNG CHUGOKU MARINE PAINTS

THẠCH MIỀN NAM MỚI

TRỤ SỞ CHÍNH

12 Lạch Tray, Hải Phòng

Điện thoại: 031. 847 003

Fax: 031. 845 180; Email:

SONHP.VIEN@HN.VNN.VN

Tổng giám đốc: **NGUYỄN VĂN VIỆN**

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

149/1H Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận
Bình Thạnh

Điện thoại: 08 5 106 252

Fax: 08 8 997 352;

Email: SONHPCN@HCM.VNN.VN

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI

166C Đội Cấn, Ba Đình

Điện thoại: 04.7 222 796

Fax: 04.7 222 797



SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG:

- Trên 120 loại sản phẩm.
- Chất lượng quốc tế ISO 9001-2000 và JIS Nhật Bản.

LĨNH VỰC PHỤC VỤ:

- Tàu biển, công trình biển, giàn khoan dầu khí.
- Công nghệ nặng:
 - Nhà máy lọc dầu, nhà máy điện; xi măng, giấy, đường, hóa chất...
- Giao thông:
 - Cầu thép, chỉ giới giao thông...
 - Các lĩnh vực công nghiệp khác và xây dựng dân dụng.
- Poder coating - Sơn tĩnh điện.

DỊCH VỤ:

- Tư vấn lập quy trình kỹ thuật và chỉ định sơn cho các dự án như: Tàu biển, công trình biển, công trình công nghiệp, cầu thép..
- Giám sát kỹ thuật và hướng dẫn thi công sơn.





Giám đốc
HOÀNG ĐÌNH TUỆ



CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ SỬA CHỮA ĐƯỜNG BỘ LẠNG SƠN

Địa chỉ: Km 2, đường Trần Quang Khải, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Điện thoại: 025 811 605 - 811 610

Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Lạng Sơn là một doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo trì trên 638km cầu, đường được giao. Đồng thời tham gia sản xuất kinh doanh các ngành nghề tại Quyết định số 1486/QĐ-UB-KT, ngày 14-8-2002 của UBND tỉnh và theo Đăng ký thành lập doanh nghiệp nhà nước số 111197, cấp ngày 4-10-2002, của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn.

Dưới sự Lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng ủy và chính quyền các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Lạng Sơn đã tổ chức và hoàn thành tốt các phong trào thi đua lao động sản xuất, các công trình, hành lang giao thông đường bộ, cầu đường, các phong trào thể dục thể thao, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, xây dựng cơ quan văn hóa, gia đình văn hóa, đoàn kết giúp nhau làm kinh tế và đặt ra những phương hướng, nhiệm vụ để quyết tâm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội được giao

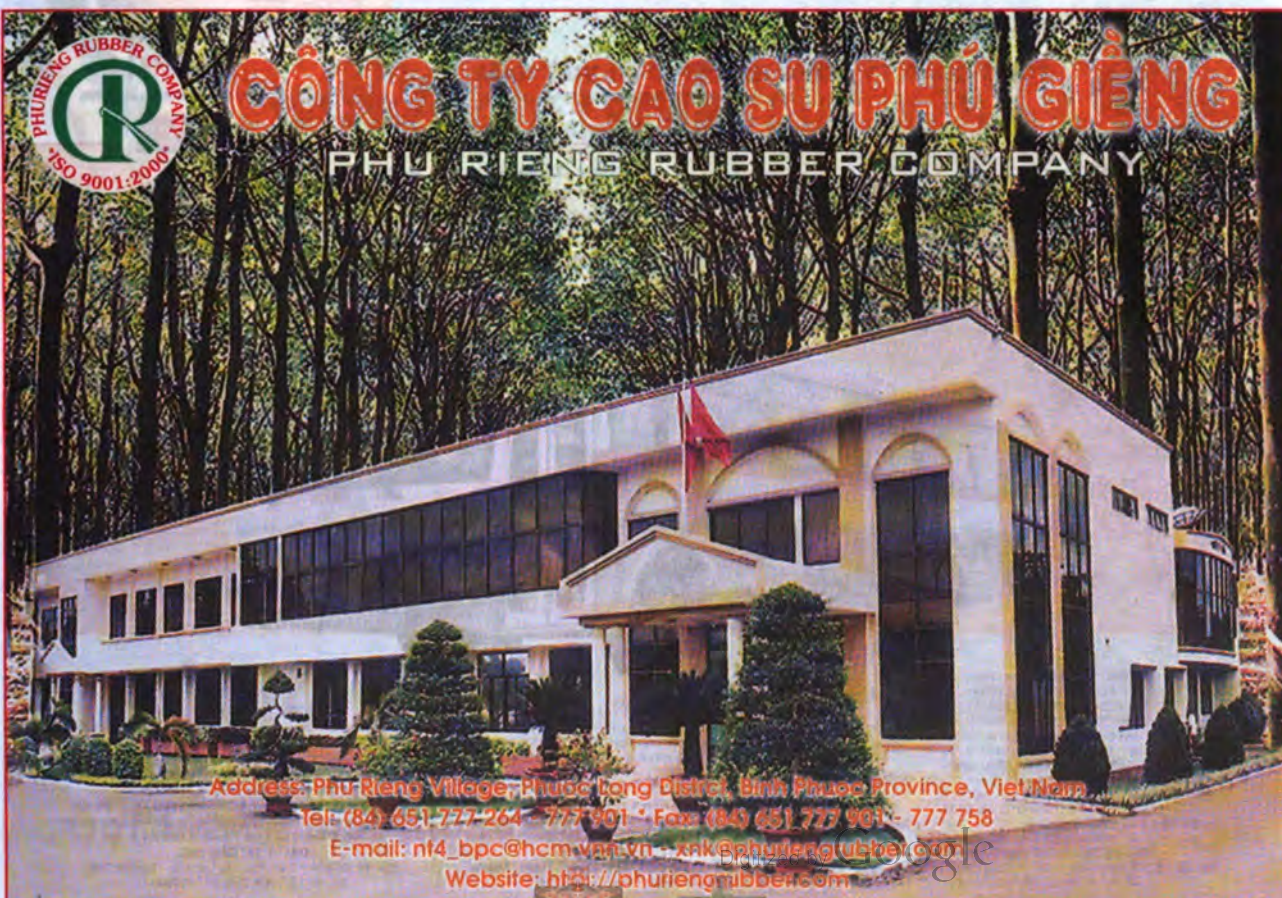
NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TY:

- ❖ Tăng cường thực hiện quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường được giao.
- ❖ Tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh công tác khoán mục tiêu áp dụng cho công tác bảo dưỡng thường xuyên cầu đường bộ
- ❖ Mở rộng quan hệ với các chủ đầu tư, các đơn vị.
- ❖ Kiện toàn và hoàn thiện công tác phòng chống lụt bão.
- ❖ Hoàn chỉnh hồ sơ đất đai của Công ty và các đơn vị Hạt.
- ❖ Chủ động phối hợp thực hiện công tác bảo vệ hành lang an toàn đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.
- ❖ Tập trung chỉ đạo các phòng nghiệp vụ thực hiện tốt các nhiệm vụ, chức năng được giao.



CÔNG TY CAO SU PHÚ GIỀNG

PHU RIENG RUBBER COMPANY



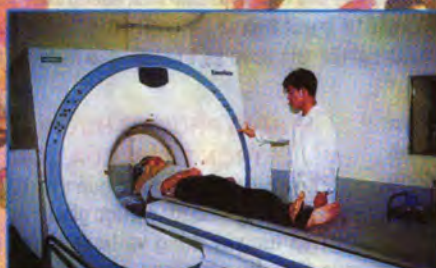
Address: Phu Rieng Village, Phước Long District, Bình Phước Province, Viet Nam

Tel: (84) 651 777 264 - 777 901 • **Fax:** (84) 651 777 901 - 777 758

E-mail: nf4_bpc@hcm.vnn.vn - xnk@phuriengrubber.com

Website: <http://phuriengrubber.com>

BỆNH VIỆN THANH NHÀN



Bệnh viện Thanh Nhàn là đơn vị trực thuộc Sở Y tế Hà Nội, được sự quan tâm của UBND thành phố Hà Nội, Bộ Y tế, các giáo sư và chuyên gia đầu ngành.

Năm 2004, Bệnh viện được Sở Y tế Hà Nội giao chỉ tiêu 450 giường bệnh và phát triển hai chuyên khoa đầu ngành là nội khoa và chuẩn đoán hình ảnh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2004:

- Thành lập đơn nguyên Nội tiết tại khoa nội tổng hợp, tổ tư vấn dinh dưỡng, tổ truyền thông dân số sức khỏe.
- Các chỉ tiêu khám bệnh, điều trị nội trú và cận lâm sàng vượt chỉ tiêu so với năm 2003 từ 101 đến 142%.
- Mua mới và sửa chữa trang thiết bị máy móc phục vụ khám chữa bệnh, hoàn thiện công trình tòa nhà 11 tầng và dự kiến đưa vào sử dụng đầu năm 2005.
- Thực hiện các quy chế chuyên môn, chăm sóc toàn diện, chống nhiễm khuẩn và công tác khám chữa bệnh theo yêu cầu.
- Đào tạo, bố trí thực tập cho cán bộ y tế cơ sở và sinh viên các trường: Đại học Dược, trung học Y tế, đại học Quân y... bên cạnh việc cử cán bộ đi học nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý và chính trị.
- Tham gia 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, 1 đề tài điều tra bệnh đái tháo đường, duyệt 8 đề tài cấp cơ sở, 1 đề tài cấp thành phố và 1 đề tài đang ký bằng lao động sáng tạo.
- Kết nạp thêm 6 đảng viên nâng tổng số đảng viên trong đơn vị lên 118 đồng chí. Các công tác công đoàn, thanh niên và đời sống được duy trì, phát triển tạo ra sự đồng thuận trong CBNV.
- Năm 2004, Bệnh viện nhận cờ "Bệnh viện xuất sắc toàn diện" của Bộ Y tế.
- Năm 2005, mục tiêu của tập thể CBCNV bệnh viện là nâng cao y đức, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn trong bệnh viện, phấn đấu đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, xuất sắc tiêu biểu.

Địa chỉ: 42 phố Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04 9 714 373 * Fax: 04 9 715 114



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô-TÔ VIỆT NAM
TRANSINCO 1.5 CAK46D



CÔNG TY Ô TÔ 1-5
ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG



Km15 QL3 - Thị trấn Đồng Anh, Hà Nội
ĐT: 84.4.8820308, 8835149, 8835207, 8835148, 8823254
ĐD: 0913.210908, 0904.243467
Fax: 84.4.8834115; E-mail: congtyoto15@hn.vnn.vn
Website: http://www.congtyoto1-5.com



TRUNG TÂM BẢO HÀNH PHÍA BẮC
Địa chỉ: Công ty ô tô 1-5, Km 15 QL3 - Thị trấn Đồng Anh, Hà Nội
ĐT: 04.883297, 8835149; Fax: 04.8834115
CÔNG TY THƯƠNG MẠI THIÊN KHAI
Địa chỉ: Thị trấn Đồng Anh, Hà Nội
ĐT: 04.8838706; Fax: 04.8838706
CÔNG TY TNHH TRƯỜNG SINH
Địa chỉ: Km 2 Pháp Vân - Yên Sở - Thanh Trì - Tp Hà Nội
ĐT: 04.8615639; Fax: 04.6450071
CÔNG TY CƠ KHÍ Ô TÔ AN THAI
Địa chỉ: Số 1-Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh - Tx Thái Bình
ĐT: 036.839036; Fax: 036.833754
ĐẠI LÝ BÁN HÀNG TẠI THANH HÓA
Địa chỉ: Số 278 đường Bà Triệu - P.Đồng Thọ - TP Thanh Hoá
ĐT: 037.960509; Fax: 037.961448

ĐẠI LÝ BÁN HÀNG TẠI ĐÀ NẴNG
Địa chỉ: Số 16 Ngõ Gia Tự - TP Đà Nẵng
ĐT: 0511.824482; Fax: 0511.824882
ĐẠI LÝ BÁN HÀNG TẠI QUẢNG NGÃI
Địa chỉ: Số 136 Lê Lợi - Thị xã Quảng Ngãi
ĐT: 055.835447; Fax: 055.835448
ĐẠI LÝ BÁN HÀNG TẠI NHÀ TRẢNG
Địa chỉ: Km 5 Đường 23/10 - Phú Thạnh - Vĩnh Thạnh
ĐT: 058.892273; Fax: 058.892288
CÔNG TY TNHH THÁI HOÀ
Địa chỉ: Số 278 Hoàng Diệu - Tp Buon Mê Thuột - Đắk Lắk
ĐT: 050.815533; Fax: 050.954990

CÔNG TY TNHH Ô TÔ SÀI GÒN
Địa chỉ: Số 278 Dương Vương-An Lạc - Bình Chánh- Tp Hồ Chí Minh
ĐT: 08.7522166; Fax: 08.7522165
TRUNG TÂM KINH DOANH & BẢO HÀNH Ô TÔ TRANSINCO-1-5
Địa chỉ: Số 350/1C - Khu phố 1 - phường An Phú Đông - Tp Hồ Chí Minh
ĐT: 08.8216523; Fax: 08.8296226
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & THƯƠNG MẠI TRƯỜNG AN
Địa chỉ: Quốc lộ 1A Ấp Chánh - xã Long Hiệp - huyện Bến Lức-Long An
ĐT: 072.641960; Fax: 072.641069
ĐẠI LÝ TẠI CẦN THƠ
Địa chỉ: Số 81A - Bùn Phê - P. Cánh Khe - Tp Cần Thơ
ĐT: 071.827304; Fax: 071.827308



TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
CÔNG TY VIỄN THÔNG QUỐC TẾ



Gọi **IDD**



00 + Mã nước + Mã vùng + Số điện thoại

Điện thoại quốc tế chất lượng cao
THÔNG DỤNG - HIỆU QUẢ

Gọi 142 để biết thông tin chi tiết



HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

Trụ sở: số 77 đường Nguyễn Chí Thanh - Quận Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 04.8 343 223 • **Fax:** 04.7 731 336

Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh: số 10 đường 3-2 - Quận 10 - Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.8 626 998 • **Fax:** 08.8 658 559

Giám đốc: NGUYỄN TS. NGUYỄN NGỌC HIỂN - Thứ trưởng Bộ Nội vụ



Trụ sở Học viện Hành chính Quốc gia

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG:

Là trung tâm quốc gia, tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định của pháp luật, thực hiện các chức năng: đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, các chức danh công chức hành chính các cấp, cán bộ, công chức cơ sở, công chức dự bị, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên các chuyên ngành hành chính và quản lý nhà nước; nghiên cứu khoa học hành chính và tư vấn cho Chính phủ trong lĩnh vực hành chính và quản lý nhà nước.

CÁC HỆ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CỦA HỌC VIỆN:

1. Hệ đào tạo, bồi dưỡng về hành chính và quản lý nhà nước: chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp các chức danh lãnh đạo.
2. Hệ đào tạo tiền công vụ.
3. Hệ đào tạo đại học hành chính chính quy, không chính quy và sau đại học theo các chuyên ngành hành chính và quản lý nhà nước.



*Khu giảng đường mới của Học viện
tại cơ sở Tp. Hồ Chí Minh*

4. Hệ đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, nghiên cứu viên về hành chính và quản lý nhà nước.

5. Hệ đào tạo, bồi dưỡng chuyên đề: bao gồm các chuyên đề về tài chính công, tổ chức nhân sự hành chính, hành chính doanh nghiệp, thư ký giám đốc...

Hiện nay, Học viện đã thành lập Trung tâm đào tạo tin học theo tiêu chuẩn quốc tế ICDL; Trung tâm Ngoại ngữ Học viện Hành chính Quốc gia và Hội đồng Anh (NAPA-BC).

THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 234/2003/QĐ-TTĐ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, Học viện có Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Huế và các Phân viện khu vực.

HX
2
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



5

3-2005

UNIV. OF MICH.

MAR 22 2005

CURRENT SERIALS

Digitized by Google



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM



Đáp ứng mọi nhu cầu của Khách hàng trong :

Vận tải biển

Khai thác cảng

Dịch vụ chuyên ngành

**Xuân
Ất
Dậu
2005**



*Nhân dịp Xuân mới, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
xin kính chúc Quý Vị cùng toàn thể gia đình
một Năm mới An-Khang-Thịnh-Vượng!*

Trụ sở chính : Trung tâm TTTM Hàng hải Quốc tế Hà Nội (Ocean Park), Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Đ/t: (84-4) 5 770 825-29 * Fax: (84-4) 5 770 850 * E-mail: vn1@vinalines.com.vn * Website: <http://www.vinalines.com.vn>
Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh : Số 3 Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. HCM. * Đ/t: (08) 8 268 967/72 * Fax: (08) 826 897
Chi nhánh tại TP.Cần Thơ : Số 27 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, Cần Thơ. * Đ/t: (071) 842 801 * Fax: (071) 842 802
Chi nhánh tại TP.Hải Phòng : Số 282 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng. * Đ/t: (031) 825 657 * Fax: (031) 825 658



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 727

5

3-2005

● **BỘ BIÊN TẬP :**

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● **Tổng Biên tập :**

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Những nữ trí thức trẻ

Ảnh: T.L

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

DƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

HỒNG VINH - Phát triển lý luận đáp ứng nhu cầu xây dựng nền văn nghệ tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc	3
VÕ THỊ THẮNG - Phát triển du lịch Việt Nam trong tình hình mới	9
HỒ XUÂN HÙNG - Nhìn lại chặng đường sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	14
LÊ DANH VĨNH - Thương mại Việt Nam phấn đấu trong năm 2005: vững chắc, toàn diện và chủ động hơn trong hội nhập kinh tế quốc tế	20

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN QUANG NHIẾP - Đổi mới - sự sáng tạo của Đảng	25
TRẦN NGỌC ĐƯỜNG - Cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	30
THÁI SƠN - Hồ Chí Minh với vấn đề giải phóng phụ nữ	35
VÕ THỊ HỒNG LOAN - ĐẶNG ÁNH TUYẾT - Bình đẳng nam nữ và thực hiện quyền bình đẳng nam nữ ở nước ta	39

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

VŨ NGỌC KỶ - Về đất đai và vấn đề đất sản xuất của nông dân	43
CAO ĐỨC THÁI - Những thành tựu cơ bản trong việc bảo đảm quyền con người ở nước ta thời kỳ đổi mới	48
NGUYỄN TẮM - Bộ đội Biên phòng tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới	53
TRIỀU HẢI HOÀNG - "Đất thép" hôm nay	56

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

LỆ MAI - Cẩn cả hai	61
---------------------	----

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN LỘC - Những nỗ lực chính trị - pháp lý quốc tế trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ	63
LÊ BỘ LĨNH - Kinh tế thế giới năm 2004 - 2005: những đặc điểm và xu hướng lớn	67

СОДЕРЖАНИЕ

• ХОНГ ВИНЬ: Развитие теорий в целях удовлетворения требованиям строительства современной литературы и искусства, богатых национальным колоритом. • ВО ТХИ ТХАНГ: Развитие туристской отрасли Вьетнама на новом этапе. • ХО СУАН ХУНГ: Оценка пути к упорядочению, обновлению государственных предприятий. • ЛЕ ЗЯНЬ ВИНЬ: Вьетнамская торговля в 2005 г.: будет устойчивой, всесторонней и более активной в международной экономической интеграции. • ЧАН КУАНГ НИЕП: Обновление – творчество Партии. • ЧАН НГОК ДЫОНГ: Судебная реформа и строительство правового социалистического государства Вьетнам. • ТХАЙ ШОН: Президент Хо Ши Мин и вопрос освобождения женщин. • ВО ТХИ ХОНГ ЛОАН – ДАНГ АНЬ ТУЕТ: Равноправие между мужчинами и женщинами и его осуществление во Вьетнаме. • ВУ НГОК КИ: Земельные вопросы и земля для производства крестьян. • КАО ДЫК ТХАЙ: Главные достижения в обеспечении прав человека во Вьетнаме в период обновления. • НГУЕН ТАМ: Пограничные войска участвуют в строительстве политической системы в пограничных общинах и кварталах. • ЧИЕУ ХАЙ ХОАНГ: «Стальная земля» сегодня. • НГУЕН ЛОК: Международные политико-правовые усилия в обеспечении равноправия женщин. • ЛЕ БО ЛИНЬ: Международная экономика в период 2004-2005 гг.: особенности и большие тенденции.

CONTENTS

• HÔNG VINH: Developing theory to satisfy the demands of building an advanced culture and arts rich in national identities. • VÕ THỊ THẮNG: Developing Vietnamese tourism in the new situation. • HỒ XUÂN HÙNG: Looking back at the stage of state enterprises' arrangement and renovation. • LÊ DANH VINH: In 2005, Vietnamese trade will try to be more steady, comprehensive and initiative in World economic integration. • TRẦN QUANG NHIẾP: Renovation – The Party's creation. • TRẦN NGỌC ĐƯỜNG: Justice reforms and building law-governed socialist State of Vietnam. • THÁI SƠN: Hồ Chí Minh and the issue of woman liberation. • VÕ THỊ HỒNG LOAN - ĐẶNG ÁNH TUYẾT: Equality between men and women and the implementation of these rights in our country. • VŨ NGỌC KỶ: Regarding lands and problem of production lands of peasants. • CAO ĐỨC THÁI: Principal achievements in warranting human rights in our country in the Renovation period. • NGUYỄN TÂM: Border-guard army participating in building the political system in the border communes, districts. • TRIỀU HẢI HOÀNG: "The Steel land" today. • NGUYỄN LỘC: International politics- jurisdiction efforts in warranting women's rights of equality. • LÊ BỘ LĨNH: World's economy in 2004-2005: great features and trends.

SOMMAIRE

• HÔNG VINH: Développer la théorie répondant à l'édification des arts et lettres avancés et imprégnés de l'identité nationale. • VÕ THỊ THẮNG: Développement du tourisme vietnamien dans la nouvelle conjoncture. • HỒ XUÂN HÙNG: Regard rétrospectif sur le processus d'arrangement et de renouveau des entreprises étatiques. • LÊ DANH VINH: Les buts à atteindre du commerce vietnamien pour 2005: être plus solide sous tous ses aspects et prendre l'initiative dans l'intégration à l'économie mondiale. • TRẦN QUANG NHIẾP: Le Renouveau – créativité du Parti. • TRẦN NGỌC ĐƯỜNG: La réforme du droit privé et l'édification d'un état socialiste de droit du Vietnam. • THÁI SƠN: Hồ Chí Minh et la libération des femmes. • VÕ THỊ HỒNG LOAN - ĐẶNG ÁNH TUYẾT: L'égalité des sexes et la réalisation de ses droits au Vietnam. • VŨ NGỌC KỶ: Les terrains et les activités productives des paysans. • CAO ĐỨC THÁI: Les réalisations principales enregistrées lors de l'assurance des droits de l'homme au Vietnam dans la période de renouveau. • NGUYỄN TÂM: La participation des forces de garde-frontière à l'élaboration du système politique dans les quartiers et communes frontaliers. • TRIỀU HẢI HOÀNG: "La terre d'acier" d'aujourd'hui. • NGUYỄN LỘC: Les efforts internationaux de caractère politique et juridique dans l'assurance des droits d'égalité des femmes. • LÊ BỘ LĨNH: L'économie mondiale de 2004-2005: caractéristiques et grandes tendances.

SUMARIO

• HÔNG VINH: Desarrollar la teoría conforme a las necesidades de edificar las letras y artes llenas de la identidad nacional. • VÕ THỊ THẮNG: El fomento de turismo vietnamita en la nueva situación. • HỒ XUÂN HÙNG: Revisando el trayecto de reorganización y renovación de las empresas estatales. • LÊ DANH VINH: El esfuerzo de comercio vietnamita en 2005: más seguro, multifacético y activo en la integración económica internacional. • TRẦN QUANG NHIẾP: La renovación – creación del Partido. • TRẦN NGỌC ĐƯỜNG: La renovación judicial y la edificación de un Estado de derecho socialista de Việt Nam. • THÁI SƠN: El presidente Hồ Chí Minh y el asunto de liberación de mujeres. • VÕ THỊ HỒNG LOAN - ĐẶNG ÁNH TUYẾT: La igualdad de sexo y el cumplimiento del derecho de igualdad de la mujer en nuestro país. • VŨ NGỌC KỶ: Acerca de las tierras y los asuntos de tierras de cultivo de los campesinos. • CAO ĐỨC THÁI: Los éxitos fundamentales en garantizar el derecho del hombre alcanzados por nuestro país en el período de renovación. • NGUYỄN TÂM: La participación de tropas guardafronteras a la construcción de sistema político en las comunas y barrios de la frontera. • TRIỀU HẢI HOÀNG: La "tierra de hierro" de hoy. • NGUYỄN LỘC: Los esfuerzos políticos-judiciales internacionales en asegurar el derecho de igualdad de la mujer. • LÊ BỘ LĨNH: La economía mundial de 2004-2005: grandes características y tendencias.

目录

• 红荣：发展理论以满足建设一个先进、浓郁民族本色的文艺。• 武氏胜：在新形势下发展越南旅游业。• 胡春雄：回顾国有企业的重组、革新历程。• 黎名永：2005年越南贸易业的奋斗目标——在融入国际经济进程中更稳固、全面和主动。• 陈光摄：革新——党的创新。• 陈玉堂：司法改革并建设越南社会主义法制国家。• 泰山：胡志明与妇女解放问题。• 武氏红鸾、邓映雪：男女平等及实现越南的男女平等权。• 武玉奇：土地问题及农民耕作地的问题。• 高德泰：越南革新时期中人权保证问题的基本成就。• 阮登：边防部队参加建设边境乡坊政治系统。• 朝海黄：今日的“钢铁之地”。• 阮禄：为保证妇女的平等权所作的国际政治法理努力。• 黎部领：2004——2005年世界经济——一些大的特点和趋向。



PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÂY DỰNG NỀN VĂN NGHỆ TIỀN TIẾN, DẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

HỒNG VINH *

1 – Lý luận có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống. Đó là những nguyên lý được đúc kết một cách khoa học, có ý nghĩa phổ biến, có tác dụng giúp con người nhận thức bản chất, khắc phục các nhận thức cảm tính, bề ngoài, làm cơ sở để xác định phương hướng đúng đắn trong hoạt động thực tiễn, mở đường đi tới tương lai.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam nói chung cũng như lãnh đạo văn hóa, văn nghệ nói riêng, Đảng ta luôn luôn coi trọng lý luận. Nhưng lý luận phải bắt nguồn từ thực tiễn, được vận dụng kiểm nghiệm trong thực tiễn, phục vụ thực tiễn. Thực tiễn thay đổi thì lý luận cũng phải được điều chỉnh, đổi mới.

Lý luận văn nghệ cũng như mọi thứ lý luận thuộc lĩnh vực khoa học nhân văn luôn luôn dựa vào các học thuyết tư tưởng, triết học, đạo đức, chính trị, mỹ học nhất định để xây dựng hệ thống quan điểm của mình. Bản thân lý luận văn nghệ là một hình thái ý thức xã hội, một hệ thống định hướng giá trị nhất định. Một lý luận văn nghệ khoa học phải kết hợp được tính khoa học phổ biến và tính lịch sử cụ thể.

2 – Lý luận văn nghệ mác-xít được tiếp nhận vào Việt Nam đã làm cho mọi người hiểu được các vấn đề to lớn như mối quan hệ giữa

văn nghệ và xã hội, văn nghệ với đời sống và thời đại, văn nghệ với chính trị, với giai cấp và dân tộc, từ đó làm thay đổi căn bản lý luận văn học Việt Nam trước đó, mở đường cho lý luận văn nghệ phát triển và trở thành một khoa học.

Tuy nhiên trong thời kỳ đấu tranh cách mạng chống ngoại xâm và thống nhất đất nước, do yêu cầu cụ thể của điều kiện lịch sử, lý luận văn nghệ của chúng ta mới tập trung nhấn mạnh một số vấn đề bức thiết nhất, như văn nghệ và tuyên truyền, văn nghệ và chính trị, văn nghệ và dân tộc, đề cao tính chiến đấu, tính giáo dục, thể hiện tập trung trong các yêu cầu của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, coi đó là phương pháp tốt nhất. Các quan điểm ấy đã có tác dụng tích cực trong sự nghiệp xây dựng nền văn nghệ cách mạng, phụng sự đắc lực công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc.

Ngày nay trong bối cảnh mới và thực tiễn mới, một số nội dung cụ thể của các quan điểm ấy đã không còn phù hợp, bởi vì chúng không tránh khỏi nhược điểm như giản đơn, sơ lược, có mặt cục đoan và giáo điều. Chẳng hạn trong nhấn mạnh chức năng đấu tranh giai

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

cấp, phục vụ chính trị, lại có biểu hiện coi nhẹ tính đặc thù của văn nghệ, coi trọng chức năng giáo dục và coi nhẹ tác dụng hưởng thụ thẩm mỹ; coi trọng nội dung (đề tài, chủ đề...) mà coi nhẹ hình thức, coi trọng việc phản ánh thực tại mà chưa chú ý đúng mức vai trò sáng tạo của chủ thể, nhấn mạnh lập trường chung, thể giới quan chung mà coi nhẹ tính sáng tạo. Những biểu hiện sơ lược ấy trên thực tế đã có phần hạn chế sức sáng tạo và thành tựu văn nghệ của chúng ta. Đó là nguyên nhân của căn bệnh sơ lược trong văn nghệ nước ta mà các bức thư của Trung ương Đảng gửi các đại hội văn nghệ đều lưu ý. Đó cũng là nguyên nhân làm cho tiếng nói phê bình văn học đôi khi rơi vào quy chụp, áp đặt tùy tiện.

3- Bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước những thách thức mới và yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đối với văn nghệ, Đảng ta đã lãnh đạo công cuộc đổi mới trong văn nghệ, điều chỉnh đổi mới các quan điểm văn nghệ của mình. Chúng ta kiên trì đường lối văn nghệ phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, coi văn nghệ là những sản phẩm văn hóa có giá trị lâu dài, thỏa mãn nhu cầu tinh thần nhiều mặt, làm vẻ vang cho văn hiến dân tộc. Chúng ta khẳng định tính năng động của chủ thể trong sáng tạo nghệ thuật, nhưng yêu cầu văn nghệ bám sát cuộc sống, phát hiện các giá trị tích cực làm giàu cho đời sống tinh thần của con người. Về phương diện sáng tác, chúng ta khuyến khích mọi tìm tòi, thể nghiệm các phương pháp mới và phong cách đa dạng, rũ bỏ các hạn chế, rào cản các sáng tạo. Nhà văn được toàn quyền tự do lựa chọn nội dung và hình thức, nhưng tự do luôn đi đôi với trách nhiệm công dân và tư cách người nghệ sỹ - chiến sỹ.

Trong quá trình chuyển mạnh sang cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sáng tác văn nghệ có thêm những nguồn kích thích mới, làm cho văn nghệ gắn bó với nhu cầu đa dạng của công chúng, nhưng cũng đã xuất hiện xu hướng thương mại hóa, có nguy cơ làm cho văn nghệ xuống cấp về đạo đức và thẩm mỹ.

Trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa, chúng ta có quan điểm rộng rãi trong giao lưu, tiếp xúc; tiếp nhận các giá trị lý luận văn nghệ của thế giới để làm giàu cho văn nghệ nước nhà. Chúng ta cũng chủ trương kết hợp kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc tiếp thu tinh hoa văn nghệ thế giới nhằm xây dựng nền văn nghệ Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

4 - Những quan điểm mới mẻ của Đảng về văn nghệ đã thổi một luồng sinh khí vào đời sống văn nghệ nước ta. Từ cuối những năm 80 thế kỷ XX, sáng tác đã bắt đầu đa dạng, xuất hiện những cây bút mới, những đề tài mới, những tìm tòi, thể nghiệm mới. Những tác phẩm mang nội dung giải trí đã có chỗ đứng, nhất là trong sân khấu, ca nhạc, điện ảnh. Nội dung, hoạt động của văn học, nghệ thuật đã đa dạng, phong phú hơn trước. Thơ, văn, âm nhạc, điện ảnh viết về tình yêu, về số phận cá nhân, đời thường có số lượng nhiều hơn trước. Nhiều vấn đề của đời sống trước đây chưa được đề cập, nay đã được thể hiện. Đề tài lịch sử được coi trọng. Về hình thức văn nghệ lại càng đa dạng hơn trước. Đã có thử nghiệm về dòng ý thức, độc thoại nội tâm, bố cục mở v.v.. Đã có những đổi mới về ngôn ngữ văn học. Đã có nhiều tác phẩm ưu tú được bình chọn qua các giải thưởng hoặc được độc giả bình chọn và khẳng định trong dư luận.

Tuy nhiên, điều đáng lo ngại là tác phẩm tuy nhiều, nhưng độ kết tinh còn ít, tác phẩm viết về đời thường, số phận cá nhân nhiều nhưng thường sa vào tản mạn, vụn vặt, thiếu

sức khái quát cao và thiếu chiều sâu. Chưa có được những tác phẩm có vóc dáng, tầm cỡ khỏe mạnh, vững chắc, đánh dấu thời đại Hồ Chí Minh. Nhiều tác phẩm chưa phản ánh sâu sắc những khát vọng lớn của con người và dân tộc Việt Nam, thiếu tính lý tưởng, thiếu nền triết lý sâu sắc. Nhiều sáng tác thiếu ý thức về nghệ thuật, để ngời bút trôi theo sự sai khiến của bản năng và vốn sống, sức tưởng tượng còn nghèo nàn.

Trong một lĩnh vực như sân khấu, điện ảnh ngôn ngữ nghệ thuật còn cũ kỹ đơn điệu, nghèo nàn. Không ít tiểu phẩm giải trí rẻ tiền.

Dấu vết bất chước, mô phỏng còn thấy rõ đây đó trong không ít sáng tác. Biểu hiện thương mại hóa có nơi, có lúc khá đậm.

Về phương diện lý luận cũng có nhiều đổi mới. Đã có những công trình tổng kết truyền thống lý luận văn nghệ dân tộc. Nhiều công trình lý luận văn nghệ thế kỷ XX, bao gồm các tác giả có những khuynh hướng khác nhau đều được in lại. Chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa cấu trúc, phân tâm học, lý thuyết tiếp nhận, lý thuyết đọc, và nói chung các trường phái khác nhau của lý luận văn học và mỹ học trên thế giới đã bước đầu được làm quen. Lý thuyết hậu hiện đại đã được dịch, giới thiệu, nhưng chưa được phân tích thấu đáo. Thi pháp học được vận dụng và có những thành công. Văn học so sánh, cách tiếp cận ký hiệu học, tự sự học, văn hóa cũng đang được chú ý. Tuy vậy, nhìn chung phần nhiều lý luận chỉ mới ở mức giới thiệu để bổ sung mặt bằng kiến thức, mà chưa có nhiều sức sống trong thực tiễn phê bình, nghiên cứu; và do đó, cũng chưa thể hiện sự lựa chọn và phát triển. Trong thế kỷ XX ở phương Tây, lý luận văn học, mỹ học, triết học phát triển chưa từng thấy, các khuynh hướng xuất hiện thay thế nhau, phản bác nhau, bổ sung nhau, tạo thành một dòng chảy lớn, nhưng sự giới thiệu của ta mới chỉ dừng ở từng

khuynh hướng riêng lẻ, mà ít có cái nhìn trọn vẹn trong cả quá trình, cho nên thường chưa có nhận thức toàn diện. Mặt khác, sự giới thiệu còn sơ lược, khiếm khuyết.

Nếu so với toàn bộ bức tranh lý luận văn nghệ của thế giới trong thế kỷ XX, thì lý luận của chúng ta có phần còn xa lạ và nghèo nàn. Những gì chúng ta đã đặt trọn niềm tin và quen dùng, nay cảm thấy nhiều điều không đủ những căn cứ lý luận để lý giải những vấn đề phức tạp của văn nghệ hiện tại. Đồng thời những gì mới đưa vào lại còn xa lạ, đáng ngờ. Điều đó thiết nghĩ là do sự biến đổi của xã hội và lịch sử xảy ra quá nhanh, sự chuẩn bị về lý luận không theo kịp. Sự đổi mới lý luận văn nghệ không giống như đổi thay công nghệ, chỉ cần mua linh kiện và dây chuyền sản xuất là cho ngay được hiệu quả kinh tế. Ở đây đòi hỏi phải bổ sung mặt bằng kiến thức, chuẩn bị thái độ, phương pháp tiếp nhận, chọn lọc và vận dụng sáng tạo thì lý luận mới đi vào cuộc sống. Chúng ta nhớ lại, ngay lý luận văn nghệ mác-xít tuy được đề xuất từ những năm 30 của thế kỷ XX, nhưng tới giữa năm 60 mới gặt hái được một số thành công trong nghiên cứu, phê bình, mà đó là lúc thừa hưởng nhiều thành tựu của Liên Xô. Cho đến năm 1986, đất nước ta bắt đầu sự nghiệp đổi mới, và với thời gian chưa đầy 18 năm, chúng ta khó có thể có một nền lý luận văn nghệ như mong muốn. Một phần do nhận thức về đổi mới lý luận văn nghệ quá chậm, thiếu tạo điều kiện, tổ chức, kinh phí, hợp tác, giao lưu. Sự chậm trễ về lý luận không chỉ có nguyên nhân ở các nhà nghiên cứu, mà chủ yếu ở lãnh đạo các cấp, các ngành chuyên môn; và phải chăng đó cũng còn do tâm lý coi thường lý luận khá phổ biến trong giới sáng tác?

5- Nhiệm vụ của chúng ta hiện nay là xây dựng một nền lý luận văn nghệ tiên tiến, khoa học, đủ sức giải quyết các vấn đề bức thiết đang được đặt ra cho sáng tác, góp phần phát

triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Một đặc điểm của nước ta hiện nay là đang thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trong bối cảnh giao lưu văn hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và xu thế toàn cầu hóa. Trong xu thế đó, sự cô lập, tách biệt bảo thủ là không thể chấp nhận. Cơ hội phát triển chỉ dành cho dân tộc nào trên cơ sở bản lĩnh văn hóa của dân tộc mình nhanh chóng nắm bắt và xử lý đúng đắn các thông tin mà sự tiến bộ của các ngành khoa học, công nghệ của nhân loại mang lại. Xu thế và bối cảnh ấy đặt chúng ta trước những thách thức gay gắt về lý luận văn nghệ. Cơ hội phát triển cho ta nhiều hơn, nhưng thách thức đối thoại cũng trực tiếp hơn và phức tạp hơn.

Đầu tiên là hiện đại hóa lý luận văn nghệ. Thế kỷ XX được coi là thế kỷ của lý luận văn nghệ, do nó đã đặt ra và giải quyết hàng loạt vấn đề mà lý luận văn nghệ trước đây chưa biết tới. Các kiến thức mới và cách tiếp cận mới đem lại khả năng hiểu biết và nhìn nhận văn nghệ sâu sắc hơn, nhiều chiều hơn. Chúng ta không thể chỉ đóng khung cách nhìn văn nghệ trong các phạm trù truyền thống và các khái niệm ấy cũng có thể chỉ hiểu theo cách cũ. Do đó, nhiệm vụ không thể thoái thác của giới nghiên cứu lý luận văn nghệ nước ta là đứng vững trên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đi sâu nghiên cứu các vấn đề lý luận văn nghệ cơ bản, trả lời thật khoa học và thuyết phục các vấn đề mà văn nghệ đương đại đặt ra. Thiếu lý luận cơ bản làm nền tảng thì các nhận định về văn nghệ dễ dàng trở nên tùy tiện, cảm tính. Để giúp cho công việc đó, việc giới thiệu lý luận hiện đại cần được triển khai có tổ chức; đồng thời cũng phải có thái độ umber xử thích hợp. Trong mỗi lý luận đều có

các giá trị phổ quát và các giá trị lịch sử, cụ thể; gắn với một điều kiện xã hội và ý thức hệ nhất định. Do đó, cần khai thác các giá trị phổ quát để làm giàu cho chính mình, cần có thái độ đối thoại thẳng thắn trước những vấn đề còn tranh cãi và phê phán những quan điểm sai trái, lệch chuẩn.

Triết học mác-xít và lý luận văn nghệ mác-xít là một di sản rất phong phú, nhiều mặt. Do nhiệm vụ lịch sử quy định, trong thời gian qua chúng ta thiên về khai thác các nội dung đấu tranh xã hội, mà ít chú ý khai thác các gợi ý lý luận sâu sắc khác. Giá trị quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phương pháp luận. Nguyên tắc lịch sử - cụ thể đến nay vẫn là điểm tựa vững chắc để xem xét vấn đề. Tính cách mạng của chủ nghĩa Mác thể hiện ở tinh thần phê phán, phép biện chứng, tính thực tiễn, là cơ sở để chúng ta lựa chọn, phân tích, tiếp thu tinh hoa lý luận văn nghệ thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa tri thức và giao lưu văn hóa trên cơ sở những giá trị khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin chúng ta cần có thái độ thực sự cầu thị, sự phân tích biện chứng nhằm đối thoại, hấp thụ những hạt nhân hợp lý, phê phán các tư tưởng sai trái, cực đoan, ngộ nhận.

Qua hơn một trăm năm tồn tại, với sự cố gắng của nhiều thế hệ, lý luận mác-xít đã tỏ ra có nội dung khoa học vững chắc. Quan điểm lịch sử và thẩm mỹ đối với các hiện tượng nghệ thuật thể hiện trong lý luận về cái đẹp, cái bi, về chủ nghĩa hiện thực, về phản ánh, về phê phán xã hội học dung tục... đến nay vẫn còn ý nghĩa. Tư tưởng chủ đạo của lý luận văn nghệ mác-xít là nhìn văn nghệ trong mối quan hệ không tách rời với đời sống xã hội và sự tiến bộ của con người trong thực tiễn. Quan niệm đó không bao giờ lỗi thời. Nó cung cấp cơ sở đúng đắn để đánh giá mọi lý luận.

Thứ hai là vận dụng lý luận để soi sáng và giải quyết các vấn đề thực tiễn, góp phần

thúc đẩy sự nghiệp văn nghệ của dân tộc phát triển, tạo nên nhiều thành tựu xứng đáng với thời đại, đáp ứng nhu cầu thưởng thức ngày càng cao của nhân dân.

Trong điều kiện hiện nay cần quan tâm các vấn đề sau:

a – Mối quan hệ giữa văn nghệ sĩ và đời sống, văn nghệ và tư tưởng. Lê-nin đã từng nói, nếu một nghệ sĩ là vĩ đại thì ông ta phải phản ánh ít ra vài ba khía cạnh chủ yếu của cuộc sống. Suy rộng ra, nếu có một nền văn nghệ lớn thì nó phải phản ánh được các vấn đề hệ trọng của con người và thời đại. Văn nghệ không thể có sức sống mạnh mẽ nếu thiếu vắng các tư tưởng sâu sắc, các tình cảm lớn lao và lý tưởng cao đẹp.

Hiện nay trên thế giới có luồng tư tưởng tuyên bố "con người đã chết", "chủ nghĩa nhân đạo truyền thống chỉ là hoang tưởng", "thời đại con người trong văn nghệ đã cáo chung". Có quan điểm cho rằng sở dĩ văn nghệ sa sút về lý tưởng là do con người trong thực tế cũng băng hoại về lý tưởng, chỉ có biết chạy theo tiền tài, danh vọng, quyền lực, hưởng thụ; có quan điểm cho rằng thời đại hiện nay là thời đại khủng hoảng của lý tính, của tư tưởng trung tâm, của cái cao cả,... cho nên, văn nghệ sĩ ngã về phía hư vô, xem sáng tác văn nghệ chỉ là trò chơi của cái biểu đạt. Những hiện tượng đó là có thật và có ảnh hưởng không tốt. Tư tưởng hư vô, tuyệt vọng phản ánh sự suy thoái tinh thần của một số tầng lớp người, nhưng không phải là tất cả. Nhà văn Mỹ E. Huê-minh-uây đã khẳng định con người có thể bị tiêu diệt, chứ không thể bị đánh bại. Con người là bất tử. Chính sự suy thoái của tinh thần nhân văn ở một số nhà sáng tác đã gieo rắc các tư tưởng hư vô vào cuộc sống. Tinh thần nhân văn đích thực không bao giờ chết. Đó là tư tưởng đã đưa con người từ mông muội đến văn minh, khích lệ con người vượt qua

mưa bom bão đạn đi tới giải phóng. Đối với người Việt Nam đã vượt qua chiến tranh, vượt lên chính mình để giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác thì tinh thần nhân văn càng không thể chết. Không thể chết tình yêu Tổ quốc, yêu di sản cha ông, tình yêu con người, yêu đồng loại và yêu bản thân mình, phấn đấu để tự thực hiện mình. Hoài nghi, từ bỏ chủ nghĩa nhân văn là tự tước bỏ vũ khí của mình trước các hiện tượng tiêu cực, tự thủ tiêu mình.

b – Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức. Chúng ta đã có thời kỳ chỉ coi trọng nội dung, coi nhẹ hình thức, đã đến lúc phải đặt hình thức nghệ thuật vào đúng vị trí của nó, vì không có hình thức không có nghệ thuật. Hình thức lại phải luôn mới, đa dạng mới đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ. Hình thức nghệ thuật là ngôn ngữ giao tiếp của nó. Vấn đề bức xúc hiện nay là trong nhiều ngành nghệ thuật, ngôn ngữ nghệ thuật cũ kỹ quá, sáo mòn quá, không đủ sức hấp dẫn công chúng. Vấn đề đổi mới hình thức hiện nay là một đòi hỏi bức thiết đối với mọi ngành nghệ thuật là thử thách lớn đối với mọi tài năng. Song vấn đề lý luận phải giải quyết là đổi mới, sáng tạo hình thức theo phương hướng nào. Đó là điều cần nhận thức rõ trong phương hướng đổi mới hình thức. Thoát ly thực tại và cắt đứt truyền thống là con đường dẫn đến căn bệnh hư vô trong nghệ thuật.

c – Lý luận tiếp nhận. Cần làm rõ các quy luật tiếp nhận của công chúng. Cần điều tra xã hội học về nhu cầu của công chúng hiện nay, họ chờ đợi gì, mong mỏi gì ở văn nghệ? Trong thị hiếu tiếp nhận hiện nay có vấn đề gì đang đặt ra, có gì đang thay đổi? Coi thường công chúng là sai, nhưng trái lại, lý tưởng hóa họ cũng không đúng. Công chúng nghệ thuật rất đông đảo và đa dạng. Cần coi trọng yêu cầu đông đảo của quần chúng ở nông thôn, vùng sâu vùng xa, trong quân đội và yêu cầu của các tầng lớp công chúng ở thành thị.

Trong thời đại mở rộng giao lưu và đối thoại này làm thế nào để nâng cao năng lực, trình độ tiếp nhận của công chúng, nâng cao chất lượng giảng dạy văn học, nghệ thuật cho học sinh, sinh viên trong nhà trường, đó là công chúng hiện tại và tương lai của văn nghệ.

d – Phát huy truyền thống lý luận văn học và nghệ thuật nước nhà. Nước ta có lịch sử văn học lâu đời, lại có một thế kỷ XX hiện đại hóa văn học, trong đó có nhiều giá trị có ý nghĩa quốc tế và lâu dài. Nước ta ở vào giữa các nền văn hóa lớn châu Á và trên con đường giao lưu tiếp xúc với phương Tây, nên chúng ta có cách tiếp nhận và sáng tạo của chúng ta. Có thể về mặt kết tinh các giá trị lý luận văn học và nghệ thuật chưa nhiều, song thời nào chúng ta vẫn theo các xu thế tiến bộ của nhân loại. Vì thế, cần nghiên cứu, tổng kết sâu sắc, khoa học, khách quan các thành tựu lý luận văn nghệ ở nước ta để làm cơ sở cho sự phát triển trong tương lai.

đ – Tiếp thu tinh hoa lý luận và nghệ thuật của thế giới. Việc tiếp thu tinh hoa văn nghệ thế giới để làm giàu cho mình là điều không thể thiếu, song tính chủ động lựa chọn và sáng tạo của người Việt Nam rất lớn. Nếu không sẽ không thể có nền văn học như đã và đang có. Ở đây tự ti dân tộc sẽ dẫn đến chủ nghĩa hư vô, tự đánh mất mình và thái độ sùng ngoại, vọng ngoại, có nguy cơ làm tê liệt ý chí sáng tạo và đối thoại của người Việt Nam, dẫn đến tẻ sao chép, mô phỏng, bê nguyên xi các tư tưởng nước ngoài. Trong thời đại ngày nay, sự tiếp nhận tinh hoa nhân loại để tự phát triển mình trên các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, công nghệ, y tế, truyền thông... có rất nhiều thành tựu khả quan, trong đó sự sáng tạo của người Việt Nam cũng được quốc tế biết đến. Trong lĩnh vực lý luận chúng ta cũng đã có nhiều thành tựu đáng ghi nhận, thúc đẩy sự đổi

mới văn nghệ trong thời gian qua. Song trong thời đại ngày nay, lý luận văn nghệ trên thế giới phát triển và biến đổi dữ dội, và chúng không ngừng tác động, va đập vào ta, do đó sự tiếp nhận và đối thoại phải đặt ra thường trực.

Điều này đòi hỏi giới lý luận có ý chí và phương thức tiếp cận những thông tin cập nhật, tham gia các diễn đàn trao đổi học thuật quốc tế và tổ chức các diễn đàn giao lưu tại Việt Nam.

e – Quan hệ giữa chính trị và văn nghệ. Đây là vấn đề có tầm quan trọng cần được chú ý nghiên cứu một cách sâu sắc, thuyết phục. Bản chất ý thức hệ của văn nghệ là điều không thể phủ nhận. Nhưng mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị nằm trong các mối quan hệ nhiều mặt giữa văn nghệ và văn hóa, kinh tế, đời sống v.v... tự thân nó cũng là quan hệ nhiều chiều. Ở đây cần tránh các quan niệm cực đoan, đi tìm văn nghệ thuần túy, hoặc xem văn nghệ chỉ là vũ khí phục vụ một cách thô thiển cho chính trị.

6– Lý luận văn nghệ là một lĩnh vực rộng lớn, phức tạp, các vấn đề cần nghiên cứu chắc còn nhiều. Cần huy động một lực lượng đông đảo các nhà nghiên cứu lý luận, các nhà văn nghệ và các nhà quản lý tích cực tham gia công việc này. Các trường, viện, trong các công trình khoa học cấp bộ, cấp Nhà nước, cấp cơ sở, các luận án cần khuyến khích và giành một tỷ lệ thích đáng cho các đề tài lý luận; các nhà xuất bản, các báo, tạp chí cũng thường xuyên khai thác các đề tài lý luận, làm cho các lý luận được quảng bá sâu rộng. Cũng cần tạo điều kiện để thành lập Hội lý luận văn nghệ Việt Nam, tiến tới có tạp chí lý luận riêng, để có diễn đàn chung cho giới lý luận văn nghệ. Chúng ta tin tưởng vào nhiệt tình của các văn nghệ sỹ, các nhà khoa học và tương lai tốt đẹp của lý luận văn nghệ Việt Nam. □

PHÁT TRIỂN DU LỊCH VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH MỚI

VÔ THỊ THẮNG *

NGÀY nay trên thế giới, du lịch đã trở thành hiện tượng kinh tế - xã hội phổ biến, là cầu nối hữu nghị, phương tiện gìn giữ hòa bình và hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc. Du lịch hiện được coi là một trong những ngành kinh tế hàng đầu, phát triển với tốc độ cao, thu hút được nhiều quốc gia tham gia vì những lợi ích to lớn về nhiều mặt mà nó đem lại. Ở nước ta, trong suốt 44 năm hình thành và phát triển, ngành du lịch luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, ở mỗi thời kỳ đều xác định vị trí của du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước phù hợp với yêu cầu cách mạng.

Trong thời kỳ đất nước còn tạm thời bị chia cắt, ngành du lịch đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ phục vụ các đoàn khách của Đảng và Nhà nước, các chuyên gia nước ngoài giúp Việt Nam và nhiều đoàn khách du lịch. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, hoạt động du lịch được trải rộng ra các miền Tổ quốc, ngành du lịch bước vào xây dựng bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ, phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật, chuẩn bị điều kiện chuyển dần sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình đổi mới đất nước, du lịch nước ta đã đạt được những thành quả ban đầu quan trọng, ngày càng tăng cả quy mô và chất lượng, dần khẳng định vai trò, vị trí của mình và đã được Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định:

"Phát triển du lịch thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn".

Từ năm 1990 đến nay, du lịch nước ta đã có bước phát triển vượt bậc. Khách quốc tế tăng hơn 10 lần, từ 250 nghìn lượt năm 1990 lên 2,63 triệu lượt năm 2002 và 2,93 triệu lượt năm 2004, tăng 20,5% so với năm 2003. Khách nội địa tăng 13 lần, từ 1 triệu lượt năm 2000 lên 13 triệu lượt năm 2002 và 14,5 triệu lượt năm 2004, tăng 11,5% so với năm 2003. Thu nhập từ du lịch tăng trung bình 23,8%/năm (năm 1991 là 2.240 tỉ đồng, năm 2002 đạt 23.500 tỉ đồng, năm 2004 đạt 26.000 tỉ đồng). Đây là mức tăng trưởng cao so với du lịch các nước trong khu vực và thế giới. Cả nước hiện có trên 74.300 phòng khách sạn. Phương tiện vận chuyển du lịch dần được hiện đại hóa. Một số khu du lịch, sân golf, công viên và cơ sở vui chơi giải trí được đưa vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu của khách và nhân dân. Với cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch như vậy, nước ta đủ điều kiện đón hàng triệu khách quốc tế và nội địa, phục vụ chu đáo các hội nghị quốc tế lớn. Cơ chế, chính sách phát triển du lịch, văn bản quy phạm pháp luật về du lịch từng bước được hình thành và hoàn thiện, tạo môi trường cho du lịch phát triển, nâng cao hiệu lực quản lý nhà

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch

nước về du lịch. Chiến lược và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2010 được phê duyệt và đang triển khai thực hiện. Hiệu quả kinh tế - xã hội của hoạt động du lịch ngày càng rõ nét. Du lịch phát triển đã góp phần tăng tỷ trọng GDP của ngành dịch vụ trong tổng thu nhập quốc dân.

Hoạt động du lịch thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế (nhà nước, tập thể, cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân, tư bản nhà nước, 100% vốn nước ngoài), với 329 doanh nghiệp lữ hành quốc tế (trong đó có 123 doanh nghiệp nhà nước, 206 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác) và 2.462 doanh nghiệp lữ hành nội địa (trong đó có 88 doanh nghiệp nhà nước, 581 công ty cổ phần, 1.730 công ty trách nhiệm hữu hạn và 63 doanh nghiệp tư nhân). Tính đến thời điểm hiện nay, hoạt động du lịch đã tạo ra trên 70 vạn việc làm trực tiếp và gián tiếp cho nhiều tầng lớp dân cư, nhất là thanh niên, phụ nữ.

Du lịch nước ta đã thiết lập quan hệ và mở rộng hợp tác với nhiều tổ chức du lịch quốc tế, là thành viên của Tổ chức Du lịch thế giới (WTO), Hiệp hội Du lịch châu Á - Thái Bình Dương (PATA), Hiệp hội Du lịch ASEAN (ASEANTA)...; tích cực tham gia chủ động hơn trong các diễn đàn và chương trình hợp tác trong và ngoài khu vực. Kết quả hoạt động hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế đa phương và song phương trong du lịch đã góp phần thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa của Đảng và Nhà nước. Việc đón tiếp trên 2 triệu khách du lịch quốc tế mỗi năm và đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá du lịch ra nước ngoài đã góp phần giới thiệu về cảnh đẹp đất nước, con người và tiềm năng du lịch Việt Nam, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với sự nghiệp đổi mới đất nước, tăng cường ngoại giao nhân dân.

Trong quá trình phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, nhiệm vụ tăng cường

quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong du lịch được đặc biệt coi trọng. Trong chỉ đạo phát triển du lịch, nhất là phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, tổ chức các tour du lịch..., vấn đề an ninh quốc gia, bảo vệ các địa bàn chiến lược trọng yếu ở các vùng biên giới, biển, đảo và các điểm phòng thủ quốc gia luôn được nhấn mạnh. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong ngành du lịch, nhất là các cán bộ quản lý, những người tiếp xúc trực tiếp với khách và cán bộ làm công tác xúc tiến du lịch, hội nhập kinh tế quốc tế đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng an ninh, quốc phòng và có ý thức bảo vệ Tô quốc, nêu cao tinh thần cảnh giác. Hoạt động du lịch thời gian qua rất sôi động, nhưng cơ bản vẫn giữ được an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Việc phát triển du lịch ở các vùng biên giới, hải đảo đã góp phần rất tích cực khẳng định chủ quyền quốc gia trên biển và đất liền.

Đặc biệt từ khi Bộ Chính trị có Kết luận 179/CT-TW về: "Phát triển du lịch trong tình hình mới" và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng khẳng định phát triển du lịch thực sự thành ngành kinh tế mũi nhọn, chủ trương phát triển du lịch được quán triệt sâu rộng trong cả nước; cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn dần được làm rõ. Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo Nhà nước về du lịch, do một Phó thủ tướng làm Trưởng ban. Cả nước có 41 tỉnh, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo phát triển du lịch của địa phương. Vì vậy, đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn sớm đi vào cuộc sống, làm chuyển biến nhận thức và hành động của các cấp ủy, chính quyền địa phương và toàn xã hội, huy động được nhiều nguồn lực cho sự nghiệp phát triển du lịch. Các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng quy hoạch phát triển du lịch địa phương mình. Từ năm 2001 đến nay, Chính phủ đã phê duyệt kinh phí gần 30 tỉ đồng cho *Chương trình hành*

động quốc gia về du lịch; chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình hành động du lịch quốc gia về du lịch trong 4 năm qua đạt hiệu quả, các chiến dịch quảng bá rầm rộ trong nước và quốc tế, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch... làm cho hoạt động du lịch sôi động cả trong và ngoài nước. Chính phủ đã ban hành quy định miễn visa song phương với một số nước và đơn phương cho Nhật Bản và Hàn Quốc, đang triển khai miễn visa cho một số nước khác. Việc nước ta đơn phương miễn visa cho công dân một số nước là thị trường trọng điểm là giải pháp chủ động, tích cực trong bối cảnh an ninh hiện nay để thu hút khách du lịch. Nhờ thế các tiềm năng, thế mạnh về du lịch của đất nước đã được khai thác tốt hơn, tăng khả năng hợp tác và cạnh tranh. Đã phối hợp liên ngành và địa phương khôi phục và tổ chức thành công các lễ hội truyền thống, các sự kiện lịch sử, văn hóa lớn của đất nước (như riêng năm 2004 đã tổ chức thành công các lễ kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, 50 năm ngày ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, Lễ hội Đền Hùng, Lễ hội hoa Đà Lạt, SEA Games 22...).

Với những kết quả, tiến bộ nêu trên có thể khẳng định, ngành Du lịch đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra mặc dù bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường và tình hình trong nước có những thuận lợi và khó khăn đan xen.

Tuy đạt được những kết quả cơ bản, tích cực nêu trên, nhưng ngành du lịch còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém cần khắc phục. Đó là, chất lượng sản phẩm du lịch chưa cao, loại hình du lịch chưa phong phú, độc đáo, chưa đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam; giá cả đắt hơn so với một số nước khu vực, nhất là cước phí vận chuyển hàng không, nên khả năng cạnh tranh yếu. Sự đa dạng và chất lượng của sản phẩm du lịch, cách thức tổ chức sản phẩm du lịch trọn gói còn hạn chế, chưa có tính

chuyên nghiệp cao... Những điều đó làm cho du lịch Việt Nam ít lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp. Tính đặc thù của sản phẩm ở từng doanh nghiệp chưa rõ nét, lợi thế của mỗi vùng, mỗi địa phương chưa được khai thác và phát huy triệt để. Sản phẩm du lịch Việt Nam vì thế chưa thật đa dạng cả bề rộng lẫn chiều sâu. Như vậy, cả ở tầm quốc gia và tầm doanh nghiệp, sức cạnh tranh của du lịch Việt Nam hiện nay còn yếu. Các loại hình du lịch mới tuy đã được chú ý nghiên cứu phát triển, song còn hạn chế: cơ chế chính sách còn thiếu thông thoáng, còn nhiều khó khăn, vướng mắc về thủ tục. Nhiều khu du lịch, điểm du lịch khai thác ở dạng tự nhiên, chưa được đầu tư tôn tạo đúng mức. Chương trình du lịch còn đơn điệu, trùng lặp, chưa đáp ứng nhu cầu của từng đối tượng khách, của mỗi thị trường. Việc bảo tồn, nâng cấp các di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật phục vụ cho hoạt động du lịch còn nhiều bất cập. Công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch, nhất là ở nước ngoài, tuy đã có những tiến bộ nhiều so với các năm trước, nhưng còn rất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thông tin của khách du lịch và các nhà đầu tư.

Những yếu kém và hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính vẫn là điểm xuất phát của nền kinh tế nước ta còn thấp, ngành du lịch vừa qua giai đoạn đầu của sự phát triển. Sau khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực năm 1997, sau chiến tranh I-rắc và dịch SARS, rất nhiều quốc gia như Thái Lan, Xin-ga-po, Trung Quốc tập trung phát triển du lịch, dùng du lịch làm động lực, đòn xeo thúc đẩy nền kinh tế. Các nước này có cơ chế chính sách hấp dẫn và rất linh hoạt để tạo điều kiện cho phát triển du lịch, phát huy lợi thế trong cạnh tranh quốc tế đặt ngành du lịch nước ta vào thế cạnh tranh gay gắt. Tuy nhiên, thiệt hại nặng nề do trận động đất và sóng thần ngày 26-12-2004 gây ra vừa qua ở một loạt các nước Nam Á và Đông - Nam Á cũng đặt ra cho ngành du lịch một số vấn đề cần phải tính

toán, cân nhắc trong chiến lược phát triển của mình.

Trong giai đoạn cách mạng mới, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng xác định: "... nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa, lịch sử, đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước và phát triển nhanh du lịch quốc tế, sớm đạt trình độ phát triển du lịch của khu vực...".⁽¹⁾ Mục tiêu ngành du lịch nước ta năm 2005 đón khoảng 3,2 triệu lượt khách quốc tế, 15 - 16 triệu lượt khách du lịch nội địa, thu nhập trên 2 tỉ USD, chiếm 5% tổng GDP cả nước. Năm 2010 đón 6 - 7 triệu lượt khách quốc tế, 25 triệu lượt khách nội địa, thu nhập 4 - 4,5 tỉ USD, chiếm 6,5% tổng GDP cả nước. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành du lịch giai đoạn 2001 - 2010 đạt bình quân 11 - 11,5%/năm. Đến năm 2010 tạo thêm 1,4 triệu việc làm trực tiếp và gián tiếp.

Để du lịch thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, nâng cao nhận thức về phát triển du lịch. Năm năm qua, do quán triệt tốt chủ trương của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trong tình hình mới và 4 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng trong các cấp, các ngành, nên nhận thức về du lịch đã chuyển biến rõ nét và bước đầu đã chuyển thành hành động thiết thực thúc đẩy du lịch phát triển, nhưng chưa ngang tầm đòi hỏi của việc phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Vì vậy trong giai đoạn hiện nay, cần tiếp tục tuyên truyền dưới nhiều hình thức làm chuyển biến và nâng cao hơn nữa nhận thức trong toàn xã hội về tầm quan trọng, sự cần thiết của sự nghiệp phát triển du lịch và trách nhiệm đối với việc đổi mới và phát triển du lịch thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai là, thực hiện xã hội hóa đầu tư phát triển du lịch, sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước làm "vốn mồi" để huy động và sử dụng nguồn vốn các thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Yếu tố đồng bộ trong đầu tư phát triển du lịch cần được chú trọng hơn nữa, đầu tư phát triển hạ tầng đi liền với đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, theo phương châm có trọng tâm, trọng điểm để khai thác, phát huy ngay hiệu quả và chú trọng nơi có tiềm năng ở vùng sâu, vùng xa để tăng sức lan tỏa, nhất là vùng biên giới, hải đảo, góp phần xóa đói, giảm nghèo và khẳng định chủ quyền quốc gia. Nội dung chủ yếu đầu tư phát triển du lịch gồm: ưu tiên đầu tư phát triển 4 khu du lịch tổng hợp quốc gia, 17 khu du lịch chuyên đề và nghiên cứu hình thành các khu du lịch chuyên đề khác; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường không, đường bộ, đường biển và nâng cấp các cửa khẩu quốc tế vừa để khẳng định chủ quyền, làm đẹp thêm hình ảnh Việt Nam với bạn bè quốc tế, hỗ trợ thông tin đối ngoại, vừa tăng cường năng lực đón nhận các luồng khách du lịch ngày càng tăng. Kết hợp nâng cấp và phát triển các điểm tham quan, cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch với đầu tư xúc tiến tuyên truyền, quảng bá và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch để tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn, mang tính đặc thù cho từng vùng du lịch và cả nước.

Thực hiện xã hội hóa du lịch trong đầu tư, bảo vệ, tôn tạo di tích, thắng cảnh, các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, các làng nghề phục vụ phát triển du lịch. Phối hợp các ngành và địa phương liên quan xây dựng và triển khai đề án khôi phục, phát triển làng nghề, hình thành các điểm tham quan du lịch, tạo sản

(1) Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 178

phẩm du lịch văn hóa độc đáo, thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu tại chỗ hàng thủ công mỹ nghệ cổ truyền, góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo thêm việc làm và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Ba là, phát triển du lịch kết hợp với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phối hợp các ngành, các cấp tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường du lịch, tạo ra và giữ gìn môi trường du lịch lành mạnh trong cả nước, bảo đảm phát triển du lịch bền vững, chú trọng duy trì danh hiệu "Việt Nam - điểm đến an toàn, thân thiện và hấp dẫn" nhất khu vực mà quốc tế đã bình chọn. Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến bảo vệ được môi trường; huy động sự tham gia và đóng góp của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp, hiệp hội, khách du lịch, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ môi trường. Lồng ghép đào tạo du lịch và giáo dục về tài nguyên, môi trường du lịch ở các cấp đào tạo về du lịch; chú trọng giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch tự nhiên và xã hội cho du khách và cộng đồng dân cư thông qua nhiều hình thức.

Bốn là, từng bước hoàn thiện, bổ sung cơ chế, chính sách và bộ máy, cán bộ làm công tác du lịch. Tháo gỡ về chính sách sẽ tạo ra nguồn lực cho du lịch phát triển. Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Nhà nước về Du lịch và Ban Chỉ đạo phát triển Du lịch các địa phương để phối hợp liên ngành, liên vùng dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Chính phủ. Có cơ chế và văn bản phối hợp liên ngành, địa phương một cách cụ thể, ưu tiên giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến du lịch, nhất là chính sách đầu tư phát triển sản phẩm, tuyên truyền quảng bá du lịch trong và ngoài nước, bảo vệ và tôn tạo môi trường tự nhiên và xã hội, phát triển du lịch với bảo tồn di sản văn hóa, quản lý sử dụng quỹ đất, chính sách

khuyến khích tạo thuận lợi đi lại, xuất nhập cảnh, hải quan...

Xây dựng đội ngũ cán bộ du lịch có phẩm chất tốt, kỹ năng nghiệp vụ và ngoại ngữ thành thạo, khả năng giao tiếp và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng chương trình phát triển nguồn nhân lực du lịch đến năm 2010, làm định hướng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch; trước mắt phấn đấu giải quyết tình trạng lao động chưa qua đào tạo, chất lượng thấp và cơ cấu bất hợp lý hiện nay. Quan tâm giáo dục du lịch toàn dân. Phát triển khoa học, công nghệ du lịch đạt trình độ khu vực, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và hiệu quả kinh doanh.

Năm là, chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế về du lịch, củng cố và mở rộng hợp tác song phương và đa phương với các tổ chức quốc tế, các nước có khả năng và kinh nghiệm phát triển du lịch. Thực hiện đầy đủ các cam kết và khai thác tối đa quyền lợi trong hợp tác du lịch với các nước, các tổ chức quốc tế, diễn đàn du lịch khu vực, thế giới và các chương trình hợp tác tiểu vùng. Chuẩn bị điều kiện để hội nhập ở mức cao với du lịch thế giới khi nước ta gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu du lịch, các dự án tạo sản phẩm du lịch đặc thù, chất lượng cao. Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA cho phát triển nguồn nhân lực, công nghệ và bảo vệ môi trường du lịch.

Phát triển du lịch với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn là một hướng chiến lược trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây là nhiệm vụ vẻ vang nhưng vô cùng nặng nề, đòi hỏi sự nỗ lực vươn lên không ngừng của toàn Đảng, toàn dân nói chung và của ngành du lịch nói riêng trong tầm nhìn mới. □

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

HỒ XUÂN HÙNG *

1 – Chặng đường đã qua

Doanh nghiệp nhà nước đã có một vai trò quyết định trong việc củng cố nền tảng kinh tế - xã hội của đất nước, củng cố và phát triển liên minh công - nông; góp phần đáng kể vào sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

Cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, doanh nghiệp nhà nước cũng không ngừng phát triển. Tuy vậy, mỗi giai đoạn lịch sử có những nhiệm vụ cách mạng cụ thể và vì thế cách thức, hình thức tổ chức doanh nghiệp nhà nước cũng khác nhau. Doanh nghiệp nhà nước đã từng được tổ chức gắn với các cấp hành chính như công ty huyện (gọi là công ty cấp 3), công ty tỉnh (công ty cấp 2) và công ty trung ương (công ty cấp 1); đã từng có các mô hình liên hiệp các xí nghiệp, hoặc xí nghiệp liên hiệp...

Số lượng doanh nghiệp nhà nước ngày một “bung ra”, đỉnh điểm là con số 12.000 (cuối năm 1992). Tuy nhiên, bước sang thời kỳ phát triển mới của đất nước, doanh nghiệp nhà nước dần dần bộc lộ những yếu kém, nhất là về hiệu quả sản xuất, kinh doanh, chất lượng sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh trong nước và trên thị trường quốc tế, phát huy tính chủ động, sáng tạo của doanh nghiệp. Những yếu kém ấy đặt ra những thách thức gay gắt

trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

Đảng và Nhà nước ta đã có những biện pháp để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp nhà nước. Mở đầu là Quyết định số 25/CP của Chính phủ ban hành vào tháng 1-1981, theo đó các xí nghiệp quốc doanh được quyền xây dựng ba kế hoạch A, B, C. Kế hoạch A là pháp lệnh của Nhà nước, do Nhà nước cung ứng đầu vào, doanh nghiệp thực hiện theo giá quy định và địa chỉ cụ thể. Kế hoạch B là do xí nghiệp được phép tận dụng công suất sau khi hoàn thành kế hoạch A, tự lo đầu vào và đầu ra. Kế hoạch C là hoàn toàn do xí nghiệp tự đầu tư, lo đầu vào và đầu ra.

Từ Đại hội VI (1986), Đảng ta đã có chủ trương đổi mới doanh nghiệp nhà nước một cách mạnh mẽ. Quyết định 217, năm 1987 của Chính phủ đã trao quyền tự chủ một cách tương đối toàn diện cho doanh nghiệp nhà nước, như tự chủ trong tuyển dụng lao động, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh...

Tiếp đó, các Đại hội VII, VIII và đặc biệt là đến Đại hội IX của Đảng, một lần nữa Đảng ta khẳng định tính nhất quán trong định hướng phát triển kinh tế nhiều thành phần, lấy kinh tế

* Phó trưởng ban, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp

nhà nước làm chủ đạo, trong đó doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt; đi đầu trong ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế – xã hội và chấp hành pháp luật.

Một trong những nội dung lớn của quá trình tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước thời gian qua là để chúng ngày càng mạnh hơn, khắc phục tình trạng nhiều về số lượng, nhưng quy mô nhỏ, vốn ít, kỹ thuật lạc hậu. Nhà nước chỉ tập trung vào những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, lĩnh vực an ninh – quốc phòng, những vùng, lĩnh vực mà dân doanh chưa thể hoặc không thể làm được. Cụ thể là:

- Tập trung chỉ đạo kiểm kê, phân loại doanh nghiệp nhà nước trong phạm vi cả nước, công việc này mãi tới năm 2002 mới cơ bản được hoàn thành. Tuy chưa phản ánh hết mọi vấn đề của doanh nghiệp nhà nước và sự kết nối một cách tổng thể giữa ngành và lãnh thổ, song 104 đề án của tất cả các bộ, ngành, địa phương, tổng công ty “91” cũng đã cho thấy được bức tranh toàn cảnh, thấy rõ “thực binh”, “thực cán” của đội hình doanh nghiệp nhà nước khi đất nước bước sang thế kỷ XXI. Từ đó căn cứ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương ba (khóa IX) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Quyết định 58/TTg, nay được bổ sung bằng Quyết định 155/TTg trong việc phân loại doanh nghiệp nhà nước, xác định rõ những doanh nghiệp nào cần giữ 100% vốn hoặc chuyển đổi sở hữu.

Đến cuối năm 2002, sau 10 năm sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, còn lại là 4.296 doanh nghiệp (năm 2000 có 5.655 doanh nghiệp). Năm 2004 là năm sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước đạt mức cao nhất, thực hiện được gần 1.000 doanh nghiệp. Và như vậy, đến ngày 31-12-2004 cả nước còn gần 3.300 doanh nghiệp, trong đó có 200 nông - lâm trường thuộc các tỉnh. Đáng lưu ý nhất là từ khi

triển khai Nghị quyết số 05-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba (khóa IX) ngày 24-9-2001, chỉ trong 3 năm (2002 - 2004) cả nước đã sắp xếp được 2.412 doanh nghiệp (năm 2002: 472, năm 2003: 942, năm 2004: 998 doanh nghiệp). Điều đó chứng tỏ, càng có sự chỉ đạo sát sao của Đảng và Chính phủ, số lượng các doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp đạt được càng cao.

- Từ kết quả phân loại, các ngành và địa phương đã áp dụng những biện pháp thích hợp trong sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương ba (khóa IX), tổng hợp lại như sau:

+ *Sáp nhập, hợp nhất các doanh nghiệp nhà nước để khai thác thế mạnh, khắc phục cái yếu của nhau, để cho “con béo kéo con gầy”, hoặc để tạo “quả đấm” mạnh hơn đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước cần nắm giữ.* Đây là ý tưởng tốt, 4 năm qua Chính phủ đã chỉ đạo triển khai sáp nhập, hợp nhất không chỉ công ty với nhau hoặc công ty trở thành thành viên của tổng công ty (đã tổ chức theo cách này được 401 doanh nghiệp, trong đó sáp nhập 303 doanh nghiệp), mà còn cả với những tổng công ty lớn (được 8 tổng công ty). Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng một số doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, đáng ra phải giải thể, một số doanh nghiệp cần phải thực hiện cổ phần hóa... cũng đã có nơi này, nơi kia tìm cách để được “nhập” vào tổng công ty. Nếu nhập vào để tiếp tục tiến hành cổ phần hóa là một cách làm tích cực, còn vẫn “ở lại” doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước là không tích cực. Thực tế số này có nhưng không nhiều, Chính phủ cũng đã phát hiện sớm và ngăn chặn được kịp thời.

+ *Giao, bán, khoán kinh doanh và cho thuê doanh nghiệp nhà nước* nhằm bảo đảm việc làm cho người lao động và thu nhập ổn định; thay đổi được phương thức quản lý doanh nghiệp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; khai thác mọi tiềm năng trong các thành phần kinh tế. Tuy đối tượng áp dụng là các doanh

ngành phổ biến có số tài sản dưới 1 tỉ đồng (VND), cá biệt dưới 5 tỉ VND, hầu hết lại thua lỗ kéo dài, khó khăn trong kinh doanh; nhưng loại hình này được người lao động tại các doanh nghiệp đó ủng hộ phương án sắp xếp. Kết quả đã thực hiện được 274 doanh nghiệp, trong đó giao cho người lao động 158 doanh nghiệp.

+ *Giải thể, phá sản* là hai hình thức mà đối với các nước là chuyện bình thường. Ở nước ta, các doanh nghiệp tư nhân cũng vậy. Nhưng đối với doanh nghiệp nhà nước thì đây là chuyện “cực chẳng đã”. Những quy định quá cứng của Luật phá sản doanh nghiệp đã tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp nhà nước và cơ quan chủ quản, cơ quan liên quan (chủ yếu là ngân hàng cho vay) không muốn đưa đơn phá sản. Trong vòng 4 năm (2001 - 2004), cả nước chỉ thực hiện *phá sản* 18 doanh nghiệp nhà nước (riêng 2004 có 12 doanh nghiệp). Điều đó đã phản ánh không đúng sự thật, thậm chí làm méo mó “bức tranh” doanh nghiệp nhà nước ở nước ta và không đúng quy luật phát triển các doanh nghiệp trong sự cạnh tranh của kinh tế thị trường.

Số 112 doanh nghiệp nhà nước *giải thể* chủ yếu là thuộc sự quản lý của các tỉnh (101 doanh nghiệp). Đây thể hiện sự cố gắng lớn của các cơ quan “chủ quản” cấp tỉnh, nhưng đồng thời cũng phản ánh đúng thực trạng cơ chế quản lý doanh nghiệp và cơ chế tài chính hiện nay. Tỉnh là một cấp ngân sách lại có quyền tự định đoạt đất đai của doanh nghiệp, hơn nữa doanh nghiệp ở tỉnh thường là nhỏ, có thua lỗ cũng không lớn, hậu quả không nghiêm trọng như các doanh nghiệp thuộc bộ hay tổng công ty. Vì vậy, các tỉnh đã đi đến quyết định giải thể. Đáng lưu ý là, 18 tổng công ty “91” không giải thể được một doanh nghiệp nào (?), mặc dù không phải là không có doanh nghiệp nào thuộc tổng công ty “91” đang trong tình trạng phải giải thể. Ngay cả các công ty trực thuộc tổng công ty “90” cũng

vậy. Số doanh nghiệp này gặp quá nhiều vướng mắc, nhất là trong xử lý hậu quả tài chính, trong nhân sự... Còn có ý kiến cho rằng, các doanh nghiệp “chết chưa chôn được” thuộc tổng công ty do ít người quan tâm đến nên còn “lấp lấp” được. Có ngành còn chần chừ hy vọng cơ may vào dự án để “xân xui” bù trừ được những khoản thua lỗ, công nợ do số doanh nghiệp này để lại. Việc Chính phủ ra quyết định giải thể 6 tổng công ty (nhựa, giấy da, sành sứ - thủy tinh, thiết bị máy và phụ tùng, vàng bạc và đá quý, thiết bị y tế) là một quyết tâm rất cao trong sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Với cách làm như năm 2004 cùng với hiệu lực của Luật Phá sản doanh nghiệp, khả năng Nhà nước *kiên quyết giải thể, phá sản những doanh nghiệp thua lỗ kéo dài thuộc ngành, lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ sẽ được thực hiện*.

+ *Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước* là khâu quan trọng nhằm tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Từ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai (khóa VII) đã đề ra chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII, tháng 1-1994); Nghị quyết số 10 - NQ/TW, ngày 17-3-1995 của Bộ Chính trị đến Thông báo số 63 - TB/TW, ngày 04-4-1997... đều nhất quán chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Đặc biệt ngày 22-10-2004, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 45 khẳng định việc đẩy mạnh thực hiện các nghị quyết Trung ương ba, Trung ương chín (khóa IX) về đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Chỉ thị nêu rõ “cần đẩy nhanh tiến độ và mở rộng hơn diện doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, kể cả một số tổng công ty lớn trong một số ngành quan trọng”.

Hơn 10 năm qua, cả nước đã cổ phần hóa được 2.210 doanh nghiệp nhà nước. Riêng năm 2004 được 715 doanh nghiệp, là năm đầu

tiên hoàn thành nhiệm vụ đề ra. Nếu tính từ khi có Nghị quyết Trung ương ba (khóa IX), cả nước đã cổ phần hóa được 1.500 doanh nghiệp. Kết quả khảo sát 850 doanh nghiệp cổ phần đã hoạt động trên 1 năm, có hơn 90% sản xuất có hiệu quả cao: vốn điều lệ tăng 44%, doanh thu tăng 23,6%, lợi nhuận tăng 40%, nộp ngân sách tăng 25%, thu nhập người lao động tăng 11,84%, cổ tức bình quân là 17,11%/năm, số lao động tăng gần 7%. Trong các doanh nghiệp cổ phần hóa không những xóa được bao cấp, bù lỗ của Nhà nước, mà còn tự huy động vốn xã hội để mở rộng đầu tư gần 10.000 tỉ đồng. Vai trò làm chủ của người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa được nâng lên rõ rệt.

Tuy nhiên, cổ phần hóa trong thời gian qua vẫn là quá trình khép kín. Trong cơ cấu cổ đông của hơn 2.200 doanh nghiệp đã cổ phần hóa thì bình quân Nhà nước giữ lại là 45,6% vốn điều lệ, cán bộ, công nhân viên giữ 39,3%, cổ đông bên ngoài giữ 15,1%. Và, số doanh nghiệp cổ phần mà Nhà nước giữ vai trò chi phối là 27,4%. Riêng năm 2004, có 42% doanh nghiệp cổ phần Nhà nước giữ vai trò chi phối. Bộ máy lãnh đạo, điều hành, doanh nghiệp cổ phần vẫn hơn 75% là trong ban lãnh đạo của doanh nghiệp nhà nước cũ chuyển sang. Cổ đông chiến lược có vốn, thị trường công nghệ, năng lực kinh doanh hầu như chưa đáng kể. Và mới cổ phần hóa được 6,3% vốn Nhà nước có tại doanh nghiệp nhà nước.

+ *Chuyển các doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chủ sở hữu là Nhà nước, hoặc công ty cổ phần mà các cổ đông là doanh nghiệp nhà nước.* Loại hình này được thực hiện từ năm 2003, nhưng đến cuối 2004 mới chuyển được 55 doanh nghiệp nhà nước sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, trong đó doanh nghiệp thuộc các tỉnh, thành có 32, các bộ: 10, các

tổng công ty “91”: 13. Đây là mô hình doanh nghiệp được ít người “hâm mộ” bởi: Công ty nhà nước 100% vốn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, nhưng lại cũng chịu sự chi phối Luật Doanh nghiệp nhà nước; lợi ích không rõ, không hơn gì so với công ty nhà nước; quyền của hội đồng quản trị hoặc chủ tịch công ty theo quy định tăng hơn, nhưng khi thực hiện không dễ, tổ chức bộ máy có thể tăng, trong khi vai trò chủ quản chưa giảm được.

- *Hạn chế thành lập mới doanh nghiệp nhà nước.* Chính phủ chỉ cho phép thành lập mới trong trường hợp thực sự cần thiết ở những lĩnh vực Nhà nước cần nắm. Theo Nghị định 180, ngày 28-12-2004 của Chính phủ, chỉ còn 24 lĩnh vực được phép thành lập mới doanh nghiệp nhà nước khi cần thiết. Từ năm 2000 đến nay cũng chỉ thành lập 67 doanh nghiệp nhà nước (năm 2002 có 37 doanh nghiệp, năm 2003: 18 và năm 2004: 12). Điều đáng ghi nhận là, Chính phủ đã cho phép thành lập công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp để giải quyết dứt điểm những bế tắc lâu nay của các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa. Chưa đủ thời gian để đánh giá kết quả hoạt động của loại hình công ty này, nhưng rõ ràng nó mở ra hướng mới để làm lành mạnh hóa tài chính, tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi chuyển sang cổ phần.

Để khắc phục tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống trong quản lý công ty có vốn góp của nhà nước (kể cả công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) thuộc các bộ, các tỉnh, Chính phủ đã cho phép thành lập tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước với hy vọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước trong đầu tư và tách dần quản lý nhà nước theo kiểu chủ quản đối với doanh nghiệp.

Chín tổng công ty mới được thành lập (Hà Nội: 4, thành phố Hồ Chí Minh: 3, Khánh Hòa: 1, Hà Tĩnh: 1) cũng chỉ để đáp

ứng yêu cầu tổ chức lại và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế vùng. Trong 18 tổng công ty "91" có 14 tổng công ty là có khả năng cạnh tranh. Hơn 70 tổng công ty "90", hầu hết đều thành lập từ năm 1997, chỉ có 42 tổng công ty có khả năng cạnh tranh và hội nhập, số còn lại đang gặp nhiều khó khăn về tài chính, năng lực kinh doanh. Nhiều tổng công ty trong lĩnh vực lắp máy, cơ khí, xây dựng, giao thông - vận tải đã vươn lên từ chỗ chỉ là thầu phụ nay đã trở thành thầu chính và tổng thầu trong các công trình lớn quốc gia. Thiết nghĩ, trong quá trình phát triển, có cái mất đi, có cái biến dạng, có cái mới ra đời là một tất yếu.

- *Thí điểm hình thành các mô hình mới trong ba năm qua tập trung cao độ vào chuyển các tổng công ty, công ty sang hoạt động đi theo mô hình công ty mẹ - công ty con.* Ngày 9-8-2004, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 153 để thể chế hóa Luật Doanh nghiệp nhà nước sửa đổi (được Quốc hội thông qua ngày 26-11-2003 có hiệu lực từ ngày 1-7-2004). Đã có 47 tổng công ty và công ty được Chính phủ cho phép xây dựng đề án, nhưng đến ngày 31-12-2004 mới có 36 đề án được phê duyệt. Từ kết quả hoạt động của Công ty Contesim và Viện Máy công nghiệp (IMI) đã tỏ rõ những ưu điểm của mô hình này. Các tổng công ty và công ty khác đang được Chính phủ chỉ đạo chuẩn bị sơ kết đánh giá lại để làm rõ những mặt được và chưa được, nguyên nhân do mô hình hay là do tổ chức thực hiện và do người đứng đầu doanh nghiệp.

Đang hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh. Tổng công ty Bưu chính viễn thông là điểm đột phá, còn tập đoàn Công nghiệp xây dựng, Xi măng, Dầu khí, Hàng không có trở thành tập đoàn mạnh hay không, vẫn đề thuộc về nội lực và sự phấn đấu của chính bản thân các tổng công ty này, chứ không phải ở ý chí chủ quan quyết định, không phải muốn thành

lập là được. Khái niệm tập đoàn chỉ có thể có được bằng tiềm lực kinh tế và cơ chế quản lý, vận hành nội tại của nó với những sức mạnh về thương hiệu, năng lực cạnh tranh sản phẩm và tất nhiên là tiềm lực về tài chính...

2 - Đoạn đường còn lại.

Theo tinh thần Nghị quyết Trung ương ba (khóa IX), việc sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, phải cơ bản hoàn thành vào cuối năm 2005. Nếu thực hiện thành công tất cả 104 đề án đã được Thủ tướng phê duyệt, thì đến cuối năm 2005 cả nước chỉ còn khoảng 1.900 doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ vào nội dung chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương chín (khóa IX) và Quyết định 155 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục phân loại công ty nhà nước, thì Nhà nước chỉ nắm giữ khoảng 1.200 doanh nghiệp dưới dạng 100% vốn nhà nước, trong đó có 450 doanh nghiệp hoạt động mang tính công ích. Nhiều tổng công ty cũng phải tiến hành cổ phần hóa. Như vậy, cơ cấu doanh nghiệp nhà nước có sự thay đổi rất căn bản:

+ *Tuy số lượng giảm, nhưng quy mô doanh nghiệp nhà nước đã lớn hơn hẳn.* Nếu như bình quân vốn một doanh nghiệp năm 2001 là 25 tỉ VND, thì cuối 2004 là 60 tỉ VND. Số doanh nghiệp có vốn dưới 5 tỉ VND chiếm 60% (năm 2001), nay chỉ còn khoảng hơn 40%. Nếu như sắp tới cổ phần hóa các tổng công ty và các công ty lớn, hy vọng sẽ tạo điều kiện để nâng vốn bình quân một doanh nghiệp lên không dưới 100 tỉ VND. Không còn doanh nghiệp nhà nước có vốn dưới 5 tỉ VND như trước đây. Hầu hết vốn nhà nước được tập trung vào tay các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty nhà nước. Đây là lực lượng kinh tế nòng cốt của đất nước, đồng thời là công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước thực hiện điều tiết thị trường, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những lĩnh vực kinh tế quan trọng, vùng sâu,

vùng xa, biên giới hải đảo, những lĩnh vực dân doanh không làm được đều do doanh nghiệp nhà nước đảm nhận. Doanh nghiệp nhà nước sẽ vừa bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, vừa đủ sức cạnh tranh trong hội nhập.

+ *Kiên toàn, củng cố các tổng công ty là công việc cực kỳ quan trọng.* Kiên quyết tạo điều kiện hình thành khoảng 5 - 6 tập đoàn kinh tế mạnh, như: Bưu chính viễn thông, Xi măng, Hàng không, Điện lực, Dầu khí, Công nghiệp xây dựng. Củng cố để phát triển 40 - 50 tổng công ty nhà nước đúng tầm, đủ lực, số còn lại thực hiện cổ phần hóa, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối bằng cơ chế, chính sách, nhất là cơ chế quản lý, cơ chế đại diện chủ sở hữu, bỏ được cơ chế chủ quản như hiện nay. Được như vậy thì chắc là các tổng công ty nhà nước sẽ đủ sức cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế.

+ *Đẩy mạnh cổ phần hóa là giải pháp cơ bản.* Theo tinh thần Nghị quyết Trung ương chín (khóa IX) và Chỉ thị 45, ngày 22-10-2004 của Bộ Chính trị, thì từ năm 2005 phải cổ phần hóa khoảng 1.100 doanh nghiệp nhà nước và một số tổng công ty. Hầu hết các doanh nghiệp ở giai đoạn này có quy mô lớn, tính chất phức tạp hơn nhiều so với các năm trước. Mặc dầu Nghị định 64 về chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần đã được thay thế bằng Nghị định 187 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 10-12-2004 vừa có tác dụng khắc phục được các tồn tại của quá trình trước, vừa đáp ứng được yêu cầu thể chế hóa đường lối lãnh đạo của Đảng, song công việc và tính chất sẽ khó khăn hơn nhiều. Bài học kinh nghiệm đã có, không phải “vừa làm, vừa dò” như trước, nhưng cũng phải lường hết được những khó khăn mới trong việc cổ phần hóa các tổng công ty để tập trung chỉ đạo, tránh gây tổn thất lớn cho Nhà nước, thậm chí cả những hậu quả khó lường.

Việc sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, nhất là cổ phần hóa ở các tỉnh, về cơ bản sẽ

xong trước khi diễn ra Đại hội Đảng ở các tỉnh, đảng bộ. Còn lại các doanh nghiệp thuộc các tổng công ty đang cần được sự tập trung chỉ đạo của Ban chỉ đạo của Chính phủ, các bộ có liên quan đến các tổng công ty.

+ Chuyển hầu hết các doanh nghiệp nhà nước còn lại thuộc diện Nhà nước cần giữ 100% vốn sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công việc cũng không mấy dễ dàng, mất nhiều thời gian, nhưng đây là xu thế tất yếu, là yêu cầu của Luật Doanh nghiệp nhà nước sửa đổi, có hiệu lực từ ngày 1-7-2004.

+ *Hoàn thành việc thí điểm tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con.* Năm 2005, dự kiến sẽ sơ kết đánh giá mô hình này để từ đó tiếp tục mở rộng diện, tạo điều kiện cho các tổng công ty khắc phục những nhược điểm như hiện nay. Cần chống tình trạng chuyển đổi tràn lan, hình thức, các công ty con “núp bóng” nó để trốn cổ phần hóa; cũng như khắc phục cơ chế quản lý, điều lệ không rõ ràng gây ách tắc cho sản xuất kinh doanh.

+ *Giải thể, phá sản cần được hiểu là tính tất yếu của quá trình phát triển.* Cần tổ chức giám sát thực thi Luật Phá sản doanh nghiệp, không để né tránh, sợ trách nhiệm và ngăn chặn xu hướng dồn khó khăn về cho doanh nghiệp thua lỗ để phá sản, trốn tránh trách nhiệm tài chính, không chịu áp dụng hình thức giải thể khi đã hội đủ điều kiện để giải thể.

Sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước là nhiệm vụ rất nặng nề và vô cùng quan trọng. Một loạt các văn bản có tính pháp lý đang trong quá trình soạn thảo đòi hỏi những nỗ lực rất lớn cả về trí tuệ và thời gian cần tập trung chỉ đạo. Chủ trương và quyết tâm của Đảng ta đã rõ. Vấn đề còn lại là tổ chức thực hiện, bởi vậy đòi hỏi các tổ chức đảng, đoàn thể, chính quyền các cấp, các bộ, ngành, tổng công ty, doanh nghiệp cần phải có quyết tâm cao để làm có kết quả. □

Thương mại Việt Nam phấn đấu trong năm 2005: **VỮNG CHẮC, TOÀN DIỆN VÀ CHỦ ĐỘNG HƠN TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

LÊ DANH VINH *

NĂM 2004 đã để lại những dấu ấn tốt đẹp trong hoạt động thương mại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta, cụ thể trên các mặt như sau:

Xuất khẩu hàng hóa: Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2004 đạt khoảng 26 tỉ USD, bằng 115,8% kế hoạch mà Quốc hội và Chính phủ giao, tăng 29% so với năm 2003, đạt mức cao nhất trong những năm gần đây. Có nhiều mặt hàng đạt tốc độ tăng trưởng rất cao (từ 36,1% - 76,4%) như dầu thô, than đá, sản phẩm gỗ, dây điện và cáp điện. Nhìn chung trong 4 năm 2001 - 2004, cả nước xuất khẩu 77,909 tỉ USD, với mức tăng trưởng bình quân 15,81%/năm.

Trong 29% nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu của năm 2004, yếu tố tăng giá các mặt hàng xuất khẩu tăng đóng góp 8%, yếu tố tăng khối lượng hàng hóa xuất khẩu đóng góp 19,3%; yếu tố dầu thô chiếm 9,4% và yếu tố phi dầu thô chiếm 19,6% tăng trưởng.

Cơ cấu hàng xuất khẩu có sự chuyển dịch dưới sự tác động của thương mại thế giới: nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu - thủ công nghiệp có tỷ trọng 40% (năm 2003 là 43%); nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản 32%

(năm 2003 là 27,6%), nhóm hàng nông, lâm, thủy sản có tỷ trọng 28% (năm 2003 là 29,4%). Việc thay đổi tỷ trọng như trên chủ yếu là do kim ngạch nhóm hàng nhiên liệu - khoáng sản tăng mạnh, mà cải thiện về giá là một nhân tố quan trọng.

Bên cạnh những mặt hàng truyền thống có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỉ USD như dầu thô, dệt may, giày dép, thủy sản; lần đầu tiên, sản phẩm gỗ, hàng điện tử và linh kiện máy tính đạt kim ngạch 1 tỉ USD. Một số mặt hàng tiếp tục cho thấy mức tăng trưởng có nhiều hứa hẹn như thủ công mỹ nghệ; xe đạp và phụ tùng; dây điện và cáp điện.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu bước đầu được điều chỉnh theo hướng tích cực. Kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản và Trung Quốc tăng khá. Cụ thể, so với năm 2003, xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc tăng 57%, EU tăng gần 34%, Nhật Bản tăng 20%. Xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ tiếp tục tăng, dù nhịp độ tăng trưởng không cao bằng các năm trước nhưng vẫn ở mức 27%.

* TS, Thứ trưởng Bộ Thương mại

Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục đóng góp lớn vào mức tăng trưởng xuất khẩu (tỷ trọng xuất khẩu của khối này xấp xỉ 55%, ngang với mức năm 2003).

Chính sách đầu tư và phát huy nội lực của Nhà nước với nhiều điểm đổi mới đã có tác dụng tích cực, thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo nguồn cung dồi dào cho xuất khẩu; các biện pháp thúc đẩy xuất khẩu và các cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu đã được triển khai khá tích cực và phát huy tác dụng; Chính phủ, Bộ Thương mại cùng các bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp đã chủ động, có nhiều biện pháp linh hoạt khắc phục khó khăn, đẩy mạnh xuất khẩu.

- Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta còn những hạn chế trong hoạt động xuất khẩu. Cụ thể là: Quy mô xuất khẩu còn nhỏ bé (tương đương với kim ngạch xuất khẩu bình quân của Xin-ga-po, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lay-xi-a cách đây khoảng 10 - 15 năm); một số mặt hàng giảm sút về tốc độ tăng trưởng như thủy sản chỉ đạt khoảng 92%, giày dép các loại đạt 98%, thủ công mỹ nghệ đạt 91%, lạc nhân đạt 44% kế hoạch xuất khẩu đề ra cho năm 2004; khối doanh nghiệp 100% vốn trong nước đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu của cả nước xấp xỉ 45% chưa tương xứng với tiềm năng hiện có.

Nhập khẩu hàng hóa: Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2004 đạt khoảng 31 tỉ USD, tăng 22,9% so với năm 2003, vượt 17% kế hoạch năm 2004. Trong đó, những mặt hàng có mức vượt kế hoạch cao là linh kiện xe gắn máy (vượt 33,3%); thép thành phẩm (vượt 32,8%); phôi thép (vượt 21,5%); chất dẻo nguyên liệu (vượt 26,5%).

Tuy nhịp độ tăng trưởng có giảm so với năm 2003, nhưng kim ngạch nhập khẩu bảo đảm góp phần cung cấp máy móc, thiết bị, phụ tùng, nguyên, nhiên, phụ liệu để phát triển sản xuất, xuất khẩu và ổn định thị trường trong nước. Xuất khẩu là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm tốc độ tăng trưởng của GDP và xuất khẩu năm 2004 của cả nước.

Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực: nhóm hàng máy móc, thiết bị, phụ tùng chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2004, ước đạt 33,3% (năm 2003 là 32,4%); tăng nhập khẩu hàng máy móc, thiết bị, phụ tùng từ những thị trường có trình độ công nghệ cao như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Ca-na-đa.

Nhập siêu đang ở mức kiểm soát được, bằng 19,2% tổng kim ngạch xuất khẩu, chưa thể có ảnh hưởng tiêu cực đến ổn định cán cân thanh toán quốc gia.

Đối với thị trường trong nước: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội tăng 20,1%; chỉ số giá tiêu dùng tăng 9,5% so với năm 2003. Thị trường tiếp tục phát triển mạnh ở tất cả các vùng trong cả nước. Hàng hóa phong phú, dồi dào, không có tình trạng thiếu hụt hàng hóa, nhất là những mặt hàng thiết yếu hoặc thuộc diện chính sách như xăng dầu, sắt thép, phân bón, muối i-ốt, dầu hỏa v.v..

Mặc dù tình hình trong nước và thị trường quốc tế có nhiều biến động (dịch cúm gia cầm ảnh hưởng đến nguồn cung thực phẩm, giá phân bón, sắt thép, xăng dầu và các chế phẩm dầu thô trên thị trường thế giới tăng cao...), nhưng nhờ sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, nên thị trường hàng hóa trong nước được bình ổn, hầu hết các mặt hàng thiết yếu đều không để xảy ra tình trạng mất cân đối giữa cung và cầu, không xảy ra các cơn sốt như trước đây.

Kết cấu hạ tầng ngành thương mại tiếp tục được củng cố và phát triển, với việc hình thành các chợ đầu mối nông sản (gạo, cà phê v.v..), các chợ đầu mối cấp vùng, cấp tỉnh, thành phố, góp phần tạo thuận lợi cho lưu thông, cung ứng hàng hóa cho các nhà xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, phát luồng hàng cho các địa phương.

Các doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến việc khai thác tiềm năng của thị trường nội địa, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ

giá thành, tăng cường quảng bá, củng cố mạng lưới kinh doanh. Nhờ vậy, đã tạo dựng được một thị trường hàng hóa nội địa phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng trong nước. Trong tổng mức bán ra, doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ trọng từ 35% đến 37%, những mặt hàng quan trọng thiết yếu giữ vai trò chi phối như xăng dầu (100%), đường (80%), xi măng (70%), phân bón (60%), muối (50%)...

Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm được mở rộng với sự tham gia của doanh nghiệp kinh doanh thương mại dịch vụ thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, hoạt động thương mại trên thị trường nội địa vẫn còn có những hạn chế và bất cập. Chỉ số giá tiêu dùng tăng cao, nhất là ở nhóm hàng lương thực, thực phẩm, tân dược, một số nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất (nhất là các nguyên, nhiên liệu nhập khẩu). Còn có sự chênh lệch lớn về tốc độ phát triển giữa thị trường của các vùng - miền, giữa thành thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Vai trò của các doanh nghiệp nhà nước trong hệ thống phân phối còn yếu và hiệu quả thấp, nhất là trong phân phối nhiều mặt hàng quan trọng và thiết yếu như sắt thép, thuốc chữa bệnh, phân bón v.v.; chưa phát huy tác dụng là công cụ vật chất của Nhà nước trong việc bình ổn thị trường khi có biến động, hay hỗ trợ nông dân trong tiêu thụ một số nông sản khi thị trường xuất hiện các tình huống nhiều khó khăn v.v..

Trong quá trình chủ động Hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta thực hiện đầy đủ các cam kết về thương mại hàng hóa, dịch vụ, sở hữu trí tuệ và đầu tư trong Hiệp định Thương mại song phương (BTA) giữa Việt Nam và Hoa Kỳ; tận dụng các cơ hội do các quan hệ này đem lại để đẩy mạnh xuất khẩu sang Hoa Kỳ; khẩn trương xây dựng chương trình hành động cụ thể; rà soát, sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với lộ trình thực hiện Hiệp định.

Trong đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), chúng ta đã hoàn thành cơ bản giai đoạn *minh bạch hóa chính sách và đang đẩy nhanh quá trình đàm phán thực chất*: đã tổ chức thành công các phiên họp 6, 7, 8, 9 của Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO; các bản chào sửa đổi đã có bước tiến mới và có ý nghĩa, trong đó phía Việt Nam đã đề xuất giảm mức thuế trung bình xuống còn 18% và cam kết mở cửa dần đối với 10 lĩnh vực dịch vụ và 92 ngành dịch vụ trực thuộc; đã có trên 20 thành viên WTO bày tỏ ý muốn đàm phán song phương, tập trung vào các lĩnh vực thuế nhập khẩu và mở cửa thị trường dịch vụ; đang thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và đàm phán gia nhập WTO nói riêng như cải cách hệ thống thuế, nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp, mở cửa thị trường và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho quá trình hội nhập.

Đẩy mạnh hợp tác với ASEAN, APEC, ASEM theo hướng tích cực tham gia các hoạt động của các tổ chức và diễn đàn trên; tích cực tham gia quá trình đàm phán Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Ấn Độ, tham gia hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản; thực hiện "Chương trình thu hoạch sớm (EHP)" với Trung Quốc.

Năm 2005 dự kiến sẽ có một số nhân tố tác động đến hoạt động thương mại (bao gồm cả mặt tích và tiêu cực). Đó là, kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng (4,3%), nhưng ở mức thấp hơn so với năm 2004 (đạt 5%). Thương mại thế giới năm 2005 dự báo cũng sẽ tăng trưởng ở mức 7 - 8%, thấp hơn mức 8,5% của năm 2004. Liên minh châu Âu tiếp tục trao Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) cho Việt Nam trong năm 2005. Đây là thuận lợi và cơ hội đối với nhiều hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này, nhất là giày dép. Năm 2005, các nước ASEAN - 6 sẽ thực hiện tự do hóa thuế quan đối với 9 ngành hàng hóa; các nước ASEAN và Trung Quốc tiếp tục thực

hiện Chương trình thu hoạch sớm, bắt đầu thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa trong khuôn khổ Hiệp định tự do thương mại ASEAN - Trung Quốc (ACFTA). Cùng với xu thế toàn cầu hóa và tự do hóa đang được đẩy nhanh, trào lưu bảo hộ mậu dịch đang diễn ra mạnh mẽ, làm gia tăng các biện pháp trợ cấp, hạn ngạch, các rào cản thương mại và phi thương mại ở mức độ ngày càng tinh vi hơn. Và, mặc dù, từ ngày 1-1-2005, EU, Ca-na-đa và Thổ Nhĩ Kỳ đã đồng ý bãi bỏ hạn ngạch dệt may cho Việt Nam, nhưng chúng ta vẫn phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt, không được bình đẳng như các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Pa-ki-istan, Thái Lan v.v. trên thị trường dệt may Hoa Kỳ. Nhiều nước ASEAN gia tăng việc tìm kiếm và ký kết các Hiệp định thương mại tự do song phương (FTA), điều đó có thể làm thay đổi luồng thương mại, ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam trên thị trường khu vực. Sự tăng trưởng mạnh mẽ về khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, hàng hóa, doanh nghiệp của Trung Quốc từ sau khi nước này trở thành thành viên chính thức của WTO làm cho hàng hóa Việt Nam gặp nhiều khó khăn hơn trong việc thâm nhập thị trường Trung Quốc và phải chịu nhiều sức ép cạnh tranh đối với hàng hóa của nước này trên thị trường thế giới.

Ở trong nước cũng cần lưu ý đến những nhân tố tác động đến hoạt động thương mại, gồm: những nỗ lực về đầu tư, cải cách kinh tế, chỉ đạo và điều hành ngày càng linh hoạt và hiệu quả của Chính phủ... sẽ là động lực tạo đà, là nhân tố thuận lợi cho tăng trưởng xuất khẩu và phát triển thương mại của nước ta trong năm 2005 và những năm tiếp theo. Năng lực cạnh tranh ở cấp độ quốc gia, cấp độ doanh nghiệp và cấp độ sản phẩm chậm được cải thiện đang làm cản trở đến việc thu hút FDI và tạo nguồn hàng hóa xuất khẩu của nước ta. Trong khi đó, năm 2005 là năm chúng ta bước vào lộ trình cắt giảm thuế mạnh hơn so với những năm qua. Có nhiều yếu tố tác động trực

tiếp đến xuất khẩu của nước ta như việc tăng giá nhiều mặt hàng nhập khẩu là nguyên liệu đầu vào của sản xuất hàng xuất khẩu; dự kiến sẽ có một số điều chỉnh giá đối với đầu vào sản xuất trong nước như xi măng, than, điện, tiền lương... Nước ta bắt đầu phải thực hiện mở cửa thị trường dịch vụ, phân phối theo các cam kết với EU, Hoa Kỳ trong khi hệ thống phân phối của các doanh nghiệp trong nước còn bộc lộ nhiều yếu kém.

Tuy còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với quyết tâm lớn, ngành thương mại đã đặt ra mục tiêu phát triển năm 2005 ở mức cao. Bởi vì, năm 2005 là năm cuối cùng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 (trong đó, tăng trưởng xuất khẩu bình quân mỗi năm phải đạt 14 - 16%/năm). Tuy nhiên, để hoàn thành nhiệm vụ 5 năm, năm 2005 xuất khẩu phải đạt mức tăng hơn năm 2004 trên 4,3 tỉ USD, hay mức tăng trưởng phải 16,6% trở lên. Về nhập khẩu, trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, tổng kim ngạch nhập khẩu của cả 5 năm phải đạt là 117,8 triệu USD, với nhịp độ tăng trưởng bình quân 15%/năm. Để hoàn thành mức kế hoạch trên, tổng giá trị nhập khẩu hàng hóa năm 2005 phải đạt 36 tỉ USD, tăng 14%. Ở thị trường trong nước, phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2005 đạt 440.000 tỉ đồng, tăng trên 17% so với năm 2004.

Trên cơ sở những mục tiêu ấy, ngành thương mại xác định một số phương hướng phát triển chủ yếu vào năm tới, như sau:

- Trong lĩnh vực xuất khẩu tập trung vào những mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn, tạo ra giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn của cả nước (gạo, cà phê, cao su, hạt điều, dệt may, giày dép, linh kiện điện tử, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm gỗ, dầu thô); phát triển xuất khẩu các mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao, còn tiềm năng xuất khẩu lớn, chưa bị giới hạn về cơ cấu, thị trường (gồm sản phẩm nhựa, dây điện và cáp điện, xe đạp). Trong năm 2005,

xuất khẩu bình quân tháng phải đạt tối thiểu 2,54 tỉ USD.

- Trong lĩnh vực nhập khẩu, năm 2005 phấn đấu giảm nhập siêu, bảo đảm các mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống (xăng dầu, phân bón, sắt thép, thuốc chữa bệnh...), bảo đảm cân đối cung - cầu các mặt hàng trọng yếu, góp phần ổn định giá cả; phấn đấu cải thiện cơ cấu nhập khẩu theo hướng nâng cao tỷ trọng nhập khẩu nhóm máy móc, thiết bị, phụ tùng, nhất là tăng tỷ trọng nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ nguồn từ các thị trường Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Ca-na-đa; giảm tối đa nhập khẩu máy móc thiết bị, công nghệ cũ, đã qua sử dụng.

- Phát triển mạnh thị trường nội địa theo hướng đáp ứng mọi nhu cầu của sản xuất, đời sống và đẩy mạnh xuất khẩu; giữ vững cân đối cung - cầu các mặt hàng trọng yếu với giá cả hợp lý; phát triển các loại hình kinh doanh văn minh, hiện đại, tập trung xây dựng và củng cố các hệ thống phân phối một số mặt hàng trọng yếu như xăng dầu, sắt thép, phân bón, xi măng; bảo đảm phục vụ tốt các mặt hàng chính sách, đổi mới chính sách trợ giá, trợ cước phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa; tăng cường công tác quản lý thị trường để ngăn chặn buôn lậu hàng giả và gian lận thương mại, kiềm chế những biến động giá cả bất lợi đối với nền kinh tế.

Để đạt được các mục tiêu trên, trên cơ sở các giải pháp phát triển thương mại hiện hành, trong năm 2005 cần lưu ý thêm:

1 - Trong lĩnh vực xuất khẩu, ưu tiên các doanh nghiệp có uy tín và tài chính lành mạnh tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn vốn của Quỹ tín dụng hỗ trợ xuất khẩu; mở rộng diện các hàng hóa xuất khẩu được hưởng chính sách thưởng vượt kim ngạch xuất khẩu; bố trí thêm ngân sách, nới lỏng các tiêu chí đối với thưởng thành tích xuất khẩu để khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ tích cực tham gia xuất khẩu hàng hóa; hoàn thiện cơ chế, chính sách, điều

chỉnh mục tiêu sử dụng Quỹ bảo hiểm xuất khẩu ngành hàng, Quỹ hỗ trợ phát triển thị trường; thành lập Quỹ xúc tiến thương mại để thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia hỗ trợ các doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hải quan tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp xuất khẩu; sử dụng triệt để các công cụ phòng tránh rủi ro trong thương mại quốc tế (bảo hiểm tỷ giá, quyền chọn mua ngoại tệ thanh toán, sử dụng hiệu quả các loại ngoại tệ trong thanh toán quốc tế) v.v..

2 - Đối với thị trường trong nước, đẩy nhanh việc tổ chức xây dựng và phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, trung tâm thương mại, trung tâm xúc tiến thương mại và hội chợ triển lãm tại 3 miền; trung tâm bán buôn, chợ đầu mối ở các vùng kinh tế trọng điểm và các thành phố lớn; tích cực triển khai Quyết định số 559/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển chợ đến năm 2010; thúc đẩy việc xây dựng một số kho bảo quản nông sản (trong đó có kho lạnh, kho mát bảo quản thực phẩm tươi sống), các xí nghiệp sơ chế, chế biến nông sản tại các vùng sản xuất nông sản tập trung, cửa khẩu, cảng, việc trang bị các phương tiện vận chuyển có thiết bị lạnh... để chủ động trong việc xuất khẩu nông sản v.v..

3 - Chỉ đạo các doanh nghiệp nhà nước tổ chức hệ thống phân phối bảo đảm sự chi phối của doanh nghiệp chủ đạo ở những thị trường quan trọng, phát huy tác dụng điều tiết thị trường chung; hoàn thiện hệ thống mạng thông tin thương mại giữa các cơ quan quản lý nhà nước, thương vụ với hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp; thúc đẩy việc tổ chức thực hiện hiệu quả hệ thống phân phối, cân đối cung - cầu một số mặt hàng chủ lực như xăng dầu, sắt thép, xi măng, thuốc chữa bệnh, phân bón, đường, muối, giấy; tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách thương mại nội địa, nhất là đối với các mặt hàng kinh doanh có điều kiện... □



ĐỔI MỚI - SỰ SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG

TRẦN QUANG NHIẾP

GẦN 20 năm đổi mới, đất nước ta đã vượt qua một chặng đường, từ con "bị cực" trong cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng đã tự thoát ra để ổn định và phát triển. Đây là *chặng đường đổi mới đầy sáng tạo mang tính cách mạng trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn* của toàn Đảng, toàn dân ta. Những thành tựu của công cuộc đổi mới là to lớn; toàn diện, có ý nghĩa lịch sử đã cho ta những nhận thức mới trong định hướng lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng đất nước của Đảng trên nhiều mặt, có thể khái quát ở mấy điểm chính sau.

1 - Đổi mới nhằm mang lại những hiệu quả đích thực cấp thiết cho đời sống của nhân dân, tạo thế ổn định chính trị - xã hội.

Trong cơn khủng hoảng chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới ở cuối thế kỷ XX, buộc những nước này phải đổi mới, cải tổ, cải cách. Song có nước đổi mới, cải cách thành công, có nước còn rất trì trệ, lại có nhiều nước cải tổ thất bại.

Đảng ta ngay từ Đại hội VI (năm 1986) khởi xướng công cuộc đổi mới đã xác định đổi mới một cách toàn diện lấy mục tiêu đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, tạo thế ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Đảng nhận thức sâu sắc về cơ chế kế hoạch hóa tập trung

bao cấp không thể tiếp tục và không phải là cơ chế giải quyết có hiệu quả các vấn đề phát triển mà cuộc sống đang đặt ra. Việc nhận ra cái lỗi thời, không phù hợp, các sức ỳ, lực cản để vượt qua cũng là sự sáng tạo vĩ đại của Đảng. Cho nên việc đoạn tuyệt với một cách hiểu, một quan niệm lý luận không còn phù hợp về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong bối cảnh ấy là một sự sáng tạo có tính đột phá mang ý nghĩa cách mạng của Đảng. Trên cơ sở đó, Đảng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân, không ngừng đổi mới tư duy lý luận và tư duy kinh tế, nhận thức lại một cách căn bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thực tiễn cho thấy Đảng ta xác định và thực hiện công cuộc đổi mới theo phương châm lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị để trên cơ sở đó phát huy mọi nguồn lực hiện có nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tạo ra nguồn của cải dồi dào cho xã hội, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Đảng ta xác định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhờ định hướng đúng đắn, Đảng và Nhà nước đã kịp thời ban hành

những chính sách, cơ chế mới làm cho sản xuất "bung ra", các thành phần kinh tế, các chủ thể kinh tế tận dụng mọi khả năng để phát triển. Chúng ta đã đưa nền kinh tế - xã hội thoát khỏi tình trạng trì trệ và khủng hoảng, làm bật dậy các tiềm năng, tạo nên trạng thái xã hội năng động và phát triển. Sức sản xuất được phát huy, nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao, liên tục năm sau hơn năm trước. Do đó, hơn 10 năm sau, từ một nền kinh tế thiếu thốn, làm không đủ ăn, nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt của người dân quanh năm khan hiếm... đến chỗ lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thỏa mãn nhu cầu của nhân dân, Nhà nước có tích lũy; có mặt hàng xuất khẩu đúng vào những nước hàng đầu của thế giới. Kết cấu hạ tầng không ngừng được đầu tư xây dựng và mở rộng, bộ mặt xã hội đổi mới hằng ngày. Tình hình chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh vững chắc. Vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao, quan hệ đối ngoại không ngừng mở rộng.

Kinh nghiệm cho thấy, nếu tiến hành đổi mới nhưng cuộc sống của nhân dân không được cải thiện thực sự thì công cuộc đổi mới ấy sẽ không có kết quả, hoặc kết quả chỉ nhất thời, không vững chắc và đương nhiên sẽ không tạo được lòng tin của nhân dân. Công cuộc đổi mới của Đảng nhằm đổi mới đời sống của từng người dân và của toàn xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới là quá trình tháo gỡ những vướng mắc, gạt bỏ những cản trở làm trì trệ trong tư duy, kìm hãm sức sản xuất, giải phóng mọi năng lực xã hội để mọi người dân tự làm chủ, tự "cứu mình" trước sự suy giảm của nền kinh tế trì trệ kéo dài để tìm hướng bứt phá đi lên. Đồng thời đổi mới là quá trình huy động chính nguồn sức mạnh của nhân dân để thực thi công cuộc đổi mới ấy. Quá trình đổi mới là sự hợp lưu, sự thống nhất biện chứng giữa nhu cầu, đòi hỏi khách quan của cuộc sống, sự sáng tạo của nhân dân với định hướng chính xác, đầy bản lĩnh của Đảng; là sự phù hợp giữa ý Đảng, lòng dân. Đó là kết quả của sự sáng tạo của Đảng và nhân dân ngót 20 năm qua.

2 – Đổi mới, không đổi màu, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Kinh nghiệm lịch sử và suốt mấy chục năm lãnh đạo cách mạng cho thấy, Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới, điểm cốt lõi trước tiên là chọn cho mình ánh sáng chỉ đường, nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam đúng đắn, khoa học và cách mạng. Đó là kiên định mục tiêu, lý tưởng gắn việc giữ vững độc lập dân tộc với xây dựng chủ nghĩa xã hội dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự kiên định, sáng tạo đi liền với khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí, bảo thủ, giáo điều, quan liêu, sao chép kinh nghiệm một cách máy móc.

Đảng chủ trương đổi mới tư duy, tìm tòi phát hiện những điều mới và nhận thức lại bản chất của chủ nghĩa xã hội; nhận thức cụ thể về hình thức, bước đi, con đường, biện pháp đi lên chủ nghĩa xã hội sao cho phù hợp với truyền thống lịch sử, phong tục tập quán, đặc điểm văn hóa và các điều kiện cụ thể của nước ta. Nhờ vậy, quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ nét hơn được thể hiện ở "Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH" và các văn kiện qua các kỳ Đại hội cũng như các nghị quyết của Đảng; thể hiện sinh động trong việc giải quyết những vấn đề cụ thể trong thực tiễn đổi mới xây dựng đất nước gần 20 năm qua. Do đó, chúng ta thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có hiệu quả và ngày càng phát huy tác dụng trong việc giữ vững ổn định chính trị, xã hội. Cùng với đó, những vấn đề mới về lý luận trên từng lĩnh vực của cách mạng được Đảng và nhân dân ta nhận thức sâu hơn.

Đảng ta chỉ rõ, công cuộc đổi mới xây dựng đất nước là quá trình chuyển động toàn diện từ mô hình chủ nghĩa xã hội hành chính bao cấp sang mô hình chủ nghĩa xã hội gắn với thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là một xã hội do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, bền vững trong một môi trường hòa bình, ổn định với một hệ thống quan hệ sản xuất tiên tiến, phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, được phát triển toàn diện; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; các dân tộc đoàn kết giúp nhau cùng phát triển; có quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

Tính chất toàn diện của công cuộc đổi mới xuất phát từ mục tiêu; điều kiện, đặc điểm của nước ta và xu thế của thời đại quy định. Điều đó buộc chúng ta phải chọn cho mình những hình thức, bước đi thích hợp của quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội. Trước hết và cơ bản như đã nêu là Đảng ta chủ trương đổi mới tư duy, nhận thức lại những vấn đề cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ đây chọn ra những cách thức, các biện pháp, các bước đi cụ thể, phù hợp từng vấn đề để đổi mới sao cho có hiệu quả về chính trị, kinh tế, xã hội và quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Đổi mới từ dưới lên kết hợp với trên xuống một cách hài hòa thống nhất, đồng thuận. Tránh các biện pháp "sốc" gây nên những chấn động không cần thiết làm mất ổn định xã hội. Đây là một kinh nghiệm, một sự sáng tạo của Đảng, tạo nên sự đồng thuận trong toàn xã hội.

Quá trình đổi mới ở nước ta là quá trình khơi nguồn, làm bật dậy các tiềm năng, nội lực về trí tuệ, sức lực, tài nguyên... kết hợp với tranh thủ tối đa mọi nguồn sức mạnh từ bên ngoài, tìm sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để đi lên.

3 – Đổi mới có trọng tâm trọng điểm, tạo ra những thế và lực mới để thúc đẩy xã hội phát triển.

Trên nền tảng đổi mới toàn diện, Đảng ta thực hiện phương châm đổi mới kinh tế là trọng

tâm, xây dựng Đảng là then chốt nhằm tạo sự bứt phá trên nền tảng chính trị ổn định vững chắc lâu dài.

Trong kinh tế, Đảng chủ trương kiên trì thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần gắn với thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế và phát triển mạnh mẽ sức sản xuất, thực hiện phát triển nhanh và bền vững. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng sức cạnh tranh, tăng chất lượng, hiệu quả của các thành phần kinh tế nói riêng và toàn bộ nền kinh tế của đất nước nói chung. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển kinh tế tri thức nhằm tranh thủ tối đa những tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại, khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ, lạc hậu để nhanh chóng đưa nền kinh tế nước ta trở thành hiện đại, hội nhập với sự phát triển như vũ bão về khoa học và công nghệ trên thế giới.

Về chính trị, Đảng chủ trương xây dựng đường lối chính trị đúng đắn thể hiện ở hệ thống quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật bảo đảm giữ vững mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dựa trên nền tảng tư tưởng vững chắc là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta kiên quyết không chấp nhận quan điểm đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Kiên trì đấu tranh làm thất bại mọi tư tưởng, quan điểm sai trái, cơ hội, mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Luôn luôn giữ vững bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ và phát huy các nguồn sức mạnh của bên ngoài. Đảng ta hết sức coi trọng đổi mới và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; gắn đổi mới kinh tế với đổi mới hệ thống chính trị. Đảng đã ban hành Chỉ thị về thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân và Chỉ thị đó đã nhanh chóng bắt nhịp vào cuộc sống. Những vấn đề cốt tử nêu trên gắn bó chặt chẽ, bổ sung cho nhau tạo nên sức mạnh bền vững và bản lĩnh chính trị của Đảng.

Về xã hội, Đảng chủ trương thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội; phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước đi và từng chính sách phát triển của đất nước. Tỷ lệ người nghèo giảm nhanh, số người khá giả, giàu có tăng lên. Việc mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội phát triển mới cho đất nước và nâng cao đời sống của nhân dân. Chăm sóc người có công với cách mạng, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng; xóa đói giảm nghèo, giúp đỡ những người gặp thiên tai, hoạn nạn. Chăm lo xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức trên cơ sở xây dựng khối liên minh công - nông - trí thức vững chắc. Đổi mới việc thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo. Coi trọng phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Về văn hóa, phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội. Coi trọng việc xây dựng nguồn nhân lực và vai trò, nhân tố con người, xác định giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu.

Về quốc phòng - an ninh, đối ngoại, Đảng chủ trương giữ vững môi trường hòa bình, hữu nghị vì sự phát triển của đất nước, thực hiện phương châm Việt Nam là bạn và là đối tác tin cậy của các nước; tôn trọng độc lập chủ quyền của các nước, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Tăng cường sức mạnh bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

4 - Không ngừng đổi mới, chỉnh đốn, nâng cao vai trò lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định bảo đảm mọi thành công của cách mạng nước ta nói chung, của công cuộc đổi mới nói riêng. Để giữ vững vai trò lãnh đạo của mình, Đảng ta không ngừng tự đổi mới, nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ đủ khả năng nhận thức, luận giải

tình hình khách quan của đất nước, của thời đại; dự báo xu hướng vận động và phát triển để từ đó đề ra đường lối chính trị đúng đắn và phù hợp.

Đảng không ngừng nâng cao năng lực cầm quyền, khả năng lãnh đạo và điều hành đất nước; trình độ xử lý chính xác những mâu thuẫn của cuộc sống đặt ra.

Để thực hiện những nhiệm vụ trọng đại trên, thực tiễn gần 20 năm đổi mới cho thấy, Đảng ta phải thực hiện tốt các vấn đề chính sau:

Một là, thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng ta ý thức sâu sắc rằng, là một đảng duy nhất lãnh đạo và cầm quyền, lại hoạt động trong điều kiện phức tạp, rất mới mẻ, chưa có tiền lệ nên phải giữ vững tính tiên phong gương mẫu, chủ động sáng tạo, thường xuyên rèn luyện về chính trị, tư tưởng, và đạo đức lối sống, về trình độ, năng lực tư duy, lãnh đạo và hoạt động thực tiễn. Đảng luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, trung thành với mục tiêu, lý tưởng, nâng cao năng lực tư duy lý luận, nắm vững quy luật phát triển khách quan của đất nước, bảo đảm cho việc xây dựng, hoàn thiện, phát triển đường lối và tổ chức thực hiện đường lối với hiệu quả ngày càng cao.

Hai là, Đảng thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực trí tuệ để gánh vác nhiệm vụ, làm cho đảng viên thực sự là tấm gương sáng về trí tuệ và đạo đức, lối sống trong xã hội.

Sự sáng tạo của Đảng thể hiện trong việc thực hiện nghiêm túc tư tưởng Hồ Chí Minh coi "cán bộ là gốc của mọi công việc". Do đó Đảng đặc biệt coi trọng việc đào tạo bồi dưỡng những cán bộ giỏi thích nghi với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa năng động, sáng tạo vừa không xa rời mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, Đảng kiên trì thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy trong sạch, vững mạnh,

có hiệu lực, hiệu quả, chăm lo xây dựng và giữ vững khối đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Sức mạnh của Đảng là ở tổ chức, ở khối đoàn kết thống nhất trong Đảng. Trong những vấn đề xây dựng Đảng phải đặc biệt coi trọng thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Thực sự mở rộng và phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững tính tổ chức kỷ luật, thường xuyên tự phê bình và phê bình trong Đảng. Coi đoàn kết thống nhất là truyền thống quý báu, là nguồn sức mạnh của Đảng. Trước những bước ngoặt của lịch sử, những biến động của xã hội đoàn kết, thống nhất toàn Đảng, toàn dân là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng.

Đoàn kết được xây dựng trên cơ sở thống nhất đường lối đổi mới, thống nhất lợi ích của Đảng và dân tộc. Kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, biệt phái trong Đảng và trong xã hội.

Bốn là, Đảng luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, bảo vệ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng chính quyền Đảng.

Kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của Đảng là dựa vào dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, trong sự nghiệp đổi mới, Đảng đã cụ thể hóa những quan điểm đó bằng Quy chế Dân chủ ở cơ sở, bảo đảm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra để thực hiện có hiệu quả cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đảng thực hiện dân chủ, công khai, dựa vào dân để kiểm tra, giám sát công tác và phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên. Nhân dân đã thật sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và thấy rõ trách nhiệm của mình trong tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng.

Năm là, Đảng thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng.

Cuộc sống luôn vận động và phát triển không ngừng. Lãnh đạo công cuộc đổi mới phải bám sát cuộc sống để có được những nhận thức mới, định ra đường lối, nhiệm vụ sáng tạo một cách chủ động, kịp thời.

Đảng phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, tổng kết thực tiễn đánh giá đúng hiệu quả của những nghị quyết để có những điều chỉnh, bổ sung thích hợp, kịp thời. Đồng thời cũng đánh giá đúng năng lực, trình độ của cán bộ, đảng viên trong việc vận dụng, thực hiện các nghị quyết của Đảng. Ngoài ra qua kiểm tra, giám sát, tổng kết thực tiễn, Đảng kịp thời đưa những vấn đề bức xúc của cuộc sống vào nghị quyết của Đảng; bổ sung, phát triển những nhận thức mới thành lý luận, làm sáng rõ hơn trong cách giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Sáu là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đảng vừa ở trong hệ thống chính trị lại vừa lãnh đạo hệ thống chính trị. Đảng xác định lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị; lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, nghị quyết của Đảng. Lãnh đạo thông qua tổ chức, bộ máy và cán bộ, đảng viên nằm trong các tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Lãnh đạo bằng việc kiểm tra, giám sát các tổ chức, cán bộ trong hệ thống chính trị bảo đảm đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời Đảng phát huy cao độ vai trò, tính chủ động sáng tạo của các tổ chức này trong thực hiện các mục tiêu đổi mới. Đảng không bao biện, làm thay các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Thành tựu gần 20 năm đổi mới ở nước ta là rất lớn, không ai có thể phủ nhận được và nó thực sự đem lại niềm tin và hạnh phúc cho nhân dân. Những vấn đề rút ra từ thực tiễn công cuộc đổi mới về nhận thức lý luận, kinh nghiệm tổ chức hoạt động thực tiễn, sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước, hoạt động của các đoàn thể và vai trò làm chủ của nhân dân cho thấy sự sáng tạo rất lớn trong phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Sự sáng tạo trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới của Đảng là thể hiện tính cách mạng và khoa học của Đảng, nó giúp chúng ta vượt qua những thách thức, tranh thủ được những thời cơ, thực hiện có hiệu quả việc đưa sự nghiệp đổi mới tiếp tục vào chiều sâu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

O nước ta, quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Do đó, quyền tư pháp được hiểu là hoạt động xét xử của tòa án và những hoạt động của các cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức khác trực tiếp liên quan đến hoạt động xét xử của tòa án, nhằm bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, pháp chế, trật tự pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, lợi ích của Nhà nước và xã hội. Vì vậy, cơ quan tư pháp bao gồm: tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, các cơ quan điều tra và các cơ quan, tổ chức tư pháp hỗ trợ như: luật sư, công chứng, giám định, tư vấn pháp luật...

Với quan niệm tư pháp là các cơ quan nhà nước trực tiếp thực hiện quyền tư pháp, trong đó tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan điều tra là các cơ quan quan trọng nhất; cải cách tư pháp trong mối quan hệ với phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, cần tiếp tục tiến hành theo một số định hướng sau:

1 – Làm sâu sắc hơn các đặc trưng riêng có về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong nhà nước pháp quyền

Có thể khái quát tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong nhà nước pháp quyền có những đặc trưng cơ bản sau:

- Một là, tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong nhà nước pháp quyền phải tuân thủ nghiêm ngặt một hệ thống các quy tắc tố tụng rất đầy đủ, minh bạch và chặt chẽ. Đó là những quy tắc tố tụng trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự và các quy tắc tố tụng trong việc giải quyết các vụ án dân

sự, hành chính, kinh tế, lao động... Các quy tắc tố tụng này được quy định rất chi tiết, cụ thể, đòi hỏi các hoạt động tư pháp phải tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Tuân thủ các nguyên tắc này vừa bảo đảm cho việc thực hiện quyền tư pháp thực sự dân chủ, vừa bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, làm cho hoạt động tư pháp đưa ra các phán quyết chính xác,

Cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TRẦN NGỌC ĐƯỜNG *

đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần phải đề cao luật tố tụng, bởi vì những vi phạm các quy tắc tố tụng, trong đa số trường hợp dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong hoạt động tư pháp, nhất là các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Hơn nữa, luật tố tụng càng đầy đủ, rõ ràng, chặt chẽ, minh bạch, con người càng có nhiều tự do trong việc bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình trước các cơ quan tư pháp, bảo đảm cho hoạt động tư pháp giữ vững được bản chất của dân, do dân và vì dân. Vì thế, cải cách tư pháp trước hết phải hoàn thiện hệ thống các thủ tục tố tụng tư pháp rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ, vừa đề cao nhân tố con người trong mối quan hệ với các cơ quan tư pháp, vừa đề cao trách nhiệm của các cơ quan và cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp.

* PGS, TS, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

- Hai là, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là nguyên tắc xuyên suốt quá trình tổ chức và hoạt động tư pháp. Đây là công thức pháp lý chứa đựng các giá trị được thừa nhận chung trong nhà nước pháp quyền đối với không chỉ trong hoạt động xét xử của thẩm phán và hội thẩm nhân dân mà cả trong hoạt động điều tra, truy tố của điều tra viên và kiểm sát viên. Bởi vì, nguyên tắc này xuất phát từ tính chất khó khăn của các hoạt động tư pháp và yêu cầu hoạt động đó phải đạt đến độ chính xác cao nhất, đòi hỏi các cơ quan và cá nhân có thẩm quyền từ điều tra, truy tố, xét xử phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, chống lại các tác động và ảnh hưởng xấu từ mọi phía. Đồng thời, nguyên tắc này cũng bắt nguồn từ nguyện vọng và tâm lý chung của xã hội đối với hoạt động tư pháp. Vì thế, tuân theo nguyên tắc này, một mặt, góp phần bảo đảm cho sự chính xác của điều tra, truy tố, xét xử, tăng thêm lòng tin của quần chúng vào sự ngay thẳng, chí công, vô tư của các cơ quan tư pháp; mặt khác, còn nhằm ngăn chặn sự tác động của cá nhân hay của các tổ chức vào hoạt động tư pháp.

Nguyên tắc này xác định trách nhiệm của cán bộ, nhân viên các cơ quan tư pháp trong các hoạt động của mình mang tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, không bị tác động can thiệp từ bên ngoài. Trong hoạt động tư pháp, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và hội thẩm nhân dân không những độc lập với sự can thiệp của lập pháp, hành pháp mà còn độc lập với chính sự can thiệp của cá nhân hay tổ chức trong nội bộ cơ quan tư pháp. Thực hiện nguyên tắc trên, cải cách tư pháp cần theo định hướng làm sâu sắc, đầy đủ, đúng đắn hơn nguyên tắc độc lập trong hoạt động tư pháp. Trước hết, đòi hỏi cán bộ, nhân viên các cơ quan tư pháp phải nâng cao trách nhiệm, tuân theo pháp luật một cách nghiêm chỉnh, chí công, vô tư, không được để tình cảm của cá nhân, quyền lợi riêng tư ảnh hưởng đến việc xét xử. Những người có thẩm quyền trong các cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án phải độc lập

về nhân cách. Thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên phải có lòng trung thực, dám chịu trách nhiệm; đồng thời, chống khuynh hướng phủ nhận tính độc lập trong hoạt động tư pháp, lợi dụng nguyên tắc Đảng lãnh đạo để một số cá nhân có chức, có quyền trong tổ chức đảng hoặc cơ quan nhà nước tác động hoặc gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động tư pháp.

Thực tiễn cho thấy, thực hiện nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp không có nghĩa là các cơ quan tư pháp thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, áp dụng pháp luật một cách máy móc, cứng nhắc, hình thức. Vì vậy, vấn đề cơ bản là xuất phát từ đặc trưng của hoạt động tư pháp mang tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật mà tìm kiếm các hình thức và phương thức lãnh đạo của Đảng phù hợp, vừa bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, vừa giữ vững nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Cần thể chế hóa bằng pháp luật phương thức lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động tư pháp nhằm bảo đảm Đảng lãnh đạo tư pháp nhưng tôn trọng nguyên tắc tư pháp độc lập - nguyên tắc và là đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền.

2 – Nâng cao năng lực áp dụng pháp luật và năng lực đề xuất các sáng kiến đổi mới, bổ sung hoàn thiện pháp luật vì con người, cho con người trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử của điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán.

Hoạt động tư pháp là hoạt động có mục đích chung nhằm "bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân" (Điều 126, Hiến pháp năm 1992). Vì vậy, các cơ quan tòa án, viện kiểm sát và điều tra đều là những cơ quan thể hiện trực tiếp bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, là những bộ phận không thể thiếu của bộ máy nhà nước.

Với các mục đích như thế, các cơ quan tư pháp chính là cơ quan bảo vệ pháp luật bằng cách áp dụng luật của Quốc hội và các văn bản pháp quy để giải quyết các vi phạm pháp luật, các tội phạm và các tranh chấp xảy ra trong đời sống của bản thân bộ máy nhà nước và xã hội. Có thể xem các cơ quan tư pháp như những bộ phận chuyển tải quyền lực nhà nước chứa đựng trong pháp luật vào đời sống xã hội qua việc giải quyết các vụ việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích thiết thân của những con người cụ thể. Nếu như "lực" thể hiện đầy đủ, đúng đắn và chính xác qua hoạt động lập pháp và lập quy, nhưng hệ thống truyền lực qua hoạt động của các cơ quan tư pháp không tốt, thì lực đó không đi vào cuộc sống và không trở thành hiện thực. Nói cách khác, hoạt động tư pháp là hoạt động áp dụng pháp luật liên quan trực tiếp đến lợi ích thiết thân, quan trọng nhất đối với con người như danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản và cả tính mạng. Bằng cách đó mà pháp luật vì con người, cho con người, đề cao các quyền con người trở thành hiện thực.

Trong quá trình áp dụng pháp luật, các cơ quan tư pháp không được sản sinh ra "lực" mới hoặc kìm hãm "lực" đi vào cuộc sống. Nếu sản sinh ra "lực" mới, hoặc kìm hãm "lực" đi vào cuộc sống thì chính nó đã làm biến dạng quyền lực nhà nước, sai lệch pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Vì vậy, về tâm lý và ý thức xã hội, công dân đánh giá hiệu lực và hiệu quả của bộ máy nhà nước trực tiếp thông qua sự đánh giá tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp, đặc biệt là tòa án và viện kiểm sát. Bởi vì, hoạt động của tòa án và viện kiểm sát quan hệ thiết thân đến con người. Họ đòi hỏi tòa án và viện kiểm sát phải là biểu tượng điển hình của việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, phải thể hiện trực tiếp tính chất dân chủ và công khai trong hoạt động. Trong tất cả các khâu của quá trình bảo vệ pháp luật, tòa án và viện kiểm sát là nơi biểu hiện rõ nhất bản chất của pháp luật. Ở đó, con người tìm thấy lẽ công bằng, tính nhân đạo, "thiện" và "ác" một

cách trực tiếp và cụ thể qua các vụ việc cụ thể. Ở đó, còn là "mảnh đất" kích thích sự hoàn thiện và phát triển pháp luật vì con người và cho con người.

Thực tiễn xây dựng bộ máy nhà nước cho thấy, hệ thống tư pháp hiện nay ở nước ta chưa đảm đương được đầy đủ vị trí, vai trò nói trên. Có thể nói, ở tất cả các khâu từ điều tra, truy tố, đến xét xử và phòng ngừa, hệ thống tư pháp chưa thực sự là một hệ thống vận dụng và áp dụng thành thạo pháp luật. Trong nhiều trường hợp, quyền lực nhà nước bị biến dạng qua hoạt động cụ thể của tòa án và viện kiểm sát. Uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật giảm sút trong dư luận của quần chúng. Vì vậy, tiếp tục đổi mới, cải cách hệ thống các cơ quan tư pháp theo định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, đòi hỏi phải nâng cao năng lực áp dụng pháp luật và năng lực đề xuất, kiến nghị sáng kiến đổi mới và hoàn thiện hệ thống pháp luật vì con người, cho con người đối với đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán.

3 – Nâng cao năng lực thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân và năng lực xét xử của tòa án nhân dân

Công tố và xét xử là hai chức năng cơ bản trong lĩnh vực tư pháp của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cả hai chức năng này có quan hệ mật thiết không tách rời nhau, có vai trò trung tâm và đặc biệt quan trọng của bất kỳ một nhà nước nào trong lĩnh vực tư pháp. Qua thực hiện hai chức năng này, người ta có dịp để đánh giá nền tư pháp của một nước công bằng hay không công bằng, dân chủ hay không dân chủ, vì con người hay không vì con người. Vì thế, không ngừng nâng cao năng lực thực hành quyền công tố và xét xử là định hướng và là nội dung quan trọng của cải cách tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Để cải cách tư pháp theo định hướng đó, không có con đường nào khác là nâng cao năng lực của đội ngũ kiểm sát viên và thẩm phán ở tất cả các cấp.

- Thực hành quyền công tố nhà nước là việc thực hành quyền nhân danh nhà nước quyết định một vụ án có đưa ra xét xử hay không. Đây là một quyền năng pháp lý đặc biệt được giao cho viện kiểm sát thực hiện trong giai đoạn tố tụng hình sự, như đánh giá tính hợp pháp và tính có căn cứ của các biện pháp và kết quả của cuộc điều tra để quyết định có cơ sở đưa vụ án ra xét xử hay không, và đề nghị những tội danh cần xét xử.

Cùng với chức năng công tố, viện kiểm sát còn có chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp nhằm bảo đảm cho nền tư pháp nước ta tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh, thống nhất trong cả nước. Với chức năng đó, viện kiểm sát nhân dân ở nước ta được tổ chức theo nguyên tắc đặc thù. Đó là, toàn bộ hoạt động của viện kiểm sát nhân dân phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải chịu trách nhiệm cá nhân về hoạt động của toàn ngành kiểm sát trước Quốc hội, Chủ tịch nước và Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Còn ở mỗi viện kiểm sát nhân dân nói riêng phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của viện trưởng. Viện trưởng phải chịu trách nhiệm cá nhân về hoạt động của viện mình trước viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp trên.

Ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao và viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều có ủy ban kiểm sát. Ủy ban này có thẩm quyền trong một số trường hợp và quyết định theo đa số. Nhưng luật quy định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền quy định bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn quyết định bộ máy làm việc của viện kiểm sát nhân dân địa phương, ban hành quyết định, chỉ thị, thông tư, điều lệ, quy chế, chế độ công tác áp dụng đối với toàn ngành kiểm sát. Như vậy, xu hướng tập trung quyền lực vào Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao vẫn đậm nét hơn trong tổ chức và hoạt động của ngành kiểm sát. Đây là

một đặc thù về tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát. Sở dĩ tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát như vậy là nhằm bảo đảm tính thống nhất cao của pháp chế xã hội chủ nghĩa, hạn chế sự phân tán, cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Cùng với điều đó, tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nhân dân địa phương theo nguyên tắc phụ thuộc một chiều. Đó là, viện trưởng, các phó viện trưởng, kiểm sát viên của viện kiểm sát nhân dân địa phương không do các cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương bầu ra và bãi miễn mà do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Sự phụ thuộc một chiều tạo điều kiện thuận lợi cho các viện kiểm sát độc lập với tính cục bộ, địa phương chủ nghĩa mà chỉ chịu sự điều hành lãnh đạo của viện kiểm sát nhân dân cấp trên. Mối quan hệ giữa viện kiểm sát nhân dân và hội đồng nhân dân cùng cấp là quan hệ phối hợp mà không phải là mối quan hệ phụ thuộc vào chiều ngang như mối quan hệ giữa ủy ban nhân dân và hội đồng nhân dân. Mối quan hệ phối hợp này bảo đảm cho các viện kiểm sát nhân dân hoạt động độc lập, không phụ thuộc vào chính quyền nhà nước địa phương. Các nguyên tắc đặc thù về tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát nói trên chủ yếu là để bảo đảm cho viện kiểm sát thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Trong lúc đó việc thực hiện chức năng công tố có nhất thiết phải tuân theo các nguyên tắc đặc thù nói trên hay không chưa được phân định rõ.

Như vậy, việc thực hiện chức năng công tố so với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, luật chưa thể hiện rõ. Đường như công tố bị "lép vế" so với kiểm sát hoạt động tư pháp cả trong quy định của pháp luật lẫn cả trong thực tiễn hoạt động của viện kiểm sát. Với vị trí công tố như vậy, cải cách tư pháp cần tiếp tục đề cao và làm rõ hơn nguyên tắc và nội dung tổ chức và hoạt động công tố.

- Xét xử là chức năng riêng có của tòa án nhân dân. Nó là một dạng hoạt động **Đặc thù**.

khác với các hoạt động của các cơ quan nhà nước nói chung và các cơ quan tư pháp khác nói riêng. Điều đó đòi hỏi phải tiếp tục nâng cao năng lực xét xử theo các tiêu chí sau đây:

+ Xét xử là nhân danh nhà nước, căn cứ vào pháp luật của nhà nước để đưa ra các phán quyết về một vụ án cụ thể. Đây không phải là phán quyết của bản thân một tòa án nào đó, lại càng không phải là phán quyết của cá nhân trong bộ máy tòa án hay một người có chức, có quyền nào đó mà là phán quyết thể hiện trực tiếp thái độ của nhà nước đối với các vụ án cụ thể. Như vậy, hoạt động xét xử phản ánh trực tiếp và sâu sắc bản chất của nhà nước. Vì thế, đòi hỏi xét xử phải chính xác, công minh trong việc vận dụng và áp dụng pháp luật, thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Các bản án và quyết định xét xử của tòa án là nhân danh nhà nước, thể hiện hiệu lực của một văn kiện nhà nước. Vì thế, nhà nước phải chịu trách nhiệm về sự không chính xác hoặc sai lầm của những bản án hay quyết định đó gây ra.

+ Xét xử là hoạt động nhằm đưa ra phán quyết cuối cùng, dứt khoát đối với những vấn đề liên quan trực tiếp đến các lĩnh vực quan trọng nhất như tự do, danh dự, tài sản, nhân thân và cả tính mạng của con người. Vì thế, nhìn dưới góc độ bảo vệ công dân và bảo vệ quyền con người, xét xử của tòa án còn thực hiện chức năng kiểm tra hành vi pháp lý của các cơ quan nhà nước, nhất là các hành vi điều tra, truy tố... để bảo đảm cho bản án và quyết định của mình chính xác tối đa, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội. Có thể nói, sau bản án và quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, không còn một hình thức pháp lý nào khác để công dân thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

+ Xét xử có vai trò rất lớn. Trước hết sự ổn định của trật tự pháp luật trong nước, việc giữ vững kỷ cương của xã hội, sự tự do và an toàn của con người... một phần quan trọng phụ thuộc vào hoạt động xét xử của tòa án. Bằng

việc xét xử nghiêm minh, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội chẳng những có tác dụng trừng trị các phần tử phạm tội, giáo dục, cải tạo họ, mà đồng thời, còn góp phần ngăn chặn, phòng ngừa các ảnh hưởng tiêu cực đối với nhà nước và xã hội.

Trong điều kiện đổi mới hiện nay, hoạt động xét xử của tòa án nhằm tạo ra xung lực mạnh mẽ để thiết lập trật tự pháp luật, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội. Tòa án phải thực hiện có hiệu quả chính sách quản lý xã hội: "kết hợp biện pháp phòng ngừa, giáo dục là cơ bản với trấn áp, trừng trị các loại tội phạm" ⁽¹⁾. Đây chính là phương châm hoạt động thường xuyên, tích cực của xét xử để đẩy lùi tội phạm và tạo điều kiện tốt cho phòng ngừa.

Cần nhấn mạnh quá trình xét xử đồng thời là quá trình giáo dục tích cực. Bởi vì, hoạt động xét xử là một dạng hoạt động bảo vệ pháp luật, chủ yếu vạch rõ hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm. Ngoài phương pháp thuyết phục hoạt động xét xử tại các phiên tòa còn tác động trực tiếp đến ý thức và hành vi của người vi phạm pháp luật. Quá trình giáo dục tại các phiên tòa là quá trình tác động có tổ chức, có định hướng trước lên ý thức và hành vi không những của những người vi phạm pháp luật và tội phạm mà còn của đông đảo người tham dự phiên tòa nhằm hình thành tri thức pháp luật, bồi dưỡng giá trị đạo đức, pháp luật, chính trị, tình cảm, thói quen và hành vi tích cực chính trị - pháp lý của công dân.

Tóm lại, cải cách tư pháp với phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền tồn tại trong mối quan hệ thống nhất và phối hợp. Cải cách tư pháp theo các định hướng nói trên chắc chắn sẽ phát huy được dân chủ xã hội chủ nghĩa và góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân đang tiến hành ở nước ta. □

(1) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 17

TRONG cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Người sớm nhận thấy vai trò và đã phát huy hiệu quả, khả năng to lớn của phụ nữ, khẳng định sự tham gia của phụ nữ là nhân tố quyết định thắng lợi trong sự nghiệp đấu tranh của dân tộc. Người viết: “Từ đầu thế kỷ thứ nhất, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa, đánh giặc, cứu dân cho đến ngày nay mỗi khi nước nhà gặp nguy nan, thì phụ nữ ta đều hăng hái đứng lên, góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp giải phóng dân tộc”⁽¹⁾.

Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, lúc ở nước ngoài cũng như khi trở về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý tới sức mạnh to lớn của phụ nữ Việt Nam: “An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công”. Người đã kêu gọi phụ nữ tham gia phong trào cách mạng, tham gia Mặt trận Việt Minh. Trong giờ phút quyết định của công cuộc giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã khẩn thiết kêu gọi toàn thể quốc dân, đồng bào, không phân biệt già trẻ, trai gái, giàu nghèo, tôn giáo chung sức, đồng lòng đứng lên giải phóng khỏi ách gông xiềng, giành tự do, độc lập và đã làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của dân tộc ta, phụ nữ có mặt trên khắp các mặt trận ở tiền tuyến cũng như hậu phương, phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu. Hồ Chí Minh đã thường xuyên quan tâm, theo dõi hành động

HỒ CHÍ MINH với vấn đề giải phóng phụ nữ

THÁI SON

cách mạng của chị em. Người rất cảm động trước những việc làm cao đẹp của các bà mẹ, người vợ, người chị đối với các chiến sỹ. Người nói: “Các bà mẹ chiến sỹ và các chị em giúp thương binh đã hòa lẫn lòng yêu nước, yêu con, yêu chiến sỹ thành một mối yêu thương không bờ bến mà giúp đỡ chiến sỹ và săn sóc thương binh như con em ruột của mình”. Hồ Chí Minh nhìn nhận và đánh giá phụ nữ Việt Nam không chỉ anh hùng trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu mà họ còn đóng vai trò rất quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước, xã hội và gia đình.

Quan điểm về việc thực hiện nam nữ bình đẳng là một mục tiêu cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người rất quan tâm đến quyền bình đẳng của phụ nữ trong xã hội. Người viết: “Phụ nữ chiếm một nửa tổng số nhân dân. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải thật sự giải phóng phụ nữ và tôn trọng quyền lợi của phụ nữ. *Hiến pháp và pháp luật* của nước ta quy định rõ điều đó”⁽²⁾. Đối với

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 148

(2) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 10, tr 225

Hồ Chí Minh, giải phóng phụ nữ gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng con người, và độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người đã từng khẳng định: “Nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập dân tộc cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Riêng đối với phụ nữ, Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm, ưu ái đặc biệt khi Người nói: “Chúng ta làm cách mạng để giành lấy tự do, độc lập, dân chủ, bình đẳng, trai gái đều ngang quyền nhau”. Người nêu rõ, Đảng và Nhà nước ta luôn coi vấn đề giải phóng phụ nữ là nhiệm vụ, là bổn phận của sự nghiệp cách mạng. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh: Đảng và Chính phủ ta luôn luôn chú ý nâng cao địa vị của phụ nữ. Hiến pháp định rõ “nam nữ bình đẳng” và Luật Hôn nhân gia đình... đều thể hiện mục đích ấy. Để xây dựng được chủ nghĩa xã hội thì phải thực sự giải phóng phụ nữ và tôn trọng quyền lợi của phụ nữ. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ thể hiện sâu sắc rằng: chỉ có tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, pháp luật..., mới tạo ra những tiền đề cơ bản để sự nghiệp giải phóng phụ nữ trở thành hiện thực. Sự nghiệp giải phóng phụ nữ, theo Hồ Chí Minh không phải chỉ là sự nghiệp của riêng chị em, mà đó là sự nghiệp quan trọng của toàn Đảng, toàn dân. Chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân, với Đảng tiên phong lãnh đạo là cuộc cách mạng triệt để bảo đảm cho tất cả mọi giai cấp, tầng lớp, trong đó có phụ nữ được giải phóng thật sự.

Chúng ta có thể thấy qua các giai đoạn lịch sử của cách mạng nước ta, trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh luôn luôn quan tâm đến quyền lợi của phụ nữ. Đó là một trong những mục tiêu của sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp mà Người đã phấn đấu, hy sinh.

1 – Con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp cũng là con đường giải phóng phụ nữ

Ở nước ta, phụ nữ chiếm hơn 50% số dân. Dưới chế độ cũ phụ nữ nước ta phải chịu đựng nhiều nổi bất công của xã hội, sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ, sự thiếu thốn cùng cực về kinh tế, văn hóa. Trên cơ sở lý luận khoa học và bằng thực tiễn hoạt động cách mạng phong phú của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích một cách sâu sắc bản chất của chủ nghĩa thực dân, tìm ra những quy luật tồn tại và diệt vong của nó. Từ đó, Người đi đến kết luận khoa học và chính xác rằng: mọi áp bức, hách dịch đối với phụ nữ ở các thuộc địa không phải do các quan niệm phong kiến lỗi thời, lạc hậu, mà chủ yếu là do chế độ áp bức dân tộc và bóc lột của chủ nghĩa thực dân gây ra. Vì vậy, quyền lợi của phụ nữ gắn với quyền lợi của cả dân tộc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Do đó, muốn giải phóng phụ nữ thì phải giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân.

Dưới chế độ cũ, người phụ nữ mất hết quyền tự do, dân chủ. Họ không được tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội, không được học hành. Họ bị áp bức bóc lột, bị xúc phạm nhân phẩm, bị hăm hiếp, giết hại... nói chung là mất hết quyền con người. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chế độ thực dân là chế độ hăm hiếp đàn bà và giết người”. Người khẳng định: “Những tội ác này toàn bộ chế độ thực dân phải chịu trách nhiệm trước lịch sử”. Thay mặt toàn thể nhân dân thuộc địa nói chung và nhân dân Việt Nam nói riêng, Hồ Chí Minh viết *Bản án chế độ thực dân Pháp*, tố cáo tội ác dã man, tàn bạo của chế độ thực dân và tin tưởng vào tiền đồ cách mạng của các dân tộc bị áp bức.

Theo Hồ Chí Minh, nhân dân thuộc địa, phụ nữ thuộc địa muốn thoát khỏi áp bức bóc lột và nô dịch của chủ nghĩa đế quốc phải tự mình đứng lên làm cách mạng. Người viết: “Công cuộc giải phóng anh chị em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh chị em”. Đây là một nhận định hết sức quan trọng, thể hiện tầm nhìn chiến lược trong đánh giá lực lượng cách mạng.

Đối với Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng con người và độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người đã từng khẳng định: “Chúng ta làm cách mạng là để giành lấy tự do, độc lập, dân chủ, bình đẳng, trai gái đều ngang quyền nhau”.

Đảng và Nhà nước ta luôn coi vấn đề giải phóng phụ nữ là nhiệm vụ, là bổn phận và là vinh dự của sự nghiệp cách mạng. Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta nỗ lực không ngừng nhằm xây dựng một nền chính trị, kinh tế, văn hóa, pháp luật mới, tạo những tiền đề cơ bản để không ngừng giải phóng phụ nữ, để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều đó càng cho thấy chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân lãnh đạo là cuộc cách mạng triệt để bảo đảm cho tất cả mọi giai cấp, tầng lớp, trong đó có phụ nữ được giải phóng thực sự.

2 – Giải phóng phụ nữ phải bằng những chủ trương, chính sách, pháp luật cụ thể, nhằm chủ động đưa phụ nữ tham gia vào các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội

Đối với Hồ Chí Minh việc giải phóng phụ nữ không dừng lại ở lý luận, tư tưởng mà quan trọng hơn là phải tạo điều kiện để phụ nữ tham gia vào mọi mặt của đời sống xã hội, đem lại quyền lợi vật chất và tinh thần cho

chị em. Bởi vì: “Phụ nữ chiếm một nửa tổng số dân. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải thật sự giải phóng phụ nữ và tôn trọng quyền lợi của phụ nữ”.

Để phụ nữ thực sự tham gia vào các hoạt động xã hội, trước hết cần phải xóa bỏ tề biệt phân biệt đối xử giữa nam và nữ. Người đã nhắc nhở: Có một số người chưa thấy vai trò của phụ nữ hiện nay cũng như sau này, nên còn tư tưởng xem thường khả năng phụ nữ. Do đó, theo Hồ Chí Minh: “Giải phóng người đàn bà đồng thời phải tiêu diệt tư tưởng phong kiến, tư tưởng tư sản trong người đàn ông”. Vì vậy, cần xây dựng nền móng, xây dựng các thiết chế văn hóa nhằm giải phóng con người, giải phóng phụ nữ một cách cơ bản, triệt để nhất. Điều căn bản, có ý nghĩa quyết định cho sự bình đẳng của phụ nữ là giải phóng sức lao động của phụ nữ. Nhà nước phải có chính sách để tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia lao động sản xuất, quản lý kinh tế, các hoạt động văn hóa - xã hội cùng với nam giới. Hồ Chí Minh nghiêm khắc phê bình những thái độ thành kiến, hẹp hòi của cán bộ lãnh đạo các cấp đối với việc sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ.

Theo Người, chỉ có đưa phụ nữ tham gia vào các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội mới bảo đảm được quyền bình đẳng thực sự cho phụ nữ. Muốn vậy, phải tôn trọng phụ nữ, phải quan tâm đến phụ nữ, phải tính đến tính đặc thù của lao động nữ, phải thực hiện phân công, sắp xếp lại lao động toàn xã hội, mở rộng các dịch vụ xã hội, tổ chức đời sống mới để phụ nữ có thời gian học tập và tham gia các công tác xã hội. Người chỉ rõ: Phải đặc biệt chú ý đến sức lao động của phụ nữ. Phụ nữ là đội quân lao động rất đông, phải giữ gìn sức khỏe cho phụ nữ để chị em tham

gia sản xuất được tốt. Ví dụ: Phải chú ý đến vấn đề vệ sinh, nhà tắm. Khi phụ nữ có kinh, thì hợp tác xã chớ phân công cho họ đi làm ở chỗ ruộng sâu, nước rét. Các hợp tác xã phải có những tổ giữ trẻ tốt để phụ nữ có con mọn có chỗ gửi các cháu để yên tâm lao động. Trước lúc "đi xa", Người đã dặn lại trong *Di chúc*: "Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo"⁽³⁾.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giải phóng phụ nữ về mặt xã hội thể hiện ở chỗ không chỉ tạo lập quyền làm chủ đất nước của công dân mà còn thể hiện ở thực hiện quyền nam nữ bình đẳng. Theo Hồ Chí Minh, sự tiến bộ của xã hội là điều kiện cho người phụ nữ được giải phóng thật sự, khắc phục tư tưởng lạc hậu coi khinh phụ nữ, các tập quán lỗi thời trong quan hệ hôn nhân và gia đình... mới thực sự tạo ra sự bình đẳng nam nữ và giải phóng phụ nữ để họ phát triển. Đây là vấn đề quan trọng của một cuộc cách mạng tư tưởng không dễ thực hiện ngay được, vẫn luôn mang tính thời sự không chỉ trong một quốc gia mà cả thế giới đều quan tâm, vì "Đó là một cuộc cách mạng to và khó. Vì trọng trai khinh gái là một thói quen mấy nghìn năm để lại. Vì nó ăn sâu trong đầu óc của mọi người, mọi gia đình, mọi tầng lớp xã hội. Vì không thể dùng vũ lực mà đấu tranh".

Giải phóng phụ nữ về mặt xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh đồng nghĩa với việc tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội để thực hiện bình đẳng với nam giới trong việc phát huy quyền và khả năng công dân của mình vào sự nghiệp phát triển đất nước.

3 – Sự nghiệp giải phóng phụ nữ phụ thuộc vào sự cố gắng, phấn đấu của bản thân phụ nữ

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "*Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa*"⁽⁴⁾. Những điều kiện thuận lợi mà Đảng, Nhà nước và xã hội tạo ra cho phụ nữ là hết sức quan trọng. Song điều có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp giải phóng phụ nữ là ở sự phấn đấu, nỗ lực, sự khẳng định của chính bản thân phụ nữ. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Lợi quyền của phụ nữ cần được thực sự bảo đảm, bản thân phụ nữ thì phải đấu tranh tự cường, tự lập để giữ lấy lợi quyền của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: "Mỗi một người và tất cả phụ nữ phải hăng hái nhận lấy trách nhiệm của người làm chủ đất nước, tức là phải ra sức thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm để xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Muốn làm tròn nhiệm vụ vẻ vang đó, phụ nữ ta phải xóa bỏ cái tâm lý tự ti và ỷ lại; phải có ý chí tự cường, tự lập; phải nâng cao lên mãi trình độ chính trị, văn hóa, kỹ thuật"⁽⁵⁾. Để công cuộc giải phóng phụ nữ trở thành hiện thực đòi hỏi chính sự tự khẳng định năng lực, vai trò của chị em trong gia đình, ngoài xã hội.

Ngoài việc khuyến khích, động viên chị em phụ nữ cố gắng vươn lên để khẳng định bản thân, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra điều kiện

(Xem tiếp trang 52)

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 504

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 523

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 294-295

Bình đẳng nam nữ và thực hiện quyền bình đẳng nam nữ ở nước ta

VÔ THỊ HỒNG LOAN* - ĐẶNG ÁNH TUYẾT*

1. Bình đẳng nam nữ không phải là một quyền tự nhiên do "Thượng đế" ban cho. Chính vì thế, trong lịch sử nhân loại đấu tranh cho sự bình đẳng giữa nam và nữ luôn diễn ra. Tiến tới sự bình đẳng nam nữ là cả một quá trình phấn đấu của mỗi quốc gia và toàn thể giới mà thực chất là giải phóng phụ nữ, bảo đảm cho phụ nữ quyền bình đẳng trong phát triển, khẳng định vị trí và vị thế xã hội của phụ nữ trong phát triển cộng đồng.

Cái gốc của bất bình đẳng nam nữ bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân căn bản nhất vẫn là kinh tế. Trong xã hội Cộng sản nguyên thủy, kinh tế gia đình do phụ nữ nắm giữ đã hình thành chế độ mẫu quyền. Đàn bà được xã hội tôn vinh và giữ địa vị thống trị đối với đàn ông. Ph.Ăng-ghe-ni viết: "kinh tế gia đình cộng sản - trong đó, phần đông phụ nữ, nếu không phải là tất cả phụ nữ, đều cùng thuộc một thị tộc duy nhất, còn đàn ông thì thuộc nhiều thị tộc khác nhau, - là cơ sở hiện thực của quyền thống trị của người đàn bà, cái quyền thống trị phổ biến khắp mọi nơi trong thời nguyên thủy" (1).

Lực lượng sản xuất phát triển dẫn đến sự ra đời chế độ tư hữu thay thế chế độ công hữu nguyên thủy. Loài người từ thời đại dã man

bước sang thời đại văn minh. Chế độ phụ quyền thay thế chế độ mẫu quyền. Dòng dõi tính theo đàn mẹ bị xóa bỏ, dòng dõi tính theo đàn cha và quyền kế thừa cha được xác lập. Từ đó con cái của những thành viên đàn ông sẽ ở lại

trong thị tộc, con cái của những thành viên đàn bà phải ra khỏi thị tộc. Để bảo đảm quyền thống trị của đàn ông đối với đàn bà và quyền kế thừa tài sản theo cha, hình thức gia đình một vợ một chồng cũng thay thế các hình thức gia đình trước đó. "Thắng lợi cuối cùng của gia đình một vợ một chồng là một trong những dấu hiệu của buổi đầu của thời đại văn minh. Gia đình ấy dựa trên quyền thống trị của người chồng, nhằm chủ đích là làm cho con cái sinh ra phải có cha để rõ ràng không ai tranh cãi được, và sự rõ ràng về dòng dõi đó là cần thiết, vì những đứa con đó sau này sẽ được thừa hưởng tài sản của cha với tư cách là những người kế thừa trực tiếp" (2). Theo Ph.Ăng-ghe-ni, đây là một trong những cuộc cách mạng triệt để nhất mà nhân loại đã trải qua một cách hòa bình và sự sụp đổ của chế độ mẫu quyền là sự thất bại lịch sử có tính chất toàn thể giới của nữ giới. Sự thống trị của đàn ông đối với đàn bà tồn tại qua các hình thái kinh tế - xã hội mà cơ sở của nó là *chế độ tư hữu, kể cả chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa trong thời đại ngày nay*. V.I. Lê-nin viết:

* Trung tâm Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1), (2) C.Mác - Ph.Ăng-ghe-ni: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 21, tr 83, 99

"Ở tất cả các nước văn minh, thậm chí cả các nước tiên tiến nhất, chị em phụ nữ đã ở vào tình trạng khiến cho người ta gọi họ một cách rất đúng là nô lệ gia đình. Không có một nước tư bản nào, dù là nước cộng hòa tự do nhất cũng vậy, mà ở đó chị em phụ nữ lại được hưởng quyền bình đẳng hoàn toàn" (3).

Nguyên nhân kinh tế của sự bất bình đẳng nam nữ trong các xã hội dựa trên chế độ tư hữu đã tác động đến nhận thức tư tưởng của con người, đến phong tục tập quán của xã hội. Người ta coi phụ nữ thấp kém hơn nam giới và phải lệ thuộc vào nam giới là một điều tự nhiên. Ngay những nhà tư tưởng lớn ở phương Đông thời cổ đại (xã hội nô lệ và xã hội phong kiến) như Khổng Tử, Thích Ca vẫn coi khinh phụ nữ. Phật giáo lúc đầu không nhận tín đồ là phụ nữ. Trong xã hội phong kiến, phụ nữ bị coi là ngoại tộc, không được kế thừa gia tài của bố mẹ mình. Phụ nữ chỉ lo việc sinh con đẻ cái, sinh con trai để nối dõi dòng họ nhà chồng, nếu không đẻ được con trai thì phạm tội bất hiếu lớn "bất hiếu hữu tam, vô hậu chi đại"; phụ nữ chỉ lo việc nội trợ, bếp núc phục vụ chồng con, không được tham gia công việc xã hội. Phụ nữ nếu bị chồng và gia đình nhà chồng ngược đãi, hành hạ thì đành cam chịu không dám phản kháng; lúc sống phải chung thủy với chồng, khi chồng chết phải ở vậy "thủ tiết" thờ chồng. Có như vậy mới không bị xã hội lên án là người đàn bà không có tiết hạnh.

Xã hội tư bản thừa nhận về mặt pháp lý quyền nam nữ bình đẳng nhưng trên thực tế, điều đó chỉ có thể có trong giai cấp tư sản thống trị, đa số phụ nữ khác trong xã hội quyền bình đẳng thật xa vời. Ở nước Mỹ ngày nay, nước tự cho mình là tự do, dân chủ nhất nhưng phụ nữ vẫn bị đối xử bất công. *Bạo lực trong gia đình* đối với phụ nữ nghiêm trọng hơn bất cứ nước nào trên thế giới. Hằng năm, có 6 triệu phụ nữ bị thương tích, khoảng 4

triệu phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình và 1/3 số phụ nữ mang thai bị đánh đập (4). Cho tới nay, Mỹ vẫn không tham gia Công ước quốc tế về việc loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ.

2. Trong xã hội tư bản, để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của nền đại công nghiệp, thu nhiều giá trị thặng dư do lao động làm thuê tạo ra cho giai cấp tư sản, lao động nữ được đưa vào sản xuất ngày càng nhiều, bởi vì tiền công trả cho lao động nữ thấp hơn so với nam giới. Tuy nhiên, việc lao động nữ được đưa vào sản xuất ngày càng nhiều đã tạo ra tiền đề kinh tế khách quan để thực hiện quyền bình đẳng nam nữ. Đương nhiên, quyền bình đẳng nam nữ chỉ có thể thực hiện được trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó phải được phụ nữ tích cực và chủ động tham gia. V.I. Lê-nin viết: "Giai cấp vô sản sẽ không đạt được tự do hoàn toàn, nếu không giành được tự do hoàn toàn cho phụ nữ" (5).

Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa sẽ xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa (nguyên nhân kinh tế của sự bất bình đẳng giữa nam và nữ), xây dựng một xã hội mới dựa trên chế độ công hữu, xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột, đem lại sự bình đẳng thật sự cho mọi thành viên xã hội, trong đó sự bình đẳng nam nữ, giải phóng phụ nữ khỏi công việc "bếp núc chật hẹp" trong gia đình, tạo mọi điều kiện để phụ nữ tham gia vào sản xuất và các mặt hoạt động của đời sống xã hội như nam giới. V.I. Lê-nin đã chỉ ra: "đấu tranh cho phụ nữ được quyền bình đẳng về mặt kinh tế và xã hội, chứ không phải chỉ bình đẳng về

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 37, tr 220

(4) Xem: Chu Hồng Thanh: *Tìm hiểu những vấn đề nhân quyền trong thế giới hiện đại*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1996

(5) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 40, tr 183

hình thức. Nhiệm vụ chủ yếu là lôi cuốn phụ nữ tham gia lao động sản xuất của xã hội, giải phóng chị em ra khỏi địa vị "nô lệ trong gia đình", ra khỏi địa vị bị lệ thuộc (cái địa vị làm cho họ ngu muội đi và hạ thấp con người họ) vào cảnh suốt đời chỉ có trông nom việc bếp núc và con cái" (6). Theo Lê-nin, đó là một cuộc đấu tranh lâu dài đòi hỏi phải *cải tạo một cách căn bản về nền kỹ thuật xã hội lẫn tập quán xã hội*.

Dưới thời Pháp thuộc Việt Nam là một nước thuộc địa nửa phong kiến, nhân dân bị áp bức bóc lột nặng nề, phụ nữ chịu nhiều nỗi thống khổ nhất. Do vậy, muốn giải phóng phụ nữ trước hết phải tuyên truyền vận động, giác ngộ nhân dân tham gia cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến. Cuộc cách mạng đó không thể thiếu vai trò của phụ nữ. "An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công" (7).

Ngay từ những ngày đầu cách mạng còn "trong trứng nước", Đảng ta đã tích cực vận động phụ nữ tham gia Hội Phụ nữ Cứu quốc, trở thành một lực lượng to lớn trong Mặt trận Việt Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phụ nữ đã góp phần quan trọng đưa cuộc Cách mạng Tháng Tám (1945) đến thành công, lập ra nước Việt Nam mới - nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ đây, địa vị của phụ nữ đã bắt đầu thay đổi. Phụ nữ được quyền tham gia bầu cử, ứng cử vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất (Quốc hội) như nam giới. Quyền bình đẳng nam nữ được ghi trong bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta và từng bước được thực hiện trong đời sống kinh tế - xã hội và trong gia đình.

Vai trò to lớn, quyền bình đẳng của phụ nữ với nam giới ngày càng được thể hiện rõ nét qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Phụ nữ Việt Nam, đã hăng hái tham gia phong trào thi đua "phụ nữ ba đảm đang", vừa giết giặc nơi tiền tuyến,

vừa bảo vệ hậu phương, tích cực tăng gia sản xuất, bảo đảm cho quân đội ta ăn no đánh thắng quân xâm lược. Nhiều bà mẹ với tình thần yêu nước cao cả đã động viên chồng con tòng quân giết giặc không sợ gian khổ hy sinh. Nhiều phụ nữ đã tham gia lực lượng dân quân, tự vệ, bắn rơi máy bay Mỹ đánh phá hậu phương lớn miền Bắc. Ở tiền tuyến lớn miền Nam, phụ nữ tích cực tham gia đánh địch bằng ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận). Đặc biệt "đội quân tóc dài" nổi tiếng, kiên cường, dũng cảm, mưu trí, sáng tạo trong cuộc đấu tranh chính trị trực diện với Mỹ - ngụy làm cho chúng phải khiếp sợ. Nhiều bà mẹ đã được Đảng và Nhà nước ta phong tặng danh hiệu cao quý: "Bà mẹ Việt Nam anh hùng". Một số chị em được phong tặng Anh hùng Lực lượng vũ trang và Anh hùng Lao động. Phụ nữ Việt Nam thật xứng đáng với tám chữ vàng: "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang" mà Đảng và Nhà nước khen tặng. Đánh giá về sự cống hiến của phụ nữ Việt Nam cho dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Trong cuộc kháng chiến to lớn của dân tộc ta, phụ nữ ta đang gánh một phần quan trọng"; "Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ" (8).

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, phụ nữ nước ta cũng đã và đang phấn đấu để được tôn trọng, được bình đẳng với nam giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Bản thân phụ nữ được giác ngộ, có ý thức vươn lên nhưng đồng thời cần có sự quan tâm chia sẻ của nam giới từ nhận thức, thái độ đến hành vi. Cần phải thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh: *nếu không*

(6) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 40, tr 222

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 2, tr 289

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 431, 432

giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa.

3. Sau gần 20 năm đổi mới toàn diện, đất nước ta đã thu được nhiều thành tựu quan trọng, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Thành công này có được nhờ đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng và công sức của toàn dân trong đó hơn phần nửa dân số là phụ nữ. Chị em đã tích cực tham gia phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đội ngũ những nhà doanh nghiệp trẻ, năng động, sáng tạo có không ít gương mặt tài giỏi của chị em phụ nữ. Trên các lĩnh vực khác như: chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao đều có phụ nữ tham gia. Nhiều chị em đã thể hiện tài năng, đức độ của mình không thua kém nam giới.

Phụ nữ nước ta ngày càng bình đẳng với nam giới trong gia đình và ngoài xã hội. Điều đáng quý là tuy tham gia ngày càng nhiều vào các mặt của đời sống xã hội, nhưng chị em vẫn làm tròn thiên chức của người mẹ trong việc chăm sóc nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình văn minh, hạnh phúc "giỏi việc nhà đảm việc nước", phát huy truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam. Tuy nhiên, trong xã hội ta, tư tưởng trọng nam khinh nữ và những phong tục tập quán lạc hậu gắn với tư tưởng đó chưa phải đã bị xóa bỏ. Hiện vẫn còn nhiều chị em bị đối xử bất công so với nam giới. Bệnh gia trưởng, coi thường phụ nữ vẫn còn tồn tại ở gia đình và xã hội. Tư tưởng thủ cựu, hẹp hòi của nam giới không muốn để phụ nữ làm cấp trưởng còn diễn ra trong các cơ quan, đoàn thể; hành vi gia trưởng, độc đoán, lấn át vợ trong gia đình, bạo lực gia đình đối với phụ nữ vẫn còn xảy ra, nhất là ở nông thôn, ở các vùng sâu, vùng xa. Phần nhiều chị em vẫn còn tư tưởng tự ti, an phận thủ thường. Chính vì vậy, giải phóng phụ nữ, tiến tới bình đẳng nam nữ là một cuộc cách mạng hết sức khó

khăn, bền bỉ "Vì nó ăn sâu trong đầu óc của mọi người, mọi gia đình, mọi tầng lớp xã hội... Vũ lực của cuộc cách mạng này là sự tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hóa, pháp luật. Phải cách mạng từng người, từng gia đình, đến toàn dân. Dù to và khó nhưng nhất định thành công" ⁽⁹⁾.

Điều quan trọng là phải tiếp tục nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và trong toàn xã hội về công tác phụ nữ và vấn đề bình đẳng giới. Khẩn trương thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và công tác cán bộ nữ trong tình hình mới; lồng ghép vấn đề giới trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình kế hoạch chung. Coi trọng các chính sách xã hội, các chính sách về giới để giảm nhẹ lao động nặng nhọc cho phụ nữ. Nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp cho phụ nữ. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp.

Đẩy mạnh giáo dục truyền thông làm chuyển đổi nếp nghĩ, thói quen và hành vi ứng xử chưa công bằng đối với phụ nữ. Có như thế, mục tiêu giải phóng phụ nữ và bình đẳng giới mới sớm được thực hiện, tạo điều kiện cho chị em vươn tới tiến bộ và phát triển, đóng góp vào sự nghiệp đổi mới xã hội, thực hiện quyền sống tự do, hạnh phúc của chính mình.

Sự tiến bộ của phụ nữ không chỉ là lợi ích riêng của phụ nữ, của gia đình mà còn là lợi ích chung của quốc gia, của xã hội. Phần đầu vì sự tiến bộ của phụ nữ chính là phải tạo điều kiện để họ phát huy tốt hơn nữa mọi tiềm năng sáng tạo của mình, tham gia tích cực vào các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, góp phần xây dựng đất nước giàu đẹp, phồn vinh. □

(9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 433



VỀ ĐẤT ĐAI VÀ VẤN ĐỀ ĐẤT SẢN XUẤT CỦA NHÂN DÂN

VŨ NGỌC KỲ *

ĐẤT đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực, nguồn vốn to lớn của đất nước, có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng như Luật Đất đai được ban hành qua các thời kỳ đều rất chú trọng, bổ sung, hoàn chỉnh nhiều lần việc sử dụng đất đai bảo đảm, nhằm hoàn thiện, phù hợp với chủ trương của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước về đất đai trong từng giai đoạn cũng như lâu dài.

Luật Đất đai được ban hành năm 2003 quy định: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu. Nhà nước thực hiện quyền quyết định đối với đất đai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, về hạn mức giao đất và thời gian sử dụng đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, định giá đất, điều tiết các nguồn lợi từ đất, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thu thuế sử dụng đất, thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, điều tiết phần giá trị tăng thêm từ đất mà không do đầu tư của người sử dụng đất mang lại. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua hình thức giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người đang sử dụng đất

ổn định, quy định quyền về nghĩa vụ, trách nhiệm của người sử dụng đất. Khi Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất, mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì người bị thu hồi đất được bồi thường (theo đúng luật quy định). Người bị thu hồi đất, được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi. Đồng thời Nhà nước cần xây dựng khu tái định cư cho số hộ không còn đất ở, với điều kiện phát triển bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ. Luật Đất đai đã quy định đầy đủ quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đai cũng như quyền và trách nhiệm của Nhà nước trong việc giao đất đai cũng như thu hồi quyền sử dụng đất.

Nước ta là nước nông nghiệp, với 70% số dân là nông dân, lao động nông nghiệp chiếm 76% tổng số lao động cả nước. Nông dân nước ta giàu lòng yêu nước và nhiệt tình cách mạng, lao động cần cù, sáng tạo, là đội quân chủ lực trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước.

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam

Các thể hệ nông dân đã kiên trì khắc phục thiên tai, giữ vững và phát triển sản xuất, bảo đảm cuộc sống của cả cộng đồng dân tộc; đồng thời đấu tranh kiên cường chống áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến để giành độc lập, tự do xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và giải phóng bản thân mình.

Đất đai là một loại tư liệu sản xuất có ý nghĩa quyết định hàng đầu đối với việc phát triển sản xuất và sinh hoạt của nông dân. Nó quyết định cuộc sống của nông dân. Đất đai và nông dân gắn kết chặt với nhau một cách tự nhiên. Quan niệm và thực tiễn "tấc đất tấc vàng" đã trở thành tiềm thức và lối sống của nhân dân ta. Nó cũng là một trong những yếu tố cơ bản nhất dẫn đến những diễn biến trong tâm lý nông dân. Trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng ta đã hết sức coi trọng vấn đề nông dân, đề ra khẩu hiệu có sức động viên, cổ vũ to lớn: "Độc lập dân tộc, người cày có ruộng". Bảy mươi lăm năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân nước ta đã tiếp nhận khẩu hiệu đó như lẽ sống của mình, tự nguyện đứng dưới ngọn cờ của Đảng, cùng toàn dân viết lên những trang sử vẻ vang của dân tộc ta. Do vậy, nhận thức của nông dân về vấn đề này là một "hành trang" cơ bản và quan trọng trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Quan niệm cho rằng, nông dân nhất thiết phải có đất đai mới phát triển được sản xuất và mới bảo đảm được cuộc sống gia đình đã phản ánh cách suy nghĩ truyền thống của nông dân (phải bám lấy ruộng đất) và nó cũng cho thấy một tình hình là nông dân chưa hướng nhiều đến việc phát triển sản xuất bằng các hoạt động khác như các ngành nghề phụ, hoạt động kinh doanh dịch vụ - những hoạt động có hiệu quả cao hơn nhiều so với sản xuất nông nghiệp thuần túy. Những hạn chế về mặt nhận thức này cần được thay đổi trong bối cảnh đầy

nhANH tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cũng như đô thị hóa, việc phải chuyển một số diện tích đất nhất định sang xây dựng các khu công nghiệp và khu đô thị mới là tất yếu. Song, việc sử dụng đất phải theo quy hoạch và kế hoạch được Nhà nước xác định, đồng thời phải tiết kiệm đất, sử dụng đất theo đúng các quy định của Luật Đất đai.

1 - Tình hình sử dụng đất đai hiện nay

Hiện nay, nước ta có tổng diện tích đất đai tự nhiên khoảng 32,9 triệu ha, trong đó đất nông nghiệp là 9,3 triệu ha; đất lâm nghiệp khoảng 11,5 triệu ha, đất chuyên dùng 1,5 triệu ha, đất nhà ở 433 ngàn ha, đất chưa sử dụng, sông suối, núi đá khoảng 10 triệu ha. Trong những năm qua, chúng ta đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, sử dụng đất đai để quản lý và sử dụng. Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản về quản lý đất đai trong nông nghiệp, phân công, phân cấp khá hiệu quả việc quản lý và sử dụng đất đai. Đến nay, cả nước đã hoàn thành việc giao đất cho các hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở nông thôn theo quy định của pháp luật. Đất nông nghiệp bình quân theo đầu người chỉ có 1.224m²; bình quân cho nhân khẩu nông nghiệp cũng chỉ được 1.600m², nhưng giữa các vùng lại rất khác nhau (Tây Nguyên là 4.173m², đồng bằng sông Hồng là 633m²). Trong những năm qua, đất đai của nước ta đã được sử dụng có hiệu quả kinh tế cao hơn. Tuy bình quân diện tích đất nông nghiệp thấp, nhưng do đầu tư các yếu tố kỹ thuật và giống cây trồng tốt nên nông dân không những đã sản xuất đủ lương thực, thực phẩm cung cấp đủ cho nhu cầu trong nước, mà tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm từ nông nghiệp ngày càng tăng.

Do tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa nhanh, cộng với ở nhiều nơi không có quỹ đất dự phòng, số nhân khẩu nông nghiệp tăng nhanh, sự chuyển dịch lao động nông nghiệp sang ngành nghề khác chậm... dẫn tới một bộ phận nông dân thiếu đất hoặc không có đất sản xuất. Mức độ phát triển công nghiệp và đô thị hóa ở các vùng, các tỉnh, thành cũng khác nhau, do đó số nông dân không còn đất sản xuất cũng khác nhau. Ở các thành phố lớn, các tỉnh có tốc độ đô thị hóa nhanh, số hộ nông dân không còn đất chiếm tỷ lệ lớn so với cả nước, như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên, v.v.. Theo thống kê, hàng năm, bình quân cả nước có hàng ngàn héc ta đất nông nghiệp do Nhà nước thu hồi để xây dựng khu công nghiệp, đô thị mới. Theo báo cáo chưa đầy đủ của 57 Hội Nông dân các tỉnh, thành phố, có hơn 30 vạn hộ nông dân không còn đất sản xuất hoặc có nhưng sản xuất không ổn định: An Giang có 17% số hộ nông nghiệp không có đất, Long An là 7,8%, Sóc Trăng là 5,6%, Bến Tre là 6,62%, v.v..

Thực hiện chủ trương của Đảng, thi hành Luật Đất đai và các quyết định của Chính phủ, trong những năm qua, các cấp, các ngành đã chú trọng quản lý, sử dụng đất đai có hiệu quả; thực hiện nhiều chính sách đối với hộ nông dân được thu hồi đất, trong đó có việc bố trí lại đất đai (nơi còn đất) cho hộ nông dân không có đất. Ở các tỉnh Tây Nguyên, hàng vạn hộ đã được giải quyết đất sản xuất. Hệ thống kết cấu hạ tầng ở nông thôn được xây dựng khá hơn, việc xác lập và xây dựng các khu tái định cư cũng như các chính sách đền bù tương đối thỏa đáng v.v.. Những yếu tố đó đã góp phần thúc đẩy sản xuất và ổn định chính trị, kinh tế, xã hội ở nông thôn.

Tuy nhiên, ở một số nơi chưa thực hiện tốt chủ trương của Đảng cũng như việc thi hành

Luật Đất đai và các quyết định của Chính phủ, cộng với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra với tốc độ nhanh, đã làm cho số hộ nông dân không còn đất sản xuất tăng nhanh. Tình trạng lao động không có việc làm đối với những hộ bị thu hồi đất và lao động dư thừa trong nông thôn ngày một tăng. Ở một số nơi, do việc buông lỏng quản lý, sử dụng đất của chính quyền cơ sở, nên đã xảy ra tình trạng tranh chấp đất đai trong nội bộ nhân dân. Một bộ phận nông dân, do chưa hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nên không giao đất cho Nhà nước, khiếu kiện đông người, vượt cấp đã diễn ra, có nơi trở thành "điểm nóng", gây nên những vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự ở nông thôn. Bên cạnh đó, việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất, ngành nghề và cơ cấu lao động ở nông thôn rất chậm chạp. Tại Hưng Yên, trong 5 năm (1999 - 2003), tỉnh đã thu hồi 1.271 ha đất nông nghiệp chuyển sang các mục đích khác. Toàn tỉnh có 404 doanh nghiệp trong đó có 236 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Theo kế hoạch, có thể thu hút 50 ngàn lao động, nhưng các doanh nghiệp hiện nay đang trong quá trình xây dựng cơ bản hoặc mới vào sản xuất, trong khi đó người nông dân do được thu hồi đất nên thiếu việc làm lại chưa được đào tạo nghề phù hợp, nên chưa bố trí tham gia lao động công nghiệp tại các nhà máy, xí nghiệp. Các huyện Văn Lâm, Yên Mỹ, Mỹ Hào là những địa bàn có nhiều doanh nghiệp nhất, nhưng mới chỉ có khoảng từ 15 đến 20% số hộ bị thu hồi đất có người được nhận vào làm việc trong các doanh nghiệp.

Bình quân đất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng thấp, chỉ có 633m² cho một nhân khẩu nông nghiệp, do đó quỹ thời gian lao động dư thừa khoảng 25%; dạy nghề mới đạt 8%. Trong những năm qua, Hội Nông dân đã phối hợp với các ngành đào tạo nghề cho

trên 15 vạn nông dân, tạo cơ hội để nông dân chuyển sang ngành nghề mới và tay nghề được nâng cao hơn để đáp ứng với yêu cầu của sản xuất hàng hóa.

2 – Hội Nông dân với vấn đề đất đai

Hội Nông dân Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội, đại diện cho quyền lợi của giai cấp nông dân, có tổ chức ở tất cả các tỉnh, thành phố, từ trung ương đến cơ sở, với trên 9 triệu hội viên. Trong những năm đổi mới vừa qua, Hội Nông dân Việt Nam đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ là vận động tập hợp nông dân phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới, tham gia củng cố quốc phòng và an ninh ở cơ sở; tích cực tham gia thực hiện Luật Đất đai, phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc sử dụng, quản lý, giám sát thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về đất đai. Ở những nơi xây dựng khu công nghiệp, đô thị hóa, các cấp Hội Nông dân đã vận động nông dân chấp hành việc thu hồi, đền bù và giải phóng mặt bằng, giao đất cho các đơn vị chủ đầu tư, khi có những vấn đề nảy sinh phức tạp, đã kịp thời vận động và phối hợp với chính quyền và các cơ quan chức năng giải quyết có lý, có tình, đạt hiệu quả cao.

Hội Nông dân đã tích cực vận động hội viên, nông dân thực hiện chương trình dồn điền đổi thửa, gắn với phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, hình thành các vùng thâm canh, luân canh, các cánh đồng có thu nhập cao. Tích cực đẩy mạnh phát triển kinh tế tổng hợp và sản xuất hàng hóa. Đẩy mạnh phong trào nông dân thi đua sản xuất giỏi, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ quản để phát triển ngành nghề truyền thống, hình thành các làng nghề mới, chuyển nghề vào các làng nghề thuần nông. Tổ chức xây dựng câu lạc bộ nông

dân sản xuất giỏi, hình thành các mô hình liên kết "4 nhà" (nhà nông, Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học).

Thực hiện Chỉ thị 26 - CP của Thủ tướng Chính phủ về *Hội Nông dân tham gia giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân*, Hội đã phối hợp với các ngành, các cấp nâng cao nhận thức về pháp luật và trình độ pháp lý cho nông dân; đã tổ chức được gần 110 ngàn cuộc phổ biến giáo dục pháp luật cho khoảng 5 triệu lượt hội viên, nông dân. Biên soạn nhiều tài liệu phổ biến chính sách pháp luật, trong đó đã phát hành trên 30 ngàn cuốn sổ tay phổ biến pháp luật cho nông dân bằng ba thứ tiếng: Kinh, Khơ Me, Mông. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, hòa giải tại chỗ được các cấp Hội hết sức quan tâm. Trong hơn hai năm qua, các cấp hội đã tiến hành hòa giải được 76.280 vụ việc, trong đó chủ yếu là khiếu kiện, tranh chấp về đất đai. Hội Nông dân còn tập trung phối hợp với chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và địa phương giải quyết thành công gần 200 "điểm nóng" có những vấn đề phức tạp... Do tích cực giáo dục và vận động hội viên, nông dân nên số vụ khiếu kiện của nông dân đã giảm rõ rệt.

3 – Những vấn đề cần quan tâm giải quyết

Là một nước có gần 80% số dân sống bằng nông nghiệp và sống ở nông thôn, do vậy, các chính sách về đất đai của Đảng và Nhà nước có ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ, tâm trạng, tính tích cực hoạt động của nông dân. Về vấn đề đất đai, giải pháp đối với hộ nông dân không còn đất sản xuất, cần giải quyết một số chính sách, biện pháp cụ thể sau:

1 - Trước tình trạng nông dân thiếu đất sản xuất ngày càng có xu hướng tăng, việc giao đất không chỉ dừng lại ở việc ưu tiên cho người có hộ khẩu trong vùng, khu vực, địa phương, mà có thể mở rộng cho các đối tượng nghèo không

có ruộng trong cả nước với những biện pháp quản lý chặt chẽ về mặt pháp lý. Đối với vùng đất rừng, đồi núi tiện đường giao thông, có kết cấu hạ tầng tương đối tốt, nên giao cho hộ nông dân chưa có ruộng đất. Hội Nông dân các cấp tiếp tục vận động hội viên, nông dân nâng cao nhận thức và thi hành luật pháp nói chung và luật đất đai nói riêng. Hội chủ động phối hợp với chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở địa phương để hòa giải, giải quyết các vấn đề mâu thuẫn phát sinh trong nông thôn, nhất là những vấn đề về đất đai.

2 - Đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt, không sinh sôi nảy nở thêm. Vì vậy, phải có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có hiệu quả, nâng cao độ phì của đất, bồi bổ đất, để đất ngày càng có hiệu quả kinh tế cao. Phải sử dụng đất tiết kiệm, hạn chế sử dụng đất 2 vụ lúa vào xây dựng khu công nghiệp, đô thị. Quy hoạch khu công nghiệp và đô thị vào đất đồi, bãi đầm lầy (đất địa tô chênh lệch thấp), nơi xa đô thị, xa trung tâm thì mở đường giao thông và chuyển các dịch vụ về gần với nông thôn, nông dân hơn. Thật cần thiết mới sử dụng đến đất tốt, đất trồng cây lương thực.

Quy hoạch sử dụng đất để xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị mới cần thông báo sớm, một cách công khai để cho nhân dân được biết. Các cấp ủy, chính quyền, các đơn vị nhận đất cần phối hợp với các đoàn thể nhân dân, trong đó Hội Nông dân các cấp là nòng cốt để tiến hành các thủ tục cần thiết và tuyên truyền các chủ trương của Đảng, Nhà nước về đất đai, nhằm hạn chế việc khiếu kiện trong nông dân. Việc thu hồi đất nên theo nguyên tắc: nhu cầu đất đến đâu thì thu hồi đất đến đó. Đền bù, giải phóng mặt bằng theo giá của Nhà nước quy định và tính đến yếu tố giá cả của thị trường trong từng thời điểm nhất định, theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân, cho người có đất được thu hồi.

3 - Tổ chức tốt việc tái định cư cho hộ nông dân sau khi thu hồi đất đến ở các vùng xen kẽ với các hộ nông dân trong làng, xã (nếu còn quỹ đất sản xuất), tạo cơ hội cho họ có đất đồi rừng hoặc một phần đất sản xuất của nông dân khác nhường lại, giúp họ yên tâm sản xuất. Các khu tái định cư cũng nên gần làng quê, dòng họ của các hộ nông dân đã sống, gắn bó nhiều đời.

4 - Đối với hộ nông dân không còn đất sản xuất, hoặc còn ít đất, không đủ để sản xuất ra các sản phẩm bảo đảm cho cuộc sống gia đình, các cấp ủy, chính quyền các cấp, các đoàn thể nhân dân cần quan tâm, chăm lo, tạo điều kiện cho họ có việc làm mới để có thu nhập ngay trên địa bàn như chuyển nghề mới, cho họ vào làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp ngay trên mảnh đất họ đã giao cho Nhà nước hoặc lân cận trong vùng với phương châm "ly nông, bất ly hương". Nhà nước giao cho Hội Nông dân chủ trì phối hợp với các ngành để đào tạo nghề mới miễn phí cho nông dân, để họ có thể chuyển sang lao động trong các lĩnh vực khác. Cải cách chính sách cho vay vốn ưu đãi để họ chuyển nghề và ưu tiên con cái họ về học tập, công ăn, việc làm sau khi ra trường. Hội Nông dân cần phối hợp với chính quyền, các doanh nghiệp được giao đất vận động hộ nông dân dùng tiền đền bù đất tham gia đóng góp cổ phần vào xí nghiệp, nhà máy trên vùng đất của họ trước đây hoặc giúp đỡ, hỗ trợ họ sử dụng vốn hiệu quả, đầu tư sản xuất vào nghề mới. Các hộ nông dân có nhu cầu tới các vùng quê khác, cần có chính sách hỗ trợ trong việc di dân, định canh, định cư. Hội Nông dân Việt Nam, đại diện lợi ích thiết thực của giai cấp nông dân cần tham gia tích cực để vận động, tư vấn, giúp đỡ hội viên, nông dân nói chung và hộ nông dân thiếu đất hoặc không còn đất nói riêng, nhằm tạo cơ hội tốt cho nông dân tham gia tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. □

ĐẾN nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 168 nước và vùng lãnh thổ; có quan hệ thương mại với 165 quốc gia và vùng lãnh thổ, trở thành đối tác tin cậy của các cơ quan tài chính quốc tế như Tổ chức tiền tệ thế giới, Ngân hàng thế giới, Ngân hàng châu Á. Chúng ta đã thực hiện có hiệu quả đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Việt Nam đã tham gia hầu hết các công ước quốc tế cơ bản về quyền con người. Đó là "Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng", "Công ước quốc tế về loại trừ các hình thức phân biệt chủng tộc", "Công ước quốc tế về ngăn chặn và trừng trị tội ác A-pác-thai - phân biệt chủng tộc", "Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa", "Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị", "Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ" và "Công ước về quyền trẻ em" cùng với hai nghị định thư của Công ước này. Uy tín của Việt Nam trên lĩnh vực bảo đảm quyền con người được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi, Việt Nam đã được bầu vào Ủy ban Nhân quyền của Liên hợp quốc, nhiệm kỳ 2001 - 2003 và được cộng đồng quốc tế đánh giá "là một trong những nước có thành tích xóa đói giảm nghèo nhanh nhất", là một trong số ít quốc gia an ninh được bảo đảm tốt nhất.

Những thành tựu cơ bản trong việc bảo đảm quyền con người ở nước ta thời kỳ đổi mới

CAO ĐỨC THÁI *

Việc bảo đảm quyền con người ở nước ta không chỉ bằng những quy định trong pháp luật hoặc trong một số chính sách nhất định mà bằng cả một hệ thống các thể chế. Đó là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà một trong những đặc trưng của nó là bảo đảm quyền bình đẳng giữa người dân với người dân; giữa người dân với cơ quan nhà nước và công chức; đó là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với sự đa dạng về sở hữu và thành phần kinh tế. Trên giác độ quyền con người, điểm quan trọng là sự thừa nhận quyền sở hữu của tất cả mọi người và quyền tự do sản xuất kinh doanh. Với việc bảo hộ của nhà nước hai quyền này, lần đầu tiên cơ sở kinh tế của quyền con người được xác lập trong thực tế.

Về mặt xã hội, trong thời kỳ đổi mới các tổ chức xã hội, bao gồm các tổ chức xã hội - chính trị, xã hội và xã hội nghề nghiệp phát triển hơn bao giờ hết. Theo thống kê chưa

* TS, Giám đốc, Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

đầy đủ, ở Việt Nam hiện có 6 tổ chức chính trị - xã hội, hàng trăm tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Cả nước hiện có 18.259 tổ chức xã hội ở cấp tỉnh. Đây là môi trường thuận lợi trong việc bảo đảm các quyền tự do, dân chủ; quyền tham gia vào công việc quản lý xã hội và nhà nước của nhân dân.

Như vậy, *trong thời kỳ đổi mới, các quyền và tự do của con người được phát huy và bảo đảm vững chắc bởi các thể chế – Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xã hội công dân và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Thành tựu nổi bật của chúng ta trên lĩnh vực nhân quyền trước hết là việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, bao gồm cả Hiến pháp năm 1992, pháp lệnh, nghị định, hướng vào việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đây là sự bảo đảm vững chắc các quyền và tự do cơ bản của người dân.

Theo thống kê, từ 1986 đến nay, Quốc hội đã thông qua trên 40 bộ luật và các luật, trong đó có những bộ luật lớn trực tiếp bảo đảm các quyền con người như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Chăm sóc, Giáo dục, Bảo vệ trẻ em, Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo...

Từ năm 1998, Đảng đề xuất chủ trương thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở với phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Với Quy chế này, quyền dân chủ, quyền làm chủ của người dân trên mọi mặt đời sống của xã hội từ chính trị đến kinh tế, văn hóa, xã hội đã được bảo đảm và phát huy trong thực tế.

Kế thừa Hiến pháp và pháp luật các thời kỳ trước đây, những nguyên tắc cơ bản bảo đảm quyền con người đã được thể chế hóa ngày càng cụ thể hơn trong pháp luật thời kỳ đổi

mới. Đó là: nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ trên các lĩnh vực chính trị, dân sự. Nguyên tắc bình đẳng giới đã được xem là một nguyên tắc xuyên suốt pháp luật quốc gia. Hơn nữa chính sách, pháp luật Việt Nam còn giành những ưu tiên đặc biệt cho phụ nữ. Nguyên tắc bình đẳng giới đã có từ trước khi đổi mới. Cái mới trong giai đoạn hiện nay là pháp luật đã cụ thể hóa nguyên tắc này. Ví dụ như quyền sở hữu bất động sản, quyền tự do kinh doanh, quyền giao kết và thực hiện hợp đồng... trước đây chỉ ghi tên chồng, nay có cả tên vợ, nữ giới bình đẳng với nam giới.

Vai trò của phụ nữ trong hoạt động chính trị, xã hội ngày càng được đề cao. Tỷ lệ nữ trong Quốc hội từ khóa VIII đến nay (khóa XI) tăng liên tiếp từ 17%, 18,4%, 26,22%, 27,31%. Xét trên tiêu chí nữ tham gia Nghị viện hiện nay Việt Nam đứng thứ 2 trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thứ 9/135 quốc gia trên thế giới.

Chúng ta cũng thấy, các nguyên tắc quan trọng đang bảo vệ con người đã được ghi nhận và thực hiện: *Nguyên tắc cấm hồi tố trong Luật Hình sự đã được bảo vệ*. Đây được xem là nội luật hóa một nguyên tắc của luật quốc tế về quyền con người (Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, 1966). *Nghiêm cấm tra tấn, nhục hình và đối xử vô nhân đạo, quyền tự do và bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở, thư tín... đã được ghi nhận trong pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài ở Việt Nam được tôn trọng. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tự do ngôn luận của công dân được bảo đảm ngày càng tốt hơn*.

Năm 1990, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 24 về Công tác tôn giáo, trong đó xác định: "Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân". Nghị quyết Hội nghị

lần thứ 7 khóa IX của Đảng đã xác định: Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ đổi mới, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được bảo đảm tốt hơn; đồng thời, Nhà nước ta cũng đã có biện pháp ngăn chặn các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo để phá hoại sự nghiệp đại đoàn kết của nhân dân.

Đến nay, Việt Nam có 18.358.345 người có đạo (bằng 24% dân số). Các cơ sở đào tạo chức sắc của nhiều tôn giáo được mở rộng đáng kể. Phật giáo hiện có 3 học viện, 4 lớp cao đẳng, 30 trường trung cấp, 37 trường sơ cấp Phật học với hàng vạn tăng sinh. Công giáo có 6 đặc chủng viện với 1.044 giáo sinh. Các đại diện của tôn giáo đã có mặt trong các cơ quan quyền lực các cấp (Quốc hội, Hội đồng nhân dân).

Đáng chú ý là *quyền tự do ngôn luận, báo chí* trong Hiến pháp năm 1992 được mở rộng và cụ thể hơn các Hiến pháp trước. Điều 69 ghi nhận: "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin, có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật". Luật Báo chí năm 1989, Điều 2 quy định: "Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí và không một tổ chức, cá nhân nào được hạn chế, cản trở báo chí, nhà báo hoạt động. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của nhà nước, tập thể và công dân". Luật Báo chí sửa đổi năm 1999 còn quy định báo chí "không bị kiểm duyệt"...

Dựa trên quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, báo chí nước ta đã có sự phát triển vượt bậc, phản ánh quyền rộng rãi về ngôn luận, báo chí của

nước ta. Đến nay, Việt Nam có trên 7 ngàn hội viên Hội Nhà báo. Hội Nhà báo Việt Nam là thành viên của Tổ chức báo chí ASEAN (CAJ), Tổ chức quốc tế các nhà báo (OIJ); Việt Nam có trên 600 ấn phẩm các loại với trên 565 triệu bản/năm. Trong đó có 63 báo trung ương, 97 báo địa phương, 20 tạp chí đối ngoại. Từ năm 1997, In-tơ-nét được đưa vào sử dụng. Mặc dù chúng ta đang đứng trước nhiều khó khăn thách thức trong việc quản lý, sử dụng nó song sự phát triển nhanh chóng của nó và các phương tiện viễn thông, tin học đã tạo ra một môi trường thuận lợi to lớn trong việc đáp ứng quyền tự do ngôn luận, báo chí, tự do thông tin ở Việt Nam.

Sóng phát thanh, truyền hình đã phủ tới trên 90% các vùng. Những điểm "lỗm" không có sóng đang được khắc phục. Theo chương trình quốc gia đến năm 2005, tất cả các vùng trên cả nước đều được phủ sóng phát thanh, truyền hình. Ngôn ngữ một số dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Tây Nguyên đã được sử dụng trong các chương trình phát thanh, truyền hình ở một số địa phương.

Trên lĩnh vực bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc chung sống trên lãnh thổ Việt Nam theo Hiến pháp, pháp luật, chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Số đại biểu Quốc hội thuộc các dân tộc thiểu số ngày càng cao. Trong cơ cấu tổ chức của Quốc hội, cơ quan đại diện các dân tộc, Hội đồng dân tộc có vị trí rất cao. Đời sống của đồng bào thiểu số đã được cải thiện rõ rệt, kết cấu hạ tầng đã được cải thiện đáng kể, đường ô tô đã đến hầu hết các trung tâm xã. Điện lưới quốc gia đã đến 98% số huyện, và 64% số xã. Chương trình quốc gia 135 đã cung cấp trên 3.222 tỉ đồng, giúp đồng bào phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Công tác định canh, định cư đã đạt được thành tích quan trọng, 2 triệu trong tổng số 3 triệu dân du canh, du cư đã định cư, ổn định đời sống. Nhà nước đã dành

cho đồng bào các dân tộc thiểu số nhiều ưu đãi, như chính sách *cử tuyển* vào các trường đại học và cao đẳng. Hiện có trên 6.000 con em được hưởng chế độ này. Số trường dân tộc nội trú trên cả nước là 393 trường với 60.000 con em đồng bào được nuôi dưỡng và học tập không mất tiền.

Ở khía cạnh khác, các quyền con người về kinh tế - xã hội và giáo dục, chăm sóc sức khỏe trong thời kỳ đổi mới được nâng cao hơn bất cứ thời kỳ lịch sử nào.

Quyền về kinh tế, Hiến pháp năm 1992 đã quy định bảo đảm quyền sở hữu và quyền thừa kế của tất cả mọi người. Gắn liền với cơ cấu sở hữu đa thành phần, *quyền tự do trong sản xuất, kinh doanh* cũng được bảo đảm. Tính đến tháng 9-2003, cả nước có hơn 127.000 doanh nghiệp tư nhân, tạo thêm nhiều triệu việc làm mới cho người lao động. Đáng chú ý là các thủ tục phiền hà đã được giảm đáng kể. Để xin được giấy phép thành lập doanh nghiệp trước đây phải mất hơn 3 tháng (98 ngày) nay còn 7 ngày. Chính phủ đã bãi bỏ trên 150 giấy phép mang tính trói buộc, quan liêu. Kinh tế trang trại cũng phát triển mạnh mẽ. Chương trình quốc gia về việc làm theo Quyết định 126 (năm 1998) của Thủ tướng Chính phủ đã đem lại hiệu quả to lớn. Tính từ năm 1996 đến năm 2000, số người được giải quyết việc làm là trên 6 triệu người.

Thành tựu nổi bật nhất trên lĩnh vực bảo đảm quyền kinh tế, đó là kết quả thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo. Từ năm 1999 đến năm 2001, chỉ tính riêng Chương trình 135, Nhà nước đã đầu tư 1.100 tỉ đồng; các bộ, ngành, địa phương đã đầu tư 800 tỉ đồng để xây dựng kết cấu hạ tầng cho 1.000 xã đặc biệt khó khăn. Ngân hàng chính sách xã hội đã cho hàng triệu hộ nghèo vay vốn. Số tiền cho vay trong năm 2002 đã lên tới 2.300 tỉ đồng. Kết quả là, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm đi nhanh chóng.

Nếu như năm 1986, cả nước có tới gần 50% số hộ nghèo thì đến nay chỉ còn 11%.

Quyền về giáo dục, Nhà nước ta đã tạo ra mô hình giáo dục mới, huy động được nhiều nguồn lực để phát triển giáo dục và xây dựng được hệ thống giáo dục hoàn chỉnh từ mầm non đến đại học và sau đại học. Nếu như năm 1986 nước ta mới có 98 trường đại học, nay đã có 198 trường, trong đó có 23/198 trường đại học, cao đẳng dân lập. Theo thống kê, 100% các tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn phổ cập tiểu học và xóa mù chữ, một số tỉnh, thành phố đang bắt đầu thực hiện chương trình phổ cập trung học cơ sở.

Quyền được chăm sóc sức khỏe của nhân dân, về cơ bản, hệ thống các cơ sở y tế quốc gia đã hình thành với 5 tuyến: xã, huyện, tỉnh, thành phố và trung ương, đó là chưa kể các cơ sở y tế quân đội, công an và của nhiều bộ, ngành. Việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em đã đạt được thành tích đáng kể. Đến nay, 6 bệnh: lao, sởi, ho gà, bạch hầu, uốn ván, bại liệt đã được loại trừ về cơ bản. Có 94,6% các cháu nhỏ được sử dụng thuốc dự phòng. Năm 2000, nước ta được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) ghi nhận đã xóa được bệnh bại liệt và uốn ván ở trẻ sơ sinh. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm liên tục trong nhiều năm. Từ chỗ 51,5% các cháu suy dinh dưỡng vào năm 1986, đến năm 2000 chỉ còn 33%. Đối với người nghèo, Nhà nước đã chi từ ngân sách giúp khám chữa bệnh, số tiền lên tới 520 tỉ đồng (năm 2003). Chỉ tính riêng ở 20 tỉnh phía Nam chính quyền địa phương đã mua 1.600.218 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo.

Theo thống kê của Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam có hai điểm tích cực, đó là thứ tự xếp hạng tăng liên tục hàng năm và cao hơn thứ tự xếp hạng phát triển kinh tế. Điều này nói lên rằng, đường lối, chính sách kinh tế - xã hội của Việt Nam

hướng vào con người đã đạt được hiệu quả rõ nét.

*
* *

Hai mươi năm, kể từ khi đất nước ta bắt đầu công cuộc đổi mới đến nay không phải là một quãng thời gian dài so với lịch sử cách mạng Việt Nam, song nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn về quyền con người, trên tất cả các mặt: dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Có thể nói, chưa bao giờ người dân Việt Nam lại được thụ hưởng các quyền con người cao như giai đoạn này. Sở dĩ có được những thành tựu đó vì:

Thứ nhất, đường lối, chính sách, pháp luật nước ta nhất quán hướng vào mục tiêu độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và hạnh phúc của con người.

Thứ hai, Đảng ta đã phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, nắm vững bản chất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội với ba thể chế xã hội. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và xã hội công dân được hình thành tạo ra các điều kiện cơ bản bảo đảm cho các quyền và tự do của người dân một cách vững chắc.

Thứ ba, Đảng ta kiên trì quan điểm: vừa hợp tác vừa đấu tranh; hội nhập nhưng không hòa tan; muốn làm bạn với tất cả các quốc gia trong cộng đồng quốc tế, tôn trọng các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã cam kết..., đưa Việt Nam hội nhập với cộng đồng quốc tế, trong đó có lĩnh vực quyền con người. Điều này đã tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, đã củng cố và nâng cao vị thế của nước ta trong cộng đồng quốc tế và tạo ra những điều kiện mới trong việc bảo đảm các quyền con người ở nước ta. □

HỒ CHÍ MINH...

(Tiếp theo trang 38)

quan trọng góp phần tạo nên những tiến bộ của phụ nữ chính là sự đoàn kết của chị em “Phụ nữ ta cần phải đoàn kết chặt chẽ chị em các dân tộc, lao động chân tay và lao động trí óc, phụ nữ miền Bắc và miền Nam. Cần đoàn kết với phụ nữ các nước phe ta và phụ nữ tiến bộ thế giới, để đấu tranh cho mục đích chung là hòa bình thế giới và chủ nghĩa xã hội”⁽⁶⁾.

Muốn biến quyền bình đẳng giữa nam và nữ trở thành thực tế trong đời sống, để công cuộc giải phóng phụ nữ trở thành hiện thực, người phụ nữ cần được giải phóng khỏi công việc bếp núc gia đình, giảm nhẹ gánh nặng nuôi dưỡng con cái, có thì giờ nghỉ ngơi, học tập nâng cao trình độ để có thể tham gia công việc xã hội như nam giới; bản thân giới phụ nữ phải tự đấu tranh, có ý chí, năng lực, kiến thức để vượt qua những hạn chế của giới mình, đấu tranh để tự giải phóng khỏi những ràng buộc của tư tưởng, thói quen lạc hậu, tư tưởng tự ti, ỷ lại. Cuộc đấu tranh ấy chỉ có thể đem lại kết quả bằng chính sự tự khẳng định năng lực, vai trò của phụ nữ trong gia đình, ngoài xã hội.

Để đạt tới mục tiêu ấy, theo Hồ Chí Minh ngoài sự quan tâm, giúp đỡ của Đảng, Chính phủ, nhân tố có ý nghĩa quyết định là mỗi người phụ nữ và cả giới nữ phải quyết tâm, phấn đấu, tự cường, tự đấu tranh để tự giải phóng mình. Đó chính là sự đòi hỏi mỗi người phụ nữ và giới nữ phải vươn lên bằng nội lực của mình. □

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 294

Bộ đội Biên phòng tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới

NGUYỄN TẮM *

KHU vực biên giới cả nước nói chung, vùng Tây Nam Bộ nói riêng là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhưng do những đặc điểm về địa lý và lịch sử mà đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào các dân tộc còn nhiều thiếu thốn, lạc hậu, kết cấu hạ tầng nghèo nàn, giao thông đi lại khó khăn, giáo dục, y tế, văn hóa - thông tin kém phát triển... dẫn đến mặt bằng dân trí thấp, nhiều phong tục, tập quán, tín ngưỡng lạc hậu vẫn còn tồn tại. Do đó, hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới cũng bộc lộ nhiều vấn đề cần được quan tâm giải quyết như: trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ còn hạn chế; năng lực của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc quán triệt, tuyên truyền vận động và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội không được thường xuyên, hiệu quả không cao. Vì vậy, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước không đến được với người dân hoặc không được tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả. Trong khi đó, địa bàn biên giới là nơi chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách chống phá, nhất là việc chúng lợi dụng những khó khăn, thiếu thốn, sự hạn chế về trình độ dân trí, các vấn đề về dân tộc, tôn giáo... để xuyên tạc

đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; lôi kéo, kích động quần chúng nhân dân chống phá cách mạng. Do vậy, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vùng biên giới vững

mạnh vừa có ý nghĩa quan trọng, cấp bách trước mắt, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài.

Bộ đội Biên phòng là lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng, Nhà nước, là lực lượng chuyên trách nòng cốt bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Muốn hoàn thành được trách nhiệm nặng nề, vẻ vang ấy, Bộ đội Biên phòng phải gắn bó mật thiết với cấp ủy, chính quyền và nhân dân các dân tộc vùng biên giới. Thông qua cấp ủy, chính quyền địa phương để tổ chức và phát huy sức mạnh của quần chúng, tạo ra thế trận biên phòng toàn dân vững chắc trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Muốn vậy, Bộ đội Biên phòng phải tích cực tham gia xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới.

Trong những năm vừa qua, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng xác định việc tham gia xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của Bộ đội Biên phòng. Chính tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, dựa vào hệ thống chính trị cơ sở để thực hiện các biện pháp công tác biên phòng, tổ chức và phát động các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ chủ quyền

* Đại tá, Cục phó Cục chính trị, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng

an ninh biên giới. Đây là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng thế trận biên phòng toàn dân.

Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng đã tích cực làm tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, biện pháp xây dựng và bảo vệ vùng biên giới nói chung, xây dựng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới nói riêng như: Quyết định số 16/HĐBT ngày 22-2-1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc lấy ngày 3-3 hằng năm là "Ngày Biên phòng"; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 28-3-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Tăng cường chỉ đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh ở các xã, phường biên giới, hải đảo"...

Trong các chương trình phối hợp giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng với các bộ, ngành, đoàn thể như: Bộ Y tế, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Giáo dục - Đào tạo, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam... đều có nội dung tham gia xây dựng, củng cố hệ thống tổ chức của các ngành, các đoàn thể đó ở cơ sở. Thực hiện chủ trương tăng cường cán bộ của Bộ đội Biên phòng cho cơ sở ở các xã, phường biên giới, các đơn vị đã lựa chọn, điều động hàng trăm đồng chí là những cán bộ có phẩm chất, năng lực, am hiểu phong tục, tập quán về tăng cường cho các xã, phường biên giới. Trong đó các đơn vị tuyến Tây Nam Bộ đã cùng điều động ngót một trăm đồng chí tăng cường cho 65 xã. Do thường xuyên bám dân, bám địa bàn, nắm chắc tình hình nên các đồng chí đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương đề ra các chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, củng cố xây dựng các tổ chức trong hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đội ngũ cán bộ tăng cường cho các xã đã thực sự phát huy được vai trò, tác dụng, là người tham mưu đắc lực, là chỗ dựa tin cậy của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương. Nhiều đồng chí được tham gia vào các cương vị chủ chốt của cấp ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân ở các xã, phường biên giới.

Thực tiễn những năm qua cho thấy các chủ trương, biện pháp của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh đã được các đơn vị Bộ đội Biên phòng Tây Nam Bộ nghiêm túc quán triệt và tổ chức thực hiện. Các đơn vị đã phối hợp với cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể củng cố, xây dựng 56 chi bộ, 12 ủy ban nhân dân xã, 15 ban công an xã, 137 chi hội phụ nữ, 124 chi đoàn thanh niên. Trực tiếp phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu và huấn luyện 3.615 dân quân, xây dựng 1.823 tổ an ninh nhân dân; tích cực tham mưu và hướng dẫn đội ngũ cán bộ chủ trì của các tổ chức ở cơ sở xác định nội dung, hình thức và phương pháp hoạt động phù hợp. Bên cạnh đó, các đơn vị Bộ đội Biên phòng còn thường xuyên quan tâm, bồi dưỡng lực lượng cốt cán là những người có vai trò ảnh hưởng lớn trong quần chúng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo như các trưởng thôn, trưởng ấp, các chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo, để họ trực tiếp tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; đồng thời trực tiếp tham gia giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự, đấu tranh chống lấn chiếm biên giới. Hằng năm, các đơn vị Biên phòng đều phối hợp với cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố gặp mặt, biểu dương những người tiêu biểu trong lực lượng cốt cán này. Một trong những nội dung quan trọng góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới là phát hiện, lựa chọn những thanh niên ở các địa bàn này để tuyển vào lực lượng Bộ đội Biên phòng. Quá trình công tác trong lực lượng, những thanh niên này được đào tạo, bồi dưỡng về văn hóa, chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, hầu hết đều trở thành đoàn viên, nhiều thanh niên được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Sau thời gian thực hiện nghĩa vụ, một số được tiếp tục đào tạo để phục vụ lâu dài trong lực lượng Bộ đội Biên phòng, số trở về địa phương là những quần chúng ưu tú tạo nguồn cho đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị ở cơ sở và cũng là lực lượng nòng cốt trong các phong trào địa phương.

Có thể nói, công tác tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới trong những năm vừa qua đã được các đơn vị Bộ đội Biên phòng Tây Nam Bộ thực hiện thường xuyên có nền nếp. Kết quả của công tác này, cùng với việc tham gia phát triển kinh tế - xã hội đã góp phần đáng kể vào việc xây dựng địa bàn vùng biên giới vững mạnh, hoạt động của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể từng bước đi vào nền nếp, có hiệu quả thiết thực. Phân loại phong trào quần chúng bảo vệ an ninh biên giới hằng năm đều có từ 87 - 90% số xã, phường đạt tiêu chuẩn vững mạnh và khá. Kết quả đó đã góp phần tạo ra thế trận biên phòng toàn dân vững chắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ biên giới.

Quá trình tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới của các đơn vị Bộ đội Biên phòng có thể rút ra một số kinh nghiệm sau đây:

Một là, phải làm cho mọi cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng, nhất là cấp ủy, chỉ huy các đồn, trạm biên phòng, đội ngũ cán bộ làm công tác vận động quần chúng, cán bộ tăng cường cho các xã có nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của hệ thống chính trị cơ sở đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới nói riêng. Từ đó xác định trách nhiệm tham gia xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới.

Hai là, quá trình tham gia củng cố, xây dựng nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới cần đặc biệt chú trọng tới việc bồi dưỡng kiến thức, năng lực và phương pháp công tác cho đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là trình độ văn hóa, phương pháp xây dựng nội dung và cách thức tổ chức thực hiện các nội dung công tác ở cơ sở.

Ba là, chăm lo xây dựng lực lượng cốt cán là những trưởng thôn, trưởng ấp, các chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo để tạo chỗ dựa vững chắc cho hệ thống chính trị ở cơ sở trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện đường lối,

chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và các chủ trương công tác của địa phương.

Trong những năm tới, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới tiếp tục đặt ra những yêu cầu và đòi hỏi mới nặng nề, phức tạp hơn. Tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội ở các xã, phường biên giới vẫn còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Vì vậy, để phát huy được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các lực lượng và quần chúng nhân dân tham gia xây dựng, bảo vệ biên giới, nhiệm vụ xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở các xã, phường biên giới càng cần phải được đặc biệt quan tâm.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX, Đảng ủy và Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng xác định tiếp tục thực hiện tốt một số trọng tâm công tác sau:

1 - Làm cho mọi cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng có nhận thức sâu sắc rằng: muốn xây dựng các xã, phường biên giới vững mạnh mọi mặt trọng tâm là phải xây dựng hệ thống chính trị, bởi đó là chỗ dựa quan trọng và vững chắc nhất của Bộ đội Biên phòng trong quá trình bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Hệ thống chính trị có mạnh thì đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước mới đến được với người dân, mới huy động được sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ biên giới. Vì vậy, phải tập trung củng cố, xây dựng cơ sở chính trị, trước hết là những vùng xung yếu, những nơi còn yếu kém. Do ở khu vực biên giới địa bàn rộng, đi lại khó khăn, đồng thời nhiệm vụ quản lý xã hội ở nông thôn, áp có vai trò rất quan trọng nên trong xây dựng hệ thống chính trị xã, phường biên giới cần lấy thôn làm cơ sở. Phải phấn đấu để các thôn, ấp đều có đảng viên, tổ đảng hoặc chi bộ, có dân quân, công an thôn, hoạt động đều, có chất lượng, quản lý, điều hành tự quản tại địa phương.

(Xem tiếp trang 60)

TỪ trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, theo quốc lộ 22, ngược lên tây bắc 35 km là huyện Củ Chi - nơi từng được gọi là "quê hương của địa đạo", là "Đất thép thành đồng" trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Chúng tôi tìm về "Đất thép" trong những ngày Đảng bộ và nhân dân Củ Chi đang hối hả hoàn thành những công việc của năm cũ và rộn rịp, náo nức chuẩn bị để đón mừng xuân mới - mùa xuân thứ 30, hòa bình thực sự trở về trên mảnh đất thiêng.

Là một trong 5 huyện ngoại thành của thành phố Hồ Chí Minh, đất không rộng (42,6 km²), người không đông (trên 270 nghìn người) với 20 xã và một thị trấn; nhưng Củ Chi mãi mãi được nhắc đến bởi đây là vùng đất có quá khứ hào hùng, oanh liệt; và hôm nay đang hòa mình vào công cuộc đổi mới một cách năng động, đầy quyết tâm với nhiều thành tựu.

TỪ "ĐẤT THÉP THÀNH ĐỒNG"...

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Củ Chi là "gạch nối" giữa rừng miền Đông và thành phố Sài Gòn. Nói đến rừng miền Đông, không ai có thể quên khi nhắc đến những địa danh như: căn cứ Dương Minh Châu, chiến khu D, chiến khu C... nối tiếp nhau từ Tây Ninh sang Bình Dương, Bình Phước; đến biên giới Cam-pu-chia và cả vùng Tây Nguyên; tạo thế kết nối liên hoàn vững chắc, có thể thần tốc tiến thẳng vào trung tâm Sài Gòn. Nhận rõ sự lợi hại "có một không hai" của vùng "đệm" này, chính quyền Sài Gòn đã đổ vào đây những phương tiện tối tân, hiện đại nhất; áp dụng những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt nhất, âm mưu biến vùng đất được mệnh danh là "thủ đô đỏ" này thành "vùng đất trắng". Chúng đã trút xuống Củ Chi hàng triệu tấn

"ĐẤT THÉP" hôm nay

TRIỀU HẢI HOÀNG

bom đạn, gây bao đau thương tang tóc, hòng ám lung lạc ý chí của quân và dân "đất thép".

Nhưng chúng đã nhầm! Quân và dân Củ Chi muôn người như một, với tinh thần "một tấc không đi một ly không rời", vẫn một lòng một dạ bám đất giữ làng; biến vùng đất tàn khốc thành căn cứ của cách mạng, của các cơ quan từ xã đến trung ương, trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến. Điều mà kẻ thù không thể ngờ là trong lòng đất Củ Chi lại ẩn chứa bao điều kỳ diệu. Đó là hệ thống địa đạo, những con đường - trong lòng đất, được bền bỉ tạo nên trong suốt hai cuộc kháng chiến. Chỉ với sức người và những dụng cụ thô sơ như cuốc cùn cán ngắn, ky tre, xà mố, thậm chí là muồng, bát... quân và dân Củ Chi đã làm nên một hệ thống "đường đi trong lòng đất" vĩ đại, trải khắp 6 xã vùng giải phóng ở phía bắc huyện, với tổng chiều dài trên 250 km. Địa đạo Củ Chi từng là nỗi ám ảnh, khiếp sợ của kẻ thù; nhưng cũng là bằng chứng hùng hồn về sức mạnh không gì lay chuyển nổi; về khả năng biến cái không thể thành cái có thể. Nó cũng phản ánh sinh động ý chí cách mạng, trí thông minh; tinh thần chiến đấu ngoan cường và lòng lạc quan của dân tộc Việt Nam trong cuộc trường chinh giữ nước vĩ đại, với tinh thần "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định

không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Trong hai cuộc kháng chiến, đã có 18.000 người con của quê hương Củ Chi nối tiếp nhau lên đường theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc. Dù là bộ đội chính quy hay dân quân, du kích; dù là những người trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia kháng chiến; họ đã không hề tiếc máu xương cho sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc. Để rồi ngày quê hương được giải phóng, hơn 10.500 người con ưu tú trong số đó đã không về. Họ vĩnh viễn nằm lại không chỉ riêng trên mảnh đất Củ Chi mà trải rộng từ Sài Gòn - Chợ Lớn đến mọi miền Tổ quốc, cho độc lập tự do được nở hoa kết trái. Và kết thúc chiến tranh, Củ Chi có 16.000 gia đình có người thân yêu đã hy sinh hoặc hy sinh một phần máu xương cho Tổ quốc; có 9 gia đình có từ 5 đến 9 người con là liệt sỹ; trên 2.700 người là thương binh; hàng ngàn người dân phải hứng chịu bao nỗi đau về thể xác và tinh thần; hàng chục ngàn ngôi nhà bị cháy, sập; hàng vạn héc-ta ruộng, vườn bị cày xới, bị san phẳng..., do sự dã man, tàn bạo của quân thù gây ra.

Củ Chi có 764 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trong đó có má Nguyễn Thị Rành - một trong những "Bà mẹ Đất thép" tiêu biểu - đã hai lần được Nhà nước phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng. Bản thân má là người có những đóng góp to lớn cho cách mạng; và má có 8 người con, 1 người cháu đã ngã xuống vì độc lập tự do của dân tộc. Củ Chi cũng luôn tự hào bởi đây là vùng đất có gần 80% số xã (16/20 xã) là xã anh hùng; là quê hương của 29 Anh hùng lực lượng vũ trang và 7 vị tướng tài ba; mà tên đất, tên người đều đã đi vào huyền thoại. Đó là các anh hùng: Lê Văn Đạm, Tô Văn Đức, Phạm Văn Cội; các nữ anh hùng Nguyễn Thị Nê, Trần Thị Gừng, Võ Thị Mô,... các tướng lĩnh: thiếu tướng Nguyễn Hồng Lâm - "vị tướng của miền Đông", thiếu tướng Tô Ký - con chim đầu đàn

của lực lượng vũ trang Sài Gòn - Gia Định, thượng tướng - Anh hùng lực lượng vũ trang Phan Trung Kiên; Trung tướng Nguyễn Văn Chia - nguyên Tư lệnh Quân khu 7, thiếu tướng Cao Long Hỷ v.v.. Chính họ đã góp phần làm nên một Củ Chi "Đất thép thành đồng", góp sức làm nên chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, được bầu bạn khắp năm châu không ngớt lời ngợi ca và ngưỡng mộ.

...ĐẾN "HOA HỒNG" NỞ TRÊN "ĐẤT THÉP"

Đến Củ Chi hôm nay, nếu không lắng lòng và đổi mắt nhìn lại quá khứ, thật khó tin là với không gian rộng lớn tràn ngập màu xanh yên ả này, Củ Chi từng có một thời mà không chỗ nào trên mặt đất còn nguyên một cành cây, ngọn cỏ.

Từ Đại hội lần thứ VIII của Đảng bộ huyện, từ các điều kiện đặc thù về tự nhiên và kinh tế - xã hội, nhất là dựa trên các lợi thế của mình, Củ Chi đã khẳng định cơ cấu kinh tế của huyện là nông - công nghiệp và quyết tâm chuyển dịch mạnh cơ cấu này theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Thế rồi nhờ không ngừng được đầu tư vốn và kỹ thuật, chỉ dăm năm trở lại đây, nông nghiệp của Củ Chi đã nhanh chóng bứt lên, đạt tốc độ tăng trưởng nhanh với cường độ mạnh nhờ thực hiện mô hình "hai cây, một con". "Hai cây" là cây rau các loại và cây hoa cảnh (chủ yếu là cây hoa lan). Còn "một con" là phát triển con bò sữa.

Từ các lợi thế về đất đai, khí hậu, lao động... Củ Chi ưu tiên mở rộng diện tích trồng rau. Đến nay, toàn huyện đã có 3.200 ha rau các loại; 15/20 xã đã được công nhận là vùng sản xuất rau an toàn với diện tích 1.800 ha, điển hình là xã Tân Phú Trung. Hiện toàn xã có xấp xỉ 100 ha rau an toàn, thu hút hàng ngàn lao động, với thu nhập bình quân từ 1,5 đến 2,5 triệu đồng/người/tháng. Nuôi bò sữa ở Củ Chi được bắt đầu từ những năm 1997 - 1998. Khi ấy, toàn huyện chỉ có

chưa đến 1.000 con bò sữa. Từ khi huyện chủ trương phát triển đàn bò sữa; chỉ đạo sát sao công tác tập huấn kỹ thuật, hỗ trợ vốn, thành lập các trạm thu mua, trung chuyển sữa bò tươi... thì đàn bò sữa của huyện tăng nhanh về số lượng. Từ 6.000 con (năm 2000), lên 15.000 con (năm 2002); rồi 17.500 con (năm 2003) và đến cuối năm 2004 đã có trên 19.000 con; trong đó có gần 10.000 con bò cái đang vắt sữa, cho sản lượng mỗi năm từ 35 đến 40.000 tấn. Đàn bò tăng nhanh, kéo theo diện tích trồng cỏ liên tục được mở rộng, từ vài trăm héc ta ban đầu đến nay đã lên trên 6.000 ha; làm cho "đất trắng" Củ Chi xưa nay tràn ngập màu xanh no ấm; giúp người Củ Chi hôm nay luôn bề bộn mà phấn khởi bởi có việc, có thu nhập, kinh tế phát triển. Nông nghiệp phát triển mạnh mẽ đã dẫn đến việc ra đời của hàng chục hợp tác xã, hàng trăm tổ hợp tác chuyên đảm nhiệm các công việc tiêu thụ và cung ứng bình quân mỗi ngày 100 tấn sữa bò cùng gần 100 tấn rau an toàn cho thị trường. Đây quả là điều kỳ diệu, nếu biết rằng, Củ Chi đang giàu lên từ vùng đất vốn dày đặc đạn bom và thiên nhiên không rộng lòng ưu đãi.

Đến nay, Củ Chi có thu nhập bình quân đầu người đạt 584 USD/năm. Đã có 80% số hộ dân Củ Chi có nhà ở kiên cố, 100% số hộ được sử dụng điện, 76% số hộ có phương tiện nghe nhìn, 63% số hộ có xe máy... Từ khi công trình thủy lợi Kinh Đông được đưa vào sử dụng, 8.000 ha đất nông nghiệp của 12 xã phía bắc huyện chủ động được nguồn nước; vật nuôi, cây trồng nhờ thế không ngừng sinh sôi và mở rộng diện tích, tạo cơ hội để các xã này nhanh chóng đột phá từ nông nghiệp. Đã có 243 tuyến giao thông nông thôn được hoàn thành, trong đó có 250 km được trải bê tông nhựa nóng, phục vụ đắc lực cho sản xuất và đi lại của người dân. Cùng với nông nghiệp, công nghiệp của Củ Chi được ưu tiên tạo mọi điều kiện để thu hút đầu tư và hoạt động có

hiệu quả. Hiện đã có 3 khu công nghiệp tập trung là Tây Bắc, Tân Quy, Tân Phú Trung được xây dựng và đi vào hoạt động. Riêng khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi được quy hoạch 350 ha, đã hoàn thành giai đoạn với diện tích cho thuê 127 ha, thu hút 43 doanh nghiệp vào hoạt động với tổng vốn đầu tư trên 120 triệu USD và 2.400 tỉ đồng. Ba khu công nghiệp khác đang hoàn thành các thủ tục cuối cùng.

Về giáo dục, từ chỗ những năm đầu giải phóng, hoạt động giáo dục của Củ Chi chuyển động ịch và chất lượng thấp, đến cuối năm 2002, 100% số xã, thị trấn của Củ Chi đều đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học và trung học cơ sở; đồng thời đạt tiêu chuẩn quốc gia về chống mù chữ. Toàn huyện có một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh gồm 96 đơn vị trường học; trong đó có 31 trường mầm non, 37 trường tiểu học, 20 trường trung học cơ sở, 7 trường trung học phổ thông, một trường nuôi dạy trẻ khuyết tật; cùng với một trường công nhân kỹ thuật và một trung tâm giáo dục thường xuyên. Đến nay, Củ Chi có gần 58.500 con em ở các độ tuổi từ mầm non đến trung học phổ thông ra lớp; đạt tỷ lệ từ 97,98% đến 100% số em trong độ tuổi đến trường.

Về văn hóa, Củ Chi cũng là một trong những điển hình về công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Đã có 97/172 ấp, khu phố; 5 xã và thị trấn đạt tiêu chuẩn đơn vị văn hóa; 42.535 hộ gia đình (bằng 70% số hộ toàn huyện) được công nhận gia đình văn hóa.

Về y tế, trung tâm y tế Củ Chi không chỉ là địa chỉ tin cậy của nhân dân trong huyện mà còn đón tiếp bệnh nhân của các vùng phụ cận như huyện Đức Hòa (tỉnh Long An), huyện Trảng Bàng (Tây Ninh), các huyện Dầu Tiếng, Bến Cát (Bình Dương) đến khám và điều trị. Mỗi ngày, Trung tâm tiếp nhận từ 600 đến 800 lượt người tới khám và cấp cứu; số bệnh nhân điều trị nội trú bình quân từ 260 đến 280 người.

Về công tác chính sách - xã hội, với hai nội dung chính là "Uống nước nhớ nguồn" và "Bầu ơi thương lấy bí cùng", đến nay Củ Chi đã xây tặng 3.735 căn nhà tình nghĩa cho các gia đình chính sách trị giá gần 70 tỉ đồng; 3.544 căn nhà tình thương cho các hộ nghèo và khó khăn về nhà ở, trị giá trên 25 tỉ đồng.

Chào đón mùa xuân mới đang về - mùa xuân thứ 30 quê hương được giải phóng, cũng là năm cuối cùng của nhiệm kỳ VIII Đại hội huyện Đảng bộ, quân và dân Củ Chi kết thúc năm 2004 với bao thành tựu. Giá trị sản xuất nông nghiệp thực hiện 612,8 tỉ đồng, đạt 99,81% kế hoạch năm; dịch vụ nông - lâm nghiệp đạt 104,07% kế hoạch; giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp đạt 77,7 tỉ đồng, bằng 121,59% kế hoạch; thương mại - dịch vụ có tổng mức bán ra 1.521 tỉ đồng, bằng 107,92% kế hoạch. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 90,6 tỉ đồng, bằng 144% dự toán năm; tổng thu ngân sách huyện 180,27 tỉ đồng, đạt 119% so với dự toán năm; nhiều nguồn thu vượt dự toán như thu tiền sử dụng đất đạt 249%, tiền thuê đất 200%, thuế nhà đất 158%, lệ phí trước bạ 120%, phí và lệ phí 136% v.v.. Đến cuối năm 2004, toàn huyện có 9.628 hộ nông dân được công nhận là hộ sản xuất - kinh doanh giỏi; trong đó có 868 hộ giỏi cấp thành phố, có thu nhập trên 70 triệu đồng/năm; 3.259 hộ giỏi cấp huyện, có thu nhập từ 50 đến dưới 70 triệu đồng/năm. Toàn huyện có 1.320 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp, thu hút 12.500 lao động; có trên 60 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thu hút trên 26.000 lao động. Cùng với xây dựng thêm 44 căn nhà tình nghĩa, 117 căn nhà tình thương, huyện đã huy động được gần 10,3 tỉ đồng vốn xóa đói giảm nghèo; đã hỗ trợ 2.544 lượt hộ vay 9,6 tỉ đồng; thành lập mới 30 tổ vượt nghèo, nâng tổng số tổ vượt nghèo toàn huyện lên 112 tổ. Thực hiện giải ngân vốn quỹ hỗ trợ quốc gia

12,5 tỉ đồng, đã tạo việc làm cho 1.200 hộ; 470 hộ khác được vay gần 1 tỉ vốn ngân hàng phục vụ người nghèo v.v.. Nhờ các nguồn vốn này mà trong năm, đã có thêm 9.965 lao động có việc làm ổn định, đạt 124,5% kế hoạch đề ra v.v.. Năm 2004 vừa qua, nhân dân các xã đã hiến 246 ha đất, tương đương 246 tỉ đồng để giải phóng mặt bằng phát triển mới 250km đường giao thông nông thôn; đóng góp 100 tỉ đồng theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm để đầu tư cho các công trình phúc lợi khác.

Chào mừng 30 năm thành phố và huyện nhà được giải phóng, Củ Chi cũng đang khẩn trương triển khai thực hiện 7 công trình phúc lợi công cộng giàu ý nghĩa. Đó là nâng cấp bê tông nhựa 8 tuyến đường, với tổng chiều dài trên 62 km, trị giá 164,6 tỉ đồng; lắp đặt 7.300 bộ đèn chiếu sáng trên tổng chiều dài 453 km đường, với kinh phí gần 50 tỉ đồng, trong đó nhân dân tự nguyện đóng góp gần 15 tỉ đồng; xây dựng 10 nhà bia tường niệm liệt sĩ ở 10 xã anh hùng với kinh phí 7 tỉ đồng; xây dựng Trung tâm văn hóa huyện với kinh phí 17 tỉ đồng... Bao nhiêu việc cần làm, bao nhiêu tiền phải chi, nhưng ở Củ Chi, việc nào, tiền nào cũng vì lợi ích của cả cộng đồng và đều thấm đượm nghĩa tình.

Từ thực tiễn của chặng đường vừa qua, nhất là từ những thành tựu đạt được, Đảng bộ và nhân dân Củ Chi đã rút ra mấy bài học kinh nghiệm quan trọng dưới đây.

Một là, luôn phát huy truyền thống và tinh thần tiến công cách mạng của "Đất thép thành đồng"; khơi dậy tinh thần đoàn kết, ý chí vượt lên thử thách để chiến thắng đói nghèo, lạc hậu. Để khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, phải xác định một cơ cấu kinh tế phù hợp với thực tiễn; và điều quan trọng là phải mạnh dạn triển khai thực hiện cơ cấu đó một cách mạnh mẽ và linh hoạt.

Hai là, là một huyện chịu hậu quả nặng nề sau chiến tranh, nên phải coi việc giải quyết kịp thời, thấu đáo mọi chính sách, chế độ đối với người có công và các đối tượng chính sách là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Từ đó thiết thực động viên và huy động sức mạnh đoàn kết của toàn xã hội vào phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, tập trung phát triển các công trình hạ tầng, công trình phúc lợi để nâng cao đời sống mọi mặt cho nhân dân; có các chính sách hấp dẫn để thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới toàn diện gắn với tạo việc làm, thu nhập; thực hiện an dân để đẩy mạnh phát triển kinh tế.

Bốn là, luôn coi trọng công tác sơ, tổng kết các hoạt động trên cả lý luận và thực tiễn; thực hiện phương thức chỉ đạo đi từ điểm đến diện; chú trọng nhân rộng các điển hình, đồng thời thường xuyên rút ra những bài học kinh nghiệm để phát huy những ưu điểm, kịp thời khắc phục những hạn chế, yếu kém...

Chỉ sau một phần ba thế kỷ, Củ Chi đã thực sự hồi sinh từ một vùng đất chết. Đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng của Củ Chi đang tiến bước vững vàng, hứa hẹn sự ổn định và tăng trưởng mới. Đã thấy trên từng gương mặt của người dân; trên phố xá, ruộng đồng Củ Chi rạng ngời niềm hạnh phúc của no ấm, sinh sôi. Không phải là mơ ước nữa, "đất thép" đã thực sự nở "hoa hồng"! Đó cũng là thông điệp của Củ Chi hôm nay!

Trước những lợi thế là cửa ngõ tây bắc thành phố mang tên Bác, là nơi có đường xuyên Á đi qua, nằm cạnh khu kinh tế trọng điểm của phía Nam... Củ Chi đang từng ngày phấn đấu để chắc chắn sẽ thêm một lần anh hùng trong công cuộc xây dựng và phát triển. Để từ đó, Củ Chi gần với thành phố của mình hơn và hòa nhịp cùng đất nước. Bởi Củ Chi là một phần của thành phố mang tên Bác, và Củ Chi luôn ở trong lòng mỗi người dân Việt. □

BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG...

(Tiếp theo trang 55)

2 - Thường xuyên làm tốt công tác tham mưu cho địa phương củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động của từng tổ chức trong hệ thống chính trị. Muốn vậy phải nắm vững tình hình mọi mặt của địa phương để tham mưu, phát hiện nguồn cán bộ, giới thiệu cán bộ vào các vị trí trong hệ thống chính trị; tham mưu xây dựng các chủ trương, biện pháp công tác, cách thức tổ chức thực hiện cho từng tổ chức sao cho đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và phù hợp với thực tế tình hình địa phương.

3 - Tham mưu cho địa phương thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh. Đồng thời tích cực tham gia bảo vệ đội ngũ cốt cán ở cơ sở không để kẻ địch và phần tử xấu lôi kéo; kịp thời phát hiện và tham mưu giải quyết những sai phạm của cán bộ cơ sở để giữ vững uy tín với nhân dân, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng, với Nhà nước.

4 - Tích cực phát hiện, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ cho địa phương, nhất là cán bộ là người dân tộc thiểu số. Trong công tác tuyển quân hằng năm cần tiếp tục lựa chọn số thanh niên tốt là người các dân tộc thiểu số, người cư trú tại khu vực biên giới vào Bộ đội Biên phòng để đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian họ làm nghĩa vụ quân sự. Trừ số tiếp tục được đào tạo phục vụ lâu dài trong lực lượng biên phòng, số còn lại trước khi hết nghĩa vụ cần phối hợp với các ngành, các địa phương tổ chức bồi dưỡng những kiến thức cần thiết về chính trị, pháp luật, quản lý xã hội để tạo nguồn cán bộ cho địa phương.

5 - Tiếp tục chăm lo xây dựng, tranh thủ và phát huy vai trò của các già làng, trưởng thôn, ấp, các chức sắc tiến bộ trong các tôn giáo. Từ đó, tạo lực lượng cốt cán làm chỗ dựa cho hệ thống chính trị ở cơ sở trong quá trình tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tham gia bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. □



CÀN CẢ HAI

LỆ MAI

CHÚNG tôi vốn là bạn thân của nhau thời đang học đại học. Tuy ở cùng thành phố nhưng vì bận bịu nên chẳng mấy khi có dịp gặp gỡ chuyện trò. Nhưng cả hai đều là dân "ghiền" bóng đá. Trận chung kết EURO vừa qua, tôi mời chàng "mọt sách" đến nhà ăn tối và xem bóng đá cho vui. Ai ngờ, vừa vào đến phòng, anh bạn tôi thở dài sườn sượt. Thì ra, cách đây mấy ngày, anh vừa phải hòa giải một vụ "ông ăn chả, bà ăn nem". Xưa nghèo khổ thì hòa thuận. Nay có "của ăn của để" thì đâm ra rùm rờ. Vì bồ bịch, hấn ký không mấy trăm triệu. Công danh, sự nghiệp coi như cũng *đứt* luôn... Thằng con trai do không được sự quan tâm của bố mẹ nên chơi bời lêu lổng. Mới học lớp mười mà tóc tai nửa đỏ, nửa xanh. Mũi dọc dừa rõ đẹp, nay bỗng treo một cái toòng teng, suốt ngày trốn học "chất chút" gì đó trên *in-to-nét*.

- Thôi, chuẩn bị làm vài *xì* cho vui. Chuyện thiên hạ, lo làm gì cho mệt! Tôi lấy giọng

thật tươi để *hạ hỏa* cho ông bạn. Không ngờ, anh bạn tôi bỗng dung nổi cáu:

- Ông là trí thức, đi "nước ngoài, nước trong" xoành xoạch mà chẳng để ý gì cả. Cứ nghĩ này thì nguy. Rất nguy. Mà con cái ông cũng như con cái tôi, còn nhỏ. Cần thận lại có ngày "khóc dờ, mếu dờ". Tôi vừa đi điều tra ở mấy tỉnh về, thấy nguy lắm ông ạ!

Bạn tôi vốn là dân làm về xã hội học, hay đi điều tra, thống kê các số liệu về xã hội. Tính anh ta là thế, khi có gì bức bách trong lòng, cứ phải *xì* ra cho hết.

- Ông có biết không, tai họa đầu tiên là do những kẻ có chức, có quyền nhưng mất hết lương tâm. Trước đây, Cụ Hồ nhiều lần nhắc nhở: cán bộ phải là "đầy tớ" trung thành của dân. Nhưng sao bây giờ nhiều "đầy tớ" biến chất đến thế. Một vụ tham ô có khi làm *bay* đến mấy nghìn tỉ. Họ lợi dụng chức quyền ra oai, ban cho người này, phát cho người nọ, gây bè kết cánh, trù

đập người tài. Đây là những kẻ đặc chất đạo đức giả, nói ngược với làm.

- Nhưng có phải ai cũng thế cả đâu - Tôi cắt ngang lời bạn.

- Đúng là phần lớn cán bộ, đảng viên vẫn giữ được phẩm chất của mình. Nhưng ông thấy báo chí ngày nào cũng đăng tin không có việc này thì vụ nọ. Toàn những vụ liên quan đến nhiều kẻ có chức, có quyền. Nếu để ý ông sẽ thấy, mỗi khi có vụ "quan tham" nào bị đưa ra xét xử, nhiều người dân lại phấn khởi. Họ đau quá hoá cười. Lẽ ra, họ phải buồn mới đúng vì đó là những người do họ bầu ra, đại diện cho họ. Vậy mà những kẻ mang tiếng là đại diện cho dân lại đi ngược lại quyền lợi của dân. Đau lắm.

- Theo tôi biết thì ở một nước bạn láng giềng cũng có những vụ tham ô lớn, những đại gia làm ăn mờ ám, ăn chơi xa xỉ. Nhưng luật pháp của họ thẳng băng, không kể một ai, không có chuyện "đóng cửa bảo nhau" hay "xử lý nội bộ".

- Tất nhiên, cũng tùy trường hợp mà xử lý ở những mức độ khác nhau. Nhưng ông biết không, bên cạnh những kẻ quyền chức biến chất, còn hai loại suy thoái đạo đức nữa rất nguy hiểm.

Một loại lợi dụng vị trí độc quyền của mình chuyên ăn chặn, kiếm lời trên lưng người khác. Loại nữa là những kẻ chuyên tìm cách mua bán, dùng vật chất để hối lộ.

- Ông nói đúng - Chính những kẻ tìm cách chạy chọt, hối lộ cũng phải nghiêm trị. Phải trị cả bọn môi giới bất chính. Ngày xưa, loại này được gọi là *ma cô*.

- Vậy theo ông, vấn nạn suy giảm đạo đức như đã nói ở trên xuất phát từ đâu?

- Có ba nguyên nhân chính ông ạ. *Thứ nhất*, do tệ sùng bái đồng tiền, thích hưởng lạc. Cái gì cũng tiền. Vì tiền mà đâm ra mù quáng. Sự đời thật éo le. Ngày còn chiến tranh, tình nghĩa là cái quan trọng, nay tình nghĩa nhiều khi chỉ còn trong từ điển. Cụ Nguyễn Du thật tài khi tiên đoán: *Có ba trăm lạng việc này mới xong*. Có cơ hội là họ tìm cách đục khoét tiền của nước, của dân, chỉ tiêu vô tội vạ. Điều đáng nói là thói hưởng lạc đã ăn sâu cả vào lớp trẻ, nhất là đám "cậu ấm, cô chiêu". Nhiều cô cậu mặt còn búng ra sữa, chưa làm ra một xu nhưng xài di động đời mới, vào những nhà hàng sang trọng "nhất dạ đế vương", nhìn người bằng nửa con mắt. Tiền lương thì ai cũng biết khó nuôi nổi thân mình. Vậy tiền họ lấy từ đâu ra, ông cũng suy đoán được, cần gì phải giải thích nhiều.

- Còn nguyên nhân *thứ hai*?

- Do sự bất bình đẳng trong phân phối, hưởng thụ. Chẳng hạn như: một số diễn viên của một sao có thể lên tới 25 triệu đồng, hơn thu nhập của một giáo sư đầu ngành đã từng đoạt giải thưởng cao nhất của Nhà nước. Thực ra, thu nhập của mỗi nghề do đặc thù của nghề đó quy định, nhưng khi "vượt khung" thì khó mà giữ được sự cân bằng trong đời sống. Đó là chưa nói đến chuyện cào bằng sức lao động. Người giỏi cũng như người kém, ba năm lên lương một lần. Tai họa nhất là người kém nắm quyền. Lúc đó anh ta sẽ tìm cách loại các "nguyên khí quốc gia". Thực chất, vì quyền lợi của mình, anh ta đang kéo lùi sự phát triển.

- Nguyên nhân *thứ ba* là do chúng ta chưa chú ý đến công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức.

- Đúng thế. Thực ra nguyên nhân còn nhiều nhưng nguyên nhân ông vừa nói là rất quan trọng. Vì không chú ý giáo dục đạo đức nên một bộ phận lớp trẻ không mấy quan tâm đến thuần phong mỹ tục. Gặp con em mình giữa đường mà cứ như gặp người Hàn, người Nhật, người Hoa. Rồi chuyện vợ chửi chồng, con cãi cãi cha mẹ, bỏ quên nhiệm vụ chăm sóc người già, chỉ quan tâm đến mình. Đây

là hiện tượng vô cảm. Một xã hội vô cảm thì kinh khủng lắm. Nó giống như một hành tinh chết.

- Kể cũng nhức đầu. Nhưng chẳng nhẽ cứ để đạo đức tuột dốc không phanh?

- Đấy, vấn đề nằm ở đấy. Phải có những giải pháp thật đồng bộ. Đạo đức là một phạm trù văn hóa. Khi nền tảng văn hóa và đạo đức bị vi phạm thì xã hội sẽ rối loạn.

- Liệu pháp quan trọng nhất là phải xây dựng được một hệ thống pháp luật nghiêm minh, hoàn chỉnh, không có kẽ hở cho những kẻ gian tham, bất chính lách luật. Dứt khoát phải làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là những người làm công tác quản lý. Phải nghiêm trị những kẻ gây mất lòng tin của dân với Đảng. Các cụ ta thường nói: "thượng bất chính" thì "hạ tắc loạn".

- Việc ông nói là *pháp trị*. Nhưng cũng cần phải chú ý đến *đức trị*. Muốn thế, phải phát huy những truyền thống tốt đẹp của cha ông mình. Những truyền thống ấy được đúc kết hàng nghìn năm nên nó có ý nghĩa sâu xa. "Tiểu hiếu" vốn đã quan trọng, nhưng "đại hiếu" tức là biết hy sinh cho lý tưởng, cho dân, cho nước còn quan trọng hơn.

- Tôi cũng mong ngày ấy sẽ đến. Thôi ông ạ, nâng cốc vì mong ước của chúng ta và chắc hẳn là của nhiều người. □



NHỮNG NỖ LỰC CHÍNH TRỊ - PHÁP LÝ QUỐC TẾ TRONG VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA PHỤ NỮ

NGUYỄN LỘC *

1 - Vài nét về lịch sử phong trào quốc tế phụ nữ

Từ hàng thế kỷ nay, cuộc đấu tranh chống phân biệt đối xử và bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ đã diễn ra trên thế giới. Cuộc đấu tranh cam go này không thể đạt được thắng lợi trong ngày một, ngày hai. Tư tưởng giải phóng phụ nữ đã được khơi nguồn từ thời kỳ Phục hưng và tiếp tục dòng chảy của nó trong các thế kỷ tiếp theo. Cuối thế kỷ XIX, tại một số nước phương Tây, phong trào đấu tranh vì quyền phụ nữ đã đạt được những thắng lợi bước đầu. Đó là việc phụ nữ được quyền học tập tại mọi cấp học trong hệ thống giáo dục. Thắng lợi này mở ra một triển vọng rộng lớn cho những bước tiến khác về quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử với phụ nữ. Những năm cuối thế kỷ XIX cũng là khoảng thời gian mà vai trò của phụ nữ trong các lĩnh vực khoa học và văn học - nghệ thuật đã bước đầu được thừa nhận.

Kể từ năm 1888, phong trào đấu tranh vì quyền bình đẳng của phụ nữ lần đầu tiên mang tầm vóc của một phong trào quốc tế có tổ chức. Trong năm này, một Hội nghị quốc tế liên quan đến quyền phụ nữ đã được tổ chức tại Oa-sinh-ton (Mỹ) với sự tham gia của 66 đại biểu Mỹ và 8 đại biểu đến từ châu Âu. Hội nghị đã lập ra Hội đồng Quốc tế phụ nữ. Các

đại biểu tham dự Hội nghị đã quyết định xây dựng và triển khai thực hiện một chương trình nhằm xóa bỏ ách áp bức nhiều mặt đang áp đặt đối với phụ nữ trên thế giới. Một năm sau, Hội nghị lần thứ hai của Hội đồng Quốc tế phụ nữ được tổ chức tại Luân-đôn (Anh) với sự tham dự của 5.000 đại biểu phụ nữ đến từ các nước khác nhau. Cuộc đấu tranh của phụ nữ vì các quyền bình đẳng liên quan trực tiếp đến điều kiện lao động của phụ nữ ở các nước tư bản châu Âu và Bắc Mỹ đã trở thành phong trào có tổ chức, được lãnh đạo chặt chẽ. Ngày 1-5-1893, cuộc đình công đầu tiên của công nhân nữ nổ ra ở Viên (Áo) đòi hưởng các tiêu chuẩn lao động bình đẳng đã mở ra hàng loạt phong trào vì quyền bình đẳng của lao động nữ ở các nước khác trong những giai đoạn tiếp theo.

Ở cấp độ quốc gia, cuộc đấu tranh của các phong trào phụ nữ tập trung chủ yếu vào lĩnh vực quyền bình đẳng về chính trị cho phụ nữ mà cơ bản nhất là quyền bầu cử. Nhiều phong trào phụ nữ đã diễn ra ở Anh và Mỹ vào cuối thế kỷ thứ XIX với mục tiêu đấu tranh đòi quyền bầu cử của phụ nữ. Trong năm 1869, Hội bầu cử phụ nữ quốc gia được thành lập ở Anh và Hội bầu cử phụ nữ Mỹ được thành lập

* ThS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ở Hoa Kỳ nhằm tổ chức, tập hợp cho cuộc đấu tranh vì quyền bầu cử của phụ nữ ở hai quốc gia này. Năm 1893, tại Niu Di-lân, phụ nữ đã đấu tranh giành được quyền bầu cử. Phụ nữ các nước Ô-xtrây-li-a, Phần Lan, Na Uy cũng giành được quyền này lần lượt trong các năm 1902, 1906 và 1913⁽¹⁾.

2 – Bảo vệ quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử với phụ nữ

Đầu thế kỷ XX, trên bình diện pháp lý quốc tế, vấn đề bảo vệ quyền phụ nữ mặc dù còn phiến diện nhưng đã được đề cập lần đầu tiên tại Công ước quốc tế về trừng trị tội buôn bán nô lệ da trắng (năm 1910). Sau năm 1919, nhiều công ước quốc tế khác nhằm bảo vệ quyền bình đẳng cũng như các quyền cơ bản liên quan đến điều kiện làm việc, nghỉ ngơi và hưởng lương của lao động nữ đã được Tổ chức Lao động quốc tế thông qua.

Quá trình hình thành hệ thống các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người kể từ sau sự ra đời của Liên hợp quốc có thể được xem như đồng thời là sự xác lập nên khuôn khổ luật pháp quốc tế bảo vệ quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử với phụ nữ. Hiến chương Liên hợp quốc là văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng nhất lần đầu tiên khẳng định một cách trực tiếp và cụ thể: "... sự tin tưởng vào các quyền con người cơ bản, vào nhân phẩm và giá trị của con người, vào các quyền bình đẳng giữa nam và nữ..."⁽²⁾. Niềm tin đó đã được tái khẳng định và cụ thể hóa tại Điều 2 của Tuyên ngôn Nhân quyền thế giới (năm 1948): "Mọi người được hưởng các quyền và tự do được nêu trong bản Tuyên ngôn này không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính..."⁽³⁾. Tuyên ngôn đồng thời xác lập vị thế bình đẳng của phụ nữ trong việc hưởng thụ các quyền chính trị tại Điều 21: "1. Mọi người đều có quyền tham gia vào chính quyền ở đất nước mình trực tiếp hoặc thông qua việc lựa chọn các đại diện. 2. Mọi người đều có quyền trong việc tham gia bình đẳng vào công việc của nhà nước ở đất nước mình."⁽⁴⁾.

Sự ra đời của hàng loạt văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người sau Tuyên ngôn Nhân quyền thế giới (năm 1948), trong đó đáng chú ý có Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (năm 1966) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (năm 1966) đều nhất quán nhấn mạnh nguyên tắc bảo vệ quyền bình đẳng và chống phân biệt đối xử đối với phụ nữ. Hai Công ước này cùng với Tuyên ngôn Nhân quyền thế giới đã tạo lập một khuôn khổ pháp lý rộng lớn và bền vững bảo đảm quyền con người của phụ nữ.

Quan trọng hơn, cộng đồng quốc tế đã chú trọng đến việc xây dựng và thông qua các văn kiện chuyên biệt trực tiếp bảo đảm các quyền con người cho phụ nữ. Năm 1952, theo đề nghị của Ủy ban về vị thế của phụ nữ, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Công ước về các quyền chính trị của phụ nữ. Công ước này xác lập cơ sở pháp lý quốc tế bảo đảm vị thế bình đẳng của phụ nữ trong việc hưởng thụ các quyền chính trị phù hợp với những quy định chung về quyền con người được nêu lên tại Hiến chương Liên hợp quốc. So với các văn kiện quốc tế chung về quyền con người được đề cập trên đây, công ước này khẳng định những nguyên tắc cụ thể hết sức quan trọng nhằm loại bỏ những phân biệt đối xử với phụ nữ trong hưởng thụ các quyền chính trị cơ bản, như quyền bầu cử; quyền ứng cử vào các cơ quan dân cử được thành lập theo đúng quy định của pháp luật quốc gia; quyền tham gia các chức vụ nhà nước và tham gia thực hiện chức năng công quyền theo quy định của pháp luật quốc gia.

(1) Từ điển *Britanica* Bách khoa toàn thư mới, t 12, tr 733 (tiếng Anh)

(2) (3) Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 19 và 63

(4) *Các văn kiện về quyền con người*, Tuyển tập của Viện Raoul Wallenberg, Nxb Martinus Nijhoff, Hà Lan 1997, tr 30 (tiếng Anh)

Có thể thấy công ước này là văn kiện pháp lý quốc tế đầu tiên trên lĩnh vực quyền phụ nữ, đòi hỏi các quốc gia thành viên thực hiện nghĩa vụ bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ, đồng thời đánh dấu một giai đoạn mới cho sự ra đời một loạt văn kiện quốc tế nhằm bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Năm 1967, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua Tuyên bố về loại bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ. Tuyên bố cho rằng sự phân biệt đối xử với phụ nữ sẽ “cấu thành tội ác chống lại phẩm giá con người”. Trên cơ sở đó, tuyên bố kêu gọi các chính phủ trên thế giới phải loại bỏ tất cả các luật, tập quán, chính sách và thực tiễn quốc gia mang tính phân biệt đối xử với phụ nữ. Tuyên bố yêu cầu các nước nỗ lực thiết lập một khuôn khổ pháp lý hữu hiệu bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ trong Hiến pháp và pháp luật quốc gia. Quan trọng hơn, tuyên bố nhấn mạnh sự cần thiết xây dựng một văn kiện pháp lý nhằm loại bỏ những định kiến và thực tiễn phân biệt đối xử vốn có gốc rễ từ tư tưởng coi thường phụ nữ.

Mặc dù tuyên bố này không phải là một văn kiện mang tính ràng buộc pháp lý và do đó không tạo ra những cơ sở pháp lý quốc tế trong việc bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ, nhưng nó có vai trò là bước đệm không thể thiếu trong việc pháp điển hóa các quy phạm pháp luật quốc tế điều chỉnh vấn đề loại bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ.

Trên cơ sở Tuyên bố về loại bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ, cộng đồng quốc tế cuối cùng đã đạt được sự thống nhất cao trong nỗ lực pháp điển hóa một cách toàn diện cuộc đấu tranh vì quyền bình đẳng của phụ nữ. Công ước quốc tế về loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào năm 1979. Công ước là một văn kiện quyền con người dành riêng cho phụ nữ, có giá trị pháp lý ràng buộc và mang tính toàn diện sâu sắc nhất từ trước đến nay trên lĩnh vực

quyền phụ nữ. Điều 1 của Công ước nhấn mạnh: “bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào dựa trên cơ sở giới tính có tác dụng hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hóa việc phụ nữ được công nhận, hưởng thụ, hay thực hiện các quyền con người và những tự do cơ bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự và các lĩnh vực khác, bất kể tình trạng hôn nhân của họ như thế nào và trên cơ sở bình đẳng giữa nam và nữ”⁽⁵⁾ đều là biểu hiện của sự phân biệt đối xử với phụ nữ.

Những quy định tại văn kiện này có thể được khái quát qua bốn nét chính. *Thứ nhất*, Công ước khẳng định một lần nữa những quyền con người cơ bản của phụ nữ đã được xác lập tại các công ước, tuyên ngôn, tuyên bố... trước đó. *Thứ hai*, Công ước xác lập những định hướng và nguyên tắc quan trọng để thúc đẩy cuộc đấu tranh xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ trên toàn thế giới. *Thứ ba*, Công ước yêu cầu các biện pháp (như các biện pháp lập pháp, chính sách, giáo dục) mà các quốc gia thành viên phải thực hiện nhằm đạt được sự loại bỏ bất kỳ hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa mà luật pháp quốc tế ghi nhận. *Thứ tư*, Công ước đưa ra các biện pháp cụ thể nhằm xóa bỏ phân biệt đối xử đối với phụ nữ trên lĩnh vực giáo dục, việc làm, chăm sóc sức khỏe, các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, trên lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

Công ước về loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ đã và đang giữ vị trí là “hòn đá tảng” tạo dựng nên một khuôn khổ luật pháp quốc tế bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ nói riêng, quyền con người của phụ nữ nói chung.

Hệ thống các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người của phụ nữ đòi hỏi các quốc

(5) Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 235

gia có liên quan phải thực hiện nghĩa vụ về quyền con người của mình. Hệ thống pháp luật về quyền con người của phụ nữ, nhìn chung đòi hỏi các quốc gia thành viên phải tuân thủ một số nghĩa vụ cơ bản ở các cấp độ khác nhau. **Cấp độ thứ nhất**, khẳng định bảo đảm tôn trọng và thực thi các quyền con người và tự do cơ bản cho phụ nữ tương đương như với nam giới. **Cấp độ thứ hai**, tiến hành các biện pháp nghiêm cấm và trừng trị bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào dựa trên cơ sở giới tính. **Cấp độ thứ ba**, nhận dạng và loại bỏ những trở ngại gây ảnh hưởng đến việc thực hiện bình đẳng các quyền con người và tự do cơ bản cho phụ nữ, nhất là những trở ngại xuất phát từ đặc điểm giới tính của phụ nữ như tình trạng mang thai, nuôi con, hay tình trạng hôn nhân và gia đình của phụ nữ.

3 – Những nỗ lực chính trị của cộng đồng quốc tế vì quyền bình đẳng của phụ nữ

Bên cạnh việc xây dựng một hệ thống các văn kiện pháp lý quốc tế gián tiếp và trực tiếp liên quan đến quyền con người của phụ nữ, cộng đồng quốc tế thông qua Liên hợp quốc đã tiến hành nhiều hoạt động khác nhau vì cuộc đấu tranh cho quyền bình đẳng của phụ nữ. Đại hội đồng Liên hợp quốc đã lấy năm 1975 làm Năm quốc tế vì phụ nữ với mục đích “thúc đẩy sự bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới”. Hội nghị thế giới về Năm quốc tế phụ nữ - hội nghị toàn cầu đầu tiên về phụ nữ, được tổ chức năm 1975 tại thành phố Mê-hi-cô, thông qua *Tuyên bố Mê-hi-cô* về sự bình đẳng của phụ nữ và sự đóng góp của họ vì sự phát triển và hòa bình trên toàn thế giới. Hội nghị cũng đã thông qua *Kế hoạch thế giới hành động thực hiện các mục tiêu của Năm quốc tế phụ nữ*. Kế hoạch kêu gọi các chính phủ phải bảo đảm hơn nữa quyền bình đẳng của phụ nữ trước pháp luật, cũng như quyền bình đẳng của phụ nữ trong các cơ hội học tập, đào tạo và việc làm; đồng thời chỉ ra nguyên nhân của tình trạng bất bình đẳng đối với phụ nữ ở hầu khắp các nơi trên thế giới là do sự kém phát triển về kinh tế - xã hội.

Năm 1980, Hội nghị thế giới về thập kỷ của Liên hợp quốc vì phụ nữ đã được tiến hành tại Cô-pen-ha-gen (Đan Mạch). Hội nghị thông qua *Kế hoạch hành động* để đạt được 3 mục tiêu của thập kỷ vì phụ nữ là bình đẳng, phát triển và hòa bình.

Năm năm sau, Hội nghị thế giới về xem xét và đánh giá các kết quả của Thập kỷ Liên hợp quốc vì phụ nữ đã được tổ chức tại Nai-rô-bi (Ken-ny-a). Hội nghị thông qua Chiến lược Nai-rô-bi vì sự tiến bộ của phụ nữ. Chiến lược khẳng định việc loại trừ tất cả hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ là điều kiện cơ bản để giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế. Nhằm thúc đẩy sự bình đẳng của phụ nữ, Chiến lược Nai-rô-bi khuyến nghị các chính phủ tăng cường hơn nữa các nguồn lực hỗ trợ xây dựng các cơ chế quốc gia tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ được tham gia một cách đầy đủ và trên mọi cấp độ của đời sống xã hội.

Tiếp tục các mục tiêu bình đẳng, phát triển và hòa bình đã được đặt ra tại các hội nghị trước đó, Hội nghị Phụ nữ thế giới lần thứ tư đã được tổ chức tại Bắc Kinh (Trung Quốc) năm 1995 với sự tham gia của đại diện các chính phủ trên thế giới. Hội nghị Phụ nữ thế giới lần thứ tư một mặt thừa nhận địa vị của phụ nữ nói chung trên thế giới đã có sự cải thiện đáng kể so với trước, mặt khác đã chỉ rõ rằng trên thực tế sự cải thiện đó vẫn chưa đạt được như mong muốn và bất bình đẳng đối với phụ nữ vẫn còn tồn tại. Đại diện các chính phủ khẳng định quyết tâm tiếp tục các cam kết vì mục tiêu bình đẳng, phát triển và hòa bình cho phụ nữ. Một Chương trình hành động đã được Hội nghị thông qua trên cơ sở tiếp tục phát triển những mục tiêu đã được nêu ra tại Chiến lược Nai-rô-bi nhằm xóa bỏ những trở ngại đối với sự tham gia tích cực và bình đẳng của phụ nữ vào các quá trình ban hành chính sách trên

(Xem tiếp trang 72)

KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2004 - 2005: NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VÀ XU HƯỚNG LỚN

LÊ BỘ LINH *

1 – Tăng trưởng GDP thế giới tương đối đồng đều, đạt đỉnh cao của chu kỳ tăng trưởng

Năm 2004 là năm kinh tế thế giới đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 5%, mức cao nhất kể từ khi nhân loại bước sang thiên niên kỷ mới. Theo dự báo, tốc độ tăng trưởng có xu hướng chậm lại trong những năm tới, vì vậy có thể coi đây là đỉnh cao của một chu kỳ tăng trưởng. Điều cần lưu ý là trong bối cảnh biến động phức tạp của bầu không khí kinh tế và chính trị toàn cầu, tăng trưởng kinh tế thế giới năm qua đạt tương đối đồng đều ở các khu vực và các nhóm nước.

Các đánh giá của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cho thấy, trong năm qua các nền kinh tế phát triển có tốc độ tăng trưởng rất khả quan với sự phục hồi đồng thời ở những mức độ khác nhau của cả ba trung tâm Mỹ, EU, Nhật Bản. Theo báo cáo về triển vọng kinh tế toàn cầu (tháng 9-2004) của IMF, các nền kinh tế phát triển phục hồi mạnh mẽ trong năm 2004, với GDP thực tế tăng trưởng 3,6%, cao hơn mức 2,1% của năm 2003. Trong đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước G-7 đạt 3,7% (năm 2003, là 2,2%).

Năm 2004, kinh tế Mỹ đạt mức tăng trưởng cao, khoảng từ 4,2% (theo Viện nghiên cứu kinh tế và xã hội quốc gia của nước Anh - NIESR), đến 4,4%, (theo OECD, Oxford

Economics). Kinh tế Nhật Bản sau một thập niên suy thoái đã bắt đầu phục hồi từ năm 2003 với mức tăng trưởng 2,5%. Năm 2004, năm thành công đối với nền kinh tế Nhật Bản, với mức tăng trưởng khá cao khoảng từ 4% (theo OECD, NIESR) đến 4,4% (theo IMF).

Tốc độ tăng trưởng của EU-25 đạt khoảng từ 2,1% (theo NIESR) đến 2,5% (theo Ủy ban châu Âu). Kinh tế các nước khu vực đồng Ô-rô tăng trưởng từ 1,8% (theo OECD) đến 2,2%.

Nhìn chung, sự phục hồi kinh tế mạnh nhất diễn ra vào nửa đầu năm 2004. Tuy nhiên, từ cuối quý II-2004, tốc độ tăng trưởng của nhiều nền kinh tế phát triển có xu hướng bấp bênh hơn hoặc chậm dần. Điều này phản ánh sự vận động mang tính chu kỳ. Sự lệch pha trong chu kỳ kinh tế giữa Mỹ và EU vẫn tiếp diễn làm cho sự phục hồi kinh tế của EU diễn ra chậm hơn so với Mỹ.

Các nước đang phát triển ở khắp các châu lục đều đạt được mức tăng trưởng rất ấn tượng. Theo đánh giá của IMF và WB (tháng 9-2004), tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhóm nước đang phát triển năm 2004 là 6,6%, cao hơn mức dự đoán là 6,0%. Mọi đánh giá đều cho rằng mức tăng trưởng GDP như hiện nay của các nước đang phát triển là mức cao nhất trong vòng 25 năm qua.

* PGS, TS, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

Năm 2004, các nền kinh tế chuyển đổi đạt mức tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định. Trong đó, kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng ngoạn mục, trở thành một trong những động lực chính của tăng trưởng kinh tế thế giới. Kinh tế Nga phục hồi mạnh bất chấp những bất ổn về xã hội. Các nước Trung và Đông Âu đã thu được những thành quả đáng khích lệ với mức tăng GDP liên tục trong 3 năm gần đây: 3,0% năm 2002, 3,9% năm 2003 và 4,9% năm 2004. Những nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) cũng đạt mức tăng trưởng GDP khá cao với các chỉ số tương ứng là 5,4%, 7,6% và khoảng 8%.

Sự phục hồi kinh tế thế giới trong năm qua được quy định bởi một loạt yếu tố. *Trước hết*, tại hầu hết các nước phát triển, tiêu dùng và đầu tư trong nước đã tăng khá mạnh, thực hiện các chính sách tiền tệ nới lỏng trong mấy năm vừa qua. *Ở các nước phát triển*, hoạt động đầu tư, đổi mới thiết bị gắn liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên cơ sở các thành tựu khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa kinh tế trở nên sôi động làm tăng tổng cầu của các nền kinh tế phát triển lên 3,5%, cao hơn mức trung bình trong 20 năm qua là 2,9%, và tăng năng suất lao động lên 2,8%, cao hơn mức tăng của hai năm trước đó. *Hai là*, môi trường chính sách kinh tế vĩ mô nhìn chung thuận lợi cho tăng trưởng (lạm phát thấp, tiền lương tăng chậm, lãi suất thấp, chưa có những thay đổi bất lợi về mặt thuế khóa...) làm tăng niềm tin kinh doanh và của người tiêu dùng. *Ba là*, thương mại, đầu tư quốc tế phục hồi mạnh, tạo môi trường bên ngoài thuận lợi cho kinh tế các nước, nhất là các nền kinh tế mở cửa. *Bốn là*, sự tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế Mỹ và Trung Quốc.

2 – Thương mại, đầu tư và thị trường tài chính quốc tế đồng thời phục hồi trong bối cảnh giá cả biến động mạnh

Sự phục hồi của thương mại thế giới bắt đầu từ năm 2003 với tốc độ tăng trưởng 4,5%, gần gấp đôi so với mức tăng trưởng GDP (2,5%).

Năm 2004, xu thế này tiếp tục được đẩy mạnh với tốc độ trung bình khoảng 8,5%. Xét về khối lượng trao đổi hàng hóa và dịch vụ năm 2004, nhóm các nước phát triển có tốc độ gia tăng thấp hơn nhóm các thị trường đang lên khác và các nước đang phát triển. Số liệu ước tính tương ứng về xuất khẩu và nhập khẩu của hai nhóm nước này lần lượt là 8,1% và 10,8%, 7,6% và 12,8%.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khởi sắc; hoạt động sáp nhập và mua lại xuyên quốc gia có xu hướng tăng trở lại; các công ty xuyên quốc gia tiếp tục quá trình tái cấu trúc và thay đổi chiến lược đầu tư; các nước đua tranh thu hút FDI. Song, dòng FDI thế giới vẫn chủ yếu đổ về các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là Trung Quốc.

Năm 2004, theo tính toán của Hội nghị về thương mại và phát triển của Liên hợp quốc (UNCTAD), FDI toàn cầu tăng 30%, đạt mức 755 tỉ USD, tuy chỉ bằng 50% mức năm 2000 nhưng là năm đạt tốc độ tăng cao nhất trong vòng 4 năm trở lại đây. FDI tăng trở lại là do tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, lợi nhuận công ty tăng, giá chứng khoán tăng và các hoạt động sáp nhập và chuyển giao (M&A) được đẩy mạnh. Năm 2003, đầu tư mới thông qua hình thức sáp nhập và chuyển giao đạt mức thấp 297 tỉ USD, đã có xu hướng tăng trở lại: tăng 3% trong 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm 2003. Cùng với sự gia tăng của lợi nhuận trích đầu tư - một trong 3 nhân tố cấu thành dòng FDI, các nhân tố cấu thành khác của FDI như trái phiếu và các khoản vay nội bộ công ty cũng tăng trong năm 2004. FDI tăng trở lại mạnh nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương (Trung Quốc, Ấn Độ) và khu vực Trung và Đông Âu (Ba Lan), trong khi châu Phi vẫn còn là địa chỉ bị lãng quên. Chính sách tự do hóa đầu tư của các quốc gia cũng góp phần quan trọng thúc đẩy xu hướng phục hồi FDI. Các cơ quan xúc tiến đầu tư tại các nước có vai trò quan trọng hơn, thúc đẩy cạnh tranh

thu hút FDI với nhiều chính sách khuyến khích và ưu đãi.

Các thị trường tài chính tiền tệ diễn biến phức tạp, nhất là vào nửa cuối năm 2004. Tại các thị trường chứng khoán chủ chốt trên thế giới, các chỉ số chứng khoán giao động thất thường theo các chu kỳ liên tục trong suốt năm nhưng với biên độ từ 9 - 23%, (năm 2003 là từ 32 - 76%). Biên độ giao động của các chỉ số chứng khoán Đông Á cao hơn hẳn so với các thị trường chứng khoán chủ chốt khi độ chênh lệch giữa mức cao nhất và mức thấp nhất trên các thị trường là 16 - 41%.

Giao dịch thị trường ngoại hối toàn cầu năm 2004 đã thể hiện một sự tăng trưởng rất mạnh, khác với xu hướng sụt giảm trong những năm đầu thế kỷ XXI. Giá trị của các giao dịch ngoại hối toàn cầu năm 2004 không những đã bù đắp được sự giảm sút năm 2001, mà còn vượt lên khỏi các con số kỷ lục của năm 1998. Dòng vốn nước ngoài vào các nước đang phát triển sau khi đã phục hồi đáng kể trong năm 2003 (tăng trưởng tới 61% so với năm 2002) đã có dấu hiệu chững lại, nhất là trong những tháng cuối năm 2004 khi triển vọng phục hồi của nền kinh tế toàn cầu có nguy cơ bị đe dọa bởi giá dầu tăng cao. Trong cơ cấu vốn đầu tư nước ngoài vào các nước đang phát triển, dòng vốn đầu tư tư nhân được đánh giá là phục hồi khá vững chắc, đạt 226 tỉ USD, so với 213 tỉ USD của năm 2003 và được dự báo tiếp tục tăng lên 229 tỉ USD trong năm 2005. Những diễn biến trên chịu sự tác động của tỷ giá hối đoái toàn cầu và giá cả các mặt hàng nguyên liệu chủ chốt.

Đồng USD tiếp tục giảm giá so với các đồng tiền chủ chốt khác, đồng Ơ-rô ngày càng cao giá đang trở thành mối đe dọa thực sự đối với sự phục hồi kinh tế của EU, làm giảm khả năng cạnh tranh của các sản phẩm xuất khẩu của châu Âu trên thị trường thế giới. Trong khi đó, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản tiếp tục các biện pháp duy trì mức tỷ giá của đồng Yên

không lên quá cao nhằm duy trì đà tăng trưởng dựa vào xuất khẩu của nước này. Trung Quốc chủ trương giữ tỷ giá đồng Nhân dân tệ trong mười năm liên tiếp, trong khi Mỹ và các nước công nghiệp phát triển đòi Trung Quốc nâng giá đồng Nhân dân tệ. Đối với nhiều nước đang phát triển, tình thế đồng USD giảm giá so với đồng Ơ-rô và đồng Yên đã giúp cho hàng hóa các nước này có lợi hơn trên thị trường xuất khẩu thế giới.

Giá dầu thô tăng mạnh trong năm 2004 đã tác động khá phức tạp đến thương mại và tài chính quốc tế và trở thành vấn đề gây chú ý đặc biệt với hai mối lo ngại chính: *Một là*, liệu có xuất hiện nguy cơ suy thoái kinh tế như những đợt sốt giá dầu trong những thập niên 1970 - 1980? *Hai là*, mức tăng giá dầu cao như hiện nay là tạm thời hay lâu dài? Trong bất cứ trường hợp nào thì giá dầu cao đều có hai tác động cơ bản là ảnh hưởng đến tăng trưởng và lạm phát và đến điều kiện thương mại toàn cầu.

3 - Các chương trình hợp tác kinh tế đa phương đang được khởi động trở lại, song xu hướng liên kết kinh tế khu vực và hợp tác song phương vẫn đặc biệt nóng nực

Tiến trình tự do hóa thương mại đa phương trong khuôn khổ WTO có những bước tiến mới. Tháng 7-2004, các nước thành viên WTO thông qua khung đàm phán theo nghị trình Đô-ha vốn đã lâm vào bế tắc từ sau Hội nghị Can-cun (2003). Lần đầu tiên, chính phủ các nước thành viên đồng ý xóa bỏ tất cả các hình thức trợ cấp đối với hàng nông sản xuất khẩu, một trong những vấn đề nhạy cảm và gây bất đồng lớn nhất hiện nay nhằm loại bỏ những méo mó trong buôn bán thế giới do hình thức bảo hộ này tạo nên. Chương trình hành động Đô-ha thể hiện rõ tinh thần của "Tuyên bố Đô-ha" là coi phát triển kinh tế của các nước đang phát triển, đặc biệt là của các nước phát triển chậm hơn (LDCs), là trọng tâm của đàm phán. Chương trình hành động Đô-ha đã đưa ra

những phương thức, các cách tiếp cận chủ yếu được sử dụng trong quá trình đàm phán nhằm xóa bỏ mọi trợ cấp đối với hàng nông sản đang tồn tại khá phổ biến hiện nay và chủ yếu ở các nước phát triển, mở rộng khả năng tiếp cận thị trường hàng công nghiệp cho các nước đang phát triển, tạo thuận lợi cho họ tham gia vào một cuộc cạnh tranh công bằng hơn trong thương mại quốc tế. Chương trình đã nhấn mạnh đến việc hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực cho các nước đang phát triển, nhất là đối với LDCs, để họ có thể tham gia một cách chủ động hơn vào tất cả các hoạt động của WTO.

Một loạt hoạt động đa phương khác được tiến hành trong khuôn khổ WTO như thực hiện các cam kết về dỡ bỏ hạn ngạch dệt may theo tinh thần của Hiệp định dệt và may mặc (ACT) được thực hiện từ ngày 1-1-2005; xây dựng và thông qua các quy định mới về trách nhiệm của nhà nhập khẩu trong việc thông báo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm liên quan đến dịch bệnh gia súc lan rộng, nhằm bảo vệ lợi ích của cả nhà xuất khẩu và người tiêu dùng.

Trong khi cải tổ hệ thống tài chính quốc tế vẫn là mối quan tâm thường xuyên, năm 2004, các nước đã tập trung nhiều hơn vào các vấn đề về tỷ giá giữa các đồng tiền. Tại cuộc họp G7 được tổ chức ở Phlo-ri-đa (ngày 5-2-2004), Mỹ và các nước trong nhóm G7 đã giải quyết những bất đồng sâu sắc xung quanh vấn đề đồng USD bị mất giá, nhất trí về một thỏa hiệp kiềm chế sự linh hoạt về tiền tệ. Hội nghị Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng Trung ương các nước G7 diễn ra tại Oa-sinh-ton (ngày 24-4-2004) đã tái khẳng định quan điểm tỷ giá hối đoái phải phản ánh những nền tảng kinh tế, nhấn mạnh sự linh hoạt hơn nữa của tỷ giá hối đoái nhằm thúc đẩy sự điều chỉnh suôn sẻ và rộng rãi trong hệ thống tài chính quốc tế, dựa trên các cơ cấu thị trường. Những diễn biến quá bất ổn và lộn xộn của tỷ giá hối đoái gây phương hại tăng trưởng kinh tế, do đó cần

tiếp tục giám sát sát sao các thị trường hối đoái và hợp tác một cách thỏa đáng.

Trong bối cảnh hợp tác đa phương có nhiều trắc trở, xu hướng đẩy mạnh liên kết kinh tế khu vực và hợp tác song phương vẫn tiếp tục được đẩy mạnh.

Các nước châu Âu đã hoàn thành việc mở rộng từ EU-15 thành EU-25, mở đầu một giai đoạn mới trong tiến trình liên kết châu lục. Chương trình thiết lập Khu vực mậu dịch tự do toàn châu Mỹ đạt được bước tiến mới. Hợp tác Đông Á ngày càng đi vào thực chất hơn, trong khi các ý tưởng và sáng kiến liên kết toàn Đông Á vẫn tiếp tục. ASEAN đẩy mạnh liên kết với việc thông qua chương trình liên kết nhanh trên 11 lĩnh vực ưu tiên và đạt được thỏa ước về xây dựng Cộng đồng ASEAN vào năm 2020.

Hợp tác ASEAN với các nước Đông - Bắc Á được đẩy mạnh theo cả hai hình thức ASEAN + 1 và ASEAN + 3. Việc ký kết Hiệp định xây dựng Khu vực thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc là một sự kiện lớn trong quan hệ của ASEAN với các bên đối thoại, kích hoạt một loạt các thỏa thuận song phương của các nước này với ASEAN.

Trong khuôn khổ ASEAN + 3, việc củng cố nền tảng và khuôn khổ dài hạn cho hợp tác vẫn tiếp tục được triển khai, song trọng tâm vẫn là những vấn đề hợp tác tài chính - tiền tệ. Các Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng Trung ương nhóm nước ASEAN + 3 đã có nhiều cuộc gặp trong năm để thảo luận các cách thức củng cố cơ cấu có tên gọi "Sáng kiến Chiềng Mai", cho phép các Ngân hàng Trung ương của 13 nước được trao đổi các khoản dự trữ ngoại hối nhằm đối phó với các vụ tấn công mang tính đầu cơ vào đồng tiền các nước đó; xem xét việc hệ thống này có thể trở thành một thể chính thức đa phương như một cơ chế vốn góp dự trữ hay không; tăng cường nỗ lực nhằm tránh khủng hoảng tài chính trong khu vực thông qua quá trình hợp tác tiền tệ và phát triển

thị trường trái phiếu; xúc tiến các sáng kiến trong lĩnh vực chủ chốt là phát triển các thị trường vốn, tự do hóa các dịch vụ tài chính, tự do hóa tài khoản vốn.

Ở cấp độ song phương, các Hiệp định Thương mại tự do song phương (FTA) vẫn tiếp tục được coi là một công cụ chính sách phù hợp của nhiều nước, bao gồm cả các nước phát triển và đang phát triển. Trong số các hiệp định như vậy được ký kết năm 2004 phải kể đến Hiệp định khung về thương mại và đầu tư giữa Ma-lai-xi-a và Mỹ, FTA giữa Mỹ và Ô-xtrây-li-a, Hiệp định khung về thương mại và đầu tư giữa Mỹ và Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất. Điều đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, FTA được ký kết không chỉ giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển, mà còn giữa các nước đang phát triển với nhau.

Nhiều Hiệp định Thương mại tự do song phương được ký kết làm cho tiến trình liên kết kinh tế trở nên phong phú, đồng thời cũng gây ra nhiều tranh cãi và lo ngại về tác động của nó đối với tiến trình tự do hóa đa phương.

4 – Triển vọng kinh tế thế giới năm 2005

Các dự báo về triển vọng kinh tế thế giới 2005 đều nhận định rằng, tăng trưởng kinh tế toàn cầu đạt đỉnh chu kỳ vào năm 2004 và sẽ giảm nhịp độ trong năm 2005. Xu hướng lệch pha trong chu kỳ tăng trưởng kinh tế của các nước phát triển vẫn tiếp diễn. Trong khi hai đầu tàu kinh tế là Mỹ và Nhật Bản giảm tốc thì Tây Âu sẽ là trung tâm duy nhất đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2004.

Các nước đang phát triển ở châu Á tăng trưởng năng động và ổn định, trong đó phải kể đến sự bùng nổ tăng trưởng của Trung Quốc. Các dự báo đều cho rằng kinh tế Trung Quốc sẽ "hạ nhiệt" trong năm 2005, tuy nhiên nhịp độ tăng trưởng vẫn sẽ trên 8%/năm trong 2 năm 2005 và 2006.

Tất cả các khu vực thuộc nhóm kinh tế đang phát triển đều đạt tốc độ tăng trưởng cao tương

đương hoặc cao hơn năm 2003. Trong khi đó, tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi sẽ đạt khoảng 5,4%, tức thấp hơn mức 6,2% của năm 2004 do các đầu tàu kinh tế thế giới cũng giảm nhịp độ tăng trưởng trong năm 2005. Trong các nền kinh tế mới nổi, các nước thuộc châu Phi và khu vực Trung Đông sẽ có tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2004, còn các khu vực khác đều giảm sút nhịp độ.

Tăng trưởng của khu vực Đông Á sẽ chậm lại mức 5,9% sau khi đạt mức kỷ lục 7,1% trong năm qua. Theo dự báo của WB (2004), trong năm 2005, chỉ có Việt Nam sẽ đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2004, còn các nền kinh tế Đông Á khác đều giảm nhịp độ.

Năm 2005, lạm phát toàn cầu sẽ trong tầm kiểm soát của các chính phủ. Giá các ngành hàng chủ yếu về cơ bản không có biến động lớn. Thương mại nông phẩm tiếp tục được giá do nguồn cung (ngũ cốc và gạo) giảm trong khi nhu cầu lại tăng mạnh. Giá các mặt hàng thực phẩm, đồ uống và thuốc lá sẽ ổn định do tổng nhu cầu thế giới dự báo sẽ tăng 5,6%.

Giá nhiên liệu sẽ vẫn đứng ở mức cao do nhu cầu tiêu thụ lớn. Dự báo nhu cầu dầu mỏ và khí tự nhiên của thế giới sẽ tăng 3% trong năm tới, song nhu cầu điện và than còn tăng cao hơn. Giá thép thế giới vẫn sẽ ở mức cao do nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thép hoàn thiện của thế giới dự báo tăng 4,5%. Tuy nhiên, giá cả các mặt hàng nguyên liệu thô như chì, nhôm, bạc, đồng lại được dự báo là sẽ giảm tới 20% từ nay tới giữa năm 2006 do chính phủ các nước sẽ cắt giảm chi tiêu. Giá các mặt hàng điện tử sẽ vẫn trong chu kỳ đi xuống, cho dù nhu cầu mua máy tính vẫn tăng mạnh. Ngành sản xuất ô-tô toàn cầu đang dư thừa công suất khoảng 25 - 30% nên giá ô-tô vẫn sẽ ở mức thấp cho dù tổng nhu cầu thế giới dự báo sẽ là 50 triệu chiếc, tăng 2,6%. Giá các mặt hàng tiêu dùng sẽ không biến động lớn do nhu cầu bán lẻ toàn cầu dự tính chỉ tăng 1,7% trong năm 2005, thấp hơn nhiều mức tăng của

năm 2004. Giá được phẩm và dịch vụ y tế vẫn sẽ ở mức cao. Trong các ngành dịch vụ chủ chốt, ngành du lịch - lữ hành và khách sạn - nhà hàng sẽ phục hồi với tổng nhu cầu ước đạt 1.700 tỉ USD. Ngành hàng không vẫn chưa "gượng dậy" được từ sau sự kiện 11-9-2001, trong ngành sẽ diễn ra xu thế sáp nhập vào dịch vụ vận tải giá rẻ. Ngành truyền thông, quảng cáo và giải trí cũng sẽ tăng trưởng ổn định. Triển vọng ngành dịch vụ tài chính ngân hàng sẽ cải thiện do nhu cầu vay vốn của khu vực doanh nghiệp dự kiến đạt 31.000 tỉ USD so với mức 27.800 tỉ USD năm 2004. Trong dịch vụ ngân hàng, dịch vụ thanh toán thẻ tín dụng qua điện thoại di động sẽ tăng mạnh sau khi thử nghiệm thành công ở thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản. Tăng trưởng của ngành bảo hiểm sẽ phụ thuộc vào nguồn thu phí thay vì lãi đầu tư trong khi triển vọng của các quỹ hưu trí không mấy sáng sủa.

Theo dự báo, dòng vốn tư nhân chảy vào các thị trường mới nổi sẽ còn tăng lên mức 229 tỉ USD. FDI sẽ duy trì đà tăng trưởng 11%/năm trong giai đoạn 2005 - 2008.

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2005 như trên bị chi phối bởi hàng loạt yếu tố: giá dầu mỏ vẫn bất ổn do nguồn cung vẫn còn nguy cơ bị "gián đoạn" trong khi nhu cầu vẫn tăng cao và công suất khai thác dự trữ không còn dồi dào; xu hướng "hạ nhiệt" của kinh tế Trung Quốc và tăng trưởng chậm lại của kinh tế Mỹ gắn với những vấn đề khó khăn như: tình trạng thâm hụt kép (thâm hụt ngân sách và thâm hụt thương mại), sự bất trắc trong phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô toàn cầu trước làn sóng tăng lãi suất và những điều chỉnh quan trọng trong cân đối vĩ mô ở một loạt nền kinh tế lớn trong năm 2005, sự bất ổn về an ninh và chính trị trên toàn cầu do cuộc chiến chống khủng bố quốc tế, nguy cơ và những hậu quả của thiên tai và dịch bệnh, tình trạng nghèo khổ gia tăng ở nhiều nước, nhất là ở châu Phi và khu vực Nam Á. □

NHỮNG NỖ LỰC...

(Tiếp theo trang 66)

tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Điều đặc biệt là Chương trình hành động này đã xác định trách nhiệm cụ thể của các quốc gia trong việc thực hiện Chương trình tại phạm vi lãnh thổ của mình trên cơ sở phù hợp với các quyền con người cơ bản. Ở một mức độ nào đó, Chương trình hành động của Hội nghị Bắc Kinh có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với các quốc gia trong việc hỗ trợ thiết thực việc thực hiện các quy định của Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ.

Cuộc đấu tranh vì quyền bình đẳng của phụ nữ đã đạt được những thành quả quan trọng thể hiện qua sự ghi nhận của luật pháp quốc tế về quyền phụ nữ cũng như những cam kết chính trị rộng lớn của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, thực trạng quyền phụ nữ trên thế giới ngày nay vẫn còn là một bức tranh với những gam màu không mấy tươi sáng. Tình trạng nghèo đói, bất công xã hội, bạo lực, xung đột vũ trang, đại dịch HIV/AIDS... đang là những nguy cơ đẩy lùi những tiến bộ về sự bình đẳng của phụ nữ vừa đạt được trong những thập niên vừa qua, đe dọa nghiêm trọng đến sự hưởng thụ các quyền con người của phụ nữ. Tình hình này đòi hỏi cộng đồng các quốc gia trên thế giới phải nỗ lực nhiều hơn nữa và không chỉ dừng lại ở việc thông qua các văn kiện pháp lý, các chương trình mang tính cam kết chính trị, đạo đức để bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ. Để chống lại sự phân biệt đối xử, sự coi thường phụ nữ, để bảo đảm sự hưởng thụ quyền bình đẳng cho phụ nữ, cộng đồng quốc tế và các chính phủ phải thực hiện trên thực tế các quy định, nguyên tắc, cam kết đồng thời với những biện pháp kinh tế - xã hội và các biện pháp khác để tạo nên môi trường ổn định, phát triển và bền vững vì sự tiến bộ của phụ nữ và của xã hội nói chung. □



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LẠNG SƠN

LANGSON CONSTRUCTION CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY (LASCOCO.JSC)

ĐC: Số 9A - Cửa Đông - phường Chi Lăng - thành phố Lạng Sơn * ĐT: (025) 812 245 - 812 348 - 811 043 - 811 316
Fax: (025) 811 045 * Email: TVXDLS@HN.VNN.VN



Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

HOÀNG VĂN THƯỢNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng đô thị, nông thôn, đường dây và trạm điện đến 35kV, phòng cháy chống cháy và môi trường gồm các ngành nghề sau:

- Các dịch vụ kiến trúc xây dựng
- Dịch vụ thiết kế kết cấu
- Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình
- Các dịch vụ kiến trúc cảnh quan
- Dịch vụ tư vấn thiết kế khác
- Dịch vụ hỗ trợ xây dựng
- Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ
- Khoan thăm dò, điều tra khảo sát
- Xây dựng công trình dân dụng

- Xây dựng công trình giao thông
- Xây dựng công trình thủy lợi
- Xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng đường dây và trạm điện đến 35kV

CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG

- + Phòng Tổ chức hành chính
- + Phòng Kỹ thuật, Kế hoạch tiếp thị
- + Phòng Tài chính kế toán

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SẢN XUẤT

- + Xí nghiệp Tư vấn thiết kế 1
- + Xí nghiệp Tư vấn thiết kế 2
- + Xí nghiệp Tư vấn thiết kế quy hoạch và kỹ thuật hạ tầng
- + Xí nghiệp Tư vấn khảo sát
- + Xí nghiệp Xây dựng
- + Phòng Tư vấn xây dựng
- + Phòng In hoàn thiện hồ sơ



Xí nghiệp Tư vấn thiết kế 1



Trụ sở của Công ty tại số 9A Cửa Đông, TP. Lạng Sơn



Nhà nghỉ của UBND tỉnh tại khu du lịch Mẫu Sơn



Chợ cửa khẩu Tân Thành



Trạm Kiểm soát liên hợp Chi Ma



Trụ sở Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lạng Sơn



Sơ đồ quy hoạch
Khu Đô thị Nam Hoàng Đông
thành phố Lạng Sơn



LIÊN ĐOÀN ĐỊA CHẤT THỦY VĂN-

ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH MIỀN TRUNG

Đường 2/4- Vinh Hải- Nha Trang- Khánh Hoà

Tel. 84 58 831 989- 84 58 831 987

E-mail. ldoandctvmt@dng.vnn.vn

Thành lập năm 1975, trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam- Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong suốt 30 năm qua Liên đoàn đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 15 huân chương Lao động và bằng khen các loại, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới được tặng 02 huân chương Lao động hạng Nhất, 01 hạng Nhì, 03 hạng Ba và nhiều bằng khen của Chính phủ.

Liên đoàn hoạt động trên địa bàn duyên hải miền Trung từ Đà Nẵng đến Bình Thuận và 05 tỉnh Tây Nguyên trên các lĩnh vực:

Điều tra lập bản đồ địa chất thủy văn, địa chất công trình, khoan thăm dò, thiết kế khai thác nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; điều tra địa chất đô thị, địa chất môi trường, tài biến địa chất, địa nhiệt, nước khoáng, nước nóng; điều tra địa chất công trình phục vụ xây dựng các công trình công nghiệp, dân sinh; tìm kiếm đánh giá khoáng sản vật liệu xây dựng, quy hoạch đô thị, phân vùng quy hoạch lãnh thổ.



CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

LIÊN ĐOÀN BẢN ĐỒ ĐỊA CHẤT MIỀN BẮC

Trụ sở: Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - Hà Nội * Điện thoại: 04. 8 271 714, 8 732 731 Fax: 04.8 720 600



Liên đoàn trưởng
NGUYỄN VĂN CAN

Liên đoàn Bản đồ địa chất Miền Bắc, "cái nôi" của chuyên ngành bản đồ địa chất Việt Nam ra đời năm 1959. Trong suốt quá trình hoạt động, Liên đoàn đã được biết đến với những cái tên: Ban bản đồ địa chất, Đoàn 20 (1959-1967), Cục bản đồ địa chất (1967-1977), Liên đoàn bản đồ địa chất (1977-1997). Tính đến nay, với lực lượng lao động và kỹ sư hùng hậu 208 CBCNV trong đó 113 đồng chí là đảng viên, Liên đoàn đã và đang đảm đương nhiều nhiệm vụ quan trọng về điều tra địa chất - khoáng sản, đóng góp tích

cực vào sự phát triển của ngành Địa chất và khoáng sản Việt Nam. Hiện nay Liên đoàn là lực lượng chủ công trong công tác đo vẽ, lập bản đồ và điều tra khoáng sản các loại tỷ lệ 1/500.000, 1/200.000, 1/50.000. Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, hiệu đính và biên tập các bản đồ địa chất khoáng sản và các bản đồ chuyên đề ở các tỷ lệ khác nhau, xuất bản phục vụ các ngành kinh tế và khoa học khác.

Trong công tác xã hội, Liên đoàn đã tham gia đầy đủ các chương trình phúc lợi cho CBCNV. Hiện tại, Liên đoàn hiện nhận phụng dưỡng 1 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Trải qua 45 năm xây dựng và trưởng thành, Liên đoàn bản đồ Địa chất miền Bắc đã có 1 anh hùng lao động, 1 đơn vị anh hùng, 1 công trình khoa học đề nghị giải thưởng Hồ Chí Minh. Đón nhận 2 Huân chương Lao động hạng Ba, 3 Huân chương Lao động hạng Hai, 1 Huân chương Lao động hạng Nhất. Nhân dịp kỷ niệm 45 năm ngày thành lập, chủ tịch nước Trần Đức Lương đã trao tặng Liên đoàn Huân chương Độc lập hạng Ba.



Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba



Tập thể kỹ sư của Liên đoàn



NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

108 Trần Hưng Đạo - Hà Nội - Tel: 84.4.9421333 - Fax: 84.4.9422337

**MANG ĐẾN ĐIỀU
NGƯỜI KHÁC HẰNG MƠ**



Chúc mừng năm mới - Xuân Ất Dậu 2005



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ : 167 Đại lộ 30/4, Thị xã Tây Ninh - ĐT : 822327 - 827536



KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn và Hạnh Phúc

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Tài

Ấp Dấu
2005

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

BÌNH DƯƠNG CENTER

Đường Trần Hưng Đạo
Thị xã Thủ Dầu Một

TRUNG TÂM
MUA SẴM
SẴM UẤT
NÁO NHIỆT



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT - DỊCH VỤ BÌNH DƯƠNG

Số 01 - Đường Huỳnh Văn Nghệ - P. Phú Hòa - TX. Thủ Dầu Một - T. Bình Dương
ĐT: 0650.821142 - 828501 FAX: 0650.822996 - 829931
Website: www.sblottery.com.vn Email: ctyxsktbinhduong@yahoo.com



TỔNG CÔNG TY CAO-SU VIỆT NAM

CÔNG TY CAO-SU PHƯỚC HÒA

Địa chỉ: Phước Hòa - Phú Giáo - Bình Dương * ĐT: 0650. 657 106 - 657 109 * Fax: 0650.657 1165



Công ty Cao-su Phước Hòa là một trong các đơn vị có diện tích lớn nhất trong ngành cao-su Việt Nam, nằm trong vùng chuyên canh cao-su, vị trí trung tâm của vùng cao-su miền Đông Nam Bộ, cách Thành phố Hồ Chí Minh 70 km, rất thuận lợi về mặt giao thông.

Diện tích:

17 000 héc-ta cao-su quốc doanh.

1 000 héc-ta cao-su tiểu điền.

Nhà máy:

Công ty có hai nhà máy chế biến cao-su:

Nhà máy chế biến cao-su "Cua Paris" có công suất 12 000 tấn/năm, được đưa vào sản xuất tháng 10-1997 với trang thiết bị quy trình công nghệ mới và hiện đại của Ma-lai-xi-a.

Nhà máy Chế biến cao-su Phước Hòa được cải tạo từ nhà máy chế biến cũ và được trang bị với những thiết bị mới của Ma-lai-xi-a có công suất 9 000 tấn năm, bao gồm dây chuyền chế biến mủ nước và dây chuyền chế biến mủ tạp.

Sản phẩm:

Cao-su khối: SVR 1, SVR 3L, SVR 5, SVR 10, SVR 20.

Cao-su khối có độ nhớt ổn định: SVR CV50, SVR CV60

Thị trường:

Sản phẩm của công ty được phân bố trên các thị trường: Thổ Nhĩ Kỳ, Đức, Mỹ, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, SGN, Nam Mỹ, Ma-rốc, Pháp, I-ta-li-a, Anh ...

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, mong muốn hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước sản xuất các sản phẩm công nghiệp và sản phẩm tiêu dùng từ nguyên liệu cao-su thiên nhiên.

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM

HỘI NÔNG DÂN TỈNH HÀ NAM

Địa chỉ: Trần Nhật Duật- Lê Hồng Phong- Tx.Phủ Lý- Hà Nam * Điện thoại: (0351) 852 766

Năm 2004 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IV. Hội Nông dân tỉnh Hà Nam đã quán triệt sâu sắc và nghiêm túc thực hiện các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Tỉnh ủy đề ra và 5 chương trình công tác lớn trong năm 2004 do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam chỉ đạo. Kết quả đạt được cụ thể là:

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP:

- Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm được tiếp tục phát triển cả về quy mô, chất lượng. Hiện nay, toàn tỉnh có tổng đàn trâu: 3.361 con, đàn bò 34.817 con, đàn lợn 348.857 con, dê 15.895 con, gia cầm 3.348.200 con, diện tích nuôi tôm càng xanh, cá rô phi đơn tính, ba ba và các loại cá khác đều phát triển tốt và hiệu quả kinh tế cao. Việc tiêm phòng và bảo vệ đàn gia súc gia cầm được nông dân tích cực thực hiện nên chưa có dịch lớn phát sinh.

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC PHONG TRÀO HÀNH ĐỘNG CÁCH MẠNG:

- Phong trào sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng: Hưởng ứng đề án của UBND tỉnh về xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/héc- ta/năm, hộ nông dân có thu nhập 50 triệu đồng/năm. Hội ND các cấp trong tỉnh đã tích cực tham gia vận động nông dân thực hiện, tiêu biểu là các xã: Đồng Hóa- Kim Bảng, Thanh Lưu, Thanh Hải- Thanh Liêm, Nhân Nghĩa- Lý Nhân, phường Lê Hồng Phong- Tx.Phủ Lý...

- Phong trào xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn: trong 5 tháng đầu năm 2004 nông dân trong tỉnh đã đóng góp được 4,9 tỉ đồng đào đắp trên 1 tỉ m³ đất đá, tu bổ xây dựng các công trình thủy lợi, trường học, trạm xá, nhà trẻ và các công trình phúc lợi, làm mới được 98,5 km đường giao thông nông thôn...

- Chương trình xóa nhà tạm cho hội viên nghèo: Kết quả 6 tháng đầu năm 2004 các cơ sở trong tỉnh đã vận động được 2 tỉ 560 triệu đồng và hàng vạn ngày công, làm mới 265 cho nông dân đạt 77% KH năm. Các huyện làm tốt chương trình xóa nhà tạm cho hộ nghèo là huyện Kim Bảng, Lý Nhân, Bình Lục...

- Phong trào xây dựng làng văn hóa, gia đình nông dân phát triển bền vững, luôn luôn được các cấp Hội quan tâm. Đến 15/6/2004 toàn tỉnh đã có 86.514 hộ đăng ký xây dựng gia đình nông dân phát triển bền vững, đạt 90% KH.



Chủ tịch: NGUYỄN VĂN HÒA





BƯU ĐIỆN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ : Đường 10 Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một-Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (0650).822400 - Fax : (0650).823115 - Website: <http://www.binhduongpt.com.vn>

NHANH CHÓNG, CHÍNH XÁC, AN TOÀN, TIỆN LỢI, VĂN MINH
TẤT CẢ VÌ KHÁCH HÀNG

CÁC DỊCH VỤ BƯU CHÍNH

1. CHUYỂN PHÁT NHANH EMS, DHL, FEDEX
2. TIẾT KIỆM BƯU ĐIỆN
3. ĐIỆN HOA
4. CHUYỂN TIỀN
5. VÀ NHIỀU DỊCH VỤ BƯU CHÍNH KHÁC



CÁC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

1. ĐIỆN THOẠI, FAX, TELEX TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC
2. INTERNET, TRUYỀN SỐ LIỆU (MẠNG DỌN, ADSL)
3. VÀ NHIỀU DỊCH VỤ VIỄN THÔNG MÔI KHÁC



Thẻ Fone Mega
1717 VNN VNN (ADSL)

Biết thêm nhiều thông tin : hãy gọi 108
hoặc truy cập địa chỉ Website: <http://www.binhduongpt.com.vn>

KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG NĂM 2004

- ✓ Mạng lưới Bưu chính 38 bưu cục, 45 điểm BDMK, 728 đại lý Bưu điện, bán kính phục vụ bình quân 3,3km/1 điểm phục vụ
- ✓ Mạng đường thư, cấp 1 đạt 3 chuyển / Ngày; cấp 2 đạt 10 chuyển / Ngày
- ✓ Mạng Viễn thông, 80% mạng truyền dẫn được cáp quang hóa và vi ba dự phòng, 46 đài trạm, 21 BTS của VnePhone.
- ✓ Doanh thu phát sinh đạt 501 tỷ đồng, vượt 6,6% kế hoạch năm (470 tỷ đồng)
- ✓ Phát triển máy điện thoại đạt 22.982 máy, vượt 9,96% kế hoạch năm (20.900 máy điện thoại).
- ✓ 100% các trường Đại học, Cao đẳng, PTTH đều có Internet. (Phấn đấu năm 2005 đạt 50% các trường THCS có Internet)
- ✓ 100% xã phường có điện thoại và báo đọc trong ngày.



BƯU ĐIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN



Với truyền thống đấu tranh bền bỉ, kiên cường của quân và dân Tây Nguyên và mạnh dạn sáng tạo trong thời kỳ xây dựng và đổi mới, Bưu điện tỉnh Lâm Đồng xây dựng mạng lưới Bưu chính viễn thông theo tiêu chí: công nghệ hiện đại an toàn rộng khắp đa dịch vụ, tốc độ phát triển nhanh, đáp ứng mọi nhu cầu của xã hội và nhân dân, xứng đáng với Danh hiệu: Đơn vị Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân trên cao nguyên Lâm Viên!



- ❖ Với 15 đơn vị cơ sở trực thuộc và 1.050 cán bộ công nhân viên, toàn Bưu điện Lâm Đồng có 11 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó có 1 đảng bộ và 10 chi bộ với 327 đảng viên, chiếm tỷ lệ 31,1% trên tổng số cán bộ công nhân viên.
- ❖ Từ năm 1991-2003, Đảng bộ Bưu điện Lâm Đồng luôn đạt danh hiệu "Đảng bộ trong sạch vững mạnh" 14 năm liền; được Tỉnh ủy Lâm Đồng và tổ chức Đảng các cấp tặng nhiều bằng khen, giấy khen về công tác xây dựng Đảng.
- ❖ Là một trong những đơn vị đầu tiên trong tỉnh hoàn thành việc đổi, phát thẻ Đảng viên.
- ❖ Đặc biệt vào tháng 9 năm 2004, được Chủ tịch nước trao tặng **HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT** cho Cán bộ Công nhân viên Bưu điện tỉnh Lâm Đồng.

TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ LÊ HỒNG PHONG.

Ngày truyền thống: 12/11/1949

Địa chỉ : 220 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội * Fax : (04) 5.620.302 * Tel : (04) 8.532.432

Được thành lập trên cơ sở sáp nhập 3 trường: Trường Đảng Lê Hồng Phong, Trường Quản lý Nhà nước thành phố Hà Nội, Trường Đoàn trung cấp thành phố Hà Nội. Trường đã có bề dày truyền thống 55 năm xây dựng, phấn đấu trưởng thành. Trên 1.113 lớp, với hơn 88.799 lượt học viên đã được đào tạo, bồi dưỡng tại trường qua các thời kỳ.

Một số phần thưởng vinh dự lớn :

- Huân chương Độc lập hạng Ba - năm 2004;
- Huân chương Lao động hạng Nhất - năm 1999;
- Huân chương Lao động hạng Nhì - năm 1985;
- 4 Bằng khen của Chính phủ cho 2 tập thể và 2 cá nhân;

Bài học Thành công trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ :

- a- Đổi mới nội dung chương trình, đa dạng hoá loại hình đào tạo, bồi dưỡng;
- b- Đổi mới phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ;
- c- Đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo;
- d- Đổi mới phương pháp quản lý và đánh giá kết quả học tập của học viên;
- e- Tích cực đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế;
- g- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và xây dựng môi trường Văn hoá, chống tệ nạn xã hội;
- h- Thực hiện tốt vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ; đề cao vai trò chủ động sáng tạo của các đoàn thể trong nhà trường.

Định hướng nhiệm vụ 5 năm tới :

*Về công tác mở lớp và phục vụ lớp:

Duy trì công tác mở lớp và phục vụ lớp, bảo đảm 10.000 lượt học viên/năm.

*Quy mô cơ sở vật chất:

Trên cơ sở mặt bằng hiện có (12.000 m²), xây dựng mới và cải tạo thêm phòng học, phòng làm việc, thiết bị giảng dạy và học tập trường đủ tiêu chuẩn, hiện đại.

*Quy mô về tổ chức, nhân sự:

Tuyển dụng đủ số giảng viên theo định biên của trường. Sau 5 năm tới, Trường có 80% số giảng viên có trình độ trên đại học.



HUYỆN VỊ XUYỀN - HÀ GIANG

Địa chỉ: thị trấn Vị Xuyên - Vị Xuyên - Hà Giang * ĐT: 019 826 410 * Bí thư: ĐÀM VĂN BÔNG

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện tạo ra bước đột phá để phát triển nhanh trên tất cả các lĩnh vực, hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa 20 đề ra.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẢNG BỘ HUYỆN KHÓA XX ĐẢNG BỘ HUYỆN (NHIỆM KỲ 2000 - 2005):

1. Tiếp tục duy trì mức tăng trưởng kinh tế của huyện trong những năm còn lại của nhiệm kỳ từ 11-12%, trong đó nông-lâm nghiệp tăng 5-6%, công nghiệp xây dựng tăng 16-17%, dịch vụ 15-16%. Cơ cấu ngành nông - lâm nghiệp chiếm 42%, CNXD chiếm 27%, dịch vụ 31%.

- Phân đấu thu nhập bình quân đạt 4 triệu đồng/người/năm vào năm 2005.

2. Tổng sản lượng lương thực 40.000 tấn, ổn định bình quân lương thực trên 400kg/người/năm.

3. Thu ngân sách trên địa bàn 30 tỉ đồng.

4. Xóa đói giảm nghèo: Năm 2004 giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5% (sớm hơn mục tiêu đề ra một năm).

- Xóa 1.023 nhà tạm trong năm 2004.

5. Phấn đấu 100% các tuyến đường ô tô vào trung tâm xã được rải nhựa và cấp phối, làm mới 20 cầu dầm, 26 tuyến đường vào thôn bản còn lại để đạt 100% thôn bản có đường ô tô tới trung tâm.

- 100% xã có điện lưới quốc gia, trên 80% số hộ được sử dụng điện.

6. Tỷ lệ huy động trẻ (6-14 tuổi) đến trường đạt 99% trở lên, trẻ từ 3-5 tuổi đi mẫu giáo đạt 85% trở lên, 100% các xã được phổ cập THCS.

7. Phấn đấu 70% xã có bác sỹ, giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,3%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em xuống 22%.

8. Tỷ lệ phủ sóng truyền hình đạt trên 90% dân số.

9. Giá trị hàng hóa xuất khẩu và có tính chất xuất khẩu 2 triệu USD.

10. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 55-56%.

11. Có 95% chi bộ đảng trở lên đạt TSVM, không có chi bộ yếu kém.

12. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. Chương trình 7 cây: Cây cam, cây chè, cây thảo quả, cây phân tán (cây quế, cây trám), cây mây, cây tre măng xuất khẩu và cây công nghiệp ngắn ngày (lạc, đậu tương). 4 con: Con trâu, con bò, con dê, con cá.

**Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Ất Dậu**



NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH HÀ GIANG

Địa chỉ: 217 Trần Quốc Toản - Nguyễn Trãi - Hà Giang * ĐT: 019. 866 599 * Fax: 019. 867 237



Giám đốc

NGUYỄN VĂN TOẠI

Ngân hàng Chính sách xã hội (CSXH) tỉnh Hà Giang được thành lập trên cơ sở tổ chức lại hoạt động của Ngân hàng phục vụ người nghèo với trách nhiệm là: tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Ngân hàng phục vụ người nghèo trong việc quản lý và cung cấp đầy đủ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định, để góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của tỉnh. Trong đó, Ngân hàng trực tiếp thực hiện dự án tín dụng cho vay hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh.

Năm 2004, Ngân hàng CSXH tỉnh Hà Giang đã nhận được quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND và các ban, ngành, đoàn thể đã tạo điều kiện thuận lợi cả về vật chất và tinh thần giúp cho ngân hàng từng bước đi vào ổn định và có đủ điều kiện tiếp tục tham gia

chương trình xóa đói giảm nghèo (XĐGN) giai đoạn 2001-2005; Mặt khác, Ngân hàng CSXH tỉnh Hà Giang đã nhận được sự đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn từ Ngân hàng CSXH Việt Nam để thực hiện chỉ tiêu kế hoạch hàng năm, ký kết văn bản thỏa thuận với 4 tổ chức Hội đoàn thể Chính trị - xã hội TW, tạo thành sức mạnh tổng hợp góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu XĐGN. Cụ thể một số chỉ tiêu đã đạt được như sau:

* Tổng nguồn vốn ước tính đến 31-12-2004 đạt 185.376 triệu đồng, trong đó nguồn vốn TW tăng so với đầu năm là 25% (tăng 34.771 triệu đồng), vốn GQVL tăng so với đầu năm là 13,5% (số tăng là 3.717 triệu đồng).

* Doanh số cho vay trong năm đạt 64.985 triệu đồng, tăng 183% so với năm 2003.

* Doanh số thu nợ trong năm đạt 16.190 triệu đồng, tăng 108,8% so với năm 2003.

* Doanh số cho vay hộ nghèo đạt 49.952 triệu đồng, tăng 196% so với năm 2003.

* Doanh số thu nợ hộ nghèo đạt 7.590 triệu đồng, giảm so 28,4% so với năm 2003.

Kết quả hoạt động tài chính cả năm: tổng thu ước đạt 6 916 triệu đồng; tổng chi ước đạt: 10.762 triệu đồng...



Tổng giám đốc Ngân hàng CSXHVN Hà Thị Thanh thăm mô hình trồng cỏ chăn nuôi tại huyện Mèo Vạc - Hà Giang



Tổng giám đốc Ngân hàng CSXHVN Hà Thị Thanh kiểm tra hiệu quả vốn vay tại huyện Đổng Văn - Hà Giang



Mô hình trang trại VAC phát triển mạnh tại huyện Vị Xuyên - Hà Giang



5/30

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THANH TÙNG

HX
9
H168B

Địa chỉ: Phường Quyết Thắng - thị xã Sơn La - tỉnh Sơn La * Điện thoại: 022.852 842

Giám đốc: **PHAN THANH TÙNG**



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. THI CÔNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG.
2. THI CÔNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VỪA VÀ NHỎ.
3. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI.

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 6000Đ

468B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

APR 22 2005

CURRENT

6

3-2005

HUYỆN ĐỒNG PHÚ

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN



**BÍ THƯ HUYỆN ỦY
NGUYỄN THẮNG**



TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH HUYỆN



CÂY CAO SU



CÂY MƯỚP



CÂY ĐIỀU

Đồng Phú là huyện cửa ngõ phía nam của tỉnh Bình Phước, nằm trên trục đường DT741 đi qua Bình Dương về thành phố Hồ Chí Minh. Đồng Phú là quê hương giàu truyền thống cách mạng, là nơi thành lập chi bộ Đồng Dương Cộng sản Đảng đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ.

Huyện có diện tích tự nhiên 92.906 ha, trong đó đất nông lâm nghiệp 85.919 ha. Dân số 74.215 người với 15 dân tộc anh em, đồng bào dân tộc ít người chiếm 22% dân số toàn huyện.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa VIII nhiệm kỳ 2000 - 2005, Đảng bộ và quân dân Đồng Phú đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu đáng khích lệ:

- Tổng giá trị sản xuất năm 2004 đạt 437,7 tỉ đồng, tăng 58,4% so với năm 2000, mức tăng trưởng hàng năm đạt 9,17%.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng và thương mại dịch vụ. Công nghiệp tăng từ 6,5% năm 2000 lên 16% năm 2004, thương mại - dịch vụ tăng từ 8% lên 13%.

- Tổng thu ngân sách năm 2004 là 17,2 tỉ đồng, tăng 2,4 lần so với năm 2000; thu nhập bình quân đầu người năm 2004 là 4,3 triệu đồng.

Đất đai Đồng Phú rất màu mỡ, thích nghi với các loại cây công nghiệp như cao-su, điều, hồ tiêu và cây ăn trái các loại. Khoáng sản chủ yếu là đá xây dựng với trữ lượng hàng trăm triệu m³. Hiện nay trên địa bàn huyện có 691 trang trại sản xuất nông-lâm ngư nghiệp, 9 HTX nông nghiệp, 29 doanh nghiệp tư nhân và 4 doanh nghiệp nhà nước (1 công ty cao-su, 3 lâm trường). Với tiềm năng đất đai khoáng sản và lực lượng lao động dồi dào Đồng Phú là địa chỉ hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh.

VĂN HÓA XÃ HỘI

- Giáo dục - đào tạo: mạng lưới trường học phủ đều trong toàn huyện, không có tình trạng học ca 3, tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt 99,8%, THCS đạt 96,8%, THPT đạt 78,88%; 90% xã, thị trấn hoàn thành phổ cập THCS.

- Y tế: 100% xã, thị trấn có trạm y tế và y tế thôn bản, 80% trạm y tế có bác sỹ.

- Đài truyền thanh huyện có công suất 500w, phủ sóng trên địa bàn toàn huyện.

- 100% xã, thị trấn có trạm truyền thanh, 88% hộ gia đình có phương tiện nghe nhìn.

Phong trào VN- TDTT phát triển sâu rộng trên địa bàn huyện, đã đoạt nhiều giải cao trong tỉnh và khu vực.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Công tác xây dựng và củng cố hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở thường xuyên được quan tâm thực hiện. Từ 2000 - 2004 kết nạp mới 300 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 900 đồng chí, 4 năm liền Đảng bộ đạt danh hiệu "Trong sạch, vững mạnh"



Địa chỉ: Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. ĐT: 0651.832179; FAX: 0651.832181



THÁNG 2 KỶ
RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 729

6
3-2005

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh

Điện thoại : (04) 7 75

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn

• Cơ quan thường tại miền Trung :

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080)

Fax : (080) 5130

• Cơ quan thường tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc

Thành phố Hồ

Điện thoại : (0)

Fax : (08) 8 2

• Tạp chí Công http://www.ta

• Tổng Biên LÊ HỮU

Bia l

Ảnh



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 729

6

3-2005

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

• Cơ quan thường trú tại miền Trung :

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Tuổi trẻ Cà Mau ra quân làm
giao thông (năm 2005)

Ảnh: Thanh Quang

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TRĂNG A PAO - Thực hiện chế độ cử tuyển trong đào tạo cán bộ vùng
dân tộc thiểu số, miền núi

3

LÊ THẾ TIỆM - Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, nâng cao
hiệu quả phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy trong tình
hình mới

7

NÔNG QUỐC TUẤN - Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản
Hồ Chí Minh đối với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam hiện nay

11

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN XUÂN TẢO - Đảng cầm quyền và đạo đức, phong cách của
cán bộ, đảng viên

15

ĐOÀN NAM ĐÀN - Tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng, giáo dục
thanh niên

19

NGUYỄN THANH NGA - Kinh tế Việt Nam năm 2004 và giải pháp
nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế năm 2005

24

CHU THÁI THÀNH - Bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn

29

BÙI THỊ KIM QUỲ - Vấn đề bình đẳng giới đối với nữ doanh nhân trong
quá trình đổi mới và hội nhập kinh tế

34

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN DUY VIỆT - Thái Bình trên con đường công nghiệp hóa,
hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

37

TRIỆU VĂN BÉ - Về quản lý và sử dụng đất đai vùng đồng bào dân tộc
thiểu số

42

LÊ ĐÌNH SỸ - Dân quân tự vệ - lực lượng chiến lược trong chiến tranh
nhân dân, quốc phòng toàn dân ở nước ta

45

HUỲNH MINH NHƠN - Hòa Vang - anh hùng trong chiến đấu và xây dựng

48

NGUYỄN TRÍ PHƯƠNG - Văn Giang với hai nhiệm vụ chính trị

53

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

HỒ NGỌC HY - Khắc phục những tư tưởng cản trở việc đổi mới
doanh nghiệp nhà nước

57

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

ANH ĐỨC - Báo cáo về tình hình nhân quyền các nước năm 2004 của
Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ - Một sự vi phạm nhân quyền

59

NGUYỄN QUANG THUẤN - Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên minh
châu Âu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

63

QUA BÁO CHÍ NƯỚC NGOÀI

*** Dư luận quốc tế ủng hộ nạn nhân chất độc da cam/di-ô-xin Việt Nam

68

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Hội nghị cộng tác viên Tạp chí Cộng sản

71

*** Đoàn cán bộ Tạp chí Cộng sản thăm và làm việc tại Cộng hòa dân chủ
nhân dân Lào

71

СОДЕРЖАНИЕ

• ЧАНГ А ПАО: Проведение отборочного порядка в подготовке кадров в горных районах и районах проживания нацменьшинств. • ЛЕ ТХЕ ТИЕМ: Развитие сил всего общества в повышении эффективности борьбы с преступностью, наркоманией в новой обстановке. • НОНГ КУОК ТУАН: Поднятие роли Коммунистического союза молодёжи им. Хо Ши Мина в Молодёжной федерации Вьетнама на данном этапе. • НГУЕН СУАН ТАО: Правящая Партия и мораль, стиль кадров, членов Партии. • ДОАН НАМ ДАН: Идеи Хо Ши Мина о воспитании молодёжи. • НГУЕН ТХАНЬ НГА: Экономика Вьетнама в 2004 г. и мероприятия по повышению её конкурентоспособности в 2005 г. • ТЮ ТХАЙ ТХАНЬ: Обеспечение снабжения чистой водой и охраны окружающей среды в сельских местностях. • БУЙ ТХИ КИМ КУИ: Проблема равноправия между мужчинами и женщинами и предпринимательницы в процессе обновления и экономической интеграции. • НГУЕН ЗУЙ ВЬЕТ: Провинция Тхайбинь на пути индустриализации, модернизации сельского хозяйства, сельских местностей. • ЧИЕУ ВАН БЕ: Об управлении и использовании земельным фондом в районах проживания нацменьшинств. • ЛЕ ДИНЬ ШИ: Отряды самообороны – стратегическая сила народных войн и всенародной обороны во Вьетнаме. • АНЬ ДЫК: Доклад Государственного департамента США об осуществлении прав человека государства в 2004 г. – нарушение прав человека. • НГУЕН КУАНГ ТХУАН: Экономические связи между Вьетнамом и ЕС в процессе международной экономической интеграции.

CONTENTS

• TRẢNG A PAO: Implementing the putting-forward and selection system in cadres training ethnic minorities' and mountain areas. • LÊ THẾ TIỆM: Developing universal force of the whole society, enhancing efficiency of the struggle prevent and oppose crime and drug in the new situation. • NÔNG QUỐC TUẤN: Developing the role of Hồ Chí Minh Communist Young Union in regards of present-day Vietnam Young Association. • NGUYỄN XUÂN TẢO: Party in power and morality, style of cadres, Party members. • ĐOÀN NAM ĐÀN: Hồ Chí Minh's thoughts of youth's cultivation, education. • NGUYỄN THANH NGA: Vietnam's economy in 2004 and solution to enhance competitiveness of economy in 2005. • CHU THÁI THÀNH: Providing clean water and hygiene in the rural environment. • BUI THỊ KIM QUỲ: The problem of sex equality for female businessmen in the process of economic renovation and integration. • NGUYỄN DUY VIỆT: Thái Bình on the path of industrialisation and modernisation of agriculture and countryside. • TRIỆU VĂN BÉ: Regarding managing and using lands of ethnic minorities' areas. • LÊ ĐÌNH SỸ: Strategic home-guard and self-defense forces in the People's war, whole-people's national defense in our country. • ANH ĐỨC: Country reports on Human Rights Practices for 2004 of U.S. Department of State - a violation of human rights. • NGUYỄN QUANG THUẤN: Economic relations between Vietnam and EU in the process of World economic integration.

SOMMAIRE

• TRẢNG A PAO: La mise en œuvre du système de désignation sélectionnée en faveur de la formation des cadres des régions montagneuses et d'ethnies minoritaires. • LÊ THẾ TIỆM: Valoriser la force générale de toute la société, en vue de rendre plus efficace la lutte contre les crimes et la drogue dans la nouvelle conjoncture. • NÔNG QUỐC TUẤN: Mettre en valeur le rôle de la Fédération des Jeunes communistes Hồ Chí Minh auprès de l'Union des Jeunes du Vietnam à l'heure actuelle. • NGUYỄN XUÂN TẢO: Le Parti au pouvoir et la question du vertu et du comportement des cadres et des membres du PCV. • ĐOÀN NAM ĐÀN: La pensée de Hồ Chí Minh du perfectionnement et de l'éducation des jeunes. • NGUYỄN THANH NGA: L'économie vietnamienne de 2004 et les solutions visant à renforcer sa capacité de concurrence pour 2005. • CHU THÁI THÀNH: L'assurance de l'eau propre et l'hygiène environnementale dans les régions rurales. • BUI THỊ KIM QUỲ: L'égalité des sexes en faveur des femmes d'affaires dans le processus de renouveau et d'intégration à l'économie mondiale. • NGUYỄN DUY VIỆT: La province de Thái Bình en voie de l'industrialisation et de la modernisation agricole et rurale. • TRIỆU VĂN BÉ: La gestion et l'utilisation des terrains dans les régions montagneuses et d'ethnies minoritaires. • LÊ ĐÌNH SỸ: Les milices populaires – forces stratégiques dans la guerre populaire et de la défense du peuple au Vietnam. • ANH ĐỨC: Le rapport sur le droit de l'homme de 2004 chez les autres pays du ministère des Affaires étrangères des Etats-Unis – une violation du droit de l'homme. • NGUYỄN QUANG THUẤN: La relation économique entre le Vietnam et l'Union européenne dans le processus d'intégration à l'économie mondiale.

SUMARIO

• TRẢNG A PAO: El actual régimen de elección y selección en la formación de cuadros de las zonas montañosa y de minorías étnicas. • LÊ THẾ TIỆM: Desplegar la fuerza sintética de toda la sociedad elevando la eficiencia de prevención y lucha contra la delincuencia y el droga en la nueva situación. • NÔNG QUỐC TUẤN: Poner en juego el papel de la Unión de Juventud Comunista de Hồ Chí Minh para con la actual Federación de Jóvenes Vietnamitas. • NGUYỄN XUÂN TẢO: El Partido en poder y la moral, el estilo de cuadros y militantes del Partido. • ĐOÀN NAM ĐÀN: El pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la capacitación y la educación juvenil. • NGUYỄN THANH NGA: La economía vietnamita de 2004 y las soluciones del aumento de capacidad competitiva de la economía de 2005. • CHU THÁI THÀNH: La garantía de agua potable e higiene ecológica en el campo. • BUI THỊ KIM QUỲ: La cuestión de igualdad de sexo para con las mujeres empresarias en el proceso de renovación e integración económica. • NGUYỄN DUY VIỆT: La provincia de Thái Bình en vías de industrialización y modernización agrícola y rural. • TRIỆU VĂN BÉ: Acerca de la gestión y el uso de tierra en la región de minorías étnicas. • LÊ ĐÌNH SỸ: Milicia autodefensa – fuerza estratégica en la guerra del pueblo y la defensa nacional de todo el pueblo en nuestro país. • ANH ĐỨC: El informe sobre la situación de derecho del hombre de los países de 2004 del Departamento de Estado de EE.UU – una violación del derecho humano. • NGUYỄN QUANG THUẤN: Las relaciones económicas Việt Nam – Unión Europea en el proceso de integración económica internacional.

目录

• 杜阿苞：落实目前培训山区少数民族地区干部的选派制度。黎世渐：发挥全社会的综合力量，提高新情况下打击、防犯罪、打击防毒的效果。农国俊：发挥目前胡志明共青团对越南青联协会的作用。阮春藻：执政党与干部、党员的道德、作风。段南坛：胡志明思想有关培训、教育青年。阮青娥：2004年越南经济及提高2005年经济的竞争能力解决措施。周泰城：保障农村的洁水供应及环境卫生。裴氏金葵：革新和经济融入过程中对女商人的性平等问题。阮唯越：太平省在农业、农村工业化现代化进程中。赵文贝：少数民族地区有关土地的管理和使用。黎廷士：自卫民兵——我国人民战争、全民国防的战略力量。英德：2004年美国国务院人权国别报告是违反人权的。阮光舜：国际经济融入进程中越南与欧盟经济关系。



THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CỬ TUYỂN TRONG ĐÀO TẠO CÁN BỘ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ, MIỀN NÚI

TRĂNG A PAO*

Cử tuyển trong đào tạo cán bộ vùng dân tộc thiểu số, miền núi là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Nghị quyết 22/NQ/TW, ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị, đã nêu: “đào tạo cán bộ dân tộc, cán bộ công tác ở miền núi, học xong trở về địa phương phục vụ đồng bào dân tộc”. Chủ trương này cũng đã được thể hiện trong Luật Giáo dục (năm 1999). Từ khi chế độ cử tuyển được thực hiện, việc cử tuyển con em người dân tộc thiểu số đã được cụ thể hóa trong đó đặc biệt chú ý đến việc “đào tạo cán bộ, công chức cho các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

Qua giám sát vấn đề này chúng tôi nhận thấy, quá trình thực hiện chế độ cử tuyển, từ trung ương đến địa phương, các ngành, các cấp có sự quan tâm rất lớn và đã nỗ lực triển khai thực hiện. Chính phủ đã có Nghị định số 43/2000/NĐ-CP, ngày 30-8-2000, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục, trong đó Khoản 2, Điều 38 quy định về chế độ cử tuyển. Căn cứ vào Nghị định trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ), Ủy ban Dân tộc và Miền núi (nay là Ủy ban Dân tộc)

đã phối hợp ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp theo chế độ cử tuyển. Việc xây dựng kế hoạch và quá trình thực hiện xét tuyển cơ bản được thực hiện đúng quy trình, bước đầu bảo đảm được tính công bằng, đúng đối tượng, đúng vùng cử tuyển theo luật. Ở các địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh đã thành lập Hội đồng tuyển sinh theo đúng hướng dẫn; đồng thời có kế hoạch chỉ đạo các ngành chức năng của tỉnh và các cơ sở thực hiện chế độ cử tuyển theo đúng luật định. Việc triển khai tuyển chọn ở cơ sở cũng đã bảo đảm được tính công khai, dân chủ. Vì vậy, qua 5 năm thực hiện chế độ cử tuyển theo luật, với chỉ tiêu được giao là 4.960 học sinh, sinh viên cử tuyển, các địa phương đã cử tuyển được 4.284 học sinh, sinh viên đạt tỷ lệ 86,37% kế hoạch. Mặc dù còn nhiều khó khăn như thiếu nguồn cử tuyển, thời gian giao chỉ tiêu gấp..., nhưng một số tỉnh đã nỗ lực phấn đấu thực hiện chỉ tiêu như: Cao Bằng, Bắc Kạn, Nghệ An, Thanh Hóa, Yên Bái, Lào Cai...

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

Sau hơn 15 năm thực hiện chủ trương cử tuyển (kể từ Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị) và 5 năm thực hiện chế độ cử tuyển (theo Luật Giáo dục), chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu: có trên 12 ngàn học sinh, sinh viên con em các dân tộc vùng miền núi đặc biệt khó khăn được cử tuyển đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp. Nhờ chế độ cử tuyển, từ năm 1999 đến nay, số lượng sinh viên các dân tộc theo học ở các trường đã tăng lên đáng kể. Năm học 1999 - 2000 là năm đầu tiên thực hiện chế độ cử tuyển theo luật, số sinh viên cử tuyển là 664 em. Năm học 2000 - 2001 số sinh viên được cử tuyển tăng 10% so với năm học trước. Các năm học tiếp theo như năm 2001 - 2002 tăng 20%, năm học 2003 - 2004 tăng 16% và năm 2004 - 2005 tăng 26%. Tính đến năm học 2003 - 2004 đã có 45 dân tộc có con em được cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, tăng 12 dân tộc so với năm học đầu thực hiện chế độ cử tuyển. Nhiều dân tộc thiểu số lần đầu tiên có con em được đi học theo chế độ cử tuyển như: Hà Nhì, Cơ Lao, Pà Thẻn, Kháng, Tà Ôi, Sinh-mun, Bô Y,... Từ khi thực hiện chủ trương cử tuyển, đại đa số học sinh cử tuyển ra trường đã được bố trí công tác, nhiều người đã trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở địa phương. Số cán bộ cử tuyển đã góp phần đáng kể vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an ninh - quốc phòng ở các vùng đồng bào dân tộc và miền núi. Nhiều địa phương nhờ nguồn cán bộ đào tạo từ chế độ cử tuyển đã khắc phục được tình trạng thiếu cán bộ, một số dân tộc đã hình thành đội ngũ cán bộ trí thức của dân tộc mình. Với thành tựu đạt được trong 15 năm thực hiện chủ trương cử tuyển, Hội đồng Dân tộc khẳng định, chủ trương cử tuyển là quan điểm đúng đắn của Đảng ta đối với cán bộ vùng dân tộc thiểu số. Việc thực hiện

thắng lợi chế độ cử tuyển có ý nghĩa vô cùng quan trọng, là tiền đề cho việc phấn đấu “thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc”, một quan điểm xuyên suốt của Đảng ta về vấn đề dân tộc từ khi ra đời đến nay và đã được thể chế trong Điều 5, Hiến pháp năm 1992.

Đảng và Nhà nước ta đã có sự đầu tư rất lớn cho việc thực hiện chủ trương cử tuyển, nhất là những năm gần đây khi chủ trương cử tuyển trở thành chế độ cử tuyển trong Luật Giáo dục, với mục đích nhằm tạo được đội ngũ cán bộ trí thức cho miền núi, vùng dân tộc thiểu số, thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc.

Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách cử tuyển, mặc dù chúng ta đã đạt được thành tựu bước đầu, song vẫn còn những vấn đề chưa tốt, chưa đạt được yêu cầu như: các cấp, các ngành chưa nhận thức đầy đủ về mục tiêu, yêu cầu và ý nghĩa của việc thực hiện chế độ cử tuyển, có nơi, có lúc thiếu quan tâm. Còn nhầm lẫn giữa mục tiêu cử tuyển với việc đào tạo nhân lực chung chung, coi đây là một quyền lợi cạnh tranh thủ để hưởng lợi, dẫn đến hiện tượng gian lận như khai không đúng thực tế vùng cử tuyển, đối tượng được cử tuyển. Qua giám sát của Hội đồng dân tộc và các đoàn đại biểu Quốc hội cho thấy: có nơi thay đổi địa chỉ cư trú từ thị trấn, thị xã thành vùng cao, thay đổi thành phần dân tộc Kinh thành người dân tộc thiểu số để được xét cử tuyển. Mặc dù Chính phủ, các bộ, ngành đã có các văn bản hướng dẫn, quy định việc quản lý đầu vào, đầu ra đối với học sinh cử tuyển, nhưng khi giám sát ở cơ sở, vẫn còn thấy nhiều địa phương quản lý lỏng lẻo, không có cơ quan nào chịu trách nhiệm chính; có tỉnh giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo, có tỉnh giao cho Sở Nội vụ, có tỉnh lại giao cho Ban Dân tộc chịu trách nhiệm... dẫn đến tình trạng không theo dõi được học sinh cử tuyển của

địa phương mình, không nắm được số đang học và đã ra trường làm gì, ở đâu?... Có nơi cử tuyển người đi học, khi ra trường lại không nhận về, không bố trí công việc, không có quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ theo chế độ cử tuyển hoặc do vùng cử tuyển thiếu nguồn nên đã lấy học sinh ở vùng khác thay thế. Tất cả những việc làm ấy đều không đúng với quy định của Luật Giáo dục về chế độ cử tuyển, nên khi thực hiện tuyển sinh khó đạt được chỉ tiêu. Từ khi thực hiện Luật Giáo dục đến nay một số địa phương không năm nào đạt chỉ tiêu cử tuyển. Năm học 1999 - 2000 cả nước chỉ đạt 68,4%; năm học 2000 - 2001 chỉ đạt 79,3%; năm học 2001 - 2002 đạt 95,7%; năm học 2002 - 2003 đạt 92,2%; năm học 2003 - 2004 đạt 94,8%. Một số địa phương chỉ tiêu cử tuyển đạt quá thấp như Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Bạc Liêu, Gia Lai, Lâm Đồng.

Đáng chú ý là ở các bộ, ngành; các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề; các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện chế độ cử tuyển, mặc dù có nhiều cố gắng chấp hành và cụ thể hóa việc thực hiện nhưng cũng không tránh khỏi nhận thức chưa thực sự đầy đủ về mục tiêu, chính sách. Vì vậy, khi xây dựng kế hoạch và giao chỉ tiêu cử tuyển chưa xuất phát từ yêu cầu thực tiễn; chưa xuất phát từ quy hoạch tổng thể, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, dẫn đến hiện tượng có địa phương thừa sinh viên nhưng vẫn thiếu cán bộ. Việc phân bổ chỉ tiêu học sinh, sinh viên cử tuyển không đúng với thực tế và yêu cầu cụ thể theo vùng miền, địa phương. Một số vùng do hệ thống giáo dục phổ thông kém phát triển nên có nhiều dân tộc không có nguồn để đào tạo theo chế độ cử tuyển. Hiện nay còn một số dân tộc chưa có nguồn học sinh cử tuyển như: dân tộc Ngái, Lự, Mảng, Si La, Brâu, La Hủ, Ô Đu, Rơ Măm... Một số ngành nghề địa phương rất cần

được cử tuyển như: giao thông, thủy lợi, lâm nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi... lại không được giao chỉ tiêu, hoặc giao chỉ tiêu ít. Một số ngành nghề địa phương chưa có nhu cầu như may thời trang, chế tạo máy, tin học, kiến trúc... lại được giao chỉ tiêu. Thời gian giao chỉ tiêu được quy định là trước 2 tháng, nhưng hằng năm đều giao quá chậm so với quy định trong khi đó quy trình xét duyệt tuyển chọn lại quá nhiều khâu phức tạp, do đó việc triển khai quá gấp, hoặc không kịp thời gian. Những tồn tại này đã làm nảy sinh các sai sót, tệ quan liêu, mất dân chủ trong thực hiện chế độ cử tuyển. Có nơi còn biểu hiện cục bộ, đặc lợi, khép kín, thậm chí có cán bộ vì mục đích và động cơ cá nhân đã cố tình làm sai quy định của chế độ cử tuyển.

Về công tác quản lý, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng từ trung ương đến các địa phương cũng còn thiếu chặt chẽ. Số liệu báo cáo thực hiện chế độ cử tuyển của bộ quản lý với số liệu báo cáo của các địa phương còn khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau. Tình hình trên cho thấy mặc dù Đảng và Nhà nước đã quan tâm và đầu tư rất lớn cho chế độ cử tuyển, song đến nay vẫn còn nhiều vấn đề chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu như mong muốn.

Muốn thực hiện thành công chủ trương này chúng tôi cho rằng: cần có sự tăng cường chỉ đạo một cách thiết thực của Chính phủ đề các cấp, các ngành có nhận thức đầy đủ về mục tiêu của chủ trương là đào tạo cán bộ, công chức cho các vùng dân tộc thiểu số vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đồng thời với việc tăng cường chỉ đạo, quản lý, phải quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số nói chung, cán bộ dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn nói riêng và quan tâm một cách cụ thể đến từng dân tộc. Quá trình triển khai thực hiện phải bảo đảm nguyên tắc

công khai, dân chủ, hướng tới bình đẳng giữa các dân tộc ngay từ khi tuyển chọn. Các địa phương muốn đề nghị tăng, bớt chỉ tiêu cử tuyển cần phải căn cứ vào kế hoạch, quy hoạch và nhu cầu đã được xác định. Xây dựng mục tiêu cho từng giai đoạn, cần có kế hoạch cụ thể thực hiện chế độ cử tuyển để dân tộc nào cũng có cán bộ, dân tộc nào cũng có đội ngũ trí thức của dân tộc mình. Nguồn học sinh cử tuyển chính là nguồn cán bộ của địa phương mình, ngành mình, vì vậy phải có kế hoạch chủ động tiếp nhận, sử dụng học sinh cử tuyển một cách hợp lý.

Để làm tốt công tác cử tuyển trong thời gian tới đề nghị các cấp, các ngành có liên quan thực hiện tốt một số điểm:

Trước hết, Quốc hội tiếp tục giám sát chặt chẽ đối với các ngành, các địa phương đang trực tiếp thực hiện nhiệm vụ cử tuyển, bảo đảm cho việc thực hiện đúng mục tiêu, yêu cầu và định hướng đã đề ra. Cần sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục có liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số và liên quan đến chế độ cử tuyển theo hướng tập trung vào các dân tộc thiểu số chưa có hoặc có rất ít cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp gắn với địa bàn, địa phương, vùng đặc biệt khó khăn. Mặt khác, Chính phủ cần sớm tổng kết 15 năm thực hiện chủ trương cử tuyển và 5 năm thực hiện chế độ cử tuyển theo luật. Trên cơ sở đó, đề ra biện pháp đồng bộ để tạo nguồn, đào tạo đội ngũ trí thức, đội ngũ cán bộ của từng dân tộc có chất lượng chuyên môn, có phẩm chất chính trị, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ các vùng dân tộc trong cả nước.

Có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành ở trung ương với chính quyền các cấp ở địa phương để quản lý cả đầu vào, đầu ra đối với học sinh, sinh viên trong hệ cử tuyển

và chỉ định rõ cơ quan nào ở trung ương, cơ quan nào ở địa phương chịu trách nhiệm quản lý, phối hợp tổ chức, thực hiện vấn đề này.

Chỉ đạo và giao cho các ngành chức năng hướng dẫn các địa phương xây dựng chiến lược, kế hoạch, quy hoạch đào tạo cán bộ dân tộc, nâng cao nhận thức để có cách nhìn đúng đắn về mục tiêu của chế độ cử tuyển; đồng thời, cần có cơ chế mở, không nhất thiết đào tạo cử tuyển chỉ có đại học và cao đẳng mà phải chuyển hướng tăng cường đào tạo trung học chuyên nghiệp và dạy nghề cho phù hợp với thực tế. Nhất thiết việc cử tuyển ở các địa phương phải gắn với kế hoạch, quy hoạch cán bộ. Khi tiến hành xét duyệt cử tuyển, phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Từ khâu tạo nguồn cán bộ cho cử tuyển, đến khâu cử đi học và cuối cùng là bố trí, sử dụng cán bộ, phải gắn liền với kế hoạch từng bước thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, khóa IX về công tác dân tộc.

Chính phủ cần có chế độ ưu đãi, khuyến khích vật chất đối với học sinh, sinh viên cử tuyển đang học trong các trường, nhất là học sinh, sinh viên của các dân tộc còn ít cán bộ ở các vùng đặc biệt khó khăn, như nâng mức học bổng và khuyến khích các điều kiện vật chất khác để các em hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Cử tuyển là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước đối với vùng dân tộc miền núi và đặc biệt với vấn đề cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt chế độ cử tuyển sẽ là cơ sở quan trọng, tạo đà cho việc thúc đẩy kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc và vùng đặc biệt khó khăn phát triển; đồng thời, cũng là cơ sở quan trọng để “thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc” và là động lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các vùng dân tộc và miền núi ở nước ta. □

PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA TOÀN XÃ HỘI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM, PHÒNG CHỐNG MA TÚY TRONG TÌNH HÌNH MỚI

LÊ THẾ TIỆM *

TRONG những năm gần đây, tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy trên thế giới và khu vực vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Các loại tội phạm khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm ma túy quốc tế gắn liền với thảm họa ma túy tổng hợp đã và đang thực sự là mối đe dọa đối với an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và sự ổn định chính trị của các quốc gia, là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm gia tăng tệ nạn xã hội và lây nhiễm HIV/AIDS. Tính đến cuối năm 2004, mặc dù số người nghiện đã giảm 20 triệu so với năm 2002, nhưng thế giới vẫn còn tới 200 triệu người nghiện các chất ma túy và hằng năm còn xảy ra hơn 500 triệu vụ tội phạm các loại.

Ở nước ta đã xuất hiện nhiều loại tội phạm mới như tội phạm có tổ chức, tội phạm có tính quốc tế, tội phạm buôn bán người, tội phạm dạng công nghệ cao. Nhất là tội phạm do nguyên nhân xã hội chiếm tỷ lệ cao. Bên cạnh đó tình hình tệ nạn ma túy cũng không kém phần gay gắt. Tính đến cuối năm 2004, cả nước có hơn 17 vạn người nghiện ma túy có hồ sơ kiểm soát, trong đó những địa phương

có số người nghiện ma túy cao là thành phố Hồ Chí Minh: 3,7 vạn, Hà Nội: 1,4 vạn, Sơn La: 7.000 người. Tệ buôn bán ma túy từ nước ngoài vào nước ta qua đường bộ, đường biển, đường hàng không, đường bưu điện... vẫn diễn ra. Nạn tái trồng cây có chất ma túy vẫn còn ở một số địa phương miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa.

Phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy là một cuộc đấu tranh gian khổ và quyết liệt. Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo sát sao, kiên quyết, nhằm ngăn chặn các hiểm họa này. Ngày 30-11-1996, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị 06/CT-TW Về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống và kiểm soát ma túy. Ngày 31-7-1998 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP Về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Công an

quốc gia phòng chống tội phạm, ban hành Chương trình hành động phòng chống ma túy giai đoạn 2001-2005. Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa X, đã thông qua *Luật phòng chống ma túy*. Mới đây Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg, ngày 14-7-2004, phê duyệt *Chương trình hành động phòng chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 – 2010*; Chỉ thị số 37/2004/CT-TTg, ngày 8-11-2004, *Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 09/1998/NQ-CP và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ đến năm 2010*. Đây là các cơ sở pháp lý quan trọng nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp và các tổ chức xã hội, các tầng lớp nhân dân tham gia phòng chống các loại tội phạm, phòng chống ma túy, trong đó lực lượng công an nhân dân có vai trò tham mưu, nòng cốt hết sức quan trọng.

Có thể nhận thấy rằng, trong những năm qua, cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy đã được thực hiện tương đối đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đã trở thành cuộc đấu tranh của toàn dân. Đã tạo được sự chuyển biến về nhận thức của lãnh đạo các cấp, các ngành và đông đảo cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy. Đã từng bước xã hội hóa công tác phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, đông viên được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia thực hiện. Cảm hóa, giáo dục, cải tạo được nhiều đối tượng phạm tội, tệ nạn ma túy trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội, giúp họ tái hòa nhập với cộng đồng, bảo đảm được an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở. Xuất hiện nhiều mô hình, điển hình tiên tiến xuất sắc như: phường Lam Sơn, (thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa); phường Thượng Lý (thành phố Hải Phòng), quận Sơn Trà (thành phố Đà Nẵng), phường Lê Lợi, phường

Bến Thủy (thành phố Vinh, Nghệ An)... và một số mô hình tiên tiến như: mô hình 1+2 của Hội Cựu chiến binh phường Ba Đình (thành phố Thanh Hóa), các mô hình “3 giảm: giảm tội phạm, giảm ma túy, giảm mại dâm” của thành phố Hồ Chí Minh, “thành phố 5 không: không có tội phạm giết người cướp của, không có ma túy tại cộng đồng, không có người thất học, không có người lang thang xin ăn, không có hộ đói” của Đà Nẵng, phong trào “3 bỏ: bỏ trồng cây thuốc phiện, bỏ hút thuốc phiện, bỏ buôn bán ma túy” của Yên Bái v.v.. Tính đến cuối năm 2004, cả nước có hơn 5.400 xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy (đạt 54%), phấn đấu đến năm 2005 đạt mục tiêu cả nước có 60% số xã, phường, thị trấn và 70% cơ quan, đơn vị không có người nghiện ma túy.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng và Nhà nước, lực lượng công an nhân dân được sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp, sự ủng hộ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân đã tổ chức đấu tranh trấn áp mạnh mẽ, liên tục bọn tội phạm các loại; đã góp phần kiềm chế, làm giảm tốc độ gia tăng phạm pháp hình sự, điều tra, khám phá nhiều vụ án lớn về hình sự, kinh tế, ma túy, bóc gỡ được nhiều đường dây, tổ chức tội phạm nguy hiểm. Trong 5 năm qua đã điều tra, khám phá 266.297 vụ phạm tội các loại, triệt phá 16.485 băng nhóm tội phạm hình sự gồm 44.852 đối tượng phạm tội. Số tội phạm giảm: Năm 1999 giảm 3,41% so với năm 1998, năm 2001 giảm 2,22% so với năm 2000, năm 2003 giảm 8,15% so với năm 2002 và giảm 23,7% so với năm 1998. Bốn thành phố lớn là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng phạm pháp hình sự giảm 10,02%.

Chúng ta đã triển khai nhiều chương trình phòng chống tội phạm ma túy. Năm 2004, các lực lượng đã phát hiện, điều tra, khám phá 12.068 vụ, 18.260 đối tượng phạm tội về

ma túy, thu 239,4 kg hê-rô-in, 58,6 kg thuốc phiện..., nhiều đường dây ma túy lớn bị bóc gỡ, góp phần ngăn chặn ma túy từ nước ngoài vào nội địa. Đã kiềm chế được tốc độ gia tăng người nghiện ma túy; triển khai đồng loạt nhiều biện pháp cai nghiện, phục hồi sau cai. Năm 2004, đã cai nghiện mới cho hơn 25.000 lượt người nghiện, dạy nghề cho gần 20.000 đối tượng. Xuất hiện nhiều mô hình cai nghiện, phục hồi bước đầu cho kết quả tốt như: mô hình cai nghiện tại tỉnh Tuyên Quang, thành phố Hà Nội; nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức cai nghiện, dạy nghề cho hơn 30.000 đối tượng theo Nghị quyết 16 của Quốc hội. Công tác cai nghiện tại cộng đồng, tại gia đình cũng phát huy hiệu quả tích cực. Nhiều người sau cai nghiện đã tái hòa nhập cộng đồng, trở thành những thành viên có ích cho xã hội.

Chúng ta đã thực hiện có hiệu quả Chương trình xóa bỏ và phát triển thay thế cây có chất ma túy tại các vùng cao. Đến nay, diện tích trồng cây thuốc phiện đã giảm 98%. Tuy nhiên, tình trạng tái trồng cây có chất ma túy vẫn còn diễn ra lẻ tẻ ở một số nơi do chưa được chính quyền địa phương quan tâm đúng mức.

Nhà nước ta đã xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, ký kết nhiều hiệp định hợp tác phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy với các nước trên thế giới và các tổ chức quốc tế, trong đó đáng chú ý là ba Công ước: *Công ước kiểm soát ma túy, Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước chống tham nhũng của Liên hợp quốc*. Việt Nam đã hợp tác chặt chẽ với các cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của Liên hợp quốc, INTERPOL, các nước ASEAN, các nước tiểu vùng sông Mê Công... để trao đổi thông tin, nâng cao năng lực cán bộ, trang thiết bị kỹ thuật phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, kiểm soát ma túy qua biên giới.

Trong cuộc chiến đấu vô cùng gian khổ, quyết liệt, nguy hiểm với bọn tội phạm, trong 5 năm qua có 16 cán bộ, chiến sĩ công an, 18 đồng chí công an xã và bảo vệ dân phố đã anh dũng hy sinh, hơn 50 đồng chí tham gia tấn công tội phạm đã bị thương.

Sự chỉ đạo kiên quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và tinh thần quyết tâm của toàn xã hội, nhất là lực lượng công an trong phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đã đem lại những kết quả quan trọng trong thời gian qua.

Tuy nhiên, chúng ta đang đứng trước những thách thức lớn. Đó là xuất hiện nhiều tội phạm mới như tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm tham nhũng, tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới v.v.. Tệ nạn ma túy vẫn còn diễn biến hết sức phức tạp với nguy cơ ma túy tổng hợp. Ma túy vẫn thâm lậu qua biên giới vào trong nước; công tác cai nghiện đạt hiệu quả chưa vững chắc, tỷ lệ tái nghiện còn cao; tình trạng nghiện ma túy trong công nhân, viên chức, lao động, trong giáo viên, học sinh vẫn còn tái diễn.

Để thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy trong tình hình mới, chúng ta cần tiếp tục phát huy sức mạnh của toàn xã hội, thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy. Tập trung tuyên truyền về phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy tới mọi cấp, mọi ngành, toàn thể các tầng lớp nhân dân, trong đó phát huy vai trò nòng cốt của các cơ quan, đơn vị, các đoàn thể xã hội, cán bộ công an, người nghỉ hưu, tổ trưởng dân phố,

trưởng thôn, già làng, trưởng bản... Để ngăn ngừa tội phạm và ma túy xâm nhập vào học đường và trong giới trẻ, cần đưa các kiến thức pháp luật, trong đó có Luật Phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy vào giảng dạy trong nhà trường thành môn học bắt buộc. Năm 2005, cần triển khai thật tốt cuộc thi "Toàn dân phòng chống ma túy" từ cơ sở xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị bằng hình thức văn nghệ quần chúng.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, hoàn thành các nghị định, thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Phòng chống ma túy, Bộ Luật tố tụng hình sự và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự mới.

Hai là, tiếp tục triển khai 4 đề án của Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt 4 đề án mới do Thủ tướng Chính phủ giao trong Chỉ thị 37/CT; tiếp tục triển khai 8 đề án của Chương trình hành động phòng chống ma túy giai đoạn 2001 - 2005; tập trung phát động toàn dân phát hiện và tố giác tội phạm, giáo dục, cải tạo người phạm tội tại cộng đồng dân cư, giáo dục pháp luật phòng chống tội phạm cho nhân dân; đấu tranh chống các tội phạm hình sự nguy hiểm, tội phạm có tổ chức, tội phạm có tính quốc tế, tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên, tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới, tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Trong công tác phòng chống ma túy, cần đẩy mạnh việc thực hiện chương trình xóa bỏ và thay cây có chứa chất ma túy với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh miền núi, phấn đấu đến cuối năm 2005 về cơ bản giải quyết xong vấn đề cây thuốc phiện; ngăn chặn ma túy từ nước ngoài xâm nhập vào nước ta và triệt phá các tụ điểm ma túy, các đường dây buôn bán ma túy trong nước. Tổng kết và nhân rộng mô hình cai nghiện của các địa phương như thành phố Hồ Chí Minh, Tuyên Quang,

gắn với cai nghiện tại gia đình, tại cộng đồng, quản lý sau cai; ngăn chặn ma túy xâm nhập vào nhà trường, cơ quan, xí nghiệp; xây dựng các xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị không có ma túy.

Tổ chức tổng kết việc thực hiện Chương trình hành động phòng chống ma túy giai đoạn 2001 - 2005 và triển khai Kế hoạch tổng thể phòng chống ma túy đến 2010 sau khi được Chính phủ phê duyệt.

Ba là, tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế với các nước láng giềng, Liên hợp quốc, INTERPOL nhằm ngăn chặn việc xâm nhập của tội phạm quốc tế từ bên ngoài vào Việt Nam, chặn đứng tệ buôn bán phụ nữ và trẻ em Việt Nam ra nước ngoài, ngăn chặn ma túy từ bên ngoài vào nước ta; góp phần nâng cao trình độ cán bộ, tăng cường trang bị, phương tiện phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy cho các lực lượng chức năng trong nước.

Bốn là, lồng ghép việc thực hiện Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, Chương trình hành động phòng chống ma túy giai đoạn 2001 - 2005, Chương trình hành động phòng chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em qua biên giới với các chương trình kinh tế - xã hội khác; xây dựng nhiều phòng tuyến ngăn chặn tội phạm và hiểm họa ma túy từ cơ sở.

Phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy là một cuộc đấu tranh vừa nóng bỏng, cấp bách, vừa bền bỉ, lâu dài. Sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước bằng các chương trình quốc gia, chương trình hành động có tính khoa học cùng với sự tham gia hưởng ứng của các tầng lớp xã hội, toàn thể nhân dân chính là những nhân tố quyết định bảo đảm sự thắng lợi của công tác này vì mục tiêu tạo sự ổn định bền vững của Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. □

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY

NÔNG QUỐC TUẤN *

RA đời và trưởng thành trong lịch sử đấu tranh cách mạng vẻ vang của dân tộc, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam không ngừng phát triển, trở thành tổ chức xã hội rộng rãi của thanh niên nước ta. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được Đảng giao cho trọng trách là nòng cốt chính trị trong tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

Cách mạng Tháng Tám thành công, để tập hợp mọi thanh niên phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị phải hình thành Mặt trận đoàn kết thanh niên. Chấp hành sự chỉ đạo của Người, với nòng cốt là Đoàn Thanh niên Cứu quốc, Tổng đoàn Thanh niên Việt Nam (sau đổi tên là Liên đoàn Thanh niên Việt Nam và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam) ra đời và lập tức thu hút đông đảo các tầng lớp thanh niên tham gia. Là tổ chức xã hội rộng rãi, với tính chất liên hiệp rộng lớn nên Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam đã tập hợp trong đội ngũ của mình các tổ chức thanh niên, trong đó có Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đoàn thật sự đã khẳng định vai trò nòng cốt đối với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh và được các tầng lớp

thanh niên Việt Nam đồng tình, hưởng ứng. Là đội hậu bị tin cậy của Đảng, tổ chức đoàn đã được thành lập một cách hệ thống, chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nước ta. Đây là những hạt nhân bảo đảm vai trò nòng cốt chính trị của tổ chức đoàn đối với Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và trở thành sức mạnh tổng hợp trong công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên. Đoàn định hướng cho tổ chức, hoạt động của Hội, hướng mặt trận đoàn kết thanh niên phục vụ sự nghiệp cách mạng. Đoàn phát động các phong trào lớn và thông qua tổ chức hội để tập hợp đông đảo các tầng lớp thanh niên tham gia; Đoàn cử cán bộ chủ chốt, có uy tín để các cấp của Hội hiệp thương chọn, cử giữ vị trí lãnh đạo trong tổ chức hội. Tổ chức đoàn cũng tạo điều kiện về cơ sở vật chất và phương tiện để Hội hoạt động.

Xác định mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên là bộ phận quan trọng trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, do đó định hướng công tác và nội dung hoạt động của Hội là những chương trình quan trọng góp phần thực hiện đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng. Năm năm

* Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam

qua, với vai trò nòng cốt chính trị của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nhiệm vụ đoàn kết, tập hợp thanh niên của Hội đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, có bước phát triển vượt bậc. Đến nay, tổ chức của Hội đã được thành lập ở hầu hết các quận, huyện, và xã, phường, với 5,4 triệu hội viên. Thông qua các loại hình phù hợp, Hội đã tập hợp đông đảo lực lượng doanh nhân và trí thức trẻ, thu hút rộng rãi các tầng lớp thanh niên các tôn giáo, thanh niên các dân tộc, thanh niên Việt Nam ở nước ngoài và cả những thanh niên có hoàn cảnh khó khăn, thanh niên lầm lỡ để cùng phấn đấu cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hoạt động của Hội là môi trường thuận lợi, sinh động để các đối tượng thanh niên rèn luyện, cống hiến và trưởng thành. Qua hoạt động, Hội đã tạo nguồn bổ sung dồi dào cho đội ngũ của Đoàn. Hai phong trào lớn "Thanh niên lập nghiệp", "Tuổi trẻ giữ nước" (nhiệm kỳ khóa VII của Đoàn) và phong trào "Thi đua tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" (nhiệm kỳ khóa VIII) đã được Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam triển khai rộng rãi đến các tầng lớp thanh niên thông qua 5 cuộc vận động lớn để phát huy vai trò thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chăm lo quyền lợi chính đáng của thanh niên. Hội đã cổ vũ, hỗ trợ cho thanh niên vươn lên trong học tập, tiêu biểu là cấp học bổng cho 290 nghìn lượt hội viên, thanh niên, với số tiền trên 60 tỉ đồng. Trong cuộc vận động "Thanh niên lập nghiệp", các hội viên đã giúp nhau với số tiền trên 200 tỉ đồng; hằng năm có khoảng 500 nghìn lượt hội viên, thanh niên được chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất, kinh doanh. Chỉ tính riêng 3.000 hội viên là doanh nghiệp trẻ đã đạt doanh thu 5 tỉ USD/năm và tạo việc làm cho 600 nghìn lao động. Cuộc vận động "Vì cuộc sống cộng đồng", nổi bật là phong trào thanh niên tình nguyện, đã để lại dấu ấn sâu đậm, được xã hội quan tâm, đồng tình và ủng hộ. Hình ảnh người thanh niên tình nguyện đã trở

nên rất đổi thân thiết với cộng đồng. Qua năm mùa hè tình nguyện, 20 triệu lượt thanh niên với nhiệt huyết của tuổi trẻ và tinh thần "lên rừng, xuống biển" đã tích cực tham gia phong trào tình nguyện. Phong trào hiến máu tình nguyện, có gần 300.000 thanh niên tham gia. Tuổi trẻ luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng tình nguyện lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn" đã được đông đảo các tầng lớp thanh niên hưởng ứng. Với những kết quả đó, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thời gian qua đã thực sự giúp cho Đảng giáo dục, tổ chức thanh niên phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiến trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang mở ra nhiều cơ hội phấn đấu cho thanh niên; nhưng đồng thời đòi hỏi Đoàn và Hội phải không ngừng vươn lên nhằm đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng hết sức phong phú của tuổi trẻ, qua đó làm tốt hơn nữa nhiệm vụ tăng cường đoàn kết, tập hợp thanh niên vì mục tiêu chung. Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng nêu rõ: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nhiệm vụ chiến lược, là động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ của Đoàn ngày nay phải tiếp tục mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên để nhân rộng sức mạnh tập thể của thanh niên phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để mở rộng đoàn kết, tập hợp thanh niên, tổ chức đoàn phải tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt chính trị để xây dựng tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thực sự là tổ chức rộng rãi của các tầng lớp thanh niên nước ta; là nơi bồi dưỡng, phát huy, lôi cuốn đông đảo thanh niên tham gia hoạt động của Hội với phương châm: ở đâu có thanh niên ở đó có tổ chức Hội, hoặc các hình thức hoạt động của Hội.

Đề Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thật sự là tổ chức rộng rãi của thanh niên nước ta, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; là mặt trận đoàn kết, tập hợp rộng rãi tất cả thanh niên Việt Nam; là môi trường giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu nước, ý chí bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, tinh thần tự lực, tự cường; khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tính tích cực, khả năng sáng tạo của thanh niên, chăm lo quyền lợi chính đáng của thanh niên; phát huy vai trò và tiềm năng to lớn của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc..., Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh không ngừng thể hiện ngày càng rõ và hiệu quả vai trò nòng cốt chính trị trong tổ chức và hoạt động của Hội, thông qua việc thực hiện tốt một số nhiệm vụ cơ bản sau:

Một là, phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong xây dựng tổ chức của Hội. Đây là khâu then chốt. Trước hết, Đoàn lựa chọn đúng những cán bộ vững vàng về bản lĩnh chính trị, nhiệt tình trong công việc, được thanh niên tín nhiệm để Hội hiệp thương giữ vị trí lãnh đạo tổ chức của Hội. Cán bộ được phân công làm công tác Hội phải chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Đoàn cùng cấp về lãnh đạo và định hướng chính trị cho Hội hoạt động, đồng thời nêu cao tinh thần trách nhiệm và coi việc xây dựng tổ chức của Hội là trách nhiệm của tổ chức đoàn trong công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên. Tổ chức đoàn tạo điều kiện trong xây dựng và hoạt động của Hội, trong đó xây dựng Hội thật sự là tổ chức xã hội rộng rãi của thanh niên; chủ động tìm tòi, đổi mới hình thức tập hợp thanh niên một cách đa dạng, linh hoạt và phù hợp theo nghề nghiệp, theo đối tượng và theo nhu cầu của thanh niên. Tại địa bàn xã, phường, thị trấn, phải có các loại hình chi hội, đội, nhóm, câu lạc bộ để tập hợp sát từng đối tượng thanh niên. Cùng với việc tăng cường xây dựng các loại hình tập hợp thanh niên ở cơ sở, đối với

cấp huyện, tỉnh đẩy mạnh việc xây dựng các loại hình tổ chức hội trực thuộc, trong đó tập trung xây dựng và thành lập Hội Doanh nghiệp trẻ của các tỉnh, thành phố; tập trung xây dựng các loại hình tổ chức hội của trí thức trẻ theo nghề nghiệp trên quy mô toàn quốc. Để tổ chức và hoạt động của Hội tại cơ sở có định hướng tốt về mặt chính trị, Đoàn tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát huy tính chủ động, tự nguyện, tự quản của Hội ở các cấp, tránh tình trạng "cầm tay chỉ việc", khắc phục sự chông chéo giữa Đoàn và Hội. Tổ chức đoàn đóng vai trò chủ trì trong công tác giáo dục cho thanh niên nhằm củng cố niềm tin, bồi đắp lý tưởng, tạo sự thống nhất về lý tưởng xã hội chủ nghĩa trong các tầng lớp thanh niên. Đoàn không ngừng đổi mới hình thức giáo dục, làm cho tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội thấm sâu trong mỗi thanh niên Việt Nam; ý thức phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trở thành hành động tự giác của thanh niên.

Hai là, Đoàn làm nòng cốt trong việc phát huy sức mạnh của các tầng lớp thanh niên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó, tiếp tục khuyến khích thanh niên đi đầu xây dựng xã hội học tập, nhận rõ học tập là con đường chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, vượt qua khó khăn thách thức, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế nước nhà trong điều kiện phát triển nhanh của khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức và hội nhập kinh tế quốc tế. Phát động trong hội viên, thanh niên phong trào học thêm ngoại ngữ, tin học, học thêm chuyên môn nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, Đoàn vận động thanh niên thi đua làm kinh tế giỏi và đi đầu trong phong trào xóa đói giảm nghèo; chủ động học nghề, nâng cao tay nghề và đoàn kết, thi đua trong sản xuất kinh doanh; chủ động, sáng tạo, có tầm nhìn, nhiều ý tưởng mới, dám nghĩ, dám làm; làm việc theo pháp luật và có hiệu quả cao, nhằm làm giàu cho bản thân và đất nước. Phát động thanh niên đi đầu tiếp nhận tiến bộ khoa

học - kỹ thuật, phát huy sáng kiến trong thanh niên. Phần đầu mỗi hội viên ở vị trí công tác của mình đều có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác. Triển khai có hiệu quả phong trào giúp cho hội viên thoát nghèo. Đẩy mạnh phong trào "Tiết kiệm tích lũy" trong thanh niên.

Tổ chức, huy động hội viên, thanh niên thường xuyên tham gia các hoạt động tình nguyện tại chỗ; phát triển mạnh các đội thanh niên tình nguyện tập trung đảm nhận việc mới, việc khó; chủ động tham gia chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí; tích cực bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai; giúp đỡ gia đình khó khăn. Tạo điều kiện cho thanh niên tham gia các dự án phát triển kinh tế biển đảo; tham gia xây dựng Đường Hồ Chí Minh, các dự án phát triển giao thông miền núi. Chủ động huy động lực lượng thanh niên tình nguyện tham gia chương trình kiên cố hóa trường học, lớp học cho các địa bàn khó khăn. Tổ chức tốt lực lượng để tham gia phổ cập tin học, nối mạng tri thức cho thanh niên nông thôn.

Một nhiệm vụ không kém phần quan trọng là, tiếp tục giáo dục cho hội viên, thanh niên nhận rõ và chống lại một cách chủ động và hiệu quả âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Xác định rõ trách nhiệm của tuổi trẻ là phải đi đầu thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chủ động phối hợp với các lực lượng vũ trang xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh ở địa bàn xung yếu. Phát huy vai trò chủ động của thanh niên trong việc tuyên truyền phòng chống các tệ nạn xã hội; tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS, ma túy và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, góp phần xây dựng xã hội trong sạch, lành mạnh.

Ba là, phát huy vai trò nòng cốt của Đoàn trong việc chăm lo quyền lợi chính đáng cho thanh niên. Trong đó, trước hết tổ chức đoàn

quan tâm vấn đề học tập cho thanh niên; giúp cho Hội những điều kiện tốt nhằm hỗ trợ thanh niên trong học tập; tổ chức các cuộc thi, giải thưởng để phát hiện bồi dưỡng tài năng. Đẩy mạnh việc xây dựng và nâng cao chất lượng các loại hình quỹ học bổng để nhiều tài năng, nhiều thanh niên có hoàn cảnh khó khăn có điều kiện vươn lên học tập tốt. Tiếp tục tổ chức các đội tình nguyện đến vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến trước đây để tham gia chống tái mù chữ cho thanh niên.

Hỗ trợ cho thanh niên về vốn, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh; tổ chức các hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ mới; nâng cao năng lực lập các dự án khả thi để phát triển kinh tế. Tiếp tục mở ra các loại hình câu lạc bộ chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

Giúp đỡ và tạo điều kiện cho mọi hội viên, thanh niên biết lựa chọn và tạo cho mình những hình thức vui chơi, giải trí lành mạnh và phù hợp; thường xuyên rèn luyện sức khỏe. Phối hợp với các ngành xây dựng và phổ biến các hình thức sinh hoạt văn hóa lành mạnh. Hình thành các câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao cho thanh niên; tổ chức các sân chơi lành mạnh, các diễn đàn, các cuộc thi bổ ích nhằm làm cho thanh niên được giải trí, qua đó định hướng thẩm mỹ cho thanh niên.

Bốn là, Đoàn Thanh niên các cấp làm tốt công tác tham mưu cho các cấp ủy trong lãnh đạo tổ chức của Hội. Tham mưu để Đảng kịp thời có chủ trương phù hợp phát huy vai trò của thanh niên và chăm lo đời sống toàn diện của thanh niên, nhất là dành sự quan tâm sâu sắc, toàn diện đối với công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên và xây dựng tổ chức của Hội. Hằng năm, Ban Thường vụ Đoàn cùng cấp hiệp thương thống nhất chương trình hoạt động và có kế hoạch làm việc với cấp ủy, chính quyền trong việc bảo đảm các nguồn lực cho Hội hoạt động nhằm tạo điều kiện, môi trường tốt để đông đảo thanh niên được cống hiến, rèn luyện và trưởng thành. □



ĐẢNG CẦM QUYỀN VÀ ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

NGUYỄN XUÂN TÁO *

TRONG Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh có viết: "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" ⁽¹⁾.

Vấn đề đảng cầm quyền, trong lịch sử nhân loại đã xuất hiện và được thực hiện phổ biến dưới chủ nghĩa tư bản. Giai cấp tư sản không chỉ công khai tuyên bố và thực hiện cầm quyền, mà khi các đảng tư sản nắm được chính quyền, họ tìm mọi biện pháp để duy trì, bảo vệ, củng cố địa vị cầm quyền của mình, cả về chính trị, kinh tế, luật pháp, đồng thời tìm cách hạn chế các đảng phái khác, nhất là Đảng Cộng sản.

Đảng ta là đảng cầm quyền, đã được khẳng định trên thực tế và được xác định trong Hiến pháp. Điều đó cũng có nghĩa là sự cầm quyền của Đảng được toàn dân, toàn xã hội thừa nhận và ủng hộ.

Trở thành đảng cầm quyền là một thắng lợi vĩ đại đánh dấu một bước ngoặt lớn của những người cộng sản, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, từ giai cấp bị trị, làm thuê trở thành giai cấp thống trị, làm chủ xã hội thông qua đội tiền phong của mình là Đảng Cộng sản lãnh đạo toàn xã hội. Đảng chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước dân tộc về mọi mặt của đời sống xã hội. Mọi thành công hay thất bại trong xây dựng

và phát triển kinh tế, xã hội, trong an ninh - quốc phòng, trật tự xã hội, trong đối nội, đối ngoại... đều gắn liền với trách nhiệm của Đảng, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên theo chức trách được giao.

Đảng cầm quyền nhưng không có nghĩa là Đảng đứng trên Nhà nước hoặc làm thay chức năng của Nhà nước. Đảng thực hiện sự lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách; bằng công tác tuyên truyền giáo dục, thuyết phục, kiểm tra; bằng việc giới thiệu cán bộ, đảng viên giữ những cương vị lãnh đạo, quản lý trong bộ máy nhà nước và trong hệ thống chính trị và bằng sự gương mẫu chấp hành đường lối chính sách, luật pháp của đội ngũ đảng viên.

Khi đã trở thành Đảng cầm quyền, do yêu cầu khách quan của sự lãnh đạo, quản lý xã hội, nhiều cán bộ, đảng viên được Đảng giao nhiệm vụ "cầm quyền" được giữ những chức vụ nhất định. Gắn liền với chức vụ là quyền hành, cùng với những chế độ đãi ngộ và phương tiện cho người cán bộ, đảng viên ấy thực thi các nhiệm vụ được giao. Chức quyền ấy là để phục vụ nhân dân, làm người "đầy tớ của dân", để chịu trách

* Thành phố Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 510

nhệm trước nhân dân, cũng là chịu trách nhiệm trước cách mạng, trước Đảng về phạm vi chức trách của mình. Tuy nhiên, một số cán bộ, đảng viên đã không nhận thức và làm như vậy. Họ đã thiếu trách nhiệm, gây hậu quả xấu về vật chất và tinh thần cho Nhà nước và xã hội. "Điều làm cho nhân dân còn nhiều bất bình, lo lắng, bức xúc nhất hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng; kỷ cương phép nước trong nhiều việc, nhiều lúc chưa nghiêm" (2).

Nguyên nhân của những khuyết điểm trên, một phần do trong điều kiện đảng cầm quyền phạm vi lãnh đạo, quản lý xã hội toàn diện, rộng khắp, có nhiều vấn đề mới mẻ, chưa có kinh nghiệm. Mặt khác do "Chúng ta chưa đánh giá hết tác động phức tạp của những biến động chính trị trên thế giới, cũng như những tác động phức tạp của mặt trái của kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập và của sự phát triển thông tin... đối với cán bộ, đảng viên và đối với toàn xã hội; từ đó chưa có những biện pháp đủ mạnh mẽ, đồng bộ để tăng cường có hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên và trong nhân dân, để xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh và xây dựng xã hội lành mạnh" (3).

Đối với cán bộ, đảng viên đức và tài là hai mặt của nhân cách, phải luôn coi trọng cả hai mặt đó và đức bao giờ cũng là "gốc". Ngày nay, trong điều kiện đảng cầm quyền thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng không phải vì thế mà đề cao tài hơn đức. Đó là quan niệm sai lầm. Vì đức và tài luôn gắn liền nhau trong hành vi con người, trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên. Tài càng cao thì càng phải đề cao đạo đức. Trước đây đã vậy, ngày nay trong xây dựng kinh tế, lại càng phải lấy đức "làm gốc", nếu không sẽ gây những thiệt hại to lớn cho xã hội.

Hơn nữa theo quy luật của tâm lý học và đạo đức học thì sự thích ứng của con người trước khó khăn và gian khổ bao giờ cũng chậm hơn, nhưng

lại tạo cho con người có "sức đề kháng" mạnh hơn, nhờ đó tôi luyện con người có ý chí vươn lên khắc phục khó khăn trong hành động. Còn trước thuận lợi và sự sung sướng thì sự thích ứng của con người nhanh hơn, lại dễ tạo cho con người thụ động, suy giảm sức đề kháng. Cho nên trong điều kiện đảng cầm quyền, cán bộ, đảng viên có chức quyền càng phải nghiêm khắc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, nếu không rất dễ sa ngã trước sức cám dỗ vật chất, đi đến thoái hóa biến chất, làm biến đổi bản chất "Tư cách đảng viên cộng sản".

Đương nhiên chúng ta cũng khẳng định các giá trị đạo đức không phải là một yếu tố bất biến. Đạo đức - một hình thái ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội và thay đổi theo sự thay đổi của tồn tại xã hội. Trong quá trình chuyển từ kháng chiến sang hòa bình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, từ chưa có chính quyền trở thành đảng cầm quyền, thì sự biến đổi các giá trị đạo đức cũng là điều khó tránh khỏi. Song không phải vì vậy mọi quan niệm đạo đức phải thay đổi. Những quan niệm đạo đức tiến bộ, cách mạng, những truyền thống đạo đức tốt đẹp, những giá trị đạo đức đúng đắn hợp lý vẫn phải được tiếp tục duy trì và phát huy trong những điều kiện mới, điều kiện của đảng cầm quyền.

Đạo đức của cán bộ, đảng viên là đạo đức cách mạng, là phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Đạo đức đó phải được thể hiện trước hết trong sự nghiệp, trong công việc và cả trong sinh hoạt hằng ngày của mỗi người. Đạo đức xác định phương hướng, hành vi của con người, quy định động cơ việc làm của cán bộ, đảng viên. Trước đây cũng như hiện nay vì nước, vì dân, vì chủ nghĩa xã hội là phẩm chất đạo đức cơ bản hàng đầu của mỗi cán bộ, đảng viên.

Trong điều kiện của đảng cầm quyền phần lớn đảng viên trở thành viên chức, kể cả các đảng viên làm công tác đảng và công tác các đoàn thể

(2) "Báo cáo kiểm điểm nửa đầu nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng", Báo Sài Gòn giải phóng, số ra 5-2-2004

(3) Báo cáo đã dẫn

nhân dân, không phải chỉ có đảng viên làm công tác chính quyền ở các cấp, đều nằm trong biên chế và hưởng lương do Nhà nước cấp. Đảng viên trở thành viên chức cũng là điều tự nhiên trong điều kiện Đảng cầm quyền. Nhưng đừng "viên chức hóa", "công chức hóa" đảng viên và càng phải hết sức tránh biến hoạt động của Đảng, công tác đảng, cũng như hoạt động của các đoàn thể nhân dân, công tác đoàn thể, trở thành một loại hoạt động hành chính, sự vụ. Điều mấu chốt là làm sao những đảng viên - viên chức ấy giữ được vai trò của người đảng viên cộng sản, trong lối sống, nhất là trong công tác, trong quan hệ với nhân dân.

Người đảng viên là cán bộ, công chức, phải thể hiện vai trò của mình thông qua ba mối quan hệ cơ bản: quan hệ của người viên chức với nhà nước, quan hệ với tổ chức và nhân dân, quan hệ với đồng nghiệp.

Khi Đảng cầm quyền, mối quan hệ giữa Đảng với dân - mối quan hệ cơ bản, có ý nghĩa sống còn với Đảng, trở thành mối quan hệ giữa Nhà nước với dân. Đảng cầm quyền bằng nhà nước thông qua luật pháp để quản lý xã hội. Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhà nước là đại diện quyền lực và lợi ích của nhân dân. Mọi cán bộ, đảng viên trong điều kiện Đảng cầm quyền, bên cạnh việc chấp hành Điều lệ Đảng, còn phải tuân theo luật pháp của Nhà nước, phải chấp hành mọi quy định của Nhà nước. Mối quan hệ Đảng với dân được thể hiện thông qua các hoạt động của các cán bộ, đảng viên, của viên chức. Mọi hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, đảng viên phải nhằm phục vụ nhân dân, đem lại lợi ích cho nhân dân. Vì vậy khi Đảng cầm quyền, thông qua sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành luật pháp và mọi quy định của Nhà nước, thể hiện ý thức và thái độ của cán bộ, đảng viên đối với lợi ích của nhân dân và đất nước.

Đối với nhiệm vụ, dù làm bất cứ công việc gì cũng phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, phải tận tụy làm việc hết sức mình để thu được kết quả tốt nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: "Những người ở các công sở, từ làng đến Chính phủ trung ương, đều dễ tìm dịp phát tài,

hoặc xoay tiền của Chính phủ, hoặc khoét đục nhân dân. Đến khi lộ ra, bị phạt, thì mất hết cả danh giá, mà của phi nghĩa đó cũng không được hưởng. Vì vậy, những người trong công sở phải lấy chữ *Liêm* làm đầu" ⁽⁴⁾.

Trong công việc, cán bộ, đảng viên - viên chức thay mặt Nhà nước tiếp xúc với dân để giải quyết công việc, đáp ứng quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Trong điều kiện có trụ sở cơ quan bề thế, phòng ốc làm việc đủ tiện nghi, khi tiếp xúc với dân, giải quyết công việc của dân phải hết sức tôn trọng dân thì mới có thể là người "đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Người còn dạy chúng ta: "Phải nhớ rằng dân là chủ. Dân như nước, mình như cá. Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết. Phải làm cho dân mến, khi sắp tới dân mong, khi đi dân tiếc, chớ vác mặt làm quan cách mạng cho dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ" ⁽⁵⁾.

Cán bộ, đảng viên trong điều kiện đảng cầm quyền có những lợi ích cá nhân chính đáng như tăng thu nhập, chăm lo cải thiện đời sống, nuôi dạy con cái, điều kiện làm việc nâng cao... Tuy nhiên, hiện nay ý thức về lợi ích cá nhân của một số cán bộ, đảng viên lại trở thành chủ nghĩa cá nhân, lấn át ý thức phục vụ, ý thức trách nhiệm. Hễ có chức quyền là tìm cách lợi dụng để mưu cầu lợi ích cho riêng mình. Đó là một tệ nạn gần như phổ biến hiện nay, cần kiên quyết lên án và khắc phục.

Tóm lại, trong quan hệ công việc với dân, dù ở cấp nào, ngành nào người cán bộ, đảng viên, người công chức phải liêm khiết, trong sạch, phải tận tụy có trách nhiệm.

Trong quan hệ với đồng nghiệp, đồng sự là quan hệ giữa các thành viên của một cơ cấu tổ chức thống nhất, phải có sự đoàn kết, hợp tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ. Nói cách khác, trong tổ chức mỗi người phải nêu cao tinh thần tập thể, ý thức trách nhiệm chung, vì lợi ích chung mà hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 105

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 101

Nêu cao tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ nhau trong công tác phải đấu tranh chống tư tưởng địa vị, kèn cựa, bè phái, chia rẽ, gây mất đoàn kết nội bộ, làm hại đến công việc của tổ chức. Bác Hồ còn dạy: "Mình là người làm việc công, phải có công tâm, công đức. Chớ đem của công dùng vào việc tư. Chớ đem người tư làm việc công. Việc gì cũng phải công bình, chính trực, không nên vì tư ân, tư huệ hoặc tư thù, tư oán. Mình có quyền dùng người thì phải dùng người có tài năng, làm được việc. Chớ vì bà con bầu bạn, mà kéo vào chức nọ chức kia. Chớ vì sợ mất địa vị mà dìm những kẻ có tài năng hơn mình. Phải trung thành với Chính phủ, với đồng bào" (6).

Đạo đức và phong cách không tự nhiên mà có, hơn nữa ai đã làm việc thì không thể tránh khỏi lỗi lầm. Điều quan trọng là khi có lỗi lầm, biết sửa lỗi thì vẫn tạo được niềm tin yêu đối với nhân dân và đồng nghiệp. Biện pháp quan trọng nhất là bản thân cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng rèn luyện đạo đức và phong cách. Suy cho cùng, dù pháp luật được hoàn thiện bao nhiêu cũng vẫn có những kẽ hở của nó, dù công tác giám sát, quản lý cán bộ, đảng viên có chặt chẽ bao nhiêu cũng không thay thế được sự nỗ lực tu dưỡng rèn luyện đạo đức của bản thân, sự gương mẫu và nghiêm khắc của cán bộ, đảng viên trước sự cám dỗ của vật chất. Vô luận trong bất cứ hoàn cảnh nào, cán bộ, đảng viên cũng phải đặt lợi ích chung lên trên, lên trước, càng không cho phép vì lợi ích cá nhân mà xâm phạm vào lợi ích chung, dù dưới hình thức nào.

Trong tu dưỡng đạo đức, rèn luyện phong cách, phải thực hành tự phê bình và phê bình, bởi nó là vũ khí rất cần thiết và sắc bén để cán bộ, đảng viên sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm. Phê bình và tự phê bình của cán bộ, đảng viên có từ lúc Đảng chưa cầm quyền. Ngày nay chức quyền của cán bộ, đảng viên gắn liền với lợi ích của họ, nếu không kiên quyết đấu tranh ngăn ngừa thì tư tưởng giấu giếm khuyết điểm, bao che, né tránh sẽ lấn át tính tự giác, trung thực trong phê bình đấu tranh nội bộ. Đồng chí Phạm Văn Đồng trong bài "Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản

Việt Nam" đăng trong Tạp chí Cộng sản nhân dịp kỷ niệm lần thứ 109 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã viết:

"Phải làm cho sạch bộ máy đảng, nhà nước, các đoàn thể quần chúng bằng cách thay đổi người có chức, có quyền hư hỏng, thoái hóa biến chất. Phải rèn luyện chủ yếu là qua thực tế công tác, người có chức, có quyền thực sự xứng đáng là người đầy tớ trung thành và người lãnh đạo của nhân dân, được dân tin, dân mến,...".

Để làm được việc trên, phải sử dụng vũ khí tự phê bình trong toàn đảng từ trên xuống dưới. Điều này chúng ta đã nói nhiều. Nhưng đây là điều cực kỳ khó khăn, bởi vì tự mình mổ xẻ mình. Tình hình hiện nay, nếu không cương quyết cũng dễ sa vào hình thức, làm qua loa, không có kết quả thiết thực...

Đồng chí Phạm Văn Đồng chỉ rõ "Về đạo đức, và lối sống, phải tập trung vào những khuyết điểm, sai lầm nặng nhất, nổi cộm nhất, nhân dân bất bình và chê trách nhất. Đó là tham nhũng, tư lợi và quan liêu cửa quyền, phiến hà sách nhiễu dân và biết bao ảnh hưởng tiêu cực của nó đang gây ra một cách rộng khắp với những tác hại không lường hết được mà Bác Hồ đã nói: trăm con mắt đều nhìn vào, trăm ngón tay đều chỉ vào. Đây là một chuỗi của những sai lầm, những hư hỏng có liên quan mật thiết đến tình hình phức tạp hiện nay của đất nước và nguyện vọng thiết tha nhất của nhân dân. Cho nên việc tự phê bình và phê bình phải có hiệu quả, từ đó từng bước thanh toán những sai lầm, hư hỏng ấy, đem lại nguồn sáng cho đất nước và nguồn phấn khởi cho nhân dân, là điều mà nhân dân, cán bộ các cấp, các ngành đều mong đợi" (7).

Tóm lại, trong điều kiện Đảng ta là đảng cầm quyền, cán bộ, đảng viên lại càng phải hết sức coi trọng việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng và phong cách công tác đảng mới có thể hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Đảng giao phó trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. □

(6) Sđd, t 5, tr 105

(7) Tạp chí Cộng sản, số 10 (5-1999), tr 5

TU TƯỚNG HỒ CHÍ MINH

về bồi dưỡng, giáo dục thanh niên

ĐOÀN NAM ĐÀN *

THANH niên là lực lượng rất quan trọng của mỗi dân tộc. Sự phát triển của thanh niên không những quan hệ đến vận mệnh và tương lai của đất nước, của dân tộc, mà còn ảnh hưởng tới tương lai của nhân loại. Vì thế, bất cứ quốc gia và chế độ xã hội nào muốn tồn tại, phát triển đều phải quan tâm đến việc chăm lo bồi dưỡng, giáo dục thế hệ tương lai. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Tương lai của dân tộc, tiền đồ của Tổ quốc và sự thắng lợi, phát triển của cách mạng phần lớn phụ thuộc vào việc giáo dục thanh niên. "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết"⁽¹⁾.

Vấn đề cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên là quan điểm giáo dục toàn diện. Người luôn coi trọng cả "đức" và "tài", và mối quan hệ giữa hai mặt đó trong sự hoàn thiện nhân cách con người mới.

Trong mối quan hệ "đức - tài", Hồ Chí Minh coi đạo đức là "gốc", là vấn đề có ý nghĩa quyết định của việc xây dựng con người mới. Khi nói về giáo dục đạo đức cho thanh niên học sinh, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Tôi xem chương trình giáo dục cho đến hết lớp 10, phần đức dục rất thiếu sót, chỉ có mười dòng"⁽²⁾. Tại Hội nghị tổng kết phong trào thi đua "đạy tốt,

học tốt" của ngành giáo dục phổ thông và sư phạm, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: nội dung giáo dục cần chú trọng hơn nữa về đức dục. Tức là việc giáo dục đạo đức phải dành ưu tiên nhiều về nội dung, chương trình, thời gian, kết hợp giáo dục đạo đức với các khoa học khác để hoàn thiện nhân cách người thanh niên xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ tư tưởng coi đạo đức là "gốc", cho nên Hồ Chí Minh đã có nhiều bài nói, bài viết đề cập tới giáo dục đạo đức cách mạng. Vấn đề quan trọng hàng đầu của đạo đức cách mạng là trung với nước, với Đảng, hiếu với dân. Khái niệm trung, hiếu mà Hồ Chí Minh nêu để thanh niên tu dưỡng, rèn luyện bao hàm những nội dung rất mới, trên cơ sở phát triển những tinh hoa của dân tộc và nhân loại. Trung, hiếu là khái niệm được Nho giáo đưa ra. Nhưng trung, hiếu của Nho giáo chỉ bó hẹp trong phạm vi hết lòng thờ vua, thờ cha mẹ trong bất kỳ điều kiện nào. Hồ Chí Minh cũng sử dụng khái niệm trung, hiếu nhưng được nâng cao, phát triển mang tính giai cấp sâu sắc để giáo dục thanh niên. Đó là trung với nước, trung với Đảng và hiếu với nhân dân.

Muốn cho thanh niên có lòng trung với nước phải thường xuyên quan tâm giáo dục họ tinh thần yêu nước nồng nàn, sâu sắc.

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 498

(2) Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 8, tr 105

Tinh thần đó được thể hiện thông qua hành động, phong trào cách mạng của tuổi trẻ. Về nội dung này, Hồ Chí Minh nói rõ: Yêu Tổ quốc là cái gì trái với quyền lợi của Tổ quốc, chúng ta kiên quyết chống lại. Tư tưởng quán xuyến của Người là Tổ quốc luôn gắn liền với nhân dân, yêu nước hay trung với nước là phải biết phấn đấu, hy sinh cho độc lập, tự do của đất nước, làm sao cho "dân giàu, nước mạnh".

Trung với Đảng, theo Người là phải giáo dục cho thanh niên luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng cách mạng có những đức tính trung thực, ngay thẳng, không làm việc bậy. Lúc được giao nhiệm vụ thì bất kỳ việc to nhỏ đều ra sức làm cẩn thận, có hiệu quả, và phải biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng. Đó là những nội dung hết sức sinh động, cụ thể vừa là thước đo, vừa là chỉ dẫn không chỉ riêng đối với thanh niên, mà còn cho tất cả những ai tự nguyện chiến đấu dưới ngọn cờ của Tổ quốc, của Đảng.

Hiếu với dân, trước hết phải kính trọng, thương yêu cha mẹ, nhưng phải biết kết hợp nhuần nhuyễn tình thương yêu cha mẹ, với đồng bào, đồng loại. Hiếu với dân như lời dạy của Người là, phải giáo dục thanh niên biết yêu mến, quý trọng nhân dân, học tập, làm việc, chiến đấu vì nhân dân, làm cho "ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành". Phải chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, tích cực giúp đỡ nhân dân vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống, để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống. Đồng thời, dám đấu tranh chống lại mọi biểu hiện sách nhiễu, gây phiền hà cho nhân dân và luôn dựa vào dân để phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, làm cho nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào chế độ xã hội chủ nghĩa.

Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên, Hồ Chí Minh rất chú trọng đến việc giáo dục những phẩm chất cao quý: cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; những tác phong đẹp đẽ như khiêm tốn, giản dị, có tinh thần lao động

tích cực, siêng năng, gan dạ, táo bạo và sáng tạo; là đức tính "trung thành, thật thà, chính trực" trong đời sống và công việc; kiên quyết chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng. Người nói: "Thanh niên cần phải chống tâm lý tự tư, tự lợi, chỉ lo lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình. Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Chống thói xem khinh lao động, nhất là lao động chân tay. Chống lười biếng, xa xỉ. Chống cách sinh hoạt ủy mị. Chống kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang"⁽³⁾, vì đó là những thói xấu kìm hãm chí tiến thủ của thanh niên. Người yêu cầu thanh niên phải thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm chỉnh để giúp nhau cùng tiến bộ.

Với thanh niên bao giờ cũng có nhiều ham muốn, song phải giáo dục cho họ sự ham muốn cao đẹp, chính đáng, không để cho những ham muốn thấp hèn trở thành thói quen trong cuộc sống, trong sinh hoạt hằng ngày. Bởi những ham muốn thấp hèn làm cho thanh niên thoái hóa, biến chất, hư hỏng. Nếu không giáo dục thanh niên đức tính giản dị, tiết kiệm, dễ dẫn đến tiêu pha phung phí, từ đó dễ đưa họ vào con đường làm ăn bất chính, vi phạm pháp luật.

Hồ Chí Minh lưu ý thanh niên phải kiên quyết đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân. Người nhấn mạnh phẩm chất chủ yếu của đạo đức cách mạng đó là chủ nghĩa tập thể và đối lập với nó là chủ nghĩa cá nhân. Người rất coi trọng vai trò của cá nhân trong xã hội, song trong mối liên hệ giữa cá nhân và xã hội trước hết phải được xem xét theo nguyên tắc cá nhân gắn chặt với xã hội, với tập thể. Nếu không có cách nhìn nhận đó, tách mình khỏi tập thể, chỉ biết sống vì mình, khinh miệt và xa lánh nhân dân, thì thanh niên sẽ trở về với chủ nghĩa cá nhân.

Trong mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, Hồ Chí Minh đòi hỏi thanh niên phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà, chứ không phải

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 455

là hỏi nước nhà đã cho mình những gì? Đối với tập thể và gia đình cũng vậy. Phải giáo dục cho thanh niên có tình thương và trách nhiệm với mọi người thì mới trở thành cơ sở tình cảm để chúng ta gieo vào đó chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã nhiều lần nghiêm khắc phê bình những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân trong thanh niên. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam, Người chỉ rõ: "Chủ nghĩa cá nhân là việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích chung của tập thể. "Miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy". Nó là mẹ đẻ ra tất cả mọi tính hư nết xấu, như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô, v.v.. Nó là kẻ thù hung ác của đạo đức cách mạng, chủ nghĩa xã hội"⁽⁴⁾. Trong 5 điểm dạy thanh niên, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở thanh niên phải "kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tự do", vì nó là kẻ thù hung ác nhất của chủ nghĩa xã hội. Người đã nói nhiều lần về tính chất nguy hiểm, xảo quyệt, xấu xa của chủ nghĩa cá nhân. Bởi vì: "Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng.

Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt, nó khéo dỗ dành người ta xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm"⁽⁵⁾.

Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là "giày xéo lên lợi ích cá nhân", mà Người đòi hỏi thanh niên cần giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích của mình với lợi ích của tập thể và xã hội; phải biết đặt lợi ích cá nhân trong lợi ích tập thể, xã hội, biết làm cho lợi ích cá nhân và xã hội phát triển hài hòa. Xã hội không đòi hỏi cá nhân phải hạn chế lợi ích của mình, mà yêu cầu cá nhân quan tâm thúc đẩy lợi ích riêng một cách hài hòa trong sự phát triển lợi ích chung của tập thể và xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể có thể nảy sinh mâu thuẫn. Một khi đứng trước mâu thuẫn giữa các lợi ích, đòi hỏi mỗi cá nhân phải biết điều chỉnh lợi ích của mình cho phù hợp với lợi ích của tập thể, trong những trường hợp nhất định phải biết hy sinh lợi ích riêng, vì lợi ích chung. "Nếu những lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể"⁽⁶⁾.

Đối với lợi ích riêng của mỗi người, không phải chỉ chú ý đến động lực tinh thần, mà còn phải phát huy sức mạnh của lợi ích vật chất, vì lợi ích vật chất là động lực quan trọng thúc đẩy hoạt động của con người. Nhưng lợi ích vật chất của mỗi cá nhân phải đặt trong hoàn cảnh, điều kiện của đất nước. Người nói: "Người ta ai cũng muốn ăn ngon mặc đẹp, nhưng muốn phải cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon mặc đẹp, như vậy là không có đạo đức"⁽⁷⁾.

Hồ Chí Minh còn lưu ý việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên là một quá trình từ thấp đến cao. Giai đoạn sau phải biết kế thừa có chọn lọc những phẩm chất đạo đức tốt đẹp đã được hình thành từ giai đoạn trước, biết tìm cách khắc phục, ngăn chặn những thói hư tật xấu đã chớm nở. Tính chất phức tạp của việc giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên còn thể hiện ở chỗ, mỗi giai đoạn của lứa tuổi đòi hỏi phải có những nội dung và biện pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm, tâm lý, sinh lý của thanh niên. Và phải được tiến hành thông qua các hoạt động, giao lưu của thanh niên, tức là thông qua việc học tập, lao động, công tác xã hội và vui chơi, văn nghệ, thể dục - thể thao,...

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 306

(5), (6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 283, 284; 291, 292

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 392

trong tập thể, ở gia đình và nhà trường. Đồng thời, việc giáo dục đạo đức cho thanh niên phải được coi là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, Người chỉ rõ: "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"⁽⁸⁾.

Cùng với giáo dục đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở phải giáo dục cho thanh niên nhận thức sâu sắc rằng: chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới.

Lý tưởng cách mạng cao đẹp mà Hồ Chí Minh nói tới, và cũng là để giáo dục cho thanh niên, đó là: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Những nội dung ấy luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội - đó là phương hướng duy nhất để củng cố bền vững nền độc lập của dân tộc, bảo đảm cho mọi người có cuộc sống ngày càng ấm no, tự do và hạnh phúc. Trong nội dung giáo dục thanh niên theo Người là phải làm cho họ nhận thức đúng và hiểu sâu sắc rằng: vì lý tưởng cao đẹp ấy, mà biết bao chiến sỹ cộng sản, biết bao người con yêu quý của giai cấp công nhân và của dân tộc đã hy sinh, biết bao lớp tuổi thanh niên đã lên đường chiến đấu. Con đường đi đến lý tưởng cao đẹp là con đường phải đổ nhiều mồ hôi, xương máu, nhưng cũng đầy vinh quang và sự tích anh hùng. Để từ đó góp phần giác ngộ thanh niên giúp họ thấy rõ vinh dự và trách nhiệm của tuổi trẻ nhằm đảm đương được sứ mệnh đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc đến thắng lợi cuối cùng.

Để giác ngộ sâu sắc về lý tưởng cách mạng, trước hết cần trang bị cho thanh niên kiến thức về thế giới quan duy vật khoa học và

phương pháp luận biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, về nhân sinh quan cách mạng, những hiểu biết đúng đắn về chủ nghĩa xã hội. Phải giáo dục cho thanh niên hiểu không chỉ mục đích cao đẹp cuối cùng phải tiến tới, mà còn cả mục tiêu hiện thực trước mắt cần thực hiện. Nếu chỉ nhìn thấy mục tiêu trước mắt mà không thấy được mục đích cuối cùng thì sẽ trở thành thiên cận, chỉ để thỏa mãn những gì đã đạt được, dễ dừng lại nửa chừng. Nhưng nếu chỉ thấy có mục đích cuối cùng, mà không biết giành thắng lợi từng bước cho những mục tiêu trước mắt, thì mục đích cuối cùng chắc chắn không thể đạt được. Chúng ta không thể tiến ngay đến chủ nghĩa xã hội với tất cả sự hoàn thiện của một xã hội tốt đẹp, mà phải trải qua nhiều giai đoạn, nhiều chặng đường. Nếu những thế hệ đi trước đã chiến đấu hy sinh để giành lại nền độc lập, tự do cho dân tộc, thì thanh niên ngày nay có nhiệm vụ giữ vững nền độc lập, tự do ấy và đưa chủ nghĩa xã hội đến toàn thắng.

Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng, việc giáo dục nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật và nghề nghiệp cho thanh niên là rất cần thiết. Do đó, Hồ Chí Minh căn dặn thanh niên nước ta phải "Ra sức học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và quân sự để cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc, cho nhân dân"⁽⁹⁾. Người còn nêu rõ: Làm nghề gì cũng phải học, mục đích của việc học không gì khác hơn là để nâng cao năng lực, làm cho kinh tế phát triển, chiến đấu thắng lợi, đời sống của nhân dân ngày càng no ấm, tươi vui. Người thường nhắc nhở trong khi giảng dạy, học tập phải coi trọng các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, các môn kỹ thuật để có kiến thức toàn diện tham gia tốt nhất vào sự nghiệp xây dựng nước nhà.

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 293

(9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 11, tr 505

Để học văn hóa, kỹ thuật và nghề nghiệp đạt kết quả tốt, Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi thanh niên phải xác định mục đích, động cơ học tập đúng đắn. Việc xác định mục đích và xây dựng động cơ học tập không chỉ là vấn đề của học tập, mà theo Người, đó còn là vấn đề đạo đức, là nhân cách người học. Nếu học tập chỉ nhằm đạt được mục đích cá nhân, lợi ích và danh vọng cá nhân, thì việc học đó sẽ không đem lại kết quả tốt. Quá trình học tập phải là sự chịu khó tìm tòi, học hỏi nâng cao trình độ mọi mặt, để phục vụ ngày càng tốt hơn cho cách mạng.

Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở thanh niên phải không ngừng học tập. Thanh niên mà không chịu học tập, đó là thói xấu không thể chấp nhận được. "Nếu không chịu khó học thì không tiến bộ được. Không tiến bộ là thoái bộ. Xã hội càng đi tới, công việc càng nhiều, máy móc càng tinh xảo. Mình mà không chịu học thì lạc hậu, mà lạc hậu là bị đào thải, tự mình đào thải mình"⁽¹⁰⁾.

Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến tính thiết thực, hữu ích của những điều đã học được. Người chỉ rõ: Cái cốt lõi nhất của việc học tập là nâng cao hiểu biết, và để áp dụng những kiến thức đó vào việc làm. Học mà không làm được, học mấy cũng vô ích. Có nhiều người không hiểu cái lẽ đơn giản đó, đã cố gắng học những điều quá cao xa, không sát thực tế công việc chuyên môn của mình, trong khi thời gian dành cho tự học và nghiên cứu về chuyên môn quá ít, thì việc học đó cũng chỉ để "trang trí", cho "oai" mà thôi.

Thanh niên là lực lượng quan trọng của xã hội, không những có vai trò tham gia thực hiện tốt các nhiệm vụ hiện tại của đất nước, mà điều quan trọng hơn là lớp người đảm đương xây dựng một xã hội tương lai. Do đó, ngoài việc coi trọng giáo dục "đức - tài", còn phải nâng cao sức khỏe mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ. Đầu năm 1946, Người kêu gọi: "Luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước". Nói bổn

phận là nói về trách nhiệm của mỗi người, đã là người dân yêu nước thì phải bồi bổ sức khỏe bằng cách luyện tập thể dục. Đối với thanh niên, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở phải giữ gìn vệ sinh thật tốt và siêng tập thể thao để nâng cao sức khỏe. Người căn dặn đoàn viên, thanh niên: "Phải rèn luyện thân thể cho khỏe mạnh. Khỏe mạnh thì mới có đủ sức để tham gia một cách dẻo dai bền bỉ những công việc ích nước lợi dân"⁽¹¹⁾.

Để thực hiện có hiệu quả các nội dung giáo dục nêu trên, Hồ Chí Minh cho rằng cần phải đề ra được những phương châm, phương pháp tiến hành giáo dục thanh niên một cách đúng đắn và khoa học, phù hợp với thực tế, với đặc thù của thanh niên nước ta. Những phương châm, phương pháp giáo dục cơ bản là: kết hợp chặt chẽ học với hành, lý luận với thực tiễn, nhà trường gắn liền với xã hội; kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục thanh niên; phát huy ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện và lấy gương "người tốt, việc tốt" để giáo dục, tập hợp thanh niên.

Có thể nói, cả cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ hành vi thường ngày, đến những lời dạy bảo, trong mọi lúc, mọi nơi đều toát lên tinh thần nhân văn, tình thương yêu sâu sắc, và hết sức bình dị, gần gũi đối với thanh niên, có tác dụng giáo dục to lớn. Đặc biệt quan điểm giáo dục toàn diện của Hồ Chí Minh đã chỉ cho chúng ta thấy được mô hình chung của con người phải đào tạo trên những định hướng chính về các mặt phẩm chất, tài năng cùng mối liên hệ đúng đắn giữa các mặt đó với nhau để hoàn thiện nhân cách con người mới. Đó là cơ sở tư tưởng và lý luận để chúng ta vạch ra chiến lược giáo dục thanh niên nước ta trong thế kỷ XXI với những yêu cầu, đòi hỏi cao hơn, nhằm đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.□

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 554

(11) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 264

Kinh tế Việt Nam năm 2004 và giải pháp nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế năm 2005

NGUYỄN THANH NGÀ *

Để hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 (trung bình 7,5%/năm), ngay từ đầu năm 2004 Quốc hội đã duyệt phương án tăng trưởng kinh tế trung bình của 2 năm cuối cùng 2004 - 2005, phải là 8,2%. Thế nhưng tăng trưởng kinh tế năm 2004 mới chỉ đạt 7,6%, nên nhiệm vụ đặt ra cho năm 2005 là rất nặng nề. Phân tích cụ thể tình hình tăng trưởng kinh tế năm 2004 cho thấy:

Cung: Tiếp tục đà của năm 2003, cả công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp đều có mức tăng trưởng khá. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng khoảng 10,3%, chiếm gần 52,1% GDP. Cụ thể, khu vực kinh tế tư nhân tăng 22%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 15,1% và khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 12,3%.

Khu vực dịch vụ, ước tăng 7,3%, đóng góp khoảng 38,8% GDP. Với mức tăng trưởng thấp hơn tăng trưởng kinh tế chung, có thể nói năm vừa qua ngành dịch vụ chưa phát huy được hiệu quả đúng với tiềm lực của nó. Tuy nhiên, năm 2004 cũng đã đánh dấu một số bước đột phá trong việc giảm độc quyền nhà nước ngành bưu chính - viễn thông, dẫn đến giảm được cước phí

giao dịch và tăng được đáng kể số lượng người nhận dịch vụ.

Mặc dù dịch cúm gia cầm xảy ra đầu năm, cùng với hạn hán ở nhiều địa phương và lũ lụt ở các tỉnh miền Trung đã làm mất mùa trên diện rộng, nhưng nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn tăng trưởng ở mức 3,3%, chiếm tỷ trọng gần 9,2% GDP. Trong đó, một phần đáng kể nhờ có sự cải thiện giá trên thị trường thế giới về một số mặt hàng nông sản xuất khẩu

chính, như: gạo, cà phê, cao su và hạt tiêu; đồng thời cũng có yếu tố phục hồi nhu cầu trong các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản.

Điều đáng chú ý là thủy sản nước ta vẫn chứng tỏ tiềm lực xuất khẩu của mình cho dù có những phán quyết bất công của Mỹ về bán phá giá cá ba sa, cá tra và tôm. Các nhà xuất khẩu trong nước đã kịp thời khai thác các thị trường mới theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa, đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường truyền thống như Nhật Bản, ASEAN và EU.

Cầu: Năm 2004 nhu cầu tiêu dùng tăng 7,4%, đầu tư trong nước tăng 13,1% đã có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GDP của cả năm (tương ứng là 5,35 và 4,64 điểm phần trăm⁽¹⁾). Tuy nhiên, mức tăng tiêu dùng đạt xấp xỉ với mức tăng GDP (7,6%) là một biểu hiện không lành mạnh, vì theo các nhà phân tích, về lâu dài điều đó có thể dẫn đến tình trạng khó khăn trong thu hút nguồn vốn nhân rồi từ nhân dân để đầu tư cho sản xuất. Xuất khẩu cũng có mức

* ThS, Bộ Thương mại

(1) Ví dụ: coi phần gia tăng GDP là 100%, thì nhu cầu tiêu dùng có đóng góp 5,35%

tăng trưởng cao, ước tính đóng góp 11,89 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, nhu cầu trong nước tăng cao sẽ dẫn đến lượng nhập khẩu lớn, ước làm giảm giá trị xuất khẩu ròng đóng góp vào GDP xuống chỉ còn âm 1,49 điểm phần trăm.

Diễn biến tăng giá thế giới các mặt hàng dầu thô và một số loại nông sản như gạo, cà phê, cao su và hạt tiêu mang lại nhiều lợi nhuận xuất khẩu cho Việt Nam năm 2004. Không tính dầu thô thì giá hàng hóa xuất khẩu tăng 2,1% và lượng xuất khẩu tăng 22% đưa kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 11 tháng của năm 2004 tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2003. Riêng sự tăng giá của dầu thô đã làm tăng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng của năm 2004 thêm 1,28 tỉ USD (chiếm gần 24% trong 5,4 tỉ USD tăng kim ngạch xuất khẩu). Nếu tính cả mức tăng giá và tăng sản lượng khai thác thì 11 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu dầu thô tăng 1,81 tỉ USD làm cho tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước tăng 10%⁽²⁾. Giá dầu thô tăng mạnh kéo theo giá xăng dầu và nguyên phụ liệu nhập khẩu tăng, đồng thời giá xuất khẩu các mặt hàng chế tạo cũng tăng theo. *Điều này phần nào được phản ánh qua mức thâm hụt thương mại và thâm hụt tài khoản vãng lai giảm so với năm 2003, chỉ còn tương ứng là 5 tỉ và 1,4 tỉ USD.*

Năm 2004 chứng kiến sự tăng mạnh của dòng vốn FDI. Vốn thực hiện và vốn đăng ký mới trong năm đạt mức cao nhất kể từ sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực (năm 1997). Lũy kế từ đầu năm đến 20-11-2004⁽³⁾, số vốn cấp mới và tăng thêm đạt 3.775,2 triệu USD, tăng 43,6% so với cùng kỳ; trong đó, vốn đầu tư đăng ký mới là 1.984,3 triệu USD với 630 dự án được cấp giấy phép đầu tư (giảm 4,6% về số dự án so với cùng kỳ năm trước nhưng tăng 20,5% về vốn đăng ký, vốn tăng thêm là 1.781 triệu USD với 411 lượt dự án tăng vốn (tăng 82,4% về vốn và tăng 8,4% về số dự án so với cùng kỳ năm trước). Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện ước đạt 2,8 tỉ USD, tăng đột biến so với năm 2003, vượt

mức kế hoạch đề ra là 2,6 tỉ USD. Trong 4 năm (2001-2004), cả nước có khoảng 800 doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đi vào hoạt động, tạo việc làm cho hơn 8 vạn lao động, đưa tổng số lao động trực tiếp của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khoảng 77 vạn người. Trong điều kiện lượng vốn đầu tư nước ngoài toàn cầu tiếp tục suy giảm và cạnh tranh khốc liệt, thì kết quả đạt được như vậy ở nước ta là rất đáng khích lệ.

Kết quả trên có sự đóng góp quan trọng của môi trường kinh doanh. Cụ thể, khuôn khổ luật pháp cho đầu tư nước ngoài tiếp tục được hoàn thiện theo hướng đầy đủ, rõ ràng và thông thoáng hơn, từng bước hướng tới một mặt bằng pháp lý chung cho cả đầu tư trong nước và nước ngoài, và phù hợp hơn với thông lệ quốc tế.

Năm 2004 là năm đầu tiên thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi), theo đó Quốc hội được thông qua ngân sách, bao gồm cả việc phân bổ ngân sách cho cấp địa phương và tăng sự phân quyền trong quản lý ngân sách, gần một nửa chi tiêu ngân sách là do địa phương quyết định dựa trên các ưu tiên của mình. Những thay đổi này nhằm nâng cao hiệu quả thu chi ngân sách.

Thu ngân sách năm 2004 đạt được chỉ tiêu đề ra, bằng 22,7% GDP, tăng 17,4% so với năm 2003, trong đó thu từ thuế và phí đạt 21%. Các tỉnh và thành phố đều đạt và vượt kế hoạch thu ngân sách, bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và bổ sung tăng chi đầu tư. Cơ cấu thu có nhiều tiến bộ, thu nội địa (không kể dầu thô), tăng 23,8% so với năm 2003, chiếm 55,1% tổng thu, trong đó: thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 39%, thu từ doanh nghiệp tăng 26,9%. Thu từ dầu thô vượt 44,8%⁽⁴⁾ so với dự toán, trong đó

(2) Số liệu của Bộ Thương mại

(3) Số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(4) Chủ yếu nhờ sản lượng dầu thô đạt mức cao, trên 18 triệu tấn (tăng 0,5 triệu tấn) và giá dầu thô xuất khẩu tăng trên 35% so với dự toán đầu năm.

ngân sách đã dành một phần bù lỗ nhập khẩu xăng dầu để kiềm chế giá tiêu dùng trong nước. Tuy nhiên, tăng thu từ sản xuất, kinh doanh mới chỉ chiếm 17,8%.

Thu từ hoạt động xuất - nhập khẩu giảm 7,8% so với dự toán do mấy nguyên nhân sau: Nhà nước thực hiện điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu xăng dầu, thép và phôi thép để bình ổn giá trong nước, đối phó với biến động tăng giá các mặt hàng này trên thị trường thế giới; thực hiện việc cắt giảm thuế theo tiến trình gia nhập AFTA/ASEAN. Hiện tại thuế xuất - nhập khẩu vẫn còn chiếm 17% tổng thu ngân sách, trong lúc chúng ta phải tăng tốc thực hiện lịch trình cắt giảm thuế theo các cam kết với AFTA/ASEAN (đến hết năm 2006), Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và chuẩn bị để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, nên dự báo sẽ có nhiều áp lực lên thu ngân sách, ít nhất trong một vài năm tới. Về lý thuyết, việc cắt giảm thuế xuất - nhập khẩu không phải lúc nào cũng làm giảm thu ngân sách. Tuy nhiên, do tầm quan trọng của nó, khi kết quả còn chưa thật rõ ràng, Chính phủ cần xây dựng một phương án trung hạn có tính đến yếu tố ổn định tài khóa.

Chi ngân sách trong năm 2004 tăng 9,8% so với dự toán. Chi cho đầu tư phát triển đã tăng lên đáng kể, ước đạt 30% tổng chi ngân sách nhà nước năm 2004 là một thuận lợi cho việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng GDP cho cả năm 2005. Tuy nhiên, theo một số đánh giá, việc phân cấp sử dụng ngân sách dưới hình thức khoán chi và cho phép các tỉnh giữ lại một phần thu thuế trên địa bàn mới chỉ nhằm nâng cao hiệu quả chi tiêu đến cấp tỉnh và thành phố. Trong khi đó cơ chế phân bổ ngân sách từ cấp tỉnh, thành phố xuống các quận, huyện chủ yếu vẫn dựa vào những định mức cũ, nên khó tránh được tình trạng "xin cho", thiếu minh bạch, không có cơ sở thực tế, vì thế hiệu quả chưa cao nhất là trong việc thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Chỉ số giá tiêu dùng 9 tháng đầu năm 2004 tăng cao thể hiện dấu hiệu lạm phát trong nền kinh tế: chỉ số lạm phát tăng từ 3% năm 2003 lên 9,5% năm 2004. Nguyên nhân là do tăng giá lương thực thực phẩm, chiếm 49% "giỏ" hàng hóa để tính chỉ số giá tiêu dùng của nước ta. Yếu tố này được đánh giá là ngày càng mang tính nội sinh do Việt Nam là nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Những yếu tố nội sinh khác phải kể đến là dịch cúm gia cầm đã làm mất đi một lượng cung lớn về thực phẩm trong "giỏ" hàng tiêu dùng hằng ngày của người dân.

Trong số các yếu tố ngoại sinh có giá dầu thô tăng cao kéo theo việc tăng giá các nguyên vật liệu khác nhất là thép và phân bón. Đáng chú ý là việc tăng giá thuốc chữa bệnh từ cuối năm 2003. Nguyên nhân ngoại sinh còn bao gồm tỉ giá hối đoái (VND/USD) tăng tương đối. Tuy vậy, những diễn biến vừa qua vẫn là lạm phát giá, chưa phải là yếu tố tiền tệ và ngân sách, nên được coi là lạm phát ở mức thấp và có khả năng kiểm soát được bằng các chính sách tài khóa và tiền tệ thắt chặt phù hợp, không ảnh hưởng nhiều đến mục tiêu tăng trưởng.

Thị trường tiền tệ trong năm 2004, ngoài sức ép lạm phát trong nước, còn chịu sức ép từ những biến động trong các nền kinh tế lớn thế giới. Mỹ và Trung Quốc đều có động thái theo đuổi chính sách "hy sinh mục tiêu tăng trưởng để kiềm chế lạm phát". Do thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ, đồng USD đã liên tục mất giá so với đồng Ô-rô, Yên và Bảng Anh, đẩy giá vàng thế giới leo cao.

Bên cạnh đó, tín dụng, nhất là dưới hình thức cho các doanh nghiệp nhà nước vay, tăng cao trong năm 2004, từ 28% cuối năm 2003 lên 36% vào tháng 7-2004. Dự nợ cho vay của toàn bộ nền kinh tế tính đến cuối tháng 11 tăng 24%, trong đó dự nợ cho vay bằng VND tăng 20,8% và cho vay bằng ngoại tệ tăng 35,2%. Nợ xấu tăng 13,6% so với thời điểm 31-12-2003. Trong khi đó, do lạm phát nên tỉ lệ huy động vốn tiền gửi đạt thấp, nhất là huy động bằng VND. Lãi suất

thực của VND có xu hướng giảm từ mức 4% năm 2003 xuống còn khoảng 0,7% năm 2004. Những dự đoán về tỉ giá đã khiến người dân có xu hướng chuyển sang gửi bằng ngoại tệ.

Trước những bất ổn như vậy, cùng với việc thắt chặt hơn chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ tiếp tục được duy trì theo hướng kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng trưởng tiền tệ và tín dụng nhằm kiềm chế tốc độ tăng giá. Từ ngày 1-7-2004, yêu cầu dự trữ bắt buộc VND và ngoại tệ đã tăng từ mức tương ứng 2% và 4% lên 5% và 8%. Chính phủ đã ra chỉ thị yêu cầu giảm lượng cho vay của các ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước và thắt chặt việc quản lý tăng giá. Trong năm 2004, Bộ Tài chính đã có các biện pháp khống chế tăng giá: giảm thuế nhập khẩu thép vào đầu năm và xăng dầu vào giữa năm kèm theo với việc áp đặt giá trần. Những can thiệp vĩ mô tỏ ra đã có tác dụng kiềm chế được lạm phát dưới hai con số cho năm 2004.

Tuy nhiên, nhiều chuyên gia kinh tế thế giới nhận định rằng, với tình hình kinh tế Mỹ hiện nay, chắc chắn USD sẽ phải giảm mạnh hơn nữa, ít nhất là thêm 30%, để có thể thu hẹp hơn mức thâm hụt tài khoản vãng lai. Ngoài ra, các ngân hàng ở châu Á hiện nay đang có xu hướng đa dạng hóa các hình thức dự trữ ngoại tệ, tăng tỷ trọng O-rô và đồng Yên. Nếu động thái này diễn ra thì USD sẽ có thêm yếu tố mất giá.

Ở Việt Nam tỷ giá VND/USD vẫn chưa biến động lớn, dự báo chỉ ở mức 15.750 (± 30) VND/USD. Song, giao dịch bằng đồng USD vẫn chiếm 90% giao dịch thương mại và khoảng 87 - 88% giao dịch về vốn, vay nợ, viện trợ của Việt Nam với quốc tế. Do đó, cho đến nay, động thái tăng sức mạnh của các đồng tiền O-rô, Yên và Bảng Anh chưa ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, nếu các xu hướng trên tiếp tục diễn ra thì tổng giá trị kim ngạch thương mại và đầu tư của nước ta có thể giảm nếu công cụ tiền tệ để giao dịch không có thay đổi về cơ cấu.

Cùng với sự mất giá của đồng USD là vấn đề giá dầu thô trên thế giới. Nước ta sẽ có lợi khi giá dầu ở mức cao, nhưng lại đáng lo ngại là áp lực lạm phát do sự tăng giá dầu kéo theo việc tăng giá một loạt các hàng hóa khác trong nền kinh tế. Rủi ro lạm phát sẽ vẫn còn cao trong năm 2005, vì vậy Chính phủ cần tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ và tài khóa thận trọng, cùng với chính sách ngành đúng để giảm những bất lợi từ ảnh hưởng giá dầu thô cao đối với các mặt hàng nhiên, nguyên, phụ liệu.

... Mục tiêu cho năm 2005 là: GDP tăng 8 - 8,5%, trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,4 - 3,8%, công nghiệp, xây dựng: 10,5 - 11% và dịch vụ: 7,7 - 8,2%. Nếu đạt được mục tiêu trên sẽ là một thành tích ngoạn mục trong năm 2005. Tuy vậy cũng rất cần chú ý đến chất lượng tăng trưởng. Ngân hàng thế giới sử dụng chỉ số ICOR để đánh giá hiệu quả của đầu tư đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Trong số 23 nước được nghiên cứu, Việt Nam đứng thứ 17/23 về sử dụng hiệu quả đầu tư, trong khi đứng thứ 3/23 trong việc huy động vốn đầu tư. Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 6, khóa XI (25-10-2004) cũng chỉ rõ, suất đầu tư để tạo ra một đơn vị tăng trưởng GDP cao hơn nhiều so với trước; vào năm 1997, một đồng GDP tăng thêm cần 3,4 đồng đầu tư thì trong 4 năm qua cần xấp xỉ 5 đồng đầu tư, nghĩa là hiệu quả đầu tư trong nền kinh tế giảm 40%.

Tại Hội nghị các nhà tài trợ, mức ODA cam kết hỗ trợ cho năm 2005 đạt 3,4 tỉ USD, vượt hơn 600 triệu USD so với con số cam kết 2,8 tỉ USD năm 2004. Dựa trên vốn đã được cấp phép, nhưng chưa thực hiện năm 2004 và dự báo về vốn FDI và nguồn vốn huy động trong nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự báo trong năm 2005 vốn thực hiện đạt khoảng 2,9 - 3 tỉ USD, trong đó vốn đầu tư nước ngoài vào khoảng 2,6 tỉ USD.

Như vậy, nền kinh tế nước ta sẽ bước vào năm 2005 với một số lượng vốn không nhỏ. Vấn đề đặt ra là tìm cách giải ngân và chi tiêu có

hiệu quả những nguồn đầu tư này phục vụ tốt nhất cho mục tiêu tăng trưởng. Để vừa đạt được tốc độ tăng trưởng như kế hoạch đã đề ra, vừa nâng dân chất lượng của nó, thiết nghĩ trước hết phải nâng cao khả năng cạnh tranh theo mấy hướng chính, như sau:

Thứ nhất, nên tập trung vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp phụ trợ và phụ liệu. Trong thập niên vừa qua, kể cả hai năm sau khi thực hiện Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ, cơ cấu xuất khẩu hàng hóa của nước ta không có gì thay đổi và tỷ trọng xuất khẩu ròng các nhóm sản xuất chế tạo vẫn luôn ở mức thấp. Hàng công nghiệp xuất khẩu chủ yếu vẫn là hàng dệt may và giày dép, nhưng do phải nhập hầu hết nguyên phụ liệu nên giá trị xuất khẩu ròng mới chỉ chiếm khoảng 20% kim ngạch xuất khẩu. Tỷ lệ này còn thấp hơn đối với hàng điện tử, thiết bị điện và động cơ gắn máy, bởi nước ta vẫn chưa phát triển được ngành sản xuất linh kiện điện tử, phụ tùng xe gắn máy mà chủ yếu vẫn là nhập linh kiện để lắp ráp xuất khẩu. Theo Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội, trong 4 năm 2001 - 2004, tốc độ tăng của giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ luôn chậm hơn giá trị sản xuất ở tất cả các khu vực: giá trị gia tăng của nông, lâm và thủy sản là 3,4%/năm, nhưng giá trị sản xuất tăng 5,1%; tương ứng cho công nghiệp là 10,1% và 15,2%; cho dịch vụ là 6,6% và 7,2%.

Vậy để nâng cao giá trị gia tăng của hàng hóa, Nhà nước cần hỗ trợ để đầu tư phát triển các ngành công nghiệp phụ liệu và phụ trợ. Cụ thể là ngành sản xuất phụ liệu cho dệt may, giày dép và linh kiện điện tử ... Quá trình toàn cầu hóa tạo ra xu hướng phân công lao động rõ rệt giữa các nước trên thế giới. Các nước đang và kém phát triển rất dễ bị rơi vào "cạm bẫy" chuyên môn hóa các ngành có công nghệ thấp, chuyên gia công hoặc lắp ráp cho các nước phát triển. Chúng ta chỉ có thể thoát được ra khỏi "cạm bẫy" này bằng cách không quá tập trung vào nâng cao số lượng xuất khẩu trước mắt, mà bỏ qua việc đầu tư, nhất

là qua nguồn vốn FDI, để hoàn thiện công nghệ cho cả quy trình sản xuất.

Thứ hai, Chính phủ cần đặc biệt thu hút đầu tư từ nguồn vốn trong nước và nước ngoài vào các ngành dịch vụ. Theo những cam kết trong Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ, năm 2005 sẽ là năm đầu tiên Việt Nam bắt đầu phải mở cửa sâu và toàn diện hơn khu vực dịch vụ. Tuy nhiên, do dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông và vận tải hàng không là những ngành nhạy cảm, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh kinh tế và chính trị của quốc gia, nên chúng vẫn còn hoạt động dưới hình thức độc quyền nhà nước. Điều này đang tiềm ẩn nguy cơ kim hãm quá trình giảm giá dịch vụ, chậm hiện đại hóa cơ sở hạ tầng dịch vụ và ít quan tâm đến năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ.

Theo kinh nghiệm của các nước, dịch vụ là khu vực có giá trị gia tăng cao nhất và nó giúp giảm chi phí giao dịch và sản xuất cho các ngành công và nông nghiệp. Mức độ phát triển dịch vụ phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế. Hơn thế nữa, trước lịch trình hội nhập đã được cam kết, sớm hay muộn, các ngành này cũng sẽ phải cạnh tranh với các đối thủ nước ngoài. Với những lý do đó, Chính phủ cần hỗ trợ đầu tư có điều kiện và có thời hạn để nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành dịch vụ. Đầu tư cho dịch vụ đòi hỏi vốn lớn và chắc chắn sẽ vượt quá khả năng ngân sách nhà nước nên phải thu hút mạnh mẽ đầu tư tư nhân vào các ngành này để đẩy nhanh tiến độ nâng cấp chất lượng dịch vụ và giảm giá thành. Ngoài ra, cũng cần chú trọng yếu tố chuyển giao công nghệ trong quá trình thu hút FDI.

Chính phủ cần sớm xác định các ngành cần ưu tiên thu hút FDI, trong đó có các ngành công nghiệp phụ trợ và phụ liệu và một số ngành dịch vụ. Từ đó, xây dựng một chiến dịch tiếp thị thích hợp để quảng bá hữu hiệu những thông tin về

(Xem tiếp trang 33)

SAU 10 năm thực hiện Chỉ thị 200/TTg của Thủ tướng Chính phủ về *bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn* theo hướng phát triển bền vững, chúng ta đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ. Khắp nơi trong cả nước, từ thành thị tới nông thôn, từ miền ngược tới miền xuôi đã xuất hiện nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào thực hiện cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường. Điều quan trọng là qua phong trào thực hiện cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường đã tạo được nếp sống văn hóa, văn minh và nâng cao ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường ở tất cả mọi người dân. Đây là cơ sở hết sức quan trọng góp phần nâng cao chất lượng sống của nhân dân và xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Qua điều tra thực tế cho thấy, có 54% dân số ở nông thôn đã được giải quyết nước sạch và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường. Chúng ta đã cơ bản hoàn thành quy hoạch tổng thể cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn trong toàn quốc, chi tiết cụ thể cho từng vùng, từng tỉnh (5/7 vùng sinh thái và 59/64 tỉnh). Một số vấn đề bức xúc về nước sạch ở các vùng nông thôn miền núi, hải đảo đã và đang từng bước được cải thiện; chính sách bảo vệ và phát triển tài nguyên nước đã bắt đầu triển khai có hiệu quả. Tại các khu công nghiệp và nhiều doanh nghiệp đã đầu tư, đổi mới công nghệ, xây dựng các hệ thống xử lý chất thải, cải thiện môi trường; phong trào quần chúng tham gia cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường được đẩy mạnh; công tác xã hội hóa nước sạch, vệ sinh môi trường đang được triển khai sâu rộng trong cả nước.

Thực tế cho thấy qua phong trào xã hội hóa đã có nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường phù hợp với từng vùng kinh tế - xã hội, sinh thái khác nhau của miền núi, đồng bằng, ven biển. Nhiều mô hình sau khi thử nghiệm đạt hiệu quả tốt đã và đang được nhân rộng. Thí dụ, *mô hình hộ nông dân thực hiện vệ sinh môi trường bằng hầm bi-ô-ga và tự sản xuất phân hữu cơ sinh học trên nền than bùn* đã được thí điểm ở nhiều nơi như

các huyện Ứng Hòa (Hà Tây), Bình Lục và Kim Bảng (Hà Nam), Văn Hà (Bắc Giang), Nam Đàn (Nghệ An). Trên cơ sở thể hiện những nguyên tắc cơ bản, hiện đại, xử lý môi trường bằng công nghệ sinh học, không chất thải, mô hình đã kết hợp được lợi ích môi trường, sức khỏe và tăng thu nhập, đồng thời giúp nông dân biết cách làm giàu nguồn phân bón cả về lượng và chất, góp phần cải tạo đồng ruộng, thực hiện một nền nông nghiệp sạch trong xu thế phát triển bền vững; tạo tiền đề chăn nuôi, chế biến nông sản theo

hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Đưa mô hình này lên trung du, miền núi đã hạn chế nạn phá rừng, cải tạo nguồn phân hữu cơ để trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc. Đưa mô hình vào vùng đất xấu như gò đồi, đất cát đã phát huy tác dụng cải tạo đất bạc màu, tạo công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo. Ứng dụng mô hình này đã góp phần làm giảm phát thải khí nhà kính do xử lý tốt phân gia súc, giải quyết vấn đề chất đốt, ngăn chặn nạn phá rừng bừa bãi.

Theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở "dân biết, dân bàn, dân quyết định, dân làm, dân

Bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường NÔNG THÔN

CHU THÁI THÀNH

kiểm tra và dân hưởng lợi" nhiều địa phương đã xây dựng được các mô hình như: làm nhà tiêu sinh thái, xây dựng hương ước làng, xã bảo vệ môi trường; xây dựng các mô hình điểm về sử dụng nước sạch, thu gom phân loại và xử lý rác thải ở nông thôn; mô hình sản xuất rau sạch, nông sản sạch; mô hình VAC, làng năng suất xanh, làng nông nghiệp sinh thái. *Mô hình làng văn hóa sức khỏe* đã huy động được các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phòng chống dịch bệnh, HIV/AIDS, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe trong cộng đồng dân cư.

Mô hình xã hội hóa nước sạch, vệ sinh môi trường đang được triển khai có kết quả ở nhiều địa phương trong cả nước. Đó là mô hình cổ phần hóa thu gom, xử lý rác đô thị của Công ty trách nhiệm hữu hạn Huy Hoàng (Lạng Sơn), Công ty Môi trường đô thị thành phố Đà Nẵng, hợp tác xã Thắng (Hiệp Hòa, Bắc Giang). Mô hình lấy Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt, huy động dân góp vốn làm công trình cấp nước ở ba xã Phú Thọ, Phú Đức, Phú Hiệp (Tam Nông, Đồng Tháp). Mô hình xây dựng xã điển hình về an ninh, quốc phòng - dân số - kế hoạch hóa gia đình - tăng cường bảo vệ môi trường với phương châm phát huy nội lực của địa phương là chính ở xã Hải Bình (Tĩnh Gia, Thanh Hóa) thu được nhiều kết quả (huy động được dân đóng góp 90%, ngân sách xã hỗ trợ 8%, tỉnh hỗ trợ 2%). Những mô hình do chính người dân góp vốn và đứng ra làm chủ có tác dụng rất tích cực, vì chỉ khi họ tự tạo nguồn nước sạch, giữ vệ sinh môi trường cho chính gia đình mình thì mới nhanh chóng mở rộng phạm vi cung ứng nước và vệ sinh môi trường. Điều quan trọng là, thực hiện các *mô hình xã hội hóa nước sạch, vệ sinh môi trường* đã tạo được động lực trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ, huy động được các nguồn lực xã hội, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, tạo cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng và phát triển dịch vụ cấp nước, vệ sinh môi trường với nhiều hình thức khác nhau, góp phần quan trọng xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, hiện đại.

Ở một số tỉnh miền núi đang thực hiện *mô hình nước sạch đồn biên phòng kết hợp với cụm dân cư*. Các đơn vị quân đội chủ động phối hợp với địa phương đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cải tạo nguồn nước, ruộng vườn, xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ. Mô hình này đã đem lại nhiều lợi ích kinh tế và an ninh quốc phòng. Chúng ta cũng đã xây dựng được nhiều *mô hình công nghệ cấp nước cho miền núi*: giếng đào, giếng khoan, bể, lu chứa nước... có thể tận dụng nguồn nước mưa dồi dào, sẵn có tại các vùng khan hiếm nguồn nước ngầm hoặc nguồn nước mặt bị ô nhiễm nặng. *Mô hình cấp nước hệ tự chảy*, phù hợp với các vùng miền núi có địa hình dốc, phục vụ cho nhóm hộ, một bản, liên bản. Sử dụng nguồn nước tự nhiên, không phải đầu tư kinh phí cho việc khai thác và xử lý. Mô hình này đang được thực hiện phổ biến ở các tỉnh Tuyên Quang, Yên Bái. Trong tương lai, khi độ che phủ của rừng tăng lên (theo kế hoạch trồng 5 triệu héc-ta rừng), thì hệ tự chảy càng được nhân rộng ở các tỉnh miền núi trong toàn quốc. *Mô hình cung cấp nước hệ tập trung vừa và nhỏ*, sử dụng các giếng khoan đã có sẵn, đường kính nhỏ, thay bơm tay bằng bơm lắp điện, nối mạng phục vụ cho từng cụm dân cư. Mô hình công nghệ này phù hợp với vùng đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long và các vùng dân cư tập trung như thị trấn, thị tứ, làng, xã vừa rẻ tiền, vừa dễ quản lý, bảo vệ được nguồn nước ngầm.

Mô hình gắn cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường với quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông. Đây là mô hình hiện đại và có hiệu quả nhất, để khai thác nguồn lợi của khu vực, đi đôi với bảo vệ dòng sông, hạn chế tác hại lũ lụt, hạn hán, silt mìn màu mỡ đất vùng trung lưu và hạ lưu. Mô hình này đang được thực hiện ở sông Nhuệ, sông Hàn, sông Sài Gòn và sông Đồng Nai. *Mô hình huy động sức dân cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường ở các vùng đông dân và nhiều lễ hội* như cố đô Huế, Đền Hùng, Chùa Hương... Nhân dân đứng ra góp công, góp của, kết hợp với sự hỗ trợ vốn của các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước, sự đầu tư của Nhà nước giải quyết những vấn đề về nước sạch, vệ sinh môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, danh lam

thắng cảnh của đất nước ngày càng thêm sạch đẹp.

Chúng ta đã xác định và ứng dụng được một số giải pháp khoa học công nghệ trong cấp nước và vệ sinh môi trường phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư, tập quán và truyền thống sử dụng nước sinh hoạt của từng địa phương như mô hình hồ treo ở tỉnh Hà Giang; mô hình cấp nước tập trung ở các tỉnh Tuyên Quang, Đồng Tháp, Tiền Giang. Chúng ta cũng đã xây dựng được nhiều loại hình và giải pháp cấp nước phù hợp cho các vùng khó khăn như: vùng nhiễm mặn, vùng núi cao, vùng đá vôi, vùng nhiều lũ lụt... Ở những nơi kết hợp được công trình nước sạch với các công trình thủy lợi đã tạo sự ổn định về nguồn nước, bảo đảm cung cấp nước sạch, góp phần nâng cao chất lượng sống cho nhân dân.

Những mô hình, điển hình tiên tiến từ phong trào xã hội hóa về nước sạch, vệ sinh môi trường đã và đang xuất hiện trong cả nước, góp phần nâng cao tỷ lệ người dân được dùng nước sạch ở thành thị và nông thôn, cải thiện một bước đáng kể về tình trạng nước sạch, vệ sinh môi trường. Những mô hình, điển hình do chính người dân đứng ra góp vốn và làm chủ đã có tác động tích cực nhanh chóng mở rộng phạm vi cung ứng nước sạch, vệ sinh môi trường một cách bền vững. Điều quan trọng là các bộ, ngành, đoàn thể và địa phương cần phải có trách nhiệm cao hơn trong việc tổng kết, đánh giá các mô hình, điển hình tiên tiến, các giải pháp công nghệ... để người dân có thể dễ dàng tiếp cận áp dụng.

Mặc dù chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, nhưng tình hình nước sạch, vệ sinh môi trường vẫn còn nhiều vấn đề đáng lo ngại. Đất đai bị xói mòn, thoái hóa; chất lượng các nguồn nước bị suy giảm mạnh; không khí ở nhiều đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm nặng; khối lượng phát sinh và mức độ độc hại của chất thải ngày càng tăng; tài nguyên thiên nhiên trong nhiều trường hợp bị khai thác quá mức, không có quy hoạch; đa dạng sinh học bị đe dọa nghiêm trọng; điều kiện vệ sinh môi trường, cung cấp nước sạch ở nhiều nơi không bảo đảm. Việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, quá trình

đô thị hóa, sự gia tăng dân số trong khi mật độ dân số đã quá cao, tình trạng đói nghèo chưa được khắc phục tại một số vùng nông thôn, miền núi, các thảm họa do thiên tai và những diễn biến xấu về khí hậu toàn cầu đang tăng, đặt công tác bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường trước những khó khăn và thách thức gay gắt.

Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đề ra từ năm 1998 là đến năm 2005 có khoảng gần 80% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 50% số hộ gia đình có nhà vệ sinh đúng quy cách; 30% số chuồng trại chăn nuôi và 10% số làng nghề được xử lý chất thải... đã không thực hiện được. Bởi vì, mục tiêu này là quá cao so với tình hình thực tế của nước ta hiện nay và để thực hiện được cần có nguồn kinh phí lớn, trong khi đó nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động trong dân mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ (khoảng 6%). Chúng ta chưa có tiêu chuẩn cụ thể, chính xác trong việc đánh giá, phân loại nước sạch, nước tương đối sạch, nước hợp vệ sinh; cũng như chưa có chỉ tiêu thống nhất để đánh giá chất lượng công trình cấp nước. Ở một số địa phương quy trình xây dựng thiếu đồng bộ, đầu tư dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm dẫn đến hiệu quả hạn chế. Công trình xây dựng mới chủ yếu chỉ bảo đảm nhu cầu trước mắt, chưa quan tâm đúng mức đến chất lượng nước. Chính sách đầu tư, cơ chế tài chính của Nhà nước (tỷ lệ giữa Nhà nước và nhân dân) chưa đưa ra được nhiều loại hình phù hợp với thực trạng kinh tế - xã hội của từng vùng, miền khác nhau, gây khó khăn cho việc thực hiện, điều hành, hạn chế khả năng huy động vốn đóng góp của địa phương và nhân dân. Chính sách ưu đãi chưa thật hấp dẫn để huy động vốn từ các doanh nghiệp và các cá nhân đầu tư kinh doanh. Mô hình tổ chức quản lý, vận hành các công trình cấp nước và vệ sinh môi trường tập trung hầu hết chưa bảo đảm độ bền vững do lệ phí không đủ để duy trì quản lý, khai thác, tu sửa công trình. Phương pháp, công nghệ xử lý rác thải, nước thải tập trung ở nông thôn, nhất là các vùng làng nghề đang là vấn đề bức xúc và hiện chưa có giải pháp hữu hiệu. Việc tổ chức chỉ đạo thực hiện, phối hợp (xây dựng kế hoạch, bố trí dự án đầu tư...) còn có sự chồng

chéo, lúng túng giữa các ngành chức năng và ngành chủ quản, giữa quản lý nhà nước và hoạt động sự nghiệp, dịch vụ, giữa Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác...

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đề ra mục tiêu ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra. Cần sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường. Xây dựng nước ta trở thành một nước có môi trường tốt, có sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên. Phấn đấu đến năm 2010 có 85% dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh với số lượng 60 lít/người/ngày. Đến năm 2020, tất cả dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia, giữ sạch môi trường làng, xã, nơi công cộng. Trong năm 2005, phải kiểm soát bằng được việc chăn nuôi gia đình, tập trung, sản xuất của các làng nghề để giữ sạch môi trường làng xã. Chống cạn kiệt, ô nhiễm, bảo vệ chất lượng nguồn nước ngầm, nước mặt tại các ao hồ, sông suối. Bảo đảm cho tất cả các nhà trẻ, trường học và các cơ sở giáo dục, bệnh viện, công sở, chợ nông thôn có đủ nước sạch và hố xí hợp vệ sinh.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, bảo đảm cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường cho nông thôn, chúng ta cần phải tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 200/TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 41-NQ/TW, ngày 15-11-2004, của Bộ Chính trị về *bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Trước mắt, cần phải tập trung giải quyết một số nhiệm vụ cụ thể và cấp bách sau :

Một là, đẩy mạnh giáo dục truyền thông; coi trọng việc phát hiện và đề cao các nhân tố mới.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân các mô hình mới, kinh nghiệm tốt, điển hình tiên tiến về nước sạch, vệ sinh môi trường trong thời gian vừa qua. Đây là vấn đề rất quan trọng nhằm làm cho không chỉ các cơ quan, đoàn thể mà mọi người dân thấu hiểu, học tập, làm theo mô hình tốt, điển hình tiên tiến. Bên cạnh đó, cần tạo thành dư luận xã hội lên án nghiêm khắc đối với các hành vi gây mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, chủ trương, pháp luật và các thông tin về nước sạch, vệ sinh môi trường. Hình thành ý thức giữ gìn vệ sinh chung, xóa bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu, các thói quen, nếp sống không văn minh, không hợp vệ sinh. Xây dựng các công sở, xí nghiệp, gia đình, làng bản, khu phố sạch, đẹp đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường. Cổ động toàn dân tích cực tham gia hưởng ứng "Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường" hằng năm.

Hai là, chú trọng quản lý chất thải, nhất là chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, dịch vụ y tế. Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất bảo quản nông sản, thức ăn và thuốc phòng trừ dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản. Chấm dứt nạn đổ rác và xả nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn ra sông, rạch, ao hồ; xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường các lưu vực sông. Thu gom và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp bằng các phương pháp thích hợp, trong đó ưu tiên cho việc tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế tối đa khối lượng rác chôn lấp. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu khí độc, khói, bụi thải từ các hoạt động sản xuất, giao thông. Khắc phục tình trạng mất vệ sinh nơi công cộng và hình thành nếp sống hợp vệ sinh.

Ba là, phát triển và đa dạng hóa các hình thức cung cấp nước sạch nhằm giải quyết cơ bản nước sinh hoạt cho nhân dân ở các vùng nông thôn trong cả nước; bảo vệ chất lượng nguồn nước; chú trọng khắc phục tình trạng khai thác, sử dụng bừa bãi, gây cạn kiệt, ô nhiễm các nguồn nước. Khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm ở các làng nghề, các cơ sở sản xuất và các khu công nghiệp. Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm

nguồn nước và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các khu dân cư do chất thải trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Từng bước khắc phục các khu vực bị nhiễm độc do hậu quả chất độc của Mỹ sử dụng trong chiến tranh.

Bốn là, bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên, nhất là đối với các khu rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn; đẩy mạnh trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc và khôi phục rừng ngập mặn; ngăn chặn tình trạng thoái hóa và sa mạc hóa đất đai. Nghiêm cấm triệt để việc săn bắt chim, thú trong danh mục cần bảo vệ. Nâng cao chất lượng các nguồn nước, khắc phục tình trạng khai thác, sử dụng bừa bãi, gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước ngầm. Ưu tiên phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, các hệ sinh thái đang bị suy thoái nặng.

Năm là, phát triển và đa dạng hóa các hình thức cung cấp nước sạch nhằm giải quyết cơ bản nước sinh hoạt cho nhân dân ở các vùng nông thôn trong cả nước. Ưu tiên cung cấp nước ở những nơi thiếu nước nhất, chú trọng nước cho tưới tiêu, tháo úng, phòng hạn hán, lũ lụt; nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, chế biến nông sản phải được xử lý bằng công nghệ sinh học để tái sử dụng nước. Cần có biện pháp đối phó trước mắt, cũng như lâu dài để ngăn chặn tình trạng thiếu nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động nước sạch và vệ sinh môi trường dựa trên cộng đồng để tăng nhận thức và lôi cuốn sự tham gia tích cực của người dân. Đó cũng là tiền đề để mọi người, mọi nhà tự cải thiện ngay điều kiện sử dụng nước và vệ sinh của gia đình, tích cực tham gia cùng cộng đồng chăm lo giữ gìn và phát triển sự nghiệp cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường.

Cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường là nhiệm vụ cấp thiết, lâu dài, có tính liên ngành và liên vùng rất cao. Vì vậy, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa của các cấp ủy đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành và các đoàn thể chính trị - xã hội, để thực hiện bằng được tiêu chí xanh - sạch - đẹp và phát triển đất nước bền vững. □

KINH TẾ VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 28)

các chính sách ưu tiên và môi trường đầu tư của Việt Nam cho các nhà đầu tư quốc tế. Để khuyến khích đầu tư tư nhân và FDI, Nhà nước cần thực sự tạo ra một sân chơi bình đẳng cho mọi loại hình sở hữu.

Thứ ba, nên đầu tư để đẩy nhanh tốc độ ra đời chính phủ điện tử và phổ biến rộng rãi thương mại điện tử. Đây là xu hướng khách quan trong sự phát triển hiện nay của nền kinh tế tri thức. Đứng ngoài hoặc chậm tiếp cận xu thế này sẽ bị tụt hậu cả về kinh tế lẫn kỹ thuật số với mức độ ngày một sâu sắc hơn. Đầu tư cho chính phủ điện tử và thương mại điện tử là con đường ngắn nhất để thu hẹp khoảng cách phát triển so với các nước đi trước, bởi khả năng kết nối toàn bộ nền kinh tế vượt qua giới hạn về thời gian và không gian, sẽ làm tăng năng suất của toàn bộ nền kinh tế. Theo chúng tôi, với trình độ dân trí về tin học và In-tơ-nét hiện nay ở Việt Nam, thì việc đưa chính phủ điện tử và thương mại điện tử vào cuộc sống hằng ngày không phải là điều không thể làm được.

Hy vọng rằng năm 2005, Luật Giao dịch điện tử được Quốc hội thông qua sẽ mở đường để hoàn thiện khung pháp lý cần thiết cho một loạt các vấn đề còn bỏ ngỏ, như: quyền sở hữu trí tuệ, bảo mật thông tin, bảo vệ người tiêu dùng và đánh thuế liên quan đến thương mại điện tử, hợp pháp hóa hợp đồng điện tử, chữ ký điện tử, hạ tầng mã khóa và xác nhận điện tử... Vấn đề còn lại là đầu tư để phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin ở cấp quốc gia và các doanh nghiệp. Đây sẽ là khoản đầu tư lớn, nhưng cũng là khoản đầu tư bảo đảm sinh lời. Đa dạng hóa nguồn vốn là một giải pháp mang tính chiến lược, trong đó FDI sẽ là giải pháp không chỉ về vốn mà cả ở chuyên giao công nghệ. □

Vấn đề bình đẳng giới đối với nữ doanh nhân trong quá trình đổi mới và hội nhập kinh tế

BÙI THỊ KIM QUỲ *

MỘT số nhà tương lai học, ngay trước thềm thập niên 90 của thế kỷ XX, nhận định về xu thế phát triển của nhân loại đã mạnh dạn dự đoán về một trong 10 phương hướng của thế kỷ XXI sẽ là:

"Phụ nữ chiếm lĩnh xã hội thông tin, sẽ trở nên những nhà doanh nghiệp lớn hoặc những chính khách nổi bật do bản lĩnh sắc sảo của mình".

Có lẽ đây chính là một trong những biểu hiện đầu tiên của cách nhìn đúng về giới, đúng từ góc độ dự đoán khoa học trên cơ sở đánh giá thực tế về sự đóng góp có hiệu quả của đông đảo phụ nữ vào đời sống kinh tế - xã hội - văn hóa của nhân loại. Phụ nữ chiếm hơn một nửa dân số toàn cầu, ở nhiều thế kỷ triền miên trước đây, họ bị coi là thứ yếu, có thân phận phụ thuộc vào đàn ông, hay may mắn hơn được coi như những bông hoa, những vật trang sức cho các đấng nam nhi... Nhưng ngày nay, quả thật họ đang sánh vai cùng nam giới trên rất nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Chúng ta đều biết rằng, bước tiến của phụ nữ trong mối quan hệ bình đẳng Giới luôn luôn là thể hiện thước đo nền văn minh nhân loại. Và việc chị em ngày nay ở khắp các châu lục đều đang phấn đấu để nâng vị thế của chính

mình là do từng giai đoạn phát triển của lịch sử, phụ nữ đã không ngừng tỏ rõ sức sáng tạo của mình và việc được xã hội thừa nhận công lao của họ chính là vì tầm nhìn Giới hôm nay trong xã hội đã có nhiều cải thiện.

Phụ nữ Việt Nam, lâu nay vốn giỏi việc nước đảm việc nhà. Với truyền thống là con cháu của Hai Bà Trưng, Bà Triệu..., trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ vừa qua, chị em ngoài nhiệm vụ ở hậu phương

lớn còn trực tiếp tham gia làm giao liên, dân công tiếp tế cho tiền tuyến, thanh niên xung phong trên khắp mọi chiến trường. Những "đội quân tóc dài" làm nên lịch sử, những bà mẹ anh hùng có mặt trên mọi miền đất nước... Ngay cả trong thời kỳ xây dựng hòa bình, đặc biệt vào thời kỳ đổi mới chị em cũng là những người đóng góp tích cực trên các mặt trận: giáo dục, y tế, thương mại, du lịch hay ở các ngành nông, công nghiệp, xuất khẩu...; có nhiều chị em nổi bật trong đội ngũ lao động khoa học hoặc nghệ thuật, gánh vác trách nhiệm cao trong bộ máy quản lý nhà nước và lãnh đạo sản xuất, kinh doanh.

Nói về các doanh nhân thường người ta cho rằng lâu nay "cái biển tiểu thương" mà phụ nữ chiếm lĩnh từ thành thị đến nông thôn đâu có đem lại giá trị gì cho đáng nể. Thậm chí, dù họ có lãnh đạo một số ngành sản xuất, kinh doanh được nhiều người biết đến thì nhược điểm của chị em đa phần vẫn là trình độ học vấn thấp, tay nghề không thành thạo, thiếu đầu óc kinh doanh lớn nên ít dám đầu tư, vay vốn để phát triển sản xuất và đổi mới kỹ thuật, công nghệ, tạo nên một khối lượng hàng hóa dồi dào, có

* PGS, Viện Khoa học Xã hội vùng Đông Nam Bộ

chất lượng cao, dễ dàng hội nhập vào thị trường thế giới, đem về cho Tổ quốc số kim ngạch mỗi năm một tăng lên. Hơn nữa về phương diện nắm bắt thông tin, tiếp cận thị trường họ cũng có những khó khăn hơn nhiều so với nam giới do họ còn chức năng quản lý gia đình, chăm sóc con cái. Điều mà đối với phái nam, dầu có là ông chủ cửa hàng hay là nhà quản lý doanh nghiệp, đang điều khiển một công ty hoặc tổng giám đốc một liên hiệp ngành... họ vốn không phải bận tâm lo lắng. Bởi lẽ, đối với họ chuyện gia đình là việc riêng tư và tất cả đều đã có "nội tướng" quán xuyến hết. Ngoài ra trong mối quan hệ kinh doanh chị em lại không quen giải quyết công việc làm ăn ngay trên bàn tiệc như phương thức mà "các đảng mày râu" vẫn làm. Những ưu điểm thường có nơi người nữ doanh nhân là thận trọng, tiết kiệm, biết xử lý công việc cụ thể và có tình người, tuân thủ pháp luật, tôn trọng tổ chức, biết lắng nghe ý kiến bàn bạc của quần chúng v.v.. lại chưa được đánh giá đúng mức, tạo điều kiện để phát huy.

Tâm sự với nhiều chị em thành đạt trên con đường tiến bộ về sự nghiệp, nhất là đối với nữ doanh nhân, chị em có niềm vui về sự cống hiến có hiệu quả của tập thể do mình quản lý, được xã hội biết đến và đánh giá cao, thậm chí được nhận những danh hiệu cao quý của Nhà nước trao tặng..., nhưng về đời sống tình cảm riêng đôi khi cũng gặp nhiều trắc trở, cần một sự cảm thông có chiều sâu nhân bản và hợp lẽ, hợp tình từ phía người thân yêu nhất.

Chúng ta hiểu rằng thuận lợi của thời kỳ đổi mới cũng nhiều: chị em được khuyến khích sánh vai cùng nam giới, được bộc lộ tính năng động, sáng tạo của mình, được động viên sự mạnh dạn, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm để phát huy nội lực mạnh mẽ. Nhưng cuộc sống hôm nay không chỉ là biết đúc rút kinh nghiệm, biết học hỏi làm theo, mà cuộc cách tranh khốc liệt giữa chốn thương trường còn đòi hỏi doanh nghiệp dầu nhỏ, vừa hay lớn đều phải vươn lên, không chỉ về trang thiết bị tiên tiến, có đội ngũ kỹ thuật luôn sáng tạo ra những mẫu mã, kiểu

dáng mới hợp thời trang và hơn nữa còn "đi trước đón đầu" thậm chí còn biết hướng dẫn thị hiếu lành mạnh nơi người tiêu dùng mới mong lôi cuốn khách hàng trong nước và quốc tế. Và muốn vậy, quản lý doanh nghiệp hôm nay không chỉ là sự hiểu biết chung chung, nắm vắn đề qua báo cáo, ban hành các mệnh lệnh và duyệt chỉ các chứng từ mà thực sự là phải đi sâu nắm chắc từng khâu tổ chức, từng con người cụ thể trong sản xuất, kinh doanh, nhất là kịp thời giải quyết hợp lý, hợp tình những éo le, bất trắc nảy sinh trong quá trình phát triển của nhà máy, cửa hàng, hay công ty, hiệp hội...

Ở nước ta, nhất là ở các tỉnh phía Nam và thành phố Hồ Chí Minh, trong thời kỳ đổi mới chúng ta có một đội ngũ nữ doanh nhân khá đông và có trình độ phụ trách các ngành có sản phẩm chất lượng cao từ cơ khí đến giày da, may mặc, từ chế biến nông - lâm - hải sản đến các chế phẩm về sữa và bột dinh dưỡng các loại, hoặc từ dược phẩm đến kinh tế trang trại và thương mại, du lịch v.v..

Trong số các nữ doanh nhân, có chị được đào tạo ở nước ngoài, có chị học trong nước nhưng sự trưởng thành của các chị căn bản là tự đào tạo qua công việc thực tế, và bằng sự linh hoạt, sáng tạo, với niềm tin vững chắc vào mục đích, lý tưởng phục vụ hết mình cho đất nước. Chị em đã biết dựa vào sức mạnh tập thể cùng chí hướng, đoàn kết hợp tác chân tình với nhau cả lúc khó khăn cũng như khi thuận lợi.

Các chị dù còn trẻ hay ở tuổi đã hoa niên đều có sự tự tin và luôn hướng về phía trước, vun đắp cho tập thể vươn lên. Ở thời đại kinh tế tri thức hiện nay, các nữ doanh nhân, bên những tính toán chi ly cho kế hoạch kinh doanh và sản xuất, còn phải có sự phấn đấu vượt bậc cả về trí lực, tâm lực, thể lực mới thực hiện trọn vẹn cả hai chức năng xã hội và gia đình. Điều đó có nghĩa là họ cần phải được ưu ái, được hợp tác, giúp đỡ để hoàn tất, trách nhiệm nặng nề và cao quý của mình: vừa là công dân có nhiều cống hiến cho xã hội, vừa là người vợ, người

mẹ cùng với chồng con xây dựng tổ ấm gia đình.

Thật vậy, không hiếm chị rất giỏi ở cương vị lãnh đạo lĩnh vực này hay phương diện khác nhưng sao cứ cảm thấy "hạnh phúc gia đình quá mong manh". Không kể các chị vì lý do này hay nguyên nhân khác phải "nuôi con một mình", số đông các chị có chồng cũng ở cương vị tương đương, nghĩa là khá bận bịu về việc chung nên đã giao tất cả việc nhà cho vợ sắp xếp và lo chăm sóc cha mẹ già, bệnh tật đến việc học hành của con cái v.v.. khiến cho việc tính toán thời gian cụ thể và hợp lý là cả một vấn đề... Do đó nguyện vọng của chị em, ngoài những âu lo về kết quả công việc, như với bất cứ một thành viên nam giới nào cùng cương vị, luôn hân hoan đón nhận những "cởi trói" cho doanh nghiệp, từ phía các nhà chức trách, còn là sự mong muốn có những cảm thông sâu sắc từ quan điểm giới của toàn xã hội, trong đó có cả những thành viên trong gia đình mình.

Giới, thể hiện mối quan hệ ứng xử giữ nam và nữ trong mối quan hệ xã hội, thay đổi tùy theo điều kiện kinh tế và hoàn cảnh lịch sử nhất định cùng với những tập tục văn hóa của mỗi địa phương và từng dân tộc, nhất là quan niệm và thái độ nhận định vị trí, vai trò người phụ nữ, để từ đó có hành vi và sự đánh giá công bằng về sức đóng góp của nam cũng như nữ.

Cương lĩnh chỉ đạo cho phụ nữ thế giới ở Đại hội Bắc Kinh năm 1995 và vào đầu năm 2000 ở tại Niu Oóc đều nhấn mạnh ý tưởng về thực hiện cho được 4 điểm cơ bản trong 4 điều của Cương lĩnh: đó là phụ nữ phải được tạo việc làm, được chăm sóc về sức khỏe và giáo dục, nhất là phụ nữ phải được tạo quyền để chị em có thể góp tiếng nói và ra những quyết định mang tính nhân văn sâu sắc về bình đẳng giới.

Như thế, ý nghĩa của bình đẳng giới thực chất không phải là sự ưu tiên cho riêng nữ mà là thực hiện lẽ công bằng, tính văn minh của con người hiện đại, nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, tạo sự hừng khởi sáng tạo của một khối lượng chiếm hơn nửa dân số toàn cầu.

Mặt khác, một đôi khi quan niệm ưu tiên lại nảy sinh điều nghịch lý. Chẳng hạn, phụ nữ cần việc làm nhưng nhà tuyển dụng lại ngại thi hành chính sách nữ, ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận của công ty. Và xã hội do chưa quen thực hiện bình đẳng giới, nên ngay ở khâu tổ chức và cơ chế có khi không đồng bộ, tác động đến việc thi hành chậm trễ một nghị định mang ý thức giới khó được thực thi: (Cục thuế không giảm thuế lợi tức cho các doanh nghiệp nhận đông lao động nữ, chỉ với lý do đơn giản, ngành dọc chưa hướng dẫn thi hành nghị định nói trên).

Hoặc trong chính sách nghỉ hưu, điều tưởng là quan tâm nữ cho về sớm hơn nam giới 5 năm, nhưng điều kiện phục vụ vẫn đòi hỏi đủ năm như nam lại là gây thiệt thòi cho nữ. Thậm chí chính sách này không chỉ gây hẫng hụt cho số đông chị em ở các ngành còn phát huy được sức cống hiến cho xã hội, bởi ở tuổi 55 chị em đủ chín chắn, giàu kinh nghiệm và độ dày về kiến thức chuyên môn cũng như về phương diện quản lý. Bởi vậy, có người nêu ý kiến: để nữ nghỉ hưu ở tuổi 55 gây nhiều lãng phí cho xã hội và nếu nâng tuổi hưu cho nữ bằng nam giới (tất nhiên chỉ ở một số ngành nhất định) thì đất nước có cơ may sẽ giàu hơn.

Với truyền thống quan tâm đến sự phát triển toàn diện của con người như UNDP, UNICEF và Ngân hàng thế giới từng nhận xét thông qua những con số biết nói ở Việt Nam, để so sánh: Dầu GDP không phải một sớm một chiều đã tăng lên nhanh chóng do còn nhiều điều kiện khách quan ràng buộc, nhưng chỉ số về GDI cho thấy tỷ lệ so sánh giữ nam và nữ đã không còn chênh lệch quá nhiều và chỉ số HDI trong những năm gần đây có tiến bộ rõ rệt, chúng ta cũng có cơ sở để tin rằng thước đo quyền lực về giới (GEM) của Việt Nam sẽ mau chóng được xếp hạng cao trong đó có sức đóng góp to lớn của các nữ doanh nhân ở khắp vùng đất nước nói chung và nhất là khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam nói riêng. □



THÁI BÌNH TRÊN CON ĐƯỜNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

NGUYỄN DUY VIỆT *

THÁI Bình là tỉnh trọng điểm lúa của đồng bằng sông Hồng, là tỉnh thuần nông. Nông dân Thái Bình không những có truyền thống cách mạng kiên cường mà còn có truyền thống thâm canh từ lâu đời. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng bộ và nhân dân Thái Bình đã xây dựng thành công những cánh đồng "Quảng Trị kiên cường" 5 tấn và 10 tấn. Là tỉnh đầu tiên của miền Bắc xã hội chủ nghĩa đạt 5 tấn thóc/héc-ta vào năm 1966, ghi một dấu ấn về trình độ thâm canh của nông dân Thái Bình và luôn giữ được truyền thống dẫn đầu cả nước về năng suất lúa 8 tấn, 9 tấn, 10 tấn và đến nay là 12,7 tấn/héc-ta. Trong những năm đổi mới, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Thái Bình tiếp tục phát huy truyền thống đó và đã gặt hái được những thành tựu khá quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Điều đó được thể hiện ở mức độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tổng sản phẩm (GDP) năm 2001 tăng 4,84% so với năm 2000; năm 2002 đạt 5.137 tỉ đồng, tăng 7,5% so với năm 2001; năm 2003 đạt 5.431 tỉ đồng, tăng 5,72% so với năm 2002; năm 2004 đạt 5.988 tỉ đồng, tăng 10,25% so với năm 2003. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2001 đạt 1.845 tỉ đồng;

năm 2002 đạt 2.015 tỉ đồng; năm 2003 đạt 2.093 tỉ đồng; năm 2004 đạt 2.451 tỉ đồng.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Thái Bình phát triển mạnh; năng lực sản xuất được mở rộng; bước đầu hình thành một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung có tính đột phá mở đường. Một số dự án có vốn đầu tư lớn, công nghệ tiên tiến đã hoàn thành, đi vào sản xuất ổn định. Nhiều sản phẩm có chất lượng, sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đẩy mạnh đầu tư xây dựng. Đã hình thành và phát triển 5 khu công nghiệp tập trung với tổng diện tích quy hoạch trên 600 ha; cùng với cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư hấp dẫn đã tạo ra chuyển biến mạnh hơn trong việc thu hút vốn đầu tư, tạo nên bước phát triển mới về công nghiệp của tỉnh. Từ năm 2001 đến năm 2004 có 160 dự án đăng ký đầu tư vào tỉnh, với tổng vốn đầu tư là 3.584 tỉ đồng, khả năng thu hút 4,7 vạn lao động. Đã có 86 dự án hoàn thành đi vào sản xuất, tạo việc làm cho 22.600 lao động. Riêng hai khu công nghiệp Phúc Khánh và Nguyễn Đức Cảnh có 47 dự án đăng ký đầu tư, với số vốn 2.700 tỉ đồng, có 25 dự án đã đi vào sản xuất.

* Phó bí thư Thường trực Tỉnh ủy Thái Bình

Nghề và làng nghề được quan tâm chỉ đạo, đầu tư mở rộng và phát triển, trở thành một hướng phát triển công nghiệp quan trọng của tỉnh. Bốn năm qua, tỉnh đầu tư gần chục tỉ đồng hỗ trợ đào tạo nghề, trang bị kỹ thuật tiên tiến cho một số khâu, xây dựng kết cấu hạ tầng, xử lý môi trường nên đã thu hút hàng trăm tỉ đồng của doanh nghiệp và nhân dân đầu tư phát triển sản xuất. Hiện nay, 100% số xã trong tỉnh đã có nghề. Toàn tỉnh có 173 làng nghề đạt tiêu chuẩn, gấp hơn 2 lần so với năm 2000; trong đó có 140 làng nghề đã được tỉnh cấp bằng công nhận; tạo việc làm ổn định cho gần 17 vạn lao động; giá trị sản xuất từ nghề đạt trên 1.000 tỉ đồng, chiếm trên 50% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Một số xã có thu nhập từ làng nghề chiếm 70% thu nhập của xã. Nghề và làng nghề phát triển đã thu hút sự tham gia mạnh mẽ của các thành phần kinh tế. Nhiều doanh nghiệp trong làng nghề (chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn) đã làm tốt việc tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm, cung cấp nguyên liệu, vốn cho sản xuất; góp phần khôi phục nghề truyền thống, du nhập nghề mới, tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động; tạo ra sự gắn kết giữa sản xuất công nghiệp tập trung ở thành thị với sản xuất "vệ tinh" của hộ cá thể ở nông thôn. Một số doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả đã đầu tư mở rộng xây dựng xí nghiệp, lắp đặt các dây chuyền công nghệ mới phát triển công nghiệp, bước đầu hình thành một số cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở các thị trấn, thị tứ và làng nghề.

Công tác sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước được các cấp, các ngành ở Thái Bình triển khai tích cực, là tỉnh làm tương đối mạnh trong toàn quốc. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từng bước được chấn chỉnh, bảo đảm hiệu quả và chặt chẽ hơn. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản do ngân sách tỉnh quản lý tăng nhanh và được bố trí tập trung hơn, ưu tiên cho các công trình trọng điểm, công trình

chuyển tiếp. Công tác quy hoạch và quản lý xây dựng cơ bản có nhiều cố gắng. Đã hoàn chỉnh quy hoạch 5 khu công nghiệp, 7 thị trấn và 15 thị tứ trong tỉnh, quy hoạch thị xã Thái Bình là đô thị loại 3 và đã được Chính phủ công nhận là thành phố Thái Bình.

Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện cả trồng trọt, chăn nuôi và khai thác, nuôi trồng hải sản. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp có bước chuyển biến, tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng từ 21% năm 2000 lên 23,1% năm 2002. Sản xuất nông nghiệp bước đầu có chuyển biến tích cực, hình thành vùng sản xuất nông sản hàng hóa, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, coi trọng hiệu quả sản xuất trên 1 đơn vị diện tích, đang từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa. Sản xuất lúa liên tục được mùa, giữ vững sản lượng lương thực trên 1 triệu tấn/năm. Việc thực hiện dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp để quy hoạch vùng sản xuất đạt kết quả tốt; phong trào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ phát triển mạnh ở các địa phương trong tỉnh. Bước đầu hình thành một số vùng sản xuất có sản lượng hàng hóa tương đối lớn, có giá trị kinh tế cao như vùng lúa đặc sản và lúa chất lượng cao, vùng chuyên màu (ngô, đậu tương, lạc) và sản xuất rau quả (hành, tỏi, ớt, khoai tây, dưa chuột, sa lát...). Toàn tỉnh đã chuyển trên 6.000 ha diện tích cây lúa và làm muối kém hiệu quả sang nuôi trồng các cây, con có hiệu quả kinh tế cao. Hầu hết diện tích các loại hình chuyển đổi đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn cây lúa. Năm 2004, toàn tỉnh đạt giá trị sản xuất 36,7 triệu đồng/héc-ta canh tác; nhiều mô hình cánh đồng đạt 50 triệu đồng trở lên/héc-ta/năm được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Đến nay, có 174 xã đăng ký xây dựng 381 cánh đồng với 3.800 ha; đã có 140 xã, thị trấn xây dựng được 269 cánh đồng với diện tích 2.842 ha đạt giá trị sản xuất bình quân 63,4 triệu đồng/ha. Bước đầu hình thành mô hình liên kết "4 nhà": nhà nông, nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp.

Chăn nuôi phát triển mạnh, các con vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao và có thị trường tiêu thụ thuận lợi được đưa vào sản xuất như: bò lai sind, lợn nạc, gà, vịt siêu thịt, siêu trứng...; từng bước chuyển từ chăn nuôi bằng thức ăn tận dụng, quy mô nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo phương pháp công nghiệp, mô hình trang trại chăn nuôi công nghiệp với quy mô ngày càng lớn, hiệu quả kinh tế cao; nhiều hộ gia đình chăn nuôi trang trại có quy mô từ 100 con lợn trở lên.

Thủy sản phát triển mạnh mẽ cả khai thác và nuôi trồng. Giá trị sản xuất thủy sản năm 2004 đạt 393,5 tỉ đồng, tăng 11,8 so với năm 2003. Nuôi trồng thủy sản vùng nước mặn, lợi ven biển đang trở thành lĩnh vực phát triển quan trọng, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng vùng đầm, hướng dẫn kỹ thuật nuôi được quan tâm. Diện tích nuôi vùng nước mặn, lợi năm 2004 đạt 4.355 ha, tăng 168 ha; sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 27.452 tấn, tăng 54,4%, sản lượng thủy sản khai thác đạt 28.467 tấn, tăng 2,1% so với năm 2003. Bốn năm qua toàn tỉnh đã chuyển gần 1.000 ha cấy lúa, làm muối kém hiệu quả sang nuôi tôm sú, nuôi cua đạt giá trị sản xuất trên dưới 100 triệu đồng/ha/năm. Từng bước chuyển từ nuôi quảng canh sang nuôi quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh. Có một số dự án đầu tư lớn với hàng trăm héc-ta theo mô hình nuôi công nghiệp; bước đầu sản xuất được tôm giống, mở ra khả năng sản xuất giống tôm tại địa phương.

Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, đáp ứng cơ bản nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ không ngừng tăng lên, năm sau cao hơn năm trước. Công tác quản lý nhà nước về thương mại, dịch vụ, xúc tiến thương mại và đầu tư được đẩy mạnh; đã xây dựng và đang tích cực triển khai quy hoạch tổng thể phát triển thương mại và du lịch giai đoạn 2001 đến 2010. Một số tuyến, điểm du lịch sinh thái, biển, làng nghề gắn với tham quan di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội truyền thống, thu hút khách du lịch đến

Thái Bình bước đầu được hình thành. Các hoạt động tài chính, ngân hàng có tiến bộ, tăng cường khai thác các nguồn thu, huy động vốn, đáp ứng cơ bản nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đã tập trung đầu tư cho việc thực hiện các chương trình kinh tế trọng tâm của tỉnh như: xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, và một số công trình phúc lợi xã hội.

Các ngành giao thông - vận tải, bưu điện, điện lực đã đáp ứng tốt các nhu cầu ngày càng tăng của sản xuất và đời sống. Cầu Tân Đệ, quốc lộ 10 hoàn thành, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy giao lưu kinh tế, thương mại, hợp tác đầu tư với trong và ngoài nước. Ngành điện lực đã đầu tư hàng trăm tỉ đồng xây dựng, nâng cấp hệ thống lưới điện và trạm biến áp, nâng khả năng cung cấp điện liên tục và ổn định. Ngành bưu điện phát triển mạnh mạng lưới bưu chính viễn thông; đến nay toàn tỉnh có 63.865 máy điện thoại, đạt bình quân 3,6 máy/100 dân. Hoạt động khoa học - công nghệ được triển khai trên nhiều lĩnh vực. Chú trọng đưa những giống cây, con có năng suất, chất lượng tốt và các công nghệ tiên tiến vào sản xuất; phát triển công nghệ thông tin trong quản lý kinh tế và quản lý nhà nước; tăng cường công tác quản lý môi trường, tiêu chuẩn đo lường, chất lượng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Thái Bình còn không ít những khó khăn, thử thách phải vượt qua. Đó là việc chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi bước đầu có chuyển biến nhưng chưa mạnh, còn phân tán; chưa tạo được vùng sản xuất hàng hóa lớn, ổn định. Công tác quy hoạch còn yếu, thiếu vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, thủy sản (quy vùng sản xuất, đường giao thông, thủy lợi...); chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản còn nhiều khó khăn; liên kết "4 nhà" dừng lại ở mô hình, chưa nhân ra diện rộng. Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp yếu kém, thiếu động lực phát triển, chậm được đổi mới.

Quy mô sản xuất công nghiệp còn nhỏ, chủ yếu là công nghiệp của địa phương; tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế thấp; phần lớn thiết bị công nghệ lạc hậu; sức cạnh tranh của sản phẩm kém. Công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản yếu kém, chưa làm được vai trò hướng dẫn, thúc đẩy sản xuất, liên kết sản xuất với thị trường. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp gặp khó khăn về vốn, các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp triển khai còn chậm. Nguồn khí mỏ cạn kiệt trong khi chưa khai thác được mỏ mới. Chưa có chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Hiệu quả hoạt động thương mại trong việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn hạn chế. Kết cấu hạ tầng du lịch chưa đáp ứng nhu cầu tham quan, vui chơi, giải trí của nhân dân.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra, Đảng bộ và nhân dân Thái Bình đang tập trung vào thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với tốc độ cao, tạo bước chuyển biến về cơ cấu kinh tế

Thái Bình chủ trương phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hai hướng. *Một là*, tập trung xây dựng các khu công nghiệp để thu hút các nhà đầu tư, tạo ra bước đột phá, mở đường. *Hai là*, phát triển mạnh mẽ nghề và làng nghề, hình thành các doanh nghiệp trong làng nghề, chuyển dần sản xuất thủ công sang sản xuất công nghiệp để từng bước xây dựng các cụm công nghiệp làng nghề, huyện, thành phố, chuyển một bộ phận lớn lao động nông nghiệp sang làm công nghiệp với phương châm "ly nông không ly hương".

Tập trung hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp Phúc Khánh, Nguyễn Đức Cảnh, Tiền Hải, thành phố Thái Bình và các cụm công nghiệp khác. Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp Đài Tín, An Hòa, Cầu Ngàn... Rà soát, tháo gỡ khó khăn, giải

quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh để các nhà đầu tư đăng ký vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhanh chóng được triển khai thực hiện. Nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích đất khu công nghiệp. Có biện pháp xử lý đối với dự án nhận đất đã lâu nhưng không triển khai thực hiện để chuyển cho các dự án mới. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban quản lý các khu công nghiệp của tỉnh và các đơn vị quản lý, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Quy hoạch, xây dựng cơ chế, chính sách, bộ máy quản lý các cụm công nghiệp huyện, thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp. Tiếp tục sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước; đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam sớm đưa các mỏ khí ở đất liền và thềm lục địa vào khai thác, đáp ứng nhu cầu nhiên liệu cho sản xuất công nghiệp địa phương. Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi (đất đai, vay vốn, thuế) để phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, các chủ hộ lớn làm nòng cốt thúc đẩy phát triển nghề và làng nghề; phấn đấu hằng năm giải quyết 7 - 10 nghìn lao động trong nông thôn, giá trị sản xuất của nghề và làng nghề tăng bình quân trên 15%/năm.

Điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư cho phù hợp với thực tế phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Sớm ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản tạo động lực phát triển sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

Thứ hai, chuyển mạnh nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, gắn liền sản xuất với chế biến và tiêu thụ, phát triển ngành thủy sản

Từng bước nâng cao hàm lượng tiến bộ khoa học, công nghệ trong đơn vị sản phẩm; nâng cao tỷ trọng hàng hóa, tỷ trọng hàng hóa qua chế biến và tỷ trọng hàng hóa bán ra qua hợp đồng. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây

trồng, vật nuôi, xây dựng cánh đồng đạt giá trị sản xuất 50 triệu đồng trở lên/héc-ta/năm, phong trào hộ nông dân có thu nhập 50 triệu đồng/năm; phấn đấu năm 2005, mỗi thôn xây dựng được ít nhất một "*cánh đồng 50 triệu đồng*". Hoàn thành mục tiêu chuyển đổi 10 - 15% diện tích cây lúa, làm muối kém hiệu quả sang nuôi, trồng cây, con có hiệu quả cao hơn. Quy hoạch xây dựng nhanh các vùng sản xuất tập trung chuyên canh, chuyên chăn nuôi; đổi mới cơ cấu giống, mùa vụ, tăng hệ số sử dụng đất. Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; phổ biến, hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản; phát triển kinh tế trang trại. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư chế biến, bao tiêu sản phẩm nông nghiệp, thủy sản. Nghiên cứu, khảo nghiệm đưa vào sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng sản phẩm cao, có sức cạnh tranh, phù hợp với nhu cầu thị trường, điều kiện tự nhiên của địa phương.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại theo phương pháp công nghiệp với các con vật nuôi cho hiệu quả kinh tế cao; phấn đấu đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính cho thu nhập cao. Hoàn chỉnh quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nuôi trồng thủy sản vùng nước mặn, lợ ven biển (trong và ngoài đê biển); chuyển nhanh nuôi quảng canh sang nuôi bán thâm canh và thâm canh. Cải tạo ao hồ nội đồng, quy hoạch chuyển một số vùng cây lúa kém hiệu quả sang nuôi cá nước ngọt với quy mô lớn vài chục héc-ta, làm thí điểm để nhân ra diện rộng; đồng thời có biện pháp giải quyết khâu chế biến, tiêu thụ để tạo thành sản phẩm hàng hóa tập trung, có khối lượng lớn.

Thứ ba, nâng cao chất lượng các hoạt động thương mại, dịch vụ

Xây dựng, thực hiện chiến lược phát triển các mặt hàng xuất khẩu, đầu tư xây dựng mạng

lưới chợ, các điểm du lịch. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại và đầu tư, nhất là tiêu thụ nông sản, thực phẩm, sản phẩm nghề và làng nghề. Xây dựng trung tâm thương mại, hội chợ và triển lãm, các trung tâm vui chơi giải trí ở thành phố, khu du lịch sinh thái cồn Vành, khu văn hóa lịch sử Đền thờ các Vua Trần... Nâng cấp khu du lịch Đồng Châu, xây dựng một số khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 - 5 sao. Nâng cao chất lượng các hoạt động giao thông - vận tải, điện lực, bưu chính - viễn thông... Tập trung xây dựng nâng cấp quốc lộ 39, đường vành đai phía bắc thành phố, đường từ thị xã đi Đồng Châu và một số tuyến tỉnh lộ khác; đồng thời tích cực tranh thủ các nguồn vốn để hỗ trợ duy tu, cải tạo các tuyến giao thông nông thôn đã xuống cấp.

Thứ tư, tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển

Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực trong tỉnh, trong và ngoài nước đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Thực hành tiết kiệm trong xây dựng cơ bản, chi tiêu hành chính để đầu tư cho phát triển kinh tế. Quản lý, khai thác có hiệu quả các nguồn thu ngân sách trên địa bàn, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương, bảo đảm cân đối thu, chi ngân sách; tập trung ưu tiên vốn đầu tư cho các chương trình kinh tế trọng điểm. Quy hoạch, quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ đất để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng của địa phương. Các ngân hàng tích cực huy động vốn, chủ động cùng với doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh.

Hy vọng với những giải pháp đúng và quyết tâm cao, sự nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi, Đảng bộ và nhân dân Thái Bình sẽ đạt được những thắng lợi lớn chào mừng Đại hội Đảng các cấp và Đại hội lần thứ X của Đảng sắp tới. □

CHÍNH sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung, đặc biệt là chính sách đất đai nói riêng, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số là một trong những vấn đề luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, với mục tiêu từng bước cải thiện và nâng cao đời sống đồng bào.

Nước ta có 54 dân tộc anh em cùng chung sống. Mỗi dân tộc đều có phong tục, tập quán riêng về sử dụng đất đai. Do đó, chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai của Đảng và Nhà nước có tác động tới quan hệ đất đai của từng dân tộc.

Khi nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật phục vụ cho việc quản lý và sử dụng đất đai trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc khảo sát thực tế về phong tục tập quán của đồng bào có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Một trong những nét đặc trưng của việc xây dựng chính sách, pháp luật về đất đai là, chính sách, pháp luật phải vừa phù hợp với đặc điểm chung của cả nước, vừa phù hợp với phong tục tập quán, cách sinh hoạt, sản xuất của từng dân tộc, từng vùng, miền.

Trong những năm qua, khi xây dựng chính sách, pháp luật về đất đai, chúng tôi tiến hành nghiên cứu:

1. Khu vực Tây Bắc, tiến hành nghiên cứu tại các tỉnh Hòa Bình, Sơn La và một số huyện của tỉnh Lào Cai; đối tượng nghiên cứu là các dân tộc Dao và Thái.

Theo phong tục truyền thống của người Dao, đất đai không phải là hàng hóa để mua bán, bởi đất đai và các nguồn tài nguyên từ đất đai (nước, cây cối, chim thú) là của linh hồn ông bà, tổ tiên. Con người ở thế hệ hiện tại chỉ

Về quản lý và sử dụng đất đai vùng đồng bào dân tộc thiểu số

TRIỆU VĂN BÉ *

là những người vay mượn, trông coi đất đai cho các thế hệ tương lai. Hộ gia đình hay cá nhân nào đã khai khẩn đất đai thì được trồng cấy, sản xuất ngay trên đó, và mảnh đất này được truyền từ đời này sang đời khác.

Ngoài ra, một số đất rừng phần lớn nằm ở một phần ba phía trên ngọn của các ngọn núi và rừng đầu nguồn nước thường được mặc nhiên thừa nhận là đất thuộc quyền quản lý, bảo vệ của cả cộng đồng. Khu vực này, các thành viên trong cộng đồng chỉ được quyền hái lượm củi và thảo dược, không được quyền khai hoang hoặc canh tác. Việc bảo vệ rừng là bắt buộc đối với tất cả các thành viên trong cộng đồng thông qua các lễ hội thờ hằng năm.

Như vậy, theo quan niệm truyền thống, người Dao không cho phép có các hành động phá hủy môi trường sống của họ. Trái lại, việc sử dụng đất đai và các nguồn tài nguyên từ đất đai của họ có thể được mô tả như là sự trung hòa giữa một bên là nhu cầu về lương thực và những nhu cầu khác trong cuộc sống với một bên là sự tôn trọng sâu sắc đối với thiên nhiên và sức mạnh của thiên nhiên. Việc sử dụng thái quá các nguồn tài nguyên sẽ bị xử phạt, nếu không phải bởi cộng đồng thì bởi sức mạnh thiên nhiên.

* Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Người Thái thực hiện việc quản lý đất rừng của cộng đồng theo những quy định của luật tục truyền thống. Rừng của cộng đồng được phân thành 4 loại sau:

Thứ nhất, khu rừng của các linh hồn (mỗi bản có khoảng 1 - 3 héc-ta) ở ngay cạnh bãi tha ma. Cây cối trong khu rừng này không bao giờ bị đốn chặt, trừ khi được sử dụng làm củi cho việc hỏa táng.

Thứ hai, khu rừng đầu nguồn nước ở sát khu vực dân cư sinh sống (mỗi bản có vài héc-ta). Khu rừng này được cả cộng đồng bảo vệ và bất cứ một hành vi xâm phạm nào đều bị xử phạt.

Thứ ba, khu rừng được sử dụng để lấy củi và các lâm sản phụ khác (mỗi bản có khoảng 6 - 10 héc-ta). Việc chặt những cây gỗ lớn để dựng nhà phải được sự đồng ý của trưởng bản.

Thứ tư, khu rừng dành cho việc tưởng niệm; đó là khu rừng có nghĩa địa cũ hoặc có các di tích lịch sử khác mà dân cư trong bản rất tôn trọng, thành kính.

2. Khu vực Tây Nguyên, tiến hành nghiên cứu tại Đắc Lắc; đối tượng nghiên cứu là các dân tộc Ê Đê, Mơ Nông.

Các dân tộc Ê Đê và Mơ Nông theo chế độ mẫu quyền, tức là người phụ nữ có vai trò quyết định trong gia đình. Nhìn chung, những dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên theo chế độ mẫu quyền thì người phụ nữ là chủ của các tài sản có trong gia đình (gồm nhà cửa, ché, công chiêng, công cụ sản xuất, gia súc, gia cầm, cây cối, hoa màu, đất đai), và tất cả các tài sản đó sẽ được để thừa kế theo họ ngoại.

Về đất ở, tuy các hộ có diện tích đất rộng nhưng phần đất của mỗi hộ đều có ranh giới rõ ràng. Trong việc chia thừa kế đất đai, con trai và con gái đều được hưởng, nhưng con trai chỉ được hưởng bằng 1/2 suất của con gái. Nếu người con trai nuôi bố mẹ đến già thì được chia phần tài sản (đất đai) bằng phần của người con gái.

Rừng của cộng đồng làng bản được bảo vệ rất nghiêm ngặt. Khi vào rừng, mọi người chỉ

được khai thác lâm sản phụ mà không được chặt phá cây bừa bãi.

Người Mơ Nông còn có quan niệm riêng trong khi khai phá đất đai để sản xuất. Họ cho rằng, khoảng trống rộng từ 50 đến 100 mét tính từ mép bờ trở ra là của họ và không ai được tự ý khai thác; chỉ người trong gia đình hoặc trong dòng họ mới được khai thác vùng đất này.

3. Khu vực Tây Nam Bộ, tiến hành nghiên cứu tại Trà Vinh; đối tượng nghiên cứu là dân tộc Khơ Me

Người Khơ Me sống tập trung ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Tuy có phong tục tập quán riêng, nhưng người Khơ Me thường sống chan hòa. Điều đó thể hiện rõ nhất trong đời sống sinh hoạt cộng đồng, trong các ngày lễ hội, các ngày tết Nguyên đán, Chôn chơ Nam Thơ Mây... Dân tộc Khơ Me theo chế độ mẫu hệ; người vợ là lao động chính trong gia đình nhưng quản lý tiền bạc, tài sản trong gia đình lại do người chồng.

Người Khơ Me có tập quán sử dụng luân phiên đối với đất canh tác do tổ tiên, ông bà để lại. Khu dân cư thường tập trung ở trên giồng đất cao; từng hộ có diện tích khuôn viên rộng và quanh khuôn viên thường trồng tre làm hàng rào.

Đời sống của nông dân Khơ Me ở một số nơi còn gặp nhiều khó khăn, chẳng hạn như không có đất hoặc thiếu đất sản xuất, thủy lợi chưa chủ động được tưới tiêu, thiếu vốn làm ăn, sản xuất độc canh, thiên tai, mất mùa, bệnh tật, ốm đau, chi phí lễ hội, sinh nhiều con...

Ngoài những đặc điểm, tập quán nói trên, trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn có một số khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ đất đai và việc thực thi chính sách, pháp luật đất đai như: một bộ phận dân cư vẫn còn tập quán sống du canh, du cư, đốt rừng làm nương rẫy; tình trạng di dân không theo kế hoạch chưa được giải quyết tốt; một số nơi, đồng bào dân tộc không có đất hoặc thiếu

đất sản xuất; có nơi, sau khi giao đất khoán rừng, sản xuất và đời sống vẫn chậm được cải thiện...

* *
*

Từ tình hình trên, để đưa chính sách, pháp luật đất đai vào cuộc sống đồng bào dân tộc thiểu số, chúng tôi thấy cần quan tâm giải quyết một số vấn đề sau:

Một là, tổng kết, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai theo Luật Đất đai trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số thời gian qua; đồng thời, quán triệt Luật Đất đai (sửa đổi) năm 2003. Qua đó, từng địa phương có kế hoạch cụ thể nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hai là, có nội dung và hình thức phổ biến pháp luật đất đai phù hợp với trình độ nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số. Nêu cao ý thức cộng đồng, vai trò của già làng, trưởng bản, mẹ Sok trong việc quản lý và sử dụng đất đai, núi rừng.

Ba là, hoàn thành công tác giao đất, giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng để đất đai, núi rừng thật sự đều có chủ, nhằm huy động tốt mọi nguồn lực trong đồng bào dân tộc thiểu số, giúp họ đi lên từ nghề rừng và tập trung đẩy mạnh phát triển vốn rừng. Nhà nước có quy định chung về cơ chế, chính sách quản lý và phát triển tài nguyên rừng, trong đó có chính sách tín dụng ưu đãi để hỗ trợ đồng bào phát triển rừng thâm canh, xóa dần quảng canh, độc canh. Đặc biệt, Nhà nước cần cụ thể hóa các chính sách có liên quan đến lợi ích của người trồng rừng để mọi bản làng đều có sự chủ động, năng động, sáng tạo trong chăm sóc và bảo vệ rừng. Đối với những nơi có nông - lâm trường, cần nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại sản xuất, triển khai có hiệu quả các dự án chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ gắn với nông -

lâm nghiệp sản xuất hàng hóa, thay dần kinh tế tự cấp, tự túc.

Bốn là, rà soát lại quy hoạch, nâng chất lượng quy hoạch sử dụng đất đai, cân đối lao động và đất đai; tăng cường kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng đất đai, xử lý nghiêm các vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về đất đai, nhất là đối với những vụ liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng tốt các làng định canh, định cư, đồng thời, có giải pháp chủ động giải quyết có hiệu quả tình trạng di dân không theo kế hoạch để Nhà nước có thể hạn chế hoặc kiểm soát được việc di dân, với mục đích có lợi cho quốc kế dân sinh, ngăn ngừa phát sinh những vấn đề xã hội phức tạp.

Năm là, thực hiện nghiêm pháp luật đất đai trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ở một số vùng, cần quan tâm xem xét điều kiện chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông - lâm nghiệp. Chính quyền và các đoàn thể có hình thức giúp đỡ hộ nông dân khi gặp thiên tai, mất mùa, bệnh tật, ốm đau, thiếu vốn làm ăn phải cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng đất đai, nhằm hạn chế đến mức tối đa tình trạng nông dân là người dân tộc thiểu số ở nơi chưa có điều kiện công nghiệp hóa và giải quyết việc làm không có đất hoặc thiếu đất sản xuất. Bên cạnh đó, cần có giải pháp tích cực để phát huy tốt những ngành, nghề truyền thống, phát triển thêm những ngành, nghề mới nhằm thu hút lao động nhàn rỗi trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Sáu là, nghiên cứu tập quán sử dụng đất luân phiên trong một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số để xem xét việc cấp và sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình cho phù hợp với tập quán trên. Đồng thời, áp dụng hình thức giao đất, giao rừng cho cộng đồng, làng bản theo Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số. □

DÂN QUÂN TỰ VỆ - *lực lượng chiến lược trong chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân ở nước ta*

LÊ ĐÌNH SỸ *

NGÀY 28-3-1935, cách đây vừa đúng 70 năm, Đảng ta đã ra Nghị quyết về Đội tự vệ. Thực tiễn lịch sử của cuộc đấu tranh cách mạng ở Việt Nam đã chứng minh rằng, lực lượng dân quân tự vệ luôn luôn giữ vai trò chiến lược trong chiến tranh nhân dân. Do vậy, nói đến chiến tranh nhân dân, nói đến quốc phòng toàn dân nhất thiết phải nói đến lực lượng dân quân tự vệ.

Đường lối quân sự của Đảng ta là đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân; là động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, lãnh đạo toàn dân tham gia công tác quốc phòng và đánh giặc giữ nước, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Sức mạnh của toàn dân vũ trang là một ưu thế tuyệt đối của chiến tranh nhân dân. Sức mạnh đó đã đưa dân tộc Việt Nam từ chỗ bị mất nước đến những thắng lợi rực rỡ trong cao trào kháng Nhật, cứu nước trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc và cả trong công cuộc bảo vệ biên cương của Tổ quốc chúng ta.

Đảng ta chủ trương xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt cho chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân. Mỗi thứ quân đều giữ một vai trò chiến lược nhất định. Riêng

đối với lực lượng dân quân tự vệ, Đảng ta xác định: *đó là một lực lượng chiến lược trong suốt quá trình đấu tranh vũ trang cách mạng ở nước ta*. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Dân quân, tự vệ và du kích là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã" (1).

Trong nghị quyết đầu tiên về đường lối quân sự của Đảng đã nêu vấn đề thành lập các đội tự vệ công nông, quân đội công nông. Do đó, các đội tự vệ đồ được thành lập trong cao trào Xô-viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931 và các lực lượng tự vệ, tự vệ chiến đấu trong thời kỳ chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là những hình thức tổ chức đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng ở nước ta.

Trong cuộc Khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, lực lượng tự vệ và tự vệ chiến đấu khắp Trung, Nam, Bắc đã đóng vai trò xung kích đặc lực, cùng Việt Nam giải phóng quân, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị của hàng triệu quần chúng vùng lên, dùng bạo lực cách mạng giành chính quyền về tay nhân dân trên phạm vi cả nước. Điều đó chứng tỏ, ngay từ đầu của cuộc khởi nghĩa vũ trang, các lực lượng tự vệ và tự vệ chiến đấu đã giữ một vai trò rất quan trọng.

Sau Cách mạng Tháng Tám, lực lượng dân quân tự vệ đã trưởng thành nhiều so với trước,

* TS, Đại tá, Phó viện trưởng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 132

đã tham gia bảo vệ chính quyền và tạo cơ sở thuận lợi để các đơn vị Giải phóng quân phát triển thành quân đội chính quy ngày càng lớn mạnh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dân quân tự vệ và dân quân du kích đã cùng bộ đội địa phương làm nòng cốt để tiến hành chiến tranh du kích, đánh địch ở khắp mọi nơi. Chiến tranh du kích là một trong hai hình thức cơ bản của chiến tranh nhân dân. Nó là biểu hiện cụ thể và sinh động của toàn dân đánh giặc. Trong kháng chiến, dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang đông đảo nhất, luôn bám đất, bám dân để đánh giặc giữ làng, chống lại các cuộc càn quét, bình định và làm thất bại âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" của quân thù. Dân quân tự vệ là lực lượng đông đảo tham gia tiêu phỉ, trừ gian, diệt ác, phá tề, tiêu hao, tiêu diệt địch, quấy phá các căn cứ hậu phương của chúng, làm thất bại về căn bản một trong những mục tiêu quan trọng của chủ nghĩa thực dân mới là giành dân và củng cố nguy quân, nguy quyền.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp cũng như trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, chiến tranh du kích xuất hiện trước và trở thành cơ sở của chiến tranh chính quy, đã cùng với chiến tranh chính quy giành những thắng lợi to lớn trên chiến trường. Chiến tranh nhân dân ở Việt Nam luôn kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, giữa chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy. Sự phát triển của chiến tranh nhân dân là thực tiễn hùng hồn chứng minh địa vị chiến lược của chiến tranh du kích. Vai trò chiến lược của dân quân tự vệ và dân quân du kích luôn gắn liền với địa vị chiến lược của chiến tranh du kích. Do đó, trong chiến tranh cách mạng, nói đến địa vị của chiến tranh du kích cũng tức là nói đến địa vị chiến lược của dân quân tự vệ và dân quân du kích; bởi vì dân quân tự vệ và du kích quân luôn là lực lượng chủ yếu của chiến tranh du kích. Trong quá trình chiến tranh, chiến tranh du kích càng phát triển

thì lực lượng dân quân tự vệ và du kích càng phát triển; lực lượng dân quân tự vệ càng lớn mạnh thì chiến tranh du kích càng phát triển và giành được nhiều thắng lợi.

Từ những năm 1959 - 1960, các đội tự vệ và du kích đã hỗ trợ đắc lực cho phong trào đồng khởi của nhân dân miền Nam, góp phần làm thất bại âm mưu của đế quốc Mỹ nhằm thống trị miền Nam bằng các thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Chính trong phong trào đồng khởi đó, các đội tự vệ và du kích với ý chí bất khuất và lòng yêu nước căm thù giặc, đã anh dũng chiến đấu, giành được những thắng lợi to lớn, tạo điều kiện để phát triển cuộc chiến tranh nhân dân ở miền Nam. Hình thức chiến tranh du kích phát triển ở khắp mọi nơi, hỗ trợ cho quân chúng nổi dậy phá "áp chiến lược", thực hiện khởi nghĩa từng phần, lập ra các vùng giải phóng, đẩy nguy quân, nguy quyền đứng trước nguy cơ sụp đổ.

Dân quân tự vệ và dân quân du kích miền Nam ngày càng phát triển lớn mạnh, đã phối hợp với bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực tiến hành chiến tranh du kích và chiến tranh chính quy, lần lượt đánh thắng các chiến lược "chiến tranh đặc biệt", "chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Khi Mỹ ào ạt đưa quân vào miền Nam thì các lực lượng vũ trang của ta đã triển khai và chiếm lĩnh trận địa trên khắp các chiến trường và đã có một thế trận vững chắc từ rừng núi đến đồng bằng, từ nông thôn đến sát đô thị. Lực lượng vũ trang ba thứ quân của ta đã phát triển và làm chủ các vùng chiến lược trọng yếu. Nhân dân ta trong đó nòng cốt là lực lượng tự vệ và du kích đã lập ra những vành đai diệt Mỹ, một thứ trận địa bao vây hết sức linh hoạt của chiến tranh nhân dân nhằm cô lập, tiêu hao, quấy phá địch, tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng chủ lực hoạt động.

Là lực lượng vũ trang cơ sở luôn bám đất bám dân, dân quân tự vệ và du kích quân là lực lượng chiến đấu tại chỗ, đã phối hợp với bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực đánh bại các kế

hoạch "bình định nông thôn" của địch, mở các chiến dịch phản công đánh tan các cuộc hành quân bình định của quân thù, đồng thời kết hợp với quần chúng nhân dân tiến hành đấu tranh chính trị trực diện với địch ở cả nông thôn và thành thị.

Trong chiến tranh, dân quân tự vệ và du kích đã sáng tạo ra nhiều cách đánh giặc tài tình, độc đáo. Họ luôn dựa vào dân, cùng nhân dân tìm ra những cách đánh hợp lý, kết hợp giữa vũ khí thô sơ và hiện đại, thực hiện lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh, đánh vào những nơi hiểm yếu và sơ hở nhất của địch, gây cho chúng những tổn thất nặng nề. Với những cách đánh linh hoạt, dân quân du kích miền Nam đã tiêu diệt được các tiểu đội, trung đội Mỹ, nguy; có nơi một đội du kích đã tiêu diệt cả đại đội quân Mỹ. Dân quân du kích đã từng diệt hàng trăm xe bọc thép, bắn hạ hàng chục máy bay trong một đợt chống càn; đã nhiều lần đốt phá hàng trăm, hàng ngàn tấn xăng dầu, đạn dược của địch. Dựa vào trí tuệ tập thể của nhân dân, các chiến sỹ tự vệ và du kích đã cải tiến các vũ khí thô sơ, làm ra các hầm chông mới, đặt các kiểu bẫy mìn, lựu đạn, địa lôi rất tinh vi, gây cho địch nhiều nỗi kinh hoàng. Chiến tranh du kích phát triển đã làm cho quân địch lâm vào tình trạng khốn quẫn, phải phân tán đối phó khắp nơi, khiến chúng quân đông mà hóa ít, có nhiều phương tiện cơ động hiện đại nhưng thường bị chôn chân tại chỗ rồi hao mòn và tinh thần binh lính luôn luôn căng thẳng. Hoạt động của dân quân tự vệ đã tạo điều kiện thuận lợi và tạo ra nhiều cơ hội để bộ đội chủ lực tập trung mở những chiến dịch lớn, những trận đánh quyết định vào những hướng, những mục tiêu quan trọng trên chiến trường.

Trong quá trình chiến tranh cách mạng, dân quân tự vệ luôn là lực lượng đông đảo tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, là lực lượng giữ vai trò hết sức quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ hậu phương, căn cứ địa của ta. Các *khu an toàn*, *khu giải phóng* nhờ đó ngày càng mở rộng và phát triển.

Cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của không quân và hải quân Mỹ, đã chứng tỏ vai trò to lớn của lực lượng dân quân tự vệ trong việc bảo vệ hậu phương chiến lược miền Bắc đối với cách mạng miền Nam. Trong những thắng lợi của hai lần chống chiến tranh phá hoại có sự đóng góp lớn lao của dân quân tự vệ. Trên các mặt trận chiến đấu, sản xuất, bảo đảm giao thông - vận tải chi viện chiến trường..., dân quân tự vệ đều tỏ rõ khả năng hết sức dồi dào, xứng đáng với vị trí chiến lược của mình trong sự nghiệp vĩ đại này. Dân quân tự vệ đã hăng hái tham gia phục vụ mọi mặt cho bộ đội chiến đấu bắn máy bay và tàu chiến Mỹ; đã cùng công an nhân dân giữ vững trật tự trị an; lập nhiều thành tích trong công tác phòng không nhân dân; thực hiện "tay cày, tay súng", vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu.

Khi đất nước đã thống nhất, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong thời kỳ đổi mới, lực lượng dân quân tự vệ cùng với các lực lượng vũ trang và toàn dân đã đánh bại mọi âm mưu xâm lược của các thế lực thù địch, đồng thời góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng lực lượng quốc phòng và an ninh ở các địa phương trong cả nước. Dân quân tự vệ luôn là lực lượng chủ yếu bảo vệ Đảng, chính quyền và nhân dân ở cơ sở.

Qua quá trình chiến đấu và công tác, do được giáo dục và rèn luyện, dân quân tự vệ không chỉ là lực lượng hiệp đồng chiến đấu đắc lực có hiệu quả với các lực lượng vũ trang khác, mà còn trở thành nguồn dự trữ nhân lực vô tận và quý giá của bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, bổ sung cho bộ đội những chiến sỹ và cán bộ có phẩm chất tốt, giàu kinh nghiệm chiến đấu. Việc này có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi vì bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương chỉ có thể lớn mạnh trên cơ sở lực lượng dự bị hùng hậu mà dân quân tự vệ là nòng cốt. Khi bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương đã giữ vai trò quan trọng và quyết định trên chiến trường, thì vai trò chiến lược của dân quân tự vệ vẫn không hề giảm sút.

(Xem tiếp trang 52)

MÃNH đất và con người Hòa Vang chứa đựng những đặc trưng nổi bật về truyền thống cách mạng và yêu nước. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hòa Vang là nơi tranh chấp hết sức ác liệt giữa ta và địch. Quân và dân Hòa Vang trung dũng, kiên cường, bất khuất đã trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong đấu tranh giải phóng dân tộc. Chính từ những thành tích to lớn trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hòa Vang đã được Nhà nước phong tặng 26.893 huân, huy chương các loại. Đặc biệt, quân và dân Hòa Vang đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu: **Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân** và **Anh hùng lực lượng trình sát vũ trang Công an nhân dân**; đồng thời, 9 xã của huyện cũng được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đây cũng chính là truyền thống vinh quang, niềm tự hào và hành trang quan trọng để nhân dân và cán bộ Hòa Vang bước vào thời kỳ hòa bình xây dựng quê hương cùng cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội thực hiện mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Là huyện ngoại thành bao bọc phía Tây thành phố Đà Nẵng, Hòa Vang bao gồm 14 xã với tổng diện tích tự nhiên là 73.752 ha (chiếm 86% tổng diện tích tự nhiên của thành phố Đà Nẵng), dân số 153.842 người, số người trong độ tuổi lao động là 78.437 và mật độ dân số là 204 người/km². Hòa Vang có các quốc lộ 1A, 14B, đường sắt Bắc - Nam, các tỉnh lộ 601,

602, 604, 605 và đường cao tốc Đà Nẵng - Dung Quất đi qua góp phần nâng cao vị trí của huyện trong quá trình vận chuyển hàng hóa trong nước và khu vực. Nhưng do địa hình của huyện trải rộng trên cả 3 vùng: miền núi (77%), trung du (15%) và đồng bằng (8%), nên hàng năm các xã thường xuyên bị lũ quét đe dọa, đất đai bị bào mòn, xói lở làm ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân.

Sau ngày giải phóng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hòa Vang tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, mau chóng tập trung mọi nguồn lực khắc phục hậu quả chiến tranh tàn khốc trên quê hương; đồng thời, cố gắng hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai thường xuyên gây ra. Trước đôi mối, mặc dù đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, nhưng về cơ bản, Hòa Vang đã đạt được những thành tựu quan trọng về phát triển

kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng bộ và nhân dân Hòa Vang đoàn kết nhất trí, nêu cao ý chí tự lực tự cường, phát huy phẩm chất anh hùng cách mạng, tranh thủ thời cơ thuận lợi, phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh vốn có, từng bước ổn định đời sống của người dân, đưa các ngành sản xuất kinh doanh của huyện phát triển nhanh và bền vững. Với 30 năm

HÒA VANG - *anh hùng trong chiến đấu và xây dựng*

HUỲNH MINH NHON *

* Phó bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

xây dựng và phát triển, nhất là thời kỳ đổi mới, Đảng bộ và nhân dân Hòa Vang đã đạt được những thành tựu hết sức to lớn, toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng.

Trước hết, *tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và hiệu quả cao*. Hòa Vang là huyện nông nghiệp duy nhất của thành phố Đà Nẵng và đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế từ nông - lâm - ngư nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - thương mại - dịch vụ và du lịch sang công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - nông - lâm và ngư nghiệp. Trong quá trình chuyển đổi này, nhịp độ tăng trưởng kinh tế của huyện theo tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân thời kỳ 1991 - 1995 là 7,1% lên 12,5% thời kỳ 1997 - 2003 và riêng năm 2004 tăng 14,6% so với năm 2003 (trong đó, tỷ lệ tăng tương tự ở các nhóm ngành là: nông - lâm - ngư nghiệp từ 3,4% lên 5,02% và năm 2004 là 5,12%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp từ 12,7% lên 19,5% và năm 2004 là 23%; thương mại - dịch vụ - du lịch từ 11,1% lên 13,8% và năm 2004 là 10,16%). Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp được thúc đẩy mạnh mẽ. Nếu năm 1991, nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ trọng 59,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm 11,2% và thương mại - dịch vụ chiếm 36,3% thì năm 2004, nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 30%, công nghiệp - xây dựng chiếm 39% và thương mại - dịch vụ chiếm 31%. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 1991 là 5 tỉ đồng và năm 2004 là 177,380 tỉ đồng (tăng gần 36 lần). Thu nhập GDP bình quân đầu người năm 1991 là 1,3 triệu đồng và năm 2004 là 6,7 triệu đồng.

Nhìn chung, các ngành kinh tế của Hòa Vang có sự phát triển vượt bậc so với những năm đầu đổi mới. Nông nghiệp chuyển mạnh sang nông nghiệp đô thị - sản xuất hàng hóa. Năng suất lúa bình quân năm 1991 là 37 tạ/ha nay đạt 53,5 tạ/ha; năm 1991 toàn huyện chỉ có 100 ha rừng trồng, nay có 11.299 ha; diện tích nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh, hiện có

464 ha, trong đó 384 ha nuôi tôm đạt năng suất bình quân 11 tạ/ha/năm; đã hình thành vùng rau xanh chuyên canh, vùng cây ăn quả có diện tích 657 ha với tập đoàn cây ăn quả chất lượng cao đạt sản lượng 15.326 tấn/năm, vùng cây công nghiệp đặc sản với diện tích 1.325 ha và đang hình thành vùng trồng hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu của thành phố và xuất khẩu. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển vượt bậc. Huyện có chủ trương hỗ trợ và khuyến khích phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương và phát triển nhanh những khu chế xuất với các ngành công nghiệp mới tạo động lực thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ kinh tế địa phương. Chính vì thế, nếu năm 1991 giá trị sản xuất chỉ đạt 30,9 tỉ đồng đến nay đạt 244 tỉ đồng; đã hình thành các khu phố chợ và các trung tâm thương mại dịch vụ mới; kim ngạch xuất khẩu năm 1991 chỉ đạt vài trăm ngàn USD thì nay đạt 4,5 triệu USD.

Thứ hai, *kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc* đã tạo được chuyển biến rõ nét về tiến bộ và công bằng xã hội. Đây là một quan điểm xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và được các cấp chính quyền từ huyện đến cơ sở triển khai thực hiện đạt kết quả tốt. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo của huyện không ngừng phát triển. Đến nay, huyện có 26 trường tiểu học, 14 trường trung học cơ sở và 4 trường phổ thông trung học với đội ngũ giáo viên hơn 2.000 người và có 43.514 học sinh các cấp. Tổng số trẻ theo học ở lớp mẫu giáo là 4.957 cháu. Huyện đã xây dựng 100% trường học kiên cố, khang trang với trên 600 phòng học cho tất cả các bậc học, trong đó, nhà cao tầng có trên 300 phòng. Hơn 10 năm qua, Hòa Vang được công nhận là huyện hoàn thành chương trình xóa mù chữ ở độ tuổi 15 - 35, phổ cập giáo dục ở bậc tiểu học, trung học cơ sở và đang tiến tới hoàn thành phổ cập bậc trung học. Có 10/26 trường tiểu học và 1 trường mẫu giáo của huyện được công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia.

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân có nhiều tiến bộ, các chương trình y tế quốc gia, y tế cộng đồng, bảo hiểm y tế, chính sách y tế với người nghèo... đều đạt kết quả tốt. Đến nay, 100% trạm y tế xã được xây dựng khang trang và có đội ngũ y, bác sỹ được đào tạo cơ bản. Huyện đã được Bộ Y tế công nhận là đã xóa hẳn bệnh phong, đẩy lùi bệnh sốt rét, không chế các bệnh xã hội nguy hiểm. Trung tâm y tế huyện được Bộ Y tế công nhận là 1 trong 5 bệnh viện toàn quốc đạt danh hiệu "Bệnh viện tình thương" và năm 2003 được tặng Huân chương Lao động hạng ba.

Hòa Vang là một trong những địa phương làm tốt công tác chăm sóc gia đình chính sách xã hội với phong trào "Người con hiếu thảo" và "Đền ơn đáp nghĩa". Đến cuối năm 2003, về cơ bản huyện đã xóa xong nhà tạm cho gần 4.800 hộ gia đình chính sách xã hội với tổng số kinh phí hơn 34 tỉ đồng. Chương trình xóa đói giảm nghèo ở Hòa Vang được triển khai tốt, không có hộ tái đói, tái nghèo. Trung bình mỗi năm trên địa bàn huyện giải quyết được từ 3.000 - 3.500 việc làm ổn định. Tỷ lệ đói nghèo của huyện hiện còn 2%. Đặc biệt, huyện đã xây dựng nhà ở kiên cố cho 100% số hộ gia đình đồng bào dân tộc Cà Tu.

Do thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các chương trình, dự án quốc gia đã tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế - xã hội trên nhiều lĩnh vực, đời sống nhân dân đã ổn định nhiều mặt, hộ đói nghèo giảm, hộ khá - giàu tăng nhanh, 100% hộ gia đình đều có nhà ở, trong đó, trên 94% hộ có nhà ở kiên cố; trên 80% số hộ đã có xe gắn máy và ti vi, 100% sử dụng nước sạch và điện sinh hoạt. Nhìn chung, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân trong huyện được nâng cao rõ rệt so với 10 năm trước.

Thứ ba, *củng cố an ninh - quốc phòng và xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh*. Xác định đúng vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng của kết cấu hạ tầng trong phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và chính

quyền huyện đã kịp thời chỉ đạo vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách huy động và tập trung nhiều nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, huy động nội lực trong nhân dân và các tổ chức quốc tế đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng và phúc lợi xã hội. Lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng từ năm 1991 đến năm 2003 đã thực hiện giá trị đầu tư 650 tỉ đồng, trong đó, trên 90 tỉ đồng từ nguồn tài trợ quốc tế và khoảng 150 tỉ đồng từ đóng góp của nhân dân. Hàng loạt công trình trọng điểm có ý nghĩa lịch sử phục vụ lâu dài cho quốc kế dân sinh đã được xây dựng như: hồ Đồng Nghệ (50 tỉ đồng), Trung tâm Y tế huyện (8 tỉ đồng), 783 km đường giao thông huyết mạch đã được rải nhựa hoặc bê tông hóa, hoàn thành 400 km bê tông đường kiệt hẻm. Tính đến năm 2004, Hòa Vang đã hoàn thành bê tông hóa hoặc nhựa hóa chương trình xây dựng đường giao thông nông thôn và giao thông kiệt hẻm. Đã đầu tư 158 tỉ đồng xây dựng, cải tạo hệ thống hồ chứa nước và hệ thống thủy lợi. Đặc biệt đã kiên cố bê tông hóa 182,5 km kênh mương dẫn nước tưới tiêu. Với 75 km đường dây trung thế và 1.086 km đường dây hạ thế, Hòa Vang đã có 100% xã có điện thấp sáng và 100% số hộ gia đình sử dụng điện sinh hoạt. Mạng lưới bưu điện phát triển rộng khắp trên toàn huyện, 14/14 xã đều có điểm Bưu điện văn hóa, năm 1991 chỉ có 0,18 máy điện thoại trên 100 dân nay có hơn 12 máy trên 100 dân. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển mạnh và rộng khắp trong thời gian qua đã thực sự trở thành đòn bẩy quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Hòa Vang.

Đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ và nhân dân Hòa Vang luôn quan tâm xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh. Hàng chục vạn ngày công đã được huy động để xây dựng hệ thống phòng thủ. Hằng năm huyện đều vượt chỉ tiêu giao quân nhập ngũ. Lực lượng dân quân tự vệ của huyện được duy trì, hoạt động tốt. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng phát triển và đem lại

những kết quả nổi bật, vì thế đã kịp thời ngăn chặn không để xảy ra các "điểm nóng". Tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được bảo đảm tốt, đem lại cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị của huyện ngày càng được củng cố và xây dựng vững mạnh. Huyện hiện có 3.391 đảng viên, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng "Trong sạch vững mạnh" ngày càng tăng (năm 1997: 63%, 1999: 77,5% và 2003: 93,9%). Ban chấp hành Đảng bộ của các nhiệm kỳ vừa qua là một tập thể đoàn kết, bảo đảm phẩm chất và năng lực, đã quyết định được nhiều chủ trương, kế sách đưa huyện ngày càng phát triển về mọi mặt. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt nhiều kết quả. Chủ trương đưa đảng viên, cán bộ về sinh hoạt tại nơi cư trú đã được phát huy. Thông qua đó quần chúng giám sát, góp ý giúp cán bộ, đảng viên chân chính kịp thời những sai sót, hằng năm tiến hành đánh giá phân loại công chức, phân loại cơ sở đảng và đảng viên sát thực tế, đem lại kết quả tích cực, góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm, uy tín của người cán bộ, đảng viên, tăng cường chặt chẽ mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Các cơ quan nhà nước được kiện toàn và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và đổi mới điều hành của chính quyền từ huyện đến cơ sở nên đã tích cực góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Công tác tiếp dân, giải quyết các thắc mắc, khiếu kiện của công dân kịp thời. Công tác cải cách thủ tục hành chính theo mô hình "một cửa, một chỗ" được thực hiện tốt, giảm hẳn tình trạng đi lại nhiều lần và gây phiền hà cho người dân. Nạn tham nhũng, quan liêu, cửa quyền, xa rời quần chúng được đấu tranh, ngăn chặn bằng nhiều biện pháp và đem lại hiệu quả cụ thể.

Mặt trận và các đoàn thể quần chúng đã có nhiều cố gắng từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, không ngừng mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Trên cơ sở đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế Dân

chủ ở cơ sở, nhiều phong trào hành động cách mạng của các đoàn thể được đẩy lên mạnh mẽ, đã huy động được nhiều nguồn lực của mọi tầng lớp nhân dân vào công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các hội Nông dân, Phụ nữ, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên hoạt động mạnh mẽ, đạt nhiều kết quả, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động và nhiều năm liền được thành phố tặng cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của thành phố.

Ba mươi năm xây dựng quê hương, đặc biệt từ khi thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp nhưng cán bộ và nhân dân Hòa Vang đã phát huy cao độ truyền thống anh hùng, khai thác mọi tiềm năng thế mạnh của mình, kiên trì phấn đấu và đã đạt được những thành tích nổi bật ở nhiều lĩnh vực: kinh tế tăng trưởng cao, bền vững và hiệu quả; đời sống văn hóa - xã hội nhiều khởi sắc; công tác xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn về cơ bản được hoàn thiện; an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đạt nhiều thành tựu; bộ mặt nông thôn - miền núi ngày càng đổi thay, đời sống đại bộ phận nhân dân ổn định và từng bước được nâng cao; niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự nghiệp đổi mới của Đảng được củng cố... Chính vì những thành tựu nổi bật đó, từ năm 1978 đến nay, nhân dân và cán bộ huyện Hòa Vang đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 6 Huân chương Lao động hạng ba, 4 Cờ thi đua của Chính phủ, 7 Bằng khen của Chính phủ và các bộ, ngành. Từ năm 1997 đến nay, Hòa Vang liên tục được Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tặng cờ về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua khối quận, huyện. Đặc biệt, ngày 21-10-2004, Chủ tịch nước đã ký quyết định phong tặng danh hiệu **Anh hùng Lao động** trong thời kỳ đổi mới cho nhân dân và cán bộ huyện Hòa Vang. Đây là việc làm kịp thời mang ý nghĩa sâu sắc ghi nhận những cống hiến và đóng góp của đồng

bào, đồng chí; nâng cao lòng tự hào và ý thức trách nhiệm, phát huy lòng yêu nước, củng cố lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường thêm sức mạnh để Hòa Vang tiếp tục hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ cách mạng, góp phần cùng cả nước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan giúp Hòa Vang đạt được những thành tựu vượt bậc trong 30 năm qua, nhưng tựu trung lại có thể nêu mấy nguyên nhân cơ bản sau:

- Quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và vận dụng một cách năng động, sáng tạo phù hợp đường lối ấy vào điều kiện, đặc điểm của huyện, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, được các tầng lớp nhân dân hết lòng hưởng ứng thực hiện.

- Những nỗ lực lớn lao của cán bộ và nhân dân Hòa Vang: biết kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, biết biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong xây dựng quê hương đất nước, đoàn kết, sáng tạo, cần cù, vượt khó, nêu cao ý thức tự lực, tự cường vươn lên giành thắng lợi, tạo sức mạnh tổng hợp phát triển toàn diện.

- Xây dựng và kiện toàn vững mạnh hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở: tổ chức thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở; phát huy rộng rãi quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân; xây dựng vững chắc mối quan hệ Đảng - nhân dân, Đảng - Nhà nước, Nhà nước - nhân dân, tạo ra sức mạnh tinh thần to lớn, vượt qua mọi khó khăn trở ngại để phát triển.

Những nguyên nhân đưa đến thành tích vượt bậc của Hòa Vang 30 năm qua vừa là những bài học kinh nghiệm quý báu, vừa là tiền đề và cơ sở vững chắc để cán bộ và nhân dân toàn huyện nắm chắc niềm tin, vững bước cùng cả nước tiến vào thời kỳ mới đây mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

DÂN QUÂN TỰ VỆ...

(Tiếp theo trang 47)

Những đóng góp của lực lượng dân quân tự vệ dưới sự lãnh đạo của Đảng trong suốt 70 năm qua là rất to lớn đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành lại độc lập, tự do, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, lực lượng dân quân tự vệ là một trong ba thứ quân trong lực lượng vũ trang nhân dân, đã giữ một địa vị chiến lược quan trọng trong suốt quá trình đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Do vai trò chiến lược, do những thành tích to lớn và sự trưởng thành vượt bậc, dân quân tự vệ đã xứng đáng là một bộ phận trọng yếu đứng trong lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng của chúng ta. Khẳng định vai trò chiến lược của dân quân tự vệ như trên, không phải chỉ căn cứ vào những thắng lợi mà dân quân tự vệ đã giành được trong thực tiễn chiến tranh mà chúng ta còn xuất phát từ đường lối quốc phòng - quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân đúng đắn và sáng tạo của Đảng, từ quan điểm đánh giá về vai trò của quần chúng nhân dân với sự phát triển lịch sử, từ bản chất và đặc điểm của chiến tranh nhân dân ở Việt Nam.

Khẳng định vị trí chiến lược của dân quân tự vệ cũng để chứng minh khả năng tiềm tàng rất lớn trên nhiều mặt của lực lượng này trong lịch sử, hiện tại và mai sau. Trong tương lai, chiến tranh nhân dân sẽ có những bước phát triển mới, nhưng dẫu trong hoàn cảnh nào, lực lượng dân quân tự vệ vẫn giữ vững địa vị chiến lược truyền thống vốn có. Chúng ta cần nhận thức đúng đắn về vai trò của nó, quán triệt tốt hơn nữa nhiệm vụ của dân quân tự vệ trong tình hình mới; trên cơ sở đó xác định đường lối tổ chức và phương hướng đúng, nhằm xây dựng dân quân tự vệ thành một lực lượng vũ trang hợp lý, ngày càng lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. □

VĂN GIANG với hai nhiệm vụ chính trị

NGUYỄN TRÍ PHƯƠNG *

MẶC dù thời gian tiếp tục xây dựng và phát triển của huyện mới 5 năm, kể từ khi được tái lập (ngày 1-9-1999), nhưng với sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của nhân dân, Văn Giang đã đạt được những thành quả đáng khích lệ trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Những thành quả đó, xét cho cùng, do Văn Giang đã thực hiện đồng bộ và hiệu quả hai nhiệm vụ: *Phát triển kinh tế và xây dựng, chỉnh đốn Đảng*. Chính việc tổ chức thực hiện tốt hai nhiệm vụ chính trị trọng đại có quan hệ mật thiết trong sự phát triển mọi mặt của địa phương, đã đưa lại những thành công hiện nay của Văn Giang. Để địa phương phát triển toàn diện, huyện đã tập trung mọi nỗ lực cho những công việc chủ yếu sau.

1 - Định hướng về tư tưởng

a - Xuất phát từ những đặc thù của chính mình

Mọi chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước chỉ có thể đem lại hiệu quả nếu được cụ thể hóa căn cứ vào chính những điều kiện đặc thù của địa phương. Xuất phát từ nhận thức đó, Đảng bộ và chính quyền Văn Giang đã phân tích làm rõ những điều kiện của mình. Những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, khí hậu, cho đến những đặc trưng của con người Văn Giang, cả những điểm mạnh cũng như điểm yếu, đều được xem xét với tư

cách là những yếu tố quan trọng cấu thành cho chính sách xây dựng, phát triển của địa phương.

Gần với Thủ đô Hà Nội, mặt khác lại gần vị trí trung tâm của tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Văn Giang nói riêng, tỉnh Hưng Yên nói chung, có lợi thế về cung cấp dịch vụ, cũng như hình thành các trung tâm kỹ

thuật phục vụ cho các đầu mối kinh tế lớn. Đồng đất của Văn Giang có sự xen kẽ giữa đất bãi ven sông màu mỡ với những diện tích vùng trũng trồng lúa năng suất thấp. Do diện tích đất canh tác không nhiều, người dân Văn Giang phải bươn chải làm ăn khắp nơi để có thêm thu nhập trong những ngày nông nhàn. Đó cũng là đặc điểm hình thành nên tính cách năng động, nhanh nhạy của họ trong tiếp thu những yếu tố mới.

Những điều kiện, đặc điểm đó được Văn Giang coi là yếu tố quan trọng trong việc hoạch định chủ trương và giải pháp đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

b - Nêu cao tinh thần tự lực, khơi dậy những tiềm năng trong nhân dân

Thấy rõ tiềm lực to lớn của nhân dân trong việc phát triển sản xuất, đồng thời tin tưởng rằng nhân dân sẽ hăng hái hưởng ứng những chủ trương, chính sách mang lại những lợi ích thiết thực, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang đã đặt nhiệm vụ khơi dậy tinh thần hăng say sản xuất của nhân dân, coi đó là yếu tố mấu chốt của các động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

* Tỉnh ủy viên, Phó bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên

Sau khi có chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của huyện, dựa trên các chính sách pháp luật hiện hành của Nhà nước, toàn bộ hệ thống chính trị từ huyện tới cơ sở nhanh chóng cụ thể hóa các chủ trương đó, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, tạo điều kiện một cách thuận tiện nhất cho nhân dân trong sản xuất và kinh doanh. Việc giải quyết cho thuê đất cũng như vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh được tiến hành đúng pháp luật, với thủ tục nhanh gọn. Lãnh đạo các ngành chức năng, các cấp làm tốt việc giúp đỡ nhân dân tiếp thu khoa học - kỹ thuật từ các viện nghiên cứu, các trung tâm khuyến nông. Nhân dân được tạo mọi điều kiện từ phía bộ máy quản lý, cũng như có các định hướng, chính sách đúng đắn, cởi mở đã hăng say phát triển sản xuất, kinh doanh, vừa làm giàu cho bản thân, vừa đem lại những đóng góp nhất định cho địa phương qua nhiều hình thức đa dạng.

2 - Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm

a - Xác định mũi nhọn chuyển dịch cơ cấu phù hợp

Dựa vào những điều kiện của địa phương, cụ thể là từ việc khẳng định những thế mạnh của mình mà huyện Văn Giang xác định những nhiệm vụ chính trong phát triển kinh tế - xã hội, có các định hướng cho nhiệm vụ phát triển kinh tế. Từ cách đặt vấn đề như vậy, mô hình kinh tế của Văn Giang là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp truyền thống - du lịch, dịch vụ; đồng thời phát triển sản xuất nông nghiệp với giá trị kinh tế cao trên cơ sở thay thế cây lúa bằng các loại cây, con có năng suất, chất lượng cao.

Với định hướng như thế, nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đã xây dựng các nghị quyết chuyên đề phục vụ các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đó là các Nghị quyết số 12 và 13, số 36 và 37. Nghị quyết số 12 - NQ/HU, ngày 31-5-2001, "Về tiếp tục củng cố, đổi mới nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp"; Nghị quyết

số 13 - NQ/HU, ngày 8-6-2001, "Về đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất nông nghiệp"; Nghị quyết số 36- NQ/HU, ngày 21-2-2003, "Về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề giai đoạn 2003 - 2010"; Nghị quyết số 37- NQ/HU, ngày 21-2-2003, "Về phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, sinh thái giai đoạn 2003 - 2010" được ban hành là cơ sở để đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của huyện trên những lĩnh vực then chốt, là thế mạnh của địa phương.

b - Tập trung sức mạnh tạo sự bứt phá hiệu quả

Sau khi có các nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế, lãnh đạo huyện tổ chức việc quán triệt nội dung của các nghị quyết đến các ban, ngành cũng như đại diện các hộ gia đình. Các thành phần có liên quan đều nắm chắc những nội dung cơ bản của các nghị quyết, từ đó xác định quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Các hộ dân hiểu rõ chủ trương chung phát triển kinh tế của huyện đã yên tâm đầu tư vốn, công sức vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, làm giàu chính đáng cho bản thân.

Về chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi: Sau hơn 3 năm thực hiện Nghị quyết số 13 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI, đến nay Văn Giang chuyển 1.311,1 ha trồng lúa và rau màu sang mô hình VAC kết hợp và chuyên canh những cây có hiệu quả kinh tế cao. Việc sử dụng những diện tích trũng để nuôi thủy sản, cũng như phát triển đàn bò sữa ở những bờ vùng được quy hoạch đã thu được kết quả tốt. Thu hoạch từ sản xuất nông nghiệp của Văn Giang không ngừng tăng qua mỗi năm. Nếu năm 2000, giá trị sản xuất bình quân của mỗi héc-ta đất chỉ đạt 35,28 triệu đồng, thì năm 2004 đã là 50,7 triệu đồng (có xã đạt bình quân 80 triệu đồng/ha như Phụng Công, Mỹ Sở).

Nhờ có chủ trương đúng đắn cùng với sự năng động của các hộ gia đình mà hiệu quả sản xuất nông nghiệp của Văn Giang liên tục tăng,

đem lại sức sống mới trong phát triển kinh tế của huyện cũng như góp phần thay đổi đời sống của các hộ nhân dân.

Về đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp: Nhìn chung, các hợp tác xã sau khi thực hiện việc chấn chỉnh tổ chức và tiến hành hoạt động theo Luật Hợp tác xã, đã thể hiện vai trò nhất định trong sản xuất nông nghiệp. Những dịch vụ chủ yếu như thủy lợi, điện, bảo vệ thực vật đều được các hợp tác xã đảm nhận có hiệu quả ở phần lớn các xã. Tuy nhiên, một khâu quan trọng là khuyến nông và chuyển giao khoa học - kỹ thuật vẫn chưa được các hợp tác xã đảm nhận một cách đầy đủ và có hiệu quả. Thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục chỉ đạo tích cực để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển cũng như tăng nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh của các hộ nông dân là thành viên hợp tác xã.

Việc tập trung phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện hơn một năm qua đã đưa lại những thay đổi trên nhiều mặt. Giá trị kinh tế do công nghiệp đem lại ngày càng tăng. Năm 2003, giá trị sản xuất công nghiệp của Văn Giang đạt 47.151 triệu đồng, năm 2004 đạt hơn 55.230 triệu đồng. Cùng với hiệu quả kinh tế cao trong so sánh với sản xuất nông nghiệp, sự phát triển của công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện còn góp phần giải quyết một số lượng lao động đáng kể. Năm 2003 đã có 4.488 lao động được tạo việc làm thường xuyên trong khu vực sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Nghị quyết số 36 của Huyện ủy đã và đang chứng tỏ là một quyết sách đúng đắn trong việc thu hút các cá nhân và doanh nghiệp đầu tư sản xuất vào địa bàn. 26 dự án sản xuất, kinh doanh đã và đang được triển khai trên địa bàn huyện, từ sản xuất hàng tiêu dùng cho đến những sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao, đòi hỏi công nghệ và kỹ thuật hiện đại như đồ điện tử, máy móc, thiết bị xây dựng. Thực hiện thành công nghị quyết này sẽ

là bước phát triển về chất cho kinh tế - xã hội Văn Giang, một mặt vừa nâng cao hiệu quả kinh tế, mặt khác tạo ra số lượng công ăn việc làm ổn định, với tay nghề cao. Đây là vốn quý cho sự phát triển lâu dài theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của địa phương.

3 - Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt

a - Làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Chúng tôi xác định, làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là một nhân tố quyết định đối với sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của địa phương. Khâu đi trước một bước là: đội ngũ cán bộ, đảng viên phải vững về quan điểm, lập trường, từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, năng động và nhiệt tình trong công việc. Đây chính là cơ sở của những thành công.

Công tác chính trị, tư tưởng tập trung trang bị cho đội ngũ cán bộ các cấp những nội dung cơ bản của nghị quyết đại hội các cấp của Đảng, làm rõ những nhiệm vụ trọng tâm của địa phương qua mỗi thời kỳ. Chính việc quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội 15 của Đảng bộ tỉnh Hưng Yên là cơ sở quan trọng để Huyện ủy Văn Giang ra các nghị quyết chuyên đề số 12, 13, 36, 37, với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn huyện, và đã đưa lại những kết quả bước đầu khích lệ.

Không chỉ bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên, Văn Giang còn làm tốt nhiệm vụ phát triển và chỉnh đốn Đảng. Thời gian qua Huyện ủy tổ chức các lớp bồi dưỡng đối tượng Đảng cho các quần chúng ưu tú, kết nạp 219 người vào Đảng, trong đó có 145 đoàn viên thanh niên, và 125 là nữ. Qua việc thực hiện chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ Văn Giang đã thi hành kỷ luật 2 tổ chức cơ sở đảng và 60 đảng viên. Vừa phát triển, vừa làm tốt nhiệm vụ chỉnh đốn Đảng, huyện phấn đấu xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên bảo đảm sự phát triển về số lượng cũng như đạt về tiêu chuẩn chất lượng, đáp ứng với yêu cầu của nhiệm vụ.

b - Xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận

Việc trang bị kiến thức kinh tế, nâng cao trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ cơ sở được đặc biệt quan tâm. Số lượt cán bộ được đào tạo ngày càng tăng, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đội ngũ cán bộ quản lý các cấp vì vậy được phát triển cả về số lượng cũng như không ngừng được nâng cao trình độ về mọi mặt.

Hướng chủ yếu trong công tác đào tạo đội ngũ kế cận của Văn Giang là kết hợp việc đào tạo một cách chủ động, thông qua tạo nguồn cán bộ một cách có kế hoạch lâu dài với thu hút đội ngũ có trình độ, được đào tạo một cách có hệ thống từ nơi khác đến, bằng việc tạo ra các cơ chế hấp dẫn. Chính định hướng phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã bước đầu tạo môi trường tốt thu hút sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng đến với địa phương, trong số đó có nhiều con em của Văn Giang trở về phục vụ quê hương, khi nhận thấy tương lai rộng mở nơi mảnh đất họ sinh thành.

Tuy vậy, huyện còn phải nỗ lực hơn nữa trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, khi mà hiện nay số cán bộ có trình độ phần lớn tập trung chủ yếu ở các cơ quan, ban, ngành cấp huyện, trong khi đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã vẫn cần tiếp tục được đào tạo, trang bị những kiến thức cần thiết mới có thể hoàn thành nhiệm vụ có hiệu quả. Điều đáng biểu dương ở đội ngũ cán bộ cấp xã chính là lòng nhiệt tình với công việc. Tinh thần hăng say công tác của đội ngũ cán bộ cấp xã đã thúc đẩy phong trào ở các xã một cách mạnh mẽ.

Các tổ chức chính trị trong huyện có vai trò quan trọng trong mọi thành công mà Văn Giang đạt được. Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên đều thể hiện vai trò tích cực, năng động trong việc tổ chức, vận động các thành viên của mình thực hiện những nhiệm vụ chính trị cũng như góp phần đoàn kết mọi người cùng nhau xây dựng đời sống văn minh, giàu mạnh. Qua việc thực hiện những nhiệm vụ của địa phương, các tổ

chức chính trị trong huyện không ngừng lớn mạnh, đảm nhận ngày càng có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời góp phần đào tạo, bồi dưỡng những nhân tố mới, bổ sung vào đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành của địa phương.

c - Nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng với những nhiệm vụ của địa phương

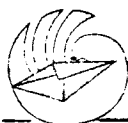
Để nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, lãnh đạo huyện phân công các đồng chí Huyện ủy viên, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy theo dõi chặt chẽ các cơ sở và cụm cơ sở. Sự sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo đã bảo đảm cho thực hiện các nghị quyết thông suốt về chủ trương và hành động; đồng thời, chỉ đạo kịp thời, góp phần giúp địa phương tháo gỡ những khó khăn nảy sinh trong công việc. Việc lãnh đạo của Huyện ủy với các địa phương được thông qua các buổi làm việc định kỳ cũng như bất thường về mọi vấn đề với đội ngũ lãnh đạo các xã.

Không chỉ yêu cầu sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, vai trò của cán bộ, đảng viên còn được thể hiện qua hiệu quả công việc. Huyện lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo đánh giá khả năng của cán bộ, tiêu chuẩn bình chọn các danh hiệu theo cương vị phụ trách; là tiêu chí để xếp loại các tổ chức cơ sở đảng. Nơi nào đội ngũ cán bộ, đảng viên lãnh đạo địa phương hoàn thành nhiệm vụ chính trị, không để xảy ra những sai phạm về pháp luật, vi phạm tư cách người đảng viên, nơi đó tổ chức cơ sở đảng phát huy tốt vị trí lãnh đạo, người cán bộ, đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao phó.

4 - Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở - yếu tố quyết định khơi dậy sức mạnh của phong trào

Với hoàn cảnh bước đầu bắt tay xây dựng địa phương phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, việc thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại Văn Giang thực sự là yếu tố quan trọng thúc đẩy

(Xem tiếp trang 67)



Khắc phục những tư tưởng cản trở việc đổi mới doanh nghiệp nhà nước

HỒ NGỌC HY *

PHƯƠNG hướng sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX) xác định rất cụ thể. Các bước tiến hành đã thể hiện chi tiết trong 104 đề án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước của các bộ, ban, ngành và các địa phương. Quá trình triển khai thực hiện được đa số cán bộ, đảng viên đồng tình. Nhưng gần đây có những ý kiến cho rằng: trong nền kinh tế thị trường không nhất thiết phải có doanh nghiệp nhà nước, hoặc muốn doanh nghiệp nhà nước hoạt động trở lại thời kỳ tập trung, bao cấp để được sự bảo trợ của Nhà nước.

Ý kiến trên có phần thuộc về nhận thức, có phần thuộc về tư tưởng cá nhân, nó đã trở thành lực cản lớn đối với việc thực hiện đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta trong việc sắp xếp, đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Trước hết, chúng ta phải khẳng định quan điểm, chủ trương của Đảng nêu trong các nghị quyết là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn và quy luật phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khác về bản chất so với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Đảng ta khẳng định: "*Kinh tế nhà nước* phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt, đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật"⁽¹⁾. "Doanh nghiệp nhà nước... phải không ngừng được đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, làm công cụ vật chất quan trọng, ... làm lực lượng nòng cốt, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là chủ lực

trong hội nhập kinh tế quốc tế"⁽²⁾.

Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) đã ra Nghị quyết "Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước", coi đó là "nhiệm vụ cấp bách cũng là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài với nhiều khó khăn, phức tạp, mới mẻ"⁽³⁾. Nghị quyết chủ trương: kiên quyết điều chỉnh để doanh nghiệp nhà nước có cơ cấu hợp lý, chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo chế độ công ty, đẩy mạnh cổ phần hóa những doanh nghiệp nhà nước mà nhà nước không cần nắm 100% vốn, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý để doanh nghiệp nhà nước kinh doanh tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hợp tác, bình đẳng kinh doanh, bình đẳng cạnh tranh với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo pháp luật, xóa bỏ bao cấp, đầu tư đúng đắn và hỗ trợ phù hợp đối với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm quan trọng, không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp, phân biệt rõ chức năng của cơ quan quản lý nhà nước với chức năng điều hành sản xuất của

* Phó trưởng ban thường trực Ban Dân vận, Tỉnh ủy Quảng Trị

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 96

(2) *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 6, 7, 8

(3) *Nghị quyết đã dẫn*, tr 8

doanh nghiệp. Khi xem xét, đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, Nghị quyết nêu: "phải có quan điểm toàn diện cả về kinh tế, chính trị, xã hội; trong đó, lấy suất sinh lời trên vốn làm một trong những tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh, lấy kết quả thực hiện các chính sách xã hội làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh"⁽⁴⁾.

Thực tế vừa qua cho thấy, nhiều doanh nghiệp nhà nước thực hiện nghiêm túc sự lãnh đạo của Trung ương, vượt qua nhiều thách thức, đứng vững và không ngừng phát triển, góp phần quan trọng vào thành tựu to lớn của sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đầu tư thêm máy móc, thiết bị, đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, kinh doanh, lành mạnh hóa tình hình tài chính; đã chi phối được các ngành, các lĩnh vực then chốt và sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm và kim ngạch xuất khẩu, trong tổng thu ngân sách; lực lượng quan trọng để thực hiện các chính sách xã hội, đời sống của người lao động từng bước được cải thiện. Doanh nghiệp nhà nước ngày càng thích ứng với cơ chế thị trường, năng lực sản xuất tiếp tục tăng, cơ cấu ngày càng hợp lý hơn, trình độ công nghệ và năng lực quản lý có nhiều tiến bộ, hiệu quả sức cạnh tranh từng bước được nâng lên. Trước kia, cả nước có khoảng 12.000 doanh nghiệp nhà nước, nhiều năm qua, chúng ta đã sắp xếp điều chỉnh còn lại khoảng 5.000 doanh nghiệp. Tính riêng trong

3 năm (2001 - 2003) đã sắp xếp được 1.766 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa 905 doanh nghiệp. Nếu năm 2000 doanh nghiệp nhà nước đã đóng góp cho nền kinh tế quốc dân 39,5% GDP và 39,2% tổng thu ngân sách, trên 50% kim ngạch xuất khẩu, thì trong vài năm nay tỷ trọng ấy được nâng lên 63,8% GDP, 63% thu ngân sách, 72% kim ngạch xuất khẩu.

Từ đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng và kết quả sự đóng góp to lớn của doanh nghiệp nhà nước chứng tỏ nhất thiết phải củng cố vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Những ai còn mơ hồ về nhận thức, cũng như việc nhìn vào doanh nghiệp nhà nước chỉ thấy mặt tiêu cực mà không thấy mặt tích cực để từ đó phủ định vai trò doanh nghiệp nhà nước là sai lầm.

Tuy nhiên, việc sắp xếp, đổi mới, nhất là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) thực hiện còn rất chậm, vẫn còn giữ và kéo dài nhiều doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, lĩnh vực Nhà nước không cần nắm, có quy mô nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp, làm ăn thua lỗ kéo dài, đã làm hạn chế vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đang là gánh nặng cho các ngân hàng, bởi tình trạng nợ xấu chưa hề thuyên giảm.

Tình trạng trên do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là tư tưởng "Có xu hướng bao cấp trở lại và bảo trợ dưới nhiều hình thức cho doanh nghiệp nhà nước"⁽⁵⁾. Xu hướng này, tập trung ở một số cán bộ

quản lý nhà nước, nhất là một số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp thiếu năng lực và phẩm chất đạo đức, cơ hội, vụ lợi, thực dụng. Họ muốn quay lại "chung sống" với lối quản lý tập trung, bao cấp cũ để được Nhà nước bảo trợ "càng nhiều càng tốt". Vì đó là mảnh đất cho tệ quan liêu, tham nhũng, tư lợi phát triển mà họ đã quen "gặt hái" một thời.

Do đó, họ không công khai phản đối việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, nhưng bằng mọi cách để lợi dụng, khai thác những gì có lợi cho cá nhân, hoặc tri hoãn, kéo dài hoặc thực hiện qua loa.

Trong lúc nhiều doanh nghiệp nhà nước đẩy nhanh tiến độ thực hiện đường lối của Đảng về đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, thì số này lại khẩn trương chuẩn bị để đối phó khi "sự cố" xảy ra (chẳng hạn, tham nhũng bị phát hiện), sẵn sàng "nới rộng bàn tay" để đón nhận cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp, còn Nhà nước lại một lần nữa "nai lưng ra" để ưu đãi, bảo trợ, xóa nợ, chuyển nợ và xử lý những hậu quả, vướng mắc do thời gian trước để lại.

Trong số này có một số giám đốc sắp về hưu lại ủng hộ mạnh mẽ chủ trương này để tính nước "hạ cánh an toàn". Còn số giám đốc trẻ thì không thiết tha mặn mà. Dù doanh nghiệp nhà nước có chuyển đổi nhưng số cán bộ thoái hóa, biến chất còn

(Xem tiếp trang 72)

(4) Nghị quyết đã dẫn, tr 6 - 7

(5) Văn kiện Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2004, tr 29



BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH NHÂN QUYỀN CÁC NƯỚC NĂM 2004 CỦA BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ - MỘT SỰ VI PHẠM NHÂN QUYỀN

ANH ĐỨC*

1 - Bản chất của Báo cáo về tình hình nhân quyền các nước năm 2004 của Bộ Ngoại giao Mỹ và phản ứng của cộng đồng quốc tế

Từ nhiều năm nay, các nước trên thế giới không còn lạ lẫm gì về cái gọi là Báo cáo về tình hình nhân quyền các nước do Bộ Ngoại giao Mỹ công bố hằng năm. Báo cáo này đưa ra những thông tin, nhận định và đánh giá theo quan điểm của Mỹ về tình hình thực hiện quyền con người ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Vậy thực chất của báo cáo này ra sao và vì mục đích gì mà chính phủ Mỹ hằng năm phải làm cái việc luôn gây nên sự phản ứng dữ dội từ các nước, kể cả các nước đồng minh thân cận của Mỹ?

Báo cáo về tình hình nhân quyền các nước được Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ bắt đầu tiến hành từ năm 1976 theo quy định của Luật Hỗ trợ nước ngoài (sửa đổi) năm 1961 và Luật Thương mại năm 1974. Theo đó, hằng năm Bộ Ngoại giao Mỹ phải chuẩn bị một báo cáo "đầy đủ và trọn vẹn" về tình hình các quyền con người đã được quốc tế thừa nhận ở hầu hết các nước trên thế giới. Báo cáo này được trình lên Chủ tịch Hạ viện và Ủy ban đối ngoại Thượng viện Hoa Kỳ xem xét và quyết định các vấn đề quan hệ quốc tế với các nước.

Báo cáo được công bố rộng rãi như một "sự phân xét" về việc thực hiện quyền con người ở các nước trên thế giới.

Sự thực, tiêu chuẩn về các quyền con người được nêu lên và nhận định đưa ra trong đó chỉ phản ánh quan điểm riêng của Mỹ về quyền con người, khác với tiêu chuẩn chung đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Chính phủ và Quốc hội Mỹ có quan điểm riêng của mình về quyền con người xuất phát từ điều kiện kinh tế, xã hội, lịch sử và văn hóa của chính nước Mỹ, nhưng không thể vì thế mà tự cho mình quyền được quốc tế hóa quan điểm đó, biến nó thành thước đo đánh giá việc thực hiện quyền con người ở các quốc gia, dân tộc khác.

Tự cho mình quyền được phân xét, đánh giá, nhận định về tình hình quyền con người và các vấn đề khác của các nước trên thế giới, Mỹ đã vượt quá và vi phạm những nguyên tắc pháp lý quốc tế cơ bản được xác lập bởi Hiến chương Liên hợp quốc, các văn bản pháp lý khác cũng như các thông lệ bang giao quốc tế đã và đang được cộng đồng quốc tế tôn trọng.

Với tính chất phi lý như vậy, Báo cáo về tình hình nhân quyền năm 2004 của

* Ths, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, cũng như các báo cáo các năm trước đây, đã và đang vấp phải sự phản nộ của dư luận quốc tế.

Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã công bố một báo cáo về "thành tích" nhân quyền của Mỹ, trong đó phân tích sự vi phạm nghiêm trọng của quân đội Mỹ đối với các quyền con người cơ bản tại nhà tù A-bu Gra-ip ở I-rắc. Trong báo cáo này còn trích dẫn một nhận định của Hội chữ Thập đỏ quốc tế rằng trường hợp vi phạm nhân quyền ở nhà tù này không phải là trường hợp hy hữu mà là một trong những biểu hiện của sự vi phạm có hệ thống. Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tuyên bố: "Không có một nước nào có thể đặt mình ra khỏi quá trình phát triển của các quyền con người mang tính chất quốc tế hoặc tự cho mình là sự hiện thân của quyền con người để lãnh đạo các nước khác và ra lệnh cho các nước"⁽¹⁾.

Ở bên kia bán cầu, tại Mê-hi-cô, Phó chủ tịch Ủy ban nhân quyền Mê-hi-cô Gi. L. Xô-be-ra-net cho rằng, nước Mỹ không đủ tư cách đạo đức để đưa ra những nhận định về quyền con người ở các nước khác. Ông phê phán kịch liệt cách đối xử tàn tệ mà Mỹ áp dụng đối với những công dân Mê-hi-cô trốn sang Mỹ và cho rằng Mỹ chính là nước vi phạm các quyền con người cơ bản của những người Mê-hi-cô.

Phê phán những chỉ trích của Báo cáo về tình hình nhân quyền các nước, Phó tổng thống Vê-nê-xu-ê-la Gi. V. Ran-gen nhận xét rằng nước Mỹ "không thể đạt tiêu chuẩn từ bất kỳ một khía cạnh nào" để đi rao giảng về quyền con người cho nước khác; rằng: Báo cáo của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ dối trá, sai trái, đạo đức giả và do đó nó hoàn toàn không có giá trị.

Bộ Ngoại giao Nga cho rằng, báo cáo này lại một lần nữa làm dư luận quốc tế thất vọng và bất bình, và, một lần nữa chứng tỏ rằng nước Mỹ áp dụng tiêu chuẩn kép trong khi tiếp cận quyền con người để phớt lờ những vi phạm của mình.

Báo *Hurriyet* (Thổ Nhĩ Kỳ) viết: "Trong báo cáo nhân quyền của mình Bộ Ngoại giao Mỹ cáo buộc những nước như Ai-cập và Xy-ri về việc áp dụng tra tấn. Tuy nhiên, báo cáo này không hề, dù chỉ một lần, đề cập tới những sự kiện xảy ra ở nhà tù A-bu Gra-ip và tất nhiên, cũng không hề đề cập đến tình trạng vi phạm nhân quyền ở trại giam tại Guan-ta-na-mô" v.v..

2 - Thực trạng về quyền con người ở Hoa Kỳ

Trong khi đưa ra những nhận xét và đánh giá sai lệch về việc thực hiện quyền con người ở các nước, Mỹ lại cố tình phớt lờ những "thành tích" đầy tai tiếng về thực hiện quyền con người của mình.

Trước hết, cần phải kể đến cách cư xử và những phương pháp tra tấn, nhục hình, hạ thấp phẩm giá con người một cách có hệ thống mà Mỹ áp dụng tại các nhà tù ở I-rắc và Guan-ta-na-mô. Đây là những vi phạm không thể biện hộ được đối với những tiêu chuẩn tối thiểu về quyền con người được các văn kiện pháp lý quốc tế ghi nhận, đồng thời còn là sự vi phạm các nguyên tắc cơ bản của Luật Nhân đạo quốc tế. Những vi phạm như vậy không hề được nhắc tới trong Báo cáo.

Tình hình bảo đảm các quyền con người, đặc biệt là các quyền dân sự, chính trị luôn là những vấn đề đối với nước Mỹ. Mỹ vốn đã từng nổi tiếng về tệ phân biệt chủng tộc, bất bình đẳng về chủng tộc và tình trạng tòi tệ về quyền con người của những nhóm người yếu thế trong xã hội. Các báo cáo nghiên cứu của các tổ chức quốc tế gần đây cho thấy, trên thực tế, việc thực hiện chính sách, pháp luật để bảo vệ quyền của các nhóm dễ bị tổn thương trong xã hội Mỹ vẫn đang có những khoảng cách lớn.

Trong nỗ lực chung của quốc tế nhằm loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc,

(1) Báo *Bưu điện Oa-sinh-ton*, ngày 4-3-2005 (tiếng Anh)

nước Mỹ tỏ ra rất chậm chạp. Mãi đến năm 1994, Mỹ mới phê chuẩn Công ước quốc tế về loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc. Mặc dù trở thành thành viên của Công ước này nhưng Mỹ không tỏ ra thiện chí thực hiện Công ước. Bằng chứng là hệ thống pháp luật Mỹ xác định khái niệm phân biệt chủng tộc hẹp hơn nhiều so với khái niệm mà Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc đưa ra. Từ đó, có rất nhiều hành vi vi phạm pháp luật quốc tế chống phân biệt chủng tộc ở nước Mỹ nhưng lại không bị luật pháp Mỹ trừng trị.

Các báo cáo nghiên cứu trong những năm gần đây còn cho thấy tình trạng bạo lực, tội ác diễn ra ngày càng nhiều ở Mỹ. Nước này còn là một trong số ít những nước có số lượng án tử hình cao được thi hành mỗi năm. Ở Mỹ, tỷ lệ phạm nhân trên phần trăm dân số thuộc loại cao nhất, nhì thế giới. Theo các báo cáo, những năm gần đây, trung bình nước Mỹ có khoảng 645 phạm nhân/100.000 dân.

Việc áp dụng hình phạt tù cũng đang có chiều hướng dễ dãi hơn ở Mỹ. Khoảng 53% phạm nhân ở các bang của Mỹ bị bỏ tù vì những hành vi vi phạm nhỏ, không gây bạo lực. Trong khi đó, chính sách tư pháp hình sự Mỹ đang có xu hướng kéo dài hơn hình phạt tù đối với người vi phạm pháp luật và hạn chế việc ân xá, đặc xá đối với tù nhân.

Trên lĩnh vực quyền phụ nữ và trẻ em, hai lĩnh vực vô cùng nhạy cảm, đòi hỏi vai trò tích cực của nhà nước thì Mỹ lại không có sự quan tâm đầy đủ. Mỹ chưa trở thành thành viên của Công ước quốc tế loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Đặc biệt, Mỹ là một trong 2 quốc gia duy nhất trên thế giới hiện nay chưa phê chuẩn Công ước quyền trẻ em. Mỹ là một trong số ít những nước trên thế giới vẫn duy trì hình phạt tử hình đối với phạm nhân vị thành niên. Trong lúc đó, Công ước quyền trẻ em và các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến về tư pháp vị thành niên hiện nay nghiêm cấm việc tử hình phạm nhân chưa thành niên.

Trong Báo cáo hằng năm của Mỹ về tình hình nhân quyền các nước, cái được cho là dựa trên tiêu chuẩn quyền con người mà quốc tế thừa nhận thì chính nước Mỹ lại hầu như không thừa nhận phần lớn các tiêu chuẩn quốc tế đó. Khi nói đến các quyền con người quốc tế thì cần phải nói đến các điều ước quốc tế cơ bản về quyền con người như Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ, Công ước chống tra tấn, Công ước quyền trẻ em, Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc... và một số những văn kiện không có giá trị ràng buộc khác. Hiện nay, tuy Mỹ đã ký nhưng còn chưa phê chuẩn ít nhất 3 văn kiện cơ bản về quyền con người. Đó là Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; Công ước quyền trẻ em và Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Đối với một điều ước quan trọng khác, tương đối mới, có liên quan đến quyền con người là Quy chế ROME về tòa hình sự quốc tế, Mỹ đã miễn cưỡng ký mà không phê chuẩn và sau đó tuyên bố xóa bỏ hiệu lực của hành vi ký này. Sự lảng tránh các cam kết quyền con người quốc tế như vậy chứng tỏ Mỹ không mặn mà và cam kết rất yếu ớt đối với những tiêu chuẩn quyền con người chung mà cộng đồng quốc tế đã cùng nhau xây dựng nên.

Vì vậy, chính sách hai mặt về nhân quyền của Mỹ thể hiện rất rõ trong các báo cáo nhân quyền hằng năm. Chính sách này tự nó đã bóc trần thói đạo đức giả của Mỹ về nhân quyền đúng như Phó tổng thống Vê-nê-xu-ê-la đã nhận xét. Tổ chức Ân xá quốc tế cũng đưa ra nhận định rằng, Mỹ đã rất hào hứng và nhiệt tình sử dụng một cách rộng rãi tất cả các thông tin về tình hình tra tấn trước đây ở I-rắc, lợi dụng nó để bôi đen chế độ cũ ở I-rắc và biện minh cho cuộc tấn công quân sự của mình. Còn khi đã chiếm đóng I-rắc và thực hiện những

hành vi tra tấn không kém phần tàn bạo thì những báo cáo của tổ chức này đã bị Mỹ phớt lờ ngay.

Bình luận về thái độ cao ngạo, đạo đức giả và coi thường luật pháp quốc tế của Mỹ, báo *The Guardian* (Anh) đã viết: “Bỗng nhiên Chính phủ Mỹ phát hiện ra những giá trị đạo đức của luật quốc tế. Chính phủ có thể khởi động cuộc chiến bất hợp pháp chống lại một quốc gia có chủ quyền; có thể theo đuổi việc phá hủy mọi điều ước quốc tế ngăn cản những nỗ lực lãnh đạo thế giới (của chính phủ), nhưng khi năm người lính (của chính phủ) bị bắt đưa ra trước ống quay của Đài Truyền hình I-rắc vào ngày chủ nhật thì Đ. Răm-xpėjo, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ lập tức phản ứng rằng “đây là sự vi phạm Công ước Giơ-ne-vơ vì đã chiếu những bức ảnh của tù binh chiến tranh theo cách làm nhục họ”⁽²⁾.

3 – Quyền con người ở Việt Nam

Quyền con người là thành quả đấu tranh của nhân loại tiên bộ trên thế giới, là giá trị chung và là tài sản chung của các quốc gia, dân tộc khác nhau. Với tư cách là một giá trị của nhân loại, quyền con người là sự kết tụ của các truyền thống được chắt lọc và bản sắc của các quốc gia trong đó có Việt Nam. Quyền con người vừa mang tính phổ biến vừa mang tính đặc thù. Tính phổ biến của quyền con người được thể hiện và phản ánh cụ thể bằng những cam kết đạo đức và pháp lý mà cộng đồng quốc tế, thông qua tổ chức Liên hợp quốc đã từng bước xây dựng và củng cố. Đó là các tuyên ngôn, tuyên bố, các công ước, nghị định thư... về quyền con người. Chúng chứa đựng sự thỏa thuận chung của các quốc gia về giá trị phổ biến của quyền con người. Đến lượt mình, các quốc gia, dựa vào những điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa và lịch sử để triển khai thực hiện những thỏa thuận chung đó. Trong khi thực hiện quyền con người ở quốc gia mình, các dân tộc, trong đó có Việt Nam, đã mang đến và tạo lập nên những giá trị riêng, hay

nói cách khác đã xác lập tính đặc thù của quyền con người.

Đối với Việt Nam quyền con người trước hết là mục tiêu cao cả của các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc. Quyền con người đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên trong Tuyên ngôn độc lập năm 1945 khai sinh ra Nhà nước Việt Nam hiện đại. Quyền con người ở Việt Nam được ghi nhận với tư cách là những quyền hiến định chi phối toàn bộ hệ thống pháp luật, chính sách của nhà nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, hệ thống pháp luật, chính sách quốc gia đang từng bước được đổi mới, củng cố và phát triển. Quyền con người càng được cụ thể hóa hơn qua hệ thống pháp luật đó.

Thực tiễn ở Việt Nam cho thấy quyền con người đang được thực hiện thông qua sự lớn mạnh của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và sự phát triển của đời sống mọi mặt của người dân. Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong công tác xóa đói giảm nghèo, các chương trình xã hội khác. Đây là sự thực hiện các quyền con người có hiệu quả tạo điều kiện cho việc hưởng thụ các quyền khác của nhân dân.

Khác với Mỹ, Việt Nam thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của mình đối với các tiêu chuẩn quyền con người được ghi nhận tại các công ước quốc tế về quyền con người. Đến nay, Việt Nam trở thành thành viên của hầu hết các điều ước đó. Hệ thống pháp luật, chính sách đang được xây dựng, hoàn thiện thể hiện rõ thiện chí và quyết tâm của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia. Vì vậy Hoa Kỳ không có quyền và không có tư cách phán xét vấn đề nhân quyền của Việt Nam, không thể xuyên tạc, phủ nhận những thành tựu to lớn của nhân dân ta đã đạt được trong lĩnh vực bảo đảm quyền con người. □

(2) Báo *The Guardian*, ngày 25-3-2003 (tiếng Anh)

QUAN HỆ KINH TẾ

Việt Nam - Liên minh châu Âu trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

NGUYỄN QUANG THUẬN *

1 - Vị trí EU trong quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam

Liên minh châu Âu (EU) là một trong những trung tâm kinh tế lớn nhất của thế giới, có vị trí quan trọng đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Về thương mại, EU đứng đầu thế giới về xuất khẩu và thứ hai về nhập khẩu. Hiện nay, EU là một trong những thị trường xuất nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với EU hiện chiếm 22% xuất khẩu và 12% nhập khẩu⁽¹⁾. Ngoài ra, EU còn là nhà đầu tư quan trọng và cung cấp viện trợ phát triển chính thức (ODA) lớn cho Việt Nam.

Việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức giữa Việt Nam và Cộng đồng kinh tế châu Âu ngày 22-10-1990 đã mở ra giai đoạn phát triển mới giữa Việt Nam - EU. Tiếp theo đó, năm 1992, Việt Nam và EU đã ký Hiệp định hợp tác ngành dệt may, đặc biệt là ngày 17-7-1995, tại trụ sở của Ủy ban châu Âu ở Brúc-xen (Bỉ), Việt Nam và Ủy ban châu Âu đã chính thức ký Hiệp định khung hợp tác. Theo Hiệp định khung đã ký, EU dành cho Việt Nam quy chế đối xử tối huệ quốc, cho phép Việt Nam được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập. Hai bên tạo điều kiện thuận lợi cho nhau trong việc trao đổi hàng hóa cũng như môi trường đầu tư thuận lợi. EU tạo điều kiện giúp Việt Nam

trong việc chuyển đổi kinh tế thị trường, xóa đói giảm nghèo và hội nhập kinh tế quốc tế. Có thể nói, những năm đầu của thế kỷ XXI là giai đoạn mở đầu cho sự phát triển quan hệ nhiều mặt giữa Việt Nam và EU. Các hiệp định đã được ký kết giữa hai phía là những cơ sở pháp lý hết sức quan trọng thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam - EU trong những năm sau này. Sau khi Việt Nam và EU ký Hiệp định khung hợp tác, hai phía đã triển khai chiến lược hợp tác giai đoạn 1995 - 2000, hiện nay đang triển khai chiến lược hợp tác giai đoạn 2001 - 2005.

Về quan hệ thương mại: Trong gần 15 năm qua, quan hệ thương mại Việt Nam - EU không ngừng được phát triển. Kim ngạch buôn bán từ năm 1990 đến 1999 tăng 12,1 lần, tốc độ tăng trung bình hằng năm là 31,78%, năm 2000 trên 4,1 tỉ USD, năm 2002 xấp xỉ 5 tỉ USD, năm 2003 đạt hơn 6,3 tỉ USD. Năm 2004 đạt trên 7,6 tỉ USD, tăng 20% so với năm 2003. Dự kiến kim ngạch thương mại năm 2005 còn tăng cao hơn nữa, đạt trên 8 tỉ USD⁽²⁾. Cho đến nay, Việt Nam đã có quan hệ buôn bán với 13/25 nước thành viên EU với kim ngạch tăng khá

* PGS, TS, Viện Nghiên cứu châu Âu

(1) Nguồn: www.europa.eu.int, ngày 22-12-2004

(2) www.vnexpress.net, ngày 22-12-2004

nhanh, nhất là với Pháp, Đức, Anh, Hà Lan. Các mặt hàng Việt Nam xuất sang EU ngày càng phong phú và đa dạng. Ngoài các mặt hàng nông thủy sản, Việt Nam đã xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp chế biến như dệt may, giày dép, sản phẩm bằng da thuộc, đồ gỗ, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể thao, gốm sứ mỹ nghệ, trong đó đã xuất hiện các mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao như hàng điện tử, điện máy...

Kim ngạch nhập khẩu từ EU vào Việt Nam cũng tăng khá nhanh trong những năm qua. Tốc độ tăng trung bình những năm 1993 - 1999 là 40%, năm 2003 nhập khẩu gần 2,5 tỉ USD, tăng gần 15 lần so với năm 1990. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ EU là ô tô, xe máy, phân bón, sắt thép, xăng dầu, máy móc thiết bị phụ tùng. Nhìn chung, khoảng 55% kim ngạch nhập khẩu từ EU là máy móc trang thiết bị cho những ngành kỹ thuật cao, 20% là hóa chất và tân dược. Tuy nhiên, trong quan hệ thương mại với EU hiện nay, Việt Nam vẫn là nước xuất siêu khá lớn, trong khi nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ EU còn rất nhiều, nhất là những mặt hàng máy móc thiết bị phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam mà EU đang có nhiều tiềm năng và thế mạnh.

Về đầu tư: EU là nhà đầu tư sớm vào Việt Nam sau khi nước ta ban hành luật đầu tư nước ngoài vào năm 1987. Tính từ ngày 1-1-1988 đến ngày 10-10-2002 đã có 11 trong số 15 nước thành viên EU có dự án đầu tư vào nước ta. Chỉ tính số các dự án đang còn hiệu lực thì hiện có 315 dự án với số vốn đăng ký 5,9 tỉ USD, doanh thu trên 5,3 tỉ USD so với 3.524 dự án và 39,03 tỉ USD tổng vốn đầu tư của các nước vào Việt Nam⁽³⁾. Với những ưu thế về tài chính và công nghệ, hầu hết các dự án đầu tư tại Việt Nam của EU được triển khai tương đối tốt, hoạt động có hiệu quả. Hiện nay, đầu tư của EU có mặt trên hầu hết các lĩnh vực và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế của Việt Nam. Các dự án của EU đã đạt mức doanh thu 3,1 tỉ USD và thu hút 2,3 vạn lao động, góp phần bổ sung nguồn vốn và công nghệ cho đầu tư phát triển

tăng thêm năng lực sản xuất mới cho nền kinh tế, tạo thêm việc làm và bước đầu có đóng góp cho nguồn thu ngân sách.

Viện trợ phát triển chính thức (ODA): Trong thời kỳ 1991-1995, ODA của EU cho Việt Nam tập trung vào 7 lĩnh vực chủ yếu: phát triển nông thôn và viện trợ nhân đạo, môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, hợp tác kinh tế, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ, hỗ trợ các đối tác đầu tư của cộng đồng châu Âu, hợp tác khoa học - công nghệ và viện trợ lương thực. ODA của EU dành cho Việt Nam đã tăng từ 3 triệu ECU/năm trong các năm 1994 - 1995 lên 5,2 triệu ECU/ năm trong các năm 1996 - 2000. Hiện nay, EU là nhà viện trợ không hoàn lại lớn nhất của Việt Nam (300 triệu Ô-rô, chiếm khoảng 20% giải ngân vốn ODA năm 2001). Năm 2002 tổng giải ngân các dự án chương trình của EU lên tới 311 triệu Ô-rô, tăng 4% so với năm 2001. Trong tổng giải ngân năm 2002, viện trợ không hoàn lại chiếm khoảng 78%, còn lại 22% là các khoản cho vay và tín dụng⁽⁴⁾. Năm 2004, EU dành ODA cho Việt Nam là 625 triệu USD; năm 2005, EU cam kết viện trợ 960 triệu USD. Ngoài ra, EU còn viện trợ thông qua chương trình "Chỉ giới quốc gia" giai đoạn 2002 - 2004 với số tiền lên đến 128 triệu Ô-rô và trong 2 năm 2005 - 2006, EU tiếp tục hỗ trợ cho Việt Nam theo chương trình này với số tiền lên đến 138 triệu Ô-rô⁽⁵⁾. Mục đích của chương trình là hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực và hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Ngoài hỗ trợ hợp tác và phát triển chính thức song phương đối với nước ta, các nước thành viên EU còn cung cấp nhiều khoản ODA lớn thông qua các tổ chức tài chính đa phương và các tổ chức khác. EU đang ưu tiên sử dụng viện trợ hợp tác kinh tế để hỗ trợ cải cách kinh tế và giảm những tác động xã hội

(3) "Quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam - EU", Báo Thương mại, ngày 6-7-2004

(4) Blue book, September 2003

(5) Thông tấn xã Việt Nam và Ủy ban châu Âu: Chương trình "Chỉ giới quốc gia 2005 - 2006", ngày 4-12-2004

của quá trình cải cách, đồng thời củng cố các lĩnh vực xã hội, chủ yếu là y tế và giáo dục, xóa đói giảm nghèo ở những vùng nông thôn và miền núi, hỗ trợ bảo vệ môi trường.

Chiến lược phát triển hợp tác Việt Nam - EU giai đoạn 2001 - 2005 xuất phát từ những ưu tiên của cả hai phía, phục vụ tốt nhất lợi ích, sự phát triển lâu dài và bền vững của cả hai bên. EU đang tích cực hỗ trợ Việt Nam xây dựng nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

2 - Quan hệ Việt Nam - EU trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay

Chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được bắt đầu ngay từ khi thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế đất nước. Với việc ban hành Luật Đầu tư nước ngoài (tháng 12-1987), Việt Nam đã chính thức thực hiện chính sách mở cửa kinh tế. Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định rõ *"Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường"* (6). Ngày 27-11-2001, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 07-NQTU về hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là định hướng quan trọng cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong thời kỳ mới. Nhờ việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam đã tăng nhanh chóng. Đến nay nước ta đã ký 86 hiệp định thương mại song phương, 46 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư và 40 hiệp định tránh đánh thuế hai lần với các tổ chức và vùng lãnh thổ; có quan hệ thương mại với trên 160 nước và vùng lãnh thổ, thiết lập quan hệ với các tổ chức và tài chính tiền tệ quốc tế; là thành viên của *Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)*, đang tích cực cho việc gia nhập *Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)*.

Thu hút đầu tư nước ngoài cũng đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đến nay, nước ta đã thu hút được trên 41,538 tỉ USD vốn đầu tư từ 64 quốc gia và vùng lãnh thổ, với trên 4.370 dự án, trong số đó đã thực hiện trên 24,658 tỉ USD. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài có vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta, chiếm gần 30% vốn đầu tư xã hội, 35 % giá trị sản xuất công nghiệp, 20% xuất khẩu, giải quyết việc làm cho khoảng 40 vạn lao động và hàng chục vạn lao động gián tiếp, tranh thủ được kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, tranh thủ được nguồn ODA ngày càng lớn, giảm đáng kể nợ nước ngoài. Trong bối cảnh nguồn ODA của thế giới giảm sút, các nhà tài trợ đã cam kết dành cho Việt Nam gần 20 tỉ USD, chủ yếu cho vay ưu đãi và một phần là viện trợ không hoàn lại.(7)

Với việc thực hiện chính sách mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu tích cực. EU là một trong những đối tác quan trọng bậc nhất, trong thời gian qua đã hỗ trợ tích cực công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta. Trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động hiện nay, EU mở rộng và xu hướng tăng cường hợp tác Á - Âu cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, quan hệ kinh tế Việt Nam - EU đang có nhiều cơ hội để tăng cường hơn nữa. EU sẽ ngày càng có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

Ngày 1-5-2004, Liên minh châu Âu mở rộng sang phía Đông. Đây là sự kiện không chỉ có ý nghĩa to lớn với EU, mà còn tác động đến thế giới nói chung và quan hệ Việt Nam - EU nói riêng. Đây là lần mở rộng lớn nhất của EU từ trước tới nay với việc kết nạp thêm 10 thành viên mới, dân số tăng thêm 75 triệu người, bằng 20% dân số hiện có, diện tích lãnh thổ tăng thêm 34%. Trong số các nước gia nhập

(6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 43

(7) Xem: *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia. Hội nhập kinh tế quốc tế - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hà Nội, 2004

EU lần này hầu hết là những nước có quan hệ truyền thống lâu đời với Việt Nam, những nước Đông Âu từng là thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế trước đây.

Việc tổ chức thành công rực rỡ Hội nghị Thượng đỉnh ASEM 5 vừa qua tại Hà Nội cùng với việc hoàn tất đàm phán song phương Việt Nam - EU trong việc gia nhập WTO của Việt Nam đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta. Thông qua Hội nghị này, Việt Nam đã khẳng định với các đối tác Á - Âu và thế giới về những thành tựu phát triển kinh tế đất nước cũng như hội nhập kinh tế quốc tế của mình. Việt Nam đã ký 45 văn kiện hợp tác song phương với nhiều quốc gia khác nhau. Các hiệp định được ký kết đã khẳng định đường lối hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và các nước đều tiếp tục ủng hộ nước ta trong việc hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó có việc gia nhập WTO. Kết thúc đàm phán thương mại song phương giữa Việt Nam và EU về Việt Nam gia nhập WTO có ý nghĩa hết sức quan trọng, thể hiện vai trò và sự ủng hộ của EU đối với nước ta trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Sự kiện này đánh dấu bước tiến đáng kể trong quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và EU. Theo ý kiến của Bộ trưởng Thương mại Trương Đình Tuyển, thì thỏa thuận với EU mang ý nghĩa chiến lược. Còn Ngài Pa-xcan La-my, Cao ủy Thương mại EU cho rằng việc kết thúc đàm phán thương mại song phương giữa Việt Nam và EU là sự kiện có ý nghĩa quan trọng diễn ra khi các nhà lãnh đạo ASEM kết thúc thành công cuộc gặp cấp cao, khẳng định lại EU luôn cố gắng thúc đẩy để Việt Nam sớm gia nhập WTO.

Bên cạnh đó, việc EU quyết định bãi bỏ hạn ngạch dệt may của Việt Nam vào thị trường EU cuối năm 2004 có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với quan hệ Việt Nam - EU. Theo thỏa thuận giữa EU và Việt Nam (ngày 3-12-2004), kể từ ngày 1-1-2005 hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU không còn bị quản lý bằng hạn ngạch, các nhà kinh doanh có thể chủ động ký kết hợp đồng sản

xuất xuất khẩu hàng dệt may sang EU với số lượng và chủng loại hàng không hạn chế. Đây là cơ hội lớn cho hàng dệt may nước ta, nhưng đồng thời cũng là thách thức rất lớn đối với các doanh nghiệp dệt may trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa và các chiến lược thâm nhập, mở rộng thị trường trong điều kiện mới.

Như vậy, trong bối cảnh EU mở rộng và xu hướng tăng cường hợp tác Á - Âu cả về chiều rộng và chiều sâu, để tăng cường quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - EU, nước ta cần tập trung giải quyết những vấn đề chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, trong trao đổi thương mại hiện nay với EU-25, nước ta có thể đẩy mạnh hơn nữa mức xuất khẩu bởi những mặt hàng xuất khẩu vào EU của chúng ta có rất nhiều lợi thế có thể cạnh tranh được với các đối thủ khác nếu như chất lượng hàng hóa được gia tăng. Nhập khẩu của nước ta từ thị trường EU hiện nay còn hết sức nhỏ bé, trong khi những mặt hàng máy móc thiết bị công nghệ cao mà EU có thể mạnh chúng ta đang rất cần. Vậy nên, vấn đề quan trọng là tìm ra được cơ chế để thực hiện nhu cầu này.

Thứ hai, hệ thống luật pháp của EU mở rộng rất đa dạng và phức tạp. Do vậy, việc nghiên cứu đầy đủ về thị trường EU, tìm ra con đường để đưa hàng hóa Việt Nam thâm nhập một cách có hiệu quả vào thị trường này là hết sức cần thiết. Hiện nay, hàng hóa nước ta vào thị trường EU còn phải qua nhiều trung gian, và có khoảng 70 - 80% mặt hàng dệt may và giày da của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU là gia công cho các công ty ở nước ngoài. Điều đó làm giảm khả năng cạnh tranh hàng hóa của nước ta ở thị trường này.

Thứ ba, tiếp tục đổi mới doanh nghiệp, nâng cao khả năng cạnh tranh hàng hóa của Việt Nam trên thị trường thế giới nói chung và đáp ứng đòi hỏi khắt khe của thị trường EU nói riêng; tăng cường các biện pháp xúc tiến thương mại; cải thiện môi trường đầu tư trong nước; để đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài từ EU mở rộng.

Thứ tư, khai thác triệt để thị trường các nước Trung và Đông Âu trong điều kiện mới, để mở rộng hơn nữa quan hệ thương mại, đầu tư với khu vực này, biến thị trường truyền thống các nước Đông Âu thành những "cửa khẩu" thâm nhập hàng hóa của Việt Nam vào thị trường EU. Đồng thời có chính sách hỗ trợ phát huy hiệu quả vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở Đông Âu, với vai trò cầu nối quan hệ giữa Việt Nam với các nước này nói riêng, với EU nói chung.

Thứ năm, trong bối cảnh tăng cường hợp tác Á - Âu, nhất là sau khi ASEM mở rộng, cần khai thác triệt để cơ chế hợp tác mới và những định hướng hợp tác ưu tiên trong ASEM, thông qua các diễn đàn và hội nghị ASEM để phát huy quan hệ Việt Nam trong nhiều khuôn khổ hợp tác khác nhau. Tận dụng những cơ hội trong việc triển khai chiến lược châu Á mới của EU. Tháng 7-2003, Ủy ban châu Âu đã đề xuất sáng kiến thương mại xuyên khu vực EU - ASEAN. Với tư cách là thành viên của ASEAN và ASEM, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội khai thác những điều kiện thuận lợi để phát triển quan hệ với EU mở rộng.

Rõ ràng, những giải pháp tận dụng cơ hội để phát triển mạnh mẽ quan hệ kinh tế, thương mại với EU - đối tác kinh tế lớn trong điều kiện mới - đang là nhiệm vụ quan trọng đối với nước ta. Triển vọng phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - EU trong thời gian tới, phụ thuộc rất nhiều vào việc Việt Nam và EU khai thác triệt để những cơ hội đang thay đổi trên quốc tế cũng như bản thân mỗi phía và vượt qua được những thách thức đang đặt ra hiện nay. Trong chiến lược phát triển những năm tới nhằm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là một trong những nội dung được ưu tiên của Việt Nam. Trước mắt, nước ta đang nỗ lực thực hiện những cam kết trong lộ trình tham gia Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), tích cực chuẩn bị các điều kiện để sớm gia nhập WTO, đồng thời thực hiện tốt các cam kết quốc tế với tư cách là thành viên của các tổ chức và diễn đàn khác. □

VĂN GIANG...

(Tiếp theo trang 56)

đời sống kinh tế - xã hội khởi sắc. Việc quy hoạch lại diện tích canh tác phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế không thể diễn ra suôn sẻ nếu không phát huy tốt dân chủ. Mọi người dân tham gia góp ý xây dựng các dự án liên quan. Để tạo nên sự đồng thuận cao, lãnh đạo các cấp đã tiến hành giải thích cặn kẽ các chủ trương, làm cho người dân thấy rõ lợi ích của mình trong việc thực hiện các chủ trương đó; đồng thời, có những giải pháp hợp lý để thu hẹp sự bất bình đẳng giữa các cá nhân. Và điều không thể thiếu là vai trò đầu tàu gương mẫu của đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong thực hiện nhiệm vụ. Các đồng chí lãnh đạo ở nhiều đơn vị xung phong nhận về mình những điều kiện khó khăn; có nơi các đồng chí hăng hái dẫn đầu trong việc áp dụng những kỹ thuật mới trong sản xuất, kinh doanh. Điều đó có tính thuyết phục rất lớn với quần chúng nhân dân.

Điều cần nhấn mạnh là những định hướng lớn trong phát triển của địa phương đều được đưa ra để nhân dân bàn bạc, góp ý kiến. Điều đó tạo nên tính thống nhất trong hành động, đồng thời xây dựng và củng cố tình cảm gắn bó trong mỗi cộng đồng và giữa quần chúng với cán bộ. Chính sự thông suốt về các quyền lợi và nghĩa vụ của mọi người dân là yếu tố làm nên những thành công trong việc hiện thực hóa các chủ trương của huyện chúng tôi.

Nhìn lại 5 năm qua, kể từ khi tái lập huyện đến nay, Đảng bộ và nhân dân Văn Giang càng nhận thức rõ ràng, chỉ có phát huy tốt tinh thần đoàn kết trong toàn Đảng bộ, sáng tạo trong chủ trương và hành động, động viên nhân dân hăng hái phát triển sản xuất và thực hiện tốt các chính sách xã hội chính là bảo đảm cho sự vững mạnh toàn diện, tiếp tục giữ vững định hướng đưa Văn Giang đạt những thành tựu mới, góp phần trong sự phát triển chung của tỉnh Hưng Yên và đất nước. □



ĐƯ LUẬN QUỐC TẾ ỦNG HỘ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM/ĐI-Ô-XIN VIỆT NAM *

TRONG những ngày đầu tháng 3-2005, các hãng thông tấn, báo chí ở Mỹ và một số nước đã đưa đậm tin về vụ kiện các công ty hóa chất Mỹ của các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam.

Diễn biến phiên tranh tụng

Ngày 1-3-2005, phiên tranh tụng đầu tiên của vụ kiện 37 công ty hóa chất Mỹ của các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam (diễn ra trong hơn 8 giờ, vượt hơn 1 giờ 30 phút so với thời gian quy định) đã kết thúc tại Tòa án Liên bang Mỹ ở quận Brúc-lin. Tuy chưa có phán quyết cuối cùng, nhưng tiếng chuông công lý đã được gióng lên ngay trên đất Mỹ.

50 luật sư đại diện cho các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam, các công ty hóa chất Mỹ và các cựu chiến binh Mỹ bị nhiễm chất độc da cam trong chiến tranh Việt Nam đã tham dự phiên tranh tụng.

Tham dự phiên tranh tụng còn có bà Phan Thị Phi Phi, nạn nhân chất độc da cam, đại diện cho các nạn nhân khởi kiện. Bà Phan Thị Phi Phi cho biết, bà đã làm việc tại một khu vực bị rải dày đặc chất khai quang và đã bốn lần bị sảy thai vào đầu những năm 70 của thế kỷ XX. Bà nói: "Chúng tôi không biết điều gì đã xảy ra với chúng tôi và nguyên nhân của nó là gì. Do vậy, chúng tôi rất buồn vì nhiều lần bị sảy thai và đã không thể có con". Luật sư của bà Phi Phi, C. Cô-cô-rít, bình luận thêm: "Cho đến nay, nhân dân Việt Nam vẫn tiếp tục bị nhiễm bệnh do ăn và uống phải thức ăn và nước uống bị ô nhiễm".

Chánh án G. Uên-xtên đã hoan nghênh sự có mặt của bà Phan Thị Phi Phi tại phiên tòa.

Các nhà khoa học cho biết, chất khai quang có thể gây ra bệnh ung thư, bệnh tiểu đường, quái thai và những căn bệnh khác. Mặc dù, có đến 300 triệu USD đã được trả cho những cựu binh Mỹ tham chiến ở Việt Nam, nhưng chưa hề có sự bồi thường nào cho nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam. Từ năm 1962 đến năm 1971, có khoảng hơn 21 triệu ga-lông (tức là 79,38 triệu lít; 1 ga-lông Mỹ = 3,78 lít) chất hóa học độc hại đã được rải xuống Đông - Nam Á.

Các luật sư của bên nguyên và bên bị đã trình bày các lập luận pháp lý liên quan đến hiệu lực pháp lý của đơn kiện của các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam và trách nhiệm pháp lý phải bồi thường của các công ty hóa chất Mỹ. Các luật sư bên bị đã trình Tòa những chứng cứ pháp lý dựa theo luật bảo vệ nhà thầu của chính phủ Mỹ, luật giới hạn thời gian khởi kiện (chỉ khởi kiện trong vòng 10 năm kể từ khi xảy ra vụ việc), luật giới hạn an toàn sản phẩm, và cho rằng, họ là những nhà thầu chỉ làm theo đơn đặt hàng của chính phủ Mỹ, do đó không thể chịu hoàn toàn trách nhiệm, và yêu cầu Tòa hủy bỏ đơn kiện của hơn 100 nạn nhân (đại diện cho hơn 3 triệu nạn nhân) chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam, nhằm tránh trách nhiệm pháp lý bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, các luật sư bên nguyên đã trình Tòa những bằng chứng pháp lý, khẳng định tính hợp pháp của các đơn kiện của các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam. Các luật sư của bên nguyên cũng dẫn thực tế

* Nguồn: In-tơ-nét...

rằng, sau chiến tranh thế giới thứ hai, những kẻ sản xuất khí gây ngạt, được sử dụng trong các trại tập trung của phát xít Đức, đã bị coi là tội phạm chiến tranh, và bác bỏ yêu cầu đòi hủy vụ kiện của các luật sư bên bị... Phiên tòa có thể sẽ phải kéo dài, do Chánh án G. Uên-xtên cho rằng, Tòa cần có thêm thời gian để nghiên cứu các bằng chứng pháp lý mà bên nguyên và bên bị đưa ra. Các luật sư tham dự phiên tranh tụng cũng nói rằng, Tòa cần cân nhắc thêm về những tình tiết mới nảy sinh tại phiên tranh tụng để quyết định có đưa vụ kiện ra xét xử hay không. Tuy nhiên, dù thế nào chăng nữa, các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam đã khẳng định, sẽ theo vụ kiện đến cùng.

Dư luận quốc tế ủng hộ nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam

Vụ kiện của các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam đã thu hút sự quan tâm của dư luận quốc tế. Đã có rất nhiều tiếng nói ủng hộ quyền lợi hợp pháp của các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam.

Dư luận Mỹ, đặc biệt là các cựu binh Mỹ, đã đặc biệt quan tâm và ủng hộ nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam. Tại phiên điều trần, các luật sư đại diện cho các cựu binh Mỹ bị nhiễm chất độc da cam đã đưa ra các bằng chứng cho thấy, các công ty hóa chất Mỹ đã che giấu tác hại của chất độc da cam, đặc biệt là đi-ô-xin được sản xuất và cung cấp cho quân đội Mỹ với nhãn hiệu là chất khai quang. *Chủ tịch Hội Cựu chiến binh vì hòa bình Mỹ* khẳng định: "Các nạn nhân Việt Nam đang tham gia vào vụ kiện tương tự như vụ kiện của các cựu chiến binh Mỹ trước đây. Điều đó là công bằng. Nếu những cựu chiến binh Mỹ bị ảnh hưởng bởi chất độc da cam được bồi thường thì những nạn nhân Việt Nam cũng phải nhận được sự quan tâm đặc biệt".

Quỹ hòa giải và phát triển Đông Dương (FRD), một tổ chức phi chính phủ Mỹ, đã lên tiếng kêu gọi chính phủ và các công ty hóa chất Mỹ nhận trách nhiệm về những hậu quả mà các loại hóa chất gây ra với con người và thiên nhiên Việt Nam. FRD tuyên bố sẽ ủng hộ

quyền lợi cho các nguyên đơn Việt Nam. Hiện nay, Phó Chủ tịch FRD, bà S. Ha-môn, đang giúp bà Phan Thị Phi Phi, đại diện cho các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam tham gia khởi kiện, tham dự các buổi thảo luận bàn tròn, các cuộc nói chuyện tại một số trường đại học lớn và tại các tổ chức hữu nghị ở Đông - Bắc Mỹ về tác hại của chất độc da cam đối với con người và môi trường Việt Nam.

Chiến dịch trách nhiệm và cứu trợ nạn nhân chất độc da cam Việt Nam (VAORRC), một tổ chức của các cựu binh Mỹ đã từng tham gia chiến tranh Việt Nam, trong Tuyên bố báo chí ngày 28-2-2005 nêu rõ: "VAORRC ủng hộ vụ kiện của các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam đối với các công ty hóa chất Mỹ". Chị M. Rát-nơ, một trong những người sáng lập VAORRC cho biết, chiến dịch ủng hộ sẽ diễn ra cho đến khi các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam đòi được công lý.

Đại diện Trung tâm các quyền hiến pháp Mỹ, một tổ chức phi chính phủ, cũng đã đưa ra những lập luận pháp lý, ủng hộ đơn kiện của các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam. Trong khi đó, *kết quả của một cuộc thăm dò* cho thấy, có 51,4% số người Mỹ cho rằng, Chính phủ Mỹ phải bồi thường cho các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam.

Ngay sau khi phiên tranh tụng kết thúc, *Đài phát thanh ABC* (Ô-xtrây-li-a) nhận định, vụ kiện của các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam đã trở thành một phép thử quan trọng các tòa án Mỹ và đang được các chuyên gia luật pháp quốc tế cũng như nhiều tổ chức xã hội trên toàn thế giới theo dõi sát sao.

Đài truyền hình KBS (Hàn Quốc), trong mấy ngày đầu tháng 3-2005, đã đưa diễn biến cuộc tranh tụng giữa các đoàn luật sư đại diện cho bên nguyên, bên bị, chính quyền Mỹ và những nhận xét ban đầu của Chánh án G. Uên-xtên. KBS đặc biệt lưu ý việc Bộ Tư pháp Mỹ yêu cầu tòa án tìm cách hủy bỏ vụ kiện, với lý do hậu quả của vụ án có thể đe dọa quyền phát động chiến tranh của tổng thống Mỹ!

Tờ *Dân tộc* (Hàn Quốc), số ra ngày 3-3-2005, đã đăng bài giới thiệu diễn biến phiên tranh tụng đầu tiên và dư luận Mỹ xung quanh vụ kiện này.

Bài báo bình luận rằng, lý lẽ của các công ty hóa chất Mỹ cho rằng luật quốc tế dành cho họ quyền miễn trừ về hình sự và dân sự vì họ chỉ thi hành mệnh lệnh của chính phủ Mỹ là không vững. Bởi vì, những kẻ đứng đầu các công ty hóa chất Đức sản xuất chất độc dùng cho các trại tập trung của phát xít Đức đã bị kết tội. Năm 1984, tòa án Mỹ cũng đã xét xử vụ các cựu binh Mỹ tham gia chiến tranh tại Việt Nam bị nhiễm chất độc da cam/đi-ô-xin kiện các công ty hóa chất Mỹ, và đã buộc 7 công ty hóa chất Mỹ phải bồi thường cho các cựu binh Mỹ 180 triệu USD.

Đài MBC, một trong ba kênh truyền hình lớn nhất Hàn Quốc, đã cử đoàn làm phim đến Việt Nam thực hiện phóng sự "Hành trình đi tìm công lý". Trong suốt hơn một tháng, đoàn làm phim đã hành trình dọc theo đất nước Việt Nam để gặp gỡ các nạn nhân chất độc da cam và các cựu chiến binh Việt Nam. S. Ki-u-hông, Biên tập viên của MBC, nói: "Chúng tôi cảm nhận được nỗi đau mà các nạn nhân chất độc da cam người Hàn Quốc cũng như người Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục gánh chịu".

Ngay sau khi phiên tranh tụng kết thúc, trong cuộc *trả lời phỏng vấn* chương trình "Thế giới ngày nay" của Đài phát thanh ABC (Ô-xtrây-li-a), ông C. Cô-cô-rít, *Luật sư của bà Phan Thị Phi Phi*, cho biết, hầu hết người dân Mỹ và nhiều nơi khác trên thế giới đều cho rằng, các nạn nhân Việt Nam đã bị đối xử bất công. Ông C. Cô-cô-rít tin tưởng, Tòa án Mỹ cũng có cùng quan điểm trên và sẽ ra phán quyết yêu cầu các công ty hóa chất Mỹ trả tiền đền bù cho các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam. C. Cô-cô-rít còn cho rằng, không chỉ dừng lại ở việc đền bù, các công ty hóa chất Mỹ còn phải có trách nhiệm

tham gia công việc dọn sạch các khu vực bị chất độc da cam/đi-ô-xin làm ô nhiễm để chất độc này không còn là mối đe dọa cho các thế hệ Việt Nam tương lai.

Trong khi đó, ông G. Mua-rơ, *đại diện cho đoàn luật sư bên nguyên*, cho biết, phiên tranh tụng lần này là cơ hội tốt để các luật sư đại diện cho các nạn nhân Việt Nam trình bày các chứng cứ mới nhất, buộc các công ty hóa chất Mỹ phải chịu trách nhiệm về các loại hóa chất độc hại mà quân đội Mỹ đã sử dụng ở Việt Nam trong thời gian chiến tranh. Ông G. Mua-rơ tin tưởng rằng, vụ kiện sẽ có kết quả khả quan và cho biết, ông cùng với các luật sư đại diện cho các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam sẽ tiếp tục theo đuổi vụ kiện đến cùng.

Nhân dịp tham dự phiên họp lần thứ 12 của Ủy ban định hướng của Nhà pháp luật Việt - Pháp, bà N. Guy-ê-di, *Quốc vụ khanh phụ trách Quyền các nạn nhân của Pháp*, nói: "Chính phủ Pháp ý thức rất rõ hậu quả của chất da cam/đi-ô-xin tại Việt Nam. Chúng tôi thông cảm sâu sắc với các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam. Và sắp tới, có một hội nghị rất lớn về hậu quả của chất độc da cam ở Việt Nam sẽ diễn ra tại Pháp..."

Phong trào ký tên ủng hộ các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam cũng nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của đủ mọi tầng lớp xã hội trong nước và quốc tế, với 11,5 triệu chữ ký. Ngoài ra, ông L. An-đi-xơ, *Tổng thư ký Hội Hữu nghị Anh - Việt*, còn tập hợp được gần 70 vạn chữ ký (trực tuyến trên mạng) ủng hộ các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam trong vụ kiện để gửi tới Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ, Tổng Thư ký Liên hợp quốc C. A-nan và Giám đốc Công ty sản xuất hóa chất Monsanto (Mỹ), nhằm giúp các nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin Việt Nam trong vụ kiện. □

TRỊNH CƯỜNG
(Tổng thuật)

HỘI NGHỊ CỘNG TÁC VIÊN TẠP CHÍ CỘNG SẢN

N GÀY 11-3-2005, tại Hà Nội, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản tổ chức Hội nghị Cộng tác viên năm 2004. Tới dự Hội nghị có 150 các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học, các nhà báo... là những cộng tác viên tích cực của Tạp chí.

Thay mặt Bộ Biên tập, GS, TS Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương báo cáo kết quả hoạt động của Tạp chí năm 2004 và nội dung, chương trình biên tập của Tạp chí năm 2005. Đồng chí nêu rõ kết quả, chất lượng mà Tạp chí đạt được trong những năm vừa qua có vai trò to lớn, sự đóng góp quan trọng của đội ngũ cộng tác viên. Năm vừa qua, trong tổng số 442 bài đăng trên Tạp chí Cộng sản có tới 75% là bài viết của cộng tác viên. Tạp chí luôn coi công tác cộng tác viên là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trước đây và sau này.

Về chương trình biên tập của năm 2005, đồng chí nêu những nội dung chính gắn liền với các ngày kỷ niệm và sự kiện quan trọng của đất nước, những vấn đề trong tổng kết lý luận, thực tiễn 20 năm đổi mới cũng như chuẩn bị văn kiện Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội X của Đảng. Đó là: Tiếp tục làm sáng tỏ những giá trị lý luận, thực tiễn và sự vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng; vấn đề xây dựng Đảng và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; đẩy mạnh việc giải quyết các vấn đề xã hội; đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, thù địch; xây dựng và củng cố an ninh - quốc phòng trong tình hình mới; góp phần làm sáng tỏ những quan điểm, đường lối, chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng ta trong bối cảnh quốc tế phức tạp hiện nay...

Ý kiến phát biểu của các cộng tác viên tại Hội nghị đều nhất trí đánh giá: trong năm qua, chất lượng của Tạp chí được giữ vững và nâng cao, nhiều bài của Tạp chí đáp ứng kịp thời được yêu cầu tuyên truyền những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; bám sát thực tiễn, góp phần tổng kết thực tiễn, đóng góp cho việc chuẩn bị những văn kiện Đại hội X và đại hội đảng bộ các cấp trong thời gian tới... Các cộng tác viên cũng thẳng thắn chỉ ra những thiếu sót của Tạp chí như: tính lý luận chưa cao, nhiều bài tổng kết thực tiễn chưa sâu sắc, nhiều nơi Tạp chí phát hành chưa đến với bạn đọc, kể cả đối với cấp ủy, các trường đại học... Một số đồng chí đề nghị Tạp chí tăng cường hơn nữa những bài viết có tính chất định hướng lý luận, thường xuyên có những bài đấu tranh với những quan điểm, tư tưởng sai trái, thù địch. Có ý kiến cho rằng cần duy trì đều chuyên mục Sinh hoạt tư tưởng...

Thay mặt cán bộ, phóng viên, biên tập viên của Tạp chí, đồng chí Tổng Biên tập cảm ơn những ý kiến đóng góp chân thành, thẳng thắn, tâm huyết của các cộng tác viên và mong rằng trong thời gian tới tiếp tục nhận được sự ủng hộ, cộng tác chặt chẽ hơn nữa của các đồng chí để Tạp chí Cộng sản hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu mới của đất nước và xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, của các cộng tác viên và bạn đọc gần xa. □

ĐOÀN CÁN BỘ TẠP CHÍ CỘNG SẢN THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

T RONG thời gian từ 15 đến 24-2-2005, đoàn cán bộ Tạp chí Cộng sản do PGS, TS Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng Biên tập Thường trực, dẫn đầu đã thăm và làm việc tại nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào theo lời mời của lãnh đạo Tạp chí A-lun-may trong chương trình hợp tác với Tạp chí Cộng sản.

Chuyến đi nhằm tiến hành trao đổi chuyên môn thường kỳ giữa hai tạp chí; đồng thời có những thu nhận bổ ích về thực tế xây dựng và phát triển đất nước của nhân dân các bộ tộc Lào dưới sự lãnh đạo

của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, nhằm góp phần củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, tình cảm keo sơn giữa nhân dân hai nước.

Làm việc với Ban Biên tập Tạp chí A-lun-may, hai bên trao đổi về tình hình mọi mặt của hai tạp chí, về vai trò và vị trí của mỗi tạp chí trong sự nghiệp xây dựng đất nước mình; đồng thời cùng bàn bạc để thúc đẩy mối quan hệ ngày càng bền chặt và có hiệu quả, thông qua việc giúp nhau đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trao đổi những kinh nghiệm quý báu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, để góp phần đúc rút lý luận xây dựng và phát triển của mỗi nước.

Trong thời gian ở Lào, đoàn đã thăm và làm việc tại Thủ đô Viêng-chăn và các tỉnh Xa-va-na-khet, Chăm-pa-xắc, Khăm-muộn. Đoàn được chứng kiến khí thế sôi động xây dựng đất nước của nhân dân Lào trong dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, chính đảng đại diện trung thành cho quyền lợi của nhân dân các bộ tộc Lào, người dẫn dắt sự nghiệp cách mạng của nhân dân Lào đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Cũng trong quá trình làm việc, đoàn đã được đồng chí Thong-xỉnh Tham-ma-vông, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Nhân dân Cách mạng Lào tiếp; đã thăm và trao đổi thân mật với đồng chí Mun-kẹo O-la-mun, Ủy viên Trung ương Đảng, Quyền Trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào.

Các đồng chí đều đánh giá cao mối quan hệ gần bó, hiệu quả giữa hai tạp chí, mong muốn hai bên tiếp tục nâng cao hơn nữa sự hợp tác giữa hai tạp chí, nhằm góp phần bồi đắp tình cảm đặc biệt giữa hai đảng và nhân dân hai nước. □

KHẮC PHỤC...

(Tiếp theo trang 58)

lãnh đạo thì doanh nghiệp khó tìm được hướng phát triển.

Có địa phương số doanh nghiệp nhà nước chỉ đếm đầu ngón tay, thế nhưng phần lớn doanh nghiệp được "sắp xếp" lại theo kiểu "góp gạo nấu chung", hay kiểu từ thiện "lá lành đùm lá rách", "chị ngã em nâng". Thực chất đó là kẻ giải tỏa, giữ "cái cốt" của doanh nghiệp nhà nước để được ưu đãi trong các chương trình, dự án, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất... Có doanh nghiệp loại nhỏ nhưng đến nay đã lỗ hàng tỉ đồng, không còn khả năng thanh toán vài chục tỉ, nhưng lãnh đạo doanh nghiệp vẫn "ung dung yên ngựa".

Tôi nghĩ rằng, tư tưởng cá nhân, tham nhũng, ỷ lại, bao cấp trong doanh nghiệp nhà nước không chỉ là xu hướng mà là một thực tế, làm cho không ít doanh nghiệp nhà nước không còn ra

doanh nghiệp nhà nước và cũng chẳng phải là doanh nghiệp tư nhân, mà là một sự núp bóng, trá hình để bòn rút của công. Thực tế đó đang cản trở việc thực hiện nghị quyết của Đảng về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, làm tăng thêm "nóng độ" của bốn nguy cơ mà Đảng ta từng chỉ rõ:

Để đấu tranh, khắc phục những tư tưởng trên, theo tôi, cần phải:

- Tiếp tục tuyên truyền có chiều sâu về đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế nhiều thành phần và vai trò doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Triệt để xóa bỏ tư tưởng bao cấp, bảo hộ... đối với doanh nghiệp nhà nước ngay cả trong việc đề ra chủ trương, chính sách chỉ đạo thực hiện, tạo ra "sân chơi bình đẳng" với các thành phần kinh tế khác trong kinh doanh, cạnh tranh và tuân thủ pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, nhất là dân chủ về kinh tế trong doanh nghiệp nhà nước, phát động các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ... để các tổ chức này phát huy quyền làm chủ của người lao động, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Kiên quyết đấu tranh với tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, thoái hóa về phẩm chất, tham nhũng, sống cơ hội, thực dụng... làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất, kinh doanh, cản trở thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Nhà nước. Cần có quy chế chặt chẽ khi tuyển chọn giám đốc trong doanh nghiệp nhà nước 100% vốn và doanh nghiệp cổ phần hóa có cổ phần chi phối của Nhà nước bảo đảm khách quan, dân chủ, đủ đức, tài. Có biện pháp hữu hiệu chống những biểu hiện cá nhân, thương mại hóa, hoặc dân chủ hình thức trong lựa chọn cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp. □

HUYỆN PHÚ BÌNH

Địa chỉ: Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên * Điện thoại: 0280 867 665



Bí thư: **NGÔ QUANG KHẢI**

Phú Bình là huyện trung du miền núi, là vành đai phía Nam của thành phố Thái Nguyên, cách thủ đô Hà Nội 60km. Địa thế bán sơn địa, có sông Đào và sông Cầu chảy qua. Phú Bình có nhiều đường giao thông ngang dọc chạy qua nối liền với nhiều vùng trong tỉnh và nhiều miền của đất nước, có tuyến đường 37 bắt đầu từ phía nam thành phố Thái Nguyên chạy dọc huyện sang tỉnh Bắc Giang gặp quốc lộ 1A. Phú Bình còn được biết đến là vùng ATK2 trong những năm kháng chiến chống Pháp, và đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân vào năm 1998. Huyện có 21 đơn vị hành chính (1 thị trấn và 20 xã) với các dân tộc: Kinh (là chủ yếu), Tày, Nùng, Hoa. Tổng diện tích toàn huyện là 240.000 ha, dân số là 135.000 người.

Năm 2004, Đảng bộ và nhân dân huyện Phú Bình đã nỗ lực trong công tác lãnh đạo chỉ đạo, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành cùng toàn thể nhân dân trong toàn huyện. Nền các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của huyện đều đạt và vượt mức kế hoạch.

* KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt: 7,48%
- Tổng giá trị sản phẩm nội huyện đạt: 416.035 triệu đồng.
- Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt: 14.129 triệu đồng.
- Thu ngân sách đạt 7.283,0 triệu đồng, bằng 103,29% kế hoạch (tăng 8,0% so với cùng kỳ năm 2003).
- Thu nhập bình quân đầu người đạt: 3 triệu đồng/người/năm.

* CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ:

- Sản xuất nông lâm nghiệp đạt: 69,39% (giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2003). Là huyện có tiềm năng sản xuất lương thực và có sản lượng chăn nuôi hàng đầu của tỉnh Thái Nguyên đồng thời có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, là điểm đến thuận lợi cho các nhà đầu tư trong những năm tới.
- Sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, xây dựng đạt: 10,48% (tăng 1,75% so với năm 2003).
- Ngành dịch vụ đạt: 20,13% (tăng 1,65% so với năm 2003).
- Toàn huyện có 1.758 cơ sở sản xuất với 3.040 lao động ở 13 ngành nghề khác nhau.

Công tác giao thông xây dựng đã được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm đúng mức và thường xuyên. Chỉ đạo lập và triển khai thực hiện các dự án, công trình đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng yêu cầu và đúng quy định của Nhà nước. Chủ yếu tập trung vào xây dựng các trường học, các công trình thủy lợi, dự án điện.

Công tác thương mại quản lý thị trường, dịch vụ: Hoạt động thương mại dịch vụ trên địa bàn tương đối ổn định, thị

trường hàng hóa phong phú, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Hiện tại toàn huyện có 1.297 cơ sở tham gia vào kinh doanh thương mại dịch vụ với 1.635 lao động.

* VĂN HÓA - XÃ HỘI, GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, Y TẾ:

- Công tác văn hóa, thông tin tuyên truyền: Huyện thường xuyên chỉ đạo bám sát nhiệm vụ kinh tế, xã hội của huyện, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn, ngăn chặn các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Toàn huyện đã có 272 nhà văn hóa, 9 làng văn hóa cấp tỉnh, 86 cơ quan đăng ký đạt tiêu chuẩn văn hóa.
- Công tác giáo dục đào tạo: Huyện quan tâm chú trọng đến chất lượng dạy và học tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất, củng cố trang thiết bị dạy và học cho các trường theo hướng chuẩn hóa, công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục THCS, toàn huyện có 12 trường chuẩn quốc gia.

* CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng trên cả 3 lĩnh vực: Chính trị, tư tưởng và tổ chức, chú trọng đổi mới nội dung và phương pháp lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quán triệt học tập và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng trong Đảng bộ được kịp thời tạo sự chuyển biến mới trong việc nâng cao nhận thức và thống nhất tư tưởng hành động trong Đảng bộ.
- Tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân trong toàn huyện ổn định, yên tâm lao động sản xuất kinh doanh, tin tưởng vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.
- Mở được 1 lớp Trung cấp lý luận chính trị, 1 lớp Sơ cấp chính trị, mở các lớp bồi dưỡng chính trị nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các ngành, đoàn thể, triển khai các nghị quyết chuyên đề. Tổng số mở được 30 lớp, số người tham gia học là 3.138 lượt người;
- Công tác phát triển Đảng: Kết nạp 236 người vào Đảng.



Nâng cấp đường giao thông nông thôn



Mùa bội thu



Công trình thủy lợi hồ chứa nước Tân Hòa

HUYỀN YÊN THẾ

Địa chỉ: Thị trấn Cầu Gồ - huyện Yên Thế - tỉnh Bắc Giang * ĐT: (0240) 876 257



Bí thư: BUI VĂN HẢI

Yên Thế là huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang, quê hương cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế chống thực dân Pháp từ năm 1884- 1913. Nhân dân Yên Thế sớm có tinh thần yêu nước, can củ trong lao động, sản xuất, trung dũng, kiên cường trong chiến đấu. Với những thành tích vẻ vang, năm 1999 cán bộ và nhân dân huyện Yên Thế đã vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Thực hiện nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XVIII của Đảng bộ huyện. Yên Thế đã đạt được nhiều chỉ tiêu quan trọng:

1. VỀ KINH TẾ:

Hầu hết các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đã đạt và vượt kế hoạch; kinh tế tăng trưởng khá cao, bình quân 8% năm 2004; công nghiệp tăng 43%, nông nghiệp được mùa toàn diện cả về năng suất, sản lượng. Trồng cây ăn quả tập trung trên 600 héc-ta, cho giá trị thu hoạch trên 60 tỉ đồng. Huyện có lợi thế đồi, rừng nên chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm phát triển mạnh. Trồng rừng và phong trào phủ xanh đất trống, đồi trọc ở Yên Thế thực hiện có hiệu quả, nâng tốc độ che phủ chiếm gần 50% đất tự nhiên.

2. VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI:

- Giáo dục, y tế, văn hóa-xã hội phát triển nhanh, tỷ lệ phòng học kiên cố từ bậc tiểu học trở lên đạt 58,7%, 100% trạm y tế có bác sỹ; 100% thôn, bản có đường ô tô và có điện lưới quốc gia phục vụ sản xuất và sinh hoạt, tỷ lệ điện thoại đạt gần 5 máy/100 dân. Hầu hết thôn bản có

nhà văn hóa, nhà mẫu giáo, đời sống văn hóa các dân tộc được cải thiện. Số gia đình nghèo giảm còn 13%; tỷ lệ dân số phát triển tự nhiên còn 1,1%. Tình hình chính trị- xã hội rất ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được xây dựng và củng cố vững chắc, nhân dân đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

- Yên Thế là mảnh đất giàu truyền thống và có nhiều cảnh quan đẹp: Lễ hội Yên Thế hàng năm vào ngày 16/03 kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Yên Thế, hiện nay khu vực nhà truyền thống đã được đầu tư, tu sửa và xây dựng khang trang. Cảnh quan khá phong phú: Rừng tự nhiên ở Xuân Lương, Canh Nậu được khôi phục, đã xuất hiện nhiều động vật hoang dã. Hồ Chùa Sùng, Suối Cáy, Chông Chénh, Đập Cầu Rẻ... là những nơi du lịch tuyệt đẹp và mang lại nhiều lợi ích cho sản xuất và môi trường.

3. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

- Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo các cấp ủy, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực

hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đến toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

- Chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ sở làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động thiết thực nhân các ngày lễ, ngày kỷ niệm lớn, các sự kiện trọng đại của dân tộc.

- Chỉ đạo mở 22 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ cho 2.444 đối tượng, đạt 100% kế hoạch năm. Trong đó: 09 lớp đạt thuộc khối Đảng với 802 người, 06 lớp cho khối chính quyền với 805 người, 06 lớp khối đoàn thể và MTTQ với 596 người, 01 lớp chuyên đề "Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam" có 151 người; Mở 303 lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng cho 288 quần chúng ưu tú.

- Ban thường vụ Huyện ủy đã xét kết nạp 117 người vào Đảng, đạt 106,3% kế hoạch năm.

- Tiếp tục chỉ đạo sắp xếp kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể trong huyện; làm tốt công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nguồn.



Lễ hội Yên Thế



Phát triển kinh tế vườn đồi



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
Electricity of Vietnam

18 Trần Nguyễn Hân - Hà Nội • Tel: (84 4) 8249 509 • Fax: (84 4) 8249 462 • Email: vp@evn.vn

Chúc mừng năm mới



*Điện lực Việt Nam
xin chân thành cảm ơn
sự ủng hộ và hợp tác của
Quý khách hàng!*

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010

Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đang thực hiện nhiệm vụ khai thác và phát triển các công trình nguồn điện, lưới điện truyền tải, phân phối nhằm đảm bảo cung cấp đủ điện cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và phục vụ đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước.

Với mục tiêu đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện với sản lượng 93 tỷ kWh năm 2010, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam cần tập trung đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành các nhà máy điện theo tổng số dự án chính "Quy hoạch phát triển Điện lực Việt Nam giai đoạn 2001-2005, có xét triển vọng đến năm 2020" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm đáp ứng đủ nhu cầu công suất điện năng và có tỷ lệ dự phòng nguồn từ 12-27%. Giai đoạn 2006-2010 sẽ có thêm 52 nhà máy điện với

tổng công suất 7.574MW được đưa vào vận hành, trong đó có 42 nhà máy thủy điện (kể cả các nhà máy thủy điện do doanh nghiệp ngoài ngành đầu tư) với tổng công suất là 4.827MW và 10 nhà máy nhiệt điện khí và than với tổng công suất là 5370MW. Đồng bộ với các nguồn điện mới, mạng lưới điện sẽ được phát triển ngay càng hoàn thiện. Đến năm 2010 sẽ có khoảng 5000 km đường dây truyền tải 500kV, và khối lượng lớn mạng lưới điện truyền tải và phân phối sơ cấp 220kV trở xuống.

Tổng số vốn đầu tư cần thiết để Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thực hiện các dự án cho giai đoạn 2006-2010 là 13.766 tỷ USD.

Chúc Quý khách hàng một năm mới

An Khang Thịnh Vượng!



Mỗi gia đình tất bật một bóng đèn 20W vào giờ cao điểm sẽ tiết kiệm vốn đầu tư cho nhà nước hơn 4000 tỉ đồng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN



Địa chỉ: Đường Lương Ngọc Quyến - thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0280 851 013 - 855 731; Fax: 0280 857 867

Nhiệm trưởng: NGUYỄN VĂN LỘC

Ngày 18 tháng 7 năm 1966 Chính phủ quyết định thành lập Trường đại học sư phạm Việt Bắc, tiền thân Trường đại học sư phạm Thái Nguyên ngày nay. Ngày 31 tháng 10 năm 1966 khóa học đầu tiên chính thức được khai giảng tại xã Phú Lạc (Đại Từ).

Năm 2003 -2004 Trường đại học Sư phạm Thái Nguyên đã giành được nhiều thành tích cao: Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển sinh ở tất cả các hệ chính quy, cử tuyển, tại chức và đào tạo theo địa chỉ với quy mô đại học: 17 chuyên ngành đào tạo; cao đẳng: 6 chuyên ngành đào tạo; cao học: 14 chuyên ngành với trên 13 nghìn sinh viên.

Tỷ lệ sinh viên đỗ tốt nghiệp loại khá, giỏi đã tăng từ 25% năm học trước lên 30%.

Sinh viên tham gia thi Olympic các môn Toán tin, Vật lý, Hóa học, Thể dục - thể thao đều đạt giải cao: 2 giải nhì, 7 giải 3 và 4 giải khuyến khích...

Hiện nay số cán bộ, giáo viên có học vị thạc sỹ và giảng viên chính trở lên xấp xỉ 70%, có khoa số giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên đạt 30% và gần 100% đạt trình độ thạc sỹ trở lên.

THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA TRƯỜNG

* Huân chương Độc lập hạng Ba.

* Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba.

* 10 cán bộ được phong tặng Nhà giáo ưu tú...

* Đảng bộ liên tục được công nhận đạt trong sạch, vững mạnh.

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC NINH

Địa chỉ: Khu Đất Mới - Võ Cường - Bắc Ninh * ĐT: 0241 821242 * Fax: 0241 850 106 * Giám đốc: ĐINH XUÂN ĐỖ

- Bệnh viện tỉnh Bắc Ninh với quy mô 450 giường bệnh, thực hiện chức năng của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh loại II.

- Bệnh viện có 30 khoa, phòng (6 phòng chức năng, 15 khoa lâm sàng, 9 khoa cận lâm sàng) và một nhà thuốc với tổng số 642 cán bộ công nhân viên.

Luôn nâng cao chất lượng phục vụ và trình độ đội ngũ CBCNV cùng với sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND, Sở Y tế tỉnh cùng sự chỉ đạo sát sao của Ban Giám đốc Bệnh viện năm 2004 Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh đã đạt được những kết quả sau:

☆ Khám bệnh được 174.791 lượt, đạt 104% so với kế hoạch; Bệnh nhân điều trị ngoại trú 7.149, đạt 204,3% so với kế hoạch; số giường thực hiện là 602 giường vượt 102 giường so với KH; Bệnh nhân điều trị nội trú 27.858 đạt 155,9% KH, trong đó có 6.613 bệnh nhân cấp cứu, chiếm 23,7% bệnh nhân vào điều trị, bệnh nhân mổ cấp cứu là 2.830 chiếm 66,7% tổng số bệnh nhân phẫu thuật; Tỷ lệ tử vong giảm 1,35% so với KH.

☆ Mặc dù, số người đến khám và điều trị rất đông, Bệnh viện luôn chú trọng chất lượng chuyên môn nên đã cứu sống được nhiều người bệnh hiểm nghèo như: Suy hô hấp,

suy tuần hoàn, sốc nhiễm khuẩn, cấp cứu ngộ độc, thở máy kéo dài... Đã phẫu thuật thành công một số trường hợp đa chấn thương, phối hợp với bệnh viện Răng hàm mặt thành phố Hồ Chí Minh và Bệnh viện RHM Việt Nam - Cu Ba phẫu thuật thành công 121 ca sứ môi hở hàm ếch...

☆ Công tác nghiên cứu khoa học ngày càng được chú trọng và nâng cao. Trong năm có 10 đề tài NCKH được tiến hành, (trong đó có một đề tài cấp bộ).

☆ Bên cạnh việc thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng cho CBCNV, thực hiện tốt nhiệm vụ của người thầy thuốc và thực hiện tốt 12 điều y đức, Ban lãnh đạo Bệnh viện cũng rất chú trọng đầu tư hệ thống trang thiết bị y tế hiện đại: Máy CT- Scanner, máy chạy thận nhân tạo, đưa công nghệ thông tin vào quản lý bệnh viện... Để Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh ngày càng thực hiện tốt hơn nhiệm vụ cao cả của mình.



ISO 9001:2000

TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM CÔNG TY CAO SU ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ: Xã Thuận Phú - Huyện Đồng - Tỉnh Bình Phước * Điện Thoại: (0651) 819 786- 819 709
Fax: (0651) 819 620 * Email: doruco.bpc@hcm.vnn.vn - Web site: http://doruco.com.vn

Công ty Cao-su Đồng Phú tiền thân là đồn điền thuận lợi của Công ty Michelin (Pháp), được hình thành vào khoảng tháng 6 năm 1927 và được tái thành lập vào ngày 21 tháng 5 năm 1981. Với diện tích trên 9000 ha cao-su, trong đó hơn 8.000 ha đã đưa vào khai thác, sản lượng hàng năm trên 14.000 tấn. Sản phẩm cao su thiên nhiên của Công ty đạt tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế: SVR 3L - SVR 5 - SVR 10 - SVR 20 - SVR CV50 - SVR CV60-LATEX

Công ty Cao-su Đồng Phú quản lý sản phẩm theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 đã được tổ chức QMS (Australia) và QUACERT (Việt Nam) cấp giấy chứng nhận. Sản phẩm của Công ty Cao-su Đồng Phú được tiêu thụ ở các nước và vùng lãnh thổ như: Pháp, Bỉ, Hà Lan, Anh, Tây Ban Nha, Xi-lô-va-ki-a, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Đài Loan,

Trung Quốc, Úc, Niu-Di-Lân, Ca-na-đa, Mỹ... Qua các khách hàng truyền thống như: SMPT (Michelin), Saficalcan (Pháp), Tae Young (Hàn Quốc) và các công ty trong nước.



Chúc Mừng Năm Mới 2005

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY CAO SU ĐỒNG PHÚ LUÔN THỎA MÃN MỌI YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG TRONG COUNTRY NHƯ NGOÀI NƯỚC



CÀ PHÊ ĐẮK UY DAKUY COFFEE COMPANY (DACCOTEX)

Địa chỉ: Xã Hà Môn-huyện Đak Hà-tỉnh Kon tum * ĐT: 060 922 045 - 922 036 * Fax: 060 922 009 * Giám đốc: **HOÀNG TRUNG QUÝ**



CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG

Sản xuất - chế biến - xuất khẩu cà-phê

- Tổng diện tích trồng cà-phê: 1.000 ha

- Năng suất cao nhất: 3,5 tấn nhân/ha

- Năng suất trung bình: 3 tấn nhân/ha

- Sản lượng: 2.000 tấn nhân/năm

- Công nhân trực tiếp sản xuất: 500 người

DÂY CHUYỀN THIẾT BỊ CHẾ BIẾN

- Dây truyền chế biến ướt, công suất 20

tấn/giờ

- Dây truyền chế biến khô, công suất 12

tấn/giờ

- Công ty có kho chứa hàng:

- Kho tại Công ty có sức chứa 5.000 tấn
Hoạt động xuất khẩu

- Quy mô: 5.000-7.000 tấn cà-phê/năm
KHENTHƯƠNG

* Công ty vinh dự đón nhận:

- Huân chương Lao động hạng Ba

- Cờ thi đua Chính phủ

- Bằng khen Bộ NN& PTNT

- Bằng khen Tổng Công ty Cà-phê Việt Nam

- Cờ thi đua và nhiều bằng khen của Tỉnh

* Đồng chí Giám đốc được khen thưởng:

- Huân chương Lao động hạng Ba

- Bằng khen Chính phủ

- 03 Bằng Lao động sáng tạo

- Nhiều huân chương, huy chương bằng

khen của Bộ, ngành, Đảng, đoàn thể.

- 20 năm liên chiến sỹ thi đua cấp cơ sở tỉnh

Kon Tum Tổng Công ty Cà-phê Việt Nam

KẾ HOẠCH TRỒNG TRỌT VÀ KINH

DOANH TRONG TƯƠNG LAI:

Đầu tư công nghệ sau thu hoạch nâng cao

chất lượng sản phẩm, phần đầu cà-phê loại 1 chiếm 40%, cà-phê loại 2A chiếm 50% đạt và vượt chỉ tiêu chuẩn TCTVN 41932001 hạ giá thành sản phẩm, giữ vững diện tích cà-phê hiện có.

HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU:

Quy mô 5.000 - 7.000 tấn cà-phê/năm

* Tài khoản: Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Kon Tum số: 431101000001

(88 Trần Phú thị xã Kon Tum - tỉnh Kon Tum)

* Tài khoản: Ngân hàng Ngoại thương Gia Lai:

+ Tài khoản USD số: 0051371001799

+ Tài khoản VNĐ số: 0051001001781

(12 Trần Hưng Đạo - Thành phố Pleiku - tỉnh Gia Lai)

+ Mã số thuế: 6100105208

Sản phẩm của công ty đã chiếm được thị phần ở các thị trường Bỉ: 70%; Niu Di Lân: 10%; CHLB Đức: 10%; I-ta-li-a, Israel và Xi-lô-ve-ni-a.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SƠN LA

ĐỊA CHỈ TẠI SƠN LA: Tổ 3, phường Chiềng Lẻ, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La * Điện thoại: 022 850 031; Fax: 022 859 662
ĐỊA CHỈ TẠI HÀ NỘI: D11 Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội * Điện thoại: 04 5 541 378 * Fax: 04 5 541 371

DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SƠN LA

1. Chủ đầu tư: Tổng Công ty Điện lực Việt Nam

2. Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La

Trưởng ban: **VŨ ĐỨC THÌN**

MỤC TIÊU DỰ ÁN:

- Cung cấp nguồn điện năng để phát triển kinh tế xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Góp phần chống lũ về mùa mưa và cung cấp nước về mùa kiệt cho đồng bằng Bắc Bộ.
- Góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc.

CÁC THÔNG SỐ CHÍNH CỦA CÔNG TRÌNH:

- Diện tích lưu vực: 43.760 km²
- Dung tích toàn bộ hồ chứa: 9,26 tỉ m³
- Dung tích chống lũ cho hạ du: 7,0 tỉ m³ (kể cả hồ Hòa Bình)
- Dung tích hữu ích: 5,79 tỉ m³
- Mức nước dâng bình thường: 215m
- Công suất lắp máy: 2400 mw
- Điện lượng bình quân hàng năm: Eo = 10.227 tỉ kw/h
(Trong đó tăng cho thủy điện Hòa Bình 1,264 tỉ kw/h)
- Tổng mức đầu tư: 36.933.000 triệu VNĐ
(Chưa kể lãi vay trong thời gian xây dựng, theo giá quý III năm 2002, tỉ giá 1USD = 15.450 VNĐ).

TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:

- Năm 2004-2005 Chuẩn bị xây dựng, khởi công công trình chính vào cuối năm 2005.
- Phát điện từ máy số 1: Năm 2012
- Hoàn thành công trình: Năm 2015

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP INDUSTRIAL POLICIES AND STRATEGIES INSTITUTE (IPSI)

Viện trưởng: PGS. TS **PHAN ĐĂNG TUẤT**

TRỤ SỞ CHÍNH: 30C Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 04- 8 252 652 * Fax: 04 8 253 417 * Website: www.lps.gov.vn * Email: ips@hn.vnn.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

157P/A Tô Hiến Thành, phường 12, quận 10, TP. HCM * Tel: 08- 8 627 347

Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách công nghiệp là cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trực thuộc Bộ Công Nghiệp.

GỒM 07 PHÒNG BAN CHỨC NĂNG

1. Văn phòng
2. Phòng Nghiên cứu và Phát triển công nghiệp
3. Phòng Năng lượng
4. Phòng Thông tin, Hội trợ triển lãm và Xúc tiến thương mại
5. Phòng Môi trường và Phát triển công nghiệp bền vững

6. Phòng Bồi dưỡng cán bộ và Dịch vụ công nghiệp
7. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế

Với 02 đơn vị trực thuộc:

- + Trung tâm Công nghệ phần mềm công nghiệp
- + Trung tâm Tư vấn và chuyển giao công nghệ

Với kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, kinh nghiệm và nguồn thông tin tích lũy phong phú, IPSI sẵn sàng đảm nhận và hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước về nghiên cứu, triển

khai và tư vấn trên các lĩnh vực:

- Xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp theo ngành, vùng, địa phương và sản phẩm;
- Lập quy hoạch phát triển công nghiệp ngành, vùng, địa phương và sản phẩm;
- Xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp, tổ chức;
- Xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp bền vững;
- Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ và quản trị kinh doanh;
- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh doanh;
- Tổ chức hội chợ, triển lãm và xúc tiến thương mại;
- Nghiên cứu phát triển công nghệ phần mềm ứng dụng trong công nghiệp;
- Thực hiện hợp tác nghiên cứu và tổ chức các hội thảo quốc tế về công nghiệp;
- Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công nghiệp sẵn sàng thực hiện các hợp tác nghiên cứu nhằm thiết thực thúc đẩy phát triển công nghiệp Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM CÔNG TY LƯƠNG THỰC LONG AN

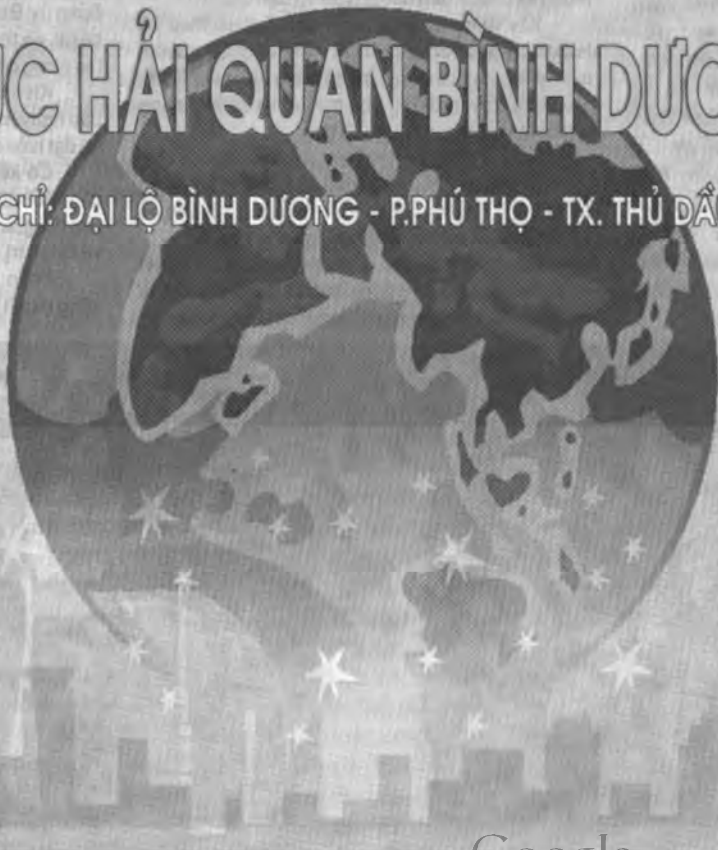
Địa chỉ: Số 10 đường Cử Luyện - P.5 - TX. Tân An - Long An * Tel: 072 821 990 - 823 716 - 826 100 * Fax: 072 826 566

XUẤT NHẬP KHẨU VÀ KINH DOANH LƯƠNG THỰC NỘI ĐỊA
NHẬP KHẨU: PHÂN BÓN, MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ NÔNG NGHIỆP
THIẾT KẾ CHẾ TẠO CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP
THIẾT KẾ THI CÔNG CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN CHUYÊN GIA KỸ THUẬT ĐIỆN, CƠ KHÍ, XÂY DỰNG
DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA
SẢN XUẤT, ĐÓNG MÓI CÁC LOẠI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI BẰNG ĐƯỜNG THỦY
KINH DOANH VẬT TƯ XÂY DỰNG VÀ BÊ-TÔNG TƯƠI
ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ KINH DOANH ĐỊA ỐC



CỤC HẢI QUAN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đại lộ Bình Dương - P. Phú Thọ - TX. Thủ Dầu Một





Thường vụ Đảng ủy trường



Ban Chấp hành Đảng ủy trường



Thường vụ Công đoàn trường

Trường vùng cao Việt Bắc sau 18 năm đổi mới, 45 năm xây dựng và trưởng thành đã đổi mới toàn diện về phương pháp đào tạo; ứng dụng thành công các đề tài khoa học về giảng dạy, giáo dục, quản lý và nâng cao hiệu quả đào tạo; đưa phương pháp dạy và học phát huy tính tích cực của học sinh đi vào nề nếp.

Khẳng định thành tích đạt được ở nhiệm kỳ thứ XVII và 18 năm đổi mới, toàn đảng bộ, cán bộ, giảng viên, công nhân viên và học sinh, sinh viên tiếp tục phát huy tinh thần dân chủ, sáng tạo, chất lượng, hiệu quả và phát triển vững chắc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phần đầu đưa nhà trường thành trường Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO *Việt Bắc*

Địa chỉ: Xã Quyết Thắng - thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0280.846 272 - 846 357; Fax: 0280.846357 * Hiệu trưởng: **ĐINH THỊ KIM PHƯƠNG**

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA NHÀ TRƯỜNG TRONG 3 NĂM (2003-2005)

Giáo dục tư tưởng và đạo đức cách mạng cho đảng viên và quần chúng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên tận tụy với sự nghiệp đào tạo học sinh các dân tộc.

Nâng cao năng lực đội ngũ, cán bộ giáo viên. Quan tâm bồi dưỡng cán bộ giáo viên trẻ và đội ngũ quản lý trẻ.

Thực hiện xã hội hóa giáo dục, nhằm tăng số lượng và chất lượng nguồn cán bộ dân tộc.

Xây dựng và phát triển nhà trường theo kế hoạch, trẻ hóa đội ngũ cán bộ Đảng và chính quyền, bồi dưỡng họ thành cán bộ có năng lực quản lý tốt, giữ vững truyền thống nhà trường và có khả năng phát triển trường vững mạnh hơn.

* Công tác xây dựng Đảng:

Duy trì nề nếp sinh hoạt của các chi bộ; đảng ủy có nghị quyết chỉ đạo nhiệm vụ hàng tháng để các chi bộ triển khai trong từng phòng, ban.

Đảng bộ tiếp tục quán triệt các nghị quyết quan trọng của Đảng đồng thời tổ chức học tập tư tưởng Hồ Chí Minh trong đảng bộ và nhà trường.

Tiếp tục phát hiện và bồi dưỡng quần chúng ưu tú để phát triển đảng viên mới.

Đảng viên luôn chấp hành tốt Pháp lệnh công chức, viên chức. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh và 100% đảng viên đủ tư cách trong nhiệm kỳ 18 (2003-2005).

* Công tác tổ chức cán bộ và xây dựng chính quyền.

Đảng ủy có trách nhiệm bồi dưỡng xây dựng người lãnh đạo nhà trường.

Các đồng chí được bầu vào Ban chấp hành Đảng ủy, Ban chấp hành chi ủy phải bảo đảm có đức có tài, có tinh thần trách nhiệm và năng động, sáng tạo trong công việc.

Kiện toàn bộ máy chính quyền trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc đảng lãnh đạo, bố trí và sử dụng cán bộ đạt hiệu quả công việc cao.

Có kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý các cấp. Bồi dưỡng nâng cao trình độ giáo viên. Cho cán bộ, giáo viên đi học các lớp dài hạn và ngắn hạn về chính trị, quản lý và đào tạo sau đại học.

Phần đầu tiếp tục đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh trong nhiệm kỳ 18 (2003-2005).



HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

Địa chỉ: TT. Vũ Thư - T. Thái Bình * Điện thoại: 036826 219 - 826 228

Bí thư: **NGUYỄN HỒNG DIỄN** * Chủ tịch: **PHẠM HỒNG BÀNG**



Nghe thêu truyền thống ở xã Minh Lăng

Trang trại nuôi cá, gia cầm ở xã Tân Bình

Vũ Thư nằm ở phía Tây Nam tỉnh Thái Bình, giữa hai thành phố Thái Bình và Nam Định, có diện tích 190,9km², có 30 xã và 01 thị trấn, dân số trung bình năm 2004: 229.906 người, Đảng bộ huyện có 73 tổ chức cơ sở đảng với tổng số 8.964 đảng viên, trong đó có 31 đảng bộ xã thị trấn, 42 đảng bộ, chi bộ sở trực thuộc.

Bốn năm thực hiện Nghị quyết đại hội 12 Đảng bộ huyện nhiệm kỳ (2001 - 2005) hầu hết các mục tiêu đã đạt và vượt, cụ thể là:

KINH TẾ

- Tổng giá trị tăng từ 844,9 tỉ đồng (năm 2000) lên 1 229 tỉ đồng (2004) tốc độ tăng bình quân 8,5%/năm giá trị sản xuất bình quân đầu người tăng từ 3,921 triệu đồng (năm 2000) lên 5,341 triệu đồng (năm 2004).

- Sản xuất nông lâm thủy sản: tập trung chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi.

- Trồng trọt áp dụng công thức xuân muộn, mùa sớm, mở rộng diện tích cây vụ đông, đẩy mạnh xây dựng cánh đồng giá trị sản xuất từ 50 triệu đồng/ha/năm trở lên, đưa giá trị trồng trọt từ 375,6 tỉ đồng (năm 2000) lên 410 tỉ đồng (năm 2004); giá trị thu nhập bình quân 1 ha (năm 2004) đạt 37 triệu đồng; thế mạnh của huyện là truyền thống trồng dâu nuôi tằm.

- Chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp quy mô gia trại, trang trại phát triển, nâng giá trị chăn nuôi từ 168,64 tỉ đồng (năm 2000) lên 244,7 tỉ đồng (năm 2004), hiện nay huyện có 2.350 gia trại và 64 trang trại.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp-xây dựng cơ bản phát triển khá. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển theo hướng tranh thủ sự đầu tư của các doanh nghiệp, đồng thời có cơ chế

khuyến khích phát triển làng nghề, xã nghề. XDCB tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển KT-XH, giao thông, thủy lợi, trường học, trạm xá... đưa giá trị sản xuất công nghiệp XDCB từ 152,46 tỉ đồng (năm 2000) lên 305 tỉ đồng (năm 2004).

- Dịch vụ thương mại phát triển đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống nhân dân: Giá trị dịch vụ thương mại tăng từ 184,4 tỉ đồng (năm 2000) lên 263 tỉ đồng (năm 2004). Huyện đã quy hoạch hai khu công nghiệp ở thị trấn Vũ và Tam Quang.

VĂN HOÁ - XÃ HỘI

- Giáo dục đào tạo: Có 14 trường tiểu học, 2 trường trung học cơ sở, 1 trường PTTH đạt chuẩn quốc gia, 100% trạm y tế xã có bác sĩ và được xây dựng kiên cố, 7 trạm y tế được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia, công tác chăm sóc SKND được quan tâm. Các chính sách xã hội được giải quyết tốt, đưa tỷ lệ hộ nghèo từ 13% (năm 2000) xuống 7% (năm 2004). Trong 2004, đã xóa được 321 nhà/588 nhà ở giọt nát cho hộ nghèo. Nhìn chung đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện đáng kể.

- Tình hình an ninh trật tự XH nhiều năm ổn định.

XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ:

Công tác xây dựng Đảng được triển khai toàn diện trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức. Làm tốt công tác triển khai học tập NQ của TW, tỉnh, huyện đến cán bộ đảng viên và nhân dân, thường xuyên, chú trọng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đẩy mạnh đấu tranh phê và tự phê. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, công tác phát triển Đảng, công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng được các cấp ủy thực sự quan tâm, gần 70% tổ chức cơ sở Đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

5/30



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ : 167 Đại lộ 30/4, Thị xã Tây Ninh - ĐT : 822327 - 827536



KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn và Hạnh Phúc

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Tài

Digitized by Google

